

LINH MỤC VŨ THÀNH

DÒNG MÁU ANH HÙNG



2020



LM. VŨ THÀNH

DÒNG MÁU ANH HÙNG

2020

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Nihil obstat.

Rev. Msgr. Dominic Mai Luong
Censor Librorum

Imprimatur

Most Rev. Philip M. Hanna, D.D., J.C.D.
Archbishop of New Orleans
June 24, 1987

LM. VŨ THÀNH
LỜI MỞ ĐẦU

Nén Hương Tưởng Niệm

Với lần tái bản này chúng tôi tưởng nhớ **Bà Cố Vũ Tụng, Nhũ danh Luxia Phạm Thị Nhị** mới từ giã chúng tôi ngày 22.10.2020 hưởng đại thọ 99 tuổi có cháu chít thất khăn đỏ đưa tiễn Bà Cố nằm yên nghỉ bên cạnh **Ông cố Phaolo** chết ngày 5.2.1987. Chúng tôi cũng tưởng nhớ **Lm. Louis Maria de Monfort Vũ Lâm** qua đời tại Louisiana năm 2010. Ngài là người vất vả in 3 tập Dòng Máu Anh Hùng khi tiếng Việt trên điện toán vừa mới khai sinh.

Khi in tập III của DMAH chúng tôi có viết một trong muôn vàn những người mang dòng máu anh hùng tử đạo Việt Nam có Cố Phaolo Vũ Tụng, sống đức tin và tuyên xưng đức tin giữa lòng gia đình và xã hội. Khi hay tin chúng tôi ấn hành bộ sách DMAH cố đã viết thư cho chúng tôi vào ngày Chúa Nhật Lễ kính Các Thánh Tử Đạo Việt Nam ngày 7.9.1986 như sau: *“Thức (em trai tôi ở Westminster) có nói thoáng qua anh Hai (tên trong gia đình gọi tôi) môn khóa học xong (cao học thần học truyền giáo Roma) lo tìm khảo cứu hồ sơ các thánh ruột thịt tử đạo. Toàn gia đình nhà ai nấy vui mừng, vì thật ra từ nhiều năm trước, khi hai anh lớn trong gia đình nhập học tu viện thì Thầy đã âm thầm kính các thánh, cách riêng Thánh Tịnh, Lý Mỹ và thầy giảng Anre Phú Yên. Ngoài ra cũng kính các thánh Maximilien Kolbe và Charles de Foucauld nữa”*.

Lần tái bản này sau khi tôi bị bệnh cancer lần thứ 2 tưởng như đã chết mà được cứu chữa cho sống. Nhiều người chia sẻ là tôi chưa chết được vì còn phải làm cho xong việc của Chúa. Tôi nghĩ là phải sống để làm lễ an táng cho Bà Cố nhưng tôi đã không có mặt trong ngày ấy. Tối thứ bảy ngày 14.11.2020 trước Chủ Nhật Kính Các Thánh Tử Đạo Việt Nam tôi nghiệm ra rằng tôi phải tái bản 3 cuốn sách này và viết cuốn thứ 4 cho trọn là “Con Đường của Các Thánh Tử Đạo” sẽ xong vào dịp kỉ niệm phong thánh năm tới trong khi đang dưỡng bệnh.

Thật vậy, những dòng cảm nghĩ của cố Phaolo đã nói lên hết cuộc sống của Cố mà anh em chúng tôi được vinh dự gọi là CHA. Trên bàn thờ trong nhà, ngoài các ảnh tượng, còn có 2 câu thánh kinh

DÒNG MÁU ANH HÙNG

quan trọng nhất trong đời sống mỗi người và có thể nói được rằng cũng tóm gọn cuộc xung đạo và tử đạo của Các Thánh Tử Đạo Việt Nam, đó là câu “AI BẮNG THIÊN CHÚA” và câu “NƯỚC CHA TRỊ ĐẾN”. Mỗi ngày không biết bao nhiêu lần chúng tôi đi ngang qua, những lời ấy đập vào mắt chúng tôi. Ấn tượng ghi đậm nhất là khi mới bắt đầu học đánh vần chúng tôi đã bắt đầu ngay với những chữ ấy.

Khi tái bản cả 3 trong 1 DMAH, chúng tôi đã mất cả cha lẫn mẹ, chị lớn Teresa Vũ Thị Huệ, em Vũ Tín (15 tuổi trong biến cố Mậu Thân tại nhà thờ gx BAT), em Lm. Vũ Lâm thật là đau xót. Chúng tôi viết những dòng này để kính dâng hương hồn những người thân yêu, đồng thời chúng tôi cũng mong ước trong giáo hội Việt Nam sẽ có thật nhiều người dõ dạc và thắm nhuần dòng máu anh hùng của tiền nhân để sống đức tin và xưng đức tin trong đời sống gia đình và xã hội.

Tại Hoa Kỳ

Lm. Giuse Vũ Thành

Micae Vũ Thúc

Gioan Bosco Vũ Linh

Maria Goretti Vũ Thị Tuyết

Tại Việt Nam

Chị Maria Vũ Thị Mai

Em Vũ Ly Hương

Em Vũ Phát

DANH SÁCH 117 THÁNH TỬ ĐẠO VIỆT NAM

I. Tóm lược thành phần các Thánh Tử Đạo Việt Nam

a. Trong số 130.000 người đã bỏ mình vì đức tin, có 117 vị đã được Giáo Hội nâng lên hàng Chân Phúc, qua bốn đợt:

1. Năm 1900 Đức Giáo Hoàng Lêô XIII ban Sắc Chỉ *Fortissimum Virorum* (Những con người anh dũng) ngày 27-5-1900 đã tôn phong 64 vị.
2. Năm 1906 Đức Giáo Hoàng Piô X ban Sắc Chỉ *Martyrum Purpurata Sanguine* (Máu Đào Tử Đạo) ký ngày 15-4-1906 trong Acta S. Sedis, vol. 40 (1907), pp. 203-211), ngày 20-5-1906 đã tôn phong 8 vị.
3. Năm 1909 Đức Giáo Hoàng Piô X ban Sắc Chỉ *Martyrum Purpurata Sanguine* ký ngày 11-4-1909 trong Acta S. Sedis, vol. 1, pp. 452-458, ngày 02-5-1909 đã tôn phong 20 vị.
4. Năm 1951 Đức Giáo Hoàng Piô XII ban Sắc Chỉ *Albae ad Messem* (Đồng lúa đã chín) ký ngày 29-4-1951 trong Acta Ap. Sedis, vol. 43, pp. 305-310, đã tôn phong 25 vị.

b. 117 Thánh chia ra như sau

- 11 vị người Tây Ban Nha: 6 giám mục và 5 linh mục thuộc Dòng Đa Minh.
- 10 vị người Pháp: 2 giám mục và 8 linh mục Hội Thừa Sai Paris.
- 96 vị người Việt Nam: 37 linh mục, 16 thầy giảng, 1 chủng sinh và 42 giáo dân.

c. Các đấng đã hy sinh tính mạng để làm chứng nhân cho Chúa trong các triều đại

- Chúa Trịnh Doanh (1740-1767): 2 vị
- Chúa Trịnh Sâm (1767-1782): 2 vị
- Vua Cảnh Thịnh (1782-1802): 2 vị
- Vua Minh Mạng (1820-1840): 58 vị
- Vua Thiệu Trị (1840-1847): 3 vị
- Vua Tự Đức (1847-1883): 50 vị

d. Các đấng đã chịu các khổ hình khác nhau

- 76 vị bị xử trảm quyết (bị chém rơi đầu)
- 21 vị bị xử giáo (bị giây thừng thắt cổ)
- 9 vị bị tra tấn và chết rũ tù

DÒNG MÁU ANH HÙNG

- 6 vị bị thiêu sống
- 5 vị bị lăng trì (bị phân từng mảnh thân thể, bị xẻo từng miếng thịt)

II. Danh Sách Các Thánh Theo Văn

1. **Phêrô ALMATÔ Bình**, sinh năm 1830 tại San Féliz Saserra, Tây Ban Nha, Linh Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 01-11-1861 tại Hải Dương dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 15-4-1906 do Đức Piô X, kính ngày 01-11.
2. **Matthêu ALONSO LECINIANA Đậu**, sinh năm 1702 tại Nava del Rey, Tây Ban Nha, Linh Mục Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 22-01-1745 tại Thăng Long dưới đời chúa Trịnh Doanh, phong Chân Phúc ngày 15-4-1906 do Đức Piô X, kính ngày 22-01.
3. **Valentinô BERRIO-OCHOA (Vinh)**, sinh năm 1827 tại Elorrio (Vizcaya), Tây Ban Nha, Giám Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 01-11-1861 tại Hải Dương dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 15-4-1906 do Đức Piô X, kính ngày 01-11.
4. **Jean-Louis BONNARD (Hương)**, sinh năm 1824 tại Saint Christo en Jarez, Pháp, Linh Mục, Hội Thừa Sai Paris, xử trảm ngày 01-5-1852 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 01-5.
5. **Phaolô Tống Viêt BƯỜNG**, sinh tại Phú Cam, Huế, Quan Thị Vệ, xử trảm ngày 23-10-1833 tại Thọ Đức dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 23-10.
6. **Đaminh CẨM**, sinh tại Cẩm Chương, Bắc Ninh, Linh Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 11-3-1859 tại Hưng Yên dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 11-3.
7. **Phanxicô Xavie CẦN**, sinh năm 1803 tại Sơn Miêng, Hà Đông, Thầy Giảng, xử giáo ngày 20-11-1837 tại Ô Cầu Giấy dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 20-11.
8. **Giuse Hoàng Lương CẢNH**, sinh năm 1763 tại Làng Ván, Bắc Giang, Y sĩ, Trùm Họ, Dòng Ba Đaminh, xử trảm ngày 05-9-1838 tại Bắc Ninh dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 05-9.

LM. VŨ THÀNH

9. **Jacinto CASTANHÊDA Gia**, sinh năm 1743 tại Jávita, Tây Ban Nha, Linh Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 07-11-1773 tại Đồng Mơ dưới đời chúa Trịnh Sâm, phong Chân Phúc ngày 15-4-1906 do Đức Piô X, kính ngày 07-11.
10. **Phanxicô Đỗ Văn CHIẾU**, sinh năm 1797 tại Trung Lễ, Liên Thủy, Nam Định, Thầy Giảng, xử trảm ngày 25-6-1838 tại Nam Định dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 25-6.
11. **Gioan Baotixita CỎN**, sinh năm 1805 tại Kê Bàng, Nam Định, Lý Trường, xử trảm ngày 08-11-1840 tại Bấy Mầu dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 08-11.
12. **Jean-Charles CORNAY Tân**, sinh năm 1809 tại Loudun, Poitiers, Pháp, Linh Mục, Hội Thừa Sai Paris, xử lăng trì ngày 20-9-1837 tại Sơn Tây dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 20-9.
13. **Étienn-Théodore CUÉNOT (Thế)**, sinh năm 1802 tại Béliou, Besancon, Pháp, Giám Mục, Hội Thừa Sai Paris, chết rử tù ngày 14-11-1861 tại Bình Định dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 14-11.
14. **Clémenté Ignaxiô DELGADO Y**, sinh năm 1761 tại Villa Felice, Tây Ban Nha, Giám Mục, Dòng Đa Minh, chết rử tù ngày 12-7-1838 tại Nam Định dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 12-7.
15. **Giuse Maria DIAZ SANJURJO (An)**, sinh năm 1818 tại Santa Eulalia de Suegos, Tây Ban Nha, Giám Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 20-7-1857 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 20-7.
16. **Tôma Đình Viết DỤ**, sinh năm 1783 tại Phú Nhai, Nam Định, Linh Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 26-11-1839 tại Bấy Mầu dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 26-11.
17. **Bênadô Vũ Văn DUỆ**, sinh năm 1755 tại Quần Anh, Nam Định, Linh Mục, xử trảm ngày 01-8-1838 tại Ba Tòa dưới đời

DÒNG MÁU ANH HÙNG

vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 01-8.

18. **Phêrô BORIE (Cao)**, sinh năm 1808 tại Beynat, Tulle, Pháp, Giám Mục, Hội Thừa Sai Paris, xử trảm ngày 24-11-1838 tại Đồng Hới dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 24-11.
19. **Anrê Trần An DŨNG (Lạc)**, sinh năm 1795 tại Bắc Ninh, Linh Mục, xử trảm ngày 21-12-1839 tại Ô Cầu Giấy dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 21-12.
20. **Phêrô DŨNG**, sinh tại Đông Hào, Thái Bình, Giáo dân, bị thiêu sinh ngày 06-6-1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 06-6.
21. **Vinh Sơn DƯƠNG**, sinh tại Doãn Trung, Thái Bình, Giáo dân, bị thiêu sinh ngày 06-6-1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 06-6.
22. **Phaolô DƯƠNG (Đồng)**, sinh năm 1792, Vực Đường, Hưng Yên, Trùm họ, xử trảm ngày 03-6-1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 03-6.
23. **Phêrô ĐA**, sinh tại Ngọc Cục, Xuân Trường, Giáo dân, bị thiêu sinh ngày 17-6-1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 17-6.
24. **Đaminh Đinh ĐẠT**, sinh năm 1803 tại Phú Nhai, Bùi Chu, Bình Sĩ, xử giáo ngày 18-7-1839 tại Nam Định dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 18-7.
25. **Gioan ĐẠT**, sinh năm 1765 tại Đồng Chuối, Thanh Hóa, Linh Mục, xử trảm ngày 28-10-1798 tại Chợ Rạ dưới đời vua Cảnh Thịnh, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 28-10.
26. **Matthêu Nguyễn Văn ĐẮC (Phượng)**, sinh tại Kê Lai, Trùm họ, xử trảm ngày 26-5-1861 tại Đồng Hới dưới đời vua Tự Đức,

LM. VŨ THÀNH

phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 26-5.

27. **Tôma Nguyễn Văn ĐỆ**, sinh năm 1810 tại Bồ Trang, Nam Định, Giáo dân, Dòng Ba Đaminh, xử giáo ngày 19-12-1839 tại Cổ Mê dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 19-12.
28. **Antôn Nguyễn ĐÍCH**, sinh tại Chi Long, Nam Định, Giáo dân, xử trăm ngày 12-8-1838 tại Bẩy Mẫu dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 12-8.
29. **Vinh Sơn Nguyễn Thế ĐIỂM**, sinh năm 1761 tại Ân Đô, Quảng Trị, Linh Mục, xử giáo ngày 24-11-1838 tại Đồng Hới dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 24-11.
30. **Phêrô Nguyễn Văn ĐUÔNG**, sinh năm 1808 tại Kẻ Sờ, Hà Nam, Thầy Giảng, xử giáo ngày 18-12-1838 tại Sơn Tây dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 18-12.
31. **Giuse FERNANDEZ Hiền**, sinh năm 1775 tại Ventosa de la Cueva, Tây Ban Nha, Linh Mục, Dòng Đa Minh, xử trăm ngày 24-7-1838 tại Nam Định dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 24-7.
32. **François-Isidore GAGELIN Kính**, sinh năm 1799 tại Montperreux, Besançon, Pháp, Linh Mục, Hội Thừa Sai Paris, xử giáo ngày 17-10-1833 tại Bãi Dâu dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 17-10.
33. **Matthêu Lê Văn GẤM**, sinh năm 1813 tại Gò Công, Biên Hòa, thương gia, xử trăm ngày 11-5-1847 tại Chợ Đũi dưới đời vua Thiệu Trị, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 11-5.
34. **Melchor GARCÍA-SAMPEDRO (Xuyên)**, sinh năm 1821 tại Cortes, Asturias, Tây Ban Nha, Giám Mục, Dòng Đa Minh, xử lăng trì ngày 28-7-1858 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 28-7.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

35. **Phanxicô GIL DE FEDERICH TẾ**, sinh năm 1702 tại Tortosa, Catalunha, Tây Ban Nha, Linh Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 22-01-1745 tại Thăng Long dưới đời chúa Trịnh Doanh, phong Chân Phúc ngày 15-4-1906 do Đức Piô X, kính ngày 22-01.
36. **Đaminh Nguyễn Văn HẠNH**, sinh năm 1772 tại Năng A, Nghệ An, Linh Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 01-8-1838 tại Ba Tòa dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 01-8.
37. **Phaolô HẠNH**, sinh năm 1826 tại Chợ Quán, Giáo dân, xử trảm ngày 28-5-1859 tại Nam Việt dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 28-5.
38. **Đaminh HENARES (Minh)**, sinh năm 1765 tại Baena, Córdova, Tây Ban Nha, Giám Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 25-6-1838 tại Nam Định dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 25-6.
39. **Jêrôlimô HERMOSILLA Liêm**, sinh năm 1800 tại S. Domingo de la Calzadar, Tây Ban Nha, Giám Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 01-11-1861 tại Hải Dương dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 15-4-1906 do Đức Piô X, kính ngày 01-11.
40. **Giuse Đỗ Quang HIỂN**, sinh năm 1775 tại Quần Anh, Nam Định, Linh Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 09-5-1840 tại Nam Định dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 09-5.
41. **Phêrô Nguyễn Văn HIẾU**, sinh năm 1783 tại Đồng Chuối, Ninh Bình, Thầy Giảng, xử trảm ngày 28-4-1840 tại Ninh Bình dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 28-4.
42. **Simon Phan Đắc HÒA**, sinh năm 1787 tại Mai Vĩnh, Thừa Thiên, Y sĩ, xử trảm ngày 12-12-1840 tại An Hòa dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 12-12.
43. **Gioan Đoàn Trinh HOAN**, sinh năm 1798 tại Kim Long, Thừa Thiên, Linh Mục, xử trảm ngày 26-5-1861 tại Đồng Hới dưới

LM. VŨ THÀNH

đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 26-5.

44. **Augustinô Phan Viết HUY**, sinh năm 1795 tại Hạ Linh, Bùi Chu, Bình Sĩ, xử lãng tri ngày 12-6-1839 tại Thừa Thiên dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 12-6.
45. **Đaminh HUYỆN**, sinh tại Đông Thành, Thái Bình, Giáo dân, bị thiêu sống ngày 05-6-1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 05-6.
46. **Laurenô Nguyễn Văn HUÔNG**, sinh năm 1802 tại Kẻ Sài, Hà Nội, Linh Mục, xử trảm ngày 13-02-1856 tại Ninh Bình dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 13-02.
47. **Micae Hồ Đình HY**, sinh năm 1808 tại Như Lâm, Thừa Thiên, Quan Thái Bộc, xử trảm ngày 22-5-1857 tại An Hòa dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 22-5.
48. **Phanxicô JACCARD Phan**, sinh năm 1799 tại Onnion, An-necy, Pháp, Linh Mục, Hội Thừa Sai Paris, xử giáo ngày 21-9-1838 tại Nhan Biểu dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 21-9.
49. **Đaminh Phạm Viết KHẨM (Trọng)**, sinh tại Quần Cống, Nam Định, Quan Án, Dòng Ba Đa Minh, xử giáo ngày 13-01-1859 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 13-01.
50. **Giuse Nguyễn Duy KHANG**, sinh năm 1832 tại Trà Vi, Nam Định, Thầy Giảng, Dòng Ba Đa Minh, xử trảm ngày 06-12-1861 tại Hải Dương dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 06-12.
51. **Phêrô Phạm KHANH**, sinh năm 1780 tại Hòa Duệ, Nghệ An, Linh Mục, xử trảm ngày 12-7-1842 tại Hà Tĩnh dưới đời vua Thiệu Trị, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 12-7.
52. **Phêrô Võ Đăng KHOA**, sinh năm 1790 tại Thượng Hải, Nghệ An, Linh Mục, xử giáo ngày 24-11-1838 tại Đồng Hới dưới đời

DÒNG MÁU ANH HÙNG

vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 24-11.

53. **Phaolô Phạm Khắc KHOAN**, sinh năm 1771 tại Duyên Mậu, Ninh Bình, Linh Mục, xử trảm ngày 28-4-1840 tại Ninh Bình dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 28-4.
54. **Tôma KHUÔNG**, sinh năm 1780 tại Nam Hào, Hưng Yên, Linh Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 30-01-1860 tại Hưng Yên dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 30-01.
55. **Vinh Sơn Lê Quang LIÊM**, sinh năm 1732 tại Trà Lũ, Bùi Chu, Linh Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 07-11-1773 tại Đồng Mơ dưới đời chúa Trịnh Sâm, phong Chân Phúc ngày 15-4-1906 do Đức Piô X, kính ngày 07-11.
56. **Luca Vũ Bá LOAN**, sinh năm 1756 tại Trại Bút, Phú Đa, Linh Mục, xử trảm ngày 05-6-1840 tại Ô Cầu Giấy dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 05-6.
57. **Phaolô Lê Văn LỘC**, sinh năm 1830 tại An Nhơn, Gia Định, Linh Mục, xử trảm ngày 13-02-1859 tại Gia Định dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 13-02.
58. **Giuse Nguyễn Văn LỰU**, sinh năm 1790 tại Cái Nhum, Vĩnh Long, Trùm họ, chết rử tù ngày 02-5-1854 tại Vĩnh Long dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 02-5.
59. **Phêrô Nguyễn Văn LỰU**, sinh năm 1812 tại Gò Vấp, Gia Định, Linh Mục, xử trảm ngày 07-4-1861 tại Mỹ Tho dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 07-4.
60. **Đaminh MAO**, sinh tại Phú Yên, Ngọc Cục, Giáo dân, xử trảm ngày 16-6-1862 tại Làng Cốc dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 16-6.
61. **Giuse MARCHAND (Du)**, sinh năm 1803 tại Passavant, Besancon, Pháp, Linh Mục, Hội Thừa Sai Paris, xử bá đao ngày

LM. VŨ THÀNH

30-11-1835 tại Thọ Đức dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 30-11.

62. **Đaminh MẬU**, sinh tại Phú Nhai, Bùi Chu, Linh Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 05-11-1858 tại Hưng Yên dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 05-11.
63. **Phanxicô Xavie Hà Trọng MẬU**, sinh năm 1794 tại Kê Điều, Thầy giảng, Dòng Ba Đa Minh, xử giáo ngày 19-12-1839 tại Cổ Mê dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 19-12.
64. **Philippê Phan Văn MINH**, sinh năm 1815 tại Cái Mơn, Vĩnh Long, Linh Mục, xử trảm ngày 03-7-1853 tại Đình Khao dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 03-7.
65. **Augustinô Nguyễn Văn MỐI**, sinh năm 1806 tại Phù Trang, Nam Định, Giáo dân, Dòng Ba Đa Minh, xử giáo ngày 19-12-1839 tại Cổ Mê dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 19-12.
66. **Micae Lý Mỹ (Nguyễn Huy Diệu)**, sinh năm 1804 tại Kê Vĩnh, Hà Nội, Lý Trường, xử trảm ngày 12-8-1838 tại Bấy Mẫu dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 12-8.
67. **Nguyễn Văn MỄ**, sinh năm 1798 tại Kê Non, Hà Nam, Thầy giảng, xử giáo ngày 18-12-1838 tại Sơn Tây dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 18-12.
68. **Giacôbê Đỗ Mai NĂM**, sinh năm 1781 tại Đông Biên, Thanh Hóa, Linh Mục, xử trảm ngày 12-8-1838 tại Bấy Mẫu dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 12-8.
69. **Phêrô Phanxicô NÉRON (Bắc)**, sinh năm 1818 tại Bornay, Saint-Claude, Pháp, Linh Mục, Hội Thừa Sai Paris, xử trảm ngày 03-11-1860 tại Sơn Tây dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 03-11.
70. **Phaolô Nguyễn NGÂN**, sinh năm 1771 tại Kê Bên, Thanh Hóa, Linh Mục, xử trảm ngày 08-11-1840 tại Bấy Mẫu dưới

DÒNG MÁU ANH HÙNG

đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 08-11.

71. **Giuse Nguyễn Đình NGHI**, sinh năm 1771 tại Kẻ Vôi, Hà Nội, Linh Mục, xử trảm ngày 08-11-1840 tại Bấy Mầu dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 08-11.
72. **Laurensô NGÔN**, sinh tại Lục Thủy, Nam Định, Giáo dân, xử trảm ngày 22-5-1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 22-5.
73. **Đaminh NGUYỄN**, sinh tại Ngọc Cục, Nam Định, Giáo dân, xử trảm ngày 16-6-1862 tại Làng Cốc dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 16-6.
74. **Đaminh NHI**, sinh tại Ngọc Cục, Nam Định, Giáo dân, xử trảm ngày 16-6-1862 tại Làng Cốc dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 16-6.
75. **Đaminh NINH**, sinh năm 1835 tại Trung Linh, Nam Định, Giáo dân, xử trảm ngày 02-6-1862 tại An Triêm dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 02-6.
76. **Emmanuel Lê Văn PHỤNG**, sinh năm 1796 tại Đầu Nước, Cù Lao Giêng, Trùm họ, xử trảm ngày 31-7-1859 tại Châu Đốc dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 31-7.
77. **Phêrô Đoàn Công QUÍ**, sinh năm 1826 tại Búng, Gia Định, Linh Mục, xử trảm ngày 31-7-1859 tại Châu Đốc dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 31-7.
78. **Antôn Nguyễn Hữu QUỲNH (Năm)**, sinh năm 1768 tại Mỹ Hương, Quảng Bình, Y sĩ, xử giảo ngày 10-7-1840 tại Đồng Hới dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 10-7.
79. **Augustinô SCHOEFLER (Đông)**, sinh năm 1822 tại Mittelbonn, Nancy, Pháp, Linh Mục, Hội Thừa Sai Paris, xử trảm

LM. VŨ THÀNH

ngày 01-5-1851 tại Sơn Tây dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 01-5.

80. **Giuse Phạm Trọng TẢ**, sinh năm 1800 tại Quần Cống, Nam Định, Cai tổng, xử giáo ngày 13-01-1859 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 13-01.
81. **Gioan Đình Văn THÀNH**, sinh năm 1796 tại Nộn Khê, Ninh Bình, Thầy giảng, xử trảm ngày 28-4-1840 tại Ninh Bình dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 28-4.
82. **Anê Lê Thị THÀNH (bà Đê)**, sinh năm 1781 tại Bái Đền, Thanh Hóa, Giáo dân, chết rú tù ngày 12-7-1841 tại Nam Định dưới đời vua Thiệu Trị, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 12-7.
83. **Nicôla Bùi Đức THỂ**, sinh năm 1792 tại Kiên Trung, Bùi Chu, Binh sĩ, xử lăng trì ngày 12-6-1839 tại Thừa Thiên dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 12-6.
84. **Phêrô Phạm Văn THI**, sinh năm 1763 tại Kẻ Sở, Hà Nội, Linh Mục, xử trảm ngày 21-12-1839 tại Ô Cầu Giấy dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 21-12.
85. **Giuse Lê Đăng THỊ**, sinh năm 1825 tại Kẻ Văn, Quảng Trị, Cai Đội, xử giáo ngày 24-10-1860 tại An Hòa dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 24-10.
86. **Tôma Trần Văn THIÊN**, sinh năm 1820 tại Trung Quán, Quảng Bình, Chủng Sinh, xử giáo ngày 21-9-1838 tại Nhan Biểu dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 21-9.
87. **Luca Phạm Việt THÌN**, sinh năm 1819 tại Quần Cống, Nam Định, Cai Tổng, xử giáo ngày 13-01-1859 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 13-01.
88. **Martinô Tạ Đức THỊNH**, sinh năm 1760 tại Kẻ Sặt, Hà Nội, Linh Mục, xử trảm ngày 08-11-1840 tại Bấy Mẫu dưới đời vua

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 08-11.

89. **Martinô THỌ**, sinh năm 1787 tại Kẻ Bàng, Nam Định, Trùm họ, xử trảm ngày 08-11-1840 tại Bấy Mẩu dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 08-11.
90. **Anrê Nguyễn Kim THÔNG (Năm Thuông)**, sinh năm 1790 tại Gò Thị, Bình Định, Thầy Giảng, chết rũ tù ngày 15-7-1855 tại Mỹ Tho dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 15-7.
91. **Phêrô THUẬN**, sinh tại Đông Phú, Thái Bình, Giáo dân, bị thiêu sinh ngày 06-6-1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 06-6.
92. **Phaolô Lê Bảo TỊNH**, sinh năm 1793 tại Trịnh Hà, Thanh Hóa, Linh Mục, xử trảm ngày 06-4-1857 tại Bấy Mẩu dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 11-4.
93. **Đaminh TOÁI**, sinh tại Đông Thành, Thái Bình, Giáo dân, bị thiêu sinh ngày 05-6-1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 05-6.
94. **Tôma TOÁN**, sinh năm 1767 tại Cẩn Phan, Nam Định, Thầy Giảng, Dòng Ba Đa Minh, chết rũ tù ngày 27-6-1840 tại Nam Định dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 27-6.
95. **Đaminh TRẠCH (Đoài)**, sinh năm 1792 tại Ngoại Bồi, Nam Định, Linh Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 18-9-1840 tại Bấy Mẩu dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 18-9.
96. **Emmanuel Nguyễn Văn TRIỆU**, sinh năm 1756 tại Thọ Đức, Phú Xuân, Huế, Linh Mục, xử trảm ngày 17-9-1798 tại Bãi Dâu dưới đời vua Cảnh Thịnh, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 17-9.
97. **Anrê Trần Văn TRÔNG**, sinh năm 1808 tại Kim Long, Huế, Binh Sĩ, xử trảm ngày 28-11-1835 tại An Hòa dưới đời vua

LM. VŨ THÀNH

Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 28-11.

98. **Phêrô Vũ Văn TRUẬT**, sinh năm 1816 tại Kẻ Thiếc, Hà Nam, Thầy Giảng, xử giáo ngày 18-12-1838 tại Sơn Tây dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 18-12.
99. **Phanxicô Trần Văn TRUNG**, sinh năm 1825 tại Phan Xá, Quảng Trị, Cai Đội, xử trảm ngày 06-10-1858 tại An Hòa dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 06-10.
100. **Giuse TUẤN**, sinh năm 1821 Trần Xá, Hưng Yên, Linh Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 30-4-1861 tại Hưng Yên dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 30-4.
101. **Giuse TUẤN**, sinh năm 1825 tại Nam Điền, Nam Định, Giáo dân, xử trảm ngày 07-01-1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 07-01.
102. **Phêrô Nguyễn Bá TUẤN**, sinh năm 1766 tại Ngọc Đồng, Hưng Yên, Linh Mục, chết rú tù ngày 15-7-1838 tại Nam Định dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 15-7.
103. **Giuse TỨC**, sinh năm 1852 tại Hoàng Xá, Bắc Ninh, Giáo dân, xử trảm ngày 01-6-1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 01-6.
104. **Phêrô Lê TÙY**, sinh năm 1773 tại Bằng Sở, Hà Đông, Linh Mục, xử trảm ngày 11-10-1833 tại Quan Ban dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 11-10.
105. **Phêrô Nguyễn Văn TỰ**, sinh năm 1796 tại Ninh Cường, Bùi Chu, Linh Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 05-9-1838 tại Bắc Ninh dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 05-9.
106. **Phêrô Nguyễn Khắc TỰ**, sinh năm 1811 tại Ninh Bình, Thầy Giảng, xử giáo ngày 10-7-1840 tại Đồng Hới dưới đời vua

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 10-7.

107. **Đaminh TUỐC**, sinh năm 1775 tại Trung Lao, Bùi Chu, Linh Mục, Dòng Đa Minh, bị tra tấn đến chết ngày 02-4-1839 tại Nam Định dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 02-4.
108. **Anrê TƯỜNG**, sinh tại Ngọc Cục, Xuân Trường, Giáo dân, xử trảm ngày 16-6-1862 tại Làng Cốc dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 16-6.
109. **Vinh Sơn TƯỜNG**, sinh tại Phú Yên, Giáo dân, xử trảm ngày 16-6-1862 tại Làng Cốc dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 29-4-1951 do Đức Piô XII, kính ngày 16-6.
110. **Đaminh Bùi Văn ÚY**, sinh năm 1801 tại Tiên Môn, Thái Bình, Thầy Giảng, Dòng Ba Đa Minh, xử giáo ngày 19-12-1839 tại Cổ Mê dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 19-12.
111. **Giuse Nguyễn Đình UYÊN**, sinh năm 1775 tại Ninh Cường, Nam Định, Thầy Giảng, Dòng Ba Đa Minh, chết rũ tù ngày 04-7-1838 tại Hưng Yên dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 04-7.
112. **Phêrô Đoàn Văn VÂN**, sinh năm 1780 tại Kẻ Bói, Hà Nam, Thầy Giảng, xử trảm ngày 25-5-1857 tại Sơn Tây dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 25-5.
113. **Gioan Thêophan VÉNARD Ven**, sinh năm 1829 tại St. Loup-sur-Thouet, Poitiers, Pháp, Linh Mục, Hội Thừa Sai Paris, xử trảm ngày 02-02-1861 tại Ô Cầu Giấy dưới đời vua Tự Đức, phong Chân Phúc ngày 11-4-1909 do Đức Piô X, kính ngày 02-02.
114. **Gioan Đặng Đình VIÊN**, sinh năm 1787 tại Tiên Chu, Hưng Yên, Linh Mục, xử trảm ngày 21-8-1838 tại Bấy Mẩu dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 21-8.
115. **Stêphanô Nguyễn Văn VINH**, sinh năm 1814 tại Phù Trang, Nam Định, Linh Mục, Dòng Đa Minh, xử giáo ngày 19-12-

LM. VŨ THÀNH

1839 tại Cổ Mê dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 19-12.

116. **Đaminh Nguyễn Văn XUYÊN**, sinh năm 1786 tại Hưng Lập, Nam Định, Linh Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 26-11-1839 tại Bấy Mẫu dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 26-11.

117. **Vinh Sơn Đỗ YẾN**, sinh năm 1764 tại Trà Lũ, Phú Nhai, Linh Mục, Dòng Đa Minh, xử trảm ngày 30-6-1838 tại Hải Dương dưới đời vua Minh Mạng, phong Chân Phúc ngày 27-5-1900 do Đức Lêô XIII, kính ngày 30-6.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

LM. VŨ THÀNH

PHẦN I

NHỮNG CUỘC BÁCH HẠI ĐẠO THỜI CHÚA NGUYỄN

CHƯƠNG 1

Lệnh Trục Xuất Thừa Sai của Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1615 - 1635)

Nước Việt Nam vào thế kỷ thứ 17 do các vị lãnh chúa thuộc hai họ Trịnh và Nguyễn chia đôi đất nước để cai trị. Họ Trịnh hùng cứ Bắc Việt, còn được gọi là xứ Đàng Ngoài; Họ Nguyễn làm chúa Nam Việt, gọi là xứ Đàng Trong. Người Âu Châu khi đến buôn bán với chúa Nguyễn Hoàng đã khám phá ra rằng có hai chính quyền khác nhau, họ gọi miền Bắc là Tonkin và miền Nam là Cochinchina.

Cha Đắc Lộ giải thích như sau: “Người Trung Hoa gọi Việt Nam là Đông-Kinh để phân biệt với Nam Kinh và Bắc Kinh của họ, nhưng họ đọc vẫn “đ” không được nên mới đọc là Ton-kin, còn xứ Nam được gọi là Cochinchina vì người Nhật Bản hay gọi người Việt là Giao Chỉ hoặc Chiaoci, và người Bồ Đào Nha sợ lẫn với thành phố Co-chi bên Ấn Độ nên họ gọi Nam Việt là Cochinchina (Co-chi bên Trung Hoa).

Nguyễn Hoàng (1558-1613) cũng gọi là Chúa Tiên, được Trịnh Kiểm cho coi Thuận Hóa từ năm 1558 và mười năm sau xin coi thêm Quảng Nam. Tại Quảng Nam ngoài Dinh Chiêm còn có hai đô thị buôn bán quan trọng là Hội An (Faifo) và Cửa Hàn (Y Turan). Hai nơi có sông thông với nhau làm thành một khu thương mại phồn thịnh. Tại Hội An có hai phố, một dành cho người Trung Hoa Minh Hương trốn nhà Thanh sang lập nghiệp, và một dành cho người Nhật trốn tránh cuộc bắt đạo ở Nhật. Mỗi khu phố có quan và tổ chức riêng theo phong tục của họ, đồng thời nộp thuế cho chính phủ.

Từ năm 1604 Nguyễn Hoàng phân chia lại các huyện trong lãnh thổ của mình như sau: Trấn Thuận Hóa có hai phủ là Điện Bàn và Quảng Bình; Trấn Quảng Nam có ba phủ là Thăng Hoa, Quảng Nghĩa và Hoài Nhân. Các vị thừa sai thường viết Thuận Hóa là Sinoa và Quảng Nam là Cacham. Năm 1613 Nguyễn Phước Nguyên cấm

LM. VŨ THÀNH

quyền thay cha, rất mộ mến Phật Giáo nên còn được gọi là Chúa Sãi, bỏ lệ triều cống và tự xưng vương.

1. Lệnh Trục Xuất Năm 1617

Tại khu phố Nhật, các cha Dòng Tên đã mở giáo đoàn đầu tiên với đoàn thừa sai gồm hai cha và hai người Nhật đến từ Macao ngày 18-1-1615. Cha Cavernho làm việc cho người Nhật một năm rồi sang Nhật. Cha Francesco Buzomi người Ý hoạt động truyền giáo tại Nam Việt 20 năm. Người đứng thực là tông đồ tiên khởi của giáo đoàn xứ Đàng Trong.

Tại cửa Hàn, Cha Buzomi khám phá ra rằng quan niệm theo đạo của người dân có nghĩa là trở thành người “Hoa Lang” (danh từ của người bình dân để chỉ người Bồ Đào Nha vì họ thường bán vải có hình hoa khoai lang). Lý do là vì các cha tuyên úy trước đây theo các người lái buôn Bồ Đào Nha thường dùng câu ám hiệu để hỏi: “Con nhỏ muốn vào bụng hoa lang chăng?” Hễ ai đồng ý là các cha rửa tội và đặt tên thánh cho họ. Danh từ “đạo Hoa Lang” phát xuất từ đó. Công việc truyền đạo của Cha Buzomi không được thành công lúc đầu, mãi đến lễ Phục Sinh cha mới rửa tội được mười người đầu tiên, trong đó có cậu Augustinô về sau là thầy giảng giúp cha. Tháng 7 năm 1615 cha đến giảng đạo tại Quảng Nam và gặt hái được nhiều thành công. Nguyên năm ấy cha rửa tội được 300 người. Bề trên sai thêm Cha Pina sang giúp. Tuy nhiên năm 1617 có đại hạn tại Nam Việt, các thầy sư coi các chùa miếu đổ tội cho hai cha đã làm các thần giận không cho mưa. Họ đòi giết hai cha để tế thần nhưng Chúa Sãi mộ mến các cha nên chỉ xin các cha tạm rút lui vài năm. Các cha công khai lên tầu để đi Macao, nhưng lúc ấy gió không thuận nên các cha lén ở lại. Nước biển và trời nóng làm cho Cha Buzomi sinh bệnh, giáo dân phải đưa các cha vào thành để chữa trị. Nhóm thầy sư tức giận đốt nhà các cha và cầu mưa. Lúc ấy có ít mưa xuống làm cho nhà sư huênh hoang, sau vì tư thông với cung phi đã bị Chúa Sãi giết đi. Về phần hai cha được quan phủ Qui Nhơn nhận đem về săn sóc. Tại đây các cha lập thêm họ đạo mới ở Nước Mặn. Tin các cha bị trục xuất làm Macao tức tốc gửi tầu buôn với nhiều hàng hóa và hai thừa sai khác là Marquez và Borri. Nhờ thế các cha lại được giấy phép tự do giảng đạo.

2. Lệnh Trục Xuất Năm 1625

Được tự do giảng đạo, bốn cha và ba thầy chia nhau hoạt động tại Hội An và Nước Mặn. Tại Hội An, các cha nhằm củng cố tinh thần giáo dân Nhật, còn tại Nước Mặn mới thực sự là khu vực truyền giáo do Cha Buzomi, Pina và Borri đảm nhiệm. Các cha đã cho in cuốn sách giáo lý và hoạt động giữa giới trí thức. Nhưng nhận thấy không kết quả, các cha bắt đầu nhắm tới dân chúng tại các làng, lập những họ đạo nhỏ. Năm 1621 tại Nước Mặn các cha đã rửa tội được 172 người. Trong năm này các cha đã rửa tội một ông sai rất thành tâm được dân chúng gọi là “sai hiền,” đồng thời cũng có những cuộc tranh luận công khai với các giáo phái Tư Bình. Cũng năm 1621 Cha Pina mở khu vực truyền giáo mới tại Quảng Nam. Cha đã chinh phục được nhiều người thông thái trong giới quan lại và lập nhà thờ, rửa tội 50 người. Trong số những người thông thái có gia đình ông Giuse, gia đình cụ Phêrô, Manuelle, bà Minh Đức Vương Thái Phi, quan cố vấn Paolô. Tại Qui Nhơn phe sư sai và thầy cúng bắt đầu chiến dịch vu cáo các cha là những phù thủy chiêu mộ các nô lệ cho Vua Bồ Đào Nha. Họ còn bẻ tượng rồi làm đơn tố cáo các cha với quan trấn, yêu cầu trục xuất các cha ra khỏi Nước Mặn, nếu không Trời sẽ giáng phạt. Quan Trấn đã trình lên Chúa Sài nhưng nhà chúa đã ngăn cấm bọn thầy cúng và công khai cho phép các cha được tự do giảng đạo.

Năm 1624 giáo khu Nước Mặn, gồm ba tỉnh phía Nam là Quảng Nghĩa, Qui Nhơn và Phú Yên, phát triển nên Cha Buzomi xin thêm thừa sai. Phái đoàn thừa sai mới gồm 5 cha đã đến vào tháng 12-1624. Lúc này đã có hai thầy giảng làm việc tông đồ như các tu sĩ, đó là Thầy Phêrô và Manuelô, đồng thời có những vấn đề mới được đặt ra như việc tôn kính tổ tiên và danh từ để chỉ Thiên Chúa. Các cha đã họp công đồng tại Hội An để ấn định các việc phải làm chung. Đặc biệt các cha nghĩ đến việc thích nghi, thay vì lễ cầu hôn vào mùng 2-11 các cha ấn định vào mùng 2-9 cho hợp với mùa kính nhớ tổ tiên của Việt Nam.

Sự thành công của các cha đã làm cho nhiều người ghen ghét. Trước hết người Hòa Lan dèm pha, rồi tàu buôn Bồ Đào Nha không thấy đến, và hai nhà sư thời danh tranh luận với các cha về việc cúng giỗ và tố cáo đạo Công giáo bỏ bê tổ tiên và các tục lệ quốc gia (thực ra các cha chỉ khuyên giáo dân thay vì làm cỗ để cúng thì lấy tiền cho

LM. VŨ THÀNH

người nghèo). Vì vậy năm 1625 Chúa Sãi đã ra lệnh cấm đạo như sau: “*Trước hết tất cả các cha đang ở Quảng Nam, Qui Nhơn, hoặc bất cứ nơi nào phải tập trung về Hội An và không được ra khỏi khu phố dành cho người Nhật, không được xây nhà thờ hoặc nhà gì khác. Cũng không ai được lấy lễ là Công Giáo để bỏ bê các lễ lạy trong làng. Còn các Kitô hữu thì không được đeo tràng hạt ở cổ hay treo ảnh đạo trong nhà, phải tháo cất các ảnh chuộc tội ngoài đường vào trong nhà*” (lý do của lệnh này là vì các sư sãi cho rằng hỗn tổ tiên phải khiếp sợ hình người chịu khổ trên Thánh giá).

Sắc lệnh cấm đạo này tới tỉnh Quảng Nam vào tháng 12, đúng lúc giáo dân đang buồn khóc Cha Pina mới qua đời vì chết đuối khi người ra ngoài khơi lấy đồ tiếp tế. Giáo dân đưa xác người về chôn ở Hội An và xin với quan trấn triển hạn cho 100 ngày để tổ chức các lễ giỗ cho Cha Pina. Hết thời hạn, các cha sai Thầy Manuelô đi các nơi khuyên giáo dân đeo ảnh vào bên trong áo và cất giấu các ảnh đạo vào trong nhà sợ các sư sãi thấy được lại tố cáo là người Công Giáo không tuân lệnh.

Tại Qui Nhơn, họ đạo Nước Mặn bị quan trấn hành hạ hơn sắc lệnh cấm đạo của Chúa Sãi. Giáo dân không sợ hãi trước lời đe dọa, họ thách thức lại quan và tâu về triều đình. Triều đình sai một quan lớn về điều tra và công bố rõ ý định của Chúa Sãi là cấm đeo ảnh chứ không cấm đạo Kitô. Trái lại quan trấn Phú Yên không công bố sắc lệnh, cũng không thi hành nhưng còn về kinh để biện hộ cho đạo Kitô nữa.

Sau lệnh cấm đạo, con trưởng Chúa Sãi chết làm mọi người tin là trời phạt, vì thế rất đông người trở lại đạo, các cha lại được tự do đi truyền giáo khắp cả bốn tỉnh, nơi thì rửa tội được 602, nơi khác 816, có chỗ tới 1033 người.

3. Lệnh Trục Xuất Năm 1629 và 5 Năm Các Vị Thừa Sai Hoạt Động Lén Lút

Được tự do giảng đạo, thêm vào sự nhiệt thành của bà Maria Minh Đức Vương Thái Phi và một số quan như cụ Paolô, Manuelô, năm 1627 Cha Buzomi đã lập một họ đạo mới và xây nhà thờ ngay tại kinh đô. Cũng trong năm này, Cha Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ) và Cha Marquez đi mở giáo đoàn mới tại Bắc Việt. Hằng năm vào hai dịp lễ lớn, Sinh Nhật và Phục Sinh, các giáo dân hội họp đồng đạo

DÒNG MÁU ANH HÙNG

và mừng lễ rất lớn vì suốt trong năm họ đã không được dự các hội hè đình đám trong làng.

Năm 1628, một quan tại Quảng Nam rất ghét đạo, sau khi từ phủ Chúa Nguyễn về đã công bố lệnh cấm xưng đạo ra bên ngoài, bắt các xã trưởng trừng phạt những người còn công khai giữ đạo, nếu không sẽ bị chính các quan khiển trách. Một số đồng tín hữu đã bị hành hạ và vào tù.

Năm 1629, vì trời hạn hán và dịch tễ nên lương dân đổ tội cho các cha là căn cứ làm cho trời giận không cho mưa, và yêu cầu Chúa Sãi trục xuất các cha. Một nguyên nhân khác nữa là tàu Bồ Đào Nha không đến được vì bị thương thuyền Hòa Lan cướp ngoài khơi, trong khi Chúa Sãi đang chờ những cổ đại bác hữu dụng cho việc chiến tranh với họ Trịnh. Sau cùng, thêm vào lời vu cáo của các sư sãi và quan trông coi khu thương mại là An Mi, Chúa Sãi đã ra lệnh trục xuất các cha. Lệnh trục xuất đến Quảng Nam ngày 10-8-1629. Một quan lớn tại đây rất ghét đạo, đã bí mật bắt hai cha và hai thầy giảng.

Trong phiên tòa, quan nói: - *“Chúa thượng đã nhân từ cho các người được trở lại, nhưng các người nên nhớ đó là để giúp người Bồ Đào Nha chứ không phải người Việt. Dù có đồng vàng các người cũng không được đặt chân ở lại nước này đâu. Bởi vì lòng thảo kính đối với tổ tiên và cha mẹ quý giá hơn vàng bạc, trong khi đó các người lại đến hủy diệt và cấm đoán. Hơn nữa các người còn phạm đến các thần thánh khiến các đấng trừng phạt không cho mưa và dân chúng phải đói kém, dịch tễ. Các người còn làm cho tín đồ khóc lóc trước một người chết ô nhục, đó là một việc man rợ và đáng khinh miệt, chứng tỏ các người thích thú máu của dân ta và thích nhìn thấy dân ta phải hành hạ vì vâng lời các người. Dù đúng hay không thì lễ phép của chúng ta là văn minh và thiêng liêng, còn lễ phép của các người vẫn là mọt rợ, vì thế không thể chấp nhận được dù riêng tư ở nhà”.*

Sau đó các cha được đem xuống thuyền đưa về Hội An. Trên đường đi họ còn nhạo báng đủ điều. Cũng ngày hôm đó, lệnh đến Qui Nhơn bắt Cha G. Luiz và Cha A. Fontes. Các cha bị bắt giam tại nhà riêng trên cù lao nhỏ để chờ thuyền đưa về Macao, không một giáo dân nào có thể đến gần thăm các đấng. Còn hai Cha Manuele Fernandez và Macchiada Mattia thì không bị bắt. Cha Mattia là người

LM. VŨ THÀNH

Nhật nên về sống giữa người Nhật ở Hội An, còn Cha Fernandez hoạt động trong hai tỉnh gần Quảng Nam.

Trước hết Cha Buzomi và ba cha khác lên thuyền nhưng vì ngược gió phải đi xuôi Nam xuống Chàm. Hai Cha Luiz và Fontes cùng với Thầy Ribero và các thầy giảng đi một thuyền khác và khi tới biên giới Chàm thì thay đổi y phục lên xuống để tìm đường lén lút trở lại giáo đoàn. Sau các đấng thành công vào được tỉnh Phú Yên. Nhưng chẳng may tới bãi biển Phú Yên các cha và các thầy bị bọn cướp tấn công, ba thầy bị giết chết còn các người khác bị đánh nhừ tử. Sau mười ngày các đấng được một người Công Giáo giúp đỡ. Khi quan trấn Phú Yên biết được liền sai người đến an ủi và giúp đỡ các cha. Quan trấn cũng làm tờ biểu cuối năm trình về Chúa Sãi và được lệnh phải trục xuất các cha. Quan trấn giả cách bảo người Công Giáo đi khắp nơi dò hỏi xem các cha trốn ở đâu để dẫn đến nghe quan đọc lệnh trục xuất, nhưng đồng thời nói riêng với họ giúp các cha trốn tránh chú nếu ở trong rừng lại bị trộm cướp bắt lại.

Tháng 1-1630 tầu buôn Bồ Đào Nha từ Macao cập bến, Chúa Sãi và các quan lại thay đổi thái độ, niềm nở tiếp đón như không có gì xảy ra. Đại sứ Macao và các lái buôn về kinh yết kiến. Các cha đang trốn ở Phú Yên nghĩ rằng mọi sự tốt đẹp nên về lại Hội An. Thế nhưng nhà sư có thể lực cùng với quan trông coi khu người ngoại quốc thù ghét đạo đã vận động trục xuất các cha khi tầu buôn rời cửa Hàn. Chúa Sãi đã ưng thuận lập lại lệnh cấm năm trước. Một quan từ Thuận Hóa đến cửa Hàn để ra lệnh. Quan này cho gọi các cha đến trước tòa và nói: *“Chúng tôi người phương đông, các ông người phương tây, xa cách nhau nửa bán cầu. Các ông về nước mà rao giảng đạo thì hợp lý hơn, còn chúng tôi quyết giữ truyền thống cha ông đã truyền lại. Điều này các người không biết hay đúng hơn không muốn biết nên bị trục xuất mà không chịu đi khỏi, ra đi ngày hôm trước hôm sau lại trở lại. Các người nên biết rõ ý định của Chúa Sãi là dù tầu buôn có đến hay có dâng nhiều lễ vật cao ngất như núi cũng không kiếm được một miếng đất để đặt chân”*.

Thế là tầu buôn nhỏ neo chính thức mang các cha ra đi. Nhưng khi bóng đêm xuống, một chiếc thuyền nhỏ đã rước hai cha vào bờ, một cha làm việc tại Quảng Nam và Quảng Nghĩa, còn cha khác làm việc tại Qui Nhơn và Phú Yên. Ngoài ra hai cha người Nhật đã trá hình ở lại ngay tại khu nhà dành cho thương gia Nhật ở Hội An. Riêng

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cha Buzomi và hai vị thừa sai khác xuống Chàm và các đấng đã bị vua Chàm bắt giữ. Cha Buzomi phải hứa đem tiền đến chuộc các cha mới không bị giam tù, còn chính người lấy thuyền về lại Macao để liệu cách. Ra ngoài khơi người gặp tàu buôn Bồ Đào Nha ghé vào cửa Hàn Nam Việt. Năm ấy có 7 chiếc tàu buôn Bồ Đào Nha ghé qua Nam Việt trên đường về Macao. Cha Buzomi cho tìm hai cha trở về, mặc lại áo dòng để chính thức chào Chúa Sãi. Chúa Sãi nói với đại sứ Bồ như sau: *“Trẫm đã không khéo nên nghe lời các quan. Trẫm luôn luôn là bạn của các người Bồ và vì thế cũng mộ mến Chúa của người Bồ nữa. Là bạn, các ông cũng nên kính trọng các thần của nước ta nữa, đừng bắt chước các cha giảng lời chống lại các thần, cấm thờ kính hay dẹp bỏ các tượng thần”*.

Quay qua Cha Buzomi, đang cố trình bày chỉ có một đạo thật, Chúa Sãi tỏ lời thân mật và tín nhiệm. Được thể các cha đi thăm và an ủi giáo dân. Lúc ấy xảy ra trận hỏa hoạn lớn và mưa xuống như trút khiến các người ghét đạo lại làm áp lực bắt Chúa Sãi trục xuất các cha. Lệnh đưa xuống cho thuyền trưởng tại Hội An là khi gió mùa đến phải đem các cha về Macao. Cha Buzomi chính thức lên tàu buôn để về Macao chữa bệnh còn các cha khác thay đổi áo lên trốn ở lại.

Sau 5 năm trục xuất, Cha Buzomi lại được gọi từ Cam Bốt theo lên kinh dâng lễ vật. Lúc ấy Chúa Sãi đã già, nói với cha là ông rất buồn vì đã triệt hạ các nhà thờ và trục xuất các cha không phải vì ghét các cha nhưng chỉ vì là người đứng đầu của quốc gia. Chúa Sãi nói: *“Từ đây về sau các thần dân được tự do giữ đạo nào mà lương tâm họ thấy là phải, đạo Thiên Chúa hoặc đạo ông bà, nhưng đạo này không được chống đạo khác. Nếu người nào vi phạm Trẫm sẽ trừng phạt nặng nề. Với tự do Trẫm ban cho, mọi người phải hòa thuận. Các cha cứ việc đến nước của Trẫm, 100 người cũng được. Trẫm quý tất cả, nhưng trên hết là Cha Buzomi vì nhân đức và khôn ngoan của cha, Trẫm muốn gặp lại con người đức hạnh như thế”*.

Ngoài ra Chúa Sãi còn cho đất người Bồ Đào Nha làm nhà tại cửa Hàn, và bao nhiêu người đến ở cũng được. Họ theo phong tục riêng và có quan cai trị riêng. Các cha trở lại mặc áo dòng, công khai gặp gỡ giáo dân và làm nhà thờ tại cửa Hàn. Năm ấy các cha rửa tội được 880 người. Năm 1635 vì có hai vụ cháy nhà lớn, quan trấn Quảng Nam ra lệnh cho Cha Buzomi phải lấy thuyền mà đi ngay, đồng thời

LM. VŨ THÀNH

cấm giáo dân tụ họp và ra lệnh cho lính đi phá các nhà thờ cũng như thánh giá dựng bên đường. Không may tháng 11-1635, Chúa Sãi băng hà, Nguyễn Phúc Lan là người không ưa đạo Công Giáo lên kế vị.

CHƯƠNG 2

Dấu Tích Trưởng Thành Của Giáo Hội Thời Thượng Vương Nguyễn Phúc Lan (1635-1648)

Nguyễn Phúc Lan làm tướng ít có dịp tiếp xúc với các cha nên không có cảm tình với đạo, hơn nữa tính tình đa nghi, cứng cỏi và thích tặng quà. Dưới thời Thượng Vương, giáo hội Việt Nam bắt đầu đổ máu chứng tỏ lòng trung thành với Chúa Kitô. Vừa lên ngôi, Thượng Vương đã phải đem quân đi đánh chính người em, đang trấn thủ tại Quảng Nam, làm phản muốn cướp ngôi. Lúc ấy Cha Buzomi đang ở cửa Hàn.

1. Lệnh trục xuất các cha năm 1635 và năm 1639

Thượng Vương dẹp yên được người em nhờ ông hoàng Nguyễn Phúc Khê, con bà Minh Đức Vương Thái Phi và là chú của Thượng Vương, hết lòng giúp sức. Cha Buzomi liền về Thuận Hóa để chúc mừng Thượng Vương. Ban đầu Thượng Vương tỏ ra niềm nở, nhưng chỉ bốn ngày sau đã đổi sự ân cần thành lệnh trục xuất: *“Các cha dù nhiều hay ít, tất cả đều phải rời khỏi nước và không bao giờ được trở lại. Hơn nữa các cha đã xa quê hương lâu năm rồi cần phải về thăm xứ sở”*.

Các cha lạy tạ Thượng Vương và lợi dụng 36 ngày còn lại để củng cố giáo đoàn. Trong những ngày này có lần Thượng Vương xem tượng Chúa chịu nạn và nói rằng các cha bắt dân chúng thờ một tên nghịch tặc bị hành hình ghê gớm và bịa đặt nhiều điều vu khống khác. Ông cũng không quên tố cáo các cha đã cấm dân chúng tôn kính các thần trong nước. Những lời của các quan cũng làm Thượng Vương ghê sợ đạo nên đã ra lệnh thiêu hủy hết những ảnh tượng đạo và bắt các cha phải rời nước ngay nếu không sẽ phải xử tử. Nhờ người Bồ Đào Nha bỏ ra nhiều tiền mua chuộc mà ảnh tượng được trả lại để cùng với các cha lên tàu từ giả miền truyền giáo đầy quý mến.

Trong bốn năm trời, các cha hoặc lén lút hoặc đi về theo tàu buôn để liên lạc và hướng dẫn các giáo dân trong thời kỳ cấm cách. Đặc biệt các thầy giảng và ông trùm đã tỏ ra nhiệt thành và can đảm duy trì

LM. VŨ THÀNH

đức tin của giáo dân, mà còn hơn thế nữa, chuẩn bị một số dự tòng chờ khi có các cha sẽ rửa tội.

Vai trò những người trí thức cũng nổi bật trong thời kỳ này. Họ đọc sách và cắt nghĩa đạo lý cho các người lương dân. Một số quan Công Giáo không dám đến các cộng đoàn tín hữu vì sợ lộ tung tích đã ngấm ngấm hoạt động giữa người lương và lính tráng. Tại Quảng Nam có hai cha hoạt động là Cha Bê Trê Joannes Maria Leria và Cha Luiz. Không biết các cha đến hồi nào, chỉ biết tháng 1-1639 các cha bị trục xuất với lệnh cấm đạo mới.

2. Cha Đắc Lộ trở lại miền Nam và bốn lần bị trục xuất (1640-1645)

Tháng 2-1640 Cha Đắc Lộ và Cha Albert theo tàu buôn đến Hội An lên lút hoạt động. Nhờ đút lót, cha đã có thể lên kinh đô dâng lễ vật cho Thượng Vương và cử hành tuần thánh tại nhà thờ của bà Minh Đức Vương Thái Phi ở kinh đô và rửa tội 35 người, đồng thời viếng thăm các giáo đoàn trong tỉnh Quảng Nam. Đến mùa gió, tàu Bồ Đào Nha ra đi, Cha Đắc Lộ về lại Hội An làm như sửa soạn lên tàu để đi, nhưng ban đêm cha đã lên ở lại. Bị phát giác, quan trấn Quảng Nam đã ra lệnh cho cha dù lội nước mà đi cũng phải ra khỏi nước ngay. Cha thuê thuyền để về Macao vào tháng 9-1640.

Gió mùa tháng 12 đem các tàu buôn Bồ Đào Nha xuống Nam Việt, Cha Đắc Lộ lại đi theo để thực hiện chương trình củng cố giáo đoàn đủ sức đương đầu với cơn bắt đạo. Tới nơi cha chứng kiến ông Nghè Bộ tịch thu đồ đạo tại nhà ông Anrê và hành hạ ông. Nhờ lễ vật quý giá, cha được phép đi thăm Phú Yên, Qui Nhơn rồi về lại Hội An. Tình thế lắng dịu, cha lại làm chuyến viếng thăm mới. Cha Mattos nhận các tỉnh phía bắc Quảng Bình, Thuận Hóa, còn Cha Đắc Lộ trở lại các tỉnh phía Nam Quảng Ngãi, Qui Nhơn và Phú Yên. Trong 6 tháng, Cha Đắc Lộ rửa tội 1035 người. Khi tàu rời bến thì có mình Cha Đắc Lộ lên ở lại, nhưng ngày 12-7-1641 cha cũng buộc phải thuê thuyền đi sang Phi Luật Tân rồi về Macao.

Khi gặp tàu, cha lại trở về Nam Việt, ra sức lấy lòng ông Nghè Bộ. Rồi âm thầm cha đi thăm các tỉnh phía Nam, xa chỗ triều đình trong vòng hai năm. Cha chia các thầy thành hai đội, 5 thầy đi về phía Bắc do Thầy Inhaxiô làm trưởng đoàn, còn các thầy vùng Nam trực tiếp

DÒNG MÁU ANH HÙNG

dưới sự điều động của cha. Tháng 9-1643 cha lại bị trục xuất lần thứ ba về Macao.

Cuối tháng 1-1644 cha trở lại Nam Việt, cùng với 10 thầy lên dinh Thượng Vương dâng lễ vật. Vấn âm thầm, cha đi thăm các giáo dân trong các tỉnh phía Bắc. Cha Đắc Lộ về lại phủ Thượng Vương định thuyết phục ba quan lớn trong triều, nhưng cha đã thất bại, vì các ông không muốn công khai trở thành kẻ thù của quốc gia. Khoảng tháng 7-1644, ông Nghè Bộ từ kinh về với lệnh ngầm của bà Vương Phi Tống Thị tìm bắt Thầy Inhaxio. Không bắt được Thầy Inhaxio, họ liền bắt Thầy Anrê và xử tử ngày 26-7-1644. *Thầy Anrê là người tử đạo tiên khởi của giáo đoàn Nam Việt.* Ngay sau đó Cha Đắc Lộ phải lên tàu mà đi. Ban đêm cha lại lên xuống để ở lại với giáo đoàn đang bị bắt bớ. Cha sai Thầy Inhaxio lên các tỉnh phía Bắc, còn chính cha dùng thuyền nhỏ đi về các tỉnh phía Nam, lấy đêm làm ngày để gặp gỡ giáo dân. Tại Qui Nhơn cha bị cướp bắt trời với các thầy nhưng rồi lại được thả. Chúa trả công bằng cách thêm cho cha ba thầy mới, nâng số các thầy lên 12, như 12 tông đồ của Chúa Kitô. Tuân thánh năm 1645, cha về lại Quảng Nam và bị bắt tại đây với 9 thầy. Cha đã bị kết án xử tử, nhưng nhờ có quan can thiệp, án của cha được đổi sang là trục xuất. Ngày 3-7-1645, cha vĩnh biệt rời Việt Nam để nhận lãnh một sứ mạng mới là vận động Tòa Thánh để sai giám mục sang Việt Nam và truyền chức linh mục cho các thầy giảng, để giáo hội Việt Nam có thể tự đứng vững với sự trợ giúp thiêng liêng của chính các linh mục bản xứ.

3. Cuộc xung đạo và tử đạo của Thầy Anrê Phú Yên, vị anh hùng tử đạo tiên khởi tại Nam Việt (bị bắt ngày 25-7-1644, tử đạo ngày 26-7-1644)

Các vị thừa sai vẫn coi giáo hội Việt Nam còn non nớt vì chưa có ai đổ máu đào ra chứng minh lòng trung thành. Thì đây máu đào của Thầy Anrê đã làm cho Cha Đắc Lộ hết sức khâm phục, và cùng với cha bao nhiêu người khác được biết đến và khâm phục đức tin kiên cường của người Việt Nam. Hiện tại ở Macao có một nhà thờ giữ hài cốt các vị tử đạo thời kỳ này và có lưu trữ hồ sơ án phong Á Thánh cho Thầy Anrê. Sách Cha Đắc Lộ chép về cuộc tử đạo của thầy được dịch ra tiếng Bồ Đào Nha và xuất bản tại Macao năm 1981. Sau đây là nội dung cuộc tử đạo của thầy dưới ngòi bút điều luyện của Cha Đắc Lộ.

LM. VŨ THÀNH



Không có tài liệu nào cho biết tên thật của thầy, chỉ được biết quê quán của thầy ở Phú Yên. Theo niên hiệu tử đạo và tuổi tác thì có lẽ thầy sinh vào năm 1625. Theo tài liệu hoạt động của Cha Đắc Lộ chúng ta có thể suy đoán là thầy được rửa tội năm 1641 và được khấn trong bậc thầy giảng năm 1643 tại Hội An. Thầy Anrê đã được thụ huấn với Thầy Inhaxio, trưởng đoàn các thầy giảng.

Ngày 25-7 vào khoảng trưa, lính đến nhà Cha Đắc Lộ để bắt Thầy Inhaxiô theo lệnh của ông Nghè Bộ, nhưng cả hai đã xuống thuyền với ý định lên chào thăm ông, vì nghe tin ông từ kinh mới về. Thầy Anrê hôm ấy tình nguyện ở nhà để săn sóc cho một thầy khác đang ốm. Trước những hành động hung hăng phá phách của lính, Thầy Anrê điềm nhiên nói với họ: *“Nếu các ông muốn bắt Thầy Inhaxiô thì vô ích, vì thầy không có ở nhà. Còn nếu muốn bắt tôi thì cứ bắt, vì tôi cũng là người Kitô và còn là thầy giảng nữa. Tôi có cả hai tội mà các ông khếp cho Thầy Inhaxiô. Nếu thầy ấy có tội thì tôi làm sao vô tội được”*.

Binh lính xông vào nhà giật các ảnh tượng và lôi thầy đang ốm đứng dậy. Thầy Anrê lại nhỏ nhẹ nói: *“Nếu các ông quyết định lấy những ảnh đạo ấy thì cứ để tôi xếp lại cẩn thận cho, càng dễ mang theo”*.

Đồng thời thầy còn nài xin để thầy đang bị ốm được bình yên. Trong khi đó Cha Đắc Lộ vừa đến dinh quan nghè thì được một người Bồ Đào Nha đến báo tin việc xảy ra tại nhà. Cha liền cho lệnh các thầy trốn đi, còn cha và người Bồ Đào Nha đó vào dinh cố thuyết phục ông nghè. Gặp cha, ông nghè sừng sốt nói ngay: *“Thượng Vương rất giận ông vì ông cả gan đi khắp xứ truyền bá một thứ đạo mới làm cho người ta mất hết tinh thần đạo giáo của tổ tiên. Thượng Vương không nỡ hại ông vì ông là người ngoại quốc, nhưng ông phải rời nước ngay nếu không Thượng Vương sẽ nổi cơn thịnh nộ và phạt ông xứng tội trạng. Còn những người kia là thần dân họ phải tuân lệnh không được*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

theo đạo ông giảng. Nếu họ còn cố chấp sẽ bị coi là phản bội và sẽ bị xử theo tội ấy”.

Cha Đắc Lộ biện bạch: “Tôi đến xứ Nam Việt và ở lại đây chẳng vì mục đích nào khác ngoài ý muốn giữ trọn giới răn Chúa, là Đấng mà Thượng Vương cũng như tôi và các vua chúa thế gian đều phải thờ phượng kính mến. Cho đến nay tôi vẫn rao giảng đức tin song không hề cưỡng bách ai theo. Nhưng nếu ai nhận biết sự thật mà tin theo lẽ nào tôi độc ác đến nỗi ngăn cản họ, và làm như vậy là phạm một tội ghê gớm nhất. Và lại ngoài việc giảng đạo làm sáng danh Thiên Chúa, tôi hoàn toàn vâng phục mọi lễ luật của chúa thượng và của quan lớn nữa. Nhưng không một sự vật gì ở đời này có thể làm cho tôi phản bội Thiên Chúa để làm đẹp lòng người thế gian. Về điểm này tôi chẳng sợ hình phạt, cũng chẳng sợ chết. Thượng Vương và quan lớn có thể giết tôi song không thể làm cho tôi đổi ý. Thượng Vương và quan lớn đừng khếp tội các giáo hữu, hãy trách cứ mình tôi vì chính tôi giảng dạy và rửa tội cho họ”.

Tối hôm ấy cha vào tù thăm cụ già Anrê cũng mới bị bắt giam trong nhà tù tối tăm khó chịu. Người thuật lại: “Cổ ông đeo gông nặng như các tù nhân trọng tội ở nước này, nhưng ông lại coi đó là một cây kiềng danh dự. Ông không cho đó là cực nhục mà lại lấy làm vinh hạnh. Ông tỏ ra vui mừng trong xiềng xích, khác nào một Thánh Phaolô thứ hai trong ngục tù vậy”.

Cũng tối hôm ấy bọn lính giải Thầy Anrê đến trước mặt ông nghe. Thấy người thanh niên trẻ tuổi, ông sùng sộ với toán lính sao lại bắt người hiền lành như thế mà không bắt Inhaxiô. Bọn lính thưa lại: “Inhaxiô đi vắng, nhưng người trẻ này cũng thuộc hạng như Inhaxiô, dọc đường vẫn còn cố chấp giảng đạo cho chúng tôi”.

Ông nghe lấy lời ngon ngọt dụ dỗ và hứa hẹn giúp Anrê xây dựng một tương lai sáng lạn. Nhưng gặp thái độ cương quyết và say mê đạo của thầy giảng trẻ tuổi, quan nghe phải khựng lại và tức tốc ra lệnh đóng gông thật nặng và giam chung với cụ già Anrê.

Sáng ngày 26-7, ông nghe triệu tập phiên họp các quan để ra án tù. Ngay sau khi các quan đồng lòng lên án, họ mới đưa hai tù nhân ra để nghe án. Cha Đắc Lộ thuật lại thái độ của hai người: “Họ bước đi vững mạnh, không hề sợ hãi, lại hân hoan như đi dự tiệc cưới vậy. Vai

LM. VŨ THÀNH

mang gông nặng nhưng họ vẫn tỏ ra khoan khoái dễ chịu, vì đó là xe chở họ về nước thiên đường”.

Bản án gồm hai phần: trước hết xử tử hai người nội trong ngày hôm đó, và thứ đến đốt các đồ đạo. Trong khi chờ đợi hành quyết, Cha Đắc Lộ và người Bồ Đào Nha lại vận động một lần nữa xin trả ảnh đạo lại, lấy lễ Thượng Vương đã cho phép họ đến buôn bán và họ phải mang theo các đồ đạo để giữ đạo. Quan hứa trả đồ lễ, nhưng ảnh thì phải đốt. Tiếp đến họ xin tha mạng cho hai người vô tội, lấy lễ chưa có người Công Giáo nào phạm lỗi với Thượng Vương, vì phép đạo dạy phải kính đáng bề trên, yêu kẻ bề dưới, nộp thuế cho vua và làm lành lánh dữ. Họ cũng nói rằng Thượng Vương sẽ không nỡ giết một cụ già 73 tuổi và một thiếu niên 19 tuổi không bao giờ trộm cắp nhưng vẫn một lòng trung thành với Thượng Vương, còn tín ngưỡng là quyền tự do riêng của mỗi người lựa chọn để lo việc cứu linh hồn mình về đời sau. Quan trả lời: *“Vụ xin cho lão già đã 73 tuổi được sống với con cháu ít lâu nữa, cứ lễ ấy thì chẳng đáng tha. Vì tôi đã hỏi lão ba bốn lần có phải là bốn đạo chẳng thì lần nào lão cũng nói là bốn đạo đã lâu năm, không chịu bỏ đạo Đức Chúa Trời và sẵn lòng chịu phạt thế nào cũng được. Lời lão già nói rất dai, vì cứng cổ thì càng dai, nhưng đã dai thì ta tha cho sống. Còn người trẻ thì không tha được vì y bạo ngược và cả lòng, lại quyết mình không lằm, cứ nói rằng mình là bốn đạo thờ Chúa Trời Đất, dù cách nào cũng không bỏ, lại sẵn sàng chịu mọi hình phạt, cả đến mất mạng sống nữa. Nếu như khi ấy y nói với tôi là mình nghèo khó phải đi ở với giáo sĩ để có ăn thì tôi tha. Song cả lòng thì chết”.*

Một lần nữa họ cố nài nỉ, luận lý rằng cả hai người có đạo sao lại tha một người, giết một người. Cha Đắc Lộ cũng nói: *“Nếu theo đạo không phải là một tội thì thanh niên kia sao phải chết? Còn như theo đạo là có tội thì tại sao tôi không được chết như anh ta. Vậy tôi xin tuyên bố công khai là tôi có đạo, tôi giảng đạo và tôi rửa tội cho tất cả những ai theo đạo”.*

Không thành công, Cha Đắc Lộ xuống nhà tù để yên ủi và sửa soạn cho hai người lính canh trường của Chúa đi lãnh triều thiên tử đạo. Ông Anrê đã mặc áo chỉnh tề mà không được vinh dự tử đạo nên rất buồn. Mọi người chạy đến ôm hôn Thầy Anrê, thầy chỉ ấp úng thưa: *“Tôi là kẻ có tội, xin cầu nguyện cho tôi”.*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Binh lính thấy thái độ người ngoại quốc trọng kính người sắp chết vì đạo như vậy thì rất ngạc nhiên, đồn thổi khắp cả thị trấn làm bao nhiêu người tò mò tuôn đến nhà lao. Lợi dụng cơ hội, thầy khuyên mọi người: “*Hỡi anh chị em, đối với Chúa Giêsu rất yêu dấu, chúng ta hãy lấy tình yêu mà đáp lại tình yêu. Chúa đã chịu chết và đau khổ vì chúng ta, chúng ta hãy lấy sự sống mà đáp lại sự sống*”.

Với người bên lương, thầy nói với họ: “*Các anh chị em thấy rõ tôi đây đã bị bắt và sắp phải chết, chẳng phải vì ăn cướp giết người hay làm thiệt hại ai, mà chỉ vì tôi đã nhìn nhận Chúa Tể trời đất và Con một Người xuống thế chịu chết chuộc tội cho chúng ta. Mọi sự chúng ta có đều do nơi Người. Thế mà người ta lại muốn tôi phạm đến Người. Tôi chẳng sợ bất cứ hình phạt nào người ta bắt tôi phải chịu, tôi chỉ sợ lửa hỏa ngục đời đời, là hình phạt dành cho kẻ không tin thờ Thiên Chúa. Anh chị em hãy coi chừng, đừng từ chối ơn Đức Chúa Trời ban, phải liệu sao cho khỏi bị xử phạt đời đời*”.

Thình thoảng thầy lại hỏi: “*Sắp đến giờ chưa, tôi đã sẵn sàng rồi mà sao người ta lại chậm thế, còn chờ gì nữa*.” Thầy còn nói: “*Tôi tưởng như cửa thiên đường đã mở ra cho tôi, tôi thấy Chúa Giêsu đang đứng trước cửa đó để đón nhận tôi, bao nhiêu thánh tử đạo giờ cho tôi xem mũ triều thiên và cành thiên tuế. Ôi, thiên đường, hạnh phúc dường nào, mau mau cho tôi về thiên đường. Tại sao người ta trì hoãn lâu vậy?*”

Chờ đã lâu mà mặt trời vẫn còn cao, Thầy Anrê than: “*Sao mặt trời chẳng chịu lặn xuống cho chóng*”.

Người ta đem thức ăn đến, thầy chỉ ăn một chút theo lời Cha Đắc Lộ khuyên để có đủ sức ra tới pháp trường, rồi uống một ly nước và nói: “*Thế là đủ! Tôi để dành bụng ăn tiệc thiêng liêng dọn trên thiên đường*”.

Từ khi có tin báo giờ đã gần, thầy thăm thí đọc kinh Tin, Cậy, Mến và kêu tên cực trọng Chúa Giêsu và Mẹ Maria luôn mãi. Tới giờ, lính đến điệu thầy ra pháp trường. Một tên lính đi đầu thình thoảng rao lệnh: Vì theo đạo Bồ Đào Nha nên phải phạt. Còn một người lính khác thì đánh thanh la. Thấy Anrê đeo gông, đi giữa đám lính cầm giáo mác sẵn sàng. Bọn lính đi rất nhanh và họ đi qua tất cả các phố lớn ở Dinh Chiêm trước khi ra cánh đồng lớn. Khi tới nơi, Cha Đắc Lộ xin nói vài lời nâng đỡ. Thấy Anrê qui dưới đất, từ chối tám chiếu

LM. VŨ THÀNH

mới mà Cha Đắc Lộ trải ra. Lý hình tháo gông và Thầy Anrê nói lời từ biệt với mọi người: *“Hỡi anh chị em, chúng ta hãy trung tín với Chúa Kitô cho đến hết hơi, cho đến trọn đời”*.

Người lý hình biết nạn nhân là người tốt lành nên trước khi hành quyết cũng lâm râm cầu khẩn: *“Lạy trời, nếu tôi có phạm tội vì giết người này thì xin tha cho tôi, vì tôi chỉ là người thừa hành”*.

Nói rồi anh đến đằng sau lưng, đâm Thầy Anrê từ giữa hai bả vai thấu suốt ra trước ngực. Thầy quay qua chào Cha Đắc Lộ, nhưng cha bảo thầy ngược lên trời. Thầy vẫn không ngớt kêu lên thánh danh Chúa Giêsu và Mẹ Maria. Người lý hình đâm thêm ba nhát, và cuối cùng một người lính khác chém đầu cho đứt hẳn. Cha Đắc Lộ làm chứng là vẫn còn nghe thấy tên Giêsu phát ra từ cuống họng thầy. Thánh Danh Giêsu không thể phát ra đằng miệng thầy nữa, thì lại phát ra từ trái tim thầy, ngay đang lúc thoi đập để tỏ rằng trái tim này dầu có chết cũng còn giữ mãi thánh danh kia, và khi không thể dùng miệng lưỡi mà ca ngợi tên cực trọng Giêsu được nữa thì thầy dùng chính vết thương mình mà ca ngợi Thiên Chúa.

Xác Thầy Anrê ngã xuống đất, quân lính bỏ đi, giáo dân liền đến vây quanh thấm máu và chia nhau những di tích. Riêng Cha Đắc Lộ đã mang sẵn tấm vải mới để thấm tất cả máu từ năm vết thương chảy ra và giữ như một thuốc thơm, một linh dược chữa lành mọi bệnh. Cha Đắc Lộ giảng một bài ngắn về ý nghĩa cái chết tử đạo và kết luận: Trước mắt người vô đạo, họ coi như đã chết... nhưng thật ra họ đang sống bình an. Giáo dân đã mang sẵn quan tài để đặt thi thể của thầy cùng với những nhánh cỏ vấy máu. Quan tài được chở về Hội An. Các thầy bạn của Thầy Anrê, không được Cha Đắc Lộ cho phép đến chỗ xử vì sợ bị bắt, khi vừa trông thấy quan tài đã khóc òa lên và sấn lại ôm lấy. Các thầy than thở với Cha Đắc Lộ: *“Tại sao cha giữ chúng con ở nhà, không cho chúng con đến xưng đạo trước mặt quan? Bao nhiêu con cái cha đều có thể là bấy nhiêu người tử đạo. Chúng con đều có can đảm chịu chết như Anrê. Kia thầy ấy tự trên trời đang gọi chúng con, giờ triều thiên cho chúng con coi, khuyến khích chúng con đi theo thầy trên đường hạnh phúc”*.

4. Ba mươi lăm người xưng đạo tại Qui Nhơn

Tin tử đạo của Thầy Anrê đã làm phấn khởi những tín hữu sốt sắng ở Qui Nhơn. Ông trùm coi họ này là Ông Anton Ngũ, đã vội vàng

DÒNG MÁU ANH HÙNG

lên gặp Cha Đắc Lộ để hỏi xem phải có thái độ nào trong hoàn cảnh tương tự. Cha khuyên ông trở về khích lệ giáo dân sẵn sàng và can đảm trong cuộc chiến cam go của đức tin. Một ít ngày sau, quan trấn thủ sai quan án đến ra lệnh tập trung tất cả những người có đạo. Nội trong một ngày có 700 người trình diện. Thay vì làm cho dân chúng khiếp sợ, chính quan và lính thấy đám đông thì bối rối, chỉ chọn lấy 36 người trói lại để giải về cho ông nghề Bộ.

Ông nghề liền hạch sách: *“Các người muốn gì?”*

Tất cả thưa lại: *“Chúng tôi muốn chết để được sống đời đời như lời Chúa Giêsu đã hứa cho những ai tin vào Người. Được chết vì Người là một vinh dự”.*

Trong số 36 người có một ông nhà giàu, khi ra trước sân phủ đã quá sợ hãi nên chối đạo. Nhưng sự hèn nhát của ông không làm nao núng 35 người còn lại. Quan trấn không dám vượt quá thẩm quyền mình nên nói sẽ chọn ra 6 người, định đánh đòn trước mặt những người khác để làm gương nhưng không nói rõ. Tối hôm đó, mọi người xưng tội rước lễ và ai cũng tranh cho được vào số 6 người. Người thì nói mình là tín hữu lâu đời, kẻ khác lại nói mình không quan trọng cho họ đạo nên sẵn sàng chịu chết. Trong số đó có hai cha con cũng tranh nhau. Người cha nói rất tiếc phải tranh với con để không thua lòng can đảm của con mặc dù sức khỏe đã yếu kém. Người con thưa lại rằng mình không quan trọng và không phải lo cho gia đình như cha. Quan án được lệnh đến nhà giam chọn 6 người, trong đó đứng đầu là ông trùm Antôn Ngũ. Tất cả 6 người bị đóng gông mà Cha Đắc Lộ hay gọi là thánh giá của người Nam Việt, hiên ngang theo lính ra phủ đường, 29 người khác được tự do cũng theo ra. Những người được chọn vui vẻ hơn hờ vì biết rằng mình sẽ được chết vì Chúa Kitô. Nhưng tới phủ đường, quan chỉ ra lệnh đánh đòn mỗi người ít roi. Bản án quá nhẹ làm họ sững sốt. Lính lại đánh có 4, 5 roi nhẹ càng làm cho họ buồn tiếc, mất cơ hội chịu khổ vì Chúa. Cả 6 người được thả về liền tìm đến Cha Đắc Lộ phàn nàn. Cha đã khuyên họ rằng lòng ước muốn chịu chết vì Chúa cũng rất đáng kể, và đây mới chỉ là cuộc thử thách đầu tiên, tập luyện cho những cuộc thử thách lớn sau này mà họ sẽ có dịp minh chứng lòng trung thành trọn vẹn.

5. Cuộc xung đạo và tử đạo của hai Thầy giảng Inhaxiô và Vinxensô (Tử Đạo ngày 15-7-1645)

Thầy Inhaxiô sinh khoảng năm 1608 tại làng Liêm Công, Mĩ Linh, trong một gia đình ngoại đạo có 7 anh em. Cha mẹ cho Inhaxiô theo học tới nơi tới chốn nên Inhaxiô đã đỗ đạt làm quan và lập gia đình. Nhưng vợ chết sớm lúc Inhaxiô đang theo giúp ông Hoàng Nguyễn Phúc Khê, con bà Maria Minh Đức Vương Thái Phi. Sau đó Inhaxiô thường hay đến thăm một người cậu theo đạo Công Giáo và mượn các sách đạo về xem. Khoảng năm 1643 Inhaxiô trở lại đạo và được Cha Đắc Lộ rửa tội. Cha Đắc Lộ viết: *“Thầy Inhaxiô là người có địa vị, trước đây làm quan, có học thức uyên thâm và đạo đức nữa. Từ khi trở lại đạo và được rửa tội, thầy luôn sống bên tôi, không muốn rời lúc nào”*. Ngày 31-7, thầy được chính thức nhận vào sổ các thầy giảng (tức là những người phải am hiểu thâm sâu đạo lý Công Giáo, có nhân đức và biết chữ nghĩa). Mặc áo thầy giảng được mọi người kính nể thì thầy lại đem bộ áo mới ấy cho một người nghèo. Thầy cắt tóc và bắt đầu hãm mình như một tập sinh. Từ khi làm thầy giảng và được cử làm trưởng đoàn, thầy không ngừng rao giảng đạo, nhất là đã chinh phục được mẹ và một người em trở lại đạo. Chính thầy đã rửa tội 252 người.

Thầy Vinxensô sinh tại Quảng Nghĩa, làng Phú Khuê. Cha mẹ thầy là Tomasô Đê và Madalêna Dương, nhà nghèo nhưng rất đạo đức. Vinxensô là con cả, có hai người em đều được Cha Buzomi rửa tội. Mẹ chết sớm nên cha đã tái giá. Vì nhà nghèo nên Vinxensô phải đi ở đợ, giúp việc cho các gia đình nhà giàu. Dù mới 12 tuổi Vinxensô đã có một lòng đạo đức đặc biệt, thuyết phục được một số gia đình giàu có trở lại đạo. Cha Đắc Lộ thấy Vinxensô có nhiều đức tính nên nhận cho đi học và hai năm sau nhận vào sổ các thầy giảng.

Cả hai Thầy Inhaxiô và Vinxensô đã bị bắt cùng với một thầy giảng khác tại Qui Nhơn. Vụ bắt này là do bà Tống Thị, chị dâu của Thượng Vương, có sắc đẹp lộng lẫy nên khi chồng chết bà đã quyến rũ Thượng Vương và được tự do ra vào trong cung, xúi dục việc cấm đạo vì bà rất ghét đạo. Sự nhiệt thành giảng đạo của Thầy Inhaxiô, một vị quan trong triều ngày trước, càng làm cho bà tức giận. Bà ra lệnh cho quan trấn thủ Quảng Nam phải bắt đạo và nhất là bắt cho bằng được Thầy Inhaxiô. Tất cả bị giải về Kinh chung với đám trộm cướp. Lợi dụng cơ hội, Thầy Inhaxiô đã khuyên được ba người trở lại

DÒNG MÁU ANH HÙNG

đạo. Trong thời gian bị giam giữ ở Kinh (Thuận Hoá) thầy vẫn tiếp tục giảng đạo và đọc kinh công khai. Có cả những ông quan nhỏ và đám lính canh đến nghe giảng đạo. Thấy rửa tội thêm được ba người nữa. Cha Đắc Lộ được tin liền viết thư hỏi xem có cần tiền không, thì thầy trả lời là cha chỉ cần gửi nhiều ảnh đến.

Từ khi các thầy bị bắt, Thượng Vương đã hai lần sai ông cai đội Thang khuyên các thầy chối đạo, nhưng chẳng đi đến đâu. Ngày thứ 32, chính Thượng Vương đến tra hỏi các thầy: *“Các người có biết là bên Nhật hoàng để đã giết hàng ngàn người theo đạo ‘Hoa Lang’ (Bồ Đào Nha) không?”*

Thầy Inhaxiô đáp: *“Đạo hạ thần theo không phải là đạo Bồ Đào Nha nhưng là đạo của Chúa trời đất. Đạo trước hết dạy thờ kính Chúa Trời, sau đến vua cai trị đất nước và cuối cùng là cha mẹ”.*

Thế rồi thầy đọc luôn 10 điều răn của Đức Chúa Trời. Thượng Vương quay qua hỏi Thầy Vinxensô tương tự như thế. Thầy Vinxensô cũng đáp: *“Đạo Đức Chúa Trời là đạo thật, sửa sai các tội phạm, không được trộm cắp, không được giết người hay cướp vợ”.*

Nghe tới đây Thượng Vương nổi giận ra lệnh chém cổ hai thầy, còn 7 thầy khác bị đánh đòn, chặt một ngón tay và cắt tóc cho trọc đầu (một hình phạt xỉ nhục thời bấy giờ).

Đến ngày điệu đi xử, Thầy Inhaxiô, Thầy Vinxensô và các thầy khác hùng dũng ra pháp trường giữa 200 quân lính áp giải. Dân chúng đi theo rất đông để xem. Đi đầu là một người lính cầm chiêng, vừa đánh vừa loan báo tội trạng: Chúa Thượng ra lệnh hai người này phải chém đầu vì đã theo đạo “Hoa Lang”. Bất cứ ai theo đạo này sẽ phải án tử như thế. Khi tới Cho Linh, các lý hình lần lượt tháo gông các tù nhân, cắt tóc và chặt ngón tay 7 thầy kia. Trong khi đó Thầy Inhaxiô mạnh mẽ giảng đạo lần nữa trước đám đông: *“Đạo Chúa là đạo chân thật, anh chị em đừng sợ nhưng hãy vững tin”.*

Trong đám đông có mẹ già Thầy Inhaxiô cũng theo ra pháp trường, Thầy Inhaxiô nói lời từ giã trong khi mẹ già đấm ngực thảm kêu tên Chúa Giêsu giúp sức cho con mình. Lý hình chém đầu Thầy Vinxensô trước, rồi đến đầu Thầy Inhaxiô. Những người chứng kiến quả quyết rằng đầu Thầy Inhaxiô rơi xuống đất rồi vẫn còn phát ra tên cực trọng Chúa Giêsu ba lần nữa. Hôm ấy là ngày 22-6 Âm Lịch

LM. VŨ THÀNH

(15-7-1645) dưới thời Đức Ông Thái Bảo. Thầy Inhaxiô được 37 tuổi và Thầy Vinxensô 19 tuổi.

Giáo dân ulla vào thắm máu các vị anh hùng tử đạo. Giáo dân đã chuẩn bị bốn chiếc thuyền dưới sông để đưa xác các vị đi an táng tại một nơi thích hợp. Tất cả cung kính đưa xác ra tới sông, nhưng chỉ có 29 người được xuống thuyền đến nơi an táng. Trước cảnh giáo hữu cũng như những người ngoại giáo tỏ vẻ tôn kính các vị anh hùng tử đạo, Thượng Vương giận dữ sai lính đến hai làng có đông người Công Giáo để bắt những người đang hội họp trước hài cốt các vị tử đạo. Một số đông bị đánh đập và đưa về Thuận Hóa. Ngày hôm sau các quan chỉ làm sổ trình tên ông Đavít, một thương gia người Armenia. Thượng Vương hỏi tại sao thắm máu người bị xử tử như vậy. Ông Đavít trả lời: *“Trước hết tôi là một người Kitô hữu, không sinh ra tại Nam Việt nhưng tại Armenia, nơi người ta đã theo đạo hết. Sau nữa tôi không uống, mà chỉ thắm máu do lòng nhân đạo để đem chôn cùng với xác, và tránh khỏi bị người khác đạp chân lên hoặc bị chó ăn”*. Thượng Vương ra lệnh đánh đòn rồi trả tự do.

6. Cuộc xung đạo của 6 giáo dân Quảng Bình và cuộc tử đạo của ông Trùm Augustinô và ông Alexi (tử đạo ngày 4-7-1646)

Dù trong thời cấm cách, hai ông Augustinô và Simêon tại xã Quê Đai vẫn hoạt động hăng say, trong khi đó tại xã có dịch làm chết trâu bò. Người lương liền làm đơn kiện lên Thượng Vương. Thượng Vương sai ông cai đội Xuyên với 50 tên lính đến bắt các người Công Giáo, trong đó ông Augustinô và Simêon đứng hàng đầu. Đang đêm họ đến nhà hai ông bắt trói lại rồi lũng các nhà khác. Một số phải đút tiền để được tha, số khác chạy trốn vào rừng. Trong khi lính lũng bắt như vậy thì ông Alexi ra xưng mình là lính và có đạo. Trước mặt ông cai đội, Alexi vẫn một mực xưng mình là người có đạo, không chịu đạp ảnh hay làm theo những lễ quanh co do ông cai đội đưa ra để cứu người đồng đội. Hơn nữa Alexi còn xin được đeo gông như hai cụ trùm, vì theo luật, lính có tội được miễn nhục hình đó. Tất cả 6 người bị giải về triều đình. Sáu tù nhân là các ông Augustinô Thanh Phương, Alexi Hoa Thanh, Simêon Là, Inhaxiô Cương, Paolô và Gioan. Sau ba ngày đường, họ tới dinh Thượng Vương ở Thuận Hóa. Thượng Vương bỡ ngỡ khi thấy giải đến ba người đứng đầu, trong khi lệnh chỉ bắt có hai người. Cai đội phải giải thích về trường hợp của Alexi. Thượng Vương liền quay qua hỏi Alexi trước: *“Tại*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

sao người theo đạo Bồ ta đã cấm? Người không biết rằng mỗi nước có thói tục riêng sao?”

Alexi thưa: *“Thần không học đạo Bồ hay theo luật Bồ, nhưng là theo đạo Đức Chúa Trời. Trong đất nước của ngài, ngài muốn giết thì giết thần xin cảm ơn, nếu tha thần cũng cảm ơn”.*

Chúa Thượng giặc quay qua hỏi ông Simêon: - *“Còn ông đã già sao lại theo đạo này”*

- *“Tôi không biết phải thưa lại ngài như thế nào về đạo Thiên Chúa, vì tôi không có học hành”.*

- *“Người không có học sao lại bỏ đạo cũ theo đạo mới?”*

- *“Dù không có học nhưng có tai tôi vẫn có thể nghe giảng về đạo Đức Chúa Trời, tìm ra lẽ phải và tin theo”.*

Sau đó Thượng Vương quay qua hỏi ông Augustinô những câu tương tự, sau cùng thì hỏi: *“Đức Chúa Trời là ai?”*

- *“Là Đấng tạo dựng nên trời đất, tất cả mọi sự trong vũ trụ, cả hồn cả xác chúng ta, và vì vậy chúng ta có bốn phận phải cảm ơn Người”.*

Sau khi đã tra hỏi, Thượng Vương ra lệnh xử trảm ông Augustinô và Alexi, còn những người khác cắt tóc trọc đầu, đánh đòn và chặt một ngón tay. Lệnh truyền cho quan trấn Quảng Bình thi hành và phạt như thế với bất cứ ai xưng mình là người có đạo, còn các ảnh tượng phải đem đốt. Thái độ không sợ chết của họ khiến mọi người hăm hở chịu chết. Các tù nhân được dẫn về Quảng Bình. Trước hết, vợ và con mới 7 tuổi của ông Alexi chạy ra đón, vui mừng và hãnh diện. Lính ngạc nhiên hỏi Alexi: *“Ông không thương vợ con đến đây hay sao?”* Ông Alexi nói với con hãy vui mừng, vì ông được thăng quan trên nước Chúa, và nói với vợ đừng cắt tóc để tang ba năm như những người khác. Bốn ngày sau khi tuyên án, 6 giáo dân được dẫn ra pháp trường. Đi đầu là người lính rao lệnh: *Tất cả các người nên biết, ai theo đạo “Hoa Lang” sẽ phải chém. Tới nơi, lính đứng chung quanh các ông, bên ngoài có đông đảo giáo dân cũng như lương dân. Một bà tên là Inhaxia trải chiếu xuống đất để máu tử đạo không rơi xuống đất. Trước hết lính đánh đập bốn người kia. Trong khi ấy ông Augustinô nói: “Anh chị em hãy can đảm giữ luật Chúa”.*

LM. VŨ THÀNH

Rồi quay qua Alexi, ông nói tiếp: “*Anh chị em hãy yêu nhau, giờ này chúng tôi không sợ hãi gì vì chúng tôi đi về nước trời, chúng ta cùng nhau kêu thánh danh Giêsu và Maria trên cửa miệng và trong tim, cả hai chúng ta cùng đi*”.

Hai ông bị chém, đầu bị bêu lên chiếc cọc cao. Còn cụ Simêon 62 tuổi chịu trận đòn đau đã chết 10 ngày sau. Quan phủ Quảng Bình là người kính sợ Chúa nên ra lệnh cho lính phải cột sách đạo vào cây để đốt chứ không được vất xuống đất. Hôm ấy là ngày 4-7-1646 (22-6 âm lịch), cuối đời Thượng Vương. Ông Augustinô được 42 tuổi, làm trùm họ, và ông Alexi 43 tuổi. Xác các vị anh hùng tử đạo được họ hàng đem an táng và cất giữ các vật dụng. Nhờ máu tử đạo của hai vị mà 500 người đã trở lại đạo tại Quảng Bình.



CHƯƠNG 3

Máu Hồng Lĩnh Láng Dưới Thời Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần (1648-1687)

Ngày 19-3-1648, Thượng Vương băng hà sau một thời gian sống sa hoa trụy lạc với bà Tống Thị, vợ của anh mình, và đã đổ bao nhiêu máu người Công Giáo. Nguyễn Phúc Tần là người lên kế vị, lấy hiệu là Hiền Vương. Ông là một người có óc chinh phục, kiêu kỳ và nhiều tham vọng. Ông lên ngôi lúc 29 tuổi và trị vì được 39 năm. Không những lấn đất Chiêm Thành, Hiền Vương còn gây chiến với Họ Trịnh phía Bắc. Vừa cần người Bồ Đào Nha mang súng đạn tới nhưng lại vừa nghi ngờ người Công Giáo. Dưới thời Hiền Vương, giáo hội Nam Việt trải qua những thay đổi cực kỳ quan trọng: vô số người tử đạo, hội thừa sai Ba Lê bắt đầu truyền giáo tại đây, linh mục Việt Nam đầu tiên, giám mục đại diện Tòa Thánh sang thăm viếng để ủy lạo và ban phép Thêm Sức, Dòng Mến Thánh Giá được chính thức thành lập...

1. Hoạt động của các cha thừa sai (1648-1659), cuộc xung đạo và tử đạo của Phêrô Nết năm 1657

Từ cuối đời Thượng Vương đã có sự nghi kỵ người Bồ nên Cha Saccano người Ý, không biết tiếng Việt, được phép ở lại “vì không thể truyền giáo cho người Việt Nam được”. Tuy nhiên vì nhiều công việc, bề trên ở Macao sai thêm Cha Rocca sang để phụ giúp. Giáo đoàn Xứ Nam bấy giờ đã có trên 50.000 người và 10 thầy giảng. Những cuộc bắt bớ đạo vẫn tiếp tục. Ngày 7-1-1650, Đavít, một thương gia người At-mê-ni (Armenia), và Thầy Antôn đã bị trảm quyết, Bà Isave bị voi dầy. Các cha chỉ được phép ở Hội An. Tuy nhiên với sự khéo léo đút lót tiền bạc, các cha vẫn có thể đi kinh lý các giáo đoàn.

Từ năm 1655, Cha Saccano được gọi về làm quản lý ở Roma, Cha Rocca sang truyền giáo ở Cam-Bốt, hai cha mới là Marquez và Rivas được gửi đến Nam Việt. Cha Marquez trước đây đã từng đi với Cha Đắc Lộ truyền giáo ở Bắc Việt, lại là người gốc Nhật nên có thể len lỏi trong xứ dễ dàng. Trong thời kỳ này, Hiền Vương tiếp đãi các cha niềm nở và để các đảng tự do, vì Hiền Vương mới chiến thắng Chiêm Thành và chiếm được bắc Bố Chính với 7 huyện ở Nghệ An.

LM. VŨ THÀNH

Sau đó ba năm không có tàu buôn trở lại, hai cổ đại bác Hiến Vương đặt mua cũng không thấy mang đến, thêm vào đó là những lời vu cáo của sư sãi, Hiến Vương tức giận ra lệnh cấm các bề tôi không được làm thầy dạy giáo lý hay làm môn đệ các cha, mọi người khác không ai được đổi đạo cũ mà nhập đạo mới, người nào còn bất tuân lệnh sẽ không được tha nữa. Lệnh trên không làm cho giáo dân khiếp sợ nhưng chỉ khiến họ phải cẩn mật hơn. Ban đêm, các thầy giảng thường đi thuyền làm nơi gặp gỡ giáo dân. Đâu có cha đó chính là nhà thờ, nơi họ nhận các bí tích, cầu nguyện và nghe giảng. Năm 1657 triều đình của Hiến Vương bắt đầu có thái độ thù nghịch với đạo, và nạn nhân đầu tiên là ông Phêrô Văn Nết.

Ông Phêrô Nết sinh năm 1606 tại Dinh Cát ngay trong triều đình. Năm 35 tuổi, ông được phúc đón nhận đức tin và rửa tội. Vì là người thông biết và giỏi tính toán nên ông được làm quản gia cho bà Maria Minh Đức Thái Phi. Khi bà vương này qua đời, ông Phêrô trở thành cột trụ cho họ đạo tại Kinh Đô và nhà ông trở thành nơi hội họp. Ông thường đi thăm viếng và khích lệ các giáo dân. Một hôm thấy một giáo dân bị tước đoạt hết tài sản, ông cho mượn tiền để làm ăn. Vài năm sau người đó khá giả, vợ ông Phêrô đến xin lại số tiền cũ, nhưng thay vì trả lại, người giáo hữu này đã không tiếc lời thóa mạ, còn làm đơn kiện với quan và tố cáo ông Phêrô là người Kitô hữu. Bị bắt ra trước toà, ông Phêrô một mực xưng mình là người Kitô hữu và nói không có gì trên thế gian này có thể làm ông thay đổi, dù là hứa hẹn hay đe dọa. Quan lại hỏi: *“Người không biết là Hiến Vương đã ra lệnh cấm những ai theo đạo này sao? Và lại người là bề tôi sao không tuân lệnh ấy?”*

Ông Phêrô thưa lại: *“Trước hết tôi là bề tôi của Chúa Trời đất. Người là Chúa tể của cả nhà vương mà nhà vương phải tuân phục. Nếu Thượng Vương truyền lệnh gì không trái với luật đạo của Chúa Trời mà quý quan biết thì tôi rắp tâm mộ mến, tôi sẵn sàng tuân theo và nếu phải đổ máu vì lẽ phải tôi cũng sẵn sàng”*.

Thấy quyết tâm của ông, các quan tuyên án xử tử. Trong thời gian bị giam tù chờ ngày hành quyết, ông Phêrô không ngừng rao giảng đạo chân thật.

Tới ngày hành quyết, rất đông dân chúng tới pháp trường. Nơi đó có gắn sẵn bản án viết như sau: *“Người này phải chết vì đã theo đạo*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Kitô và truyền bá đạo ấy trái với lệnh cấm của nhà vương”. Chính ông Phêrô tự tay cắt đám tóc ở gáy trước đám đông và tuyên bố: “Tôi sẵn sàng chịu chết, không phải như một người phạm pháp, nhưng là người Kitô đã rao giảng đức tin chân thật, một phương thế duy nhất để được cứu rỗi đời sau. Không những tôi đã giảng bằng miệng lưỡi, bây giờ không tiếp tục được nữa tôi xin đổ máu ra để làm chứng lời giảng của tôi”. Nói rồi ông vươn cổ ra cho lý hình chém với tâm hồn bình thản tín thác vào Chúa. Hai lưỡi gươm đã kết thúc cuộc đời anh dũng của tôi tớ trung tín.

Sau vụ hành quyết ông Phêrô, cha bề trên Rivas kiếm cách nói với quan là đi xuống Chiêm Thành để lấy tâu về Macao gọi người Bồ Đào Nha sang buôn bán. Kế của cha đã được tán thưởng, cha bắt đầu chính thức đi về Kinh để bái chào Hiến Vương, đồng thời có dịp thăm các giáo đoàn mà có nơi đã ba năm cha không được gặp. Tại Kinh lúc bấy giờ có một vị quan rất có thế giá và được Hiến Vương trọng đãi bị bệnh nặng. Hiến Vương yêu cầu cha chữa trị giúp. Cha Rivas đã gọi Cha Marquez từ Hội An lên để lo cho vị quan lớn, còn mình vẫn theo chương trình đi xuôi xuống ba tỉnh phía Nam, có nơi đã 20 năm chưa được gặp cha nào đi qua. Nhưng Cha Rivas bị bệnh không thể về Macao, và sau khi vị quan lớn trong triều đã chết vì thuốc làm độc, Cha Marquez xin về Macao. Hiến Vương vì nóng lòng chờ sủng đạn đã đặt tiền mua trước mà vẫn chưa thấy tới nên ông trút cơn giận trên người Công Giáo, ra lệnh triệt hạ nhà thờ của bà Maria Minh Đức Vương Thái Phi. Nhưng chính lúc đó tâu buôn Bồ Đào Nha bản ba phát súng báo tin cập bến đã cứu gỡ được cơn phong ba. Sau đó, các cha được tự do giảng đạo, được ban đất cho làm nhà.

2. Những cuộc bách hại dữ dội từ năm 1661-1665 và cuộc xưng đạo của bốn anh hùng xứ Quảng Nam 11-5-1663

Có nhiều nguyên nhân đưa đến cuộc bách hại đẫm máu này. Trước hết vào cuối năm 1661, Trịnh Tạc lên ngôi, cầm quân chinh phạt miền Nam, đã đại thắng chiếm lại đất đai vì hai tướng nhà Nguyễn ghen nhau mà thua. Sang năm 1662, trong nước lại bị bão lớn phá hại mùa màng và nhà cửa. Người dân gặp cơn túng quẫn đổ tội cho người Công Giáo bỏ bê việc cúng tế làm các thần giận để cho thiên tai giáng họa. Hiến Vương lợi dụng ngay cơ hội để khóa lấp thất bại chiến trường và để trấn an lòng dân, đã ra lệnh bắt đạo triệt để. Bốn

LM. VŨ THÀNH

năm đội quân đi lùng các cơ sở Công Giáo tại Kinh, nhưng may lúc đó Cha Inhaxiô Baudet không có mặt ở nhà. Lệnh vua còn được thi hành triệt để tại các trấn. Ngày 2-4-1663 đang khi giáo dân mừng lễ Phục Sinh thì lệnh bắt đạo đến trấn Quảng Nam. Ba quan lớn thi hành lệnh, triệt hạ nhà thờ của bà Maria, vợ quan trấn Phú Yên cũ, và bắt bà cùng với nhiều giáo dân khác.

Ba ngày sau, các tù nhân được đưa ra trước tòa án. Trước hết các quan tra hỏi ông Gioan Vương người Kết Lâm(?) đã làm những gì. Ông trả lời, ông là người Kitô hữu và dạy đạo cho các trẻ em. Quan truyền lệnh giam biệt ông một nơi. Kế đó quan hỏi đến ông Tôma Nhuê sao dám bất tuân lệnh nhà vương mà xây nhà thờ. Ông thưa: *“Thưa các quan, mấy năm vừa rồi tôi bị ốm gần chết, không thuốc men nào chữa khỏi, tôi khẩn với Đức Chúa Trời nếu Người cho tôi khỏe lại tôi sẽ xây nhà thờ kính Người. Đức Chúa Trời đã ban sức khỏe lại cho tôi nên tôi đã xây nhà thờ để làm trọn lời hứa”*.

Người thứ ba bị các quan tra vấn là ông Alexi Đậu. Ông đã mạnh mẽ xưng mình là người Công Giáo từ nhỏ. Quan ra lệnh đóng gông và canh chừng ba vị anh hùng trên, và ra lệnh đánh đòn các người khác trước khi thả họ về.

Ngày hôm sau, các quan truyền lệnh thiêu hủy các đồ đạo đã tịch thu được. Cha Fuciti bấy giờ đang ở Hội An, xin các quan trả lại các đồ đạo thuộc về các cha chứ không phải của giáo dân. Hai quan muốn trả, nhưng quan thứ ba không trả lại mà còn ra lệnh đánh đòn các người theo Cha Fuciti. Trong lúc ngọn lửa đang quán trên những ảnh đạo, ông Gioan Nghiêm và một người bạn thấy các ảnh bị thiêu hủy thì quì gối tôn kính và cầu nguyện trước mặt mọi người. Ông liền bị bắt giam với các người khác.

Ba quan lớn cùng nhau đi về Kinh để lĩnh ý Hiến Vương, giao tù nhân cho quân lính canh chừng. Giáo dân được tự do đến thăm viếng, và chính các đấng đến Hội An để gặp các cha và lĩnh nhận các bí tích.

Vào dịp lễ Thăng Thiên, án xử trăm được đưa về Quảng Nam, trong đó ý Hiến Vương muốn xử tử tất cả những người điên khùng như thế. Để làm cho giáo dân sợ hãi, các quan dự định hành quyết mỗi người mỗi nơi. Tám giờ sáng ngày 11-5, các tù nhân được dẫn ra trước mặt các quan để nghe đọc án, trước khi giao cho quan cai đội

DÒNG MÁU ANH HÙNG

hình đem đi hành quyết. Các quan đã chấp thuận lời xin của giáo dân cũng như tử tù là chém tất cả tại một nơi. Bốn anh hùng xưng đạo mặc áo gấm, hân hoan tiến ra pháp trường, đặc biệt hai ông Gio-an Vương và Alexi Đậu không ngớt đề cao phúc tử đạo. Cha Fuciti cũng được phép tới gần để giúp các lính chiến của Chúa dọn mình. Quan giám sát vụ hành quyết cấm giáo dân không ai được hôn kính xác các tử tù, cũng như không được thấm máu. Nhưng ai ngăn nổi lòng thành của họ? Ngay khi xác các anh hùng ngã xuống họ đã ùa vào để hôn kính, thấm máu và lấy các kỉ vật của các đấng, ngay cả nắm đất thấm máu đào cũng được lấy đi. Hôm ấy là ngày thứ sáu trước lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống, 11-5-1663.

Ông Tôma Nhuê, người làng Phi Rang Trung, 41 tuổi, có vợ rất đạo đức là bà Phanxicô. Ông là người giàu có và sớm nhận biết đạo thật mà tin theo. Ông bị bắt đi lính, nhưng vì lo lắng về việc sống đạo trong binh nghiệp nên ông cầu nguyện xin Chúa giải thoát cho. Sau đó bị ốm và được trở về nhà, ông liền bỏ tiền làm một nhà thờ để tạ ơn Chúa. Khi hay tin thân phụ ốm nặng ông liền đến dạy đạo và rửa tội cho cha trước khi chết. Vì ảnh hưởng của ông rất lớn, nên khi vừa có lệnh bắt đạo ông đã bị bắt ngay. Vì phải xa vợ và đứa con mới hai tuổi, ông tỏ vẻ buồn bã. Các bạn khuyên ông, và chính người vợ can đảm đã chuẩn bị tinh thần cho ông chịu tử đạo. Người đàn bà can đảm ấy còn xin các cha và giáo dân cầu nguyện cho chồng mình được vững vàng xưng đạo. Chúa thấu suốt lòng đạo đức của ông đã cho in vào lòng bàn tay một dấu thánh giá màu tím to bằng nửa ngón tay. Từ đó ông vui vẻ đầy tin tưởng. Trong ngày hành quyết, vợ và các thân nhân đã theo ra tới pháp trường. Sau khi Cha Fuciti nhấn nhủ ông, người vợ hiện một lần nữa nhắc nhở chồng mình kêu thánh danh Giêsu và Maria, rồi lạy ba lạy tử biệt chồng và lui ra sau bốn bước. Lý hình chém đầu và tung lên cho mọi người thấy. Vợ và gia đình đem xác ông về nhà khâm liệm thì sáng hôm sau thấy đầu ông đã gắn liền vào thân như không hề bị chém vậy.

Ông Alexi Đậu là con một người lái buôn Nhật, mẹ là người Công Giáo bị voi dầy chết vì đạo. Ông thường tự nhủ mình là phải sống sao cho xứng đáng là con của anh hùng tử đạo. Ông bỏ công việc đang làm ở triều đình để đến ở chung với các cha, vì ông nghĩ rằng đó là nơi duy nhất để làm thánh. Ông được các cha cho làm ông tử coi nhà thờ. Mỗi ngày hai lần ông xưng kính cho giáo dân và ngày lễ ông giảng cho họ. Trong tuần thánh, ông có tài làm cho giáo dân

LM. VŨ THÀNH

xúc cảm về cuộc tử nạn của Chúa. Vào dịp lễ Giáng Sinh, ông là người đứng đầu tổ chức ca kịch giúp giáo dân hiểu mầu nhiệm Chúa xuống thế làm người. Ông đã liệu cho vợ và người con gái một số tiền để bảo đảm tương lai và phần ông được thông dong phục vụ Chúa. Vừa khi có lệnh bắt đạo, ông đã bị bắt ngay và mạnh mẽ xưng mình là người có đạo từ khi còn nhỏ và khuyến khích các người khác can đảm xưng đạo. Được lính cho về thăm nhà, ông đi thẳng đến nhà các cha để lãnh nhận các bí tích. Ông nói với các cha là Thiên Chúa đã đổ tràn niềm vui khiến ông mạnh dạn xưng đạo. Còn các cha khuyên ông: *“Ông mạnh dạn xưng đạo và vui vẻ sẵn lòng chết vì Chúa như thế sẽ gieo mầm mống đức tin nơi dân ngoại”*.

Sau đó ông xin người nhà đến cảm ơn lính canh và thưởng tiền cho lý hình sau khi ông bị hành quyết. Trong ngày hành quyết, ông mặc áo lụa mới để vào tiệc cưới với Chúa Giêsu. Như lúc trong tù, ông vẫn can đảm giảng đạo và ca hát những bài thánh ca đạo đức, thì lúc này cũng vậy, ông không sợ sệt mà quay sang chứng kiến lý hình vung gươm chém ông Tôma, dường như quên rằng mình cũng sắp phải chém. Khi đầu người bạn rơi xuống, ông còn nói: *“Bạn tôi đã đi hết đoạn đường và đoạt chiến thắng, bây giờ đến lượt tôi đi theo”*.

Rồi ông đưa đầu cho lý hình, còn hỏi xem đã đúng cách chưa. Sau khi lý hình tung đầu lên rồi, người ta còn nhìn thấy vẻ mặt tươi vui suốt hai ngày. Sau khi chết, ông còn hiện ra với người lính đã chém đầu mình, trong đoàn ngũ các thánh hân hoan, và cảm ơn người lính đã giúp mình đạt được ước nguyện.

Ông Gioan Nghiêm, 72 tuổi, sinh quán tại Phương Tây, tỉnh Quảng Nam. Ông là một y sĩ nhiệt thành, rất sùng Phật trước khi trở thành người Công Giáo. Không ai dám trình bày đạo Công Giáo vì sợ tính ông nóng nảy. Thế mà ông Manuel, một giáo dân rất nhiệt thành, bị bệnh mời ông đến chữa, và trong khi thấy thuốc chữa bệnh thì bệnh nhân nói về đạo thánh Chúa. Sau ba bốn bận nói về Chúa, người giáo dân này đã chinh phục được một người nhiệt thành về cho Chúa. Dĩ nhiên cuộc trở lại đạo của y sĩ Gioan đã làm chấn động giới Phật Giáo. Ông đã trở thành người cộng tác đặc lực của các cha trong việc chinh phục người khác về với Chúa. Ông thường nói: *“Có ai mộ mến Phật hơn tôi? Có ai làm những điều dị đoan hơn tôi? Thế mà nhờ ơn Chúa, từ khi tôi nhận phép rửa tội, tôi hoàn toàn đổi mới”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Tại làng Phục có một người bị quỷ ám làm khổ cha mẹ nhiều, nên cha mẹ người đó đã mời ông Gioan đến để cầu nguyện. Ban đầu ông hỏi về đạo Phật, người bị quỷ ám đã nói lên nhiều điều làm cho lương dân hổ thẹn. Người bị quỷ ám thú nhận là Đức Trinh Nữ Maria đã bắt nói lên như vậy. Dòng đạo lương dân ở đây đã góp tiền xây chùa, nay họ biến thành nhà thờ kính Đức Trinh Nữ.

Khi hay tin có lệnh bắt đạo, ông Gioan đã mạnh mẽ nói với các tín hữu khác: *“Chúng ta còn làm gì ở đây nữa? Hãy đi để cùng chết với các cha vì Chúa Giêsu”*.

Từ đó ông đi tìm nơi bắt đạo để xưng mình có đạo và ông đã bị bắt. Khi ông bị bắt, một người con của ông, là một nhà sư, tìm mọi cách cứu mạng cho cha, đến gặp cha, dụ dỗ cha chỉ cần nói một lời chối đạo thôi, nhưng ông đã bịt tai lại và nói rằng mình là người Kitô hữu và muốn chết như một tín hữu Kitô. Người lính gác rất cảm phục ông đã xúi ông trốn đi, và xin chịu hình phạt thay, nhưng ông đã trả lời: *“Tôi muốn chết vì Chúa hơn là muốn sống và xin Chúa trả công cho anh”*.

Trước lúc hành quyết ông đã hát lên kinh Tin Kính rồi xiết chặt tay Cha Fuciti trước khi đưa cổ cho lý hình chém. Gương mặt ông sau khi chém vẫn còn tươi nở nụ cười, như muốn nói lên rằng chết vì Chúa là một điều êm ái. Người tín hữu cầu nguyện cạnh xác ông làm chứng là đã thấy ánh sáng chiếu rọi lên từ thân xác thánh thiện ấy.

Cụ già Gioan Vương, 75 tuổi, người làng Kết Lâm(?), sinh năm 1588 tại làng Thanh Minh, quận Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Cha ông là một quan lớn thứ nhì trong tỉnh. Từ 15 tuổi ông đã học triết lý thánh hiền và rất thông minh. Năm 25 tuổi ông đã có địa vị trong tỉnh và là một thi sĩ nổi tiếng. Năm 1622, lúc ấy ông đã 34 tuổi, ông được đọc một cuốn sách giáo lý và nhiều sách khác bằng chữ nho nói về đạo Thiên Chúa. Ông đã được Cha Fernandez dạy thêm và rửa tội cùng với vợ ông. Nhà ông đã thành nơi ở của các cha, và khi các cha đi ông xin đi theo làm người dạy giáo lý. Nhiều người đã trở lại vì uy tín của ông. Ông chép truyện các thánh bằng thơ văn 15 cuốn. Có lần ông đã hát những vần thơ cho Hiền Vương nghe và được khen là hay. Năm 1629 khi các cha bị trục xuất ông trở về làng Ket Lam làm người thu thuế. Lòng đạo của ông cũng giảm sút và sinh ra nghiện ngập. Giáo dân phái 9 người đến khuyên nhủ và đưa ông về Hội An

LM. VŨ THÀNH

để tiếp tục làm thầy giảng và viết sách. Từ khi vợ ông chết ông đã theo lời mời của giáo dân đến trấn Quảng Nam để dạy dỗ con cái họ. Từ đó ông có lòng mộ mến suy ngẫm cuộc tử nạn của Chúa và nhiều lần đã rơi lệ. Ông sung sướng được tử đạo trong ngày thứ Sáu kính Chúa chịu nạn. Khi tới nơi hành quyết, ông đưa mắt nhìn ba người bạn đồng hành, khuyên nhủ họ can đảm. Sau cùng một bà Công Giáo trao cho ông một áo lụa để mặc lúc chết. Bà này đã hôn chân ông và làm chứng rằng hương thơm kỳ diệu đã phát ra từ người ông. Sau khi ông bị chém rồi người ta phát giác ra dưới lòng bàn chân ông ghi những dòng chữ này: *Chúa Giêsu là Vua tất cả mọi sự.*

3. Cuộc bách đạo tháng 12-1664 và lệnh trục xuất tất cả các vị thừa sai

Tháng 9-1664 các quan họp bàn, quan phò mã đứng lên nói: “Đạo ‘Hoa Lang’ là một đạo hủy hoại quốc gia. Chúng tôi nghe nói bên Nhật, hoàng đế đã tận lực bắt đạo. Chúng ta cũng cần phải làm một lần để tận diệt, phải trục xuất các vị thừa sai và giết những người Việt ngoan cố giảng đạo như bên Trung Hoa đã làm”. Sau phiên họp, Hiền Vương sai 22 vị quan đi tra xét các nơi. Đầu tháng 12 có sao chổi xuất hiện và theo sự tin tưởng của người bình dân thì đó là một điềm xấu báo hiệu chiến tranh và dịch tể. Quà nhiên vào ngày 13-12, ngày lễ Thánh Luxia, một số tù nhân Công Giáo bị dẫn từ Dinh Cát về triều đình. Hiền Vương ra lệnh không cho họ ăn và giao cho ba quan lớn xét xử cùng thi hành việc diệt trừ đạo. Ngày 22-12, ba người vệ binh và hai người kỵ binh bị điệu ra trước tòa. Một người yếu đuối đã xin tha mạng, hai người đứng im, thấy vậy Phêrô Đàng mạnh mẽ thưa: “*Tâu chúa thượng, hạ thần là công dân số một, là tôi trung của Chúa Trời đất trên hết, sau là bề tôi của chúa công.*”

Hiền Vương giận giữ thét: “*Chính ta là chủ tể đất nước này, ta cai trị như ta muốn, không tùy thuộc chúa trời đất nào cả.*” Nói rồi ông ra lệnh chém đầu Phêrô Đàng ngay lập tức.

Phêrô Đàng là con của một vị quan ở Quảng Nghĩa, nhưng cha mẹ chết khi người còn nhỏ, sau được xung vào đội lính ngự lâm. Ở đây một năm thì được nghe nói về đạo và xin rửa tội. Người tử đạo ngày 22-12-1664 lúc 40 tuổi.

Ngày 5-1-1665, có một cuộc bắt đạo dữ dội tại Hội An, khoảng 100 người bị bắt, nhưng hầu hết đã chối đạo, trừ bốn người là Michele

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Mien, Giuse, Inhaxiô Vang và Caio. Sau đó bà Maria vợ quan trấn cũ và Giovanna cũng bị bắt. Ngày 27-1 ông Phêrô Ki, làm ông Trùm của hai họ Dinh Cát và Quảng Bình, bị xử tử, xác bị băm nát và vất xuống sông. Cùng ngày đó, Inhaxiô Vang và Michele Mien là hai binh sĩ cũng bị xử ở chợ, xác bị đánh bằng roi rồi buông sông.

Ông Phêrô Ki sinh tại Quảng Nghĩa và làm quan tại đây nhưng bị bạn đồng liêu ghét nên vu cáo ông gian lận. Hiến Vương sai quan về điều tra, ông phải trốn dưới giếng để thoát rồi lên về triều đình trình bày với Hiến Vương và xin làm trong triều đình. Trong thời kỳ này, một người anh của ông là Stêphanô, có đạo, đã đưa sách giáo lý cho ông đọc. Sau đó vợ chồng ông đã đến Hội An để xin các cha rửa tội. Trước lòng nhiệt thành của ông, các cha đã đặt ông làm trùm coi hai họ triều đình. Là quan riêng của nhà vương, ông không dám công khai đến các họ đạo nhưng ông đã hoạt động giữa những người lương và nhất là đám binh lính. Ông có lòng thương người nghèo và chôn cất người chết. Nhà ông đã trở thành như nhà thương săn sóc các bệnh nhân, và lợi dụng cơ hội ông giảng đạo cho họ. Khi bị bắt, ông đã mạnh mẽ xưng đạo. Quan hỏi ông có biết toán học hay sao chối không. Vì ông không biết những thứ đó mà chỉ rành về đạo nên ông đã bị khép án tử.

Ngày 29-1, một số giáo dân tại Quảng Nam do ông trùm Michele đứng đầu cùng với ông Simêon, Vincenzô và Gioan bị chém đầu, bà Monica và Agatha bị voi giầy. Còn bà Maria, vợ quan trấn cũ của Phú Yên, bị kết án giam đói trong một nhà tối nhưng đã không chịu nổi, bà xin chối đạo. Marta, Damasô và một người khác cũng đã bị xử tử.

Ngày 31-1, một nhóm 12 người bị xử tử tại Quảng Nam (xin xem tường thuật ở dưới). Ngày 3-2, tất cả các cha bị quản thúc trong nhà các cha Dòng Tên ở Hội An, gồm có: Cha Fuciti, Baudet, Marquez, Chevreuil và hai cha Dòng Phanxicô.

Ngày 4-2, bốn giáo dân Quảng Nghĩa bị dẫn về Hội An và giao cho quan trấn thủ Quảng Nam xử (xin xem tường thuật riêng ở dưới).

Ngày 9-2, các cha Dòng Tên bị trục xuất, hai cha Dòng Phanxicô và Cha Chevreuil nhờ đút tiền cho quan với lý do mới đến triều đình chưa biết, nên được ở lại. Trong khi đó các cha Dòng Tên bắt đầu xuống tàu ra đi, một số giáo dân đứng xa xa đưa mắt từ biệt.

LM. VŨ THÀNH

Vì thuyền gặp gió ngược, các cha phải ghé vào Quảng Nghĩa sau bốn ngày chèo chống. Giáo dân ở đây mừng rỡ vì được dịp lãnh nhận các bí tích, người chối đạo làm hòa với Chúa. Sau đó các cha đi Qui Nhơn rồi xuống Chiêm Thành. Cha Chevreuil và hai cha Dòng Phanxicô ở lại không được bao lâu cũng bị trục xuất ngày 7-3-1665.

4. Cuộc xung đạo và tử đạo của 12 vị anh hùng giáo dân tại Quảng Nam (ngày 31-1-1665)

Từ khi có lệnh của Hiến Vương, quan trông coi người Nhật ở Hội An đã bắt các gia đình làm tờ xuất giáo, hầu hết họ đã tuân theo. Thấy vậy quan trấn thủ tỉnh Quảng Nam cũng muốn người Việt theo gương ấy. Một số giáo dân bị bắt đã phải chịu nhiều cảnh hành hạ dã man. Trong số những anh hùng xưng đạo phải kể đến các ông Michele, Giuse, Caiò, và Inhaxiô, bị bắt ngày 5-1-1665. Cô Giovanna cũng đã mạnh bạo xưng đạo trước mặt các quan. Các quan cho là điên, đuổi ra khỏi tòa hai lần, nhưng cô vẫn trở lại xưng đạo và bị bắt giam. Trong số các anh hùng, còn có hai anh em Raphael và Stêphanô, mới 12 tuổi, cũng rất can đảm. Trong khi các quan đang xử thì hai anh em Raphael bước vào lạy các quan rồi thưa: *“Chúng tôi là hai đứa trẻ mồ côi từ Thuận Hóa đến đây để xin quan tòa cho chúng tôi về thiên đường nơi Cha chúng tôi đang ở”*.

Một vị quan hỏi: *“Cha chúng bay là ai?”*

Raphael liền thưa: *“Là chính Thiên Chúa, chủ tể và là Đấng tạo dựng trời đất”*.

“Chúng bay là những đứa trẻ bản cùng mồ côi, vậy ai đã cho chúng bay ở và nuôi chúng bay?”

“Chúng tôi ở nhà thí dành cho những người nghèo như chúng tôi”.

Trước thái độ dũng cảm của các em, quan ra lệnh cho lính xiềng xích lại, nhưng Raphael thản nhiên nói: *“Điều lo xa của quan thật vô ích. Có cần gì phải xích những người đã tự nộp mình chịu chết vì đạo?”* Quan giận giữ ra lệnh xử tử luôn cả hai anh em cùng với các giáo dân khác.

Ngày 9-1, Hiến Vương ra lệnh xử tử tất cả các giáo dân kiên gan xưng đạo: 7 người bị chém đầu và 5 người bị voi giầy. Án được thi hành

DÒNG MÁU ANH HÙNG

ngày 31-1-1665. Pháp trường là bãi cát mới bồi giữa Dinh Chiêm và Hội An. Trước khi ra pháp trường, các vị anh hùng đã được gặp các cha để lãnh nhận các bí tích. Sau đó các đấng được dẫn ra trước mặt các quan để nghe đọc án, tất cả đã mặc áo lụa như là để đi dự tiệc vậy. Một lần nữa các quan ra lệnh đập ảnh, mọi người can đảm xưng đạo: Chúng tôi không bao giờ thay đổi quyết tâm. Nếu chúng tôi có ngàn vạn mạng sống để chịu chết, chúng tôi cũng vui sướng mà dâng cho Thiên Chúa chúng tôi tôn thờ.

Tới pháp trường, các đấng được chia thành ba nhóm. Nhóm một gồm có các ông Michael, Giuse, Inhaxiô và Benoît; nhóm hai gồm có ông trùm Stêphanô, Phêrô, Simon và Benoît; nhóm ba gồm có ông Caiô, cô Giovanna và hai anh em Raphael và Stêphanô. Nét mặt ai nấy đều hân hoan, biểu lộ một sức dũng mãnh thu hút lòng người một cách khác thường. Một số đông dân chúng đã tuồn về coi cảnh tượng hết sức hi hữu này. Nhất là ba người trẻ đã làm nhiều người mũi lòng rơi lệ. Trong khi mọi người hồi hộp chờ đợi giờ hành quyết bi thảm này thì một cô bé tên là Luxia, như bị thôi thúc đã chạy ra hôn chân cậu Raphael. Raphael biết cô ta và nghĩ là cô bé muốn can mình nên tức tốc nâng cô dậy và nói: *“Này cô em, cô đừng có buồn phiền, chúng ta sẽ gặp lại nhau trên nước Trời”*.

Trong khi ấy cậu em Stêphanô nói với đám đông: *“Tất cả quý vị có mặt ở đây nên biết rằng chúng tôi vui lòng chết vì đức tin chân thật thánh thiện, và vì chúng tôi muốn đi gặp mặt Cha chúng ta ở trên trời”*.

Chính quan trấn thủ tỉnh Quảng Nam giám sát cuộc hành quyết, vì nghĩ rằng dù những thiếu niên này mạnh bạo nhưng có lẽ chưa hề thấy máu rơi máu chảy nên không biết sợ, ông liền ra lệnh ném ông Caiô, 30 tuổi, và cho voi giầy xéo trước. Trong khoảnh khắc voi đã xé ông ra nhiều mảnh máu me bắn ra tung tóe trông dễ sợ. Lính liền mang chi thể còn động đậy và vấy máu đặt trước mặt cô Giovanna và hai cậu thiếu niên. Gương dũng cảm của người tử đạo đã chuyển vào trái tim mềm mỏng các người trẻ một dòng nghị lực kiên cường nên không ai tỏ vẻ sợ hãi. Quan liền ra lệnh bỏ cô Giovanna vào cho voi giầy, nhưng cô rất thản nhiên, tay phải làm dấu thánh giá, tay trái cầm quạt theo tục lệ trong xứ, vẻ mặt phát tiết niềm hân hoan trong tâm hồn. Con voi đưa bàn chân khổng lồ dẫm lên người cô, và tức khắc cô đã được chết vì Chúa. Quan trấn thủ vì cảm phục lòng dũng cảm của hai anh em Raphael nên có ý để đến bây giờ, với hy vọng

LM. VŨ THÀNH

rằng khi hai anh em thấy những cực hình ghê gớm thì sợ mà chối đạo, và ông có thể cứu họ sống. Trái lại, hai anh em vẫn can đảm và bình tĩnh làm dấu thánh giá khi bị tung vào cho đám voi giầy. Cả hai bị bàn chân voi đè bẹp chết một cách anh dũng. Dân chúng đứng im lặng như tờ, những giọt nước mắt nóng dần dần chảy xuống. Càng xúc cảm họ càng giận các quan là những người độc dữ. Còn các tín hữu được đức tin soi sáng và tăng cường, họ cũng ước muốn được ngàn lần chết vì đạo Chúa.

Màn đêm buông xuống, giáo dân vội vã chôn cất 12 vị tử đạo trong một cánh đồng cách xa Hội An, để chờ dịp thuận tiện sẽ rước hài cốt các vị về nơi xứng hợp.

5. Cuộc xung đạo và tử đạo của các anh hùng giáo dân tại Quảng Nghĩa (6-2-1665)

Ngày 4-2, lính dẫn bốn giáo dân từ Quảng Nghĩa về Hội An để quan trấn thủ Quảng Nam xét xử. Bốn người đó là ông Trùm Tômasô Tin, Tômasô Nghe, Benoit và Dominicô. Cả bốn ông đã mua chuộc lính canh để được đến gặp các cha, lãnh nhận các bí tích nhằm tăng cường sức mạnh tinh thần. Ngày 6-2, các ông được đưa đến phủ đường, Tôma Tin đã lợi dụng lúc phải dừng chân trước cửa vì phải chờ các quan vào trước, để giảng giải đạo thánh với dân chúng. Lúc ấy cô Luxia, người đã hôn chân cậu Raphael, chạy tới hôn kính cụ Trùm. Các quan vào phủ đường liền ra lệnh điệu tù nhân vào đứng trước mặt. Một vị quan có ác cảm với đạo hỏi trước: *“Tại sao các người là những người nước Nam lại bỏ đạo của quốc gia mà đi theo đạo Bồ Đào Nha?”*

Cụ Tôma Tin liền thưa: *“Nhà vương đã đặt các quan coi bốn tỉnh để xét xử những người bị bắt, phạt kẻ có tội và tha kẻ vô tội. Vậy thưa các quan, các quan nói chúng tôi theo đạo người Bồ thì thật là bất công, xúc phạm đến Đức Chúa Trời và chúng tôi, vì chúng tôi theo đạo Công Giáo là đạo dành cho mọi người. Thật là sai lầm nếu cho rằng mặt trời ở nước Nam khác với mặt trời ở nước Bồ. Cũng như mặt trời và mặt trăng soi sáng chung, làm cho muôn vật Đông Tây được triển nở, đạo Công Giáo cũng vậy. Đạo Công Giáo đã có từ hơn 1665 năm. Con Thiên Chúa đến làm người chuộc tội cho tất cả mọi người. Người Bồ đã tin nhận đạo trước, còn tại nước Nam từ 55 năm nay đã có các cha từ các nước Ý, Pháp, Bồ và Nhật đến rao giảng. Vậy sao gọi đạo Công*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Giáo là đạo của người Bồ được? Hơn nữa tôi không chút nghi ngờ rằng đạo Đức Chúa Trời là đạo chân thật, đạo mang lại hạnh phúc”.

Cụ Tôma còn dùng nhiều lời trong sách để làm chứng về đạo. Quan ra lệnh lột áo tím cụ đang mặc và bắt các người khác đập ảnh. Tất cả đều thừa lại là sẽ chẳng bao giờ phạm tội đại nghịch ấy. Ngay khi đó Luxia rẽ đám đông vào lạy các quan rồi nói: *“Thưa các quan, tôi là con gái ông Phêrô Ki mà nhà vương đã ra lệnh giết vì là người Kitô hữu. Từ ngày ấy, tôi những ước muốn được vinh dự ấy. Nhưng vì các quan cứ cho tôi là còn trẻ không để gương làm đổ máu tôi. Bây giờ tôi tự ý đến đây xưng đạo trước mặt quý quan cùng với bà này (bà Maria). Chúng tôi dâng thân xác cho voi giầy để làm vinh danh Chúa Trời đất”.*

Quan bỡ ngỡ giao cho lính bắt giữ và mang đi xử cùng với các người khác. Pháp trường cũng là bãi cát đã thấm máu các anh hùng giáo đoàn Quảng Nam. Đội lính dàn hàng hai với gương tuốt trần dẫn 6 người đến pháp trường. Khoảng 9 giờ, họ bắt đầu đi, thỉnh thoảng một người lính rao lệnh như sau: *“Hiển Vương ra lệnh xử tử những người theo đạo Đức Chúa Trời”.* Quan giám sát bắt đổi lại lời rao, nhưng cụ Tôma Tin, dù rằng chẳng còn, đã rao to hơn lời rao lúc ban đầu, sau đó cụ cất tiếng hát thánh ca.

Cô Luxia vui vẻ bước đi và khi trông thấy pháp trường đã chạy như bay lại đó. Một người ngoại giáo xi và: *“Hãy xem, đạo của người Bồ đã làm cho con bé ra điên, đến độ tự ý nộp mình chịu chết mà không tiếc gì những cái trên thế gian này”.*

Cô Luxia đã nhìn ông bằng ánh mắt khinh thường và nói: *“Tôi chưa bao giờ có sự xét đoán thông dong và lành mạnh bằng lúc này, bởi vì hôm nay tôi đã chọn phần hơn và được vinh dự lớn lao chưa từng được bao giờ. Nói cho cùng, nếu chết vì bảo vệ quốc gia và phục vụ nhà vương là một vinh dự cao quý mà chúng ta hết sức thần phục, vậy tại sao lại trách tôi dâng hiến mạng sống, chết anh hùng vì Chúa?”*

Cô còn dí dòm nói: *“Cái chết của tôi không những được vinh dự đời sau mà còn ngay cả đời này nữa. Các vị không thấy cái vinh dự là tôi được các quan lớn với binh sĩ lớp lang hộ tống sao? Còn mười hai con voi dẫn đầu như thế không phải là một đoàn tùy tùng sang trọng cho tôi ư?”*

LM. VŨ THÀNH

Tới pháp trường, những người bị chém đầu được đem qua một bên, còn Luxia và bà Maria ở một bên trước mặt các con voi to lớn. Trước hết quan ra lệnh xử trăm trước. Cụ Tôma Tin quay về phía đám đông lớn tiếng nói: *“Các vị coi đây, tôi sắp sửa được chết để bảo vệ đức tin. Tôi chỉ có điều tiếc là không có cả ngàn mạng sống để dâng cho Thiên Chúa, Đấng tạo dựng và Chủ Tể trời đất”*.

Được lệnh, lý hình chém đầu cụ Tôma Tin rơi xuống trước, rồi kế tiếp đầu của ba người bạn đồng hành trong đức tin. Đến lượt quan ra lệnh cho voi tiến tới hai vị liễu yếu đào tơ đang nóng lòng chờ đến lượt mình. Cô Luxia lúc thì giang tay ra, lúc thì vỗ tay hân hoan. Một con voi húc ngà vào người cô hai lần rồi lấy vòi tung lên cao cho rơi xuống. Cô đã chết khi vừa rơi xuống, còn bà Maria thì chết ngay khi con voi húc bà cú đầu vì sức bà đã yếu.

6. Hiền Vương cưới mở với các vị thừa sai Pháp, cơn bắt đạo lắng dịu

Tháng 8-1665, thừa sai Hainques người Pháp đã lên lút vào Nam Việt, từ Phú Yên đi ngược lên các tỉnh về phía Bắc. Tháng 6-1666, người tới Hội An gặp hai cha Dòng Tên cũng lên lút ở lại là Cha Rivas và Acosta. Trong thời gian này có ba giáo dân bị chém phân thân là Linus, Petrus và Andrea. Một bà cũng được phúc tử đạo là bà Monica. Cuối tháng 7-1668, ba cha con ông Simon Dat ở Quảng Nam bị bắt và hành hạ, nhưng vẫn một lòng trung thành với Chúa. Tháng 12, một số khác bị bắt và cũng anh dũng tuyên xưng đạo.

Tại Qui Nhơn có 6 người bị bắt và đánh đập vì đạo. Cha Hainques vì làm việc nhiều nên chết sớm vào năm 1670, hai cha Việt Nam là Cha Trang và Cha Bến sợ hãi bỏ chạy sang Thái Lan. Sau đó Đức Cha Lambert de LaMotte cùng với ba vị thừa sai và hai cha Việt Nam sang Nam Việt. Lúc này không còn những cuộc bách hại dữ dội nữa. Sau chín tháng lên lút thăm Việt Nam, đức cha đã lập Dòng Mến Thánh Giá và họp công hội các vị thừa sai để ấn định đường lối truyền giáo. Tháng 10-1673, đức cha sai Cha Vachet và Cha Bốn, mới chịu chức, sang Nam Việt cùng với thư gửi cho Hiền Vương và nhiều lễ vật. Hiền Vương niềm nở tiếp đãi và hứa cho đất làm nhà ở Hội An, đồng thời cho các giáo dân được tự do giữ đạo. Hiền Vương còn nói Cha Vachet đem đoàn thuyền của hoàng gia đi đón đức cha sang. Tháng 7-1675, đức cha sang kinh lược lần thứ hai, nhưng Hiền

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Vương đang có tang người con thứ hai mới chết nên không tiếp đức cha được.

Tuy nhiên vì Hiến Vương không chính thức thân hồi lệnh cấm đạo cũ nên tại một số nơi lương dân vẫn lấy cớ cấm đạo để sách nhiễu giáo dân. Thừa sai Vachet hoạt động ở kinh đô đã gây được cảm tình của triều đình, và đã có lần được Hiến Vương gọi vào chữa vết thương ở chân. Một quan có đạo tên là Dominic Thu Hap bị một quan khác ghen tương tố cáo là có đạo, đã bị chém đầu ngày 25-10-1674 mà không có tòa án nào xử. Ngày 9-2-1679, Thầy giảng Gioakim Lau cũng bị chém đầu vì đức tin.

CHƯƠNG 4

Sắc Lệnh Bách Hại Đạo Dưới Thời Ngải Vương Nguyễn Phúc Trấn (1687-1691)

Nhiên Vương bị bệnh chết ngày 8-3-1687. Trước khi chết, ông căn dặn công tử nối nghiệp phải sửa sang nhân chính để giữ bờ cõi do ông đã gian lao chinh chiến. Nguyễn Phúc Trấn lên kế nghiệp lúc 39 tuổi, là người có tính tình khoan hòa và yêu kẻ sĩ nên ông được gọi là Ngải Vương. Ông rất quen thân với Cha Acosta Dòng Tên và Cha Vachet thuộc hội thừa sai Balé.

Một vài sự kiện không hay xảy ra đã làm bất lợi cho người Công Giáo. Trước hết, có một người viết thư nói rằng đức cha ở Siam là đầu mối các lộn xộn xảy ra tại Siam. Sự kiện thứ hai là năm 1690 có 4 linh mục mới thụ phong trở về nước, bị tố cáo là đã giấu nhiều hòm đồ đạo mà không chịu qua quan thuế. Sự kiện thứ ba là có một bà Công Giáo người Nhật, nhưng rất xấu nét và rất quyền thế tại nhà thờ các cha Dòng Tên ở Hội An, người bấy giờ đặt cho bà biệt danh “thầy nữ”, đã vu cáo Cha Labbé làm gián điệp cho Bắc Việt với một vị quan, vì bà giận Cha Labbé đã dám đuổi bà ra khỏi nhà thờ. Tuy nhiên, quan là người công bằng đã điều tra sự thật nên khuyên bà rằng mỗi người có sự tự do theo đạo hay bỏ đạo, nhưng nếu đã theo đạo thì phải tuân giữ luật đạo và nghe lời các cha dạy. Cuối cùng, sự kiện chính gây ra lệnh cấm đạo năm 1690 là tuồng hát bội về ông vua hủi. Tuồng này được diễn từ dịp lễ Giáng Sinh tại nhà thờ các cha Dòng Tên ở Hội An rồi sau đó tại nhà thờ ở Kinh Đô. vở hài kịch bị dư luận cho là một xúc phạm nặng nề đến nhà vua, không những ám chỉ là vua hủi mà trong lời văn cũng không kiêng tên húy theo tục lệ quốc gia. Ngoài ra còn có hài kịch chế diễu các thần phật như cắt mũi, chặt chân vát xuống đất. Một số quan lớn yêu cầu Ngải Vương ra lệnh cấm đạo Công Giáo, vu cáo là nhiều giáo dân tụ họp dễ sinh loạn, và các vị thừa sai dụ dỗ dân với chiêu bài tôn giáo để sửa soạn xâm chiếm lãnh thổ. Ngải Vương không tin lời họ, nhưng họ nói thêm vào là trong nước hiện nay có vô số giáo sĩ, phân nửa dân chúng và binh sĩ đã theo đạo. Sau đó Ngải Vương thấy một số bằng chứng rõ ràng nên ông đã nói với các quan: *“Các người đừng có lo lắng, đầu năm mới ta sẽ ra lệnh cấm đạo và trục xuất tất cả các cha. Nếu sau lệnh cấm còn thấy cha nào khác ngoài hai Cha Pierre*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

(Langlois) và Barthelemy (Acosta) là thầy thuốc ta đã cho phép, thì ta sẽ đẩy họ cho chết khốn nạn trong hoang đảo”.

Ngài Vương đã ra lệnh cấm đạo trên toàn quốc ngày 18-1-1690. Trong sắc lệnh, Ngài Vương cho đạo Công Giáo là đạo ‘Hoa Lang’ truyền dạy những điều dối trá và nguy hại, ra lệnh giáng chức các quan lớn cũng như bé nếu còn giữ đạo, và bắt các giáo dân phải thể từ bỏ đạo. Sắc lệnh cũng truyền phải tố giác nơi nào có ba bốn người tụ họp nhau để hành đạo và bắt nộp cho quan tòa xét xử, người tố giác sẽ được thưởng. Nếu quan chức sở tại biếng trễ sẽ bị trừng phạt. Sắc lệnh chưa được công bố ngay vì sắp đến ngày Tết. Tuy nhiên các nơi đông giáo dân đã được lệnh của các cha ngưng mọi cuộc họp và tháo dỡ các nhà thờ. Nơi ít dân chúng có đạo thì biến đổi nhà thờ thành nhà ở. Mừng Tết xong, Ngài Vương công bố lệnh cấm đạo và không hỏi han các cha một câu. Số đông nhà giáo dân đặt bàn thờ ông bà lên. Tại hai tỉnh Dinh Cát và Quảng Bình, hoặc vì đông Công Giáo hoặc vì quan trấn tốt, giáo dân được để yên. Tại Quảng Nam, số lớn các nhà thờ còn được giữ lại như ở Bau Nghe có tới 13 nhà thờ. Tại Phương Tây và Quảng Nghĩa, giáo dân bị quấy nhiễu và phải triệt hạ nhà thờ. Tại Nước Mặn, giáo dân khiếp sợ đã đặt bàn thờ ông bà ngay khi vừa nghe tin cấm đạo. Cha Ausies phải trốn lên rừng. Có một bà đạo đức thấy giáo dân khiếp sợ thì trách họ, và cho lệnh đi tìm Cha Ausies về ở tại nhà bà, và khi thấy giáo dân bán nhà thờ và vườn, bà bỏ tiền ra mua lại. Có làng khi nghe tin quan đến đã vội vã chạy trốn trong lúc thời tiết cực kỳ nóng bức, hai em bé đã bị chết trên tay mẹ đang khi chạy trốn.

Tại Dinh Cát, một giảng viên giáo lý đã can đảm xưng đạo trước mặt quan ba lần. Ông bị bắt đeo gông và phơi nắng chín ngày rồi nộp một số tiền phạt. Tại Quảng Bình có bà Marta Mac bị bắt và hành hạ treo ngược đầu xuống, nhưng vẫn một lòng tuyên xưng đạo Chúa, bà nói: *“Các quan cứ làm nữa đi để tôi được chết, tôi vẫn hài lòng vì nhờ thế tôi được đến với Chúa Giêsu, Đấng đã chịu chết vì tôi”.*

Tại Mười Dinh, bản doanh của thống tướng, các binh sĩ bị triệu tập và tra hỏi về đức tin của họ. Hai sĩ quan cai đội, cũng là giảng viên giáo lý, đã xưng đạo rất anh hùng. Thống tướng chỉ trách rồi tha họ. Tại Nha Ru, quan cho lính đến một làng nọ để bắt giáo dân nộp ảnh. Ông Carlô đã mạnh dạn tuyên xưng đạo. Ông bị đánh đập và tra khảo về các người Công Giáo trong làng nhưng ông vẫn im lặng.

LM. VŨ THÀNH

Tại một nơi khác, ông Sách và các vị đầu mục bị bắt đeo gông. Tháng 7-1690, quan còn ra lệnh nghiêm ngặt hơn nữa.

Nhờ Cha Barthelemy Acosta chữa lành bệnh cho quan lớn Hữu Nội Hầu, Ngãi Vương rất hài lòng, cho đất làm nhà thờ và từ đó các quan thôi không hành hạ giáo dân nữa. Tuy nhiên, ngày 12-1-1691, Ngãi Vương qua đời, nắm ngôi được 4 năm và thọ 43 tuổi. Dư luận đồn thổi rằng vì Ngãi Vương bắt đạo mà bị phạt chết yếu.

CHƯƠNG 5

Những Anh Hùng Chết Đói Vì Đạo Thời Minh Vương Nguyễn Phúc Chú (1691-1725)

Nguyễn Phúc Chú nối nghiệp cha lúc 17 tuổi, nổi tiếng văn võ kiêm toàn, chiêu hiền đãi sĩ và sùng mộ đạo Phật. Ông đã mời một vị cao tăng bên Tàu sang để truyền bá đạo Phật, và chính ông đã quy y. Cũng vì thế mà ông có thái độ ghét đạo Công Giáo, nhất là khi thấy giáo dân tụ họp đông thì ghen tức.

Năm 1692 Cha Langlois bị bắt một tháng vì một vị quan đại thần tâu là tại nhà cha có rất đông giáo dân tụ họp. Minh Vương đã nói ngay: *“Ta sẽ chém Cha Pierre Langlois ra từng mảnh xem ông ta còn giảng đạo được nữa không và giáo dân còn chỗ nào mà đến”*.

Nhờ có bà mẹ cản ngăn, nói rằng chính vì vua cha bắt đạo mà phải chết sớm, Minh Vương mới thôi. Tại Kinh Đô, hai Cha Pierre Langlois và Barthelemy Acosta chính thức làm nghề thầy thuốc nên được đi lại dễ dàng.

1. Lệnh triệt hạ nhà thờ năm 1698

Vào tháng 4-1698, nhân dịp tuần thánh, giáo dân đến nhà thờ Cha Langlois để tham dự các lễ nghi, các thầy phù thủy nhân cơ hội đó xúi dân làng Thương Lo làm đơn kiện rằng người Công Giáo đã bẻ gãy tượng và lấy các đồ trong chùa. Minh Vương sai một ủy ban điều tra, bắt giáo dân phải chịu mọi phí tổn. Ngày 14-5-1698, quan phúc trình là chùa không hề bị hư hại, còn tượng bị bẻ gãy tay từ 16 năm nay, chỉ có vài nén hương bị mất mà không biết ai là thủ phạm, chỉ biết là mất trong dịp tuần lễ có đông người Công Giáo hội họp. Minh Vương tức giận nói rằng chỉ có người Công Giáo mới dám làm như vậy. Ông liền ra lệnh triệt hạ các nhà thờ để họ không còn đến đó được nữa, và xử tử những người dân nào còn cố chấp, các sĩ quan thì phải giáng xuống làm binh sĩ, các quan thì phải nộp phạt. Cũng hôm ấy Minh Vương ra lệnh triệt hạ hai nhà thờ ở Kinh Đô, giao cho ông Hưu Cam và ông Ta Kang thi hành lệnh.

Ông Ta Kang dẫn 14 đội lính với đầy đủ khí giới và súng ống rầm rộ đến nhà cha Langlois, theo sau có đông dân chúng đi xem. Cha

LM. VŨ THÀNH

Langlois ra trước nhà để nhận lệnh của Minh Vương, nhưng chưa kịp nói gì thì lính đã vạt cha ngã xuống, nắm tóc và trói tay lại dẫn đến trước mặt quan. Người Công Giáo và lương dân đứng nhìn xem thì động lòng thương chảy nước mắt. Lính túm vào xé áo của người ra. Cha Langlois lặng thinh để mặc họ làm gì thì làm và dẫn đi đâu thì dẫn, và họ đã dẫn người đến trước mặt quan, quan liền nói: “*Tôi có lệnh của Minh Vương phá hủy nhà thờ của cha, thiêu hủy các ảnh tượng, thông báo lệnh cấm mọi cuộc hội họp và cấm cha không bao giờ được giảng đạo cho người Việt Nam nữa. Cha đáng chết nhưng Minh Vương đã rộng lượng tha mạng sống và không phá hủy nhà của cha. Minh Vương cho phép cha giữ đạo kín đáo và tiếp tục làm nghề thuốc cứu chữa những người nghèo khó và ốm yếu như cha vẫn làm từ trước tới nay. Cha phải biết đó là đặc ân của Minh Vương và liệu đó mà xử sự cho khôn khéo*”.

Cha Langlois khiêm tốn đáp lại: “*Tôi rất biết ơn Minh Vương đã rộng lượng đối với tôi, song tôi ước ao được chịu khổ và chết vì Chúa Giêsu. Tôi nhìn nhận rằng chính vì ước muốn rao truyền đạo chân thật mà tôi đã không nề quân những gian lao để đến Nam Việt này. Trong mọi việc, tôi không bao giờ bỏ qua việc làm cho mọi người nhận biết Chúa thật trời đất và tìm kiếm ơn cứu rỗi linh hồn. Tôi không thể không rao giảng cho những người muốn nghe tôi. Nếu Minh Vương và các quan trong triều hiểu biết về đạo Kitô và những lợi ích do đạo mang lại thì tôi dám chắc các vị sẽ có thái độ khác đối với các vị thừa sai giảng đạo. Các vị đã nghe biết đạo dạy người ta thờ phượng yêu mến Chúa tế trời đất và mọi người mọi vật, đạo cũng dạy phải vàng phục các đấng bề trên, hết sức làm lành tránh dữ. Từ khi tôi đến xứ này, tôi đã hoàn toàn sống theo như đạo dạy và các vị biết rõ như thế. Tôi đã tận tụy làm việc vất vả, hết lòng làm việc bác ái với mọi người không kể lớn bé sang hèn. Tôi mở rộng cửa ngày cũng như đêm cứu giúp người khác. Cho tới nay không có ai kiện cáo tôi điều gì trước mặt triều đình, trái lại họ còn ca ngợi những công việc tôi đã làm. Thế mà hôm nay tôi bị đối xử như một tên trộm cướp*”.

Quan vội ngắt lời nói: “*Đủ rồi, người ta không phiền trách cha về những việc tốt cha làm cho người nước Nam, người ta chỉ trách là có nhiều người đến hội họp ban đêm và cha quá hăng say làm cho họ trở thành Công Giáo. Minh Vương không muốn các thần dân bỏ đạo của cha ông để theo đạo cha giảng dạy. Minh Vương là chủ, mọi người*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

phải vâng phục”. Nói rồi ông ra hiệu cho binh sĩ rút lui và trả tự do cho cha.

Trong khi quan nói với cha thì binh sĩ đã phá phách nhà thờ và nhà xứ, đem đi tất cả mọi đồ đạc không để lại một thứ gì. Cha Langlois bình thản trước những gì xảy ra, nhưng khi thấy lính châm lửa đốt ảnh tượng và đồ đạo, cha liền nói với họ: *“Tại sao các anh lại bắt nhân làm như thế đối với các đồ đạo? Nếu các anh không thích đạo thì ít nhất cũng phải coi chừng sự trừng phạt của Thiên Chúa vì những tội đại ác đó”*.

Cha Langlois thuật lại rằng ông cai đội lấy các đồ nhà thờ về nhà đã bị cơn sốt hành đến chết sau 15 ngày, chính ông Takang cũng chết 21 ngày sau, ông Cai Vạch Cam là hương trưởng làng đứng tên tố cáo, cũng chết một ít ngày sau. Một số lính hung dữ khác thì kẻ bị mù, người bị tàn tật. Ông Hưu Cam phá nhà thờ các cha Dòng Tên cũng bị phạt chết. Ông nghề bộ Diêm là người đứng đầu phá hủy nhà thờ của Đức Cha Perez cũng bị một cơn ốm nặng đã phải trả lại các đồ nhà thờ.

Hầu hết các nhà thờ tại các tỉnh đều bị phá hủy ngay trong những ngày đầu. Sau những vụ trừng phạt đối với những người ra tay thì xảy ra một cơn bão lớn trên toàn cõi Nam Việt ngày 2-11-1698, làm tốc các cung điện, chùa chiền và nhiều nhà khác, nhận chìm rất nhiều tàu bè làm thiệt mạng hàng ngàn người. Trước thiên tai, Minh Vương úy sợ Thiên Chúa nên cho phép làm nhà thờ lại.

2. Cuộc bách hại đạo toàn diện năm 1700, các thừa sai bị giam tù, bốn giáo dân bị bỏ đói tại Kinh Đô

Ngày 13-3-1700, Minh Vương bất thành linh ra lệnh bắt đạo toàn diện Nam Việt: Tại các tỉnh như Kinh Đô, Hội An, Nha Trang, Nha Ru, Đồng Nai, Quảng Nam, Quảng Bình, Dinh Cát, Van Cui đều có nhiều người bị bắt. Vì lý do gì không biết, nhưng có người cho rằng khi được tự do xây nhà thờ trở lại, giáo dân phấn khởi tụ họp đông đúc trong khi chùa miếu lại vắng tanh, vì thế các sư sãi làm đơn kiện cáo với Minh Vương. Ngoài ra các quan cũng hay đem gương Nhật Bản ra bàn với Minh Vương. Riêng tại Kinh Đô có 4 đạo quân đi bắt các cha, nói dối là quan muốn mời các đấng đến chữa bệnh. Lần lượt các cha và những người giúp việc bị bắt dẫn giải về Kinh Đô và bị giam trong các nhà tù khác nhau. Tất cả là 22 người bị bắt ngay trong

LM. VŨ THÀNH

đợt đầu. Trong số đó có ba cha Dòng Tên là Cha Antôn Arnedo, Giuse Candone, Phêrô Belmonte, và hai cha người Pháp là Cha Langlois và Cha Cappony bị bắt. Tại Hội An cũng có hai cha người Pháp bị bắt là Cha Nicolas de Fonseca và Cha Sennemand. Thịnh thoảng họ lại bị đem ra nhà hội hạch sách và tra hỏi mà không có phiên tòa. Sau đó lính còn đến tra hỏi họ chỗ ở của các thầy giảng nữa. Có một bà đã nói nơi trốn của cha Maurô. Chính vì vậy mà cha đã bị bắt với hai thầy già. Số người bị bắt tại đây lên tới 42 người nhưng chỉ có 10 người bền vững xưng đạo tới cùng.

Ngày 22-4, các tù nhân gồm 4 linh mục và 37 giáo dân được dẫn ra trước mặt Minh Vương. Thấy các linh mục đeo gông bằng tre quá nhẹ ông liền ra lệnh làm gông bằng gỗ nặng cho họ đeo và bắt họ phải trả tiền gông. Những người chối đạo bị chặt ngón tay, gọt trọc đầu và đánh đòn rồi mới được thả tự do. Còn lại 16 người bị Minh Vương kết án bỏ đói cho chết. Nhưng ngày hôm sau Cha Maurô không chịu nổi đã đập ảnh chối đạo nhiều lần trong suốt ba ngày và còn cả gan nói: *“Tôi đã giảng đạo Chúa Giêsu và đánh lừa nhiều người, tôi cam quyết sẽ không làm như vậy nữa”*. Dù chối đạo, cha vẫn bị giam tù một tháng và sau đó Minh Vương đổi thành án chặt hai ngón tay và cạo trọc đầu rồi mới thả về. Riêng Cha Arnedo vì là thầy thuốc của Minh Vương nên chỉ bị giam có một ngày rồi được thả tự do. Một số các vị thừa sai muốn làm đơn xin Minh Vương cho về nước, số còn lại nhất định ở lại dù bị giam tù để nâng đỡ giáo đoàn đang gặp cơn thử thách. Chính Minh Vương không muốn trục xuất các cha vì còn muốn tâu buồn ghé đến, đồng thời không muốn tha vì sợ các cha lại tiếp tục giảng đạo, cuối cùng ông quyết định cứ giam các cha cho đến khi chết trong tù. Trong số giáo dân thì đa số đã chối đạo, cũng bị chặt ngón tay và cạo trọc đầu rồi mới được thả về, ngoại trừ 4 người là Thadeô Van, Phaolô So, Vinh Sơn Luc và Antôn Ki đã kiên gan bền vững chịu đói khát tới chết vì đạo. Họ bị giam tại một nhà giam tối tăm, ở ngoài cù lao giữa sông, có lính canh chừng. Cứ mỗi ngày lính canh đến 5, 6 lần làm bộ ăn uống om sòm và dụ dỗ họ: *“Nếu tụi bay chịu bỏ đạo thì chúng tao cũng sẽ cho ăn uống và tụi bay cũng sẽ được tự do, tại sao lại phải chịu chết làm chi”*.

Hằng ngày cũng có những người Công Giáo do các cha sai đến để khích lệ những người lính chiến của Chúa Kitô. Cả Kinh Đô dân chúng bàn tán về 4 người bị bỏ đói này. Khổ vì đói còn đỡ chứ khổ vì khát mới dễ sợ. Thế mà họ phải chịu khổ cả hai thứ. Hai mắt khô

DÒNG MÁU ANH HÙNG

tối đen lại và sâu hoắm vào trong, thân hình chỉ còn da bọc xương. Họ mất hết nghị lực, không còn ngồi được nữa mà cũng không còn nói được nữa. Khắp châu thân họ cảm thấy như lửa đốt. Sau 12 ngày nhịn đói khát, một chú đã tả lại là trong bụng đói cồn cào như bị xé bị đâm, máu ú trào ra. Đến ngày thứ 15 thì chú không còn biết gì nữa. Người già nhất chết sau 15 ngày, người giúp việc của Cha Langlois chết ngày thứ 16, một người chết ngày thứ 17 và thầy già chết ngày thứ 18. Họ thật là những vị thánh anh hùng cao cả.

Còn số phận các cha bị giam thì ba cha đã chết rũ tù: Cha Belmonte 50 tuổi, làm việc tại Nam Việt được 8 năm, chết trong tù ngày 28-5-1700; Cha Langlois giảng đạo ở Nam Việt được 21 năm, chết trong tù ngày 30-7-1700; Cha Candone 64 tuổi, tù được một năm thì chết ngày 28-5-1701. Còn lại các Cha Sennemand, Cappony và Nicolas Fonseca bị giam cho tới cuối năm 1704 thì được trả tự do.

Sau khi bắt bớ một thời gian, Minh Vương còn bắt các quan kiểm kê con số giáo dân Công Giáo. Một số giảng viên giáo lý đã chối đạo trước kia lại bị bắt trở lại để kê khai số giáo dân. Một số đông giáo dân đã phải trốn lên rừng.

3. Cuộc xung đạo của các cha và giáo dân tại Nha Trang và Nha Ru, ba vị anh hùng giáo dân tử đạo

Ngày 28-3-1700, Cha Feret, Cha D'Estréchy và Thầy Gouge đến Phan Rí để kiểm thuyền sửa soạn đi Siam. Trong khi đó lính ập đến lúc 7:00 giờ sáng ngày 13-4 bắt các vị thừa sai, cướp bóc và phá hủy nhà thờ. Ngày 7-5 các đấng bị dẫn giải về Nha Ru, quan phủ ra lệnh tháo gông cho các đấng và bắt canh gác vừa phải thôi. Tại Nha Ru lúc bấy giờ đã có hai giáo dân đang bị giam tù là ông Laurent Hanh bị bắt ở Nha Trang và ông Antoine An bị bắt ở Koong. Ngày 13-5, các vị thừa sai được dẫn đến trước mặt các quan án và giao cho lính đem vào ngục. Cha Feret vì đau yếu tù trước nên đã qua đời trong tù ngày 12-6. Từ cuối tháng 8, quan trấn phải đi Đồng Nai nên các tù nhân được phép đi lại tự do hơn và có khi được phép về làng thăm gia đình. Ngày 22-10, Cha Forget lâm bệnh nặng và qua đời trong cảnh tù đầy. Ngày 1-11, các tù nhân lại phải đeo gông về lại nhà giam và ra trước mặt quan phủ. Ngày 8-11, lính áp giải Cha D'Estréchy, Thầy Gouge, ông Laurent Hanh và ông Antoine An đến nghe đọc án, và trên đường đi có thêm ba tù nhân nhập bọn là ông Dominic Ben,

LM. VŨ THÀNH

bà Agnes Bưởi, em của Cha Laurent, và chú bé Anrê. Mỗi người có một tên lính cầm giáo mác đi kèm ra sân phủ đường trước mặt quan trấn, ông Thuang. Sau khi các tù nhân ngồi xuống đất, quan cho gọi từng người ra nghe án: *“Những người không chịu đạp ảnh chối đạo phải giam tại nhà giam và bỏ đói cho chết”*.

Một lần nữa quan lại hỏi họ có muốn đạp ảnh không, nhưng họ đều đáp lại là không hề sợ chết vì đạo. Lính liền giam các đấng vào nhà lao, đóng chặt cửa lại và đặt chà gai chung quanh. Lúc đó một cha cất tiếng đọc sách nguyện cho các người khác nghe rồi họ cùng nhau đọc kinh và khuyên bảo nhau trung thành. Hằng ngày có người đến nhiều lần dụ dỗ bỏ đạo. Những người đến thăm vút vào nhà lao ít gạo và lương thực, trong khi các đấng lên tiếng giảng đạo cho họ. Một bà Công Giáo đã mạnh dạn đến nói với quan trấn ông Thuang rằng thói tục trong nước không bao giờ cho phép bỏ đói người ngoại quốc, ngay ở Kinh Đô Minh Vương cũng không làm vậy. Thế là hôm lễ Thánh Martin, quan đến đem hai vị thừa sai giam tại nhà tù khác.

Từ ngày 20-11 quan ra lệnh tháo hàng rào cũ để làm hàng rào mới hai vòng, không ai đến gần được nữa. Đến ngày thứ 10, cậu Anrê không chịu nổi đói khát đã xin ra đạp ảnh chối đạo. Ngày 18-12, ông Laurent Hanh trút hơi thở cuối cùng. Ngày 22 đến lượt ông An, và ngày lễ Giáng Sinh bà Agnes về với Chúa. Ngày 29 ông Ben trốn ra được nhưng vì kiệt sức nên bị bắt lại ngay buổi chiều hôm đó và ông đã đạp ảnh chối đạo.

Ông Hanh là con ông Ki Lục ở Nha Trang, đã cưới vợ nhưng vợ bỏ, ông ở một mình và sinh ra bê tha. Ba năm trước khi bị bắt, ông đã ăn năn hối hận sống đời đạo hạnh. Ông cởi bỏ áo đẹp, ăn chay mỗi ngày và tối ngủ dưới đất bên cạnh nhà thờ. Gặp ai ông cũng nói chỉ có sự cứu rỗi linh hồn là điều quan trọng nhất. Ông đã chết vì đạo lúc 38 tuổi, ngày 18-12-1700. Xác ông được người em gái là bà Xa Liêu đem về chôn cất. Còn xác ông Antoine An được giáo dân Nha Ru mang về an táng và coi giữ như một báu vật. Ông từng là một giảng viên giáo lý rất nhiệt thành. Ông chết vì đạo lúc 76 tuổi, ngày 22-12-1700.

Bà Agnes là em của Cha Laurent, bị bắt trong khi mấy anh em và bà con đang đưa xác cha của mình từ Đồng Nai về quê là Nha Trang để an táng. Cha Laurent vì quen thân với quan ở Dinh Cát nên không bị bắt. Bà Agnes có hai người con, 7 tuổi và 10 tuổi. Trong khi chồng

DÒNG MÁU ANH HÙNG

đi công tác xa, hai đứa con theo bà cho tới nhà tù. Bà đưa tiền cho chúng ra chợ mua thức ăn, trong khi ấy lính giam bà vào ngục. Hai đứa trở lại không thấy mẹ thì khóc và trở về nhà. Chồng bà ở xa về thấy con khóc liền đem con đến nhà tù dụ dỗ bà bỏ đạo để về với chồng con. Bà Agnes can đảm nói với chồng: *“Này anh, em xin anh đừng khóc lóc buồn phiền. Chính Chúa thương cho em được ơn trọng như thế này. Đó là một vinh dự cho cả anh và các con, sao anh lại khóc ầm ĩ. Em xin anh một lần nữa đem hai con về nhà chăm sóc chúng nó, dạy chúng biết kính sợ Thiên Chúa và nhắc chúng rằng em vẫn nhớ đến anh và các con trong nước Thiên Đường. Em hy vọng sẽ được phúc tử đạo sớm”*.

Bà Agnes đã được như ước nguyện, chết vì đạo đúng vào ngày lễ Giáng Sinh, 25-12-1700. Xác bà được Cha Laurent đem về nhà một người Công Giáo để an táng. Trong khi giáo dân và lương dân đông đảo đến đọc kinh và viếng xác người chết thì quan sai lính đến bắt. Một số đông chạy thoát, một số bị bắt nhưng hầu hết đã chối mình là người Công Giáo, chỉ có bà Elizabeth và người con gái là nhất quyết không chối đạo. Ra trước mặt quan, bà anh dũng thưa lại: *“Xin quan cho tôi được nói. Làm sao tôi có thể chà đạp dưới chân hình ảnh Chúa mà tôi hằng tôn kính từ lâu? Thưa quan, tôi không bao giờ biết chà đạp ảnh thánh Chúa, tôi thà chịu chết”*.

Hai mẹ con bị giam vào ngục, cổ mang gông nặng nề, cho tới tháng 12 năm 1701 mới được thả về, khi quan trấn mới về là người có thiện cảm với đạo. Cha D'Estréchy và Thầy Gouge cũng được trả tự do vào dịp này, nhưng họ phải giữ gìn kín đáo.

4. Cuộc xung đạo của giáo dân tại Quảng Nam

Các tín hữu Quảng Nam tỏ ra rất can trường. Đức Cha Labbé thuật lại là có 10 người bị giam tù vẫn một mực trung thành, thà chết không chối đạo. Đó là hai ông bà Benoit và Anna Ven người làng Bat Nhi, ông Bartholomeo Miêu cũng người làng Bat Nhi, ông bà Phêrô và Maria Thanh người làng Ki Lam, ông Tôma Vinh người làng Phước Lộc, bà Monica Sum người làng An Trạch và ba người khác không rõ tên. Ông Benoit Ven, ông Phêrô Thanh và bà Monica Sum đã chết vì đạo trong tù. Riêng bà Sum thật là một người đàn bà can đảm, đã làm vững lòng nhiều người. Ban đầu khi hay tin có bắt đạo, bà đã sai con về Kinh Đồ để dò la. Được biết chắc chắn có bắt đạo, bà

LM. VŨ THÀNH

liền chôn giấu các đồ đạo và đem các con trốn lên núi. Nhưng đang lúc ấy thì lính đuổi theo nên bà vào một làng bên cạnh để trốn tránh, chỉ để lại một đứa con 7 tuổi giữ nhà và cũng là nhà thờ. Chú bé thấy lính tới thì trèo lên cây nhưng cũng bị lính bắt. Buổi chiều người ta đưa tin cho bà hay các sự việc, bà liền trở về nhà, không còn sợ hãi nữa, đến nộp mạng thay cho con mình. Bị giam trong tù, bà bí mật nhả đứa con cả mới 14 tuổi đến và căn dặn: *“Con ạ, con đừng ở lại đây nữa, mà hãy đến Kinh Đô trà trộn giữa người ta mà sống kẻo ở lại người ta cũng bắt con. Mẹ sợ khi bị bắt, con còn trẻ không biết có đủ can đảm xưng danh Chúa Giêsu không, hay là trông thấy quan quân cầm gươm giáo rồi sợ hãi mà chối đạo. Còn em con nó nhỏ tuổi đem gởi chú con. Đừng lo lắng cho mẹ”*.

Hôm sau ngày bị bắt, bà và các giáo dân được dẫn ra trước mặt quan, bà được đi hàng đầu và bị hỏi đầu tiên. Thấy có nhiều người đã khiếp sợ mà chối đạo, bà quyết tâm trả lời mạnh bạo để củng cố người khác bên gan. Quan dọa bà hoặc phải chết hoặc bỏ đạo như lệnh vua đã ra. Nhưng bà hiên ngang trả lời: *“Các quan vâng lệnh vua như ý các quan muốn, nhưng phần tôi, tôi không bao giờ bỏ đạo Chúa Trời Đất”*.

Quan giận dữ ra lệnh: *“Người hãy dẫm chân lên ảnh tượng”*.

Quan nói tới hai ba lần mà bà vẫn không sợ hãi thừa lại: *“Đạp ảnh tượng là chối đạo và xúc phạm đến Chúa Giêsu, tôi nhất định không làm”*.

Quan lại hạch: *“Tại sao người không làm?”* - *“Vì nếu làm như vậy tôi sẽ phạm đến Chúa toàn năng đã dựng nên tôi và tôi sẽ phải phạt đời”*.

Quan lại dụ dỗ: *“Người cứ đạp đi! Nếu Chúa có phạt thì ta sẽ chịu hình phạt đó thay cho”*. - *“Sự xét xử của Thiên Chúa không như người thế gian, mỗi người phải chịu trách nhiệm cho chính mình. Hình phạt quan chịu không thay thế được tội ác tôi chà đạp ảnh tượng đâu”*. Sau đó quan ra lệnh đánh bà thật dữ tợn. Dù đang bị đánh, bà vẫn nói to lên: *“Tôi không bao giờ làm điều đó, tôi không bao giờ chối đạo”*.

Quan lại ra lệnh giam bà nhịn đói ba ngày. Nhờ gương can đảm của bà Monica Sum nên chỉ có một người đạp ảnh chối đạo, còn tất cả đã anh dũng xưng đạo và chịu đánh đòn. Thấy còn đông giáo dân can

DÒNG MÁU ANH HÙNG

đằm đằm trước mặt, các quan nói với nhau: “*Chúng ta làm gì với cái đám đông này bây giờ, không lẽ giết họ chết cả sao? Tôi biết chắc họ không chối đạo. Nếu mình theo lệnh vua lên án chém họ hoặc bỏ đói họ cho chết thì chỉ gây thêm rối loạn cho tỉnh này thôi.*”

Các quan bàn luận rồi ra lệnh cho lính thẳng tay đánh các giáo dân và thả về. Quân lính cũng mệt mỏi mà người ta vẫn còn dẫn thêm các giáo dân từ các làng đến.

Một tháng sau các quan cho giải 8 người về Kinh Đô để vua xét xử. Tám người đó là ông bà Ven, ông bà Thanh, ông Miêu, ông Vinh, bà Sum, và ông Khiết người làng Chu Mê. Vừa tới Kinh Đô họ bị đem giam vào một chuồng voi. Họ không ngớt lời an ủi nhau. Khi hay tin có giáo dân đến, một bà hầu của Minh Vương lên đến chúc mừng họ và khuyến khích họ can đảm: “*Tôi mừng cho anh chị em được ơn riêng của Chúa đến Kinh Đô xưng đạo và làm tăng số tín hữu anh hùng. Tôi thấy anh chị em đã chịu nhiều khổ nạn và đánh đập, hãy can đảm lên! Những khổ nạn đời này dù có lâu dài cũng sẽ qua đi, trong khi phần thưởng của Chúa dành cho những người trung thành đến cùng sẽ không bao giờ hết. Anh chị em hãy chắc chắn về sự thật này để có sức chịu đựng mọi hình phạt kẻ thù gây nên.*”

Bà Sum ngắt lời hỏi bà là ai, bà hầu thưa: “*Tôi là người tôi tớ của Minh Vương nhưng thực sự là con Thiên Chúa, rất vui mừng thấy anh chị em can đảm xưng đạo như tôi đã chịu một phần vì Chúa lúc bắt đạo mới xảy ra.*”

Các giáo dân liền xích lại gần bà, và xin bà kể cho nghe những gian lao đã phải chịu thế nào mà vết sẹo còn hiện rõ trên thân thể bà. Bà liền kể: “*Tôi sinh ra đã là nô lệ trong hoàng cung, chuyên làm nghề may vá. Một hôm Minh Vương đi qua hỏi tôi nhiều câu rồi sau đó hỏi tôi có phải là tín hữu không, tôi nhận ngay tôi là người Công Giáo. Minh Vương lại hỏi là từ khi có lệnh cấm rồi tôi có còn theo đạo nữa không. Tôi vội đáp tôi vẫn còn là Kitô hữu. Ông ta mới dọa tôi: ‘Người không biết là ta đã giết rất nhiều người theo đạo này sao? Hãy hối cải đi, ta sẽ tha cho.’ Lúc đó tôi đáp lời: ‘Tâu chúa thượng, tôi biết chúa thượng đã giết nhiều người Kitô, nhưng tôi không thể bỏ đạo được.’ Minh Vương lại hỏi: ‘Tại sao người không bỏ được? Ai trong hoàng cung này đã bắt buộc người?’ Tôi đáp là chính tôi bắt buộc tôi, chỉ vì tôi muốn được rỗi linh hồn. Minh Vương hỏi tiếp: ‘Rỗi linh hồn là cái gì?’ Tôi đáp: ‘Túc*

LM. VŨ THÀNH

là khi chết đi tôi được đi thẳng lên trời, nơi mà tôi biết rằng kẻ không trung thành giữ đạo Đức Chúa Trời không thể đến được. Đó là đạo các cha giảng dạy trong nước này.’ Minh Vương giận dữ nói: ‘Người thật điên rồ, chỉ biết có bằng đó’. Tôi trả lời ông: ‘Tâu chúa thượng, ít nhất tôi biết kính sợ Chúa Trời Đất và những hình phạt dành cho những ai không giữ các điều răn dạy của Người. Minh Vương hỏi lại: ‘Vậy người chẳng sợ gì ta?’ Tôi đáp: ‘Thật vậy.’ Minh Vương lúc bấy giờ giận dữ, giang tay tát tôi, rồi gọi những hoạn quan đến tra tấn bằng cách cắm những kim khâu vào 10 đầu ngón tay tôi. Trong khi ấy tôi vẫn không ngớt kêu thánh danh Chúa Giêsu. Minh Vương còn độc ác hơn nữa, ra lệnh truyền tẩm dầu vào vải cuốn các ngón tay và đốt sống tay tôi. Ông ta làm thế để mong được nghe lấy một lần tôi thốt ra những lời chối đạo cho hả cơn tức giận của ông. Nhưng Thiên Chúa đã tăng sức mạnh cho tôi tới Người để làm rối lòng những người quyền thế. Sau cùng Minh Vương ra lệnh đem tôi ra cho voi giầy xéo. Khi quan mang tôi đi thi hành lệnh thì ông ta hồi tâm nghĩ lại sự trung thành và cần mẫn của tôi, nên sai một hoạn quan đến bảo ngưng lại lệnh cũ”.

Sau khi kể về các khổ cực đã chịu, người đàn bà dũng cảm này đã khuyên họ: “Tôi xin anh chị em hãy sẵn sàng và can đảm đón nhận giờ phút kết thúc vinh quang của những lao nhọc đời này”.

Gương can đảm của người hầu trong hoàng cung đã làm cho họ phấn khởi tinh thần. Vừa trông thấy các tù nhân vào tới sân đình Minh Vương hỏi ngay họ là những người nào. Quan trấn Quảng Nam thưa: “Chúa thượng vạn tuế! Đây là những người Công Giáo ở trấn Quảng Nam đã khảng khái không chịu bỏ đạo. Các quan cố vấn đã có kinh nghiệm về những người này, họ không bao giờ sợ chết hay cực hình. Các quan không biết phải làm gì để bắt họ vâng lệnh chúa thượng được, nên đã quyết định áp giải về đây để xin mệnh lệnh của chúa thượng”.

Minh Vương đã từng thấy quả báo Chúa phạt những người ra tay đổ máu các tín hữu Kitô nên muốn trốn tránh: “Việc này đã lâu rồi, người đến trễ quá. Những người này thuộc trấn Quảng Nam vậy người hãy mang về làm theo ý người”.

Minh Vương giải quyết như thế vì đã từng thấy ông chú chết bất tử sau khi phá hủy nhà thờ và đốt ảnh tượng. Phần quan trấn Quảng Nam vì không có lệnh rõ ràng nên không dám tha họ mà cũng không

DÒNG MÁU ANH HÙNG

dám xử tử họ, ông ra lệnh giam họ trong tù. Tất cả có 5 người đàn ông và ba người đàn bà. Ba bà lần lượt chết trong tù, năm người đàn ông cũng vậy. Họ chết khoảng năm 1700 đến năm 1713.

5. Cuộc xướng đạo của các giáo hữu tại Quảng Bình và Dinh Cát

Ngay từ đầu cuộc bắt đạo, các tín hữu đã mạnh bạo xướng đạo, nhưng chính quan trấn thủ đã khuyên Minh Vương là nếu xử chém đầu thì quá dễ dàng cho người Công Giáo được tôn vinh, phải giam đói họ cho đến khi họ bỏ đạo, chà đạp ảnh tượng. Chính hình phạt tàn bạo này đã làm cho nhiều người mất phúc tử vì đạo. Có một số giáo dân can trường là sĩ quan Phaolô Kiên, Micae Van, Bênadô Gan và chú bé Anrê đã hiên ngang xướng đạo trước mặt các quan. Ông Kiên là sĩ quan đóng đồn ở biên giới giáp Bắc Việt, còn Van là con của một ông quan nhỏ, Gan là thầy giảng mới bắt đầu, chú bé Anrê làm nghề chăn voi. Tất cả được dẫn ra, Minh Vương nói với ông cai Phaolô Kiên trước tiên: *“Ông cai, ta không muốn các thần dân theo đạo Kitô. Ta đã ra sắc lệnh cấm đạo trong toàn quốc. Ông đã biết lệnh sao không tuân theo? Người thật đáng chết. Người hãy chọn ngay bây giờ một là bỏ đạo ngoại lai đó hoặc phải chết”*.

Ông Kiên vững vàng thưa lại: *“Thưa chúa thượng, thần sẵn sàng tuân lệnh trong mọi sự miễn là lương tâm thần không trách cứ. Chỉ có đạo Kitô mới bắt buộc được thần không tuân lệnh, bởi vì nếu theo lệnh chúa thượng thì thần phải bỏ đạo và làm ngược lại Chúa Trời Đất, và như thế thần đánh mất cả mạng sống, cả linh hồn. Thần theo đạo ngay từ còn bé do cha mẹ truyền dạy và được một ơn lạ rất đặc biệt của Chúa Trời ban cho. Thần quý trọng đạo hơn cả mạng sống để không bất xứng với hạnh phúc đời đời mà Chúa Trời thưởng cho những người trung thành đến cùng”*.

Các quan nghe những lời ấy thì giận dữ cho là xúc phạm đến chúa thượng nên xin Minh Vương ra lệnh phân thầy từng mảnh. Minh Vương ra án cho ông cai Phaolô Kiên phải xử chém tại quê quán. Đồng thời Minh Vương cũng ra án cho thầy giảng Gan phải giam đói trong một nhà giam biệt lập, còn người lính trẻ Micae Van bị xử chém ngay tại cánh đồng.

Thầy giảng Bênadô Gan chịu đựng đói khát đến ngày thứ 11 thì xin chối đạo. Tác giả bài tường thuật nói thêm về sự khùng khiếp của hình phạt bỏ đói khát như sau: Thân người bị bỏ đói khát xanh xao

LM. VŨ THÀNH

như một xác chết, hai mắt lõm vào gò má, da khô đét như vừa mới hơ trên lửa, trong bụng cồn cào như lửa đốt, máu phun ra miệng, lỗ mũi và lỗ tai. Tất cả các cơ quan tê liệt và bị cầm. Thấy giảng sau này tỉnh lại đã thú nhận rằng khi ấy không còn lương tri gì nữa, không biết rằng mình đã chối đạo. Về phần ông Kiên, khi về tới nhà thấy vợ con khóc lóc thì mắt can đảm mặc dù mọi người không dữ tợn với ông trước khi hành quyết. Họ dụ dỗ ông nào là phải tịch biên tài sản, mất hết danh tước, nào là không phải chối đạo mà chỉ nguyện giữ đạo trong lòng mà thôi, chỉ tạm nghe lời vua trong lúc này, chỉ bước qua ảnh chứ không đụng chân và như thế vừa giữ được hòa khí trong gia đình vừa không phải bỏ đạo. Ông Phaolô Kiên trước mặt Minh Vương vững vàng biết bao nhiêu mà nay đã mềm lòng trước những lời dụ dỗ chịu bước qua ảnh đạo. Người giám sát thi hành lệnh đã làm tờ phúc trình về Minh Vương là ông đã đạp ảnh và xin ân xá, nhưng Minh Vương không tha mạng, lệnh xử chém vẫn phải thi hành. Cả nhà ông Kiên sững sốt. Lúc này ông Kiên lấy lại sức mạnh. Ông xin mọi người tha thứ gương xấu của ông và đồng dục tuyên bố mình phải chết như một Kitô hữu.

Chú bé Anrê bị bắt khi đi cắt cỏ cho voi. Chú nhất định không chịu đạp lên ảnh đạo, quan mới hỏi chú có bao giờ ăn trộm không. Chú thưa lại: *“Bẩm quan, tôi thú thực rằng đôi khi vì đói tôi có bẻ trái cây của người ta để ăn, nhưng không bao giờ lấy trộm về để bán.”* Quan còn dùng lời ngon ngọt hoặc đe dọa để bắt chú bỏ đạo, nhưng chú nhất định từ chối và cảm ơn lòng tốt của quan. Vì thế chú đã bị xử trảm, chết vì đạo một cách anh hùng.

Sau những vụ hành quyết dã man, nhiều quan động lòng trước những quả báo, đã xin Minh Vương trả tự do cho các cha. Minh Vương đã nói ra mục đích chính ông giữ các vị thừa sai trong tù là để họ không còn giảng đạo được nữa. Trong số các quan xin tha cho các vị thừa sai có quan Tả Lộc đã tìm cách xin giam các đấng dưới sự giám sát của ông. Ngày 7-10-1702, Cha Cappony được gọi đến và cho biết là quan Tả Lộc đã xin được tự do cho cha, nhưng khuyên cha không nên giảng đạo nữa nếu không sẽ mất mạng, và nói cha đến tạ ơn quan. Khi cha đến nơi thì cũng thấy Cha Arnedo và Nicolas de Fonseca đang lạy tạ quan theo phong tục nước Nam. Quan nói với các cha: *“Các cha đã biết là bao nhiêu rắc rối xảy ra vì đạo làm chết bao nhiêu người, nếu còn tiếp tục giảng đạo sẽ nguy đến tính mạng của các cha”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Sau đó các cha được phép làm nhà trong trại lính nhưng không được phép ở trong các làng, không được làm nhà thờ và không được đi xa nếu không có phép của các quan tứ trụ đại thần. Các cha cũng được tự do làm nghề thuốc và buôn bán. Từ đó các cha không phải đeo gông nữa. Mãi tới cuối năm 1704 các cha mới được tự do hoàn toàn.

6. Cuộc xung đạo của các binh sĩ tại làng Văn Cui năm 1714

Làng Văn Cui thuộc Dinh Cát có khoảng 400 giáo dân. Vào tháng 3-1714, một tên lính đến tố giác với quan là trong làng có nhiều người Công Giáo không chịu vâng giữ lệnh cấm của nhà vương. Quan phái lính đến phá nhà thờ và cướp bóc, bắt trói tất cả 45 giáo dân lớn bé và giải về Kinh Đô nhưng lúc đó Minh Vương đang bận chuyện khác nên không xét đến. Trong vòng một tháng, gia đình thân nhân đến thăm viếng đã làm 25 người mềm lòng chối đạo. Trong dịp này viên cai đội lính ngự lâm muốn truy xét trong hàng ngũ ngự lâm quân xem có người nào là Công Giáo không. Ông bắt tất cả phải làm lời thề trung thành với chúa thượng và nguyện rửa thánh danh Chúa Giêsu. Một số đồng đã làm như vậy, kể cả lính Công Giáo, chỉ trừ có 8 người thề trung thành với Minh Vương nhưng không chịu nhượng bộ. Tám người lính liền bị tống vào ngục chung với mấy người làng Văn Cui. Họ được Cha Sennemand đến thăm viếng và ban bí tích. Tối ngày xử, tất cả 21 người đàn ông và 5 người đàn bà được đưa ra trước mặt Minh Vương. Ông liền hỏi: *“Tại sao các người nổi loạn không chịu vâng phục lệnh ta và chống lại đạo của tổ tiên? Các người không biết rằng ta đã ra lệnh cấm mọi thân dân không được theo đạo ngoại quốc đó sao? Thế mà các người còn cả gan theo đạo đó không sợ phạm tội khi quân. Hôm nay các người phải công khai tuyên bố bỏ đạo và nguyện rửa Giêsu hoặc phải chết”*.

Họ hiện ngang thưa lại: *“Chúa thượng vạn tuế! Chúng tôi hiện ngang tuyên xưng rằng chúng tôi hết lòng vâng mệnh chúa công, chỉ trừ một điều về tôn giáo là chúng tôi trái lệnh. Chúng tôi thà chịu chết chứ không nguyện rửa thánh danh Chúa Giêsu là Chúa Trời Đất mà chúng tôi thờ lạy”*.

Minh Vương không quen nghe những lời nói nghịch ý nên tức giận ra lệnh chém đầu tất cả. Vị quan cận thần thưa lại: *“Đây là một số đồng, chúa thượng xử như thế có nhiều thiệt hại cho quốc gia. Xin chúa thượng nhân từ như cha xử phạt con cái”*.

LM. VŨ THÀNH

Như vậy Minh Vương mới đổi thành án khổ sai chung thân, mang gông xiềng và cắt cổ cho voi. Còn 5 người đàn bà được trả tự do. Trong số binh sĩ xưng đạo có ông Phó là người mà Minh Vương biết rất rõ và muốn giữ ông lại nên mới dụ dỗ ông: “*Này Phó, tại sao người làm phiền lòng ta như thế? Hãy rửa thắm tên Giêsu trong lòng thôi rồi ta tha cho*”.

Ông Phó anh dũng trả lời: “*Chúa công sao lại truyền lệnh quái ác như vậy? Giả sử các quan trong triều có cho tôi tất cả vàng bạc trên thế gian hoặc đe dọa tôi phải chết để bắt tôi nguyện rửa chúa công tôi cũng không bao giờ làm bởi vì chúa công là người tôi phải tôn kính cho đến trọn đời. Lòng tôn kính của thần đối với chúa công trung kiên cho đến chết, cũng thế làm sao thần có thể nguyện rửa Giêsu là Chúa Trời Đất, Đấng tạo dựng nên mọi người mọi vật và nắm trong tay quyền sinh sống của mọi người. Trước mặt Chúa, mọi người sau khi chết phải ra chịu phán xét để được thưởng hay bị phạt tùy theo công nghiệp. Chúa công muốn làm gì thần tùy lòng muốn, nhưng thần xin đừng bắt thần phạm tội ác chống lại Đức Chúa Trời, thần sẽ chẳng bao giờ làm*”.

Minh Vương ra lệnh tịch thu tài sản và phá hủy nhà cửa của ông. Hoàng tử kế nghiệp động lòng thương muốn cứu nhưng ông xin cứ thi hành án của Minh Vương.

7. Lệnh cấm đạo năm 1723 và lệnh trục xuất các cha năm 1725

Về cuối đời Minh Vương các quan đại thần rất ghen tị với các cha, nhất là với Cha Arnedo vì người được Minh Vương tin dùng trong việc thương thuyết với Macao để họ sang buôn bán. Năm 1720 thấy Cha Arnedo qua đời, lương dân các nơi bắt đầu quấy nhiễu Kitô hữu. Năm 1723 họ làm áp lực bắt Minh Vương công bố lệnh cấm đạo. Các giáo dân phải chạy trốn và cất giấu ảnh tượng không dám đeo như trước. Khi Minh Vương vừa chết, các quan thúc đẩy chúa Nguyễn mới là Ninh Vương (1725-1738), một người có nhiều thiện cảm với đạo Công Giáo và với các cha, công bố lệnh trục xuất các cha trong vòng hai tháng, trừng phạt nghiêm khắc những người trốn tránh ở lại và cả những người chứa chấp. Các quan còn so sánh các đạo và nói đạo Công Giáo là đạo sai lầm nhất, các tín đồ ngu xuẩn và bất bình thường. Các quan cũng bàn luận rằng thuật trị nước nằm trong việc duy trì tam cương ngũ thường, những người giữ mình độc thân bị coi khinh và có hại cho loài người. Vì thế họ bắt các nhà

DÒNG MÁU ANH HÙNG

sư phải nhập quân đội và giảm bớt các chùa, chỉ để lại một chùa chính tại mỗi huyện.

Có tin đồn là sẽ có cuộc bách hại đạo toàn diện. Tất cả 19 cha đang có mặt trong nước bàn định kiếm tầu ra khỏi nước, nhưng vì các đấng thắc mắc vị tân vương hiền hậu và có thiện cảm như vậy sao lại có thể bách đạo được nên các đấng làm tờ tâu trình và được biết đó chỉ là ý muốn của các quan đại thần. Trong lúc này nếu làm phật lòng họ thì có hại, họ sẽ lập đảng tôn phò người con khác lên nối ngôi. Dần dà Ninh Vương nắm vững quyền hành triệt hạ quan đại thần lộng quyền chủ mưu cuộc bách hại đạo Công Giáo. Trong vòng 13 năm kế tiếp, đạo Công Giáo được bình an truyền bá.

CHƯƠNG 6

Lệnh Trục Xuất 27 Thừa Sai Thời Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765)

Ở thời Ninh Vương, đạo Công Giáo được tự do giảng đạo, nhiều nhà thờ được xây cất, nhiều vị thừa sai đến hoạt động. Đặc biệt Ninh Vương còn viết thư yêu cầu những vị thừa sai giỏi toán học và chiêm tinh đến làm việc trong triều ngoài các cha Dòng Tên đang làm thầy thuốc. Sau 13 năm trị vì, Ninh Vương chết lúc 43 tuổi, công tử Nguyễn Phước Khoát lên nối ngôi. Tần vương là người thông minh, cương nghị, tham lam, tàn nhẫn, việc gì muốn làm thì nhất quyết làm cho bằng được. Ông đã chiếm trọn miền Nam và đúc ấn riêng tự xưng là Thiên Vương với các nước láng giềng chư hầu, nhưng ông được gọi là Võ Vương. Ông cũng rất chuộng nghệ thuật và khoa học. Năm 1741 Cha Jean Siebert chính thức làm nhà toán học trong triều và sau khi cha chết, Cha Koeffler tiếp tục.

Khi việc giảng đạo được tự do thì lại sinh ra nhiều tranh chấp giữa các vị thừa sai thuộc nhiều hội dòng khác nhau. Tại Nam Việt, đầu tiên có các cha Dòng Tên, từ năm 1664 có các cha hội truyền giáo Paris, và từ năm 1700 có các cha Dòng Phanxicô gốc Tây Ban Nha và một số thừa sai do bộ truyền giáo trực tiếp gửi đến. Suốt trong thế kỷ thứ 18 là cuộc tranh chấp về quyền bính triển miên giữa các hội dòng, đưa đến việc Tòa Thánh cử hai Đức Cha đặc sứ đến giải quyết năm 1740 và năm 1744.

1. Lệnh cấm đạo và trục xuất các linh mục tại Kinh Đô năm 1750

Có nhiều nguyên nhân đưa đến việc cấm đạo này. Trước hết, những cuộc cấm đạo bên Trung Hoa và Bắc Việt đã làm triều đình Nam Việt nghi ngờ các vị thừa sai ngoại quốc. Khi hay tin hoàng đế Trung Hoa bắt đạo, Võ Vương đã nói: “*Hoàng đế nước Trung Hoa làm theo điều ông ta suy nghĩ, còn trẫm làm theo điều trẫm nghĩ*”.

Thứ đến, các thương gia ngoại quốc đến buôn bán có những hành động ngạo ngược chọc giận các quan. Một thương gia người Pháp tên là Le Poivre, đến thương lượng không được như ý đã bắt giữ Michael Khương, người thông ngôn của triều đình. Vì vụ bắt cóc này

DÒNG MÁU ANH HÙNG

mà ba vị thừa sai người Pháp đã bị bắt giam cho đến khi trả người thông ngôn lại.

Sự việc đang bất lợi thì xảy ra vụ thư từ của các cha Dòng Tên từ Macao gửi sang bị bắt được và nộp cho các quan. Có thư viết bằng tiếng Việt, có thư viết bằng tiếng Latinh hoặc Bồ Đào Nha. Ban đầu Võ Vương cho tìm người Việt để dịch các lá thư, nhưng người Việt không đủ khả năng, các quan phải mời các cha Dòng Phanxicô gốc Tây Ban Nha và các cha người Pháp. Các đấng xem qua rồi chối là không hiểu tiếng Bồ Đào Nha. Sau cùng họ phải mời các cha Dòng Tên đến dịch, nhưng bắt mỗi người ở một phòng riêng có lính gác để không thể bàn hỏi với nhau được, vì các quan nghi ngờ những lá thư này xúi dục dân chúng nổi loạn, và lại lúc ấy các cường quốc Tây Phương đã chiếm đất và lập pháo đài tại Ấn Độ khiến triều đình sợ.

Ngày 24-4-1750, hội đồng cố vấn họp bàn xem có nên để các cha tự do nữa hay phải trục xuất. Ý kiến trục xuất chiếm đa số vì những lý do sau đây:

1. Để cho người ngoại quốc lập đạo trong nước là điều vô lý.
2. Họ cũng không mang ích lợi gì hay cần thiết gì.
3. Các Kitô hữu quá gắn chặt với các vị thừa sai.
4. Nếu số giáo dân cứ tăng thêm và trở thành lực lượng mạnh thì luật của đạo này sẽ áp đặt trên quốc gia.
5. Sau cùng, khắp mọi góc xó đều có nhà thờ, và các vị thừa sai sẽ biết rành rẽ các diễn tiến xảy ra trong nước và thông báo ra nước ngoài.

Với những lý do đó Võ Vương quyết định giao cho quan Cai An Tin viết lệnh trục xuất các vị thừa sai. Trước tiên ông gọi tất cả các cha Dòng Tên về, trừ Cha Kofler, để dịch lại các lá thư. Qua các chi tiết trong thư, ông Cai An Tin càng tin chắc là các vị thừa sai có âm mưu gì đây. Trong lúc đó người Trung Hoa gây rối loạn, tố cáo các vị thừa sai chứa vũ khí trong nhà. Mặc dù không có bằng chứng, ông Cai An Tin vẫn ghi vào và trình lên Võ Vương lệnh trục xuất các thừa sai, cấm đạo Công Giáo, triệt hạ nhà thờ và tịch thu các tài sản chung. Ngày 27-4, các thừa sai được tin mật báo nên đã giải tán các học sinh.

LM. VŨ THÀNH

Ngày 1-5-1750, lính mang lệnh đến nhà Đức Cha Lefebvre đòi các thừa sai đến. Đức cha vì ốm không đi được, chỉ có hai vị thừa sai là Rivoal và Lidur đi. Tới nhà ông Cai An Tin thì các đấng đã thấy các Cha Mathias, Maccioni và Antoine ở đó. Ngày 6-5, lệnh bắt tất cả các thừa sai được loan báo khắp nước: *“Các thừa sai Âu Châu đã giảng dạy một thứ đạo làm cho các tín hữu thành điên dại tin vào lời họ. Nhà Vương ra lệnh cấm đạo này và không muốn các tín hữu tự họ nữa. Các trấn thủ phải bắt các thừa sai giải về Kinh Đô hoặc Quảng Nam. Nhà Vương cũng muốn rằng tất cả các nhà thờ phải triệt hạ, vật dụng giao cho làng sở tại để xây chùa hoặc nhà hội. Lệnh cũng truyền cho các tín hữu phải nộp các ảnh tượng, tràng hạt và sách đạo. Bắt tất cả các thầy giảng đang ở các cơ sở truyền giáo, tịch thu các tài sản của các thừa sai Âu Châu, nếu có gì đáng giá thì đưa về Kinh Đô, còn lại phải lưu giữ cho đến khi có lệnh. Còn đất đai, theo lệnh của nhà Vương, sẽ làm của chung trong làng”*.

Lính đến nhà Đức Cha Lefebvre đọc sắc lệnh và thi hành từng khoản. Đức cha, Cha Bourgeries và hai thầy bị bắt giao cho hương chức trong làng canh giữ. Nhiều lương dân lợi dụng lệnh cấm đạo quấy nhiễu giáo dân và lấy đồ đạc. Quan Cai An Tin phải ra thêm lệnh xét xử các vụ người Công Giáo khiếu nại. Một viên cai đã phải cắt nghĩa với lương dân là Võ Vương không ra lệnh bắt giáo hữu phải chối đạo. Tại Kinh Đô có hai nhà thờ không bị phá hủy, đó là nhà thờ của Đức Cha, vì dân chúng muốn để vậy bán hơn là phá hủy, và nhà thờ của Cha Kofler, nhà toán học của triều đình. Nhờ đút lót, các vị thừa sai tại Kinh Đô được đưa về giam tại ba nhà khác nhau có lính canh. Các cha Dòng Tên ở tại nhà Cha Kofler, đức cha và hai thừa sai người Pháp ở tại nhà đức cha, ba cha Dòng Phanxicô ở tại nhà Cha Maccioni. Một tháng sau các thừa sai lại được lệnh trở lại nhà giam đã chỉ định. Vào đầu tháng 7 các thừa sai được biết rõ ý định của Võ Vương là sẽ trục xuất các cha ra khỏi nước, đồng thời các tài sản sẽ được trả lại. Nhưng trên thực tế chỉ ít đồ đạo được trả lại, còn các thứ khác được cho biết là đã đem thưởng cho lính canh gác. Cai An Tin giao cho hai cai đội và 10 binh lính đưa các thừa sai về Hội An. Mặc dù nhiều cố gắng vận động giữa các quan để thu hồi lệnh trục xuất cũng chẳng đi đến đâu, các thừa sai vẫn phải xuống tàu Bồ Đào Nha đi Macao vào cuối tháng 8. Tất cả gồm 27 người: hai đức cha, 7 thừa sai người Pháp, hai thừa sai người Ý, 8 thừa sai Dòng Tên và 8 thừa sai Dòng Phanxicô. Đó là ngày buồn thảm nhất cho

DÒNG MÁU ANH HÙNG

giáo hội Nam Việt, các giáo dân chỉ đứng xa xa mà khóc chứ không được ra tiễn biệt.

2. Diễn tiến việc bắt các thừa sai tại các tỉnh

Nha Ru và Nha Trang có bốn nhà thờ do các thầy giảng trông coi. Khi có lệnh bắt các thừa sai ngày 6-5, Đức Cha Phụ Tá Bennetat đang kinh lý tại Nha Ru với Cha Tchang người Trung Hoa. Đức cha căn dặn giáo dân rồi trở về Nha Trang sửa soạn đi Cao Mên ẩn trốn. Đức cha đi thuyền nhưng gặp gió ngược phải trở lại, và gặp được hai chiếc thuyền từ Quảng Nam thuật lại chuyện đã xảy ra, đức cha quyết định ra nộp mình cho các quan. Đội lính từ Kinh Đô về tới Nha Ru giao lệnh hôm 20-5, và tới Nha Trang sáng hôm sau. Quan sai lính đến phá hủy các nhà thờ và bắt giữ thầy giảng. Cha Tchang bị bắt trước tiên và bị tra hỏi nơi ở của đức cha và 5 người khác. Đức cha trở về nhà thờ với một thầy và một chú, còn các người khác cho về nhà. Một người lính trông thấy đức cha liền bắt người đem về nộp cho quan ở Nha Ru. Tất cả là 11 người bị bắt: Đức Cha Bennetat, Cha Tchang, bốn thầy giảng, bốn chú và một người giúp việc. Ngoài ra còn 12 thầy giảng tại các nhà thờ khác trong tỉnh đều bị bắt. Các thừa sai phải làm tờ khai trả lời các câu hỏi như đến từ khi nào, đã chiêu dụ được bao nhiêu người theo đạo, v.v.

Ngày 1-6, tất cả được dẫn ra trước tòa án. Sau khi hỏi qua loa lý lịch, quan trấn nói với đức cha: *“Các người đáng chết vì đã lôi kéo một số đông dân chúng theo đạo, nhưng nhà Vương khoan hồng tha mạng. Hãy chuẩn bị đi về Quảng Nam và chờ lệnh”*.

Đức cha đáp lại: *“Tôi rất đội ơn nhà Vương, nhưng tôi cũng không hối hận nếu bị chém vì tội đã rao giảng đạo chân thật”*.

Quan vừa cười vừa nói: *“Tôi biết các ông thừa sai chỉ ước mong được tử đạo vì nếu người ta chém đầu các ông thì sẽ có nhiều Kitô hữu đến thăm máu”*.

Ngày 7-6 hai cha xuống thuyền cùng với 6 người đi Quảng Nam. Trên lộ trình có các giáo dân ra tiễn biệt. Ngày 29-6 các đấng tới Quảng Nam. Tại Quảng Nam lính cũng bắt ba cha, Joseph d'Azema người Pháp, Domini La Magna người Tây Ban Nha Dòng Phanxicô, và Pierre Dòng Phanxicô. Tại Quảng Bình và Quảng Nghĩa, quan được lệnh bắt Cha Graff và Cha Neugbauer Dòng Tên. Tại Phan

LM. VŨ THÀNH

Rang Cha Moran bị bắt. Tại Phú Yên, có 9 nhà thờ do Cha Joseph Martiali coi, các thừa sai Bourguine, Lidur và một số thầy giảng bị bắt ngày 17-5, đồng thời các nhà thờ bị phá hủy và cướp bóc. Ngày 5-6, các đấng xuống thuyền đi Quảng Nam.

3. Các thừa sai trở lại và lệnh trục xuất ngày 20-11-1753

Sau khi các thừa sai đi rồi khoảng 200 nhà thờ bị phá hủy, các binh sĩ phải chà đạp ảnh. Tình trạng giáo hội tại Nam Việt thật bi thảm. Năm 1752 có ba cha Dòng Tên, Cha Kofler, Cha Loureiro và Cha Monteiro, trở lại Nam Việt và được phép ở lại với điều kiện không được giảng đạo. Võ Vương muốn dùng các cha Dòng Tên vào việc chế thuốc và xây một hệ thống bơm nước trong hoàng cung. Hay tin các cha Dòng Tên được ở lại, Đức Cha Bennetat cùng với Cha Rivoal và người thông dịch Michael theo tàu Pháp trở lại Nam Việt vào tháng 12-1752. Võ Vương không cho phép đức cha lưu lại, nhưng nhờ thăm viếng tặng quà các quan lớn, đức cha được gặp Võ Vương trong bầu khí thân mật. Võ Vương ban mũ áo quan cho đức cha và hỏi han tại sao lại vất vả từ xa xôi đến giảng đạo, có thật các cha móc mắt trẻ con chết không, có dùng xương trẻ con làm nước thánh không... Đức cha trả lời rằng vì muốn bày tỏ lòng trung thành với nhà Vương mà trở lại, còn hai câu hỏi khác chỉ là những lời vu cáo mà thôi. Võ Vương ra lệnh trả lại nhà thờ trước kia thuộc về Đức Cha Lefebvre ở Kinh Đô gần hoàng cung. Đức cha cũng được phép đi thăm giáo đoàn Cửa Hàn, nhưng không dám ở lâu. Ngoài ra trong thời kỳ trục xuất, Cha J. B. Thang người Trung Hoa và Lidur người Ấn Độ vẫn lén lút giúp giáo dân.

Khoảng tháng 10 chính nhà Vương dẫn đầu quân lính đến nhà thờ bắt trói đức cha lại và ra lệnh đưa nhà thờ về gần hoàng cung. Hai cha Dòng Tên chỉ bị bắt giữ ba bốn ngày. Đa số giáo dân tại Kinh Đô và nhất là những người giàu, có địa vị đã đạp ảnh chối đạo. Ngày 20-11-1753, Võ Vương công bố lệnh trục xuất các cha. Cha Kofler xin được phép ở lại một năm với người Hoà Lan, Cha Loureiro cũng dứt lốt xin ở lại để mua đồng hồ cho nhà Vương với điều kiện không ra khỏi nhà. Thế là chỉ có Đức Cha Bennetat và Cha Rivoal xuống thuyền từ già giáo đoàn lần thứ hai. Nhưng từ năm 1754, các cha Dòng Phanxicô bắt đầu lén lút vào vùng Hà Tiên và dần dần trở lại những xứ cũ giúp đỡ giáo dân.

CHƯƠNG 7

Lệnh Cấm Đạo Năm 1767 Thời Đinh Vương Nguyễn Phúc Thuần (1765-1776)

Võ Vương chết không chỉ định người nối nghiệp nên quyền hành nằm trong tay Trương Phúc Loan. Ông tôn công tử thứ 16, Nguyễn Phúc Thuần mới có 12 tuổi lên ngôi.

Theo sự tường trình của Đức Cha Piguel năm 1767 thì ba vị quan đại thần trong số bốn người rất có thiện cảm với đạo Công Giáo. Giáo dân bắt đầu tụ họp đồng đạo, các vị thừa sai tận dụng thời giờ đi thăm các giáo đoàn. Các giáo dân bị bắt hồi xưa đã ở trong tù hơn 15 năm, nay có thể nộp một số tiền để được tự do. Những tín hữu này đã kiên tâm trong suốt thời gian phải làm nô dịch cắt cỏ cho voi, vẫn vui tươi hát kinh với nhau, bây giờ họ không mấy hài lòng khi thấy giáo dân bỏ tiền ra chuộc tự do cho họ.

Bỗng dưng cuối tháng 7-1767 có lệnh cấm đạo mới và lệnh trục xuất các thừa sai: “*Lệnh vua truyền cho quan án Phan Than, chuồng cơ cai đội Dang, ký lục Phương và cai bộ Khinh. Từ trước việc cai trị vẫn theo đạo tự nhiên nhân bản nhưng ít lâu nay đạo Gia-Tô giống như giáo phái Dương Mac dùng lời hứa hẹn và hình phạt để lừa dối lòng người, vì thế Tiên Vương đã nghiêm ngặt cấm đoán mà dân chúng vẫn không chừa bỏ. Nay ta thấy cần phải lập lại lệnh cấm đạo Kitô và tra xét các nơi để loại trừ hẳn đạo này. Hiện nay dân chúng đang trở lại đạo cũ, hội họp tại các nhà thờ. Các quan phải cẩn mẫn điều tra trong địa hạt của mình, nếu có những người tụ họp và giữ đạo thì phải bắt và đem ra toà xét xử, bắt chối đạo bằng lời nói hoặc bằng việc đập lên ảnh tượng. Người nào còn cố chấp tin theo đạo thì phải giam tù và thông báo về triều đình để duyệt án. Người có chức tước thì phải giáng trật, thường dân thì phải lưu đầy chân voi suốt đời. Có như thế quốc gia mới hưng thịnh”.*

Lệnh được các quan thi hành khiến giáo dân hoặc bỏ nhà cửa đi trốn hoặc đập ảnh chối đạo, hoặc bị bắt và kết án cắt cỏ cho voi. Tại Phú Yên, Bà Trương đã anh dũng ra xưng đạo và dù bị tra tấn vẫn không khai chỗ ở của các thừa sai hay nơi cất giấu đồ đạo. Ngày 16-1-1767, quân lính đến Phú Yên lục soát nhưng hầu hết đã chạy thoát được, chỉ trừ một vài người đứng đầu họ đạo đã bị bắt. Quan còn ra lệnh

LM. VŨ THÀNH

thường cho ai bắt được Cha Halbout, nhưng sau hai tháng ẩn nê cha đã trốn ra được Nha Trang. Trong các tỉnh phía bắc Nam Việt, giáo dân được Cha Marin người Việt nhiệt thành chăm nom, nhưng thường cha không dám ở đâu lâu hơn ba bốn ngày. Tại Kinh Đô có hai cha Dòng Tên làm thuốc nhưng không ai dám đến gặp gỡ. Tại miền cực nam Sài Gòn, Đồng Nai và Hà Tiên, ban đầu các quan che chở cho các thừa sai Dòng Phanxicô, Cha Nicolas và vài vị thừa sai người Pháp. Tuy nhiên khi có tin bắt đạo các cha lại trốn sang Cao Mên.

Ngày 10-2-1767, 5 vị thừa sai thuộc các hội dòng khác nhau, các vị chức việc và các thầy già đã họp tại Thọ Đức để bàn việc hoạt động. Một thầy, bị tố cáo là có gương xấu, đã tức giận đi báo cho làng bên lương biết về cuộc hội họp của các thừa sai. Có ba cha chạy trốn được, còn hai cha bị bắt. Ngày 2-4 các cha phải xuống thuyền trốn sang Cao Mên. Được tin này quan khâm sai tại Sài Gòn là bạn thân của Cha Diego de Xumilla đã báo cho các cha để bí mật trốn đi trong tháng 6. Tháng 12-1767 các cha được tin việc bắt đạo tạm yên ổn đã trở lại hoạt động. Tuy nhiên vì vụ lộn xộn ở Hà Tiên, ngày 9-1-1768 có lệnh chém đầu các thừa sai nếu bắt được, bốn nhà thờ bị tấn công và thiêu hủy, năm thừa sai bị bắt. Nhưng nhờ vị hoàng tử can thiệp các thừa sai được trả tự do.

Dù có cuộc bắt đạo, năm 1771 Đức Cha Piguel và Cha Boiret đã lên về tổ chức lễ lạ trong tuần thánh cho giáo dân. Theo người, số giáo dân tại Nam Việt lúc bấy giờ có khoảng 100.000 người.

DÒNG MÁU ANH HÙNG



LM. VŨ THÀNH

PHẦN II

NHỮNG CUỘC BÁCH ĐẠO THỜI CÁC CHÚA TRỊNH

CHƯƠNG 1

Sắc Lệnh Cấm Đạo Đầu Tiên của Trịnh Tráng (1627-1658)

Một số tác giả căn cứ vào cuốn Khâm Định Việt Sử Tổng Giám Cương Mục để cho rằng đạo Công Giáo bị bách hại từ năm 1533 là điều không trùng với sự kiện lịch sử.

Trước hết cuốn này được quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn theo lệnh của vua Tự Đức (1856-1884). Theo đó thì từ năm Nguyên Hòa nguyên niên đời vua Trang Tông nhà Lê (1533) có người Tày tên là I-nê-khu đi đường biển vào giảng đạo Thiên Chúa ở làng Ninh Cường và làng Quần Anh thuộc huyện Giao Thủy. Cha Phan Phát Huồn và những người sau này theo tài liệu Việt Nam Giáo Sử của người đã gọi ngay niên hiệu đó là cuộc bách hại đạo đầu tiên.

Thực ra đạo Công Giáo chỉ được rao giảng chính thức từ thời Trịnh Tráng vào năm 1627 do Cha Đắc Lộ và Cha Marquez, Dòng Tên. Năm 1626 Trịnh Tráng có gửi thư sang cho Đức Thánh Cha Urbano VIII và nói về việc xếp đặt chỗ ở cho hai giáo sĩ. Năm 1786 Nguyễn Huệ ra Bắc chấm dứt dòng họ Trịnh.

1. Cha Đắc Lộ và lệnh cấm đạo đầu tiên năm 1629

Vào ngày lễ Thánh Giuse, 19-3 năm 1627, Cha Đắc Lộ tới cửa Bạng bắt đầu cuộc truyền giáo có qui mô tại Bắc Việt (Đàng Ngoài). Ban đầu cha thu hút được sự chú ý của vua chúa cũng như quan và dân. Tuy nhiên sự thành công, uy tín và khác biệt trong việc thực hành đạo đã gây ra nhiều ghen tương và đố kỵ. Chỉ trong vòng ba năm sau sự thân thiện đã đổi sang bất bớ.

Cha Đắc Lộ cho biết là sau một năm, các tì thiếp của người có đạo bị từ bỏ—vì luật nhất phu nhất phụ của đạo Công Giáo—đã kêu ca với Trịnh Tráng. Các vương phi cũng e ngại cho số phận của mình khi họ thấy Cha Đắc Lộ đi lại nhiều với vua và các quan triều đình. Một bà vương phi đã ra lệnh cho quan đến nhà Cha Đắc Lộ đe dọa như sau: “*Hỡi các Tây Giang Đạo Trưởng, sao các người lại đến giảng trong nước ta một đạo lý trái với tục đa thê trong nước ta? Các người chỉ cho phép thần dân của ta được có một vợ một chồng khi mà ta muốn có*

LM. VŨ THÀNH

thêm nhiều tội trung. Từ nay ta cấm các người không được truyền bá đạo sai trái ấy nữa. Nếu bất tuân lệnh ta thì các người phải biết rằng mất đầu thì cái chân không thể đứng vững nữa, nghĩa là ta sẽ trừ diệt nguyên nhân sâu xa ra khỏi nước ta”.

Một thủ thách khác nữa do các thầy cúng và sư sãi gây ra cho việc truyền giáo. Những người này, vì thấy dân chúng trở lại đạo bỏ bê chùa chiền, thì vu cáo cho lễ nghi bên đạo là một phù phép giết người. Vì các cha thường khuyên nhủ những người sắp chết theo đạo để cứu linh hồn họ. Vì vào đó, họ xin chúa Trịnh để phòng vì các cha là những người được sai đến dùng phép phù thủy để giết hại các nhân tài, tướng giỏi, một khi không còn ai, cuộc nổi loạn sẽ dễ dàng. Cũng năm ấy, Chúa Trịnh cấm tâu buôn không được đến, và ra lệnh cấm không ai được theo đạo Giatô, vì người theo đạo đã cả gan đập phá các tượng bụt thần. Cũng từ đó Chúa Trịnh và các quan xa tránh Cha Đắc Lộ vì tin thật cha là phù thủy cao tay.

Lý do thứ ba Chúa Trịnh ra sắc chỉ triệt để cấm đạo là vì lời vu cáo cho rằng các cha liên lạc với nhà Mạc và chúa Nguyễn trong Nam. Sắc chỉ viết như sau: *“Hoàng Thượng sắc dụ cho nhân dân biết: từ trước đến nay như Trẫm biết, các Tây Giang Đạo Trường ở trong triều Trẫm không có dạy nhân dân những đạo lý sai lầm hại dân hại nước, nhưng để đề phòng những điều có thể xảy ra sau này, hoặc những âm mưu hiện đang ngấm ngấm xếp đặt mà Trẫm chưa điều tra ra, Trẫm cấm ngặt từ đây các thân dân của Trẫm không được đi lại với các Đạo Trường và tin theo đạo đó nữa”.* Sắc chỉ của vua được viết trên mảnh gỗ lớn cắm ngay trước cửa nhà các cha. Từ đó, cả bốn tháng trời các cha không dám ra khỏi nhà. Ngày Chủ Nhật các cha gửi thư để đọc tại các nhà thờ, sáu phường được phân chia làm sáu xóm do các thầy giảng trông coi. Tiếng đồn về đạo mới do lệnh cấm lại càng được lan rộng ra những vùng xa xôi. Năm 1629, chúa Trịnh ra lệnh trục xuất hai cha xuống miền Nam để về Áo Môn (Ma Cao).

2. Đức tin sắt đá của các tân tông: Ông Phanxicô, Cô Daria, Cậu Phanxicô

Một người tân tông tên là Phanxicô có lòng bác ái ngay từ thuở bé, nhất là chôn cất người nghèo, có khi ông vác trên vai cho đến huyết. Vì ông là lính trong ngục lâm, nên một hôm hoàng thân, anh vua, hay tin mới triệu ông đến và bảo: *“Bàn tay người đung đến xác chết sao*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

người dám cầm đến thức ăn, đồ dùng của ta? Ta muốn người tức khắc chấm dứt việc làm đó và từ bỏ đạo đã dạy người làm như vậy”.

Rầu rĩ ông thưa với hoàng thân: “Tôi thật là một người Công Giáo và đức tin dạy tôi thực hành việc bác ái để được hưởng phúc trên trời. Không có quyền lực nào dưới thế có thể ép buộc tôi chối bỏ đức tin của tôi được. Còn về việc hầu cận hoàng thân, tôi không hề sao nhãng cũng như sự cứu rỗi đời đời của tôi. Hoàng thân hãy tin tưởng vào lòng trung thành của tôi. Nhưng đừng nghĩ việc tôi phụng sự Thiên Chúa và đồng bào trong những giờ rảnh rang là xấu”.

Vị hoàng thân là người rất ghét đạo nên tức giận đuổi người lính hầu cận ra và cấm không cho bao giờ được bước vào nhà ông nữa. Phanxicô sung sướng được thông dong hơn để phục vụ Chúa Giêsu là Vua các vua. Sau đó hoàng thân lại nghe tin lòng nhiệt thành của Phanxicô đã thu hút được nhiều người, liền cho đòi người lính hầu cũ đến và ra lệnh bắt ông từ bỏ Chúa Kitô. Phanxicô can đảm thưa lại: “Thưa hoàng thân, không bao giờ tôi dám làm điều tội lỗi ấy, dù tôi có phải chết trăm nghìn lần”.

Hoàng thân liền ra lệnh cho đem đi đánh đòn và tra tấn. Mặc dù roi đòn quật đánh tứ phía trên thân thể, Phanxicô vẫn khảng khái tuyên xưng chỉ có Chúa Giêsu là Chúa của mình và sẽ thờ lạy Người cho đến hơi thở cuối cùng. Sau trận đòn thì có lệnh xử tử, và lý hình đem ông đi chém đầu. *Phanxicô chính là vị tử đạo đầu tiên của giáo hội Bắc Việt* và của lễ toàn thiêu này đã làm cho việc truyền giáo của các cha thêm kết quả đầy tràn.

Chúa đã thưởng công cho người và cho xảy ra nhiều phép lạ đến nỗi các cha không thể kể hết. Một người giáo dân đã trừ được ba mươi người khỏi quỷ ám. Tại Nghệ An, một bà già sống lại nhờ nước thánh do người con mang về. Một người khác trên đường vào rừng thấy một người sắp chết liền xuống suối lấy nước, làm dấu thánh giá trên nước, rồi cho kẻ sắp chết uống và đọc kinh ngày Chúa Nhật, ngay lúc đó người ấy hồi sinh và lấy lại sức lực.

Nếu Ông Phanxicô đã nêu gương và chết vì lòng bác ái thương người thì nữ giới cũng nêu cao về đức trinh khiết. Tại một làng có sáu chục người Công Giáo, trong đó có gia đình Cô Daria sinh sống. Một ông quan trong vùng muốn bắt ép Cô Daria làm vợ lẽ, trái với luật một vợ một chồng của đạo Công Giáo, cô liền bỏ làng trốn sang làng

LM. VŨ THÀNH

khác. Quan cho lính đến bắt cha mẹ và họ hàng để tìm ra nơi ở của cô. Những người này đã bị tra tấn và đánh đập tàn nhẫn nhưng họ một mực không cung khai nơi ở của người trinh nữ đạo hạnh. Họ trả lời: *“Phản bội một người đồng đạo đã tín nhiệm nơi họ là điều bất nhẫn, giao người ấy cho quan để làm hại nhân đức cao quý lại là một tội ác nữa”*.

Quan cho lệnh dân chúng đánh đập họ, nhưng binh lính thấy gương hào hùng của họ thì chỉ đập phá nhà cửa và đồ đạc rồi để họ trốn đi. Cả sáu chục người trên đã trốn khỏi làng, cùng thể với nhau trung thành với Chúa. Họ đã lên kinh đô tìm gặp các cha và được một bà lớn trong thành bảo trợ, cho đất lập nghiệp.

Ngoài ra một cô khác tên là Pia cũng bị chính cha mẹ ép làm thiếp cho người bố nuôi, nhưng cô đã trốn lên kinh đô nương nhờ những người Công Giáo. Một tấm gương khác của cậu Phanxicô, 14 tuổi, bị cha mẹ bắt ép ăn thịt trong mùa chay. Cậu đã nhất mực từ chối nên bị cha mẹ ruồng bỏ, cậu lên kinh đô xin ở với các cha.

Những cuộc bách hại trên trong những năm đầu của Trịnh Tráng không làm hoảng sợ các tín hữu. Hơn nữa Chúa Trịnh còn cần đến sự có mặt của các cha để các tầu buôn Bồ Đào Nha mang súng đạn bán để có thể thôn tính miền Nam của Chúa Nguyễn. Suốt trong 34 năm dưới thời Trịnh Tráng, tức là từ năm 1623 đến 1657, giáo hội tại Bắc Việt trải qua thời kỳ hoàng kim. Những cuộc bắt bớ lẻ tẻ, các cha chỉ coi đó như những vết đốt của đàn muỗi và chỉ một vài món quà là làm nguôi cơn giận dữ.

3. Bức thư đầu tiên của giáo đoàn xứ Bắc gửi Đức Thánh Cha Urbano VIII

Năm 1630, Cha Đắc Lộ bị trục xuất khỏi xứ Bắc Kỳ. Nhân dịp này giáo dân tại đây đã viết một lá thư bằng chữ Hán gửi đến Đức Thánh Cha Urbanô VIII và Cha Bề Trên Cả Dòng Tên. Nội dung của hai bức thư giống nhau. Sau đây là nguyên văn bản dịch bức thư gửi Đức Thánh Cha Urbanô VIII:

“Tất cả các bốn đạo nước Annam, cúi đầu lay tạ Chúa thật trời đất, cúi mình dâng thư này lên Đức Thánh Cha, đấng đại diện Chúa Giêsu Kitô dưới trái đất. Đức Thánh Cha đã sốt sắng làm vinh danh Thiên Chúa bằng việc sai các linh mục đi khắp thế gian để dẫn đưa mọi

DÒNG MÁU ANH HÙNG

người về đảng chân thật. Tuy nhiên cho đến nay, ánh sáng của đức tin chân thật chưa được chiếu tỏa trên đất nước Bắc Kỳ. Bây giờ chúng con được phúc trọng gặp hai cha Dòng Tên, từ phương Tây, chẳng nề những nguy hiểm bão táp ngoài khơi, đã đến nước chúng con và đã công bố đạo thật. Nhờ việc giảng dạy và khuyên bảo, các đảng đã khuyến dụ được nhiều người tôn thờ Chúa thật trời đất, con số lên tới 5.000 người và còn nhiều người khác nữa đang sẵn sàng tin theo. Mặc dù vua chúa cấm quyền nước này không nhận biết chân lý đã chống lại các cha, tuy nhiên vẫn chưa bao giờ lên án đạo thật do các cha rao giảng. Còn bốn đạo chúng con, không bao giờ nghi ngờ, vẫn một mực trung thành theo đạo thật đã nhận lãnh. Vì vậy để củng cố mạnh mẽ thêm ý chí của chúng con, chúng con dâng thư này lên Đức Thánh Cha, là cha chung của mọi giáo dân, cúi xin Đức Thánh Cha trợ giúp và nâng đỡ. Kính xin Đức Thánh Cha thương tình trông đến sự khốn khó của chúng con và tỏ lòng phụ tử trên chúng con, các con cái xứ Bắc Kỳ còn ít ỏi và chưa được học hỏi kỹ lưỡng đang đợi trông các đảng thông thái đạo thật đến để giảng dạy đạo Thiên Chúa cho mọi người dân nước, cao sang cũng như hèn mọn, để họ tu bổ sai lầm, tránh được hình phạt muôn đời và được hưởng hạnh phúc viên mãn.

Chúng con tất cả giáo dân xứ Bắc Kỳ cúi đầu dâng thư mọn này lên Đức Thánh Cha. Từ Con Thiên Chúa xuống làm người đến nay là 1630 năm”.

4. Những cuộc bắt đạo tiếp theo và hoạt động của các cha sau Cha Đắc Lộ

Theo Cha Marini thì lúc đầu Thiên Chúa chưa cho phép, hoặc các sứ sãi chưa có mạnh đủ, hoặc Chúa Trịnh chưa có ghen ghét như các vua chúa Nhật Bản nên các cuộc bắt đạo chưa đến nỗi tàn khốc. Tuy nhiên cũng có nhiều lộn xộn xảy ra vì sự bất cẩn của anh chị em tân tông.

Vào cuối năm 1632 có cuộc cấm đạo và bắt hai cha ở Thanh Hóa. Lý do là ở gần khu Kẻ Chợ là trại Kẻ Sét, là đất Chúa Trịnh cho một Vương Phi sùng Phật, ghét đạo Công Giáo. Bà có xây một ngôi đền. Ban đêm có người đi vào đền bẻ gãy pho tượng rất được sùng bái. Được tin báo, bà liền đến than vãn với Chúa Trịnh và vu cáo cho người Công Giáo ở đó đã phạm đến thần phật. Không cần điều tra, Chúa Trịnh ra chỉ cấm đạo ngày 17-10 Âm Lịch, tức ngày 28-11-

LM. VŨ THÀNH

1632. Bà Vương Phi cho lính đến phá phách nhà thờ mới cất. Lính lấy gỗ đem về nơi dân ngoại làm một đền mới. Tại Kẻ Chợ, nhiều dân ngoại quá khích đã bắt trói hai Cha Amaral và Reggio, lôi qua các phố. Chúa Trịnh đã phải xin lỗi các cha và ra lệnh cấm không được quấy nhiễu các cha và các người theo đạo.

Hai năm 1635 và 1636 xứ Bắc gặp nhiều tai ương. Trịnh Tráng lại ra lệnh cấm đạo. Để đề phòng, các nhà thờ đã được xây làm nhiều gian và cửa, mỗi khi báo có quân lính tới thì dân chúng ngăn ra làm nhà ở nên lính không có cơ gì để bắt triệt hạ cả. Sang năm 1637 thêm nhiều vị thừa sai và mở thêm nhiều địa điểm truyền giáo. Năm 1638 tại Nghệ An và Thanh Hóa, Cha Majorica và làng Kẻ Rùm bị bách hại. Tại đây số người Công Giáo khá đông và nhiều người trở lại nên dân ngoại hiềm khích, xúi dục bọn cướp tâu đến phá rối. Cuộc xung đột làm cho một tên trong bọn cướp bị tử thương nên cả làng bên lương cho tuần tráng đến phá phách, bắt giam Cha Majorica và đưa lên kinh. Cha và giáo dân được thả về, còn bọn cướp chạy trốn. Quan phủ theo lệnh trên kinh đô bắt làng bên lương cất nhà thờ lại cho giáo dân.

Năm 1643 bất thành linh Trịnh Tráng ra lệnh cấm đạo. Ông cấm dân chúng không được giao tiếp với các vị thừa sai, "*những người đã cả gan dây dân chúng tà đạo và những điều mê tín dối trá*", lại truyền thiêu hủy tất cả các ảnh tượng, sách vở và đồ đạo. Lệnh được niêm yết trước nhà các cha. Lý do có lẽ vì Chúa Trịnh muốn bắt tay với người Hòa Lan. Thương gia Hòa Lan bị Chúa Nguyễn cấm nên hứa giúp Chúa Trịnh đánh Nguyễn với điều kiện cấm người Bồ Đào Nha tại Bắc. Nhưng cuộc chiến thất bại, nên Chúa Trịnh thay đổi thái độ, cho mời Cha Majorica vào phủ phân bua vì đã quá nghe lời những người chống đạo. Chúa Trịnh lại cho phép các cha được tự do truyền đạo. Năm 1644, một tầu buôn Bồ Đào Nha đến, Chúa Trịnh ra lệnh khám xét kỹ lưỡng. Các quan bắt được nhiều đồ đạo và xin Chúa Trịnh ra lệnh cấm đạo và cấm đeo ảnh tượng. Nhưng cuộc cấm đạo cũng chỉ kéo dài 3 tháng.

Chúa Trịnh chỉ muốn theo chính sách có lợi cho mình, khi có tai ương hoặc dân ngoại ca thán thì ra lệnh cấm đạo, rồi khi cần súng đạn của người Bồ Đào Nha thì lại cho phép giữ đạo.

CHƯƠNG 2

Những Lệnh Trục Xuất Các Thừa Sai Dưới Thời Trịnh Tạc (1658-1682)

Khi Trịnh Tạc lên nối ngôi chúa, miền Bắc đã có sáu cha Dòng Tên đang truyền đạo trong sáu giáo đoàn khác nhau: Kinh Đô, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Xứ Đoài và Xứ Bắc, Xứ Đông. Tổng cộng các nơi có khoảng 300.000 giáo dân, 414 nhà thờ, 30 thầy giảng. Tại Kinh Đô giáo dân đến nhà thờ đọc kinh mỗi ngày hai lần. Cha Tissanier gọi giáo hội Bắc Việt lúc ấy như một thiên đường.

1. Lệnh trục xuất 6 cha Dòng Tên, giam lỏng 2 cha mới tới (1658)

Trong năm đầu phải để tang cha nên Trịnh Tạc chưa làm gì để cấm đạo. Qua năm sau, vì Trịnh Tạc là người sùng nho học muốn chấn chỉnh Nho Giáo nên ra lệnh cấm hút thuốc, cấm đánh nhau và cấm luôn cả đạo Công Giáo. Về thái độ thù ghét đạo Công Giáo của Trịnh Tạc, Cha Tissanier cho biết là Trịnh Tạc rất thắc mắc không hiểu tại sao đạo Công Giáo lôi cuốn người dân quá đáng và vì thế phải cấm hẳn. Ngoài ra, gương nước Nhật và Trung Hoa bắt đạo và nghi ngờ các người Âu Châu, cũng làm cho chúa Trịnh nghi ngờ rằng: không lẽ các cha vượt biển xa xôi trăm ngàn nguy khó đến đây chỉ để giảng đạo cứu rỗi người ta không thôi. Thêm vào đó các quan xúi xiểm với Chúa Trịnh là người Công Giáo bỏ bê việc cúng thần và tổ tiên. Đầu năm 1658, các quan cố vấn thỉnh cầu Chúa Trịnh chấn chỉnh quốc gia và nghiêm cấm đạo Công Giáo. Tháng 4 năm đó, tầu Bồ Đào Nha đến mà không mang nhiều hàng quý, và đồ tặng phẩm lại quá xoàng khiến Trịnh Tạc tức giận ra lệnh cho các cha phải rời khỏi nước. Trước tin này, các bà đạo đức trong triều xin với Trịnh Tạc cho phép hai cha vừa theo tầu Bồ Đào Nha đến được ở lại, vì các cha này không biết tiếng Việt, không giảng đạo được. Trịnh Tạc cho phép hai cha ở lại nhưng cấm không được đi các làng thăm giáo dân. Ngày 17-7 các cha khác xuống tầu về Macao. Ngày 17-9 cũng năm đó, hai cha còn lại phải ở hai nhà khác nhau có lính canh chừng. Trịnh Tạc còn ra mật lệnh cho các quan trấn nếu gặp thấy các cha ở các làng

LM. VŨ THÀNH

thì phải bắt ngay, và xử như người phạm tội. Trước tình trạng này các cha phải ra lệnh cho các thầy không được hội họp giáo dân nữa. Tuy có thái độ thù ghét, nhưng Trịnh Tạc cũng phải công nhận là các kinh đọc rất hay và lời cầu nguyện giúp được nhiều bệnh nhân khỏi bệnh. Số tân tòng trở lại vẫn đông, nguyên năm 1660 có 8.000 người.

2. Gương nhiệt thành của ông Bênoit tại làng Kiên Lao

Kiên Lao là một làng cách xa Kinh Đô lối 40 dặm và nổi tiếng không những vì các chiến sĩ dũng cảm mà còn vì số đông những người tín hữu nhiệt thành. Chúa Trịnh tuyển chọn lính tại đây, vì thế cho họ đặc ân được chia nhau các hoa mẫu ruộng đất. Làng này có khoảng 2.000 người Công Giáo đã nêu gương cho các người khác trở lại. Sau đó ít lâu con số lên tới 5.000, kể cả vùng lân cận. Một tông đồ giáo dân của làng này là ông Bênoit.

Ông chịu phép rửa tội năm 33 tuổi, do Cha Amaral vào năm 1635. Ngay từ đó ông được nhiều ơn của Chúa Thánh Linh, nhiệt thành làm việc tông đồ. Ông đã xin được giúp các cha trong việc rao giảng Phúc Âm, nhưng Cha Amaral thấy ông có gia đình và muốn lòng nhiệt thành của ông mang hoa trái cho vùng này, nên cha khuyên ông làm tông đồ giữa đời, bằng lời nói và gương sáng giữa mọi người. Ông từ bỏ các thú vui trần tục và sốt sắng giữ chay tịnh, cầu nguyện. Khi lương dân lấy các đồ đạc trong nhà, ông còn ngợi khen Chúa vì được chịu khổ.

Vị quan trông coi Kiên Lao là người ghét đạo nên lúc ban đầu giáo dân không thể dùng nhà thờ được, các ngày Chủ Nhật họ phải họp nhau tại nhà ông Bênoit. Một hôm quan vào nhà bắt thình lình, đánh đập tất cả những người có mặt. Một số đông chạy trốn thoát được. Ông Bênoit vẫn ở nguyên tại chỗ và cầu nguyện. Quan càng tức giận, chửi bới và dọa nạt sẽ trừng trị. Ông vẫn thản nhiên trả lời: *“Tôi không hề quan tâm những chuyện nhỏ nhặt khi tôi đang cầu nguyện, và hơn nữa tôi còn sung sướng được chịu khổ cực vì Chúa”*.

Từ đó Cha Morelli giao cho ông coi sóc giáo dân ở Kiên Lao. Ông lại càng nhiệt thành hơn. Ông đến thẳng Kinh Đô để biện hộ cho đạo Công Giáo và tố cáo quan hà nhiễu nhân dân, và xin được phép làm nhà thờ tại Kiên Lao. Cha Borges đã đến làm phép nhà thờ và chứng kiến lòng đạo của dân chúng. Có lần cha phải rửa tội một lúc ba bốn trăm người và vì thế họ phải làm ba nhà thờ.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Lòng nhiệt thành của ông Bênoit đã thôi thúc mọi tín hữu, khi đi nhà thờ mỗi Chủ Nhật, họ mang theo gạo để phân phát cho người nghèo. Mỗi ngày Chủ Nhật người ta thấy trước cửa nhà thờ một đống gạo lớn. Một hôm ông đến với bọn trộm cướp nói thẳng: *“Tôi sẵn sàng chia sẻ số gạo thóc cho, nhưng phải bỏ nghề bắt lương cướp đoạt của người khác.”*

Lời nói chân thành thẳng thắn đã cảm hoá được năm sáu tên trộm, và chúng đã tình nguyện theo ông Bênoit. Trong 14 năm trời hoạt động, ông đã sửa đổi được nhiều thói xấu địa phương. Một hôm có tin vua tuyển chọn 13 người lính, và họ muốn tập tại chùa để lãnh sắc, ông đã đề nghị họ đến nhà thờ để nghe sắc, vì trong số đó có 8 người Công Giáo, và họ đã làm theo. Sau khi nghe lời truyền, họ cúi mình 4 lạy để tạ ơn Chúa. Một dịp khác, vào ba ngày đầu năm, những người lính Kiên Lao được vinh dự tập dượt tại chùa và vì vậy họ sẽ phải lạy Phật. Ông liền bỏ tiền và treo giải thưởng cho họ để họ đến khu nhà thờ thao diễn. Trước khi bắt đầu họ đã kính lạy Thiên Chúa.

Mùa chay năm 1660 ông đến Kinh Đô gặp Cha Borges và nói mình không còn sống bao lâu nữa. Ông trở về làng tiếp tục thăm viếng các bệnh nhân rồi chính ông cũng mang bệnh. Tháng 5, ông từ già vợ con, nhà cửa, và một người cáng ông lên Kinh Đô gặp các cha để lãnh nhận các bí tích. Các cha nhờ một danh y săn sóc, nhưng ông nói: *“Thuốc mà con tìm kiếm là các bí tích, thầy thuốc là các cha”*.

Và từ đó ông chờ đợi sự cứu giúp của ơn cứu chuộc linh hồn. Người ta hỏi ông có muốn về nhà để chết không. Ông thưa lại: *“Nhà tôi chính là nơi gần các cha nhất, và vinh dự cho tôi là được chôn cất gần nhà thờ”*.

Trong năm ngày cuối cùng đời ông, lúc nào tay ông cũng ôm chặt tượng chuộc tội. Nhìn Chúa chịu đóng đinh và chết trên thánh giá đã giúp ông chuẩn bị dâng chính cuộc đời ông và chết lành thánh trước mặt Thiên Chúa. Ông tắt hơi trong tay Cha Borges ngày 8-6-1660. Xác ông được đưa về làng Kiên Lao, chôn cất tại nhà thờ. Ông giữ đạo 25 năm.

3. Lệnh trục xuất hai cha năm 1663, lệnh cấm đạo Công Giáo và các đạo khác

Từ năm 1663 nước Trung Hoa cấm tầu bè Bồ Đào Nha đến Macao, khiến không còn tầu buôn nào đến hải cảng Bắc Việt nữa. Trong một phiên họp hội đồng tại phủ Chúa Trịnh, một vị hoạn quan đã đề nghị chấn chỉnh đạo giáo, vì có nhiều giáo phái bành trướng trong dân gian. Hội đồng đi đến kết luận là muốn ngăn ngừa các điều tệ hại cần phải trục xuất các đạo trưởng và cấm giáo dân theo đạo Công Giáo. Sau đó hai cha được lệnh phải lên tầu Hòa Lan đi Jarkata ngay lập tức. Sau khi các cha đi khỏi ba bốn ngày thì có lệnh cấm đạo Công Giáo và phái thầy cúng, bà cốt. Nhưng ngay sau khi lệnh được công bố, có sao chổi xuất hiện làm mọi người nghĩ ngay đó là vì lệnh cấm các đạo. Trịnh Tạc phải thâu hồi lệnh cấm. Nhưng các nhà thờ đã bị tháo gỡ, giáo dân không còn hội họp nữa. Chỉ có mười thầy lớn đi lại thăm giáo dân và nâng đỡ đức tin của họ.

Cha Marini tóm tắt những nguyên nhân đưa đến thái độ thù nghịch và cấm đạo Công Giáo như sau: Vì trong đạo có nhiều thực hành và tập tục khác biệt, vì các sư sãi vu cáo người Công Giáo phá chùa bẻ tượng, vì các thầy cúng tuyên truyền là sự có mặt của Công Giáo gây ra các tai ương, và sau cùng là luật nhất phu nhất phụ của đạo. Ngoài ra còn một lý do nữa là nhờ cấm đạo các quan có thể làm tiền các người Công Giáo.

4. Ba sắc lệnh năm 1669

Trong hoàn cảnh bắt đạo trong Nam cũng như ngoài Bắc, các vị thừa sai không thể đi lại được, còn các thầy giảng lại không thể cử hành các bí tích. Cha Đắc Lộ được bề trên cử về Rôma để vận động Tòa Thánh sai giám mục đến Việt Nam để truyền chức linh mục cho các thầy giảng có đủ khả năng. Năm 1658 Tòa Thánh đã xếp đặt cho hai đức cha đến Việt Nam, Đức Cha Pallu coi Bắc Việt và Đức Cha Lambert de la Motte coi Nam Việt. Năm 1666 Cha Deydier đại diện Đức Cha Pallu lên vào được Bắc Việt, tổ chức lại giáo đoàn và đặc biệt gửi hai thầy đi Thái Lan chịu chức, đồng thời chuẩn bị các thầy khác. Sự có mặt của các vị thừa sai người Pháp không làm cho Trịnh Tạc bất bình, trái lại ông còn mong muốn có thương gia người Pháp tới.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Tuy nhiên năm 1669 Trịnh Tạc thất bại trong việc đánh dẹp nhà Mạc ở Cao Bằng, và có vụ hoả hoạn xảy ra tại Chùa Tháp khiến ông tìm một con vật hy sinh để trấn an lòng dân. Trong lúc đó tàu buôn Bồ Đào Nha đến Bắc Kỳ chở ba cha Dòng Tên, một thầy, và nhiều đồ đạo trong khi hàng hóa lại không có gì, lễ vật dâng Chúa Trịnh quá thường. Ngày 13-5, Chúa Trịnh ra lệnh cấm đạo Công Giáo. Lệnh được quan Tiêu Bút giao cho viên trấn thủ Nam Định là ông Gia Thuốc để thi hành. Lệnh viết: *Đối với những người giữ đạo Hoa Lang từ lâu đã có lệnh cấm, phải canh giữ nghiêm ngặt để không ai trong thần dân theo đạo này. Xét kỹ các tàu buôn của Bồ Đào Nha để tịch thu các đồ dùng và các sách đạo. Đối với những ai còn tiếp tục đi lại với họ thì phải giáo dục họ, đưa về đàng chánh, nếu không thì phải trừng trị họ theo luật lệ. Tại Thanh Hoá ngày 13-5.*

Ngày 3-6 Trịnh Tạc còn ra lệnh cho ông Gia Tai đến phủ nói các quan thảo một sắc lệnh chống đạo. Hoạn quan Cao Trao nói: *“Tàu Hoàng Thượng, năm rồi hạ thần sang Nhật, thấy luật ở đấy rất nghiêm, không ai dám giữ đạo Hoa Lang. Hoàng Thượng phải ngặt để không ai dám nghĩ đến đạo ấy nữa. Ở đây xem ra dân chúng cười khinh lệnh vua Raphael còn tụ họp 3.000 người”.*

Một quan khác là Cao Cát thưa: *“Vài tháng trước hạ thần thấy họ an táng cho con, có ba linh mục và đông giáo dân tham dự...”*

Ngày 14-6 sắc lệnh cấm đạo có tên là Phương Truyền được công bố. Sắc lệnh viết: *Hội đồng cố vấn theo lệnh của Hoàng Thượng truyền cho các quan thuộc mọi trấn phải ngăn cấm đạo Hoa Lang, là thứ đạo đồi tệ lừa dối dân chúng. Những người ngu dốt không biết gì nên đã tin theo. Năm Canh Dần đã có lệnh vua cấm các người Bồ Đào Nha lừa dối dân chúng, làm nhà thờ và hội họp nam nữ vô luân. Vậy các nhà thờ này phải triệt hạ trong toàn lãnh thổ và từ đây về sau nếu bắt gặp bất cứ ai hội họp theo thói cũ, hoặc mang những đồ đạo Hoa Lang thì phải tịch thu các ảnh đạo, đánh đòn 50 trượng rồi tha về. Lệnh truyền cho quan nha hiển tại các trấn phải sai lính đi các làng, huyện xem xét. Nếu bắt gặp người nào thì phải bắt họ từ bỏ hẳn thói xấu ấy và tuân giữ các tục lệ của quốc gia. Nếu các lính này không thi hành, hoặc xách nhiễu nhân dân để đòi tiền thì phải trừng phạt. Ban hành năm vua Cảnh Trị thứ 7, ngày 16-5-1669 (14-6 Dương Lịch).*

LM. VŨ THÀNH

Ngày 29-6 một lệnh mới nội dung cũng như trên nhưng được ủy thác cho quan Tiết Chế thi hành để nhổ tận gốc đạo mới này.

5. Hậu quả các sắc lệnh trên: Cha Deydier và 3 thầy bị bắt

Với sắc lệnh thứ nhất quan trấn xứ Nam Định đã tịch thu nhiều ảnh tượng và sách đạo trên tàu Bồ Đào Nha và tại các nhà Công Giáo. Tại Kinh Đô, quân lính được sai đi khắp ba mươi sáu phố phường để lục xét. Có hơn 200 nhà thờ phải tháo gỡ. Sắc lệnh thứ ba kiểm kê tất cả nhà thờ và giáo dân tại các tỉnh khác. Cha Deydier không dám ra khỏi nhà, chỉ có các thầy giảng đi các nơi thăm viếng.

Tình trạng thay đổi khi Đức Cha Lambert de la Motte sang kinh lý, họp công đồng, và phong chức cho 7 thầy làm linh mục. Đồng thời đức cha còn lập Dòng Mến Thánh Giá tại Việt Nam. Dịp này đức cha được triều đình tiếp đón niềm nở, còn được tặng đất làm nhà và hai Cha Deydier và Bourges được nhận làm đại diện của công ty Đông Ấn của Pháp. Với phép này, ban ngày thì hai cha lo cửa tiệm, ban đêm gặp giáo dân. Trong nhà là một chủng viện huấn luyện, các thầy là những người chính thức giúp việc cho các cha. Khách hàng thường xuyên là giáo dân đến lãnh nhận bí tích. Đó chính là thứ hàng các cha mang lại cho dân chúng Việt Nam.

Thế nhưng cơn giông tố trở lại vì quan trấn xứ Nam Định là người ghét đạo, chỉ tìm cơ hội để kiếm chuyện. Ngày 2-4-1670 một thuyền buôn từ Nhật đến mang theo nhiều đồ đạo. Hai Thầy Barnaba và Phêrô xuống khiêng lên liền bị phát giác và bị bắt, còn đồ đạo bị tịch thu. Khi quan thẩm vấn, Thầy Barnaba theo thói quen người Công Giáo xưng tên thánh là Barnaba làm cho quan tức giận. Quan hạch sách làm gì tại nhà người Pháp và tại sao không làm ruộng. Thầy trả lời là giúp việc nhà vì không biết làm việc gì khác. Quan lại hỏi tại sao theo đạo ngoại lai, lại giữ những sách vở và ảnh tượng đạo, trái với lệnh cấm của vua? Thầy Barnaba đáp: *“Những cuốn sách này là gia tài cha mẹ tôi để lại, nó rất quý và an ủi tôi, nuôi dưỡng đức tin tôi đã nhận lãnh. Còn thánh giá và những ảnh này là dấu chỉ đức tin Công Giáo mà tôi đã tuyên xưng từ nhỏ, ăn sâu vào tấm lòng tôi đến nỗi không lời hứa hẹn hay dọa nạt nào có thể làm tôi chối bỏ. Tôi biết có lệnh vua cấm, nhưng những đồ đạo này là tất cả gia sản tôi có và đã bị tước đoạt. Nếu quan trả lại, tôi hết lòng biết ơn. Tôi sẵn lòng chết*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

để tỏ lòng trung thành với vua nếu điều đó không trái với lương tâm, không nghịch lại giới răn của Chúa Trời đất”.

Sau lời tuyên xưng đạo dững cảm, Thầy Barnaba bị giam ngặt hơn, chân mang cùm và cổ đeo gông. Sau 19 ngày thì có án lệnh bắt thầy phải phơi nắng ba ngày giữa chợ, với bản án đeo trước ngực. Bản án viết: “*Người này bị bắt và giam tù vì theo đạo Công Giáo nghịch với lệnh vua. Các quan trừng phạt xứng với tội và làm gương cho các người khác để không bị đạo của người ngoại quốc lừa dối nữa*”. Dân chúng đi qua bàn tán rằng theo đạo Kitô là một tội ác sao? Thật là bất công.

Ngày 22-8-1670 một người chối đạo tố cáo với quan trấn là hai người Pháp chính là hai linh mục. Lính vây nhà thì bắt được Cha Deydier và Thầy Pio. Ngày 3-9, quan đem bản án tâu Chúa Trịnh. Nhưng Chúa Trịnh truyền lệnh trả tự do cho người Pháp. Quan trấn lại thưa: “*Nhưng phải trừng phạt những người theo đạo, chém đầu họ để làm kinh sợ những người khác và chấm dứt được giáo phái mới này*”.

Chúa Trịnh nói: “*Trẫm không muốn họ phải chết, nếu khanh chắc chắn rằng họ gây lộn xộn trong trấn địa sở thì chặt tay họ hoặc giải họ về kinh*”.

Sau đó những người Công Giáo bị bắt phải chịu đánh đòn 80 trượng, đồ đạo tịch thu được phải đem đốt. Ngày 10-9, năm người Công Giáo bị đưa ra trước mặt quan. Những người này nổi tiếng là đạo hạnh và lời cầu nguyện của họ đã chữa lành được nhiều bệnh nhân. Trong dịp này Cha Deydier đã hùng hồn biện hộ cho đạo như sau: “*Tại sao quý vị phải sửa sai những người này? Trong tù có nhiều người trộm cướp giết người, có người nào là Công Giáo không? Đạo Công Giáo không bao giờ cho phép làm thế. Đã từ hai chục năm nay tại trấn này có vô số những người sát nhân, thế nhưng từ khi có nhiều người theo đạo Công Giáo thì không còn tình trạng bất an nữa. Nếu có người trộm cướp nào, thì chính là người không theo đạo Chúa Kitô. Đạo Chúa dậy phải tôn kính vua chúa, cha mẹ, và yêu người hàng xóm như chính mình vậy. Đạo còn dậy không được thề gian dối, không được trộm cắp, giết người hay ngoại tình. Quý vị muốn những người Công Giáo thôi không giữ những điều ngay chính nữa sao?*”

Bài biện hộ còn dài nói về việc thờ Chúa Trời và tôn kính tổ tiên. Ngày 13-9 các tù nhân Công Giáo bị đánh đòn, hai người đàn bà bị

LM. VŨ THÀNH

5 roi, hai người đàn ông già bị 30 roi, hai người khác bị 50 roi. Ngoài ra các tín hữu tại các nơi khác cũng hay bị sách nhiễu.

CHƯƠNG 3

Sắc Lệnh Cấm Đạo Năm 1696 Thời Trịnh Căn (1682-1709)

Theo đề nghị năm 1678 của Đức Cha Pallu, đại diện tông tòa địa phận Đàng Ngoài, Tòa Thánh chia hai địa phận mới là Đông Kỳ và Tây Kỳ. Sắc lệnh ký ngày 27-11-1679 giao cho Đức Cha Deydier, Giám Mục Ascalon, coi địa phận Đông Kỳ, gồm các tỉnh phía Đông sông Hồng, tức là Xứ Bắc, Xứ Đông, một nửa Xứ Tây và một nửa Xứ Nam; Đức Cha Bourges, Giám Mục Auren, coi địa phận Tây Kỳ, gồm các tỉnh phía Tây sông Hồng, tức là một nửa xứ Tây, nửa Xứ Nam, Xứ Thanh Hóa, Xứ Nghệ An và Bố Chính giáp sông Ranh.

Trong cả hai địa phận có các cha và thầy giảng Dòng Tên. Ngoài ra địa phận Đông Kỳ còn có các cha Dòng Đa Minh và sau này thêm các cha Dòng Augustinô đi chân không. Dần dà các xứ đạo cũ chia ra và thêm số tại mỗi nơi. Tại địa phận Tây Kỳ, các cha Việt Nam coi các xứ, còn các vị thừa sai người Pháp chỉ mở chủng viện huấn luyện linh mục và thầy giảng.

1. Những cuộc bách hại lẻ tẻ tại các địa phương

Từ năm 1680 có nhiều cuộc bắt bớ tại các địa phương: Kẻ Voi năm 1680, Kẻ Hẹ năm 1684, Trại Chùa, Kiên Lao, Giao Thủy năm 1685, Vang Va năm 1686, Trại Dầu, Cát Vang... Nguyên nhân của những vụ sách nhiễu này cũng vì lương dân bắt người Công Giáo góp tiền xây Chùa hoặc cúng thần phật. Cũng có khi vì người Công Giáo không tham dự việc thể trung thành lấy tên thần làng. Một lý do khác nữa là người Công Giáo họp nhau đông, nhất là khi có đám tang, làm cho người lương ghen tức. Nạn nhân của những vụ bắt bớ này là các cha Việt Nam hay thầy giảng, có khi cả những chức việc trong họ đạo.

Riêng tại Kiên Lao có đông Công Giáo nhất tại Bắc Việt, khoảng 4.000 người, gần như toàn tông, giáo dân hội họp đông đảo. Một hôm cha sở bị lính bắt, có hơn 200 bà về nhà lấy dao, gậy tùm vào đánh quân lính để giải thoát cho cha sở. Quan sở tại liền cử 30 chục lính cù khô với đầy đủ khí giới để bắt lại cha và ba hôm đổ đạo. Một

LM. VŨ THÀNH

trong 30 người lính là người có đạo đã ngầm báo cho các cha. Các bà Công Giáo biết vậy liền mang các đồ đạo gửi tại các nhà người bạn bên lương. Lính giận dữ đánh túi bụi cả lương lẫn giáo. Thấy vậy ông Emmanuel đứng ra can, họ liền bị đè xuống đất đánh mười hai roi. Nhưng ông vẫn can đảm không cung khai nơi cha xứ ẩn trốn cũng như chỗ giấu các đồ đạo. Quan trấn ra lệnh bắt giải tám người chức việc đến. Vừa thấy họ, ông nói với các quan án: *“Đó là những người Công Giáo. Họ là những người khó sửa trị hơn hết mọi người khác. Họ không sợ hãi mà nói rằng mình là người Kitô. Không muốn sống mà muốn chết là người Kitô”*.

Quay qua các tù nhân, ông hất hàm hỏi: *“Trong nước này các người nghe lệnh ai?”* Một người, tên là Jerome Đàng, đứng ra thưa thay mọi người: *“Thưa ngài, tôi và phần đông những người đang đứng trước mặt ngài đã phục vụ từ đời vua ông, vua cha của vua đương nhiệm. Hết thời hạn phục vụ lúc năm chục tuổi, chúng tôi để dành trọn thời giờ để phục vụ Chúa Trời đất mà chúng tôi nguyện sẽ phục vụ cho đến chết”*.

Nghe vậy quan trấn nói ngay với quan án điều mà ông đã nói trước, là người Công Giáo không hổ thẹn tỏ mình ra là Công Giáo. Quan trấn lại khuyên họ hãy theo mệnh vua mà sửa đổi nếp sống, từ bỏ đạo đã bị cấm đoán. Jerome Đàng thưa lại: *“Thưa ngài, mạng sống của chúng tôi trong tay ngài, ngài có thể tước đoạt nếu ngài muốn, nhưng không thể lấy mất niềm tin vào Chúa chân thật, và chúng tôi hy vọng là ngài cho phép chúng tôi tiếp tục giữ đạo cho đến giờ phút cuối đời”*.

Quan lại hỏi: *“Nếu ta tha cho các người, các người sẽ tin rằng Giêsu giải thoát các người, có đúng vậy không?”* - *“Vâng, đúng là niềm tin của chúng tôi”*.

Sau đó quan trấn nói với quan án: *“Nói với hạng người như thế chỉ có mất thời giờ vô ích, người dư giờ thì cứ tự nhiên gạn hỏi họ”*. Thế rồi ông ra lệnh giáo dân nộp tiền phạt, và đánh đòn theo luật định.

Vào năm 1687, tại Vang Va có một người chối đạo, nhân dịp quan mới về coi sóc liền làm một tờ đơn tố cáo những người Công giáo. Mới đầu quan không tin, nói rằng nếu không đúng sẽ phạt người cáo bậy. Lúc ấy có một thiếu niên Công giáo, 18 tuổi, đi ngang qua bị bắt đưa ra trước mặt quan. Cậu đơn sơ thành thật trả lời rằng cậu

DÒNG MÁU ANH HÙNG

là người Công Giáo và trong làng có nhiều người Công Giáo khác, có cả nhà thờ nữa. Nghe vậy quan cho lính đến bắt 32 trưởng gia đình Công giáo. Cả 32 người đều quả quyết mình là người Công Giáo. Quan hỏi họ làm những gì tại nhà thờ. Họ trả lời là đọc kinh cầu nguyện với Chúa Trời cho được mọi sự lành đời này và đời sau. Quan bắt họ làm mọi việc như họ vẫn làm tại nhà thờ. Cả 32 người quì gối xuống, hướng mặt về phía không có nhà cửa, ngược mắt lên trời, làm dấu Thánh Giá rồi đọc kinh Lạy Cha, kinh Kính Mừng, kinh Tin Kính, kinh Mười Điều Răn và kinh Mười Bốn Mối Thương Người. Cuối cùng quan nói với các người chung quanh: *“Tôi thấy tất cả những điều này đều tốt cả, dù vậy vì có lệnh vua cấm, chúng ta không thông dong”*.

Quay về phía người Công Giáo ông nói: *“Các người biết có lệnh vua cấm đạo này, vì vậy các người không được tỏ lộ ra ngoài. Lần này ta tha không đánh đòn, nhưng nếu bị bắt lần thứ hai ta sẽ không tha nữa đâu. Tại sao các người không hài lòng chỉ giữ đạo trong lòng thôi, có ai tố cáo, có ai cấm cản các người được?”* Quan bắt mọi người nộp chút tiền án phí rồi tha cho về.

Ngày 20-1-1694 tại Kẻ Đe thuộc xứ Nam, là một làng đông Công Giáo, có đám tang. Một người, có họ hàng với người quá cố, vì đã bỏ đạo nên ông không được đứng hàng đầu trong lễ an táng, ông tức giận thưa quan đến bắt. Khi lính đến làng thấy giáo dân đang dự nghi lễ an táng liền đánh đập, bắt mọi người quì gối xuống. Họ đánh cả thầy giảng chủ sự lễ nghi an táng. Thầy lên tiếng phản đối họ: *“Những người này không phải là giặc sao lại đánh đập họ, nếu có ai phạm lỗi lầm thì họ sẵn sàng theo lệnh”*.

Lính thôi không hành hạ giáo dân, chỉ tịch thu các vải vóc trang hoàng, các đồ đạc, và bắt các người Công giáo giải đến phủ. Quan chỉ bắt giam thầy giảng và một người đứng đầu, còn cho tất cả về nhà. Trong tù, thầy tiếp tục giảng đạo cho những người đến thăm. Nhà tù ở bên cạnh nhà một sĩ quan, ông tò mò muốn biết đạo mới này dạy những gì. Quan cho thầy một ngày để sửa soạn những điều sẽ nói. Tối ngày, thầy trình bày trọn cả một ngày về việc Chúa tạo dựng trời đất, hình phạt cho những người không thờ lạy Người, về Chúa Giêsu Đấng Cứu Thế, các việc lạ Người đã làm, cuộc thương khó và phục sinh của Người. Sau cùng, thầy trình bày về các bốn phận của người Kitô, giải thích các giới răn Thiên Chúa. Các quan

LM. VŨ THÀNH

lớn nhỏ chăm chú theo dõi và đưa ra một vấn nạn như sau: “*Nếu Thiên Chúa quyền năng như thầy vừa nói, tại sao lại để thầy chịu khổ trong tù như vậy?*”

Thầy giảng thưa lại: “*Nếu Chúa muốn thì việc giải thoát các tín hữu bị tù rất dễ như Chúa đã làm trước đây, nhưng chịu đau khổ vì lòng yêu mến Thấy mình là một vinh dự lớn lao và niềm vui khôn tả. Bởi vì chính Chúa đã chịu chết vì yêu thương chúng ta.*” Sau đó họ lại đem thầy về nhà giam.

Sau khi quan trấn đi lên kinh chúc tuổi vua trở về, ông cho gọi hai tù nhân Công Giáo đến hỏi họ có phải là đạo trưởng không, tại sao mặc áo tang và sao lại có nhiều vải vóc đẹp như thế. Quan ra lệnh đem vải cho người lương, ảnh tượng Chúa chịu nạn và các ảnh khác phải đem đốt giữa nơi công cộng. Đang khi ngọn lửa thiêu rụi ảnh tượng thì hai người tù Công Giáo quì gối thờ lạy, lớn tiếng đọc các kinh. Còn về các đồ trang hoàng đạo, ông cai đội xin quan phát cho lính thay vì đem đi đốt, nhưng quan nhấn mạnh rằng phải đốt, nếu không các vải ấy lại được đem ra chợ bán, sẽ không trừ tuyệt được cái xấu. Hai tù nhân lại được đưa về nhà giam vì đức tin nơi Chúa Giêsu. Ít lâu sau mỗi người bị đánh đòn 15 roi và nộp một số tiền phạt rồi được tự do. Phần quan, quan hỏi mấy ông cai đội rằng bên lương có tôn kính các thần phật với những lễ nghi và đồ thờ sang trọng như vậy không. Họ đều trả lời là không. Quan lại nói: “*Nếu người Công Giáo được tự do họ sẽ làm các lễ nghi long trọng, trang hoàng nhà thờ rực rỡ toàn bằng những thứ đắt tiền, trong khi các đạo khác chỉ dùng giấy vàng mờ và các đồ rẻ tiền.*”

2. Sắc lệnh cấm đạo năm 1696

Từ giữa tháng 8 năm 1694 quan trấn xứ Nam, nơi có cảng phố Hiến, công bố lệnh cấm đạo cũ, và ra lệnh bắt các người Công Giáo nào hội họp hay đeo ảnh ra ngoài. Các vị thừa sai phải lẩn trốn, giáo dân chỉ dám họp hai tháng một lần để nghe đọc bài giảng và đọc kinh chung. Ngoài ra quan trấn xứ Nam còn vận động tại triều đình để công bố lệnh cấm đạo mới. Tại kinh có nhiều hoạn quan ghen tức vì thấy giáo dân tự do họp đông đảo, nhất là trong dịp an táng, nên đe dọa rằng: “*Trong ít ngày nữa các người sẽ không có thể làm như vậy được nữa đâu.*”

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Trước tình thế này, Đức Cha Bourges, đang ở Kinh Đô, liền cậy nhờ một quan huyện đã về hưu, để can thiệp với con là một quan phủ nhằm ngăn chặn âm mưu kiến nghị sắc lệnh cấm đạo mới. Nhờ đó đã không có lệnh cấm đạo mới, viện lẽ rằng các điều thỉnh cầu đã có trong các lệnh cũ rồi.

Thế nhưng ngày 20-7 năm 1696 một tầu Hòa Lan cập bến với hai vị thừa sai Dòng Tên người Bồ Đào Nha và nhiều đồ đạo. Ông thuyền trưởng không đề phòng trước, nên khi bị khám xét các đồ đạo đã bị phát giác. Thế là nội vụ được phúc trình về triều đình kèm theo lời tố cáo là Cha Vite Tri và Thầy Văn Hội thường hội họp đông đảo giáo dân. Trịnh Căn nổi giận, trách mắng các quan tại Kinh và ra lệnh bắt hai vị tông đồ này. Ba toán lính được lệnh lục soát nhà Cha Vite Tri, Thầy Văn Hội và nhà Đức Cha Bourges. Ban đầu Cha Tri trốn xuống thuyền, nhưng thấy các quan giận dữ làm hung hơn, cha đã ra nộp mình. Trong các đồ bị tịch thu có sách vở, và nhất là sổ sách các nhà thờ và tên các giáo hữu. Thế là 17 người bị bắt trói. Triều đình còn trách các quan lớn là để hai cha Dòng Tên lén lút mà không thông báo cho triều đình.

Ngày 4-8 các quan lớn đưa các đồ đạo đến Chùa Tháp để đốt, bắt Cha Vidal Dòng Tên đến chứng kiến, còn Cha Sequeira vì đau không đến được. Buổi đốt đồ đạo lâu đến 6 giờ. Sau đó quan trách mắng Cha Vidal đã dối vua, mang vào nhiều đồ đạo, và ra lệnh rằng lần này vua còn dung tha nhưng phải rời nước ngay. Cha Sequeira đã chết trên thuyền khi đi về biên giới Trung Hoa. Dồn dập trong những ngày này nhiều sự kiện bất lợi cho đạo. Ngày 8-8, một tầu từ Siam trở về với hai cha Dòng Tên người Tây Ban Nha và bốn thầy từ chủng viện ở Thái Lan và nhiều đồ đạo khác. Các thầy đã khéo léo trốn xuống được với một ít đồ đạo, còn lại số lớn đã phải đốt trước khi quan xuống khám xét. Một tuần sau lại có tin là 7 giáo dân, xứ Tiên Chu gần Phố Hiến, bị lương dân tố cáo đã bị đánh đòn và nhà thờ bị đốt. Ngày 15-8 Đức Cha Bourges và hai vị thừa sai bị triệu đến phủ và trách mắng 3 tiếng đồng hồ.

Ngày sau khi trục xuất hai cha Dòng Tên, Trịnh Căn cho công bố lệnh cấm đạo toàn diện. Đại ý như sau: *“Đạo Hoa Lang là một thứ đạo đầy lảm lạc, nghịch lại với lý lẽ, dụ dỗ dân chúng và đã bị các tiên vương nghiêm cấm nhiều lần. Trẫm lấy làm ngạc nhiên vẫn còn nhiều người nam cũng như nữ dễ dàng bị lôi kéo theo. Vì vậy Trẫm*

LM. VŨ THÀNH

cấm những cái xấu xa và nghịch lý sau đây. Từ rầy về sau nếu các đạo trưởng lên lút tập hợp dân chúng để giảng đạo, và nếu có người nào đem lòng tin theo con đường lầm lạc này, thì các quan tại kinh đô phải xem xét cẩn mật, các quan trấn thủ và quan án tại các tỉnh phải trông chừng chu đáo trong địa hạt của mình. Nếu bắt được đạo trưởng thì phải xét xử theo luật, còn giáo dân khi bị bắt thì phải đánh, đàn ông 50 roi lớn, đàn bà 50 roi nhỏ, và cắt tóc đằng sau gáy. Nhà nào chứa chấp đạo trưởng, nếu đạo trưởng là người Âu Châu sẽ bị phạt nặng hơn là đạo trưởng và thầy giảng người Việt. Về các nhà thờ và đồ đạo phải thiêu hủy hết để tận diệt hoàn toàn giáo phái hư hỏng này. Lệnh này phải được triệt để thi hành, quan án nào chệnh mảng để cho giáo phái này còn tồn tại sẽ bị trừng phạt xứng đáng. Ngày 10 tháng 7 năm thứ 17 của Hoàng Đế trị vì”. Sắc lệnh được niêm yết tại hoàng cung ngày 15-7 tức là ngày 12-8-1696 Dương Lịch.

Các quan còn tâu là lệnh trừng phạt chưa đích đáng, hoặc phải ghi rõ là bị tù chung thân, hoặc bắt nộp phạt thật nhiều tiền. Các tù nhân tại kinh đô được trả tự do, chỉ có Cha Tri và Thầy Hội bị giữ lại. Còn các linh mục ở ngoài, người thì phải giả dạng làm kẻ ăn mày để gặp các giáo dân hay kẻ liệt, người khác làm nghề bán thuốc dạo, cha nào may mắn hơn quen thân với các quan lại thì xin làm thơ ký để được đến thăm viếng bốn đạo. Chỉ trừ các cha ngoại quốc là không có cách nào giả dạng được cả. Nhiều nhà thờ đã bị phá hủy hoặc đốt cháy, những nhà thờ còn lại được chuyển thành nhà ở. Linh mục hay thầy giảng nào tình cờ bị bắt, thì giáo dân phải đút lót số tiền khổng lồ. Tổn hại do sắc lệnh cấm đạo vừa công bố thật quá lớn, nhất là tại xứ Nam. Phần lớn các nhà thờ bị đốt, khá đông các cha bị bắt và phải chuộc tiền.

Tuy nhiên cũng chỉ một năm sau các quan quên đi, và các giáo dân không còn hội họp nữa, ngoại trừ các lần gặp nhau trong đám tang và đám cưới. Các cuộc bách hại địa phương vẫn tiếp tục. Năm 1705, một nguy cơ rất có hại cho đạo Công Giáo xảy ra nhân vụ một cha Dòng Tên, người Việt Nam, bị treo chén và loại khỏi dòng, tên là Leon, đã thông đồng với người lương làm một tờ tố cáo. Trước khi trình quan, hai người mang đến gặp Đức Cha Bourges để đòi một số tiền lớn, nếu không sẽ trình quan. Trong tờ đơn tố giác rằng hai giám mục ngoại quốc đã chia nhau lãnh thổ, giao cho các linh mục coi giữ như một thứ triều đình. Bản tố cáo còn kể tên các linh mục, các nhà thờ, và nhà ở của các đấng nữa. Vì chúng đòi hỏi một số tiền

DÒNG MÁU ANH HÙNG

quá lớn, Đức Cha Bourges không thể thỏa mãn, đơn tố cáo được trình quan. Đức Cha Bourges đã phải dứt tiền cho các quan để nội vụ được dàn xếp là đơn kiện cáo do sự xích mích giữa chủ và tớ, các quan không xét.

3. Cuộc xung đạo anh dũng của trinh nữ Luxia, 14 tuổi

Các tù nhân Công Giáo đã chịu đựng những khổ hình rất can đảm và kiên quyết. Đặc biệt phải kể đến gương của Luxia, một thiếu nữ tuy còn nhỏ tuổi nhưng lại rất anh hùng và gan dạ. Cô mới rửa tội được ba năm. Trong suốt thời gian ở trong nhà tù, cô đã giấu một tấm khăn trải bàn thờ bên trong mình. Cô bị tra tấn và đánh đòn như những người khác. Mặc dù cô phải đau đớn hơn vì thân thể còn non nớt và sức chịu đựng còn dòn mỏng, thế nhưng cô không ngớt khuyến khích các người tù khác nhẫn nại chịu đau đớn và khổ cực của cảnh tù đầy. Cô thường nói: *“Chính vì Thiên Chúa mà chúng ta chịu khó, chính vì Chúa Giêsu, vì đạo thánh”*.

Khi các tù nhân được giải đến trước mặt quan, với những vết thương và da thịt rách nát trên thân thể, quan sợ có thể làm chết người nên đã dạy thầy thuốc săn sóc. Chỉ có vết thương của cô bé là không thuyên giảm. Cô thường xuyên bị nhức nhối trong đầu. Sau được trả tự do, về nhà cô vẫn can đảm chịu đau đớn làm nhiều người khâm phục. Cô chết 13 ngày sau khi được trở về nhà. Những người quen biết và các tín hữu báo cáo là họ coi cô như một vị thánh trinh nữ tử đạo. Năm ấy cô mới 14 tuổi.

CHƯƠNG 4

Sắc Lệnh Đắm Máu 1721 Dưới Thời Trịnh Cương (1709-1729)

Từ khi Đức Cha Deydier chết năm 1693, Tòa Thánh có dự án mới, giao địa phận Đông Kỳ cho các giám mục không phải là người Pháp. Năm 1698 Tòa Thánh cử Cha Lezzoli, Dòng Đa Minh người Ý, coi địa phận Đông, nhưng mãi đến năm 1702 sắc lệnh mới đến Bắc Việt. Địa phận Đông Kỳ có các cha Dòng Tên, Dòng Đa Minh, Dòng Augustinô, và các linh mục triều người Việt Nam. Trong thời kỳ này có nhiều tranh chấp nội bộ gây ra nhiều gương xấu, đồng thời có lệnh của Đức Thánh Cha cấm các việc lậ người chết và để bàn thờ tổ tiên trong nhà...

Các vị thừa sai người Pháp chính thức được phép triều đình cư trú như những thương gia Pháp, nhưng đã 30 năm không có tầu buôn đến, chỉ có một lần đại sứ Lerebre đến biếu nhiều quà thôi. Các vị thừa sai phải dứt lốt nhiều tiền cho các quan để được yên thân ở lại trong nước, điều khiển địa phận và huấn luyện linh mục. Các đảng vẫn bị coi là vô dụng.

Năm 1709 Trịnh Căn chết, để quyền lại cho cháu là Trịnh Cương, một người muốn cải tổ chính quyền và tập trung quyền hành. Vị chúa trẻ tuổi này lại không quen biết gì các cha thừa sai Pháp. Mọi người e sợ một cuộc cấm đạo mới.

1. Sắc lệnh cấm đạo 1712 trục xuất 3 vị thừa sai Pháp

Từ tháng 10 năm 1710 hội đồng phủ chúa đã bắt đầu bàn định việc trục xuất ba vị thừa sai Pháp, và ra sắc lệnh cấm đạo. Giám Mục Bourges đã già yếu, phải xin giáo dân cầu nguyện để cơn giông bão không xảy đến.

Bắt đầu tháng 4-1712 bão tố khủng khiếp xảy đến cho giáo hội như chưa từng có từ một thế kỷ qua, khi đạo Công Giáo được rao giảng tại đây. Nguyên nhân chính là một nhà sư có pháp danh là Cháy, một trong các cố vấn. Trong kiến nghị về việc trị nước, nhà sư Cháy đã trình bày việc phục hưng Phật Giáo và lập lại các sắc lệnh cấm đạo Công Giáo, vì đạo này khinh bỉ các thần phật và lễ luật, truyền

DÒNG MÁU ANH HÙNG

bá khắp các địa hạt, có đông đảo người theo đến nỗi có thể nổi loạn được. Bài viết này đã làm hài lòng Trịnh Cương và mọi chi tiết được đem ra thi hành.

Ngày 27-4 có lệnh cho quan lớn ở kinh đô phải bắt các đạo trưởng. Lính đến hai nhà thờ nhưng không bắt được các cha, chỉ bắt mấy thầy và người coi đền. Ngày hôm sau Thấy Phêrô Hiệp và Pie Mi Lộc đã can đảm xưng đạo, nhất định không đánh vào ảnh tượng. Quan còn cho lính lục soát nhà các vị thừa sai ba lần nhưng không tìm ra được đồ đạo nào. Mọi vận động để ngăn chặn cơn giông tố bắt đạo đều vô hiệu. Ngày 8-5 các vị thừa sai nhận được lệnh cấm đạo, và cả ba vị bị bắt giải lên kinh đô. Đức Cha Bourges vì già yếu không thể ra hầu tòa, chỉ có Đức Cha Phó Belot và linh mục thừa sai Guisain. Các đấng mặc áo thương gia ra trả lời 14 câu hỏi của hội đồng cố vấn. Cũng trong ngày hôm ấy, lệnh cấm đạo được dán tại cửa sân triều đình.

Nội dung sắc lệnh như sau: *Đạo Hoa Lang đã lạm dụng tình hữu nghị để lừa dối những người ngu dại, dụ dỗ nhiều người khác tin theo. Người nào tin theo là làm nghịch lại đạo giáo của quốc gia, nghịch lại lương tri, và hơn nữa còn muốn xóa bỏ đạo lớn. Từ trước các vị cố vấn khôn ngoan và sáng suốt đã nghiêm cấm đạo này, nhưng các người đứng đầu đã không chịu từ bỏ lại còn tăng thêm số người theo đạo nữa. Nếu chúng ta không trừ diệt, dần dần người dân sẽ theo phái giáo này, vì chúng lòng người dễ chiều theo và sợ rằng sẽ đem đến nguy hại cho quốc gia. Vì vậy cần phải chấm dứt mọi tiến triển của đạo này và chấn chỉnh trật tự chung. Vậy các tín hữu đã theo đạo phải sửa sai lầm lỗi. Nếu ở kinh thì phải nộp sách và đồ đạo tại các phường trưởng, còn ở miền quê thì nộp cho các xã trưởng để đem đốt trước mặt mọi người. Ngoài ra các tín đồ còn phải viết tờ xuất giáo từ bỏ tà đạo và trở về đường ngay trong thời hạn một tháng. Hết thời hạn, nếu bắt được người nào còn theo đạo này hoặc tàng trữ đồ đạo thì cho phép phường trưởng, xã trưởng hay bất cứ ai được tố cáo với quan án. Sau khi đã bắt và xét xử, và nếu thấy có tội trạng thì giao nộp cho quan trấn để cắt tóc đàng sau gáy, thích 4 chữ “Học Hoa Lang Đạo” vào mặt để làm gương cho các người khác còn mù quáng tin theo. Mỗi người bị kết án phải nộp tiền phạt là 100 quan tiền để thưởng công cho người cáo giác. Còn về phần ba đạo trưởng ở khu phố thuộc xứ Nam thì phải trục xuất*

LM. VŨ THÀNH

về nguyên quán, không cho phép trở lại xứ này nữa. Về phần người Bồ Đào Nha còn trốn tránh trong các xứ để giảng dạy đạo thì các quan trấn có nhiệm vụ lùng bắt và giải về triều đình để diệt trừ tà đạo này. Để danh chính ngôn thuận các quan phải công bố sắc lệnh này. Ban hành năm thứ 8 triều đại Vĩnh Thịnh, ngày 22-3 (27-4 Dương Lịch) và công bố ngày 16-4 (10-5 Dương Lịch).

Sắc lệnh này được gửi cho khắp các trấn, huyện, xã và các làng. So sánh với các lệnh cấm đạo trước thì sắc lệnh này thật nghiêm khắc, người bị bắt phải thích chữ vào mặt và kẻ tổ giác được thưởng tiền. Tuy nhiên người ta vẫn gọi đạo Công Giáo bằng cái tên khinh bỉ là đạo Hoa Lang, đạo của người Bồ Đào Nha chứ không gọi là Đạo Đức Chúa Trời như người Bắc Kỳ gọi. Các quan trấn không mấy nhiệt tâm lùng bắt, nhưng các thuộc quan hay xã trưởng vì muốn làm tiền hoặc vì ghen tức với đạo nên để quyết tâm lùng bắt. Tất cả các cha và các thầy phải ngưng việc tông đồ đi trốn lánh ở những nơi kín đáo không ai biết, kể cả người nhà. Một số cha khác xuống thuyền sống trôi dạt trên các sông, các thầy chèo thuyền bán hàng rong hoặc làm nghề bán thuốc. Lệnh cuối cùng trực xuất ba vị thừa sai là ngày 21-1-1713. Ngày 30, thuyền chở các đấng ra khơi nhưng có ý định đến Nghệ An sẽ để Đức Cha Phó Belot và Cha Guisain lên trở vào.

2. Nghĩa cử dũng cảm của giáo dân trong thời gian bắt đạo

Trong cuộc lùng bắt tại Kinh Đô Thăng Long hôm 27-4-1712, có năm người bị bắt là Thầy Hiệp, Thầy Xuân, Thầy Mi Lộc và hai giáo dân. Ngày hôm sau cả năm người bị thẩm vấn lần thứ nhất. Thầy Hiệp rất thông thạo chữ Hán và sách Trung Hoa nên đã thao thao trình bày rằng đạo lý Đức Chúa Trời là đạo chân thật, và các bốn phận của tín hữu là trung thành với Thiên Chúa, với triều đình, và với cha mẹ. Tài hùng biện của thầy khiến nhà sư Cháy “thường” cho 15 dùi đập vào đầu gối. Quan án bắt thầy bỏ đạo, nhưng thầy đã thưa lại rằng đạo Đức Chúa Trời là đạo thật, thầy sẽ không bao giờ bỏ để thờ kính thần phật, vì thần phật cũng là người như hết thầy mọi người khác. Thầy lại được “thường” thêm 10 dùi vào đầu gối. Tiếp đến là Thầy Xuân bị tra hỏi và bắt đập ảnh. Thầy đã can đảm chống lại tất cả những ép buộc trên. Sau cùng họ bắt thầy cầm dùi mà đánh vào ảnh tượng. Thầy lại từ chối nên phải lãnh 10 dùi vào đầu gối. Lần lượt tới phiên thầy Lộc và hai giáo dân cũng thế.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Ngày 28-5, các vị lại bị tra vấn lần thứ hai. Bắt đầu bằng những trận đòn nhừ tử. Sau đó quan lại bắt ép họ thờ lạy các thần. Từng người một can đảm thưa: “*Tôi không bao giờ dám làm tội ác ấy*”.

Quan lại dọa: “*Nếu các người không thờ lạy thần thì ta phải lấy đầu các người để tế thần*”.

Tất cả đồng dạc thưa: “*Chúng tôi thà chết còn hơn làm điều ấy*”.

Các quan quay vào nói với nhau: “*Không biết bọn họ là giống người gì mà muốn chịu đòn đánh và chết hơn là đánh đập các ảnh tượng hoặc dâng hương thờ lạy các thần*”.

Sư Cháy đã nài nỉ Chúa Trịnh ra lệnh chém đầu những người này làm gương. Chúa Trịnh chỉ trả lời là trong các triều đại trước chưa có giết chết người nào vì đạo cả. Lý hình lại đánh vào đầu gối và mông các đấng, sau đó cầm chân lôi đi như xác chết con vật xa hai chục bước. Có nhiều người leo lên cây hoặc mái nhà để được xem thấy cảnh tượng này. Nhiều người chảy nước mắt trong khi Sư Cháy hò hét đánh thêm.

Sau đó cả năm người bị giam tại năm nhà khác nhau cùng với những người trộm cướp. Hai thầy già bị cùm chân, nhưng ba người khác lại bị hành hạ tàn nhẫn hơn. Riêng người trẻ nhất mới có hai mươi tuổi và là bốn đạo mới, cha mẹ còn ngoại đạo hằng ngày đến dự lễ bỏ đạo nhưng cậu đã can đảm từ chối mọi sự giúp đỡ của cha mẹ.

Cuối tháng Giêng năm sau, ba người, Thầy Pie Mi Lộc và hai người giáo dân, lại bị đưa ra trước hội đồng để bắt ép tế thần, vì sau khi có lệnh bắt đạo, cả nước gặp cơn đói kém khủng khiếp, triều đình đã phải ra lệnh tế thần cầu an. Lần này ba vị vẫn khảng khái quyết một lòng theo Chúa Giêsu và không chịu tế thần. Các quan trong hội đồng nhìn nhau cười như muốn nói rằng những bách hại bất công không thể tiêu diệt được niềm tin chân chính. Vào dịp cuối năm, ba vị lại bị điệu ra bắt ép như những lần trước, các đấng vẫn một mực, trước sau như một, trung thành với đức tin Công Giáo. Các quan tức giận ra bản án cho các vị phải tù chung thân.

Ngoài ra khi hay tin ba vị thừa sai bị bắt và giam tù thật khổ sở, hai thầy giảng và Cha Hợp viết thư cho giáo dân tại Giao Thủy, thuộc quyền coi sóc của các cha Đa Minh, để xin trợ giúp vì họ ở gần kinh

LM. VŨ THÀNH

đô. Các giáo dân ở Giao Thủy nghĩ là thư của đức cha cậy nhờ, nên họ vội vàng tập giáo dân kéo về Kinh Đô trên 15 chiếc thuyền chở đầy gạo và thực phẩm. Họ hỏi đức cha phải làm thế nào theo như thư đã gửi. Đức Cha Bourges lo sợ nói với họ đó không phải là ý của người và cần phải giải tán ngay, nếu không tất cả sẽ bị chém đầu không phải vì đạo Chúa nhưng như những người phản loạn. Nghe vậy họ lại kéo nhau về. Việc này chứng tỏ tinh thần của giáo dân rất cao độ, sẵn sàng hy sinh theo lệnh các vị chủ chăn.

Sau thời hạn một tháng để viết giấy bỏ đạo, tại những làng có đông người Công giáo thì không có ai viết giấy bỏ đạo cả, nhưng tại các làng có ít người Công Giáo thì họ viết chung một tờ nói là không theo đạo Hoa Lang như lệnh vua đã cấm mà chỉ thờ Đức Chúa Trời. Tại những làng ngoại đạo sùng Phật thì giáo dân gặp nhiều khó khăn vì họ bắt phải đóng tiền và đến tham dự các buổi cúng tế. Những người này bị đánh đập và nộp tiền phạt rất đông, kể ra không hết. Riêng tại địa phận Đông Kỳ có 304 người bị thích chữ “Học Hoa Lang Đạo”, 11 nhà của các cha bị phá hủy, 183 nhà thờ bị dỡ đi.

3. Cha Giuse Phước, một linh mục thời danh Bắc Kỳ, bị kết án tù chung thân năm 1717

Cha Giuse Phước được gọi với danh hiệu xứng đáng là bông hoa và hạt ngọc của linh mục Bắc Kỳ. Người quê tại Thanh Hóa, dâng mình trong nhà Chúa ngay từ hồi nhỏ. Người được đưa sang Siam để học và chịu chức linh mục năm 1689 lúc 29 tuổi do Đức Cha Laneua, đại diện Tòa Thánh tại Siam.

Năm 1691 người trở về Bắc Kỳ làm việc trong khiêm nhường như một người tập sinh sốt sắng bốn phận, nhiệt thành tông đồ. Biết rằng đời sống linh mục lấy sức mạnh từ việc kết hợp với Chúa, Cha Phước giữ đều đặn các giờ cầu nguyện và suy ngắm, tránh những cuộc chuyện trò vô ích. Bề trên có hỏi thì người chỉ trả lời những cái cần thiết. Khi trình bày những khó khăn thì rất chính xác, khi người ta hỏi xin gì thì người cho ngay, không hỏi han lý do. Khi có kẻ liệt, người vội vã đi ngay và dọc đường không hỏi han hoặc nói năng để tránh lương dân. Tóm lại, người rất tự chủ, không bao giờ tỏ lộ buồn vui hay sợ hãi quá đáng. Trong thời kỳ bắt bớ, phải có lệnh riêng của đức cha người mới ngưng các việc thiêng liêng giúp bốn đạo. Người đã được giới thiệu sang Tòa Thánh để cử làm giám mục.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Trong những năm đầu coi sóc tỉnh Thanh Hóa, người đã trừ được nhiều quỷ và làm cho nhiều người nhận biết Thiên Chúa. Chẳng hạn một người đàn bà bị quỷ ám đã 12 năm chữa chạy không khỏi, sau năm sáu lần đến với Cha Phước, bà đã được người chữa lành mạnh. Sau đó người được cử đi coi xứ tại tỉnh Nghệ An, nơi có nhiều quan kiểm soát hàng hóa nhưng người không bao giờ bị lộ tông tích. Một hôm người cất giấu bánh thánh trên mũ, các chú giúp việc hỏi người nếu họ khám xét mũ thì sao? Người mỉm cười dí dỏm trả lời: “Có thiên thần mới biết được những cái cha giấu”. Người cũng mang theo sách Nguyện luôn bên mình, nhưng giấu dưới nách áo.

Trong cuộc bách hại năm 1712, khi Cha Phước đang ở xứ Ngại Lang thì những người lương đã tố cáo với quan. Quan cho lính đến tịch thu nhiều sách và đồ đạo, trong đó có ảnh Đức Mẹ Mân Côi để rước kiệu, đồng thời bắt giữ nhiều giáo dân. Bốn gia đình giữ các đồ đạo phải nộp phạt 76.000 đồng. Họ bị giam mãi cho tới cuối năm và nộp phạt 15.000 đồng. Những kẻ tố cáo, người thì phải chết, người thì bị tội. Cũng trong thời kỳ này một nhà Dòng Mến Thánh Giá bị thiêu rụi, nhà khác bị các quan đến phá và bắt giam một người.

Mùa Chay năm 1713, Cha Phước trở lại coi tỉnh Thanh Hóa. Năm 1714, người báo là có 12 giáo dân bị bắt, trong số đó một bà bị giam giữ vì cổ đeo tràng hạt. Bà phải nộp phạt 3.000 đồng.

Năm 1715, quan tỉnh từ Kinh Đô trở về đến Kẻ Trấn thì có ba người lương đến tố cáo là Cha Phước đang làm lễ cho khoảng 1.000 giáo dân. Sáng hôm sau, khi quan đang ngồi ăn tại quán thấy có ba người đàn bà đi qua liền bắt vào lạy Phật ở chùa bên cạnh, nhưng các bà không chịu. Quan sai lính đến nhà thờ, chúng đến ngay phòng Cha Phước. Lúc bấy giờ người đang cầu nguyện, nhưng vì tối quá chúng không thấy nên người trốn đi được. Chúng bắt một thầy giảng đang bị đau, hai giáo dân vì cổ đeo tràng hạt, và tịch thu rất nhiều sách. Chúng còn đang muốn vào một nhà khác có nhiều đồ đạo, nhưng giáo dân khóc như là có người chết nên chúng mới thôi. Một ít lâu sau quan trả tự do cho họ. Hai người tố cáo thì bị tai nạn chết ngay. Dân chúng từ đó rất kính sợ.

Năm 1717 theo ý Chúa định, Cha Phước bị bắt trên thuyền tại làng Kẻ Hối, huyện Gia Viễn, tỉnh Thanh Hóa, cùng với thầy giảng và nhiều sách đạo. Ngay lúc ấy quan cho đánh đầu gối hai người và bắt

LM. VŨ THÀNH

mang gông cùm. Sau đó quan cho gọi dân chúng đến làm bản điều tra, và chính quan áp giải cha lên Kinh Đô.

Ngày 21-5, cha và ba thầy giáo bị điệu ra trước hội đồng và ngày 1-6 cuộc thẩm vấn bắt đầu: “Ông ở đâu?” - “Tôi không có nơi ở nhất định. Tôi ở luôn dưới thuyền và đi dọc các con sông để cho thuốc những ai cần và dạy đạo cho những ai muốn nghe tôi”. - “Người học đạo ở đâu?” - “Khi còn nhỏ tôi đã xuất ngoại sang Siam để học. Sau nhiều năm tôi trở về Bắc Kỳ”. - “Như vậy người đã đi hải ngoại bao nhiêu năm và đã trở về khi nào?” - “Đã từ lâu lắm rồi tôi không còn nhớ chắc được”. - “Người thật đáng chết”.

Lúc ấy một tên ký lục thưa: “Thưa quan, linh mục này là người có nhân đức tin mạnh mẽ. Chỉ cần thấy và nghe ông ta nói là đã cảm phục. Tôn giáo này có nhiều thói hay”.

Quan lại hỏi ba thầy. Một thầy trả lời đồng dục, hai thầy khác trả lời lí nhí nên bị đánh dấu gổ. Thế rồi chúng đưa các đồ đạo ra khảo xét rồi hỏi: “Từ đâu các người có những đồ trang hoàng rất sạch sẽ này?” - “Tôi nhận từ mấy người ngoại quốc mà chúa Thượng đã trực xuất cách đây 5 năm”. - “Các người dùng vào việc gì?” - “Tôi dùng để ngợi khen Thiên Chúa và cầu nguyện cho thế giới, cho Bắc Kỳ, cho Hoàng Thượng, cho chúa Thượng, cho mọi gia đình được thịnh vượng”. - “Nhưng người phải thiêu hủy hết theo lệnh vua đã ra”. - “Tôi là một thần dân rất vâng phục lệnh vua và chúa, nhưng không dám làm điều đó vì tôi sợ phạm đến Vua Trời Đất”.

Quan lại đưa ảnh chuộc tội ra và hỏi: “Người treo trên đây là ai?” - “Đó là Chúa Giêsu Kitô Đấng Cứu Thế từ trời xuống để chuộc tội cho thiên hạ”. - “Người phải dấy đạp dưới chân hoặc lấy vỏ mà đập”. - “Tôi không dám phạm tội ghê gớm ấy”.

Họ đe đánh cha thì người nói thà chịu khổ còn hơn làm việc tội ác. Cả ba người giúp việc cũng bị tra khảo và cũng theo gương cha đã không làm việc tội ác. Một án quan nói: “Thật vô ích với bọn này, chúng thà chịu cắt làm trăm miếng còn hơn làm việc quan ra lệnh. Hãy xem đó, trong tù còn nhiều người như thế bị án giam suốt đời”.

Lần này họ kết án Cha Phước phải mang gông gấp đôi và giam tại ngục thất, còn đồ đạo thì bỏ vào một hòm buộc chặt lại. Viên cai ngục thấy Cha Phước thì mến và cho người giam riêng tại nhà mình

DÒNG MÁU ANH HÙNG

và để giáo dân đến tự do. Cha Phước viết thư xin đức cha năng ban bí tích cho giáo dân Kẻ Chợ. Cha còn được phép đi xa để làm việc tông đồ và luôn có một tên lính đi kèm.

Cuối năm 1717, vụ án Cha Phước được đem ra bàn lại. Một vài quan cố vấn đề nghị trả Cha Phước về nguyên quán, nơi bị bắt, sau khi nộp phí tổn nhà tù và khắc chữ lên trán. Khi viên cai ngục nói là Cha Phước không thiếu thứ gì mà giáo dân không mang đến, quan liền nổi giận ra lệnh bắt những giáo dân thường lui tới. Họ chỉ bắt được một cậu bé. Trong khi bàn luận thì bà mẹ của Chúa Trịnh, nghe theo lời của ông sư ghét đạo, yêu cầu xử tử Cha Phước. Trịnh Cương trả lời rằng vua cha không giết ai theo đạo này và mình cũng không muốn. Một quan khác lại đề nghị xử tử làm gương hầu có thể hủy diệt đạo này. Chúa Trịnh chỉ ra án cho người phải tù chung thân.

Thế là Cha Phước được đưa sang nhà tù Ngục Đông, nơi giam những người phải tù suốt đời. Trong đó hiện có ba người tín hữu bị giam tù cuộc bắt đạo năm 1712. Trong số đó có Thầy Pie Mi Lộc, rất giỏi làm thuốc, được quan cho phép làm một nhà riêng trong khu giam. Tại đây Cha Phước có thể dâng lễ. Người còn có thể bí mật đi ra ngoài để dâng lễ và giải tội cho giáo dân.

Năm 1720 có một người Công Giáo, tên là Văn Sao, giảng đạo sai lầm tại Kinh Đô, Cha Phước đã cấm giáo dân nghe.

Năm 1721, một trong anh em của Chúa Trịnh ốm nặng cho mời Cha Phước đến để học đạo và xin rửa tội. Sau ba ngày ông khỏi bệnh và nhà của ông biến thành nhà hội họp của giáo dân. Cũng năm ấy lại có một cuộc bách hại dữ dội hơn và Cha Phước bị giam ngặt mất 6 tháng. Trong tù cũng có một nhà sư được một bà hoàng hứa trả tự do, nếu ông lấy được mấy đồ lễ của Cha Phước. Lính gác hay được nên cấm cha làm lễ và ra ngoài. Chính trong nhà tù lại là nơi tự do cho giáo dân được gặp cha. Có khi vì sợ ở nhà, họ đã mang các sách vào tù gửi Cha Phước giữ. Nhờ thế mà tại Kẻ Chợ có cha chăm sóc cho giáo dân. Năm 1723 khi Cha Bucharelli và 9 người giáo dân bị xử chém, Cha Phước và hai bạn tù cũng tưởng mình được chung số phận nên đã dọn mình sẵn sàng. Nhưng ý Chúa lại khác, thầy già Pie Mi Lộc chết trong tù ngày 4-5-1726, thọ 71 tuổi.

Năm 1732, lần cuối cùng Cha Phước được ra ngoài làm lễ. Sau lễ, cha phải nghỉ vì mệt, các người nhà tranh luận với nhau, người thì muốn

LM. VŨ THÀNH

để cha nghỉ, người khác muốn đưa cha về nhà giam ngay. Thấy vậy cha nói với họ: *“Các thiên thần không có tranh luận với nhau.”* Về lại nhà giam cha mệt và ngã bệnh. Đức Cha Neez ban đêm đã đến ban các bí tích sau cùng. Người trút hơi thở cuối cùng ngày 10-2-1732. Dân chúng tuôn đến nhà giam hôn kính chân tay và xiềng xích của người suốt một ngày rưỡi. Sau khi quan đã giám xét, xác cha được trao cho giáo dân. Đức Cha Neez chủ sự lễ an táng. Đức Cha Hilaire, coi địa phận Đông Kỳ, ca ngợi người như sau: *“Thay vì cầu nguyện cho cha, chúng ta xin người cầu nguyện cho, khi chúng ta trông vào gương sáng anh hùng của người”*.

4. Sắc lệnh đẫm máu năm 1721 và 1722

Năm 1720 có một học sinh của các cha Dòng Đa Minh tại Lục Thủy tên là Văn Sao loạn trí nên bị loại khỏi trường, liền đi rao giảng một thứ đạo hỗn hợp và xúi dục chúng nổi loạn, có khi tự xưng mình là vua xứ Bắc Kỳ. Anh ta bị bắt cùng với 150 người. Trong bản điều tra anh tố giác ba cha Dòng Đa Minh người Tây Ban Nha là lãnh tụ phản loạn và bốn trụ sở là sào huyệt. Các cha phải ẩn trốn khắp nơi. Người thì trong hầm thóc, người khác tại mộ ngoài nghĩa trang. Tháng 8-1721 nhân dịp lễ an táng Đức Cha Thập tại Trung Linh, có năm cha Dòng Đa Minh và 3.000 giáo dân tham dự, người ngoại đã tố cáo với quan. Quan sai lính đến khám xét nhưng mọi người đã giải tán. Ngày 21-9-1721 tại Kẻ Sặt một làng Công giáo có bốn trụ sở của các cha thừa sai cũng bị lính đến lùng bắt vì có người đàn bà xấu nét bị tù chối các bí tích đi cáo giác với quan. Sau cùng, cuối năm có lệnh bắt đạo mới.

Nguyên nhân của những cuộc bách hại lần này cũng vì nhà Sư Cháy, bấy giờ là chủ tịch hội đồng cố vấn. Nội dung sắc lệnh mới như sau: *“Các quan án và 5 quan hội đồng cố vấn truyền lệnh cho các trấn thủ: Đạo Hoa Lang đã làm xáo trộn thế giới và lừa dối thần dân. Các năm trước đã ra lệnh rất nghiêm ngặt, trục xuất đạo trưởng, tháo gỡ các nhà thờ và thiêu hủy ảnh tượng với mục đích trừ diệt tận gốc rễ sự dữ này ra khỏi lòng người dân. Thế nhưng thói tục mù quáng này chưa trừ được hết, vẫn còn đạo trưởng lén lút trong nước, đi khắp các tỉnh dựng nhà hội họp giảng đạo. Vì vậy cần phải tìm mọi cách loại trừ bằng được đạo giáo nguy hiểm này. Các trấn thủ phải sai lính đi lùng các huyện và làng xem đâu có nhà hội thì phải kê khai rõ ràng, tên gia đình chứa chấp, đoạn bắt trói giải về kinh đô. Các trấn thủ cũng phải*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

lòng xem có những người nào theo đạo này hoặc nghe biết nơi nào khác có nhà hội họp giảng đạo, đồ đạo tàng trữ thì phải viết giấy tâu về kinh. Nếu lời khai là đúng với sự thật sẽ được trọng thưởng những đồ vật và ruộng vườn của người bị tố giác... Bảo Thái năm thứ hai ngày 19-10 (8-12-1721 Dương Lịch)". Một lệnh thứ hai nhắc nhở các quan được gửi đi ngày 31-5-1722.

Lần bách đạo năm 1722 nhắm vào địa phận Đông Kỳ thuộc các cha Dòng Đa Minh. Các đảng trốn tại Kẻ Rèm và Kẻ Hẹ đều bị phát giác, phải bỏ xuống thuyền chài cho dễ ẩn trốn. Quan quân lùng xét thuyền chài thì các đảng lại lên bờ. Họ khám xét một gia đình Công Giáo bắt được đồ lễ thì biết có đạo trưởng lén lút. Quan quân lùng bắt dữ tợn quá khiến thầy già Lễ, giúp việc Cha Sabuquillo, lo ngại cho các cha liền ra nộp mình trước mặt quan vào tháng 1-1722. Thấy tự nhận các đồ lễ là của thầy và xin trả tự do cho người giáo dân. Quan lấy làm lạ hỏi thầy: *"Ông có phải là thầy giảng không?"*

Người đã nhận ngay. Quan lại hỏi người đã giảng dạy những gì, thầy già Lễ thưa: - *"Tôi giảng dạy những giới răn của Thiên Chúa"*.

Rồi người đọc to tiếng cho các quan nghe. Quan lại hỏi người có vâng lệnh Vua cấm đạo không thì thầy trả lời: *"Bẩm quan, tôi thà chết cùng mất mọi sự, chẳng thà chối đạo đã giữ từ khi còn nhỏ"*.

Nghe vậy quan cho lệnh đóng gông và giam thầy trong tù. Trong tù thầy vẫn tiếp tục khuyên bảo những người khác. Vì đã 70 tuổi, thầy già Lễ không chịu nổi những hành hạ khổ sở trong tù nên đã chết rũ ngày 28-1-1722.

5. Cuộc tử đạo của 2 cha Dòng Tên và 9 giáo dân tại Bắc Kỳ năm 1723

Bắt được thầy già Lễ các quan vẫn chưa hài lòng vì chưa bắt được đạo trưởng. Kẻ Sặt bị lùng bắt cả thầy bốn lần, nhà thờ bị phá hủy và sáu giáo dân bị bắt giữ. Tại Cao Mại cũng có bốn giáo dân bị bắt trong khi quan quân lùng bắt Cha Chavez. Tại Nghệ An, một giáo dân tên là Thadêo Thọ, trước có ở nhà thầy, vì quá nhiệt thành đã vào đền Khổng Tử lật đổ các tượng và vất dưới đất liền bị bắt. Trước mặt quan người đã mạnh bạo thưa rằng: *"Tôi chỉ thờ lạy một Chúa chân thật và chê ghét mọi thần tượng khác bởi vì họ cũng là người được tạo dựng nên"*.

LM. VŨ THÀNH

Ít tháng sau các tù nhân Công Giáo được mang ra trước các quan án để chọn lựa, hoặc chết vì trung thành với đức tin hoặc đập ảnh để được sống. Trước những dụng cụ hành hình và điệu bộ dữ dằn của lý hình, nhiều người tỏ dấu nao núng. Thấy vậy một vị bô lão tên là Luca Thu, người Kẻ Sặt, đã lên tiếng thay cho các người khác: *“Ảnh chuộc tội này là hình Con Thiên Chúa đã thương làm người trần để cứu chuộc muôn dân. Dù với bất cứ giá nào tôi không bao giờ chịu đập dưới chân ảnh Thánh này”*.

Nói rồi người cầm tượng Chúa chuộc tội lên hôn kính và than thở: *“Lạy Chúa, lạy Thiên Chúa tôi. Các vị lòng đã chai cứng, các vị biết tâm tình của tôi nhưng chưa đủ, tôi muốn tỏ cho những người khủng bố tinh thần tôi bằng những cực hình ghê sợ biết rằng những thứ đó và ngay cả cái chết dữ tợn nhất cũng không thể lay chuyển được lòng tôi”*.

Quan còn dọa rằng nói như vậy là khinh để các lệnh vua, đáng tội chết. Ông Luca Thu nhún nhường trả lời: - *“Tôi không bao giờ khinh thường luật lệ của xứ sở, nhưng trên trời còn có một vị Vua xứng đáng tôi kính thờ trên hết. Khi tuân giữ các giới luật của Người tôi dám chắc mình sẽ được một chỗ hạnh phúc đời đời bên cạnh Người. Các vị có tự do để cắt mạng sống tôi, nhưng tôi xin các vị viết bản án cho rõ ràng vì lý do gì đã kết án tôi. Xin hãy nói cho tôi biết tôi đã phạm tội gì, đã vi phạm luật lệ nào? Các vị có lẽ kết án tôi vì tôi đã theo đạo Kitô và tuân giữ các giới luật khôn ngoan của đạo này? Xin các vị biết cho rằng không có luật lệ nào của loài người có thể được phép cấm cản như thế. Các lệnh truyền cấm đạo chỉ là xúc phạm đến Thiên Chúa và đáng khinh chê”*.

Những lời khẳng khái trên đã làm tăng thêm những cực hình và kim kẹp chân tay. Trên đường trở về nhà tù, thoáng trông thấy vợ, người đã bảo hãy nấu cho người bát cháo để chịu cực tiếp vì đó mới chỉ là trận đòn thứ nhất. Người bị tra tấn lần thứ hai rồi bị giam luôn trong tù hai năm cho tới ngày được chém đầu.

Lòng dũng cảm của Luca Thu đã khiến các quan chùn bước không tra tấn thêm các bạn tù. Vào cuối tháng 9-1722 có 2 cha Dòng Tên là J. B. Messari và Françoise Marie Bucharelli cùng với 3 thầy là Ambrosio Đào, Emmanuel Điền và Philipphe Mi bị bắt tại La Phù, Quảng Yên ở gần biên giới Trung Hoa. Các đấng bị xích chân tay và giải về kinh đô. Các đấng còn phải ngồi trong cũi hẹp, bị điệu đi chân không

DÒNG MÁU ANH HÙNG

khắp thành phố để cho dân chúng nhạo cười và sau cùng phải phơi nắng lâu giờ. Thấy đám đông, các đấng nhân cơ hội giảng dạy đạo thánh Đức Chúa Trời cho họ. Các quan thấy vậy lại thôi không phơi các đấng ngoài phố nữa nhưng giam trong ngục thất. Trong phiên bàn luận về án xử các đấng, quan chánh án đã nói: *“Thưa quý vị, sắc lệnh của Hoàng Thượng chống lại đạo Kitô đã gây ra nhiều thiệt hại cho xứ sở, trở nên cớ cho nhiều cuộc bạo động đàn áp người dân lành, trẻ con cũng như người lớn. Tôi biết rõ các người Công Giáo, càng hành hạ thì họ càng can đảm. Họ có tinh thần ôn hòa, nhân từ với kẻ thù và đóng thuế phân minh. Chúng ta còn mong gì hơn nữa?”*

Một viên tướng, con rể của Chúa Trịnh, cũng bàn vào: *“Tôi không thể im lặng, tình trạng hỗn loạn làm cản trở việc thu thuế. Vì hoàng sợ dân chúng chạy trốn. Quang cảnh người già, đàn bà và trẻ con chạy trốn thật buồn thảm. Người thì đào hầm trốn tránh như là chôn sống, người khác thì vào trong rừng núi giữa muôn thú. Họ bỏ lại các tài sản khó nhọc làm ra và sẵn sàng chịu chết đói chết khổ. Trong nhà giam thì đầy rẫy những người tín hữu. Việc buôn bán càng ngày càng ế ẩm. Xin quý vị hãy động lòng trắc ẩn nghĩ đến những người khốn cùng đó. Một lời của quý vị có thể ngừng những bất công, đem lại bình an cho xóm làng. Những người Kitô đang bị lung bắt là những người lương thiện không chê trách họ được điều gì. Họ trung thành với vua, nhiệt thành với việc phu dịch và đóng góp nhà nước rất chu đáo”*.

Mọi người cũng thấy các lý lẽ nêu ra là phải nhưng không ai dám làm gì đảo ngược lại lệnh đã có sẵn. Trong cảnh giam tù 6 tháng với những hình khổ, cơn bệnh và thiếu ăn uống, Cha Messari đã chết rũ ngày 15-6-1723 để đi vào vinh quang Thiên Quốc. Thấy vậy các quan sợ phải khiển trách, đã cho mời y sĩ đến chăm sóc cho các tù nhân để chờ ngày hành quyết. Xác Cha Messari được chôn cất tử tế. Bảy tháng sau khi cải táng, cánh tay phải của người vẫn còn nguyên vẹn, còn các phần thân thể khác đã tàn rữa.

Một năm sau ngày bị bắt, Cha Bucharelli và các tín hữu trong tù được đem ra trước tòa án hôm 11-10-1723 để nghe đọc bản án tử hình. Một viên ký lục quay về phía Cha Bucharelli đọc to bản án như sau: *“Hoàng Thượng nhân từ chỉ ân xá cho những người nào là con một được chuộc bằng tiền. Người là người ngoại quốc đã dám rao giảng đạo Kitô bị nghiêm cấm thì phải chém đầu”*.

LM. VŨ THÀNH

Cha Bucharelli vui vẻ nói: “*Ngợi khen Chúa*”.

Quay sang Thadêo Thọ, viên ký lục đọc bản án: “*Người cũng phải chịu chung một cực hình vì là môn đệ ngoại nhân và theo đạo Kitô, đầu người phải treo trên cọc ba ngày nơi công cộng*”.

Các tín hữu khác cũng bị án như vậy vì theo đạo Kitô. Một số tù nhân trộm cướp giết người cũng bị kết án và xử cùng ngày. Một số đông giáo dân khác bị kết án phải coi chuồng voi. Sau đó những người vào sổ được chuộc tiền và coi chuồng voi được đưa trở về nhà tù.

Cha Bucharelli dẫn đầu cùng với chín người khác đi đến pháp trường, miệng không ngớt ca hát ngợi khen Thiên Chúa. Thình thoảng cha ngắt ra khuyên bảo các giáo dân: “*Chỉ còn ít giờ nữa chúng ta sẽ được tự do thoát khỏi đời sống dưới trần thế khổ cực này, Thiên Chúa sẽ dắt đưa chúng ta lên trời*”.

Với giáo dân đi theo, cha nói: “*Can đảm lên chúng con, can đảm lên các anh em. Đừng có nghĩ đến cực hình thoảng trong một lúc, hãy ngược mắt và lòng trí lên trời, nơi ở vĩnh viễn mà chỉ một chút nữa chúng ta sẽ được bước vào*”.

Đoàn anh hùng vẫn tiếp tục bước đi vui vẻ giữa tiếng kêu của xích xiềng và tiếng kinh cầu, làm bờ ngỡ những lý hình và lương dân. Tới Đồng Mơ, nơi hành hình, Cha Bucharelli quì xuống đất cất lời cầu nguyện sốt sắng, các người khác cũng làm theo. Hai tay đưa ra sau, nghển cổ lên cho lý hình làm việc bốn phạt. Từng cái đầu một rơi xuống, máu nóng tuôn chảy chan hòa tưới trên mảnh đất. Trời tối sụp lại. Các lý hình vội vã đi về để giáo dân tự do thắm máu và tôn kính thi hài các anh hùng tử đạo. Những người lương dân chứng kiến cảnh tượng nói với nhau: “*Đạo Công Giáo là một đạo thánh và không sớm thì muộn Trời sẽ báo oán cho những người thánh này*”.

Giáo dân đem xác các đấng về an táng chung một chỗ, ngoại trừ xác Phanxicô Kam được cha mẹ đem về táng ở Kê Sặt. Các vị tử đạo người Việt Nam là bốn thầy giảng: Phêrô Triệu, Ambrosio Đào, Emmanuele Điền và Philp Mi, và năm giáo dân: Luca Thu, Luca Mai, Thadeo Thọ, Phaolô Noi và Phanxicô Kam.

Bản tường thuật của Cha Chavez còn thêm chi tiết về Phanxicô Kam như sau: Người bị bắt ở Kê Sặt. Ban đầu vì yếu đuối đã bước qua ảnh

DÒNG MÁU ANH HÙNG

thánh giá. Sau khi hối hận và xưng tội, Phanxicô lấy lại sức mạnh đã đến trước mặt các quan xưng đạo: *“Chỉ có luật Chúa Kitô là chí thánh và đạo Người là chân thật. Tôi sẵn sàng đổ máu ra để chuộc lại lỗi lầm và tuyên xưng đạo Chúa vượt trên các đạo khác”*.

Tức thì quan cho lệnh đánh người. Một người giáo dân khác tên là Emmanuel đã bỏ tiền ra chuộc tự do cho mình cũng xin được trả tiền chuộc tự do cho Phanxicô Kam nữa. Nhưng đề nghị không được người chấp thuận, Emmanuel lại nói: *“Vậy này bạn, hãy can đảm và tuân theo thánh ý Chúa”*.

Phanxicô nói là người sẵn sàng chịu chết, chỉ xin Emmanuel lo lắng vợ con thay mình. Nói rồi người vững mạnh bước đi đến pháp trường. Trên đường người thấy vợ khóc lóc trong đám đông thì nói: *“Nếu đến đây chỉ để khóc thì uống công, về đi là hơn. Ta không muốn thấy mặt nữa”*.

Bà can đảm thưa lại chồng: *“Anh trông thấy nỗi thống khổ của tôi thì phải hiểu chú, nhưng hãy tin chắc rằng nếu tôi khóc thương chồng không phải than trách số phận. Tôi công khai tuyên bố rằng, chết vì đạo Kitô không phải là một bất hạnh. Đạo Chúa Trời buộc tất cả mọi người hãy yêu kẻ thù, phan phát áo quần cho những người không có, cho kẻ đói ăn. Chết vì luật thánh như vậy không phải là điều xấu hổ, nhưng là một phần thưởng huy hoàng...”* Vừa nói đến đây lý hình đã lôi Phanxicô ra chém đầu.

LM. VŨ THÀNH

PHẦN III
NHỮNG CUỘC BÁCH ĐẠO
THỜI TÂY SƠN

CHƯƠNG 1

Sắc Lệnh Cấm Đạo của Vua Thái Đức (1773-1793)

Ba anh em Tây Sơn chiếm được Qui Nhơn tháng 9-1773, đức tiên và xưng vương. Khi quân chúa Trịnh tràn xuống thì Tây Sơn xin hòa với họ Trịnh để chiếm Gia Định năm 1776. Mười năm sau, 1786, quân Tây Sơn thừa thắng tiến chiếm luôn cả Bắc Việt. Thế nhưng ba anh em chia rẽ nhau: Nguyễn Huệ tự xưng vương là Quang Trung đóng đô tại Huế và cai quản cả Bắc Việt; Nguyễn Nhạc cũng tự xưng là vua Thái Đức đóng đô tại Qui Nhơn và cai trị cả Gia Định với Nguyễn Lữ. Trong khi đó với sự giúp đỡ của người Pháp, Nguyễn Ánh chiếm được Gia Định năm 1789, chiếm Qui Nhơn năm 1799 và Huế năm 1801, chấm dứt nhà Tây Sơn.

Ngoài Bắc Việt các cha được một thời gian khá lâu dài để củng cố lại các cơ sở. Trung Việt hay có chiến tranh và đói kém, các cha không được tự do nhưng cũng nỗ lực lập chủng viện riêng. Nam Việt là bãi chiến trường tranh chấp trong nhiều năm, các thừa sai tán loạn, một số giáo dân trốn chạy sang Cam Bốt. Trước những cuộc nổi dậy, các thừa sai không biết phải theo chính quyền nào. Đức Cha Pigneaux, cũng được gọi là Đức Cha Bá Đa Lộc, coi địa phận Đàng Trong và lúc bấy giờ vì có liên lạc với Nguyễn Ánh nên coi Nguyễn Ánh là chính quyền hợp pháp và giúp đỡ. Đây là một biến cố lịch sử ảnh hưởng rất nhiều đến những cuộc bách hại trong thời kỳ Tây Sơn.

1. Thái độ của Tây Sơn đối với đạo Công Giáo

Có vị thừa sai người Pháp cho rằng bố mẹ của ba anh em Tây Sơn có chịu phép rửa tội nhưng sau đó bỏ đạo. Năm 1778, Thừa Sai Liot tới Qui Nhơn được bà di của anh em Tây Sơn là người Công Giáo sốt sắng tiếp đón. Theo Cha Diego de Jumilla, người Tây Ban Nha thuộc Dòng Phanxicô, anh em Tây Sơn tuyên bố làm các việc công bằng, thẳng thắn, chỉ trừ khử bọn tham quan, những kẻ trọc phú lưu manh và trộm cướp. Họ lấy của người giàu phân phát cho kẻ nghèo, chỉ dành lại cho họ một phần nào thóc gạo mà thôi. Ai chống lại thì họ giết, biết điều thì thôi.

LM. VŨ THÀNH

Ngày 17-5-1779 Âm Lịch, Nguyễn Nhạc gửi một lệnh cho Cha D’Ars, có tên Việt là Thầy Thiện, một thẻ bài được phép tự do giảng đạo. Đồng thời còn khen ngợi các giáo đoàn Công Giáo có sự hoà thuận và nếu có tranh chấp, các giáo dân thuộc ba tỉnh Quảng Ngãi, Thăng Hoa và Diên Ban, cũng thảo luận với nhau.

Năm 1782 khi quân Tây Sơn chiếm đất ở trong Nam Việt đã bắt theo Cha Ferdinand Odemilla, Dòng Phanxicô, vì già yếu không chạy trốn được. Trên đường đi thuyền bị bão dạt vào bờ, và đêm hôm ấy cha và một thầy giảng đã bị quan quân giết. Vào tháng 3-1783, khi quân Tây Sơn rượt theo Nguyễn Ánh đã bắt hai cha Dòng Phanxicô vì nghi là các đảng đi theo giặc. Các cha bị cướp lột hết đồ đạc, sau được trả tự do vào tháng 12-1783 theo sắc lệnh sau đây: *“Dân chúng theo đạo Âu Châu hơi khác thường và tự nhận là đạo chân thật. Đạo Công Giáo đáng ca ngợi nếu xét cho kỹ. Họ đúc tượng một người chịu đóng đinh và tuyên xưng rằng người đó đã chịu khổ để chuộc tội loài người. Khi họ phạm tội thì thành tâm xưng tội. Họ rất gắn bó với nước phép, rất đoàn kết với nhau hầu như không bao giờ chia rẽ. Còn các cha hay thầy ở một chỗ thuận tiện yên ắng để tiếp đón các tín hữu muốn trở lại đạo hay thay đổi đời sống từ khắp các nơi đến.... Sau khi đã xem xét hai đạo trưởng bị bắt, thấy họ hoàn toàn không có gì đáng nghi ngờ là phản loạn. Còn giáo dân, hãy tôn kính và giữ đạo vì đó là đạo thật. Vì nếu là đạo gì lừa dối thì chúng tôi sẽ không dung thứ”.*

2. Sắc lệnh cấm đạo của Nguyễn Nhạc năm 1785

Nguyên nhân của sắc lệnh cấm đạo bắt nguồn từ vụ rắc rối giữa cha và một vị quan trong triều Nguyễn Nhạc. Có một bà Công Giáo, đã có chồng nhưng bỏ chồng để lấy vị quan trong triều, bị ốm nặng mời một cha đến giải tội và xúc dầu, nhưng trước khi ban phép giải tội cha bắt bà phải ra ở riêng. Vị quan này nổi giận vì cho đó là một điều vô lý: vợ chồng phải ở chung với nhau lúc khỏe mạnh cũng như ốm đau hay giờ lâm chung. Nhưng bà này nhất định bỏ ông để về với chồng cũ, bà đã được lãnh bí tích trong giờ chết, và an táng theo lễ nghi Công Giáo. Vị quan có tới tham dự, thấy an táng bà sơ sài, không ai lạy người chết, thì tức giận tố cáo rằng đạo Công Giáo đã giết chết bà vợ của ông. Chính vì thế mà Nguyễn Nhạc đã ra lệnh bắt đạo, nội dung như sau: *“Trẫm muốn tiêu diệt đạo Âu châu vì nó đã lan rộng trong nước. Đó là một giáo phái không có tôn kính cha mẹ hay vua quan, đã phân phát một thứ thuốc độc để người ta tin theo. Đạo*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

này không tôn trọng các lệnh vua cũng chẳng tôn kính thần làng. Họ họp nhau suốt đêm cầu nguyện và nghe sách mà không hổ thẹn vì nam nữ ở chung với nhau như thế. Họ không tha thiết gì tài sản của cải. Bị trừng phạt mà họ cũng không hổ thẹn. Trẫm biết rõ một trường hợp chúng tỏ đạo này đáng chê cười và có nguy hại. Một bà đã có hai con mà vì nghe theo mấy người lừa dối đã bỏ chồng. Vì vậy không thể nhân nhượng giáo phái kỳ dị ấy được nữa. Vì nhiều lẽ khác nhau, Trẫm ra lệnh phá hủy tất cả các nhà hội họp và kiểm kê những người theo đạo này. Người nào tới tuổi nhập ngũ phải xung vào lính, còn các người khác phải trừng trị nghiêm khắc để xóa tên đạo khả ố ấy ra khỏi quốc gia. Lệnh cho các quan phải kỹ lưỡng xem xét điều tra để bắt và dẫn giải tất cả các đạo trưởng Âu châu về Kinh Đô trừng phạt. Năm thứ chín triều đại của ta, ngày 4-10” (2-11-1785 Dương Lịch).

Lệnh trên được áp dụng khắp Trung Việt và Nam Việt. Hai cha Dòng Phanxicô Tây Ban Nha, một là thầy thuốc và một là nhà toán học trong triều Tây Sơn, bị bắt nhưng sau được trả tự do. Tại Quảng Nam, một số giáo dân trong bốn làng bị bắt nhưng họ vẫn trung thành với đức tin. Một số giáo dân phải nộp 10 quan tiền. Một số ít đã đập ảnh, chối đạo. Đồ đạo bị tịch thu được lính mang đi giấu ngoài đường.

Riêng tại Phú Yên, 400 giáo dân đã xưng đạo tập thể. Quan hỏi họ có muốn chối đạo không, tất cả đã thưa: “Chúng tôi không chối bỏ đức tin của cha ông chúng tôi. Mặc vua muốn làm gì chúng tôi thì làm”.

Sau đó hai người trong nhóm bị tra vấn kỹ hơn. Quan hỏi một người Công Giáo cũng làm quan: “Vua đã ban tước quan cho người, người sẽ không bị tội gì nếu người chịu bỏ đạo”.

Ông ta đáp: “Cha mẹ tôi để lại không có cái gì cao quý hơn là đạo thánh mà tôi tuyên xưng. Đó là điều duy nhất tôi quý chuộng và không bao giờ tôi chối bỏ cả. Các của cải khác tôi sẵn sàng để vua tước đoạt như người muốn”.

Quan phạt 200 quan tiền và dọa nhiều thứ, nhưng người lính của Chúa không chút sợ hãi. Ít lâu sau quan lại bắt ông ra tra hỏi: “Người vẫn còn là người Công Giáo ư?”

Ông trả lời: “Là người Công Giáo đơn sơ, chất phác, tôi không bao giờ chịu đánh mất tư cách cao quý đó”.

LM. VŨ THÀNH

Quan lại hỏi những người lính: “*Chủ các người có cúng tế đầu năm không?*”

Chính quan có đạo trả lời: “*Tôi đã làm tiệc đãi mọi người nghèo trong làng nhưng không làm điều dị đoan*”.

Nghe vậy quan ra lệnh tịch thu các tài sản để cho vị quan Công Giáo phải đi ăn xin, nhưng ông nói: “*Cha tôi ngày trước cũng đã bị bắt buộc phải đi ăn xin, tôi rất sung sướng được theo bước chân cha tôi*”.

Một người khác là anh lính trẻ, cha anh vừa chối đạo và khuyên anh làm theo nhưng anh trả lời: “*Tôi đã đến tuổi này, có thể hiểu biết đạo. Tôi đã suy nghĩ sâu xa và tôi thấy đạo không dạy tôi làm cái gì xấu cả, và tôi không có làm điều gì phải hổ thẹn. Trái lại đạo dạy những điều cao cả mà không có trường nào dạy. Như vậy làm sao tôi có thể chối bỏ đạo được? Cha tôi chối bỏ đạo chỉ vì ông đã cưới một người vợ khác mà luật đạo không cho phép. Phần tôi, tôi không bắt chước cha tôi như thế*”.

Có một bà sang trọng trong triều đã đến gặp vua Thái Đức xin tha bắt đạo và sẵn sàng góp vào quỹ quốc gia 5.000 quan tiền. Trên thực tế, chính những tai ương xảy ra sau khi lệnh bắt đạo được các quan thi hành đã làm cho vua thay đổi thái độ. Giống như tai họa Chúa phạt Pharaon thời xưa, sau lệnh cấm đạo đã có vô số chuột vào phá phách các kho lương và mùa màng. Nhờ thế mà các cuộc bắt bớ tạm ngưng. Ngoài ra trong cuộc bách hại đạo, sự nhiệt thành của giáo dân cũng làm cho vua quan phải thắc mắc. Người Công Giáo không bao giờ tham dự vào những buổi ca hát, trò chơi công cộng, hay những thú vui như các người ngoại giáo. Họ giống như ngừng người khách lạ giữa đất nước của họ. Ngoài ra các quan muốn làm tiền nên đã ra sức bắt bớ, rồi sự có mặt của Cha Jacques trong triều cũng làm cho nhiều quan ghen tức.

Sau cơn bách hại đạo, người Công Giáo còn phải chịu nhiều khó khăn do cuộc chiến gây ra. Cha Labartette, lúc đó đang ở Huế, thuật lại rằng người Công Giáo phải nộp thuế gấp ba lần người khác, các nhà thờ bị cướp bóc làm vật dụng đánh nhau. Tình trạng còn tồi tệ hơn khi bắt đạo, vì trong thời bắt đạo giáo dân còn nghĩ đến Chúa nhiều, chú giữa cảnh đói khổ, chết chóc và tàn phá của chiến tranh họ không còn giờ để nghĩ đến Chúa.

3. Lệnh bắt các thừa sai của vua Quang Trung năm 1790

Tin Đức Cha Bá Đa Lộc đem người Pháp đến giúp Nguyễn Ánh làm vua Quang Trung nghi ngờ các vị thừa sai. Giữa năm 1790, nhiều tàu Âu Châu xuất hiện tại biển gần Qui Nhơn, các quan đề nghị với vua Quang Trung sai lính đến các làng Công Giáo bắt các vị thừa sai. Vua Quang Trung cho phép với hai điều kiện là phải bắt trong vòng 6 ngày và không được quấy nhiễu người Công Giáo. Lính đến Dinh Cát, nơi trú của Cha Longer và Labartette. Nhờ có người báo trước nên hai cha trốn kịp. Không bắt được các cha, quan quân đi lùng soát các nhà giáo dân làm cho nhiều người phải khổ khổ vì bị bắt để tra khảo chỗ ở của các cha.

Một anh lính Công Giáo trong đám quân đi lùng bắt, tên là Chu Hai, bị họ đánh đập suốt trong 6 ngày gãy cả xương. Anh rất can đảm, dù bị đánh đập anh vẫn tìm cách nhắn tin cho các cha, đồng thời anh dẫn đội lính đi lòng vòng để các cha có đủ thì giờ đi trốn. Đám lính vào một họ đạo khác bắt chú bé chăn trâu để tra hỏi. Không đạt được mục đích, họ bắt người đứng đầu họ đạo để giải về Kinh Đô. Họ còn đến hai họ đạo khác bắt hai ông trùm của các họ đạo ấy. Khi tàu bè Âu Châu bỏ đi rồi quân lính mới thôi không lục soát các nhà Công Giáo nữa.

Cha Longer cho biết trong thời kỳ bách hại, chiến tranh và dịch tễ, một nửa số người Công Giáo đã thiệt mạng. Tháng 7-1791 vua Quang Trung ra lệnh cho các làng Công Giáo từ Phú Xuân đến Bắc Việt phải nộp 10.000 quan tiền. Nhiều chỗ không đủ tiền phải trốn đi. Nạn đói kém thật dễ sợ.

Ngày 7-3-1791 bà vợ của vua Quang Trung ốm nặng nhưng các thầy thuốc không chữa khỏi, vua cho mời Cha Girard đến nhưng vừa đến nơi thì bà ta chết, vua Quang Trung không muốn tiếp cha nữa. Một dịp khác, các quan ủy thác cho Cha Girard sang Macao để mời các thương gia đến buôn bán. Cha Girard sang tới Macao ngày 3-7-1791, nhưng sau đó chúng ta không biết gì thêm.

Máu Tử Đạo của Lm Triệu và Lm Đạt Dưới Thời Vua Cảnh Thịnh

Từ năm 1789, Nguyễn Ánh chiếm trọn Gia Định, thu hẹp vương quốc của vua Thái Đức. Trong khi đó chiến tranh lâu dài đã làm cho vua Quang Trung chết sớm vào tháng 9-1792, và vua Thái Đức chết vào tháng 12-1793. Sau đó quyền bính được tập trung vào tay vua Cảnh Thịnh, và cậu là Bùi Đắc Tuyên làm phụ chính.

1. Sắc lệnh cấm đạo năm 1795

Bùi Đắc Tuyên là một nhà sư trụ trì tại chùa Thiên Lâm, nổi tiếng ghét đạo Công Giáo. Khi lên làm phụ chính ông đã sai Ngô Văn Sở, cũng là một người ghét đạo Công Giáo, thay thế Vũ Văn Dũng làm khâm sai Bắc Việt. Ngày 7-1-1795, Thái sư Bùi Đắc Tuyên nhân danh Vua Cảnh Thịnh ra hai sắc lệnh chấn chỉnh việc thờ Khổng Tử và các thần phật, đồng thời ngăn cấm đạo Công Giáo.

Nội dung sắc lệnh như sau: *Chúng tôi được biết trong những thế kỷ trước đây các quan cai trị các tỉnh thường bảo vệ lễ phải và sự thật, tiểu trừ những dối trá. Vì thế mà đạo Khổng, vốn dày dân chúng gồm ghét tật xấu và tu luyện nhân đức, được phổ biến thịnh trong các triều đại trước. Thế nhưng từ khi các người Tây Phương đến lên lút truyền bá đạo của họ thì chúng tôi rất tiếc thấy đạo Khổng bị yếu kém đi, gần như bị bỏ phế, vì những bài thuyết giáo của người ngoại quốc đã thu hút dân chúng theo đạo họ đến nỗi gần như không còn quyền lực nào cấm cản được nữa. Nhận thấy lòng người bị mê hoặc vì tà đạo, chúng tôi quyết định chấn chỉnh đạo thật của tổ tiên và các vua, hủy diệt đạo ngoại lai này để nhân dân biết phân biệt con đường ngay đạo hạnh với đường gian tà. Hơn nữa, chúng tôi, một số đông các vị nho học vốn sùng bái Khổng Giáo nay phải bỏ phế văn miếu trốn tránh trên rừng. Vì thế chúng tôi lo lắng cho việc thờ kính Khổng Tử và quyết định phát triển. Lễ nào chúng ta lại để cho đạo ngoại lai thắng thế. Đây là đường lối chúng tôi sẽ hành động. Chúng tôi gửi các sĩ quan đã được chọn lựa kỹ lưỡng phối hợp với quan sở tại Bắc Việt để chiêu mộ các người đồ đệ, các người có học và các nhà sư thông thái về Kinh Đô giúp chúng tôi chấn chỉnh đạo lý Khổng Tử. Người nào đã học thông Ngũ Thư sẽ*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

được tham chính với văn bằng Tiến Sĩ, người chưa học hết sách thì sung vào cấp thấp hơn và được miễn các thuế khóa, được miễn quân dịch ít nhất trong thời hạn 3-6 năm, để có thể học hỏi và có khả năng đóng góp vào việc phục hưng đạo giáo. Còn những người đã thành tài, chúng tôi khuyến khích mở trường dạy chữ dưới sự chỉ dẫn của chúng tôi Những người thông thạo khoa học và nhiều tài khéo cũng phải mở trường và biết rằng chúng tôi tôn trọng họ.

Một sắc lệnh thứ hai liên quan đến đạo Phật và các thần. Sắc lệnh ký ngày 24-1-1795. Nội dung như sau: *Lệnh của vua truyền cho trăm họ được biết về đạo thờ các thần phật đã được bành trướng khắp nơi. Các thần lành có nhiều uy thế và ban sự sống cho thế giới bằng những lời nói thu hút và những giáo huấn dịu dàng. Đạo Phật từ bi và thương xót chúng sinh, đầy quyền năng hằng cứu giúp ngàn vạn con người khỏi khổ đau trong địa ngục. Cứ thế mà niềm tin, lòng mộ mến thần Phật được tăng tiến trong dân chúng từ nhiều thế kỷ qua. Nhưng ít lâu nay các thần phật bị chế diễu. Mặc dù nhiều người thông thái hay ngu dốt chẳng biết gì đã đem các thần ra làm trò cười, lòng tôn kính các thần vẫn không giảm sút. Nhưng đạo phải được phát triển hơn nữa đối với những người biết suy nghĩ. Thật là đúng khi tin rằng đạo và các thần thánh là những mẫu nhiệm và cao cả. Chúng tôi chỉ chê trách số đông các sư sãi theo đạo và phục vụ chùa miếu để trốn tránh việc nước, ham hố nhàn tản và lễ cúng do dân chúng mang tới cúng các thần. Càng có nhiều chùa với những nhà sư lừa bịp gian dối thì càng nhiều nhà sư chân chính có bản lĩnh truyền đạo muốn bỏ lên rừng. Vì thế mà nơi chùa miếu có nhiều sư không biết gì về đạo cả. Trong nước và tại các làng có nhiều chùa nhưng không có cái nào xứng danh cả và vì thế làm suy giảm đạo thần. Vậy chúng tôi ra lệnh mở nhiều lớp thi để chọn thầy dạy đạo Nho. Đạo thờ thần cũng là một đạo tốt, dạy làm lành lánh dữ. Chúng tôi ra lệnh mỗi vùng có từ 200 làng trở lên được xây một chùa lớn. Chúng tôi cũng ra lệnh triệt hạ tất cả các nhà thờ Công Giáo. Vấn đề ở xa hay gần nơi thờ tự không quan trọng. Ai có lòng tin, trái tim ngay chính, siêng năng cầu kinh hoặc dâng lễ cúng thì làm tại nhà hội làng. Tất cả các tượng thần trong nhà hay miếu nhỏ phải tịch thu đem về chùa lớn để thờ kính chung. Các thần thiêng liêng xem thấy và biết tỏ những người thành tín và họ sẽ được nhận lời. Lễ tự nhiên là càng có ít chùa thì người ta càng thêm sốt sắng và lời nguyện càng được chấp nhận. Vì vậy không còn một chùa riêng nào nữa. Thứ nhất để đạo của các thần không bị khinh chê, thứ hai*

LM. VŨ THÀNH

để giảm bớt số các sư sai tu chùa. Đạo thiêng liêng có sức mạnh tự nó há cần phải có nhiều người phục dịch vụ? Các sư sai hãy chọn một số ít người chân thực, thành tín, chay trường và nhiệt tâm dâng hương bốn mùa để dân chúng lui tới cầu khẩn những sự cần thiết. Ước gì đạo lành lấy lại được uy thế thời xưa và nhân dân được giải thoát nơi cuộc sống vĩnh viễn.

Hai lệnh trên được công bố tại Bắc Việt ngày 26-2-1795 kèm theo lệnh mật của khâm sai Ngô Văn Sở. Nội dung như sau: *Mật lệnh cho các quan văn võ. Đã nhiều thế kỷ đạo Công Giáo truyền bá lấm lạc và lạm dụng dân chúng trong nước đến nỗi cả các người học thức cũng tin theo. Bởi vì chúng hành động điên khùng và bí mật như các tướng cướp... muốn chiếm đất nước những năm trước đây. Cho tới nay chúng ta chưa ý thức lưu tâm cho đủ. Vì vậy chúng tôi cấm tôn giáo nói trên để duy trì bình an. Tất cả các quan tại các huyện phải lùng bắt tất cả những nơi thờ phượng của đạo bị nghiêm cấm này, đem nộp tất cả các đồ đạo, vật dụng nhà cửa để làm nhà trại cho lính. Nếu nơi nào cần thêm người để thi hành lệnh này thì xin với quan trấn làm sao không cho ai trốn thoát được. Đây là việc trọng đại cần phải cẩn mật. Quan nào bất tuân sẽ bị coi là phạm tội tầy trời.*

Lệnh trên nhắm đến Bắc Việt nhiều hơn. Trong thời chiến, quân Tây Sơn cũng chẳng trọng gì các chùa miếu và vì thế nhiều chùa bị phá phách trong khi đạo Công Giáo lại được tự do tổ chức lễ lạy có qui củ. Các quan rất kính nể các cộng đồng họ đạo Công Giáo. Vì thế khi có lệnh, các quan đã thông báo cho các cha trốn đi và kíp biến các nhà thờ thành nhà ở. Suốt trong ba tháng nhiều nơi bị lính do thám dòm ngó nhưng không bắt được cha nào. Phần đông các vị thừa sai lên rừng hoặc xuống biển, vì đó là hai nơi có thể di chuyển và lẩn tránh mau lẹ. Chỉ có Thừa Sai La Mothe lẩn trốn gần Hà Nội để xem xét tình hình và hướng dẫn giáo dân.

Có một quan chức nhỏ Công Giáo hầu cận khâm sai, thấy việc triệt hạ nhà thờ dữ dội quá đã mạnh bạo nói với khâm sai giảm bớt lệnh lại. Quan lớn giận giữ hỏi ngay: - *“Vậy người cũng là Công Giáo?”* - *“Vâng.”* - *“Vậy người phải chối đạo ngay.”* - *“Tôi không thể làm điều ấy. Đó là đạo của cha mẹ tôi, đạo duy nhất chân thật.”* - *“Ta cho người tới ngày mai để suy nghĩ và chối đạo nếu không ta sẽ lấy đầu người ngay tại giữa sân triều.”* - *“Xin hãy giết tôi ngay đi, tôi sẽ không bao giờ chối đạo đâu.”*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Quan lớn thấy vậy thì dùng lời ngon ngọt dụ dỗ, bảo đọc kinh và cắt nghĩa các điều răn cho ông nghe. Sau đó ông nói: “*Đạo này tốt, ta chưa có biết. Người có biết đạo trưởng Âu Châu nào không?*” - “*Thưa tôi có biết hai cha*”. Vì không kịp suy ông lỡ lời khai như thế, quan lớn ra lệnh bằng giấy mực bắt ông đi tìm dẫn về kinh đô, không phải để làm khổ hai cha nhưng để cử một người làm sứ giả còn người kia giữ bên cạnh để làm con tin và hứa sẽ thôi không bắt đạo nữa. Quan lớn lại hỏi: - “*Tên hai đạo trưởng là gì?*” - “*Tôi không biết tên Âu Châu, giáo dân chỉ gọi là cha. Dù sao tôi cũng không thể tuân lệnh đi bắt những người mà tôi gọi là cha*”.

Quan lớn còn ra một lệnh khác, là sai ông đi thuyết phục cha cử đại biểu đến nói chuyện chấm dứt việc bắt đạo. Có 6 vị thừa sai tất cả nhưng không ai xung phong, vì đều nghĩ rằng quan lớn này quý quyết không thể tin lời được. Lính đến bao vây nhà các chị dòng nơi Cha La Mothe trốn, nhưng bữa hôm ấy cha đi dự lễ phong chức giám mục cho đức cha địa phận Đông.

Cuộc bách hại chấm dứt khi một số quan đại thần tung tin Bùi Đắc Tuyên muốn xưng vương và đem quân đi bắt cả hai ông Bùi Đắc Tuyên và Ngô Văn Sở giết đi. Sau đó tại Bắc, các cha đề nghị cử một phái đoàn đến ra mắt hoàng thân Nguyễn Quang Thùy, em vua Cảnh Thịnh và là đại tướng thống lĩnh Bắc Việt. Phái đoàn gồm có 100 trùm trưởng các họ đạo. Hoàng thân và các quan đã niềm nở tiếp đón và ca ngợi đạo Công Giáo. Nhờ thế kẻ thù không dám nói gì. Người ta còn thuật lại rằng các quan đại thần đã mang những quan bách hại đạo như sau: “*Khốn nạn cho các người! Chúng tôi đã nói trước rồi, không được bách hại đạo Đức Chúa Trời, nếu không sẽ phải chết thảm. Chúng tôi cũng đã nói trước các vua chúa Bắc cũng như Nam đều đã mất ngai vàng và chết khốn nạn vì đã cấm đạo. Các người đã không muốn tin lời chúng tôi. Bây giờ khám phá ra thì đã mất mạng*”. Sau đó các vị đại thần còn công bố một lệnh liên quan đến đạo Công Giáo như sau: “*Cấm không ai được làm hại những người giữ đạo Đức Chúa Trời cho đến khi có lệnh khác của Hoàng Thượng*”.

Tại Trung Việt, vào tháng 5-1795 có lệnh bắt các vị thừa sai. Quân lính đã giả dạng làm khách đi đường để dò thám khắp nơi. Cha Labartette vừa ra khỏi nhà đã thấy 40 người lính cầm khí giới tiến đến. Trước khi ra tay bắt, những người lính này đi xem bói toán, và thầy

LM. VŨ THÀNH

bói nói họ phải chờ đến sau trưa mới được hành sự. Nhờ đó Cha Labartette có đủ thì giờ trốn thoát. Cuộc lùng bắt kéo dài được một tháng thì những người chủ xưởng bách hại đạo bị bắt và giết. Từ đó các quan không nghĩ đến việc bắt đạo nữa. Tuy nhiên theo thư của Thừa Sai Doussain thì ngày 21-7-1797, các vị thừa sai còn bị lùng bắt ba lần do lệnh của năm quan đại thần. Nhưng nhờ có một người lính Công Giáo trẻ tuổi phục vụ trong hoàng cung mật báo mà các cha thoát được.

Quân đội của Nguyễn Ánh đã tấn công Qui Nhơn ba lần có tàu Pháp yểm trợ. Thấy vậy triều đình Tây Sơn ra mật lệnh bắt các vị thừa sai. Tại Huế, họ chia thành 4 đạo quân đến các làng Công Giáo, bắt được Cha Triệu và hai chú. Họ còn đến chỗ trú của Đức Cha Labartette nhưng người đã kịp thời trốn. Năm vị thừa sai trốn mỗi người mỗi nơi, không ai biết chỗ ở của người khác. Có một thầy sáu và hai chú bị bắt cùng với nhiều đồ đạo, nhưng đã bỏ chạy thoát. Ngày 17-8 sắc lệnh mới được công bố. Nội dung như sau: *“Việc trị nước cốt ở tam cương ngũ thường, nghĩa là ba thứ bốn phận: vua tôi, cha con và vợ chồng, ngoài ra đối xử với nhau dựa trên các đức tính: nhân nghĩa lễ trí tín. Đạo Kitô dạy những dị đoan nhằm lừa dối dân chúng và làm đảo lộn trật tự xã hội. Đã từ lâu bị nghiêm cấm nhưng vẫn chưa dứt được. Vậy Hoàng Đế muốn tái lập trật tự và chấn chỉnh xã tắc, muốn được thành công thì phải tận diệt đạo đáng ghét này. Lệnh cho phá hủy mọi nhà thờ, nhà ở của các đạo trưởng và của bất cứ ai giữ đạo”*.

Tại Quảng Ngãi, để bắt dân chúng đạp ảnh, họ đe dọa và đánh đập nhưng dân chúng vẫn cương quyết giữ đức tin. Họ bắt 32 thầy giảng giam trong một nhà có hai cửa: tử môn và sinh môn. Ai bước qua cửa tử sẽ có người cầm gương sẵn để chém đầu. Còn cửa sinh có đặt thánh giá, ai qua thì phải đạp ảnh. Từng người một bước qua cửa tử. Trước đám đông người đứng xem, lý hình la hét đánh đập để người ở trong run sợ. Thế nhưng đã có 30 người bước qua cửa tử. Những người đạp lên ảnh bị dân chúng xỉ vả, còn các vị anh hùng đã được mọi người thán phục.

2. Cuộc xung đạo và tử đạo của Cha Emmanuel Triệu (bị bắt ngày 8-8-1798 và tử đạo ngày 17-9-1798)

Thánh Emmanuel Triệu sinh tại làng Kim Long, phủ Thừa Thiên, Kinh Đô Phú Xuân thời bấy giờ. Cha người là cụ Cai Lương làm

DÒNG MÁU ANH HÙNG

quan trong triều Chúa Nguyễn và đã từ trần khi đánh nhau với Tây Sơn. Cả hai ông bà cố là người Công Giáo đạo đức, sinh được người con duy nhất là Cha Triệu.

Theo bài tường thuật của Đức Cha Labartette, bấy giờ là đại diện Tòa Thánh coi địa phận Đàng Trong, thì chú Triệu khi lên 15 tuổi phải vào trong ngũ lâm quân, theo lệ của những con cháu các người cùng quê quán với nhà chúa, đi đánh nhau với quân Tây Sơn. Chúa Nguyễn bị đánh bại phải trốn vào Đàng Ngoài, Nam Việt. Tại Huế có một vị quan miền Bắc vào cai trị. Trong thời kỳ này Huế đang bị nạn đói kém, khoảng ba năm trời, chú Triệu phải giúp việc cho vị quan miền Bắc đang cai trị Huế. Khi quan này thuyên chuyển về Bắc, chú Triệu cũng theo chân ra Bắc để sinh sống. Tại Bắc, sau một thời gian suy nghĩ về những sự đổi thay của cuộc đời, chú Triệu quyết định đi tu và xin ở với một cha Dòng Tên. Sau đó chú lại đến ở với một vị thừa sai Dòng Đaminh, lúc đó đang làm đại diện Tòa Thánh cai quản địa phận Đàng Ngoài. Thấy thầy Triệu có tư cách nên đức cha cho thầy học thần học 6 năm trời và phong chức linh mục cho thầy.

Thế là Cha Triệu được sai đi coi sóc giáo dân nơi các cha Dòng Tên coi sóc trước kia. Người làm việc ở đó 5, 6 năm thì được phép về Phú Xuân thăm mẹ già đang ốm đau, ở chung với một bà đạo đức trong làng. Về tới quê nhà Cha Triệu liền đi chào Đức Cha Labartette, là phó của Đức Cha Bá Đa Lộc, tại một nơi cách Phú Xuân hai ngày đường. Người trình bày lý do và trao thư của hai đức giám mục miền Bắc cho đức cha và ở lại đó hai ngày. Rồi người trở về Phú Xuân để gặp mẹ. Động lòng trước tình cảnh sống của mẹ, người đã làm cho mẹ một căn nhà để sống với mấy người cháu. Căn nhà vừa được xây xong thì có lệnh bắt đạo của vua Cảnh Thịnh. Ngày 8-8-1798, vua Cảnh Thịnh ra mật lệnh cho một số quan đi lùng bắt các đạo trưởng mà không có lý do nào. Cùng một ngày, cùng một lúc, ba đạo quân đến ba xứ đạo Công Giáo ngoài hoàng cung để bắt các cha thừa sai, vì nghĩ rằng thế nào cũng có linh mục người Âu tại một trong ba làng ấy. Thế nhưng họ không bắt được ai ngoài Cha Triệu, vì mới ở xa về không có ai thông báo cho người trốn đi. Người bị bắt ở họ đạo Thợ Đúc, tại nhà ông Trùm Quyền, hồi trước đã xưng đạo nhưng lúc đó lại vắng mặt. Lính bắt người và tra hỏi người là ai. Thay vì dấu chức vụ linh mục của mình một cách dễ dàng, người đã khai ngay mình là một linh mục. Chúng liền đánh đập người cả thầy hai trận.

LM. VŨ THÀNH

Gần nhà Cha Triệu bị bắt là nhà Dòng Mến Thánh Giá có khoảng chừng 30 chị. Lính cũng đến tịch thu các đồ đạc nhà dòng, bắt tất cả trừ vài chị vắng nhà. Họ trói các chị cứ 9, 10 người vào với nhau, các chị trẻ họ giải về Kinh Đô, còn các chị đã lớn tuổi họ để lại nhà nhưng có lính canh gác. Mẹ Bề Trên rất đáng kính, chừng 70 tuổi, đứng dậy phản đối kịch liệt việc bắt các chị trẻ đi riêng và xin tất cả phải cùng ở với nhau, cùng đi đến triều vua với nhau. Tất cả các chị bị canh chừng hai ngày. Có một chị có người bà con quen thân với quan đã can thiệp xin tha cho các chị được tự do. Tuy nhiên nhà dòng bị phá bình địa, cả nhà Cha Triệu mới làm cho mẹ cũng bị phá luôn.

Chiều hôm bị bắt, Cha Triệu và hai học trò bị đánh đập với nhiều thầy giảng trong các làng nữa. Tất cả bị đưa về phủ chúa giam giữ. Quan thượng được lệnh bắt đạo chờ đợi Cha Triệu đến rồi nói với giọng khinh miệt: *“Thiên hạ nói rằng thầy là người miền Bắc đến đây làm phù phép dối dân, dạy đạo cho họ phải không?”*

Cha Triệu đáp: *“Tôi không phải là người đảng ngoài, nhưng là người đảng trong, nơi sinh của tôi là làng Phú Xuân. Cha tôi là quan Cai Lương giúp việc cho chúa Nguyễn. Trong thời kỳ đói kém 20 năm qua tôi phải bỏ quê nhà để đi đảng ngoài. Ở đó tôi học đạo với một thầy cả và sau đó được làm linh mục. Vì đã bỏ nhà lâu năm nên tôi được trở về thăm mẹ ba tháng.”*

Quan thượng hỏi lại với giọng châm biếm: *“Thầy có vợ con gì chăng? Họ ở đây hay ở đảng ngoài?”*

Cha Triệu trả lời: *“Tôi chẳng có vợ có con gì cả, vì từ nhỏ tôi đã bỏ thế gian và quyết giữ mình độc thân.”*

Từ đó quan ra lệnh giam người rất ngặt, cổ đeo gông rất nặng, chân mang xích sắt. Người bị giam như thế 40 ngày và chịu ba trận đòn, mỗi lần 20 gậy. Cơm họ cho người ăn bỏ trong mo cau bần thiêu. Với hình khổ và cuộc sống như vậy, người biết không sống lâu nên có đôi lúc người tỏ ra sợ hãi, nhưng rồi trấn tĩnh được người đã tỏ ra sẵn sàng vâng theo thánh ý Chúa. Nhất là khi các quan tra hỏi thì người lại đáp lời rất vững chắc. Ngoài nét mặt không thấy gì, nhưng qua lời nói trước mặt quan người ta có thể thấy được tâm hồn của người rất can đảm và hào hùng. Người dành nhiều thì giờ để suy gẫm và cầu

DÒNG MÁU ANH HÙNG

nguyện, có khi giải tội cho các tù nhân khác. Cha Lộc có đến thăm người trong nhà tù.

Ngày 17-9, người được đưa ra tòa lần nữa, các quan xúi dục người: *“Này, thầy có muốn bỏ đạo trở về thế gian và làm nghề khác không? Nếu thầy muốn, chúng tôi sẽ tâu vua tha cho”*.

Người ta kể lại rằng Cha Triệu đã cương quyết trả lời là người muốn chết hơn là bỏ không rao giảng đạo nữa. Tức thì người bị kết án tử hình ngay không hỏi han gì thêm. Cũng hôm đó các quan kết án tù 6 người trộm cướp đã bị bắt giam tù lâu. Hay tin người bị xử trảm, dân chúng lũ lượt kéo đến nhưng lính không cho vào. Lúc 10 giờ sáng hôm đó, Cha Triệu biết giờ chết đã gần tới liền đi chào và cảm ơn binh lính coi ngục. Các lính trong đội hành quyết đến dẫn người đi. Trên đường ra ngoài thành, chúng để cho các giáo dân đến gần và thắp tùng người tới nơi hành quyết. Người đi vững chãi với gương mặt hớn hờ. Theo thông lệ, lý do kết án phải được công bố với dân chúng trước khi xử người nào. Vì thế có một tên lính đi sau Cha Triệu và 6 tên khác mang bảng tội trạng. Bản án ghi: Mọi người phải biết. Danh Triệu con ông Nguyễn Văn Lương, người làng Bùi Xá Nha Miêu ngoại trang, huyện Tổng Sơn, Đàng Ngoài, làm nghề giảng đạo Hoa Lang cùng khuyến dụ dân chúng theo đạo ấy, là một thứ đạo rất gớm ghê. Bởi đó tội đáng chém.

Tới Bãi Dầu, nơi hành hình, lính tháo xiềng cho người, người liền quỳ gối cầu nguyện. Quan án có lệ cho mỗi người trước khi chết một quan tiền. Cha Triệu không muốn lấy nhưng quan nài ép nói là của vua ban không được từ chối, vì đó là tục lệ. Cha Triệu liền nhận và cho người nghèo, ngay lúc đó một tên lính tuốt gươm cầm tay, một tên khác đâm vào mặt người. Quan án liền mắng nó: *“Giờ chưa có đến mà mày đã hành hạ thầy”*.

Quay về phía Cha Triệu, quan nói: *“Thầy hãy ngồi xuống, giờ chưa có đến”*.

Cha Triệu liền hạ người xuống ngồi quì trên hai gót chân, ngược mắt lên trời cầu nguyện. Đúng 12 giờ trưa, quan đến bên cha kính cẩn thưa: *“Thầy, giờ đã đến”*.

Cha Triệu quì thẳng người lên, nghiêng cổ ra chờ đợi. Người lính đến chém một nhát, đầu người rơi xuống đất. Giáo dân ô ạt đến để

LM. VŨ THÀNH

ôm xác người, có người lấy cả đất đã thấm máu. Cho tới hôm nay (tức là lúc Đức Cha Labartette tường thuật) chỗ đó vẫn còn một lỗ to. Năm ấy cha được 42 tuổi.

Vì đang thời kỳ bắt đạo gắt gao nên giáo dân chôn cất người tại một nơi kín giữa người lương, chờ ngày có thể an táng người trọng thể. Xác người được cất giấu như thế trong 6 năm. Khi hòa bình trở lại vào năm 1803, Đức Cha Labartette đã cho cải táng mộ người về nhà thờ mới làm tại Dương Sơn.

Còn các thầy giảng bị bắt với người chỉ bị giam giữ 15 ngày rồi được tha về, hai chú theo Cha Triệu bị giam cho đến ngày cha bị hành quyết rồi cũng được tha về làng ngoài.

3. Cuộc bắt đạo tại ba tỉnh Bắc Chính, Nghệ An và Thanh Hóa Nội

Dưới thời Tây Sơn, ba tỉnh Bắc Chính, Nghệ An và Thanh Hóa Nội trực thuộc triều đình Phú Xuân, còn các tỉnh khác của Bắc Việt thuộc quyền quan khâm sai tại Thăng Long. Ngày 21-8-1798, cuộc bắt đạo khởi sự tại Bắc Chính, nơi có 12.000 giáo dân do Thừa Sai Guerard và 5 linh mục Việt coi sóc. Quan trấn là một người độc dữ nhất chỉ chờ đợi có lệnh cấm đạo là ra tay liền. Vì biết trước nên các chú nhà trường đã được cho về nhà, và các đồ đạo đã được phân tán để cất giấu. Khi quan quân đến, chỉ thấy có nhà trống, liền nổi giận bắt các ông trùm tại các họ, để đánh đập và tra khảo nơi ở của các cha, và chỗ dấu đồ đạo. Họ tịch thu lúa thóc của giáo dân và chỉ trả lại sau khi đã đập ảnh. Sự thiệt hại không biết thế nào mà lường được. Các thừa sai không biết trốn đi đâu vì giáo dân không dám cho trú nữa. Thừa Sai Guerard phải đào hầm tại Xóm Chè, một linh mục Việt bị khiêng bỏ giữa rừng 5 ngày, một linh mục khác đã phải trốn trong rừng đầy thú dữ mà vẫn còn bị đuổi theo. Về phần giáo dân bị bắt, họ đã phải chịu những cực hình thật dã man chưa từng có: các ngón tay bị đóng đinh xuống ván, ngón tay đàn bà thì bị cuốn vải tẩm dầu rồi đốt. Họ bị tra tấn như vậy trong hai giờ liền. Tất cả 40 nhà thờ và nhà xứ hoàn toàn bị phá hủy. Nhà thờ Phu Kinh bị một người chối đạo biến thành nhà hát. Ngày 21-9 năm đó họ rước tượng thần từ chùa tới nhà thờ để hát xướng và cúng tế, nhưng một cơn hỏa hoạn đã thiêu rụi tất cả. Quan trấn cho làm một nhà khác bằng các vật dụng lấy từ các nhà thờ khác, hai con ngựa kéo đồ bị vật chết

DÒNG MÁU ANH HÙNG

ngay hôm 25-9. Mọi người hoảng sợ không dám làm gì nữa và trả lại vật dụng cho người Công Giáo. Dịp tết năm 1799, quan còn bắt mọi nhà dựng cây nêu kính Đức Phật, các gia đình Công Giáo bị hành hạ và phải bỏ tiền ra đút lót. Sau chính vị quan này bị một làng lương dân tố cáo và bị bắt giải về Kinh Đô.

Tại Nghệ An cuộc bách hại cũng dữ tợn như thế trong cả 12 huyện, bắt đầu từ ngày 25-8-1798. Ở đó có cơ sở của Đức Cha phụ tá La Mothe, Thừa Sai Bissachère và 12 linh mục Việt. Tất cả nhà thờ, nhà dòng, nhà các cha đều bị cướp bóc và phá hủy hoàn toàn. Tại làng có học viện, không nhà giáo dân nào thoát khỏi cảnh phá phách và cướp giết vì họ đã để đức cha thoát được. Quân lính chọn ba ông trùm trong số người bị bắt để giải đến trước mặt quan trấn cùng với hai thầy, ba chú học trò và một số chị dòng. Quan ra lệnh tra khảo, bắt đập ảnh và cung khai chỗ ẩn của các cha. Họ đã anh dũng chịu những cuộc tra tấn, dã man đến độ Thầy Gioan và một giáo dân đã phải chết trong khi bị tra tấn. Thầy đã bị đổ dầu lên lỗ rốn làm đèn đốt. Số người sống sót bị giam trong tù 5 tháng, và sau đó bị kết án lau chùi chuồng voi trong 10 năm. Một số đồng giáo dân khác, từ 200 đến 300 người, vì yếu đuối đã chối đạo nhưng ngay sau đó đã đi thú tội với các cha. Có một quan Công Giáo, hai sĩ quan và chừng 100 giáo dân bị bắt từ các làng khác giải về trấn phủ chịu hành hình. Người thì bị đổ dầu vào rốn đốt, người thì bị cột ngón chân treo ngược đầu xuống, kẻ khác bị túm tóc treo lơ lửng, đám khác bị trói 3, 4 người lại với nhau. Phần đông bị đốt các ngón tay. Các bà bị những hành hạ dã man gớm ghiếc như vậy mà vẫn không chịu cung khai nơi ẩn của các cha hay nơi cất giấu đồ đạo. Số người trốn lên rừng cũng không được yên, bị quan cho chó săn rượt theo. Thừa Sai Bissachère phải trốn trong một hang đá ngoài biển 7 tháng trời, còn Đức Cha La Mothe chạy lên rừng gặp hổ 5, 6 lần, nhưng sau được giáo dân đưa trốn lánh, hết họ đạo này sang họ đạo khác. Có lần, một toán người bên lương xông vào nhà giáo dân nơi đức cha đang trú, lấy gậy đập phá mọi nơi, sau nhờ người giáo dân khéo léo lừa được họ ra khỏi nhà đi tìm chỗ khác.

Cuộc bắt đạo tại đây vẫn kéo dài trong khi tại các tỉnh khác đã dịu lại. Không những không còn nhà thờ, nhà chung, nhà dòng, mà đọc kinh to tiếng cũng không dám vì sợ có người rình mò. Hồi tháng 5-1800 một quan trấn đã xử tử hai anh em Công Giáo. Từ khi có lệnh bắt đạo, người anh cả đã báo cho Đức Cha Phụ Tá La Mothe

LM. VŨ THÀNH

biết để kịp thời ẩn trốn, ngay sau đó anh bị giam tù. Vợ anh cầu cứu với một quan lớn trong triều để anh được trả tự do. Nhưng khi quan lớn đó được lệnh đi chinh chiến, quan trấn đã bắt hai anh em, vì có lời tố cáo là hai anh em biết nơi trú ẩn của các cha. Người em bị đánh giập bàn tay, còn người anh bị đánh nát chân, treo ngược lên rồi đổ nước vào miệng và mặt. Hai anh em thổ ra máu. Trong lúc đau đớn như vậy, hai anh em bị tra hỏi: “*Các người đã dẫn người Âu Châu đi trốn ở đâu? Nếu khai ra ta sẽ trả tự do*”.

Hai anh em biết rõ nơi trốn nhưng một mực không khai. Quan trấn lại hỏi: “*Người chối đạo đi, ta sẽ dung thứ một lần nữa, nếu không ta sẽ chém đầu*”.

Hai anh em đã thưa lại: “*Đạo chúng tôi là đạo thật mà cha mẹ đã truyền lại cho chúng tôi nên chúng tôi ghi khắc trong tâm khảm. Chúng tôi thà chết hơn là chối đạo*”.

Ngay lúc đó quan ra lệnh chém đầu hai anh em tại chỗ. Người vợ của anh cả đến ôm xác nói to giữa các quan: “*Chồng tôi chết, tôi không còn gì là vui sướng ở đời này, nhưng tôi không hề hối tiếc. Nếu Thiên Chúa muốn, tôi ước được chết như chồng tôi. Điều tôi hối tiếc chính là không được phúc trọng như thế*”.

Ngày 19-3-1802 quan trấn còn chém đầu một thầy giảng nữa, vì trong túi áo thầy có giấy phép của đời Chúa Nguyễn. Riêng tại Thanh Hóa nội, quan trấn không mấy dữ tợn. Giáo dân có bị bắt đưa về giam ít ngày rồi được tự do, và trả lại các đồ đạc bị lính tịch thu. Ngày 25-8-1798, Cha Đạt bị bắt và tử đạo như bài tường thuật dưới đây.

4. Cuộc xưng đạo và tử đạo của Cha Gioan Đạt tại Chợ Rạ (bị bắt ngày 25-8-1798 và tử đạo ngày 28-10-1798)

Thánh Gioan Đạt sinh năm 1765 tại làng Khê Cầu, xứ Đồng Chuối, huyện Bình Lục, tỉnh Thanh Hóa. Cha người chết sớm để lại hai người con trai. Mẹ người đã phải vất vả nuôi hai anh em. Khi còn nhỏ người đã muốn vào nhà Đức Chúa Trời nhưng mẹ người vì thương con không muốn cho con đi. Với quyết tâm, người đã xin ở với Cha Loan. Đến năm 18 tuổi người được gửi đi học tại trường Latinh. Lên bậc kẻ giảng, người đã giúp nhiều cố thừa sai. Năm 1798 người được thụ phong linh mục và được chỉ định giúp Cha chính Le Roy. Cha chính Le Roy có làm chứng về người: “*Cha Đạt có lòng*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

yêu chuộng nhân đức khó khăn, hay vâng lời và chăm đọc sách, siêng năng làm các việc thuộc bậc mình, dù có ốm đau cũng không kêu ca và không khi nào người phàn nàn điều gì. Đức Cha La Mothe kính người như một vị thánh. Các cố khác như Le Pavec, Tessier cũng rất yêu kính người. Người giảng rất sốt sắng, không du nhệch, đánh động lòng nhiều người tội lỗi trở lại”.

Thi hành chức vụ chủ chăn được 4 tháng thì người bị bắt tại Thần Phù ngày 25-8-1798. Khi người vừa làm lễ xong tại nhà ông Trùm họ Thần Phù thì quân lính đến vây làng tra hỏi xem người trốn ở đâu. Giáo dân xin người trốn đi nhưng người ôn tồn trả lời: “Nếu tôi trốn đi thì cả làng sẽ phải khổn khổ”.

Nói rồi người ra nộp mình cho lính bắt. Lính trói người lại và hành hung người dữ tợn. Thấy vậy giáo dân muốn chịu đòn thay cho người, nhưng lính không cho, nói là chỉ linh mục chịu tội thôi. Sau đó người bị giải đến nhà quan.

Y sĩ Huyền Trang thuật lại buổi thẩm vấn đầu tiên như sau: “Chiều ngày 16-7 Âm Lịch, tôi đến cung điện của hoàng đế Nguyễn Quang Thùy (em vua Cảnh Thịnh, coi Bắc Thành) tôi nhìn sang sân nhà quan tổng trấn Thanh Hóa là Đại Tư Lễ Miên Cộng Quân thấy có nhiều người cổ mang gông. Sau đó tôi thấy quan trấn bước vào, Cha Gioan Đạt quỳ trước mặt cùng với 4 thầy giảng là các thầy Tam, Vinh, Tang và Huy, và hai thiếu niên. Lúc đó người hoàng đế bước vào sân đường, theo sau có nhiều quan tước. Vì ở xa xa tôi không nghe được họ nói gì, chỉ thấy họ lời Cha Đạt qua tượng Chuộc Tội nhưng người ôm lấy và hôn kính”.

Theo chứng từ của Thầy Tang, một trong 4 thầy bị bắt, thì hôm ấy quan hỏi Cha Đạt có biết đọc các sách Tây Phương không. Cha Đạt trả lời là có. Quan liền ra lệnh cho cha và các giáo dân cùng đọc. Cha Đạt thưa lại: “Giáo dân không biết đọc những sách này”.

Quan trấn lại ra lệnh cho cha và giáo dân đọc kinh tiếng Việt. Bấy giờ Cha Đạt và các người cùng bị bắt đọc kinh 10 điều rần. Quan trấn nói: “Đó là những lễ luật của đạo các người theo hả? Tại sao lại chối bỏ cha mẹ để theo đạo trưởng Kitô giáo?”

Hôm đó các giáo dân được tha về, họ chỉ giữ lại Cha Đạt và ba thầy giảng, rồi giao cho ngũ đội luân phiên canh gác.

LM. VŨ THÀNH

Theo lệ, tù nhân phải trả tiền dầu đèn và tiền công lính gác. Một hôm có tên lính đánh Cha Đạt nhiều gậy để đòi tiền, thầy già Tâm xin chịu thay nhưng Cha Đạt gạt đi rồi cởi áo của người để nộp thay tiền. Cũng ngày đó họ tháo gông nhẹ ra và đặt vào cổ các đấng gông nặng hơn, với ẩn ý muốn nhiều tiền hơn. Ngày 25, y sĩ Huyền Trang đến gặp quan Đô Đốc Điều, trông coi ngũ đội, để chuyển các tù nhân sang nơi khác dễ dàng tiếp tế hơn. Quan đô đốc giao cho Đô Ủy Thiêng phụ trách. Ông cai đội Thiêng liền giao cho một tên lính dưới quyền tên là Tư, người Công Giáo, để dọn một phòng riêng cho Cha Đạt và để giáo dân tự do đến thăm người. Cha Đạt bị giam như thể gần hai tháng trời. Trong thời kỳ này người tiếp tục giúp bổn đạo, giải tội và khuyên bảo họ.

Một hôm có tên lính lấy cắp một trái chuối do giáo dân biếu Cha Đạt, cai đội liền phạt đánh đòn tên lính này thì Cha Đạt cản lại và nói: *“Tôi ăn hay người khác ăn thì cũng vậy, xin đừng đánh nữa”*.

Quan đội cũng thưa: *“Tôi đồng ý tháo gông cho cụ với điều kiện cụ không trốn đi”*.

Cha Đạt khoan dung đáp lời: *“Quan hãy làm như ý quan thích, phần tôi, tôi không bao giờ chạy trốn làm cho người khác phải tội thế chỗ của tôi”*.

Nhưng quan lại thay đổi ý không tháo gông cho người. Ngày 5-9 có tin là án xử đã được phê chuẩn. Cha Đạt tỏ ra vui mừng hơn mọi ngày. Một giáo dân tên là Thông Huy cúi xuống hôn chân người nhưng người không cho. Thấy Tang kể lại: *“Sau đó người nói với chúng tôi: ‘Cha chính Le Roy, trong một lá thư gửi cho cha, đã khuyến khích cha như bảo anh em hãy sẵn sàng dâng mạng sống mình cho Chúa Giêsu Kitô theo gương Cha Triệu. Nếu chúng ta chịu mọi ngược đãi đến chết thì mọi người sẽ coi chúng ta là những người tử đạo. Nhưng chúng ta có được phúc này hay không thì cha không biết, vì thánh ý của Chúa thật khác lạ với ý nghĩ của con người. Chính cha theo tính sợ hãi của con người cũng run sợ trước mặt các quan và binh lính’. Nhân tiện tôi hỏi người: ‘Thưa cha, bây giờ cha biết là mình sắp được chết, cha cho chúng con biết cha cảm thấy thế nào? Cha có sợ chết không?’ Người liền đáp: ‘Cha không sợ chết lúc này, nhưng đến giờ hành quyết giữa đám đông lính tráng cha không biết có giữ được bình tĩnh không, hay là sự sợ hãi có làm cho cha ngã té xuống đất không, cái*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

đó cha không biết'. Thế rồi người tâm sự với chúng tôi: 'Vì mô côì cha từ nhỏ, cha trải qua những ngày thơ ấu với mẹ và anh cả rất vất vả cực khổ. Cha vào được nhà Đức Chúa Trời cũng không dễ dàng gì. Ở nhà tràng cha phải vất vả lắm mới học nổi tiếng Latinh. Cũng vậy cha phải khổn khổ mới học xong lý đoán. Khi được thụ phong linh mục, thật là một vinh dự lớn cho cha nhưng cũng nhiều công việc chông chất. Và bây giờ công việc cuối cùng của cha là chịu chết vì Chúa Giêsu. Như thế đó, suốt đời của cha từ nhỏ đến ngày hôm nay có rất nhiều khổn khó và lao nhọc'. Sau đó người truyền lệnh cho chúng tôi, khi được tha về phải tìm cách gặp các linh mục khác để xin các đấng thận trọng giữ gìn hầu có thể giúp đỡ giáo dân. Trong tù, nhiều lần Cha Đạt bắt chúng tôi ngồi ăn với người nếu không người không bằng lòng. Một hôm có tên lính khuyên người: 'Thưa cụ, cụ còn trẻ lắm mà đã phải kết án chết sớm thật tiếc, nếu cụ muốn giữ mạng sống mình thì hãy vâng mệnh lệnh của vua mà chối bỏ đạo Công Giáo và chức vụ linh mục'. Cha Đạt đáp lại: 'Nếu vua thuận cho tôi sống, tôi rất biết ơn, mà nếu vua truyền lệnh cho tôi phải chết tôi cũng vẫn biết ơn hoàng thượng. Dầu thế nào thì tôi vẫn một mực giữ đức tin của tôi. Một tên khác nói với người: 'Xin cụ nhớ đến tôi khi cụ bước vào hạnh phúc đời đời. Cha Đạt đáp: 'Tôi chưa biết Thiên Chúa định liệu thế nào, nhưng tại sao anh lại xin với tôi điều này? Các thánh trên trời hưởng hạnh phúc lại không nghĩ đến chúng ta luôn sao?'"

Ngày 12-9 Âm Lịch, hội đồng cố vấn họp lại và ấn định ngày 20 sẽ thi hành án trảm quyết, đồng thời ra lệnh cho quan cũng như dân thuộc 12 huyện trong tỉnh Thanh Hoá kê khai những người Công Giáo, để bắt họ đến dự cuộc hành quyết của người. Từ ngày đó lương dân cũng như giáo dân Công Giáo búi ngùi đến viếng thăm người. Họ nói với nhau: "Linh mục này hãy còn thanh xuân, gương mặt hiền hòa trấn tĩnh, can đảm trỗi hơn cả những quan tướng thời danh trong triều, thật xứng đáng là thủ lãnh dân Công Giáo".

Với người Công Giáo, người e sợ họ không đủ can đảm trong ngày 20 sắp tới nên đã khuyên họ: "Được chịu khổ và chết vì Chúa Giêsu là một hạnh phúc nhất. Tất cả các dân tộc trên thế giới có rất đông người tử vì đạo. Nước Việt chúng ta cho tới nay chưa có là bao nhiêu. Cha ước mong là tất cả chúng con được vinh dự này, nhất là những người ở nhà Đức Chúa Trời và các bạn tù của cha. Ước chi chúng ta cùng được đổ máu ra một lượt trong sân đình của quan trấn ngày 20 tới, trước mặt các quan, các binh lính và đông đảo dân chúng để làm chứng rằng

LM. VŨ THÀNH

đạo Công Giáo là đạo chân thật. Chính Thiên Chúa sẽ làm cho các con mạnh mẽ, chính Người định cho các biến cố xảy ra. Chớ gì thánh ý Người được hoàn tất. Nếu trong ngày đó quan hoàng đệ và quan trấn có làm điều gì phạm tới đạo thánh của chúng ta, các con cứ để cha biện bạch thưa lại, đó là bổn phận của cha, cha không thể im lặng được. Phần chúng con, hãy khuyến khích nhau, nâng đỡ nhau để đừng ai yếu lòng sa ngã. Vì như thế sẽ sinh gương xấu cho những người khác”.

Ngày 16, Thầy Đoàn và Trác dàn xếp với lính canh cho phép Cha Đạt tới nhà một người Công Giáo tên là Cẩm để xưng tội với Cha Huấn. Chiều ngày 17 người gặp Cha Huấn, rồi sau đó đi chào quan đô đốc Điều và quan đô úy Thiêng xin họ nhân nhượng với các người bị giam giữ và tha phạt 50 đòn cho họ. Người nói với quan Đô Úy: “Ngày kết liễu đời tôi gần đến, tôi cảm ơn ngài đã tỏ ra đại độ với tôi và các giáo hữu. Tôi sẵn lòng vâng theo thánh ý Thiên Chúa, và ý của hoàng thượng đã phê án tử cho tôi. Tôi không sợ hãi cũng không lo lắng, tôi không kêu trách hay than phiền điều chi cả. Tôi chỉ xin ngài thương đối xử rộng rãi với các giáo hữu, bênh vực đạo Công Giáo để đời này quan được sung sướng và đời sau được hạnh phúc mãi mãi”.

“Trở về nhà giam”, Thầy Tang kể lại, “người nói với chúng tôi: ‘Bất cứ bằng cách nào chúng con có chết, cũng chỉ chết có một lần. Bởi vậy, các con thân yêu, hãy sẵn sàng để chết lành thánh. Nếu quan có đánh đập chúng con tàn bạo mà chết trước mặt cha, hoặc quan có giận dữ kết án cùng lúc với cha thì cha càng vui mừng lắm. Sau khi cha chết, các con hãy đãi các binh lính một bữa ăn vì họ đã coi sóc chúng ta nhiều ngày, và sau này nếu có người nào khác bị bắt thì họ đối xử nhân nhượng hơn’. Người còn nói là không phải đi chào ai nữa, có lẽ ngày mai chào quan hoàng đệ tại sân đình nữa thôi. Đoạn người dậy chúng tôi lay các binh lính với người. Binh lính vội vã xua tay phân phó: ‘Các quan lớn như quan đề đốc, đô úy còn không dám nhận bái lạy, nào chúng tôi dám’. Cha Đạt nói với họ: ‘Thưa các ông, trong nhiều ngày các ông dẫn chúng tôi đi đây đi đó, coi sóc chúng tôi ngày cũng như đêm thật vất vả. Chúng tôi sẽ kính mời các ông một bữa ăn để tỏ lòng biết ơn, các thầy giảng của tôi sẽ làm việc đó sau. Tôi xin các ông rộng tay với họ’. Các binh sĩ cũng đáp lời: ‘Thưa cụ, sau khi cụ chết rồi, có thức ăn nào làm chúng tôi ngon miệng nữa? Chúng tôi chỉ ăn ngon nếu như hoàng thượng trả tự do cho cụ’. Trong lúc bồi hồi có tên lính bật miệng trách mắng các quan: ‘Những người ấy thật là giống quỷ, không sẵn sóc dân chúng mà lại đi bắt bớ. Họ hành hạ những người tốt lành, những công

DÒNG MÁU ANH HÙNG

dân gương mẫu, mà lại để yên cho những người hại dân hại nước'. Liền đó người khuyên chúng tôi: 'Có lẽ Thiên Chúa muốn rằng chúng con còn sống lâu để lập nhiều công phúc. Chính vậy, các con thân yêu, hãy làm thật nhiều việc lành'.

Ngày 20 là ngày Chủ Nhật, Cha Đạt ăn lót dạ như thường lệ. Từ sáng sớm, quan hoàng đệ và quan trấn đã có mặt tại phủ đường, ra lệnh cho dẫn giáo dân và Cha Đạt tới. Người đứng bên phải sân đình, các thầy giảng đứng bên trái và giáo dân đứng ở giữa. Hoàng đệ cất tiếng nói: *"Lệnh của hoàng thượng truyền rằng đạo trưởng của các người phải chết, còn các người được trả tự do nhưng từ nay phải bỏ đạo ấy không được theo nữa".*

Lúc đó không ai dám nói điều gì. Đoạn lính tháo gông các tù nhân và cho phép họ theo chân Cha Đạt tới chỗ hành quyết. Sau đó quan hoàng đệ nói với Cha Đạt: *"Hoàng đế đã ra án tử cho cụ để trừng phạt tội đã theo và giảng dạy đạo Công Giáo, và cũng để làm gương cho giáo hữu sợ mà từ bỏ đạo ấy".*

Còn giáo dân, từ hôm có lệnh của quan trấn ngày 12, thì rất sợ hãi, nhưng bữa nay họ bạo dạn không còn sợ hãi nữa, đến rất đông đảo. Quan trấn mắng Cha Đạt: *"Vô phúc cho cụ Đạt đứng đầu bọn phản loạn. Sinh tại Bắc Việt tại sao lại theo đạo ngoại lai? Cơm gạo cụ ăn từ đâu mà có? Người rắp tâm thờ kính vua của người Bồ (ám chỉ đạo Công Giáo), vậy người đã tới nước Bồ Đào Nha chưa? Còn các người Công Giáo, hãy trở về nhà và thay đổi lối sống đi. Ta sẽ sai quan dò thám giữa các người. Nếu các người còn cứng đầu cứng cổ giữ đạo tà thần và đọc kinh, ta sẽ lấy đầu các người. Ta đã đốt sạch các kinh rồi các người lấy đâu mà học nữa? Nếu đạo này có uy lực gì sao không giải cứu các người khỏi nanh vuốt của ta?"*

Bấy giờ Cha Đạt mới lên tiếng thật lớn: *"Các giáo hữu, hãy suy nghĩ chín chắn trước khi trả lời, đừng có phản lại đạo thánh. Chúng ta là các tín hữu, chúng ta phải thờ kính một Thiên Chúa trên hết và thực hành các giới răn của Người. Sau đó chúng ta phải giữ các mệnh lệnh của vua nếu là những điều tốt và phải lễ, song những điều trái nghịch chúng ta không được vâng theo".*

Khoảng 9 giờ sáng, quan hoàng đệ ra lệnh cho đại đô đốc Điều đưa Cha Đạt tới chỗ hành quyết. Quan trấn ra khỏi công đường chừng 100 bước thì dừng lại, dàn đội lính thành hai hàng kèm hai bên chỗ

LM. VŨ THÀNH

Cha Đạt đang ngồi, rồi quan đô úy Thiêng ra lệnh cho các giáo hữu đi vào giữa hai hàng lính. Bỗng chốc họ la khóc, bái lạy Cha Đạt và hôn chân người bằng nước mắt. Riêng Cha Đạt vẫn giữ vẻ mặt bình thản vui tươi. Quan, binh lính và dân chúng tiến đi trong lặng lẽ. Lương dân đứng đây lối đi hai bên đường. Một người đứng gần đó nói: *“Tại sao cụ không ngẩng mặt lên để mọi người có thể xem thấy”*.

Cha Đạt ngẩng mặt lên, người đó lại nói tiếp: *“Ô, đạo gì mà lại dạy con cái bỏ cha mẹ? Thật đáng kiếp, xử tử là phải”*.

Cha Đạt quay sang nói với người này: *“Ông nói như vậy vì ông không biết đạo thánh của chúng tôi truyền dạy phải thảo kính cha mẹ hết lòng hết sức”*.

Quan trên ra lệnh cho dọn một bữa ăn cho vị tử đạo trong một căn nhà trên đường. Người ăn ngon lành. Quan ngạc nhiên nói: *“Thật lạ lùng, vị đạo trưởng này lòng vững chắc như thạch đồng”*.

Khoảng một giờ, đại đô đốc Điều cỡi lên mình voi, 4 cai đội cỡi ngựa và hơn 100 quân lính đi thành hai hàng với gươm giáo sẵn sàng. Ra khỏi thành họ đến một khu chợ, quan ra lệnh cho quân lính đi ra hai phía, để khoảng trống trước mặt Cha Đạt cho giáo dân đến chào, nhưng cấm lương dân tiến vào. Sau đó họ tiếp tục đi khoảng 100 bước tới sông Triêng. Quan thổi kèn ra hiệu cho các thuyền chở giáo dân qua sông trước rồi đến các quan, binh lính và dân chúng. Vừa qua sông thì trời nổi cơn giông, mưa tuôn xối xả, đoàn người phải dừng lại khoảng nửa tiếng trời mới tạnh. Họ tiếp tục đi vào xứ Công Giáo Trinh Hạ. Tới nơi quân lính dàn thành một vòng tròn bao quanh khoảng trống, ở giữa trải một chiếc chiếu dành cho Cha Đạt. Họ tháo gông và ra hiệu cho người ngồi xuống. Quan ra hiệu cho phép giáo dân vào trong bái chào người lần cuối cùng. Họ tuốt vào khóc lóc và hôn chân hôn tay người. Người vẫn giữ nét mặt bình thản. Y sĩ Huyền Trang sợ giáo dân khóc lóc thảm thiết làm người động lòng liền khoa tay cho mọi người rút lui. Họ đưa cho người ít thức ăn, nhưng người chỉ ăn hai múi cam rồi xin quan vài phút dọn lòng. Quan không hiểu là gì nên một thầy giải thích: *“Thầy của chúng tôi muốn chuẩn bị tâm hồn trước khi chịu chết vì đạo thánh”*.

Quan ưng thuận cho người vài phút. Lúc bảy giờ là một giờ trưa, Cha Đạt quay về hướng nhà thờ làng Trinh Hạ ngồi ngay ngắn, hai tay chấp trước ngực, mắt nhắm lại đọc kinh cầu nguyện. Các thầy lui ra

DÒNG MÁU ANH HÙNG

sau ba bước, chào các quan và chờ khi nào Cha Đạt đã sẵn sàng, mới ra hiệu cho lý hình thi hành phận sự. Y sĩ Huyền Trang kể lại: *“Khi tôi quay lại đã thấy đầu người rơi xuống đất, máu phun thành dòng, thân người ngã ra phía sau, tay vẫn chắp trước ngực”*.

Quan lập tức nói với giáo dân: *“Ta cho phép các người Công Giáo mang xác cụ về an táng”*.

Nói xong quan cỡi voi trở về kinh thành. Lúc ấy các giáo dân gào thét thảm thương, nước mắt dàn dụa, ào đến thi thể người. Người thì lấy khăn thấm máu, có người uống luôn, có người đào lấy chỗ đất có thấm máu vị anh hùng tử đạo. Chỉ còn lại ba tên lính đang thu dọn các gông cọc để mang về. Giáo dân đưa xác người xuống thuyền đem về an táng trọng thể. Ban đầu xác người được chôn cất tại nhà thờ Phúc Nhạc, sau lại sợ dân chúng lấy mất nên giao cho cho một nhà tu giữ xác người trên gác.

Đức Giám Mục Longer, coi sóc giáo phận Tây Đàng Ngoài, đã ra lệnh tìm nhân chứng tường thuật lại cuộc tử đạo của Cha Đạt. Có ba bài tường thuật đầy đủ. Một bài của y sĩ Huyền Trang, một bài của Thầy Tang cùng bị giam tù với người, và một của Thầy Benoit Huy. Ngoài ra còn có nhiều nhân chứng kể lại các phép lạ người làm. Ông Phêrô Vũ Văn Thang có kể lại một phép lạ như sau: *“Thằng Đam, con ông Thanh và cháu của tôi, mắc chứng bệnh đau bụng khủng khiếp không thuốc nào chữa được. Tôi liền đi đến mộ Cha Đạt đọc 5 Kinh Lạy Cha và 5 Kinh Kính Mừng, rồi nhỏ vài ngọn cỏ trên mộ người đem về nấu nước cho nó uống. Vừa uống xong nó hết đau bụng ngay”*. Một nhân chứng khác còn thêm rằng: *“Tất cả nhà tôi đều tin chắc rằng thằng Đam được chữa khỏi là do lời bầu cử của Cha Đạt”*.

Cha Đạt đã được Đức Thánh Cha Leo XIII tôn lên hàng chân phước ngày 7-5-1900 cùng với 63 vị anh hùng tử đạo của ba giáo phận Việt Nam bấy giờ: giáo phận Đông Đàng Ngoài, giáo phận Tây Đàng Ngoài và giáo phận Tây Đàng Trong.

5. Cuộc bắt đạo tại các trấn dưới quyền Khâm Sai Bắc Việt

Từ Thanh Hóa ngoại trở đi thuộc quyền Khâm Sai Bắc Việt tại Thăng Long. Quan khâm Sai là người đức độ, khi nhận được sắc lệnh bắt đạo, ông đã gửi cho các quan trấn nhưng đồng thời gửi một lệnh riêng cấm các quan trấn không được công bố và thi hành sắc lệnh.

LM. VŨ THÀNH

Quan Khâm Sai cũng viết một bản điều trần gửi về Kinh Đô Phú Xuân, biện bạch rằng người Công Giáo không hề phạm tội ác nào để bắt bớ, hơn nữa bách hại người Công Giáo là một điều bất lợi cho quốc gia. Tháng 10-1798, quan Khâm Sai bị bắt ép phải công bố sắc lệnh cấm đạo. Nhưng cuộc bắt đạo chỉ thực sự bắt đầu từ tháng 2-1799 khi quan Khâm Sai đức độ đó được gọi về để chống với quân của Nguyễn Ánh. Quan Khâm Sai mới liền ra lệnh cho các quan trấn lũng bắt các linh mục, nếu bắt được các thầy giảng thì chỉ đánh đòn họ rồi tha về và cấm không cho giảng đạo nữa, nhưng cấm các quan trấn không được xâm nhập nhà cửa và tịch thu tài sản của giáo dân. Các quan trấn phải sai người đi dò xét các nơi để tìm ra nơi trú ẩn của các linh mục, người nào tố giác sẽ được trọng thưởng, phải tháo dỡ các nhà thờ đem về xử dụng vào việc quốc gia. Các xã trưởng phải khai báo sổ các gia đình Công Giáo, các nhà thờ, nhà chung trong địa sở. Các giáo hữu phải nộp đồ đạo. Lệnh bắt đạo của quan Khâm Sai đã được chính các quan trấn đốc xuất. Việc khai sổ gia đình Công Giáo và nhà thờ trở nên một dịp làm tiền của các quan. Có nơi bị làm tiền hai ba lần, hết quan lớn đến quan nhỏ, rút cục nhà thờ vẫn bị tháo dỡ.

Tại Thanh Hóa ngoại vào ngày lễ các Thánh, quan trấn sai 100 binh sĩ vào các làng Công Giáo lùng bắt các vị thừa sai. Thực ra Cha Le Roy đã trốn sang địa phận Đông với Cha Langlois, chỉ còn lại một cha Việt đang lén lút giúp giáo dân tại đây. Quân lính lục soát mọi nhà nhưng chỉ bắt được một thầy giảng đang ốm không ẩn trốn kịp. Thầy bị đánh ít roi rồi được thả về. Các quan công khai đòi tiền giáo dân nếu họ muốn giữ nhà thờ. Bị bóc lột hai lần rồi, nên giáo dân nói thẳng với quan là cứ việc dỡ nhà thờ. Nhưng quan lại nói: *“Không phải chúng tôi muốn lấy gỗ nhưng là lấy tiền”*. Trước kia giáo dân đã phải làm tờ giao ước với người lương đóng góp một số tiền lớn để cho họ được yên ổn giữ đạo, và khỏi phải tham dự vào việc cúng tế các thần. Giao ước được quan án chứng nhận đăng hoàng, nhưng khi có lệnh bắt đạo, người lương lại lợi dụng cơ hội cưỡng bách người Công Giáo. Một số đông phải bỏ nhà cửa để sống trong rừng hoặc sang ở một làng đông người Công Giáo. Tất cả 6 huyện trong tỉnh không còn một nhà thờ hay nhà chung nào nữa.

Tại Xứ Đoài, quan trấn để mặc cho các quan phủ và huyện tự do bắt đạo. Nhiều giáo dân bị gọi đến nha quan tra khảo chỗ ở của các linh mục và phải ký giấy xuất giáo. Phần đông đã anh dũng từ chối. Một

DÒNG MÁU ANH HÙNG

giáo dân đã khẳng khái nói: “*Có kẻ gươm vào cổ tôi cũng không ký giấy xuất giáo*”.

Một người khác nói: “*Làm sao các ông có thể bắt tôi bỏ đạo được, đạo đã ăn sâu trong tâm khảm tôi. Các ông có mổ bụng tôi ra thì đạo vẫn còn trong tôi*”.

Nhờ những lời cứng rắn như thế mà các quan chùn bước không dám làm gì hơn. Thấy một người giáo dân bị đánh 50 roi, người bạn chối đạo dụ dỗ: “*Ông ngu dại chịu cực vì người khác như vậy làm gì? Nếu chịu đánh để giữ của cải của mình cũng đáng, chú chịu đòn để giữ các vật dụng của họ đạo được ích gì?*”

Người giáo dân can đảm bị thêm 50 roi nữa vẫn không chịu cung khai.

Vào dịp lễ Giáng Sinh năm 1801, Cha Lepavec bị một đám lương dân mang vũ khí tới vây chỗ người ở, bắt trói và đánh đập người. Khoảng ba tiếng sau, người Công Giáo hay tin cũng mang vũ khí tới giải cứu người. Quan đem lính đến vừa khiển trách lương dân vừa thâu của giáo dân một số tiền khổng lồ.

Giáo dân Xứ Đoài thật dũng cảm. Tại một họ đạo nọ, quan đến đe dọa bắt ép họ bỏ đạo nhưng tất cả vẫn trung kiên, kể cả các em nhỏ cũng can đảm đồng thanh hô to lên rằng: “*Vạn tuế Chúa Giêsu! Chúng tôi sẵn sàng chết vì Người*”.

Một bà già 60 tuổi đứng lên thưa với quan: “*Các ông muốn làm gì chúng tôi? Chúng tôi có 52 người Công Giáo, các ông có giết đến người thứ 51, người cuối cùng vẫn không sợ. Các ông sẽ chẳng bao giờ ép chúng tôi bỏ đạo thánh được*”.

Tại một làng khác, lương dân bắt giáo dân bỏ đạo, một cô thiếu nữ đã mạnh dạn nói: “*Vua chỉ biết lạm dụng quyền hành trong tay để bắt đạo Đức Chúa Trời, là Đấng đã ban chính sự sống và quyền hành cho vua, nhưng các sắc lệnh cấm đạo không bao giờ làm cho chúng tôi bỏ đạo của Đấng đã tạc dựng nên trời đất, và Con của Người là Chúa Giêsu đã chịu khổ để giải thoát chúng ta khỏi nô lệ cho ma quỷ. Quý vị nên biết rằng chúng ta không có gì đáng quý hơn là linh hồn. Nếu làng không cho chúng tôi giữ đạo, chúng tôi sẵn sàng bỏ mọi của cải đi đến nơi nào chúng tôi có thể giữ đạo được*”.

LM. VŨ THÀNH

Lần khác quan đến hạch sách một bà cụ đang đọc kinh với các con, bà đã khẳng khái nói: *“Tôi tin rằng các quan và hoàng đế đã mất lương tri rồi, vì nếu có lương tri một chút thì đã không cấm đoán một tôn giáo dạy thờ Chúa Trời Đất, một đạo dạy tôn kính cha mẹ, vua quan và tất cả các bề trên, một đạo khích lệ yêu thương các người khác như chính mình và cầu nguyện cho cả kẻ thù của mình, lấy ân lành đáp trả sự dữ.”*

CHƯƠNG 3

Máu Tử Đạo Dưới Thời Trịnh Sâm (1767-1782)

Khi Trịnh Sâm lên ngôi chúa miền Bắc, trong Nam có ba anh em Tây Sơn nổi lên chống Trương Phước Loan. Trước đây Trịnh Sâm đã từng dẹp loạn ở Hưng Hóa nên lợi dụng thời cơ xua quân vào chiếm đất trong Nam năm 1777, đặt quan cai trị được 10 năm. Anh em Tây Sơn hùng mạnh dứt nhà Nguyễn và thừa thắng ra Bắc.

Ban đầu cuộc bách hại đạo vẫn tiếp tục, tuy nhiên các cha vẫn có thể tổ chức giáo đoàn. Tại địa phận Đông, Tòa Thánh đã gọi các cha Dòng Augustino về và ít lâu sau lại có lệnh giải tán Dòng Tên. Ngoài những chia rẽ nội bộ và tranh luận về lễ nghi giữa hai địa phận, hai địa phận vẫn phát triển cơ sở.

1. Cuộc xưng đạo và tử đạo của Linh Mục Giaxinhô Castanhê-da (bắt ngày 11-7-1773 và tử đạo ngày 7-11-1773)

Thánh Giaxinhô Castanhêda sinh ngày 13-1-1743 tại Valencia bên Tây Ban Nha, trong một gia đình đạo hạnh có 5 anh em, ba người dâng mình cho Chúa. Ngay từ nhỏ, cậu Giaxinhô thích bắt chước việc các cha làm lễ và giảng khuyên bạn bè. Một hôm Cha Ferrandiz thuộc Dòng Đa Minh đến thăm gia đình và đã nói câu tiên báo này về cậu: *“Hãy sẵn sóc đứa trẻ này cẩn thận vì nó sẽ làm rạng danh cho Dòng Đa Minh”*.

Trong thời gian học trung học, cậu viết thư xin vào tu viện Đa Minh ở Javita. Ngày 13-12-1756 cậu được nhận vào tu viện lúc cậu mới 14 tuổi. Theo luật của công đồng Trentô cậu phải chờ đến năm 17 tuổi mới được khấn. Cậu trau dồi thêm về tu đức. Năm 1761 tỉnh Dòng Đa Minh tại Phi Luật Tân tuyển mộ người truyền giáo, cậu hăng hái gia nhập và khởi hành với ba bạn khác. Trong thời gian này cậu lo lắng về mẹ già, sợ mẹ buồn nên cậu viết thư cho người anh báo tin Chúa muốn mình đi xa truyền giáo và yêu cầu anh lo lắng cho mẹ thay mình. Đoàn truyền giáo tới Manila tháng 6-1763. Sau hai năm chuẩn bị, Thầy Giaxinhô được thụ phong Linh Mục ngày 2-6-1765. Cha Giaxinhô được bề trên chỉ định đi truyền giáo tại Trung Hoa. Tháng 10 năm đó cha đến Phúc Kiến vừa học tiếng Việt vừa lén lút

LM. VŨ THÀNH

truyền đạo, vì lúc đó đang bắt đạo dữ dội. Ngày 19-6-1769 lúc cha đi giúp kẻ liệt thì bị bắt, giam tù, và sau đó bị trục xuất về Macao.

Có lẽ ý Chúa muốn cho cha được phúc tử đạo tại Bắc Việt khi bề trên sai cha sang đây, nên cha trở lại ngày 22-1-1770, và được đưa tới nhà Đức Chúa Trời tại Trung Linh để học tiếng Việt, và được đặt tên là Gia lấy từ chữ Giaxinhhta, tên thánh của người. Sau 6 tháng chăm chỉ học tiếng Việt, cha được chỉ định coi sóc 14.000 giáo dân trong 60 họ tại Phú Thái với hai cha Việt. Trong ba năm làm việc cha không kể chi những khó khăn của thời tiết, tận tình giúp giáo dân, nhất là đưa những người chối đạo trở về. Nguồn sức mạnh duy nhất của cha là cầu nguyện trước Thánh Thể, lần hạt và suy ngắm. Hai lần cha trốn thoát được khỏi tay kẻ cướp và lính bắt đạo tại Kẻ Chiêm và Bác Trạch. Người chứng trước tòa án điều tra nói: *“Cha rất có lòng thương người nghèo và tha thiết cứu linh hồn người khác”*.

Ngày 11-7-1773 cha được mời đi giúp kẻ liệt tại làng Kẻ Hoi. Lúc đó cha cũng đang ốm yếu nhưng đã hăng hái lên đường. Trên đường đi, một tướng cướp tên là Lê Đo theo sát để bắt. Cha và người giáo dân tên Tân bỏ thuyền chạy vào làng Kẻ Gia, một làng hoàn toàn bên lương. Một bà nhận cho cha ẩn trốn với giá 15 nén bạc. Đến khi chồng bà về nhà, sợ bị liên lụy, bà liền đi tố giác với tên Lê Đo. Cha bị đấm đá và đè xuống trời lại đem về nhà tên cướp. Tại đây hẳn xỉ nhục người không tiếc lời và hành hạ dữ tợn để chờ giáo dân mang tiền đến chuộc. Cha bị bỏ đói trong phòng tối hai ngày không được ăn uống, có lúc cha ngất xỉu không biết gì nữa. Khi được ăn chút cháo, cha tỉnh lại và nhả với cha bề trên dòng dưng bỏ nhiều tiền chuộc làm gì.

Không được như ý, Lê Đo báo cho quan Trung Hiền huyện Kẻ Bích biết là đã bắt được đạo trưởng. Quan cho lính đến giải về huyện và giam 20 ngày. Ngày 5-8 cha bị nhốt vào cũi tre đem ra phơi nắng trước đám đông để người qua kẻ lại xỉ vả. Thấy có đám đông, Cha Gia biến cũi tre thành tòa giảng đạo. Có một nhóm học trò thông chữ đến tranh luận với cha. Một số công nhận đạo lý Cha Gia giảng rất hay, nhưng lại nói đạo này bị vua chúa cấm nên không tin theo. Quan huyện còn hành hạ cha để mong số tiền ketch xù của giáo dân. Một người con của quan đến chửi rủa thì bị ngã vật ngay dưới đất. Còn chính quan đã đề nghị với Cha Gia: *“Nếu ông muốn tự do, hãy nói giáo dân mang đến cho tôi 500 quan tiền”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cha Gia đáp: “*Giá chuộc tôi một đồng tiền đồ cũng không được. Nếu ông muốn trả tự do cho tôi thì hãy làm đi, còn nếu muốn giải tôi về kinh cho vua thì tôi sẵn sàng chịu chém hay bất cứ cực hình nào khác*”.

Trong hai tháng trời cha bị giam giữ tại Kê Bích, không những thân xác cha bị hành hạ mà tinh thần cha cũng phải trải qua thời kỳ đen tối khô khan trong lời cầu nguyện, lo lắng và bối rối. Người viết cho Cha Lavilla ngày 16-9-1773 như sau: “*Cha nghe biết những nỗi khổ của tôi trong lao tù, từ ngày 5-8, tôi bị giam trong cũi chật hẹp đợi ngày giải về kinh. Tôi tin tưởng cha là bạn thân để có thể nói lời tâm sự. Linh hồn tôi cảm thấy sầu khổ vô vàn, tối tăm, khô khăng. Qui ma những quấy rối sự bình an trong tâm hồn tôi bằng những buồn phiền và chán ngán. Nhưng chớ gì danh Chúa được chúc tụng. Hơn lúc nào hết tôi cần ơn phù trợ thiêng liêng của Chúa. Mỗi hành động giục lòng mến Chúa đủ làm cho tôi có sức mạnh chế ngự cơn bão táp. Thưa bạn, bây giờ tôi tràn ngập niềm vui về số phận tôi được và tôi khiêm tốn nài xin Chúa hoàn tất công việc Chúa đã khởi sự nơi tôi. Để tội lỗi tôi không làm cản trở lòng nhân lành Chúa, tôi xin bạn cầu nguyện cho tôi, dâng các hy sinh để Chúa ban ơn xá giải mọi lỗi lầm và trái tim tôi được thanh tẩy để có thể trở nên của lễ làm vinh danh Chúa. Amen!*”

Ngày 2-10 một cũi khác được mang đến quan huyện trong đó là Cha Vinh Sơn Liêm, người bạn cùng dòng. Thật an ủi và khích lệ cho Cha Gia trong lúc tâm hồn phải chiến đấu với bao nhiêu thử thách. Ngày 16-10, hai cha bị dẫn giải về phủ với nhiều binh lính hộ vệ. Quan huyện nghĩ là mình sẽ được thưởng vì có công bắt được đạo trưởng, nhưng khi vừa tới quan phủ đã bị quan lớn Tàn Cán lạnh lùng, trút hết trách nhiệm lên đầu. Quan lớn nói: “*Ông hãy giam giữ tại nhà riêng của ông và phải canh chừng, nhưng hãy đem họ ra khỏi cũi. Tôi cũng không muốn họ phải mang xích. Ông nghĩ rằng bắt bỏ hai đạo trưởng đầy nhân đức của đạo sẽ tiêu diệt được đạo Công Giáo hay sao?*”

Tại kinh đô có nhiều giáo dân đến thăm viếng các đấng và cả lương dân nữa. Các cha lợi dụng cơ hội để giảng đạo. Quan huyện rất bức vì thấy dân chúng đến nghe giảng thì mắng họ: “*Các người không biết rằng đạo đã bị vua cấm sao? Hãy xem cảnh khốn khổ các đạo trưởng đang phải chịu. Nếu các người trở thành tín đồ Công giáo, các người cũng phải chịu cùng một số phận ấy*”.

LM. VŨ THÀNH

Một người đứng đó liền nói lại: “Năm rồi Trời đã phạt chúng ta vì các quan bắt bỏ đạo Thiên Chúa. Chúng ta vẫn còn nhớ rõ mỗi khi các đạo trưởng bị xử tử thì hết đói khát đến dịch tễ và muôn nghìn những khổn khó khác giáng trên đầu chúng ta. Vụ mùa trước đã mất, vụ này chưa có thể gieo lúa làm sao tháng 10 tới có thể gặt? Tai nạn khác sẽ đổ ập trên chúng ta nếu không chấm dứt việc bắt bỏ Kitô giáo”.

Túc giám, quan huyện tự mình dẫn giải tù nhân lên kinh đô nộp cho Chúa Trịnh. Trên cũi ông cho viết bảng chữ: “Đạo Trưởng đạo Hoa Lang”. Chúa Trịnh ra lệnh giam các đấng trong tù. Ít ngày sau, một ông sư và một thầy đồ nho được đem đến đối chất với hai cha. Đây là ý muốn của bà Thượng Trâm, quê ở Cảnh Viên thuộc Hải Dương, là mẹ của hoàng tử Sáu, chú của Trịnh Sâm, muốn cho con có dịp nhận ra đạo thật. Tại nhà hoàng tử hôm ấy có hai cha, thầy đồ nho, thầy cúng và nhà sư. Các vị tranh luận với nhau đạo nào là đạo thật. Không phải vì bị cấm mà đạo Công Giáo không phải là đạo thật. Cuộc tranh cãi xoay quanh ba đề tài chính: con người từ đâu mà đến, tại trần gian con người là gì, và sau cùng con người sống để làm gì và khi chết sẽ đi về đâu? Nội dung cuộc tranh luận hy hữu này được chép lại trong cuốn sách, tựa đề là *Hội Đồng Tứ Giáo Danh Sư*.

Ngay khi mới tới kinh đô Cha Gia còn được vua Cảnh Hưng hỏi han riêng vì ông muốn xem mặt mũi một người ngoại quốc. Vua hỏi: “Tại sao người đến nước này?”

Cha Gia đáp: “Tôi đến giảng dạy về đạo Đức Chúa Trời để ai tin nhận thì được hưởng hạnh phúc trên trời sau khi chết”. “Không tốt hơn là người giảng đạo tại nước của người sao?” - “Nước của tôi từ vua cho đến dân hết thầy đã tin theo từ nhiều thế kỷ, không cần phải giảng đạo nữa. Vì thế chúng tôi các đạo trưởng phải bỏ quê quán đi khắp nơi để giảng đạo và như thế mới đáng công hơn ở trong nước”.

Ngoài việc tranh luận lẽ đạo, Chúa Trịnh còn bắt các cha mặc áo lễ để làm các việc thờ phượng cho ông xem. Hai cha qui gối trước thánh giá đọc kinh Lạy Cha, Tin Kính và kinh Ăn Năn Tội bằng tiếng Việt, rồi quay qua tượng Đức Mẹ đọc kinh Lạy Nữ Vương. Chúa Trịnh liền ngắt lời hỏi Cha Gia: “Vua của nước ông như thế nào? Khi ra khỏi đền đài có cấm quạt không? Có được che lọng không? Được ngồi trên kiệu hay phải đi bộ? Ta nghe nói vua Bồ Đào Nha có bốn tấm bằng thủy tinh có đúng không?”

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cha Gia không biết phải trả lời ra sao trước những câu hỏi ngỡ ngàng này.

Sau đó hai cha được đưa về ngục. Quan huyện thấy mất công vô ích thì xúi hoạn quan làm tờ biểu vu khống cho hai cha là những người âm mưu phản nghịch. Chúa Trịnh giao cho các quan nghị án. Bốn ngày sau các quan đề nghị chém đầu vì là đạo trưởng của đạo Hoa Lang. Nghe tin về bản án, Cha Gia xin một vị linh mục đến giải tội, sau đó Cha Vinh Sơn Liêm xưng tội với người bằng tiếng Latinh.

Ngày 7-11-1773 hai cha bị nhốt vào cũi và xích lại đem ra phủ chúa trước khi đến pháp trường. Một bà tên là Giaxinhtra Tre làm chứng: *“Hôm đó tôi chạy đến gần Cha Gia xem cha có cần gì không. Cha Gia nói là khát nước nên tôi chạy đi mua hai cốc nước. Lúc cầm về thì tên lính cản lại, bắt tôi uống hết, vì nghi là tôi bỏ thuốc độc vào. Tôi uống một chút rồi lính canh cho tôi vào. Tôi trông thấy hai cha mặt rất tươi vui. Lúc ấy cũng có hai tù phạm cùng bị đem ra hành quyết, nét mặt họ nhợt nhạt vì sợ hãi. Một người đã nguyện rửa hai cha, vì các đấng mà họ bị xử sớm hơn”*.

Vào khoảng giữa trưa các đấng đến pháp trường Đông Mơ. Lính mở cũi và tháo xiềng cho hai cha, các đấng liền ban phép lành cho nhau, rồi cởi áo tặng người khác. Hai cha bị trói vào cọc, tóc búi lên cao để chìa cổ ra cho lý hình chém. Quan giám sát ra hiệu, lính vung gươm chém xuống. Nhất thứ nhất đầu Cha Liêm rơi xuống đất. Đầu Cha Gia hứng chịu ba nhát gươm mới lia khỏi cổ rơi xuống đất. Giáo dân thấm máu để lưu giữ.

Ngay sau vụ hành quyết có lệnh cấm đạo được công bố, nên giáo dân vội vàng chôn cất hai cha tại Trung Linh. Xác các đấng được mở ra khám nghiệm hai lần: Năm 1818 và 1903 khi làm hồ sơ phong Á Thánh cho các đấng. Đức Giáo Hoàng Piô thứ X tôn phong các đấng lên hàng Chân Phúc ngày 15-4-1906.

2. Cuộc xưng đạo và tử đạo của Linh Mục Vinh Sơn Lê Quang Liêm, Dòng Đa Minh, bị bắt ngày 1-10-1773 và tử đạo ngày 7-11-1773

Thánh Vinh Sơn Liêm sinh tại họ Thôn Đông, làng Trà Lũ, huyện Phú Nhai, tỉnh Nam Định, con ông Antônio và bà Monica Thiểu Đào. Khi người mới sinh ra vì ốm yếu, mẹ người đã rửa tội và đặt tên

LM. VŨ THÀNH

thánh cho người là Vinh Sơn. Năm 12 tuổi cậu học tiếng Latinh và chữ Hán. Nhận thấy cậu có tư chất thông minh cha Chính Huy gửi cậu sang du học tại trường Thánh Gioan Latêranô ở Manila khi cậu được 16 tuổi. Sau 5 năm học và luyện tập tu đức cậu xin nhập Dòng Đa Minh và được mặc áo dòng ngày 8-9-1753. Một năm sau thầy Liêm cùng với ba thầy Việt Nam khác được tuyên khấn trọng thể. Tiếp tục học thần học 4 năm, thầy được thụ phong linh mục ngày 3-10-1758. Ngay sau đó Cha Liêm trở về làm việc cho giáo dân Việt Nam, sau 10 năm xa cách.

Trong 14 năm làm việc tông đồ, Cha Liêm lần lượt phụ trách Phú Thái, Quất Lâm, Trung Lao, Lục Thủy Thượng, Trung Lê, Trung Linh, Trung Lao, Kẻ Mết... Tuy không có lệnh lùng bắt các thừa sai, cha Liêm cũng chỉ đi thăm các giáo dân và ban bí tích cho họ vào ban đêm. Thấy Giuse Bình làm chứng như sau: *“Trong nhiều năm theo giúp Cha Liêm đi làm phúc, từ khoảng lễ Thánh Đa Minh cho đến mùa Vọng, và từ lễ Tro cho đến lễ Chúa Ba Ngôi, tôi thấy Cha Liêm liên li ngôi tòa giải tội, có khi suốt đêm. Người khuyên giảng người có đạo cũng như lương dân về đạo thánh Chúa. Nếu có bất hòa, người làm mọi cách để lấy lại hòa thuận và bác ái với nhau. Khi được mời đi kẻ liệt người đi ngay. Người còn ân cần chỉ bảo các người giúp việc. Người rất nổi tiếng về lòng thương kẻ nghèo và lòng bác ái, xin người giấu để cho người nghèo”*.

Ngày 1-10-1773 Cha Liêm rời Thanh Lan để mừng lễ Thánh Đa Minh tại Lương Đống cùng với hai chú Mathêu và Giuse Bình, cha bị phát giác và bị tố cáo với tên Diên Can, cũng là người đã bắt Cha Gia trước đây. Đang đêm Diên Can họp gia nhân bạn bè đến làng Lương Đống. Tảng sáng họ vào nhà ông Nhiêu Nhuệ, nơi Cha Liêm trú qua đêm. Cha không kịp cất giấu đồ làm lễ nên bị bắt ngay tại chỗ. Cha còn bị vết thương ở đầu, máu me chảy đầm đìa. Hai chú cũng bị bắt như vậy. Chúng còn đem cha Liêm và hai chú đến làng bên cạnh đang có phiên chợ để người lương ném bùn xỉ vả. Cha Liêm khát nước họ cũng không cho uống. Chiều hôm đó họ dừng tại làng Dầu Hoi và sáng hôm sau nhốt tất cả vào cũi giải lên quan huyện. Ngày 14-10 Cha Liêm cùng với cha Gia và các người nhà bị bắt được giải lên Nam Định và 4 ngày sau các đấng lại bị đưa lên Kinh Đô.

Trong một lần điều tra, Chúa Trịnh nói riêng với Cha Liêm: *“Người ngoại quốc kia (tức là Cha Gia) đến xứ chúng ta giảng dạy đạo đã bị*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

cấm vì không biết, còn người là người Annam, sinh tại nước này, sao người dám phạm luật mà người đã biết rất rõ?”

Cha Liêm đáp lại: *“Tâu chúa thượng, không phải là tôi không biết luật pháp quốc gia, nhưng vì tôi là một tín hữu Kitô tử thuở bé. Chính Đức Chúa Trời mới là người tôi phải vâng lời trên hết. Thiên Chúa đã ban cho tôi bao nhiêu ơn lành và đã gọi tôi làm đạo trưởng rao giảng đạo thánh. Không những tôi tin chắc chắn, mà tôi cũng không làm gì lầm lỗi khi rao giảng đạo cho những người đồng hương còn chưa được biết đến. Vì thế tôi sẵn sàng tiếp tục và đó là nguyện vọng duy nhất của tôi”.*

Nghe như vậy Chúa Trịnh nói với các quan: *“Lẽ đương nhiên người ngoại quốc phải chém đầu, còn người An Nam vì bị dụ dỗ có thể chỉ kết án tù chung thân”.*

Nghe vậy Cha Liêm liền thưa lại: *“Nếu chúa thượng kết án người bạn đồng hành của tôi thì cũng phải kết án cả tôi nữa, bởi vì tôi cũng có lỗi như người kia. Còn nếu chúa thượng để tôi sống thì cũng phải nhân nhượng với người kia vì cũng vô tội như tôi vậy. Tôi xin được đối xử đồng đều. Người kia là đạo trưởng, tôi cũng là đạo trưởng, người kia giảng đạo tôi cũng thế. Mọi cái người kia làm tôi cũng làm. Chúa thượng nói người kia là ngoại nhân vi phạm luật lệ quốc gia còn tôi là người trong nước đã cả gan bất tuân... Vì thế tôi có tội hơn người kia. Bởi vậy chúa thượng không thấy là tôi cũng phải chịu hình phạt như vậy sao?”*

Dưới áp lực của thân mẫu, của quan huyện và đám hoạn quan, Chúa Trịnh và hội đồng đã kết án hai cha phải xử tử. Trong buổi đọc án, ông Phaolô, một nhân chứng, quả quyết là đã nghe người lương dân nói như sau: *“Tại sao Chúa Trời đất không giải cứu các đấng để chúng ta tin theo?”*

Người khác cũng bị xử là hai cha con, một người đã nguyên rủa: *“Chính vì tại hai ông đạo trưởng mà chúng tôi cũng bị xử tử sớm như vậy”.* Riêng hai chú theo Cha Liêm thì bị kết án lao dịch coi chuồng voi suốt đời, nếu không đem tiền chuộc tội. Quan huyện được thăng thưởng, Diên Can cũng được khen thưởng xứng công. Cha Liêm và Cha Gia bị xử tử tại pháp trường Đồng Mơ. Một người chứng nói rằng, hôm xử các đấng giáo dân đến đông như kiến vậy, họ ập vào thấm máu các vị tử đạo bất kể bốn hàng lính canh và đánh đập do quan ra lệnh. Thấy già Phaolô Châu nói: *“Tôi cảm được chiếc đầu của*

LM. VŨ THÀNH

Cha Gia, nhưng ngay lúc đó 3, 4 người khác xô tôi xuống đất, tôi lại cầm được đầu của cha Liêm và mang ra ngoài”.

Bà Ursula quả quyết rằng con gái bà là Luxia đã lấy được tràng hạt của cha Gia và một mảnh áo, nó về nhà người nhuộm đầy máu. Tám người thanh niên Công Giáo được ngầm chỉ định hôm trước đã bảo vệ xác các đấng bỏ vào vồng đem đi. Lúc ấy trời đổ mưa dữ dội. Họ lội, mang thi thể các đấng về làng Kê Sắt, đem xuống thuyền đưa về chôn cất tại Trung Linh. Một trong 8 người thanh niên lấy xác đi, sau này đã bị nhận diện nên bị bắt giam tù một năm, đồng thời phải nộp một số tiền phạt khá lớn. Cha Vinh Sơn Liêm cùng với Cha Gia đã được Đức Giáo Hoàng Pio thứ X phong Á Thánh ngày 15-4-1906.

3. Sắc lệnh cấm đạo ngày 14-11-1773

Sau khi hành quyết Cha Gia và Cha Liêm, Trịnh Sâm cho công bố một sắc lệnh bắt đạo thật dữ tợn. Nội dung như sau: *“Hội đồng tòa án công bố sắc lệnh của hoàng thượng cho các quan khắp nơi trong nước được biết để triệt để tuân hành. Khắp nơi tà đạo dùng lời nói lừa gạt nghịch lại với luật lệ và thói tục quốc gia nên cần phải nghiêm cấm. Tà đạo ấy là đạo Hoa Lang, giảng dạy những điều kỳ quái và nói về các tội xấu cũng như nhân đức làm cho người nghe cảm động vì những lời nói dối trá ấy. Những người theo tà đạo không những hủy hoại luật lệ mà còn xúc phạm đến cả đạo lý quốc gia nữa. Từ lâu đời đã có nhiều sắc lệnh cấm đạo này. Các sắc lệnh đã truyền cho các quan trấn phải hết lòng bắt bớ các người tin theo. Không những các người mê muội tin theo mà mỗi ngày con số các tín hữu còn tăng thêm khắp mọi miền, che giấu cho nhau. Chắc chắn rằng đạo đó là một lừa dối, không thể để cho tiếp tục bành trướng thêm. Vậy các quan phải tuân theo lệnh hoàng thượng, chấn chỉnh tục lệ quốc gia và loại trừ các thói xấu. Do đó hoàng thượng ra lệnh cấm đạo này vì đó là tà đạo. Các người đã trót theo thì phải sửa sai lầm lỗi, mang nộp các sách và thiêu hủy hoàn toàn. Các nhà hội và nhà chùa sai phải phá hủy. Ai bắt gặp đạo trưởng ở đâu đều được quyền bắt giữ và giao cho quan trấn tại Kinh Đô hoặc giao cho quan sở tại. Sau khi hội đồng tòa án xem xét tội phạm sẽ ra án. Hạn cho hai tháng để các người học đạo được thay đổi việc học. Tại các trường bất cứ ở đâu phải nghiêm cấm việc giảng dạy đạo nói trên. Sau thời hạn hai tháng còn bắt gặp thừa sai hoặc người dạy đạo trong bất cứ nơi nào, cả những người nghe theo hay thực hành đạo, các quan sở tại và mọi người biết được phải tố giác với quan trấn thủ.*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Quan trấn thủ sẽ sai lính đến bắt các người đứng đầu cũng như tín đồ để giao nộp cho tòa xét xử xứng tội phạm. Nếu quan hay xã trưởng để cho thầy đạo giảng dạy trong lãnh thổ của mình mà không tố giác sẽ bị bắt giam. Người nào tố cáo sẽ được trọng thưởng. Nếu làng xã nào không ngăn cấm hoặc tố cáo mà có người khác tố cáo đúng sự thật thì người tố cáo được thưởng và miễn tạp dịch ba đời, làng xã bị tố cáo sẽ phải nộp thuế gấp 10 lần. Nếu người tố cáo thuộc làng khác thì làng ấy được giảm thuế. Đó là cách phải đối phó với đạo Hoa Lang để uốn nắn lòng người. Ngày 28-9 năm vua Cảnh Hưng thứ IV (14-11-1773)”.

Sắc lệnh trên tàn bạo ở chỗ phạt cả làng, nếu có người theo đạo Công Giáo, còn làng nào có người tố cáo được giảm thuế. Người tố cáo được miễn tạp dịch đến ba đời. Sau khi công bố, các quan trong triều chia làm hai phe. Phe già cho rằng bắt đạo chỉ mở cơ hội rối loạn và cướp bóc thêm. Lệnh được công bố, khắp nơi hoang mang, các thừa sai trốn ẩn và rất khó tìm được một nơi an toàn. Tại địa phận Tây, mọi cơ sở bị phá hủy và cướp bóc. Không còn những buổi hội họp đọc kinh chung nữa. Năm 1774 một cha Việt Nam ở Nghệ An bị bắt với hai thầy giảng đã phải chuộc 800 quan tiền, các đồ lễ bị thiêu hủy hết. Ba bà dòng bị bắt tại Nghệ An, còn tu viện bị dân ngoại cướp sạch. Ngoài ra cuộc chiến xâm lấn miền Nam làm nhiều quan tốt phải chết, các quan mới chỉ tham tiền và cướp bóc. Tất cả các nhà dòng phải giải tán. Có 42 người bị bắt, bị thích chữ “Học Hoa Lang Đạo” và bị lưu đầy. Người ta chưa từng thấy có cuộc bách hại nào khốn nạn như lần này. Bên địa phận Đông, quá nửa các nhà thờ và nhà xứ bị phá hủy, chỉ trừ mấy nơi như Trung Linh, Kê Bù, Trung Lễ, Hạ Linh là còn nguyên. Ngày 29-1-1777 Thầy Đa Minh Thu, 30 tuổi, bị bắt và xử trảm tại Kinh Đô. Bắt đạo chỉ ngưng khi Trịnh Sâm chết vào năm 1782 và loạn Kiều Bình phá tan sự nghiệp của dòng họ Trịnh.

Trong thời kỳ quân đội Chúa Trịnh đô hộ miền Nam cũng đã công bố lệnh cấm đạo tháng 1-1778 gồm 4 điểm: Gặp thừa sai ở đâu là chém đầu ngay, làng nào chứa thừa sai phải phạt, nếu còn hội họp giữ đạo thì bị trừng trị, và các nhà thờ phải phá hủy trong vòng 15 ngày. Thừa Sai Labartette ở Huế bị bắt hai lần vào tháng Giêng và tháng Tư nhưng đều được trả tự do.

Các Vị Tử Đạo Thời Trịnh Giang và Trịnh Doanh

Từ năm 1730-1740, Bắc Kỳ dưới quyền chúa Trịnh Giang, một ông chúa hoang dâm, và một số quan lại tối bại, hống hách. Trong thời kỳ này ai có tiền là được thăng quan. Năm 1737, loạn lạc nổi lên khắp nơi. Để ổn định tình thế các quan họp nhau truất phế Trịnh Giang, đưa em là Trịnh Doanh (1740-1769) lên cầm quyền. Cũng trong thời kỳ này đạo Phật được phục hưng và hai chùa lớn tại Hà Nội được xây cất năm 1730: Chùa Quỳnh Lâm và Sùng Nghiêm. Tại các trấn quan lại bắt bố giáo dân để làm tiền.

Trong giáo hội cũng có nhiều tranh chấp. Tại địa phận Đông Kỳ, trước đây được giao cho các đức cha Dòng Đa Minh cai quản, đó là Đức Cha Lezzoli, Gioan Santa Cruz và Sestri, nhưng ngày 11-11-1736 địa phận chuyển về tay Đức Cha Hilario de Costa người Ý, thuộc Dòng Augustinô, cai quản. Tại địa phận Tây Kỳ, từ khi Đức Cha Guissain chết năm 1723, các vị thừa sai người Pháp bị tố cáo là theo phái Jansenism, quá nghiêm ngặt, nên địa phận không có đức cha và bị điều tra trong vòng 15 năm. Năm 1738, Cha Neez, một linh mục thừa sai, được cử làm giám mục coi địa phận Tây Kỳ. Kể từ năm 1757 Tòa Thánh mới bắt đầu trao hẳn địa phận Đông Kỳ cho các cha người Tây Ban Nha, thuộc Dòng Đa Minh, và địa phận Tây Kỳ cho các cha thừa sai Paris người Pháp.

1. Cuộc xung đạo của 4 cha Dòng Tên người Bồ Đào Nha và hai thầy giảng dưới thời Trịnh Giang năm 1736

Tuy dù lệnh bắt đạo mới chưa được công bố, nhưng nhà sư Cháy, một người ghét đạo có tiếng, được tin dùng và vì thế các quan địa phương được trốn sách nhiều người Công Giáo để làm tiền. Năm 1736, hai cha Dòng Augustinô là Gerolamo và Hilario bị bắt và bị tịch thu hết đồ dùng. Hai cha phải nộp một số tiền kénh xù để được tự do. Ngày 10-3-1736, cha bề trên Dòng Tên thấy không còn bách đạo nữa thì sai ba thầy giảng Bắc Kỳ dẫn đưa 5 cha vào Bắc Kỳ bằng đường bộ từ Liễu Châu, biên giới Trung Hoa. Đoàn truyền giáo tiến vào địa sở La Phù thì Cha Sampayo bị đau. Cha Carvanho và một thầy phải ở lại săn sóc. Bốn cha thừa sai và hai thầy giảng còn lại tiếp tục hành trình đến làng Mỹ Lộc thì bị một toán cướp đánh đập,

DÒNG MÁU ANH HÙNG

cướp bóc tài sản rồi đem nộp cho quan sở tại thuộc xứ Đông ngày 12-4-1736. Các đảng phải mang gông và phơi nắng trong sân nhà quan để cho mọi người chế diễu.

Sau đó các đảng bị giải về kinh để chịu xét xử. Trong một phiên xử, Trịnh Giang ẩn đằng sau để xem xét. Một tên lính đem đặt dưới đất một tượng chịu nạn và quan án ra lệnh cho các cha dầy đập dưới chân, nếu không sẽ bị chặt chân, chặt tay và đầu. Các đảng đã quì xuống, ôm lấy ảnh chuộc tội và hôn kính. Hai thầy giảng cũng hiên ngang làm như thế.

Quan tra hỏi Thầy Marco: “*Các người ngoại quốc này ở trong nước lâu chưa?*” - “*Chưa*”. - “*Vậy tại sao các người có thể nói chuyện với nhau được?*” - “*Trên đường đi tôi chỉ dạy cho họ ít lời*”. - “*Các người đến đây có giấy thông hành không?*”

Các đảng liền đưa cho quan giấy thông hành của quan Trung Hoa đã cấp, họ thu lấy đưa cho chúa Trịnh.

Một lần khác, các đảng phải điệu ra cho các quan luận xét. Họ cho lệnh đánh đầu gối các tù nhân. Bấy giờ Thầy Vinh Sơn lên tiếng thưa: “*Tôi là một tín hữu Công Giáo từ thuở bé và rất hãnh diện được làm người Kitô. Tội của tôi chỉ là như thế. Tôi vui mừng được chịu cực hình vì lý do chính đáng*”.

Quan tức giận cho đánh đập dữ tợn hơn. Các đảng lại bị giam vào ngục Đông, nơi giam giữ những tù nhân chờ ngày hành quyết. Tại đây Thầy Vinh Sơn đã trút hơi thở cuối cùng ngày 31-6-36. Các người khác bị xiềng xích trong nhà tù 9 tháng.

Đã nhiều lần các vị anh hùng xưng đạo đã bị lên án tử nhưng mãi tới ngày 21-12-36 án mới được phê chuẩn. Ngày 7-1-37, một ký lục đến nhà tù để tuyên đọc án cho mọi người biết. Nhiều người khóc lóc, riêng Cha Cratz vui vẻ khuyên mọi người: “*Các bạn yêu quý, của lễ hy sinh của chúng tôi là để cho các bạn. Chúng tôi đã bỏ lại bạn bè, cha mẹ, tổ quốc, an nhàn sung sướng, đã đối diện với bao nhiêu khổ khó trên đất cũng như dưới biển để có thể đến xứ sở của anh em. Đã 9 tháng nay chúng tôi chịu cảnh tù đầy khổ sở mà các bạn đã biết rõ. Và bây giờ chúng tôi sắp sửa đổ máu mình ra mình chứng đức tin. Hãy theo gương chúng tôi, can đảm lên, đừng nản lòng khi thấy chúng tôi phải chết. Chúng tôi sửa soạn lên trời. Ở đó chúng tôi biết rõ sự cứu*

LM. VŨ THÀNH

chuyện linh hồn anh em hơn mà dưới thế này chúng tôi đã không làm được. Ở trên trời chúng tôi yêu mến các bạn nhiều hơn”.

Tối ngày xũ, 12-1-1737, một quan đến đọc bản án lần nữa với đội lý hình tay cầm gươm làm như đang chém. Sau khi đọc bản án, quan bố cáo cho tín hữu được tự do đến thăm viếng các đấng. Thầy Marco nói với họ: *“Hãy lắng nghe, hỡi các con cái Chúa, những lời cuối cùng của các cha mà tôi sẽ thông dịch lại: Khi nghe biết nhu cầu của linh hồn anh em, chúng tôi đã bỏ quê quán xứ sở để đến xứ lạ này. Chúng tôi đã làm hai cuộc hành trình thật khổ sở. Lần thứ nhất chúng tôi bị thất bại và phải trở về Macao. Lần thứ hai may mắn hơn, chúng tôi được đặt chân lên mảnh đất của anh em thì lại bị bắt và kết án như những người tội phạm. Anh em thấy những khổ sở đó, máu chúng tôi sắp đổ ra để làm chứng công khai cho đức tin. Chớ gì đức tin trở nên quý giá hơn cả mạng sống anh em, và chớ gì anh em luôn trung thành với các bốn phận của đức tin”.*

Khi các cha ngừng nói thì đội lính đến điệu các đấng đi đến pháp trường, mỗi người có một tên lính đi bên. Tối cửa thành, mọi người đứng lại trước đám đông dân chúng. Quan lại truyền đọc bản án một lần nữa. Bản án của Thầy Marco là phải lưu đày, nhưng thầy xin được theo các cha tới nơi hành hình. Bản án của các cha bằng tiếng Việt được dịch ra tiếng Bồ Đào Nha. Bản án viết: *“Chúa thượng ra lệnh cho bốn tên ngoại quốc phải chặt đầu vì đã đến rao giảng đạo Kitô mà triều đình đã nghiêm cấm”.* Sau đó hai quan được cử đi để giám sát cuộc hành quyết. Hai quan ngồi trên cang, các cha đi chân không, cổ mang gông, ra pháp trường ngoài thành lối hai dặm, đằng sau có vô số giáo dân và những người hiếu kỳ đi theo.

Tới nơi, các cha quì gối, lý hình gọt trượt đầu các đấng. Khi quan ra lệnh, bốn tên lính đao phủ đồng thanh vung đao. Đầu hai Cha Alvarez và Crats rơi xuống đất ngay phát chém thứ nhất. Cha Abreu bị đâm ngay ngực, còn Cha Dacunha bị phát chém thứ ba đầu mới lia cổ. Ngay sau đó quan và lính đi về, để giáo dân tự do hôn kính thi thể và thăm máu đào của các đấng. Sau khi đã tắm liệm và đặt các đấng vào áo quan, họ chờ trời tối khuya mới chôn các đấng tại một nơi kín, chờ dịp thuận tiện đưa về Macao.

2. Cuộc tử đạo của Linh Mục Francis Gil de Federich Tể, gốc Tây Ban Nha thuộc Dòng Đa Minh, tử đạo ngày 22-1-1745

Đứng đầu số 117 Thánh Tử Vì Đạo Việt Nam là Cha Tể và Cha Đậu, hai linh mục thừa sai người Tây Ban Nha thuộc Dòng Đa Minh. Cha Tể có tên Tây Ban Nha là Gil De Federich, sinh năm 1702 tại Tortosa trong một gia đình đạo đức. Khi được rửa tội, cha mẹ đặt cho nhiều tên thánh khác nhau, tên trong sổ bộ là Francis. Năm 15 tuổi, cậu Gil gia nhập tu viện Đa-Minh tại Tortosa và năm sau, 1718, được tuyên khấn. Thấy Gil tiếp tục học thần học và thụ phong linh mục năm 1727, lúc 25 tuổi.

Hai năm trước khi làm linh mục, Cha Gil đã ghi tên xin đi sang tu viện của dòng ở Phi Luật Tân nhưng bề trên không chấp nhận. Qua năm 1729, Cha Gil lại xin một lần nữa, đơn của người được chuyển về Rôma để cứu xét. Ý nguyện của cha được bề trên chấp thuận. Cha cùng với 24 người khác tới Manilla tháng 11-1730. Mặc dù đang còn bắt đạo, Cha Gil vẫn mong muốn được truyền giáo tại Trung Hoa hay Việt Nam. Cha được bề trên gửi đi Bắc Kỳ và tới nơi ngày 28-8-1735.

Sau 4 tháng học tiếng Việt tại Lục Thủy, Cha Gil được đặt cho một tên Việt Nam là Tể, với nhiệm vụ coi sóc 40 họ đạo trong ba huyện Giao Thủy, Chân Định và Vụ Tiên thuộc trấn Xứ Nam. Tên mà bề trên đặt cho người đã trở thành điểm báo cuộc tử đạo, tế hiến chính mạng sống mình cho Thiên Chúa. Trong thời gian làm việc truyền giáo Cha Tể tỏ ra rất nhiệt thành, đặc biệt về lòng bác ái. Mỗi khi có người mời đi kẻ liệt, dù ốm đau hay nguy hiểm, cha cũng đi ngay.

Ngày 3-8-1737, Cha Tể làm lễ kính Thánh Đa Minh tại Lục Thủy Hạ, đang khi còn cảm ơn thì có một toán người ập đến lục soát. Giáo dân không kịp giúp cha chạy trốn. Cha bảo họ trốn đi, còn người thì ra nộp mình với lòng tin tưởng là Thánh Giuse sẽ giúp. Người nói với bọn người đến bắt: - *“Các ông tìm ai? Chính tôi đây là người các ông muốn.”*

Sư Tình ra lệnh trói cha lại đem xuống thuyền. Tại bờ sông họ còn thấy mấy giáo hữu liền bắt đem theo. Cha Tể nói với sư Tình: *“Các ông đã bắt tôi rồi, tại sao còn bắt giữ những người này? Xin hãy thả họ ra”*.

LM. VŨ THÀNH

Như một mệnh lệnh, bọn sư Tình liền cởi trói và trả tự do cho mấy người giáo dân. Sư Tình đem Cha Tế về giam tại nhà mình ở Thủy Nhai Thượng, chờ giáo dân mang món tiền kénch sù đến chuộc. Sư Tình hỏi Cha Tế: “*Người có sợ không?*”

Người bình thân trả lời: “*Tôi không sợ mà chỉ lo cho giáo dân*”.

Để có thể bóc lột số tiền của giáo dân, sư Tình làm cho họ hoảng sợ bằng cách sai hai tên lính cầm giáo đi hai bên đến nhà giam trói người vào cột và đặt bản án ngay bên cạnh như là tội nhân bị hành quyết. Một lần khác ông cho điệu Cha Tế đi đến nhà hội của làng, cho nhiều người giả làm triều đình xét xử. Cha Tế không chút sợ hãi, bình thân lợi dụng cơ hội để giảng đạo cho lương dân. Con trai của sư Tình là Tri Bá đến nhạo cười: “*Tôi là một người Công Giáo xấu, tên là Dominic, vụ của cha sẽ ổn thỏa với giá 500 lượng bạc*”.

Giáo dân thấy vậy thì quyết định đi thẳng với quan trên bằng món tiền lớn hơn. Quan tỉnh là người quỉ quyết, muốn làm tiền cả đôi bên. Ông nhận tiền của giáo dân, hứa sẽ thả Cha Tế trên đường đưa về phủ. Chính quan đến nhà sư Tình để dẫn giải cha, đồng thời bắt cả cha con đẩy tố sư Tình vì tội chứa chấp đạo trưởng. Quan phủ đã giải các tù nhân về kinh đô để lấy công trạng.

Những ngày bị giam giữ khổ sở và cuộc hành trình đã làm Cha Tế ốm nặng, quan phải kiểm thuốc và cho phép người nhà của cha săn sóc. Ngày 23-8 họ tới kinh đô Hà Nội. Sau đây là cuộc thẩm vấn của các quan: “*Ông có biết đạo Kitô bị cấm trong nước không? Sao còn đến đây?*”

- “*Tôi đến để giải thoát các linh hồn khỏi hư mất*”.

- “*Nếu vua ra lệnh chém đầu thì ông còn làm gì được?*”

- “*Tôi sẵn sàng chịu sự khổ đờ*”.

Sau đó cha bị giao cho lính canh, họ để cha nằm dưới đất cả lúc trời mưa. Một người y tá Công Giáo từ Lục Thủy đến thăm cha, thấy vậy đi mua cho cha một trái dưa để uống lấy sức. Các gia nhân tại phủ tỏ ra tử tế và săn sóc cha. Để trả công, cha giảng đạo cho họ.

Tại đây cha viết vội mấy lời gửi bề trên: “*Con tin rằng Chúa đã để con bị sốt nặng để chia sẻ với cuộc thương khó của Chúa. Những khổ khổ của nhà tù con coi là nhỏ mọn. Thay vì buồn, con cảm thấy vui và*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

sẵn sàng đón nhận những cực khổ như là hồng ơn Chúa gửi đến cho riêng con”.

Ngày 30-8, cha được chuyển sang ngục Đông. Trên đường sang ngục Đông, trẻ con lấy cành tre làm thánh giá, ném dưới chân người để chế diễu. Cha Tế chỉ sốt sắng lượm lên hôn kính. Tại ngục Đông cha cũng chịu nhiều khổ. Các tù nhân cũng tàn bạo với người. Tưởng chừng người sắp chết, bà Kinh, một người Công Giáo thường săn sóc cha, liền đi mời Cha Ngai, giả làm thầy thuốc và đút tiền để được vào thăm cha. Mấy tên lính canh tù muốn làm tiền giáo hữu nên đeo thêm gông và xích cho cha rồi bảo họ nếu muốn cha được miễn trừ thì phải cho tiền. Khi cha khỏe lại đã cấm các giáo dân đừng làm thế nữa.

Lính coi ngục làm khó dễ, các giáo dân phải cậy nhờ một bà người lương tên là Gạo, nhà ở gần đó, săn sóc cha. Sau này bà được ơn trở lại và rửa tội, lấy tên thánh là Rosa. Trong lời khai trước ủy ban điều tra phong chân phúc, bà đã nói: *“Chị của tôi đã phải tha nợ cho mấy tên lính để họ tử tế với cha và cho phép cha ra nhà. Lần khác khi mang thức ăn cho cha họ đã không chịu cho tới khi tôi đưa cho họ món tiền”.*

Việc to tát bà Gạo có thể giúp cha là cung cấp giấy tờ viết thư và chuyển thư của cha cho bề trên. Sau hai tháng bị giam cha được phép ra nhà bà Gạo để dùng cơm, và tiếp xúc với giáo dân tại kinh đô. Suốt trong 7 năm bị giam cầm, Cha Tế vẫn tiếp tục giúp các giáo dân.

Cuối tháng 10-1737, tòa án bắt đầu xét xử cha công khai. Cha bị dẫn đi, tay mang xích, cổ đeo gông. Trên đường đi, trẻ con lại vất những thánh giá bằng lá tre vào người và cười chế nhạo. Một đứa lớn hô to: *“Xem kìa, ông cha sẽ chối đạo để giữ cái đầu khỏi bị chém”.*

Cha Tế liền quay mặt lại nhìn nó và nói: *“Không đâu con, cha đã không và sẽ không bao giờ chối bỏ đức tin đâu. Chỉ có chúng con mới làm những điều trái nghịch là đi hành hạ người tù nhân ốm yếu không bao giờ làm hại ai. Hơn nữa chúng con còn chế diễu thánh giá là dấu chỉ ơn cứu rỗi cho mọi người”.*

Cha Tế và ba người giáo dân cùng với sư Tình bị điệu ra trước tòa án. Quan án bắt đầu thẩm vấn Cha Tế: *“Ông bị bắt tại nhà của ai trong 4 người này?”*

LM. VŨ THÀNH

- “*Tại nhà sư Tình. Tôi không hề vào nhà ba người kia*”.
- “*Ông từ đâu đến?*”
- “*Từ Tây Ban Nha*”.
- “*Đã bao lâu ông ở tại Bắc Kỳ?*”
- “*Khoảng chừng hai năm*”.
- “*Ai đã mang ông vào?*”
- “*Tôi không còn nhớ tên*”.
- “*Vậy ông đã ở những đâu trong hai năm qua?*”
- “*Tôi không có nơi ở nhất định. Tôi thường đi từ nơi này sang nơi khác*”.
- “*Ai đã nộp ông cho tòa án này?*”
- “*Ông quan*”.
- “*Ông quan đã bắt ông tại nhà ai?*”
- “*Tại nhà sư Tình*”.
- “*Ông đã ở nhà ấy bao nhiêu ngày?*”
- “*Mười hay mười một ngày gì đó*”.
- “*Ông có dạy đạo cho người ấy không?*”
- “*Không*”.
- “*Vậy ông đã làm những gì?*”
- “*Tôi làm những việc không liên quan gì tới quan tòa cả*”.

Viên ký lục đã làm sai lạc lời khai của người mà nói là cha đã ở nhà sư Tình hai năm. Sau đó cha được dẫn về nhà tù và hôm sau lại bị dẫn đến nhưng quan án lại cho người về tù vì là ngày lễ nghỉ. Trên đường về, họ dẫn cha qua đền thờ tổ tiên của quan và bắt cha lay. Cha từ chối nên bị họ đánh đập bất tỉnh. Cha lên cơn sốt 15 ngày vì những vết thương hành hạ. Sau đó giáo dân cho lính canh nhiều tiền để cha được ở cả ngày đêm tại nhà bà Gạo. Khi khỏe lại, cha liền bị dẫn đến tòa án.

Vào cuối năm theo niên lịch Bắc Việt, các quan có thói quen giải quyết hết các vụ kiện, nhưng năm đó vì có sứ Trung Hoa sang nên họ không xét vụ của cha. Đến tháng 10, một cha Việt Nam đến nhà bà Gạo dâng lễ. Sau đó chính cha xin bề trên gửi các đồ lễ đến để dâng lễ. Năm ấy các quan viết án cho cha như sau: Cha Tế bị bắt tại Xứ Đông và bị lên án chém đầu. Còn sư Tình và con trai bị án phát lưu chăn voi cho chúa Trịnh 6 năm. Án được viết ngày 10-7-1738, vua châu phê ngày 12 và ấn định ngày thi hành án lệnh là ngày 22-7. Sư Tình bỏ tiền mua chuộc các quan để xét xử lại. Nhưng án không

DÒNG MÁU ANH HÙNG

thay đổi. Sư Tĩnh tiếp tục kháng cáo và tìm ra được lẽ để thanh minh.

Ngày 20-7-1739, cha lại bị đem ra tòa lần nữa: “*Dựa vào quyền gì mà ông đến nhà sư Tĩnh? Trước đó ông ở đâu?*”

- “*Tôi đến nước này đã 4 năm, hai năm bị giam tù, hai năm khác thì đi nơi này nơi nọ để rao giảng đạo Kitô. Còn nói đã đi những đâu thì tôi không muốn nói.*”

- “*Vậy những lời khai năm trước là đúng?*”

- “*Những gì tôi đã nói là đúng như vậy. Bây giờ tôi không nói gì thêm.*”

- “*Ông là một người phản bội, nói láo, bây giờ không muốn nói lại?*”

- “*Không đúng như vậy, nhưng tôi không buộc phải khai lại.*”

Ngay lúc ấy, sư Tĩnh chụp cơ hội xin nói. Ông đã tóm lược lại các việc xảy ra nhưng bỏ hẳn phần Cha Tế bị giam giữ tại nhà ông.

Để tránh rắc rối cho những người ở Lục Thủy Hạ, Cha Tế nói: “*Những gì tôi khai năm ngoái là thực và tôi không buộc phải khai là sư Tĩnh đã bắt tôi tại Lục Thủy Hạ. Bởi vì các ông chỉ muốn trừng phạt những người đã tiếp tôi và thưởng công cho kẻ bắt tôi. Điều ấy bất công và vô lý.*”

- “*Như vậy chém đầu ông cũng là nghịch công lý?*”

- “*Hiển nhiên là như vậy. Nhưng nếu quý quan ra lệnh chém đầu tôi vì đức tin thì tôi rất hài lòng.*”

Quan án ra lệnh nếu Cha Tế không khai thêm sẽ cho đánh 30 đòn. Cha Tế muốn chịu đòn hơn là nói gì thêm. Quan cho đặt thánh giá dưới đất rồi ra lệnh cho mọi người đạp lên. Dù phản đối, họ cũng khiêng người qua. Nhưng cha đã nhắc thánh giá lên và hôn kính. Sư Tĩnh thì lợi dụng cơ hội này để nhục mạ ảnh đạo, nhẩy nhót trên tượng và đồng thời tố cáo người còn giữ nhiều đồ đạo tại nhà tù. Trong phiên xử hai hôm sau, ngày 22-7, quan ép buộc cha Tế cung khai mấy người giáo dân, nhưng cha nhất định không chịu. Sau đó quan liền hỏi về các ảnh đạo.

Quan cầm tượng thánh giá lên hỏi: “*Người trên thánh giá này là ai?*”

- “*Đó là hình ảnh của Chúa Kitô, Con Thiên Chúa, đã làm người và chịu chết trên thánh giá để chuộc tội nhân loại.*”

- “*Còn hình kia là gì?*”

- “*Đó là ảnh Mẹ Thiên Chúa, đã cứu mang đấng chịu đóng đinh.*”

- “*Người ta đi đâu sau khi chết?*”

LM. VŨ THÀNH

- *“Khi chết rồi, xác ở dưới phần mộ, còn hồn thì hoặc lên trời hoặc phải xuống địa ngục tùy theo công trạng trong đời sống”.*

- *“Điều ông nói về linh hồn chỉ là tưởng tượng. Ai nói rằng sự vật qua đi như thế?”*

- *“Thiên Chúa đã nói vậy”.*

- *“Thật vậy ư? Ông đã nghe thấy tiếng Chúa chưa?”*

- *“Mặc dù không nghe chính Thiên Chúa nói, nhưng chắc chắn là Người đã dậy như vậy”.*

Một tên lính hầu mang tới một cái gậy, đặt ngay trước mặt Cha Tế, cha lại tưởng họ đánh mình nên đưa đầu gối ra, nhưng quan lại nói: *“Gậy không phải để tra tấn. Ta ra lệnh cho ông cầm lấy và đánh vào những tượng ảnh này”.*

Cha Tế rùng mình vội cầm gậy vất đi thật xa. Tên hầu lại lấy về và đặt trước mặt sư Tĩnh. Ông liền cầm ngay lấy và giơ gậy đánh vào bức ảnh Đức Mẹ bằng ngà voi. Cha Tế chạy vội lại, dùng thân mình làm thuẫn cản lại, lấy tay che lên đầu Chúa Giêsu và Mẹ Maria trong ảnh rồi nói: *“Sư Tĩnh, hãy đánh lên tay tôi”.*

Quan thấy vậy thì cười và nói: *“Các người Kitô bị lừa dối bởi những tượng ảnh này”.*

Thế là có cuộc giằng co giữa Cha Tế và sư Tĩnh. Quan cho lệnh ngừng cuộc giằng co lại và nói: *“Thế thì tượng phải đau vì những cái đánh này lắm nhỉ?”*

- *“Đức Bà Maria và Con của Người ở một nơi không còn đau đớn nữa. Nếu chúng tôi tôn kính ảnh tượng này cũng chỉ vì đó là hình ảnh nhắc nhở chúng tôi đến các đấng”.*

Phiên tòa chấm dứt. Tên lính canh ngục đòi tiền của người để đưa cho toán lính áp giải. Một người giáo dân nói cha chỉ nên đưa một phần ba. Vì thế tên lính canh nghiệt ngã cấm mọi người đến thăm cha trong ba ngày. May nhờ có người lương mang gạo đến. Thấy sức khỏe người yếu liệt, bề trên sai Cha Minh đến ban các bí tích cuối cho người. Tuy nhiên Cha Tế lại khỏe lại.

Các quan thấy khó giải quyết, không biết phải xử thế nào đối với ba người giáo dân ở Lục Thủy Hạ. Vua cho một quan khác đến xử vụ kiện dai dẳng này. Ngày 20-9, cha lại bị đưa ra trước tòa để tra hỏi:

DÒNG MÁU ANH HÙNG

“Ông ở nước này bao nhiêu năm rồi? Có phải ông bị bắt khi mới tới không? Ông có rao giảng đạo Kitô không?”

- “Tôi đã ở đây bốn năm và giảng đạo hai năm”.

- “Có thật ông đã ở trong nhà sư Tĩnh 10 ngày?”

- “Tôi đi đây đó để giảng đạo, nơi thì 10 ngày, nơi khác 15 ngày. Tôi chỉ ở nhà sư Tĩnh có 10 ngày”.

- “Đạo đã bị cấm, tại sao ông còn đến đây?”

- “Vua chúa không có quyền cấm như thế, vì vua chúa không có quyền tuyệt đối ra lệnh như ý thích”.

- “Ông có học biết thiên văn không?”

- “Không”.

Người bị đem ra đem vào nhiều lần và hỏi đi hỏi lại để có bằng chứng là cha bị bắt tại nhà mấy giáo dân, và như thế có lý do để tha sư Tĩnh. Cha Tế từ chối không nói gì thêm mà chỉ xin trả tự do cho các giáo dân. Họ yêu cầu cha ký vào biên bản. Đọc trong bản án thấy viết là bị tố cáo vì rao giảng tà đạo, cha không chịu ký. Họ cho sửa lại là đạo ‘Hoa Lang’ nghịch với luật, cha mới ký vào.

Thế rồi nội chiến xảy ra và người ta quên bằng vụ án của người. Lúc đó Cha Tế là người duy nhất có mặt ở Hà Nội để giúp giáo dân. Trong thời gian bị giam tù, Cha Tế đã rửa tội được 122 người. Nội chiến kéo dài ba năm. Một hôm Chúa Trịnh chợt có ý muốn hỏi Cha Tế có cách nào chấm dứt được loạn lạc, với ẩn ý muốn cha nói với người Tây phương giúp. Cuối tháng 9, cậu của vua cho lệnh đưa Cha Tế đến và hỏi: “Tôi thấy đạo của cha hợp lý, những điều tôi nghe rất phù hợp với sách tôi đã đọc. Chỉ có điều là đạo không chấp nhận những tôn giáo khác. Ngày mai cha mang đến cho tôi xem cuốn sách về đức tin Kitô để tôi thấu đáo và có thể nói với chúa Trịnh cho cha. Cha cũng mang đến một học giả người Việt để có thể giải nghĩa được các chữ Việt”.

Trở lại nhà giam, cha được giáo dân cho biết là quan chỉ muốn xem đạo có cách nào diệt được giặc không thôi. Ngày hôm sau, cha viết thư cho ông hoàng: “Theo đức tin của chúng tôi, chỉ có một phương thế duy nhất chữa trị các cái xấu đó là cầu xin Thiên Chúa cho hòa bình và hứa rằng chính quyền sẽ không bao giờ bắt bỏ đạo thật nữa. Nếu vua muốn chấm dứt chiến tranh thì hãy thôi bắt bỏ giáo dân và đạo thật, vì đấy chính là nguồn gốc của mọi sự dữ trong nước”. Ông hoàng có nói lại với ba quan và họ hứa sẽ nói với Chúa Trịnh để cho

LM. VŨ THÀNH

phép tự do hành đạo. Ngay lúc đó có tin đồn là giáo dân tỉnh Nam đi theo giặc, dự tính trên lại rơi vào tình trạng cũ. Riêng giáo dân Hà Nội nhất định chuộc cha ra bằng mọi cách. Họ đem tiền đến bà dì của Chúa Trịnh để xin trả tự do cho cha. Đọc bản khiếu nại, Cha Tế không hài lòng về lời lẽ nói cha chỉ là thương gia bị gán ghép tội theo đạo Kitô.... Suốt trong năm đó cha rửa tội thêm được 31 người lớn và 23 trẻ em.

Năm 1744, hồ sơ của cha được xét lại và họ giam cha ngặt hơn. Ngày 3-3-1744, cha và 4 giáo dân được đưa ra tòa án. Trên đường đi, viên ký lục đòi lấy cỗ tràng hạt của cha. Tại tòa án, các quan xem xét cỗ tràng hạt rất kỹ lưỡng. Quan hỏi hai ảnh mắc vào đó là gì. Cha thưa là hình hai vị tử vì đạo. Quan bắt ép cha dấy đập tràng hạt dưới chân. Cha đã mạnh mẽ nói là không khi nào cha làm điều lầm lỗi ấy. Lúc ấy quan hỏi sư Tĩnh có làm điều ấy không? Sư Tĩnh chỉ chờ có thể đã vội vã cầm lấy tràng hạt ném xuống đất, sửa soạn đập lên, tức thì Cha Tế lăn xả vào để lấy lại. Một tên lính hầu túm lấy tóc cha lôi ra. Không làm gì được, Cha Tế hét lên: *“Tại sao các người bách hại đạo Chúa Kitô? Chính các người là căn cơ của bao nhiêu tai họa giáng xuống trên nước này”*.

Các quan liền viết án xử trảm cha Tế, còn các giáo dân được trả tự do, cha con sư Tĩnh được tha bổng. Cha Tế được đưa về nhà tù, lòng đầy niềm hy vọng giờ lãnh triều thiên tử đạo đã tới gần.

Ngày 30-5-1744, lính canh áp giải một tù nhân khác, đó là Cha Đậu, người cùng Dòng với Cha Tế. Hai người lính dũng cảm của đức tin hân hoan được gặp nhau, nâng đỡ nhau bằng các bí tích và cầu nguyện. Trong hai năm ấy cha rửa tội được 32 người lớn và 41 trẻ em.

Tháng 8 năm sau vì có hạn hán nên Chúa Trịnh cho rước Phật Bà Quan Âm, đồng thời ân xá cho nhiều tù nhân, nhưng vẫn giam giữ hai cha trong tù. Lợi dụng thời gian này, hai cha biến nhà tù thành nơi giảng đạo. Giáo dân lại nói với cha về đề nghị của quan cai ngục là sẽ trả tự do cho cha bằng giá tiền mua chuộc. Cha Tế cương quyết không để cho giáo dân phải tốn một xu.

Một tín hữu báo tin là các quan đã làm án ngày 19-1-1745, ngày 21 sẽ công bố, và ngày hôm sau hành quyết. Giáo dân tính cử đại diện đến gặp Chúa Trịnh. Cha Tế rất buồn nói với các thầy giảng: *“Chúng*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

ta phải khuyên bảo giáo dân trở lại và trung thành với đức tin, nếu trong hoàn cảnh này chúng ta tỏ ra khiếp sợ để cho họ sửa án và mua chuộc mạng sống bằng tiền bạc thì lương dân họ sẽ thêm tin vào đạo của họ hơn và giáo dân sẽ không còn muốn chịu khổ vì đức tin nữa”.

Vì vậy cha truyền lệnh cho họ hủy bỏ toan tính đó. Dân chúng rất đau buồn, nhưng Cha Tế lại vui mừng hơn hở. Người dùng những ngày còn lại để cầu nguyện và sửa soạn tâm hồn. Sau khi lần hạt chung với họ lần cuối, cha khuyên nhủ: *“Anh chị em quý mến, cũng như Chúa Kitô trong bữa tiệc ly, tôi muốn khuyên anh chị em theo lời của Chúa, anh chị em hãy yêu thương nhau như ruột thịt, hãy vững mạnh trong đức tin mà anh chị em tuyên xưng và hãy sẵn sàng chịu mọi sự khó và nhất là đặt niềm cậy trông vào một Chúa mà thôi. Hãy ước ao những sự trên trời và hãy khinh chê những của cải vui sướng chóng qua đời này”.*

Mọi người cúi mình hôn xiềng xích của người. Người lại nói với họ: *“Từ đạo là một ơn đặc biệt do Chúa ban nhưng không, chứ không phải do công trạng hay xứng đáng gì”.*

Khoảng ba giờ sáng, hai cha dâng lễ, rồi đến chào các lính coi tù cũng như các bạn tù. Giáo dân được phép vào rất đông để thăm cha lần cuối. Cha Đậu không được chung một vinh dự nhưng đã xin quan cho theo ra tới pháp trường. Theo lễ các tù nhân khi đi ra nơi hành quyết thường được dẫn qua phủ chúa để có thể kháng cáo lần chót. Lợi dụng cơ hội này giáo dân làm một bản kiến nghị nhờ Cha Đậu mang theo đưa cho quan khi tới phủ chúa. Mặc dù Cha Tế không đồng ý nhưng Cha Đậu vẫn làm theo ý của giáo dân.

Cha Tế hân hoan đi đầu vì được giống Chúa Kitô. Trong đám tù nhân có người xin cha tha tội. Đi ngang qua phủ chúa, Cha Đậu liền đưa bản kiến nghị. Chúa Trịnh thấy Cha Đậu dám bạo gan như thế thì nổi giận ra lệnh xử trăm người luôn một lúc với Cha Tế. Khoảng sau trưa, đoàn người đến Đồng Mơ, nơi hành quyết. Vừa tới nơi, hai cha quì xuống hôn mảnh đất. Cha Tế vì yếu sức nên ngồi xuống đất chờ đợi, trong khi lính sửa soạn việc hành quyết. Hai cha nói giáo dân cho mỗi người lính đao phủ một số tiền. Hàng ngàn người im lặng đứng xung quanh. Quan giám sát lên tiếng: *“Cụ Tế, tôi rất kính trọng cụ và rất đau buồn phải làm việc này như quan án đã ra lệnh,*

LM. VŨ THÀNH

xin cụ hiểu cho, tôi không làm gì khác hơn được. Xin cụ quì thẳng lên để tôi trói vào cọc”.

Giây và xích ở tay chân được cởi ra. Hai tên lính cầm gương đồng loạt chém đầu hai vị tử đạo. Hôm ấy là ngày thứ Sáu, 22-1-1745.

Thông thường mỗi khi có vụ xử tử, lúc chém đầu mọi người chạy mất vì sợ hồn kẻ chết nhập vào, nhưng lần này trái lại họ đến gần hơn và ngay sau đó tuồn vào thắm máu đào, lấy những vật dụng và xiềng xích của hai vị làm kỉ niệm. Giáo dân phải canh chừng để không ai lấy trộm thi thể hai đấng thánh. Tối hôm đó, Cha Phêrô Xavier tắm rửa xác các đấng và an táng tại Lục Thủy Hạ, mặc dầu các xứ khác như xứ Kẻ Bù, Trung Linh, và Trung Lễ đòi quyền được cất xác các đấng. Một tuần sau, mộ của các đấng được mở ra để táng trong nhà thờ theo lệnh của đức giám mục, nhưng lạ thay, xác các đấng không bốc mùi thối gì, giáo dân còn ngửi thấy thoang thoang một mùi thơm lạ lùng.

4. Cuộc tử đạo của Linh Mục Mateo Alonso Liciana Đậu, gốc Tây Ban Nha thuộc Dòng Đa Minh, tử đạo ngày 21-1-1745

Cha Mateo Liciana sinh ngày 26-11-1702 tại Nave del Rey và nhập tu viện Đa Minh S. Croce tại Segovia. Năm 1723, người khấn trọn đời rồi tiếp tục học thần học và tu đức. Về tuổi trẻ của người, chúng ta không được biết gì nhiều. Năm 1729, tỉnh dòng Phi Luật Tân tuyển mộ các vị thừa sai để làm việc tại đây. Cha Mateo xin ghi tên, nhưng sau lại rút lui. Người cảm thấy xấu hổ nên xin làm linh mục và phục vụ tại một tỉnh dòng khác. Một cơn bệnh làm cho người suy nghĩ nhiều đến việc từ chối đi truyền giáo. Dịp may lại đến để cha có thể chuộc lại lỗi cũ, ngày 4-7-1729 cha và hai thầy khác nhập đoàn 27 người thừa sai đi Phi Luật Tân.

Đoàn truyền giáo tới Manila tháng 10-1730. Cha Mateo được chỉ định đi Bắc Kỳ. Ngày 13-2-1731, cha khởi hành đi với hai tu sĩ khác bằng tàu buôn Hòa Lan. Ngày 18-1-1732, cha tới Bắc Kỳ và được đưa tới nhà Đức Chúa Trời ở Trung Linh để học tiếng Việt trong năm tháng. Tại đây cha được đặt tên là Đậu. Trong thời kỳ này giáo dân tại đây đang bị bách hại do sự Tình cảm đầu. Cha Đậu phải trốn tránh nay đây mai đó, 7 tháng lưu lạc.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Từ năm 1733 cha được chỉ định coi Nam Thượng, rồi thêm ba huyện là Giao Thủy, Vụ Thiên và Chấn Đình, sau đó lại thêm Phú Thái và Nam Chân. Tại đây đang có loạn nổi lên làm cuộc rao giảng đạo phải lén lút, khi đi bộ, khi đi thuyền như các dân chài. Hồi ấy các cha thường đi làm phúc các họ một năm hai lần. Dù đang cơn bất bớ, Cha Đậu rất nhiệt thành với việc tông đồ. Người chứng thứ mười hai đã làm chứng về lòng nhiệt thành bất kể gian nguy của cha rằng có một lần họ khuyên người đừng đến một làng nguy hiểm thì người trách mắng và khuyên bảo họ như sau: *“Nếu vì sợ bị bắt mà không đi làm phúc cho bốn đạo thì cha đến xứ này để làm gì? Nếu chúng con sợ vất vả thì còn làm được cái gì nữa? Nếu sợ chết nữa thì theo cha làm chi. Cha đi một mình vậy”*.

Suốt trong 10 năm làm việc tông đồ cha trốn thoát khỏi tay kẻ thù đến bốn năm lần. Một lần khác, hay tin ở làng Kê Bái có một người chối đạo, tên là Chinh Nam, và trở thành kẻ thù của người Công Giáo, Cha Đậu mạnh mẽ đến gặp ông ta và dùng lời lẽ khôn ngoan đã khuyên được ông ta trở về và làm cho giáo dân ở đó được an tâm. Ngoài ra tại Bắc Kỳ lúc đó có nhiều thiên tai và dịch tễ, Cha Đậu tỏ ra nhiệt thành bác ái không sợ bị bệnh tật nữa. Người chứng thứ 34 nói về lòng bác ái của cha như sau: *“Một năm tại làng tôi có dịch tễ, Cha Đậu tới cả ngày cả đêm không kể thời tiết xấu. Dù bị bệnh, người phó thác nơi Chúa, vẫn tiếp tục đi săn sóc các bệnh nhân khác. Cha Đậu còn sốt sắng khuyên bảo những người rượu chè và cờ bạc. Người có tài khuyến dụ họ bỏ được các thói xấu đó”*.

Tóm lại, trong 10 năm cha vừa trau dồi nhân đức bằng việc cầu nguyện hãm mình, vừa sốt sắng làm việc tông đồ và xả thân cứu giúp người nghèo khó.

Ngày 29-11-1743, một giáo dân tên là Đào Tất Đạt đã đi tố giác nơi cha ở. Sáng sớm đang khi Cha Đậu làm lễ thì lính nhà quan ủa đến Lục Thủy tìm bắt người. Cha Đậu vội cầm mình thánh trốn vào trong thì bị tên lính túm tóc đánh vào hông làm người té xuống đất. Tên này còn đá lên đầu cha làm máu chảy ra. Mấy tên lính khác lột áo người và đem chia nhau. Đồng thời họ cũng bắt luôn Thầy Ignatiô Nguyễn Văn Quý, còn cha phó Giuse Đình thì chạy trốn kịp, và hai thầy khác là Sien và Dan cũng cời trốn ra được.

LM. VŨ THÀNH

Cha Đậu và Thầy Ignatiô Quí bị trói và dẫn đến nhà quan phủ Lê Phong tại Vị Hoàng. Tối nơi vào nửa đêm, quan phủ chỉ hỏi tên tuổi rồi cho lính xích chân tay và cấm không cho ai được đến gần. Ít ngày sau, quan phủ cho giáo dân hay là sẽ thả cha nếu họ chịu nộp một số tiền lớn. Giáo dân gom được 90 lạng bạc giao cho quan. Quan vui vẻ nhận nhưng để mặc giáo dân chờ đợi trong thất vọng. Có một đêm, một người lính Công Giáo đến đòi bẻ xích để cha trốn đi, nhưng cha đã không chấp nhận một sự tự do như thế vì nguy hiểm cho người lính. Sau cùng họ giải cha đi Hà Nội, cha cứ tưởng giờ tử đạo đã đến nên dọn mình suốt cả đêm. Cha bị dẫn đi trong thành phố như những tên tội phạm, trẻ con và dân chúng hai bên đường chế diễu.

Ngày 18-12-1743, cha được giao cho quan Đề Lĩnh, con rể của chúa Trịnh, đang trị nhậm Kẻ Chợ. Ban đêm cả hai vợ chồng tới tra vấn và xem cho biết mặt mũi người Âu Châu ra sao. Khi quan hỏi tên tuổi, thời gian cha ở Bắc Việt, đến đây làm gì và giảng dạy những gì, Cha Đậu đã thưa lại tên người là Mateo, đến Bắc Việt được 12 năm và là thầy cả của đạo thánh Đức Chúa Trời, đạo chân thật, đến xứ này để giảng về Chúa chân thật và về ba bậc cha, đó là Cha Trời Đất, cha của quốc gia, và cha gia đình. Sau đó người đọc cho quan nghe 10 điều răn.

Quan Đề Lĩnh lại hỏi tại sao có lệnh vua quan cấm đạo mà còn đến? Cha Đậu trả lời là chính vì có lệnh cấm mới không dám xuất hiện công khai, phải lén lút gặp gỡ giáo dân ban đêm để có thể giảng đạo và khuyên nhủ người ta theo con đường thiện hảo. Dân chúng nghe tin có người Âu Châu trong tù cũng tuồn đến xem. Dầu vậy cha vẫn bị đối xử như một người trộm cướp có sức mạnh chịu mọi sự cực hình tra tấn. Bốn tháng trời bị giam giữ trong nhà tù của quan, Cha Đậu không ngừng rao giảng đạo cho những người đến thăm. Thấy cha giảng vất vả, lính canh tháo gông để cha dễ dàng nói về đạo hơn.

Cha bị tra vấn cả thảy 7 lần, mãi tới ngày 3-4-1744 cha mới được đưa ra tòa lần đầu tiên cùng với các đồ đạo như thánh giá, ảnh đạo và sách nguyện mà chúng đã tịch thu. Một trong ba quan án trở vào cây thánh giá hỏi người: “Cái gì đây?”

Cha Đậu trả lời: “Đó là Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, đã xuống trần làm người và chịu khổ để đền tội cho nhân loại vì tổ phụ con người đã bất tuân lệnh Chúa Trời đất, và vì không ai chuộc được lỗi

DÒNG MÁU ANH HÙNG

tây trời ấy nên Con Chúa Trời đã làm người chịu chết chuộc tội và có thể làm cho con người được lên trời”.

Sau đó quan còn hỏi những bức ảnh Đức Mẹ, Thánh Giuse, v.v. và nghe đọc sách nguyện. Quan lại hỏi về luật trong đạo. Cha Đậu trả lời: *“Tôi có nhiều sách in chữ Hán do các tiến sĩ ở Bắc Kinh, cũng như mấy cuốn sách in bằng chữ An Nam nữa, mà nếu quan có đọc thì chắc sẽ không bắt tôi giam tù như thế này”.*

Sau đó quan hỏi về quê quán và đời sống bên nước Tây Ban Nha như có nhà cửa, tòa án không, người đàn bà có theo đạo như vậy không, v.v.

Ngày 12-4 cha lại bị đem ra trước tòa và quan án hỏi: *“Ông có dám đánh cây thánh giá không?”*

- *“Bẩm quan tòa, tôi là đạo trưởng đến đây để rao giảng luật đạo đức chân thật của Chúa, bởi vậy tôi không khi nào chối đạo và đánh vào ảnh tượng là một trọng tội. Luật mà tôi giảng dạy là chân thật và công bằng, giúp người ta thoát bỏ con đường tội lỗi để trau dồi đức hạnh trong việc tôn kính ba bậc cha”.*

- *“Ba bậc cha là những ai?”*

- *“Trước hết là Thiên Chúa cao cả, Cha của mọi thần thánh, rồi mỗi nước có vua và các quan, sau cùng là cha mẹ và các tổ tiên. Con người đã nhận bao nhiêu ân huệ từ ba bậc cha này”.*

Cha Đậu được đưa ra khỏi tòa và họ bắt đầu tra vấn Thầy Ignatio Quí trong hai tiếng đồng hồ. Sau đó lại gọi Cha Đậu trở lại và hỏi có biết Thầy Hoi, Thầy Xa, Thầy Thiên, và Thầy Kiên không, đồng thời đe dọa là không được nói dối. Cha Đậu trả lời:

- *“Không biết. Tôi chỉ biết tên Ignasio, Luca, Giovanni và Giuse”.*

- *“Quê quán của mấy người này ở đâu?”*

- *“Tôi không biết.”*

Họ liền bàn luận với nhau về phép Rửa Tội. Cha Đậu liền nhân cơ hội nói với họ đầy đủ về các bí tích: *“Chúa chúng tôi là Đức Giêsu Kitô đã lập ra 7 nghi thức gọi là bí tích, phép Rửa Tội là một trong 7 bí tích đó. Đức Kitô đã truyền cho các môn đệ phải đi khắp thế giới để làm phép Rửa Tội và giảng luật cứu rỗi”.*

LM. VŨ THÀNH

- “Trong 13 năm qua ông ở những đâu?”
- “Tôi đi nhiều nơi khác nhau, chỉ có tỉnh Nam Định là ít mà thôi”.
- “Có phải là ban đêm đàn ông đàn bà ngủ chung với nhau không?”
- “Đây là một lời vu khống tấy trời nhằm làm hại người Công Giáo chúng tôi”.
- “Ông có phù phép gì mà làm cho người ta tin thế? Ông có vợ không? Chịu vất vả như thế này ông được thưởng gì chứ?”
- “Tôi đã dâng hiến trọn đời cho Chúa và giảng dạy người ta chỉ làm điều lành chứ không được làm những điều ác hại, và cuối cùng tôi chỉ mong phần thưởng trên nước trời”.
- “Ai đã dẫn ông tới Bắc Kỳ? Ông sống bằng cách nào?”
- “Người Trung Hoa đã dẫn tôi vào. Tôi chỉ sống bằng của bố thí của giáo dân. Trong thời giặc giã thì tôi ở Nam Chan”.

Sau đó các quan soạn ra một bản án như sau: “Tuân theo các lệnh của chúa, chúng hạ thần đã xem xét bản tâu trình của đại quan Lê Phương, tổng đốc tỉnh Nam Định, và đô đốc Điều, người đã bắt và giao nộp tên đạo trưởng Đậu và một số đồ đạo. Chúng hạ thần ký nhận và chịu trách nhiệm rằng đạo trưởng Đậu, còn có tên là Mateo, từ năm Nhâm Tý 1732 cho đến nay đã sống tại Giao Thủy và dạy dỗ dân chúng những điều chẳng nên và dụ hoặc những người dân đơn sơ. Vì vậy quan Lê Phương và quan Điều đã sai Đào Tất Đạt truy lùng chỗ ở. Sau khi dò thám ra nơi ở đã sai binh sĩ đến bắt giam và tịch thu đồ đạo. Họ đã bắt giữ đạo trưởng Mateo và thầy Nguyễn Văn Quý cùng với sách luật và tượng ảnh. Sau khi xem xét kỹ lưỡng các sự việc kể trên, chúng hạ thần quyết định rằng đạo trưởng ‘Hoa Lang’ Mateo đáng tội chết và Nguyễn Văn Quý phải đẩy chẵn voi cho vua và công việc nặng nhất sẽ dành cho y. Các đồ đạo thì phải thiêu hủy. Đối với quan Lê Phương và quan Điều vì đã có công với quốc gia sai lính bắt được đạo trưởng nên sẽ trọng thưởng 70 nén bạc. Đó là bản án chúng hạ thần đệ trình lên chúa châu phê. Ấn ký ngày 20-3-1744 (Âm Lịch), năm thứ năm của Minh Vương”.

Tuy nhiên bản án trên đã không được thi hành, và vì có loạn nên 6 tháng sau bản án được đổi sang lưu đồ chung thân. Bản án được châu phê, nhưng ít ngày sau gặp thời kỳ hạn hán nên chúa Trịnh ra lệnh giảm các án, Thầy Quý được trả tự do sau khi nộp một số tiền, còn Cha Đậu thì bị tù chung thân. Ngày 30-5-1744 cha được chuyển sang ngục Đông, nơi Cha Tế đang bị giam giữ. Cũng như Cha Tế, người thường ra nhà bà Gạo dùng cơm và được khá nhiều tự do.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Trong tù, cha ăn mỗi ngày một bữa, tiền còn lại đem cho người nghèo, đồng thời cha còn dạy ba chú học tiếng Latinh, và giảng dạy cho những người đến thăm cha, trong một căn nhà riêng cạnh nhà tù. Ngày lễ có tới 150 người đến dự, có khi họ còn bí mật vồng cha đi thăm kẻ liệt. Có lần cả hai cha được đưa đến nói chuyện với một quan trong triều về đạo và tặng quan một cuốn sách.

Khi Cha Tế được tin về án xử thì vui mừng, còn Cha Đậu thì buồn. Giáo dân làm bản kiến nghị để tù nhân kháng cáo lần cuối khi đi qua phủ Chúa Trịnh, Cha Đậu cũng xin đi theo để chứng kiến việc hành quyết và đồng thời đưa cho quan bản kiến nghị. Trong bản kiến nghị người hỏi tại sao bạn người bị chém đầu còn người thì không, trong khi cả hai cùng là đạo trưởng, nếu chém đầu thì phải chém cả hai, còn nếu tha một thì phải tha cả người kia, và cuối cùng người yêu cầu được cùng chung một số phận với người bạn. Chúa Trịnh thấy hành động táo bạo như vậy liền ra lệnh làm một bản án cho Cha Đậu cùng bị chém. Bản án được viết như sau: *“Các quan do chúa Trịnh chỉ định, xét lại bản án do cấp dưới đã trình lên như sau: Tên này trước kia đã bị kết án tử và bây giờ án được lập lại. Vậy ngoại nhân thứ nhất Francis Gil (Cha Tế) là một đạo trưởng đạo ‘Hoa Lang’, tên ngoại nhân thứ hai Mateo (Cha Đậu) cũng là đạo trưởng đạo ‘Hoa Lang’. Tên sau này án được chuyển sang tù chung thân nhưng vừa được đổi thành xử trảm. Án ký ngày 10-12 năm thứ năm Minh Vương. Quan án: Phương Hùng, Nghĩa Hậu, Liêm Ngũ Lục, và Trung Hầu”*. Thế là hai cha cùng bị đem đi với 8 tên tội phạm khác ra nơi xử.

Một nhân chứng tường thuật buổi hành quyết như sau: Hai cha đi vào chỗ thứ ba và bốn, giữa 8 tên tội phạm khác, bị xích lại với nhau thành một hàng. Trời mưa đổ xuống trên đầu trần các đấng, thỉnh thoảng các đấng giơ tay lau nước mưa, nét mặt vẫn hân hoan. Tới nơi các đấng quì xuống cầu nguyện một lát. Sau đó được đưa tới mô đất có trải chiếu sẵn, các đấng lại nằm phục xuống một lúc rồi quì lên, nghiêng đầu chờ lệnh xử trảm. Giáo dân xin hai cha ban phép lành. Các đấng xin họ đọc kinh Tin Kính và sau đó Cha Đậu tính giảng lần cuối cùng, nhưng một tên lính ngăn lại nói: *“Chúa Trịnh kết án vì giảng đạo sai lầm này sao người còn muốn tiếp tục?”*

Cha Đậu liền nói: *“Tôi đến Bắc Việt là để giảng đạo của Chúa trời đất để mọi người dân cư trong nước này được biết Người là Chúa thật. Tôi quyết tâm rao giảng vì biết rằng các vị ở đây chưa biết Chúa trời đất*

LM. VŨ THÀNH

và chưa phân biệt được điều lành điều xấu và không biết cái gì sẽ xảy ra cho đời sau”.

Một tên lính khác lại nhắc lại: “*Vua gồm ghét đạo này, sao còn cả gan nói nhảm nữa?*”

Cha Đậu lại nói: “*Với cái chết vì đức tin, chúng tôi sẽ được phân thưởng trên nước trời. Cái chết của chúng tôi làm chứng cho cả thế gian về sự thật và sự thánh thiện của đạo Công Giáo trong ngày phán xét. Chính vì vậy chúng tôi không sợ hãi gì cách chết này mà người ta dành cho chúng tôi”.*

Vào lúc 4:00 giờ chiều ngày 22-1-1745, đầu của hai vị anh hùng tử vì đạo rơi xuống. Một tên lính hét lên: “*Rồi đây đôi kém và thiên tai sẽ đổ xuống trên chúng ta. Tại sao cứ phải giết các đạo trưởng không hề trộm cắp giết người? Chúng ta đều biết rõ họ là đáng thánh”.*

Lòng tôn kính các đáng anh hùng tử đạo đã lôi kéo nhiều người đến mộ các đáng để cầu nguyện và xin ơn. Khi về họ còn mang theo nắm đất để kính nhớ các đáng. Cả những người lương cũng đến cầu nguyện nữa.

Một người tên là Giuse Can đã thể là kể chuyện có thật sau đây: “*Thầy già Khiêm đã kể cho tôi nghe chuyện tên lý hình Chân Nhuệ, đã bắt Cha Đậu trước đây, bị đau ốm lâu dài. Sau khi nghe biết Cha Đậu đã chết vì đạo thánh thì ông ta hối cải cầu xin với Cha Đậu phù hộ, ông ta được khỏi bệnh cách lạ lùng. Ông ta đã từ bỏ thần phật để theo đạo do Cha Đậu rao giảng”.*

Một trường hợp khác được kể lại là người giữ chùa bị đau nặng dù đã cầu đảo các thần phật và chạy chữa thuốc men nhưng vẫn không khỏi. Một người Công Giáo đến thăm, lặng lẽ nhúng miếng vải đã được thấm máu đào của Cha Đậu vào ly nước rồi cho bệnh nhân uống mà không nói gì cả. Bệnh nhân vừa uống hết ly nước thì cảm thấy khỏe mạnh. Ông từ giữ chùa sau đó mới được biết liền xin trở lại đạo.

5. Các lệnh cấm đạo năm 1750, 1754, và 1765

Cuối năm 1748, Trịnh Doanh đi thăm các trại lính thấy khẩu đại bác có chữ Âu Châu muốn biết xem là chữ gì liền ra lệnh tìm người Âu

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Châu. Cha Paleceuk Dòng Tên được đưa đến để giải thích các chữ viết, đồng thời khuyến khích Chúa Trịnh tin dùng người Âu Châu làm cố vấn. Ngay lúc đó Trịnh Doanh ra lệnh phóng thích 7 người Công Giáo đang bị giam giữ ở Kinh Đô và xin Cha Paleceuk tìm các chuyên viên toán học và thiên văn. Bề trên Dòng Tên ở Macao sai Cha Simonelli và 6 vị thừa sai với đầy đủ dụng cụ thiên văn và toán học đến. Trong thời gian này giáo dân bắt đầu tổ chức lễ lạy công khai, nhiều quan trở lại đạo và lương dân thân thiện với Công Giáo như trước.

Nhưng không biết vì lẽ gì Trịnh Doanh lại đổi ý, ngày 3-7-1750 lập lại các lệnh cấm đạo cũ. Năm 1751 khi đoàn thừa sai từ Macao đến để làm việc theo lời yêu cầu đã bị từ chối không cho phép xuống đất. Sau cha Dòng Tên đã lên xuống được, còn cha trưởng đoàn phải trở về Macao.

Ngày 26-10-1754, Trịnh Doanh công bố một lệnh cấm đạo mới. Nội dung như sau: *“Hội đồng các quan truyền lệnh cho các huyện như sau: Đạo ‘Hoa Lang’ lắm lạc nghịch lại lý trí, mê hoặc lòng dân và còn truyền bá lan rộng đạo lý sai lầm. Các năm trước hội đồng đã gửi các sắc lệnh ngăn cấm để chặn sự xâm nhập của đạo này, nhưng vẫn còn có người tiếp tục làm hư hại người khác. Vì vậy quan trấn các phủ huyện phải bí mật điều tra. Nếu bắt được đạo trưởng thì phải giải họ về kinh, các tín hữu thì phải trừng phạt, hoặc lưu đày, hoặc tạp dịch trong các chuồng thú vật, hoặc đánh đòn. Nếu các quan chểnh mảng nhiệm vụ này sẽ bị trừng phạt, ai nhiệt thành sẽ được trọng thưởng”.*

Lệnh trên được bí mật gửi cho các quan, nhưng khi các vị thừa sai biết được đã ra lệnh ngưng các buổi hội họp, sửa đổi nhà thờ thành nhà ở, treo cờ, dựng cây nêu... Còn các vị thừa sai thì tạm thời trốn tránh. Kết quả Cha Đóa bị bắt với 4 người nhà. Cha Cai và 4 người nhà khác cũng bị bắt tại Bồ Chính, các chủng sinh tại Thanh Hóa một số bị bắt. Địa phận Đông Kỳ có một thầy giảng bị bắt tại Xứ Bắc và Cha Alonso Dòng Đa Minh cũng bị bắt.

Ngày 15-9-1765, Trịnh Doanh kết án một nhà sư và ra lệnh giải tán một số chùa chiền, nhưng vì sợ dân chúng phản loạn cho là bắt đạo Phật nên Trịnh Doanh ra lệnh cấm luôn cả đạo Công Giáo. Các vị thừa sai chỉ nhắc đến những vụ bắt bớ do quan lại muốn làm tiền, không có ghi lại sắc lệnh. Kết quả là Cha Orta người Ý thuộc Dòng

LM. VŨ THÀNH

Tên và Cha Đóa Dòng Đa Minh bị bắt tại Thanh Hóa. Ngoài ra Cha Gioan Hiên và nhiều cha khác đi làm lễ Phục Sinh cũng bị bắt. Khi Trịnh Doanh chết cuộc bắt bố mới tạm yên.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

LM. VŨ THÀNH

PHẦN IV
NHỮNG CUỘC BÁCH ĐẠO
1833 - 1840

CHƯƠNG 1

Đạo Công Giáo Phát Triển Dưới Thời Vua Gia Long

I. Thái độ vua Gia Long đối với đạo Công Giáo

Nguyễn Ánh có tư chất một người quân tử biết phục thiện, đã làm cho Đức Cha Bá Đa Lộc quý mến và giao tiếp khi ở Biên Hòa. Hoàn cảnh đưa đẩy, hai người gặp nhau trong cảnh chạy trốn vì quân Tây Sơn đã chiếm trọn giang san. Đức Cha Bá Đa Lộc chia sẻ gạo nước cho tàn quân của Nguyễn Ánh, và đã sẵn sàng giúp ông khôi phục nước với hy vọng một người có tư chất thông minh biết chấp nhận lẽ phải sẽ là ông vua ủng hộ đạo Công Giáo. Từ đó Nguyễn Ánh giao Hoàng Tử Cảnh cho đức cha làm con tin và đồng thời dạy dỗ hoàng tử. Sự tận tâm của đức cha đã thuyết phục được những người hào tâm và một nhóm người Pháp giúp Nguyễn Ánh khôi phục dần các phần đất. Trong những dịp sát cánh khi chiến đấu hoặc dự các buổi lễ, hai người đã có nhiều xung đột về tôn giáo.

Có một vị quan tố cáo là các thừa sai lấy mắt người chết làm hạt ngọc, rồi nhét bông vào mắt thay thế, vị quan còn nói thấy trong nhà thờ có nhiều hạt ngọc như thế. Nguyễn Ánh nói: *“Nếu quả thực có như vậy, người Công Giáo sẽ bị trừng phạt, ngược lại người sẽ phải chém đầu”*.

Ông quan thú nhận là chỉ nghe nói thế. Nguyễn Ánh ra lệnh chém đầu vị quan vu cáo này, song Đức Cha Bá Đa Lộc đã phải can thiệp xin khoan hồng.

Điểm khó khăn then chốt khiến Nguyễn Ánh, dù có cảm tình với đạo, cũng không theo đạo vì đạo cấm lạy tổ tiên. Nguyễn Ánh nói: *“Thật là tốt đẹp nếu tập tục này có thể dung hòa với Kitô giáo, vì theo lối nhìn của ta, thực sự không có cái gì cản trở dân chúng theo đạo. Như ta đã nói trước đây, tập tục này chỉ có tính cách dân sự và chính trị, còn niềm tin tưởng gán cho nó là một lầm lạc của dân chúng. Thái độ của ta như thế không tố cáo các tín hữu và cho phép họ làm theo phong tục.... Nếu ta bãi bỏ đi thì càng làm cho người khác nghĩ rằng ta đã thay đổi đạo và không còn theo ta nữa. Ta đã cấm tà thuật, bói*

LM. VŨ THÀNH

toán. Ta coi việc thờ kính các thần là giả dối đáng buồn cười. Nhưng ta coi việc tôn kính tổ tiên là một căn bản của nền giáo dục. Ta muốn mọi người chú ý và để cho người Kitô có thể gần với chúng ta hơn”.

Trên thực tế, ông lại nói với các quan Công Giáo: *“Ta đã nuôi nấng các người, đã ban bao nhiêu ơn huệ, tại sao lại từ chối không lay các tổ tiên của ta? Ta không bắt các người bỏ đạo, cũng không ép các người thờ lay các thần phật, ta chỉ muốn một điều là các người tôn kính tổ tiên ta một cách công khai. Đó là dấu chỉ biết ơn của ta với các đấng trước mặt mọi người”.*

Thờ cúng ông bà đã trở thành bức tường ngăn cách Công Giáo và lương dân, hai bên không thể hiểu được nhau. Hoàng Tử Cảnh lại chết sớm ngày 21-3-1801, càng làm cho nhịp cầu thông cảm tiêu tan. Tuy nhiên khi Nguyễn Ánh tiến quân tới đâu đều cho phép người Công Giáo được tự do giữ đạo và khuyên nhủ người Công Giáo cầu nguyện cho quân đội. Khi vào thành Phú Xuân, Nguyễn Ánh đã cho lệnh tìm các thừa sai đang ẩn trốn, vì Tây Sơn bắt đạo. Nguyễn Ánh cũng hứa ra sắc lệnh ủng hộ đạo Công Giáo nhưng ông chẳng bao giờ thi hành. Tháng 2 năm 1803, Đức Cha Labartette và Đức Cha La Mothe xin với Nguyễn Ánh ra sắc lệnh miễn cho người Công Giáo khỏi phải tham dự vào việc cúng tế thần làng. Một năm sau ông mới giao cho các quan cứu xét, và lẽ dĩ nhiên các quan bác bỏ, viện lẽ rằng nếu các hương chức trong làng muốn chuẩn cho người Công Giáo khỏi nộp tiền cúng tế thì tùy các ông, nếu các ông muốn bắt phải nộp thì các ông có quyền vì đó là một tục lệ quốc gia.

Ngoài vấn đề thờ kính tổ tiên, còn một vấn đề khác nữa làm cho Nguyễn Ánh không chấp nhận đạo Công Giáo, là luật một vợ một chồng. Có lần Nguyễn Ánh nói với Đức Cha Bá Đa Lộc: *“Đạo của đức cha là một đạo tốt lành nhưng nghiêm khắc quá, ai mà có thể giữ được? Tôi không thể nào chỉ cưới có một vợ”.*

Sau khi thống nhất đất nước vua Gia Long cũng như các quan không còn tha thiết đến vấn đề đạo Công Giáo. Trái lại các quan đã nhen nhúm lòng ghen tương và đố kỵ đối với Công Giáo. Ngày 19-2-1804, các quan họp nhau xin vua hạn chế các tôn giáo, và lẽ dĩ nhiên đặc biệt nhắm đến Công Giáo. Đức Cha Labartette đã phải dùng đến kiểu nói: *“Các quan xấu xa chưa từng có và thù ghét đạo”.*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Lúc ấy Vua Gia Long đang ở Thăng Long để đón sắc phong của vua Trung Hoa. Ngay sau khi được đại sứ Trung Hoa tấn phong, ông để cho khâm sai Bắc Việt ra một sắc lệnh về các ngày lễ và sửa chùa chiền và nhà thờ. Sắc lệnh công bố ngày 9-3-1804, trước hết xác định những ngày quốc khánh trong năm mà mỗi làng phải tổ chức trọng thể và phận sự của mỗi người dân phải đóng góp trong những dịp ấy. Phần sau nói về tôn giáo, có các quyết định: cấm không được xây chùa chiền để thờ Phật Thích Ca, cấm không được xây dựng chùa mới. Những điều cấm này cũng triệt để áp dụng cả với đạo Công Giáo, vì đạo này là một đạo ngoại lai và có tính cách ngu dân, đã đem chuyện hỏa ngục và thiên đàng ra mê hoặc dân chúng. Riêng phần này, sắc lệnh viết như sau: *“Còn về đạo Bồ Đào Nha là một đạo ngoại lai đã được truyền bá cách lén lút khắp trong nước và hiện nay vẫn còn, mặc dù chính phủ đã cố gắng hủy bỏ cái đạo dị đoan này. Hỏa ngục là một chỗ ghê gớm đạo này dùng để làm cho kẻ ngu xuẩn khiếp sợ, còn thiên đàng mà đạo hứa sẽ ban cho những người ngay lành là một thành ngữ rất kêu để quyến rũ những người khờ khạo. Một số khá lớn dân chúng trong nước bị thấm nhiễm tà đạo và đã quen giữ lễ luật một cách mù quáng thiếu suy nghĩ nên không sao mở mắt họ được. Do đó từ rầy về sau trong các tổng và các làng đã có nhà thờ thì cấm sửa chữa hoặc xây dựng lại những nhà thờ đã bị hư nát, còn cất nhà thờ mới ở những nơi chưa có thì tuyệt đối cấm hẳn”*.

Trên thực tế, vua Gia Long đã bênh vực Công Giáo mỗi khi có những rắc rối hay bị làng bên lương ức hiếp. Do thái độ này mà các quan vẫn còn kiêng nể người Công Giáo. Hơn nữa vua còn ban cho các đức cha và các linh mục giấy phép tự do truyền đạo, có quyền mang theo 15 người nhà giúp việc. Những giấy phép này các đấng còn giữ cho tới khi vua Minh Mệnh bắt đạo. Đức Cha Delgado đã trình giấy phép này khi người bị các quan tỉnh Nam Định bắt năm 1838 và hạch sách người tại sao lại lén lút giảng đạo bất tuân lệnh vua.

II. Tình hình truyền giáo tại các địa phận

Từ khi vua Gia Long thống nhất đất nước, giáo hội Công Giáo tại Việt Nam được hưởng một phần tư thế kỷ bình an để củng cố và phát triển. Trong cả 3 địa phận Tây Bắc Việt, Đông Bắc Việt và Nam Việt, các đức cha sống lâu dài đủ để phác họa những kế hoạch mục vụ và truyền giáo, như mở các chủng viện, các nhà dòng và những cuộc kinh lý. Trong thời gian này số thừa sai không gia tăng nhưng

LM. VŨ THÀNH

số linh mục, thầy giảng và giáo dân Việt Nam gia tăng một cách đáng kể.

1. Địa phận Tây Bắc Việt:

Địa phận này được giao cho các cha thừa sai Pháp, do Đức Cha Longer coi sóc từ năm 1792 đến năm 1831. Người có tất cả 4 giám mục phụ tá lần lượt: La Mothe 1796, Guerard 1816, Ollivier 1825, Havard 1829.

Theo phúc trình năm 1795, địa phận gồm có 2 giám mục, 9 thừa sai, 44 linh mục Việt, 130 thầy giảng và 25 nhà Dòng Mến Thánh Giá, số giáo dân trên 100.000. Đến năm 1825, tức 30 năm sau, địa phận có 2 giám mục, 3 thừa sai Pháp, 83 linh mục và khoảng 200.000 giáo dân. Như thế chỉ trong một năm mà con số linh mục và giáo dân tăng gần gấp đôi. Số học sinh tại chủng viện khoảng 200 và số nữ tu khoảng 700.

2. Địa phận Đông Bắc Việt:

Địa phận này do các cha Dòng Đa Minh phụ trách, dưới quyền Đức Cha Delgado từ năm 1797 đến khi người tử đạo năm 1838. Năm 1803 người có một Giám Mục phụ tá là Đức Cha Henares. Cả hai cùng bị bắt và tử đạo năm 1838.

Năm 1808 địa phận có 2 Giám Mục, 54 linh mục, và khoảng 100.000 giáo dân. Đầu thế kỷ thứ 19, địa phận còn lại một số cha Dòng Tên Việt Nam và Dòng Augustinô coi một phần. Từ năm 1808 trở đi mới hoàn toàn do các cha Dòng Đa Minh, và mở đầu một giai đoạn mới tại địa phận này.

Đến năm 1825 địa phận có 2 Giám Mục, 18 linh mục triều, 40 linh mục Dòng Đa Minh, hai chủng viện tại Ninh Cường và Lục Thủy Hạ có 89 học sinh, 3 nhà Dòng Đa Minh nữ và 18 chi dòng, mỗi chi dòng khoảng 25 chị, 3 nhà Dòng Mến Thánh Giá. Số giáo dân năm 1804 là 133.751, và năm 1825 là 163.101. Như vậy trong 20 năm số giáo dân gia tăng 22%.

3. Địa phận Nam Việt:

Địa phận này do các vị thừa sai Pháp phụ trách dưới quyền Đức Cha Labartette từ năm 1793 đến năm 1823. Người có hai giám mục phụ

DÒNG MÁU ANH HÙNG

tá lần lượt là Doussain 1808 và Audemar 1817. Cả hai vị giám mục phụ tá đều chết sớm, nên khi Đức Cha Labartette chết, toàn địa phận không có giám mục và năm 1825 chỉ còn có hai vị thừa sai là Gagelin và Taberd (làm Giám Mục năm 1827).

Theo phúc trình năm 1795 tại vùng Nam Hạ (Sài Gòn, Vĩnh Long) có Đức Cha Bá Đa Lộc, 3 thừa sai, một cha Dòng Phanxicô và 6 linh mục Việt. Tại Nam Thượng (Huế) có Đức Cha Labartette (phụ tá), 4 thừa sai Pháp và 3 linh mục Việt. Tổng số giáo dân là 47.000. Đến năm 1821, Thừa Sai Taberd cho biết tất cả có 20 linh mục Việt, 60.000 giáo dân và 15 nhà Dòng Mến Thánh Giá. Có hai học viện khoảng 55 học sinh.

Địa phận Nam Việt trải qua một cơn khủng hoảng vì thiếu thừa sai cũng như linh mục nên số giáo dân không có tăng triển là bao nhiêu.

Minh Mệnh, Một Néron Việt Nam

J uý Minh Mệnh lấy vương hiệu là Nhân Hoàng Đế nhưng con người thật của Minh Mệnh lại độc ác đến nỗi các thừa sai phải gọi ông là Néron Việt Nam, hay có trái tim Néron. Sử gia Trần Trọng Kim dù cố gắng biện hộ cho vua Minh Mệnh cũng đã phải nhận ông là một vị vua khắc nghiệt.

1. Vài sự kiện về tính nham hiểm và tàn ác của Minh Mệnh

Thừa Sai Miche ghi lại năm 1841, tức là ngay sau khi Minh Mệnh qua đời, ba sự kiện về Minh Mệnh được truyền. Sự kiện thứ nhất là khi có giặc nổi loạn ở miền Nam, Minh Mệnh sợ hãi và phòng xa cho cuộc chiến đấu nên đã giao cho một vương phi xây hầm bí mật để chôn cất tài sản. Ban đầu Minh Mệnh còn cho vị vương phi này nhiều đặc ân khiến mọi người khác phải ghen tương, nhưng khi việc đã xong ông hạ lệnh cắt lưởi bà. Sự kiện thứ hai, Minh Mệnh muốn chiếm đoạt tài sản của một phú hộ ở kinh đô bằng cách lấy con gái ông làm nàng hầu. Sau khi lấy rồi Minh Mệnh bắt đầu hắt hủi để ông nhà giàu dần dần túng tử từ hết cả cơ nghiệp. Cuối cùng người nàng hầu được cho về với gia đình. Sự kiện thứ ba, Minh Mệnh thường thích xem cạp cầu xé con vật. Để xem cảnh dã man đó, ông đã ra lệnh vắt một vật vào chuồng cạp và bắt người lính cận vệ chui vào chuồng cạp để lấy. Người lính đứng trước cái chết không thể tránh thoát, một đảng nếu không vâng lời sẽ bị giết vì tội khi quân, còn đảng khác nếu vâng lời thì phải làm mồi cho thú dữ, nên đã vào chuồng cạp để Minh Mệnh được xem cảnh thú ăn thịt người. Nhưng cạp đã để người lính bình yên vô sự.

Tác giả Trần Thanh Mại cũng kể vài sự kiện về Minh Mệnh. Một hôm Minh Mệnh đang ngồi trên Ý Phong Đài trông ra biển suy tư. Khi thấy có một vật nhấp nhô ngoài biển, ông ra lệnh chèo thuyền ra xem. Đó là một viên suất đội sóng sót sau khi cả tàu tuần dương bị quân Trung Hoa đánh bại. Sau khi nghe trình bày sự việc, Minh Mệnh ra một bản án như sau: *“Người làm suất đội có phận sự giữ gìn bờ cõi cho quốc gia, coi trong tay 50 mạng người. Gặp giặc không đánh được giặc lại để thua, chết hết cả thủ hạ của mình, mà còn tham sống mong thoát một mình, không biết thẹn với cái chí khí làm trai. Chém*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

đầu đi, chém đầu bêu ngay lên cây dừa cho ta". Lần khác bắt gặp một viên coi việc đóng lương không chịu dùng ống gạt miệng máu, ông bèn truyền lệnh chặt đứt hai bàn tay của kẻ phạm lỗi, rồi lấy những vật dầm máu ấy chấm lên mặt tất cả các viên chức thuộc sở đóng lương.

Vào mùa Thu nhà vua thường xét lại các vụ án, Minh Mệnh đã bác bỏ bản án của phủ và tha bổng tội nhân. Minh Mệnh phê: *"Thị Hai là con gái 20 tuổi, chị dâu nó 23 tuổi. Tuổi tác xê xích ngang nhau, tất nhiên sức lực cũng xấp xỉ ngang nhau. Nếu có cuộc ẩu đả thì tất cả hai bên đều phải bị thương gần như nhau và Thị Bụi không đến nỗi mang thương tích nhiều như thế. Dù cho Thị Hai có quá hung tợn và khoẻ mạnh mà ức hiếp chị dâu nó đến nỗi chị dâu không thể chống cự và tự vệ được tí nào, nhưng còn chồng nó ở đâu? Không nữa còn cha mẹ chồng nó ở đâu? Không nữa còn gia nhân tôi tớ nó, đến không có nữa thì hàng xóm tiếp cận nhà nó? Không có người này can ngăn thì có kẻ khác, có lý đâu họ chịu để cho Thị Hai hành hung đến nỗi Thị Bụi bị đánh lòi cả mắt, đứt cả tai, sập cả máu mũi và bầm tím cả thân mình mà chết? Sự đó chứng tỏ rằng kẻ bạc mệnh bình sinh cũng ngoa ngạnh lăng lòn lắm. Cho nên em dâu ghét đã đành mà đến chồng cũng ghét, ông già bà già cũng ghét, gia nhân đầy tớ không ai ưa, mà xóm giềng cũng chẳng ai có chút tình thương hại. Xảy ra cuộc ẩu đả mà không ai thêm can, mà có lẽ tất cả mọi người đều có dự phần vào đó nữa cũng nên, xem các thương tích nhiều và khác nhau cả như vậy thì đủ biết. Nay Thị Hai công khai nhận tội lấy một mình, ấy là vì sợ liên lụy đến cha mẹ, anh em, bà con, làng xóm, ấy là cao thượng. Nếu thị có tội thì bấy lâu nay bị tra khảo, giam cầm nhiều như thế cũng đã vừa. Nay phê cho tha bổng. Còn các án quan phủ và bộ vì điều tra không chu đáo, không thông minh, phải giáng nhệ cấp lưu. Bộ hình phải trình tên những người can vào việc để thi hành trừng phạt".*

2. Thái độ Minh Mệnh đối với người Công Giáo

Năm 1816 Gia Long không nghe lời bàn của các quan đại thần đã đặt Hoàng Tử Đảm, con vợ lẽ làm Thế tử, thay vì con của Hoàng Tử Cảnh, viện lẽ rằng người ta đòi nợ thì đòi con chứ không ai đòi cháu. Từ khi được chọn làm thế tử, Hoàng Tử Đảm đã tỏ ra không ưa thích các thừa sai. Năm 1817, ông nói với các thừa sai rằng nếu họ muốn giữ đạo thì về Âu Châu mà giữ. Tuy nhiên ông chưa dám làm hại họ vì Vua Gia Long còn sống và những người giúp lập

LM. VŨ THÀNH

ngiệp như Vannier, Chaigneau đang làm quan trong triều. Năm 1819 trước khi từ trần, Gia Long để lại một di chúc cho Minh Mệnh trong đó khoản 36 viết về tôn giáo: Đạo Thiên Chúa, đạo Nho và đạo Phật đều tốt cả. Không được phép bách hại đạo nào vì sẽ gây ra các vụ rối loạn trong nước, có khi làm mất nước nữa. Nhưng châm ngôn của Hoàng Tử Đảm là: Trong một nước không thể có hai đạo.

Khi Hoàng Tử Đảm lên ngôi, lấy hiệu là Minh Mệnh, ông đã khôn khéo dung hòa để củng cố địa vị cho vững chắc. Ông không bao giờ ra mặt lên án đạo mà chỉ xúi bẩy dưới làm kiến nghị. Nếu phải xử thì ông giao cho các quan nghị án, nếu không vừa ý thì ông bắt các quan viết án lại cho tới khi theo đúng tim đen của ông. Tháng 1, 1821, khi các quan đề cập đến đạo Hồi Giáo Ma-Hô-Mét, Minh Mệnh nói: *“Trẫm cũng ghét đạo của người Âu Châu. Trẫm sẽ cấm và bắt bỏ đạo cho tới khi tận diệt gốc rễ.”* Khi các quan trình bày việc bắt đạo bèn Nhật, Minh Mệnh cũng nói ngay rằng những cách ấy không khéo, người An Nam có cách hay hơn nhiều. Năm 1822 Minh Mệnh cho phép tàu buôn Anh đến nhưng cấm không cho mang theo thừa sai và thuốc phiện. Minh Mệnh cũng nói với các quan rằng trong nước có nhiều thừa sai nên ông sẽ trục xuất hết khi có tàu ngoại quốc đến. Từ năm 1825, Minh Mệnh không còn nói xuống ghét đạo mà đã bắt đầu kế hoạch diệt đạo từ từ. Tàu Thétis đến buôn bán có chở theo Cha Regéreau nhưng không được phép xuống tàu. Ban đêm giáo dân lên lút giúp người trốn xuống, nhưng sau đó bị lùng bắt nghiêm ngặt. Trong dịp này, các quan theo ý Minh Mệnh bàn việc cấm đạo nhưng nhờ có sự can thiệp của mẹ vua, thuyết phục ông là tất cả các vua bách hại đạo đều làm mất nước, nên mới không có lệnh cấm đạo.

Còn nhiều người chống đối việc bắt hại đạo, nhưng Minh Mệnh dùng trí xếp đặt một kế hoạch đại qui mô. Với danh nghĩa cần người thông dịch, Minh Mệnh ra lệnh tập trung các vị thừa sai về kinh đô, một hình thức giam lỏng và kiểm soát các hoạt động của các đảng. Thượng Công Lê Văn Duyệt phải khéo léo lắm mới có thể thuyết phục Minh Mệnh trả tự do cho họ. Nhưng Minh Mệnh để ý dò xét tìm cơ hội bắt lại.

Năm 1830, có hai vụ rắc rối tại Mông Phụ (Sơn Tây) và Dương Sơn (Quảng Trị), vua Minh Mệnh đã chuyển mọi lời vu cáo vào tội thực hành đạo Công Giáo nên ông ra lệnh trừng phạt hai họ đạo nói trên.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Lệnh được sao gửi đi các tỉnh để theo đó làm mẫu xử các vụ liên quan đến người Công Giáo. Khi Lê Văn Duyệt chết rồi thì Minh Mệnh không còn sợ ai nữa, ra lệnh bắt đạo và giết các đạo trưởng. Từ đó thiên tai và giặc giã liên tiếp xảy ra khiến Minh Mệnh phải làm bản cáo tội với trời đất và nhân dân, đồng thời định ăn chay một năm. Nhưng ông không coi việc bắt đạo là nguyên nhân gây rối loạn và thiên tai trong nước. Năm sau, Minh Mệnh mô phỏng các điều trong đạo đặt ra 10 điều răn bắt phải học hỏi trong dịp lễ lớn, và rước sách bản điều răn này. Khi bắt được Thừa Sai Marchand trong vùng giặc Lê Văn Khôi ở Gia Định, triều đình theo lệnh của Minh Mệnh tìm mọi cách bắt người phải nhận tội đã giúp quân phản loạn. Dù không được như ý, Minh Mệnh vẫn ra sắc lệnh cấm đạo, rêu rao bắt được người Công Giáo trong hàng ngũ phản nghịch. Một vài vụ án xử tử người Công Giáo, quan đầu tỉnh phúc trình là họ đã bỏ đạo. Minh Mệnh hả dạ được một chút thì có tin bắt được 6 bức thư, trong đó có 4 thư gửi đạo trưởng. Con thù ghét đạo lại nổi lên, Minh Mệnh ra lệnh đốc toàn lực để bắt hết các đạo trưởng. Từ năm 1838, máu tử đạo lại chan hòa khắp nơi. Bao nhiêu hình phạt giáng trên đầu những người ra tay bách hại. Cũng năm đó Minh Mệnh bị đau bụng trầm trọng, các y sĩ không biết cách nào mà chữa. Trong lúc ông đau đớn nhất, các con cái và những thượng quan đến thăm lại nói với ông vì bắt đạo Công Giáo nên phải chịu đau đớn này như là hình phạt. Tức thì Minh Mệnh nhòm dậy, trợn trừng mắt quả quyết khi khoẻ lại sẽ bắt đạo và tận diệt cho đến cùng. Trong mấy năm cuối cùng, quả thực lòng thù ghét đạo Công Giáo của Minh Mệnh lên cực độ đến mức không nhịn được nữa ông đã bùng ra mọi cách bách hại đạo như một con thú dữ vô mỗi. Năm 1839, ông liên tiếp ra sắc lệnh giảng huấn, dựng chùa miếu và cho hạn một năm phải làm cho mọi người chối đạo để hả dạ. Nhưng chính Thiên Chúa đã ra hạn cho ông. Đúng hạn ông đã ra cho các quan thì chính ông đã ngã ngựa và chết ngày 20-1-1841, năm Canh Tý, thọ 50 tuổi, làm vua được 21 năm. Thừa Sai Masson cho biết ngay sau khi Minh Mệnh chết, hai ngàn người được lệnh san bằng một quả núi. Nhưng thực ra xác ông được chôn cất bí mật trước để tránh kẻ thù không tìm đến xúc phạm phần mộ. Những người phải án tử hình thường phải làm công tác mật này và sau đó họ bị giết để bảo toàn bí mật. Chính ngày an táng trọng thể, trong quan tài của Minh Mệnh chỉ có ít viên đá.

Lệnh Tập Trung Thừa Sai

Minh Mệnh và các quan triều Nguyễn rất khó chịu về sự có mặt của các thừa sai, mặc dù ngay dưới đời vua Gia Long, các thừa sai hầu như không có lui tới triều đình, ngoài việc hằng năm đến lạy tạ vua và dâng lễ vật đầu năm. Minh Mệnh chỉ biết rõ Đức Cha Larbarette, và đặt cho người biệt danh là “*Lão Ông làng Cổ Vưu*”. Dưới triều Minh Mệnh còn một vấn đề khó khăn lớn là sự nghi kỵ giữa quan ta và quan tây, quan tân và quan cựu. Thực ra những người Pháp giúp vua Gia Long phục quốc đã dần dà chết hoặc về nước, chỉ còn lại hai ông là Vannier và Chaigneau. Các ông được phong tước nhị phẩm và được coi trọng như các quan khác không hơn không kém. Tuy nhiên các quan tây còn có sứ mệnh đại diện cho nước Pháp, điều này mới gây rắc rối khiến chính các ông chán nản xin rút lui.

1. Lệnh riêng cho quan trấn Quảng Nam 12-2-1825

Từ trước, Minh Mệnh đã ra lệnh cấm các tàu buôn ngoại quốc không được mang thừa sai đến. Năm 1822 vua cho phép tàu Anh cập bến với điều kiện không được mang thuốc phiện và thừa sai. Vì thế khi tàu Pháp La Thétis đến Cửa Hàn ngày 12-1-1825, các quan kiểm soát rất nghiêm và tra hỏi các thủy thủ xem trên tàu có thừa sai không. Lúc này ông Vannier và Chaigneau đã bỏ Huế, từ quan để sửa soạn về nước. Thương gia Pháp được thuyền chở về Huế để thương lượng, ông đã báo cho hai thừa sai Taberd và Gagelin biết trên tàu có Cha Régéreau. Ban đêm, hai thầy giảng đã lên đưa Cha Régéreau xuống đất liền. Vì mới tới, Cha Régéreau thiếu cẩn trọng, công khai làm phép tro và xúc tro trong mùa Chay khiến tên tuổi cha bị phát giác, Minh Mệnh liền ra lệnh bắt cha. Cha phải công khai lên tàu trở về nước, nhưng định xuống Đồng Nai sẽ lên ở lại.

Lệnh cho quan trấn Quảng Nam như sau: “*Quan Biện Hiệp vâng lệnh Hoàng Thượng truyền rằng: Tà đạo của người Âu Châu làm hư hỏng lòng người. Từ lâu các thuyền Âu Châu khi đến buôn bán đã để lại nhiều thừa sai trong nước. Những đạo trưởng này dụ dỗ và làm hư hỏng nhân dân đồng thời sửa đổi và phá đổ các tập tục tốt lành trong nước. Như thế không phải là một cái họa cho quốc gia chúng ta sao?*”

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Chính vì vậy chúng ta cần phải chống lại tệ nạn này để dẫn đưa nhân dân trở về chính đạo. Vì lẽ đó, chúng tôi, các quan hàng tuân giữ các lệnh truyền của Hoàng Đế, gửi cho quan trấn Quảng Nam chỉ dụ của vua để khi có tâu Pháp đến thì phải chú tâm xem xét cẩn thận. Hơn nữa cũng phải canh chừng cẩn thận các quan ải trên núi, dưới đất hay của biển hầu ngăn chặn bất cứ đạo trưởng Âu Châu nào lên lút xâm nhập để họ không thể trà trộn trong dân chúng và gieo rắc tà đạo trong đất nước. Các đạo trưởng này kế tiếp nhau không gián đoạn và coi đó như là một việc thông thường. Minh Mệnh năm thứ 6, ngày mùng 1 tuần trăng thứ nhất (12-2-1825)”.

Quan trấn muốn chiêu lòng Minh Mệnh, ra một lệnh khác cho các huyện, xã và làng phải lục xét kỹ lưỡng tìm bắt các đạo trưởng Âu Châu. Ông còn cấm các giáo dân hội họp cầu kinh hay thực hành bất cứ việc đạo nào. Nếu ở bất cứ nơi nào bắt được người vi phạm lệnh cấm này thì phải coi như họ đã phạm lỗi nặng.

2. Một vài sự kiện bất lợi cho các thừa sai đã có mặt ở Huế

Vào dịp đầu năm, Minh Mệnh cho gọi một quan Công Giáo đến và truyền lệnh phải trồng cây nêu trong dịp đầu năm. Quan này thưa: *“Thưa Hoàng Thượng, dưới thời tiên đế thần chưa bao giờ bị ép buộc làm điều này. Nếu Hoàng Thượng muốn đánh đòn thì thần xin chịu, nhưng trồng cây nêu thì thần không làm.”*

Vua rất quý ông quan này vì lòng trung tín và khôn ngoan của ông nên nói thêm: *“Ta mến khanh và không bao giờ muốn đánh đòn, nhưng từ nay về sau đừng rước đạo trưởng Âu Châu vào trong nước nữa. Những vị đã có mặt thì thôi. Nước chúng ta không phải là một quốc gia lớn sao? Khanh làm mất mặt ta khi đi tìm những đạo trưởng Âu Châu đến dạy dỗ nhân dân”.*

Sự kiện thứ hai là vụ Công Tử Ứng Hòa tự ý bỏ hoàng cung trốn đi và các quan vu cáo cho các thừa sai là người chứa chấp đưa lên tâu Pháp. Vua ra lệnh sai lính truy lùng cho bằng được. Các quan còn nói với giáo dân rằng nếu không tìm ra được vị công tử này thì người Công Giáo sẽ phải chịu nhiều khốn khổ. Kết cục vị công tử trên không trốn mà chỉ dọn ra một nhà khác ở ngoài thành thôi, nên các cha thoát được nạn vu khống này.

LM. VŨ THÀNH

Cha Gagelin, vị thừa sai có mặt ở Huế từ năm 1821, trong thư đề ngày 5-7-1825 kể lại hậu quả của những vụ rắc rối trên: Ngay sau đó người ta đe dọa sẽ có một cuộc bách hại không thể tránh được. Tuy nhiên, trong hội nghị của hội đồng nội các về vấn đề bách hại đạo, các quan không đồng ý với nhau và mẹ vua cũng thuyết phục rằng tất cả các vua bách hại đạo đều làm mất nước. Vì thế việc bách hại đạo được gác lại.

3. Kiến nghị của thượng quan Lễ Bộ tháng 8-1826

Một năm sau vụ Công Tử Ứng Hòa, quan Lễ Bộ trình lên Minh Mệnh một bản kiến nghị trong một buổi đại triều. Ngay sau đó các thừa sai hoang mang giải tán tất cả các nhà trường, nhà dòng, cất giấu tất cả các đồ đạo và chờ sắc lệnh cấm đạo ban hành.

Kiến nghị tháng 8-1826 của quan Lễ Bộ xin cấm đạo để tái lập tập tục cũ: *“Hết lòng kính sợ, chúng thần khấn đầu dâng kiến nghị này. Dám xin Hoàng Thượng để tâm đến việc tái lập chính đạo để dân chúng lớn bé được nhờ, bởi vì tà đạo lợi dụng và lừa dối dân chúng, làm sai lạc chân đạo tự nhiên. Thật vậy sách có viết: phải trấn áp tà đạo vừa sai trái vừa nghịch lại với trật tự. Nhân dân phải noi theo điều ngay lẽ phải phù hợp với đạo tự nhiên. Nhưng trên hết phải cấm tuyệt đối đạo nào ngược lại với đạo thờ ông bà và phải củng cố nhân tâm, vạch ra sai lầm của tà đạo đang khuyến dụ và lừa dối dân chúng. Đạo Đường, đạo Mạc và đạo Lão Quân trước hết chỉ dạy yêu và săn sóc chính mình, thứ đến dạy yêu mến tất cả mọi người và sau cùng coi việc khinh chê sự đời là một nhân đức thanh cao. Tuy nhiên các đạo này không dựa trên luật tự nhiên nhưng cũng không trái nghịch luật tự nhiên và không hư hỏng, cũng không làm tổn hại đến phong tục và tập quán như đạo Gia Tô. Đạo Gia Tô là đạo giả dối và nghịch lại với đạo thật vì đạo khuyến dụ dân chúng, lừa dối và lạm dụng lòng đơn thành của người dân, dùng những hình phạt hỏa ngục để làm kinh sợ người yếu đuối, dùng niềm vui nước trời để thu hút người khác. Đạo còn xử dụng lịch riêng, toà án riêng xét xử các vụ rắc rối. Những người theo đạo này hội họp nhau cúng tế và thờ lạy, hàng ngàn người nối tiếp nhau vào tôn thờ như là tôn thờ chủ tế của quốc gia vậy. Họ công bố con đường họ theo là thánh và tôn vinh những người bước theo đường ấy. Từ khi đạo này xâm nhập vào đất nước, trong khắp các tỉnh có hàng ngàn người tin theo. Những người đã tin theo thì cuồng nhiệt như là mất trí, chạy đi đó đi đây như là người điên.*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Các tín đồ của đạo này không tôn kính các thần minh, cũng không cúng tế tổ tiên. Họ giảng đạo, học hỏi và hội họp như là một thói quen. Càng ngày tín đồ đạo này càng đông, họ xây thêm nhiều nhà thờ mới, những cái gai chướng này lan tràn khắp mọi nơi, không có xó xỉnh nào mà không bị tiêm nhiễm. Chính vì lẽ đó chúng thần ngược trông lên hoàng thượng khẩn xin ngài chữa trị các tệ nạn này. Lời của ngài như ngọn cờ triệu tập hàng hà sa số nhân dân về một mối, từ đó các phong tục và luật lệ quốc gia sẽ thống nhất, các lời nói và hành động sẽ hòa hợp với nhau, tất cả những cái hay cái phải sẽ được tuân theo, và thế hệ hiện tại cũng như mai sau tuân giữ các lễ luật. Như thế những con đường sai trái được uốn nắn, sự dữ được thay thế bằng điều lành. Tất cả sẽ được thu hợp về một mối đó là đạo của vua, của thuần phong mỹ tục và khắp mọi nơi đều khuôn mình theo. Nhưng đạo Gia Tô là một cản trở cho tất cả những canh tân hoàn thiện, mặc dù đã cấm nhưng không tiêu diệt được. Đạo Khổng đã có từ lâu đời thế mà có nhiều người đang tâm bỏ để theo đạo Gia Tô là đạo cấm dân chúng giữ đạo Khổng.

Chúng thần cũng đã nghiên cứu luật lệ cấm đoán của Trung Hoa viết như sau: Tất cả những người Âu Châu ở trong nước đứng đầu giáo phái lừa dối dân chúng thì phạm tội đại nghịch đáng xử giảo. Còn những người không có chức vị hay chức vị thấp thì phải giam tù để xét sau. Những người để mình bị lừa dối và tuyên xưng đạo này thì phải đẩy đi làm nô dịch giữa dân mọi rợ. Những người rao giảng khuyến dụ dân theo đường hư hỏng, những người đàn bà bất trị không biết xấu hổ cũng như những người móc mắt người ốm nếu bị bắt sẽ phải phạt theo trọng tội. Trên hết, các quan văn cũng như võ nếu không trông chừng các quan cấp dưới sẽ bị đưa ra tòa xét xử.

Tất cả những nghiêm cấm trên đây rất đúng và rất đáng khen để ngăn chặn thú tà đạo. Đưa nhân dân về phía thuần phong là một điều phải lẽ vì thế khi nghiên cứu sự việc, chúng thần xin hoàng thượng ban lệnh cấm đạo tại khắp các làng, tỉnh, và huyện trong nước để mọi người biết rằng các đạo trưởng và Kitô hữu Âu Châu đang ở bất kỳ nơi nào đều phải trở về nước của họ. Thời hạn là ba tháng, khi đáo hạn họ không được phép ở lại nữa. Còn về các nhà thờ phải triệt hạ, phải đốt các sách đạo, từ rẫy về sau cấm dân chúng không được học hỏi tà đạo này nữa. Sau ba tháng, nếu phát giác được người Âu Châu nào còn trốn tránh trong nước thì: người có công tố giác sẽ được hưởng tất cả tài sản của người chứa chấp đạo trưởng Âu Châu trong nhà. Ngoài ra người chứa

chấp cũng như lý tưởng sẽ bị khép vào tội đại nghịch. Nếu người Âu Châu vẫn còn lén lút giữa dân chúng và khuyến dụ họ theo tà đạo thì sẽ áp dụng luật của người Trung Hoa. Hơn nữa, nếu các quan có lỗi vì biếng nhác sẽ bị đưa ra tòa xét xử như các tội phạm để sự việc được phân minh và mọi việc được tiến hành đồng đều. Vì nếu áp dụng luật nghiêm khắc thì có hy vọng đưa được dân chúng về đường lành và chân đạo được tồn tại. Phần chúng tôi là những người kém cỏi đã xét như thế không biết có đúng hay sai, dám xin hoàng thượng cứu xét.”

Khi nhận được kiến nghị trên Minh Mệnh không nói gì, chỉ biết vào khoảng cuối năm 1826 Minh Mệnh lấy cớ cần nhiều người thông dịch, ra lệnh triệu tập tất cả các thừa sai về kinh đô, nhưng thực sự là để kiểm soát và giam lỏng các đấng.

4. Lệnh tập trung các thừa sai và sự can thiệp của Lê Văn Duyệt

Ngày 1-1-1827, vua sai một quan đến nơi ở của Thừa Sai Taberd để đem về kinh đô dịch các thư từ. Lúc ấy người đang ốm không sao trốn được nên phải đi theo về kinh đô ngày 21 tháng 2. Sau đó vua gửi lệnh đến các tỉnh bắt tìm các thừa sai Âu Châu đem về kinh đô để làm thông dịch viên cho triều đình. Lệnh trên tới tỉnh Nghệ An, quan đề nghị cho ba lạng bạc làm phí tổn lên đường và ra hẹn trong 5 ngày các thừa sai có mặt trong tỉnh phải trình diện. Các thừa sai miền Bắc cho đó là một mưu chước của vua nên không ai ra trình diện, trái lại triệu tập các trùm trưởng để dặn dò và tìm phương thế ẩn trốn. Trong lúc đó tại Nam Định có giặc Phan Bá Vành rất mạnh, nên các quan lo dẹp loạn không để tâm tới việc bắt các thừa sai. Nhưng sau khi dẹp loạn xong, triều đình cho ba mật lệnh chống lại các thừa sai, trong đó có lệnh nói rằng đã tịch thu được nhiều đồ đạo trong trại quân của giặc, trong số lính có nhiều người Công Giáo, và lời buộc tội đức giám mục phó Địa Phận Đông với 10 linh mục bản xứ dính líu vào vụ này

Ban đầu Lê Văn Duyệt không muốn thi hành lệnh, nhưng sau vì sự thúc ép và thành thật nghĩ rằng triều đình cần người thông dịch nên mới lựa trong số ba vị thừa sai có mặt gửi về Huế. Hai vị thông thạo tiếng Việt là Gagelin và Odorico Dòng Phanxicô, còn một vị mới tới là Regéreau chưa rành tiếng Việt được ở lại tại chủng viện Đồng Nai. Một vị thừa sai khác là Jaccard ở Huế cũng mới tới và chưa bị lộ diện

DÒNG MÁU ANH HÙNG

nên cũng được tự do ẩn tại chủng viện. Ngày 16-6-1827, hai Cha Gagelin và Odorico tới Huế.

Cha Taberd, Gagelin và Odorico được ở cung quán và khá tự do tiếp xúc gặp gỡ người khác. Mùa Sinh Nhật, các đấng đút tiền để cho lính canh đem các đấng đến các họ đạo làm lễ. Vua đã cho phép mỗi thừa sai có 6 người phục dịch và tước quan với danh hiệu thông ngôn của triều đình. Tuy nhiên Cha Gagelin muốn nêu rõ sứ mệnh truyền giáo của mình nên từ chối không nhận bằng và mũ áo.

Trước tình trạng này, các thừa sai nhờ nhiều người nói với Lê Văn Duyệt là vị quan lão thành nhất được mọi người kính nể. Chính Cha Taberd cũng viết thư đến vị quan Thượng Công này. Lê Văn Duyệt nói với các người khác: *“Tôi không hay biết gì về chuyện ấy. Người Công Giáo và các đạo trưởng Tây phạm tội gì mà lòng bắt họ? Vua ban nhiều lộc cho các sư sãi nhưng họ đã làm ích gì cho quốc gia? Vua không còn nhớ đến những sự giúp đỡ của các thừa sai đã cho gạo khi chúng ta đói, cho vải chúng ta mặc. Hoàng đế để trả ơn lại ra lệnh bắt họ sao? Thật bất nhân, tôi phải đi Huế để tâu người về việc này”*. Lê Văn Duyệt đến Huế trong tháng 12. Cha Taberd đã gặp ông hai lần và được biết quan Thượng Công đang dò ý tứ của Minh Mệnh trước.

Lê Văn Duyệt trước khi gặp Minh Mệnh đã sao tất cả các thư từ giữa Đức Cha Pignaux và Gia Long về các giúp đỡ của thừa sai. Sau đó Lê Văn Duyệt có cơ hội về kinh để mừng 60 tuổi của Quốc Mẫu. Nhân dịp này Minh Mệnh cũng kiểm vài chuyện trách cứ Lê Văn Duyệt để chặn họng ông. Vua tiếp ông hết sức đặc biệt và bênh vực ông trước lời tố cáo của Trần Văn Năng và Tống Phúc Lương. Không biết Lê Văn Duyệt đã trình bày thế nào mà Minh Mệnh phải nhượng bộ trả tự do cho các thừa sai, nhưng bắt họ phải đi xuống miền Nam. Ngày 1-6-1828 Cha Taberd và Gagelin nhận được lệnh của vua trả tự do và phải đi xuống miền Nam bằng đường biển chứ không được đi đường bộ. Các thừa sai coi việc này như một phép lạ của Chúa quan phòng. Các thừa sai viết lại lời Lê Văn Duyệt như sau: *“Làm sao chúng ta lại bắt bỏ các đạo trưởng Tây khi cơm gạo họ cho chúng ta ăn còn ở chân răng? Ai đã giúp Tiên Đế lấy lại quốc gia? Hoàng thượng hình như muốn mất nước thì phải. Tây Sơn đã bắt đạo và bị lật đổ, vua Pegu cũng vừa mất nước vì bắt đạo đuổi thừa sai. Không thể làm như thế ở nước này được. Nếu hoàng thượng quên không muốn nhớ những giúp đỡ của thừa sai thì cũng không thể làm như vậy được. Mộ*

LM. VŨ THÀNH

của Đức Thầy Bá Đa Lộc không còn ở giữa chúng ta sao? Không được. Bao lâu thân còn sống, hoàng thượng không thể làm điều đó. Khi hạ thân thác đi rồi, hoàng thượng muốn làm gì thì làm”.

CHƯƠNG 4

Sắc Lệnh Cấm Đạo Toàn Diện Ngày 6-1-1833

Cương trình tiêu diệt đạo Công Giáo của Minh Mệnh tiến sang giai đoạn hai, tức là xử tử các đạo trưởng và các tín đồ cố chấp. Trong sắc lệnh cấm đạo có nhắc tới hai vụ án xử người Công Giáo đã xảy ra tại Mông Phụ, thuộc xứ Đoài Bắc Việt năm 1830 và tại Dương Sơn năm 1832, có thể gọi đó như là bước đường dẫn đến lệnh cấm đạo. Nhưng trên thực tế, Minh Mệnh phải chờ sau khi Lê Văn Duyệt chết tháng 8-1832 mới dám hạ lệnh.

1. Vụ kết án giáo dân tại Mông Phụ năm 1830

Năm 1829, có một người đến làng Mông Phụ (Sơn Tây) nói rằng theo lệnh quan đến tịch thu các đồ đạo. Giáo dân thấy ông ta chỉ là người thông tin không có tước hiệu gì nên từ chối. Thế là các giáo dân bị đem ra tòa. Các quan là người ghét đạo, ra án cho các giáo dân bị bắt phải lưu đầy vĩnh viễn. Tuy nhiên bản án trên không được Minh Mệnh chấp thuận, ba giáo dân bị giam giữ hơn một năm. Ngày 14-10-1830 vua truyền lệnh như sau: *“Nhà thờ Mông Phụ phải dỡ và đem các đồ vật về tỉnh làm nhà kho, ba giáo dân bị kết án phải đánh 100 roi, đeo gông và phơi nắng một tháng, sau đó phải phát lưu”*. Một người đã chết trong khi thọ hình 100 roi và phơi nắng. Sau đó bản án được sao lại gửi cho các quan tỉnh khác làm gương theo đó để xử các vụ người Công Giáo.

Sự kiện này nói lên ý định của Minh Mệnh và mở đường cho các quan và các làng bên lương xách nhiễu làm phiền người Công Giáo. Một số đồng bị đánh đập, đeo gông, và giam tù. Nhờ tiền đút lót, các quan vui lòng trả tự do. Tại Nghệ An, quan trấn là một người rất liêm khiết và hâm mộ đạo Công Giáo, nên tình trạng xách nhiễu người Công Giáo không xảy ra. Tại Thanh Hóa Nội, Cha Toán đang làm lễ Phục Sinh thì quan đến bao vây và đòi 15 lạng bạc mới để mọi người ra về tự do, sau cùng quan bằng lòng với hai lạng. Tại Hà Nội, Cha Duyệt ở Sơn Miêng đang cử hành lễ nghi Thứ Sáu Tuần Thánh thì quan phủ đem lính đến vây, có một tên lính tuốt gươm dí vào cổ người nhưng người vẫn điếm nhiên cử hành lễ nghi. Sau đó quan cho dân về, giữ hai cha lại. Một cha đã hỏi quan lệnh vua ở đâu? Quan sợ rằng có lệnh khác của vua đối thái độ với người Công

LM. VŨ THÀNH

Giáo nên chỉ ra lệnh kiểm kê các đồ đạo rồi rút lui. Tại Nam Định, quan trấn là người đã ra án lệnh xử ba giáo dân Mông Phụ và là bạn thân của Minh Mệnh. Ông tuyên bố là vua sai ông đến sửa đổi tư tưởng dân chúng và loại trừ các lạm dụng tôn giáo của các linh mục. Nhưng Chúa quan phòng đã để ông bị bạo bệnh chết đầu năm 1832. Khi ông chết rồi vua đổi thái độ không cho tổ chức rước xác ông về kinh đô.

2. Vụ kết án giáo dân tại Dương Sơn, Huế

Khoảng tháng 9 hoặc tháng 10 năm 1830, dân làng Cổ Lão bên cạnh làng Dương Sơn đến năm vạn ở huyện để xin phân xử lấy cho được đất của Dương Sơn. Cha Jaccard ở Dương Sơn đã thu xếp với quan huyện để bênh người Công Giáo khỏi bị chiếm đất. Dân chúng được Minh Mệnh khuyến khích đưa nội vụ lên phủ đường tại kinh đô, và kiện Dương Sơn là làng Công Giáo, đó là lý do chắc chắn họ sẽ thắng kiện. Ba quan lớn xử một bản án rất nặng bắt mọi người trong làng Dương Sơn đi lưu đày. Minh Mệnh không ưng bản án quá nặng và tập thể. Quan ra lệnh bắt 73 người Công Giáo Dương Sơn giam tù, đánh đập và đeo gông. Ba quan lớn tỉnh Thừa Thiên đã xét xử nội vụ và đã nghe lời dân làng Cổ Lão, buộc tội dân làng Dương Sơn theo đạo Gia Tô, và tội đã kéo đồng người đến đánh dân làng Cổ Lão. Ba quan làm lại một kiến nghị mới lên vua: *“Chúng hạ thần là Cấn, Thông và Phan, quan án tòa hình xin đệ trình lên vua bản xét xử mới để làm sáng tỏ và sửa đổi án cũ về cuộc tranh chấp giữa hai làng Dương Sơn và Cổ Lão. Chúng hạ thần sắp mình xin hoàng thượng duyệt xét. Chúng hạ thần đã xem xét bản án do ba quan tỉnh, xử toàn thể làng Dương Sơn, gồm 73 người đàn ông và đàn bà đã công khai thực hành đạo Gia Tô và hai người là trùm trưởng đạo này tên là Khoa và Tài. Theo luật nước thì hai ông trùm trưởng bị kết án xử giảo hoặc phát lưu, còn 71 người trong đó có ông đội Đạo, trong đội coi voi hiện đang ở Bắc Việt, phải ra lệnh cho quan sở tại tra hỏi, còn lại 70 người thì theo như án hoàng thượng đã xử tên Quyên, tức là đàn ông phải phục dịch như lính, đàn bà phải làm nô lệ. Tuy nhiên chiếu theo một điều luật qui định rằng nếu tội nhân nào cải đổi và bỏ tà đạo này bằng cách chà đạp thánh giá thì có thể tha thứ lỗi lầm, nhưng nếu sau này người nào cố chấp bất trị vẫn còn theo đạo này thì phải áp dụng hình phạt nghiêm ngặt nhất mà không cần phải thương xót. Chúng hạ thần chưa tra hỏi xem các phạm nhân có muốn bỏ đạo và đập ảnh thánh giá không. Ngay khi chúng hạ thần biết được ý của hoàng*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

thượng, chúng hạ thần sẽ thi hành theo. Tội của các phạm nhân rất rõ ràng không cần minh chứng, và luật pháp cũng hiển nhiên như đã nói ở trên. Ba quan tỉnh có bốn phạm xét xử nội vụ đã không áp dụng đúng mức nghiêm khắc của lễ luật, nhưng nội vụ đã được xét lại, bỏ khuyết cho lỗi lầm ấy. Hơn nữa ba quan tỉnh xét xử tội vàng, đã thay đổi loại hình phạt áp dụng cho phạm nhân, phạm thêm một lỗi lầm khác. Làm sao xét xử khi còn 23 người chưa được tra khảo? Ngoài ra còn một tội nhân tên Sơn, là một sĩ quan trong đội quân thứ tư thuộc đệ nhị hữu đạo quân cũng chưa được xét xử. Viên sĩ quan này phải giáng xuống làm lính thường. Nếu không áp dụng luật pháp nghiêm khắc thì không làm sao giữ dân chúng có ý nghĩ và tông phục như nhau. Vì những lẽ nêu trên, chúng hạ thần xử khác với ba quan tỉnh để các vị xem lại và thi hành luật pháp theo đúng tinh thần và sự đòi buộc phải có. Nếu chúng hạ thần táo bạo trình lên hoàng thượng một kiến nghị như thế này là vì chúng hạ thần xác tín rằng kiến nghị được dựa trên những lý lẽ vững chắc. Cúi đầu xin hoàng thượng chỉ dụ. Minh Mệnh năm thứ 12, ngày 2 tuần trăng thứ 12 (4-1-1832)”. Vua Minh Mệnh đã phê: “Chuẩn y tấu”.

Trước những hậu quả có thể xảy ra sau vụ xử án này, Đức Cha Taberd đã cầu cứu với lão tướng Lê Văn Duyệt, nhưng ông này cho biết không thể vận động gì được khi chính vua chưa công bố.

Vụ án Dương Sơn được xử lần thứ ba có liên quan tới cả Cha Jaccard và nhà thờ. Bản án như sau: *Người trùm trường phải xử giáo nhưng chưa ấn định ngày hành quyết, người thứ hai phải lưu đày ra Bắc trong khoảng giữa xứ Nghệ và Lào, 7 người lính phải tạp dịch ở Quảng Ngãi, 6 người khác tạp dịch tại Thanh Hóa sau khi đã thọ hình 100 roi, đeo gông và phơi nắng hai tháng. Những người đàn ông khác sau khi bị đánh 100 roi và phơi nắng hai tháng sẽ được thả tự do. Các bà không phải phơi nắng nhưng vẫn bị đánh đòn. Nhà thờ và học viện của Cha Jaccard bị tịch thu. Riêng Cha Jaccard bị các quan xử cùng một hình phạt như hai trùm trường, nhưng hoàng thượng khoan hồng giáng xuống làm lính, với lý do cha không phải là một người mọi rợ, không làm gì trái với luật pháp, nhưng chỉ đến nước này kiếm kế sinh nhai và lừa dối dân chúng theo tà đạo.*

Suốt trong thời gian bị giam tù và tra tấn, các tín hữu đã tỏ ra can đảm khiến nhiều lần chính nhà vua cũng phải thán phục, nói rằng người Công Giáo không phạm tội nào khác, chỉ có một điều không

thể tha thứ được là ngay cả một người đàn bà già lão dám coi thường quyền bính của vua mà nghe lời một người Âu Châu. Các người Công Giáo Dương Sơn bị kết án trên đã phải chịu sức nóng gay gắt của tháng 7 và 8 với gông nặng trên cổ thật anh hùng. Khoảng 15 ngày sau vụ án, Cha Jaccard phải về Huế làm việc như một tên lính đặc biệt của triều đình, lo dịch các sách báo văn thơ.

Sau vụ Dương Sơn, các lương dân biết rõ ý vua ghét đạo, nên bắt người Công Giáo đóng tiền vào các việc cúng tế hoặc đưa ra tòa phủ, huyện. Tháng 12-1832, một quan lãnh binh đã bắt tất cả lính dưới quyền phải làm giấy xuất giá. Có 12 người kiên cường không chịu nên đã bị xiềng xích và giam tù theo lệnh vua ngày 31-12, trong đó có quan đội Phaolô Tống Viết Bường, bị xử tử khi lệnh bắt đạo toàn diện được công bố.

3. Kiến nghị của các quan Bộ Hình năm 1830

Vào tuần trăng thứ 9 năm 1830, các quan Bộ Hình do Hình Bộ Thượng Thư đứng đầu dâng kiến nghị xin vua Minh Mệnh bắt đạo và triệt phá các nhà thờ: *“Trong các đạo ở nước này có đạo Gia Tô là tệ hại nhất. Đạo Phật và đạo Lão Quan tuy không hay và có nhiều dị đoan nhưng vẫn còn tốt hơn đạo Gia Tô. Ngày trước Hoàng Đế Trung Hoa và các Tiên Vương đã nghiêm ngặt cấm đoán đạo vô luân này, nhưng vì các quan biếng trễ không thi hành lệnh chu đáo và không làm tròn nghĩa vụ khiến đạo này tiếp tục làm hư hỏng và tăng số trong nước. Đây chính là dịp dành cho Hoàng Thượng tối cao, đây quyền uy và sáng suốt để tiêu diệt hoàn toàn tà đạo này, một thứ đạo chỉ có những người cố chấp và những đàn bà ngu dại nghe theo. Các đạo trưởng phân chia đất nước thành nhiều xứ để cai trị theo ý muốn. Các tín đồ có lòng kính trọng đạo trưởng đến độ vâng lời tối mật và thông báo tin tức trong nháy mắt từ Bắc xuống Nam. Kính xin hoàng thượng ra chỉ dụ cấm đạo lý sai lầm này. Quốc gia không thể dung thứ được những người mọi rợ đến đây rao giảng đạo. Phải trừng phạt những người nào cho họ trú ngụ. Cũng phải cấm các sách viết bằng chữ mọi rợ. Phải ra lệnh nộp các sách này cho các quan hủy đi. Đồng thời cấm việc đọc kinh dù là âm thầm tại nhà. Ngoài ra phải bắt các thầy giảng và trưởng gia đình đập ảnh. Có làm như vậy họ mới được tha thứ cho lần thứ nhất. Chúng thần là những người hèn mọn thấp trí, dám dâng thư này Kính mong hoàng thượng chỉ giáo, muôn đời sẽ nhớ ơn và các thế hệ tương lai sẽ xưng tụng danh của đức vua”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Theo thơ của Đức Cha Taberd thì Vua Minh Mệnh không trả lời gì về bản tâu trình trên, nhưng các quan ghét đạo đã làm giả chữ “Y nghị” của vua vào bản tâu và đem đến Dinh Cát. Mọi người tin là có lệnh cấm nên thông báo cho nhau, cả Nam lẫn Bắc. Nhà thờ và nhà trường Hồ Phương ở Dinh Cát được giáo dân tháo gỡ. Tỉnh Quảng Nam cũng vậy, các giáo dân gỡ nhà thờ. Tại Bình thuận, một quan huyện bắt giáo dân rời nhà thờ nhưng họ không chịu, quan huyện liền cho làng bên lương đến phá. Một người treo lên bàn thờ đứng giang tay như hình thánh giá và diều cợt liền bị một cái xà đổ xuống làm ngã bất tỉnh. Trong tháng 11 năm đó người ta nói Huế chỉ có lửa và máu. Một tên lính ở Sài Gòn nghe lệnh phá nhà thờ liền đến phá nhà thờ Chợ Quán, nhưng quan lớn đã ra lệnh đánh hấn 80 đòn.

4. Chỉ dụ cấm đạo 6-1-1833

Sau thời gian lâu dài chuẩn bị, và các cuộc canh tân guồng máy chính quyền chuyên chế 1831 và 1832 hoàn tất, vua Minh Mệnh đã công bố một chỉ dụ cấm đạo: “*Ta, Hoàng Đế Minh Mệnh, truyền lệnh như sau. Từ nhiều năm nay những người Tây Phương đến đây truyền bá đạo Gia Tô làm mê hoặc thường dân bằng lời rao giảng có thiên đường hạnh phúc và hỏa ngục khổ sở. Chúng không trọng kính đức Phật cũng không thờ kính tổ tiên. Đó là một trọng tội phạm đến chính đạo (Khổng Giáo). Hơn nữa, chúng xây cất những nhà thờ, nhà hội to lớn tiếp đón đông đảo dân chúng để dụ dỗ đàn bà và thiếu nữ. Ngoài ra chúng còn móc mắt những người ốm. Không còn gì trái nghịch hơn với lý trí và tập tục. Năm ngoài Trẫm đã trừng phạt hai làng theo đạo này: Dương Sơn và Mông Phụ với ý định làm cho bá tánh biết rõ ý Trẫm muốn họ xa tránh tội ác này mà trở về đường ngay nẻo chính. Và đây là điều Trẫm nghĩ. Mặc dù dân chúng ngu dốt theo đạo này đã đông số, nhưng vẫn còn đủ lương tri biết là hợp hay không và còn dễ dàng dạy dỗ trở về đường lành. Vì vậy trước hết phải dùng lời khuyên và dạy dỗ đối với họ, nếu họ bất trị thì mới dùng các khổ hình.*

Vậy ta truyền cho tất cả những người theo đạo này, từ quan cho chí đến dân đến phải thực tâm từ bỏ nếu họ nhìn biết quyền uy của ta. Trẫm muốn rằng tất cả các quan hãy tỉ mỉ xem xét có còn người Kitô nào sống trong địa hạt của mình và bắt họ tuân phục mệnh lệnh, bắt họ đập trên ảnh tượng ngay trước mặt mình. Nếu họ làm theo thì sẽ được ân xá. Đối với các nhà thờ và nhà đạo trường các quan phải tịch thu làm kho chung. Từ đây về sau nếu có người nào bị nhận diện hay

LM. VŨ THÀNH

tố cáo là thực hành những thói tục đáng ghét này sẽ bị trừng trị với hình phạt nghiêm ngặt nhất ngộ hầu có thể tiêu diệt thứ đạo này tận gốc rễ.

Đó là mệnh lệnh của Trẫm, mọi người phải hết lòng tuân giữ. Ngày 12 tháng 11 Âm Lịch, Minh Mệnh nguyên niên thứ 13.”

Trong chi dụ vừa nêu trên không nhắc gì tới đạo trưởng khiến các thừa sai thắc mắc. Một vị quan đã nói với thừa sai, bật mí âm mưu của Minh Mệnh: “*Vua không muốn làm kinh động nhân dân nên có ra thêm một mật lệnh gửi các tổng đốc*”. Nhờ đút lót và quen biết, mật lệnh trên được chuyển tới tay các thừa sai. Vị quan lớn ở Phú Yên, nơi Cha Gagelin ở, rất có cảm tình với đạo Công Giáo nên đã cho cha hay. Mật lệnh viết như sau: “*Đạo Gia Tô rất đáng ghét, nhưng dân chúng ngu dại tin theo mà không suy xét. Con số đã tăng thêm đông và ở khắp mọi nơi trong vương quốc. Trẫm không thể để mặc cho tín đồ thêm vững mạnh và tăng thêm số. Do đó Trẫm đã ban hành chi dụ cấm đạo, lấy lòng nhân từ chỉ dạy con đường phải theo để sửa đổi. Trẫm cũng nghĩ rằng những người tin theo đạo cũng là nhân dân của quốc gia. Số người càng đông và càng mù quáng cố chấp đến độ mang họ ra khỏi lâm lạc không phải là việc dễ dàng trong một chốc lát. Nếu cứ phải áp dụng đúng luật thì phải giết cả một đám đông. Giải pháp này làm thương tổn đến lòng từ tâm của Trẫm đối với dân chúng và rất có thể số đông những người được gọi đến để sửa trị sẽ chìm đắm trong lỗi lầm. Vì vậy cần phải hành xử việc này một cách khôn ngoan theo câu cách ngôn: Muốn phá một tục lệ xấu thì phải phá từ từ, hoặc là muốn nhỏ cỏ phải nhổ tận gốc. Vậy hãy theo lời khôn ngoan của tiền nhân để có thể chắc chắn thành công và không gây đổ vỡ.*

Trẫm truyền cho các thống đốc và tất cả những quan cai trị dân chúng phải: 1/ *Nghiêm chỉnh chỉ thị cho các quan cấp dưới cũng như dân chúng tự sửa mình và từ bỏ đạo này.* 2/ *Thông báo chính xác các nhà thờ, nhà đạo trưởng hay nhà họ dạy dỗ dân chúng để triệt hạ không trì hoãn.* 3/ *Dùng mưu chước khôn khéo mà bắt đạo trưởng. Các đạo trưởng Tây thì phải giải ngay về kinh đô với lý lẽ theo lệnh vua để dịch các thư từ Âu Châu. Với đạo trưởng Việt Nam thì hãy giam giữ tại phủ, huyện và canh chừng cẩn thận không để cho họ trốn thoát hay tiếp tục liên lạc bí mật với tín đồ của họ. Hãy canh phòng cẩn mật và trông chừng các quan cấp dưới để họ không lợi dụng cơ hội bắt bớ những người Kitô mà không phân biệt hay thiếu khôn ngoan, gây ra*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

rối loạn khắp nơi. Điều đó các quan phải chịu trách nhiệm. Việc này không phải là việc nhỏ nhặt, nhưng nó là nền tảng, vì vậy Trẫm mới phải nhắc nhở và luôn để tâm đến. Các khanh là những quan đầu tỉnh, hãy tuân hành đúng lệnh triều đình, hành động cho khôn khéo để khỏi gây xáo động. Nếu xảy ra điều gì thì các khanh không còn đáng tin cậy nữa. Trẫm cấm không được công bố lệnh này sợ rằng nếu công bố sẽ gây rắc rối, vậy khi nhận được một mình các khanh biết mà thôi”.

5. Hậu quả của lệnh cấm đạo trên

Nhận xét chung đầu tiên của các thừa sai là các quan và dân chúng thực sự ghét đạo rất ít nhưng ham tiền thì nhiều. Các thừa sai đã chia tay nhau mỗi người trốn một nơi. Cha Retord, tới Bắc Việt đúng ngay lúc bắt đạo, đã kể lại cảnh khổ sở của các thừa sai phải ẩn trốn như sau: “*Từ cuối tháng Giêng, các thừa sai phải chui trốn dưới những hầm trú tối tăm chật hẹp, rất sâu và rất hoang vu để không bị phát lộ. Nếu tôi phải kể ra những khổ cực trong vô số hầm trú mà tôi đã trải qua thì các vị sẽ phải rùng mình khiếp sợ*”. Thật vậy, ban ngày các đảng chui xuống hầm, ban đêm mới được lên trên nhà, có người canh chung quanh làng để kịp thời báo động. Luôn luôn có sẵn thuyền để trốn khi bị bao vây.

a. Tại Bồ Chính

Thừa Sai Jeantet ở đây cho biết nhờ Chúa quan phòng, các họ đạo không phải tháo dỡ nhà thờ. Chỉ có hai họ đạo phải viết tờ tuyên bố vô thường vô phạt cho quan hài lòng. Tại Quỳnh Lưu, một họ đạo rất sốt sắng đã phải mất nhiều tiền cho quan. Tại Kẻ Bàu, đa số là lương dân, các giáo dân bị ép buộc đóng góp vào việc cúng tế ở chùa nên đã làm đơn kiện lên quan trên. Nhờ tiền đút họ được miễn đóng góp và được tách ra khỏi làng. Có một thanh niên 21 tuổi, mới theo đạo được hai năm, đã can đảm xưng đạo, bị đánh đòn hai lần vẫn không nao núng. Lương dân hỏi tại sao cố chấp theo đạo Công Giáo, anh ta hãnh diện trả lời rằng anh chỉ thấy có đạo Công Giáo là đạo thật. Lương dân chịu thua và để anh ta về nhà. Trong 21 ngày anh không thể ngồi được, không ăn được. Máu anh rơi rớt trên đường về nhà.

b. Tại Nghệ An - Hà Tĩnh

Tại Hà Tĩnh, các quan cho gọi những người đứng đầu các họ đạo Công Giáo đến và vẽ hình chữ thập xuống đất rồi bảo họ: “*Chúng tôi*

LM. VŨ THÀNH

chẳng muốn bắt ép quý vị điều gì trái nghịch với đạo. Chúng tôi biết đây không phải là thánh giá mà quý vị tôn thờ. Vậy hãy bước qua để chúng tôi có thể trình lại với vua là chúng tôi đã thi hành lệnh, nếu không chúng tôi mắc lỗi trước mặt vua”. Những người Công Giáo hiện diện lúc đó có thái độ khác nhau, người thì bước đi bên cạnh và phân phó không phải là họ chối đạo, người khác phản đối và xin quan miễn cho việc này, còn quan muốn viết thế nào cho vua thì mặc ý. Dĩ nhiên sau đó các quan làm tờ phúc trình là các người Công Giáo trong địa hạt đã bỏ đạo hết.

Riêng tại Nghệ An, ông quan tỉnh là một người ghét đạo và nhất định bắt mọi người phải chối đạo. Dân chúng phần lớn trốn tránh, chỉ có khoảng 100 người không giữ đạo từ trước là bị bắt. Trong số này có 10 người can đảm xưng đạo và bị giam tù. Tháng 7 họ được trả tự do. Trước đó họ bị bắt làm một lời khai họ là người Công Giáo không chịu đạp ảnh cũng không chối đạo nhưng từ rầy về sau sẽ không hội họp nữa. Tuy nhiên Thừa Sai Masson coi vùng này đã bảo họ phải xin lại tờ khai và bỏ đi khoản cuối cùng. Quan trả lại và không đòi gì khác nữa. Còn những người chối đạo, thực sự vì yếu đuối nên họ chỉ chối bên ngoài nhưng trong lòng họ không một người nào muốn bỏ đạo cả. Một vị quan đã nói: *“Các ông thật đại dột để mình phải khổ sở. Làm sao chống lại được với lệnh vua? Đạo ở trong lòng chứ đâu có ở bên ngoài. Tạm chối đi, rồi hai ba tháng sau theo trở lại. Hãy xem thánh Phêrô đã chối đạo ba lần mà vẫn còn được cất nhắc lên cao”.*

c. Tại Sơn - Hưng - Tuyên

Cả ba tỉnh trên mới hợp thành 4 họ đạo, mỗi họ có hai cha Việt coi sóc dưới sự hướng dẫn của Thừa Sai Murette. Khi có lệnh bắt đạo, Thừa Sai Murette đã hỏi ý quan tổng đốc của cả ba tỉnh trên thì ông nói cứ yên trí. Tuy nhiên nhiều nơi đã tự ý tháo gỡ nhà thờ, 16 nhà chung chỉ còn có 4. Có một quan huyện duy nhất trong vùng này triệt để bắt đạo, ông ra lệnh bắt các trùm trưởng của 4 họ lẻ đánh đòn và đeo gông. Sau đó họ nộp tiền để được tự do, nhưng lại bị quan án trên tỉnh bắt lại, đánh đòn và tái diễn cảnh nộp tiền chuộc. Riêng tại Sơn Tây có tới 80 họ lẻ và khoảng 1.200 giáo dân. Khoảng tháng 4, quan án cho công bố lệnh than phiền rằng lệnh cấm đạo của vua chưa được thi hành đúng mức. Sau đó ông sai lính đi các làng xem làng nào có người Công Giáo. Khi có lệnh đi lùng soát như thế

DÒNG MÁU ANH HÙNG

không còn vấn đề đút lót nữa mà chỉ có lựa chọn chối đạo hay xưng đạo. Các trùm trưởng để trong lòng chú dừng tỏ ra dấu hiệu nào bên ngoài nữa thì mới yên. Tuy nhiên các quan cấp dưới lại hành hạ giáo dân, bắt nộp ảnh tượng hay sách vở đạo: “*Nếu các ông không đặt thánh giá trên bàn thờ thì các ông thờ ai? không lẽ thờ một con chó à? Hay là các ông nghèo đến nỗi không có lấy hai miếng gỗ để làm thánh giá!*” Chỉ có một ông trùm đã mang nộp thánh giá trong nhà thờ cho quan. Ngoài ra có hai họ lẻ khác đã phải viết tờ khai như sau: “*Chúng tôi theo ý của quan xin nộp tờ khai như sau. Chúng tôi là các dân đình làng Yên Tập thuộc Ta Xã, tuyên bố rằng từ nhiều năm chúng tôi có một nhà thờ để thực hành đạo Đức Chúa Trời, nhưng tháng 11 năm ngoái cuồng phong đã làm đổ. Còn về đồ đạo thì Cha Phương trước ở đây đã mang đi và bị bọn cướp giết chết và lấy các đồ. Điều này có ghi trong công hàm. Vì thế chúng tôi không còn gì để nộp. Nếu chúng tôi khai gian xin chịu phạt. Đó là lời chứng của chúng tôi.*”

d. Tại Thanh Hóa - Hà Nội - Nam Định

Thanh Hóa là quê tổ của nhà Lê, Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn, các họ đạo đã phải đóng góp vào các việc cúng tế. Tại Đoài Hạ thuộc xứ Kẻ Bắc, dân chúng đã nhân dịp bắt đạo để xua đuổi cha sở họ không thích. Một số họ đạo khác bán nhà thờ cho lương dân, nhưng khi họ mua rồi có nhiều hiện tượng lạ xảy ra làm lương dân khiếp đảm, họ xin giáo dân lấy lại. Các quan còn đòi phải nộp các sách đạo. Phần lớn giáo dân lựa sách hộ giáo để nộp với mục đích các quan đọc sẽ thấy đạo Công Giáo là phải, là cao siêu. Một quan đã nói sau khi đọc sách xong: “*Sách đạo Công Giáo có những lý lẽ vững mạnh hơn các đạo khác, và những người suy nghĩ được như vậy thì không thể gọi họ là điên rồ được.*”

Tại cố đô Hà Nội, quan đầu tỉnh là một người hiếu hòa, không muốn rối loạn trong tỉnh nên đã để các tín hữu tự do cứ như không có sắc lệnh cấm đạo vậy. Đến tháng 7-1833, quan đầu tỉnh mới nhậm chức, ra lệnh cho các trùm trưởng phải trình diện tại huyện để đáp ảnh chối đạo và nộp sách. Các linh mục tại đây rất sợ hãi đã cùng với 30.000 giáo dân góp tiền cho quan lớn và các quan khác, nhờ đó mà việc bắt đạo được ngừng đi.

Nơi quan trọng nhất của Bắc Việt là tỉnh Nam Định. Tại Kẻ Vĩnh, nơi có chủng viện, tòa giám mục và toàn tòng, quan đã cho mời

LM. VŨ THÀNH

lý trưởng đến và nói là họ đã mắc một thứ bệnh khốn khó như là phong cùi vậy vì họ đã chứa chấp đạo trưởng Tây từ nhiều năm. Trùm trưởng trả lời quan rằng trước đây lâu lắm rồi thì có, còn bây giờ thì không. Quan tỏ ra không tin, nói thêm rằng các người Âu Châu rất giàu và như vậy người Công Giáo cũng giàu nữa. Thế là dân làng phải thỏa thuận nộp một khoản tiền lớn để được bình yên. Quan tổng đốc đã ra lệnh cho các quan phủ huyện bắt các linh mục, phá nhà thờ và nhà trường. Thế là đức cha và các thừa sai tại đây phải trốn đi, học viện được phân chia cho mỗi thầy giảng 12 chú để tiếp tục huấn luyện tại các họ lẻ. Các thừa sai ý thức rằng tương lai giáo hội trong cơn bắt đạo tùy thuộc vào việc đào luyện các linh mục nên quyết tâm duy trì bằng mọi cách.

e. Tại Địa Phân Đông Kỳ, thuộc các cha Dòng Đa Minh

Khi có lệnh cấm đạo, Đức Cha Delgado đã gửi một lá thư luân lưu để chuẩn bị tinh thần người tín hữu vững mạnh trong cơn bắt đạo, khuyên họ hoàn toàn tin tưởng vào Thiên Chúa. Trong thời gian này, các thừa sai người Tây Ban Nha phải trốn tránh ngày cũng như đêm, chỉ có các linh mục bản xứ có thể đi lại ban các bí tích với nhiều thận trọng. Các thừa sai Âu Châu vì muốn tránh một sự dữ nặng hơn nên đã phải chọn cảnh giam hãm để chờ ngày hòa bình và cơn bắt đạo qua đi. Đức Cha Delgado viết cho Cha Retord, thừa sai Pháp: *“Không có hòa bình bao lâu bất công còn đầy rẫy trong đất nước, như lời Chúa đã nói, sự bất công mang lại sự khốn nạn.”*

f. Tại Huế và miền Nam

Khi lệnh bắt đạo công bố, trong nhà tù đã có quan đội Bường và 6 người bạn trong đội thị vệ. Vì loạn nổi lên, quan đội Bường mãi đến ngày 23-10-1833 mới bị hành quyết. Thừa Sai Jaccard đã bị giam lỏng ngay sau vụ Dương Sơn và đến tháng 12-1833 thì phải đi đày ở Ai Lao cùng với Thừa Sai Odorico, Dòng Phanxicô, bị bắt ở Sài Gòn. Thừa Sai Delamotte mới tới, còn lén lút ở Dương Sơn, có lúc cũng phải trốn ra một cù lao giữa sông.

Tại miền Nam, từ tháng 7-1832 đã có lệnh của vua truyền cho các quan phải trông chừng Đức Cha Taberd cẩn mật. Từ đó giữa làng ngoại giáo và Công Giáo đã có những vụ kiện cáo ức hiếp người Công Giáo. Ngày 10-2-1833 thừa dịp quan lơ là, Đức Cha Taberd đã trốn lên rừng ở Hà Tiên. Ngày 22-2, Thừa Sai Regéreau và Cuenot

DÒNG MÁU ANH HÙNG

cũng đến trốn ở Hà Tiên nơi đức cha đang trốn. Sau đó các đảng qua Thái Lan và khi có chiến tranh giữa Thái Việt, các đảng đi Singapore. Thừa Sai Marchand từ chối không trốn đi đã lên rừng phía Bắc.

Cha Gagelin là cố chính đang kinh lược ở tỉnh Quảng Ngãi, ở đó quan đầu tỉnh rất tốt với cha, đã cho cha bản sao của mật lệnh. Tuy nhiên người thấy tại các họ đạo giáo dân bị hạch sách và tra khảo nơi ở của các thừa sai gắt quá nên người trốn trên rừng. Khi thấy nhiều giáo dân bị bắt và bỏ đạo, người lại quyết định nộp mình để tránh cho giáo dân khỏi liên lụy. Cha xuống tỉnh Qui Nhơn nộp mình ngày 31-7, tới ngày 23-8 người bị giải về Huế. Ngày 17-10 người bị xử giáo tại Bãi Dâu.

Sứ gia Louvet cho biết tại miền Nam có 18 người tử vì đạo trong tháng 12 năm 1833. Vua Minh Mệnh đã khiển trách các quan tổng đốc các tỉnh Biên Hòa, Sài Gòn và Mỹ Tho vì đã không tận lực bắt đạo. Vua lại ban khen hai tổng đốc tỉnh Vĩnh Long và Châu Đốc. Riêng tại Châu Đốc có 20 giáo dân, nhiều thầy giảng và một linh mục bị bắt. Quan sáng chế ra cái gông mới dài đủ để đeo cổ 8 người vào với nhau khiến một người di động thì làm 7 người khác phải khổ. Các người bị bắt, giam ở ngoài trời và chịu phơi nắng.

6. Những cuộc dấy loạn và bản tự thú của Minh Mệnh cuối năm 1833

Tại Nghệ An vào khoảng đầu tháng 11 có một âm mưu dấy loạn, nhưng quan đã bắt được một người khả nghi để điều tra. Sau nhiều lần tra tấn, người này đã thú nhận như các thư bị bắt. Nhờ đó quan bắt được những người chủ mưu. Nội vụ không được điều tra sâu rộng vì sợ các tội nhân khai ra tên các quan khác nữa. Sau cùng chỉ có 16 người bị xử mà thôi. Thừa Sai Masson viết về thái độ của dân chúng đối với Minh Mệnh như sau: *“Một điều ngạc nhiên là mọi người nghe theo những người nổi loạn, những người Công Giáo cũng như bên lương. Đó là một điều khó hiểu. Những người không đủ can đảm để theo giặc thì họ theo trong lòng. Mọi người đều chán ghét nền cai trị của Minh Mệnh”*.

Thừa Sai Murette tại vùng Sơn Hưng Tuyên cho biết rằng khi lệnh bắt đạo được công bố, người lương cũng như người Công Giáo đều tiên đoán đất nước sắp có loạn. Thấy dân tình hoang mang, những người nổi loạn (Nông Văn Vân) đã dùng dấu chữ thập như là một

LM. VŨ THÀNH

thứ đe dọa làm cho Minh Mệnh hoảng sợ và đồng thời như một mưu chước thúc dục Minh Mệnh bắt đạo gắt gao hơn. Tuy nhiên Minh Mệnh đã sáng suốt không liệt kê người Công Giáo vào phe phản loạn. Vụ nổi dậy bắt đầu từ tháng 4, thế giặc rất mạnh, chiếm hết các ngọn núi, và vũ khí cũng tương đương với lính của triều đình. Tuy nhiên họ chỉ chiếm được có một huyện, còn ngoài ra chia nhau đi cướp phá các làng xóm.

Đáng kể nhất là cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi ở Gia Định vì uất ức trước thái độ của quan lớn đối với Lê Văn Duyệt. Cuộc nổi dậy xảy ra đêm 27-7-1833, thành Gia Định bị chiếm trọn. Nhưng về sau vì có người làm phản, lực lượng bị chia thành hai phe nên trở nên suy yếu và bị binh triều đình dẹp được. Nhân có giặc Lê Văn Khôi, quân Siam mang 5 đạo quân hơn 30.000 người sang nhưng đã bị đại bại.

Trước những thiên tai và giặc giã, Minh Mệnh tìm cách trấn an dân chúng bằng việc tổ chức lễ cầu an, nhận mọi tội lỗi làm cho trời đất nổi giận để cho dịch tễ hoành hành, thiên tai giáng xuống và khắp nơi giặc giã nổi lên khiến phải dấy binh dẹp loạn. Lễ cầu an không biết xảy ra vào ngày nào, nhưng theo thơ của thừa sai đề ngày 9-12-1833 thì có thể đoán là vào tháng 12. Trước hết vua nói đến tập tục các Hoàng Đế Trung Hoa và các vua Bắc Kỳ khi có tai họa thường thú nhận lầm lỗi trước thần dân và làm một số việc thống hối công khai như kiêng cử rượu, việc vợ chồng, ăn chay và nằm đất, mặc áo khổ chế. Tiếp đến Minh Mệnh kể ra có tới 17 bệnh dịch tả xảy ra vào đầu triều đại Minh Mệnh năm 1820 làm chết một phần mười dân số Bắc Việt, và vẫn còn kéo dài cho đến lúc này. Sau đó Minh Mệnh nói đến nạn lụt lội hầu như xảy ra hàng năm, nhiều trận bão giết hại dân lành và tàn phá mùa màng. Sau cùng là giặc giã, chiến tranh tàn phá nhiều tỉnh, biến nhiều nơi thành nghĩa địa hoang vu. Trước những sự dữ xảy ra, Minh Mệnh thành thực nhận lỗi lầm vì đứng đầu quốc gia đã làm cho trời đất giận dữ. Nhà vua cũng nhận rằng từ khi cai trị quốc gia đã chú tâm đến nhiều sắc dục và rượu chè, xây cất nhiều dinh thự làm dân chúng phải khổ sở sưu cao thuế nặng. Minh Mệnh thể hứa trước Trời Đất sẽ sửa đổi cách sống và khuyên các quan cũng làm như vậy. Minh Mệnh ấn định chi tiêu ăn uống cho mình là 900 đồng, chối các thú vui, ân giảm thuế cho dân và chiêu mộ những người hiền đức làm việc cho quốc gia.

CHƯƠNG 5

Cuộc Xưng Đạo và Tử Đạo Của LM. PHÊRÔ LÊ TÙY

(bị bắt 25-6-1833, xử tử 11-10-1833)

Cha Tuyền là con của một gia đình Công Giáo đầu tiên tại họ đạo Bằng Sơn thuộc huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông. Người sinh năm 1773. Ngay từ nhỏ đã được học tại trường Kẻ Vĩnh. Sau khi thụ phong Phó Tế, người được bài sai giúp Đức Giám Mục phó La Mothe, tên Việt là Hậu, tại tỉnh Nghệ An. Sau khi thụ phong linh mục, người lần lượt làm cha phó tại Đông Thành, Chân Lộc và sau làm cha chính tại Nam Đường.

Thánh Phêrô Lê Tuyền được vinh dự mở đầu trang sử đẫm máu dưới thời Minh Mệnh. Thật vậy, trước khi ra tay tận diệt đạo Kitô, Vua Minh Mệnh đã nói với triều đình làm một bản kiến nghị xin ra lệnh cấm đạo Công Giáo. Sắc dụ cấm đạo được công bố ngày 6-01-1833. Khắp nơi quan quân được dịp làm tiền và trả thù người Công Giáo. Tại Bắc Việt ngày 25-6-1833, một nhóm lương dân làng Thanh Trác đã bắt Cha Phêrô Lê Tuyền đang trên đường thăm kẻ liệt. Nhóm người này liền giải người đến quan huyện. Quan hứa sẽ cho chuộc tiền nếu người chịu khai là thầy thuốc. Cha Tuyền đã một mực từ chối lời nói dối ấy. Dù đã 60 tuổi, người vẫn bị quan bắt đeo gông và giam tù.

Ít ngày sau khi bị bắt, quan phủ Nghệ An cho lấy lời khai: “Ông có phải là linh mục không?”

- “Thưa phải, tôi là linh mục”.

- “Ông có phải là đạo trưởng không?”

- “Thưa phải, nhưng tôi còn có nhiều cấp trên nữa”.

- “Ông cũng biết, tất cả những người gặp ông đều mộ mến ông, không ai muốn lên án tử cho ông cả, ta cũng không nữa. Vậy ông hãy viết một lời khai là thầy thuốc đi, như thế ta có thể cứu ông. Ông có sợ chết không?”

- “Tôi không hề sợ chết, dù chết cách nào đi nữa, điều đó không quan trọng đối với tôi. Mọi người đều phải chết, hoặc chết êm ái trên giường, hoặc bị cọp xé xác, hoặc cá nuốt sống, hay bị giáo đâm, hay bị chém đầu, bá đao. Chắc chắn là phải chết. Vậy tại sao tôi lại sợ chết chứ?”

LM. VŨ THÀNH

Sau đó cha Tỳ được dẫn trở lại nhà giam và ở đó 3 tháng. Mọi người đều yêu quý, từ quan cho đến lính và bạn tù. Các bạn tù nói: *“Trời ơi! Giam giữ một người hiền lành nhân đức như vậy có phải là ác không? Chúng ta bị giam phạt thì đáng tội rồi, còn ông có làm gì đâu?”* Cha Tỳ còn bị tra khảo nhiều lần nữa nhưng vẫn một mực nhận mình là đạo trưởng. Các quan liền làm án thông báo về hội đồng nội các tại Huế. Bản án viết rất nhẹ để có thể tha bổng, nếu như có vài nén bạc đút lót. Bản án đặc biệt nhấn mạnh đến sự kiện tội nhân đã ngoài 60 tuổi và theo luật pháp Việt Nam hồi đó thì không được kết án tử hình những người từ 60 tuổi trở lên.

Trái lại vua Minh Mệnh chụp ngay cơ hội để trút lên đầu người Công Giáo lòng thù ghét đạo của ông, và mở đầu trang sử oanh liệt của các tử đạo Việt Nam trong thế kỷ thứ 19. Nhà vua đã trả lời cho bản tường trình của các quan hôm 10-10 như sau: *“Tên Tỳ đã công khai thú nhận là đạo trưởng và dạy dân chúng đạo Công Giáo, vậy hẳn phải bị xử tử”*. Ngày hôm ấy viên ký lục thông báo cho một người Công Giáo để thưa lại với Cha Tỳ: *“Thưa cha, con lạy cha, xin cha hãy chuẩn bị giờ chết, giờ Chúa gọi đã đến”*.

Cha Tỳ không biểu lộ dấu sợ hãi khi nghe tin đó, người tỏ ra hân hoan, hỏi lại xem tin có thực như vậy không. Khi được quả quyết chắc chắn, người tỏ ra vui mừng chưa từng có. Người ăn chút cháo như thường lệ rồi cáo từ mọi người, lui vào một chỗ riêng để có thể cầu nguyện với Chúa và chuẩn bị cho giờ trọng đại sắp tới. Sáng sớm hôm sau, ngày 11-10, một quan và 300 binh lính đến đem người ra pháp trường. Người bước đi như đi dự hội, nét mặt hớn hờ, làm cho các quan, binh lính và đám đông dân chúng sững sốt nghĩ thầm là chưa bao giờ thấy một cảnh lạ như vậy.

Khi tới chợ Quân Ban, nơi được chỉ định hành quyết, một người Công Giáo trải chiếu xuống đất, Cha Tỳ liền quỳ gối, bên cạnh là tấm bảng gỗ viết bản án như sau: *“Tên Tỳ là Lê Tỳ thuộc tỉnh Hà Nội, phủ Thường Tín, huyện Thanh Trì, tổng Minh Xã, làng Bình Sơ. Tội nhân là người An Nam, đã theo đạo ngoại quốc từ lâu và tự xưng mình là linh mục, đi vào nhiều làng để khuyến dụ dân chúng. Nên đã bị bắt và xét xử công minh. Bản án vua ra là phải trảm quyết”*. Bảng gỗ này hiện đang được lưu giữ tại chủng viện thừa sai Paris.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Ngay lúc ấy trời bỗng bị mây bao phủ và những người lý hình nói thầm với nhau: “*Người này có phải là một vị thần không mà trời ra tới tấp làm vậy?*” Trong khi đó Cha Tùý bảo Thầy Giảng Bernard Thu chỉ cho người hướng Đông. Thế rồi người quỳ gối xuống, mặt hướng về phía Đông. Thầy Thu xin quan cho người được cầu nguyện đôi phút. Quan cho như ý và cho thêm 60 đồng theo tục lệ của vua để mua ít thức ăn và rượu nhưng người từ chối và bắt đầu cầu nguyện.

Khi đã sẵn sàng, Thầy Thu quỳ trước mặt người thưa: - “*Thưa cha, cha được đến nơi hạnh phúc như lòng mong ước từ lâu, còn con phải ở lại thung lũng đầy nước mắt này, xin cha nhớ đến con*”. - “*Này con, hãy can đảm lên. Con cũng sẽ được thưởng công*”.

Sau đó các giáo hữu lạy người 4 lạy. Đoạn người nói: “*Tất cả đã sẵn sàng*”.

Một hồi chiêng nổi lên, một tên lính liền giơ đao chém đứt đầu Cha Tùý. Dân chúng vội vã ùa đến hôn kính thi hài vị anh hùng tử đạo. Họ cầu xin, họ thu lấy những di tích nhuốm đầy máu, họ lấy giấy và bông thấm máu đào, họ chia nhau tấm chiếu và quần áo người. Sau đó giáo dân đem xác người về chôn cất tại nhà nguyện Trang Nứa, trước kia là học viện của tỉnh Nghệ An.

Thầy Bernard Thu làm chứng về đời sống và cuộc tử đạo của Cha Tùý như sau: “*Nhiều lần tôi nghe kể lại những phép lạ do lời cầu bầu của cha thánh nhưng chưa ai viết ra. Tuy nhiên, riêng tôi, tôi tin chắc chắn rằng nhiều lần khi tôi chữa trị cho các bệnh nhân nan y tôi thường cầu khẩn với Cha Tùý, chính người đã chữa họ lành. Tôi cũng biết chắc một sự kiện khác là đang khi lương dân không làm sao ngăn chặn được sâu phá hoại mùa màng, tôi liền chạy đến cầu nguyện với Cha Tùý và rảy nước thánh trên cánh đồng. Lời cầu nguyện của tôi được chấp nhận. Mọi người sung sướng thấy ruộng của họ thì bị sâu phá hoại còn ruộng của tôi thì trở bông. Họ liền ca ngợi đấng tử đạo*”.

Một ít năm sau người ta định cải táng và đưa xương người về Pháp. Khi mở mộ ra, người ta ngửi thấy mùi thơm ngọt ngào tỏa ra và nước trong bao quanh xác người. Nhiều bệnh nhân đã lấy nước này uống và đã được chữa lành. Một số khác giữ lại để khi ốm sẽ dùng đến.”

Đức Thánh Cha Leo XIII đã tôn phong người lên bậc chân phúc tử đạo ngày 27-5-1900.

LM. VŨ THÀNH

Cuộc Xung Đao và Tử Đạo Của QUAN ĐỘI TỔNG VIẾT BƯỜNG

(bị bắt tháng 12-1832, xử trảm 23-10-1833)

Quan đội Tổng Viết Bường sinh tại Phủ Cam gần kinh thành Huế, trong một gia đình Công Giáo và có chức tước trong triều đình. Trong thời gian đi lính, người tỏ ra lanh lợi và can đảm nên được vua Minh Mệnh cho làm cai đội coi 50 người, về sau người còn được cất nhắc lên làm quan thị vệ. Quan Phaolô Bường một mực giữ đạo, hết lòng thờ phượng Chúa và trung thành với vua.

Khoảng năm 1831, có giặc cướp đến phá phách ở Đá Vách thuộc tỉnh Quảng Ngãi, vua sai người đi dẹp giặc. Khi trở về người tâu trình với vua thì vua hỏi người có đến chùa Non Nước không, nhưng người khéo léo thưa lại rằng: “*Vì Bộ Hạ không có dây bảo nên thần chẳng dám đi*”. - “*Thường thường các quan khi dẹp giặc yên trở về hay đi viếng chùa sao người lại không đi?*” - “*Hạ thần là người có đạo Công Giáo nên không đi viếng chùa*”.



T. PHAOLÔ TỔNG VIẾT BƯỜNG
Tranh Phi Hùng

Vua Minh Mệnh liền nổi giận mắng nhiếc và ra lệnh bắt người bỏ đạo. Quan đội Bường nhất quyết một mực xưng đạo nên bị đánh 80 trượng và tước đoạt

DÒNG MÁU ANH HÙNG

các chức tước, và phải đẩy làm tôi tớ trong cơ binh. Nhờ đút lót tiền cho quan, ông được về nhà thông dong.

Một năm sau, nhân khi vua Minh Mệnh ra lệnh kê khai các lính thị vệ có đạo mới thấy thiếu tên ông đội Bường, vua liền ra lệnh bắt người, năm ấy người 50 tuổi. Hôm ấy vào tháng 12, 1832. Cha M. De Lamotte, lúc ấy đang giảng đạo tại kinh đô Huế, viết về cuộc xung đạo của quan đội Bường như sau: *“Tháng 12, quan đội Bường cùng với 6 người lính thị vệ bị bắt giam trong ngục, phải mang gông cùm. Một người đã chết trong tù ngày 8-3-1833. Một người khác cũng anh hùng xung đạo là ông Tadêo Quyên, con rể của quan đội Bường”*.

Có một hôm, quan coi ngục muốn đổi gông nhẹ cho đội Bường, nhưng người đã thưa lại rằng: *“Xin quan bỏ thêm xích xiềng cho nặng hơn vì trước đây họ có đánh tôi nhưng cũng chưa đủ”*.

Trong những lần tra khảo, đội Bường một mực chỉ nói về đạo mà thôi. Nếu quan ra lệnh bỏ đạo thì người thưa: *“Tôi nhất định không chịu. Chúa đã dựng nên trời đất muôn vật mà tôi thờ phượng xưa nay, làm sao tôi có thể bỏ được?”*

Mỗi lần khảng khái thưa như vậy thì người lại bị đánh đòn. Lính cố gắng kéo chân người qua ảnh chuộc tội song người cố co chân lên và la lớn rằng: *“Đây là việc quan lớn làm, tôi không chịu theo đâu”*.

Đánh đòn không ăn thua gì, quan lại dỗ dành và bảo: *“Này, hãy theo thời mà sống. Bây giờ vua đang cơn thịnh nộ thì hãy tạm vâng lời bỏ đạo đi cho đẹp lòng vua một lúc, sau này sẽ hay, việc chi mà phải cứng cỏi làm vậy?”*

Quan đội Bường thưa lại: *“Quan lớn có lòng thương tôi thì tôi xin thưa rằng: hãy để tôi trọn một lòng trung hiếu cùng Thiên Chúa của tôi”*.

Khi bị giam ở trấn phủ, ông bị tra khảo 3 lần mỗi tháng. Ở trong tù ông thường khuyên nhủ các đồng đạo cũng bị giam như sau: *“Chúng ta hãy vui lòng chịu mọi sự khổ khó để giữ nghĩa cùng Chúa cho đến khi nào thánh ý Chúa định thể khác. Nếu quan có hành hạ thì cũng để mặc. Hễ xác chết rồi thì hồn chúng ta bay thẳng về trời, không sợ gì roi đòn. Chịu sự khó như vậy là vắc thánh giá theo Chúa Giêsu. Nếu có đau đớn quá thì hãy xin Đức Mẹ phù trợ cho được bền lòng đến cùng”*.

LM. VŨ THÀNH

Có lần mấy người ngoại đạo khuyên dụ các lính trẻ chối đạo, đừng theo gương ông đội Bường đã già, nhưng hãy nghĩ đến vợ con, cha mẹ ở nhà, như vậy có phải đi đạo là tốt không? Lập tức ông đội Bường trả lời ngay: *“Bên đạo chúng tôi ai chết trẻ là đi đường tắt, ai chết già là đi đường trường. Song đường nào cũng tới quê thật là nước thiên đường vậy”*.

Sau nhiều ngày giam tù và khuyên bảo không được, các quan làm án xin vua ra lệnh xử tử, song vua muốn hành hạ nhiều hơn. Dầu vậy người vẫn một mực trung thành, các quan tâu lại với vua rằng: *“Người Công Giáo thật cứng lòng, dù có gia hình đến đâu cũng không thay đổi, vậy xin theo phép nước mà khép án cho xong, kẻo để lâu ngày mất công vô ích”*.

Lúc ấy Vua Minh Mệnh mới ứng cho các quan bộ hình ra án trăm quyết và phải bêu đầu quan đội Bường, người thông ngôn Micae, con rể quan đội Bường, và 6 binh sĩ: Vui, Mang, Quân, Hang, Minh và Phú.

Riêng quan đội Bường phải đem đi xử trước vào ngày 23-10. Khi hay tin, người gọi các bạn tù lại và xin họ cầu nguyện cho người được ơn bền đỗ xứng đạo Thánh Chúa và cũng để từ giã họ nữa. Tới giờ, lính đến điệu người đi. Lúc bấy giờ đã chiều tối họ phải mang đuốc đi theo. Đi đâu là một tên lính cầm bản án rao to rằng: *“Người này bị xử vì theo đạo Gia Tô, nên phải xử trăm quyết, đầu treo 3 ngày”*. Họ đi rất nhanh, đội Bường nói đùa với họ: *“Các bạn việc gì mà phải đi nhanh thế? Tôi biết đường mà, chúng ta không lạc đâu!”*

Khi đến họ Thợ Đúc, gần Trường An, vua còn sai quan đến khuyên dụ người đập ảnh chuộc tội để được tha. Quan nói rằng: *“Đội Bường, ông không phải là tướng cướp, cũng không phải là tên giặc. Ông không có tội gì ngoài tội theo đạo Công Giáo, ông hãy xuất giáo rồi vua sẽ tha cho ông và hoàn cấp bực lại cho ông”*.

Người liền thưa với quan giám sát rằng: *“Xin điệu tôi đi xử cho mau, cho tôi được về với Chúa, còn việc bỏ đạo thì không bao giờ tôi theo”*.

Lúc ấy cô con gái của người cũng ra nhìn mặt cha lần cuối. Nơi xử là nền nhà thờ cũ của họ Thợ Đúc. Nhưng cầu sang bên ấy bị gãy nên lính cho xử người ngay tại gần nhà con gái. Người xin họ cho ít phút để cầu nguyện. Khi đã sẵn sàng người nói với họ: *“Việc tôi đã*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

rời”. Người lính đao phủ liền chém đầu người. Quan cho phép đem xác người đi chôn, còn đầu phải bêu tại nền nhà thờ Thợ Đúc 3 ngày theo lệnh của vua. Đức Thánh Cha Leo XIII tôn phong người lên bậc Chân Phước ngày 27-5-1900.

Mười Điều Huấn Dụ của Vua Minh Mệnh

Jrước tình trạng thiên tai và giặc giã, Minh Mệnh có thú tội trước nhân dân và thiết lập năm khắc khổ. Tuy nhiên Minh Mệnh vẫn còn quyết tâm bắt đạo Công Giáo. Ngoài sắc lệnh bắt thừa sai và cấm dân chúng thực hành đạo Công Giáo, Minh Mệnh muốn thay thế một thứ đạo quốc gia, mô phỏng tổ chức của đạo Công Giáo để lập ra 10 điều răn và 4 ngày lễ để suy tôn các điều huấn dụ nói trên. Minh Mệnh muốn tiêu diệt niềm tin tưởng Kitô ngay từ trong thâm tâm.

1. Nội dung 10 điều huấn dụ

Trong lời nói đầu nhà vua nhắc nhở người Annam tâm nguyện của mình muốn theo bước tiền nhân, và với lòng quan tâm phụ tử đặt ra 10 điều huấn giáo. Nội dung lời quảng diễn đại ý như sau:

1/ Đôn nhân luân: Trọng tam cương ngũ thường. Hỡi con người, bản tính của nhân sinh là phải biết có luật vua tôi, có liên hệ máu mủ cha con, có phân biệt vợ chồng, có đẳng cấp huynh thứ, có tin tưởng giữa bằng hữu. Đó là cuộc sống con người và tuân giữ các điều ấy là đạo làm người.

2/ Chính tâm thuật: Làm việc gì cũng cốt phải giữ bụng dạ cho chính đính trong sạch. Thật vậy, cái tâm là chính con người, nếu nó ngay thẳng thì vạn sự lành phát xuất như từ nguồn suối, nếu không nó là lò của trăm sự dữ đổ trên đầu. Đáng đại thiên đã in sâu trong tâm hồn mọi người đạo tự nhiên: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Đời sống con người ở tại giữ các nguyên tắc cao cả này. Trăm ước mong rằng mọi thần dân hãy có tâm hồn tốt, mặc dù hoàn cảnh sống khác nhau, nhưng tất cả hợp cùng nhau tìm kiếm sự thiện. Người giàu đừng có kiêu căng ngạo nghễ, người nghèo đừng gian tham trộm cướp, ước ao giàu sang vượt quá cấp bậc, để ý nghĩ xấu tiêu hao tìm kiếm.

3/ Vụ bản nghiệp: Giữ bốn phận, chăm nghề nghiệp của mình. Phải bằng lòng với cuộc sống của mình, đừng than thân trách phận trời đã sinh ra ta. Hãy làm trọn bốn phận với niềm vui, hãy làm việc hăng hái và bằng lòng. Tất cả, người nông dân, thủ công, thương gia, binh sĩ hãy bằng lòng mãn nguyện.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

4/ Thượng tiết kiệm: Chuộng đường tiết kiệm. Hãy xử dụng của trời cách tiết độ, đừng như người hoang phí tiêu thụ tất cả những cái có, rồi phải đói trong suốt năm. Ham mê các thú chơi làm nảy sinh nghèo đói, trộm cắp và loạn tặc.

5/ Hậu phong tục: Giữ phong tục cho thuần thực.

6/ Huấn tử đệ: Phải dạy bảo con em. Giáo dục gia đình là nền tảng xã tắc.

7/ Sùng chính học: Tránh học thuyết xấu và học hỏi cái hay. Minh Mệnh khuyên đừng để qua ngày nào mà không đọc hay học hỏi cũng như phải coi chừng học thuyết sai lầm. Tất cả lý thuyết sai lầm của đạo Gia Tô đều đi ngược với lý trí và nguy hại cho thuần phong mỹ tục. Những người theo phái này, đàn ông đàn bà sống chung với nhau như những người man rợ (muông thú), nhiều người đã phải đóng vào việc thờ phượng, gieo rắc sự bất hòa khắp nơi, điên rồ tôn kính người phải chết, hủy hoại lời dạy phải lễ và có hại cho nhân loại. Vậy không thể tin vào đạo như thế. Những người đi lang thang khắp nước truyền bá hãy từ bỏ sớm hết sức. Trái lại mọi người hãy giữ cẩn thận tập tục tiền nhân: các lễ phép thông thường trong việc cưới xin cũng như tang chế trong việc thờ cúng ông bà cũng như thần làng.

8/ Giới dâm thắc: Đừng giữ những điều gian tà dâm dục. Người có công giữ nhân đức tiết hạnh sẽ được thưởng, trái lại ai lỗi phạm sẽ bị trừng phạt. “Có thể trăm lập nhà riêng cho họ, có thể trăm ban bằng khen thưởng để làm gương cho những người khác”.

9/ Thận pháp thủ: Cẩn thận giữ luật pháp. Đặc biệt là việc nộp thuế.

10/ Quảng thiện hạnh: Rộng rãi làm việc lành.

2. Hậu quả của 10 điều huấn dụ

Kèm theo bản văn 10 điều huấn dụ, Minh Mệnh còn có một chỉ dụ về việc phải đón tiếp và giảng huấn hằng năm. Nghi thức đón tiếp bằng 10 điều huấn dụ gồm: phải tổ chức cuộc rước, phải tôn kính kiệu trên vai, phải đặt trong một khám, thỉnh thoảng phải tung hô và lạy phục.

Đức Cha Havard thuật lại là nhiều nơi người ta đã bỏ ngay việc giảng giải các điều huấn dụ theo lệnh mỗi năm 4 lần. Nơi khác lương dân

LM. VŨ THÀNH

nói: “Chúng tôi có nhiều việc khác phải làm hơn là đến nghe, như phải nộp thuế, cung phụng cho đức vua”. Thừa Sai Retord cho biết giáo dân chẳng quan tâm gì đến, còn làng bên lương thì như nằm im trên đám bụi. Chỉ có làng nửa lương nửa giáo gây ra vài rắc rối. Tại Kẻ Voi, người lương bắt người Công Giáo đi rước bản huấn dụ ở quan huyện với chiếc kiệu họ vẫn dùng để rước tượng Đức Mẹ. Tại Bằng Sơ họ đặt bản huấn dụ vào chén lễ mà họ đã lấy cắp, có thắp nến và đốt hương chung quanh. Họ đánh trặc và bắt người Công Giáo phải cúi lạy. Nơi khác họ bắt người Công Giáo nghe cắt nghĩa luật với họ hai lần mỗi tháng.

Từ năm 1834 các thừa sai đã có thể thận trọng đi thăm các giáo đoàn. Các quan lo dẹp loạn hơn là bận tâm đến người Công Giáo.

CUỘC XUNG ĐẠO VÀ TỬ ĐẠO CỦA BINH SĨ ANRÊ TRẦN VĂN TRÔNG

(bị bắt 1834, xử trảm 28-11-1835 tại An Hòa)

On thánh Chúa tuôn tràn cho hết mọi người, mọi nơi, mọi giai cấp, nhưng ơn thánh Chúa khi gặp được những tâm hồn đơn sơ thánh thiện và kiên cường thì như kim cương gặp được ánh sáng tỏa chiếu màu sắc rực rỡ. Đó là trường hợp của các anh hùng tử đạo như cậu Anrê Trần Văn Trông, một người lính trong đội dệt hoàng gia. Cậu sinh trưởng trong một gia đình đạo hạnh thuộc họ đạo Thợ Đức. Cha cậu là ông Tadeo Trần Văn Hoàn làm nghề thợ bạc và mẹ cậu là



T. ANRÊ TRẦN VĂN TRÔNG
Tranh Phi Hùng

DÒNG MÁU ANH HÙNG

bà Gia làm nghề dệt cửi, nguyên quán họ Kim Long tại kinh thành Huế, sau dọn nhà sang Thọ Đức. Cậu có hai chị và một em gái. Hồi nhỏ có đi học trường 6 năm rồi ở nhà giúp cha mẹ. Khi cha chết, cậu Trông mới được 19 tuổi, mẹ cậu định hỏi vợ cho cậu thì cậu xin khoan đã. Năm 20 tuổi cậu ghi tên vào đội lính dệt của hoàng gia. Sau 9 tháng thì có lệnh vua Minh Mệnh truyền khai sổ các lính có đạo. Cậu bị bắt cùng với 7 người bạn khác. Lính trấn phủ đem 8 người lính ra tòa tam pháp để cho các quan hạch hỏi. Trong nhà có 5 quan ngồi, ngoài sân có lính cầm roi sẵn và lò lửa đang nóng với kim kẹp. Ngoài ra còn có chừng 40 người lính từ các vệ khác. Một vị quan hỏi: *“Chúng bay có chịu quá khóa không?”*

Mọi người đều thưa là không. Quan liền ra lệnh cho lý hình nọc 8 người lính dệt đánh đòn trước, mỗi người ba roi. Cả 8 người can đảm chịu đòn, quan lại ra lệnh gia thêm ba roi nữa. Có 4 người vì đau quá đã bước qua thánh giá và được thả tự do. Cậu Trông và ba người còn lại bị tra hỏi như trước. Sau cùng một mình cậu Trông cương quyết nói: *“Quan thương thì tôi được nhờ, bắt làm gì thì tôi cũng chịu nhưng quá khóa thì không”*.

Các quan lại dụ dỗ nào là các bạn đã được tha về, nào là nếu chết thì mẹ già không ai săn sóc là tội bất hiếu. Cậu Trông vẫn cương quyết không bước qua ảnh thánh giá và sẵn sàng chịu mọi cực hình quan ra. Thấy vậy quan cho lính khiêng cậu qua nhưng cậu co chân lên. Những người đứng xem cũng vào hòa với quan dụ dỗ cậu và dọa cậu: *“Thằng con nít mà cả gan như vậy, những người lớn hơn còn vâng theo phép vua quan, còn nó thì không, chém đầu đi cho rồi, còn để làm chi”*.

Thấy không còn lay chuyển được người lính dưng cảm, quan truyền lệnh giam cậu tại trấn phủ.

Cậu Trông bị giam tại trấn phủ 6 tháng. Trong thời gian này cậu sống rất rộng rãi với bạn tù và hay giúp đỡ. Một người bạn tù làm chứng rằng: *“Dù phải sống cảnh giam cầm, cậu ta vẫn tỏ ra vui tươi luôn. Cách sống đơn sơ dễ thương, mỗi ngày đều kiểm lời lành khuyên bảo các bạn tù. Cậu ra sức giúp các bạn và siêng năng đọc kinh lần hạt không bỏ ngày nào. Họ hàng đến thăm thì cậu khuyên họ đừng buồn vì cậu phải chịu cực, nhưng hãy cầu xin Chúa ban ơn cho được chịu mọi sự khốn khó cho đến cùng”*. Những người tù ngoại đạo cũng khuyên

LM. VŨ THÀNH

nhũ cậu bỏ đạo nhưng chính cậu đã thuật lại rằng: *“Mỗi khi nghe họ khuyên thì tôi thấy gớm ghét trong lòng. Họ cứ bảo tôi là bất trung bất hiếu và thiên đường ở đâu nào có thấy. Tôi chỉ nói lại với họ là việc ai người ấy biết, tôi biết rất rõ thế nào là trung hiếu”*.

Vào mùa thu, Minh Mệnh còn ghét đạo hơn trước nên đã ra án xử cho cậu. Người ta đem cậu Trông sang chỗ khác gọi là khám đường. Nơi giam có thay đổi nhưng lòng người vẫn một mực như trước, hết lòng trung thành với Chúa và thương yêu anh em. Bạn tù có ai đói thì cậu bớt phần ăn san sẻ cho họ. Thấy cậu quá tốt lành lính canh cũng động lòng thương, ban đêm cho phép cậu ra khỏi khám. Hai lần cậu được ra khỏi khám để tìm cha giải tội: lần thứ nhất ở cầu Bạc Hồ và lần thứ hai ở làng của cậu. Cậu trùm áo đen che khuất xiềng xích và đi với một người lính canh đến con thuyền đậu có linh mục Việt Nam là Cha Ngôn đợi sẵn. Trên đường đi cha ban phép giải tội và sau đó cha lên bờ, còn cậu Trông tiếp tục về nhà thăm mẹ tại Kim Long. Sáng sớm cậu Trông lại xuống thuyền trở về nhà giam, và khi qua Kê Vạn Cha Ngôn trao Minh Thánh Chúa cho cậu.

Ngày 28-11-1835 là ngày đem cậu đi hành quyết. Sáng sớm có người bà con đến thăm, cậu nhắn nhủ như sau: *“Anh hãy ở với mẹ tôi học nghề dệt cho thành tài và luôn thể giúp mẹ tôi với. Anh nói với mẹ tôi rằng tôi đã được phúc trọng chết vì Chúa và xin người an tâm làm việc nuôi xác và giữ đạo thánh Chúa. Còn phần tôi mọi sự đã xong, tôi không lo lắng gì nữa”*.

Lúc ấy người bà con muốn mua thức ăn cho cậu nhưng cậu trả lời: *“Tôi ăn chay dọn mình mà chết”*.

Khi người lính mang bản án đến cho ông cai tù, mọi người tù tập họp lại. Ông cai tù đeo gông vào cho cậu Trông và bảo cậu đi theo lính đến nơi hành quyết. Hôm ấy trời mưa và gió nhiều. Cậu Trông mặt mũi vẫn tươi vui, tay lần hạt đi bên cạnh lính đao phủ. Mẹ cậu hay tin vội vã ra chợ An Hòa để gặp con lần sau chót. Bà nói với cậu: *“Con ơi! Bấy lâu nay con ở trong tù có mắc nợ ai cái gì không thì nói để mẹ lo trả cho họ”*.

Cậu thưa lại: *“Con không thiếu ai cái gì cả, tiền nọp nhà tù và xích xiềng con cũng đã thanh toán cả rồi”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Rồi hai mẹ con nói lời từ giã sau cùng. Khi tới nhà làng gọi là Bắc Đình quan cho lệnh ngừng lại, lính tháo gông và xiềng xích ra, cậu Trông cầm lấy xích nhờ người lính trao lại cho mẹ cậu. Lính đao phủ vuốt tóc cậu và cột lên rồi kéo áo xuống dưới vai, trói hai tay sau lưng. Cậu Trông quì trên chiếc chiếu và cầu nguyện. Khi mọi việc sửa soạn đã xong, quan dẫn lý hình khi nào ba tiếng chiêng dứt thì chém đầu. Song tiếng chiêng thứ nhất vừa dứt đã thấy đầu cậu rơi xuống đất. Mẹ cậu đứng đó thấy đầu con đã rơi xuống đất liền bầm với quan là mình có công sinh con ra nên xin được giữ cái đầu của con. Được quan cho phép, bà lấy áo bọc chiếc đầu con đem về nhà. Còn thân nhân mang xác về an táng tại họ Thọ Đức.

Trong sắc lệnh tôn phong 77 Á Thánh, Đức Thánh Cha Leo XIII đã đặc biệt nêu cao tấm gương tử đạo của cậu Anrê Trông như sau: *“Trong các đấng tử đạo Nam Kỳ có Anrê Trông, thời danh không những vì chính người dũng cảm mà mẹ người cũng anh hùng như con, vì bà đã bắt chước Đức Mẹ chịu đau khổ, đứng bên cạnh xem con mình chịu chết và khi con bị chém đầu rồi thì ôm đầu con trong lòng mình”*.

Quang cảnh tử đạo của người đã được vẽ và trưng bày trong buổi lễ phong Á Thánh cho người. Ngoài ra có lời truyền tụng nói rằng lúc ấy mặt người tươi vui như thiên thần, hai chân không rửa mà sạch mặc dù hôm ấy trời mưa, chân mọi người lấm bùn. Người được Đức Thánh Cha phong Á Thánh ngày 7-5-1900.

Cuộc Xung Đao và Tử Đạo của LINH MỤC GIUSE MARCHAND (DU)

(bị bắt 8-9-1835, xử bá đạo 30-11-1835 tại Huế)

Cái chết của Cha Marchand nêu cao mẫu gương hết lòng vì giáo dân, và là nạn nhân để các tướng giặc trút lên người mọi tội phản nghịch lại quốc gia. Song từ quan cho đến dân đều xác nhận người phải chết vì không chịu bỏ đạo, mặc dù hình khổ bá đạo dành cho những người phản nghịch.

Cha Giuse Marchand sinh ngày 17-8-1803 tại làng Passavant, tỉnh Doubs, nước Pháp. Cha mẹ người làm nghề nông, giàu lòng đạo đức. Ban đầu cậu Marchand đã ước muốn làm linh mục, hay bắt chước

LM. VŨ THÀNH

cha xứ đọc kinh, dâng hương và khuyên giảng. Năm 18 tuổi, 1821, cậu Marchand vào trường Orsans để học sửa soạn làm linh mục và tháng 11-1823 vào Đại Chủng Viện Besancon. Bạn học làm chứng rằng Thầy Marchand chỉ ước ao gần gũi thân mật với Chúa và các Thiên Thần, còn ngoài ra rất mực khiêm nhường, hơi nóng tính một chút nhưng rất chân thành. Cậu tập hãm mình, mặc áo nhặm và ban đêm ngồi ghế để ngủ.



T. GIUSE MARCHAND DU
Tranh Phi Hùng

Sau khi chịu chức Phó Tế, Thầy Marchand muốn vào chủng viện truyền giáo, nhưng cha sở cố sức ngăn cản: *“Thầy nên ở lại quê nhà lo liệu cho kẻ có tội và củng cố lòng tin trở lại cùng Chúa trước đã”*.

Thầy Marchand trả lời: *“Nếu phải lo cho những người mất đức tin trong nước Pháp trước đã thì sẽ chẳng bao giờ có thể đi làm tông đồ giảng đạo. Có ai ăn ở như thiên thần đâu. Hơn nữa Đức Thánh Cha đã dạy nhiều người phải đi xa để giảng đạo, thì không có lẽ chối vì muốn giảng đạo cho người xứ sở mà thôi?”*

Tháng 11-1828, Thầy Phó Tế Marchand từ già làng mặc lên chủng viện truyền giáo Paris học tập công việc tông đồ mới. Sau 5 tháng, thầy được chịu chức linh mục và sai đi truyền giáo ở viễn đông. Ngày 24-4-1829 Cha Marchand rời Paris và đến Macao 19-10-1829. Sau

DÒNG MÁU ANH HÙNG

cùng vào đầu tháng 3-1830 Cha Marchand tới miền Nam được đức cha cho ở nhà trường Lái Thiêu để học tiếng Việt và lấy tên là Du.

Trước tiên Cha Du sang làm việc với người Việt ở Nam Vang, nhưng không hợp thủy thổ, đức cha chỉ cho người về dạy học ở trường Lái Thiêu và thăm các họ đạo chung quanh. Trong thời kỳ cấm cách các thừa sai ở nhiều dễ bị lộ, đức cha muốn cho Cha Du về Pháp để dạy trường truyền giáo, song cha yêu thích làm việc truyền giáo hơn dù có phải chết cũng cam. Đức Cha Taberd giao cho người coi bốn đạo ở Bình Thuận. Cha Du viết về nhà như sau: *“Địa sở của con hơn 7.000 bốn đạo, chia làm 25 họ nhỏ cách xa nhau nhiều lắm. Để làm hết bốn phận sẽ không còn giờ nào rảnh. Từ 5 giờ sáng cho tới 9 giờ tối không được nghỉ một chút nào. Chính vì con muốn sang đây để làm những việc này nên con rất hài lòng. Chỉ có một điều là con không thể có mặt nhiều nơi một lúc để có thể giúp cho bốn đạo. Phần lớn thời giờ con phải đi ghe nên cũng khó gặp được các bốn đạo hay lương dân để dẫn đưa họ về đạo thật...”*

Ngày 6-1-1833 Vua Minh Mệnh ra lệnh bắt đạo toàn diện, các cha phải trốn chạy, nguyên địa phận Đàng Trong có hơn 300 nhà thờ, 18 nhà dòng phải tháo dỡ. Số giáo dân địa phận Đàng Trong là 60.000 người do Đức Cha Taberd cai quản với 9 thừa sai và 17 cha Việt Nam. Đức cha đang ở Biên Hòa được lệnh quan đã cùng với các cha khác trốn đi. Chỉ có Cha Delamotte trốn ở xứ Quảng, Cha Brigol ở Bình Thuận và Cha Marchand ở Vĩnh Long. Ba cha khác đã bị bắt là Cha Jaccard, Gagelin và Odorico. Cha Du lưu lạc hết Cái Nhum đến Cái Mơn, Bãi San, Rạch Rập. Quan đầu tỉnh Vĩnh Long biết có cụ đạo Tây trốn thì bắt một thầy bói tên là Oai Cú chỉ chỗ. Quan bắt được Cha Điền tra hỏi thì cha cứ một mực nhận là Cha Tây nhưng quan không tin.

Trong thời gian chạy trốn có nhiều lần người nói tiên tri như ngày nào có loạn, người nào sắp làm quan.... Dân chúng rất tin người. Ngày 5-3-1833 cha tới Mặc Bắc. Nhưng lý trưởng ở đây không chịu chứa, cha phải vào rừng để lẩn trốn. Ban đêm lên nhà ngủ, ban ngày chạy trốn, cứ thế trải qua cho đến khi giặc Lê Văn Khôi nổi loạn tháng 7-1833 bắt giáo dân tìm cho bằng được cố Tây về Sài Gòn. Trong thời gian này cha viết thư cho Cha Regéreau ở Nam Vang: *“Bây giờ chỉ có mình tôi ở giữa con chiên. Tôi quyết chí bảo bọc họ dầu có phải chết. Có mình tôi là thừa sai ở giữa đàn chiên Chúa giao phó*

LM. VŨ THÀNH

lẽ nào tôi cũng trốn chạy đi, để con chiên bị bách hại một mình. Ước chi tôi có thể đi khắp bốn phương trời mà làm cho đức tin họ thêm kiên cường”.

Các ông trùm định tâm đem ghe chở cha sang Xiêm để quan khỏi bắt được mà làm khốn cả làng. Thấy họ, cha chỉ mặt nói: *“Kìa quân dữ đến bắt cha, đuổi nó đi”*. Các ông trùm sợ hãi khóc lóc xin tha lỗi. Khi về họ nói với nhau: *“Quái! Tính thâm với nhau sao mà cố biết được”*. Từ cuối tháng 7, quân của Lê Văn Khôi đã kiểm soát toàn Nam Kỳ nên giáo dân được tự do đến gặp cha. Cha Du lăn xả vào việc giúp đỡ phần hồn cho giáo dân chịu thiếu thốn vì con bắt đạo. Giặc Khôi muốn có cha Tây trong thành để việc chiến tranh vững chắc, nên bắt cha sở họ chợ Quán là Cha Phước cùng với quan bộ Hộ mang về Mạc Bắc để bắt Cha Du. Hôm ấy cha đang ở nhà Tham Học, quân của Lê Văn Khôi ập đến mời cha về Gia Định. Cha nói: *“Tôi đi giảng đạo mà thôi, việc chiến tranh tôi không biết chi. Nếu Chúa sai tôi đi đánh giặc thì một mình tôi một tỉnh tôi cũng không sợ”*. Quan Đội Miêng thưa: *“Tướng Khôi chia Công Giáo làm ba vệt và tin tưởng người tâm phúc, nếu cha không về ông ta sẽ giận mà chém đầu hết những người có đạo, ở trong thành bây giờ có đạo đông lắm”*.

Sau cùng cha chiều theo họ mà đi. Cha về ở họ Chợ Quán với Cha Phước. Quân của Lê Văn Khôi có đến nhờ viết thư sang Xiêm hay cầu cứu người Anh, cha đều từ chối hết. Khi có tin quân triều đình bao vây, cha xin giáo dân chờ về Mạc Bắc, song họ nói mọi ngã đều bị vây không có cách nào đi khỏi. Quân của Lê Văn Khôi lại bắt Cha Du lên voi mà đem vào thành Phiên An (Gia Định). Người chỉ khóc mà nói: *“Xưa quân dữ bắt Chúa Giêsu, nay nó cũng bắt cha”*.

Ngày 24-9-1834, cha viết từ đồn Sài Gòn một lá thư gửi Đức Cha Taberd nói đến tình cảnh bị bắt buộc ở chung với 4.000 lính Bình Thuận làm phản triều đình. Cha đã từ chối không vẽ mẫu cờ Constantinô để đạo thánh không bị mang tiếng vì quân phản nghịch. Cha khuyên đức cha ở nguyên bên Xiêm, để một mình cha lao đao chịu trận, gánh đỡ mọi sự khốn khó của cơn bắt đạo và giặc giã. Ngày 8-9-1835 tức là sau hai năm vây hãm, triều đình hạ được thành Phiên An bắt được 1940 người, trong đó chỉ có 64 người lính Công Giáo. Tất cả đã bị phân thây chôn ở Chí Hòa gọi là mả ngục. Cha Du và 4 người bị ghép tội phản nghịch nên bị đóng cũi chờ lệnh.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Các tướng triều đình đóng quân ở Thổ Sơn cho điệu Cha Du đến tra hỏi: “Cha đã tới bao lâu, làm những gì, tại sao lại có mặt ở trong đồn giặc?” - “Tôi ở trong nước đã lâu để rao giảng đạo Thiên Chúa. Ban đầu tôi ở miền dưới sông họ đem tôi về Chợ Quán và bắt tôi vào trong thành”. - “Cha có làm gì giúp giặc không?” - “Tôi chỉ giảng đạo và biết có việc giảng đạo mà thôi”. - “Ông có vợ con không, giảng đạo là làm gì?” - “Là đọc kinh, làm lễ và dạy dỗ bốn đạo”. - “Ông có biết làm thuốc mê dụ dỗ bọn ngy cho nó theo không?” - “Tôi chỉ biết có một việc giảng đạo mà thôi”.

Tại Gia Định, cha bị tra hỏi ba lần mà cha đều chỉ thưa có vậy. Ngày 15-10, quân lính và tù binh về tới kinh đô trong tiếng reo hò chiến thắng. Các tù nhân bị nhốt trong cũi, xếp một hàng dài ở trại Võ Lâm. Ngày hôm sau các quan tòa tam pháp tra hỏi Cha Du: - “Người có phải là Phú Hoài Nhân (tên vua đặt cho Đức Cha Taberd) không?”

- “Không”.

- “Ông ấy bây giờ ở đâu?”

- “Tôi không biết”.

- “Người có biết ông ấy không?”

- “Tôi biết lắm nhưng đã lâu không gặp”.

- “Người ở trong nước được bao lâu?”

- “Năm năm”.

- “Người ở những đâu?”

- “Trước hết tôi ở Lái Thiêu, sau này tôi ở nay đây mai đó trong nhà nhiều người mà nay họ chết cả rồi”.

- “Người có giúp Khôi làm giặc không?”

- “Không, ông Khôi cho quân đi bắt tôi đem về Sài Gòn. Việc chiến tranh tôi không biết gì, chỉ làm một việc là cầu nguyện cùng Chúa và làm lễ”.

- “Có phải người viết thư xin quân Xiêm và giáo dân Đồng Nai đến giúp ngy nữa không?”

- “Ông Khôi có bắt tôi viết thư song tôi không chịu, và nói cho ông ta rằng đạo cấm làm chuyện chính trị. Tôi cũng nói thà chịu chết chứ không làm như thế được. Dù vậy ông Khôi còn đem mấy thư đến bắt tôi ký tên vào nhưng tôi đã lấy mà đốt đi trước mặt ông Khôi”.

Lần tra khảo này Cha Marchand không bị đánh đập. Ngày hôm sau nữa quan lại hỏi các tướng nghịch. Những người này sợ tội nên đã đổ lỗi hoàn toàn cho Khôi đã chết và cho Cha Du. Họ bịa đặt ra là có

LM. VŨ THÀNH

đức cha xúi làm loạn để đưa An Hòa, là con của Đông Cung (hoàng tử Cảnh) lên ngôi. Mấy tướng nghịch cũng đổ tội cho công chúa Kiên An là em của Minh Mệnh xúi dục khởi loạn, và cho Thái Công Triều, trước theo giặc nhưng đã phản Khôi về hàng triều đình.

Ngày 17-10, quan cho đòi Cha Du đến công đường có bày sẵn các hình cụ và bắt nhận lời như bọn tướng nghịch đã khai. Cha Du cực lực chối bỏ. Cha bị tra tấn thật dã man: hai đứa kềm hai bên, một đứa khác vén quần lên cao để lộ hai bắp vế, một tên khác lấy kim nung đỏ kẹp vào đùi bên trái. Mọi người nghe tiếng kêu xèo xèo và mùi khét phải quay mặt ra phía ngoài. Lý hình giữ nguyên kẹp cho đến khi nguội hẳn. Cha Du thét lên và ngắt xiếu. Cách chừng nửa giờ sau quan lại hỏi nữa và bị kẹp đùi bên phải, thảm cảnh man rợ tái diễn làm Cha Du ngã xuống đất lần thứ hai. Cha vẫn một mực không chịu nhận tội làm giặc mà các quan ép buộc. Quan nói: *“Thôi, tên này lớn gan lắm, để thủng thẳng bữa khác sẽ hay. Hãy đem về cũi giam lại”*.

Cha còn bị tra hỏi nhiều lần khác song không bị kim kẹp. Đứa con lên 7 tuổi của Khôi cũng bị tra hỏi, nó cứ thật mà khai là Cha Du không có can dự gì vào chiến tranh, cũng chẳng làm những điều ông Khôi ép buộc. Không ép buộc được Cha Du nhận tội, các quan bắt cha phải bỏ đạo. Quan nói: *“Người chối hoài là không làm gì theo giặc thì thôi, nhưng người không thể chối đã đến đây giảng đạo mặc dù người biết có lệnh vua cấm. Tội này cũng đáng hình khổ nặng lắm. Nhưng nếu người đành lòng bỏ đạo bước qua thập giá thì ta tha cho mọi hình phạt”*.

- *“Quan lớn rộng lượng như thế thì xin cảm ơn, nhưng xuất giáo thì không bao giờ. Tôi thà chịu mọi hình phạt quái gở chứ chẳng thà chối Chúa như vậy”*.

Các quan mặc sức chế nhạo và vu khống cho đạo như là làm thuốc mê, gian dâm với đàn bà.... Cha cực lực chối cãi: *“Cái việc ấy chỉ là do những người ghét đạo bày đặt ra. Nếu đạo có như vậy thì còn ai dám theo?”*

Các quan làm tờ trình như sau: *“Năm Minh Mệnh thứ 15, tháng 9, ngày 13, chúng tôi, các quan tòa tam pháp theo lệnh hoàng thượng như sau. Tháng 5, năm vừa qua, chúng tôi xét xử vụ khởi loạn của Khôi ở thành Phiên An, trong số đồng phạm có linh mục Âu Châu tên*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

là Du, cũng gọi là Marchand, đã theo tàu Trung Hoa đến nước năm Minh Mệnh thứ 12 tại cửa Cần Giờ, và trốn tránh tại Vĩnh Long và Biên Hòa để lút lút giảng đạo Gia Tô. Từ đó theo Khôi khởi loạn, liên lạc với kẻ thù của chúng ta là nước Xiêm và tập hợp người Công Giáo trong thành..., đã bị bắt và dẫn giải về kinh đô giao cho chúng tôi xét xử. Sau đó chúng tôi đã mở cuộc thẩm vấn và thấy các câu trả lời của tội nhân vi phạm luật lệ quốc gia một cách trầm trọng. Chính tội nhân đã nhận tội lỗi. Vì thế tên đạo trưởng Âu Châu Du hay Marchand có hai tội không những không chịu đạp ảnh mà thực sự có dính líu đến nghịch tặc. Chúng tôi luận phải xử bá đao và phải bêu đầu. Sau khi nhận được lệnh vua, chúng tôi sai hai quan Lang Trung và Chủ cùng với 40 lính thuộc trấn phủ dẫn tù nhân Âu Châu Marchand đến nơi gọi là Trương Đông, làng Dương Xuân, huyện Hương Toà để hành quyết và chặt đầu bêu như đã chỉ thị”.

Thừa Sai Delamotte và Marette thuật lại vụ hành quyết với nhiều chi tiết hơn: Cha Marchand bị giam tại trại Võ Lâm một tháng rưỡi chờ ngày Vua Minh Mệnh ra lệnh hành hình. Sáng 30-11, lễ Thánh Anrê, 7 phát súng đại bác đánh thức kinh thành Huế dậy đi chúng kiến vụ hành quyết có một không hai trong lịch sử. Các quan đến trại giam dẫn Cha Du, ba tên tướng nghịch và con của Khôi đến cửa Ngọ Môn cho Minh Mệnh thấy mặt. Lính túm ngực tội nhân mà dẫn đi như cách thức dẫn giải một tên phản nghịch, nhấn đầu xuống đất để lạy vua 5 lần. Minh Mệnh nhìn mặt rồi ném quạt xuống đất ra hiệu đem đi mà giết. Cha Du được dẫn đến đại sảnh nơi đô sát viện. Họ cởi áo cha, chỉ để lại một miếng khố nhỏ và một tấm vải ở cổ viết tên: “*Ma-Sang danh Du*”. Sau đó các tội nhân bị cột vào cây thập giá do 4 người lính khiêng đi đến nơi hành quyết. Tới tòa tam pháp, lính đem Cha Du vào trong trước mặt quan lớn. Hai tên lính ôm chặt hai ống chân kéo thẳng ra, 5 tên khác mỗi đứa một cái kim nung đỏ kẹp vào 5 chỗ ở chân bên trái. Vì đau đớn quá Cha Du kêu lên: “*Ôi cha ơi!*” Quan sai lính đứng đằng sau 5 tên lý hình để thúc dục lý hình không được thương hại mà nới tay. Sau khi rút kim ra, quan hỏi: “*Vì lý do gì bên đạo móc mắt người chết?*” - “*Không bao giờ tôi thấy như vậy!*”.

Năm tên lý hình lại được lệnh mang kim nóng kẹp vào chân phải. Mùi thịt cháy khét lẹt làm nhiều người bủn rủn chân tay. Kim nguội rồi quan lại hỏi: “*Tại sao nam nữ trước khi kết hôn đến trước mặt linh mục làm gì?*”

LM. VŨ THÀNH

- *“Họ đến trước mặt linh mục để xin công nhận và toàn thể giáo dân chứng giám, đồng thời xin Thiên Chúa chúc lành”.*

Năm mũi kim nóng lại thi nhau đốt cháy da thịt của vị anh hùng tử đạo. Khi mùi khét và khói ngưng bốc lên, quan lại hỏi: *“Trong nhà thờ các linh mục cho bốn đạo ăn thứ bánh quái gỡ gì mà họ trung thành đến nỗi chết?”*

Cha Du phải gượng gạo trong hơi thở yếu ớt trả lời: *“Không phải là bánh thường nhưng là Mình Thánh Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng tôi, trở nên lương thực nuôi hồn...”*

Những lời tra hỏi về đạo này làm chứng rằng Cha Du chịu hành hạ dữ tợn như thế là vì đạo mà thôi. Quan sợ cha chết chưa kịp thọ án nên ngưng tra khảo, và cho các tù nhân ăn uống. Cha Du không ăn gì, chỉ để hết tâm hồn cầu nguyện xin ơn chịu đau khổ cho đến cùng.

Sau khi các tù nhân ăn xong họ bị trói trở lại vào thập tự, miệng phải ngậm đá sỏi và khóa lại bằng tre để khi chịu đau kêu không ra tiếng. Khoảng chừng 100 lính theo lý hình ra pháp trường ở họ Thọ Đức. Tại đây có sẵn 5 cọc, lý hình cởi trói Cha Du khỏi thập giá và buộc vào cọc thứ hai, hai bên có hai lý hình, một người cầm kệp, một người cầm đao, hai tên khác đứng gần để đếm miếng thịt lắt ra và ghi vào sổ. Sau hồi trống lệnh, lý hình xẻo trán Cha Du để che trước mắt, sau đó lấy kệp mà lòi hai vú ném xuống đất. Lần lượt lý hình kệp lòi thịt ở hai bên hông mà cắt vạt xuống đất. Lúc ấy Cha Du không còn sức nữa, gục đầu xuống và linh hồn về với Chúa. Thấy cha đã chết, tên cầm đao túm tóc kéo đầu lên và chém đứt cổ, bỏ đầu vào thùng vôi. Lý hình xô xác cha xuống đất và tiếp tục cắt thân thể ra từng trăm mảnh, hết bỏ dọc đến bờ ngang như một khúc cây. Vì Cha Du khắc khổ, chịu hành hạ nhiều nên không còn máu chảy ra. Khi xong xuôi tất cả, lý hình gom các miếng thịt vụn lại vào mấy thùng, rồi đem giao cho quan để vạt xuống sông, còn đầu bỏ vào thùng đem đi khắp nơi trên toàn lãnh thổ. Đầu Cha Du tới Hà Nội ngày 2-1-1836. Đi đến đâu người ta đều nghe một hơi lạnh ớn xương sống. Sau cùng đầu Cha Du được đưa về Huế bỏ vào cối xay nát và ném xuống biển. Không ai giữ được một di tích nào của vị thánh này.

CHƯƠNG 7

SẮC LỆNH CẤM ĐẠO NGÀY 25-1-1836

Những biến chuyển trong nước và vùng Đông Nam Á đã tạo nên bầu khí đầy nghi kỵ của triều đình đối với ngoại quốc và đạo Công Giáo do người ngoại quốc du nhập vào. Triều đình đã áp dụng chính sách bế quan tỏa cảng trước những đề nghị hiệp thương của Pháp, Anh và Hoa Kỳ.

Trong nước, cho đến năm 1835, triều đình đã dẹp xong vụ nổi loạn của dân chúng miền Nam do Lê Văn Khôi khởi xướng, kéo dài hơn hai năm. Trong khi chiến tranh với vụ khởi nghĩa miền Nam, Minh Mệnh đã xin Thừa Sai Jaccard và Odorico ký vào bản hiệu triệu của các quan viết sẵn, hô hào người Công Giáo tại miền Nam phản lại Khôi. Hai thừa sai đã không ký, và nói rằng các đấng viết lá thư riêng. Trong thư, Thừa Sai Jaccard đã nêu gương anh dũng của các thừa sai đổ máu ra vì đạo chứ không làm giặc, và nhắc nhở giáo dân những hậu quả không những họ phải chịu mà những người đồng đạo phải liên lụy. Nhưng Minh Mệnh không hài lòng, tự ý viết một thư lấy danh nghĩa thừa sai gửi đi. Tuy nhiên giáo dân đã không tin và lá thư không gây được kết quả nào. Cha Jaccard và Odorico phải đi đây sang Ai Lao. Theo Đức Cha Cuenot, trong khoảng 1835 vua Minh Mệnh đã chỉ thị cho các quan ngưng mọi cuộc sách nhiễu người Công Giáo.

Ngày 8-9-1835 quân của triều đình vào được thành Sài Gòn bắt được 6 người đứng đầu và 1994 người khác. Hai chục ngày sau tất cả đám đông này bị tàn sát, còn các lãnh tụ và Cố Marchand Du bị giải về kinh. Ngay khi được tin binh triều chiếm được thành, Vua Minh Mệnh ra một tuyên cáo cho dân chúng biết đã bắt được 6 lãnh tụ, trong đó có đạo trưởng Tây Marchand và 6 người Công Giáo. Minh Mệnh đã gán ghép cho ba người là Công Giáo để có lý do bắt đạo sau này, chứ thực họ đâu có phải là Công Giáo.

1. Nội dung sắc lệnh cấm đạo 25-1-1836

Chính sách của Minh Mệnh là khi muốn làm việc gì thì truyền cho các quan làm kiến nghị trước. Ngày 6-1 âm lịch (25-1-1836) các quan trong hội đồng nội các trình lên Minh Mệnh kiến nghị mới

LM. VŨ THÀNH

về việc bế quan tỏa cảng và triệt hạ đạo Công Giáo. Mở đầu, các quan lớn đưa ra những lời vu cáo dựa trên sự kiện Cha Marchand bị bắt trong thành Gia Định và gán cho vị thừa sai tử đạo này đã thú nhận các điều vu cáo. Kiến nghị viết tiếp: “*Các thừa sai dùng bánh nhiệm mầu để mê hoặc dân chúng và làm cho họ cố chấp giữ đạo. Các thừa sai còn lấy mắt người chết pha lẫn vào hương để làm thuốc chữa bệnh. Trong khi cử hành hôn phối, đạo trưởng bắt làm những điều tối bại. Thừa Sai Marchand đã thú nhận tất cả những tội bại này vì thế cần phải đặt ra những biện pháp mới chống lại các đạo trưởng Tây Phương. Rõ ràng năm 1826 hoàng thượng đã công bố chỉ dụ rất khôn ngoan để ngăn cấm các đạo trưởng xâm nhập quốc gia, nhưng mặc dầu vậy, Marchand đã lén vào được trong nước và ẩn trốn nhiều năm. Có lẽ nhiều thừa sai khác nữa cũng còn ẩn trốn trong nước. Vì thế ngược trông hoàng thượng công bố những biện pháp sau đây: Cấm các tàu buôn mọi rợ không được đến các cửa biển ngoại trừ cửa Hàn. Quan coi cửa biển này phải nghiêm mật trông chừng tất cả mọi người nước ngoài đến đây buôn bán. Phải có phép quan trước mới được xuống đất để buôn bán và suốt trong thời gian này phải có người theo dõi, không được tách rời dù trong bất cứ nhà đặc biệt nào. Khi họ đã buôn bán xong phải kiểm điểm số người trước khi dân lên tàu. Nếu có người nào tìm cách trốn ở lại sẽ bị bắt ngay và phải xử tử. Còn các tàu buôn người Trung Hoa có thể đến tất cả các cảng khác, nhưng vừa tới sẽ bị khám xét ngay và nếu trên tàu có đạo trưởng Âu Tây sẽ bị bắt và xử tử. Các đạo trưởng Âu Tây bắt được trong đất liền cũng phải xử tử. Người oa trĩ cũng bị một hình phạt như thế. Các quan cũng sẽ bị trừng phạt xử tử nếu đạo trưởng bị bắt trong địa hạt của họ vì đã không chịu lòng soát cho kỹ để bắt”.*

2. Hậu quả của lệnh cấm đạo trên

Dẫu có lệnh nghiêm ngặt như thế, các quan tại các nơi trong Nam đã không bắt bớ giáo dân để tra hỏi, trái lại khi có biến thì đến nói trước để người Công Giáo kịp ẩn trốn. Ngày 16-6-1836, Đức Cha Cuenot đã lén vào được Bình Định và trốn ở Gò Thị. Cùng đi với đức cha có hai linh mục Việt, học ở Penang và hai chủng sinh. Cũng năm đó, đức cha truyền chức linh mục cho 10 thầy giảng. Các thừa sai mới cũng lần lượt vào trong các địa điểm truyền giáo: Candahl, Jeanne, Lefebre, Vialle, Miche, Duclos, Chamaison. Đức Cha Cuenot mở lại hai chủng viện ở Huế và ở Đồng Nai.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Ngoài Bắc vẫn có những vụ hạch sách làng Công Giáo lẻ tẻ, vì các quan muốn làm tiền. Khi lệnh cấm đạo được công bố tại Bắc Việt ngày 2-2-1836, các thừa sai lại rút vào những hầm trú ẩn mà Cha Retord gọi là mộ chôn sống. Tại Kẻ Đàm có người dọa thám báo cho quan biết hiện đang có linh mục hành lễ. Vị linh mục mặc áo thường lẫn trốn. Khi lính vào cho bắt các người giúp giải về quan. Một người lương dân vô danh đến thưa với quan rằng ông có người bạn không phải là Công Giáo bị bắt đang khi cấy ruộng và xin quan trả tự do. Quan thấy những nén bạc trong tay thì nói với người thuyết khách: *“Tôi hiểu, linh của tôi không sáng suốt đủ. Thật phải không được lẫn lộn người lương thiện với người phạm pháp”*. Thế là các tù nhân được tha về.

Chỉ có hai vụ bắt không thể dàn xếp được, đó là vụ thầy giảng Phan-xicô Xavie Cần bị bắt ở Kẻ Vác, gần Hà Nội ngày 20-4-1836. Thầy đã bị kết án xử giáo tại Hà Nội ngày 20-11-1837. Vụ thứ hai là Thừa Sai Cornay bị bắt ở Sơn Tây ngày 20-6-1837 và bị xử lăng trì ngày 20-9-1837. Thế nhưng hai con của Minh Mệnh bị phạt chết tức tưởi, 18 thuyền thóc của Bắc Việt nộp triều đình bị bão cuốn đi, làm nhiều người chết, trong đó có một quan bắt đạo dữ dội.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC J. B. CORNAY (TÂN)

(bị bắt 20-6-1837, xử lăng trì 20-9-1837 tại Sơn Tây)

Người duy nhất trong các anh hùng tử đạo Việt Nam áp dụng một tập tục có từ thời các vị tử đạo xa xưa, là lấy danh nghĩa mình xung đạo để xin xá giải cho một người đã chối đạo. Thừa Sai Cornay đã viết một lá thư bằng tiếng Latinh xin đức cha nhận lại người cộng tác cũ của mình. Thư viết như sau: *“Thưa đức cha, mặc dù lời giới thiệu của con không đáng chú ý, nhưng con dám lấy danh nghĩa là người đã xưng đức tin bằng máu đào đã đổ ra, bắt chước tập tục của các anh hùng tử đạo xa xưa viết thư xin ân xá cho những người đã chối đạo. Vậy con xin đức cha bỏ qua lỗi lầm của người giúp con là Kim, xin nhận vào sổ các thầy giảng sau khi đã trả bài về các sách kẻ giảng. Con tin rằng khi được trở về như người con phụng phả, thầy ấy sẽ chuộc được lỗi xưa bằng một đời sống gương mẫu. Con mong đức cha khăng ban”*.

LM. VŨ THÀNH

Cha Cornay sinh ngày 12-3-1809 tại Loudun thuộc giáo phận Poitiers bên Pháp. Cha mẹ người rất giàu và cũng rất đạo đức. Trong khi theo học tại học viện ở Saumur và Montmorillon, cậu Cornay rất tiến bộ trong việc học và được mọi người quý mến vì tính hiền lành. Năm 1827 cậu nghe tiếng Chúa gọi dâng mình đi tu trong chủng viện địa phận Poitiers. Sau ba năm thấy được phong chức Năm và bước thêm một bước quyết liệt khác là theo Chúa đi giảng đạo cho dân ngoại. Thấy xin gia nhập chủng viện thừa sai Paris. Để thử xem mình có sức chịu đựng những khổ sở mà các thừa sai phải chịu ở nước người xa lạ, đang đêm trời mưa to gió lớn, có sấm chớp vang trời, Thầy Cornay đi ra ngoài đồng ruộng tưởng chừng như đi vào nơi xa xôi hẻo lánh. Thấy tập ngủ trên một phiến đá và khi mặt trời mọc, thấy vào nhà thờ giảng về Đức Chúa Trời rồi mới về nhà. Thấy ở chủng viện Paris học thêm và chuẩn bị chịu chức Sáu. Sau khi chịu chức Sáu, thấy được sai đi truyền giáo ở Trung Hoa. Vì đang có bất đạo ở Trung Hoa nên đường đi vào nội địa phải qua Bắc Việt để theo đường bộ lên Tứ Xuyên. Ngày 12-7-1832, thầy cùng với 4 thừa sai khác đặt chân lên đất Bắc Việt. Phần thầy, thầy lên Sơn Tây để chờ người dẫn sang Trung Hoa. Dân Công Giáo thấy có cỗ Tây gióc tóc đuôi xam như người Tầu mà không làm lễ thì gọi là cỗ Sáu. Vì người đưa rước bị mắc bệnh mà chết, và đức cha địa phận Tứ Xuyên không liệu cách khác được thì cho phép thầy ở lại giúp Việt Nam. Thầy về Hà Nội chịu chức linh mục ngày 20-4-1834. Từ đây thầy trang phục như người Việt và mang tên là Cố Tân. Cha Tân được bề trên sai trở lại Sơn Tây làm việc và học thêm tiếng Việt tại xứ Bầu Nọ. Trong thời kỳ cấm cách, quan quân lùng bắt các thừa sai, tại đây vẫn tương đối là một nơi an toàn. Nhưng thánh ý Chúa đã định cho cha được đổ máu ra để củng cố đức tin giáo dân Việt. Tại vùng này, có tướng giặc tên là Đức bị bắt, muốn chuộc tội, hẳn cho vợ giả làm người học đạo để dò la chỗ ở của đạo trưởng. Khi biết chắc Bầu Nọ có đạo trưởng Tây thì báo cho quan.

Sáng sớm ngày thứ ba 20-7-1837 khi Cha Cornay đi làm lễ thì có tin báo quan sai 1.500 lính vây làng. Cha Cornay thuật lại việc bị bắt trong thư gửi cho cha mẹ như sau: *“Bấy giờ vì không liệu cách nào mà trốn được nên giáo dân mang con đi ẩn trong một khóm tre rậm. Lính đi qua đi lại khám xét nhưng không biết được. Đến chiều khoảng 4 giờ lính đến gần bụi dùng giáo cán dài mà đâm vào. Thấy vậy con ra nộp mình cho họ bắt”*. Trong khi cố đi trốn thì dân làng bị tập trung lại để

DÒNG MÁU ANH HÙNG

điểm danh. Trong đó, có hai thầy già và một học trò khác cũng bị bắt và sau được phúc tử đạo. Quan muốn biết nơi ẩn trốn của linh mục nên đánh đòn tra tấn lý trưởng tên là Cuộc. Vì đau quá ông đã phải thú nhận có đạo trưởng trong làng và đã đi ẩn ở bụi tre.

Ngay sau khi bị bắt, Cố Tân phải mang gông và khi họ làm xong cũi tre thì giam người vào trong cũi. Cố tỏ ra vui vẻ và ca hát luôn. Vì làng chứa đạo trưởng nên lính tráng mặc sức phá phách cướp bóc cho tới chiều tối mới thôi. Các đàn ông trong làng được đưa đến một chỗ cao ráo để ngủ đêm, còn Cha Cornay được cho một cái chiếu rách, gối đầu trên gông mà ngủ. Nhưng cái đêm dài hải hùng không cho cố nhắm mắt được, mà phải nhìn bầu trời đầy sao chờ sáng, chờ những cái khắc nghiệt của quân lính Việt Nam.

Sáng hôm sau 21-4, quan hỏi xem có còn thừa sai nào khác và các đồ đạo dấu ở đâu. Thực ra họ đã tịch thu được tới 20 gánh đồ đạo và sách. Quan lãnh binh đã lợi dụng cơ hội để lấy phần cho mình. Họ chỉ mang hai gánh về nộp cho quan tỉnh. Cha Cornay đã xin lại được 6 cuốn sách, ảnh thánh giá. Cầm từng cuốn sách, quan hỏi là sách nói gì. Cha Cornay phải giải thích. Sau đó họ mang tới một cái cũi tre để khiêng cha đi như một tên tướng giặc. Có 8 người khiêng. Đoàn người đi về tỉnh. Buổi tối họ dừng lại ngủ. Cha Cornay trải qua đêm thứ hai ngoài trời. Cũng trong đêm này, cha biết được là quan đi bắt tướng giặc, nhưng giặc đã trốn chạy. Ngày 22-6, đoàn quân mới về đến tỉnh. Cha Cornay đã coi như mình được danh dự, biến cũi thành ngai có 8 người hầu cận khiêng, trước có 500 lính mở đường, sau có quan trên võng cang và 10 giáo dân bị trói mang gông. Hai bên đường có vô số người ra xem.

Dinh của quan tổng đốc xứ Đoàn kiêm nhiệm hai tỉnh Hưng Tuyên, có lũy cao và hào chung quanh. Bên trong có đủ các dãy nhà: nhà quan, nhà lính, tòa án, nhà kho... Quan tổng đốc đến xem xét rồi nói rằng trong vài ngày nữa sẽ giải về kinh để vua xét xử. Quan lớn lui đi thì các quan nhỏ và trẻ con bao vây hỏi han Cha Cornay đủ mọi câu, nhưng cha không trả lời. Có người tra vấn đứng bên cạnh, trả lời các câu hỏi tò mò của đám người chưa bao giờ nhìn mặt một người Tây. Đến gần bữa ăn, họ bắt cha hát rồi mới cho ăn. Cha đã hát 4 câu trong ca vịnh Đức Trinh Nữ. Tại tỉnh, họ chuyển cha sang một cũi khác bằng gỗ và bị xích cổ chân. Bề cao và rộng của cũi là 4 thước chân và chiều dài là 5 thước chân. Trên và dưới có ván, chung

LM. VŨ THÀNH

quanh có song gỗ rất dày Tuy thế vẫn không dài đủ cho một người Tây có thể nằm thoải mái. Cha rất khổ cực, cộng thêm sức khoẻ yếu kém. Tuy nhiên quan để tự do cho người dân được đến gần. Có một bà dòng đến săn sóc và nhắn các tin. Quan còn cho giấy để cha viết tường thuật, và được phép gửi về gia đình. Sáng ngày hôm sau, quan lãnh binh, người đã bắt cha, đến với một địa bàn và thánh giá có chạm trổ để hỏi han. Cha cắt nghĩa cách xử dụng la bàn và xin thánh giá lại để treo vào cũi. Cha cũng ráng nói cho rõ ràng tiếng Việt cắt nghĩa các mẫu nhiệm trong đạo, nhất là về cuộc đời của Chúa Cứu Thế. Quan lãnh binh tên là Tài còn hỏi các thừa sai làm những việc gì. Cha cắt nghĩa việc giảng đạo và 10 điều răn, về bí tích, sự tha tội... Sau đó cha hỏi lại quan lãnh binh: *“Khi chúng tôi giảng đạo như thế, có phải là chúng tôi xúi dục nổi loạn không?”*

- “Không, đạo lý này rất tốt, không phải vì đạo mà ông bị bắt, nhưng vì có lệnh cấm của vua và vua không muốn ông ở lại trong nước”.

Một câu hỏi hiểu kỳ khác được nhắc lại luôn là cha có vợ có con không. Cha trả lời ngay là không và còn nói lên những cái lợi vì ở độc thân.

Ngày 24-7 quan lãnh binh đến nói với cha là quan tỉnh đã tha cho cha và dân làng, trả lại các đồ để cha sửa soạn về lại Áo Môn (Macao) với giá 100 lượng bạc. Giá này được kể là phải chăng, vì ngay lúc bắt quan lãnh binh đã đòi 1.000 lượng. Nhân tiện, quan hỏi thêm các cha làm sao sinh sống. Cha viết một lá thư cho dân làng trước mặt quan. Sau khi chào thăm họ cha nói đến nỗi vui mừng được chịu bắt bớ và khổ cực vì Chúa. Cha bày tỏ nỗi lo lắng về những người khác bị bắt và lời đề nghị của quan 100 lượng bạc để tha họ. Cha xin giáo dân vay mượn để giúp những người này được tự do. Riêng phần cha, cha muốn được chịu khổ vì Chúa.

Ngày Chúa Nhật 25-7, quan lại hỏi về gia đình, quê hương, phương thế đến nước này. Họ phiên âm tên cha là Cao-Lang-Nê. Các quan đã làm một tờ trình lên vua kể lại việc phát giác và bắt được một lãnh tụ nổi loạn cùng với nhiều đồ đạo, và 10 người đồng đảng. Tờ trình cũng kể công lao của quan án và quan lãnh binh và nhất là của tên tù tố giác. Mười bốn ngày sau bộ hình trả lời rằng vua giao việc xét xử cho quan sở tại.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Lần thứ nhất quan thẩm vấn ngày 20-7. Quan buộc tội ba người tên là Thiệt, Ba Nhòn và Thạch đã đến hỏi về việc chiến tranh. Quan đe dọa kim kẹp, roi đòn để bắt Cha Cornay nhận là cố vấn cho bọn phản tặc. Trước những đe dọa và vu cáo, Cha Cornay chỉ nói lên sự thực và sẵn sàng chết hơn là nhận lời vu cáo và nói dối. Cha đã thấy, đã nghe những roi đòn đánh các người cùng bị bắt, thấy họ đánh các thầy giảng. Tiếng kêu của họ làm đau thắt con tim và cha chờ đợi đến lượt mình cũng phải chịu như thế. Hôm ấy cha bị lôi ra khỏi cũi, lột áo và cột vào cọc nhưng rồi buổi thẩm vấn kết thúc, cha không bị tra tấn.

Lần thứ hai vào ngày 11-8, họ mở cũi cho cha và bắt cha đeo vào một cái gông to lớn. Cha bị bắt ép nhận tội làm giặc. Mỗi lần cha phủ nhận là mỗi lần roi đòn quất lên người cha. Họ đe sẽ đánh cho đến chiều và mọi ngày cho đến khi cha thú nhận có làm cho giặc. Sau 50 roi họ cởi trói cho cha, và đẩy vào cũi như trước. Cha hát lên bài Salve Regina và nói với chú Kim rằng cha bị đánh mà không kêu một lời. Mấy ngày liền toàn thân thể cha đau đớn, nhức nhối. Lần ấy cha đã bị đánh bằng roi có nhiều sợi gắn cục chì làm máu chảy ra, theo các vết đòn.

Lần thứ ba xảy ra ngày 29-8. Trước hết quan bắt cha bước qua ảnh, nhưng cha đã quì xuống nhắc lên và ôm hôn cung kính. Vừa giựt lấy ảnh, lính vừa đánh cha ba roi. Sau đó đánh thêm 65 roi nữa rồi đẩy cha vào cũi trở lại. Họ lôi chân ra giữa các song. Cha nghĩ họ sẽ dùng kim để lôi thịt sống, cha phó thác cho Chúa. Nhưng họ chỉ đặt thánh giá vào chân rồi hỏi có ưng thuận không. Cha đã cương quyết trả lời không bao giờ chiều theo.

Dầu bị tra tấn và khổ cực Cha Cornay còn hỏi cho biết 4 mùa bắt đầu từ ngày nào để ăn chay. Ngày 6-9 quan tỉnh cho họp hội đồng các quan để nghị án. Ngày 20-9 cũng là ngày thứ tư bốn mùa, Cha Cornay ăn chay. Vừa ăn cơm chay xong thì có người lính cầm cờ chạy đến báo tin hôm nay các quan đem cha ra hành quyết.

Trước đó, ngày 14-9, lễ Thánh Giá, Cha Cornay viết lá thư cuối cùng cho cha bạn là Murette, như là chúc thư của vị tử đạo. Cha nghĩ đến niềm vui cuối cùng được dâng hiến mạng sống cho Thiên Chúa. Cha viết: *“Xin từ giã bạn, xin chào tất cả các bạn và đức cha khả kính. Nếu vì sơ xuất có làm điều gì các ngài buồn lòng thì xin tha thứ. Nếu cha có*

LM. VŨ THÀNH

cách nào giúp tôi được linh nhận ơn phép giải tội. Nhưng nếu không thể được thì lòng thống hối thay cho việc xưng tội và máu đổ ra thay cho phép xúc dầu cuối cùng...”

Lúc ấy Cha Cornay có một mình. Ba trăm lính đến áp giải cha đến pháp trường Năm Mẩu, chung quanh là những lý hình, tay cầm sẵn giáo mác. Ngay trước mặt là người cầm bảng gỗ viết án, đằng sau cha là người lính cầm thanh la thỉnh thoảng đánh lên, và sau cùng là quan giám sát cỡi ngựa. Rất đông người tuồn đến xem vụ xử tử một người Tây Phương. Giáo dân ở gần nghe tin vội chạy đến, nhưng không dám tỏ ra một cử chỉ riêng nào với vị anh hùng tử đạo. Trong đám đông có Cha Thể giải tội cho người. Phần người, người bình tĩnh hát thánh ca và đọc các kinh trong sách. Hai mươi phút sau đoàn người đến một cánh đồng quen xử tội nhân. Họ mang cha ra khỏi cũi về hướng Tây Bắc, các lính làm thành vòng tròn, cầm giáo xuống đất. Quan giám sát ở ngoài vòng và đứng trên đường cái với người xướng và người cầm thanh la. Bảng gỗ viết án như sau: “*Tên Tân cũng gọi là Cao Lang Nê, người Phú Lãng Sa thuộc tỉnh Loudun, có tội vì là đạo trưởng tà đạo lên lút trong nước và là lãnh tụ đám nghịch tặc. Sắc lệnh hoàng thượng truyền chặt thành từng mảnh, đầu bêu ba ngày rồi vất xuống sông. Bản án này làm gương cho mọi người khác. Minh Mệnh nguyên niên thứ 18, ngày 21 tuần trăng 8”*

Hình phạt lăng trì thường dành cho những người phản nghịch, được áp dụng cho vị thừa sai bị bắt nhận là nghịch tặc nhưng không bao giờ chịu nhận như thế. Lý hình mở nắp cũi, đặt Cha Cornay ngồi xuống đất, rồi bẻ các xích. Có mấy người Công Giáo làm tạp dịch xin vài kỉ niệm của vị tử đạo. Cha nhỏ cho họ mấy sợi tóc. Lý hình trói chân tay cha vào 4 cọc, còn đầu thì buộc chắc vào giữa hai cọc. Sau 20 phút sửa soạn, quan ra lệnh lý hình chém đầu khi nghe tiếng thanh la lần thứ nhất, rồi đến các cánh tay, chân và phân thân làm 4 miếng. Lý hình đứng về phía trái ở đầu, ba người khác đứng bên phải ở tay và chân. Chiêng vừa dứt thì thân thể của vị tử đạo cũng được phân cắt ra từng mảnh như lệnh. Lúc ấy là ba giờ trưa. Sau khi chặt xong, lý hình vất mỗi mảnh một phía ra xa. Một người lính mổ bụng lấy gan chia cho các người khác. Họ ăn sống vì tin rằng họ sẽ được thừa hưởng lòng can đảm. Một y sĩ Công Giáo, hai tên lính và một chị dòng lượm nhặt các phần thân thể gói vào khăn. Tuy nhiên dân chúng tranh nhau thắm máu, trái với thói quen là họ sợ máu và xác

DÒNG MÁU ANH HÙNG

chết của những tội phạm. Họ kháo nhau: “*Máu bên đạo thiêng lắm, đem về nhà thì quý không dám quấy phá nữa*”.

Giáo dân đào đất chôn cha ngay tại chỗ với ý định ban đêm sẽ đánh cắp. Đầu người sau khi bêu ba ngày thì được giao cho một giáo dân tên là Bếp đào và chôn trong nhà thờ Chiêu Ứng. Bảy tháng sau, 3-7-1838, giáo dân xứ Bách Lộc mới đưa xác về chôn ở Chiêu Ứng, trong gian nhà kho của nhà dòng. Từ đó giáo dân đến viếng gọi là nhà mồ.

Người ta thuật lại hai phép lạ đã xảy ra do Cổ Tần cầu bầu. Một lần có quan quân đến lùng bắt, nhà dòng mang đồ đạo lên rừng, khi về nhà thì thấy nhà sáng trưng như có người thắp đèn. Lần khác có đám nhà cháy, các bà chạy ra mộ cổ Tần cầu xin thì đám cháy ngưng ngay.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của THẦY PHANXICÔ XAVIER CẦN

(bị bắt 20-4-1836, xử giáo 20-11-1837 tại Hà Nội)

Jrồi trang nhất và đứng đầu sổ trong các thầy giảng là Thầy Phanxicô Xavier Cần, chết vì đạo lúc mới 34 tuổi. Đức Cha Havard đã khen ngợi lòng dũng cảm của thầy như sau: “*Ai có thể tin được một người như các con, không những đã tỏ ra can trường và nhân đức trội hơn người mà còn đối đáp cho những người tra khảo không hỏi được nữa. Người đó đã làm vinh danh Thiên Chúa khi phải đi trước giao chiến một mình và đã để lại gương mẫu cho bao nhiêu người khác*”.

Thánh Cần sinh tại Sơn Miêng, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Nội năm 1803. Cha người tên là Hới có 5 người con, chú Cần là thứ 2. Gia đình không giàu nhưng có lòng đạo đức. Ngay từ nhỏ chú Cần đã muốn dâng mình cho Chúa nhưng mẹ cậu vì thương con không muốn cho đi. Chú Cần đã phải dọa rằng: “*Nếu mẹ không cho con đi ở với cụ xứ thì con sẽ trốn đi ở với cha khác*”. Không biết chắc chú Cần đã ở với cha nào vì các chứng nhân, người thì nói người ở với Cha Báu, người khác lại nói ở với Cha Duyệt, có sách lại chép người ở với Cha Nghị. Y sĩ Giacôbê Vũ Văn Thịnh đã cùng học với thầy Cần ở Kẻ Vĩnh làm chứng rằng: “*Thầy Cần rất chăm chú làm tròn bốn phận*

LM. VŨ THÀNH

và có cách sống gương mẫu không trách cứ được điểm nào. Thấy rất thông minh, học đứng đầu lớp. Mãn trường Latinh Thầy Cẩn được làm kẻ giảng về giúp Cha Duyệt mấy tháng rồi được lệnh giúp Cha Retord (sau làm Giám Mục), từ năm 1832.” Ngày 20-4-1836 Thầy Cẩn bị bắt tại Kẻ Vác.

Diễn tiến sự việc thầy bị bắt được chính Cha Retord và bà Matha Sơ thuật lại như sau: Hôm 19-4, thầy được sai đến làng Kẻ Chuông để hỏi ông trùm tại đây có sẵn sàng đón cha về làm phúc cho họ không. Khi biết được là cả họ sẵn sàng, Thầy Cẩn theo lệnh của Cha Retord đến làng Kẻ Vác để xin Cha Tuấn đến làm phúc cho họ Kẻ Chuông. Khi tới họ Kẻ Vác thì lúc ấy đang có cuộc lũng bắt Cha Tuấn, nhưng cha đã trốn được. Người đi lũng bắt là cai tổng Hào Tít đang tức giận thì gặp Thầy Cẩn đi tới, ông cai liền chặn thầy lại hỏi:

- “Đi đâu mà không trình?”
- “Tôi đi qua đường”.
- “Có quen ai ở đây không?”
- “Tôi quen Lý Quang”.

Cai tổng ra lệnh bắt trói Thầy Cẩn và đánh đập năm sáu roi rồi bắt thầy phải nhận các đồ đạo là của mình. Nguyễn Lý Quang là người Công Giáo đã xin quan lớn được tách riêng làng Công Giáo không phải nộp tiền cho các vụ cúng tế dị đoan, và vì vậy bị cai tổng ghét. Ngày hôm sau Thầy Cẩn bị dẫn giải lên quan huyện Thanh Oai cùng với Lý Quang.

Tại huyện, Thầy Cẩn bị tra tấn ba kỳ, cách nhau ba ngày. Lần thứ nhất quan huyện hỏi tên tuổi và quê quán. Thầy xưng tên là Cẩn, nhưng quan viên trong làng sợ phải nộp thêm thuế vì tên mới nên khai tên sổ bộ là Nguyễn Tiến Truật. Về việc bị bắt, Thầy Cẩn cứ đúng sự thật khai: “Tôi vừa ở ngoài đồng vắng vào đến làng, chủ chùa vào nhà Lý Quang thì đã bị bắt, còn đồ đạo thì chính cai tổng Hào đã bỏ vào”.

Còn tổng Hào nhất mực nói rằng bắt được Thầy Cẩn ở nhà Lý Quang. Thầy Cẩn bị đánh 40 roi, vừa đánh quan vừa dụ dỗ chối đạo để được tha về với mẹ già. Thầy Cẩn thưa: “Không được, tôi thờ kính một Chúa Trời dựng nên tôi làm sao tôi dám đạp dưới chân. Nếu quan tha thì tôi sống mà nếu quan bắt tội thì tôi sẵn lòng chịu chết”.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Thầy Cẩn cũng quay sang tổng Hào nói: “*Ông cứ việc tố cáo mọi tội ông muốn, tôi sẵn lòng chịu để đền vì tội riêng của tôi*”.

Thầy Cẩn bị căng giữa các cọc và bị tra tấn trong hai tiếng đồng hồ.

Lần thứ hai, cách đó hai ba ngày, Thầy Cẩn ngâm thuốc lào trong miệng để giảm cơn đau, và để mặc quan muốn đánh thế nào thì mặc sức chứ không muốn trả lời thêm. Quan bắt nhận các đồ đạo nhưng thầy chối ngay. Quan cho nọc thầy ra như lần trước và đánh 40 roi. Thấy nước bọt sùi lên ở mép thì quan sợ ra lệnh thôi. Hôm ấy nhà quan có đám giỗ nên Thầy Cẩn được quan cho ăn cơm tại nhà. Trước khi ăn, Thầy Cẩn làm dấu, đọc kinh to tiếng. Thấy vậy quan hỏi thầy làm dấu gì vậy? Thầy Cẩn liền cắt nghĩa: “*Khi dùng bữa chúng tôi làm dấu thánh giá đọc kinh, có ý tạ ơn Thiên Chúa đã tạo dựng nên của ăn và đã ban cho chúng ta*”.

Khi dùng bữa xong Thầy Cẩn cũng làm dấu và đọc kinh, quan liền hỏi thầy làm dấu gì nữa vậy? Thầy Cẩn cũng đáp: “*Ăn cơm xong chúng tôi tạ ơn Chúa vì đã được ăn uống nuôi xác cho sống và được thờ phượng Đức Chúa Trời*”.

Quan huyện khen: “*Làm thế rất phải. Hãy đọc thêm các kinh khác trong đạo nữa đi.*” Thầy Cẩn đọc kinh 10 điều răn Đức Chúa Trời, sáu điều răn Hội Thánh và lần hạt. Đọc đến kinh nào thì thầy cắt nghĩa rõ ràng kinh ấy. Quan khen: “*Như ông vừa cắt nghĩa, những điều này rất tốt và phù hợp với lẽ phải. Nhưng ta vẫn nghe trong đạo có nhiều điều trái lẽ khác. Ta nghe nói các linh mục thường móc mắt đàn bà ốm yếu bỏ vào chum nước có chó ngao rồi lấy nước làm bùa mê rầy trên dân chúng*”.

Thầy Cẩn cực lực phản đối: “*Đó là một điều bịa đặt vu khống hoàn toàn. Các đạo trưởng rất thành thực và không bao giờ nói dối*”.

Sau đó thầy Cẩn được đem về nhà giam. Còn lần thứ ba quan huyện cũng ép buộc thầy nhận các đồ đạo và đập ảnh nhưng thầy mạnh mẽ từ chối. Quan nói: - “*Ông là người khôn ngoan, lý sự, tôi rất thương ông. Sao không chịu bước quan ảnh đi. Nếu không thì cứ nhận là đã làm, để tôi viết vào tờ bá cáo trình lên vua là ông đã bước qua ảnh và ông sẽ được tự do*”.

LM. VŨ THÀNH

- “Nếu quan muốn viết về kinh rằng tôi đã chối đạo thì chính tôi sẽ về kinh để phản đối, và nói rõ rằng chính quan đã khiêng tôi qua thánh giá chứ tôi không bao giờ ứng chịu như vậy. Vua mà các ông phục vụ cũng chỉ là một người hay chết, thế mà các ông không dám đập hình vua dưới chân, không dám nói một lời thất lễ. Vậy tại sao các ông lại muốn tôi chối bỏ Thiên Chúa tôi thờ. Chính Người là Chúa trời đất, là Vua các vua. Chính Người ban cho chúng ta hằng ngày muôn vàn ơn lành. Tôi không bao giờ dám tỏ ra vô ơn với Người...”

Quan ra lệnh căng thân thể thầy dưới đất và đánh đòn. Sau khi đã đánh đủ 40 roi, quan truyền cho lính khiêng thầy qua ảnh. Thấy co chân nói to lên: “Không bao giờ tôi chiều theo”.

Quan giận nói với thầy: “Ta đã làm hết sức để gỡ tội cho ông mà ông chẳng nghe, ta đặt tên cho ông là ông Li”.

Quan truyền đem thầy về nhà giam. Nhà giam tại huyện rất tối tệ, bẩn thỉu. Thầy Cần vừa bị khổ cực thể xác, vừa phải trải qua những lời phỉ báng dụ dỗ. Khi quan dụ dỗ thầy đập ảnh, những người bên lương ở làng Sơn Miêng có mặt cũng ủa vào nói: “Nếu vua có bắt chúng tôi đập trên đầu các bụt thần, các sư sãi chúng tôi sẽ làm ngay. Còn ông chẳng có lẽ gì mà sợ khi quan bảo bước qua tượng ảnh bằng đồng bằng sắt. Thôi hãy làm đi rồi nếu có tội thì đi xưng tội”.

Một số giáo dân kém lòng đạo cũng đến dụ dỗ: “Không có tội nào nặng đến nỗi Chúa không tha thứ. Thánh Phêrô cũng đã chối Chúa ba lần mà vẫn còn làm đầu giáo hội Bao nhiêu vị Thánh cũng vậy, thầy đã biết. Thầy hãy bước qua ảnh đi để cả làng khỏi phải oan lây vì thầy”.

Có người còn táo bạo nói dối thầy là Cố Liêu (Cha Retord) có nhắc thầy cứ bước qua ảnh đi rồi về nhà sẽ hay. Thầy Cần đã sáng suốt trả lời: “Tôi không có làm hại người nào. Nếu giữa quan và dân có điều gay go là việc của họ. Làm sao tôi có thể xúc phạm đến Chúa để giải thoát làng xã được? Nếu có thiên thần đến bảo tôi rằng Chúa truyền cho tôi đập ảnh, tôi sẽ coi khinh ngay và chẳng nghe lời, phương chi là Cố Liêu, nếu người có nhắc như các ông nói, tôi cũng chẳng làm theo lệnh ấy. Nhưng tôi biết chắc là cha không có nói như vậy”.

Cha Retord rất băn khoăn và lo lắng cho Thầy Cần. Sau cùng cha quyết định làm mọi cách để chuộc thầy ra. Cha giao cho mẹ Thầy Cần 300 lạng bạc để đút lót cho quan. Bà khúm núm lạy lục quan,

DÒNG MÁU ANH HÙNG

quan nhận tiền rồi lại đòi thêm 100, rồi 200 nữa. Cha còn cậy nhờ quan tỉnh Hưng Yên nói giúp. Nhưng vì tổng Hào có người đi là vợ lẽ của quan án trên tỉnh nên không dễ gì thu xếp. Quan lớn trên tỉnh bắt quan huyện phải làm án. Quan huyện làm án tới 4 lần mà không xong. Quan đã làm án cho Thầy Cẩn phải tạp dịch một năm rưỡi, nhưng quan án cũng muốn đem nội vụ lên tòa tỉnh và ra lệnh cho quan huyện giải tội nhân lên. Thầy bị giam giữ 8 tháng ở huyện Thanh Oai, còn Lý Quang sau khi đã tốn nhiều tiền lo lót cho quan thì đã được về. Trong thời gian bị giam, mỗi tuần có người em lên thăm và trả tiền ăn uống. Có lần bà mẹ thầy đến thăm và dụ dỗ thầy làm theo lối chữa tội của quan để được về. Thầy đã từ chối mạnh mẽ và bảo với lính canh từ nay đừng để mẹ người tới nữa. Thầy cũng nói với cô em đừng lui tới thường xuyên, hãy ở nhà làm ăn, đừng buồn chi đến việc thầy bị bắt. Cũng có 4 vị bộ lão xứ Sơn Miêng đến để theo dõi nội vụ, có lần đã thuật lại lời Thầy Cẩn bảo họ: *“Các ông vất vả chạy với quan lo cho tôi nhưng thật vô ích và sẽ uống mất nhiều tiền. Thời buổi này vua bắt đạo dữ tợn, tôi không thể ra khỏi tù nếu không đập thánh giá. Điều đó tôi sẽ không bao giờ làm”*.

Thầy Cha Retord lo lắng, thầy cũng nhắn một người Công Giáo trình lại đừng lo cho thầy phải khổ, nhưng hãy an tâm.

Sau 8 tháng ở tù tại huyện Thanh Oai trong khi có những cuộc đàn xếp, Thầy Cẩn phải giải lên tỉnh Hà Nội, vào khoảng tháng 12. Vừa lên tới tỉnh, quan án đã ép buộc Thầy Cẩn quá khoá. Nhưng thầy mạnh bạo thưa: *“Nếu muốn quá khoá để được tự do, tôi đã không đợi đến bây giờ. Vì tôi không bao giờ chịu nên mới bị giải về đây cho quan”*.

Tới tháng ba quan mới cho gọi ra tòa và ép buộc thầy bước qua thánh giá. Không được như ý, quan cho lính cầm hai đầu gông khiêng thầy qua. Thầy nói lớn tiếng: *“Lính của quan lớn mạnh sức, khiêng voi cũng được phương chi khiêng tôi. Tôi nhất quyết không chối đạo. Các quan đừng lừa dối thiên hạ về tôi”*.

Khi lính khiêng qua thì thầy cố hết sức co chân lên phản đối: *“Tôi không bao giờ dám bước qua cũng chẳng dám đụng chân tôi vào thánh giá Chúa”*.

Sau đó các quan làm án tâu về kinh luận tội thầy phải xử giảo. Trong khi chờ đợi lời phê của vua, quan tỉnh hỏi han, ôn tồn dụ dỗ. Quan

LM. VŨ THÀNH

bảo: “Thôi ông hãy nhắm mắt lại mà bước qua thì chẳng có tội chi vì chẳng biết cũng chẳng tự yù”.

Thầy đáp lại: “Tôi có thể nhắm mắt được nhưng không thể che linh hồn, trái tim tôi và tôi vẫn phạm tội như thường. Bởi vậy tôi không bao giờ làm như quan bảo”.

Lần khác quan lấy hai thanh tre buộc lại làm chữ thập rồi nói: “Ông xem, đây không có hình ảnh Chúa gì cả, đây chỉ là chữ thập, ông hãy bước qua đi rồi mọi sự xong xuôi cả”.

Thầy Cẩn đáp: “Cái hình này là chữ thập chỉ bởi miệng quan nói ra mà thôi, trong tâm tư quan vẫn coi đó là hình thánh giá. Cũng vậy nếu quan bắt tôi bước qua một cọng rơm mà nói là hình thánh giá thì tôi cũng không bao giờ nghe lời. Tôi càng không có lý nào bước qua hình chữ thập”.

Tại tỉnh Hà Nội, Cha Retord còn vận động hai lần để quan trả tự do cho Thầy Cẩn. Lần thứ nhất cha nhờ một người thợ mộc làm một hộp chèn rất xinh đem biếu quan tỉnh. Quan rất hài lòng muốn làm một cái để dâng vua. Ông thợ mộc mới nói là Thầy Cẩn là người bà con cũng làm thợ mộc. Quan tỉnh liền nói: “Hãy cho người này về nhà. Hẳn không phải là trộm cướp hay nghịch tặc. Nếu các quan muốn giết những người không đạp ảnh thì cả nước này sẽ trở thành một lò sát sinh khổng lồ”.

Nhưng quan án đã vội vàng làm một bản án theo đúng pháp luật nhà nước. Cha Retord còn xin Đức Cha Havard những lạng bạc cuối cùng để nhờ một quan ở Nam Định là bạn với quan tỉnh Hà Nội can thiệp, nhưng quan cho biết là bản án của Thầy Cẩn không thể sửa chữa gì được nữa. Bản tội trạng quan viết như sau: “Tất cả các quan đã nhiều lần và nhiều cách cố làm cho tù nhân bước qua ảnh, song hẳn khăng khăng từ chối. Hẳn thật hẳn đã bị mê hoặc bởi thú tà đạo... Mặc dù hẳn nhìn nhận những đồ đạo bắt được là đúng những đồ thờ của đạo Gia Tô, nhưng hẳn vẫn không chịu nhận là của hẳn. Hẳn kể ra những nhân chứng để chạy tội song các nhân chứng đều chạy trốn hết. Mặc dù có thể bắt lại những người làm chứng, nhưng các chứng ấy có giá trị gì? Theo luật pháp việc cấm giảng đạo mới thì đã rõ ràng, không cần thêm chi tiết nào nữa. Luật ấy viết: ‘Chúng cất giấu các đồ thờ phượng, chúng đốt hương, hội họp ban đêm và chỉ giải tán lúc rạng đông. Chúng giả bộ làm điều lành để lừa dối lòng người.’

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Các đạo trưởng phải bắt bỏ tù để chờ hình phạt xử giáo, còn tín đồ thì phải đánh 100 roi và phát lưu suốt đời xa 300 dặm'. Vậy áp dụng luật nói trên chúng tôi xét rằng hẳn là đạo trưởng chứ không phải là một tín đồ thường của đạo bị nghiêm cấm. Vì thế chúng tôi luận rằng hẳn phải xử tử'.

Từ khi các quan làm bản án sau cùng đến lúc hành quyết, Thầy Cẩn trải qua một cơn bệnh, nhưng lại được một linh mục Việt đến an ủi và cha đỡ đầu Retord gửi hai lá thư khích lệ, sửa soạn cho thầy ra chiến trường. Nhờ bí tích hòa giải và thánh thể, Thầy Cẩn lấy lại được sức khỏe thể xác và tinh thần. Trong cuộc đàm đạo, Thầy Cẩn và linh mục Việt Nam đã cố ý nói to tiếng về những lễ đạo và những giả dối của thần phật, với mục đích để cho lính canh và các bạn tù nghe, rất có thể ơn Chúa cũng đánh động tâm hồn họ. Quả thực, một người trong bọn họ đã nói: *"Nếu người trẻ này được trở về quê hương, tôi chỉ ước mong mang áo dài đến phủ phục lạy 100 lạy trước mặt ông"*.

Ông quan cai ngục cũng nói: *"Ông ta cũng chỉ lớn bằng tôi nhưng đã có một trái tim bất khuất. Sau khi chết rồi chắc chắn ông ta sẽ làm thần và trở thành vị thần bảo vệ làng"*.

Trong thơ thứ nhất Cha Retord gửi cho thầy, có chứa đựng những lời cao đẹp của hiền nhân về một cái chết oai hùng. Cha viết: *"Thánh ý Chúa nhiệm mầu. Có ai tin được rằng khi sai con đi lo việc đạo thì cha đã sai con đi đến chỗ chết. Ai tin được rằng khi con vui vẻ lên đường một chốc nhưng rồi đã bỏ cha ở lại mà không trở về nữa. Cha nghe biết các quan đã ra án tử cho con. Tin này làm cha đau buồn tê tái nhưng cũng tràn ngập một niềm vui khôn tả.... Nỗi khổ cực của con, gông cùm của con còn đè nặng trên cha hơn là chính con. Từ khi con vào trong nhà tù, cha cũng bước theo vào đó và cha rùng mình ghê sợ.... Nhưng đức tin an ủi cha trước những khốn khó của con. Thật vậy, các quan đã làm vinh dự con khi kết án con như là một linh mục. Sợi giây thừng và luật lệ khép án giáo vào cổ là dành cho những người có chức linh mục mà thôi. Hỡi con, hãy can đảm. Con đã tạo nên một quang cảnh làm các thiên thần phải thán phục và con người được hãnh diện. Tên con sẽ vượt xa trùng dương, danh tiếng con sẽ còn tồn tại trong khi những người bách hại con rơi vào mồ sâu quên lãng. Con hãy nhớ lại lời chép trong sách Mạnh Tử: 'Người ta yêu thích xác con gấu, người ta cũng thích xác con cá, nhưng nếu phải chọn một trong hai thì người*

LM. VŨ THÀNH

ta phải bỏ đi xác con cá mà chọn lấy xác gấu. Người ta vừa thích sự công chính và vừa thích sống nữa, nhưng khi phải chọn thì người ta bỏ sống mà lấy sự công chính. Đây con xem, lời hiền nhân ngoại giáo rất đẹp sẽ được người Kitô đem ra thực hành. Hãy ôm ấp gông cùm với sức can đảm và lòng mến như Maria và Madalena ôm thánh giá của Chúa Cứu Thế. Một ngày kia các gông cùm sẽ trở thành hào quang chiếu sáng, hãy đặt chân con vào cùm với lòng sung sướng nghĩ rằng các quan đặt hoa hồng vào chân con, hãy nghĩ rằng đó là những bụi thang đưa con lên trời, hãy khoác vào người màn tối tăm của ngục tù với niềm vui mơ tưởng đến tiền đường lâu đài tráng lệ thiên quốc.... Trong sách Thánh còn chép rằng: 'Những cơn gió lớn làm các ngọn cỏ mạnh thêm mà không nhổ được'. Cũng vậy cơn bách hại lung lay con là một cuồng phong. Con hãy là ngọn cỏ vững mạnh, không chịu để bật rễ, đừng tiếc nuôi những khoảnh khắc vắng vôi của cuộc sống khổ sở này. Tiên tri Hôsê (Hosea) đã ví cuộc sống này tan biến như mây buổi sáng như hạt sương đêm và như khói của lò bếp. Con hãy phó thác linh hồn trong tay Chúa, chỉ mong ước được hiệp nhất với Người trên trời. Cha không bao giờ quên cầu nguyện cho con. Trước đây cha coi con như người cộng tác nhưng bây giờ con thực sự là bạn chí thiết”.

Thầy Cẩn viết thư lại cho Cha Retord tỏ lòng con hiếu thảo cảm động vì lòng yêu thương săn sóc và tràn ngập an ủi được nhận lá thư duy nhất trong tù. Thầy Cẩn kể lại ngày 22 tuần trăng thứ tư, khi họ cột xích vào chân thầy thì khu phố bị phát hỏa, thiêu rụi 1330 căn nhà. Các quan tin rằng vì bắt bớ người Công Giáo mà Trời giáng họa. Thầy còn thuật lại lời một cai tổng cũng bị tù nói rằng, nếu được ra khỏi tù sẽ tin đạo và làm tất cả những gì đạo truyền. Thầy Cẩn cũng dùng những hình ảnh đơn sơ để diễn tả tâm tình cao cả. Thầy viết: “Người đời cũng giống như những con nhện rút ruột làm thành mạng lưới để bắt những con ruồi khốn nạn. Phần con, con lại muốn bắt chước con tằm cũng rút ruột nhưng lại nhả tơ xây dựng một tổ ấm để chết và tái sinh thành những con bướm rực rỡ đến đáp công ơn đã được nuôi dưỡng”.

Chính Thầy Cẩn đã thuật lại cho người bạn học cũ đến thăm về điểm báo ngày tử đạo. Hôm ấy vì thầy đem cho hết các lương thực, nên người bạn mới vặn hỏi tại sao. Thầy thú thực: “Đêm qua có một thiên thần hiện ra với tôi, rất sáng láng và bảo tôi chỉ giữ lại một số gạo đủ cho đến ngày xử. Vì thế tôi mang gạo cho các anh em bạn tù vì tôi sẽ chết vào ngày mà thiên thần đã báo”.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Lời phê của vua vào bản án đến tỉnh Hà Nội ngày 20-11-1837. Quan Thượng còn truyền quan giám sát đến ngục ép buộc thầy quá khóa để được vua khoan hồng. Thầy Cẩn ngỏ lời cảm ơn các quan và xin các quan cứ lệnh vua mà thi hành. Khi bị điệu ra trước mặt quan án trước khi đến pháp trường, quan án lại ép thầy chối đạo để viết tờ trình xin ơn xá. Thầy Cẩn quả quyết: *“Nếu tôi muốn chối đạo thì tôi đã làm từ trước rồi chứ không để phải giam tù lâu như thế này”*.

Quan án lại đem thầy ra trình diện quan Thượng. Quan lớn vỗ về: *“Người còn trẻ, hãy chối đạo đi ta sẽ giúp cho”*.

Thầy Cẩn khẳng khái từ chối không làm theo ý quan. Quan lại nói: *“Nếu người sợ hình ảnh này thì nhắm mắt lại mà bước qua, nếu có tội sau đó sẽ xứng”*. - *“Tôi chết như thế này là vì tôi trung thành với đạo lý tôi theo. Ai cũng phải chết cả, người thì chết bệnh, người khác vì trộm cướp hay tham lam”*.

Không khuyến dụ được thầy, quan giám sát được lệnh cỡi voi dẫn lính điệu Thầy Cẩn ra ngoài pháp trường. Thấy đám đông theo sau than khóc, thầy nói với họ: *“Đừng than khóc về cái chết của tôi, nhưng hãy vui với tôi vì tôi được đến gần Chúa tôi. Đừng than trách những người đã bắt tôi, vì qua bàn tay họ mà tôi được ơn cao cả này”*.

Người bên lương nói với nhau: *“Ông này có gan thánh gan thần, mới có bấy nhiêu tuổi mà đã khôn ngoan quả quyết, thì phải biết đạo này là đạo thật”*.

Thầy còn nói với họ: *“Không phải vì trộm cắp cướp của mà tôi phải chết, nhưng chỉ vì lòng trung thành với đạo của Đức Chúa Trời”*.

Tới nơi xử là Ô Cầu Giấy, các lính làm thành một vòng tròn, còn Thầy Cẩn ngồi trên một tấm chiếu trải sẵn ở giữa. Theo tục lệ, lính mang thức ăn ra cho thầy, nhưng thầy từ chối xin được ít phút cầu nguyện. Sau đó lính cột thầy vào một cọc. Thầy Cẩn thấy có nhiều bốn đạo đứng đầy thì nói với họ: *“Tôi xin cảm ơn anh em của tôi. Anh em còn ở lại dưới thế này, phần tôi, tôi ra trước tòa Chúa”*.

Sau đó lý hình kéo giây thật mạnh. Quan thấy có điều lạ nói với lý hình: *“Tại sao những người khác khi bị thắt cổ thì nhắm mắt lại ngay và thè lưỡi ra, sao ông này vẫn cứ mở mắt? Hay là đạo của họ có phép làm cho sống lại? Hãy chặt cổ cho chắc ăn”*.

LM. VŨ THÀNH

Sau đó quan quân rút lui, ông Binh, ông Nhật, y sĩ Thanh và bà Đức liền mang xác Thầy Cẩn về chôn tại Chân Sơn. Vài năm sau được đem về chôn tại quê là Sơn Miêng.

Cha Retord có lòng tôn kính người đặc biệt. Cha viết: *“Tôi thường đi bách bộ tại vườn nơi chôn cất xác thánh nhân. Tôi vui thích nghe những lời cầu khẩn của giáo dân trên mộ người thầy giảng yêu quý của tôi. Tôi cảm thấy hãnh diện đã đào tạo con người trẻ ấy. Tôi vui sướng nhớ lại khi trước người anh hùng tử đạo vẫn gọi tôi bằng cha. Nhưng bây giờ trên trời, người là đấng bầu cử cho tôi. Chính tôi, mỗi ngày tôi quỳ gối trên phiến đá mộ người và cầu xin chóng mang tôi đến gần cùng với các bổn đạo tôi coi sóc”*.

Ít lâu sau Cha Retord đã cho đưa một phần hài cốt Thầy Cẩn về Đại Chủng Viện ở Lyon, Tòa Giám Mục và nhà xứ Thánh Georges. Cha Retord làm chứng rằng 11 năm sau cái chết của Thầy Cẩn, một trong các vị quan xét xử Thầy Cẩn đã tin theo đạo Kitô.

CHƯƠNG 8

LỆNH TÀN SÁT NGƯỜI CÔNG GIÁO

Trong khi tại Huế, Minh Mệnh tưởng là các thừa sai đã bị bắt hết không còn ai, thì tại Bắc Việt xảy ra vụ bắt Cha Cornay ở Sơn Tây vì bị tướng giặc tố cáo để chạy tội. Cha Cornay bị bắt ngày 20-6- 1837 và được trình về Vua Minh Mệnh. Lần này Minh Mệnh đổ dồn tâm trí vào việc bắt đạo tại Bắc Việt.

Cha Gispert nói rằng vua gửi 5 lệnh tắt cả: một lệnh chung cho các quan đầu tỉnh và 4 lệnh cho mấy tỉnh đặc biệt. Tháng 11 năm 1837, tổng đốc Trịnh Quang Khanh, là một người ghét đạo, trông coi Nam Định từ cuối năm 1836, bị gọi về kinh chịu khiển trách vì không bắt đạo cho tận tỉnh. Năm 1838, mở đầu cuộc bắt đạo như vũ bão trên khắp các tỉnh Bắc Việt, và từ ngày 7-6 có người tố cáo Thừa Sai Candal đang lén lút mở trường ở Dương Sơn, cuộc bắt đạo đẫm máu tại Huế bắt đầu. Thừa Sai Delamotte đang trốn tránh tại Nhu Lý đã viết về năm 1838 như sau: *“Năm 1838 là một năm khốn nạn và bắt bớ tại Bắc Việt và Trung Việt. Lưỡi gươm bắt đạo đã mặc sức chém giết, nhưng nước trời lại thêm đông số các đấng tử đạo...”*

1. Diễn tiến cuộc bắt đạo năm 1838

Trong một chỉ dụ gửi cho các quan đầu tỉnh năm 1838, Minh Mệnh hạ lệnh: *“Hãy bắt bớ đánh đập không thương tiếc. Hãy tra tấn. Hãy ra lệnh xử tử tất cả những người từ chối đập ảnh thánh giá. Hãy biết rằng từ chối đập ảnh là trở thành người phản nghịch. Không cần xét xử, hãy lấy gươm, búa, giáo, tất cả những gì có trong tay mà tiêu diệt những kẻ mù quáng và cố chấp, đừng để một người nào thoát chạy...”*

- Ngày 7-3, Cha Jaccard bị bắt.
- Ngày 18-3, Trịnh Quang Khanh, tổng đốc Nam Định cho đặt thánh giá ở các cửa thành và bắt mọi người ra vào phải đập lên trên.
- Tháng 4, tổng đốc còn bắt 500 lính công giáo phải bước qua ảnh. Chỉ có 15 người trung thành. Trong đó có ba binh sĩ tử vì đạo được phong thánh là Phạm Viết Huy, Bùi Đức Thế và Đinh Đạt.
- Ngày 17-4, quan bắt được thầy giảng do Cha Viên sai cầm 6 lá thơ: 4 cái gửi cho hai đức cha và thừa sai, hai cái cho cha Việt

LM. VŨ THÀNH

Nam.

- Ngày 22-4, hai đức cha và cha chính Fernandez bỏ nhà trốn trong nhà giáo dân ở Kiên Lao, một xứ đạo toàn tòng có 5,000 giáo dân.
- Ngày 11-5, làng Vĩnh Trị bị vây, Cha Giacôbê Năm, ông Lý Mỹ và ông trùm Địch bị bắt.
- Ngày 13-5, Trịnh Quang Khanh không nghe lời bàn của các quan gửi 6 thơ bắt được và phúc trình về cho Minh Mệnh.
- Ngày 22-5, lệnh của vua Minh Mệnh phải bắt cho bằng được 4 thừa sai Âu Tây và hai linh mục bản xứ.
- Ngày 25-5, Minh Mệnh đặt Lê Văn Đức làm tổng đốc Nam Định, giáng Trịnh Quang Khanh xuống làm tuần phủ.
- Ngày 27-5, Nguyễn Hữu Hi tố cáo làng Kiên Lao có đạo trưởng Tây ẩn, quan liền mang 200 lính đến vây
- Ngày 29-5, Đức Cha Delgado bị bắt lúc 8 giờ sáng, Đức Cha phó Henares, Cha chính Fernandez và Cha Jimeno trốn thoát. Cùng ngày, Cha Giuse Uyển bị bắt tại Tiên Chu, Hải dương.
- Ngày 2-6, ông Tú Khiết tố giác các Cha Khoa, Tụ và Điềm ở Quảng Trị.
- Lê Văn Đức nhậm chức tổng đốc Nam Định. Từ khi nhậm chức, ông ra ba lệnh khác nhau: bắt giáo dân từ 18 tuổi trở lên phải đến nhà quan để ký giấy xuất giáo, các linh mục phải đến ký giấy không theo đạo Gia Tô nữa, ai tố giác được thưởng.
- Ngày 3-6, Đức Cha Havard phải lên núi ở tỉnh Ninh Bình (Bạch Bát), rồi trú dưới hầm trong rừng với hai thầy giảng, 16 ngày chỉ ăn gạo sống. Đức cha chết ngày 6-7 chưa kịp phong chức cho đức cha kế vị, nhưng đã viết di chúc chọn Cha Borie (cố Cao) hoặc Cha Retord.
- Ngày 3-6 Cha Duệ bị bắt ở Trung Lễ.
- Ngày 7-6, quan vây làng Dương Sơn vì có tin báo là Cha Candahl mở chủng viện ở đây. Cha Candahl và Cha Chiêu đã trốn kịp.
- Ngày 7-6 Cha Hạnh bị bắt.
- Cha Vinh Sơn Yển bị bắt ở Kẻ Sặt, Hải Dương.
- Ngày 9-6, Đức Cha Henares và Thầy Chiêu bị lương dân phản, bắt nộp cho quan.
- Ngày 12-6, các quan Nam Định ra án cho Đức Cha Henares và Thầy Chiêu. Vua phê chuẩn ngày 19-6.
- Ngày 14-6, quan làm án cho Đức Cha Delgado.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

- Ngày 18-6, Cha Fernandez và Cha Tuấn trốn sang Ninh Bình và bị bắt. Ngày 22-6, Cha Fernandez và Cha Tuấn bị kết án. Vua phê chuẩn ngày 18-7.
- Ngày 22-6, hành quyết Đức Cha Henares và Thầy Chiếu.
- Ngày 29-6, Cha Tụ và 6 người bị bắt tại Kê Mót, Bắc Ninh.
- Ngày 30-6, hành quyết Cha Đổ Yến ở Hải Dương.
- Ngày 4-7, hành quyết Cha Uyển.
- Ngày 10-7, xử án Cha Tụ.
- Ngày 14-7, bắt giam Thừa Sai Jaccard.
- Ngày 15-7, Cha Tuấn chết rù tù.
- Ngày 21-7, Đức Cha Delgado chết rù tù, xác bị đem ra pháp trường chém.
- Ngày 24-7, hành quyết Cha Fernandez.
- Ngày 28-7, Cha Candahl chết khi trốn tránh.
- Ngày 1-8, quan Hà Thúc Lương bắt được Cha Viên, tác giả 6 bức thư. Cùng ngày, hành quyết Cha Hạnh và Duệ.
- Ngày 9-8, xét xử lại vụ Cha Tụ.
- Ngày 12-8, hành quyết Cha Năm, ông Lý Mỹ và Trùm Đích.
- Ngày 21-8, hành quyết Cha Viên.
- Ngày 24-8, bắt Cha Khoan, hai thầy giảng Thành và Hiếu.
- Ngày 27-8, bản án Cha Tụ và y sĩ Cảnh.
- Ngày 5-9, hành quyết Cha Tụ và y sĩ Cảnh.
- Ngày 8-9, có bão lớn.
- Ngày 21-9, hành quyết Thừa Sai Jaccard và Thầy Thiện.
- Ngày 13-10, Trịnh Quang Khanh được phục chức tổng đốc Nam Định, ông ra lệnh bắt giáo dân ký giấy xuất giáo và cứ 25 gia đình có một thầy giáo giảng dạy về việc cúng tế tổ tiên.
- Ngày 24-11, hành quyết Thừa Sai Borie, Cha Điềm, Cha Khoa.
- Ngày 17-12, Cha Vialle chết trong rừng.
- Ngày 18-12, hành quyết ba thầy giảng Mỹ, Đường và Truật ở Sơn Tây.

Tổng kết nguyên trong năm 1838 có 23 đảng tử đạo đã được tôn phong, không kể các vụ bắt bớ khác và thừa sai chết, như Đức Cha Havard, Cố Candahl và Vialle trên đường trốn tránh.

LM. VŨ THÀNH

Cuộc Xung Đao & Tử Đao của THẦY GIẢNG PHANXICÔ CHIỂU

(bị bắt 9-6-1838, xử trảm 25-6-1838)

Jhánh Phaxicô Chiểu sinh vào cuối thế kỷ thứ 18 tại làng Trung Lễ, tỉnh Nam Định. Ao ước được tận hiến đời mình cho công việc tông đồ phụng sự Chúa, người từ già gia đình vào Nhà Chúa ngay từ hồi còn trẻ tuổi, và ở đó người được học hỏi luyện tập nhân đức dưới sự hướng dẫn của Đức Cha Dominic Henares (Đức Cha Minh). Sau khi học nhà tràng La Tinh và Lý Đoán xong, người được làm thầy giảng về giúp Đức Cha Henares, Giám Mục Phó địa phận.

Hai sự việc sau đây chứng tỏ người có lòng nhiệt thành yêu mến Thiên Chúa và hăng say giúp đỡ người khác. Có một lần, ngay trước khi bị bắt, người gặp một ông lính có đạo đến làng Kiên Lao tìm thấy cả xung tội rước lễ để được trung thành giữ đạo Chúa trong những cơn thử thách bắt đạo. Người liền cầu nguyện chung với ông lính khá lâu, rồi sốt sắng khuyên bảo ông ráng chịu đựng những cực hình, thà mất mọi sự chứ chẳng thà mất ơn nghĩa cùng Chúa. Lần khác khi vừa mới nghe tin một người em bị bắt vì đạo và đã anh dũng tuyên xưng đức tin, người mừng rỡ vội vàng đi tìm Cha Hiền xin người dâng hai Thánh Lễ cầu cho em được sức mạnh kiên trì xưng đạo thánh Đức Chúa Trời.

Vì người thường theo Đức Cha Henares đi kinh lý các xứ trong địa phận đã quen, nên khi đức cha phải đi ẩn trốn người cũng đi theo đức cha chứ không bao giờ có ý định bỏ đức cha chịu khổ một mình. Cũng vì thế mà người đã bị bắt chung với đức cha tại nhà ông Nghiêm, làng Hạ Quang. Khi bị tù người có nói một câu khiến chúng ta nhớ đến hoàn cảnh tương tự của Thánh Lorensô, tử vì đạo, người Tây Ban Nha: *“Trong thâm tâm tôi, tôi đã quyết định theo Đức Cha Henares cho đến chết, cho nên đức cha chịu khổ bao nhiêu tôi cũng sẵn lòng chịu bấy nhiêu. Chớ gì tôi được phúc tử vì đạo cùng đức cha.”*

Quả thật Thiên Chúa đã nhận lời người cầu xin nên người được diễm phúc chết cùng một ngày và cùng một cách như Đức Cha Henares.

Khi các quan đã bắt được Đức Cha Henares và Thầy Phanxicô Chiểu, chúng đóng gông, và tịch thu tất cả mọi thứ của hai vị chỉ chừa lại

DÒNG MÁU ANH HÙNG

bộ quần áo rách nát đang mặc, rồi đem hai người về phủ Xuân Tràng và sau đó về tỉnh Nam Định. Ở cửa thành có một cây thập giá lớn do các quan đặt, để mọi người ra vào cửa thành bắt buộc phải dẫm lên: nếu ai không dẫm lên, quân lính biết ngay là Kitô hữu liền bắt giam người đó. Bởi vậy khi đến cửa thành, Thầy Chiểu liền cố gắng hết mình cúi xuống để lấy cây thánh giá lên ôm vào lòng. Khó khăn lắm người mới cầm lên được vì cổ và tay người đều đeo gông nặng. Người đợi cho đến khi đức cha đi qua cổng rồi mới hôn kính cây thánh giá. Người còn muốn lấy luôn cây Thánh Giá mang theo nếu quân lính không đánh đập và giật lại. Vào cửa thành rồi chúng điệu đức cha ra tra hỏi còn Thầy Chiểu chúng bắt giam trong tù.

Thầy Phanxicô Chiểu bị điệu ra trước công án rất nhiều lần, nhưng lần nào người cũng anh dũng tuyên xưng đức tin, trả lời các quan những lời lẽ rất khôn ngoan không làm hại đến các nhà truyền giáo, các linh mục hoặc các Kitô hữu khác. Các quan bảo người nếu chịu khóa quá thì họ sẽ tha cho, còn nếu không nghe thì phải chết. Nhưng vị anh hùng tử đạo đã mạnh dạn trả lời và được ghi lại trong tài liệu của Đức Cha Marti: *“Đức Chúa Trời là Thiên Chúa thật, là cội rễ mọi sự, người ta phải thờ phượng cùng kính mến Người trên hết mọi sự, cho nên tôi không dám bước qua. Dù phải chết tôi cũng nhất định không bằng lòng.”* Các quan nghĩ rằng có lẽ người chỉ bạo miệng thôi chứ nếu đánh đập dữ tợn thì chắc người sẽ chết nhất mà bỏ đạo, nên các quan liền truyền đóng nọc chân tay người vào ba chiếc cọc dưới đất. Những cái roi liên tiếp giáng xuống thật dữ tợn trên thân xác người. Tới đòn thứ 30 mà vẫn không thấy dấu hiệu khuất phục của người, các quan bèn ra lệnh ngừng đánh đập và đem người trở lại nhà tù, nhưng không quên quàng thêm vào chiếc gông cổ người một dây xích thật nặng quấn chéo trước ngực để cột vào chân người. Thật không thể nào tưởng tượng được vị anh hùng tử đạo này đã phải chịu khổ những gì trong tù. Đức Cha Marti kể lại trong bút ký của người như sau: *“Mười lăm ngày sau, Thầy Chiểu gầy đi một cách khủng khiếp, sắc mặt và sức lực không còn nữa.”*

Dầu đã yếu đuối, người cũng ráng viết một lá thư cho Thầy Quỳnh, kẻ giảng, để ngày 21 tháng 6. người viết: *“Từ ngày tôi ở đây tôi đã phải chịu đau khổ kinh khủng. Tôi không còn lấy một xu để mua hạt gạo. Thầy có thể đến các cha truyền giáo xin họ giúp đỡ tôi được không. Thầy xin lỗi giùm tôi tất cả những ai mà tôi rất có thể đã làm mất lòng*

LM. VŨ THÀNH

họ cách này hay cách khác. Không bao lâu nữa tôi sẽ chết vì nhờ ơn Chúa tôi đã nhất quyết sẽ không bao giờ khóa quá.”

Ngày 12-6, các quan viết án đệ trình lên vua xét xử: “Đỗ Văn Chiêu đã theo học danh Trùm Hai (ám chỉ Đức Cha Henares) những sự dối trá. Tên Chiêu đã không tuân lệnh chiếu chỉ vua truyền cấm đạo Giatô là tà đạo nên đã bị bắt giam. Dù đã tra tấn, tên Chiêu vẫn ngoan cố không chịu bỏ đạo ấy. Vậy tên này là kẻ nghịch không chịu lụy nhà nước nên phải trăm quyết...”

Chiếu chỉ của vua truyền trăm quyết người tới Nam Định ngày 25 tháng 6, cùng một ngày với án trăm quyết Đức Cha Henares. Nhưng trước khi ca khúc Khải Hoàn Ca, người còn phải chiến đấu trận chiến ác liệt cuối cùng. Chiêu hôm đó quan truyền mang người ra và cố gắng hết sức dụ dỗ cũng như đe dọa để bắt người phải khóa quá. Nhưng được gìn giữ bởi ơn trên, vị anh hùng đã vững vàng trả lời: “Nếu quan lớn có một người con trai rất yêu quý, mà khi quan lớn nằm nghỉ dưới đất, quan lớn có bằng lòng để cho đứa con ấy bước qua và đạp lên quan lớn chăng? Vì vậy tôi lại càng không dám bước qua hình ảnh Thiên Chúa của trời đất mà cả loài người phải tôn kính hình tượng Người. Dù quan lớn có cất sự sống phần xác tôi, tôi cũng không bao giờ dám làm chuyện đòu”.

Nghe người trả lời mạnh bạo như vậy, các quan giận dữ vô cùng. Một vị quan liền nói: “Đợi hoài cũng vô ích, chúng ta đưa nó đi xử ngay cho rồi.”

Nhưng lúc bấy giờ trời đã tối lắm, nên các quan quyết định cho đánh đòn để hạ cơn giận rồi ngày hôm sau mới trăm quyết người. Quân lính vâng lệnh các quan, đánh đập người thật dữ tợn đến nỗi da thịt nát hết và máu chảy ra ròng ròng. Như vậy mà bọn chúng vẫn chưa hạ giận, còn căng người trên bàn chông mà lần qua lần lại nhiều lần. Cuối cùng khi đưa người về ngục chúng phải khiêng người đi vì người sống không ra sống, chết chưa chết hẳn, nhưng đức tin của người vững mạnh hơn bao giờ hết. Ai mà có thể tin là sức người có thể chịu đựng được những sự khốn khó như vậy nếu không phải là do ơn Chúa?

Ngày hôm sau quan truyền dẫn Đức Cha Henares và Thầy Chiêu ra pháp trường. Trên đường đi Thầy Chiêu thấy nhiều Kitô hữu đứng khóc lóc liễn yên ủi và khuyến bảo họ: “Các ông các bà hãy trở về đi,

DÒNG MÁU ANH HÙNG

đùng khóc lóc nữa làm chi vì ngày hôm nay thấy trò tôi sẽ được vào nước thiên đường là quê thật vui vẻ vô cùng.”

Một tên lính cầm bảng trước mặt và trên bảng viết những dòng chữ sau đây: “*Đỗ Văn Chiêu đã bị những người ngoại quốc lường gạt, lại không chịu tẩy sạch tim hắc khỏi những vết nhơ nhuốc gây ra bởi tà thuyết đạo Gia Tô, vì vậy vua đã truyền lệnh tử quyết hẳn.”*

Khi đến nơi xử, quân lính đem Đức Cha Henares ra khỏi cũi, người liền xin các quan đợi một chút để người dọn mình chết và phó linh hồn trong tay Chúa. Sau đó người xin quan được thấy Thầy Chiêu tử vì đạo trước. Thầy Chiêu quì dưới chân đức cha để lãnh bí tích giải tội lần cuối cùng. Người đang quì gối sốt sắng đọc kinh phó linh hồn trong tay Chúa thì tên lý hình được lệnh tiến hành. Khi lưỡi gươm thứ nhất chém xuống gáy người, người ta còn nghe thấy người cung kính kêu tên cực trọng Chúa Giêsu ba lần. Nhưng hình như lưỡi gươm sắc bén bị cái xích còn đeo trên cổ người chặn lại, sức chém yếu đi, nên tên lý hình phải chém thêm ba lần nữa đầu của người mới rơi xuống đất. Trong khi đó người ta vẫn nghe thấy miệng người thảm thĩ cầu nguyện: “*Lạy Chúa, con phó linh hồn con trong tay Chúa.*” Một tên lính liền tung đầu người lên trời ba lần theo thông lệ, để quan và mọi người đều nhìn thấy. Trong khi đó các Kitô hữu đã ào đến hôn kính xác vị anh hùng tử đạo dù các quan đã ngăn cấm và dọa nạt. Họ tranh nhau thắm máu đào của người, có người còn cắt cả râu tóc hoặc quần áo của người. Sau đó các quan cho phép các giáo hữu mang quan tài đến để bỏ xác người vào chôn ngay tại chỗ. Sau này họ đưa về táng ở làng Trung Lê, quê quán của người. Đức Thánh Cha Leo XIII đã phong Á Thánh cho người và từ đó giáo dân các nơi tuồn đến viếng xác thánh người. Người ta nói đã có rất nhiều phép lạ xảy ra nhờ lời bầu cử của người.

LM. VŨ THÀNH

**Cuộc Xung Đao & Tử Đao của
GIÁM MỤC PHÓ DOMINIC HENARES (MINH), O.P.**

(bị bắt 9-6-1838, xử trảm 26-6-1838)

Bản tường trình gửi vua Minh Mệnh về cuộc tra khảo Đức Cha Minh viết như sau: *“Hạ thần rất ân hận mà trình rằng, mặc dù đã cố gắng nhiều cách vẫn không thể khai thác thêm chi tiết gì về tên tù phạm. Chính mắt và tai hạ thần đã xem xét thì không có cực hình tra tấn hay phương thế loài người nào có thể bắt nó cung khai những gì nó giữ kín”*.

Qua bản tâu trình chúng ta biết được thâm ý của vua Minh Mệnh muốn biết tên và nơi trú ẩn của các đạo trưởng để trừ diệt tận gốc. Đức Giám Mục Minh tên là Dominic Henares, sinh ngày 19-12-1765 tại tỉnh Cordova bên Tây Ban Nha. Năm 16 tuổi cậu Henares dâng mình cho Chúa trong tu viện Dòng Đa Minh ở Niebla. Ngày 30-8-1783, cậu được mặc áo dòng và tiếp tục học thần học. Sau năm thứ nhất, Thầy Henares đã tình nguyện đi truyền giáo tại Á Đông. Bề trên gửi thầy sang tiếp tục học tại Manila, Phi Luật Tân và được thụ phong linh mục tại đây. Ngày 20-9-1789, cha được lệnh sang Tonkin (Bắc Việt). Trước hết cha đi thuyền sang Macao và cùng với ba cha khác là Delgado, Vidal và Gattellepa. Đoàn truyền giáo tới nhiệm sở ngày 28-10-1790.

Sau 6 tháng học tiếng Việt, cha được chỉ định làm bề trên chủng viện ở Tiên Chu dạy Latinh cho các chú. Tới năm 1802 cha được cử làm bề trên các cha Dòng Đa Minh trong địa phận. Ngày 9-1-1803, cha được tấn phong giám mục tại Phú Nhai, phụ tá Đức Cha Delgado. Đức cha nổi tiếng về lòng bác ái và đức khó khăn. Chính đức cha khâu vá quần áo rách của mình và của người khác bỏ đi để đem cho các người nghèo. Cha Hermosilla viết về người như sau: *“Người có đời sống đơn sơ, nhiệt tâm cứu các linh hồn và ước ao ơn tử đạo. Người luôn sẵn sàng giúp các linh hồn, dù nửa đêm. Lòng đạo đức của người rất trời trang, say đắm trong kinh nguyện và chuyên cần học hỏi gương các Giáo Phụ. Đức khó nghèo làm cho người rộng rãi với người nghèo và trở thành người cha nhân từ”*.

Dù người ước ao được đổ máu mình xưng đạo thánh Chúa, nhưng là chủ chăn phải hướng dẫn đoàn chiên trong cơn bách đạo, người

DÒNG MÁU ANH HÙNG

phải long đong trốn ẩn khỏi tay những kẻ tìm bắt. Đức cha đổi tên là Trùm Hai. Ban đầu người rời Tiên Chu để về ẩn náu ở làng Kiên Lao là làng toàn tòng Công Giáo. Ở đó đã có Đức Cha Delgado đang trú ngụ. Khi lính đến bắt Đức Cha Delgado thì người chạy trốn sang nhà Bà Tư, ẩn sau cối xay khiến quân lính không thấy được. Ngay sau đó người sang làng Trung Thành, rồi chạy qua làng Quần Anh, làng Xương Điền. Trong suốt thời gian này thầy già Chiểu luôn theo giúp người. Sau cùng đức cha quyết định trốn về Tỉnh Đông. Ra tới biển thì gặp gió to. Thấy con thuyền lâm nguy, một người lương dân tên là Nghiễm, ở làng Cẩm Hà, xin đưa người vào trú tại nhà họ. Lương dân này nói với các tín hữu là đi tìm nơi trú an toàn hơn, nhưng thực ra ông đã đi sang làng bên cạnh báo cho quan đến bắt. Ngày 9-6-1838, quan đem 500 lính đến vây bắt. Người xin với quan là đừng làm tội tên Nguyễn Việt Phương đã cho đức cha trú vì lòng bác ái. Họ vẫn bị bắt và đem đi với đức cha. Người này đã bước qua thánh giá để được trả tự do. Trong cuộc thẩm vấn, quan tỏ ra mộ mến và kính phục đức cha và mời người uống trà. Quan dẫn giải đức cha về phủ Xuân Tràng và nhốt vào cũi. Còn thầy già Chiểu thì phải mang gông. Sau đó quan giải về tỉnh Nam Định.

Ngày 11-6-1838, đoàn người tới Nam Định. Khi tới cửa thành thầy già Chiểu ôm cây thánh giá lên hôn kính để đức cha đi qua khỏi cửa. Từ đó hai thầy trò phải lìa nhau, đức cha ở trong cũi đặt ở công đường, còn thầy già Chiểu bị giam trong ngục. Tại công đường, Đức Cha Henares được gặp Đức Cha chính Y (Đức Cha Hermosilla) và cha chính địa phận.

Quan tổng đốc Lê Văn Đức lấy lời khai để tâu trình về kinh, song người không nói gì nhiều. Các quan làm án và yêu cầu đức cha ký vào. Trước khi ký, đức cha yêu cầu họ đọc cho nghe trước. Trong bản án có viết chữ tả đạo và có câu dỏ dành người ta, nên đức cha phản đối yêu cầu sửa lại: *“Đạo Đức Chúa Trời là đạo chân thật, còn tôi đến nước này là để rao giảng đạo chân thật, đường ngay nẻo chính. Tôi không có lừa dối ai. Vậy nếu quan còn để những chữ này tôi sẽ không ký”*. Các chữ trên đã được bôi đi.

Một ngày sau khi đến Nam Định, các quan biết là không lay chuyển được người thì làm án tử. Bản án được vua Minh Mệnh châu phê ngay và còn viết bên lề mấy chữ như sau: *“Dominic Henares dù có trăm mồm miệng cũng không thanh minh được các lời buộc tội”*. Vua

LM. VŨ THÀNH

truyền lệnh thi hành án sớm hết sức và phải bêu đầu ba ngày tại chỗ có nhiều người trông thấy. Bản án về đến Nam Định là buổi trưa ngày 25-6 nên các quan để lại hôm sau cho đủ thời giờ chuẩn bị.

Các lính Công Giáo phải rút tiền để được chỉ định khiêng người ra pháp trường. Theo sau có đông giáo dân khóc lóc. Đi đầu là người mang bản án đã được vua châu phê, rồi đến cũi đúc cha, tiếp đến là thầy già Chiêu, năm người lính khác cũng bị dẫn đi để khùng bố tinh thần, rồi đến các lính và võng các quan. Trong số năm người lính có ba người sau này cũng đổ máu mình xung đạo, còn hai người đã chối đạo. Thịnh thoảng quan cho thổi loa và một người hô lên: *“Các người từ Đông Tây Nam Bắc hãy nghe đây, người này là đạo trưởng Âu Châu đến rao giảng tả đạo Giatô. Vì lẽ đó vua đã ra lệnh chém đầu”*.

Vào khoảng một giờ trưa ngày 26-6-1838, đoàn người tới pháp trường. Đúc Cha Henares được đưa ra khỏi cũi, liền khuyên người lính khiêng hãy tin tưởng vào Chúa. Người xin được mấy phút cầu nguyện và xin được thầy già Chiêu phải chém trước để người có thể giúp thầy vững tâm. Hai cái đầu lần lượt rơi xuống và tung lên cao cho quan giám sát xem. Theo thói thường khi lính xử tử một tội nhân thì mọi người chạy xa vì sợ hồn người chết nhập vào làm hại, nhưng lần này mọi người xấn lại để thấm máu, có người lấy cả đất đã thấm máu đào. Cảnh chen lấn làm quan phải ra lệnh từ nay trở về sau khi có việc hành quyết cổ đạo không được làm như thế. Xác đúc cha được quân lính chôn ngay tại chỗ, còn đầu của Đúc Cha Henares được bỏ lại vào trong cũi để trên cọc cao ba ngày ở cửa thành. Sau đó quan ra lệnh bỏ đá vào trong cũi và vớt xuống sông Vị Hoàng để giáo dân không thể lấy được đầu của người. Thế nhưng ba ngày sau có người đánh cá đã vớt được. Mười sáu ngày sau hôm xử tử, giáo dân thừa lúc ban đêm định lấy trộm xác người. Khi vừa rời đất ra thì họ ngửi thấy hương thơm ngọt ngào và xác vẫn còn nguyên vẹn nên không dám đưa đi. Hai ba tháng sau có ba người giáo dân đến đem xác người về an táng tại nhà thờ Lục Thủy Hạ và sau đưa về Bùi Chu.

Trong bản án điều tra phong Á Thánh, thầy già Laurenso Khuê, 86 tuổi, quả quyết rằng trong thời kỳ dịch tễ thầy đã mang vãi thấm máu đúc cha đặt trên mình con trâu bệnh, tức thì con trâu khoẻ lại ngay. Có nhiều người chứng kiến phép lạ nói trên. Đúc Cha Dom-

DÒNG MÁU ANH HÙNG

inic Henares Minh đã được Đức Thánh Cha Lêo XIII tôn lên hàng chân phước ngày 27-5-1900.

Cuộc Xung Đao & Tử Đao của LINH MỤC VINCENTÊ ĐỖ YÊN, O.P.

(bị bắt 2-6-1838, xử trảm 30-6-1838 tại Hải Dương)

Jhánh Đỗ Yên là một linh mục rất tuấn tú khôi ngô. Người có gương mặt của một vị anh hùng cương nghị đầy lòng yêu thương mọi người, khi lính triều đình bắt người, họ phải ngạc nhiên vì đã bắt được một linh mục rất khôi ngô tuấn tú. Họ thốt lên: *“May quá, chúng ta đã bắt được một linh mục thật kiêu tra!”*

Thực vậy, từ hồi còn nhỏ, cậu Yên đã tỏ ra là một cậu bé ngoan ngoãn và rất kháu khỉnh. Cậu sinh năm 1764 tại làng Trà Lũ thuộc tỉnh Nam Định. Cậu bằng lòng bỏ tất cả để dâng mình vào nhà Chúa lúc 12 tuổi. Trong trường học, cậu tỏ ra rất thông minh và đầy đức độ. Cậu không bao giờ làm mất lòng một người nào. Trong hồ sơ phong thánh cho cha, một nhân chứng đã quả quyết: *“Cha Yên là một vị đầy lòng từ bi bác ái, tính tình rất dễ thương, đồng thời cũng đầy cương nghị, nét mặt lúc nào cũng vui vẻ. Khi sống giữa giáo dân người luôn luôn sẵn sàng lo lắng cho con chiên và tận tụy hết mình. Sống giữa anh em dòng, người luôn luôn quên mình và thích sống ẩn dật. Người không bỏ qua một cơ hội nào mà không giúp đỡ những người chung quanh. Người rất nhân từ, hiền lành vui vẻ và có trí phán đoán sâu sắc. Tất cả tâm hồn người tập trung mỗi khi dâng lễ và làm các phép bí tích”*.

Năm 40 tuổi người chịu chức linh mục do Đức Giám Mục Delgado, đại diện Tòa Thánh địa phận Đông. Trong thời kỳ bắt đạo rất gắt gao của vua Cảnh Thịnh, ai cũng tưởng rằng công việc truyền giáo của cha rất ngắn ngủi. Cuộc bắt đạo rất dã man, Cha Yên đã bị tố giác và bị bắt bỏ tù. Họ đeo gông vào cổ người và xiềng chân bằng xích sắt. Người chịu đau khổ rất nhiều. Sau một tháng giáo dân đứt lốt cho lính và cha được thả tự do.

Khi trở về làng, cha lại hăng say bắt tay vào việc. Vì đã được nếm mùi đau khổ vì Chúa nên cha lại càng tha thiết muốn chết vì đạo

LM. VŨ THÀNH

và để dọn mình làm của hiến tế đẹp lòng Chúa hơn, cha đã xin vào Dòng Đa Minh năm 43 tuổi. Ngày 22-7-1807, người lãnh áo tập viện và ngày 22-7-1808 người khấn dòng. Lòng mến Chúa mỗi ngày càng tăng lên từ khi người hiến thân trọn vẹn. Người siêng năng cầu nguyện, hãm mình và phục vụ Chúa trong mọi người một cách rất chu đáo.

Khi ra khỏi tù người được đổi về xứ Kẻ Mọt, sau ít lâu người lại đổi về xứ Kẻ Sặt. Tại bất cứ nơi nào người cũng tỏ ra là một vị linh mục rất đạo hạnh và hoạt động đặc lực cho Chúa.

Vào thời kỳ này có lệnh vua Minh Mệnh cấm đạo và Trịnh Quang Khanh hết lòng chu toàn sắc chỉ lùng bắt các linh mục mà họ gọi là đạo trưởng, vì thế Cha Yên phải trốn tránh nhiều nơi. Cha dự định ẩn trốn tại họ Lục Điền. Trên đường đi, cha mệt mỏi ngồi bên gốc tre để nghỉ mát. Có một người ngoại đạo đến dò la tông tích của cha. Cha biết thâm ý của hắn nên giả dò hỏi thăm đường lên Lục Điền và Kẻ Sặt. Thấy vậy, người này không còn nghi ngờ nữa. Cha lại tiếp tục lên đường. Sau một lúc người lại gặp một người lạ mặt khác tên là Khán Râu và người này biết chắc chắn người là linh mục. Chàng ta giả dò lo lắng cho Cha Yên và mời vào nhà mình nghỉ mát. Trong lúc đó chàng ta lên huyện báo cho lính bắt. Giáo dân nghe tin lên xin chuộc cha, nhưng cai Khán là tên phản, nhất định không nhận tiền chuộc vì hắn hy vọng sẽ được thưởng nhiều hơn nữa nếu vụ này tới tai vua. Sau đó, được lệnh quan, lính đóng gông, đeo cùm để lôi người về tỉnh Hải Dương, một tỉnh quan trọng miền Đông. Tổng đốc Hải Dương và Quảng Yên lúc bấy giờ là Nguyễn Công Trứ. Ông đã ra án cho Cha Yên, Cha Duệ và Cha Hạnh trong khi lùng bắt Cha Viên theo các lá thư bị bắt được.

Tin Cha Yên bị bắt tới tai giáo dân Kẻ Sặt. Họ dự định chiêu mộ giáo dân về Hải Dương để đánh tháo cha. Nhưng khi nghe tin ấy người cản ngăn ngay. Và Cha Yên bị tống ngục ngày 2-6-1838.

Ngày 11-6-1838 người bị điệu ra tòa, quan tòa tra tấn người rất dã man và bắt người khai lý lịch rất tỉ mỉ. Mục đích là họ muốn bắt người khai tông tích những linh mục ngoại quốc. Cha Yên vẫn một mực yên lặng và rất hiên ngang nhận mình là linh mục Chúa Kitô. Quảng thời gian này, có một vị lương y tên Hân rất thương mến cha. Ông làm đủ cách để xin tha Cha Yên và dứt lốt để cha khỏi phải

DÒNG MÁU ANH HÙNG

mang gông cùm như những người khác. Chẳng hạn, ông bảo cha nhận mình là lương y nhưng cha thẳng thắn nói: *“Tôi không phải là lương y, tôi là linh mục Công Giáo. Phận sự của tôi là dâng thánh lễ và rao giảng tin mừng Chúa Kitô. Tôi muốn chết vì chức vụ này và tôi sẽ chết một cách sung sướng. Tôi sẽ không bao giờ chấp nhận một ân huệ nào bằng cách nói sai sự thật”*.

Các quan vẫn không chấp nhận lời cha nói và vì muốn làm hài lòng vị lương y Hân nên vẽ vòng tròn và bảo cha bước qua như bước qua thập giá vậy, Cha Yến lớn tiếng phản đối, nhất định không bước qua vòng tròn. Tất cả quân lính rất ngạc nhiên và cảm phục đức tin mạnh mẽ của cha. Họ nghĩ rằng bao nhiêu người tại Bắc Việt đã nói dối để được lợi lộc tí chút, còn Cha Yến, một vị linh mục đã 74 tuổi, già yếu mà nhất định đánh đổi đời mình cho Sự Thật là Thiên Chúa. Mặc dù các quan muốn kiếm cách tha để lấy tiền, để nghị chuyển vụ án về tỉnh Nam Định, nhưng Minh Mệnh đã kết án Cha Yến như sau: *“Đỗ Yến, người bản xứ, đạo trưởng đạo Gia Tô đã theo tà đạo, nghiên cứu và dụ dỗ người khác, thân dân của trẫm. Hắn đã bị bắt và không chịu từ bỏ đạo này. Hắn quá mù quáng cố chấp không theo đường ngay. Hắn thật đáng ghét. Vậy hãy chém đầu Đỗ Yến. Không cần phải đem về cho các quan án tỉnh Nam Định nữa vì nào có ích chi”*. Sắc lệnh trên đến tỉnh Hải Dương ngày 30-6.

Đứng trước sự cương trực và đức tin dũng cảm hiem có của cha, quan không còn gì hơn là áp dụng lệnh vua. Cha Yến lúc đó đã quá yếu vì đã trải qua bao đau khổ, nhưng lý hình vẫn không tha và bắt cha đeo xiềng xích gông cùm. Cha đã ngã quỵ mấy lần, nhưng cuối cùng cha cũng bị lôi tới ngã tư gần Kim Đồi, làng Bình Lao. Họ lấy manh chiếu trải ra trên nền đất gỗ gẻ và một mảnh chăn cũ đặt giữa, họ đẩy cha quỵ xuống. Cha xin một phút cầu nguyện, họ cho phép cha và sau một phút, cha đưa đầu ra cho lý hình chém. Chỉ một nhát kiếm, linh hồn người lia khỏi xác. Lương cũng như giáo ủa tới thấm máu và lấy tất cả những gì thuộc về người. Ngã tư nơi Cha Yến bị trảm quyết rất gần Hải Dương và là ngã tư đường đi Nam Định và Hà Nội. Giáo dân chôn xác Cha Yến tại Bình Lao khoảng tám tháng, sau đó lại di chuyển xác về nhà thờ làng Thọ Ninh của họ. Khi quật xác lên, thì lạ thay xác vẫn còn tươi tốt như cũ, lại xông một mùi hương thơm tho lạ thường. Đức Thánh Cha Leo XIII đã phong Á Thánh cho người.

LM. VŨ THÀNH

Ngày nay các du khách từ Hải phòng ra Hà Nội vẫn phải đi qua trạm xe lửa của Hải Dương và du khách có thể nhìn thấy một ngôi nhà nguyện nhỏ bé xinh xắn đã được xây cất để ghi dấu nơi cả ngàn giáo sĩ và giáo dân bị trầm quyết vì đã không bỏ đạo.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của THẦY GIẢNG GIUSE NGUYỄN ĐÌNH UYỄN

(bị bắt 29-5-1838, chết rû từ 4-7-1838)

Thầy Uyễn là một thầy giảng, sinh tại làng Ninh Cường thuộc tỉnh Nam Định. Ngay từ hồi nhỏ thầy đã có lòng mến Chúa một cách lạ lùng. Lòng mến Chúa đã thúc đẩy thầy xin gia nhập Dòng Ba Đa Minh ngay từ lúc thầy mới 12 tuổi. Trong nhà Chúa, thầy hăng say học giáo lý và đã trở nên một thầy giảng giáo lý có biệt tài. Thầy được chọn làm bạn đồng hành với Đức Giám Mục Henares trên đường truyền giáo của người. Trong mọi lúc, mọi nơi Thầy Uyễn đã tỏ ra là một thầy dòng rất nhiệt thành hăng say phục vụ Chúa trong mọi hành động lớn nhỏ, vì thế thầy được các Bề Trên cũng như mọi người kính nể và tín nhiệm.

Trong thời kỳ Minh Mệnh bắt đạo rất gay go, đức giám mục giao cho thầy trách nhiệm giữ con chiên bốn đạo tại Tiên Chu, mặc dầu thầy chưa lãnh chức linh mục. Sống tại Tiên Chu rất nhiều năm và làm nhiều công việc mục vụ để coi sóc dân chúng, Thầy Uyễn được mọi người yêu nể. Khi thầy 63 tuổi thì cuộc bắt đạo càng trở nên gay gắt hơn. Ngày 29-5-1838, lính vua bao vây làng Tiên Chu vì họ đã nghe tiếng Đức Giám Mục Henares hiện đang lẩn trốn tại đó. Lính quan bao vây làng Tiên Chu nhiều ngày nhưng không bắt được Đức Giám Mục Henares. Sau cùng họ rất phẫn nộ và đòi mỗi người trong làng phải ra đình để điểm danh và tra khảo lý lịch. Thầy Uyễn cũng là một trong nhóm người có mặt. Sau khi tra khảo rồi và mỗi người tiếp tục ra về, Thầy Uyễn là người sau cùng. Thành linh lính quan trông thấy áo Đức Mẹ mà Thầy Uyễn đang đeo giấu trong người chia ra, họ lập tức bắt Thầy Uyễn ở lại và tra khảo cặn kẽ. Ai trong giáo dân cũng nghĩ rằng Thầy Uyễn đã sợ ý để lộ tông tích nên lính mới bắt gặp, nhưng thực ra ý Chúa nhiệm màu đã chọn thầy và ban cho thầy phúc tử đạo, vì tâm hồn của thầy như một ngành nho chiu ngọt đã được ngắt đi làm lễ hiến tế. Khi thấy áo Đức Mẹ, lính quan tra khảo

DÒNG MÁU ANH HÙNG

thầy có phải là đạo trưởng không. Thầy trả lời là không phải. Bồng đầu có một tên lính vua diều cợt và mĩa mai, hần sờ mũi thầy và nói lớn. “*Ông này có mũi dài, chắc hẳn ông là cố Tây*”.

Thầy Uyển chỉ lắc đầu và không một dấu tức tối nào ẩn hiện trên gương mặt hiền từ, cương nghị đó. Thấy vậy quan truyền đưa thánh giá để thầy bước qua, thầy nhất định không chịu, quan rất giận, lớn tiếng đe: “*Nếu mày không bước qua, tao sẽ chém đầu mày!*”

Thầy Uyển ung dung trả lời: “*Bẩm quan, nếu tôi bị chém chết, thì tôi mới trông được sống lại*”.

Ngay chiều hôm ấy, quan tức giận truyền trói thầy lại và điệu về Hưng An.

Khi đến nơi, quan Tuần lại hỏi thầy, có phải là đạo trưởng hay có chức sắc nào khác và có biết ai đạo trưởng khác ở đây chăng? Thầy Uyển nhất định giữ im lặng. Quan Tuần rất tức bực và giao thầy cho lính để đeo gông và xích rồi bị tống ngục.

Lúc sáu giờ sáng ngày hôm sau thầy lại bị điệu lên quan tuần. Nhưng quan thấy lòng dũng cảm của thầy và đức tin vẫn không bị lay chuyển, quan tuần truyền đem thầy tới tòa án hội đồng. Khi ấy, quan dùng mọi cách để bắt thầy chà đạp thánh giá và ký tờ xuất giáo, thầy khẳng định từ chối. Quan tòa dùng những lời dụ dỗ hoặc đe giết, thầy vẫn một mực cương quyết và tuyên xưng đạo càng mạnh dạn hơn nữa. Khi quan hỏi lễ đạo, thầy lợi dụng dịp này để giảng giải mười điều răn rất rõ ràng và minh bạch. Khi họ tra hỏi về tông tích của các cha ngoại quốc đang truyền giáo thầy lại yên lặng. Quan Tuần thấy vậy, sai lính xô thầy xuống đất và đánh thầy 39 roi rất đau đớn. Khi chỗi dậy, thầy không thể ngồi lên được vì phần bị đòn quá tàn ác, phần thầy đang có bệnh kiết lỵ nên kiết sức. Lính cai ngục thấy Thầy Uyển đuối sức nên cho phép thầy uống thuốc chữa trị trong hai tuần lễ. Sau khi thầy lấy lại sức, cai ngục lại điệu thầy ra trước tòa một lần nữa, hy vọng có thể lay chuyển thầy được chăng. Khi thấy thầy phải đeo gông nặng nề, quan tuần bảo thầy: “*Lang Uyển hãy xuất giáo đi rồi ta cho về ở với vợ con và anh em*”.

Thầy Uyển trả lời: “*Thưa quan tôi ở độc thân*”.

LM. VŨ THÀNH

Quan lại nói: “*Không sao, nếu muốn sống thì xuất giáo. Con chó còn muốn sống huống hồ ông là con người, hãy xuất giáo thì ta cho về ngay bằng không thì phải chết*”.

- “*Thưa quan, nếu quan thương thì tôi được nhờ, bằng không tôi sẵn sàng chết. Còn phải xuất giáo và bước qua thập giá thì tôi không bao giờ làm*”.

Nghe thấy thầy nói vậy, quan giận tím mặt và truyền cho hai tên lính nọc thầy ra đánh 18 roi. Một trong những tên lính muốn lấy uy, rút gươm ra nói: “*Tao sẽ chém đầu mày!*”

Thầy Uyển, nét mặt vẫn bình an vui vẻ trả lời: “*Anh cứ chém đầu tôi, tôi sẽ có đầu khác*”.

Quan quân thấy đức tin của thầy rất mực anh hùng, họ đem tống giam lại lần nữa để tìm mưu kế khác thuyết phục. Khi ấy thầy đã bị kiệt sức quá nhiều, căn bệnh cũ lại đột phát dữ dội. Thấy vậy có người thương hại và khuyên thầy nên tìm cách chữa trị, thầy nói: “*Tôi đã già yếu rồi, không trông sống được lâu, và lại xin phép đầu có dễ dàng*”.

Vài ngày sau, quan lại đòi người ra pháp đình và bắt người phải bước qua thập tự. Quan hứa nếu lần này thầy bằng lòng bước qua, quan sẽ tha cho về ngay. Thầy Uyển thưa lại: “*Bẩm quan, tượng này là tượng của Chúa trời đất muôn vật, xứng đáng cho hết mọi người phải thờ lạy. Nếu quan lớn tha thứ tôi được nhờ, bằng không tôi xin chịu chết cách vui lòng*”.

Hết mọi người nghe lời ấy thì động lòng thương hại năn ni thầy: “*Ông chỉ có việc bước qua thôi để được sống, tại sao ông không làm?*”

Thầy trả lời: “*Đời sống của tôi mau qua lắm! Tôi chỉ muốn dâng nó cho Thiên Chúa*”.

Khi các quan thấy không còn cách nào để thuyết phục thầy, nên truyền bốn tên lính lấy gông mà khiêng thầy qua thập giá. Thấy dùng hết sức bình sinh để co chân lên kéo chạm phải thánh giá Chúa. Thấy vậy một tên lính bên cạnh lấy gậy đập vào mình thầy rất đau đớn khiến máu tuôn ra và rơi trên thập tự. Trong lúc mê man vì bị đau đớn, người ta thấy thầy kêu tên cực trọng và xin thêm sức để chịu

DÒNG MÁU ANH HÙNG

cho tới cùng. Khi thấy hình hài máu me, tiểu tụy, một số tù và quan cười nhạo và quát tháo: “*Vật rầu nó đi!*”

Nhưng không ai dám làm vì thấy thầy gân hấp hối. Thấy lúc thầy gân chết, các quan tưởng rằng thầy có thể đổi ý nên lại truyền bước qua thập giá. Thấy lại tỉnh lại mà cương quyết chối từ. Thấy vậy các quan nói với nhau: “*Tên này cả gan thật, bề ngoài như người đang hấp hối thế mà trong lòng nó vẫn khăng khăng không chịu xuất giáo*”.

Sau cùng quan truyền đưa thầy vào tổng ngục cùng với những người bị án chết. Chính tay quan đã viết bản án như sau: “*Nguyễn Đình Uyển là người bản quốc, hấn đi đông dài, theo tà đạo gọi là Gia Tô, hấn đã dối trá nhiều người và xưng mình là thầy dạy đạo, hấn đã biết lệnh vua cấm theo đạo, nhưng hấn vẫn lén lút và bất tuân lệnh trên. Hiện nay, hấn đang ở tù và bị sửa phạt cách nặng nề nhưng hấn vẫn không tuân phục hoặc muốn ăn năn. Vậy ta xin tuân lệnh vua ra ngày 29-4 về tên Đỗ Văn Chiểu, vua đã viết Đỗ Văn Chiểu là người bản quốc hấn đã bị lôi cuốn bởi người khác để theo đạo Gia Tô, hiện nay hấn đã bị bắt và bị tra tấn nhưng hấn không chịu xuất giáo, hấn đáng chết. Vì thế Đỗ Văn Chiểu bị xử, do đó ta cũng nên áp dụng với tên Nguyễn Đình Uyển như vậy và đệ vào kinh*”.

Khi tin tới Thầy Uyển, thầy sung sướng mừng rỡ và ca ngợi Thiên Chúa. Đồng thời thầy cũng xin được phép uống thuốc chữa bệnh để chuẩn bị cho ngày ra pháp trường. Nhưng ý Chúa lại khác, Người đã chấp nhận lòng tin yêu mạnh mẽ của thầy. Trong khi ấy bệnh tình thầy quá nặng và chiều ngày 4-7-1838 Chúa rước linh hồn thầy về với Người.

Khi nghe tin ấy, bổn đạo đến xin phép đưa xác thầy về và mai táng tại vườn của nhà Chúa thuộc xứ Tiên Chu, nơi thầy đã sống và phục vụ nhiều năm giữa họ.

LM. VŨ THÀNH

**Cuộc Xung Đao & Tử Đao của
LINH MỤC PHÊRÔ NGUYỄN BÁ TUẤN**

(bị bắt 18-6-1838, chết rũ tù 15-7-1838)

Một sử gia đã nói về người Việt Nam: “*Người An Nam thường thường rất yếu đuối và hay xiêu lòng*”. Khi nói câu này, ông đã đương nhiên phỏng đoán người Việt chúng ta một cách quá hồ đồ. Trái lại lịch sử Công Giáo đã minh chứng một cách rất hùng hồn về gương kiên trì và anh dũng của người Việt nói chung và các anh hùng tử đạo nói riêng.

Đọc tiểu sử của Thánh Phêrô Tuấn, linh mục tử đạo, chúng ta thấy cuộc đời của người đã minh chứng một cách rất hùng hồn.

Linh mục Phêrô Tuấn sinh khoảng năm 1766 tại làng Ngọc Đường thuộc tỉnh Hưng An. Làng Ngọc Đường cũng như bao nhiêu làng khác, nằm gọn ghẽ giữa một đồng lúa bao la bát ngát. Làng gồm chừng hai chục mái nhà lá thấp lờ nhô sau những hàng dừa nước nặng trĩu sầu quả. Khi chiều đến, những cậu bé lững thững dắt trâu về trong khói lam chiều đang vương tỏa, quỳ trên những mái tranh vàng đậm, đã ngả màu đen theo thời gian mưa nắng. Thôn làng tuy đẹp và an bình như thế đó nhưng cậu Tuấn đã vội vàng già từ để dâng mình cho Chúa trong tiểu chủng viện lúc mới 13 tuổi. Trong chủng viện cậu hăm hở làm việc. Cậu lo phận sự rất chu đáo. Vì cậu rất thông minh nên các thầy giáo khuyên cậu theo học giáo lý Công Giáo và chữ Tàu. Các đấng cũng khuyến khích cậu theo đuổi Đại Học. Khi cậu mới bắt đầu ghi học La Tinh thì xảy tới thời kỳ cấm đạo gay gắt của vua Cảnh Thịnh. Sự thể bắt buộc cậu phải gián đoạn việc học. Cậu quyết định xin theo Cha J. Gatileppa để giúp đỡ giáo dân, và giúp linh mục trốn tránh lính. Sau một thời gian ngắn, Gia Long lên ngôi và sự thanh bình an vui trở lại. Cậu Tuấn trở về chủng viện nhỏ bé và chịu chức linh mục năm 1807. Trong ba mươi năm trời, Cha Tuấn hăng say làm việc, và làm mọi người vừa lòng.

Khi Minh Mệnh nối ngôi, thời gian cấm đạo trở lại gay gắt hơn xưa. Lúc đó Cha Tuấn đang coi sở Lạc Môn. Khi người nghe Cha J. Fernandez đang tìm cách lẩn trốn mà không có ai dám chứa chấp, người dùng mọi biện pháp để lay chuyển giáo dân nương tay cứu giúp vị thừa sai và chính Cha Tuấn đích thân hộ vệ Cha Fernan-

DÒNG MÁU ANH HÙNG

dez. Khi làm việc đó đương nhiên Cha Tuấn biết số phận của mình. Thình lình có tin lính nhà vua đang đến gần, các đảng lẩn trốn ngay tại làng Kim Sơn. Nhưng công việc quá khẩn cấp, các đảng đành phải lẩn núp trong bãi đồng lầy. Sau cùng qua sự can thiệp của một linh mục địa phương, các đảng được sự chấp thuận nương trú trong nhà một người ngoại. Nhưng cuối cùng, chính tên này đã bội phản và tìm nộp người. Người bị bắt hôm 18-6-1838.

Cha Tuấn bị xiềng xích, gông cùm và giải nộp về Ninh Bình. Sau hai ngày, các đảng bị đưa về Nam Định. Quan tòa điều tra Cha Tuấn rất gắt gao về thân thể, sự nghiệp, cũng như những liên hệ với các giáo sĩ ngoại quốc. Điều làm cho người hân hoan chấp nhận là thiên chức linh mục, còn ngoài ra người giữ yên lặng về những vấn đề khác.

Lính vua cố gắng thuyết phục người quá khóa: *“Ông đã già rồi, và lại yếu nữa, ông sẽ không thể chịu nổi những cực hình, thôi hãy chà đập thánh giá đi, rồi vua sẽ tha chết cho ông”.*

Cha Tuấn trả lời: *“Ông nói đúng, vì tôi đã già rồi và rất yếu đuối, nhưng nếu Chúa cho tôi sức mạnh thì tôi sẽ chịu khổ được. Tôi sẽ chẳng bao giờ chịu quá khóa”.*

Trong khi một người Công Giáo khác đã bị xiêu lòng và đã bước qua thập giá. Lính thấy vậy lấy gương đó khuyên Cha Tuấn. Người khẳng khái đáp lại: *“Tôi chắc chắn sẽ không bao giờ bước qua thập giá. Tôi chỉ ao ước một ngày nào đó, tôi có thể giương đuôi cho lý hình chém để lấy máu đào minh chứng Đạo Thiên Chúa là Đạo Thật. Kẻ bỏ đạo không phải là gương cho tôi, trái lại tôi quyết noi gương hai Giám Mục là những vị tôi rất hâm mộ và vì thế quyết theo cho tới cùng”.*

Khi đó, lý hình tìm đủ cách để hành khổ người nhưng cuối cùng cũng không thể lay chuyển được. Ông Khấn, một người làm chứng đã thể nghe thấy lính nói với nhau: *“Ông đó đã không chà đập thánh giá hôm qua mặc dầu ông bị tra tấn dã man. Người ta có thể tưởng rằng người như ông này có thể dễ bị thuyết phục chăng? Nếu thế tại sao người ta còn đòi ông làm điều đó”.*

Ngày 23-6 các quan làm án đệ vào kinh, ngày 16-7 vua phê án.

LM. VŨ THÀNH

Sau bao nhiêu cám dỗ và thử thách, Cha Tuấn vẫn không bị lung lay. Sau cùng lệnh vua đòi xử trảm. Nhưng lệnh vua chưa kịp ban ra, thì Cha Tuấn đã chết rũ tù ngày 15-7-1838.

Nguồn tin chính xác cho biết một lính vua, sau khi thấy Cha Tuấn bị đeo gông cùm, khổ sở quá, tên đó gọi một bà đạo đức tới để chăm sóc người. Bà này đã dứt tiền cho lính canh mới có thể vào ngục. Bà rất đau đớn khi thấy Cha Tuấn bị gông cùm làm lở loét thối tha, bà không biết phải làm sao. Bà liền lấy đất để rải trên chỗ da thịt bị cọ xát của cha.

Khi nghe tin cha đã chết rũ tù, dân chúng xin phép quan tòa để lấy xác và đem về mai táng gần hai Giám Mục Delgado và HERNANDES.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của GIÁM MỤC INHAXIÔ DELGADO (Y), O.P.

(bị bắt 29-5-1838, chết rũ tù 11-7-1838 tại Nam Định)

Dức Cha Inhaxiô Clement Delgado sinh trong một gia đình đạo đức tại tỉnh Saragossa, Tây Ban Nha, ngày 23-11-1762. Năm 19 tuổi, cậu Delgado xin vào tu trong Dòng Đa Minh tại tu viện Calatayud. Lòng nhiệt thành và sốt sáng đã thúc đẩy người làm đơn xin đi truyền giáo tại Á Đông, trong tỉnh dòng Rất Thánh Mân Côi ở Phi Luật Tân. Ngày 19-9-1785, Thầy Delgado được lệnh sang Phi Luật Tân. Một năm sau thì tới Manila, thủ phủ nước này. Tại đây thầy được chịu chức linh mục và nhận bài sai sang truyền đạo ở Bắc Việt. Ngày 28-10-1792, người tới địa phận Đông do các cha Dòng Đa Minh coi sóc. Sau thời gian học tiếng Việt, Cha Delgado lấy tên Việt là Y và làm bề trên chủng viện. Đến năm 1794, cha được bầu làm bề trên các cha Đa Minh tại đây. Dưới thời Vua Cảnh Thịnh cấm đạo, cha gửi thư cho các linh mục dạy phải ẩn mình đi và khuyên mọi người ăn chay cầu nguyện để Thiên Chúa cho cơn bắt đạo chóng chấm dứt. Ngày 11-2-1794, cha được Đức Thánh Cha chỉ định làm Đức Cha Phó với quyền kế vị, và ngày 20-9 thì được tấn phong. Cơn bắt đạo lại nổi lên, Đức Cha Chính Alonso (Phê) qua đời ngày 2-2-1799 trên đường lẩn trốn.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Từ khi Vua Gia Long cai trị nước Việt, đạo Công Giáo được tự do, Đức Cha Y sốt sắng đi thăm viếng các họ đạo, sửa sai các tệ trạng do bắt đạo gây ra, đồng thời tổ chức lại công việc truyền giáo, nhất là việc đào tạo thầy giảng và chủng sinh. Năm 1816, bộ truyền giáo viết thư khen ngợi đức cha và địa phận như sau: *“Chúng tôi rất vui mừng được biết rằng địa sở truyền giáo được bình yên và các tông đồ Phúc Âm hằng say vun trồng vườn nho của Chúa, gặt hái được nhiều thành công. Các chủng sinh mỗi ngày thêm đông, lại trở vượt về đức hạnh và học vấn khiến chúng tôi đặt hết tin tưởng vào họ”*. Sau khi cảm ơn Chúa, các hồng y đồng lòng ca ngợi đức cha và các thừa sai về lòng nhiệt thành truyền bá đức tin Công Giáo. Các đấng khuyến khích đức cha và các người cộng sự tiếp tục làm vinh danh Chúa cho đến hơi thở cuối cùng.

Đức Cha Delgado còn có công lớn là làm án phong Chân Phước cho hai vị tử đạo Dòng Đa Minh là Cha Giaxinhtha Castaneda Gia và Vinh Sơn Liêm tử đạo năm 1773. Án được đệ trình về Roma ngày 19-8-1818. Trong thời kỳ tự do truyền đạo dưới thời vua Gia Long, số tín hữu Công Giáo tại địa phận Đông lên tới 150,000 người. Từ năm 1825, Vua Minh Mệnh ra lệnh cấm các thừa sai mới vào trong nước và tập trung các thừa sai về kinh đô Huế mở đầu trang sử đẫm máu của giáo hội Việt Nam. Đó là mưu lược của vua để khéo léo cầm tù các cha, vì thế các cha bắt đầu ẩn trốn. Đức Cha Y phải đổi tên là Trùm Cả. Tổng đốc Nam Định là Trịnh Quang Khanh bị khiển trách vì đã không tận lực bắt đạo. Ông liền cho lính đi dò thám khắp nơi. Ngày 28-4, chẳng may dân làng An Liêm bắt được người đưa thư với các lá thư của Cha Viên gửi cho hai đức cha, cha chính và ba cha khác thì nộp cho quan tổng đốc. Trịnh Quang Khanh tưởng là báo về kinh sẽ được khen, nhưng Vua Minh Mệnh tức giận vì còn nhiều linh mục lén lút, mới truất chức ông và sai người khác là Lê Văn Đức về làm tổng đốc để tận diệt đạo. Để chuộc tội, Trịnh Quang Khanh được lệnh trong một tháng phải bắt hết các đạo trưởng. Với 6.000 binh lính, ông sai đi khắp làng để lùng xét. Giáo dân sợ hãi không ai dám để các thừa sai trong nhà. Khi ấy Đức Cha Delgado đến ẩn trong một hầm trú đã đào sẵn ở Kiên Lao thì có một gia đình Công Giáo, nhưng lại là một Giuda đã ngấm báo cho quan võ Lê Ngọc Thế đến bắt. Ngày 29-5, một đội lính ập đến bắt người, giáo dân khiêng người đi lối sau. Nhưng vì quân lính rượt theo sau nên họ đã phải để người ở giữa đường. Quan bắt người đưa về nhà hội của làng để tra

LM. VŨ THÀNH

vấn. Quan hỏi: - “Ông ở những đâu từ khi có lệnh hoàng đế truyền bắt tất cả các người Âu Châu?”

Đức Cha trả lời: “Từ khi có lệnh cấm đạo Thiên Chúa, tôi phải ẩn trốn, nay đây mai đó, mỗi nơi một ít ngày. Tôi không bao giờ ở một chỗ và Kiên Lao là nơi tôi ở ít nhất, tôi chỉ vừa mới tới khi quan đến bắt tôi. Vậy tôi xin quan lớn tha cho dân làng và đừng làm hại họ chỉ vì tôi bị bắt ở đây”.

Cha Thanh làm chứng là quan còn nói với đức cha hãy tự vẫn theo phong tục của những người can đảm khi gặp bước đường cùng. Đức Cha trả lời: “Tự tử là một trọng tội, tôi không bao giờ làm, còn nếu quan giết tôi vì tôn giáo của tôi thì quan đã làm thỏa mãn ước nguyện của lòng tôi”.

Nghe vậy quan để cho lính xỉ nhục và đánh đập người. Tới ba giờ chiều, quan cho giải về phủ Xuân Tràng, có một ngàn lính áp tải. Tại đây Đức Cha Y (Delgado) phải ngồi vào cũi tre. Ngày 30, quan dẫn giải đức cha về tỉnh Nam Định trong cũi với số lính đông hơn trước, khoảng hai ngàn. Dân chúng lương giáo đi theo xem rất đông. Tới cửa thành, thấy có thánh giá để giữa lối đi, đức cha xin lính cầm lên. Trước những lời lẽ quyết liệt họ phải nghe theo, nhưng khi khiêng người đi qua rồi họ lại đặt xuống làm cho giáo dân không vào theo được nữa. Đức cha phải ngồi trong cũi phơi nắng tại cửa Nam gọi là trại Vệ trong vòng 43 ngày, chịu đủ mọi cực hình vì đói, vì khát, vì những lời nguyền rủa. Không một giáo dân nào có thể đến gần người được. Khi bị thẩm vấn, họ vẫn giam người trong cũi. Sau khi thẩm vấn nhiều lần, Trịnh Quang Khanh làm tờ trình về Minh Mệnh như sau: “Sau khi hạ thần đã tra xét kỹ lưỡng tù phạm, hạ thần thấy nó có mũi dài, da trắng và chòm râu rậm. Nó không nói như các người thường dân, nó đúng là một người Âu Châu. Hạ thần cũng được biết rằng tên phạm đã 79 tuổi, tên gọi là Y và được mọi người gọi là giám mục. Nó đã ở trong nước trên 20 năm và dạy đạo tại tỉnh Nam Định. Các điểm khác hẳn không trả lời gì thêm”.

Theo một giáo dân tên là Gioan Khan, thì quan còn tra hỏi Đức Cha trong một lần khác như sau: “Tại sao ông đến nước này?”

Đức Cha trả lời: “Tôi đến chỉ để rao truyền đạo Đức Chúa Trời.”

- “Ông đến khi nào?”

DÒNG MÁU ANH HÙNG

- “Từ đời ông Nguyễn Chung”.
- “Hoàng đế đã ra lệnh cấm, sao ông còn giảng đạo? Và ai bắt tuân sẽ bị chém đầu”.
- “Tôi đến nước này chỉ để giảng đạo Đức Chúa Trời, tôi không phạm tội gì cả, vậy nếu người giết tôi vì tôi đã giảng đạo thì tôi rất sung sướng được chết”.
- “Tại sao ông được mọi người gọi là thầy cả?”
- “Về việc giảng đạo, thì tôi là người đứng đầu trong tỉnh Nam Định”.
- “Có bao nhiêu thừa sai tất cả?”
- “Tôi không biết”.

Trong một lần khác Đức Cha Y còn nói với các quan án rằng: “các ngài không hiểu biết đạo thật, nếu như các ngài biết rõ thì các ngài sẽ tin theo ngay”.

Các quan án nghe vậy liền ra án phải xử tử và đệ trình vào kinh. Vua Minh Mệnh không hài lòng vì không biết thêm chi tiết, nên ra lệnh phải điều tra kỹ hơn nữa. Thế là các quan gia hình khổ và tra hỏi người nhiều lần.

Ngày 14-6, quan tổng đốc Lê Văn Đức tâu về kinh bản án của Đức Cha Delgado như sau: “Chúng tôi đã vâng lệnh xem xét kỹ lưỡng và luận án người Âu Châu tên là Inhaxiô, làm giám mục và có danh hiệu là Trùm Cả. Tên ấy đích thị là người nước ngoài đã khéo léo vào được nước ta, trốn tránh và lén lút đi khắp các nơi. Không thể nào biết hết được những điều nó giữ kín trong lòng. Đã từ lâu tên ấy giảng giải cho dân chúng tà đạo để dụ dỗ những người khờ khạo tin theo. Hắn đã làm như thế được 50 năm nay. Hắn là người đứng đầu và thứ nhất trong các người làm hại vì rao giảng và khuyến dụ dân chúng vào tà đạo. Sau cùng hắn bị bắt và tra hỏi nhưng không chịu tiết lộ một điều gì. Không thể chịu đựng thêm điều gian tà ngày càng lan rộng, vì thế theo luật pháp quốc gia chúng ta không thể tha thứ và miễn cho hắn khỏi tội chết được. Với lòng tòng phục, chúng tôi đã nhận được lệnh của hoàng đế do các quan hội đồng nội các gửi đến.

LM. VŨ THÀNH

Trong năm Minh Mệnh nguyên niên thứ 10 (1835) có lệnh chống lại tất cả mọi đạo trường Âu Tây. Luật ấy nói: ‘Đã bao nhiêu lần các người Âu Châu trốn tránh ở một số nơi. Trẫm muốn rằng tất cả những người đứng đầu các làng xã phải bắt họ cho bằng được mà giao nộp cho các quan, để các quan xét xử theo luật lệ cấm các đạo trường tà đạo và tôn giáo ngoại lai, từng dụ dỗ và khuyến dụ người ta tin theo như là đạo thật. Những người này sẽ phải khép án tử hình và những người chứa chấp cũng phải chịu cùng một án’. Đức vua đã chuẩn y các điều này và truyền lệnh phải tuân giữ như là sắc dụ được công bố. Chúng tôi cũng nhận được luật cấm các ảo thuật, phù thủy gồm những người dùng mưu chước để làm cho dân chúng tin là thật và tin theo tà đạo. Theo luật này thì những người đứng đầu làm những việc như thế phải chịu xử giảo cho chết. Khép xử tội phạm theo hình phạt như các tội phạm khác thì chưa đủ bởi vì dân chúng cũng đã biết rõ những hậu quả tai hại của việc sai trái. Còn nếu trừng phạt nghiêm khắc quá thì làm kinh sợ dân chúng. Vì vậy chúng tôi luận rằng, tên Inhaxiô danh Trùm Cả phải chém đầu, và đầu hẳn phải bêu nơi công cộng và công bố án lệnh để mọi người đều được biết và như vậy mới trừ đi tận gốc rễ điều gian trá nói trên”.

Trong khi chờ đợi bản án được châu phê thì Đức Cha Inhaxiô Delgado đã chết rũ tù ngày 12-7-1838 vì tuổi già sức yếu, thọ 76 tuổi. Khi các quan hay tin Đức Cha Delgado đã chết thì truyền lệnh: “Tên tù này là kẻ khác giống người ta, đã sang nước này mà giảng đạo trái, dễ dàng nhiều người theo, thật nó cứng cổ chẳng chịu bỏ đạo phi lý ấy, cho nên không thể coi như các tù nhân khác, vậy phải giữ mọi sự như trong án đã ra cho người này, để cho ai nấy biết tỏ tội người này là tội nặng. Vậy quan truyền khiêng cũi ra nơi pháp trường Bấy Mầu mà chém đầu”.

Giáo dân liệu cách mua lại các đồ dùng của người và đem xác về chôn ở Bùi Chu, còn đầu thì bị bêu ba ngày rồi bỏ vào sọt đá thả xuống sông Vị Hoàng cho chìm dưới đáy. Ba tháng rưỡi sau có người đánh cá vớt được, không hư hại phần nào nhưng vẫn tốt tươi. Giáo dân liền đem đầu người về Bùi Chu và táng chung với xác của người.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cuộc Xung Đao & Tử Đao của LINH MỤC GIUSE FERNANDEZ (HIỂN), O.P.

(bị bắt 18-6-1838, xử trảm 24-7-1838 tại Nam Định)

Jhánh Giuse Fernandez sinh ngày mùng 3-12-1775, tại làng Ventosa de la Cuesta trong địa phận Avila, tỉnh Valladolid, nước Tây Ban Nha. Ngay từ hồi còn trẻ người đã xin đi tu Dòng Đa Minh. Cha Mẹ người rất đổi vui mừng và lấy làm hãnh diện coi ơn kêu gọi đi tu dòng của đứa con trai mình như một đặc ân của Chúa. Ngày 12-8-1796, người khấn trọng thể tại tỉnh dòng Valladolid. Khi học xong Thần Học, người được thụ phong Linh Mục. Sau đó vì ước ao được dâng hiến đời mình cho công việc truyền giáo nên người xin Bề Trên chuyển về Tỉnh Dòng Mân Côi tại Manila. Người đến Manilla ngày 16-4-1805. Gần một năm sau, người được cử làm đại diện cho Hội Đồng Truyền Giáo đi Ma-Cao ngày 18-2-1806. Sau đó người được Bề Trên sai đi Bắc Việt giảng đạo. Người đi tầu đến cửa Thuận An thì bão táp nổi lên nên người phải lên đất liền để đi bộ ra Bắc. Cuộc hành trình xa xôi thật vất vả nên người đến nơi thì kiệt sức phải nghỉ dưỡng bệnh một thời gian khá lâu. Lúc ấy là thời vua Gia Long đang trị nước, đất nước được bằng yên và các vị thừa sai được hoàn toàn tự do giảng đạo trong nước.

Người rất chăm chỉ học tiếng An Nam để có thể giúp đỡ giáo dân hữu hiệu và dễ dàng hơn, nên chẳng bao lâu người đã thông thạo tiếng An Nam. Vì người có tính hiền lành, khiêm nhường và dễ dãi nên tất cả mọi người, kể cả những người ngoại đạo đều kính mến người. Hạnh phúc của người là đem Chúa đến cho mọi người. Đức tin mạnh mẽ của những người trong làng Xuân Dục là công lao người xây đắp. Xứ Kiên Lao nơi người coi một thời gian khá lâu cũng nhờ người mà số giáo dân lên tới 5.000 người thời vua Minh Mạng bắt đầu cấm đạo. Sau đó người về cai quản nhà trường lý đoán. Cuối năm 1837 khi người đang coi sóc nhà tràng La Tinh ở Ninh Cường thì bị bệnh lị rất ngặt nghèo, đe dọa tính mạng người. Nhưng phúc thay, qua mùa Xuân năm 1838 người được bình phục. Tính ra người đã sống cuộc đời truyền giáo tất cả được 30 năm. Bao nhiêu năm trời người làm việc không ngừng, nhưng có một điều người lấy làm hài lòng nhất là suốt thời gian qua người không phải làm bề trên các anh em trong dòng. Khi người vừa mới khỏi bệnh thì nghe tin Đức Cha Y (Delgado) bị bắt tại Kiên Lao và đồng thời được tin bên

LM. VŨ THÀNH

Manilla các anh em trong dòng đã bầu người lên làm Bề Trên Tỉnh Dòng coi sóc các việc bên đó. Vì đức vàng lờ, người vội vàng sửa soạn nhận chức vụ mới, nhưng chưa kịp làm gì thì việc cấm đạo bắt đầu gắt gao hơn, ngăn trở công việc của người.

Lúc đó người đang ở Ninh Cường, giáo dân trong làng sợ các quan bắt được người ở đó thì nguy cho cả làng, nên giục người đi nơi khác dù biết rằng người vẫn còn đang yếu đuối, sức khỏe chưa được hoàn toàn bình phục: *“Xin cha đi khỏi nơi đây đi, nếu không cha bị bắt ở đây thì chúng con không những mất gia sản mà mất cả tính mạng nữa”*.

Thế rồi người phải theo hai thầy kẻ giảng sang làng Quần Liêu bên cạnh, nhưng dân làng ở đó cũng sợ hãi chẳng kém gì bên làng Ninh Cường. Họ van xin vị truyền giáo đừng ở lại đó. Tội nghiệp cho vị linh mục già cả ốm yếu, dù người và hai thầy kẻ giảng đã dùng hết lý lẽ để khuyên bảo cũng vô ích. Thật đúng như lời Chúa Kitô nói: *“Con cáo có hang, con chim có tổ, nhưng Con Người lại không có chỗ tựa đầu”*. Đang trong hoàn cảnh bối rối đó thì may thay có Cha Tuần đang coi xứ Lạc Môn đến, tạm thời gỡ rối cho người. Cha Tuần cảm thấy thật xấu hổ về hành động của họ nên cha hết sức quở trách về sự hèn nhát, vô ơn và độc ác của họ. Vì vậy họ mới miễn cưỡng cho cha trú ẩn trong làng nhưng chỉ hai ngày thôi, để người có đủ thời gian kiếm chỗ khác trú ẩn. Cha Tuần thấy người đã yếu đuối khổ sở như vậy nên quyết định ở lại bên cạnh giúp đỡ dù có xảy ra chuyện gì cũng không bỏ người.

Sau hai ngày trú ẩn trong làng họ bắt buộc cha phải ra đi, nhưng chung quanh đó chẳng có chỗ trú ẩn nào an toàn cả. Cuối cùng Cha Tuần dẫn người sang địa phận Tây Kỳ, bên kia sông, để kiếm chỗ ẩn an toàn hơn. Khi mới sang đó, họ được bốn đạo Kim Sơn tiếp đón và giúp đỡ. Nhưng cũng chỉ được mười ngày vì khi quan tổng đốc tỉnh Nam Định hay tin vị linh mục ngoại quốc đã trốn thoát sang Ninh Bình, ông liền báo tin và xin quan tỉnh Ninh Bình dùng mọi cách để kiếm bắt người. Khi bốn đạo Kim Sơn nghe tin như vậy thì sợ hãi vô cùng. Họ ép buộc hai đấng xuống chiếc thuyền nhỏ và giấu trong một cái đầm lầy ở gần đó. Thuyền thì nhỏ thiếu tiện nghi, mà trời mùa hạ lại nóng nực bức sốt, và nhất là đầm lầy dơ dáy nhiều muỗi nên hai vị đã phải chịu cực khổ biết bao nhiêu. Cha sở xứ Kim Sơn nghe biết hoàn cảnh đáng thương của hai đấng này liền lo liệu cho

DÒNG MÁU ANH HÙNG

họ ăn uống và đem họ đến nhà ông Bát Biên, một người ngoại đạo làm Thủ Chỉ làng Qui Hậu. Cha sở tin cậy ông ta vì trước đây cha đã từng làm ơn cho ông, và ông ta đối với cha cũng rất nghĩa thiết. Bát Biên bằng lòng nhận săn sóc hai đấng và hai thầy giảng. Ông ta cư xử với các đấng rất lịch sự hẳn hoi. Nhưng lòng tham lam của con người không biết đâu mà lường được. Ông ta bị cám dỗ nặng nề vì phần thưởng to lớn các quan hứa sẽ thưởng nếu ai bắt được hai vị này. Tám ngày sau ông ta không thể kìm hãm lòng ham muốn được thăng chức phẩm nữa, nên đi tố cáo với các quan, hẹn ngày và nơi để bắt cả hai người này. Ngày 18-6-1838, ông ta lập mưu giả vờ tỏ lòng thương nói với hai đấng: *“Cứ theo các tin tức tôi nghe được thì hai Cụ ở đây nguy hiểm lắm. Cho nên tôi sẽ đưa Cụ Hiền đi trước sang nơi khác chắc hơn, rồi sẽ trở về đưa Cụ Tuấn đi sau”*.

Hai đấng cứ tin là thật vì cho đến lúc đó hai người vẫn chưa biết hẳn đã phản bội. Cha Hiền và hai thầy liền theo ông ta xuống thuyền đến chỗ hẹn, nơi các quan và lính đã chờ sẵn ở đó. Tên phản bội nộp Cha Hiền cho họ nhưng lại cố ý để cho hai thầy được trốn thoát vì sợ họ khai với quan là đã để cho họ trú ẩn cả tuần lễ qua có thể làm liên lụy đến hẳn. Sau đó ông lại trở về nhà để bắt Cha Tuấn nộp cho quan theo đúng kế hoạch đã định trước. Để tưởng thưởng, vua đã thăng chức và cho hẳn 100 lạng bạc.

Sau đó hai đấng được dẫn về đình làng bên cạnh nghỉ ngơi. Hai vị thánh lợi dụng những giây phút yên tĩnh đó để giải tội cho nhau và khuyến khích nhau chịu đựng khổ cực chết chóc sẽ dành cho họ vì tình yêu Thiên Chúa. Ngày hôm sau, các quan bắt cả hai người về Ninh Bình. Chúng nhốt Cha Hiền vào cũi tre, còn Cha Tuấn thì chúng đóng gông nặng nề quanh cổ người. Ở đó được hai ngày thì quan tổng đốc đem hai vị về Nam Định. Họ tới Nam Định ngày 22 tháng 6 giữa rừng núi trang bị súng ống và giữa tiếng hò hét vui mừng của quân thù.

Bị giam trong cũi chỗ xa xôi nhất của nhà tù Nam Định, Cha Hiền đã phải chịu khổ cực khủng khiếp vì đói khát và nóng nực. Có lẽ người đã phải chết rục tù nếu Thiên Chúa không soi sáng cho ông Dương, một Kitô hữu giàu có nhưng rất tốt lành, đến chăm sóc người. Ông đút lót quân lính và bọn gác tù mới được vào chăm sóc người hằng ngày. Chính ông đã phải tự tay giúp cha ăn uống, vì người đã già lão

LM. VŨ THÀNH

tuổi tác mà phải chịu bao nhiêu cực khổ nên mắc chứng bệnh như người bất toại không đưa tay lên mà ăn được nữa.

Quan lớn Lê Văn Đức thường bắt cha ra trước công đường nhiều lần để tra hỏi tên tuổi người, lý do đến miền Bắc Việt và đến được bao lâu... Cha trả lời rất khôn ngoan và cẩn thận để tránh không nói điều gì có thể làm liên lụy đến những người khác. Khi các quan hỏi điều gì cha không muốn trả lời thì người nói tiếng Tây Ban Nha. Trước sau như một cha chỉ nói đi nói lại có một câu: *“Tôi là thầy cả trong đạo, đã sang nước này để giảng đạo mà thôi. Tôi nhất định giữ đạo Thiên Chúa cho đến cùng nên tôi sẵn lòng chịu chết vì đạo ấy”*.

Quan lớn cố tra hỏi nhất là về chỗ ẩn núp của Cha Hermosilla và hai cha khác vì ông đang nhắm bắt họ cho bằng được. Quan dùng những lời ngon ngọt dụ dỗ hứa tha và cho cha làm thông dịch viên bên cạnh vua nếu người chịu tiết lộ. Thật ra quan Lê Văn Đức chẳng hiểu tí gì về người cả nên mới dụ dỗ như vậy. Người yếu đuối về phần xác nhưng đức tin và ý chí người lại rất mạnh mẽ. Người đã không do dự trả lời quan lớn: *“Từ ngày cấm đạo chúng tôi đã xa nhau và ai nấy cố sức ẩn núp. Ai mà biết được họ ở đâu bây giờ? Còn chức vị thông dịch cho vua thì tôi chẳng ham. Tôi đến đây không phải để phục vụ cho những ông vua của thế gian này, nhưng để giảng đạo Đức Chúa Trời duy nhất mà thôi. Thưa quan, tôi không thể nói cho quan nghe các cố Tây ở đâu, nhưng tôi lại biết rất rõ nơi có thể kiếm thấy hai Đức Cha Y và Minh”*. (Người ám chỉ hai đức cha đang bị tù tại Nam Định).

Các quan liền hỏi: *“Người biết những người này chứ? Người có muốn gặp mặt họ không?”* Người trả lời: *“Tôi quen họ lắm và tôi sẽ rất mừng được gặp họ nếu quan lớn cho phép tôi”*.

Quan lớn vui lòng cho người được toại nguyện nên truyền lệnh đem hai đức cha, cũng bị giam trong cũi như người, và cho phép họ được gặp gỡ nhau một tiếng đồng hồ. Chuyện được kể lại là Đức Cha Delgado nói rất ít vì người đang bị bệnh rất nặng. Đức cha nghe hai vị nói chuyện, chỉ thỉnh thoảng nói vài câu. Đặc biệt có một lúc đức cha lớn tiếng nói bằng tiếng An Nam với Cha Hiên: *“Này, cha Bê Trê, cha muốn chịu xử trảm chứ?”*

Cha Hiên trả lời: *“Dĩ nhiên, không do dự”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Các quan kinh ngạc khi nghe các đấng nói chuyện về cái chết sắp đến của họ một cách bình tĩnh mà còn hoan hỉ nữa.

Hai ngày sau quan cho điệu Cha Hiền ra trước công đường, còn dám đề nghị cha quá khóa nữa, dẫn dụ cho người hy vọng là nếu người chịu khóa quá thì ông sẽ xin vua tha người ra và cho người về nước Tây Ban Nha, nhưng trái lại nếu người từ chối thì chắc chắn sẽ phải chết. Phần nộ vì lời dụ dỗ như vậy, cha đành thếp trả lời: *“Quan nên nhớ là tôi sẽ không bao giờ quá khóa. Còn việc trở về đất nước tôi thì đó không phải là điều tôi mong ước. Đến Bắc Kỳ, tôi đã sẵn sàng đổ máu cho đạo Đức Chúa Trời, và làm chứng trước mặt mọi người là chỉ có đạo Đức Chúa Trời mới là đạo thật. Bởi thế tôi rất lấy làm vui mừng khi đạt được điều tôi hằng khao khát. Quan hãy tin chắc đi là tôi sẽ không bao giờ quá khóa”*.

Quan thấy có đợi cha bỏ đạo cũng vô ích, liền truyền đem người trở lại nhà tù và viết án tâu vua xử trăm người. Ngày 18 tháng 7, các quan tỉnh Nam Định nhận được chiếu chỉ của vua truyền xử trăm người. Ngày 24 tháng 7, các quan thử dụ dỗ cha bỏ đạo lần cuối cùng: *“Chốc nữa người sẽ bị xử tử nếu người không chịu quá khóa. Còn nếu người chịu thì người sẽ được tha về Âu Châu”*.

Vị anh hùng tử đạo trả lời vẫn tắt và cương quyết như sau: *“Ta sẽ không chịu quá khóa. Chém đầu ta đi”*.

Tức khắc quan ra lệnh sửa soạn cuộc xử trăm. Trong khi chúng sửa soạn diễn hành đến chỗ xử tử, cha bị một số người bàng quang trong đám đông túm vào chế nhạo. Đám trẻ con thì thò tay vào cũi thì nhau kéo giạt tứ phía bộ râu dài của cha. Cha chịu đựng không kêu than la rầy chúng.

Khoảng hai giờ trưa thì cuộc diễn hành đến pháp trường nơi cha sắp sửa hoàn tất của lễ hiến tế. Quân lính lôi người ra khỏi cũi và đặt người ngồi vào chiếc chiếu rách nát mà người thường nằm ngủ trong suốt thời gian bị bắt. Người đứng cũng không vưng vì chúng đã bỏ người đói gần chết. Chân người bị tê gần như liệt vì phải ngồi mãi một tư thế không được thoải mái, nhưng tâm trí người lại rất tỉnh táo và vui sướng. Tại đó vị thánh tử đạo đã dâng lên Thiên Chúa của lễ hy sinh như trên bàn thờ. Người sắp mình say sưa cảm tạ Chúa đã ban cho người hồng ân được đổ máu mình ra để làm chứng cho đức tin chân thật mà người đã rao giảng tại Bắc Kỳ suốt 32 năm

LM. VŨ THÀNH

trời. Trong khi cha đang chìm đắm trong lời nguyện, quan lớn đưa tay ra dấu, đao phủ thủ liền đưa linh hồn vị anh hùng tử đạo về trời. Một tên lính tung đầu vị anh hùng lên trời ba lần như thông lệ mọi khi. Trong khi đó hàng trăm Kitô hữu và cả những người ngoại đạo tranh nhau sờ tay trên thân xác không đầu của người. Dù các quan đã cố gắng ngăn cản, họ cũng mặc kệ, tranh nhau lấy di tích của cha. Người thì lấy vải hoặc giấy thấm máu đào của cha, người thì lấy cỏ hoặc đất mà máu cha đã chảy xuống, người thì lấy quần áo, chiếu, hoặc củi và cố gắng gìn giữ những đồ quý trọng đó vì lòng kính mến cha. Thấy quang cảnh như vậy, các quan vừa hổ thẹn vừa giận dữ liền truyền lệnh tức khắc đào mộ chôn xác cha ngay tại chỗ. Một Kitô hữu đã chuẩn bị sẵn mang theo một cỗ quan tài, liền dứt lốt các quan cho đặt xác cha vào quan tài rồi mới chôn. Còn cái đầu của cha thì quan ra lệnh treo lên cao nơi công cộng ba ngày để mọi người qua lại có thể nhìn thấy, rồi sau đó quăng xuống sông. Giáo dân đã cố công tìm vớt để chôn chung với xác cha nhưng tìm hoài không bao giờ thấy. Vài tháng sau họ đem quan tài về táng tại nhà tràng Lục Thủy Hạ. Nhưng sau này xương thánh của cha được mang về nhà thờ Phú Nhai, làng Bùi Chu, có cả muỗm và nĩa cha thường dùng tại Bắc Kỳ. Vị anh hùng đã tử vì đạo ngày 24 tháng 7, 1838, tại Nam Định, thọ 63 tuổi. Sau này Đức Giáo Hoàng Leo XIII đã phong Á Thánh cho người.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC BÊNĂĐÔ VŨ VĂN DUỆ

(bị bắt 3-6-1838, xử tử 1-8-1838)

Thiên Chúa đã làm những sự lạ lùng cho dân người”. Thật vậy một linh mục đã 83 tuổi, yếu đuối, bệnh tật mà thà chịu mọi sự đau khổ vì Chúa còn hơn chối Người. Vị thánh này là Cha Bernard Duệ.

Cha Duệ sinh khoảng 1755 tại làng Quán Phương, thuộc tỉnh Nam Định, cha mẹ là những vị đạo hạnh, đã dạy dỗ con từ tấm bé. Năm Cha Duệ mới 14 tuổi người đã quyết định xin ở với các cha dòng Tên. Người đã chăm chỉ làm mọi việc lớn nhỏ, từ sự học kinh bốn, ngoại ngữ cho đến thần học người luôn chiếm ưu hạng. Đức

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cha Delgado đã truyền chức linh mục cho người. Và trong rất nhiều năm cha đã làm việc đặc lực cho Chúa.

Năm 1832, lúc đó Cha Duệ đã 77 tuổi, vì bệnh tật và đau yếu luôn nên các Bề Trên cho cha về nhà Hưu Dưỡng tại Trung Lễ. Mặc dầu cha đang mang bệnh, nhưng cha sống rất nhiệm nhặt và hy sinh. Người ta kể lại rằng, cha ngồi hoặc nằm suốt ngày đêm trên tấm ván gỗ ghe, chịu ruồi muỗi cắn. Thấy vậy họ khuyên cha nên nằm trên giường có màn và nghỉ ngơi, cha trả lời: *“Cả đời tôi, tôi đã hy sinh và chịu khó rất ít, bây giờ tôi muốn bù lại một chút thì có sao?”*

Suốt ngày cha nuôi dưỡng tâm hồn bằng suy ngắm Phúc Âm.

Đầu năm bắt đạo thời Minh Mệnh, Đức Giám Mục Delgado cũng phải trốn tránh tại Trung Lễ. Một ngày kia, khi đức cha đến thăm Cha Duệ, người hỏi cha nửa đùa nửa thật xem Cha Duệ có muốn đi Nam Định không–nói khác đi là Cha Duệ có muốn được phúc tử vì đạo không–Cha Duệ hân hoan trả lời: *“Thưa đức cha ngày nào mà đức cha bị bắt, xin cho con theo với”*.

Lòng kính yêu của Cha Duệ đối với đức cha, đấng thay mặt Chúa, thật sâu đậm và trung tín. Từ ngày Cha Duệ được chịu chức linh mục do tay đức cha thì tình quý mến giữa đức cha và Cha Duệ càng thâm sâu. Khi nghe tin đức cha đã bị bắt, Cha Duệ khóc lóc đêm ngày, người hằng cầu xin Chúa để có dịp đến thăm đức cha. Dân chúng làng Trung Lễ lo ngại ngày đêm vì sợ quan quân bắt được vị linh mục khả kính của họ, và do vậy cả làng cũng bị vạ lây. Vì thế, họ xin đưa cha đến một nơi hẻo lánh hơn tại một nhà ở vùng thôn quê. Nhà đó thuộc về một gia đình cùi. Họ xin một bà đạo đức săn sóc cha. Họ xin cha: *“Nếu chẳng may lính đến dò hỏi và bắt bớ, xin cha cứ nói cha là cha ông chúng con nhé”*.

Cha ngay thẳng trả lời: *“Không được, cha là linh mục của Chúa, cha đã lãnh báp tích thánh, vậy nếu lính hỏi, cha sẽ nói sự thật”*.

Sau đó, khi thấy lính tuần đi qua Cha Duệ kêu lớn tiếng: *“Nếu anh em đi lòng bắt đạo trưởng, thì chính tôi là đạo trưởng đây”*.

Quân lính nghe vậy mừng rỡ hết sức, liền bắt cha để nộp cho Trịnh Quang Khanh đang đóng đô gần làng.

LM. VŨ THÀNH

Khoảng 4 giờ chiều ngày 3-6, khi thấy cha đã già yếu, lại bệnh tật nữa, quan khuyên cha: *“Thôi ông đã có tuổi lại bệnh tật nữa, ta sẽ để mẫu ảnh dưới đất, và ông chỉ cần bước qua là ta sẽ tha cho ông ngay”*.

Cha Duệ hiền ngang trả lời: *“Xin quan lớn đừng bắt tôi làm chuyện đó. Với bất cứ giá nào tôi cũng không bao giờ bước qua thập giá”*.

Quan rất bất mãn và truyền cho lính đeo gông vào cổ, và xích sắt vào chân cha rồi tống ngục tạm qua đêm. Họ không cho người ăn uống gì cả và suốt đêm quân lính cười nhạo người. Ngày 4-6, cha bị điệu về Nam Định và phải ra hầu tòa. Rất nhiều lần, họ dụ dỗ và tra khảo Cha Duệ. Họ đòi buộc cha phải chà đạp thập giá nhưng người vẫn một lòng cương quyết. Sau cùng họ đóng gông càng nặng hơn và tống ngục. Người nằm hoặc ngồi khom trên manh chiếu ẩm ướt lại bị nóng nực, ruối muối quấy nhiễu ngày đêm, Cha Duệ vẫn một mực yên lặng. Cha cầu nguyện liên li và thỉnh thoảng thở dài vì người mong ước cho chóng đến ngày được diễm phúc chịu chết vì Chúa.

Một bà đạo đức đã mua chuộc quan quân để được vào săn sóc Cha Duệ, bà muốn mang cho cha tấm chiếu dày hơn thì cha bảo bà: *“Thánh giá là giường nằm của Chúa còn sẵn sù hơn là cái chiếu của cha. Bà hãy về đi và nghe ngóng xem ngày nào cha được diễm phúc chết vì đạo thì bà cho cha biết ngay, thực ra cha không sợ chết đâu”*.

Khi thấy lính canh dự định cho cha vào chỗ khô ráo hơn thì cha bình thân trả lời: *“Không hề gì cả, hãy để tôi ở đây. Tôi không mong gì hơn là được sống trường sinh”*.

Một người giáo dân khác báo cho Cha Duệ tin về Đức Giám Mục Delgado đã bị chết gục trong cũi mà xác còn bị đem chém nữa. Cha Duệ liền bỏ chiếu ra ngay. Một bà đạo đức tên Phú có hỏi cha tại sao cha không nằm trên chiếu thì cha trả lời: *“Cha đã bị chết trong cũi còn bị chặt đầu nữa còn con muốn nằm trên chiếu ư? Bà hãy đi dò la tin tức về cha và nếu có gì cho cha hay ngay để còn kịp dọn mình”*.

Cha bị các quan kết án tử cùng với Cha Hạnh ngày 28-6 và đến ngày 21-7 án về tới Nam Định. Cha bị chém đầu ngày 1-8. Xác cha được chôn cất tại Lục Thủy.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cuộc Xung Đao & Tử Đạo của LINH MỤC ĐOMICÔ NGUYỄN VĂN HẠNH, O.P.

(bị bắt 7-6-1838, tử đạo 1-8-1838)

Cùng bị xử với Cha Duệ có Cha Đomicô Nguyễn Văn Hạnh. Cha Hạnh thuộc Dòng Đa Minh. Người sinh năm 1772 tại làng Năng Á thuộc tỉnh Nghệ An. Cha đã sinh trưởng trong một gia đình đạo đức. Cũng như Cha Duệ, trong lúc thiếu thời người đã hiến thân cho Chúa trong nhà dòng. Người đến xin Đức Cha Henares chấp thuận và đức cha đã trao người cho Cha Liêm coi sóc dạy dỗ, sau đó người chịu chức linh mục và đã được gửi đi nhiều nơi. Sau một thời gian, cha xin vào tu Dòng Đa Minh và ngày 22-8-1826 cha khấn dòng. Từ đó trở đi, cha càng hăng say làm việc cho Chúa và các linh hồn.

Trong thời gian cấm đạo, Cha Hạnh ẩn trốn tại làng Quần Đình Hạ. Sau một thời gian, giáo dân lại đưa cha đi ẩn trốn tại làng Kiên Trung. Về sau cũng hai người tên là Hảo Hội và Nhiều Hậu giả cách đến tìm cha và đưa người về Quần Anh Hạ, và khi đi dọc đường chúng ngầm báo cho quan quân vây bắt. Đó là ngày 7-6-1838.

Trong ngày phong Á Thánh cho cha, có một giáo dân tên là Joseph Vinh đã minh chứng rằng lúc Cha Hạnh lẩn trốn tại nhà anh ta, cha luôn luôn khao khát được phúc chết vì đạo.

Khi giải cha đến cửa thành, người ta đã đặt thánh giá sẵn để cha bước qua, nhưng khi nhìn thấy thánh giá cha nhất định không chịu bước vào thành. Thấy vậy họ phải cất thánh giá đi. Khi giải nộp người vào dinh quan, quan Bát Phẩm tên là Tuyên đã điều tra tuổi tác lý lịch người và hỏi người đã làm gì trong những năm qua người trả lời: *“Tôi chỉ dạy người ta làm lành, lánh dữ mà thôi”*.

Quan lại dụ: *“Nếu ông bằng lòng xuất giáo tôi sẽ tha cho ông về ngay”*.

Cha Hạnh hiên ngang trả lời: *“Tôi không thể nào làm điều đó, tôi chỉ ao ước chết vì đạo và theo chân hai thầy tôi là hai đức cha mà thôi”*.

Quan lại hạch hỏi: *“Tại sao ông ngu xuẩn thế, ông lại muốn chết? Cụ Duyệt đã bỏ đạo và được tha về sao ông không làm như vậy?”*

LM. VŨ THÀNH

Cha Hạnh vẫn nhất mực chối từ. Ngạc nhiên quan vặn lại: “*Những người theo đạo Gia Tô, khi chết thì làm sao?*”

Cha Hạnh trả lời: “*Những người theo đạo Gia Tô khi chết được lên Thiên Đường.*”

Quan bắt bẻ ngược lại: “*Nếu vậy, những người không theo đạo Gia Tô khi chết phải đi đâu?*”

Cha Hạnh vẫn thẳng thắn trả lời: “*Những ai không theo đạo Gia Tô, mà còn chống lại một cách cố tình, khi chết phải xuống hỏa ngục.*”

Quan nghe xong nổi giận, lấy giáo quật quật mạnh vào mặt Cha Hạnh và chửi bới thậm tệ. Quan lại truyền cho lính đánh cha 15 roi da cùng bắt đeo gông cổ, những cục sắt cứa vào da thịt rất đau đớn. Quan còn cấm không cho ăn uống gì cả và bị tống ngay vào ngục. Mặc dầu bị tra tấn rất nhiều lần, nhưng cha vẫn không bị nao núng. Có lần họ đem mẫu ảnh Đức Mẹ cho cha đập lên, cha ôm lấy ảnh tượng và hôn kính. Thấy vậy, quan lại càng tức tối hơn và bắt lính đánh cha 100 đòn nữa. Tất cả mọi hành khổ cha đều chấp nhận một cách vui tươi, tỏ ra Chúa đã ban ơn siêu nhiên để hỗ trợ cha.

Chị Maria Ôn, một nữ tu Việt Nam đã chứng kiến như sau: “*Một ngày tôi vào tù xin cha giải tội, tôi thấy cha bị xiềng xích đau đớn lắm. Tôi có cho cha biết là tôi đã nghe cha bị một trăm đòn. Cha trả lời: ‘Sở dĩ cha bị đòn, vì đã không chịu chà đạp ảnh Thánh Đức Mẹ’. Và cha xin tôi cầu nguyện cho cha.*” Sau đó, chị sang thăm Cha Duệ đang bị giam tại chuồng súc vật. Nhưng chị sợ lính canh nên chỉ nhìn xa thấy Cha Duệ đang nằm sắp mặt.”

Sau những trận đòn, những xỉ nhục và đau đớn hai Cha Duệ và Hạnh không hề nao núng, các quan phải đành ghép tội như sau: “*Hai tên bản quốc Vũ Văn Duệ và Nguyễn Văn Hạnh đã mắc phải mưu chước dối trá của người Tây Phương mà theo đạo Gia Tô đã lâu nay, chẳng những chúng đã tin dối trá mà còn quyến rũ người khác theo đạo ấy. Mặc dầu vua đã ra lệnh cấm cản nhưng họ cũng không coi ra sao và vì hai tên này đã quá mê tín đến nỗi sống chết cho đạo ấy, họ đã nhất quyết không bước qua thập giá, nên đã nhiều lần bị sửa phạt rồi lại khuyển nử mà họ cũng không theo, trái lại còn cho mình là thông thái hơn người, vì thế tôi xin vua phê chuẩn và xin xử trảm hai gã này.*”

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Ngày 28-6, quan đệ bản án vào kinh và được vua chấp thuận ngay. Mặc dầu chiếu theo luật người già 80 tuổi không bị chặt đầu, nhưng Minh Mệnh, con người tàn ác và khát máu, đã quyết định chặt đầu Cha Duệ mặc dầu người đã 83 tuổi.

Khi lệnh gửi về, các quan quân vẫn chưa tha hai cha. Họ sai mấy người khác đến dụ dỗ. Có người hứa với Cha Hạnh nếu bỏ đạo thì sẽ được làm lương y trong triều quan. Cha Hạnh khẳng định trả lời: *“Ông hãy về và cho thầy ông biết, tôi không bao giờ bỏ đạo cả. Lòng tôi chỉ mong chóng tới lúc được chết vì đạo và làm con Thiên Chúa vĩnh viễn”*.

Khi tin được tử đạo đến, hai cha mừng vui khôn tả. Hai cha dọn mình sốt sắng và xin sức mạnh để chuẩn bị chết vì Chúa Kitô.

Ngày 21-7, hai cha bị điệu tới pháp trường. Có cả một đám đông dân chúng theo sau. Hai quan oai vệ trên hai mình voi, một dẫn đầu và một hộ tống tới pháp đình. Chuông trống nổi dậy liên hồi khi họ điệu hai cha tới nơi. Cha Duệ, vì quá già yếu lại đau ốm, nên họ cáng cha, trong khi Cha Hạnh, 66 tuổi, bị đeo xiềng xích nặng nề và phải mang gông. Nhưng nét mặt hai cha rất hân hoan và bình an. Vì con đường tới pháp đình rất xa nên Cha Hạnh ngã quỵ nhiều lần. Sau cùng lính phải buộc ba cây tre lại và cáng cha tới pháp đình. Trên đường đi xử, Cha Hạnh khuyến khích giáo dân theo sau: *“Hãy vui lên, vì cha sắp về với Chúa”*.

Đôi khi trong đám đông có một vài người chế riễu các cha: *“Đây là hai tên phạm nhân Duệ và Hạnh”*.

Gương mặt hai cha tỏ lộ hy vọng và bình an. Cha Hạnh giơ tay cho lý hình trói lại còn Cha Duệ ngồi ngay ngắn trên đất. Sau khi gông, cùm, xiềng xích đã được tháo ra và tên lý hình tuốt gươm sáng ngời sẵn sàng chờ cho hồi trống báo hiệu là họ thi hành phận sự. Thấy vậy, Cha Hạnh bảo tên lý hình: *“Nếu anh chặt đầu tôi ngay, tôi sẽ tặng anh món quà, anh hãy đến bảo anh Giuse Thái, anh ta sẽ tặng thưởng ba quan”*.

Hồi chuông vừa dứt, hai lý hình chém đầu hai cha chỉ một nhát thôi, đầu rơi ngay và lý hình nhặt đầu hai cha tung lên cao ba lần cho các quan quân trông thấy.

LM. VŨ THÀNH

Cũng như những lần trước, cả lương lẫn giáo ra thăm máu các đấng và tranh dành những gì thuộc về hai đấng ấy mặc dầu quan quân ngăn cản. Quan cho giáo dân lấy xác và đầu khâu lại và liệm vào ván đã có sẵn, rồi đưa về làng Lục Thủy. Nơi đó giáo dân chôn cất người trong thánh địa của làng.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC GIACÔBÊ NĂM (MAI NGŨ)

(bị bắt 3-7-1838, xử trảm 12-8-1838)

Cha Giacôbê Năm, chính tên là Mai Ngũ. Người sinh năm 1781 tại làng Đông Biên, huyện Vĩnh Lộc tỉnh Thanh Hóa, dưới đời Tây Sơn. Người được gửi vào nhà Đức Chúa Trời khi còn bé, rồi được gửi vào trường La Tinh ở Kẻ Vĩnh dưới đời Đức Cha Giacôbê Leager. Khi Thầy Năm đi giúp xứ, người được đức cha sai đi coi nhà thương Kẻ Vĩnh. Ban ngày thầy săn sóc bệnh nhân. Ban tối đi dạy trẻ em làng Kẻ Vĩnh. Người ta nói rằng thầy vui tính, quý trẻ con, nên trẻ con mến thầy lắm. Sau khi chấm dứt mấy năm giúp xứ, Thầy Năm được đức cha gọi về học lý đoán (thần học). Thầy chịu các chức nhỏ, rồi năm 1813 được đức cha truyền chức linh mục. Năm đó Cha Năm được 32 tuổi. Sau khi chịu chức, Cha Năm được bài sai đi coi xứ. Các xứ người coi, dân chúng đều quý mến người. Đến độ nửa đời người, đức cha gọi người về coi nhà chung. Được hai ba năm thì có lệnh vua cấm đạo, bắt các đạo trưởng và triệt hạ các nhà thờ. Bấy giờ nhà chung Kẻ Vĩnh phải giải tán. Cha Năm trốn tránh tại nhà ông trùm Tôn thuộc họ Kẻ Nguồi độ ba bốn năm. Khi đã bớt cơn cấm đạo, nhà chung lại phục hồi, Cha Năm lại trở về để cai quản nhà chung.

Độ ít lâu sau, các quan lại cấm đạo gặt gao, lần này nhà chung lại đóng cửa, và Cha Năm phải trốn tránh đi nơi khác. Cha đến ở nhà ông trùm Đích ở làng Kẻ Vĩnh.

Tính Cha Năm hiền hòa vui vẻ, cha thường kể truyện giặc giã đời Tây Sơn cho người ta nghe, nhiều người quý mến cha. Ngoài tính vui vẻ, Cha Năm còn có tính khiêm nhường, đạo đức, cứ giờ cứ mực mà ra đọc kinh. Khi ẩn ở nhà ông trùm Tôn, người đọc kinh cả ngày. Có lần người ta đến hầu thì phải đợi lâu mới vào được, vì cha còn

DÒNG MÁU ANH HÙNG

đang bận đọc kinh lần hạt. Cha có đức vàng lồi, không bao giờ phàn nàn bề trên điều gì. Cha cũng có lòng thương người nghèo khó, khi ăn cơm người thường để dành cho kẻ khó một ít. Lúc chẳng có gì để cho kẻ khó, thì người cho thuốc viên. Đối với vấn đề tử đạo, Cha Năm rất ao ước. Lần kia, cha được tin ông kia bỏ đạo thì buồn bã phàn nàn rằng: “Ôi ông ấy đại đột đường nào! Ông ấy được dịp tốt đến mà không chịu nhờ. Đức Chúa Trời đã đem ông ấy vào đảng ngay nẻo chính để lên Thiên Đường, mà ông ấy không chịu đi. Giả như Chúa thương ban phúc ấy cho tôi, thì tôi chẳng dám từ chối. Giả như Chúa có liệu dịp tốt lành cho tôi như thế, thì tôi chẳng dám bỏ qua”.

Đang khi Cha Năm ẩn mình trong nhà ông trùm Đích, thằng Tỉ quê ở Đông Mạc và thằng Xuân quê ở Tiểu Túc Mạc về huyện Mĩ Lộc, được các quan tỉnh Nam Định sai đi do thám. Chúng đến làng Kê Vĩnh vào nhà ông trùm Đích giả làm người xin đi làm thuê. Ông trùm Đích vô tình không biết là quân do thám, nên thuê chúng làm mướn cho ông. Ngay cả dân làng cũng không ai ngờ chúng là quân do thám của tỉnh. Hai tên này làm thuê nhà ông trùm chẳng được bao lâu, chúng liền bỏ đi, khi trở về chúng dẫn quân lính đến để bắt ông trùm và Cha Năm. Lúc đó dân làng mới biết chúng là quân do thám. Hai tên Tỉ và Xuân sau khi đã lấy đủ bằng chứng về Cha Năm, và các đồ thờ phượng chứa trong nhà ông trùm, chúng về tỉnh báo cáo với cấp trên.

Bấy giờ ông Trịnh Quang Khanh đang làm tuần phủ Nam Định. Ông bị vua triệu về kinh quở trách nặng nề, vì không bắt đạo theo ý vua. Cho nên ông ấy càng ra sức bắt đạo dữ tợn để vừa lòng vua. Ông có lòng ghét đạo chẳng khác nào quan tổng đốc Nguyễn Đình Tàn đời vua Tự Đức. Ông Trịnh Quang Khanh chẳng những bắt các quan phải lòng bắt đạo, mà mỗi khi ông được báo cáo chính ông đi tâm nã người Công Giáo. Lần này vừa được tin, ông chia làm hai đạo quân: Một đạo quân đi đường bộ, một đạo quân đi đường thủy để vây làng Kê Vĩnh. Năm Minh Mệnh thứ 19, sáng ngày 3-7, khi mặt trời vừa mới mọc, quan quân vây 4 mặt làng Kê Vĩnh. Ông tuần phủ đi thuyền đến bến Kê Vĩnh, lên ngôi đình làng, đòi lý trưởng là ông Lý Mỹ (con rể ông trùm Đích) và đàn anh trong làng ra truyền rao mỗ gọi mọi người, từ 18 tuổi trở lên, phải đến tại đình điểm danh. Ông còn bắt lý trưởng làm tờ cam kết để bắt được đạo trưởng và đồ đạo quốc cấm trong làng, thì phải chịu tội.

LM. VŨ THÀNH

Đang khi tuần phủ ngồi tại đình truyền lệnh, thì hai thằng làm thuê nhà ông trùm Địch dẫn cai đội và mấy người lính đến vây nhà ông trùm Địch. Thoạt tiên được tin tuần phủ đến vây làng, và truyền mọi người đến điểm danh, Cha Năm thất lung xắn quần xắn áo toan đi làm cơm cho quan như những người dân khác. Nhưng cha chưa kịp đi lính đã ập tới nhà ông trùm Địch. Thấy cha trắng trẻo, sang tướng và râu ria đẹp đẽ, lính liền chặn hỏi: “Ông có phải là cụ chăng?”

Cha Năm trả lời rằng: “Tôi là người nhà này”.

Bấy giờ hai thằng do thám liền la lên: “Ông ấy là cụ Năm đó. Chính cụ đang ở nhà này”.

Cha Năm bảo rằng: “Phải, tôi là cụ đây”.

Cha vừa nói xong thì quân lính bắt trói người và ông trùm Địch đem nộp cho quan đang ngồi tại đình. Khi đến trước mặt quan, cha cũng xưng mình là đạo trưởng. Quan bảo rằng triều đình đã nghiêm cấm đạo Gia Tô, sao chẳng về nhà làm ăn, còn giảng đạo làm chi? Sau đó quan hỏi cha có chịu bỏ đạo không, Cha Năm thưa: “Bẩm quan lớn, chúng tôi không bỏ đạo”.

Quan hỏi sơ qua rồi truyền đóng gông cha, cùng ông trùm Địch và ông Lý Mỹ là con rể ông trùm Địch đem xuống thuyền giải ra Nam Định.

Khi Cha Năm đến Nam Định thì phải giam vào ngục thất ngay. Hôm sau các quan điệu người ra tra khảo bắt bỏ đạo. Cha Năm khảng khái trả lời quan: “Bẩm lay quan lớn, tôi là đạo trưởng mà tôi dám bỏ đạo hay đập ảnh tượng Chúa tôi làm sao được? Tôi vốn khuyên dạy người ta phải giữ đạo vững vàng và thà chết chẳng thà bỏ đạo, thì tôi phải giữ lời tôi khuyên dạy kẻ khác. Nếu chính kẻ làm đạo trưởng chẳng chịu chết vì đạo, thì còn ai chịu chết vì đạo nữa?”

- “Nếu ông cứ nói giọng này thì ông phải chết chẳng có lẽ nào sống được. Ta thấy ông là người lương thiện hẳn hoi nên ta muốn cho ông được sống. Ta khuyên ông nên vâng lời Đức Hoàng Đế mà bỏ đạo”.

- “Bẩm lay quan lớn, tôi đã bằng này tuổi đầu thì tôi đâu còn sợ chết, vì dù quan lớn có tha chẳng giết tôi, chẳng bao lâu tôi cũng chết vì bệnh. Nhưng nếu quan lớn giết tôi vì đạo tôi lại được nhiều ơn ích hơn

DÒNG MÁU ANH HÙNG

là tôi chết vì bệnh. Vì nếu tôi chết vì đạo, tôi sẽ được chết vì Chúa tôi, đáng đã chịu chết cho tôi và tôi chóng được phần phúc Người đã hứa ban cho những kẻ giữ lòng trung cùng Người cho đến sau hết’.

Các quan thấy Cha Năm ăn nói cả quyết cứng cát và chỉ ao ước được chết vì đạo, thì biết rằng chẳng có thể nào dụ dỗ người bỏ đạo được, và dù có tra tấn người mặc lòng thì cũng vô ích mà thôi, cho nên chẳng những các quan chẳng tra khảo mà cũng chẳng đánh đập người. Hơn nữa các quan thấy cha đã có tuổi, ăn nói lễ phép nên cũng thương không bắt người mang gông cùm ban ngày mà chỉ bắt mang ban đêm thôi. Các quan cũng làm nơ để cho cha đi lại trong tù dễ dàng. Ở đây lại được dịp cho cha truyền giáo. Đối với những người ngoại giáo thì cha yên ủi giảng dạy cho họ. Đối với những người có đạo thì cha nâng đỡ và khuyên bảo họ mạnh dạn xưng đức tin. Trường hợp ông trùm Đích, tuổi đã cao, và rất sợ hãi không biết có chịu nổi các thử thách và đòn đánh đến giây phút cuối cùng không, Cha Năm luôn khuyên bảo ông can đảm chịu đựng vì Chúa: *“Khi được ơn Chúa giúp sức thì chẳng có hình khổ dữ tợn và đau đớn nào mà người ta chẳng chịu nổi. Như trường hợp Thánh Laurenso bị nướng trên giường sắt, ba trẻ đi trong lò lửa”.*

Nhờ cha mà ông trùm Đích can đảm chịu chết vì Chúa cùng một lượt với cha và con rể của ông.

Giam cha được mấy ngày, quan lại đòi cha ra hầu tòa lần nữa, lần này các quan lại khuyên cha bỏ đạo, người từ chối không chịu bỏ đạo. Các quan lại hỏi ai đã truyền chúc linh mục cho cha? Và các đạo trưởng Tây ở đâu? Cha Năm trả lời quan rằng người được Đức Cha Giacôbê Leager truyền chức, Đức Cha Giacôbê đã qua đời ở làng Kẻ Vĩnh bảy tám năm trước đây. Còn về các đạo trưởng tây đang ở đâu, thì người không biết, vì từ khi triều đình cấm đạo, thì ai nấy tìm đảng mà trốn tránh, mỗi người một nơi không ai có thể biết được.

Có người cho rằng, có một bà vợ quan án cùng quê với Cha Năm, nói với các quan lớn, xin các quan lớn thương cha đừng làm khổ cha, cho nên cha không phải chịu khổ. Ban ngày cha được tự do đi lại, và ban đêm người chỉ phải đeo gông nhẹ. Trong những ngày tù có nhiều người nghèo khó cùng ở trong tù với Cha Năm. Cha lấy những của ăn mà bốn đạo làm phước cho người để chia xẻ với những người trong tù.

LM. VŨ THÀNH

Sau nhiều ngày trong tù, các quan thấy Cha Năm không thay dạ đổi lòng, và biết không thể nào khuyên cha bỏ đạo, thì làm án xin xử tử cha. Án của cha như sau: *“Tên Mai Ngũ là đạo trưởng đã theo tây dương đạo trưởng Giacôbê (Đức Cha Leager) từ thuở nhỏ đến lớn, đã tin đạo Gia Tô cùng in đạo ấy vào lòng đến nỗi không còn hiểu được sự phải trái. Lại bởi tên ấy cứ một mực chấp mê cứng cổ bất kháng quá khóa, bất tuân quốc pháp, thì chúng tôi đã luận cho nó phải trăm quyết cùng bêu đầu ba ngày để cho ai nấy phải sợ và đừng bắt chước nó nữa”*.

Cha Năm biết các quan làm số về triều rồi thì chắc chẳng bao lâu nữa mình sẽ phải xử, cho nên dọn mình chết rất kỹ càng. Cha xưng tội rất nhiều lần. Trong hơn một tháng, Cha Năm, ông Trùm Antôn Đích và ông Lý Mỹ bị giam chung, cả ba đọc kinh tối sớm với nhau lớn tiếng mà chẳng ai nói chẳng ai cấm. Cũng vào thời ấy có hai ba cha thuộc địa phận Đông cũng bị giam, các cha xưng tội với nhau.

Các quan làm án được 15 ngày thì vua Minh Mạng chuẩn y. Chiếu chỉ vua đến Nam Định ngày 11-8. Ngày hôm sau, Cha Năm, ông trùm Đích và ông Lý Mỹ bị xử trăm. Các đấng bị đưa đến một nơi gọi là Bày Mẩu, pháp trường nơi xử tù nhân xưa nay. Trên đường đi các đấng ca hát vui vẻ lắm. Dân chúng kéo đi xem rất đông. Hai ông quan giám sát cưỡi hai voi và hơn hai trăm quân lính kéo ra lối cửa Bắc đi trước, Cha Năm, ông trùm Đích, ông Lý Mỹ mang gông mang xiềng đi sau. Lại có ba tên lính mang thẻ đã để tên ba đấng đi trước các đấng. Rồi đến Cha Năm đi trước, ông trùm Đích và ông Lý Mỹ theo sau. Thịnh thoảng Cha Năm bảo người ta: *“Này đạo trưởng đây, đến mà xem”*.

Gặp những người quen, người chào từ giã vui vẻ: *“Anh em nghỉ lại, tôi về quê trước, nhưng sau này chúng ta sẽ gặp nhau”*.

Kẻ có đạo thì khóc lóc, còn người ngoại thì cười xem có điếm gì không. Bồng chốc có đám mây trắng vuông vắn, có riềm xanh bốn bên chung quanh, như hình một cái chiếu. Khởi một chốc, mây ấy tan đi một góc, kẻ ngoại thấy vậy thì tin rằng đó là chiếu ba đấng ngồi trên trời, bốn góc thì tan đi một còn ba, vì chỉ có ba vị. Một lúc nữa thì lại có mây trắng khác hình như cầu vồng, ở bên Đông kéo sang bên Tây. Kẻ ngoại lại kháo nhau đó là cầu cho các đấng ấy qua mà về trời.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Khi đến pháp trường, Cha Năm quỳ xuống cái chiếu mà ông Lý Thi con ông trùm Đích đã trải sẵn. Ba đấng cầu nguyện một lúc. Sau đó quan giám sát dịch loa, truyền mọi người yên lặng. Quan truyền lịch: *“Các người hãy đến để xử những tên theo ông Giêsu. Nếu ai còn dám theo tôn giáo này, thì hãy biết rằng lệnh vua sẽ xử trăm như những tên can phạm này”*.

Sau đó một tên lính cầm thẻ để tên Cha Năm mà rao cho mọi người nghe: *“Tên Mai Ngũ này là đạo trưởng, quê Đông Biên, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã theo đạo Gia Tô từ thuở còn bé. Lại bất khảng bỏ đạo thì đức Hoàng Đế truyền cho nó phải trăm quyết và bêu đầu ba ngày cho người ta xem thấy mà sợ cùng đừng bắt chước nó”*.

Rao lệnh xong, quan truyền lên hiệu xử tử. Vừa đánh chiêng xong thì tên lý hình chém một nhát, đầu Cha Năm liền đứt và nó cầm đầu người tung lên cho các quan xem. Xử ba đấng xong, quan quân kéo về tỉnh. Vừa đến cửa thành, có một con chim ngậm tờ giấy trắng đậu trên nóc một căn nhà liền bay lên cao. Kẻ ngoại đạo trông thấy thì kháo nhau rằng: *“Ba đấng ấy chết oan, chim này đem đơn lên trời để kiện các quan đã làm án xử ba ông ấy”*.

Sau khi lính đã về tỉnh, ông Lý Thi được phép quan đưa xác Cha Năm, ông trùm Đích và ông Lý Mỹ về Kẻ Vĩnh. Những người làng Kẻ Vĩnh ra tỉnh khiêng xác ba đấng ấy về lối cầu Gia Vụ bản, đến Kẻ Thừa thì trời tối. Khi về gần làng Kẻ Vĩnh, dân làng đốt đóm đuốc, đánh trống rầm rã cả lên để ra đón vui vẻ mừng rỡ hết sức. Xác Cha Năm được táng tại đầu nhà thờ, còn đầu người phải bêu ngoài tỉnh ba ngày, rồi sau cũng đưa về Kẻ Vĩnh, để vào cái vại an táng ở đầu quan tài của người.

Sau thời bách đạo, nhà chung dựng nhà mồ ở đấy cùng treo câu đối như sau:

*Hoành hành nghĩa khí quân gian cụ,
Lẫm lẫm trung thành vạn cổ sư.*

Sau Đức Cha Liêu truyền bọc xác người đưa về Pháp, song vì cấm đạo ngặt không đưa về được, thì ông Trứ là người họ Kẻ Tướng, giữ chờ đến khi tha đạo, rồi đức cha truyền ông trả xác lại cho nhà chung Kẻ Sở.

Cha Năm chịu tử vì đạo ngày 12-8-1838. Lúc đó người được 57 tuổi và làm linh mục được 25 năm.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của ÔNG MICAE LÝ MỸ (NGUYỄN HUY DIỆU)

(bị bắt 3-7-1838, xử trảm 12-8-1838)

Ông Micae Lý Mỹ sinh năm 1804 tại trại Đại Đăng, giáp tỉnh Vạn Sang nay là tỉnh Ninh Bình. Ông Mỹ là trưởng nam, tên thật ông là Nguyễn Huy Diệu, khi ông lên 10 tuổi thì cha mất, rồi hai năm sau mẹ ông cũng qua đời. Ông và các em ở với người dì. Tuy nhà khó khăn thiếu thốn, nhưng bà dì vẫn liệu cho các cháu ăn học chữ nho. Ông Mỹ học sáng dạ và chăm chỉ học hành. Gia đình ông Lý Mỹ đến lập nghiệp tại làng Kê Vĩnh. Ở đấy ông kết hôn với cô Miện con gái ông trùm Đích. Hai ông bà sinh được tám người con. Ông Lý Mỹ cũng có học qua nghề thuốc và có làm nghề thuốc ít nhiều. Từ bé, ông Mỹ đã có nét nghiêm nghị, khác hẳn với những trẻ đồng tuổi. Ông chẳng những siêng năng đi lễ đi nhà thờ, sớm tối đọc kinh, mà đôi khi người ta còn thấy ông đọc kinh lẫn hạt riêng một mình ngoài góc vườn.

Sau khi lập gia đình, ông càng ngoan đạo hơn nữa. Bà Lý Mỹ nói rằng: *“Ông ấy rất siêng năng đọc kinh tối sớm, dù lúc trong nhà làm công việc cũng chẳng bỏ đọc kinh hay đọc kinh vẫn tắt bao giờ. Tối nào vợ con hay đẩy tổ bận bịu, hoặc phải làm việc cần nào khác ở nhà, ông bắt đọc kinh chung với nhau trước và đọc sách cho chúng tôi nghe nữa. Ông ấy xưng tội chịu lễ một năm bốn năm lần. Khi toan đi xưng tội, ông xét mình trước hai ngày cùng biên tội mình vào giấy kéo quên”*.

Vợ chồng con cái đầy tớ chẳng những đi lễ các ngày lễ cả, mà cả các ngày thường nữa. Trong mùa chay ông ăn chay một tuần hai ngày, thứ Tư và thứ Sáu. Vợ chồng hòa thuận thương yêu nhau. Ông ăn ở hiền lành với vợ con chẳng bao giờ nặng lời với vợ con. Vợ chồng ông chẳng cãi mắng nhau bao giờ. Trong suốt 18 năm trời vợ chồng ăn ở với nhau chỉ có một lần ông Lý Mỹ đánh bà ấy ba cái vì bà ấy lười không chịu đọc kinh. Bà Lý Mỹ nói rằng vợ chồng chỉ mất lòng nhau có một lần ấy mà thôi. Bà Lý Mỹ lại nói rằng: *“Tôi chẳng thấy*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

ông ấy uống rượu, đánh bạc hay là chửi bao giờ, chỉ chuyên một việc làm ăn, săn sóc cửa nhà và giữ đạo”.

Mọi người trong làng đều coi ông như gương lành để bắt chước. Có lần trai tráng trong làng Kê Vĩnh đến hầu cụ Phê, thì cụ bảo chúng nó rằng: “*Chúng con hãy soi gương bắt chước ông đồ Diêu (ông Lý Mỹ), vì ông ấy thật là người có nét na hản hoi và giữ đạo sốt sắng”.*

Lần kia khi thấy đồ có đạo đã dạy ông Mỹ ngày trước qua đời, các học trò ngoại đạo muốn an táng thầy theo kiểu ngoại đạo, nhưng ông Lý Mỹ không bằng lòng. Dù học trò ngoại đạo là đàn anh trưởng tráng, và số học trò ngoại đông hơn mặc lòng, ông Mỹ nhất quyết phản đối và rước các thầy kẻ giảng về đưa xác ông đồ như phép đạo quen làm.

Ông Mỹ thương kẻ khó, và bố thí cho họ. Có năm mất mùa, thiên hạ đói khổ, ông truyền nấu cháo cho kẻ khó ăn, vì ông sợ cho gạo, họ sẽ ăn xong và đau bụng mà chết.

Tuy còn trẻ, nhưng tư cách và uy tín của ông đáng kính phục. Ông là người sắc sảo giỏi giang, ông ăn ở chính trực và ăn nói lý sự. Có lần trong làng khuyết một chân cai tổng, lý trưởng trong làng đến nhà ông xin ông ra làm việc chung, nhưng ông không chịu. Về sau ông lại được bầu làm lý trưởng, ông cũng không nhận. Đức Cha Dụ phải khuyên bảo ông nhận làm lý trưởng để bênh đỡ nhà chung và giữ dân trong thời buổi cấm đạo ông mới vâng lời ra làm lý trưởng.

Trong thời gian làm lý trưởng, ông điều hành rất giỏi. Đức Cha Liêu sau này làm chứng rằng nhà chung và dân làng nhờ ông rất nhiều. Ông chẳng ăn bớt của dân chút nào mà có khi còn bỏ của nhà ra làm việc chung. Người ta kiện cáo nhau hay con cái kiện tụng chia của đều đến với ông Lý Mỹ, vì ông xử sự rất công bằng. Khi đã lo liệu việc gì cho ai mà họ đem lễ vật đến tặng dù ít dù nhiều ông cũng không nhận. Người ta có biếu ông một hai trăm cau ông mới nhận, mà chẳng tạ gì cũng chẳng sao.

Khi phải sửa phạt dân, ông đánh đòn sửa phạt thẳng thắn chẳng thiên vị một ai. Cho nên dù ở trong làng hay ở ngoài đồng chẳng ai lấy trộm của ai. Cả hàng tổng đều khen ngợi làng Kê Vĩnh nghiêm hơn các làng khác. Ban đêm ông Lý Mỹ đi dò bắt những kẻ đánh bạc. Có lần ông bắt bạc, và trong số bị bắt có người đẩy tó riêng của ông

LM. VŨ THÀNH

ở trong số đó. Anh này kể lại: “*Một lần ông ấy bắt được tôi cùng ba anh nữa đang đánh bạc, ông ấy đánh mọi người 40 roi, còn phần tôi là đây tớ riêng ông ấy nên ông ấy đánh 60 roi*”.

Những người đàn bà hay la lối chửi rủa, ông cũng đánh. Trong làng Kẻ Vĩnh có người đàn bà hoang thai đã hai lần, đến lần thứ ba có người bàn với ông Lý Mỹ đuổi bà ta ra khỏi làng, nhưng ông Lý Mỹ không nghe lại nói rằng: “*Phải để nó ở đây, hoặc sau này nó ăn năn sửa mình lại chẳng. Nếu đuổi nó đi, nó sẽ đi với kẻ ngoại đạo mà mất linh hồn*”.

Sau đó ông lấy cái nia, khoét thủng ở giữa, bắt bà ta đút đầu vào, rồi lấy cái nổi đất bôi vôi úp lên đầu và trao cho đầy tớ cầm roi điệu đi quanh làng, đồng thời bắt bà đó rao to lên để bà xấu hổ mà chừa.

Thấy cách xử sự của ông với người ngoại tỉnh ai cũng khen ông có tính thương người, chỉ mong cho người ta sửa mình. Khác hẳn với cách phạt của các làng bên ngoài là gọt đầu bôi vôi và thả bè trôi sông cho chết. Khi cần phải sửa phạt ai, ông không phạt vì nóng giận hay gắt gỏng. Ông ấy vừa truyền đánh người ta vừa nói truyện vui vẻ như thường, coi như đó là phép tắc phải vậy.

Có nhiều người có đạo khi chưa làm quan thì đạo đức, sau khi ra làm quan lại bỏ bê việc đạo, hoặc lấy lẽ bàn việc chung rồi bỏ bê việc đi nhà thờ, xưng tội rước lễ. Trái lại, ông Lý Mỹ dù đang làm lý trưởng ông vẫn đọc kinh đi lễ như khi trước. Ông chẳng những coi sóc việc đời mà còn làm gương việc đạo nữa. Ở làng Kẻ Vĩnh, theo tục lệ ai làm lý trưởng thì cũng đứng đầu phiên tuần. Tối nào, ông Lý Mỹ cũng bắt những người phiên tuần họp nhau đọc kinh tối rồi mới cho đi canh gác. Trong tuần làm phúc, ông đích thân đi khám xét xem các trẻ em có đi học đầy đủ không. Kẻ khô khan không đi xưng tội vì lấy lẽ nghèo đói không có giờ mà dọn mình, ông ấy gọi đến nhà cho ăn uống, rồi bắt đi xưng tội. Có người nói rằng khi ông làm lý trưởng ông luôn khuyên bảo dân làng phải đi xưng tội. Với các bậc đàn anh trong làng ông cũng khuyên bảo giục giã họ đi xưng tội, còn những kẻ đàn em thì ông lấy quyền để dọa ép vào tòa giải tội. Có lần trong mùa chay, ông mời hàng xã đến nhà ông ăn uống và bàn việc làng. Đang bữa tiệc, ông cũng khuyên bảo giục giã mọi người đi xưng tội trong mùa chay. Ông dọa nếu những người trong làng mà không đi

DÒNG MÁU ANH HÙNG

xung tội thì ông sẽ nộp số với bề trên, còn kẻ đến trú ẩn trong làng mà không đi xung tội thì ông sẽ đuổi ra khỏi làng.

Đối với những người tu trì, ông Lý Mỹ rất khiêm nhường tôn kính. Ông còn khuyên những người khác phải tôn kính các người đã dâng mình cho Chúa. Dưới thời cấm đạo, nhà chung Kẻ Vĩnh phải tản mác, các tu sĩ và giáo sĩ ẩn núp trong làng Kẻ Vĩnh dưới sự che chở của ông. Có lần quan đến vây làng khi đức cha và các cha đang ẩn ở trong làng chưa kịp chạy. Ông Lý Mỹ gân góc không sợ gì, ông ra kinh dẫn các quan khám mỗi nhà, làm bộ như ông rất nhiệt thành tuân theo chỉ thị của vua đi lùng bắt các giáo sĩ, nhưng kết cuộc chẳng bắt được một đấng nào. Ông còn luôn luôn khuyên bảo mọi người phải ăn ở và tin vững vàng trong thời cấm cách này. Có một lần ông vào trong nhà các bà dòng, và bảo các nữ tu rằng: *“Bây giờ vua cấm đạo thì cũng như là khóa thi Đức Chúa Trời ra, cho nên ta phải ý tứ và ăn ở cho vững vàng”*.

Khi ông Trịnh Quang Khanh bắt lính Công Giáo trong tỉnh Nam Định phải bỏ đạo, lúc đó ông Lý Mỹ đang phụ trách việc đê điều ở nơi xa. Ông liền gửi thư cho bốn người lính của làng Vĩnh Trị đang ở tỉnh khuyên họ: *“Xin anh em chịu khó, đừng quá khóa, chẳng mấy ngày nữa tôi sẽ về nhà, và tôi sẽ ra với anh em”*.

Ông Lý Mỹ vẫn ao ước được phúc tử đạo từ lâu. Có lần ông hỏi bà Lý Mỹ rằng: *“Nè ta được phúc tử vì đạo, thì mẹ nó có bằng lòng chẳng?”*

Bà Mỹ đáp lại rằng: *“Thầy nó được phúc trọng ấy, thì tôi bằng lòng lắm chứ”*.

Ông Lý Mỹ nghe như thế thì bằng lòng lắm. Thực là một cử chỉ anh hùng và hy sinh vì Chúa của bà Mỹ. Ông nói lời trên với vợ ngày hôm trước thì hôm sau quan đến vây làng và ông bị bắt.

Khi hai tên do thám Tỉ và Xuân nằm vùng tại nhà ông trùm Đích về báo cáo với quan có đạo trưởng ở tại nhà ông Đích, Trịnh Quang Khanh liền chia quân làm hai cánh, một đi đường bộ và một đi đường thủy. Trịnh Quang Khanh đi đường thủy để đến dò Kẻ Vĩnh. Sáng ngày 11-5 Âm Lịch (3-7-1838), Trịnh Quang Khanh đến đình làng Kẻ Vĩnh. Ông đòi lý trưởng và các đàn anh trong làng tới. Được tin quan quân đến làng, ông Lý Mỹ đã linh cảm có gì xảy ra, nên

LM. VŨ THÀNH

cho người báo với ông trùm Đích: “*Cha con ta đồng sinh đồng tử với nhau, việc Đức Chúa Trời định đã đến rồi*”.

Ông Trịnh Quang Khanh còn cho đòi các tráng đinh từ 18 tuổi trở lên phải điểm danh tại đình làng. Ông còn bảo kỳ mục trong làng rằng: “*Bao nhiêu đạo trưởng trong làng thì phải nộp hết, bằng không thì mất đầu*”.

Ông Lý Mỹ thưa lại quan: “*Bẩm lay quan lớn, quan lớn đến dân chúng tôi, quan lớn khám bắt được đạo trưởng hay là đồ đạo, thì tôi xin nộp đầu*”.

Lý trưởng thưa quan lớn xong, quan truyền ông phải làm giấy và ký tên vào. Ông Lý Mỹ vâng lời ký giấy nếu bắt được đạo trưởng và đồ thờ phượng thì ông xin nộp đầu mình và đầu vợ con cho quan.

Đang khi ông Lý Mỹ cùng quan làm giấy tờ, thì thằng Tỉ và thằng Xuân, trước đây đã giả vờ đến xin làm công cho ông trùm Đích, dẫn quân lính đến vây nhà ông trùm. Lúc đó Cha Năm đang ở nhà ông trùm. Cha Năm giả vờ như người dân làng, cũng ăn vận quần áo để ra đình làng hầu quan. Khi người đang tính ra đi thì lính áp tới nhà. Thấy cha trắng trẻo, râu ria đẹp đẽ và sang trọng chúng liền chặn hỏi người là ai. Cha trả lời: “*Tôi là người nhà này*”.

Lính đang định để cho cha đi, thì hai tên do thám đến nơi kịp lúc, chúng hô lên người chính là cụ Năm đang ở nhà này. Cha Năm cũng thừa nhận: “*Phải tôi là cụ đạo đấy*”.

Cha vừa nói xong, quân lính túm vào bắt cha và ông trùm Đích. Sau đó chúng dẫn Cha Năm và ông trùm Đích đến trước mặt quan. Bấy giờ quan gọi ông Lý Mỹ tới trước mặt và nói: “*Tờ giấy này mày tính làm sao?*”

Ông Lý Mỹ thưa vưng tiếng rằng: “*Bẩm quan lớn, tôi xin chịu tội*”.

Quan lại hỏi ông: “*Làm sao mày dám khinh mạn phép vua như vậy?*”

Ông Mỹ đáp lại: “*Bẩm lay quan lớn, nếu quan lớn thương thì chúng tôi nhờ hồng phúc của quan lớn, bằng quan lớn bắt tội thì chúng tôi cam chịu*”.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Bấy giờ quan tức giận truyền nọc ông Lý Mỹ ra đánh 40 roi đòn. Ông đau lắm song can đảm không kêu than một tiếng nào. Quan đánh xong mới truyền đóng gông giải cả ba người lên tỉnh. Đến trưa về tới đồn Lục Bộ, quan lại hỏi ông có bỏ đạo không thì cho về, nhưng ông nhất định không chịu bỏ đạo. Ở Lục Bộ, một người huynh thú trong làng Kẻ Vĩnh đến bàn với ông về việc hối lộ để chuộc ông ra, nhưng ông Lý Mỹ không chịu lại nói rằng: *“Xin cám ơn dân có lòng, dân có lòng thì trả ơn dân, nhưng đừng chạy chuộc tội, xin để tiền ấy mà giúp vợ con tôi và làm bữa mừng khi đem xác tôi về”*.

Khi đến tỉnh Nam Định, ông Lý Mỹ cũng bị giam một trại với Cha Năm, và ông trùm Đích. Về phần Cha Năm các quan biết người là đạo trưởng, nên sau mấy lần khuyên nhủ mà vẫn thấy người vững lòng nhất định không bỏ đạo, nên cũng chẳng giục ép người nữa. Còn ông trùm Đích đã già nua nên quan cũng không muốn làm khó ông nữa. Chỉ có ông Lý Mỹ bị hành hạ khổ sở hơn hết vì các quan thấy ông còn trẻ trung lại có tài mới ra mật lệnh đánh đập để cho ông sợ mà đành chịu bỏ đạo. Vì thế ông bị hành hạ rất khổ sở trước khi ông bị xử trảm. Ông chẳng những chịu đòn phần mình mà còn vì thương cha vợ là ông trùm Đích, ông xin chịu đòn thế cho ông trùm. Tính ra ông phải bị đánh đến hơn 500 roi đòn, hai móng rách nát cả thịt ra chẳng còn nơi đâu lành. Cổ chân cổ tay sưng đầy lên vì nọc thẳng quá, và còn bị đeo gông cùm nặng nề. Tuy bị đòn đau như thế mà ông vẫn can đảm không kêu ca. Đến nỗi có quan phải thốt lên: *“Thằng này chết đoạn sẽ làm thành hoàng đất của nó. Thằng này chẳng phải là người vừa đâu”*.

Ngoài ra các quan còn làm hết cách để dụ dỗ ông. Có khi dụ dỗ cùng lúc với Cha Năm và ông trùm Đích, có khi thì dụ dỗ riêng một mình ông. Có lần quan bảo ông: *“Mày là thằng giỏi giang lại trẻ tuổi, lý sự và coi sóc dân làng giỏi, ai cũng được nhờ, sao mày đại mà chẳng chịu quá khóa đi?”*

Ông Mỹ thưa lại: *“Sao tôi lại đại? Khi chưa có tôi thì đã có dân, thế thì ai coi sóc dân lúc bấy giờ? Nhưng mà linh hồn tôi thì tôi phải coi giữ, cho nên tôi chẳng bỏ linh hồn tôi mà nghe lời quan đâu”*.

Quan lại bảo: *“Sao mày chẳng thương vợ con? Con cái còn bé mọn yếu đuối, sao mày nỡ quên tình cha mà không thương con thế vậy? Dù*

LM. VŨ THÀNH

Chúng tao chỉ nghĩ tới hay trông thấy chúng nó thì cũng xót còn mày mê man làm sao mà chẳng quá khóa đi?”

Ông Lý Mỹ thưa lại quan: *“Tôi tính sao hả? Tôi có mê đâu! Vợ con là của Đức Chúa Trời phó cho tôi, tôi coi sóc dạy dỗ khi có thể làm được. Mà bây giờ Đức Chúa Trời định cho tôi ở trong tay quan lớn, thì tôi cũng phải vâng ý Người, cũng như vợ con tôi phải vâng ý tôi. Sao ông lại bảo lằng nhằng xằng xiên rằng tôi phải bỏ đạo, bỏ Đức Chúa Trời là phải lẽ sao?”*

Có một lần quan truyền cho lính kéo ông qua ảnh thánh giá. Quân lính lôi ông qua và reo lên: *“Anh này quá khóa rồi”*.

Lúc đó ông Lý Mỹ kêu lên: *“Bấm lay quan lớn, ông lớn kéo voi qua thập tự thì cũng được, nhưng mà chúng tôi nhất định không chịu bước qua Chúa chúng tôi thờ đâu!”*

Thấy ông trả lời khôn ngoan, các quan lại càng bực tức làm như chẳng lẽ mình lại thua một thằng tù. Các quan càng ra lệnh hành hạ ông hơn nữa. Có lần đến trước quan án, mà quan cứ giục ông phải bỏ đạo, nên ông nói chọc quan lớn: *“Giả như giặc giã đến đây mà truyền cho chúng tôi đập đầu quan lớn để chúng tôi được sống, thì chúng tôi dám làm, nhưng Chúa chúng tôi thờ thì chúng tôi chẳng dám làm đâu”*.

Quan nghe vậy tức giận quá, liền cầm cái quạt ném vào mặt ông trúng vào con mắt ông, ông đau đớn quá ngã xuống sân.

Lần khác quan hỏi ông Lý Mỹ: *“Thiên Đường là gì?”*

Ông Lý Mỹ chẳng cắt nghĩa Thiên Đường là làm sao, chỉ thưa với quan rằng: *“Lát gươm quan lớn ban cho tôi là đường đi lên Thiên Đường đấy”*.

Có lần khác quan thương tình khuyên bảo ông: *“Mày còn trai tráng, và giỏi giang. Mày đã làm lý trưởng, nếu biết điều mày cũng có thể trở nên giàu sang, và được phong lưu sống lâu. Mày hãy quá khóa đi, thì được về nhà ở với vợ con. Nhiều kẻ khác đã quá khóa rồi, sao mày chẳng bắt chước chúng nó quá khóa, khi về nhà thì mày muốn giữ đạo thể nào cũng được”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Ông Lý Mỹ thưa lại quan: “*Bẩm lạy quan, tôi đã xem sách đạo và hiểu lẽ đạo, tôi đã biết đạo Đức Chúa Trời là đạo thật cho nên tôi không thể bỏ được. Giả như có ai bảo quan lớn đập đầu Đức Hoàng Đế đã ban quyền cao chức trọng cho quan, ắt là quan lớn chẳng dám làm. Vậy tôi dám đập ảnh Đức Chúa Trời là Chúa tôi thờ làm sao được? Tôi chẳng tiếc sự sống hèn sống tạm ở đời này, vì thế nào tôi cũng phải chết. Nếu chẳng chết trước thì cũng chết sau. Còn về của cải chức quyền thì xin quan lớn biết rằng chẳng có chức quyền và của cải nào sánh bằng phúc trọng tôi sẽ được chết vì đạo. Tôi vốn thương vợ con tôi lắm, nhưng tôi sẵn lòng lia bỏ họ vì tôi biết rằng Đức Chúa Trời sẽ coi sóc chúng nó, và ngày sau sẽ cho tôi được gặp họ trên Thiên Đường. Quan lớn dạy rằng có nhiều người bỏ đạo. Vậy những thằng lính vì sợ giặc bỏ chạy cũng bỏ thấy mình thì có ra gì? Tại sao quan lớn lại dạy tôi bắt chước chúng nó?*”

Bà Lý Mỹ có lần bế con mới sinh được mấy tháng ra tỉnh thăm chồng cũng yên ủi khuyên bảo chồng chịu khó cho trọn, đừng lo cho vợ con làm chi. Vì nhờ ơn Chúa giúp sức thì mình cũng có thể ra sức dạy dỗ chúng nó được. Con gái lớn ông tên là Mỹ, mới 12 tuổi, đi trộm mẹ ra tỉnh mất gần nửa ngày trời để thăm cha trong ngục. Nó phải qua 2,3 lần cửa lính canh rất ngặt. Đến gặp ông, nó thưa ông rằng: “*Xin cha hãy chịu khó chịu chết vì đạo*”.

Đứa con trai ông lên 9 tên là Tường, nhỏ quá không lên thăm bố được, nên nhắn những người lên tỉnh thăm cha thưa rằng: “*Xin cha đừng có quá khóa, cứ vững lòng xưng đạo ra và chịu chết vì đạo, đừng lo đến chúng con làm chi*”.

Thật là một hồng phúc cho ông. Mọi người thân yêu đều có lòng tin mạnh mẽ, khuyến khích ông can đảm chết vì Chúa. Thấy vợ con có lòng sốt sắng và đạo nghĩa như vậy, ông rất an ủi. Ông nhắn bảo con cái ở nhà giữ đạo cho vững vàng và trông cậy Đức Chúa Trời thương xem phù hộ cho. Những người ra thăm ông tại nhà tù, ông cũng khuyên bảo họ giữ đạo hần hoi. Ông chẳng hỏi thăm tin tức trong làng thế nào, cũng chẳng nói chuyện trò nào khác. Thấy cha vợ là ông trùm Đích đã già yếu, lại có tính sợ đòn, phàn nàn không biết có bền vững chịu các hình khổ không, thì ông Lý Mỹ khuyên cha vợ: “*Cha đã già rồi, lại yếu đuối, chẳng trông sống được bao lâu nữa, nếu cha chẳng chết vì đạo khi này, thì chẳng bao lâu nữa cha cũng chết bệnh. Nhưng nếu cha chết vì đạo, thì sẽ làm sáng danh đạo và sẽ được phúc*”

LM. VŨ THÀNH

thanh nhàn vui vẻ trên Thiên Đường đời đời. Nếu cha xuất giáo mà về nhà phải chết bệnh thì sẽ mang tiếng là kẻ bỏ đạo cùng liễu mình mất linh hồn. Giả như có ai mến tiếc sự sống đời này, thì phải là con, vì con còn trẻ tuổi, khỏe mạnh. Nhưng con chẳng tiếc sự sống, lại vui lòng bỏ sự sống cho danh Đức Chúa Trời được cả sáng. Con cái cha đã lớn rồi. Cha có sống ở với chúng nó thì cũng chẳng giúp chúng nó được việc gì. Nếu cha chết vì đạo thì sẽ làm gương sáng cho chúng nó và làm cho chúng nó được trọng trước mặt người ta. Vợ con còn trẻ tuổi, bốn đứa con của con còn bé dại chưa làm được gì mà ăn, nhưng con tin thật Đức Chúa Trời đã sinh chúng nó ra, thì người cũng sẽ nuôi chúng nó nữa. Và lại khi con đã được lên Thiên Đường thì con sẽ cầu nguyện cho chúng nó. Khi cha nghĩ đến những đòn vọt cha phải chịu chỉ lo sợ chẳng biết có chịu được chăng, song cha đừng lo, đừng sợ làm chi. Vì con sẽ chịu đỡ cho cha. Vậy xin cha hãy cứ vững lòng xưng đạo ra cùng làm chứng cho thiên hạ biết ta là kẻ tin cùng giữ đạo thật lòng và ta sẵn lòng chịu chết vì Đức Chúa Giêsu đã chịu chết cho chúng ta”.

Ông Lý Mỹ nói thế nào thì giữ như vậy. Hễ lần nào quan toan đánh ông Đích thì ông lại xin quan: “*Lạy quan lớn, cha tôi già nua tuổi tác cùng yếu đuối, xin quan lớn tha cho cha tôi, tôi xin chịu đòn thay cho cha tôi*”.

Quan thấy ông có lòng hiếu thảo, thì ưng tha cho ông trùm Đích và đánh ông Lý Mỹ. Có lần ông Mỹ chịu đòn thay cho ông trùm Đích về, thì nói với ông trùm Đích rằng: “*Lạ thay bởi ơn Đức Chúa Trời thương, khi quan đánh, thì con không thấy đau là mấy*”.

Ông nói vậy, nhưng mọi người đều biết rõ ông bị đòn rất đau. Khi về đến ngục, quần áo ông đã rách nát hết và máu me chảy đầm đìa cả. Thấy con chịu đòn thay mình đau đớn như vậy, ông trùm Đích rất thương con. Cha Năm, ông trùm và ông Lý Mỹ nhất quyết đổ máu mình ra vì Chúa. Ba ngày trước khi xử, ông Lý Mỹ nói rằng: “*Các đau đớn đã khỏi cả chỉ trừ có một chỗ đau chưa khỏi mà thôi*”.

Có người đến thăm ông đem ý nghĩ liệu cách để cho ông được tha, ông liền mắng lại: “*Ai khiến các anh đến thăm tôi mà nói những điều cần dỡ như vậy? Tôi có về thì các anh sẽ khóc, nhưng khi đem xác tôi về làng, thì các anh sẽ mừng*”.

Các quan thấy khuyên nhủ ông bỏ đạo cũng vô ích, nên làm án tâu vua rằng: “*Chúng tôi đã xét việc tên Mỹ là lý trưởng xã Vĩnh Trị, tên*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

ấy xưng mình sinh bởi cha mẹ có đạo ở xã Vĩnh Trị. Năm nay 34 tuổi, và làm lý trưởng từ năm Đức Hoàng Đế thập lục niên. Tên ấy xưng mình có đạo, cam lòng chịu tội, chẳng dám phàn nàn. Chẳng những nó không bắt nộp đạo trưởng Mai Ngũ, lại còn giấu ông ta ở xã mình. Dù chúng tôi đã khuyên bảo cùng bắt ép quá khóa nhiều lần, nó cũng không chịu, nó cứ một mực chấp mê bất kháng quá khóa, đó là bất tuân quốc pháp. Cho nên chúng tôi luận cho nó phải xử trảm quyết để làm gương cho kẻ khác sợ”. Vua chuẩn y án này.

Ngày 11-8-1838 án đến tỉnh Nam Định, và ngày hôm sau ông Lý Mỹ, Cha Năm, và ông trùm Đích cùng bị xử trảm ở pháp trường Bảy Mẫu. Các đảng đã chuẩn bị và dọn mình kỹ lưỡng nên được tin ấy các đảng vui mừng hết sức. Khi đi chịu chết ông Lý Mỹ vui mừng, nhanh chân nhẹ bước đi trước, vừa đi vừa chào hỏi mọi người. Miệng ông hát kinh tạ ơn Đức Chúa Trời, tay ông gõ nhịp cùng rung xiềng xích tỏ ra rất vui vẻ. Kẻ ngoại đạo thấy ông mặt mũi vui tươi hơn hờ thì khen ông là người anh hùng can trường. Trên đường đi ông gặp ông cả Thâu là anh em họ, con chú bác. Ông Thâu nói với ông Mỹ: “Anh Lý hãy vững vàng nhé”.

Ông Mỹ thưa lại: “Anh hãy yên trí tôi chẳng có sợ đâu”.

Đến nơi xử, ba đảng quỳ trên chiếc chiếu mà ông Lý Thi con ông trùm Đích trải sẵn. Các đảng cầu nguyện. Sau khi đọc bản án từng người, quan truyền lệnh xử tử tù nhân. Ông Lý Mỹ xin quan xử Cha Năm và ông trùm Đích trước. Quan ưng thuận lời xin của ông. Sau khi xử hai đảng, tên lý hình đòi ông Lý Mỹ năm quan tiền thì sẽ xử một nhát mát mẻ. Nhưng ông bảo rằng: “Năm quan tiền để làm phúc cho kẻ khó, chẳng có tiền cho chú mình đâu, muốn bằm vằm thế nào thì mặc”.

Lý hình bực tức, chém một nhát trượt không đúng, chỉ đứt một miếng thịt nơi cằm, ông Lý Mỹ ngã xuống. Mãi đến nhát thứ năm mới đứt đầu.

Ông bị xử ngày 12-8-1838. Sau khi xử tử, quan cho phép ông Lý Thi được khiêng xác ba đảng về làng Kẻ Vĩnh. Đến đêm xác mới về tới làng. Dân làng và các làng bên đốt đuốc và đánh trống ra đón rước xác các đảng về rất vui vẻ mừng rỡ như ngày hội. Sau này bót cấm đạo đức cha và nhà chung cùng bốn đạo hay ra viếng mộ ba đảng. Mỗi khi có lễ trọng và lễ quan thầy đức cha, giáo dân lại đến viếng

LM. VŨ THÀNH

xác ba đấng. Dân chúng đến lần hạt và ngắm Đàng Thánh Giá. Trong ba đấng thì dân chúng quý ông Thánh Mỹ hơn cả. Đúng như lời các quan đã tiên đoán về ông: “*Tên này sau khi chết sẽ làm thành hoàng đất nở*”.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của ÔNG TRÙM ANTÔN ĐÍCH

(bị bắt 3-7-1838, xử trảm 12-8-1838)

Ông trùm Đích, chính tên là Nguyễn Khiêm, sinh năm 1769 tại làng Chi Long xứ Nam Xang, tỉnh Hà Nội. Cha mẹ là người ngoan đạo, thấy họ Chi Long xa nhà thờ thì bỏ họ ấy mà đem con cái cửa nhà đến ở làng Kẻ Vĩnh, nơi có nhà chung, có các linh mục ở gần để tiện bề đi nhà thờ. Ông bà đến làng Kẻ Vĩnh và xin nhập làng Kẻ Vĩnh. Ông Đích từ đó sinh sống tại làng này, ông lập gia đình với người làng Kẻ Vĩnh và sinh hạ được mười người con. Ông Đích là người hiền lành thật thà từ nhỏ, chẳng hề cãi mắng buồn giận ai bao giờ, ông không chửi mắng con cái hay nói năng đến vợ bao giờ. Ông cũng chẳng chơi bời, cờ bạc rượu chè mà chỉ chuyên chú làm ăn và giữ đạo. Trong gia đình, sáng tối cả gia đình đều đọc kinh chung với nhau không bao giờ bỏ. Có người đã đến trọ nhà ông, sau này kể lại là chẳng bao giờ trốn được đọc kinh với ông ấy. Về vấn đề đi dự lễ, ông bắt chẳng những con cháu và người nhà phải đi lễ Chúa Nhật mà cả lễ ngày thường, chỉ để lại một hai người ở nhà coi nhà mà thôi. Chính ông làm gương cho vợ con, ông đi lễ hằng ngày và cầu nguyện sốt sắng. Ông ăn chay suốt mùa chay. Hằng ngày ông lần hạt rất nhiều lần.

Ông dạy bảo và giáo dục con cái cẩn thận chẳng nuông chiều con cái. Dù con cái đã lớn khôn hay đã có vợ con, ông vẫn tiếp tục coi sóc răn bảo. Có đứa con nào cứng cổ cứng đầu thì ông đánh đòn răn bảo, chẳng nuông chiều một đứa nào. Các con cái ông nhờ được ông giáo dục mà sau này nên người không một ai hư hỏng. Các con đều có lòng đạo đức như ông. Một gia đình mà có bốn người được phúc tử vì đạo. Con trai ông là ông Lý Thi sau này cũng tử vì đạo dưới thời Tự Đức năm thứ 11, tại Nam Định. Một người con khác tên là ông Phó Nhâm chẳng chịu bỏ đạo bị đày lên Cao Bằng và chết rũ tù ở trên đó. Con rể ông là ông Lý Mỹ cũng chịu tử vì đạo với ông. Trước

DÒNG MÁU ANH HÙNG

mặt kẻ ngoại thực là một thảm cảnh cho gia đình ông. Nhưng trước mặt kẻ có đạo, thực là một phúc Chúa ban cho ông và gia đình.

Khi con cái đã khôn lớn, ông lo liệu gia đình. Ông không đặt vấn đề giàu sang phú quý mà là lòng đạo. Người nào muốn cưới hỏi con cái ông phải đạo đức. Dù giàu có mà khô khan nguội lạnh ông cũng không gả con cho. Trái lại dù nghèo mà đạo đức thì ông cũng bằng lòng ngay. Chẳng những ông lo dạy con cái đạo nghĩa, mà còn lo cho con cái học hành. Trong nhà ông, ông nuôi thầy đồ để dạy chữ nghĩa cho con cái. Nhà ông cũng không phải nghèo hèn trong làng. Ông rất căn cơ mực thước chăm chỉ làm ăn, nên nhà không bao giờ thiếu thốn. Trong gia đình có con ăn đầy tớ, và ông đối xử rất công bằng. Ông chẳng mang tiếng xấu gì trong làng và cũng chẳng ai trách móc ông được điều gì. Dù ông mới gia nhập làng Kẻ Vĩnh, nhưng uy tín của ông rất lớn. Ông được xếp vào hàng huynh thủ trong làng. Con rể ông làm Lý Trưởng, sau này con trai ông là ông Lý Thi cũng làm Lý Trưởng.

Ông trùm Đích có lòng kính mến các đấng các bậc tu trì. Ông hay gửi quà biếu xén nhà chung và làm phúc quần áo cho các chú các thầy. Ông chẳng tiếc công tiếc của với các vị tu trì. Có một năm trong nhà chung bị dịch tả, người chết rất nhiều, số còn lại ốm đau. Bấy giờ ngoài làng có một số người tình nguyện rước các thầy về nhà mình để phục thuốc và đôi khi chờ đến khi khỏe hẳn mới cho trở về nhà chung, ông trùm Đích rước tám thầy về nhà mình để phục thuốc. Về sau, đức cha muốn bù tiền phí tổn cơm nước thuốc men cho ông, nhưng ông không chịu nhận. Lúc bị cấm đạo các thầy phải tản mát các nơi, thì ông chứa chấp các thầy tràng nhất (các chú đang học lớp 12) tại nhà ông chừng hai năm. Quả thật can đảm! Vì có sắc chỉ vua ban ra cấm không được chứa chấp các đấng bậc mà ông bị bắt. Trước kia ông đã chứa Đức Cha Dụ, rồi 3, 4 năm sau lại chứa Cha Năm. Thấy lòng tốt của ông, nên các đấng bậc rất tin tưởng thường đi lại nhà ông. Riêng Cha Năm đối xử với ông như anh em ruột vậy. Có lẽ Thiên Chúa đã tiền định để cho đôi bạn quý này được cùng chịu khó vì Chúa với nhau. Ông có lòng thương kẻ khổn khó, nhất là những người bị bệnh phong cùi. Ông thương họ cách đặc biệt. Ông thường đến an ủi giúp đỡ họ và khuyên bảo họ vâng theo thánh ý Chúa. Người ở trại phong thường cậy ông mua và lo liệu mọi sự cho họ. Ông trùm Đích chẳng bao giờ làm trùm họ, nhưng vì lòng đạo,

LM. VŨ THÀNH

tư cách của ông cũng như vì tuổi tác mà giáo dân đã kính trọng ông và gọi ông là ông trùm.

Ít lâu trước khi ông Đích bị bắt, có hai người tên là Tỉ ở làng Đông Mạc, và Xuân ở làng Tiểu Túc Mạc thuộc về huyện Mĩ Lộc, được các quan sai đến dò thám để bắt các đạo trưởng và các đồ đạo trong làng. Chúng đến nhà ông trùm và xin làm thuê. Ông trùm và tất cả các người trong nhà và ngay cả người trong làng cũng không ngờ chúng là kẻ gian. Ông trùm Đích không ngờ nên thuê chúng. Ở được ít lâu, chúng có đủ bằng chứng về Cha Năm lúc đó đang trú tại nhà ông Đích. Chúng liền trở về tỉnh và báo cho cấp trên để vây làng bắt ông trùm và Cha Năm.

Bấy giờ Trịnh Quang Khanh đang làm tuần phủ Nam Định. Ông bị vua Minh Mệnh quở trách vì không bắt đạo hiệu quả, nên ông ra lệnh gặt gao buộc các thuộc hạ phải bắt đạo gặt gao hơn, có khi chính ông đích thân đi bắt đạo. Lúc này được tin quân dò thám về báo, ông chia quân lính làm hai ngả: đường bộ và đường thủy để bao vây làng Kẻ Vĩnh. Năm Minh Mệnh thứ 19, sáng ngày 3-7-1838 khi mặt trời vừa mới mọc, quân lính vây bốn mặt làng Kẻ Vĩnh. Ông tuần phủ đi thuyền đến bến Kẻ Vĩnh. Ông ngồi trên đình làng và truyền gọi lý trưởng là ông Lý Mỹ ra hầu. Sau đó ông ra lệnh cho các trai tráng trong làng từ 18 tuổi trở lên phải ra đình làng điểm mục. Ông cũng bắt ông Lý Mỹ phải làm tờ cam kết nếu bắt được các đồ đạo và đạo trưởng trong làng thì lý trưởng phải chịu trách nhiệm. Đang khi tuần phủ ngồi tại đình làng, thì hai tên Tỉ và Xuân dẫn lính tráng tới bao vây nhà ông trùm Đích. Chúng bắt được Cha Năm tại nhà ông trùm Đích, nên cũng bắt cả ông trùm để nộp cho quan. Ra tới đình làng, quan hỏi ông Đích có chịu bỏ đạo không? Ông không chịu. Quan truyền đóng gông ông Đích và giải ra tỉnh cùng với Cha Năm và con rể ông là ông Lý Mỹ. Đến tỉnh ông trùm cũng được giam cùng một chỗ với hai đồng đảng kia.

Đang khi ông bị giam ở tỉnh, quan gọi ông ra hầu tòa 4,5 lần và bắt ông bỏ đạo. Bắt ép không được, các quan lại khuyên dụ ông: *“Ông đã già rồi, con cái cũng đã khôn lớn, có nhà cửa cả, ông hãy quá khóa mà về ở với con cái, thì chẳng vui hơn sao?”*

Trước ông trùm Đích nghĩ đến những hình khổ mình sẽ phải chịu vì đạo thì sợ hãi lắm, dường như muốn sờn lòng. Tuy nhiên Cha Năm,

DÒNG MÁU ANH HÙNG

ông Lý Mỹ, ông Lý Thi và các con cái yên ủi ông, khuyên bảo ông xưng đạo vững vàng và chịu khổ ít lâu sẽ được Chúa thưởng công vì tử đạo là phúc đời đời, và để gương lại cho con cháu và bốn đạo mọi nơi. Con cháu xin ông đừng quá khóa, kéo mang tiếng và sinh gương mù gương xấu cho những người khác và lại liễu mình mất phúc Thiên Đường. Ông được những lời khuyên bảo và an ủi, thì mạnh dạn thưa với quan rằng: *“Bẩm lạy quan lớn, về con cái thì mặc con cái, tôi đã lo liệu cho chúng nó rồi. Còn về Đức Chúa Trời, đã có lẽ tự nhiên buộc tôi phải thờ lạy Người, có lẽ nào tôi lại dám bỏ Người. Quan lớn có tha thì tha, bằng chẳng tha thì chớ đừng ép tôi nữa”*.

Có một lần quan truyền khiêng ông qua ảnh chịu nạn: hai tên lính khiêng hai đầu gông, còn hai thằng lính khác thì kéo chân ông đập vào ảnh, nhưng ông Địch co chân lên, nên chân không chạm ảnh. Quan truyền đánh ông hai ba lần, nhưng khi quan toan đánh ông thì ông Lý Mỹ thấy cha già nên xin chịu đòn thế cho ông. Quan chấp nhận lời xin của ông Lý Mỹ nên không đánh ông, mà chỉ đánh ông Lý Mỹ. Hơn nữa thấy ông già lão quan cũng không muốn đánh, và cũng chỉ bắt đeo gông nhẹ mà thôi.

Ông trùm Địch không phải đòn vọt, nhưng ông thấy con rể chịu đòn thế mình thì thương con lắm. Có lần thấy con rể bị quan đánh dữ quá, và khi ông Lý Mỹ về tới nhà giam nát cả thịt, máu me chảy ra chan hòa, thì ông trùm nói rằng: *“Các quan đánh dữ quá thế này thì con chết mất, chẳng có lẽ nào sống đến ngày xử được”*.

Trong hơn một tháng phải giam, ông trùm Địch siêng năng đọc kinh cầu nguyện. Ông xin Chúa ban ơn giúp sức để chịu khó cho nên. Đừng kể việc đọc kinh chiều sớm với các bạn tù, mà ông còn đọc kinh riêng nữa. Ở trong tù, Cha Năm cùng ông và các bạn tù cứ đọc kinh to như ở ngoài vậy. Các lính canh ngục cũng làm ngơ không nói gì. Ông cũng xưng tội hai ba lần và chịu lễ ít là một lần. Những đồ ăn con cháu gửi ông đem phân phát cho những tù nhân cũng bị giam với mình.

Trong án ông trùm, các quan viết tâu vua như sau: *“Tên Nguyễn Khiêm xưng ra rằng: ‘Tôi 69 tuổi, quê ở làng Vĩnh Trị, có cửa nhà, vợ con và đầy tớ ở đấy, vốn theo đạo Gia Tô và quen biết đạo trưởng Mai Ngũ từ khi còn làm học trò theo tây dương đạo trưởng Giacôbê (Đức Cha Leager). Khi mới có chỉ ra cấm ngặt đạo Gia Tô, đạo trưởng Mai*

LM. VŨ THÀNH

Ngũ đi ẩn đâu thì không biết. Song đến tháng ba (âm lịch) năm nay đạo trưởng ấy đến xin trú nhà tôi Tôi nghĩ tình quen thuộc nghĩa thiết xưa nay thì cho trú, đến ngày 11-5 (âm lịch) các quan đến vây làng Kẻ Vĩnh, thì bắt được đạo trưởng Mai Ngũ ở nhà tôi. Tên Khiêm xin cam chịu tội, chẳng dám phản nản. Chúng tôi đã đòi nó ra công đường cùng ra sức dỗ dành khuyên bảo và bắt khóa quá nhiều lần, nhưng mà tên ấy nói rằng: ‘Tôi theo đạo đã lâu, thà chết chẳng thà bỏ đạo. Vì vậy chúng tôi xét rằng tên Khiêm tin theo đạo Gia Tô dù triều đình đã nghiêm cấm đạo ấy, và nó cũng chẳng chịu bỏ. Chẳng những nó không bắt đạo trưởng Mai Ngũ đem nộp cho quan, mà lại còn chứa cùng giấu trong nhà mình. Dù chúng tôi đã khuyên bảo quá khóa nhiều lần nó cũng không chịu xuất giáo. Vậy tên ấy cố tình bất tuân quốc pháp đã rõ, cho nên chúng tôi luận cho nó phải xử trảm quyết để kẻ khác biết mà sợ’.

Án ông được gửi về triều đình, và ngày 11-8-1838 vua Minh Mệnh châu phê y án. Ngày hôm sau, ông và Cha Năm cùng con rể là ông Lý Mỹ bị xử trảm. Trên đường đi đến pháp trường, ông, Cha Năm và ông Lý Mỹ rất vui vẻ.

Khi đến pháp trường, Cha Năm quỳ xuống cái chiếu mà ông Lý Thi con ông trùm Đích đã trải sẵn. Ba đấng cầu nguyện một lúc, sau đó quan giám sát dịch loa, tuyên án. Quan truyền xử Cha Năm trước rồi ông trùm Đích sau. Sau hết đến ông Lý Mỹ. Lý hình chém một nhát thì đứt đầu ông.

Sau khi xử tử ông trùm, ông Lý Thi được phép bỏ xác cha vào trong quan tài và khiêng về làng Kẻ Vĩnh. Dân làng ra đón rước xác ba đấng như đi rước, họ đốt đuốc và đóm để nghênh đón xác các đấng. Xác ông trùm được đem về nhà, và để ở nhà 5, 6 ngày, sau đó xin cha làm lễ quy lăng và làm phép xác. Cả làng và các làng chung quanh đều đến rước xác ra chung quanh làng trọng thể lắm rồi mới đưa về táng trong vườn trước cửa nhà ông. Về sau con cái xây mộ ở đấy. Năm Tự Đức thứ 11, khi phá làng Kẻ Vĩnh, quan thấy mộ ông trùm Đích thì ngỡ rằng bên trong người ta giấu vàng hoặc của cải trong đó, liền truyền quật mộ của người lên. Song khi cắt ván thiên ra, quan chẳng thấy gì trừ hài cốt của người, thì lại bỏ đấy. Về sau, khi bốc mộ thì thấy nước trong quan tài trong vắt như nước mưa.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cuộc Xung Đao & Tử Đạo của LINH MỤC GIUSE ĐẶNG ĐÌNH VIÊN

(bị bắt 1-8-1838, xử trảm 21-8-1838)

Ngày 17-4-1838, quan quân đang lùng bắt những đạo trưởng Công Giáo thì tại An Liêm, lương dân bắt được một người lạ mặt, một thầy giảng với sáu bức thơ và bình đựng dầu thánh. Thầy giảng này do Cha Viên sai đi để gửi các thư và lấy dầu thánh. Tại làng An Liêm, một làng nửa Công Giáo nửa bên lương, đã từ lâu có sự hiềm khích vì người Công Giáo đã được phép miễn không phải góp tiền vào các dịp cúng lễ trong năm. Nhân dịp này bên lương yêu cầu bên giáo hủy bỏ điều này, từ nay góp tiền vào việc cúng thần thì sẽ bỏ qua nội vụ. Song lệnh của đức cha và của Tòa Thánh là không thể thông công vào các việc dị đoan. Thế là dân làng An Liêm đem nộp cho quan tổng đốc Trịnh Quang Khanh. Ông này mừng rỡ liền sai 800 lính đến Cao Xá theo lời khai của thầy giảng để lùng bắt Cha Viên. Từ đây mở màn cho những cuộc lùng bắt ghê gớm tại các tỉnh Nam Định, Hưng Yên.

Cha Giuse Viên, tác giả sáu bức thư, sinh năm 1787 tại làng Tiên Chu, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Cha mẹ là những tín hữu sốt sắng đã gửi cậu Viên vào nhà Đức Chúa Trời ở họ Vân, xứ An Thị Sau đó cậu được gửi theo học Latinh và Thần Học tại Lục Thủy, và năm 1824 người được thụ phong linh mục. Lúc đó Cha Viên mới 36 tuổi.

Hai năm sau, Cha Viên được đổi về miền Bắc Ninh, và trong suốt 16 năm trời cha hoạt động rất đặc lực cho Chúa và các linh hồn tại các họ Đông Bài, Thiết Nham, Như Thiết, An Mỹ.

Vì những lá thơ đó, Cha Viên bị các quan quân truy nã rất gắt gao. Họ được lệnh đi tìm bắt Cha Viên bằng mọi giá. Quan đầu tỉnh Hưng Yên là Hà Thúc Lương gửi người về tỉnh và huyện để tra khảo tên tuổi lý lịch Cha Viên nhưng không ai biết Cha Viên ở đâu. Sau cùng họ bá cáo về kinh, vua phần nộ và trách quở quan tuần. Vua còn ra chỉ thị cho quan phải bắt Cha Viên trong một thời kỳ đã ấn định sẵn. Trong thời gian khá lâu, quan cũng không tìm ra tông tích nên quan lại phải xin vua gia hạn. Biết rằng tìm kim đáy biển, quan liền bày ra một diệu kế và mạo nhận viết một lá thơ cho Cha Viên

LM. VŨ THÀNH

lấy tên là người nhà của Cha Viên. Trong lá thư tỏ ra rất lo lắng cho số mạng của Cha Viên và chỉ muốn giúp đỡ Cha Viên mà thôi. Qua điều kể và lời hứa thưởng bội hậu, quan đã tìm thấy hai tên phản bội. Hai tên này là Đặng Đình Lại và Đặng Đình Nhật, anh ruột và cháu ruột của Cha Đặng Đình Viên.

Theo sự kiện trên, chúng ta thấy lời Chúa hoàn toàn ứng nghiệm: *“Các con sẽ bị nộp trước tòa bởi chính cha mẹ, anh em bạn hữu mình”*. (Lk 21, 16). Hai tên phản bội này mất cả thán trời để dò la tin tức về Cha Viên, sau cùng họ tìm ra nhà bà Hai Nhi, nhà mà họ nghi là Cha Viên đang ẩn núp, ở họ Cầu Cháy, xã Như Thiết. Họ đưa cho người đàn bà ra mở cửa một lá thư đề tên Cha Viên. Chị này cầm đến cho cha, khi cha mở ra thì biết rằng mình bị mắc mưu. Cha cố gắng dán thư lại nhưng không thể nào giống như cũ được cha đành phải vội vàng trả lại. Khi hai tên này nhận được thư thì biết ngay là chỗ ở của Cha Viên, mặc dầu người trong nhà tìm đủ cách để đánh lạc hướng. Hai tên phản bội cũng ngầm đi báo lính canh gần đấy. Sau này chính hai tên này xưng hô rằng chúng muốn đích thân để bắt Cha Viên nhưng sợ không đủ thời giờ đành phải nhờ lính. Chúng muốn tri hô lên vậy để kiếm thêm tiền thưởng. Vừa nói xong quan tuần đến ngay. Chỉ kịp giờ cho Cha Viên chạy ra vườn mía sau nhà. Từ vườn mía cha không thể lẫn trốn ngay mà không bị lộ tông tích, tuy nhiên nếu lạnh chân cha vẫn có thể trốn thoát nếu không vì lòng thương xót kẻ khác thúc đẩy để cha ra nộp mình.

Hiểu biết như vậy, quan tuần lôi một đứa trẻ thuộc gia đình đó ra tra tấn. Mặc dầu bị tra tấn rất dã man, em bé vẫn can đảm chịu đựng và sau cùng không chịu được nữa em phải kêu lên: *“Lạy Mẹ Thiên Chúa, xin đến cứu con, con không biết chỗ ẩn núp của linh mục đó”*.

Em đau đớn rên rỉ làm Cha Viên phải xuất đầu lộ diện và nói: *“Tôi đây là linh mục Viên, hãy bắt tôi và tha cho em đó”*.

Hôm ấy là 1-8, Cha Viên bị bắt. Thấy vậy quan quân cũng phải đem lòng khâm phục vì gương anh dũng và lòng thương người của Cha Viên. Trước khi quân lính lẫn xả vào trói Cha Viên, chúng nói với nhau: *“Nếu người này có cái răng gãy, chính là đạo trưởng Viên”*.

Khi khám phá ra dấu đó, lính lẫn xả vào trói và đập đánh Cha Viên. Khi đánh xong chúng đeo gông và xiềng xích vào cho người rồi lôi

DÒNG MÁU ANH HÙNG

ra đình làng, sau đó từ đình làng tới Hưng An và nhốt cha trong tù chung với những kẻ trộm cướp, sát nhân.

Mặc dầu bị đau đớn hành khổ cùng đeo xiềng xích Cha Viên vẫn một lòng trung tín cùng Chúa và đạo thánh. Họ tra khảo lý lịch và bắt cha dịch ngay lá thơ viết bằng ngoại ngữ ra tiếng Việt, cha vâng lời ngay tức khắc.

Đức Cha Marti đã viết trong cuốn hồi ký của người rằng khi Cha Viên dịch ra tiếng Việt thấy lá thơ không có mưu đồ hại gì càng làm cho quan rất phẫn nộ vì chính ông định ninh rằng thơ này có ẩn ý gì hoặc hãm hại ông hay vua.

Một điều chắc là họ muốn tìm bắt cho được Cha Hermosilla, vị truyền giáo còn lại mà những lá thơ này đã ám chỉ đến người.

Lẽ dĩ nhiên Cha Viên là tác giả những lá thơ đó, nên bị hành khổ tra tấn rất dã man và với ơn Chúa giúp, cha vẫn khăng khăng một mực từ chối không tiết lộ điều gì có nguy hại cho các linh mục cả.

Qua những sự kiện này họ vẫn không thể lay chuyển được Cha Viên nên ngày 3-8 các quan làm án như sau: *“Hết lòng trung thành với vua, chúng tôi đã bắt được tên Đặng Đình Viên, người bản quốc và là công dân triều đình vì tội hấn là đạo trưởng Kitô, hấn thuộc loại ngu ngốc, đã dám theo người Tây Phương và chẳng những đã theo đạo tà này lại còn dạy kẻ khác theo nữa và dùng mưu mô để lường gạt dân chúng. Khi có lệnh vua cấm, hấn vẫn ngang nhiên phản lại. Hấn còn dám thông đồng và viết thơ cho người Tây phương bằng ngôn ngữ của họ. Hiển nhiên, hấn đã làm quấy và khờ dại không biết phải trái. Về phần chúng tôi, chúng tôi vẫn một lòng dạ với vua và do đó hấn phải xử trảm như Đỗ Yên. Vậy xin vua phê cho Đặng Văn Viên cũng như vậy”*.

Ngày 12-8, vua phê như sau: *“Đạo trưởng tên Lương cũng gọi là Đặng Đình Viên, thần dân của nước trẫm và là đạo trưởng của đạo Kitô đã theo tà đạo. Đã vậy hấn vẫn không sợ hoặc ăn năn hay xuất đạo, ngược lại hấn đã viết thơ bằng tiếng ngoại ngữ cho bốn người Tây Phương, nếu vậy hấn là thứ đạo trưởng của tà đạo. Ta đồng ý và tuyên án, hấn phải trảm quyết”*.

LM. VŨ THÀNH

Từ khi bị kết án rồi, theo lời một nhân chứng, quan quân còn dùng đủ cách để tra khảo và bắt ép Cha Viên phải chà đạp thánh giá và xuất đạo, nhưng đây đó Chúa vẫn khăng khăng một mực trung tín. Có lúc chúng dùng lời nịnh bợ và cố để lọt vào tai cha. Chúng nói với nhau: *“Nếu ông này chọn sống với chúng ta, ông ấy có thể làm lớn như chúng ta vì ông có bộ mặt rất sắc sảo thông minh hơn người”*.

Cha Viên nghe vậy, người chỉ làm thinh.

Lệnh vua về tới Nam Định ngày 21-8, quan quân lập tức thi hành ngay. Một trong hai tên phản bội đấm ngực và xin được tha thứ. Cha Viên sẵn sàng ngay nhưng cha cho hắn ta biết tội rất nặng và đòi anh ta phải đi xưng tội và làm việc đền tội. Hành động xin tạ tội này không thật lòng vì sau này anh ta vẫn tiếp tục làm hại các linh mục.

Cha Viên bị đeo gông, và xiềng xích rất nặng như một tên tội nhân cùng khổ nhất. Trước khi hành xử chúng còn cố gắng dụ dỗ cha xuất giáo một lần nữa nhưng cha cương quyết cự tuyệt sau đó chúng mới đọc bản án.

Quan quân tụ họp ngay tại đình làng. Dẫn đầu bằng một tên lính mang bản án. Sau hắn ta là đoàn lý hình với gươm giáo rồi đến quan quân chễm chệ trên lưng voi dẫn ra pháp trường. Theo sau có rất đông dân chúng cả lương lẫn giáo. Vừa đi Cha Viên vừa chăm chỉ cầu nguyện, có lúc cha khóc lóc và ăn năn vì tội mình. Một người ngoại đạo, ngạc nhiên nói với người Công Giáo vì anh ta cho rằng Cha Viên có lẽ sợ nên đã khóc. Người Công Giáo bảo anh ta rằng: *“Ông lầm rồi, cha chúng tôi không khóc vì sợ chết, mà khóc vì vui mừng đó thôi”*.

Khoảng trưa thì cả đoàn người đã tới pháp trường gọi là Ba Tòa. Họ tháo gông và xiềng xích cho cha. Một vài giáo dân đã đem theo sau mảnh chiếu và trải cho cha ngồi.

Họ cũng mang đồ ăn cho cha. Nhưng cha chỉ nếm thôi để làm hài lòng họ. Sau mấy phút trầm ngâm cầu nguyện, cha đưa hai cánh tay cho họ trói giật lại. Cha Viên, như con chiên trên bàn hiến tế, ngoan ngoãn giương cổ cho lý hình đang chờ sẵn. Lúc đó hai tên phản bội lần xả xuống và xin Cha Viên tha tội. Cha nói, cha sẵn sàng tha cho họ với điều kiện họ phải đi xưng tội và làm việc đền tội. Trong hồi ký, Đức Cha Marti kể rằng: *“Có một người ngoại đạo tên Hòa đến gần*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cha Viên và nói thầm với cha rằng: ‘Hôm nay cha về trời, nếu cha cần phải nhấn bảo hay làm gì, con sẵn sàng làm theo ý cha’.

Thình lạng trong phút cầu nguyện, cha hướng mặt về trời lần sau chót và lý hình vung gươm chém một nhát. Đầu cha lăn ngay xuống đất và linh hồn hạnh phúc ấy được hợp hoan cùng Chúa muôn đời. Cha thọ 52 tuổi.

Theo tập quán của thời này, dân chúng lương cũng như giáo chạy ra và thối máu cha cũng như họ đã tranh nhau lấy tất cả những gì thuộc về cha và có người bán chác ngay tại chỗ, thậm chí có người dám cắt tai cha để bán lại cho giáo dân.

Sau đó, bốn đạo tại làng Vân xin giữ đầu Cha Viên, nhưng giáo dân làng Tiên Chu ngăn cản họ. Trong khi đó quan tuần đã cho phép dân chúng làng Tiên Chu giữ cả xác và đầu Cha Viên và họ đã chôn cất tại nhà thờ mà vua đã cho phá. Làng Tiên Chu có khoảng ba ngàn giáo dân.

Sau vụ này, vua ban thưởng ba trăm quan. Số tiền này họ chia nhau và cho cả hai tên phản bội nữa. Sau đó quan tuần được thăng chức. Đó là tất cả các lợi lộc, chức tước của đời này, còn chúng ta những người Công Giáo thì sao? Chúng ta phải đợi phán xét xử công minh của Chúa. Đó mới là chính phần thưởng vĩnh cửu đời sau.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC PHÊRÔ NGUYỄN VĂN TỰ, O.P.

(bị bắt 29-6-1838, xử trảm 5-9-1838)

Cha Tự sinh khoảng năm 1796 tại làng Ninh Cường tỉnh Nam Định. Gia đình cha gửi đi tu hồi còn nhỏ. Thiên Chúa đã ban cho cha những nhân đức lạ lùng. Người rất siêng năng, cần mẫn trong việc làm cũng như việc học vì thế các Bề Trên rất thương và tín nhiệm. Năm 30 tuổi, người chịu chức linh mục. Ngày 14-1-1827 người khấn trọn tại Dòng Đa Minh do Cha Amandi chủ lễ.

Trong suốt mười năm trời, cha phục vụ dân chúng hết lòng. Trong hồ sơ phong thánh cho cha, họ đã làm chứng rằng cha có một đức bác ái rất cao độ đối với mọi người. Cả cuộc đời cha là một chuỗi

LM. VŨ THÀNH

ngày cầu nguyện không ngừng. Lúc nào cha cũng âm thầm với Chúa dù đi làm hay phải trốn chạy. Lúc nào giáo dân cũng tìm thấy cha trong một trạng thái rất thân mật với Chúa và thiết tha với đời linh mục.

Đầu năm 1838, Bề Trên sai cha cai quản xứ Kê Một (Đức Trai). Ông trùm trưởng Quang luôn luôn đón tiếp cha. Tại nhà ông Quang có một khu vườn chuối và trầu rất rậm rạp. Chung quanh khu vườn đó lại có những lũy tre cao như một bình phong che kín cả khu vườn vuông vắn. Khoảng giữa vườn lại có một hàng rào khác vây quanh bằng cây sậy và lá trầu giăng kín để dùng làm chỗ trú ẩn thật chu đáo cho Cha Tự.

Dân làng Kê Một gồm toàn là người Công Giáo nên lính vua nghĩ rằng chắc hẳn nơi đó phải có một vị linh mục trú ẩn. Vì thế ngày 29-6-1838 họ đến bao vây cả làng. Cha Tự muốn tìm nơi khác để trú ẩn nhưng ông Quang khuyên cha nên ở lại vì theo ông không còn nơi nào kín đáo hơn là vườn của ông. Tuy nhiên, để tránh khỏi bị nhòm ngó, ông Quang đưa Cha Tự đến một gia đình đạo đức khác tên là Thảo, bà này khi gặp cha đã nói: *“Xin mời cha vào ở, con thà chết chảng thà bỏ cha”*.

Thầy giảng Ủy đã đích thân lo tu bổ và xây cất nơi trú ẩn này. Ông làm một lầu và một hầm, Cha Tự ở hầm và ông ở trên. Ông nghĩ nếu lính vua bắt được thì họ sẽ bắt ông trước vì ông hy vọng không ai sẽ ngờ rằng cha đang ở dưới hầm.

Lính vào làng tìm kiếm giáo sĩ trong các nhà họ đạo, họ không tìm thấy cha nhưng họ tìm thấy tràng hạt, ảnh tượng và áo lễ. Các trưởng lão trong làng phải hùn nhau trả tiền để làng khỏi bị phá hủy. Một số giáo dân vì yếu đức tin và sợ hãi nên đã bỏ đạo.

Tất cả các trưởng gia đình phải đi ra đình làng để lấy khẩu cung. Năm thanh niên vì nhất định không bỏ đạo nên đã bị đánh mỗi người 15 roi. Ông y sĩ Ninh vì không chịu nổi đòn vọt nên đã xưng ra chỗ cha ở, đầu tiên ông xin hạn một tháng nhưng vì bị đe đánh thêm đòn nên ông xin chịu gia hạn một ngày.

Ông y sĩ Ninh bị dồn thúc đã đi đến nhà ông Quang và cả hai đồng ý đi nộp Cha Tự. Nhưng vì họ hiểu rằng hành động này rất bỉ ổi nên một mặt muốn nộp cha, một mặt muốn tìm cách nào nộp cha cho

DÒNG MÁU ANH HÙNG

khỏi bị tai tiếng. Họ đến nhà bà Thảo và nói dối rằng họ đã tìm một chỗ trú ẩn khác tốt hơn tại làng Hương, và báo cho cha biết là đúng hai giờ đêm hôm đó sẽ đến và đưa cha đi. Hai giờ điểm, ba tên đầy tớ ông Quang đến dẫn Cha Tụ đi. Dọc đường hai cha con ông Quang gặp cha và đưa cha vào nhà ông Loan gần đó. Thày giảng Ủy và một tên đầy tớ cùng đi với Cha Tụ. Ông Loan liền đẩy ba người vào một phòng kín trên gác nhà.

Sáng sớm hôm sau, ông Loan sai đầy tớ giấu ba thầy trò tại vườn mía và vào lúc trưa, tên đầy tớ đó đưa ba thầy trò ra đường và lập tức lính và ba đầy tớ ông Loan trực sẵn vây bắt cả ba thầy trò. Khi thấy họ vây quanh, Cha Tụ kêu lớn tiếng làm cho tất cả lính tráng ngã ngửa người ra cũng như trường hợp đã xảy ra cho Chúa Giêsu trong vườn cây dầu. Có người đã minh chứng rằng, trời đang sáng bỗng dưng tối sầm lại làm cho nhiều người rất sợ hãi. Thấy vậy quan quân rất tức giận không kiềm chế nổi nên lấy thanh kiếm đánh cha, lại còn cửa vào môi khiến máu chảy ra lênh láng.

Trường hợp này, cũng như trường hợp Giuđa, tiền của là căn cứ mọi tội lỗi. Ngày hôm đó Cha Tụ bị trói và đưa ra công trường, nơi đó có ông Loan là trưởng làng cởi trói cho cha. Khi lính trói cha quá mạnh chúng làm cho xương cánh tay của cha sai khớp và vì thế càng làm cho cha đau đớn hơn nữa. Ông Loan nói với cha: *“Xin cha cứ nộp sáu lạng bạc, chúng tôi sẽ cho cha về”*.

Cha Tụ trả lời: *“Tôi đã mất tiền của trước kia để khỏi bị bắt, bây giờ Chúa đã thương ban cho tôi được tuyên xưng Người, tôi sẽ không trốn chạy nữa. Tôi không có tiền để đưa cho các ông. Các ông hãy nộp tôi cho quan ngay”*.

Quan phản bội biết rằng không thể làm gì hơn lại trói cha lại và dẫn cha tới làng Sĩ An, quan tòa nói với cha: *“Cha đã bị trói tại đâu trong ba bốn ngày nay?”*

Cha trả lời: *“Giả sử như không có ông Loan thì khi nào ông sẽ bắt được tôi?”*

Quan không trả lời mà lại ra lệnh bắt tất cả những người Công Giáo phải bước qua thập giá, và sau đó truyền cho Cha Tụ cũng bước qua. Nhưng ngược lại, Cha Tụ ôm chầm lấy thánh giá và hôn kính. Người nói đồng dạc: *“Tôi là linh mục, tôi không bao giờ chà đạp thập giá,*

LM. VŨ THÀNH

vì đó là dấu Chúa chọn để cứu chuộc nhân loại. Nếu quan tha thì tôi được sống, bằng không tôi sẵn sàng chết”.

Thật đau khổ thay, trước những lời lẽ và gương sáng của chủ chiên, con chiên bỗng đạo của cha lần lượt bước qua thập giá. Khi thấy họ làm thế cha kêu khóc: “*Xin Chúa và Mẹ hãy tha cho bốn đạo con!*”

Nhưng cha được an ủi đôi chút khi thấy Thầy Giảng Úy và một vài người khác không chối đạo. Sau đó họ quyết định đưa các tù nhân về tỉnh Sanh Thái thuộc Bắc Ninh. Trên đường về Huyện Lương Tài, Cha Tụ đã nói chuyện với quan huyện và cho ông biết các lời vu khống về đạo Công Giáo.

Trong tù, cha nhận thấy một sổ sách của cha mà họ đã tịch thu trong đó có một tờ bìa ghi tên các người Công Giáo. Cha xin họ cho cha đọc sách đó trong khi bị giam. Họ cho cha đọc và khi thấy vài tờ sách có tên tuổi, địa chỉ của những người Công Giáo, cha sợ họ bị liên lụy vì thế cha muốn hủy bỏ nhưng không biết làm sao được vì có lính canh rất cẩn mật. Cha xin một chậu nước để rửa mình, mục đích là để gột rửa hàng tên nhưng cũng không được vì có một tên lính theo dõi luôn. Cha lại xin một manh chiếu để đuổi muỗi vì cha bị muỗi hành hạ không ngủ nổi. Dự định là khi có manh chiếu cha có thể dùng để che và như vậy cha có thể nhai nuốt mấy tờ giấy có địa chỉ đó nhưng vì bị khát và đói khô cổ nên cha cũng không thể nuốt nổi. Trong dịp này quan lại muốn làm tiền cha nữa, họ đòi cha 20 lạng bạc nếu có, cha sẽ được tha và muốn làm cho cha tin họ, họ đã lấy bột gông cổ ra nhưng cha trả lời: “*Chúa đã cho tôi được chịu đau khổ vì Người, tôi sẵn sàng chấp nhận, bốn đạo của tôi không có tiền*”.

Thấy không thể kiếm được tiền, chúng lại bắt cha đeo gông và ngày hôm sau cha phải giải về tỉnh Sanh Thái (Bắc Ninh).

May mắn thay, người lãnh binh chịu trách nhiệm giải Cha Tụ là ông Chánh, một người ngoại đạo rất tốt, để ý về cha và tỏ ra rất thương hại cha. Được cấp trên cho phép, ông cắt bớt gông cùm cho cha và cha chỉ phải đeo một phần nhỏ thôi. Ông cũng làm một ghế tre nhỏ để cha ngồi khi bị cáng.

Khoảng trưa tất cả đã tới làng Do và mọi người dừng chân để nghỉ ngơi. Quan tòa cho giải chiếu sẵn để cha ngồi và ông mời cha ăn chung. Nhưng Cha Tụ xin phép được ngồi riêng vì biết rằng khoảng

DÒNG MÁU ANH HÙNG

cách cấp bậc giữa cha và quan rất xa. Ông ta không đòi hỏi nữa và chỉ bắt cha dùng phần ăn của ông thôi.

Sau bữa ăn trưa, họ lại bắt đầu tiếp tục đi, họ gặp một bà bán hàng nổi, bà ta nói với cha: *“Tôi thờ trời đất và Thần Phật, tôi rất nghèo không có của gì để dâng cúng, tôi chỉ có cái chậu nhỏ này nhưng tôi muốn dâng cha với cả tâm hồn tôi, cha có nhận không? Khi cha khát cha có thể dùng nó mà chứa nước”*.

Cha Tụ chấp nhận món quà đó và cảm ơn bà.

Chúng ta chỉ có thể tóm tắt trong ba tháng mà Cha Tụ đã phải trải qua trong tù. Thường thường cha bị tra tấn, có lúc được hứa hẹn hão huyền có lúc bị đe dọa để bắt ép cha chối Chúa. Nhưng chúng ta được biết qua các chứng nhân, tất cả các mưu mẹo đều hỏng cả. Cha không bỏ qua một dịp nào mà không giảng đạo cho các bạn tù và các người thăm vấn. Khi thấy một số giáo dân chối đạo cha đã than khóc và có lúc cha đã quả trách họ làm cho một số người phải kinh khiếp.

Khoảng trưa ngày mồng 3-7, khi nhìn thấy một cây thánh giá lớn để tại cổng thành Bắc Ninh, họ bắt cha phải bước qua, cha nhất định không đi và cứ đứng tại chỗ cha nói như ra lệnh khiến quân lính phải lấy đi. Cùng lúc quan tòa hỏi cha để lấy lại những cuốn sách mà họ đã tịch thu. Quan tỉnh biết là nhóm người tù đã tới nơi, trong khi chờ đợi, họ giải chiếu cho cha ngồi và bắt lính phải hầu trà. Tên lính này tỏ vẻ khinh bỉ cha và rót nước vào cốc thường, quan tòa sửa mạng tên lính và bắt hắn rót nước cho cha vào tách trà thật đẹp và bắt một đầy tớ quạt cho cha.

Về chiều, họ nộp cha cho quan trên, họ lại đặt cây Thánh Giá trên lối đi và cha lại đồng dạc như truyền lệnh và họ phải cắt thánh giá đi.

Khi gặp quan thượng, quan cầm cuốn sách đã bị xé mấy tờ, quan hỏi cha: *“Tại sao cuốn sách này lại có ít tờ như vậy?”*

Cha điếm nhiên trả lời: *“Khi vào thành, người ta bắt tôi đưa sách cho họ, tôi không chịu trách nhiệm khi tôi không có sách”*.

May mắn thay, quan tòa đã hài lòng về câu trả lời khôn ngoan đó. Họ đưa cha vào tù, và từ đó cha phải mang xiềng xích nặng hơn. Cổ cha bị đeo một kiềng sắt và giày buộc cổ cũng bằng sắt dài tới quá đầu

LM. VŨ THÀNH

gối, lại có hai móc, và hai móc đó buộc vào hai kiềng chân. Hình khổ này làm cha rất đau đớn không chỉ vì sức nặng nhưng vì cha cao hơn nên người phải cúi khòm lưng.

Khi vào tù cha gặp lại Thầy Giảng Ủy, mà hai người đã bị tách rời từ trước. Một chút tiền đứt lót đã mang hai cha con lại với nhau. Hai thầy trò nằm gần bên nhau và thủ thi truyện trò, nhờ đó, sau này có mấy giáo dân kể lại, Cha Tụ nói: *“Nếu con muốn sống, cha sẽ nói mấy lời để con khỏi phải liên lụy và con có thể trốn thoát được”*.

Thầy giảng hỏi: *“Vậy cha sẽ nói lời gì?”* Cha trả lời: *“Cha sẽ nói rằng con là người nấu ăn cho cha, và đó là đúng”*.

Thầy giảng trả lời: *“Con xin cha đừng nói lời đó! Con chỉ có một ao ước này là chịu đau khổ và chết với cha”*. Cha nói: *“Được rồi, vậy cha sẽ nói con là thầy giáo, lời đó sẽ đưa con tới phúc tử đạo, nhưng con phải theo y lời cha nói và đừng để ý đến lời ai cả”*.

Cả hai thầy trò rất đổi vui mừng. Họ cầu nguyện lâu giờ và sau đó thầy giảng xin xưng tội. Ngày hôm sau Cha Tụ bị điệu lên tòa, họ thẩm vấn cha về nhân số các linh mục tại miền Tây và miền Bắc, khi nhận thấy họ thuộc loại người nào Cha Tụ từ chối ngay. Thấy vậy một người đã bỏ đạo tên là Tôn hỗn xược nói: *“Nếu cha không nói, thì đôn vọt sẽ làm cha nói”*. - *“Anh lấy quyền gì để nói thế, nếu anh muốn thì anh cho tôi hầu quan”*.

Anh ta tức giận trả lời: *“Cha hãy nhớ, cha chỉ là một tù nhân”*. - *“Đúng vậy tôi chỉ là một tên tù, vì tôi bị trói buộc bằng xiềng xích nhưng đâu có phải vậy mà anh được quyền đánh tôi?”*

Người đứng cạnh đó bảo anh ta: *“Anh đã theo đạo rồi chứ?”*

Anh ta trả lời: *“Đúng rồi, trước kia tôi theo đạo, nhưng thấy đạo vô ích, tôi đã bỏ”*.

Khi nghe vậy, cha rất bất mãn và bảo anh: *“Anh không có đạo nghĩa gì cả, nhưng anh chỉ xu thời và tình cảm thôi. Anh có thể tới nơi mà tôi sắp tới không? Đạo tôi là đạo thật, cả bao thế hệ trước tôi đã theo, cha mẹ tôi đã theo và bây giờ tôi đang theo”*.

Các ký lục và đội trưởng rất cảm kích về lời nói của cha, có kẻ tặng cha miếng trâu tở về khâm phục người. Tên bỏ đạo rất tức giận, hẳn

DÒNG MÁU ANH HÙNG

đi tìm quan tòa ngay và thúc giục ông này tìm cách hành hình người càng sớm càng tốt. Quan tòa cũng cho gọi cha lên nhưng tên bỏ đạo Tôn càng bất mãn hơn vì thấy ông này đối với cha rất tử tế. Ông ta cho mời cha vào sân, bắt lính trải chiếu hoa cho cha ngồi. Quan tòa thấy cha đi lom khom nên hỏi cha duyên cớ. Cha nói: “*Tôi sẵn sàng chết, nhưng trong khi chờ đợi, họ đeo xích ngăn làm tôi không đi thẳng được.*” Quan cho gọi người thợ đến và nối thêm hai vòng sắt nữa. Trong khi thợ làm việc thì quan truyện vãn với cha. Quan tòa dùng mọi cách để bắt ép cha khai tên các vị thừa sai ở các miền Đông, Tây, Nam. Cha chỉ cho biết tên một số vị mà chính họ đã biết còn ngoài ra cha giữ yên lặng hoàn toàn.

Trong lúc ngồi hầu tòa, người ta mang Thầy Giảng Xavier Mậu ra trước công đình. Quan tòa tra vấn thầy, thầy hiện ngang trả lời thầy là đệ tử chính của Cha Tự. Điều này làm cha rất hài lòng và được an ủi phần nào vì những người khác đã bỏ đạo. Đây là thầy giảng thứ hai của Cha Tự đã anh dũng xưng đạo.

Một số các ký lục bắt cha phải ký nhận là đã thăm hết mọi gia đình giáo hữu trong làng. Cha Tự chối vì lý do không đúng sự thật và cũng vì thế mà chúng bắt cha phải làm để chúng có dịp cướp bóc các gia đình Công Giáo.

Ngày 10-7 họ lại gọi cha ra hầu tòa và đưa cho cha xem ảnh tượng, áo lễ, và đòi biết ý nghĩa của các tang vật. Cha sẵn sàng giảng nghĩa cho họ. Quan lại cho biết ngày hôm sau có bốn vị trùm trưởng của bốn họ đạo sẽ bước qua thập giá. Tin này làm cha đau đớn vô cùng. Quan tòa tiếp tục hỏi cha về hôn nhân Công Giáo cũng như lý do cấm lấy nhiều vợ. Cha giảng giải cho họ và sau đó họ lại điệu cha về ngục.

Cha lo âu về vấn đề 4 ông trùm sắp bước qua thập giá nên khi bước vô tù, cha nói lớn như để cho mọi người nghe: “*Bước qua thập giá là một điều mà Thiên Chúa rất ghét, vì chính Chúa đã nói: ‘Ai chối ta trước mặt thiên hạ, Ta sẽ chối từ nó trước mặt Cha Ta ở trên trời’. Vì thế chúng ta phải cầu xin Chúa ban sức mạnh và phải cầu xin bằng nước mắt và ăn chay.*”

Cha cứ nói như vậy mấy lần. Sau đó cha thấy một số tù nhân ăn chay và cầu nguyện. Ngày hôm sau khốn thay tất cả đã bỏ đạo trừ một cụ già ngoài 70 tuổi. Cụ già này là thầy lang Giuse Hoàng Lương Cảnh. Sự trung thành của cụ Cảnh làm cha bớt buồn phiền.

LM. VŨ THÀNH

Giông tố đã sàng sẩy vỏ trấu và gạo, bây giờ thì Cha Tụ chỉ còn có cụ Giuse Cảnh, Dòng Ba Đa Minh, Thầy Giảng Dominicô Úy, Xavier Mậu và ba người giáo hữu khác là Tôma Đệ, Augustinô Mới và Stêphanô Vinh. Cha Tụ và cụ Cảnh bị kết án xử giảo, còn năm người kia mỗi người bị đánh trăm roi và bị lưu đày tại Bình Định. Quyết nghị này đã được gửi về kinh để xin phê.

Ông vua khát máu này tỏ vẻ vui sướng vì sự trừng phạt của bảy vị xứng đạo. Tuy nhiên ông vẫn chưa hài lòng lắm vì cho rằng những hình phạt này còn chưa thỏa đáng nên ông tự bày mưu. Vua tỏ vẻ như thương hại Cha Tụ và sáu người kia, và hứa nếu tất cả bước qua thập giá thì ông sẽ phạt nhẹ thôi, bằng không sẽ còn phạt nặng gấp trăm. Đồng thời ông ban khen cho quan và lính.

Vì sắc chỉ do mưu mô của vua nên ngày 9-8 cả bảy người bị điệu ra công trường. Cha Tụ nghi ngờ những gì sẽ xảy ra nên càng cầu nguyện sốt sắng hơn. Cha Tụ dẫn đầu sáu tù nhân ra trước công trường, người ta thấy ba vị quan tòa đã ngồi sẵn và chung quanh gồm có các ký lục, thẩm vấn và một số đông lính tráng.

Trên một bàn khác có thánh giá và các đồ đạo đã bị chiếm đoạt trong các giáo đường, và bên cạnh cũng được bày ra một số dụng cụ khủng khiếp để phạt những ai không chối đạo. Chúng ta hãy nghe lời tường thuật của Giám Mục Martin: *“Trước những hình khổ được bày ra, có ai trong chúng ta là không run sợ? Nhưng các vị này đã được ơn trên soi sáng phù hộ nên không hề run sợ và nao núng”*.

Cha Tụ bị điệu ra đầu tiên, một trong những quan tòa hỏi cha: *“Cha có biết là đức vua rất thương hại cha không? Cha chỉ việc bước qua thập giá là vua sẽ khoan hồng đại lượng với cha. Vì cha vẫn còn trẻ (43 tuổi) hơn nữa cha mới từ miền Nam tới, nên chúng tôi rất buồn nếu phải xử án tử cho cha. Vậy cha nghĩ sao?”*

Cha Tụ trả lời: *“Tôi rất kính trọng đức vua nhưng đồng thời xin quan cứ việc xử tôi như người theo đạo Thiên Chúa. Vì Người là Chúa cả trời đất nên tôi phải thờ lạy, nếu vua cho phép tôi được sống, tôi hết lòng tạ, bằng không nếu vua muốn xử án chết, tôi xin tuân theo, còn ngoài ra với bất cứ giá nào tôi không thể làm theo ý vua”*.

- *“Thôi, đủ rồi! Tôi đã quyết định rồi cha không phải bị hành khổ nữa!”*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cha Tự lại bắt đầu cầu nguyện càng sốt sắng hơn để xin Chúa duy trì đức tin cho hai thầy giảng và bốn giáo hữu. Theo lời tường thuật của Giám Mục Marti, để dụ dỗ cha quá khóa, ngày 19-8-1838 quan mời cha ngồi chiếu hoa và đàm đạo về giáo lý. Cha gọi truyện với quan: - *“Tôi luôn tôn kính ba cha”*.

- *“Ba cha nào?”*

- *“Thiên Chúa là Cha trên trời, là Chúa Tể, là Vua, và cha dưới trần là đức vua, và cha thấp hơn nữa là cha của tôi”*.

- *“Tốt lắm, nhưng cha hãy nghĩ lại đi, nếu vua là cha thay Chúa, Người truyền cho cha phải bước qua thập giá mà cha không vâng lời, vậy cha không làm vua phật ý sao?”*

- *“Không phải vậy, khi vua và cha tôi truyền cho tôi làm điều xấu như đạp qua thánh giá là dấu chỉ của Cha trên trời làm sao tôi có thể theo được?”*

- *“Vậy tại sao có bao nhiêu người phản bội cha tại làng Đức Trãi?”*

- *“Tôi dạy họ mọi ngày, nhưng cũng giống như quan vậy, có nhiều đứa con quan muốn cho họ trưởng thành tốt lành, vậy tại sao lại có người vâng lời, có người lại không tuân theo”*

- *“Dân làng Đức Trãi đã bước qua thập giá, tại sao cha lại vẫn bướng không theo?”*

- *“Tôi đã nhận ân huệ của Chúa rất nhiều, Người đã cho tôi cả gấp trăm, gấp ngàn lần sánh với dân làng Đức Trãi, như vậy Người muốn tôi làm thủ lãnh dẫn dắt họ ra trận. Khi thấy kẻ thù họ thất đảm và chạy tán loạn, khổ cho họ. Còn tôi, tôi là tướng trận tôi phải can đảm và trung thành với Chúa tôi. Nếu tôi cũng hèn nhát như họ thì thà rằng tôi bị chém đầu và liệng xuống sông hay bị một cơn bệnh không thể chữa được còn hơn, và vì thế tôi phải trung thành và chiến đấu cho tới cùng. Ngay chính quan đây, nếu quan là tướng lãnh của vua, mỗi ngày quan lĩnh gấp trăm lần lính, còn họ chỉ lĩnh có một phần, vì lính ít lương nên họ đói và vì đói nên thấy kẻ thù đến họ chạy trốn. Vậy quan có bắt chước họ mà chạy trốn không? Nếu quan bắt chước thì khổ cho quan vì vua sẽ không dung tha cho quan.”*

LM. VŨ THÀNH

- “Sau khi chết cha sẽ đi đâu vì cha đã trung thành với Chúa trời đất như vậy? Và những người Đức Trãi, người chối đạo, sẽ đi đâu?”

- “Tôi sẽ về trời với Chúa, và tất cả những ai ở Đức Trãi đã trung thành với Chúa hoặc sau khi chối, mà ăn năn trở lại cũng được về trời với Người. Còn những người đã quyết tâm chối Người cho tới cùng thì sẽ trở về lòng đất”.

- “Trời và lòng đất có nghĩa là gì?”

- “Xin quan hãy hiểu câu châm ngôn sau đây: ‘Sinh ký, tử quý. Đời sống là một cuộc hành trình, còn chết là đi về nhà’”.

- “Đi về đâu?”

- “Các triết lý gia đã suy luận về nơi hạnh phúc cho những người tốt và hỏa ngục chỗ những kẻ xấu, chính quan là bạn của vua được sống sung túc trong nhà lầu nguy nga còn tôi một phạm nhân làm mất lòng vua phải đeo xiềng xích và bị tống ngục”.

- “Ai là tốt, ai là xấu?”

- “Người tốt là những người đã thực hành giáo lý Công Giáo, người xấu là những người không thực hành giáo lý Công Giáo hay là những người theo đạo mà ăn ở bội bạc phản đạo”.

- “Vậy người Công Giáo xấu là ai? Có phải là những người làng Đức Trãi không? Vua và tất cả những người không theo đạo có phải sa hỏa ngục không?”

- “Phải sa hỏa ngục”

- “Tôi là quan và tôi đã trung thành với vua của tôi, cũng như cha, cha đã trung thành với Chúa của cha tại sao một người được lên Thiên Đường, còn một người phải xuống lòng đất?”

Cha Tự khôn ngoan trả lời: “Quan chắc hẳn sẽ không tin lời tôi nói, vì những lời này sẽ làm chướng tai quan”.

- “Hãy cứ nói đi!”

- “Quan trung thành với vua, thật đúng! Nhưng quan đã chọn lầm chủ. Thí dụ cụ thể, quan ra một tỉnh khác, quan gặp một ông vua, vua

DÒNG MÁU ANH HÙNG

cho quan sống trong lầu cao lại đặt quan làm thị trấn, quan nhậm chức. Nhưng sau một thời gian, vua thật của quan tới với đoàn tùy tùng. Đường nhiên vua sẽ coi quan như người chống đối và vua đó sẽ chém đầu quan”.

Quan không nhịn được cười, tỏ vẻ cảm phục cách thể nói truyện của cha rất lễ phép, đồng thời cũng rất chân thật. Tỏ ra ngưỡng mộ, quan sai lính hầu trà cho cha. Rồi hai người vẫn tiếp tục truyện trò: “*Tại sao cha không thờ cúng cha mẹ tổ tiên?*”

- “*Khi cha mẹ tôi còn sống tôi rất mực trọng kính các đấng, tôi lo lắng và săn sóc chu đáo, nhưng khi các đấng chết, các đấng không còn ăn uống nữa vì linh hồn là thiêng liêng không cần gì nữa. Cha mẹ của quan đã mất, mà quan vẫn còn thờ cúng chuỗi oản như là các đấng còn sống, nếu các đấng ăn được, các đấng đã dùng rồi. Còn như vàng bạc tiền nong gửi cho họ bằng cách đốt đi, nếu giả như họ dùng được tại sao quan lại không đốt vàng thật hay tiền thật? Làm vậy không phải là một trò đùa cợt người chết ư?*”

Quan thực sự cảm phục lối giải nghĩa đó và vì cứng lòng không muốn theo nên đã cho cha về tù và cho hai túi trà. Trong khi chờ đợi lệnh vua, Cha Tự không bỏ qua một giây phút nào mà không cầu nguyện, hoặc an ủi hay khuyên nhủ con chiên bốn đạo trong tù. Cha giải tội cho họ, và vì thế có nhiều người dứt lốt cho lính canh để được vào nhà tù xưng tội với cha. Phần cha, cha cũng khao khát được xưng tội nên một ngày kia cha than thở cùng một người Công Giáo: “*Tôi rất đói khát mà không ai cho ăn, còn những cuộc viếng thăm này có ích gì?*”

Người này đã hiểu cha muốn nói gì liền dứt lốt ít tiền bạc cho cai tù, ông ta đã có thể đưa Cha Phương vào tù. Khi quan canh thấy Cha Phương ông ta đã nói: “*Tôi biết ông là ai, và tôi cho ông vào tù vì tôi tin rằng một linh mục Công Giáo không thể phản bội tôi được*”.

Hai cha ban phép giải tội cho nhau và Cha Phương ra về vô sự. Từ khi Cha Tự biết ngày của mình đã gần đến để mình chứng tình yêu cho Chúa nên cha đã dọn mình sốt sắng. Cha tỏ ra rất vui vẻ và thanh thoát. Khi thấy giáo dân vào thăm có vẻ buồn, cha bảo họ không có gì để buồn cả, nếu họ buồn thì đừng vào. Khi nghe tin có ba người Công Giáo đã anh hùng xưng đạo, cha vui vẻ gặp họ và gieo mình xuống hôn chân họ. Hành động này làm cho nhiều người cảm phục

LM. VŨ THÀNH

và mạnh dạn hơn. Trong tù cha đã gặp rất nhiều thử thách. Một số cai tù cho là cha được chiếu đãi hơn vì có nhiều người đút lót nên tính lợi dụng cha để làm tiền giáo dân. Một lính canh tù tình nguyện lo cho cha ăn uống, hẳn ta nuôi hy vọng sẽ được trả trọng hậu. Cha vô tình không biết và đã nhận lời, nào ngờ tên đó sau này đòi công quá lớn đến nỗi cha không thể có. Hẳn ta làm nhục cha, vì thế Cha Tụ hứa sẽ xin giáo dân nhưng vì với số tiền lớn như vậy không thể lo trong vài ngày được. Anh ta la lối mắng chửi và còn xui người khác cũng làm để thử lợi. Ngoài việc đó, còn có những kẻ khác đến giảng thuyết cho cha bỏ đạo. Cha kiên nhẫn lắng nghe nhưng sau cùng cha phải xin ông chấm dứt.

Các quan dụ dỗ không được thì kết án Cha Tụ và cụ Cảnh phải xử giáo, nhưng vua cho như vậy là quá nhân đạo liền truyền cho hai vị bị chém đầu. Lệnh vua ban ra vào ngày 5-9, cha vui mừng sung sướng và người loan báo cho giáo dân. Còn một ít tiền cha phân phát hết cho các bạn tù và đồng thời cha khuyên nhủ họ. Khi đã chuẩn bị sẵn sàng xong, cha bận áo dòng trắng của Dòng Đa Minh rồi cha nâng niu cây thánh giá mà cha đã hôn kính cả ngàn lần trong thời gian tù tội. Cha trầm lặng cầu xin để chờ cho lính đến đón đưa ra pháp trường. Các lính canh tù thấy cha mặc áo trắng rất ngạc nhiên và họ xin cha cho biết ý nghĩa của nó. Cha nói: *“Đây là áo dòng mà tôi đã được hân hạnh mặc, màu trắng chỉ sự khiết tịnh mà những người trong Dòng thật quý mến. Còn đây là thánh giá mà vua đã bắt tôi bước qua, nhưng tôi đã không làm và vì thế tôi phải mang án chết. Tôi ao ước luôn luôn có thánh giá này trong khi tôi chết”*.

Khi nghe tin cha bị xử trảm, rất đông giáo hữu cũng như ngoại giáo kéo nhau đến nhà tù. Vì phải chờ đợi lâu, nên cha dùng dịp đó để giảng đạo cho họ. Cả tiếng đồng hồ cha giảng về Chúa Giêsu và điều kiện cần thiết để được theo Người. Cha Tụ cũng xin lính cho cha đứng trên một bục gỗ cao để dễ dàng đàm thoại với dân chúng, có lúc cha lớn tiếng kêu to: *“Ngày hôm nay Thiên Chúa đã ban cho tôi một đặc ân, xin muôn đời ngợi khen Người, và riêng tôi, tôi xin cảm tạ Người hết lòng hết trí tôi”*.

Sự xinh đẹp và hoan hỉ mừng vui tỏ lộ trên khuôn mặt tuấn tú của Cha Tụ làm cho một người lương phải kêu lên: *“Kìa xem, ông đó đẹp trai biết bao! Tại sao họ nỡ tâm giết một người như vậy?”*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Trên đường tới pháp trường, cha trùm kín mũ áo dòng và thẩm thi cầu nguyện, cha đọc kinh cầu các thánh và các kinh khác. Nhiều người không thể thấy mặt cha vì mũ áo dòng đã che kín, họ xin lính đến để xin cha kéo mũ áo xuống cho dân chúng được nhìn mặt, cha đã làm theo. Mọi người được chiêm ngưỡng bộ mặt hân hoan quả cảm của cha, một bộ mặt trẻ trung, đầy sức sống và cương nghị thể mà bằng lòng chết. Có người bỡ ngỡ nói: *“Kìa xem, ông ta giống thánh giá để quảng cáo đạo ông ta!”*

Có người lại nói: *“Không phải vậy, ông ta chết vì cây thánh giá đó!”*

Một tên lính đeo trước mặt cha một tấm bảng có chữ viết: *“Nguyễn Văn Tự, tỉnh Nam Định, đã theo đạo Gia Tô, đạo giả và đã gây nhiều tai hại. Khi hỏi, ông ta đã thú nhận tất cả. Và vì thế chúng tôi thi hành án chết của ông”*.

Đồi Xài Bông là nơi thường được dùng để hành quyết các tội nhân, nhưng đặc biệt Cha Tự không phải chết ở đó, họ dẫn cha về phía bên phải đồi. Họ tháo gông cho cha và trói chặt hai cánh tay ra đằng sau. Một giáo dân tên Hải Thạch (sau này cũng chết vì đạo) đã lấy cái gối và xin Cha Tự quỳ trên gối để cho máu thấm vào đấy. Vì cha là người cao lớn ngay cả lúc quỳ cũng vẫn còn cao, vì vậy cha phải cúi đầu xuống để cho anh lý hình làm việc dễ dàng hơn. Khi mọi sự đã chuẩn bị xong, một quan hô to: *“Hãy dùng một nhát kiếm mà chặt đầu ông ta, rồi hãy tung lên trời và không ai được khâu đầu vào cổ!”*

Hồi trống thứ ba vừa chấm dứt, lý hình vung tay chém nhưng đầu vẫn chưa rơi khỏi cổ, anh ta phải vung mạnh lần thứ hai đầu mới rơi khỏi cổ. Theo tục lệ thời đó, đầu tội nhân phải tung lên cao ba lần cho mọi người trông thấy.

Lý hình vừa làm xong nhiệm vụ, thì cả lương lẫn giáo chạy xúm đến để thấm máu và tranh dành tất cả những gì của cha. Người ta chen lấn nhau đến nỗi một số người ngã trên vũng máu và làm cho cả đám người thấm máu của vị tử đạo.

Một số phép lạ xảy ra chứng tỏ Thiên Chúa đã muốn cho mọi người hiểu của lễ hy sinh mà cha đã dâng lên Chúa đẹp lòng Người bao nhiêu! Vừa khi cha được dẫn đến nơi xử thì trời bỗng dung tối sầm lại và có ba tràng sấm vang dội. Rồi khi đầu cha rơi khỏi xác thì một đoàn chim sẻ bầu chung quanh như để chào đón linh hồn thánh

LM. VŨ THÀNH

thiện này. Một người Công Giáo đã lấy khăn tay và thấm máu cha, lạ lùng thay ông thấy ba hình in rõ trên vải, một hình của Cha Tụ, một hình của tên lý hình và một hình chỗ cha bị xử tử. Một em bé ngoại đạo đã mắc bệnh đau bao tử nhiều năm, người ta cho em uống nước có hòa lẫn máu của cha, tự nhiên em khỏe hẳn. Cậu Tham con quan Tuấn đã lấy một miếng vải áo của cha. Ông Toàn muốn mua, cậu ta không bán vì cậu ta nói: *“Từ khi tôi có miếng vải này, tôi khỏi bị ma quỷ quấy nhiễu”*.

Theo lời Thầy Giảng Tín thì một tên lính ăn xôi bị quỷ nhập, thấy rảy nước thánh nó chỉ cười. Ông Loan nhớ là đã giữ cây kiếm tên lý hình dùng chém đầu Cha Tụ, ông lấy thanh kiếm ra và ép vào cổ anh bị quỷ ám, tức thì anh ta được lành ngay.

Đó là tất cả những sự lạ lùng mà Thiên Chúa đã làm để minh chứng lòng trung nghĩa của Cha Thánh Tụ.

Cuộc Xung Đạo Và Tử Đạo Của LINH MỤC PHANXICÔ GAGELIN (CỐ KÍNH)

(bị bắt tháng 2-1833, xử giáo 17-10-1833 tại Huế)

Vị thừa sai Pháp đầu tiên đổ máu đào để củng cố đức tin trong lòng giáo hội Việt Nam là cố chính Gagelin, tên Việt là cố Kính nhưng vua lại đặt cho người một tên khác là Tây Hoài Hoa. Cố Phanxicô Isidoro Gagelin sinh ngày 10-5-1799 tại làng Montperreux thuộc địa phận Besancon, nước Pháp. Cha mẹ làm nghề nông, rất đạo đức và có uy tín trong làng. Ngay từ nhỏ cậu Gagelin đã có ý muốn làm linh mục đi giảng đạo ở các nước xa xăm. Một hôm trời mưa, chị cậu mang áo mưa đến thì cậu đã trả lời: *“Để em tập chịu khó cho quen, sau này có thể đi giảng đạo cho người ngoại đạo”*.

Cha sở đã chọn cậu và gửi vào trường riêng để học và năm 1817 vào chủng viện học lý đoán ở Besancon. Sau hai năm, Thầy Gagelin được chịu chức Cất Tóc, gia nhập hàng giáo sĩ. Tiếng Chúa thôi thúc thầy quyết định đi truyền giáo. Thấy về nhà nói cho mẹ hay. Bà khóc lóc khuyên con bỏ ý định đi xa để mẹ một mình ở nhà. Nhưng Thầy Gagelin can đảm thưa mẹ: *“Con rất yêu quý mẹ, nhưng nay Chúa gọi con đi giảng đạo, mẹ có dám can ngăn thánh ý Chúa không?”*

DÒNG MÁU ANH HÙNG



T. GAGELIN KÍNH
Tranh Phi Hùng

Năm 1819, thầy vào chủng viện truyền giáo Paris để thử ơn gọi truyền đạo. Ngày 24-5-1820 bề trên vui mừng cho thầy chịu chức Năm và chỉ định thầy đi sang truyền đạo tại Việt Nam và ở đó sẽ được chịu chức linh mục. Cuối năm 1829, thầy từ già quê hương lên đường truyền giáo, lúc đó mới có 21 tuổi xuân.

Ngày 17-5-1821 chiếc tàu La Rose chở Thầy Gagelin và đại sứ của Pháp tại Việt Nam, ông Chaigneau, tới cửa bể Thuận An. Vua Minh Mệnh ra lệnh kiểm soát gặt gao không cho thừa sai

xuống, nhưng tối hôm 19-5, ba vị thừa sai đã được thuyền giáo dân Việt Nam lên đưa xuống bờ đến gặp Đức Cha Labartette tại Cổ Vưu, Thầy Gagelin được chỉ định dạy học tại chủng viện ở Phường Rượu (An Ninh). Ngày 28-9-1822, thầy được thụ phong linh mục cùng với Cha Xuân và Văn ở họ Nhứt Đông và tiếp tục dạy học tại chủng viện. Nỗi khổ cực tại xứ truyền giáo được người viết như sau: *“Mỗi ngày chúng tôi chỉ có cơm và nước, như thế quý cha hiểu được rằng làm thừa sai rất khổ cực. Có lẽ các cha khuyên tôi phải hãm mình, đứng vậy, nhưng thừa sai còn cần sức khỏe để làm việc nữa”*.

Đến giữa năm 1824 chỉ còn hai thừa sai ở miền Nam, Cha Taberd làm niên trưởng ở Huế, còn Cha Gagelin xuống miền Đông Nai, ở chủng viện Lái Thiêu. Năm 1827, vua Minh Mệnh ra lệnh tập trung các cha thừa sai Gagelin, Marchand và Odorico Dòng Phanxicô ra trình diện với Lê Văn Duyệt. Ông quan nghĩ rằng vua cần người

LM. VŨ THÀNH

thông dịch nên chỉ lựa các cha thông thạo tiếng Việt là Cha Gagelin và Odorico gửi về Huế. Năm sau, chính vị quan này về Huế vận động với vua Minh Mệnh để trả tự do cho các thừa sai. Cha Gagelin được tự do năm 1828, trở về làm việc ở Lái Thiêu, cha lần lượt ba lần đi thăm các giáo đoàn ở các vùng phụ cận đã ba năm không được gặp các cha, có lần cha đi xuống tận Hà Tiên. Năm 1829, Cha Taberd nhận được sắc làm giám mục, người chỉ định Cha Gagelin làm cố chính. Cũng năm này có thêm Thừa Sai Cuenot mới tới từ Bắc Việt. Cha Gagelin làm cuộc hành trình ngược về mạn Bắc. Khi Vua Minh Mệnh ra sắc chỉ cấm đạo toàn diện đầu năm 1833, Cha Gagelin đang ở Quảng Ngãi và rất quen thân với quan đầu tỉnh. Được thông báo, cha trốn lên rừng. Về sau thấy giáo dân bị làm khổ vì mình, cha quyết định ra nộp mình. Cha cùng với chú giúp việc đến huyện Bồng Sơn tỉnh Bình Định để nộp mình cho quan tại đây. Sau khi bị giữ 40 ngày, cuối tháng 7, cha bị dẫn giải về tỉnh Quảng Nam, và từ khi hai chú giúp cha chạy trốn, cha phải đeo gông nhẹ. Ngày 23-8-1838 cha tới kinh đô, bị giam tại trấn phủ. Từ đây cha chia sẻ những khổ cực, đói khát, hành hạ của nhà tù: phải tự liệu thức ăn, ban đêm phải cùm chân và cứ tới phiên đối canh thì bị điểm danh và chịu một đòn đánh.

Tại kinh đô có Cha Jaccard và Odorico cũng bị bắt nhưng giam lỏng ở cung quán, có thể đến nhà tù thăm Cha Gagelin. Ngày 11-10, Minh Mệnh sai lính gác ở nhà tù và triệt để cấm không cho gặp một ai. Lúc mới đầu mọi người nghĩ cha tự nộp mình thì sẽ được ở cung quán như hai thừa sai khác. Đến tháng 10 có tin đồn là cha sẽ phải đi đây vùng Xứ Đoài, Tây Bắc Việt. Ngày 12, Cha Jaccard báo cho người biết là người bị kết án tử vì dám dời bỏ Đồng Nai là nơi vua Minh Mệnh cho phép người được ở. Tin này đã làm cho cha tràn ngập vui mừng. Ngay từ bé người đã mơ ước được chịu chết vì đức tin, và đã cầu xin mỗi khi cha dâng Máu Thánh trên bàn thờ. Người nhờ Cha Jaccard chuyển lời từ biệt đến đức cha, các cha ở chủng viện Paris và gia đình, người không quên trời lại các đồ dùng của người ở Phú Yên, Qui Nhơn và Quảng Ngãi. Sau cùng cha viết: *“Tôi sắp bỏ thế gian này không luyến tiếc một sự gì. Nghĩ đến việc được nhìn thấy Chúa Giêsu chịu đóng đinh làm tôi vui sướng hơn là sợ cái chết đau thương. Nguyên ước của tôi là được ra khỏi thân xác tội lỗi này sớm hết sức và có thể được kết hợp với Chúa Giêsu trong nơi hạnh phúc bất diệt”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cha Gagelin bị giam tù và kết án mà không có một phiên xử nào. Ngày 17-10 lúc 7 giờ sáng, quan đến báo cho cha biết người bị giải về Thừa Thiên. Lúc ấy cha vừa đọc kinh sáng xong, liền mặc áo, thắt khăn ra khỏi tù đi theo đội lính 30 người cầm gươm giáo sẵn sàng. Cha hỏi họ: “*Đem tao đi chém sao?*” - “*Đúng vậy*”. - “*Tao không sợ nghe!*”

Thứ tự đoàn người đi như sau: 4 tên lính cầm gươm nâng 4 đầu gông, hai người khác đi trước và sau người, những lính còn lại vẫn cầm giáo đi hai hàng hai bên, sau cùng là hai quan cỡi ngựa giám sát vụ hành quyết. Họ đi về phía cửa thành, qua cây cầu đến chợ. Một người lính quát loa bố cáo rằng: “*Tây dương nhân chi Tây Hoài Hoa, địa phương truyền thọ Gia Tô tà giáo vi nhân nã hoạch phương an xử giáo quyết*”. Dân chúng đứng chung quanh hỏi nhau: “*Người này đã làm gì mà tại sao giết người vô tội, một người can đảm như thế? Hoàng Đế đúng là một ông bạo chúa*”. Thấy cha bước đi hiên ngang vui vẻ, họ nói: “*Có ai đã thấy một người đi chịu chết với vẻ điềm tĩnh như thế?*” Mỗi lúc một đông người đến xem. Tới Bãi Dâu, nơi hành quyết, đã có một tấm chiếu trải sẵn, Cha Gagelin quì gối, lý hình cởi áo rồi trói hai tay vào cọc ở sau lưng, sợi dây thòng lọng cuốn chung quanh cổ và buộc vào cọc hai bên, mỗi bên có 5 người lý hình cầm giây sẵn sàng chờ lệnh để kéo giây. Sau khi được xiết mạnh 30 lần, sợi giây bị đứt nhưng Cha Gagelin đã về với Chúa, đầu ngã về một bên. Lý hình đốt chân làm chứng đã chết. Các quan và lính rút lui cho phép một thầy giảng đem xác xuống thuyền của quan thông ngôn Micae Khoan. Lúc ấy là 10 giờ sáng. Thuyền chở xác tới phủ Cam đã có Cha André chờ sẵn để làm các phép chôn cất. Xác Cha Gagelin được mặc áo lễ chôn cất trong vườn Phú Cam. Ông vua bạo chúa bán tín bán nghi vào lời Phúc Âm về việc người chết sống lại, ngày 18-10 ra lệnh các quan lấy xác lại. Sau cùng giáo dân phải đào xác lên, lột bỏ các áo chức và gói vào chiếu đem đến nghĩa địa chung ở Phủ Cam rồi báo cho quan. Quan cho khám xét và làm chứng xác không sống lại, rồi để nguyên tại chỗ thay vì chặt đầu và đem đi các tỉnh như đã dự định.

Hai vị quan phủ Thừa Thiên là Trần Tu Định và Trần Quang Tâm đã làm tờ trình vào năm Minh Mệnh 14, ngày 5 tháng 9 Âm Lịch. Nội dung như sau: “*Ngày 4 tháng này chúng tôi được lệnh của bộ hình kết án Tây Hoài Hoa đã đi nhiều nơi gieo rắc tà đạo và còn táo bạo lấy sắc lệnh mật. Lệnh ngày mừng hai của Hoàng Đế truyền xử giáo Tây Hoài*

LM. VŨ THÀNH

Hoa. Lệnh được giao cho phủ Thừa Thiên thi hành. Ngày mùng 5, một quan phủ Thừa Thiên cùng với quan Viên Ngoại Huỳnh Văn Hiến của bộ hình và binh lính dân tù nhân Âu Châu đến pháp trường. Hai quan Trần Quang Tân và Huỳnh Văn Hiến đã theo 30 lính có trang bị khí giới đến nơi gọi là An Quan thuộc huyện Hương Trà và xử tại đó.”

Cuộc Xung Đạo Và Tử Đạo Của Y SĨ GIUSE HOÀNG LƯƠNG CẢNH (1773-1793)

(bị bắt 29-6-1838, xử trảm 5-9-1838)

Ông Giuse Cảnh sinh năm 1763 tại làng Hàng Ván. Từ thuở nhỏ ông đã được sống với Cha Huy. Mặc dầu cha đã già rồi nhưng cha vẫn chịu khó dạy ông về đời sống đạo đức và hy sinh. Gương can đảm và chịu khó của ông đã làm cho nhiều người tặng ông một biệt hiệu là người tốt phúc, bạn của Thiên Chúa.

Ông kết bạn với một phụ nữ tại làng Thọ Bá và cả hai ông bà sống một đời gương mẫu hiếm có. Ông làm thầy thuốc bắc và nhờ vậy ông đã có dịp rửa tội cho nhiều trẻ em. Ông luôn lo lắng cho giáo xứ và giúp cha sở về vấn đề tài chánh, vì thế ai cũng kính nể ông về sự kiện này cũng như con người lương thiện của ông. Ông gia nhập Dòng Ba Đa Minh và là hội viên của Hội Mân Côi.

Khi đã gần 75 tuổi, cụ Giuse Cảnh bị ông Hương Bích tố cáo là một giáo dân sùng đạo. Khi nghe tin ấy, lính tráng tuôn đến để bắt nộp cụ. Nhân dịp cụ phải đi Bắc Ninh, chúng cho người dò la tin tức của cụ và khi biết rõ cụ đang nghỉ ở gần bờ sông, chúng áp tới để trói bắt và dẫn cụ tới làng gặp tri huyện. Chúng tống ngục cụ cùng với Cha Tự. Khi cụ bị bắt, cụ đã tin rằng mình có phúc được trở nên một lễ vật, nên cụ cố gắng làm sao để sống cho xứng đáng với lễ vật đó. Cụ qua những ngày tù bằng những lúc cầu nguyện với Chúa. Trong lúc tù tội, cụ bị gọi ra tòa rất nhiều lần và các quan quân tìm đủ cách để bắt cụ chà đạp thánh giá, nhưng cụ luôn luôn mạnh dạn xưng hô tên Chúa. Một người làm chứng rằng, một hôm nói với cụ: *“Chúng tôi nhận thấy rằng cụ là một người tốt, và vì thế chúng tôi rất thương hại cụ. Cụ đã già rồi, những ngày còn lại rất ít ỏi, tại sao cụ không cố mà hưởng nó, cụ chỉ cần bước qua thập giá, là xong ngay”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cụ đáng kính này cố gắng không nghe tiếp nữa và nâng cao giọng cụ cầu xin: *“Lạy Chúa Giêsu đường ngay nẻo thật, ai theo Chúa thì sẽ được sống rất hạnh phúc”*.

Một dịp khác, quan lại nghe thấy cụ đọc kinh cầu các Thánh, ông ta rất đỗi ngạc nhiên vì cụ cầu cho các vua chúa quan quyền được sự bằng an. Quan không thể hiểu tại sao cụ có thể cầu cho những vua khát máu như Minh Mệnh, người đã tàn ác giết chết bao nhiêu người Công Giáo. Lại có những lúc họ bắt buộc cụ phải bước qua thánh giá, cụ quỳ xuống nâng niu thánh giá. Quan cảm thấy khó chịu, truyền cho lính lôi kéo cụ qua thánh giá, cụ co chân lên và cương quyết không để xúc phạm vào thánh giá. Thế rồi lính lấy roi và quật túi bụi vào mình cụ nhưng cụ vẫn khẳng khẳng không chịu thối lui. Quan bực tức quát tháo: *“Vậy lão muốn chết ư?”*

Cụ điềm tĩnh trả lời: *“Tôi xin quan hãy ban án chết để tôi có thể chết với Cha Tụ. Được như vậy, tôi sẽ sung sướng vô cùng”*.

Trong một phiên tòa tra khảo Cha Tụ và các tù nhân, quan hỏi đến cụ Cảnh: *“Tại sao ông lại can đảm giữ đạo trong khi những người khác đã phản bội nộp cha của mình?”*

Ông nói: *“Cũng có một tên phản bội xấu xa là Giuđa đã nộp Chúa Giêsu cho lính bắt”*.

Quan hỏi: *“Họ bắt Chúa thì họ làm những gì?”* - *“Khi lính bắt Chúa thì Người hỏi họ đến bắt ai? Lính thưa là Giêsu thành Nazareth. Lúc ấy Chúa nói tôi chính là người ấy. Tức thì bọn lính ngã xuống đất. Chúa lại cho họ đứng dậy và để cho họ trôi lại. Xem xiềng xích Cha Tụ đeo kia cũng giống như xích Chúa đã phải mang”*.

Quan hỏi: *“Chúa vác thánh giá đi đâu?”* - *“Người vác thánh giá lên đồi Calvariô chịu chết và đền tội cho mọi người, trong đó có cả quan nữa”*.

Lòng ước muốn tử vì đạo của cụ đã được thỏa mãn, vì ngày mồng 5-9 lệnh vua đã được báo cho Bắc Ninh. Cụ Cảnh bị án trăm quyết. Cụ lắng nghe với một bộ mặt thanh thản vui tươi và ao ước cho chóng tới ngày hạnh phúc đó. Khi người ta trao cho cụ một phần đồ ăn trước lúc chết, cụ trả lời: *“Tôi không còn muốn gì hơn là chết theo Cha Tụ, cái đó làm cho tôi sung sướng mãn nguyện.”*

LM. VŨ THÀNH

Cụ đeo trong người dấu hiệu của Dòng Ba Đa Minh và mang gông cùng bước theo Cha Tự đi đến nơi thọ hình. Trong lúc đi hai người trò chuyện với nhau và cùng đọc kinh lớn tiếng.

Khi họ tới nơi xử tử, người ta tháo gông của cụ Cảnh ra, và bắt cụ quỳ cúi đầu. Một hồi chiêng vang dội, lý hình vung gươm chém và đầu cụ rơi khỏi thân xác. Các lương giáo xô nhau ra thăm máu và xô xé lấy những gì thuộc về cụ đến nỗi các quan cũng không thể ngăn nổi.

Sau đó người ta chôn cụ tại phía đôi nơi cụ bị chém. Đêm thứ hai, mấy người lương tới đào xác lên với hy vọng là bán lại cho giáo dân. Người của xứ cụ sau cùng phải trả 36 quan tiền để lấy xác lại và đem đi chôn.

Trên đường đi tới nghĩa trang Chúa đã làm nhiều phép lạ để tôn vinh các thánh của Người. Những người mang xác cụ tới gần bờ sông Cầu, chờ không tìm thấy đò để sang sông, trong khi nước dâng lên cao và họ không còn cách nào để qua sông được. Trong khi đó họ còn phải lo sợ những người vô đạo ở gần đó. Họ cầu xin Chúa hãy ban cho họ ơn phúc nhờ lời bầu cử của cụ Giuse Cảnh. Chúa nhận lời ngay. Nước từ từ hạ xuống tới mức mà họ có thể lội qua sông cách dễ dàng để đến nhà thờ, nơi họ muốn chôn cất cụ.

Cuộc Xưng Đạo Và Tử Đạo của LINH MỤC FRANCIS JACCARD (PHAN)

(bị bắt 14-7-1838, xử giáo 21-9-1838 tại Quảng Trị)

Cuộc đời truyền giáo của vị thừa sai này thật hi hữu, suốt mười năm trong bàn tay vua Minh Mệnh, từ làm quan thông dịch xuống đến làm lính, rồi phải lưu đày, và sau cùng kết thúc bằng một cái chết vinh quang. Thái độ của Vua Minh Mệnh đối với Công Giáo được phản ánh trong chuỗi năm gian lao của Cha Jaccard, vị thừa sai được người Việt gọi là Cố Phan, và chính Minh Mệnh đặt cho người một tên là Phan Văn Kinh.

Cha Francis Jaccard sinh ngày 6-9-1799 tại làng Annion, tỉnh Saubadia, nước Pháp, trong một gia đình đạo đức. Khi còn nhỏ cậu Jaccard

DÒNG MÁU ANH HÙNG

học rất kém mặc dù đã siêng năng. Cậu chán nản bỏ trường về nhà tập làm vườn. Một hôm gặp chúng bạn, cậu Jaccard thấy có ơn thúc đẩy muốn làm linh mục. Cậu xin với cha mẹ cho trở lại trường và nhất định không bỏ học nữa. Sau khi học Latinh, Thầy Jaccard được gửi vào trường Chambéry năm 1819 và được chịu chức linh mục năm 23 tuổi, lúc ấy cha người đã qua đời. Cha Jaccard nhất định không chịu ở lại Paris, nhưng quyết tâm đi truyền giáo. Ngày 10-7-1823, cha rời Paris và tới Việt Nam năm 1826, và ngày 2-2 vào được nhiệm sở ở trường Phường Rượu. Năm sau, 1827, Vua Minh Mệnh ra lệnh tập trung các thừa sai về Huế. Vì Cha Jaccard mới tới, các quan chưa biết nên cha có thể lẩn trốn tiếp tục dạy các chú. Nhờ sự can thiệp của Lê Văn Duyệt, Cha Taberd và Gagelin được trả tự do nhưng phải vào Sài Gòn. Đến năm 1828 khi vua có thơ từ nước Pháp cần người thông dịch thì các quan nói có cố Phan người Tây mới sang ở An Ninh. Ngày 14-7, quan đến mời người theo về Huế. Sau khi dịch thơ cho vua xong, người xin ở họ Dương Sơn để dạy các chú và nếu có thơ hay sách vua muốn dịch thì người dịch.

Tháng 9 năm 1830, xảy ra vụ làng Cổ Lão bên lương kiện làng Dương Sơn để lấy đất. Quan huyện xử cho làng Dương Sơn thắng. Các viên chức làng Cổ Lão được Minh Mệnh xúi kiện làng Dương Sơn chứa chấp cố đạo. Lần này Minh Mệnh giao cho các quan tỉnh xét xử. Các quan làm án đi làm án lại mà vẫn chưa vừa lòng Minh Mệnh. Nội vụ được đưa về Bộ Hình. Các quan thượng kết án tử cho cha. Vua Minh Mệnh tỏ ra khoan hồng đổi án cho cha làm lính và bắt vào trong triều đình làm thông dịch.

Năm 1833, Minh Mệnh cấm đạo và có loạn Lê Văn Khôi, vua bắt Cố Jaccard viết thư khuyên giáo dân đừng giúp giặc. Trong thư có nhiều lời lẽ ca tụng đạo khiến vua nổi giận truyền các quan xét. Các quan ra án tử thì vua lại đổi thành án lưu đầy đi Ai Lao cùng với Thừa Sai Odorico, Dòng Phanxicô. Có thời kỳ các cha khác bàn cho người trốn đi, song người nghĩ đến giáo hội thì nhất định ở lại để chịu mọi sự khó làm gương.

Ngày 9-9-1835, vua Minh Mệnh lại ra lệnh bắt người về Cam Lộ để dịch thơ và các sách đạo, dạy tiếng Pháp cho các học sinh thông ngôn. Làm việc cho quốc gia như vậy mà Cha Jaccard vẫn bị canh chừng ráo riết, không được phép tiếp xúc hay nhận thư từ. Nhưng với chút tiền đút lót, cha có thể liên lạc được với các thừa sai và giáo

dân. Trong thời kỳ này Cha Jaccard viết thư về cho mẹ như sau: “Mẹ ơi, con đã từ giã mẹ được 15 năm rồi. Suốt trong 15 năm ấy, con xem đường như giấc chiêm bao, đầy rẫy những khổ cực. Nhưng nào có can chi, mọi sự cũng qua đi. Nay sức con đã hao mòn kiệt quệ, chẳng còn mấy chốc được giải thoát, không còn biết đau đớn là gì nữa. Con nghĩ rằng nhờ việc chịu đựng mọi cay đắng cực khổ vì lòng mến Chúa Giêsu mà con sẽ được lòng nhân lành Chúa thương cho sống đời đời. Con chỉ ước mong được chết tại chỗ này vì đạo thánh của Chúa. Xin mẹ cũng cầu cùng Chúa cho con được như ý”.



T. JACCARD PHAN
Tranh Phi Hùng

Tháng 2 năm 1838, có người tố cáo với vua rằng có đạo trưởng Âu Châu mở trường dạy học ở Di Loan và liên lạc với Cha Jaccard ở Cam Lộ. Vua sai các quan đi truy lùng nhưng không bắt được Cố Candalh. Quan liền lên Cam Lộ điều tra Cha Jaccard. Chính người thuật lại như sau: “Ngày 7-3, quan tỉnh Quảng Trị dẫn 200 lính đến Cam Lộ để tra hỏi tôi về các thơ từ và bản đồ tôi đang dịch. Có rất đông người hiện diện trong buổi thẩm vấn. Quan truyền cho tôi tiến ra khỏi đám đông và đến gần rồi hỏi:

- Còn bao nhiêu người Công Giáo nữa?
- Tôi là người Công Giáo duy nhất ở đây, còn các nơi khác tôi không thể trả lời được.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

- Vậy hãy bỏ đạo đi, ông có phải là người đứng đầu đạo này không?
- Tôi không bao giờ từ bỏ đạo, thời gian chỉ làm tăng thêm lòng xác tín của tôi vào đạo mà thôi và đạo càng ngày càng trở nên cao cả đối với tôi.
- Không được phép giữ đạo này, hoàng đế đã cấm, và lệnh của hoàng đế là lệnh của trời, vậy nếu ông còn theo nữa thì sẽ phải chết. Thật may cho ông đã thoát khỏi hình phạt chết cho đến ngày nay.
- Tôi ước ao được chết vì đạo càng sớm càng tốt, vậy chừng nào tôi sẽ được toại nguyện?
- Ai đã làm cho ông mù quáng đến thế?
- Tôi không phải là kẻ mù quáng vì đạo đây sự chân thật và bởi đó tôi yêu mến và thực hành.
- Nhưng giữ đạo thì được ích lợi gì? Khi chết rồi thì ông còn hưởng được lợi lộc nào nữa?
- Khi người ta chết vì đạo thì chắc chắn sẽ lên trời, nếu vua muốn cho tôi được vinh hiển thì người chỉ việc chặt đầu tôi, chỉ một khoảnh khắc đau đớn tôi sẽ được phúc lớn lao và mãn nguyện hoàn toàn.
- Khi một người đã chết làm sao có thể lên trời được? Đã có ai trông thấy một người bị chặt đầu lên trời đâu? Một khi chặt đầu rồi là chấm dứt mọi sự.
- Chính khi chết rồi, linh hồn mới ra khỏi xác và lên trời, như thế không những tôi không muốn sống, nhưng chính là vì tôi muốn đức vua chém đầu tôi sớm hơn và ước nguyện nồng nhiệt của tôi được thành tựu.
- Hẳn thật ông càng ngày càng tỏ ra mù quáng.
- Tôi không bao giờ bị mù quáng cả, nếu quan lớn cho phép tôi được trình bày thì tôi tuyên xưng rằng đạo hoàn toàn phù hợp với lẽ phải.
- Đạo hợp với lẽ phải ở chỗ nào?
- Đạo đây phải thờ kính một Chúa tạo dựng trời đất và mọi sự, vì trời đất và muôn vật không tự mình mà có, phải có một đấng đã dựng nên,

LM. VŨ THÀNH

điều đó hoàn toàn hợp lý. Cũng như một căn nhà có là do các người thợ đã xây cất, cũng vậy trời đất tồn tại là do đấng tối cao là chủ tế. Đó là Thiên Chúa tôi tôn thờ.

Quan nói với thuộc cấp: - Đủ rồi, ông này nói đến trời đất, rồi chủ tế mọi vật, ai mà hiểu được đạo lý này? Ta không thể nghe lời ông ta nói thêm được nữa, hẳn đúng là một người cuồng tín, hãy dẫn về nhà giam”.

Sau đó hai quan văn, thường giúp Cha Jaccard dịch các sách, bị gọi về Huế và được lệnh của vua bắt canh chừng Cha Jaccard nghiêm ngặt, nhưng các quan tại Cam Lộ rất kính nể cha, nên vẫn để cha được đi lại tự do. Ngày 13-7-1838, quan đầu tỉnh trở lại Cam Lộ, đóng gông, xiềng rồi giải cha về tỉnh Quảng Trị. Các quan làm mọi cách ghép cho Cha Jaccard tội dính líu tới vụ Di Loan. Trong tù tỉnh Quảng Trị, cha gặp chú Thiện bên lòng xưng đạo thì mừng rỡ, vì số đông khác đã không chịu nổi đòn đánh mà chối đạo. Trong buổi thẩm vấn lần thứ nhất cha đã nêu ra sự khó khăn bị giam trong bốn bức tường cao làm sao có thể liên lạc được với Di Loan và với Cha Gioakim Chiêu (Tự). Cha bị giam trong tù với gông, xiềng và cùm trong vòng hai tháng. Có một người đàn bà có cơ hội đến gần đưa cho người chút cơm và nhờ bà cha có thể nhận lén lút thư từ bên ngoài.

Sau lần tra hỏi thứ nhất vài ngày, có lệnh vua truyền phải dùng mọi cách để ép buộc cha chối đạo. Quan cho điệu cha đến để tra tấn. Trước mặt đông đủ hội đồng các quan trong tỉnh, và các lý hình sẵn sàng hình cụ, quan đồng dục hỏi cha: “Ông có sẵn sàng bỏ đạo Gia Tô không?” - “Đạo của tôi không phải là thứ ân huệ vua ban mà bắt tôi từ bỏ theo ý vua”. - “Ông có liên lạc với giáo dân ở Di Loan Không? Có biết Cha Gioakim không?”

Cha Jaccard không chối nhưng nại bằng chứng. Quan nổi giận cho lệnh tra tấn. Cha bị nọc xuống đất căng chân tay vào cọc và đánh 4, 5 roi trong chín lần, và do các lý hình khác nhau, trong mỗi khoảng cách quan lại dục chối đạo. Mười hai roi bị gãy, máu tươi vọt ra. Cuộc tra tấn từ chín giờ sáng đến giữa trưa. Cha im lặng chịu mà không kêu ca. Sau khi cởi trói và mặc áo vào, cha qui cầu nguyện hồi lâu cảm ơn Chúa đã ban sức mạnh chịu đựng để danh Chúa được cả sáng. Quan quân cười nhạo: “Nó không muốn dấy hay còn muốn chịu đòn nữa?”

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cha đứng dậy, toàn thân ướt đầy máu, quần áo cũng bị nhuộm đỏ lòm những máu, và về nhà giam. Sau đó cha còn bị phơi nắng, bị kim kẹp nữa. Nhưng kim có nóng cũng không nóng bằng lửa sốt mẩn của cha.

Cha còn bị tra tấn một lần khác nữa, nhưng lần này vị quan mới tỏ ra thương hại nhiều hơn, chỉ đánh năm roi và tháo gông cho cha. Sau cùng, các quan làm bản phúc trình lên vua ngày 21-7-1838. Nội dung như sau: “*Bùi Ngọc Quý, tổng đốc tỉnh Quảng Bình tâu trình: Ngày 4-6 Trần Hiên Đoàn và Nguyễn Huy Chấn, quan án tỉnh Quảng Trị đã khám xét hai làng Di Loan và Yên (An) Ninh là làng có đạo. Ngày 10-6, Trần Hiên Đoàn đã bắt những người sau đây ở Di Loan: Hữu Sách, Văn Bao, Văn Cung, Quang Hiệp, Quang Đệ, những người thuộc Yên Ninh: Văn Huệ, Trần Trung, Nguyễn Giao, những người ở Cổ Vưu và Quảng Bình: Trần Văn Thiện, một bà ở Mi Trà, và Phan Văn Kinh (Jaccard). Thay vì chỉ bắt hai người đứng đầu (Candalh và Chiêu), Trần Hiên Đoàn lại bắt những giáo dân này thật có lỗi. Mấy người không Công Giáo thì giao lại cho quan sở tại, còn giam giữ Hữu Sách và Văn Bao vì đã xưng là Công Giáo và theo đạo từ nhỏ, hồi tháng hai có đạo trưởng tên Chiêu đến giảng đạo và trọ tại nhà Văn Bao, hẳn cũng đến cả Cam Lộ nữa...*”

Bộ hình phê án ngày 29-7 âm lịch: “*Minh Mệnh nguyên niên thứ 19 ngày 29 tháng 7, chúng tôi Nguyễn Công Hoan, Phạm Thế Trung và Đoàn Uẩn vâng lệnh vua viết án như sau: Tù nhân Phan Văn Kinh là tên mọi rợ từ Tây Phương đến cố tình dụ dỗ dân chúng theo tà đạo, trước đây đã được dung tha, chuyển thành án lưu đầy ở Cam Lộ. Hẳn vẫn không khiếp sợ, tiếp tục lén lút liên lạc với tín đồ Công Giáo, chúng tôi lên án hẳn phải xử giáo ngoài đồng.*”

Còn Trần Văn Thiện, Hoàng Bao, Hữu Sách đáng tội xử giáo sau khi giam tù. Hoàng Hiệp và Văn Cung phải đánh đòn và phát lưu nhưng đã đập ảnh đáng được tha sau khi bị đánh 100 roi.

Quan Huyện Nguyễn Dật Diều đã chênh mảng phải phạt 100 roi và mất chức. Quan Trần Văn Chu cũng thiếu sót bốn phạt phải mất chức. Bùi Ngọc Quý làm tổng đốc mà không biết có đạo trưởng Chiêu trong địa hạt của mình nên bị mất chức, ba tháng làm bài học. Trần Hiên Đoàn tổng đốc Quảng Trị phải họp dân chúng lại, ai đập ảnh thì

LM. VŨ THÀNH

cho về, ai không thì phải đánh đòn. Phải tìm bắt cho được đạo trưởng Chiêu”.

Ngày 21-9-1838, các quan và 50 người lính đến khám dẫn Cha Jaccard và chú Thiện đem đi xử. Có hai tên lính cầm hai thẻ án, hai tên khác cầm hai giây có thòng lọng, quân lính đi hai hàng, Cha Jaccard đi trước, chú Thiện đi sau. Hai vị anh hùng, một già một trẻ, nét mặt hiên ngang vui tươi bước đi. Tới bến đò, Cha An ở giữa đám đông làm phép giải tội cho vị thừa sai. Sau khi qua đò, quan cho dừng lại bên quán, dọn mâm cỗ cho hai tử tù. Chú Thiện mời cha ăn, nhưng Cha Jaccard từ chối không ăn. Đoàn người lại đi đến làng Nhan Biều là nơi xử, quan viên làng này xin đưa ra xa hơn để tránh nơi có miếu. Đi xa hơn khoảng 60 bước, quan quân dừng lại. Một người đàn bà trải chiếu xuống đất cho Cha Jaccard và chú Thiện. Hai cha con quì gối xuống chiếu để cho lý hình tháo gông xiềng. Trong khi lý hình đóng cọc thì Cha Jaccard hỏi xử hình gì? Lính thưa lại xử giáo cho toàn thân. Lính tròng giây vào cổ hai vị anh hùng và chờ lệnh. Sau ba tiếng chiêng, lính kéo giây. Cha Jaccard và chú Thiện trút linh hồn về với Chúa, để lại tấm gương kiên trung cho giáo hội Việt Nam.

Khi biết tử tội đã qua đời, lý hình đập trên bụng rồi lật sấp, đập trên hai vai. Họ lôi ra trong áo Cha Jaccard ảnh thánh giá và một giây da. Cả hai vị được chôn ngay tại chỗ xử.

Cuộc Xung Đạo Và Tử Đạo của TÔMA TRẦN VĂN THIỆN

(bị bắt 7-6-1838, xử giáo 21-9-1838)

Jrong khi các thừa sai và linh mục phải chạy trốn thì chú Thiện lại tìm đến nơi đang lùng bắt. Chú nhất mực tìm cha bề trên chủng viện, vì có lệnh tìm chú vào trường ở Di Loan. Chú Thiện đã bị bắt cùng với một chú khác tên là Cơ và dì Phước Phụng cùng với các ông trùm tại Di Loan như ông Thuận, ông Lưu và bốn ông trùm khác thuộc họ An Ninh. Hôm đó là ngày 13-4-1838 âm lịch, sau lễ Hiện Xuống.

Chú Tôma Trần Văn Thiện sinh năm 1820 trong gia đình đạo hạnh tại Trung Quán tỉnh Quảng Bình. Cha tên là Hieronimo Miên, mẹ

DÒNG MÁU ANH HÙNG



T. TÔMA TRẦN VĂN THIỆN
Tranh Phi Hùng

là Anna Kim, chị tên là Tương, em trai tên Tiến và em gái tên Ken. Theo lời tường thuật của bà Kim, hồi bốn tuổi bé Tôma Thiện đã hay theo cha đi lễ. Tới mười tuổi chú bắt đầu học chữ nho. Cũng năm này cha của Tôma qua đời. Bà di tên là Nghị, bẻ trên tu viện Trung Quán, giới thiệu cho chú đi ở với Cha Chính ở Kê Sen học Latinh để sửa soạn vào chủng viện. Sau khi Cha Chính chết, chú Thiện về thăm nhà trước khi đi vào chủng viện ở Di Loan. Năm chú được 18 tuổi, ông trùm Năm (tử đạo), họ Mỹ

Hương, nhờ chị Sao dẫn chú vào Di Loan. Tới Đất Đỏ gặp lúc bắt đạo dữ tợn nên hai người xuống miền quê, gần đến làng Trà Lịn thì gặp bà phước Madalêna Yến cho biết cha bẻ trên đi trốn và các chú đã về nhà cả. Chú Thiện nhất quyết đến Di Loan. Tại đây chú gặp Cha Tự (Chiêu) đang lo chạy trốn và được cha gửi tại nhà giáo dân. Hai ngày sau, quan quân gồm 300 người đến vây làng Di Loan để bắt Cố Kim (Candalh) nhưng cố đã trốn lên rừng. Linh gặp chú Tôma thì nghi là học trò nên bắt ngay cùng với khoảng 20 người ở Di Loan và An Ninh giải về huyện Minh Linh. Ngày hôm sau quan huyện giải về Quảng Trị.

Khi mới bị bắt và đeo gông, chú Thiện không quen ai nên phải bán một chiếc áo sơ mi để trả tiền lệ phí. Trên tỉnh, chú Thiện bị tra khảo

LM. VŨ THÀNH

nhiều lần. Lần thứ nhất quan hỏi tên tuổi và quê quán, lý do đến Di Loan. Chú Thiện trả lời vắn tắt:

- “Tôi người làng Trung Quán, tỉnh Quảng Bình đến đây để tìm thầy dạy học”.

- “Người có phải là Công Giáo không?”

- “Phải, tôi là người Công Giáo, cha mẹ tôi cũng Công Giáo”.

- “Hãy bỏ đạo đi, ta sẽ tha cho”.

- “Đạo dạy tôi thờ kính Thiên Chúa dựng nên trời đất là đạo thật, tôi không thể bỏ được”.

- “Có lệnh của vua cấm, nếu không bỏ người sẽ bị chém đầu”.

- “Tôi sẵn sàng chịu chém đầu chứ không chịu bỏ đạo”.

Quan đổi chiến thuật, lấy lời ngon ngọt dụ dỗ:

- “Nếu cậu bỏ đạo thì ta gả con gái cho và giúp cho làm quan”.

- “Tôi chỉ ước mong làm quan, có địa vị trên trời, chứ làm quan dưới đất thì tôi không thèm.”

Quan tức giận vì thua một cậu thiếu niên, nên sai lính đánh 40 roi. Chú Thiện can đảm chịu đòn không kêu ca và khi thấy máu chảy ra còn nói lại: “Các ông xem máu tôi đã chảy ra”.

Quan bắt giam chú Thiện trong tù tại trại lính và bắt phải ngủ đất, đeo gông cổ và cùm chân.

Trong thời gian này chú Thiện còn phải chiến đấu với những lời dụ dỗ của những người đã chối đạo mà còn bị quan bắt giam với sứ mệnh phải cám dỗ những người khác. Họ giả vờ thương xót chú Thiện không có ai sẵn sóc, chia cơm cho chú và dụ dỗ hãy bỏ đạo như họ cho khỏi cực hình. Chú nhất mực không theo lời họ khuyên. Họ đổi thành giận ghét, để cho chú phải đói và mắng nhiếc chú, đổ tội tại chú mà họ không được tha về.

Ít ngày sau, quan đầu tỉnh Bùi Ngọc Quý lại cho mang chú Thiện ra công đường tra hỏi và ép chú chối đạo. Chú thưa lại: “Quan muốn

DÒNG MÁU ANH HÙNG

làm chi thì làm. Phần tôi, tôi hằng nhớ lời thánh Phaolô là chịu mọi sự khó cho danh Chúa được cả sáng.

Họ còn hỏi chú về cố Candahl và Jaccard. Chú chỉ thưa rằng có nghe cha mẹ nói đến rằng cố Jaccard bị tù đầy ở Cam Lộ. Lần này chú cũng bị đánh đòn 40 roi và sau đó truyền giam vào khám đường chung với Thừa Sai Jaccard. Lần này chú được ơn an ủi vì gặp linh mục để xưng tội và nghe lời khích lệ. Chú cũng bị tra khảo chung với Cha Jaccard ba lần nữa. Quan hỏi chú:

- *“Tổ tiên mày ở xứ này, sao lại theo đạo ngoại lai”.*
- *“Cha ông tôi đều theo đạo Công Giáo. Tôi được vinh dự nối gót các đấng. Tôi nhất định không bỏ”.*
- *“Người còn trẻ, khôì ngô tuấn tú, hãy đập ảnh theo lệnh vua để được tha, rồi sau đó muốn giữ đạo thế nào thì giữ”.*
- *“Không, không bao giờ tôi làm như thế”.*

Lần này quan cho phép lính đánh không thương tiếc. Chú Thiện không kêu ca chỉ than thở: *“Lạy Chúa, xin ban sức mạnh cho con được chịu sự khó cho nên”.*

Quan ra lệnh bắt hai cha con phải ngồi phơi nắng và cấm không cho ai mang thức ăn thức uống giữa trưa mùa hè. Cha Jaccard nói với chú: *“Chúng ta hãy vui lòng chịu sự khó cho đến cùng”.*

Phơi nắng xong quan lại lấy kim nóng để tra tấn, thịt da cháy kêu xèo xèo và tỏa mùi khét. Quan lại tra tấn bằng kim sống cho phải đau hơn. Quan làm như vậy vì có lệnh của Vua Minh Mệnh là phải làm sao ép được thừa sai và chú Thiện chối đạo. Quan lại tra hỏi chú Thiện: - *“Sao, có bỏ đạo không?”*

- *“Không!”*
- *“Phan Văn Kinh là đạo trưởng tây không bỏ đã đành, còn người hãy đập ảnh đi sẽ được về nhà, bằng không thì phải khép án như chúng ta đã khép án đạo trưởng tây”.*
- *“Xin quan hãy làm như quan muốn, tôi không bỏ đạo”.*

LM. VŨ THÀNH

Vị quan đầu tỉnh cũ đã không ép được hai cha con bỏ đạo thì phải đổi đi. Quan mới chỉ hỏi han và đánh qua loa rồi làm án cho chú Thiện như sau: “*Trần Văn Thiện, người An Nam, làm đạo trưởng bậc nhì, theo đạo Gia Tô, bị đánh đập mà vẫn cố chấp không từ bỏ, phải xử chém như thầy nó*”. Vua Minh Mệnh đã sửa lại là xử giảo để cho thân thể được toàn vẹn. Từ khi quan làm án thì chú Thiện không phải tra tấn nữa. Trong tù chú nóng lòng hỏi Cha Jaccard: “*Thưa cha họ còn để chúng ta sống lâu sao? Tại sao ngăn cản chúng ta được thấy Chúa sớm hơn và được đoàn tụ với Người?*”

Chú Thiện biết ngày tử đạo sắp gần thì lo thu xếp mọi việc, xưng tội, viết thư từ già họ hàng. Tối hôm trước ngày bị xử, chú còn bị một phen cảm dỗ dữ tợn nữa. Ông phó cơ Đuan suốt đêm đã vào nhà tù năn nỉ chú Thiện: “*Ông thương con, hãy chối đạo đi đã, rồi về nhà ăn năn sau*”.

Ông vừa nói vừa vuốt tóc và mặt chú, nhưng chú Thiện nói lại: “*Xin ông đi nghỉ, để mặc con. Ông không thương con mới nói những lời ấy*”.

Ông Đuan đi nghỉ một lúc, lại trở lại vuốt ve khuyên chú bỏ đạo, nhưng chú Thiện đã không nghe.

Sáng ngày 21-9-1838 cũng là ngày lễ Thánh Batôlômeo tông đồ, các quan và lính chừng 50 người đến nhà tù điều hai tử tội ra pháp trường. Lính chia thành hai hàng, có hai tên cầm hai tấm thẻ, hai tên khác cầm hai khoanh giầy đi trước, sau đó là cố Jaccard rồi đến chú Thiện. Tới một quán trọ, quan cho dọn mâm cỗ mời hai người. Chú Thiện hỏi: “*Cha có ăn không?*” - “*Cha không ăn*”.

Chú Thiện theo gương cha: “*Con cũng không ăn uống gì, con chờ bữa tiệc trên trời*”.

Quan quân và hai tử tội lại lên đường. Tới bến đò Sông Thạch Hãn có Cha An đứng ban phép giải tội. Qua đò họ đến làng Nhan Biều là nơi xử, nhưng các chức việc làng đã xin đi xa hơn một chút. Lính đóng cọc, tháo gông, tháo xiềng, cột dây vào cổ hai vị anh hùng tử đạo. Ban đầu lý hình vì sợ, cầm giầy ở đầu cách xa, nhưng quan giám sát đánh đập chúng và bắt phải cầm gông để kéo cho chính xác. Sau ba tiếng chiêng, lính kéo giầy ba lần linh hồn chú Thiện trở về với Chúa, giữ trọn vẹn lòng trung thành quả cảm. Lúc ấy vào giờ thứ chín. Sau khi tội nhân đã chết, lính đập trên ngực và lật sấp xuống đập trên

DÒNG MÁU ANH HÙNG

hai vai rồi chôn xác cả hai người ngay tại chỗ. Năm 1847, hài cốt chú Thiện được đem về chôn cất tại nghĩa địa ở Paris.

Cuộc Xung Đao & Tử Đao Của GIÁM MỤC PIERRE BORIE (CAO)

(bị bắt 31-7-1838, xử tử 24-11-1838 tại Quảng Bình)

Ngày 2-7-1838, Đức Cha Havard trong những ngày trốn chạy cực khổ ở rừng Bạch Bát tỉnh Ninh Bình cảm nghiệm giờ chết đến gần, đã làm tờ di chúc như sau: “Tôi định như thế này: Cha Phêrô Borie sẽ kế vị tôi với tước hiệu Giám Mục Acanthe theo sắc lệnh Tòa Thánh đã ban, trong trường hợp Cha Borie qua đời trước khi được tấn phong thì Cha Retord sẽ kế vị. Ngoài ra tôi cũng quyết định đặt Cha Retord làm cha chính coi phần đảng ngoài của địa phận này cho tới khi đức cha phụ tá và kế vị tôi định thế khác”. Ba ngày sau Đức Cha Havard qua đời, theo sau là hai đức cha địa phận Đông bị xử tử, để lại toàn thể Bắc Việt không có giám mục. Cha Pierre Borie chưa nhận được tin thì đã bị bắt.



Cha Pierre Dumolin Borie sinh ngày 20-2-1808 tại làng Cor tỉnh Limousin, Pháp. Chú Borie được cậu ruột là linh mục hướng dẫn đã xin vào đại chủng viện năm cậu 18 tuổi. Trong thời gian này thấy quyết định đi xứ truyền giáo để giúp người xa lạ. Thấy bắt đầu tập chịu khổ cực trong cách ăn mặc cũng như thức ăn, sốt sáng cầu nguyện và thích ở một mình. Năm thứ ba thấy chịu tang cha và từ giã mẹ để vào chủng viện Paris. Thấy đã phải lên trốn mà đi vì biết rằng người mẹ ở

lại phải đau khổ vô cùng. Trước lòng can đảm và cương quyết, Tòa Thánh đã chuẩn cho thấy được chịu chức linh mục sớm vào ngày 21-11-1838, vì chưa đủ tuổi. Ngày 1-12, cha xuống tàu sang viễn đông. Trước hết cha tới Macao ngày 15-7-1831, và năm sau, ngày 15-5-1832 tới Bắc Việt. Sau bốn tháng học tiếng Việt cha đã có thể giải tội. Bề trên sai cha đến coi xứ Nghệ An. Tại đây người Việt rất quý mến cha vì cha hoàn toàn đồng hóa như người Bắc Việt. Cha Masson

LM. VŨ THÀNH

làm chứng rằng: “*Dù không hợp đồ ăn Việt Nam, Cha Borie đã ăn rất ngon lành làm như đã sinh ra ở Việt Nam vậy. Hơn nữa cha rất bình đẳng với dân chúng, đôi khi cũng nói đùa với họ nữa.*”

Khi có lệnh bắt đạo năm 1833, các thừa sai tân mác, Cha Borie Cao coi xứ Bình Chính, Bồ chánh tỉnh Quảng Bình. Cha phải đổi chỗ ở có đến 17 lần. Năm 1835, cha có ý định táo bạo muốn về kinh để biện hộ đạo trước mặt vua, nhưng các thừa sai khác phải can lại vì Minh Mệnh quá hiểu biết đạo rồi.

Năm 1838 vì có kẻ tố cáo cố Kim (Candalh) mở chủng viện ở Di Loan, Minh Mệnh ra lệnh cho các quan lùng bắt, lệnh đến cả vùng Bồ Chánh. Trong dịp này có tên Khiết tố giác Cha Khoa. Cha Điềm cũng bị bắt theo. Một người giúp việc của Cha Khoa đã không chịu được đòn tiết lộ nơi ở của Cha Borie ở Hướng Phương, nên quan quân lùng bắt dữ tợn. Một người giáo dân tên là Tham đưa cha đến trong một hang ở bãi cát. Quan bắt được người con gái 16 tuổi tra tấn nhưng cô cam chịu đòn chứ không khai chỗ trú, nhưng cha cô lại nhát sợ đã dẫn lính đi lẩn quần gần chỗ trú. Thấy vậy Cha Borie đã chui từ hố cát lên nói với lính: “*Các ông đi tìm ai?*”

Lúc bấy giờ đang đêm, quân lính nghe tiếng hỏi thì sợ hãi không dám làm gì, xin người ngồi xuống, lúc ấy mới có một tên lính dám xông vào đánh người và bắt người. Hôm ấy là ngày 8-6 âm lịch. Sáng ra, tiếng đồn cha bị bắt lan rộng, chú học trò tên là Tụ đã đến gặp cha khóc lóc. Lính thấy vậy thì bắt trói lại. Cha Borie Cao sợ chú nhỏ tuổi không chịu được cực hình thì xin chuộc cho chú, song chú mạnh bạo thưa: “*Lạy cha, con trông ơn Chúa giúp cho con chịu sự khó cho đến cùng.*”

Thấy vậy Cha Borie xẻ khăn đồng đang đội trên đầu làm hai, cho chú Tụ một nửa làm dấu kết nghĩa và nói: “*Con hãy giữ miếng khăn này làm chứng lời con nói.*”

Sau đó cha và chú Tụ bị giải về Đồng Hới. Tại đây cha gặp Cha Khoa, Cha Điềm và một số giáo dân khác bị bắt.

Cuộc xung đạo của cha được chính hai vị Thánh Antôn Nguyễn Hữu Năm và Phêrô Nguyễn Khắc Tụ, cùng bị bắt và tử đạo, sau này tường thuật lại. Trước hết các quan ở huyện hỏi cha về những người đã chứa chấp cha, nhưng cha đã từ chối không trả lời. Viên ký lục

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Thông nói với cha: “*Nhưng nếu người ta lấy roi sắt đánh trên thân thể, liệu ông có im lặng mãi được không?*” - “*Đến lúc đó sẽ hay, tôi không khoác lác trước tòa án*”.

Trong những ngày đầu bị giam giữ, Cha Cao đã dùng thời giờ ca hát những thánh vịnh, an ủi giáo dân. Khi các quan hỏi han về lễ đạo người sốt sắng trả lời tỉ mỉ, giải đáp mọi thắc mắc. Một hôm quan Bộ (tuần phủ) nói cho cha biết sẽ trừng trị bằng những lời nói điên rồ thóa mạ đạo, cha đáp: “*Thà rằng đánh đập cho thân xác tôi dẫm máu, xé thành từng mảnh như quan muốn hơn là dùng những lời nói thóa mạ*”.

Phần dân chúng có vô số người thích đến nghe cố Cao nói chuyện về đạo. Lòng thương mến người và niềm vui phát ra từ nét mặt, mặc dù gông cùm khó chịu đã làm lương dân thán phục. Họ nói với nhau: “*Vị đạo trưởng này thật mê say đạo của mình, nếu người có thể tiếp tục dạy chúng ta, chúng ta sẽ tin theo giáo lý của người*”.

Từ đó các giáo dân ở các làng không còn bị lương dân sách nhiễu nữa. Thật vậy, có thể nói rằng vị chủ chiên bị bắt thì đoàn chiên được buông tha.

Khoảng tháng Tám, quan tổng cho lính xuống dẫn giải các cha về tỉnh. Ba cha được họ khiêng trên võng vì đường dài. Giáo dân khóc lóc theo chân. Tới bờ sông họ lội nước tới ngực để có thể theo đưa chân các cha cho tới cùng. Ngày hôm sau, 3-8, quan án bắt đầu tra hỏi cha tên tuổi, tâu nào mang cha tới Nam Việt, đã ở trong nước bao lâu, đi những nơi nào. Cha Cao lần lượt trả lời: “*Tôi được 30 tuổi rồi, đến Bắc Việt trong tâu của một vị quan đại thần, tôi đã thăm viếng tất cả các phần đất trong tỉnh từ 5,6 năm nay. Không có gì quan trọng phải kê khai từng nơi tôi đã đi qua. Tôi đến đây một mình. Và giờ đây tôi bị bắt nhưng tôi không phàn nàn điều gì cả, còn dân chúng là đại gia đình của quan, nên tôi xin quan đối xử nhân từ với họ và để cho giáo dân Bình Chính được bằng yên chỉ vì tôi mà họ phải liên lụy*”.

Quan lại nói: “*Chúng tôi rất thương dân chúng và quyền lợi của ông, vì ông không phải là kẻ cướp ngoài đường, nhưng chỉ vì ông theo đạo Gia Tô vì thế có lệnh của vua truyền chúng tôi phải tra khảo ông*”.

Sau đó lính đóng cọc xuống đất, đè Cha Cao nằm úp xuống rồi cột tay chân vào cọc, độn miếng gỗ dưới bụng cha và miếng khác dưới

LM. VŨ THÀNH

cầm. Sau đó họ đánh thẳng tay 30 roi. Trong 20 roi đầu cha không than thở một lời mặc dù máu chảy ra đầm đìa. Chỉ 10 roi sau cùng mới làm cho cha rên rĩ. Trong lúc bị đánh cha đã giết khăn tay vào trong miệng. Quan nói với lính: “Đủ rồi, đánh đập chỉ mất giờ mà thôi”.

Ông lại hỏi Cha Cao xem có đau không. Cha nói: “Tôi là người có xương có thịt như các người khác làm sao khỏi đau được? Nhưng tôi không quan tâm, trước và sau khi đánh đập cũng thế mà thôi, tôi rất hài lòng”.

Thấy vậy quan nói: “Người Âu Châu can đảm không lay chuyển được, chúng ta hãy tra tấn đứa học trò vậy, roi đòn sẽ dạy cho nó biết khai ra”.

Thấy Tự bị tra tấn bốn lần, chịu 110 roi. Thấy Tự một mực cam chịu đòn không khai gì khiến các quan phải thán phục nói: “Cậu thiếu niên này quyết tâm trở thành đạo trưởng và quả thực cậu ta xứng đáng. Cậu được Chúa phù trợ ban sức mạnh và mẫu gương của thầy mình khích lệ”.

Cha Cao còn bị tra hỏi nhiều lần nhưng vẫn một mực im lặng. Quan hỏi tại sao cố chấp như vậy, Cha Cao đáp: “Bên Âu Châu khi một người bị cáo ra trước tòa án xét xử, ông ta sẽ được xét xử theo luật lệ trong nước. Nếu có tội thì bị kết án và đưa đầu ra cho lý hình chứ không có bị đánh đập bắt nhận tội. Đánh đập chỉ là hành động tàn bạo. Vì lẽ đó mà tôi không nói”.

- “Nếu vua truyền lệnh đòi ông về kinh đô, có lò lửa nung kìm kẹp, thân xác ông sẽ bị lôi ra từng mảnh, liệu ông có thể chịu đựng nổi mà im lặng không?”

- “Khi nào vua ra lệnh sẽ biết, tôi không nói trước được”.

Đứng trước lòng can đảm bền vững của ông Năm và Thầy Tự, quan đến hỏi Cha Cao, mấy người có đạo khác dễ dàng bước qua ảnh, sao Thầy Năm này lại không chịu. Cha Cao đáp: “Vì mấy người khác không biết đạo cho rõ, không tin cho mạnh, còn Thầy Năm thì đã thông lẽ đạo, lại mạnh tin vững vàng, cho nên không có lẽ mà phạm tội chối đạo bước qua ảnh được”.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Sau cùng ngày 9-11 cả ba quan họp lại mà ra án cho ba cha và tâu về kinh. Trong thời gian tù cha nhận được tin làm giám mục, cha viết thư lại cho cố Nghiêm và các cha chủng viện Paris, trong đó có đoạn như sau: *“Tôi chỉ còn sống ít ngày nữa thôi và tôi để tâm dọn mình cho được chiến thắng trận cuối cùng. Tôi vẫn một lòng tưởng nhớ công ơn giáo hội đã làm cho tôi và cảm ơn các vị đã lo lắng cho tôi. Lòng yêu thương hằng nối kết chúng ta lại với nhau càng làm cho tôi bền chí đến cùng. Chúng tôi phải ra trước tòa quan nhiều lần, và nhờ ơn Chúa chúng tôi đã xưng đạo Chúa là đạo chân thật trước mặt mọi người. Gông cùm, roi đòn có làm cho chúng tôi kinh sợ, song trông cậy vào ơn Chúa phù trợ chúng tôi sẽ được ơn bền đỗ, dâng mạng sống mà làm chúng đạo thánh Chúa”*.

Cha Cao vẫn ước ao được sống cho đến ngày bị xử tử nên bảo giáo dân: *“Anh em hãy lo thuốc men cho tôi để sống tới ngày vua ra án tử, để như thế tôi chết vì đạo sáng danh Chúa hơn là chết vì bệnh”*.

Nếu người ta nói tới đút tiền để cha khỏi bị cơ cực thì người nói: *“Tôi không còn sống lâu, cần chi phải đút lót để giảm bớt cơ cực, còn Cha Điểm và Thầy Năm đã già có phải gông cùm thì tôi xin chịu thế cho”*.

Ngày 24-11-1838, lời phê án của vua Minh Mệnh ra tới tỉnh và được quan đến đọc cho các cha biết. Cha Cao vui mừng lạy tạ quan và nói: *“Từ nhỏ đến lớn, tôi chưa hề sắp mình lạy một người nào, nhưng hôm nay vì quan lớn đã liệu cho tôi được ơn chết vì đạo thì tôi xin lạy để cảm ơn quan”*.

Quan lớn cảm động vội nâng người lên. Lúc ấy quân lính đến để dẫn giải các tù nhân ra pháp trường.

Cha Cao đi trước giữa hai hàng lính, bước chân nhanh nhẹn thỉnh thoảng ngoái cổ lại đằng sau để xem hai cha Việt Nam đi sau. Các đảng, cổ đeo gông chân mang xích, khua vang đường phố, hòa lẫn tiếng kinh đọc và lời ca hát của các đảng làm thành một hoà điệu thấu nhập vào lòng người. Một quan ghét đạo đến gần Cha Cao hỏi: *“Ông có sợ chết không?”* - *“Tôi không phải là một tên giặc hay là trộm cướp gì mà sợ, tôi sợ có một Đức Chúa Trời mà thôi. Nhưng mà hôm nay tôi chết, ngày mai ngày mốt lại đến lượt kẻ khác, có gì mà sợ?”*

Ông quan giận mắng lại: *“Thật vô phép, lính đâu hãy vả vào mặt nó”*.

LM. VŨ THÀNH

Nhưng lính đi hai bên không anh nào dám làm. Cha Cao thấy vậy thì xin lỗi: “*Thưa quan, tôi có thưa lời nào vô phép thì xin quan tha cho*”.

Tới nơi xử, đã có sáu tấm chiếu mới trải sẵn, các cha qui xuống và cầu nguyện giây lát. Riêng Cha Cao ngồi xếp tròn, kéo áo xuống khỏi vai chờ lưới gươm của lý hình. Sau tiếng còi lệnh thứ ba, lý hình thất cổ hai cha Việt Nam trước rồi đến người có phận sự chém Cha Cao thi hành nhiệm vụ. Bản án viết trên tấm gỗ như sau: “*Tù nhân Âu Châu có tên là Borie Dumolin là ngoại nhân đã dùng lời khai trá, lén lút vào nước, đi đây đó giảng đạo Gia Tô xấu xa để lừa dối và dụ dỗ dân cứng cổ, làm mê hoặc lòng người. Lệnh phải chém*”.

Bữa ấy anh lý hình, vì say rượu không tinh táo, chém lát thứ nhất trúng tai cha và cằm, lát thứ hai chém đứt một bả vai, và lát thứ ba chém trúng cổ, nhưng không đứt. Anh ta phải chém bảy lát mới kết thúc. Ngay sau đó giáo dân ùa vào tôn kính, thấm máu đào lưu giữ làm kỷ niệm. Theo luật, xác các đấng đã phải chôn tại chỗ xử và năm sau mới có người lén trộm xác ban đêm với sự đồng ý ngầm của quan. Di hài Cha Cao được chôn tạm ở Nghệ An. Năm 1842, được đưa về chôn ở viện Paris, Pháp.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo Của LINH MỤC PHÊRÔ VÕ ĐĂNG KHOA

(bị bắt 2-7-1838, xử giáo 24-11-1838 tại Quảng Bình)

Cha Phêrô Võ Đăng Khoa sinh khoảng năm 1790 tại làng Thượng Hải tỉnh Nghệ An. Cha là Phaolô Tân, mẹ là Pia Phạm Thị Hoan. Năm chín tuổi cậu Khoa được cha mẹ cho đi học chữ nho. Các cha thấy cậu sáng dạ và ngoan ngoãn đã chọn cậu vào nhà Đức Chúa Trời ở với Cha Hoa và Phụng. Sau đó chú Khoa được gửi về Kẻ Vĩnh học La Tinh và lý đoán. Thấy Khoa được chịu chức linh mục năm 1830, lần lượt giúp các xứ Bạch Bát, Thanh Chương, Kẻ Đông, Bình Chính trong hai làng Lu Đăng và Vĩnh Phước. Sau cùng cha được chỉ làm cha xứ Cồn Dừa.

Tướng mạo cha rất nghiêm trang khiến người mới gặp phải sợ hãi, nhưng một khi đã tiếp xúc thì mộ mến nhân đức và lòng ưu ái của

DÒNG MÁU ANH HÙNG

người. Suốt đời cha phải cực khổ, đến khi bắt đạo lại phải trốn chạy, không nhà không cửa. Trong hai năm cuối trước khi bị bắt, cha đã trọ tại nhiều nhà vừa để tránh quan quân vừa để củng cố đức tin giáo dân.

Ngày 27-7-1838 Cha Khoa đi làm lễ ở Lễ Sơn bị Tú Khiết mang 15 gia nhân đến bắt. Vì từ 26-6 có lệnh triều đình lùng bắt cố Kim (Cha Candahl) ở 3 tỉnh Thừa Thiên, Quảng Trị và Quảng Bình. Ngày 8-7, quan huyện giải Cha Khoa và 2 chú về tỉnh Đồng Hới, và một tuần sau quan tra tấn Cha Khoa và tường trình về bộ hình. Cha Khoa cam chịu 79 roi không xưng tên một ai, nhưng chú Khang, học trò của người, vì bị đánh đau và nhát sợ nên đã khai nơi ở của cố Cao (Cha Borie) và một số cha khác ở Bình Chính. Ngày 26-7, quan huyện Nguyễn Tế Thế sai 60 lính đi Cồn Giũa để bắt cố Cao nhưng không được liền đến Hướng Phương như lời khai của chú Khang. Ở đây cũng không bắt được ai nên quan huyện cho lính càn quét các làng Đan Sa, Diên Phúc và Mĩ Hòa. Vì thế họ đã bắt được Cha Điểm ở Đan Sa ngày 27-7 và Đức Cha Cao ở Mĩ Hòa ngày 31-7. Thấy Tự nóng lòng muốn biết Đức Cha Cao gặp nạn thế nào liền đến Mĩ Hòa, nên thấy cũng bị bắt ngày 31-7-1838. Đức Cha Cao, Cha Điểm và Thấy Tự bị giải về Đồng Hới, nơi Cha Khoa đang bị giam giữ, ngày 2-8.

Khi cả ba cha và Thấy Tự bị giam tại Đồng Hới, Cố Cao thay mặt trả lời các điều quan hỏi. Ngày 4-8, trong lần tra khảo thứ hai quan có hỏi riêng Cha Khoa: *“Trước đây ông có biết hai người này không?”*

Cố Cao thưa thay: *“Bây giờ chúng tôi biết nhau, nhưng trước đây quan quân lùng bắt, mỗi người tan tác mỗi nơi không gặp nhau”.*

Trong nhà tù Quảng Bình, ba cha vẫn cầu nguyện chung với nhau. Có hai người, ông Trùm Năm và Thấy Tự, cũng bị giam nhưng ở lầu dưới.

Ngày 9-11, các quan làm án cho ba cha phải xử tử, hai Cha Khoa và Điểm bị xử giảo, còn ông Năm và Thấy Tự giam tù chờ lệnh sau. Ngày 24-11, án của vua phê ra tới tỉnh nhằm ngày thứ Bảy, các cha đang ăn chay. Hôm ấy quan làm cỗ cho các tử tù, song ba cha không ăn chỉ uống một ít rượu cho đẹp lòng quan. Các tù nhân khác đều đứng dậy chào ba cha lần cuối trong nước mắt. Quan nói với các cha là không thể dời việc hành quyết lại ngày khác để các cha có thể ăn

LM. VŨ THÀNH

thịt được, rồi ông đọc bản án. Cha Cao lần đầu tiên lạy cảm ơn quan vì ơn trọng được tử đạo vì danh Chúa, hai Cha Điềm và Khoa cũng làm theo. Sau đó ba cha bước theo lính đến nơi hành quyết. Hai hàng lính đi hai bên, ở giữa là Cha Cao đi trước, đến Cha Khoa rồi Cha Điềm. Cả ba vị hớn hở bước đi. Có bốn người lính nâng bốn góc gông của các đấng. Tới nơi xử gọi là Tân Ninh, giáo dân trải sẵn sáu tấm chiếu mới. Cha Khoa và Cha Điềm nằm sấp mặt xuống chân tay trói vào ba cọc như hình thánh giá. Hai bên đầu giày xiết cổ hai cha, đưa linh hồn các đấng về với Chúa. Tấm thẻ gỗ viết án Cha Khoa như sau: “*Võ Đẳng Khoa thuộc làng Thuận Ngãi tỉnh Nghệ An, đạo trưởng Gia Tô phải xử giảo theo lệnh vua*”. Xác các đấng được chôn tại chỗ xử, ngoài thành Quảng Bình bên kia sông.

Phêrô Trần Văn Thiêng đã tường thuật việc bốc xác ba đấng tử đạo như sau: “*Cha Chính Nghiêm (Masson) coi sóc xứ Nghệ, sai tôi là kẻ giảng Phêrô Trần Văn Thiêng vào Quảng Bình sánh, Bình Chính huyện, năm 1839, năm An Nam là Kỷ Hợi, vua An Nam là Minh Mệnh thập cửu niên (19).*”

Người dầy tôi rằng: “*Con vào trong ấy mà lo liệu cất xác các đấng về cho cha, mà có đưa về cả được thì tốt, bằng chẳng liệu được cả thì cha cho phép lấy hài cốt các đấng cho dễ như thói An Nam đã quen.*”

Tháng mười ta năm ấy tôi ở tại tỉnh Quảng Bình có Thầy Tự là con (thiêng liêng) cố Cao và ông Năm phải giam ở đó. Hai ông ấy bảo tôi rằng: “Ông phải lo liệu đưa xác các đấng ấy đi cho chúng tôi xem thấy, kéo sau này quan xử chúng tôi rồi thì chẳng có ai đến đây làm chi nữa, mà bỏ các đấng mãi đó thì chẳng được.”

Tôi nói cùng Thầy Nguyễn và chị Mễ xin lo liệu chung với tôi. Sau đó chúng tôi vào thưa quan xin người phủ làm đơn cho chúng tôi được linh xác ba ông đạo trưởng, kéo để các đấng nơi trâu bò đi lại thì chúng tôi lỗi đạo cùng các đấng, vì chúng tôi là đạo kẻ làm con.

Quan liền nói: “Ta chẳng dám phúc đơn vì vua đang ghét lắm. Bay có lấy trộm được thì ta cho phép.”

Chúng tôi bàn cùng nhau lấy trộm xác các đấng ban đêm vào tháng Mười năm ấy. Khi mở xăng Cổ Cao ra thì không thối không thâm, trong xăng có nước đứng đến trên cổ chân. Người phải chém đầu, cho nên khi ấy tuốt một cái thì thịt ra một đàng, xương ra một đàng, chân

DÒNG MÁU ANH HÙNG

thừa ra ngoài xương độ hơn một gang thì thịt có mềm song không tuốt đi được. Còn từ vai trở xuống, thịt còn cứng không lấy xương ra được, phải khiêng lên đem vào nhà tế dựng, mà lấy xương ra một đàng, thịt ra một đàng, nhưng cũng không lấy được, vì thịt chắc lắm, cho nên phải đem vội xuống thuyền đến chợ Đồng Hới một ngày một đêm. Khi đem vào nhà tế dựng, thì có phỏng chừng hơn mười lăm người xem thấy, kẻ có đạo khoảng 4, 5 người mà thôi, còn những người không đạo là kẻ ăn mày cũng xem thấy như vậy.

Đến tối hôm sau mới lấy xác Cố Khoa thì thịt người có mềm hơn, song cũng chẳng lấy thịt ra một đàng xương ra một đàng được, lại phải khiêng xác xuống thuyền, đến hôm sau lại đưa cả hai xác lên nhà Thầy Nguyễn ở làng Mỹ Hương huyện Lệ Thủy. Từ nơi lấy xác mà đến nhà Thầy Nguyễn phải chừng nửa ngày đàng mới tới, chúng tôi đào lỗ xuống đất và để xác các đấng xuống, đoạn đổ vôi vào hai xác ấy cho nát thịt ra, để chỉ lấy xương, song thịt cũng không nát. Sau phải xé thịt ra mà lấy xương rồi mới lấy giấm và rượu để rửa, đoạn lấy giấy và vải bọc xác hai đấng ấy và bỏ vào bồ đập lại. Đoạn tôi đưa về Nghệ An, Thuộc Dược xã, Chân Lộc huyện, Kẻ Gồm thôn. Khi ấy hai cố ở đó là Cố Chính Nghiêm (Masson) và Cố Nhưộng (Simonin). Hai cố ấy lấy làm mừng, cất xác Cố Cao cách trọng thể lắm.

Đây là những lời chúng tôi, là kẻ lo việc, xin làm chứng rất thật chẳng dám thêm bớt chút nào, xin người thương cho. Petrus con mọn Thiêng ký”.

Cha Masson tỏ ra hối tiếc vì thầy giảng đã làm theo lệnh từng chữ, khiến không mang thân thể các đấng về toàn vẹn. Họ mang về lần thứ nhất xác Cha Cao và Khoa, lần sau xác Cha Điểm. Chiều ngày 2-12, xác các vị được đưa tới chỗ Cha Masson trú. Cha Masson dựng một nhà mồ để hài cốt các đấng, đốt đuốc trọn hai ngày đêm. Hai cố cùng với giáo dân cử hành nghi lễ an táng trọng thể. Trong thánh lễ có năm cha Việt Nam và nhiều thầy Sáu, thầy Năm. Sau lễ, hài cốt các đấng được chôn xuống lòng nhà thờ cũ.

LM. VŨ THÀNH

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo Của LINH MỤC VINH-SƠN NGUYỄN THẾ ĐIỂM

(bị bắt 27-7-1838, xử giáo 24-11-1838 tại Đan Sa)

Ông Phanxicô Nguyễn Văn Sang, người giúp việc và cùng bị bắt với Cha Vinh Sơn Điểm làm chứng rằng Cha Điểm người làng An Do (Quảng Trị) học La Tinh ở trường Hường Phương và Lý Đoán ở Vĩnh Trị, chịu chức linh mục khi đã nhiều tuổi. Cha được bổ nhiệm coi sóc giáo dân xứ Côn Nẫm tại Bó Chánh, tỉnh Quảng Bình. Giáo dân mộ mến cha vì cha hết lòng với họ, chăm giải tội và sai các thầy đi khuyên bảo, rửa tội cho trẻ em. Người dâng lễ mọi ngày và thường có giảng. Người đã nuôi được Cha Chính, Cha Tự và Cha Triêm. Khi ăn cơm, các người nhà thay nhau đọc sách và nghe cha giảng dạy. Người có lòng kính mến Đức Mẹ, và tuy tuổi già vẫn thường ăn chay hai ngày thứ Tư và thứ Sáu mỗi tuần.



T. VINH SƠN NGUYỄN THẾ ĐIỂM
Tranh Phi Hùng

Khi Cha Điểm hay tin Cha Khoa đã bị bắt liền sai ông Sang đi sang làng An Bài để xin giáo dân giúp trốn ẩn. Trên đường đi, ông nghe có tin quan quân đến nhưng ông vẫn cứ đi An Bài. Giáo dân làng An Bài không liệu cách nào được thì có hai ông tình nguyện đưa cha đi trốn. Sáng hôm sau chính hai người này đem lính huyện đến bắt cha và dẫn về Đan Sa. Hôm ấy là ngày 6-6 âm lịch, cha vì tuổi già và bị đe dọa đã lộ khai tên mấy gia đình đã cho cha trú. Ông Sang, Thầy Lang

DÒNG MÁU ANH HÙNG

và mấy người này cũng bị bắt. Khi cha được dẫn đến quan huyện cùng với Cố Cao và Cha Khoa, cha đã thưa với quan: *“Tôi đã già và quá sợ hãi mà khai tên một số người, tôi xin quan trả tự do cho họ”*.

Vì tuổi cao, gần 80, cha không bị các quan tra tấn. Có một lần quan đe sẽ đánh đòn thì Cố Cao đã xin chịu thay. Việc đối đáp cũng vậy, cha để cho Cố Cao thưa thay cho tất cả. Có một lần quan hỏi đích danh Cha Điểm: *“Trưởng đạo Điểm, đã có luật vua cấm giữ đạo này, song nếu ông chịu bước qua ảnh tôi sẽ trả tự do cho ông ngay lập tức”*.

Cha Điểm đã mau mắn từ chối: *“Tôi thà chịu chết trăm lần chứ chẳng thà làm việc ấy”*.

Quan đã làm án cho cha, Cố Cao, Cha Khoa, ông Năm và Thầy Tự. Phần của cha, quan viết: *“Võ Đăng Khoa và Nguyễn Thế Điểm là người nước Nam tòng phạm với tên Cao làm điều xấu xa, tự nhận là đạo trưởng, dùng những bùa phép kín đáo để dụ dỗ dân chúng đã bị bắt, tra hỏi và không chịu quá khóa. Thật cố chấp không tha được. Vậy phải xử giảo”*. Án được châu phê ngày 4-10 âm lịch do các quan Lê Đăng Đình, Đoàn Văn và Võ Trang Phong.

Ngày 24-11-1838, cha đã bị hành quyết cùng với Cố Cao và Cha Khoa, xác được giáo dân chôn ngay tại chỗ xử. Về sau Cha Tự cải táng người về Hướng Phương có xảy ra một sự kiện lạ. Một chú học trò đã lén trộm một miếng xương đốt ngón tay trở, liền bị đau bụng dữ dội. Cha Tự hỏi xem có lấy gì không. Sau khi thú tội, trả lại xương và đến cầu nguyện với Cha Điểm thì được khỏi ngay.

Một truyện khác được kể rằng có một gia đình Công Giáo nhưng không giữ đạo lắm, gặp lúc bắt đạo dữ tợn mà nhà ở gần mộ Cha Điểm thì sợ bị bắt, nên đã cả gan phá mộ đi. Ông ta đã phải chết khổ nạn. Năm 1867, một chủ điền thả bò ăn cỏ nơi mộ Cha Điểm, thì bò đã bị liệt hai chân. Ông chạy đến mộ cầu xin thì bò mới được khỏi.

LM. VŨ THÀNH

**Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo Của
THẦY GIẢNG PHAOLÔ MĨ**

(bị bắt 20-6-1837, xử giáo 18-12-1838 tại Sơn Tây)

Khi quan quân bắt Thừa Sai Cornay ở Bầu Nọ, Sơn Tây thì họ cũng bắt ba thầy giảng Mĩ, Đường và Truật. Ban đầu các thầy bị kết án giam hậu nên không được tử đạo cùng với Cha Cornay. Trong suốt thời gian một năm rưỡi ở trong tù, Thầy Mĩ đã có công dẫn dắt các thầy kia và mạnh mẽ xưng đạo trước mặt quan.

Trong bản án ghi rõ quê quán của Thầy Mĩ như sau: “*Nguyễn Văn Hữu, ở làng Sơn Nga, huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nội có tội vì theo đạo Gia Tô. Nó đã xưng nhận như vậy. Án của triều đình xét lại mùa thu năm nay truyền phải xử giáo. Minh Mệnh năm thứ 19 tháng 2 ngày 11 âm lịch*”.

Thầy Mĩ sinh năm 1798 tại làng Kê Non. Cha mẹ tên là Hữu Đắc vào bậc khá giả và có lòng đạo đức, dạy dỗ con cái biết chăm lo đến phần rỗi đời đời. Người là em trong số năm người con, anh cả tên là Nguyễn Văn Hữu còn tên người ở nhà là Hào.

Chú Mĩ đã dâng mình trong nhà Chúa, ở với Đức Cha Longer, sau ở với Cha Luật, xứ Kê Đam. Khi Cha Luật đổi xứ thì chú Mĩ về học ở Vinh Trị. Năm 1823, làm thầy giảng giúp Cha Luật ở Kê Trinh. Năm 1834, thầy vâng lệnh bề trên đi lên miền núi ở Sơn Tây. Sau ba năm phục vụ, thầy đã được bề trên chọn lên chức linh mục, song ý Chúa lại định cho thầy được phúc tử đạo trước.

Ngày 20-6-1837, khi quan vây làng Bầu Nọ, Thầy Mĩ nhờ người đem Cố Cornay đi trốn, còn thầy mang các đồ đạo đi giấu, rồi cùng với các thầy khác theo lệnh quan ra đình làng để điếm mục. Quan vây làng và khám xét từ sáng đến trưa mà không bắt được ai thì định tâm rút quân, nhưng bà Yến là người tố giác đã quả quyết là có cố tây và chỉ mặt Thầy Mĩ, Thầy Đường và Thầy Truật cho quan bắt. Các thầy bị đánh đòn tra khảo chỗ ở của Cố Cornay, song các thầy can đảm chịu đòn chứ không khai chỗ trú ẩn. Buổi chiều khi Cố Cornay bị bắt rồi, thầy mới khai nơi cất giấu đồ đạo một ít. Các thầy phải dầm sương giải nắng suốt ba ngày theo đoàn quân về tỉnh Sơn Tây. Trong tù Thầy Mĩ và Đường phải đeo gông và xích nặng, ban đêm có cùm

DÒNG MÁU ANH HÙNG

chân. Trên gông có đề chữ Mĩ, Đường tôi tớ của Cố Tần. Còn Thầy Truật trẻ, nên chỉ mang gông nhẹ và có thể đi lại tự do trong tù.

Chính ba thầy đã viết thư tường thuật tất cả mọi việc từ khi bị bắt và giam tù cho hội truyền bá đức tin. Về cảnh tra khảo các thầy viết: *“Từ khi vào trong tù chúng tôi phải điệu ra trước mặt quan hàng ngày mặc dù chúng tôi đã nhất quyết phủ nhận không biết gì về tướng giặc cũng không bao giờ giúp họ. Các quan vừa đe dọa vừa dụ dỗ để ép chúng tôi tiết lộ về các thừa sai hoặc phải chối đạo. Thầy Mĩ bị coi là tội nhân chính đã phải ra trước tòa quan án 40 lần. Trước hết, họ lột quần áo chúng tôi. Chúng tôi phải nằm dưới đất, tay chân bị trói giang ra các cọc thật đau đớn. Sau đó họ đánh đòn. Lần sau cùng họ đã đánh bằng roi có nhiều sợi chì. Họ thay phiên nhau để đánh. Mỗi lần roi quất các móc chì lòi thịt ra làm thành những vết thương. Thầy Mĩ chịu 130 roi, Thầy Đường 90 và Thầy Truật 60. Sau lần tra khảo ấy, hai người lính phải khiêng chúng tôi về nhà giam và sau nhiều ngày chúng tôi mới có thể mở miệng nói được vài lời. Mục đích các lần tra tấn là để bắt chúng tôi phải nhận là người phản nghịch và trộm cướp. Vì đã khai là người Kitô từ đầu nên không bị hạch hỏi về đạo nhiều. Chúng tôi đã cực lực phủ nhận lời tố cáo làm phản nghịch mà chỉ nói rằng chúng tôi có mỗi một việc là học đạo và dạy đạo mà thôi. Họ bắt đầu quay sang hỏi chúng tôi về giáo lý, đọc các kinh và cắt nghĩa các dấu chỉ. Lời cắt nghĩa của Thầy Mĩ đã làm cho họ thích thú hỏi han thêm. Các quan hỏi: ‘Người thật vô lý, đã thấy hỏa ngục của thế giới mai sau chưa mà hiện giờ đang phải khổ trong hỏa ngục tù đầy này. Các người há không có thần chú bùa phép cho bớt đau sao? Các người bị đánh đau hơn tất cả mọi người khác sao không thấy kêu la?’*

Chúng tôi trả lời rằng chúng tôi chịu đựng mà không rên la để được phần thưởng. Dù các quan đánh đập nữa hay kết án tử chúng tôi cũng không giận dữ và không nguyên rủa các vị đầu. Chúng tôi rất sẵn lòng. Từ đó quan nói là không còn muốn kết án những người sung sướng được chết. Chúng tôi đồng thanh thưa lại: ‘Nếu quan muốn làm ơn thì chúng tôi không từ chối ơn được sống, nhưng nếu quan muốn đổ máu thì chúng tôi sẵn sàng, nhưng còn đập ảnh thánh giá thì chúng tôi sẽ không bao giờ làm vì để được tự do mà phải làm như thế thì chúng tôi liệu mình phải kết án đời đời cả xác lẫn hồn.’

LM. VŨ THÀNH

Chúng tôi còn bị tra hỏi như thế hai lần khác nữa trước mặt rất đông lương dân đứng chật công đường, trong đó có 8 người giáo dân chối đạo.”

Trong thư Thầy Mi không kể hết những điều quan trọng đốc Lê Văn Đức đã hạch hỏi về đạo như đã có lệnh vua cấm sao còn theo, trong đạo có chuyện làm bùa mê, các đạo trưởng thông gian với phụ nữ, v.v. Thầy Mi đã thưa lại: *“Thưa ba quan lớn, chúng tôi xả thân cầu đạo, nếu có khoét mắt người nào thì anh em con cái họ để chúng tôi sống chăng? Trong đạo chúng tôi có truyện đổi tề như thế thì còn dấy bảo được ai. Mà nếu chúng tôi đi tu, nếu có ăn ở thế ấy thì vợ chồng người ta còn để chúng tôi đến nhà mình nữa chăng?”*

Quan lại hỏi theo cố tây từ hỏi nào và ở những đâu, Thầy Mi không thưa tên cố nào và ở nơi nào chỉ nói rằng: *“Chúng tôi theo cụ tây mà đi giảng đạo, chúng tôi không thể chối đạo được, không dám bước qua thánh giá Chúa. Các quan muốn làm gì thì làm”.*

Khi các thầy bị đánh đau như vậy có người hỏi làm sao chịu được, Thầy Mi đã nói: *“Khi phải đòn đến bất tỉnh rồi thì quân lính kiêng xuống cuối sân, rắc ít lá vào vết thương thì bớt đau và không sưng lên, nhưng mà chẳng cần phải có thuốc gì, vì giữ đức nhịn nhục và chịu khó bằng lòng là thuốc tốt hơn cả, vì sự ấy làm cho mình được thêm công trước mặt Đức Chúa Trời. Còn các quan đánh hay làm khổ mà chúng tôi không dám kêu ca là vì cố ý muốn làm đẹp lòng Chúa”.*

Chính các thầy viết về cảnh sống trong ngục như sau: *“Trở về ngục chúng tôi tiếp tục mang gông nặng và xiềng, phải chịu những hành hạ của lính canh. Chúng tôi phải ngủ mùi hôi thối trong nhà tù chật hẹp ẩm thấp, bao nhiêu những gai nhọn châm vào từ dưới chân lên đến đầu mà chỉ có chết mới được giải thoát. Rồi những vết thương nhức nhối vì tra tấn đánh đập. Bốn tháng đầu Thầy Mi và Đường phải chịu như thế, còn Thầy Truật phải chịu khổ cực ít hơn, cho tới khi có án của Cố Cornay ngày 19-10-1837, và chúng tôi biết là bị kết án giáo giam hậu vì theo đạo Kitô”.*

Ban đầu ba thầy bị giam riêng biệt nhau, sau mới được ở chung để có thể an ủi nhau. Cha Triệu được vào trong tù để đưa Mình Thánh Chúa đã không chịu nổi mùi hôi thối khi ra ngoài đã bị ngứa xiu. Các thầy xin Cha Marette gửi cho một cuốn sách ngắm sự thương khó để suy ngắm chung với nhau. Mỗi ngày các thầy lần hạt tràng trăm rưỡi.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Với người đến thăm, Thầy Mĩ thường khuyên họ chịu khó giữ đạo và làm các việc bổn phận cho nên. Với người nhà, thầy để lại cho họ mấy lời di chúc sau đây: “*Thứ nhất anh em hãy ở hòa thuận với nhau trong nhà cũng như ngoài làng, phải giữ đạo cho sốt sắng vì anh em không ở mãi dưới thế này. Thứ hai về phần tôi, Chúa đã định cho được chịu khổ tôi sẵn lòng, khi hành quyết thì anh em hãy lên, để anh em mình được nhìn thấy nhau lần sau hết, và sau đó thì đem xác về nhà quê để được ở gần với họ hàng. Thứ ba, về của cải cha mẹ để lại cho tôi thì xin chia hai phần, một phần anh em giữ lấy còn phần kia anh em dâng cúng vào nhà chung, vì nhà chung đã nuôi nấng tôi và bây giờ tiếp tục nuôi người khác giúp việc hội thánh.*”

Thầy Mĩ cố gắng thuyết phục những người đã chối đạo cùng bị giam song không thành công. Thầy cũng năng giảng giải đạo lý cho người bên lương. Thầy viết thư cho Cha Murette tỏ lòng con hiếu thảo và nói lên quyết tâm trung thành xưng đạo tới chết. Thầy viết: “*Vì mọi người đều biết con là thầy giảng đứng đầu và trông coi mọi việc trong nhà Đức Chúa Trời nên họ đã tra vấn con nhiều. Con vui lòng chịu những khổ nhục dưới thế này để tránh hỏa ngục đời đời. Thánh Kinh đã chẳng viết là Chúa sửa phạt đứa con người yêu thương? Con vẫn không ngừng xin cho được ơn bền đỗ theo thánh ý Chúa.*”

Với các nữ tu đã từng giúp các thầy trong những ngày tu, Thầy Mĩ viết thư cảm ơn, an ủi họ và khích lệ họ can đảm như bà mẹ Macabê chúng kiến các con mình chịu chết. Thầy khuyên: “*Chớ gì những bà lớn tuổi và sốt sắng hãy tỏ lòng ưu ái tới những người yếu đuối mới gia nhập đời sống tu, sợ rằng những chị này nản lòng và bỏ ngay đời tu khi thấy cơn sóng gió nổi lên. Các chị cũng đừng bắt chước những người hão huyền thích được phô bày trước mắt người ta như bông hoa mùa xuân. Trái lại các chị phải nhắc nhở mình luôn đến mục đích đã bỏ đời đi tu, không bận tâm đến nỗi khổ cực của cuộc sống, nhưng tự nguyện hiến thân làm vinh danh Chúa và cứu rỗi anh em đồng loại. Nhà của các chị được gọi là nhà thánh giá, hay thánh giá chính là triều thiên của mọi khổ cực. Các chị đừng lấy làm lạ được thông phần vào thánh giá. Khi vâng lời, các chị đã đi đúng đường lối của mình, đừng nghĩ rằng ngọn núi khác dễ dàng leo hơn. Trên hết các chị đừng mở đường cho mối bất hòa, nhưng nếu lửa bất hòa có đến thì chỉ có nước dập tắt được đó là sự đoàn kết.*”

LM. VŨ THÀNH

Mùa thu năm 1838, triều đình có thói quen xét lại các vụ án mà không tra hỏi gì thêm. Ngày 17-12, bản án của vua đến tỉnh. Khi hay tin, Thầy Mĩ đang đan thúng liễn bỏ đậy để lo dọn mình. Các thầy biên vội vào giấy gửi ra cho Cha Triệu và hẹn ngày phải hành quyết sẽ gặp nhau ở sân dinh quan để lãnh phép xá giải. Việc hành quyết đã không xảy ra ngay hôm đó vì nhằm ngày rằm tháng 11, mọi người kiêng cũ không muốn máu tội nhân đổ ra. Ngày hôm sau, lúc 10 giờ, ba thầy cùng bị điệu ra pháp trường Gò Sỏi với 16 tội nhân khác có 300 lính hộ vệ. Mỗi tội nhân có bốn lý hình đi theo: một người cầm bản án bằng gỗ, hai người cầm xích và gông và người cầm gươm đi sau. Sau cùng là người đánh phèng và hai sĩ quan cỡi voi. Các anh hùng xung đạo vui tươi bước đi vững chắc, trong khi thỉnh thoảng giữa đám đông nghe thấy tiếng người nói to: “*Xem kìa, toán lính của Chúa Giêsu*”.

Tới nơi xử, các binh sĩ làm thành vòng tròn chung quanh các tội nhân, trong khi lý hình sửa soạn hình cụ. Thầy Mĩ và Truật bị cột vào cọc gần nhau trên những tấm chiếu giáo dân đã trải sẵn. Các thầy nằm sấp giang tay ra và chân bị trói vào một cọc, sợi giây vòng qua cổ chờ đợi lệnh. Vào khoảng một giờ trưa, lệnh quan vừa phát ra, lý hình kéo giây thật mạnh, các vị anh hùng lắc lư cái đầu trong cơn hấp hối. Ngay sau đó quan đội đã thỏa thuận cho người Công Giáo lấy xác và đem các đồ vật của các đấng đặt ở bên, như giày thừng, xích sắt, bản án. Đêm hôm ấy hai cha, hai thầy giảng, năm nữ tu và 30 giáo dân đã làm lễ an táng cho các vị tử đạo tại xứ Cao Mai. Suốt trong tám tiếng đồng hồ, 14 cây nến đốt chung quanh, hương trầm tỏa bay nghi ngút cho đến bốn giờ sáng thì các cha rút lui trước, trở về nơi trú ẩn quen thuộc. Xác các thầy được chôn trong gian nhà cuối của bà góa tên là Tín. Bảy tháng sau họ hàng Thầy Mĩ lên đưa xác về chôn ở Kê Non là nhà quê như lời thầy đã trời trăn.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo Của THẦY GIẢNG PHÊRÔ NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG

(bị bắt 20-6-1837, xử giáo 18-12-1838 tại Sơn Tây)

Phêrô Nguyễn Văn Đường sinh năm 1808 tại làng Kê Sở, huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nội. Gia đình nghèo khó nhưng rất đạo đức, có hai chú ruột làm cha, trong đó có Cha Nguyễn

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Văn Thi, Thánh tử đạo. Mới được chín tuổi, cậu Đường đã xin với chú là Cha Thi cho đi ở nhà Đức Chúa Trời. Cha Thi đang coi xứ Sông Chảy gửi chú Đường ở với Cha Phụng là cha xứ ở An Tập. Sau sáu năm thì chú Đường lại ở với Cha Trạch, xứ Bầu Nọ. Năm người được 26 tuổi, bề trên ban sắc cho làm thầy giảng và giúp xứ Bầu Nọ. Thầy Đường rất vui tính, chăm chỉ làm việc và sốt sắng đọc kinh.

Trong thời kỳ bắt đạo cha xứ phải đi trốn, trong nhà chỉ có Thầy Mĩ, Thầy Đường và Thầy Truật. Thầy Đường mau mắn vâng lời thầy bề trên, và cần mẫn làm trảng hạt cho bốn đạo. Khi quan lãnh binh vây làng Bầu Nọ để bắt Cố Cornay, nhưng không được thì người tổ giác đã chỉ mặt Thầy Mĩ và Thầy Truật là người của Cố Cornay. Thầy Mĩ và Thầy Truật chịu đòn vẫn không khai nơi trốn của cố, người tổ giác lại chỉ mặt Thầy Đường đang ngồi giữa đám dân chúng nói rằng, thầy cũng là người của cố Cornay. Thế là ba thầy bị bắt trước, rồi sau Cố Cornay cũng bị bắt.

Các thầy bị tra tấn ba lần hết sức dã man đến nỗi Cố Cornay ngồi trong cũi thấy vậy cũng phải hô lên: *“Bên nước chúng tôi không có việc tra tấn như vậy”*.

Thầy Đường bị đánh 80 roi. Mọi lần Thầy Mĩ vẫn thưa thay cho cả ba. Thầy Đường chỉ một mực nói: *“Quan lớn muốn tha thì được nhờ phúc dư của quan lớn, mà nếu quan lớn bắt tội phải chém hay chết cách nào thì cũng sẵn lòng. Còn việc bước qua ánh để chối đạo thì không bao giờ, vì cho dù làm vậy được thông dong ít lâu ở dưới thế này mà lại thiệt mất linh hồn và xác đời đời”*.

Các quan làm án cho Thầy Đường phải xử giáo nhưng Minh Mệnh đã sửa lại là giam giữ.

Trong tù, Thầy Đường có viết cho Cố Murette mấy bức thư mà cố đã trích lại trong bài tường thuật về tử đạo của ba thầy giảng xứ Bầu Nọ: *“Con mọn là Đường lay cố ngàn lay. Con có nhiều tội không đáng viết thơ cảm ơn và cầu chúc cố, song tin vào lòng nhân lành của Chúa Giêsu Kitô, con xin Người gìn giữ cố hồn an xác mạnh để giáo hội Bắc Việt được tôn tại lâu dài, nhờ các việc lành của cố. Từ khi con được diễm phúc chịu khổ vì đức tin, con vẫn nương nhờ Thầy Cai Mĩ viết thay. Nhưng hôm nay, trước khi sắp lìa bỏ cõi đời, con tự nghĩ đến công ơn nhiều vô kể của cha, như là cây trên rừng và như hạt cát dưới bể, con sợ là vô ơn nếu không ít nhất một lần, bày tỏ lòng biết ơn của*

LM. VŨ THÀNH

con. Con chọn ngày hôm nay, là ngày được ơn trọng rước Minh Thánh Chúa. Sau khi tạ ơn Chúa đã đoái thương thăm viếng ủy lạo chúng con trong cảnh tù đầy, chúng con không quên người cha đã có công dạy dỗ săn sóc đến chúng con. Khi con nghĩ đến việc các anh em phải phiêu bạt tán loạn, đến các nguy khốn đe dọa các tội tớ của Chúa, con đã có ý nghĩ trở về nhà với cha để chia sẻ những giây phút lo âu. Nhưng đàng khác con lại sung sướng nghĩ đến quê trời đang chờ đợi chúng con đến nơi không còn ước mong điều gì khác nữa. Con dám xin cố nhẫn với hai cha chú của con là Cha Thi và Cha Đệ để làm cho con ba lễ theo ý chỉ sau đây: lễ thứ nhất cầu cho tất cả những người làm việc truyền giáo đã qua đời, là những người đã vất vả vì giáo dân và con đang chia sẻ nghĩa vụ. Lễ thứ hai cầu cho tất cả những ân nhân của con từ bé đến lớn, nhất là những người săn sóc con trong nhà giam. Lễ thứ ba cầu cho cha mẹ con và tất cả những linh hồn đang phải ở luyện ngục. Về phần con, con không xin gì vì tin chắc rằng cha sẽ không quên con sau khi đã chết, cũng như trong suốt đời con”.

Mùa thu năm Minh Mệnh thứ 19 (1838), các quan triều đình xem lại án và truyền cho ba thầy phải xử giáo. Án lên đến tỉnh ngày 17-12, quan đề lao đã báo tin cho các thầy Hôm ấy các thầy cho làm một bữa cơm sang trọng mời các quan coi tù, các bạn tù và lính canh dùng để tỏ lòng cảm ơn. Các thầy cũng lo xếp đặt những sự cần thiết và nhắc Cha Triệu đến giữa đám đông trong ngày hành quyết để ban phép giải tội lần sau cùng.

Ngày 18-12-1838, vào giữa trưa, quân lính đến dẫn các thầy ra nơi hành quyết. Mỗi thầy có bốn tên lý hình đi chung quanh. Người ở phía trước cầm thẻ gỗ để án xử, hai người hai bên giữ gông xiềng và người đi sau cầm gươm. Bản án của Thầy Đường ghi: “Nguyễn Văn Đường ở làng Ninh Phú, huyện Thanh Liêm có tội vì theo đạo Gia Tô nó đã nhận. Án mùa thu năm nay truyền cho nó phải xử giáo. Minh Mệnh năm 19, ngày 2 tháng 11 ta”.

Đến phố Nhi, các lính theo thói trong nước dọn mâm cỗ cho các tù nhân. Thầy Đường từ chối không ăn gì, nói: “Chúng tôi kiêng không uống rượu là dấu chứng tỏ chúng tôi từ bỏ mọi vui sướng xác thịt và không thông đồng với giặc”.

Khi người ta ép thì thầy uống một chén trà và ăn một miếng trâu. Đến nơi xử là Gò Sỏi ở Bến Mới (Mông Phụ) Cha Triệu lại ban phép

DÒNG MÁU ANH HÙNG

giải tội cho thầy lần nữa. Các lý hình đã không sửa soạn đúng mức, nên khi vừa có lệnh đã kéo giây mà không thắt cổ ngay nên làm cho đầu Thầy Đường phải vật vờ hồi lâu, đập xuống đất. Sau khi chết, các lý hình phải đốt ngón chân cái để xem đã chết thật chưa, nhưng lính đốt cả bàn chân Thầy Đường khiến dân chúng la lối và quan đánh phạt nó ba cái cán gươm.

Xác ba thầy được người Công Giáo đưa đến Cỗ Đò thì tối và tiếp tục lên tới Kê Máy (Cao Mại). Nơi đó có Cỗ Murette, Cha Triệu và Cha Trình làm lễ an táng. Sau lễ, cả ba thầy được chôn trong nhà bà Tín. Sau Cha Phượng cho đem về táng ở gian thứ hai tại nhà thờ Kê Máy.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo Của THẦY GIẢNG PHÊRÔ VŨ VĂN TRUẬT

(bị bắt 20-6-1837, xử giáo 18-12-1838 tại Sơn Tây)

Các lý trưởng và hương chức đã nhiệt liệt ca ngợi tám gương xung đạo của ba thầy giảng, đặc biệt là Thầy Truật bằng những lời lẽ sau đây: *“Chúng tôi không biết Trời đã phù hộ thể nào mà ba tù nhân vững mạnh như thế. Bởi vì lý trưởng và những người khác trong làng bị bắt, chịu tra tấn một, hai lần đã chịu nhận là thông đồng với giặc và chối đạo, trong khi ba thầy phải tra tấn ba lần vẫn một mực trung thành với đạo, không chịu bước qua ảnh”.*

Thầy Phêrô Vũ Văn Truật sinh năm 1816 tại làng Hà Thạch, huyện Sơn Vi, tỉnh Sơn Tây, trong gia đình rất nghèo và mồ côi cha từ lúc chín tuổi. Chú Truật lại có một thân xác yếu đuối không làm việc nặng nhọc được. Khi đi học chú thường ghé vào nhà thờ đọc kinh và tỏ ra hiền lành ngoan ngùy. Thấy vậy Cha Tốn nhận chú vào nhà Đúc Chúa Trời năm 1831, chú Truật được 15 tuổi. Nhưng sau một năm vì ốm yếu, cha lại cho chú về nhà với mẹ. Khi Cha Trạch về coi xứ Bầu Nọ thấy chú Truật buồn bã vì không được ở nhà thầy, nên nhận chú vào và cho làm việc nhẹ trong nhà. Nhiều lần chú đã được theo cha đi dạy kinh bổn cho các trẻ. Đến năm 1836, Cha Trạch phải đổi thì chú Truật được giao cho Cỗ Murette Phan nuôi và làm việc như người giúp việc. Từ khi chú bị bắt và xung đạo can đảm, Đúc Cha Tabud mới phong cho làm thầy giảng.

LM. VŨ THÀNH

Các nhân chứng đều nói rằng ba thầy, Thầy Mì 40 tuổi, Thầy Đường 30 tuổi và Thầy Truật 21 tuổi chịu tra tấn dữ tợn. Lý hình lấy gai tre cột vào roi để đánh cho nát thịt ra. Thầy Truật phải chịu 60 roi. Ban đầu, quan thấy thân xác ốm yếu của Thầy Truật thì nghĩ rằng có thể lung lay làm cho chối đạo được, nên không bắt đeo gông nặng và xích như hai thầy kia. Song khi thấy Thầy Truật mạnh mẽ xưng đạo thì cũng bắt đeo gông nặng và xích. Có một lần quan dụ dỗ Thầy Truật: “*Mày còn bé thế này, hãy quá khóa đi để được về với bố mẹ*”.

Thầy Truật đã lý sự hỏi vặn lại: “*Các ông có dám bước trên cha mẹ mình không?*”

Trong tù, Thầy Truật ra sức khuyên bảo người khác và những người đến thăm phải bền bỉ giữ đạo, và bỏ những việc thờ lạy đối trá. Thầy cũng được Cha Triệu lên vào trong tù thăm và cho rước lễ bốn lần, mẹ thầy cũng lên thăm con hai lần. Thầy viết cho Cha Marette bức thư từ biệt sau đây: “*Tháng 9-1838, con mọn là Truật dâng cố muôn ngàn vạn lạy. Con thật sung sướng được Chúa tiền định cho ơn phúc tử đạo. Con thành thật mà nói như thế không phải để khoe khoang trước mặt cha là người xét xử phải trái. Con không có ân hận vì phải từ bỏ cuộc sống này. Con chỉ buồn có một điều là cha con mình phải xa nhau. Trước đây còn được ở với cha sao bây giờ cha con mỗi người mỗi nơi? Có ai ngờ rằng cha và các thầy, anh em con, mỗi người phân tán vì cơn bão táp như đàn ong vỡ tổ, như bầy chim lạc đàn bay trong rừng núi. Thiên Chúa đã cho xảy ra như thế để sửa phạt các lỗi lầm của chúng con và đồng thời muốn làm cho chúng con trở thành đài kỷ niệm, để các thế hệ mai sau biết được cơn thử thách ghê gớm chừng nào. Có lẽ chỉ trong ít ngày nữa, con mọn cha chấm dứt công việc dưới thế. Than ôi, con đã chẳng giúp được gì cho cha và cho việc truyền giáo. Vậy mà cha yêu thương con với tình âu yếm hơn người mẹ. Cha đã thương giúp cả gia đình con nữa. Nhưng trên hết cha đã thương ban cho con chức thầy giảng mà con sẽ không cảm ơn cha, vì con thấy mình chẳng đáng song chỉ vâng theo lòng tốt của các đấng bề trên. Con xin cha miễn cho con khỏi mang danh hiệu đó. Con không muốn làm thầy ai vì sợ rằng chỉ làm tăng thêm sự lẫn lộn. Con mọn cha sẽ không bao giờ quên những lời cứu sống cha đã ban trong những ngày cuối cùng này. Con còn cần nhiều lời chỉ dẫn của cha để bền vững ở giữa hốc đá nguy hiểm làm đắm tàu khi cơn bão táp đến không còn thấy đâu là bến bờ. Nếu con gặp phải tai nạn này thì đâu là hy vọng cứu rỗi cho con. Vì thế nhận biết mình yếu đuối con trải qua những ngày đêm*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

này trong nỗi lo sợ. Xin cha hãy cầu nguyện nhiều cho con, để trong cơn chiến đấu Chúa ban cho con ơn sức mạnh giữa thử thách và ơn chết tử đạo như Thầy Cả. Con mong xin chào từ biệt cha trước, đang lúc hoang mang về ngày sau cùng của đời mình và trong nỗi lo sợ trong ngày hành quyết có làm trọn tâm nguyện hay là làm tan nát cõi lòng của cha cũng như của con”.

Mùa thu năm 1838, triều đình xét lại án và truyền lệnh phải xử giáo cả ba thầy. Khi án về tới Sơn Tây, quan giám sát và thông lại vào tù báo tin, thì cũng khuyên Thầy Truật: *“Mày còn trẻ mà liễu mình mất các thú vui đời này, theo những lời hứa hẹn vu vơ đến phải chết thật là dại dột”.*

Thầy Truật thưa lại: *“Người nào chịu chết vì đạo thật chắc chắn về sau sẽ được phúc thật đời đời, sao lại bảo tôi là dại dột?”*

Trên đường ra pháp trường, Thầy Truật nhận ra Cha Triệu trong đám đông và đã nhận phép giải tội lần nữa. Thầy đi những bước vững chắc, nét mặt hân hoan vì nghĩ rằng mình đang đi về quê thật. Trông thấy gương mặt trắng trẻo tươi vui của Thầy Truật, lương dân đã phải thốt lên: *“Thật ổng, ông ấy không chịu quá khóa phải chết như thế”.*

Tới nơi, ba thầy ở giữa vòng lính, sát cánh nhau chờ giờ chết. Giáo dân đưa cho lý hình chiếu để trải. Các thầy trông thấy Cha Triệu thì quỳ xuống lĩnh phép giải tội. Sau đó lý hình tháo gông và xích, các thầy nằm úp mặt để họ sửa soạn công việc. Thầy Truật được lý hình kéo hai tay cột vào hai cọc, các ngón chân cái được cột lại với nhau vào một cọc khác. Có hai cọc lớn ở hai bên để cột hai đầu giây thắt cổ, ở giữa có nút thông lọng mắc vào cổ tử tội. Người lính cầm bản án đi đến trước tội nhân. Đúng lúc hành quyết thì cầm xuống đầu tội nhân. Mỗi đầu giây có hai người lính theo lệnh quan thì kéo thật mạnh. Lý hình kéo giây lúc thì về phía này lúc về phía đối diện trong thời gian khá lâu đến nỗi tử tội đổ máu nơi mũi. Sau đó họ đốt chân xem đã chết thật chưa.

Sau khi hành quyết xong, giáo dân xứ Bạch Lộc đem xác ba thầy đến Kẻ Máy nơi có sẵn Cố Murette và hai cha cùng giáo dân chờ đợi để làm lễ an táng. Gần sáng, xác ba đấng được chôn trong nhà bà Tín. Sau này khi cơn bắt đạo tạm yên, giáo dân đem xác các đấng về chôn ở nhà thờ Kẻ Máy. Đến khi Cố Đông lo việc làm hồ sơ án phong

LM. VŨ THÀNH

thánh lại đem xác Thầy Truật về Kẻ Sở. Tại Kẻ Máy chỉ còn xác Thầy Đường mà thôi.

1. Diễn tiến năm 1839

- Ngày 18-1, lệnh vua cho các quan Bắc Việt phải bắt ông trùm Vọng (Đức Cha Hermosilla).
- Ngày 2-4, Cha Tước bị bắt và đánh chết.
- Ngày 13-4, Thừa Sai Delamotte, Y Sĩ Simon Hòa và bảy giáo dân bị bắt.
- Ngày 12-6, hai ông binh sĩ Huy và Thế bị xử tại Huế.
- Ngày 18-7, ông binh sĩ Đạt bị xử tại Nam Định.
- Ngày 29-7, sắc dụ bắt các binh sĩ phải đập ảnh.
- Ngày 18-8, Cha Xuyên bị bắt ở Hạ Linh.
- Ngày 3-10, sắc dụ dựng miếu và bàn thờ tổ tiên.
- Ngày 10-11, hai Cha Thi và Dũng Lạc bị bắt.
- Ngày 26-11, hai Cha Dụ và Xuyên bị xử.
- Ngày 16-12, Thầy Tôma Toán bị bắt.
- Ngày 19-12, năm giáo dân bị xử: Tôma Nguyễn Văn Đệ, Phan-xicô Xavier Hà Trọng Mậu, Augustinô Nguyễn Mới, Dominicô Bùi Văn Úy, và Nguyễn Văn Vinh.
- Ngày 20-12, Cha Giuse Hiến bị bắt.
- Ngày 21-12, hai Cha Thi và Dũng Lạc bị xử.

Sau đợt bắt bớ ồ ạt năm trước, năm 1839 tương đối ít các cuộc lùng bắt hơn. Tuy nhiên Minh Mệnh lại chú trọng đến việc giảng huấn với sắc lệnh ngày 3-10-1839. Sắc lệnh này chỉ tạo cơ hội cho các quan địa phương hạch sách làng Công Giáo và đòi tiền hối lộ.

2. Sắc lệnh ngày 29-7-1839

Nhân vụ xử hai ông Huy và Thế, vua Minh Mệnh ra một sắc dụ mật sát Công Giáo. Nội dung sắc dụ gồm sáu phần. Phần một vua kể ra các lời buộc tội Công Giáo là không tuân giữ luật nước, đay đẩy giả dối, giảng dạy những điều phi lý như thiên đường, thánh giá, nước thánh, các đạo trưởng móc mắt người chết, dụ dỗ đàn bà con gái. Phần hai vua kể ra những việc đã làm để tận diệt đạo này như các hình phạt sắc dụ. Phần ba liệt kê các hình phạt dành cho binh lính. Phần bốn liệt kê những lý lẽ các quan phải làm cho lính bỏ đạo Gia Tô mà theo đạo nhà nước. Phần năm giải thích bốn phạm hiếu để với cha mẹ để được giàu có và danh giá, người không chịu bỏ đạo sẽ

DÒNG MÁU ANH HÙNG

phải trừng phạt và làm điểm nhục cha mẹ. Phần sáu truyền cho tất cả các quan trong nước phải tận tâm giảng dạy các chỉ thị của vua. Người nào chối đạo rồi thì không phải đến nghe giảng nữa, người nào không sẽ phải tội chết. Người nào chưa có thể bỏ đạo thì phải đưa đến trước mặt quan để đập ảnh rồi mới được để cho yên, bằng không phải thọ hình.

3. Sắc dụ dựng miếu tại mỗi làng và giảng dạy mười điều huấn dụ, các lễ nghi cúng tế 3-10-1839

Trước hết Minh Mệnh cho rằng vì ngu dốt mà dân chúng cố chấp theo đạo Công Giáo, nên cần phải giảng dạy và đề cao vẻ đẹp của đạo ông bà. Minh Mệnh truyền lệnh cho mỗi làng phải dựng miếu kính tổ tiên và có thầy đến dạy về mười điều huấn dụ và các nghi lễ cúng tế.

Sắc dụ viết: *“Tất cả các quan đầu tỉnh phải chỉ thị cho các quan cấp dưới sai các cai tổng, lý trưởng những làng có người Công Giáo để giảng dạy và xóa bỏ những sai lầm. Sau đây là những điều cốt yếu phải giảng dạy: ‘Ông Gia Tô, ông tổ đạo của các người là một người ở nước xa xôi và thuộc về một giống người khác lạ với các người. Nếu đạo lý của ông ta thật cứng cố lòng trung với vua, hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận với anh em thì có ai bắt các người theo đâu? Còn đối với các thừa sai giảng dạy về một thánh giá trên đó có treo một đứa trẻ hoàn toàn không thể hiểu được. Tốt hơn hết là đừng tin tưởng gì vào đó. Còn nếu các người nói rằng theo đạo Gia Tô để được lên thiên đường sau khi chết ư? Nhưng các người hãy xem sự gì xảy ra cho linh mục Marchand, Cornay, cho trùm Hiền (Cha Fernandez), trùm Hai (Đức Cha Henares). Không phải là họ đã chết khốn nạn sao? Hình khổ của họ không phải là một điều ghê sợ sao? Hẳn thật bốn thừa sai này giữ đạo hoàn hảo hơn tất cả dân chúng, đạo đã không ngăn cản cho họ khỏi chết, cũng như sau khi hành quyết đầu của bốn người đã tách rời khỏi xác. Xem đấy, chính họ đã kể về những cái đẹp đẽ sau khi chết, cái chết của họ đã lật tẩy những lời xảo ngôn. Làm sao có thể lên trời khi người ta không còn sống được nữa? Trái lại các người hãy xem gương các cha Việt Nam Duyệt và Kiên. Bây giờ những người đã đập ảnh thì đều được tự do và sống an bình cho tới ngày cuối đời chờ đợi nước trời dành cho họ. Hãy nói những niềm vui thiên đường ở về phía nào và những hình khổ hỏa ngục về phía nào? Nếu các người không ngại cảm về các điều suy nghĩ trên và nếu các người tiếp tục hội họp để cầu*

LM. VŨ THÀNH

kinh bí mật, các người có bằng chứng là điên rồ và cố chấp trong tội ác. Đó là những ý tưởng lớn cần phải quảng diễn cho người Công Giáo để soi sáng và dẫn dụ họ trở về. Theo lòng nhân từ sẵn có, trẫm cho triển hạn một năm để những người có trách nhiệm phổ biến những huấn thị này để qua những lần giảng giải, dần dần họ thâm nhập vào được tinh thần của người Công Giáo, soi sáng họ hối hận về quá khứ và quyết tâm sửa đổi trong tương lai. Cũng phải thúc ép các người tín hữu dựng đền thờ tại mỗi làng để cú thời hạn ấn định sẽ cúng tế các tổ tiên và thần làng. Chính nhờ làm trọn những nghĩa vụ này mà họ thấu hiểu những quyền lợi và được mọi người kính trọng và tỏ ra xứng đáng trong thời đại thái bình của triều đại trẫm. Nếu sau khi đã công bố lệnh các quan không tận tình ép buộc được các cai tổng và lý trưởng để thi hành lệnh, và nếu những cai tổng, lý trưởng không nhiệt tâm giáo hóa dân chúng, thì hết thời hạn định, nếu còn các người Công Giáo phản nghịch trong nước, không có dấu hiệu phục tòng bên ngoài nghĩa là ban ngày là lương, nhưng ban đêm lại thực hành đạo và truyền đạo, thì khi ấy phải trừng phạt không thương tiếc tất cả những người Công Giáo bất trị và những viên chức chệnh mảng.”

Sắc dụ trên là cơ hội cho bao nhiêu quan bắt ép dân Công Giáo phải góp tiền dựng chùa, trả tiền cho thầy đồ dạy các điều cúng giỗ tại các làng. Chỉ với tiền bạc đút lót, quan mới làm ngõ không bắt dựng chùa, còn thầy đồ vừa được quan trả tiền vừa được dân Công Giáo đút tiền để dùng dạy dỗ những điều sai lầm.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC ĐÔMINICÔ TƯỚC, O.P.

(bị bắt và đánh chết ngày 2-4-1839)

Cha Đôminicô Tưốc sinh khoảng năm 1775 tại làng Trung Lao tỉnh Nam Định. Chúng ta không được biết nhiều về đời sống của thánh nhân. Sau khi chịu chức linh mục rồi người xin gia nhập Dòng Đa Minh ngày 14-4-1811 và khấn ngày 18-4-1812.

Trong thời kỳ cấm đạo, Cha Tưốc có trú tại nhà ông Đôminicô Đoàn hai tháng. Ông đã làm chứng về cha như sau: “*Cha tỏ ra rất sốt sắng, cầu nguyện lâu giờ ban đêm, và mỗi ngày trước khi rạng đông người làm lễ. Trong lúc đó thì tôi canh ở ngoài vườn để phòng những bắt trặc.*”

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Có một hôm tôi hỏi người làm gì khi bị bắt. Cha đã trả lời: 'Người ta phải chạy trốn hết sức có thể, nhưng khi không được nữa thì phải vâng theo ý Chúa. Cha có một điều e sợ là bị bắt gây phiền hà đến người đã săn sóc cho ở'.

Về sau cha trú ẩn tại nhiều nhà khác nhau tại làng Xương Điền, phần nhiều thì ở nhà Nhiều Thịnh. Đêm Cha Tước bị bắt thì người vừa ở nhà ông Giuse Tuyên về, 30 người lương dân ở họ Thánh Tôma do Bát Phụng ập đến vây bắt. Ông Bát Phụng là người đã trần tở Đức Cha Henares và vì thế được phong bát phẩm. Ông làm lý trưởng làng Cẩm Hà. Ban đầu các giáo dân họ Xương Điền, khoảng 4.000 người, tưởng là lính quan đến bắt nên không dám làm gì. Nhưng sau biết là do Bát Phẩm, ông Trùm dám liều tổ chức dân làng đánh tháo. Đoàn bà mang các túi tro để ném vào tở của người đi bắt, đoàn ông mang giáo mác ra đánh nhau. Khi tới nơi giam giữ Cha Tước, giáo dân hò hét trong khi Cha Tước ra hiệu cho họ để mặc cha. Thấy họ đến gần, cha nói anh em làm thế chỉ gây cái chết cho cha thôi. Nghe vậy, đẩy tở Bát Phụng nảy ý muốn giết cha. Một người trong họ tên là Ngọc rút gươm chém vào đầu Cha Tước hai nhát, máu me chảy lai láng. Cha Tước nằm xuống giữa vũng máu, còn đám tở Bát Phụng bỏ chạy. Giáo dân băng bó vết thương cho Cha Tước. Cha linh cảm thấy giờ đã đến thì xin họ để yên cho cha được cầu nguyện. Cha cảm tạ Thiên Chúa đã cho cha được chịu đau khổ vì đạo. Cha thầm thì kêu thánh danh Chúa Giêsu cho đến hơi thở cuối cùng. Từ lúc cha bị chém đến lúc chết lâu một giờ. Hôm ấy là ngày 2-4-1839, Cha Tước được 64 tuổi.

Giáo dân tin rằng Cha Tước đã được chết vì đức tin, họ thắm máu của cha, đào đất và lấy cỏ đã thắm máu đem về. Xác cha được an táng gần nơi cha bị đánh chết, sau mới đem về táng tại nhà thờ họ trong xứ Xương Điền.

**Cuộc Xưng Đạo và Tử Đạo của
BINH SĨ AUGUSTINÔ PHẠM VIẾT HUY,
BINH SĨ NICHOLAS BÙI ĐỨC THỂ,
BINH SĨ ĐÔMINICÔ ĐÌNH ĐẠT**

(bị bắt năm 1838, xử giáo 18-7-1839)

Thánh Augustinô Huy sinh quăng năm 1794 tại Hà Linh, phủ Xuân Trảng, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Ông Huy là con gia đình Công Giáo tốt. Năm bị bắt vì đạo, ông Huy đã 44 tuổi. Khi còn trẻ ông Huy đã vào tu tại nhà Đức Chúa Trời, ông được học về lễ đạo, nên biết rất nhiều về giáo lý trong đạo. Ông Huy đã vào lính được quăng mười năm.

Thánh Nicholas Bùi Đức Thể quê tại làng Kiên Trung tỉnh Nam Định. Ông Thể sinh quăng năm 1792. Mãi tới năm 47 tuổi ông mới vào lính, và mới đi lính được một tháng thì có lệnh của vua Minh Mệnh bắt các lính bỏ đạo.

Thánh Đôminicô Đình Đạt sinh quán năm 1803 tại làng Phú Nhai tỉnh Nam Định. Ông Đạt đi lính từ năm 24 tuổi, tới năm ông bị bắt ông đã ở trong quân ngũ được 12 năm.

Vào năm Minh Mệnh thứ 19, nhà vua truyền cho các quan phải bắt các lính có đạo trong quân ngũ phải quá khóa. Quan tổng đốc tỉnh Nam Định hỏi đó là Trịnh Quang Khanh. Chiếu chỉ của vua cho Trịnh Quang Khanh như sau: *“Nếu khanh muốn giữ vững thủ cấp trên cổ, khanh phải tuân theo lệnh của trẫm. Trẫm trao phó cả ngàn quân sĩ và đặt hết tín nhiệm nơi khanh. Hạn cho khanh trong vòng một tháng phải bắt tất cả các linh mục trốn tránh trong tỉnh, và thanh trừng các lính Công Giáo trong quân ngũ đến đũa cuối cùng. Trẫm không muốn giết chúng, nhưng trẫm muốn chúng bỏ đạo.”* Thừa lệnh của vua, Trịnh Quang Khanh đã thể tiêu diệt đạo Công Giáo đến nỗi không có một quan nào dũ tợn hơn ông trong lịch sử bách đạo tại Việt Nam. Để thi hành đắc lực lệnh của nhà vua, Quan Trịnh Quang Khanh còn sáng chế ra những hình phạt kinh khủng để làm cho người Công Giáo hoảng sợ mà chối đạo. Đối với những người nhất định không chối đạo, thì ông dùng tù đày, hoặc khuyến dụ bằng những lợi lộc hoặc chức quyền. Ông cũng không quên dùng những người Công Giáo đã bỏ đạo để làm lung lạc các chiến sĩ của Chúa.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Có khi ông còn dùng áp lực phạt thân nhân của các người Công Giáo, để vì thương hại thân nhân mà chối đạo. Trong thành Nam Định vào năm 1838 có tất cả chừng 500 lính Công Giáo bị điệu ra trước tòa để xử. Dĩ nhiên không phải cả 500 người đều là những Công Giáo tốt. Trong số này, có đủ loại người, có người đạo đức và có người sống đời bê bối. Nhưng họ đều có đức tin. Tuy nhiên Trịnh Quang Khanh cho điệu tất cả các lính tới hầu tòa. Trước khi hầu tòa, quan cho các ông ăn uống no say. Sau khi ăn uống, quan cho cả ngàn quân lính võ trang bao vây các ông lại. Trên khán đài, quan tổng trấn ngồi chễm trệ, với các chức sắc dân sự và quân sự ngồi theo thứ tự đẳng cấp. Ở một phía bên của tòa án, lý hình với đủ mọi hình cụ dữ tợn để dọa các lính trung kiên với giáo hội. Ở phía khác, quan truyền đặt nhiều cây thánh giá để lính Công Giáo phải bước qua. Trịnh Quang Khanh đứng lên, bước tới phía trước khán đài, rồi truyền lệnh cho quân sĩ. Ông hứa hẹn rất nhiều lợi lộc của vua ban cho quân sĩ chối đạo. Ông cho họ biết ông đối xử với quân lính như người cha, như người mẹ. Tuy nhiên ông muốn biết chắc chắn rằng quân sĩ của ông phải nghe lời ông thì mới được hưởng tước lộc vinh hoa phú quý. *“Đức vua không thể sai lầm, người đã cảm theo đạo Gia Tô. Vậy mọi người phải bỏ đạo đó.”*

Quan không đòi hỏi gì khác, chỉ cần quân lính bước qua thập giá. Quân lính đó sẽ được phục chức trong quân đội và không ai đã động đến tôn giáo này với họ trong tương lai nữa. Ông cũng không quên đe dọa những phần tử bất tuân lệnh của ông. Ông chỉ về phía các hình cụ để đe dọa những phần tử bất tuân.

Sau khi tuyên bố những lời vừa khuyến dụ vừa đe dọa, quan truyền cho các quân sĩ phải lần lượt bước qua thập giá. Một số rất lớn đã vâng lời quan bước qua thập giá, một số khác thì từ chối ngay từ đầu. Nhưng quân lính dùng sức lôi họ qua thập giá rồi kể như họ đã bỏ đạo. Cũng có người thì dùng tiền hối lộ để khỏi bị lôi qua thập giá. Những người này, quan cũng coi như đã bỏ đạo.

Sau cuộc xét xử hỗn loạn bắt 500 lính Công Giáo bỏ đạo, các quan vô cùng hoan hỉ, vì phần lớn đã chối bỏ đức tin. Những người chối đạo này trở về nhà bị lương tâm cắn rứt. Nhiều người suốt đời ăn năn thông hối, mỗi khi đi xưng tội thì chỉ khóc lóc vì tội phản bội của mình. Có người hối hận suốt đời. Có người vẫn khóc khi đi xưng tội dù đã 40 năm sau. Như trong truyện của các cha truyền giáo kể lại,

LM. VŨ THÀNH

có người vào tòa xưng tội chỉ khóc lóc, còn tội thì chẳng phạm tội gì nặng cả. Cha hỏi tại sao con cứ khóc mỗi khi con đi xưng tội, thì ông trả lời: *“Thưa cha, con bất hạnh đã đạp thánh giá Chúa, đã 40 năm nay con hối hận khóc lóc mỗi ngày. Sao con còn dám phạm tội nào khác nữa?”*

Trong số 500 quân lính cũng còn 15 người nhất định không để cho lính kéo qua thập giá. Họ nhất quyết xưng mình là Kitô hữu. Lập tức họ bị đánh đập tra tấn. Quan truyền lấy gông nặng đeo vào cổ các ông và truyền lệnh giải các ông vào nhà lao. Trong nhà lao, chân tay các ông bị cùm, và bị bỏ đói, tuy nhiên các tín hữu vẫn có thể hối lộ để nuôi các đấng. Ngày hôm sau, quan tìm cách khác thay vì đánh đập, quan bắt bạn bè, vợ con của 15 ông này phải khuyên nhủ các ông bỏ đạo. Những lính đã bỏ đạo cũng được lệnh phải khuyên nhủ các ông. Nhưng các ông vẫn trung thành. Quan lại truyền quân lính đánh đập các ông. Quân lính lại lôi các ông qua thập giá, nếu ông nào nhấc chân lên không chịu đạp lên thánh giá thì bị quân lính dùng roi đánh vào chân các ông. Thậm chí chúng còn buộc thánh giá vào chân các ông để các ông bước đi, rồi hô lên các ông đã bỏ đạo. Các ông phản đối và quyết xưng mình là Kitô hữu. Quân lính tức giận lại đánh các ông rất đau đớn. Vừa bị đòn đánh, vừa bị thân nhân và bạn bè dùng đủ mọi lý do để khuyên nhủ các ông bỏ đạo, sau cùng không chịu được nữa, sáu ông đã xin bỏ đạo.

Bây giờ con số còn lại chỉ còn có chín ông. Can đảm nhất trong chín ông là ông Augustinô Huy. Chín ông bị điệu về ngục thất. Đêm ấy ông Huy, dù đã xưng đạo ra hai lần vẫn cảm thấy mình tội lỗi cần phải gặp cha để đi xưng tội. Ông Huy là người Công Giáo nhưng ông có hai vợ. Ông đã cưới người vợ có đạo, rồi sau lại cưới một người ngoại đạo ở tỉnh. Ông tìm cách hối lộ để có thể về nhà giải quyết vấn đề gia đình và gặp cha để lo xưng tội. May mắn, ông gặp Cha Thiếu cũng có tên là Cha Năng đang làm phúc tại họ Phú Đường gần nhà ông. Ông đến xin Cha Thiếu tha tội. Cha Thiếu buộc ông phải làm tờ giấy bỏ vợ hai. Cha cũng an ủi ông và khuyên ông vững lòng chịu khổ vì đạo. Ông Huy vâng lời. Sau khi chịu các phép bí tích, sáng ngày hôm sau, ông lại trở lại nhà giam để chuẩn bị cho cuộc xưng đạo thứ ba.

Ngày ấy, chín người lính lại bị điệu ra trước tòa. Trong phiên tòa, quan Trịnh Quang Khanh lại hứa hẹn ban nhiều bổng lộc của nhà

DÒNG MÁU ANH HÙNG

vua cho ai chối đạo, và sẽ phạt nặng nề những ai bất tuân. Trong số chín ông, bốn ông lại xin bỏ đạo. Chỉ còn năm ông nhất định không chịu quá khóa. Quan Trịnh Quang Khanh thấy vậy rất tức giận, truyền cho quân lính đánh các ông nát cả thịt ra. Quan còn truyền lấy búa đập vào các ngón tay cùng nhiều hình khổ khác đánh đập các ông làm các ông đau khổ mà không thể chết được. Ông không muốn giết các ông mà chỉ mong muốn các ông bỏ đạo.

Sau khi thất bại làm lay chuyển lòng dạ sắt đá của năm ông, quan bực mình vừa giận vừa truyền tống giam các ông vào ngục như cũ.

Thất bại trong việc diệt trừ đạo Công Giáo, quan Trịnh Quang Khanh bị vua khiển trách và cất chức tổng đốc Nam Định. Ông bị giáng cấp xuống tuần phủ. Ngày 12 tháng 4 nhuận năm ấy, ông Lê Văn Đức đang làm tổng đốc Sơn Tây, được cử làm tổng đốc Nam Định. Ông Lê Văn Đức cũng theo lối của Trịnh Quang Khanh mà bắt các ông này phải bỏ đạo. Ông Huy và các bạn vẫn cương quyết trung thành với Chúa.

Ngày 25 tháng 6 năm 1838, tại tỉnh Nam Định quan truyền xử tử Đức Cha Minh (Henares) và Thầy Phanxicô Chiểu. Quan thượng cũng truyền đem cả năm ông lính đi nữa, giả cách như phải xử một trật với hai đảng kia. Mục đích của quan là để các ông sợ chết mà bỏ đạo. Trái lại các ông vẫn không sợ mà lại vui mừng vì tưởng giờ tử đạo của mình đã đến. Các quan thấy các ông vui mừng lại càng ngạc nhiên, không hiểu tại sao các ông lại muốn được chết vì Chúa. Quan lại truyền điệu các ông về ngục như cũ. Các ông thấy mình không được chết vì đạo, thì lại buồn hết sức.

Sáng ngày hôm sau, 26 tháng 6 quan tổng trấn lại truyền năm ông phải hầu tòa, ông cố gắng hết sức nào áp dụng các hình cụ mà ông mới sáng chế ra, nào đe dọa, nào khuyên nhủ với nhiều hứa hẹn. Các ông vẫn không chịu bỏ đạo. Quan tổng trấn lại truyền đánh đập các ông sưng cả mặt mũi, máu chảy đầm đề. Dù bị đánh đập tàn nhẫn không còn hình tượng người ta nữa, khi hỏi có còn xưng mình là Kitô hữu nữa không, các ông vẫn khẳng khái tuyên xưng các ông vẫn là kẻ có đạo. Thấy mình thất bại, quan tổng trấn càng giận dữ, ông chửi bới thậm tệ, và truyền cho lý hình đánh các đảng cho tới khi

LM. VŨ THÀNH

nào các ông chịu bỏ đạo thì thôi. Quan tổng trấn mới hành hạ các ông này hơn tuần lễ, nhưng vẫn vô ích.

Ngày kia ông truyền cho lý hình, buộc gông rất nặng vào cổ các ông rồi kéo các ông qua thập giá. Các ông nhất định giữ chân lên chứ không chịu đạp vào thập giá, thì quan lại truyền cho lính đánh đập vào chân các ông đến nỗi các ông không còn sức để mà giữ chân co lên cao được nữa, tức thì chân phải hạ thấp xuống và đạp lên tượng thì quân lính reo hô thật to: “*Đã quá khóa rồi.*”

Quan án lúc đó truyền không hành khổ các ông nữa, và hỏi các ông: “*Sau cùng, các người đã tuân lệnh nhà vua chưa?*”

Vừa bị đánh đập đau đớn, vừa sợ hãi, hai ông Siêu và Dụ nói: “*Quan lớn đây thế nào thì chúng tôi xin vâng.*”

Lập tức hai ông được quan lớn tha và hứa hẹn đủ điều. Quan lại hỏi ông Huy, ông Thế và ông Đạt thì cả ba ông đều thưa: “*Quan lớn đây việc gì khác chúng tôi xin vâng, còn bỏ đạo thì chúng tôi không bỏ.*”

Quan lại truyền giam ba ông vào ngục thất và đeo xiềng và đóng gông nặng hơn nữa.

Thấy hai bạn đã bỏ đạo, ông Huy, ông Thế và ông Đạt càng ăn chay đánh tội nhiều hơn nữa để xin ơn bền vững. Hai ngày sau khi hai ông lính bỏ đạo, quan thượng nghĩ rằng ông cũng có thể làm cho ba ông này bỏ đạo như hai ông kia. Ông liền truyền dẫn ba ông vào dinh của ông rồi truyền cho ba ông phải bỏ đạo. Ba ông không chịu. Quan thượng lúc đó cũng muốn biết các ông theo đạo và sống đạo thế nào. Quan truyền cho ba ông đọc kinh trước mặt quan. Quan đưa sách cho các ông và truyền cho các ông đọc. Bấy giờ ông Huy, cầm lấy sách đạo mà quan trao cho, đọc theo như cung cách quen đọc trong nhà thờ. Các quan cùng mọi người trong dinh, nín lặng để nghe các ông đọc kinh. Nhân dịp này ông Huy lợi dụng để giảng giải về lẽ đạo cho quan. Quan lắng nghe, nhưng khi giảng tới đoạn không vừa ý quan, quan truyền quân lính và vào miệng ông. Sau đó quan thượng lại truyền ba ông phải bỏ đạo. Ba ông cương quyết từ chối. Quan thượng lại truyền quân lính khiêng các ông qua tượng thánh giá như những lần trước. Lần này quan truyền đánh dữ tợn hơn lần trước, đánh đến nỗi chân các ông chảy máu me. Khi chân các

DÒNG MÁU ANH HÙNG

ông chạm vào thánh giá, thì quân lính lại hô lên: “*Quá khóa rồi, quá khóa rồi.*”

Lúc đó ông Huy, đại diện hai ông kia kêu lên: “*Quan lớn dậy đánh đòn cùng kéo ép chúng tôi, có lẽ nào mà nói chúng tôi đã quá khóa được ru?*”

Tức thì quan thượng truyền nọc ba ông này ra đánh đòn. Ông bị đánh 20 roi, ông bị đánh 30 roi. Riêng ông Huy thì bị đánh 40 roi ngay hôm đầu. Có chứng nhân nói rằng trong ba ngày liên tiếp mỗi ông bị đánh chừng 130 trượng. Khi hỏi các người khác rằng các đấng bị đánh nhiều trượng như thế thật không? Ai ai cũng đồng ý như vậy.

Dịp khác các quan lấy nhiều lý lẽ mà khuyên ba ông bỏ đạo. Ông Huy lại đại diện anh em thưa rằng: “*Bẩm quan lớn, quan lớn dậy chúng tôi bỏ đạo Thiên Chúa, thì chúng tôi sẽ theo đạo nào, vì trong các đạo khác chẳng có đạo nào là đạo thật.*”

Quan thượng nghe thế liền nói: “*Nếu người bảo đạo chúng bay là đạo thật, sao vua nghiêm cấm đạo ấy?*”

Sau đó quan còn nói nhiều điều phạm thượng tới đạo Công Giáo. Ông Huy lại có dịp cất nghĩa lễ đạo cho các quan, cùng bẻ các lý lẽ mà quan đã nói. Thất bại về tranh biện với các đấng này, quan thượng lại truyền đánh đập và phạt các ông.

Vào những buổi trưa hè nóng bức, các ông bị cạo trọc đầu, cổ mang gông, chân tay xiềng xích, phơi nắng trước cổng dinh. Giữa lúc nắng hè, các ông đau khổ phần vì nóng bức, phần vì ruồi nhặng bâu vào để hút những vết máu mà tay chân các ông bị xiềng xích không thể đuổi đi được. Giữa lúc đó các bạn hữu, các bạn đồng đội theo lệnh quan thượng phải tới khuyên nhủ các ông bỏ đạo. Hơn nữa, quan lại còn thưởng cho những tín hữu bỏ đạo, hay thăng cấp. Điều này cũng làm cho các đấng dễ dàng bị lung lạc. Có lần vợ ông Đạt đến khóc lóc và dùng đủ mọi cách để chổng dẫm lên thánh giá. Ông Đạt đã đủ can đảm trách mắng vợ và cấm bà lần sau không được đến gặp ông nữa. Các ông vẫn bị phơi nắng từ ngày này sang ngày khác. Lần kia có một người tín hữu thấy ông Huy bị phơi nắng khổ sở như vậy, liền lấy quạt che cho ông. Khi ông Huy thấy cử chỉ của bà như vậy,

LM. VŨ THÀNH

ông cảm ơn bà và nói với bà: “*Chúa để chúng tôi chịu sự khốn khó để đền tội chúng tôi. Tôi xin bà đừng che nắng cho tôi.*”

Trong ngục tù, các đấng này còn ăn chay hãm mình bốn lần một tuần: thứ Hai, thứ Tư, thứ Sáu và thứ Bảy. Dù đồ ăn trong ngục đã ít oi, mà các đấng còn hy sinh để giúp cho những tù nhân khác. Các ông cầu nguyện không ngừng và còn xin các bổn đạo khi đến thăm các đấng: “*Xin các ông các bà cầu cho chúng tôi để chúng tôi bền vững, vì chúng tôi biết chúng tôi rất yếu đuối.*”

Quan thượng là người thông minh, học rộng thể mà lại tranh luận thua những người học thức tầm thường này. Đức Cha Marti nói: “*Về vấn đề này, tôi rất tiếc không đủ tài liệu chi tiết về những lý luận ngu xuẩn và phi lý của quan trên về đạo giáo đối với ba quân binh này. Tôi biết họ hỏi rất nhiều câu hỏi đặc biệt về bí tích giải tội và hôn phối. Ông Huy đã trả lời rất đúng và khúc chiết và dễ dàng đập tan những ý xảo quyệt của những người vô đạo và thờ ngẫu tượng này. Ông thường nói về mục đích của Chúa ban phép bí tích, sự thánh thiện của bí tích, sự thánh thiện của nghi thức đi kèm với bí tích. Về bí tích giải tội, ông nói nếu giải ban đêm là vì trong thời cấm đạo. Còn bình thường các cha giải tội ban ngày.*”

Đức Cha Marti còn kể tiếp ít nhất là một lần, quan thấy ông Huy đối đáp khôn khéo, quan truyền đuổi ông ra ngoài, kéo ông nghe được những người quanh quan thượng khen ngợi hoặc ông lại ảnh hưởng trên các người chung quanh quan.

Một ngày kia, quan lại hạch hỏi và tranh luận với ông Huy về quá khứ đời tư của ông, để làm ông chán nản: “*Giả dụ như có ai từ trước tới nay sống đời đạo đức mà muốn chết vì đạo còn hiểu được, chứ như người trong quá khứ đã sống như người ngoại, có hai vợ, người sống dường như không phải là bốn đạo. Mà bây giờ người cứ giữ luật Kitô hữu, thì quả là điên khùng, không thể chấp nhận được.*”

Về vấn đề này, ông Huy đã trả lời quan với hết lòng khiêm nhường rằng cho tới nay ông đã sống đời sống Kitô hữu như gương mù, theo tính xác thịt, theo sự yếu đuối của ông. Nhưng Chúa nhân lành vô cùng đã thương ông, cho ông biết thống hối, và bỏ vợ hai. Ông đã bỏ mọi sự ngay cả mạng sống nữa chứ không bỏ đạo Kitô giáo.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Không lay chuyển ông được, quan thượng lại dùng bạo lực. Đức Cha Marti kể lại rằng quan thượng còn dùng nhiều hình khổ đặc biệt để lay chuyển ý chí sắt đá của ông Huy. Quan bắt lính kéo ông qua thánh giá, và dùng roi đánh chân ông bắt chân ông chạm vào thập giá. Khi chân ông đụng vào thập giá chúng lại reo lên: “*Nó đã quá khóa rồi, nó đã quá khóa rồi!*”

Ông Huy lại đáp lời: “*Các người dùng võ lực lôi thân xác ta, các người cố dùng sức lực lôi chân ta, nhưng các ông có dùng sức mạnh để lung lay ý chí ta được không? Bao lâu ta không chịu, thì dù có đánh đập các người cũng không đạt được mục đích đâu!*”

Trong hồ sơ phong thánh của ông và hai vị có đoạn nói lên rằng lòng tin và lý luận của các ông phần nào làm cho quan tổng trấn Lê Văn Đức phải cảm động. Quan nói: “*Các người làm cho ta thấy tội nghiệp các người quá. Ta không muốn hành hạ các người hơn nữa. Dù ta có hành hạ các người thế nào các người cũng không bỏ đạo và bước qua thập giá. Tôn giáo các người là tôn giáo gì vậy? Hãy nói đi ta muốn nghe các người nói.*”

Ông Huy đã cắt nghĩa cho quan mười điều răn Đức Chúa Trời và bảy phép bí tích. Quan lớn cảm động và ngạc nhiên về đạo lý của đạo Công Giáo, cảm động quá, ông liền ca ngợi đạo Công Giáo, ông còn xin lỗi các đấng và nói: “*Tôi không biết tôi có còn ở đây lâu nữa không. Nếu tôi trở về triều đình, mà các ông phải chịu chết vì đạo các ông, xin hãy nhớ tôi tôi và xin làm ơn đừng báo thù tôi.*”

Đến tháng chín, có tin đồn ông Huy và hai bạn bị xử tử. Các ông rất vui mừng. Các ông nhắn tin cho vợ con lên tỉnh để vợ chồng, cha con được giã từ nhau lần cuối. Lúc đó có Cha Năm, ông trùm Địch, và ông lý Mỹ cũng bị giam gần đây. Các bà cũng vào thăm các đấng. Cha Năm bảo các bà rằng: “*Hôm nay không biết ba ông binh sống chết thế nào, song chắc các ông còn phải chịu nhiều sự khổ khó nữa. Cụ gần đến ngày chịu chết rồi, dù cụ là thầy cả mặc lòng cũng nghĩ rằng mình khó mà có thể chịu đựng vì Chúa như ba ông binh.*”

Cùng ngày hôm ấy, ba ông lại bị điệu vào hầu quan, ba ông lại bị một trận đòn nên thân, đến nỗi trong mình chẳng có chỗ nào lành. Tuy nhiên các ông vẫn không chịu quá khóa. Quan lại đành giam các ông vào ngục thất. Khi trở lại ngục thất, Cha Năm hỏi các ông: “*Sao, hôm nay chúng con được trận hay thua?*”

LM. VŨ THÀNH

Cả ba ông đều trả lời cha: “*Chúng con chẳng chịu quá khóa lúc nào, mà chỉ trông được chịu chết vì đạo, vì quan lớn đã dạy làm án xử cho chúng con rồi.*”

Quả thật các quan lúc đó đã làm án xử tử ba ông, và đệ tấu nhà vua. Vua Minh Mệnh, đọc tấu sớ của các quan, nhưng ông chẳng muốn giết các ông này. Nhà vua liền ra chiếu chỉ truyền cho các quan phải tìm hết cách để khuyên dụ các ông bỏ đạo: “*Ta lấy sự sống người ta làm trọng lắm, khi đã cắt đầu chẳng còn phép nổi lại được nữa, ta truyền cho các quan phải dùng mọi cách, làm sao cho ba tên lính bỏ đạo Gia Tô, nhất là truyền đem ra ngoài cửa thành cho dân chúng xem và. Nếu khi sự ấy chẳng đủ, thì đem ra ngoài mà giã cách chặt ngang lưng cho sợ hãi.*”

Các quan vâng theo chiếu chỉ của vua, đóng gông đem ông Huy và ông Thể ra cửa Đông, ông Đạt ra cửa Nam. Ông Huy và ba ông đều không sờn lòng.

Tháng 10 năm 1838 quan tổng trấn Trịnh Quang Khanh phục chức tổng trấn Nam Định thay thế Lê Văn Đức. Quan tổng trấn thấy ba ông vẫn cứ vững lòng trung kiên thì cũng lại đệ án xin nhà vua xử tử các ông. Tuy nhiên vua Minh Mệnh không cho giết, trái lại còn truyền cho ông Trịnh Quang Khanh phải tìm đủ mọi cách khuyên dụ. Chẳng những thế, vua còn quở trách ông Trịnh Quang Khanh: “*Mày không bảo được ba thằng lính phạm hèn, mà cai quân cả tỉnh thế nào được.*”

Ba ông bị điệu ra ngoài thành cho xử và liên tiếp 21 ngày, rồi lại bị giam vào ngục vừa bị hành hạ vừa bị dụ dỗ. Quan lại truyền cho những người đã bỏ đạo trước phải vào để dụ dỗ ba ông. Nhưng các ông không nghe còn dùng nhiều lý lẽ để làm cho họ phải xấu hổ và ăn năn. Quan Trịnh Quang Khanh thấy đã hết kế, sau cùng ông dùng một âm mưu rất độc. Quan bắt anh em họ hàng của ba ông, cùng lý dịch ba xã Hạ Linh, Phú Nhai, Kiên Trung. Khi các người tới trước mặt quan thượng, ông truyền cho họ phải làm sao cho ba ông quá khóa, nếu không làm nổi thì tất cả đều phải chịu chết với cả ba ông. Anh em họ hàng cùng huynh thú trong xã rất sợ hãi, nên cố sức để dụ dỗ ba ông. Khởi mấy ngày quan thượng đòi cả ba ông vào để xem các ông đã sẵn lòng bỏ đạo chưa. Nhưng ba ông cứ một mực vững lòng. Tức thì quan truyền cho thân nhân, huynh thú trong ba xã,

DÒNG MÁU ANH HÙNG

và các lính đồng đội phải vào để khuyên nhủ ba ông. Nhưng dù các người này cảm dỗ thế nào các ông vẫn một lòng trung kiên. Quan Trịnh Quang Khanh tức giận lắm, ông chửi các lý dịch cùng huynh thú trong xã: *“Tại chúng mày, mà ba thằng này bất trị, vì chẳng dạy bảo chúng nó vâng chịu luật phép nhà nước cho sớm, nên chúng mày phải chịu tội với chúng nó.”*

Nghe quan thượng nói vậy, huynh thú và lý dịch rất sợ hãi, xin khẩn quan một tháng để khuyên bảo các ông này. Các ông cũng không quên xin quan thượng đừng giam các ông này chung với nhau, xin giam mỗi người một nơi để dễ dàng khuyên bảo. Quan thượng ưng cho khẩn một tháng, và giam ba ông riêng biệt.

Hết hạn một tháng, quan nghĩ chắc ba ông đã mềm lòng có thể chịu bỏ đạo, quan liền truyền điệu các ông đến. Song các ông vẫn không chịu quá khóa. Bấy giờ quan truyền nọc đánh một người huynh thú xã Kiên Trung. Ông Thế thấy người huynh thú bản xã bị nọc đánh đòn thì thương hại, ông thưa với quan rằng: *“Lạy quan lớn, xin quan lớn tha cho, quan lớn dạy thế nào con xin vâng.”*

Quan bảo ông quá khóa, ông đành vâng theo. Lúc đó các quan thấy một tên lính đã thua trận thì vỗ tay reo mừng, liền tháo gông bẻ xiềng cho ông Thế. Sau đó mọi người lại xúi giục ông Huy và ông Đạt bắt chước ông Thế mà chịu quá khóa. Một quan nói với ông Đạt: *“Mày cứ bắt chước tên Thế mà bước qua thập tự, khi trước cả ba tên đều hợp lực bắt kháng, bây giờ tên Thế đã vâng lời vua, sao mày còn cứng cổ.”*

Bấy giờ ông Đạt cũng chiều lòng các quan mà bước qua thập tự.

Phần ông Huy, dù hai bạn đã quá khóa, ông vẫn không sờn lòng. Các quan vẫn không thất vọng cố tìm cách dụ dỗ ông Huy bỏ đạo. Đêm đó, quan cho người vào phòng ông Huy dụ dỗ ông rằng: *“Chú phải vâng lời vua như hai ông kia, thì chẳng ai cười chê chú được. Vì chú đã chịu khó vưng vâng hết sức rồi. Vua chẳng muốn giết chú, mà cũng chẳng muốn tha chú nếu chú không quá khóa, nếu chú bước qua một lần mà thôi thì khỏi mọi sự rầy rà này.”*

Sau cùng, ông Huy cũng chối đạo như hai ông bạn kia. Sau đó, quan phát cho mỗi ông 10 quan tiền rồi thả các ông về nhà.

LM. VŨ THÀNH

Dòng đã tám tháng trời các ông chịu cực hình và khuyên dụ bỏ đạo mà các ông vẫn trung kiên, nên ai cũng cảm phục. Bây giờ nghe tin các ông chối đạo, rất nhiều người không tin. Có người cho rằng các ông bị lừa ngải làm mê loạn nên các ông mới chối đạo. Câu chuyện này vẫn còn trong vòng nghi ngờ, nhiều người vẫn không tin các ông đã chối đạo, nhất là sau này các ông lại xưng đạo và chịu chết vì đạo. Có những người biết chuyện thì cố tình tạo nhiều ý khác nhau để che đậy sự nhút nhát của ba ông hồi ấy. Trong các thư báo cáo về Manila, và Âu Châu thì quả quyết các ông tự ý chối đạo chứ không có ai ép uống các ông. Chính ba ông binh cũng tự thú chuyện các ông chối đạo là sự thật. Đức Cha Marti, đã điều tra rất nhiều người và kết luận chuyện các ông bị lừa ngải là vô căn cứ.

Từ khi ba ông bỏ đạo, thì lương tâm các ông cắn rứt vì đã chối đạo và gương xấu mình đã làm. Ba ông đã bàn bạc với nhau cũng như hỏi người khác xem phải làm thế nào để trở lại cùng Chúa. Mấy ngày sau, ông Huy cũng như hai ông binh kia đi xưng tội. Bởi ơn Chúa thúc đẩy, cả ba ông đều muốn lên tỉnh để xưng đạo. Lên tỉnh Nam Định, cả ba ông vào dinh quan thượng. Ba ông lạy quan thượng, rồi ông Huy đại diện anh em để thưa với quan: *“Bẩm quan lớn, đạo Thiên Chúa là đạo thật, Chúa chúng con thờ là đấng cao cả phép tắc vô cùng, bởi chúng con đã quá dại mà chịu quá khóa, mất nghĩa cùng Chúa chúng con, nay chúng con xin giả tiền lại cho vua và quan lớn, cùng xin giữ đạo Thiên Chúa cho thật lòng.”*

Trịnh Quang Khanh nghe những lời ấy thì tức giận chửi rủa các ông thậm tệ, sau đó truyền giam các ông trong ngục rồi truyền cho lính hàng đội phải dụ dỗ ba ông như trước, tuy nhiên ba ông vẫn một lòng trung kiên. Quan Trịnh Quang Khanh không biết phải làm thế nào, vì trước đây ông đã tâu về triều đình rằng ba ông đã quá khóa, bây giờ nếu xử án ba ông thì không biết ăn nói sao với triều đình. Quan liền truyền cho lý dịch ba xã đến để nhận tiền thay cho các ông, rồi đuổi ba ông về làng không cho đến làm phiền các quan nữa. Các ông buồn rầu ra về, tuy nhiên lòng các ông vẫn không yên trí. Các ông chẳng ao ước sự gì thế gian mà chỉ ao ước được chết vì đạo Chúa. Các ông càng gia tăng việc cầu nguyện, ăn chay hãm mình và làm việc phúc đức để mong được chết vì đạo.

Quyết định của quan tổng trấn không làm cho các ông hài lòng, các ông lại bàn với nhau: *“Nếu quan thượng không cho chúng ta chết vì*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

đạo, thì chúng ta sẽ vào kinh tâm xin nhà vua cho chúng ta chết vì đạo, để sửa lại gương mù gương xấu chúng ta đã làm.”

Ông Huy lại bảo các bạn: “Nếu các ông không đi thì tôi đi một mình.”

Lúc đó ông Thế cũng nói thêm vào: “Nếu ông đi, tôi cũng đi với ông.”

Để đi tới quyết định trên các ông đã bàn hỏi với Cha Tuyên. Cha Tuyên hỏi cặn kẽ lý do các ông bỏ đạo, các ông đáp: “*Quả thực trong lòng chúng con bỏ đạo chỉ vì thương cha mẹ, anh em, và huynh thứ trong làng. Chúng con tin rằng nếu chúng con không bước qua thập giá, thì quan thượng cũng bắt tất cả phải bước qua thập giá. Nếu họ vì sợ mà ứng thuận, chúng con lại không phải chịu trách nhiệm về tội của họ sao? Chúng con đã sai lầm, và chúng con đã bước qua thập giá. Sau khi quá khóa, chúng con cảm thấy hối hận nên đã xưng đạo lại trước mặt quan tổng trấn. Nhưng chỉ có quan tỉnh biết, còn triều đình và nhà vua thì không hay biết gì cả. Chính vì thế chúng con muốn đến gặp nhà vua, và xưng đạo công khai trước mặt người. Như thế mọi người sẽ biết chúng con bước qua thập giá vì sự yếu đuối của chúng con, chứ không phải vì chúng con muốn nghe lời nhà vua mà chối bỏ đạo.”*

Sau đó Cha Tuyên viết thư hỏi ý kiến Đức Cha Marti nói rõ lý do các ông đã bỏ đạo và ý các ông muốn xưng đạo lại tại kinh đô. Trong thư, Cha Tuyên cũng kể cho Đức Cha Marti biết trong thời gian các ông đang cư ngụ tại nhà của cha thì nhận được thư của Cha Jimeno (sau này làm giám mục), trong đó có đoạn nói: “*Thầy vui mừng lắm vì ba ông binh lính đã xưng đạo tại tỉnh, lại nghe cả ba ông toan vào đến vua để xưng đạo cách rõ rệt hơn nữa. Được như vậy, thầy rất vui mừng, và tin rằng Đức Chúa Trời sẽ giúp cùng ban sức cho họ được thẳng trận, xứng đáng lãnh phần thưởng vô cùng mà Đức Chúa Trời đã dành cho những kẻ chịu khổ vì đạo.”*

Cha Tuyên đọc thư này cho cả ba ông nghe và họ nhất định vào đến vua. Ông Huy còn xin sao bản thư đức cha để sau này xem lại. Sau đó ba ông bàn với nhau phải vào kinh như thế nào.

Vấn đề vào kinh cùng một lúc thật là khó, vì chẳng có bao giờ cả ba ông được nghỉ phép. Lúc đó ông Đạt nói: “*Tháng sau, hai ông được nghỉ ở nhà, mà tôi phải ứng vụ tại tỉnh, hai ông cứ đi, tôi ở lại, nhưng anh em thế nào thì tôi thế ấy. Xin anh em cho tên tôi vào đơn, nếu anh*

LM. VŨ THÀNH

em chịu sự khổ nào trong kinh thì tôi cũng mong được chịu khổ như vậy ngoài này.”

Cha Tuyên thấy ba ông nhất định đi chịu chết vì đạo thì người khuyên bảo các ông đủ điều và dạy các ông cậy trông ơn Chúa, ăn ở khiêm nhường. Sau khi nghe cha già Tuyên khuyên bảo, ông Huy và ông Thế về nhà từ giã vợ con anh em thân thuộc lần cuối cùng và xin mọi người cầu nguyện cho mình. Hai ông cũng đi xưng tội chịu lễ để dọn mình còn ông Đạt lên tỉnh thi hành công vụ.

Đầu tháng 3 năm 1839, tức năm Minh Mệnh thứ 20, hai ông vào kinh. Con cả ông Huy cũng theo cha vào kinh để xem công việc thế nào. Hết 20 ngày mới vào tới kinh đô Huế. Các ông trọ tại nhà một người bốn đạo tên là bà Tam. Ở đây hơn một tháng, hai ông ăn chay cầu nguyện, dọn mình để vào kinh xin chịu tử vì đạo. Các ông đệ đơn và kêu tòa tam pháp. Quan tòa nhận đơn rồi chẳng tra hỏi gì hết. Chờ đợi ít lâu, mà chẳng ai hỏi gì tới việc xưng đạo của hai ông, hai ông lại viết đơn khác gửi tới quan tòa: *“Chúng tôi quá khóa tại tỉnh Nam Định, vì quan Trịnh Quang Khanh ép chúng tôi quá, chẳng phải vì lòng thật muốn bỏ đạo.”*

Lần đó các quan tòa cũng chẳng xét xử đơn xin của các ông. Đợi đến một ngày kia, khi vua Minh Mệnh ra ngoài chơi, hai ông sắp mình xuống bên lề đường, mà đệ đơn trên đầu. Một quan lớn cầm đơn đó xem, rồi trình vua. Khi vua Minh Mệnh biết việc liền truyền giam các ông vào ngục, rồi truyền các quan thuộc hình bộ, lễ bộ, và binh bộ hợp lực tra xét và làm mọi cách cho hai ông bỏ đạo. Tuy nhiên dù làm thế nào hai ông vẫn trung kiên. Lúc đó quan Lê Văn Đức, trước kia là tổng đốc Nam Định, đã biết các ông gan dạ thế nào nên nói với các ông rằng: *“Đánh đòn chúng bay chỉ mỗi tay mà thôi.”*

Các quan tòa thấy hai ông can đảm như vậy thì hỏi về ông Đạt, vì trong đơn có nói tới ông ấy. Hai ông liền thưa với quan: *“Anh Đạt cũng chẳng chịu quá khóa, mà vì mắc trở việc tại tỉnh Nam Định, nên chẳng đi với chúng tôi được, song anh ấy cũng hợp một ý với chúng tôi. Anh ấy còn dặn rằng, anh em thế nào thì tôi thế ấy.”*

Các quan trình tâu nhà vua mọi việc, nhà vua lấy làm ngạc nhiên lắm, tuy nhiên vua vẫn hy vọng có thể thay lòng đổi dạ các ông, nên vua lại truyền ba quan lớn hợp lực làm thế nào cho hai ông quá khóa. Nhưng cũng vô ích.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Nhà vua còn truyền các quan đem ra 10 nén vàng, một tượng thánh giá, và một thanh gươm rồi nói: *“Mặc ý các người chọn. Nếu bước qua thập giá thì sẽ được thưởng 10 nén vàng, còn nếu không sẽ bị thanh gươm chặt ngang lưng làm hai rồi bỏ xác xuống biển.”*

Tức thì hai ông xin chịu chết.

Các quan lại trình tâu vua tất cả sự kiện, vua Minh Mệnh rất tức giận, truyền đem hai tờ giấy cho các ông ký tên vào. Một tờ thì chứa đầy những lời xỉ vả mạ báng Chúa và đạo Gia Tô, còn tờ kia là án các ông phải chết như thế nào. Hai ông không chịu ký vào bản thứ nhất, trái lại chấp nhận bị trăm quyết. Lúc đó quan đọc án của nhà vua như sau: *“Minh Mệnh nhị thập niên, tháng 5 ngày mồng một, nội các thân Lê Khanh Trinh, thân Lâm Ruy Nghĩa vâng lời vua truyền từ tờ các quan tòa tam pháp, thì hai tên lính tinh Nam Định, tên là Phạm Viết Huy và Bùi Đức Thế cùng khai rằng chúng vốn theo đạo Gia Tô chẳng bỏ, mà năm ngoái có bước qua thập tự tại bản tỉnh, bởi quan tổng đốc tỉnh ấy bức hiếp chú trong lòng chẳng bao giờ có ý bỏ đạo, nên bây giờ xin cứ giữ đạo như khi trước. Quan tòa tam pháp đã khuyên bảo hai ba lần, song hai tên phạm này cứ một mực chỉ xin chịu chết, cùng quyết chẳng chừa cái, thật là hai tên đại dột mê hoặc. Khi trước ta đã làm án chết cho chúng nó, song ta còn thương hại chẳng muốn giết, chẳng ngờ là lũ phạm ấy đã ra mê cuồng chẳng còn biết lẽ phải, ta đã mở lối cho chúng nó ăn năn, nếu còn có trí khôn thì phải biết mình đã sai lầm mà cải ác hoàn lương, song hai tên phạm này cố chấp theo Gia Tô tà đạo, dám bỏ việc lính mà vào kinh khống đờn, chúng nó thật kiêu ngạo, đáng khinh dể, đáng ghét, không thể để cho sống được nữa. Nên hai tên phạm là Phạm Viết Huy và Bùi Đức Thế, phải kết án tử, giao cho lính đem ra cửa biển, lấy rìu lớn chặt ngang lưng, rồi bỏ xác xuống biển để cho ai nấy biết rõ điều răn cấm. Còn một tên phạm nữa là Định Đạt cũng can án này. Nó có bỏ đạo thật hay không thì phải tra xét kỹ càng và tâu cho minh bạch.”*

Ngày 2 tháng 5 năm 1839 ta, cũng là 12 tháng 6 năm 1839 dương lịch, ông Huy và ông Thế bị điệu ra cửa bể là cửa Thuận để chịu chết. Trên đường đi đến pháp trường hai ông vui vẻ chào hỏi mọi người khiến dân chúng rất ngạc nhiên. Đến cửa biển, quan bắt hai ông xuống thuyền rồi chèo ra khỏi đất liền. Lúc này quan còn khuyên hai ông quá khóa vì vẫn còn kịp, nhưng hai ông nhất định không bỏ đạo. Quan truyền tháo gông, rồi trói hai ông vào cột chèo. Hai ông đọc

LM. VŨ THÀNH

kinh phó linh hồn. Lý hình giờ gờm lên, chặt ngang lưng hai ông như đã ghi trong án. Sau đó chúng chặt đầu rồi bỏ làm tư và liệng xác hai ông xuống biển.

Được tin hai ông Thế và Huy bị xử tử, ông Đạt ở nhà thu xếp công việc của nhà. Ông đọc kinh nguyện ngấm để dọn mình chết. Mấy ngày sau, lính hàng đội từ tỉnh xuống báo với ông Đạt rằng: *“Quan lãnh binh và tỉnh sai tôi xuống báo cho anh biết đã có chỉ bộ ra truyền bắt và xử tử anh.”*

Khi ông Đạt nghe tin ấy thì vui mừng lắm. Lúc đó vào quãng cuối tháng 6 năm 1839. Ông Đạt liền đi báo cho anh em và từ giã mọi người. Ông cũng xin mọi người cầu nguyện cho ông. Lúc đó, vợ ông muốn khuyên chồng bỏ ý định chết vì đạo. Bà khóc lóc than vãn, rồi dẫn con gái đến xin ông: *“Ông bỏ tôi cùng con bé này sao?”*

Ông Đạt rất cảm động, nhưng ông nói với bà nếu ông quý bà và con gái hơn Chúa thì chẳng xứng đáng với Chúa Giêsu Kitô. Thiên Chúa sẽ lo liệu cho bà và con gái. Sau cùng ông bảo vợ: *“Một chốc nữa bà đem con bé sang nhà Nhiều Quang cho tôi gặp nó một chút nữa.”*

Rồi ông đi chịu lễ lần sau hết. Khi chịu lễ cùng cảm ơn, ông yêu ủi vợ con, cùng giã từ anh em, rồi theo lính ra đình làng. Tại đình làng, quan viên làng và nhiều người dân đã tụ họp đông đủ sẵn sàng để từ giã ông. Ông lạy quan viên, xin các ông ấy cầu nguyện cho mình. Lúc bấy giờ cũng có người nói rằng: *“Anh Đạt bỏ vợ con, bỏ quê quán.”*

Ông thưa lại rằng: *“Vợ con và quê nhà tôi để mặc thánh ý Đức Chúa Trời, tôi xin làng thương tôi cùng vợ con tôi.”*

Trên đường đi về tỉnh, ông Đạt chỉ đọc kinh lần hạt chuẩn bị chịu chết. Phần bà vợ ông, vẫn theo ông tới Nam Định, vừa đi vừa khóc. Ông đuổi bà về và nói với bà: *“Nếu bà đến đây mà cứ khóc thì đừng đến thăm tôi nữa.”*

Tại tỉnh, quan lớn bảo ông Đạt rằng: *“Thằng Huy, thằng Thế đã phải bỏ làm tư, rồi bỏ xuống bể cho tôm cá ăn, mày có quá khóa không?”*

Ông Đạt đáp lại: *“Hai anh con đã được phúc trọng, xin quan lớn bỏ con làm tá. Còn sự quá khóa thì con không chịu.”*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Quan thượng nghe xong liền truyền đóng gông, rồi giam ông trong ngục. Đến ngày 18 tháng 7 năm 1839, có lệnh vua truyền xử giáo ông Đạt. Quan lại khuyên nhủ lần nữa nhưng ông không chịu. Thế là quan truyền viết thẻ: *“Tên Đinh Đạt thuộc Xuân Tràng phủ, Giao Thủy huyện, Phú Nhai xã, là tên phạm, cố chấp theo Gia Tô tả đạo, nay cũng chẳng chịu bỏ đạo ấy, bất tuân quốc pháp, lập tức đem đi xử giáo.”*

Viết thẻ xong quan truyền giao ông Đạt cho quan giám sát đem đi xử giáo. Trên đường đi ông chỉ đọc kinh cầu nguyện. Khi đến nơi xử, đã sẵn có cái chiếu cạp ở đấy, ông Đạt quỳ trên chiếu vẫn cứ tiếp tục đọc kinh mãi. Một lúc, quan truyền tháo gông, bắt ông nằm xuống chiếu, rồi quân lính buộc dây vào cổ ông. Khi đã sẵn sàng, quan giám sát ra hiệu lệnh. Lý hình kéo dây cho đến khi ông tắt thở.

Làng Phú Nhai lấy xác ông và táng trọng thể tại nhà anh cả ông Đạt. Sau hài cốt của người được táng tại nhà thờ Phú Nhai.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC TÔMA ĐINH VIẾT DỤ, O.P.

(bị bắt 20-5-1839, xử tử 26-11-1839)

Thánh Tôma Dụ là linh mục bản xứ thuộc Dòng Đa Minh. Người sinh tại Phú Nhai Quảng năm 1783. Không thấy nói gì về đời thơ ấu của người, chỉ biết rằng người nhập Dòng Đa Minh sau khi người đã chịu chức linh mục. Người khấn dòng ngày 21-12-1814, lúc đó người đã 31 tuổi. Người là linh mục đạo đức thánh thiện, người trội vượt trên đường ăn chay hãm mình đến nỗi các cha và các thầy dòng tặng cho người biệt hiệu Thánh Bruno.

Trong cuộc đời mục vụ của người, người được đức cha cho bài sai coi xứ Đông Xuyên và xứ Quất Lâm. Sau này người lại được bài sai coi xứ Liễu Đề dưới thời Minh Mệnh bắt đạo. Trong thời kỳ này, một tên phản bội, tên là Lý Mỹ, đi ra Nam Định thưa với quan tổng đốc Trịnh Quang Khanh rằng trong làng Liễu Đề có Cha Liêm và nhiều linh mục ẩn tránh. Không chậm trễ, quan tổng trấn ra lệnh cho quân lính bao vây xứ Liễu Đề ngày 20-5-1839. Quả thực trong xứ lúc đó có Cha Dụ và ba cha khác nữa. Ba cha truyền giáo may mắn tìm

LM. VŨ THÀNH

được chỗ trú ẩn. Phần Cha Dụ, lúc đó đang làm lễ tại nhà bà Agnes Thu. Cha biết không thể chạy tới chỗ trú ẩn kịp thời, và cũng không muốn liên lụy tới chủ nhà, cha liền bảo bà Thu đem giấu các đồ lễ: *“Con hãy giấu các đồ lễ này đi vì nếu họ bắt được, con sẽ bị khốn khó. Cha sẽ cố gắng chạy trốn, nếu cha bị bắt cha sẽ bị kết án tử hình, tuy nhiên cha không muốn làm liên lụy đến ai cả. Con cho cha cái gì để cha cầm trong tay, như vậy họ sẽ không khám phá cha là linh mục, và cha sẽ chạy thoát”*.

Bà Thu đưa cho cha bộ quần áo nhà nông, và một cái chép, sau đó cha liền lên qua vườn nhà người hàng xóm tên là Đỗ Quỳnh. Cha cúi xuống nhổ cỏ và làm vườn như một người nông dân. Lính tuần tiểu và quan quân đi qua đi lại nhưng vẫn không nhận ra người là linh mục. Bỗng đâu một tên phản bội, nhận biết người liền chỉ cho quân lính. Lập tức, lính vây bắt người, chúng trói tay người lại, đánh đập và điệu người về đình làng cho quan xét xử.

Tổng đốc Trịnh Quang Khanh đích thân tra hỏi người. Ông quan khát máu này tỏ ra rất bức tức với người Công Giáo, nhất là các vị lãnh đạo tinh thần. Vừa trông thấy Cha Dụ, ông hống hách tra khảo: *“Tên nghịch tặc, nhà người làm nghề gì?”*

Cha Dụ liền trả lời: *“Tôi coi con chiên bốn đạo của tôi”*.

Người không muốn tiết lộ chỗ trú ẩn của Cha Liêm và các cha khác, dù quan tổng đốc dùng đủ mọi lời lẽ khuyên dụ và đe dọa. Sau cùng tên bạo chúa truyền quân lính đánh người 21 hèo. Sách ghi lại rằng người không hề kêu than một tiếng dù với tuổi già sức yếu. Lúc đó người đã 56 tuổi. Tra tấn xong, quan tổng đốc truyền quân lính lục soát trong người của người, chúng chẳng thấy gì ngoại trừ cỏ tràng hạt mà người vẫn mang luôn trong mình. Quan càng bức tức, truyền bắt bà Thu, người đã chứa chấp cha. Bà Thu bị phạt tù 24 giờ, nhưng ngày hôm sau được thả về. Hôm sau, đúng vào buổi trưa nóng bức của mùa hè, chúng bắt Cha Dụ ra phơi nắng, thân mang gông cùm, tay chân bị xiềng xích, sau đó giải về Nam Định và bị tống vào ngục thất.

Tại Nam Định quân lính hành hạ người đủ điều, nhưng người thà chết nghìn lần chứ không chịu phản lại đạo thánh Chúa. Chúng lại dụ dỗ người bằng nhiều hứa hẹn để xin người khai ra những nơi ẩn núp của các nhà truyền giáo và các giáo dân khác. Sau cùng chúng

DÒNG MÁU ANH HÙNG

khuyên dụ người bỏ đạo bằng những lời ngọt nhạt cũng như đe dọa. Người vẫn một lòng kiên trung. Quan tổng đốc tức giận truyền quân lính đánh người 90 roi. Sau đó người lại bị trói và điệu về nhà giam. Ở đây người lại được dịp làm việc tông đồ cho những tội nhân đủ loại: trộm cướp, giết người, v.v.... Nhiều người đã tin theo cha.

Sau đó người còn bị điệu ra điệu vào để tra khảo không biết bao nhiêu lần mà kể. Mỗi lần quan dùng một hình thức tra khảo khác nhau: nào hứa hẹn chức quyền, tiền bạc, nào đe dọa bằng những hình khổ càng ngày càng dữ tợn hơn. Có lần người bị đem ra phơi nắng, vai vẫn đeo gông nặng và chân tay vẫn bị xiềng xích, rồi đêm tối người lại bị ném vào trong ngục thất lạnh lẽo. Hầu hết lần nào người cũng bị đánh đòn, có lần 20 roi, có lần 30 roi. Có lần quan giận quá, vừa ra lệnh đánh đòn vừa nói đánh cho nó sáng mắt ra. Dĩ nhiên lần nào người cũng kiên trung, cương quyết nhất định không chịu quá khóa. Có lần bị hạch sách nhiều quá, người thưa lại với quan: *“Tôi chẳng phải là trẻ con mà các quan cứ hỏi đi hỏi lại mãi làm chi. Tôi đã nói rằng tôi chẳng quá khóa, thì xin các quan cứ làm án cho tôi”*.

Ông Giuse Hiền kể lại có lần mẹ người già làm bà ăn mày đến thăm con tại nhà giam, thấy con khổ sở quá, nhất là vai mang gông nặng, mẹ người muốn nâng đỡ người một chút. Người liền thưa với bà cố: *“Con yếu sức phần xác thật, song vì Chúa Giêsu thêm sức, con xin chịu được. Chúa Giêsu xưa chịu khó vì tội thiên hạ, thì nay con cũng phải chịu một chút để bắt chước Người”*.

Người luôn luôn vui vẻ chịu đựng các hình khổ, không hề than trách một lời. Người còn nói với những ai đến thăm viếng người là dù hình phạt gia tăng mà người lại thấy bớt đau đớn hơn trước. Cha tâm sự với rất nhiều người lòng mong mỗi được chết vì đạo như có lần chanói với một người tới thăm: *“Cha mong sự chết lắm nhưng chẳng biết bao giờ đến”*.

Lần khác cha tâm sự với một người khác: *“Cha chưa biết ngày nào sẽ được chết vì đạo, chẳng biết con có được trông thấy cha nữa chẳng, cứ cầu nguyện cho cha được chịu mọi sự khổ khó cho nên, cùng bằng lòng mọi đàng”*.

LM. VŨ THÀNH

Lần khác nữa, người lại bảo người khác: “*Con cầu nguyện cho cha, nguyện Chúa ban ơn cho cha chịu sự khó để được vinh quang mà Người dành cho cha*”.

Sau 5 tháng trong tù và tra tấn, ngày 10-10-1839 lòng mong mỏi của người trở thành sự thật, các quan đã tuyên án xử trăm người. Khi ở trong tù người đã nêu gương sáng và giúp đỡ các phạm nhân, thì giờ đây được tin chết vì đạo, người rất vui mừng hoan hỉ. Bản án được gửi về kinh đô để vua phê chuẩn. Bản án của người cũng giống như các bản án của các thánh tử đạo khác: Tội theo đạo Gia Tô tà đạo, dù khuyên nhủ và đe dọa cũng như tra tấn mà vẫn không chịu bỏ đạo. Bản án kết luận: “*Tên cứng đầu và ngỗ nghịch này phải trừng trị xứng đáng. Y đã bị trừng trị bằng những hình phạt nặng nhất. Đáng lẽ bị phạt nó phải than trách, nhưng không, nó chẳng hề than trách...*”

Bản án này được nhà vua phê chuẩn ngày 7-11-1839 và truyền hành quyết vào ngày 26-11. Chiếu chỉ của nhà vua như sau: “*Ta đã xem án đạo trưởng Gia Tô tên là Đinh Viết Dụ. Tên phạm này khi còn bé đã theo đạo trưởng tây Bường là danh trùm cả mà học đạo. Nó biết chữ tây, cũng biết danh trùm Hai và danh trùm Hiền là những kẻ đã bị xử rồi, chỉ có danh trùm Vọng là kẻ còn ẩn lánh. Vào tháng Giêng năm nay tên phạm này dám đem dấu đồ đạo ở nhà Nguyễn Văn Trinh và Đỗ Cấp. Đến tháng Năm, quan tổng đốc tỉnh Nam Định dựa theo lời tố cáo của dân đem binh đi vây nã, và bắt được tên phạm này. Dem ra tra tấn thì thú nhận tất cả, nhưng không chịu bỏ đạo ấy. Còn như danh trùm Vọng trốn đi đâu, cùng ẩn náu ở đâu, thì tên phạm này là đứa mê muội, tối tăm, cố chấp không chịu nói. Vậy tên Đinh Viết Dụ phải đem đi trăm quyết*”.

Vài ngày trước khi xử án Cha Dụ, một tin vui mừng rất lớn đến với người là Cha Đa Minh Xuyên, một linh mục cùng Dòng đã bị bắt ít tháng trước tuy nhiên bị giam tại nhà giam khác, bây giờ lại bị giam cùng nhà giam với người. Cha Xuyên cũng bị biết bao nhiêu hình khổ, và tới lúc này người cũng đã có án xử. Hai đấng tử đạo, có dịp an ủi và khuyến khích nhau chịu khổ vì Chúa. Hai vị ban các bí tích cho nhau, nhất là bí tích giải tội. Một bà giáo dân đạo đức tên là Rose Trương, kể lại với các cha sau này rằng ít ngày trước khi hai cha bị xử án, chồng bà vào nhà giam để thăm Cha Dụ, người xin ông một miếng vải trắng, ông đã cho cha. Nhận miếng vải, cha cảm ơn ông

DÒNG MÁU ANH HÙNG

và nói với ông rằng cha đã có án tử và sẽ bị trảm quyết vào ngày 26 trong tháng, đoạn cha cho ông một miếng vải có thấm máu của cha.

Ngày hành quyết đến, hai vị thánh tử đạo bị điệu đến nơi hành quyết, với đoàn lính nghiêm chỉnh và dân chúng theo xem rất đông. Một vị quan ngồi chễm chệ trên thớt voi thật lớn, theo sau có quân lính hầu và hộ tống. Hai vị tử đạo, vai đeo gông nặng, chân tay mang xiềng xích, bị đưa đến pháp trường Bảy Mẩu. Nữ tu Maria cũng có mặt hôm đó đã kể lại chi tiết cuộc xử trảm của hai vị như sau: *“Hai vị quỳ xuống, tay chấp lại, rồi ngược mắt nhìn lên trời. Lính dùng của cắt gông cùm và bẻ gãy xiềng xích, rồi trói các đấng vào cột trụ. Chúng lấy nước rửa cổ các đấng. Tên lý hình giờ gươm lên, và chém đầu Cha Tôma Dụ. Đầu Cha Dụ lia khỏi xác và rơi trên đất. Tên đao phủ nhặt đầu người lên, và liệng trên không ba lần đoạn hô lớn: ‘Đầu tên linh mục tử đạo đã bị chặt đứt’”*.

Các giáo hữu, theo như thường lệ, chạy lại lấy xác và thấm máu các đấng tử đạo. Xác của cha được an táng gần đấy. Sau hơn một năm, vào tháng Giêng năm 1841 xác cha được cải táng và chôn tại nhà trường Lục Thủy. Từ khi Đức Giáo Hoàng phong Á Thánh cho người, hài cốt của cha được đặt tại nhà thờ Phú Nhai cho mọi người tôn kính.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC ĐÔMINICÔ NGUYỄN V. XUYÊN, O.P.

(bị bắt 18-8-1839, xử trảm 26-11-1839)

Sinh thánh Đôminicô Xuyên sinh năm 1786 tại làng Hương Cáp tỉnh Nam Định. Người là con một trong một gia đình rất hiền lành đạo đức. Người học hành rất sáng dạ, cha mẹ liền cho đi học chữ nho, rồi khi đã lớn đưa vào nhà xứ xin Đức Cha Y coi sóc. Dù bận công việc học hành, nhưng người vẫn không trễ nải việc đạo đức. Người nổi tiếng là dễ dạy và chịu khó. Đức Cha Y thấy người có nhân đức, gửi người vào trường La Tinh tại Lục Thủy. Năm 33 tuổi, người được đức cha phong chức linh mục. Sau đó, người xin gia nhập Dòng Đa Minh, và khấn dòng ngày 20-4-1820 tại trường La Tinh làng Lục Thủy.

LM. VŨ THÀNH

Trong vụ điều tra phong Á Thánh cho người, nhiều người đã làm chứng là cha rất có lòng sốt sắng, siêng năng giữ lễ luật dòng, hay ăn chay, nguyện ngắm, và hay thương kẻ nghèo khó. Người vẫn bảo kẻ canh công rằng: *“Hễ có kẻ khó nào đến xin ăn thì phải cho, dù cơm của cụ dùng cũng phải cho, còn dư bao nhiêu thì cụ sẽ dùng”*.

Vào trong ngục, người cũng giữ đức bác ái như vậy. Khi con chiền bốn đạo đem tiền bố thí cho người, người lại chia sẻ với các tù nhân trong ngục.

Lòng bác ái của người đã trội vượt, mà lòng thương con chiền và lo lắng phần hồn cho họ còn trội vượt hơn. Người phụ trách một vùng rất rộng lớn, vừa đi giảng dạy, vừa ban các bí tích. Người chu toàn nhiệm vụ của một cha sở đầy nhiệt thành, dù thời đó đang có cuộc bách hại đạo gắt gao. Người được đức cha sai về làm phó xứ Phạm Pháo, rồi về xứ Kẻ Mèn làm phó xứ chừng bốn năm. Trong thời gian này người đã siêng năng giúp nhiều người trở lại đạo, đồng thời lập một họ lẻ gọi là họ Vinh Sơn. Người ở xứ Vinh Sơn một thời gian rồi đổi về coi sóc con chiền bốn đạo xứ Đông Xuyên khoảng 13 năm. Tại đây Chúa ban cho người được bảy năm thái bình, nhưng sáu năm sau thật nhiều khốn khó: nào mất mùa, đói khát, cướp bóc, hạn hán. Bốn đạo rất cực khổ, và người cũng cùng chung số phận ấy. Bị hạn hán, dân chúng coi đó như là một hình phạt của trời. Dân chúng đói khổ sinh ra trộm cướp. Giặc giã nổi lên cướp bóc và đốt phá dân làng. Giặc cướp còn đánh đập và giết những ai cả gan chống đối họ. Giặc cướp cũng vào trong nhà xứ và nhà thờ để cướp phá, có lần người mất cả đồ lễ. Người bằng lòng chịu sự khốn khó, và nói với giáo dân: *“Nếu Chúa không muốn cho cha dùng đồ ấy nữa, thì cha xin bằng lòng chẳng dám kêu trách”*.

Cuộc bách hại đạo của Minh Mệnh, càng ngày càng khốc liệt hơn, đức cha sai người về tiểu chủng viện Ninh Cường giúp Cha Giuse Hiền. Sau 18 tháng, người lại có lệnh về giúp Đức Cha Y ở Bùi Chu. Chẳng bao lâu sau, Đức Cha Y phải trốn qua làng Kiên Lao, và bị bắt ở đó. Quãng tháng 5 năm 1838, Cha Xuyên tiếp tục coi sóc con chiền mình hơn một năm nữa, chẳng bao giờ được bằng an. Người phải lần trốn nay đây mai đó để cử hành Thánh Lễ ban đêm và an ủi nâng đỡ giáo dân trong thời bách đạo.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Ngày 18-8-1839, cha đi làm lễ tại họ Phú Đường, rồi trở về Hạ Linh ngay. Hôm đó là lễ Thánh Joachim, quan thầy của họ đạo. Một người giáo viên, quen biết cha khi người còn ở Bùi Chu, biết người đang ở Hạ Linh, đã đi tố cáo cha với quan ở gần đấy.

Quan liền đi vây hai làng ấy ngay. Sáng ngày 18, lính ẩn núp ngoài lũy để rình bắt người. Và khi Cha Xuyên bắt đầu mặc áo làm lễ, thì tiếng tù và, chiêng trống nổi lên. Cha cố gắng tìm chỗ trú ẩn nhưng không kịp nên bị quân lính bắt giữ. Đồng lúc quân lính vây hãm, trong làng cũng có một cha khác nữa đang làm lễ, cha này vội vã rước Minh Máu Thánh rồi chạy trốn tại hầm trú ẩn gần đó. Còn hang trú ẩn của Cha Xuyên thì xa quá nên không kịp.

Bị điệu tới trước mặt quan, cha bị tra hỏi lý lịch và nghề nghiệp. Cha Xuyên trả lời: *“Tôi là Cụ Xuyên, linh mục Công Giáo. Tôi không thuộc về làng này nhưng về làng khác”*.

Quan đưa cho người cây thánh giá, và hỏi người: *“Ông có biết ông Chúa này không?”*

- *“Có, Người là Chúa Giêsu mà chúng tôi thờ”*.

- *“Nếu cụ có tiền, chúng ta sẽ lo liệu cho”*.

- *“Nếu quan làm ơn làm phúc tha cho thì tôi có nhờ, nếu quan bắt tôi, thì tôi phải vâng. Tôi không có tiền gì cả, ngoại trừ cái thân nghèo này”*.

Cha Xuyên lập tức bị trói và đóng gông giải về phủ Xuân Tràng. Khi giáo dân Hạ Linh thấy người bị bắt đã đến phủ xin chuộc người. Tuy nhiên Cha Xuyên khuyên bảo họ: *“Các con cứ lo liệu cho họ đạo của mình thôi, còn phần cụ cứ để thánh ý Đức Chúa Trời định liệu. Chúa đã thương cụ như vậy, thì chẳng mất tiền chuộc làm chi, kéo lại trái thánh ý Chúa”*.

Dù người có nói thế nào đi nữa, bọn đạo vẫn không nghe, cứ đến quan phủ xem có thể chuộc được người chăng. Quan trả lời dân rằng: *“Tôi chúng bay thì liệu thế nào cũng xong, còn tội cụ thì không thể xong được vì quan trên đã biết rồi. Dù quan phủ có muốn tha mặc lòng cũng không dám đâu”*.

LM. VŨ THÀNH

Bốn đạo buồn bã ra về, có người đi trình Cha Xuyên rằng: “*Chúng con đã làm hết sức mà không được xin cha vui chịu vâng theo thánh ý Chúa. Xin cha nhớ cầu nguyện cho chúng con*”.

Cha Xuyên trả lời: “*Chúa đã định như vậy thì chẳng ai làm khác được, chúng con cứ cầu cho cha được chịu khó cho nên*”.

Cha phải đeo gông rất nặng, cần hai người nâng đỡ mới đi lại nổi. Khi đến gần tỉnh quan không cho ai giúp đỡ người nữa, người phải mang gông lấy một mình. Để chóng về tới tỉnh quân lính buộc dây vào đầu gông và lôi kéo người đi. Từ lúc bị bắt, Cha Xuyên chỉ biết một điều là vâng theo thánh ý Chúa. Người có thể nói dối để nhân viên chức dịch có cớ tha người mà người không chịu. Chẳng hạn khi cha ở trong tù, một viên chức dịch tới thăm người, nói với người: “*Tôi rất buồn bực về thái độ của cha, khi cha biết quân lính vây làng sao cha không lẫn trốn với dân để chạy, hay ra đầu thú như dân chúng. Nếu làm thế có ai biết cha là cụ đâu? Và khi hỏi cha có phải là linh mục không, tại sao cha lại nói cha là linh mục?*”

Cha chỉ trả lời: “*Tất cả là thánh ý Chúa, hơn nữa tôi cũng không thể nói dối*”.

Cùng ngày, người bị áp giải về tỉnh, quan tổng đốc không thèm tra hỏi, chỉ truyền quân lính tổng giam cha vào ngục và bắt nhện đói. Ngày hôm sau, cha bị điệu ra tòa thẩm vấn. Tại phiên tòa, quan hỏi người: “*Người là một tên có máu mặt và thế giá trong làng, tại sao ra nông nổi này? Tên người là gì? Ở làng nào và làm nghề gì?*”

- “*Thưa quan lớn, tôi là Đôminicô Xuyên, quê cha tôi ở làng Hương Cát, mẹ tôi ở làng Sa Cát, khi tôi còn bé đi giúp Đức Giám Mục Y, người cho tôi được làm cụ trong đạo*”.

- “*Từ ngày làm cụ thì người ở đâu và làm những gì?*”

- “*Khi vua chúa cấm đạo thì tôi ở làng Đông Xuyên giảng đạo cho người ta biết đạo Thiên Chúa là đạo thật, về sau khi vua cấm đạo thì tôi ở nhiều nơi. Sợ người ta bắt nên tôi phải ẩn ở nhiều nơi, lúc ở nơi này lúc ở nơi kia*”.

Quan truyền đưa tượng chịu nạn lại cho người và bảo người: “*Nếu ông vâng lời nhà vua mà dẫm lên tượng chịu nạn này, và bỏ đạo hẳn*”

DÒNG MÁU ANH HÙNG

thì ta tha, bằng không thì ông phải chết, như nhiều người khác đã chết rồi”.

Quan còn dùng nhiều lời ngon ngọt để dụ dỗ người. Tuy nhiên người quỳ xuống, để tay vào ngực rồi lay tượng chịu nạn, rồi thưa cùng quan rằng: *“Bẩm quan lớn, quan lớn thương tôi thì tôi cảm ơn bội phần, còn bước qua Chúa tôi thì tôi chẳng dám”.* Quan lớn tức giận xỉ vả người. Các lính đứng bên thấy vậy khuyên nhủ người: *“Ông cứ xuất giáo đi kéo chết thì hoai”.*

Người đáp lời quân lính: *“Chết thì chết chứ tôi chẳng dám bước qua Chúa tôi đâu”.*

Quan tức giận truyền lệnh quân lính: *“Chúng bay đem nó ra mà đánh chết đi, cứ việc đánh nát xác cái thằng ngu dại này”.*

Thừa lệnh quan, lính nọc người ra, buộc chân tay người rất chặt chẽ, chúng kéo lôi người mạnh đến nỗi sái cả khớp xương của người, rồi đánh đập người. Người chỉ luôn miệng kêu: *“Giêsu Maria, lay Chúa tôi, xin cứu lấy tôi”.*

Quan giục đánh mãi cho tới chết. Sau vì sức người có hạn nên người ngất đi. Quan lại tưởng là người đã chết, vì ông truyền cho người đứng lên lay tạ mà về nhưng người không biết gì hết. Sau cùng quân lính phải diu người về ngực thất.

Bây ngày sau người vẫn còn đau đớn vì vết thương do trận đòn vừa qua, quan lại đòi triệu người lên thẩm vấn lần nữa. Quan dùng đủ mọi cách bắt người quá khốn. Lần này người cũng bị đánh đập, tuy nhiên Thiên Chúa đã ban cho người ơn can đảm, và cũng cảm thấy bớt đau hơn những lần trước. Người đến trước mặt quan và nói rằng: *“Tôi dù sống chết cũng không bỏ đạo Thiên Chúa. Tôi không dám bước qua tượng Chúa tôi là Chúa cả trời đất. Tôi tha chết mà sống cùng Chúa tôi ở trên trời chứ nhất định không nghe các quan cho được sống một ít lâu rồi phải chết vô cùng”.*

Quan giận quá quát lớn: *“Ta chẳng nghe thằng ngu dại này nữa. Nó đã uống thứ thuốc bùa nào mà không dạy bảo được nữa, cứ việc đánh đòn mà thôi”.*

LM. VŨ THÀNH

Quân lính được lệnh lại trói người vào cột trụ và đánh người 30 roi. Dù bị đánh, người không hề than vãn một tiếng, khiến quan tổng đốc ra lệnh cho quân lính ngừng tay. *“Cờ này thì không dạy được nữa, chỉ còn đem đi giết mà thôi”*.

Quan tổng đốc liền truyền lệnh làm bản án để xử tử người. Đang khi quan truyền nghị án, thì có đứa tâu với quan rằng: *“Người này là kẻ kế quyền tên Giám Mục Y và giữ nhiều của cải của ông ấy”*.

Vừa nghe thế, quan động lòng tham, liền ngưng lệnh xử án tử, để quan tra xét thêm. Quan bắt người đến trước mặt vào lúc ban đêm, ông đặt ra các hình cụ thật dữ tợn để đe dọa, và dùng những lời đường mật để buộc người phải khai chỗ giấu của. Cha tâu với quan rằng: *“Bẩm quan lớn, tôi chẳng được nổi quyền người đâu. Tôi có ở với người mãi đâu, khi còn bé thì người nuôi tôi, cho tôi vào chủng viện. Đến khi tôi lớn thì cho tôi làm cụ đạo. Tôi chỉ được gặp người mỗi năm một lần mà thôi. Tôi chẳng biết của cải nào của người số”*.

Đang còn bực tức và tham lam, quan truyền quân lính nung kìm đỏ lên rồi kìm chín thịt người. Người chịu hình khổ dữ tợn như vậy mà không một lời than khóc hay kêu la. Thấy kìm chín không làm người hoảng sợ, quan truyền kìm sống. Lúc này người đau đớn quá nên bất tỉnh nhân sự. Một lúc lâu người mới tỉnh lại. Quan lại truyền đem người vào giam trong ngục thất. Ở đây vì thiếu thuốc men, thịt của cha thối tha xông mùi hôi hám, không ai chịu nổi. Bấy giờ quan mới cho phép thầy thuốc vào chữa trị.

Có lần, một di phước tên Maria Nụ được vào thăm người. Vị nữ tu này còn vào nhiều lần nữa để lấy nước nóng và thuốc buộc vết thương cho cha. Các lần đến thăm này, bà chỉ thấy cha đọc kinh và lần hạt mân côi. Cha nói với bà là thế nào cha cũng sắp được phúc tử vì đạo rồi. Với đầy lòng khiêm nhường, người xin nói với giáo dân cầu nguyện cho người. Đối với những giáo dân đến thăm cha, người không quên trực tiếp xin họ cầu nguyện cho. Có lần vì thịt người bị thối rữa đau đớn quá đến nỗi ai cũng tưởng cha chết. Tin này đồn ra khắp thành, quan trấn sợ cha chết trước khi có lệnh vua nên triệu y sĩ tới bắt phải cứu cha để cha sống cho tới ngày vua ra lệnh xử.

Ngày 25-10-1839, quan viết án tử và gửi về kinh xin vua xử tội. Ngày 12-11, vua cho chiếu chỉ hạ lệnh xử trảm Cha Xuyên. Vài ngày trước khi bị xử tử hình, người may mắn được chuyển nhà tù, ở đây cha gặp

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cha Tôma Đính Viết Dụ. Hai đấng ban bí tích cho nhau và khuyến khích nhau chịu khó vì đạo Chúa.

Ngày 26-11-1839, cha và Cha Dụ bị điệu đến pháp trường Bảy Mẫu. Ở đây, sau khi lý hình cời gông và bẻ xiềng xích, chúng buộc hai cha vào cột trụ. Hai cha quỳ gối, chấp tay ngược mắt lên trời cầu nguyện. Lý hình chém cha đến nhát thứ ba đầu cha mới rơi.

Sau khi xử trăm người, bốn đạo chạy xô vào lấy gông cùm, xiềng xích và thu thập thể xác của người. Họ bỏ người trong quan tài đã chuẩn bị sẵn và chôn cất tại một nơi gần đó. Đến tháng Giêng năm 1841, mộ người được cải táng mang về chôn tại trường La Tinh làng Lục Thủy.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của THẦY PHANXICÔ XAVIÊ HÀ TRỌNG MẬU

(bị bắt 29-6-1838, xử giáo 19-12-1839)

Thánh Phanxicô Mậu sinh năm 1790 tại làng Kê Riễn tỉnh Thái Bình. Không có tài liệu nào nói về gia thế của người cũng như đời sống của người khi còn thơ ấu. Thánh Phanxicô Mậu là thầy giảng, được đức cha sai làm việc tại làng Đứa Trai cũng gọi là làng Kê Mốt thuộc địa phận Bắc Kỳ. Thầy là người hiền lành, nhân đức, được nhiều người mến chuộng. Người rất siêng năng công việc, chu toàn các việc bổn phận của thầy giảng, nên bổn đạo ai cũng kính trọng người. Khi nghe tin Cha Tự bị bắt tại làng Kê Mốt, thầy lẫn vào với dân chúng để xem sự thể ra sao. Lúc bấy giờ, tuy đã bắt được cụ Tự, nhưng quan biết rằng cụ có nhiều thầy giảng giúp cụ, nên sai quân lính lùng bắt các thầy giảng. Trong hoàn cảnh nguy cấp, bà Tuân, một giáo dân đạo đức khuyên người tìm cách trốn lánh. Bà đề nghị với người đi trú tại nhà một người ngoại giáo, vì nghĩ rằng quan sẽ không khám xét các nhà bên lương. Thầy Mậu ưng thuận, và bà Tuân đem gửi thầy tại nhà một người lương tại làng Nhất Trai. Chẳng ngờ, chủ nhà ham tiền thường đi tố cáo với quan đến vây bắt người.

LM. VŨ THÀNH

Sau khi bị bắt, quan Bố Chính cho điệu người ra xét xử. Tại phiên tòa, quan hỏi thầy: *“Mày có phải là một trong những tên theo hầu cụ Tụ không?”*

Thầy Mậu trả lời quan lớn với những lời khẳng khái và hãnh diện vì danh hiệu thầy giảng của mình. Lúc đó quan đưa tượng thánh giá bắt thầy phải dẫm lên mới được tha về nhà mà tiếp tục nghề làm thuốc. Lúc đó Thầy Mậu đáp lại: *“Thiên Chúa là Chúa trời đất đáng cho mọi người phải tôn kính. Làm sao tôi dám giơ chân đạp lên Người?”*

Cũng trong phiên tòa này, quan điệu Cha Tụ ra để đối chứng với Thầy Mậu. Cha Tụ không muốn cho thầy phải chết nên có ý không muốn nhận thầy là một trong những thầy giúp của mình. Vì thế, khi nghe Thầy Mậu xác nhận rằng thầy là một trong những kẻ theo cha, thì người quay mặt đi nơi khác có ý phủ nhận. Thầy Mậu biết ý cha, nên chạy tới quỳ trước mặt người: *“Lạy cụ, xin thương mà nhận lấy con, để con được chết với cụ”*.

Cha Tụ thấy thầy vững lòng như thế, thì xác nhận thầy là một trong những thầy vẫn theo giúp người. Quan hạ lệnh tổng giam thầy vào ngục thất.

Tại nhà tù, thầy chịu biết bao sự khốn khổ, nhất là bị tra hỏi về các đảng khác hiện đang bị giam tại đó. Cùng giam với người còn một số các thánh tử đạo khác nữa. Khi quan đã hạ lệnh chém Thánh Tụ và Thánh Cảnh, thầy được bốn Thánh Uy, Vinh, Đệ, và Mới coi như anh cả để hướng dẫn tâm hồn. Ngoài việc giúp các bạn đồng tử đạo, thầy còn dạy dỗ nhiều người ngoại giáo bị giam trong ngục với người. Theo chứng từ của Cha Huấn thì Thầy Mậu dạy giáo lý cho 44 người, trong số đó có một người thông minh hay chữ tên là Hùng. Ông chỉ học kinh trong một tháng, ăn năn thống hối tội lỗi của mình. Khi quan truyền đem ông đi xử, ông xin được phép đi gặp Thầy Mậu để chịu phép rửa tội. Thầy Mậu đã rửa tội cho ông. Ông rất vui mừng vì được ơn trở lại. Ông hỏi thầy Mậu: *“Bây giờ con phải làm gì nữa không?”*

Thầy Mậu bảo ông cứ ăn năn tội liên mãi. Ông vâng lời và vui vẻ đi đến nơi chịu án xử.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Trong thời gian tù đầy, thầy bị điệu ra trước mặt các quan. Thấy thầy còn trẻ và anh tuấn, các quan có vẻ hối tiếc hỏi thầy: “*Mày có hình dáng đẹp đẽ, và hãy còn ít tuổi, mày có muốn làm quan thì tao sẽ bầu cử tâu vua cho, hay là có muốn về nhà làm thuốc, thì tao sẽ liệu cho, song mày phải bước qua tượng này đã*”.

Thầy Mậu thưa lại các quan: “*Bẩm lay quan lớn, tôi chẳng dám đi qua mặt Chúa tôi*”.

Các lính đứng bên cũng thúc giục người cứ việc bước qua đi rồi quan sẽ thưởng. Nhưng thầy đáp lại họ: “*Đấng Thiên Chúa đáng kính mến hết lòng hết sức, dù thế nào tôi cũng chẳng dám bước qua*”.

Bấy giờ quan tức giận truyền tống thầy vào ngục. Trong ngục tù, Thầy Mậu cùng bốn đồng tử đạo khác khuyên dạy các tù nhân ngoại đạo. Ban đêm các đồng tử đạo đọc kinh một bè, các tù nhân ngoại đạo đang học đạo đọc một bè, nên nhà tù trở nên như nhà thờ. Nhờ lòng đạo của các đồng tử đạo mà nhiều tù nhân đã xin theo đạo. Trong bức thư gửi cho Cha Huấn, Thầy Mậu kể: “*Những kẻ được rửa tội trong ngục lên tới 14 người. Sáu người đã thuộc các kinh hàng ngày và các kinh quen đọc ngày lễ trọng, còn tám người kia thì thuộc ít, nhưng vẫn đang học đạo. Ngày 13-1-1839, vua truyền xử tử mấy tên tù, trong số đó có ba người con đã rửa tội trước và một người nữa con mới rửa tội xong. Khi bị đem đi xử, những người này cứ đọc kinh to tiếng cho đến nơi xử và phó linh hồn trong tay Chúa Giêsu*”.

Bị giam đã lâu, Thầy Mậu và các bạn lại bị điệu ra tòa để thẩm xét lần nữa. Lần này quan đặt một tượng Chúa vắc thánh giá, một tượng chịu nạn, hai mẫu ảnh Đức Bà, và một thánh giá không có ảnh tượng. Quan gọi Thầy Mậu và các bạn tới và nhắn nhủ: “*Chúng bay đã bị giam trong ngục lâu ngày khổn khổ lắm, bấy giờ nếu chúng bay bước qua các đồ này thì tao sẽ cho chúng bay ra về*”.

Thầy Mậu thưa thay cho các bạn: “*Thưa quan lớn, chúng tôi thờ phượng một Thiên Chúa dựng nên trời đất muôn vật cùng linh hồn và xác chúng tôi, chúng tôi chẳng dám làm sự vô phép cùng Thiên Chúa, quan lớn truyền chém đầu chúng tôi thì cứ chém, hay là làm khổn cách nọ cách kia, rồi giết thì cứ giết, chúng tôi xin vâng và sẵn lòng*”.

LM. VŨ THÀNH

Các quan hội họp nhau, rồi kết luận dù ta có muốn tha những tên này cũng không thể tha được vì chúng chẳng muốn được tha. Sau cùng các quan lại truyền giam tất cả vào ngục như trước.

Trong nhà ngục, Thầy Mậu và các đồng phạm tiếp tục ăn chay cầu nguyện để thêm lòng nhân đức và chuẩn bị ơn thiêng cho những lần tra khảo sắp tới. Thầy Mậu đề nghị anh em gia nhập Dòng Ba Đa Minh. Trong thư gửi cho Cha Huấn, thầy viết: “*Con và bốn anh em cố kiên tịnh, ăn chay như lễ luật dạy là trong một tuần lễ thì giữ các ngày thứ Hai, thứ Tư, thứ Sáu và thứ Bảy, song có khi giữ được một hai ngày có khi không giữ được, cho nên xin cha thương chúc cho chúng con. Chúng con cũng xin khẩn dõng, xin cha thương mà nhận cho, chúng con xin hứa và muốn giữ luật Dòng Ba Đa Minh*”.

Ngày 24-11-1839, Thầy Mậu và anh em lại bị điệu ra trước tòa lần nữa, lần này quan đặt dưới đất hai tượng chịu nạn, hai thánh giá, và hai ảnh Đức Bà rồi truyền cho các đồng phạm đạp lên. Thư Thầy Mậu viết cho Cha Huấn như sau: “*Quan lại gọi chúng con đến trước mặt để tra hỏi. Khi đến nơi chúng con thấy ở dưới đất có hai tượng chịu nạn, hai câu rúc và hai ảnh Đức Bà, chúng con liền quỳ gối xuống mà thờ lạy các tượng ảnh ấy. Bấy giờ quan truyền các lính bắt con đem ra ngoài, rồi quan bắt anh Mới, anh Vinh, anh Ủy, anh Đệ vào, các anh ấy cũng quỳ gối trước mặt các tượng ảnh mà đọc kinh Sáng Danh. Khi đã đọc gần xong kinh ấy, quan lại truyền cho vào.*

Khi con đến con lại quỳ gối mà đọc kinh, đọc đến nửa mùa quan lại truyền kéo lôi con đi, song con cứ đọc cho hết. Bấy giờ quan bảo chúng con rằng: - ‘Chiếu chỉ vua truyền xử giảo chúng bay, song chúng bay có bước qua đống thờ này thì tha, không thì phải xử ngay’.

Lúc bấy giờ ơn Đức Chúa Trời soi sáng cho con thưa lại ngay: ‘Thưa quan lớn tôi thờ lạy một Thiên Chúa, là Cha trên hết các cha, là Chúa trên hết các Chúa, là Chúa rất tôn rất sang, không có sự gì vinh hiển ví cùng Đấng Thiên Chúa được, chúng tôi thà chết chẳng thà làm sự gì vô phép phạm đến Chúa tôi’.

Quan giận dữ nói với chúng con: - ‘Những người này chẳng biết chúng ăn giống gì mà ngu dại quá, chúng nó không thương cha mẹ mình, ai sinh ra bay ở thế gian này?’

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Con thưa rằng: - ‘Thưa quan lớn, cha mẹ tôi sinh ra tôi, song cũng bởi quyền phép Chúa tôi thì mới có’.

Bấy giờ quan làm án tâu vua để xử chúng con cho xong, cho khỏi trông thấy chúng con nữa”.

Đến ngày 19-12 có chiếu chỉ của vua truyền xử giáo thầy và bốn đảng kia. Tuy nhiên quan vẫn chưa nản lòng, ông còn điệu cả năm đảng ra một lần nữa để khuyến dụ các đảng bỏ đạo. Lần này quan đặt các tượng ảnh chịu nạn ra, và không buộc các đảng phải bước qua, chỉ bắt đi chung quanh cũng được tha. Các đảng vẫn một lòng trung thành với Chúa nhất định không bước chung quanh tượng ảnh. Thầy Mậu lại một lần nữa đại diện anh em thưa cùng quan: *“Thưa quan lớn, chúng tôi ao ước được chết vì đạo đã lâu, như con nai mọt nhọc khát nước, mà bây giờ chúng tôi được như ý, thì chúng tôi xin quan lớn cứ vâng chỉ vua mà xử giáo chúng tôi”.*

Đến ngày hành hình, quân lính điệu năm vị anh hùng tử đạo đến nơi xử. Thầy Mậu vẫn đi trước anh em, còn bốn vị kia xếp hàng đôi đi theo thầy theo thứ tự: Đệ và Ủy, Mới và Vinh. Trên đường đi các đảng rất hân hoan, chào hỏi mọi người như sắp được đi lãnh một món quà: món quà tử vì đạo. Các đảng được đưa tới một nơi ngoài thành Cổ Mê. Ở đây các đảng bị xử giáo.

Dân họ Đồng Tiến lấy xác của Thầy Mậu về an táng ở họ mình. Ba năm sau xác người được cải táng về họ Kẻ Riển. Khi mở quan tài, xác người vẫn còn nguyên vẹn, và xông mùi hương thơm ngào ngạt.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của ÔNG STÊPHANÔ NGUYỄN VĂN VINH

(bị bắt 29-6-1838, xử giáo 19-12-1839)

Shánh Stêphanô Nguyễn Văn Vinh sinh tại làng Bồ Trang thuộc tỉnh Thái Bình. Người cùng quê với Thánh Mới và Thánh Đệ. Người là một nhà nông chân thật, hiền lành và chịu khó. Vì kế sinh nhai người bỏ làng đến ở họ Kẻ Mốt thuộc xã Đức Trai, làm mướn cho các chủ điền ở đấy. Mãi đến năm 25 tuổi người vẫn chưa lập gia đình.

LM. VŨ THÀNH

Năm 1838, khi quân lính vây họ Kẻ Mốt, Cha Thánh Tự bị bắt. Quan cũng bắt dân chúng phải điếm mục. Khi dân chúng tụ họp tại đình làng, quan đặt mấy ảnh tượng để bắt dân bước qua hoặc bỏ đạo. Lúc bấy giờ ông Vinh mới đang học đạo và chưa được rửa tội nhưng ông cũng cùng số phận với dân làng. Rất nhiều người đã chối bỏ đức tin lúc đó. Quan cũng bắt ông Vinh phải bước qua thánh giá, nhưng ông không chịu mà còn quỳ xuống hôn kính thánh giá. Bực mình vì cách xưng đạo của ông Vinh, quan bắt ông đeo gông và mang xiềng xích, rồi giải ông về phủ cùng với Cha Tự và bốn ông Mậu, Mới, Đệ, và Ủy. Ông Vinh tỏ ra rất hãnh diện vì được kể là người Công Giáo. Thực ra ông không buộc phải coi mình là người Công Giáo vì ông chưa được rửa tội nên chưa chính thức thuộc về Chúa. Theo chứng thư của Thầy Mậu sau này thì khi bị giam trong tù, Thầy Mậu và Thầy Ủy đã rửa tội cả trăm tù nhân ngoại giáo, người đầu tiên xin các đấng rửa tội là Thánh Nguyễn Văn Vinh. Quả thực đây là hồng ân Chúa ban để ông luôn coi mình là con của Chúa.

Khi giải về tỉnh, quan lại tra khảo ông như cũ. Ông vẫn một mực vững bền, và thưa cùng quan rằng: *“Bẩm lay quan lớn, thà chết chứ tôi không chịu bỏ đạo”*.

Ông lại bị tra tấn và giam lại trong ngục cùng với bốn thánh Mậu, Mới, Đệ, Ủy. Như trong truyện các thánh trên, cả năm ông đều bị điệu ra tòa cùng một lượt mỗi khi quan lớn có lệnh triệu các ông hầu tòa. Có lần quan bắt ông Vinh bước qua thánh giá, ông quỳ gối trước tượng, ôm tượng thánh giá rồi đọc kinh to tiếng. Quan lớn bực mình lại truyền quân lính nọc ông ra đánh đòn, sau đó lại giải ông về nhà lao.

Trong thời gian tại nhà lao, ông Vinh cùng với bốn ông Mậu, Mới, Đệ, Ủy, xin khẩn Dòng Ba Đa Minh. Các ông đã nhờ Thầy Mậu đại diện anh em để biên thư cho Cha Huân xin người nhận lời khẩn của các ông.

Sau bao lần tra khảo ông và bốn anh em kia, quan thất vọng vì sự cứng đầu của các ông. Ngày 27-7-1838, các quan họp nhau làm sớ tâu vua xin phạt các ông 100 trượng rồi phát lưu các ông ra Bình Định. Ông và các bạn được xếp vào loại những người thờ cúng và làm nghề phù thủy. Sớ tới kinh thành, Vua Minh Mệnh thấy vấn đề không đơn giản như thờ cúng và làm phù thủy. Nhà vua truyền

DÒNG MÁU ANH HÙNG

ngưng phát lưu các ông, nhưng phải khuyên bảo các ông bỏ đạo. Ai bỏ đạo thì được tha, ai không bỏ đạo thì bị xử giảo.

Ngày 5-9, Cha Tự và ông Cảnh bị xử trảm. Ông và các bạn lại lo sợ không biết mình có bền vững trung thành với Chúa không. Vì Cha Tự là chủ chiên của các ông, Chúa nhân lành đã cho Cha Tự hiện về sau ba ngày người bị xử trảm. Cha Tự khuyên các ông vững lòng, và lập nhiều công đức để chuẩn bị lãnh phúc tử đạo. Ông Vinh và các bạn càng gia tăng việc lành phúc đức trong tù.

Ngày 24-11, các ông lại bị điệu ra tòa và trải qua nhiều thử thách nào đe dọa, nào dụ dỗ, nào lôi kéo các ông qua thánh giá, nào chỉ cần các ông đi chung quanh tượng cũng đủ. Ông Vinh và các bạn vẫn trung kiên.

Ngày 19-12, chiếu chỉ vua ban ra truyền xử giảo ông và bốn anh em. Quan lớn vẫn thương các ông vì các ông hiền lành nhân đức. Quan tìm đủ mọi cách để cứu các ông, nhưng các ông không chịu chối đạo mà nhất định xin quan cứ theo chiếu chỉ vua mà xử tội các ông.

Ngày hành hình đến, ông Vinh bị điệu đi với các bạn. Thấy Mậu đi trước, sau đó đến đôi ông Đệ và Thầy Úy, rồi đến đôi ông Mới và ông Vinh. Quan quân hộ tống rất đông, họ đưa các đấng tới pháp trường gần làng Cổ Mễ. Trên đường đi các đấng vui vẻ chào hỏi những người quen, không ai trong các đấng tỏ ra khiếp sợ. Tới pháp trường, các đấng bị xử giảo. Để chắc chắn các đấng đã chết, quân lính dùng đuốc lửa đốt chân các đấng. Có đưa còn lật úp xác các đấng xuống trên mặt đất. Sau đó lính đập xác các đấng và chửi rửa các đấng bằng những lời thậm tệ để làm vừa lòng quan phụ trách việc thị sát cuộc hành hình.

Sau cuộc hành hình, bốn đạo nhật xác người về táng ở họ Hương La thuộc xứ Tứ Nê.

LM. VŨ THÀNH

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của THẦY ĐÔMINICÔ BÙI VĂN ÚY

(bị bắt 29-6-1838, xử giáo 19-12-1839)

Thánh Đôminicô Úy sinh quăng năm 1814 tại họ Tiên Môn, thuộc làng Kê Rèm, tỉnh Thái Bình. Thánh Úy rất ngay thật không biết quanh co nói dối. Người theo giúp Cha Tự coi Kê Riễn một thời gian. Cha Tự rất quý mến Thầy Úy, nên luôn cho thầy đi theo người. Khi Cha Tự đổi ra Kê Mốt, Thầy Úy cũng đi với cha. Ai ai cũng khen thầy có tính nết hiền lành chịu khó. Thầy một lòng trung thành với Cha Tự. Trong thời gian cấm đạo, thầy luôn ở bên cạnh cha để giúp đỡ cha. Khi làm hầm trú ẩn, thầy bắt người ta phải làm hầm hai tầng, thầy ở tầng gần cửa để nếu quan quân có đến bắt thì chúng sẽ bắt thầy trước và Cha Tự có thời giờ chạy thoát. Thầy thường nói với các giáo dân: *“Nếu quan đến bắt tôi thay vì bắt cụ thì tôi bằng lòng chịu thay, tôi sẽ lặng yên để cứu cụ, tôi chỉ lo các sự khốn khó bốn đạo phải chịu về sau mà thôi”*.

Thầy Úy chỉ sợ nếu con chiến mất chủ chiến thì nguy hiểm cho họ, nên cố lòng bảo vệ Cha Tự. Tuy nhiên thánh ý Chúa nhiệm mầu đã không để thầy bị bắt thay cho cha, mà bị bắt cùng một lượt với cha. Lúc quan hạ lệnh đánh Cha Tự, Thầy Úy lại xin chịu đòn thay cho cha: *“Thưa quan, cụ con không trốn, xin các quan đừng đánh người, có đánh thì xin đánh con”*.

Sau khi các quan bắt thầy bước qua ảnh tượng mà thầy không chịu, họ liền cho quân lính áp giải cả hai cha con về tỉnh Bắc Ninh. Bấy giờ, Thầy Úy quăng chừng 25 hay 26 tuổi. Vì tính thầy quá thật thà lại còn trẻ trung, nên Cha Tự hết lòng lo lắng không biết thầy có bền vững xưng đạo ra không. Do đó, để thử thầy Cha Tự bảo thầy: *“Con có muốn sống thì cụ sẽ liệu nói cách nhẹ cho con được sống”*.

Thầy Úy hỏi lại cha xem cha sẽ nói thế nào. Cha Tự bảo rằng: *“Cụ sẽ nói với các quan con là kẻ theo làm cơm cho cụ mà thôi”*.

Thầy Úy một mực xin Cha Tự cứ việc nói nặng cho thầy để thầy được chết với cha. Thấy Thầy Úy can đảm Cha Tự mừng lắm. Người nói với thầy: *“Vậy cha sẽ nói con là thầy giảng đạo, như thế thì con sẽ được chết vì đạo”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Vừa nghe như vậy Thầy Úy mừng rỡ vội vàng quỳ xuống xin Cha Tự ban phép giải tội để chuẩn bị chịu chết vì đạo.

Thầy Úy được như lòng mong ước sẵn sàng chịu chết vì đạo Chúa. Lúc này, quan truyền cho lính bắt thầy đeo gông rất nặng, chân tay bị xiềng xích rồi đem ra tra khảo. Quan lớn dùng đủ mọi mảnh khóa, nào những lời ngọt ngào dụ dỗ thầy bỏ đạo, nào để những hình cụ gớm ghê trước mặt để thầy khiếp sợ mà phải quá khóa. Tuy nhiên những hình khổ này vẫn không làm sờn lòng thầy giảng kiên trung của Chúa. Chẳng những thầy không chịu quá khóa mà còn dám đối đáp lại với quan: “*Bẩm lay quan lớn, quan có dám bước qua mặt vua không mà bảo tôi bước qua mặt Chúa tôi?*”

Quan giận quá truyền đem chém, thầy lại hô lớn: “*A! Các anh em ơi, tôi được chém đầu bây giờ!*”

Một lần khác quan muốn dùng áp lực tinh thần để đe dọa thầy, quan nói: “*Mày còn trẻ mà sao mày cứng đầu hơn thầy mày? Thấy mày đã bỏ đạo rồi, sao mày vẫn không chịu bỏ đạo?*”

Thầy Úy đáp lại: “*Tôi không tin rằng thầy tôi bỏ đạo. Mà dù thầy tôi có bỏ đạo tôi cũng không bỏ đạo.*”

Thấy thầy đối đáp xuôi xán, lại còn trẻ, các quan ai cũng thương mến, muốn tìm đủ cách tha cho thầy. Một lần khác các quan lại điệu thầy ra tra khảo, lần này các quan ngon ngọt dụ dỗ thầy: “*Thầy mày không chịu bỏ đạo đã đành, còn mày hãy còn trẻ đẹp, có tương lai, sao mày cứ nghe theo thầy mày hả? Thôi mày cứ bước qua câu rút đi thì ta tha về mà làm nghề thuốc kiếm ăn.*”

Thầy Úy cảm động về lòng thương của các quan nên từ tốn đáp lại: “*Tâu lay vua, lay ba quan lớn, từ khi con còn ở trong lòng mẹ sinh ra thì con được nhiều ơn Thiên Chúa phù hộ cho con, bây giờ con đã lớn lên, con chẳng dám bỏ Chúa con. Nếu con cả lòng bước qua câu rút, thì con mất lòng Chúa con, lại phạm đến cha mẹ sinh ra con, vì đã dạy dỗ con và bảo ban con giữ đạo hễ hoi cho đến chết, lại làm cực lòng cho thầy con nữa, vì đã nuôi nấng và dạy dỗ con bấy lâu nay, để cho con biết làm việc thờ phượng kính mến Chúa con, nên con chẳng dám làm sự ấy.*”

LM. VŨ THÀNH

Quan lại bảo người: “Mày nói khéo lắm, song mày phải nghĩ, Chúa mày thì ở trên trời, mà ở đây chỉ có một mảnh gỗ thối. Mày cứ việc bước qua”.

Thầy Ủy đáp lại: “Con xin quan lớn xét cho một lời thì con sẽ thưa, quả thật Chúa con ở trên trời, mà ở đây thật chỉ có một mảnh gỗ, song mảnh gỗ này là hình tượng Chúa con, thì con phải trọng kính. Thí dụ như cha mẹ con đã chết, mà linh hồn đã ở nơi khác rồi, ở dưới đất này chỉ còn xương thối, nếu quan lớn truyền cho con đập xương cha mẹ con, có lẽ nào mà con dám làm thế. Con càng không dám vâng lời quan lớn bước qua cầu rút, vì phạm đến Chúa đã dựng nên trời đất cùng mọi sự”.

Quan lớn thất vọng vì không chiêu dụ được thầy, sau cùng tuyên bố nếu thầy không chịu thì sẽ bị chết. Thầy Ủy chẳng sợ hãi, mà trái lại còn vui mừng thưa với quan: “Lạy quan lớn, con sẵn sàng chịu chết!”

Thầy lại bị đem vào ngục giam lại. Trong lao tù, thầy ăn chay hãm mình và xin gia nhập Dòng Ba Đa Minh. Thầy và Thầy Mậu cùng nhau dạy rất nhiều tù nhân ngoại giáo. Nhiều tù nhân được ơn ăn năn trở lại, chịu phép rửa và vui vẻ chịu án hình mà vua xử họ.

Sau nhiều lần khuyên dụ thầy bỏ đạo mà thầy vẫn không chịu, ngày 27-7-1838 quan đề nghị bản án xử tử người: “Chúng tôi vâng nghĩ đạo Gia Tô là tà đạo, chỉ dối dá làm cho người ta nhầm mà ngờ là đạo thật. Đạo này làm mất các thói tục nhà nước, coi rẻ mọi sự dữ và mọi tai vạ, nên chúng tôi thiết nghĩ không nên để. Năm thứ 13 vua đã cấm đạo này, song các tây dương đạo trưởng còn lẫn quất ở nơi giáo dân và dạy dỗ người ta, chia các nơi làm nhiều xứ, và sai nhiều tín đồ cùng giao nhiều sách cho họ đi giảng đạo ấy nhiều nơi. Nhiều kẻ trong thứ dân đốt nát phải chước dối dá mà theo đạo ấy, mà chúng nó ngờ là đạo thật, cứ một ngày một vũng vàng. Dù làm thế nào chúng nó cũng không chịu bỏ đạo ấy. Dù phạt thế nào chúng nó cũng chẳng chịu tố các tây dương đạo trưởng ra, cứ giấu giếm mãi, cho nên hóa ra chúng nó giữ đạo ấy một ngày một vũng bền. Chúng tôi thiết nghĩ phải phạt những kẻ ấy thẳng tay và đe cách nặng, để cho chúng nó biết mà chừa. Vậy theo lệ luật nhà nước đã cấm, những kẻ tin theo thì phải phạt 100 trượng, phát lưu 3,000 dặm. Nay chúng tôi đã bắt được tên đạo trưởng Nguyễn Văn Tự và một người chúa nó là Hoàng Lương Cảnh, chúng tôi xin phạt hai tên làm đầu này như lệ luật ấy, là phải xử giáo. Còn

DÒNG MÁU ANH HÙNG

những đầy tớ nó là tên Mậu, tên Ủy cũng theo trọn án với thầy mình, và tên Đệ, tên Vinh, tên Mới là những kẻ làm dịp cho nhiều người theo đạo ấy thì phạt như lễ luật là 100 trượng, cùng phát lưu ở tỉnh Bình Định, đi làm việc nhà nước”.

Khi vua nhận được sớ ấy, ông cho rằng những kẻ theo đạo Thiên Chúa còn tệ hại hơn những kẻ làm nghề phù thủy, nên truyền lệnh điều tra lại xem các đảng có bỏ đạo không, nếu không bỏ đạo thì phải xử giảo các đảng.

Được lệnh vua, các quan lại điệu thầy và các bạn ra để tra khảo lần nữa. Lần này các đảng cũng bị bắt phải bước qua các ảnh tượng, các đảng vẫn không chịu. Các quan lại truyền giam các đảng ấy vào ngục như trước.

Ngày 5-9-1838, Cha Tự và ông Cảnh bị trảm quyết. Đợi hơn một năm sau, trải qua bao nhiêu lần khuyên dụ mà các đảng vẫn không thay dạ đổi lòng, bản án xử giảo các vị được vua phê chuẩn ngày 19-12-1839.

Ngày hành hình đến, Thầy Ủy bị điệu đến pháp trường với bốn vị anh hùng tử đạo khác. Tại một nơi ngoài làng Cổ Mễ, thầy bị xử giảo. Dân Đồng Tiến đến lấy xác thầy và an táng trong nhà thờ họ ấy. Sau lại chuyển xác người về trại Khánh Khê. Đến thời bình, dân lại cải táng người về chôn tại nhà thờ họ Đồng Tiến.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của ÔNG AUGUSTINÔ NGUYỄN MỚI

(bị bắt 29-6-1838, xử giảo 19-12-1839)

Ông Augustinô Mới sinh tại làng Bồ Trang cũng gọi là làng Kê Bái thuộc tỉnh Thái Bình. Ông sinh ra trong một gia đình ngoại giáo. Khi lớn lên ông đi làm ăn tại họ Đức Trai. Ở đây người được ơn Chúa soi sáng, nên xin tòng giáo. Người rất chịu khó học kinh. Năm 31 tuổi người chịu phép rửa tội. Từ khi trở lại đạo, ông sống rất đạo đức và làm gương sáng về đọc kinh và lần hạt. Ngày nào dù mệt nhọc hay làm khuya thế nào cũng không bỏ đọc kinh tối.

LM. VŨ THÀNH

Ông hiền lành, chăm chỉ làm ăn. Sau đó ít lâu ông kết hôn với một thiếu nữ Công Giáo ở trong làng.

Một hôm, có kẻ tố giác làng Đức Trai có cụ đạo trú ẩn. Quan liền đem quân lính đến vây làng. Lúc đó quân lính bắt được Cha Tụ, đang ẩn náu tại làng Kê Mốt thuộc xã Đức Trai. Sau khi bắt được Cha Tụ rồi, quan liền truyền dân làng ra để điểm mục. Quan truyền lệnh cho mọi người Công Giáo phải quá khóa, nếu không sẽ bị bắt. Lúc đó có rất nhiều người sợ quá đành bỏ đạo. Trong số những người bị bắt ra điểm mục có ông Nguyễn Mới. Quân lính hỏi người: *“Mày có biết cụ đạo không?”*

Ông Mới đáp lại có biết. Đáp lại câu hỏi mày có đạo không, ông Mới lại trả lời là có. Quan lại hỏi thế ai cho mày học đạo? Ông Mới liền chỉ Cha Tụ và nói: *“Cha là người đã dạy đạo cho tôi”*.

Lúc đó các quan bắt ông phải bỏ đạo, nhưng ông nhất định không chịu. Quan liền truyền đóng gông bắt người phải mang và lệnh cho quân lính xiềng xích tay chân người để giải về phủ. Cùng bị áp giải một lượt với người là Cha Tụ, Thầy Mậu, Thầy Ủy, ông Đệ và ông Vinh.

Tin các đấng bị bắt về tới kinh đô, Vua Minh Mệnh liền hạ chiếu chỉ phải làm khốn các đấng, có ý làm cho các đấng ấy sợ mà chối đạo. Các quan liền theo lệnh vua hành tội các đấng. Tuy nhiên khi thấy những hình cụ và hình phạt không làm lay chuyển được lòng dạ sắt đá của các đấng, các quan lại dùng lời ngọt ngào mà khuyên dụ. Ông Mới và các bạn phải giam từ ngày 30-6-1838 cho tới 27-7 mới có số tàu vua xin xử tử các đấng.

Trong số tàu vua, các quan muốn ghép các đấng vào tội theo phủ thủy. Người đứng đầu phải trăm quyết, còn kẻ tùy tùng phải phạt 100 trượng và bị đẩy khổ sai biệt xứ 3.000 dặm. Trong số tàu, các quan xin vua xử trăm Cha Tụ và ông Hoàng Lương Cảnh (mà họ tưởng là linh mục), còn ông Mới và bốn ông khác thì các quan xin nhà vua phạt 100 trượng và đẩy ra Bình Định. Thấy vấn đề không đơn giản như đạo phủ thủy, vua truyền các quan không được áp dụng luật này, mà phải cố làm sao cho các đấng bỏ đạo, nếu không bỏ đạo thì Cha Tụ và ông Hoàng Lương Cảnh phải trăm quyết, còn các ông này phải bị xử giáo.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Được lệnh vua, các quan lại bắt ông Mới và các bạn ông bỏ vào ngục để tìm dịp khuyên bảo. Lần này quan đặt mấy tượng ảnh chịu nạn, thánh giá không ảnh, tượng Đức Bà, và bên cạnh những bức ảnh tượng này quan đặt nào roi, vỏ nọc, và các đồ hình khổ, cùng nhiều lính trực chung quanh. Khi điệu ông Mới và các bạn ra, quan hy vọng các ông sẽ sợ mà quá khóa. Quan gọi từng người một, vừa khuyên vừa đe nếu không theo lệnh quan thì sẽ bị làm khổ rồi bị giết đi. Khi quan bắt ông Mới bước qua tượng chịu nạn, ông quỳ gối xuống lạy rồi hôn tượng ấy mà than rằng: *“Lạy Chúa tôi, tôi chẳng dám bước qua Chúa tôi. Dù chết thế nào mặc lòng thì tôi cũng không bỏ đạo. Trái lại còn xưng đạo Chúa tôi ra hơn nữa”*.

Quan tức mình truyền đem ông và các bạn vào ngục như trước. Trong ngục các ông đọc kinh nguyện ngắm đêm ngày để xin ơn bền vững.

Ngày 5-9-1838, Cha Tụ và ông Cảnh bị xử trăm quyết. Ông Mới và bốn ông kia buồn bã vì không còn ai dẫn đầu, sợ không biết có bền vững đến cùng không. Đang khi các ông lo buồn và sợ hãi thì tối ngày thứ ba sau khi Cha Tụ bị xử trăm quyết, các ông thấy Cha Tụ hiện đến an ủi các ông: *“Chúng con đừng buồn làm chi, chúng con sẽ được phúc tử vì đạo, vì Đức Chúa Trời sẽ gìn giữ chúng con, song chúng con phải lập công trước đã”*.

Được tin ấy, các đấng vui mừng hết sức, và càng gia tăng ăn chay hãm mình. Các đấng khuyên bảo nhau chịu xỉ nhục xỉ vả của những tù nhân bị giam cùng với các đấng. Khi giáo dân đem đồ ăn đến cho các đấng, các đấng đem chia sẻ với những bạn trong tù.

Gần một năm sau, vua lại truyền cho các quan đem các đấng ra xử lần nữa. Nhà vua hứa hẹn sẽ tha cho những ai bỏ đạo và sẽ xử giáo những ai không tuân theo lệnh của nhà vua. Ông Mới và các bạn đều không tuân theo lệnh của vua.

Ngày 19-8-1839, ông Mới và các bạn lại bị điệu ra lần nữa. Lần này quan cũng khuyên các ông quá khóa nhưng các ông vẫn không chịu. Quan liền sai lính lôi các ông qua thánh giá. Khi bị lôi tới gần thánh giá, ông Mới vội quỳ xuống than thở cùng Chúa Giêsu: *“Lạy Chúa tôi, xin Chúa chữa tôi, tôi phó cả linh hồn và xác tôi trong tay Chúa”*.

LM. VŨ THÀNH

Thấy tội nghiệp cho ông và các bạn, nhất là về hiền lành nhân đức của các ông, quan cũng muốn tha, nhưng không dám. Quan liền truyền cho quân lính: *“Thôi không kéo chúng nó nữa, thấy chúng nó hiền lành ta cũng tội nghiệp. Ta thương chúng nó hết sức, mà chúng nó chẳng muốn nghe”*.

Thầy Phanxicô Mậu, một trong năm vị tử đạo này, đã kể lại cảnh phiên tòa xử năm vị trong thư gửi cho Cha Huân (còn có tên là Cha Thuận): *“Ngàn lay cha, bốn phạm của chúng con là con cái phải viết thư cho cha, thuật lại những gì đã xảy ra. Chúng con bị điệu đến trước mặt quan tổng trấn. Họ đặt trên đất một tượng Chúa Giêsu vác thánh giá, hai ảnh Đức Bà Mân Côi, một ảnh chịu nạn, và một cây thánh giá không có ảnh tượng. Khi điệu chúng con tới, quan nói với chúng con như sau: - ‘Chúng bay đã ở trong tù ngục lâu rồi, và chịu khổ cũng đã nhiều. Hãy đến đây, bước trên những đồ vật này thì ta sẽ tha cho chúng bay và cho chúng bay về nhà. Các người muốn quyết định thế nào?’*

Nhân danh anh em, con đã thưa cùng quan: - ‘Bẩm lay quan lớn, tôi đã quyết định thờ một Chúa tôi, là Chúa cả và trời đất, Chúa mọi sự, Chúa của linh hồn và thể xác tôi. Tôi chẳng thà chịu chết chứ không dám phạm đến Chúa tôi. Quan lớn có thể truyền lệnh chém đầu tôi, người có thể giết tôi như người muốn. Tôi xin vâng và chấp nhận quyết định của người’.

Quan lớn liền truyền đuổi con ra ngoài. Đoạn quan hỏi ông Ủy, ông cũng đáp lại như con. Đến lượt chú Đệ cũng bị hỏi, và cũng đáp lại như chúng con, chú còn ăn nói khéo léo đến nỗi quan lớn ngạc nhiên và nói: *‘Tên này biết cả chữ nho’*.

Đến lượt ông Vinh và ông Mới bị hỏi, họ cũng đáp lại quan như những người trước. Quan liền truyền kéo ông Mới qua thánh giá, bằng cách dùng gậy mà đánh vào cẳng chân ông. Ông liền kêu lên: *‘Lạy Chúa, con phó linh hồn con trong tay Chúa’*.

Nhưng khi chúng lòi ông tới gần thánh giá quan lại ra lệnh thôi không lòi ông ấy nữa. Một tù nhân khác bị bắt đưa vào ở với chúng con đã thuật lại cho chúng con là sau đó các quan đã nói với nhau: *‘Không thể tha cho chúng nó được, chúng ta muốn cứu chúng nó mà chúng nó chẳng muốn được tha’*”.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Trong ngục, năm ông còn muốn hy sinh nhiều hơn nữa nên các ông đã quyết định xin gia nhập Dòng Ba Đa Minh. Thầy Mậu liền đại diện anh em viết thư xin Cha Huấn nhận lời khẩn của anh em: *“Con xin cha nhận lời khẩn của chúng con viết ra đây như lời khẩn bằng miệng của chúng con đọc trước mặt cha: Vinh danh Thiên Chúa toàn năng là Cha và Con và Thánh Thần, Đức Nữ Đồng Trinh Maria, Thánh Đa Minh. Chúng con, Phanxicô, Đôminicô, Tôma, Augustinô và Stêphanô, trước mặt Cha Huấn là đại diện bề trên Tổng Dòng Ba Đa Minh, tuyên hứa và sống giữ luật và hiến pháp của Dòng Ba Đa Minh cho tới chết”*.

Ở trong ngục, ông Mới và các bạn rửa tội được 14 người, trong số đó bốn người đã chết. Ngày 23-11, quan truyền lệnh tách rời các ông khỏi những người bên lương. Ngày 24-11, ông Mới và các bạn lại bị điệu ra tòa lần nữa, lần này ông Mới và ông Vinh quỳ xuống trước tượng ảnh mà đọc kinh, rồi sắp mình xuống hôn Thánh Giá và ảnh Đức Bà.

Ngày 18-12, chiếu chỉ vua tới truyền xử giảo các ông. Quan lại một lần nữa khuyên các ông: *“Chỉ vua ra hôm nay truyền các người phải chết. Song ta biết các người chẳng có tội tình gì, chỉ mê muội theo những sự đại đột. Thôi cứ bước qua thánh giá thì tao sẽ tha và sẽ tâu vua tha cho chúng bay nữa”*.

Các đấng vẫn một mực trung thành với Chúa. Cho dù các quan chỉ bắt ông và các bạn đi chung quanh tượng cũng đủ để được tha, thế mà ông và các bạn vẫn không chịu. Các ông lại một mực xin quan cứ chiếu chỉ vua mà xử giảo các ông.

Ngày hành quyết đến, năm ông bị điệu đi xử giảo, Thầy Mậu đi đầu, Thầy Úy và ông Đệ đi giữa, còn ông Mới đi chung đôi với ông Vinh sau cùng. Các ông mặc áo tràng dòng ba Đa Minh tiến đến chỗ xử giảo một cách vui vẻ như bắt được món quà khiến ai nấy cũng đều ngạc nhiên. Các người có đạo cũng như kẻ ngoại đạo theo xem rất đông. Bản án của các đấng được ghi trên miếng ván và mang đi trước mặt các đấng. Án được ghi như sau: *“Những tên gian ác theo tôn giáo Gia Tô, sau khi đã khuyên bảo nhiều lần, phạt hai ba lần, nhưng chúng vẫn không dẫm trên thập giá. Chúng phải bị xử giảo”*.

Đến pháp trường gần làng Cổ Mỹ, lý hình tháo gông, và xiềng xích, rồi chúng buộc dây vào cổ các đấng và xiết dây theo hiệu lệnh. Sau

LM. VŨ THÀNH

khi đã xử giáo các đấng, lính đánh xác các đấng để làm vừa lòng các quan. Chúng còn chửi rủa bằng những lời thậm tệ. Để chắc chắn các đấng đã chết, có tên lấy lửa đốt chân các đấng.

Liền sau đó các bốn đạo chạy xô vào, người nhặt quần áo, dây thừng, kẻ nhặt gông cùm, xiềng xích của các thánh tử đạo. Các bốn đạo cũng chạy đến lấy xác các đấng về táng trong các nhà thờ thuộc tỉnh Bắc Ninh. Xác Thánh Mới được chôn tại nhà thờ họ Phụng Mao.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của ÔNG TÔMA NGUYỄN VĂN ĐỆ

(bị bắt 29-6-1838, xử giáo 19-12-1939)

Thánh Tôma Nguyễn Văn Đệ sinh năm 1810 tại làng Bộ Tràng thuộc tỉnh Thái Bình. Sau người theo cha mẹ ra họ Kẻ Mốt thuộc xã Đức Trai để làm ăn. Người sống bằng nghề thợ may, và cũng thường may áo quần cho những người trong nhà xứ. Ngày 28-6-1838, theo lời tố cáo có cụ đạo trong họ Kẻ Mốt, quân lính vây bắt được Cha Tụ. Quan phủ lại truyền dân chúng phải tụ họp để điểm mục. Sau khi tra khảo và đe dọa, nhiều người Công Giáo đã bỏ đạo. Ông Đệ sợ không biết mình có vũng lòng tuyên xưng đức tin không nên không chịu ra đình làng, ông trốn ở trong nhà. Tuy nhiên khi quân lính vây và lục soát từng nhà, chúng bắt được ông.

Trước khi bị bắt, ông Đệ biết mình không thể trốn tránh được nữa nên gọi vợ con lại khuyên bảo. Sau đây là đoạn ghi lại những lời ông khuyên vợ: *“Bà nhận lấy các con và về nhà cha mẹ, chịu khó làm ăn mà coi sóc các con, để chúng nó biết thờ phụng kính mến Đức Chúa Trời và giữ đạo cho nên. Trong phen này tôi vào trận thì trông ơn Đức Chúa Trời thương, mà tôi nhất định theo chân cụ Tụ cho đến chết, chẳng có lẽ nào cho tôi về nữa. Nếu bà có thương thì cầu xin Đức Chúa Trời ban sức cho tôi được chịu khó theo cụ mà thôi”*.

Khuyên vợ con xong, ông Đệ để cho quân lính bắt mình. Lúc đó ông Đệ quãng 28 tuổi. Ông có ba người con.

Tại đình làng, gọi là Làng Tài, nhiều giáo dân đã bỏ đạo, nhưng ông và bốn anh em khác cũng như Cha Tụ không chịu nên bị tra khảo

DÒNG MÁU ANH HÙNG

và đánh đập cho đến khi bỏ đạo. Ông Đệ nhất định không chịu quá khóa còn thưa với quan: *“Bẩm quan lớn, tôi không thể bỏ Chúa tôi được”*.

Rồi ông ôm ảnh chuộc tội thưa với Chúa rằng: *“Lạy Chúa tôi, tôi không dám bước qua mặt Chúa tôi, tôi xin theo cụ tôi, mà cụ tôi chịu sự khó gì, thì tôi cũng xin chịu sự khó ấy”*.

Quan tức giận truyền trói người và đóng gông để giải về tỉnh. Ngày 1-7, ông và các bạn bị dẫn về tỉnh Bắc Ninh.

Trong thời gian ở lao tù, mỗi khi quan truyền lệnh tra khảo và bắt bỏ đạo ông đều hiên ngang tuyên xưng đạo Chúa như các ông Mậu, Ủy, Mới và Vinh. Dù quan dùng cực hình tra tấn hay dùng những lời khuyên dụ ông bỏ đạo vẫn không thể lay chuyển được lòng trung kiên với Chúa của ông. Tuy nhiên những lời than khóc và thương tiếc của người vợ hiền và các con dại cũng làm cho người phân vân khó xử. Nhưng Thiên Chúa vẫn ban đủ ơn cho ông để ông có đủ can đảm khuyên bảo vợ con vâng theo thánh ý Chúa và để được chịu chết vì Chúa: *“Bà về nuôi lấy con cái cho tôi, tôi thì không về nữa, tôi chỉ trông mong chịu tử vì đạo mà thôi, và tôi đã dâng bà và các con cho Đức Chúa Trời rồi”*.

Thật là một cử chỉ anh hùng!

Một câu chuyện khác đặc biệt của người là khi quan hỏi Chúa là ai, ông Đệ đã xưng ra: *“Chúa là cội rễ mọi sự, là Chúa thật dựng nên trời đất”*.

- *“Chúa mà là mảnh gỗ ư?”* Vừa nói quan vừa đưa cây thập giá cho người xem.

- *“Nào quan lớn có biết đâu là Chúa thật. Xin quan lớn cho tôi được hỏi một lời. Quan lớn có biết nguồn gốc của Phật không? Nếu quan lớn chém đầu tôi, thì tôi sẽ về cùng Chúa tôi trên trời, hưởng phúc vui vẻ vô cùng”*.

Bấy giờ quan giận quá truyền lính lấy roi và vỗ nọc đánh đập hành hạ ông. Nhưng khi đã sắp sẵn roi rồi quan lại truyền thôi không đánh nữa kéo bản roi, rồi truyền làm án để vua xử cho xong.

LM. VŨ THÀNH

Trong các đấng bị bắt cùng lượt với ông, thì ông Đệ nổi tiếng là đối đáp văn vẻ nhất. Khi cần đối đáp chữ nho thì người đối đáp chữ nho nên quan cảm phục khen ngợi ông hay chữ.

Mỗi khi bị bắt bước qua tượng ảnh ông lại hôn kính, hoặc ẵm lấy tượng rồi đọc kinh Tin Kính. Trong ngục, ông đồng một lòng với các bạn xin gia nhập Dòng Ba Đa Minh.

Ngày 24-11, ông và các bạn bị nghị án xử giáo sau khi quan đã cố gắng hết sức khuyên dụ các ông mà các ông vẫn không nghe. Dù lần này để cứu các ông, quan chỉ ra lệnh các ông đi chung quanh thánh giá, các ông vẫn không chịu.

Ngày 19-12-1839, chiếu chỉ vua tới truyền xử giáo ông và bốn vị. Các ông từ chối lời khuyên cuối cùng của quan lớn, và xin quan cứ theo chiếu chỉ của vua mà thi hành.

Ngày hành hình đến, quan lớn và quân lính điệu các đấng tới một nơi ngoài thành Cổ Mỹ. Sau khi các ông quỳ đọc kinh, quân lính buộc dây vào cổ và xử giáo các ông. Sau đó quân lính đốt chân các ông để biết chắc các ông đã chết, và để làm hài lòng các quan chúng còn đánh đập trên xác các đấng và chửi rủa thậm tệ rồi mới bỏ về. Bốn đạo chạy ủa vào để lấy các di tích của các đấng.

Một người bốn đạo chạy vào vác xác Thánh Đệ và đưa về Kẻ Mốt. Ông này kể lại câu chuyện xảy ra khi ông vác xác thánh như sau: *“Tôi vác xác thánh vào lúc nửa đêm. Bất chợt xác người tỏa ra ánh sáng, chỉ đường cho tôi phải đi về đâu. Khi tới bờ sông, tôi rất lo lắng vì tôi biết chắc chắn không có đò vào giờ đó thì làm sao tôi qua được bờ bên kia? Nhưng trái với ý nghĩ của tôi, lúc đó nước rút xuống rất thấp đến nỗi tôi có thể lội qua bờ bên kia rất dễ dàng. Hơn nữa khi tôi đến làng Kẻ Mốt, tôi thấy cổng làng đã mở, dù cổng làng luôn đóng chặt vào lúc ban đêm. Tôi vác xác thánh vào nhà thờ và đặt người trên bàn thờ. Lúc đó không có ánh sáng trong nhà thờ, nhưng có ánh sáng lạ lùng phát ra từ thân thể của người”.*

Xác ông được táng tại họ Phong Cốc thuộc địa phận Bắc. Mãi đến ngày 11-3-1877, xác ông được cải táng về nhà thờ họ Phương Lê.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cuộc Xung Đao & Tử Đao của LINH MỤC ANRÊ TRẦN AN DŨNG (LẠC)

(bị bắt 10-11-1839, xử trảm 21-12-1839)

Cha Anrê Dũng sinh khoảng năm 1795 tại tỉnh Bắc Ninh. Cha mẹ không có đạo. Năm 12 tuổi cậu Dũng đi về Hà Nội rồi theo đạo và ở nhà thầy với Cha chính Leroy (Lan) đang làm bề trên trường Kẻ Vĩnh.

Cậu Dũng có trí nhớ lạ lùng, xem giấy tờ gì chỉ hai lần là nhớ hết, một tuần lễ đã học thuộc hết sách bốn. Người còn thông thạo chữ Nho và chữ La Tinh. Sau 3 năm ở trường Kẻ Vĩnh, cậu Dũng được rửa tội và giao cho một cha Việt Nam trông coi, 8 năm sau được lĩnh bằng thầy giảng. Tiếp tục làm thầy giảng được 10 năm thì bề trên sai thầy về học lý đoán để làm linh mục. Ngày 15-3-1823 thầy Dũng được Đức Cha Longer phong chức linh mục, lúc ấy mới có 28 tuổi.

Trước hết Cha Dũng được sai đi giúp Cha Khiết ở Đồng Chuối rồi giúp Cha Thi ở xứ Đoài và Cha Duyệt ở Sơn Miêng. Sau đó đức cha cử người làm chính xứ Kẻ Đầm lúc người 40 tuổi. Ở đâu Cha Dũng cũng được mọi người quý mến vì người đối xử khôn khéo lại giảng đạo sốt sắng. Người rất nhiệm nhặt trong việc ăn mặc. Mùa chay, người ăn chay mọi ngày, nhiều khi cả những ngày thứ Tư và thứ Sáu trong năm nữa. Trong thời kỳ bị cấm đạo Cha Dũng phải trà trộn ở trong nhà giáo dân, nếu họ dọn cơm thịt hay cá lớn thì người trách: *“Đừng làm như vậy, hãy mua tôm tép như thường dân khác mà ăn”*.

Cha Dũng còn có lòng thương giúp những người nghèo túng. Khi được mời đi kẻ liệt, người đi một mình để tránh cho các thầy khỏi bị bắt. Khi không đi làm phúc được, Cha Dũng thường sai các thầy đi các nơi để thăm hỏi và khuyên bảo giáo dân tìm đến người mà xưng tội. Lúc người coi xứ Kẻ Đầm thì các nhà chung đã phải rở hết.

Năm 1835 ông Lý Nhâm vì ghét Tổng Thèn là người có đạo, muốn cho ông phải tội đã đem lính đến bắt Cha Dũng cùng với 30 giáo dân đang xem lễ ở Kẻ Sui. Ông Tổng Thèn phải đưa 6 nén bạc cho quan huyện Hào Khánh ở Đôn Thư xin liệu việc với quan phủ cho khỏi án. Quan huyện lấy 4 nén còn hai nén cho người nhà quan phủ và trình rằng: *“Cậu tôi về xem lễ ở Kẻ Sui mà quan bắt thì xin tha”*.

LM. VŨ THÀNH

Cha Dũng được tha về còn những người khác bị giam lại 21 ngày. Sau đó Cha Dũng phải đổi tên là Lạc vì quan quân đã biết đến tên của người. Cha Lạc thường hay xuống tỉnh Nam Định thăm viếng an ủi các giáo dân bị bắt. Cha nói với những người khác rằng: “*Những người chết vì đạo thì được lên thiên đường ngay, còn tôi cứ phải ẩn trốn và mất nhiều tiền bạc mới thoát khỏi tay các quan, thà rằng tôi bị bắt và chết vì đạo thì hơn*”.



Sau 7 năm làm cha sở Kẻ Đầm, khoảng 4 năm sau lần bị bắt trước, Cha Lạc bị bắt lại ngày 10-11-1839, khi người sang thăm và xưng tội với Cha già Thi ở Kẻ Sui. Ông Lý Pháp không biết Cha Lạc nên có nhiều người dục người trốn đi, nhưng người nói: “*Phó mặc cho ý Thiên Chúa, đây sẽ là lần thứ hai tôi bị bắt vì Chúa Giêsu Kitô*”.

Vì vậy khi Lý Pháp hỏi người có phải là cụ đạo không, người nhận ngay nên bị bắt trói lại. Giáo dân muốn có cha giúp đỡ phần thiêng liêng cho họ nên đã phải chạy tiền mới xin cho Cha Lạc được tự do. Cha Lạc dùng thuyền về nhà nhưng trên đường gặp mưa gió lớn phải đến một nhà quen trú ẩn. Cũng lúc đó, vì nghe Lý Pháp bắt được cụ đạo nên quan huyện đang dẫn người đi tới. Người nhà thấy vậy vội hô lên nho nhỏ để người chèo thuyền không ghé lên bờ: - “Quan! Quan!”

Nhưng người chèo thuyền lại nghĩ là người ta nói đùa nên cứ ghé lên bờ. Cha Lạc liền bị chặn hỏi, người nhận mình là cụ đạo nên bị bắt trói còn những người khác chạy trốn được. Đêm ấy Cha Lạc ngồi nói chuyện vui về với lính canh và người nhà quan. Cha nói: “*Vua cấm đạo và Đức Chúa Trời định cho tôi phải bắt, tôi không sợ gì, trái lại vui nữa là khác*”.

Sáng hôm sau quan ngồi ăn một mâm, Cha Lạc cũng ngồi ăn một mâm, quan nói: “*Ông ngồi một mình một mâm thì cũng là quan, ông là quan bên đạo, tôi là quan bên đời*”.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Trước khi đưa về huyện, quan sai làm gông bằng tre nhẹ đeo vào cổ Cha Lạc.

Về tới huyện Bình Lục, quan nói với Cha Lạc: “Tôi không có ý bắt ông nhưng kẻ tố giác cứ lên cáo mãi nên tôi phải đi”.

Cha Lạc thưa lại: “Ông không có ý bắt tôi thì hãy tha tôi về”.

Quan đáp: “Bây giờ sự việc đã lộ rồi không làm gì được nữa”.

Quan nói như vậy là có ý muốn ăn tiền dứt lốt, nên giáo dân lo gom góp tiền, và ông Cửu Bình cũng muốn cấm cả cơ nghiệp để có đủ tiền chuộc cha về, ông viết thư cho người: “Thưa cha, cha chịu chết thì một mình cha lên thiên đường, mà nếu cha còn ở lại thì bốn đạo chúng con được nhờ, vậy xin cha nghĩ lại”. Nhưng Cha Lạc đã cấm họ đem tiền chuộc, cha nói: “Tôi bị bắt lần này là lần thứ ba, thì đó đúng là thánh ý Chúa định cho tôi như vậy, anh chị em đừng mất tiền chuộc tôi làm gì”.

Đức Cha Retord (Liêu) cũng sai Thầy Sự mang 5 nén bạc đi chuộc Cha Thi và Cha Lạc, đức cha nói: “Hai cụ ấy tốt lắm, có thể chuộc được thì chuộc”.

Cha Lạc nói lại với Thầy Sự: “Thầy nghĩ mà xem, tôi cũng như Thánh Phêrô, khi phải bắt lần trước được giáo dân cầu nguyện cho và được về, lần thứ hai giáo dân cũng lo liệu cho được thoát khỏi, nhưng ý Chúa đã định cho tôi phải chết vì Người như thánh Phêrô, thì nói bốn đạo đừng chuộc tôi nữa”.

Quan huyện lấy lời ngọt ngào dụ dỗ hai cha quá khóa, với Cha Lạc ông nói: “Thầy đạo, thầy biết nhiều chữ nghĩa và còn trẻ nữa thì tại sao lại muốn chết, có phải là uống không? Hãy tin tôi đi, nhắm mắt lại bước qua ảnh thánh hoặc chỉ đi vòng chung quanh, nếu thầy muốn thì để cho lính của tôi kiêng thầy qua, tôi sẽ làm án tha ngay”.

Cha Lạc đồng dạc thưa lại: “Tôi không bao giờ làm theo ý quan vừa nói đâu. Hãy khép án tôi phải cắt trăm mảnh thì hơn”.

Không lay chuyển được lòng hai cha, quan huyện làm tờ trình là bắt được hai cha ở ngoài ruộng để không ai bị phiền vạ lây, rồi dẫn giải cả hai về Hà Nội giao cho quan án. Về sau Cha Lạc sai người nhà

LM. VŨ THÀNH

mang rượu và 100 viên thuốc biểu quan huyện để cảm ơn ông đã khai như vậy.

Với giáo dân đi theo tiễn đưa khóc lóc, Cha Lạc nói: “*Chúng tôi cảm ơn anh chị em, anh chị em hãy về nhà và sốt sắng làm tôi thờ phượng Chúa cũng như là chúng tôi còn ở giữa anh chị em. Than khóc như thế này không có ích lợi gì mà còn tăng thêm sự phiền khổ cho chúng tôi*”.

Ngay ngày hôm sau khi vào nhà tù ở Hà Nội, ngày 17-11, các quan bắt đầu cuộc thẩm vấn, chính Cha Lạc thuật lại trong thư gửi cho Đức Cha Jeantet như sau: “*Ngày 17, quan đã giao nộp chúng con cho quan án để truyền lệnh bắt chúng con bước qua ảnh thánh giá. Vì chúng con từ khước nên năm sáu anh lính xắn lại khiêng chúng con qua. Cha Thi đã ôm được thánh giá nhấc lên và hôn kính. Phần con, con cho chân lên rất cao và nói với họ: - ‘Hãy chặt bớt chân ta đi, ta rất bằng lòng chứ đừng hòng trông ta chối đạo’.*”

Sau đó quan lại hỏi vì sao đạo không cho phép thờ kính tổ tiên. Con đáp lại: “*Nếu có ai chào khi cha mẹ đang ngủ thì không có kể là tôn kính bởi vì các đấng không biết gì. Cũng một lẽ ấy còn mạnh hơn đối với người đã chết*”.

Ngày 19 các quan lại gọi chúng con ra tòa lần thứ hai để ép buộc chúng con. Lần này họ bắt con đeo gông nặng hơn, và ngày 21 lại thay bằng xiềng. Xiềng của Cha Thi nhẹ hơn. Bốn ngày đầu con cứ chảy nước mắt hoài khi nghĩ đến các cha thừa sai và các anh em con. Nhưng từ ngày 15 tới nay thì con vui vẻ và bằng lòng, coi các khổ cực như không. Con thương Cha Thi vì tuổi cao không kham nổi những khổ khổ. Chúa đã thêm sức cho chúng con để không lo lắng gì nữa”.

Đức Cha Jeantet viết thư cho hai cha để nâng đỡ các đấng bền gan chịu khổ cho đến cùng và xin Cha Lạc thuật lại các câu đối đáp với các quan. Cha Lạc đã viết thư trả lời: “*Thưa Đức Cha, khi chúng con được thư đức cha an ủi thì cảm động chảy nước mắt ra. Chúng con là gì mà được các cha thương lo lắng. Chúng con được biết đạo thật là nhờ ơn các đức cha và các cha thừa sai. Chúng con không biết nói sao cho hết lòng biết ơn của chúng con. Riêng với đức cha, xin đức cha cầu cùng Chúa cho chúng con được giữ nghĩa cùng Chúa cho đến cùng. Chúng con đã viết tất cả những gì xảy ra cho chúng con trong tù cho đến bây giờ, con vẫn phải đối đáp những lời châm biếm của các người tù khác châm biếm đạo thánh. Con xin đức cha thương nhớ đến chúng*”

DÒNG MÁU ANH HÙNG

con. Trong nhà tù rất khó viết thư cũng như nhận thư. Con không còn gì để viết. Vững mạnh như núi thái. Trần An Dũng”.

Ngày 30-11, các quan cho đòi hai cha lên để ký nhận bản án. Tuy nhiên các quan còn cố ép các cha quá khóa. Một người nhắc đến việc Thầy Phanxicô đã muốn chết hơn là chối đạo. Cha Lạc nhân cơ hội nói lên sự can đảm của mình: “*Người tín hữu mà quan vừa nói chỉ là một đồ đệ của chúng tôi, đã biết chọn nghĩa vụ hơn là sự sống. Còn chúng tôi là các thầy đạo lại kém lòng can đảm hơn không dám đi theo con đường chúng tôi đã vạch ra cho họ sao? Không bao giờ, thưa các quan, các quan đừng chờ đợi việc hèn nhát này”.*

Các quan bế mạc phiên tòa nói với nhau: “*Bọn chúng bám vào tôn giáo đến nỗi điên khùng”.*

Ba lần bị tra khảo nhưng các đấng không bị đánh đập tàn nhẫn, chỉ một vài cái tát mà thôi. Cha Lạc làm một bài thơ gửi cho Cha Thực nói lên chí khí của người Kitô:

*Lạc rầy đã rõ chốn quân quan.
Bút chép thơ này gửi tỏ than.
Lòng nhớ bạn non còn vất vả.
Dạ thương khách chạy chưa yên hàn.
Đông qua tiết lại thời xuân tới.
Khổ tạm mai sau hưởng phúc an.
Làm kẻ anh hùng chi quản khó.
Nguyện xin cùng gặp chốn thanh nhàn.*

Tuy không phải chịu khổ nhiều nhưng lòng các cha hằng muốn cho mình được xứng đáng đổ máu đào vì Chúa. Các đấng xin với những người nhà cầu nguyện để các đấng được bền vững trong khi chờ án tử. Các quan đã làm án xử trảm cho các đấng. Ngày 20 Cha Trần mang Mình Thánh Chúa cho hai cha. Ngày hôm sau bản châu phê án được mang về tới Hà Nội. Cha Dũng cùng với Cha già Thi vui mừng hát thánh ca theo chân lý hình ra khỏi thành. Tới nơi, các đấng quỳ cầu nguyện, ngược mắt lên trời và nghiêng cổ ra cho lý hình chém. Nhiều người làm chứng là đã nhìn thấy một con chim trắng, to lớn hơn chim bồ câu, bay lượn trên các đấng lúc hành quyết. Lệnh quan vừa dứt, đầu Cha Dũng cũng rơi xuống đất.

LM. VŨ THÀNH

**Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của
LINH MỤC PHÊRÔ PHẠM VĂN THI**

(bị bắt 10-11-1839, xử tử 21-12-1839)

Cha Phêrô Phạm Văn Thi sinh năm 1763 tại Kẻ Sở, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nội, trong một gia đình rất đạo đức. Người có cháu ruột cũng tử vì đạo là Thánh Đường.

Vì cha mẹ nghèo, từ nhỏ cậu Thi phải đi chăn trâu cho nhà dòng ở Kẻ Đầm cũng thuộc một nhà Kẻ Sở. Các bà thấy cậu Thi có nét na lễ độ thì xin cha xứ nuôi và cho vào nhà Đức Chúa Trời. Năm ấy cậu được 12 tuổi. Sau nhiều năm học La Tinh trong nhà tràng, cậu Thi được chính thức nhận vào bậc kẻ giảng năm 1796. Thầy Thi sốt sắng và nhiệt thành với bốn phận, lại có nhiều năng khiếu nên được bề trên gọi về học thần học và chịu chức linh mục ngày 22-3-1806. Năm ấy cha được 43 tuổi.

Trước hết Cha Thi được bổ nhiệm coi xứ Sông Cháy thuộc vùng Hưng-Tuyên. Người ở đó 27 năm cho đến năm 1833. Giáo dân đã làm chứng về người như sau: *“Cha Thi là người nhân đức khác thường, mỗi ngày người đọc kinh lâu giờ ba bốn lần, làm lễ nghiêm trang, hay bị sốt và đau bụng, có nhân đức tiết kiệm, khắc khổ trong việc ăn uống và thường ăn chay các ngày thứ Sáu”*.

Đức Cha Phó Jeantet (Du) cũng khen cha như sau: *“Tôi quen biết Cha Thi từ năm 1835 và rất thán phục cha là người phúc độ sốt sắng, trung thành tuân giữ các luật chung, hiền lành và khôn ngoan”*.

Đặc biệt Cha Thi trối trang về nhân đức khó nghèo và muốn cho mọi người khác cũng bắt chước yêu chuộng nhân đức ấy. Cha chỉ mặc áo vải nâu và đội khăn sợi mà thôi. Tại nhà xứ, mọi người trong nhà phải giữ phép tắc, chăm chỉ học hành, đọc sách và không được chuyện trò lâu với đàn bà. Chính Cha Thi khi tiếp khách cũng rất mực khiêm tốn, ít lời, nhưng với các cha khác thì người vui vẻ vồn vã hơn. Mỗi năm người chỉ ở trong xứ hai tháng, còn lại đi thăm các họ lẻ, sốt sắng dạy dỗ và khuyên bảo con chiên bốn đạo. Có một lần đi làm phúc ở họ Thác Ba người bị đắm thuyền, người giúp việc chết đuối nhưng người nhờ ôm hòm đồ lễ đã thoát nạn.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Năm 1833, Cha Thi đã 70 tuổi được bề trên đổi về xứ Kẻ Sông trong sự nhớ nhung của bốn đạo xứ Sông Chảy. Thời kỳ này có cuộc bắt đạo dữ dội, Cha Thi phải trốn ẩn trong nhà giáo dân không thể đi làm phúc được. Nhiều khi người ta không dám mời người đi giúp bệnh nhân sắp chết vì sợ người bị bắt, nhưng người bảo họ phải liệu mọi cách để giúp người sắp chết, còn nếu Chúa muốn cho phải chịu khổ vì đạo thì hoàn toàn phó thác theo ý Chúa. Dù tuổi cao sức yếu và hay bị bệnh Cha Thi vẫn không bao giờ kêu ca, mà vẫn luôn yên ủi và niềm nở với mọi người. Người ở Kẻ Sông được 7 năm thì ý Chúa muốn cho cha được làm chứng lời chân thật người đã rao giảng bằng cái chết anh hùng vì đức tin.

Cha Dũng (Lạc) ở xứ bên cạnh thường sang gặp Cha Thi để bàn hỏi và xưng tội. Ngày 10-11-1839, hai cha đang ở nhà ông khán Hộ thì ông lý trưởng Pháp cùng với bốn gia nhân đến bắt. Lúc bấy giờ là giữa trưa. Hay tin, Cha Thi vội đi trốn vào phòng riêng nhưng Lý Pháp đã theo sát người và bắt người trói lại. Cha Dũng cũng bị bắt luôn. Sau một hồi lâu Lý Pháp cời trói cho hai cha và mời cùng ngồi để đàm luận. Lý Pháp bắt đầu nói với hai cha: *“Tại sao có lệnh vua cấm đạo rồi mà các ông cứ lên lút dậy đạo?”*

Cha Thi đáp: *“Thiên Chúa sai chúng tôi đi để dạy người ta tập tành nhân đức làm việc thiện, tôn kính cha mẹ. Đạo chúng tôi không dạy điều gì sai trái cả”.*

- *“Dù đạo phải hay trái, không thành vấn đề, nhưng có lệnh vua cấm thì tôi bắt các ông”.*

Các đấng đáp lại điều đó tùy ý quan. Tuy nói là lệnh vua cấm nhưng ông lý trưởng đã đề nghị nộp cho ông 300 quan tiền ông sẽ trả tự do. Các cha nói với ông điều đó tùy giáo dân. Quan cho gọi người đứng đầu trong họ đạo để dàn xếp nội vụ. Giáo dân chỉ có 200 quan để nộp nên ông chỉ trả tự do cho Cha Lạc, còn bắt Cha Thi. Khi trở về, Cha Lạc lại bị bắt lần nữa khiến ông lý trưởng sợ lộ tẩy đã phải giải Cha Thi về huyện quan Bình Lục. Trên đường hai cha gặp lại nhau trong cảnh tù đầy.

Quan huyện được giáo dân đút lót chút đỉnh nên làm tờ phúc trình bắt được các cụ ở ngoài đồng để giáo dân không ai bị liên lụy. Thấy Cha Thi có tuổi mà trời rất lạnh, quan huyện mới hỏi Cha Thi xem có chần chập không thì người lính nói thay là Lý Pháp đã lấy rồi.

LM. VŨ THÀNH

Quan truyền lệnh phải trả chẵn lại cho cụ Thi. Quan huyện tiếp đón các đảng rất tử tế, mời các đảng ngồi trên phản có chiếu sạch. Khi giáo dân dọn cơm thì quan bắt lấy mâm của mình mà dọn cho các đảng. Sau ba ngày, quan huyện giải hai cha về Hà Nội, có đông giáo dân theo khóc lóc. Thấy vậy quan huyện nói: “Đạo dạy những gì mà giáo dân thương tiếc các cụ như thế?”

Một bà đạo đức đứ đứ gần thừa lại quan: “*Bẩm quan lớn, các cụ dạy chúng tôi những điều nhân đức, chớ phải hiền lành, đừng cờ bạc, rượu chè, còn vợ thì phải biết nhịn nhục, vâng lời chớ*”.

Vì Cha Thi đã nhiều tuổi không đi được nữa, quan bảo giáo dân thuê cáng mà mang người. Trước khi lên đường quan huyện còn giết heo cúng tế trời đất và biện bạch: “*Không phải lỗi tại tôi muốn bắt bỏ những người hiền lành mà chỉ vì tôi phải theo lệnh. Xin án phạt có xuống thì xuống trên người đã ra lệnh*”.

Ngày 16-11, Cha Thi được giải đến Hà Nội và giam trong trại gần cửa đông, không phải ở chung với các tù phạm khác. Các tên lính canh cũng rất tử tế với các đảng, chúng nói: “*Chúng tôi biết hai cụ không phải như các tù nhân khác. Hai cụ hiền không nghĩ đến việc trốn đi nên chúng tôi chẳng dám làm khổ các cụ*”.

Vì thế Cha Thi không phải mang gông cùm bao giờ, còn Cha Dững (Lạc) phải mang gông có ba tổi. Thức ăn giáo dân mang đến hai cha cũng chia sẻ cho lính canh. Mỗi ngày hai buổi các cụ đọc kinh chung với nhau. Có bà Ro thuộc nhà dòng Kê Uối và tổng Thìn lo săn sóc các việc vật chất cho hai người.

Hai cha phải tra hỏi ba lần. Phần Cha Thi vì già và nghễnh ngãng nên Cha Dững thừa thay. Quan huyện cũng bắm với quan thượng rằng: “*Hai thầy đạo thì chịu chết chứ không bước qua ảnh đạo, tôi đã thúc ép hai lần ở dưới huyện mà không thành công. Hai người thật thì xin quan lớn thương*”.

Lần thứ ba quan thượng bảo hai cha quá khóa nhưng các đảng không chịu, một tên lính liền đẩy Cha Dững ngã xuống. Cha Thi vì già vẫn ngồi yên liền sắp mình xuống ôm chân thánh giá.

Trước lòng kiên quyết của các đảng, quan làm bản án tử hình cho các đảng như sau: “*Sau khi họp hội đồng, các thần là Nguyễn Phúc Hoan,*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

quan hộ, và Lương Mộc Quang, quan án, đã xem xét kỹ lưỡng hai tội phạm Trần An Lạc và Phạm Văn Thi đã theo tà đạo từ thuở nhỏ và du đồ lê dân. Họ đã ghi khắc sâu đạo lý sai lầm từ lâu chứ không phải một vài ngày. Hoàng thượng đã ra nhiều chỉ dụ cấm dạy đồ dân chúng đạo này và bắt từ bỏ những thói tục sai trái, thế nhưng họ chẳng những đã không tuân lệnh mà còn tàng trữ sách đạo và ẩn trốn cho đến ngày bị bắt. Được khuyên bảo bước qua ảnh họ vẫn một mực cố chấp xin được chết hơn là làm điều này. Hiển nhiên là đạo này đã ăn sâu vào tâm hồn chúng. Chúng thần xét nghĩ là họ đáng chết theo như luật quốc gia đã định rằng kẻ nào tàng trữ sách quấy quác, hoặc dạy đồ thực hành quái lạ thì phải giam trong ngục cho đến khi được định thể khác. Vậy đối với hai tội phạm Trần An Lạc và Phạm Văn Thi các thần muốn áp dụng khoản luật vừa nói nhưng chúng đáng chịu một hình phạt nặng nề hơn, phải chém đầu để răn bảo những người khác”.

Để chuẩn bị cho ngày được dâng mạng sống mình vì đức tin, Cha Thi thường xuyên đọc kinh cầu nguyện và ăn chay hãm mình mỗi tuần 4 ngày. Ngày 21-12 cha được rước Minh Thánh lần cuối cùng do Cha Trần mang vào. Giữa trưa hôm đó có người lính báo rằng bản phê án của vua đã tới. Cha Thi nói ngay: “Đúng là án của chúng tôi rồi”.

Tức thì cha và Cha Dũng phân phát cho lính canh các đồ dùng còn lại. Ngay sau đó ông lãnh binh đã đem lính đến nhà giam để dẫn giải các đảng đến pháp trường. Cha Thi vì yếu đã ngã trên đường. Lúc ấy có một tên lính đến nói nhỏ mình cũng là người tín hữu Kitô xin được công cha trên lưng. Cha Thi đã cời đôi xăng đan, một đồ dùng cuối cùng, và cho anh ta. Tới Ô Cầu Giấy, Cha Thi quì cầu nguyện trên chiếc chiếu do các bà dòng đã trải sẵn. Người cầu nguyện và dâng điệu vãng vàng hơn bao giờ hết. Trước khi hành quyết, quan giám sát truyền lệnh cấm không ai được thắm máu tử tù và khi có hiệu thì phải chém đồng loạt. Khi hiệu vừa ban ra, tên lý hình điều luyện đã chém cổ người vừa khít để lại một chút da treo đầu trên cổ để giáo dân dễ dàng ráp lại. Nhưng quan lại bắt phải lấy hẳn đầu ra rồi ông và đoàn tùy tùng mới rút lui.

Giáo dân thu xác Cha Thi lại đem về an táng tại Kê Sở. Tên lý trưởng đã bắt Cha Thi về sau bị Chúa phạt hóa ra diên, còn cô con gái lấy khăn thánh may yếm để mặc đã bị thổ tả chết một ngày sau khi mặc yếm vào người.

Cuộc Bách Hại Đạo Công Giáo Trong Năm Cuối Cùng Của Vua Minh Mệnh 1840

Trong sắc lệnh ngày 3-10-1839 Minh Mệnh ra hạn một năm bắt các quan phải giảng dạy việc thờ kính ông bà và dựng miếu với quyết tâm xóa bỏ hẳn được dấu vết đạo Công Giáo. Nhưng năm đó lại là năm cuối cùng Thiên Chúa để cho ông sống. Từ vua cho đến quan không làm cái gì khác ngoài việc bắt bớ và xử tử các đạo trưởng cũng như những giáo dân trung kiên. Điều này không những không hủy diệt được đức tin của các tín hữu mà trái lại còn có tác dụng khích lệ ngay cả lương dân thêm xác tín vào đạo Thiên Chúa là đạo thật. Giáo hội có thêm 15 vị anh hùng tử vì đạo trong năm 1840 này.

Ngoài việc bắt bớ đạo Công Giáo, Vua Minh Mệnh còn một mối lo là họa xâm lăng của các cường quốc Tây Phương. Những người của các nước này đã đặt chân lên Ấn Độ, Trung Hoa. Năm 1840, Minh Mệnh sai nhiều tàu Việt Nam đi dò la thái độ của các quốc gia Tây Phương ở Anh, Nam Dương và chính tại Âu châu. Ngày 28-2-1840 một chiếc tàu đi Ấn Độ để tìm hiểu thái độ của người Anh, một tàu khác đi Batavia để dò la người Hoa Lan. Thừa Sai Regereau trong lá thư đề ngày 25-4-1840 cho biết có ba nhóm sứ giả Việt Nam tới Penang, Mã Lai để sửa soạn đi các nơi dò la tin tức. Đến tháng 11 thì một nhóm khác gồm hai vị quan và hai thông ngôn đi Pháp và Anh. Theo Dương Quảng Hàm và Phan Phát Huồn thì Phan Thanh Giản là một trong các vị sứ giả này. Theo Phạm Văn Sơn thì hai vị quan nói trên là Tôn Thất Tường và Trần Viết Xương. Phái đoàn được bộ thương mại tiếp ngày 5-1-1841 rồi sau đó sang Anh. Phái đoàn trở lại Penang thì được tin Minh Mệnh đã qua đời ngày 20-10-1841 vì ngã ngựa.

1. Diễn tiến bắt đạo năm 1840

- Ngày 10-1 Cha Luca Loan bị bắt.
- Ngày 11-4 Cha Trạch bị bắt.
- Ngày 28-4 hành quyết Cha Khoan, Thầy Hiếu và Thầy Thành.
- Ngày 9-5 Cha Hiến bị xử tử.
- Ngày 30-5 ba Cha Nghi, Ngân và Thịnh, hai ông Cỏn và Thọ bị bắt.
- Ngày 5-6 Cha Luca Loan bị hành quyết.
- Ngày 27-6 Thầy Toán chết vì bị phơi nắng.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

- Ngày 10-7 ông trùm Nam và Thầy Tự bị xử tử.
- Ngày 18-9 xử tử Cha Trạch.
- Ngày 8-11 ba linh mục Ngân, Nghi, Thịnh, và hai ông Côn, Thọ bị xử tử.
- Ngày 21-12 y sĩ Simon Hòa bị xử tử.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC PHAOLÔ PHẠM KHẮC KHOAN

(bị bắt 24-8-1837, xử trảm 28-4-1840)

Trong số các linh mục tử đạo, Cha Khoan là người đối đáp rất nhiều và rất hay với các quan. Người cũng bị giam tù gần ba năm trời nâng đỡ hai thầy giảng cùng bị bắt và tử đạo. Sau đây là bản tường thuật theo những chứng nhân có liên hệ mật thiết với người trong mỗi giai đoạn.

Cha Khoan sinh năm 1771 tại Thôn Trung xã Duyên Mậu tỉnh Ninh Bình, thuộc xứ đạo Phúc Nhạc. Về sau khi cha mẹ người xuống Trại Bò (Phúc Hải) cũng thuộc xã Duyên Mậu thì gia đình mới theo đạo. Cậu Khoan được cố Thạch ở xứ Đông Biên (Hảo Nho - Hiếu Thuận) nhận cho vào nhà thầy. Mẹ người là một người đàn bà đạo đức, khi về già thường được người ta vọng đến nhà thờ dự lễ. Gia đình chỉ có cậu Khoan là con ruột, và một người con nuôi làm thầy giảng.

Cuộc đời thơ ấu của Cha Khoan không được thuật lại, chỉ biết rằng khi người làm kẻ giảng thì được chỉ định làm thầy cai coi chủng viện Vĩnh Trị. Không biết người được thụ phong linh mục khi nào, các nhân chứng sống với người ở Vĩnh Trị làm chứng là người có lòng đạo đức, trực tính, vui vẻ với mọi người và hay thương người nghèo. Người rất nhiệm nhặt trong cách ăn mặc. Khi làm linh mục rồi các nhân đức trên càng nổi bật hơn. Mỗi buổi sáng sau Thánh Lễ người chỉ uống trà, và trong ngày ăn hai bữa thanh đạm. Dù có tuổi hay phải làm việc vất vả, người vẫn ăn chay suốt mùa chay. Người không chịu để cho người ta vọng cáng mà chỉ đi bộ. Áo quần của người rất đơn sơ bằng vải thường. Tuy nhiệm nhặt với mình song người lại rộng rãi với người khác, nhất là với kẻ khó. Người mua sắm quần áo có khi mua đất làm nhà cho họ nữa. Các bài giảng của người thường là về bốn phận giữ đức trong sạch và công bằng, vì người tin là nếu

LM. VŨ THÀNH

giữ được hai nhân đức ấy chắc chắn rồi linh hồn. Với người nhà Đức Chúa Trời thì cha khuyên họ đặc biệt về nhân đức khiêm nhường và vâng lời, năng nghĩ đến Chúa luôn. Với các người xưng tội cha rất từ tốn, siêng năng giải tội dù là về khuya. Đời sống linh mục tận tụy của cha đã thu phục được lòng cảm mến của mọi người. Khoảng 60 tuổi người được bổ nhiệm làm cha xứ Phúc Nhạc, kiêm thêm hai họ Đông Biên, Tôn Đạo và nhà dòng Yên Mới. Dù có ba cha phó giúp, Cha Khoan vẫn đến thăm các họ và nhà dòng mỗi tháng một lần. Người có lòng quý mến bề trên, cứ hai tháng một lần về thăm đức cha.

Cha Khoan bị bắt cùng với hai Thầy Hiếu và Thành tại nhà Đức Chúa Trời ở Đông Biên ngày 24-8 -1837. Lúc ấy người được 67 tuổi. Sự kiện diễn tiến như sau: Sau khi đi thăm kẻ liệt tại Trại Bò, Cha Khoan và hai thầy trên đường về Phúc Nhạc nghỉ lại Đông Biên vài ngày. Tại đây có nhà Đức Chúa Trời nhưng vì bị cấm đạo nên chuyển sang cho phó tổng Dụ đứng tên. Một lý trưởng làng ngoại giáo bên cạnh là ông Lý Trạc vì ghét Tổng Dụ nên chỉ tìm cơ hội tố cáo. Đêm đó Cha Khoan nghỉ lại ở Đông Biên, một tên trộm biết có đạo trưởng đến liền đi báo cho Lý Trạc hay. Ông này sáng sớm đem người nhà đến bắt. Cha Khoan và các chú đang sửa soạn lưới để đi bắt cá nấu cháo thì thấy chung quanh có người bao vây. Cha Khoan liền cho người đi gọi ông Tổng Dụ. Trong khi ấy Lý Trạc đã bắt trói Cha Khoan và hai thầy, còn các người khác ông cho về tự do. Khi Tổng Dụ đến xin với Lý Trạc bỏ qua nội vụ, Lý Trạc không chịu. Ông Tổng Dụ liền đem tiền lên quan huyện Yên Khánh nói là mình bắt được đạo trưởng, đồng thời Lý Trạc cũng làm tờ trình là bắt được đạo trưởng. Quan huyện Yên Khánh bắt cả hai làm chung tờ khai rằng có biết đạo trưởng đến làng và viên thơ lại Nguyễn Huy Sách đã bắt được đạo trưởng ở ngoài ruộng. Sau khi bị bắt các đấng bị dẫn giải về tỉnh Ninh Bình ngay.

Theo chúng tù của nhiều người–người nấu cơm, thầy giáo săn sóc người, và chính cai tù–chúng ta được biết chút ít đời sống cực khổ trong tù của các đấng. Ban đầu các đấng phải đeo gông rất nặng, ngày cũng như đêm, cùm chỉ được mở khi dùng thức ăn. Sau này nhờ có tiền đút lót, lính cho đeo gông và xích nhẹ hơn. Trong tù có nhiều bộ và muối cắn rất nhức nhối. Cả ba vị có nhiều lúc bị vết cắn làm độc sưng lên. Trong tù mỗi ngày Cha Khoan bắt người nhà thổi nhiều cơm để phân phát cho các người tù khác, khoảng 30 người.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Mới đầu những người tù ngoại giáo cứ lảm bảm chửi rủa mỗi khi các đảng đọc kinh, nhưng về sau thấy lòng tốt và triu mến của Cha Khoan, họ lại có cảm tình với người. Hằng ngày các đảng đọc kinh chung với nhau ba lần. Ở trong tù, Cha Khoan thường khuyên nhủ các người tù sửa đổi đời sống. Cha đã rửa tội cho một người con của tướng cướp trong tù khi nó sắp chết. Trong các giờ nhàn rỗi Cha Khoan và hai thầy đan thúng để tặng những người đến thăm. Các đảng luôn luôn tỏ ra vui tính trong thời gian ba năm bị giam giữ.

Lần đầu tiên quan tuần phủ Ninh Bình ép Cha Khoan quá khóa, người đã thẳng thắn thưa lại: “*Quan lớn dầy như vậy chẳng phải*”.

Quan nói lại: “*Sao lại chẳng phải? Ông vâng lời thì sống mà cưỡng lại thì phải chết. Ông có chịu nghe lời không?*”

Cha Khoan đáp: “*Bẩm quan lớn, quan lớn đã mang ơn đức vua nhiều năm, nếu có giặc đến vua truyền quan đi đánh. Giả như quan sợ chết mà không vâng lệnh vua, lại theo về phe giặc, thì có phụ ơn đức vua không? Tôi đã mang ơn Đức Chúa Trời từ thuở bé mà bây giờ quan lớn giục tôi bỏ Chúa, có phải là điều quá không?*”

Nghe vậy quan tuần tức giận vắt quạt xuống đất truyền lệnh đánh cha 12 roi.

Lần thứ hai Cha Khoan bị điệu ra trước mặt quan án. Ông này chửi mắng, ăn nói bậy bạ về đạo và bảo Cha Khoan: “*Sao ông không chịu nghĩ lại mà biết mình lầm và bỏ đạo, vâng lời vua. Đừng có nghe những thằng tây nữa*”.

Trước thái độ này Cha Khoan chỉ cương quyết nói vắn tắt: “*Sống chết tôi không bỏ đạo*”.

Thấy không lay chuyển được người, quan tuần họp hội đồng các quan tỉnh để tra xét, khi thì dọa nạt khi thì khuyên lơn mong xúi dục được Cha Khoan bỏ đạo. Cha Khoan vẫn một mực cương quyết không chối đạo. Các quan truyền giam riêng Cha Khoan một nơi, hai thầy một nơi để dễ lung lạc, đồng thời bắt các đảng đeo gông nặng hơn. Quan nói dối rằng hai thầy đã bỏ đạo. Điều này làm Cha Khoan đau khổ mãi cho đến khi có người nói lại là hai thầy vẫn xưng đạo rất anh hùng. Ít ngày sau các quan làm án xử tử người: “*Cụ*

LM. VŨ THÀNH

Khoan là đạo trưởng thì phải chém đầu và bêu đầu ba ngày làm bia cho người ta sợ”.

Cha Khoan hay tin thì mừng là giờ được về trời đã gần. Nhưng chiếu chỉ của vua Minh Mạng truyền rằng: “Người có tội này lừa dối dân chúng đã lâu, lại không chịu quá khóa thật đáng chết, nhưng vì đã hơn 60 tuổi chẳng còn sống được bao lâu nên phạt nó giao giam hậu”.

Thế là Cha Khoan lại phải giam tù lâu hơn. Trong dịp này Đức Cha Liêu (Retord) gửi cho người một lá thư dùng những lời lẽ khôn ngoan của người Việt để khích lệ: “Tôi mới nghe biết lệnh vua muốn các quan thủ thách cha nhiều lần. Tôi không hoài nghi là cha sẽ chiến thắng, cũng như các lần trước Thiên Chúa ở với cha thì ai có thể chống lại được. Tuy nhiên để giúp cha dễ dàng chiến thắng hơn tôi xin được nói vài lời khuyên nhủ. Nếu những lời của tôi làm tăng thêm lòng can đảm của cha thì tôi cũng được tham dự vào công nghiệp của cha. Thật là có phúc biết bao những cực khổ trong tù. Nhưng cũng thật vô phúc nếu vì yếu đuối mà bỏ mất những khổ khổ đã phải chịu từ lâu. Những đau khổ đắt giá này phải mang lại hạnh phúc trường sinh. Hãy đứng vững trên con đường về trời và trong bàn tay Chúa đã xếp đặt. Một triết nhân đã nói: ‘Thà chết còn hơn là chối bỏ lẽ phải. Trong vận may cũng như rủi, người quân tử phải đứng thẳng, không ngả nghiêng bên trái cũng như bên phải, người quân tử không lạc xa con đường đã theo từ trước.’

Cha hãy kiên nhẫn trung thành bất khuất... Sách tiên nhân có ghi: ‘Thà chết vinh hơn sống nhục’. Xin cha xem gương những người chối đạo, họ thật điên rồ, có ai nhắc nhở đến họ nữa. Trái lại khắp bốn phương trời hằng lập lại lời khen ngợi những kẻ chết vì đức tin. Những anh hùng tử đạo giống như tiếng loa từ trời mà mọi người muốn lắng tai nghe hòa điệu của họ. Người chối đạo sống trên đời này tựa như khúc gỗ khô mục súc cho búa rìu chặt cắt để nuôi ngọn lửa hỏa ngục, trái lại máu các đấng tử đạo tựa như hạt sương chiều làm tươi mát vườn giáo hội và thông báo một mùa gặt phong phú mới. Thật vậy tôi thêm muốn ơn phúc cha được và vinh quang mà cha sắp bước vào vui hưởng. Tôi vẫn còn phải sống giữa kẻ thù của ơn cứu rỗi, giữa những gai góc của thung lũng nước mắt. Các thiên thần Chúa đã nghiêng mình đến gần linh hồn cha hầu có thể đem về đặt vào ngai tòa.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Vinh quang đã được sắm sửa từ trước muôn thuở. Thưa cha, tôi muốn gọi lên cho cha điều đó để khi cha được đón nhận vào lòng Thiên Chúa thì xin nhớ đến chúng tôi... Tôi viết vội cho cha ít lời ước mong chúng trở nên cơn gió thuận đưa cha đến bên bờ quê hương an bình, ước mong chúng như bó hoa thơm tỏa hương quyên chung quanh trái tim vui sống của cha trong giờ phút giao tranh cuối cùng. Tôi xin cung kính bái chào cha, hôn những gông xiềng của cha và xin cha đừng bao giờ quên tôi”.

Cha Khoan vui lòng chịu những sự khổ kéo dài trong tù. Người thường cầu nguyện, suy tưởng về trời, về ơn phúc từ đạo và cũng xin các giáo hữu đến thăm viếng cầu xin ơn từ đạo cho người nữa. Cha Khoan tin chắc rằng sự thống hối làm đẹp lòng Chúa nên ăn chay các ngày thứ Sáu mỗi tuần. Khi mùa thu đến, quen gọi là thu thắm vì các quan trong triều đình thường xét lại hồ sơ các vụ án, Cha Khoan cũng nhận được một tin mới là vua đã gửi lệnh ngày 22-11-1839 bắt quan tỉnh Ninh Bình phải cố gắng một lần nữa bắt cha quá khóa. Quan cho gọi cha đến nói: “Ông phải biết hoàng đế thương ông vì ông sinh ra ở trong đất nước này. Hoàng đế giam tù ông là để ông hồi tâm sửa đổi để được ơn khoan hồng. Chính hoàng đế đã ra lệnh cho tôi được quyền tha thứ cho ông nếu ông chịu bước qua ảnh thánh giá. Phần tôi, tôi cũng yêu quý ông rất nhiều. Xin ông hãy vâng lệnh hoàng đế để tôi có thể trả tự do cho ông”.

Cha Khoan đáp lại: “Thưa quan lớn, tôi rất cảm kích lòng tốt của người đối với tôi, nhưng tôi buộc phải làm phiền lòng quan lớn mà nói ra lời từ chối. Tuy nhiên tôi dám xin quan lớn cho tôi được biết trước sớm hết sức ngày xử để tôi có thể thu xếp việc riêng trước khi từ bỏ cõi thế này”.

Quan hứa với cha là sẽ báo cho cha biết trước và mời cha vào trong công đường để uống trà mở đầu một chiến thuật mới. Quan dùng câu chuyện hỏi han thân mật để lung lay đức tin của cha. Quan nói: “Tôi rất thương tiếc ông, ông hãy làm cho tôi vui mà bước qua ảnh đi”.

Cha Khoan ôn tồn thưa lại: “Tôi đã suy nghĩ lời quan nói. Nhưng lạ thay, tôi càng suy đi nghĩ lại thì tôi càng thấy đạo của tôi là đạo thật, càng thấy những lý lẽ mạnh để không chối bỏ mà trái lại càng sẵn lòng tuân giữ cho đến chết. Ngày xưa Hoàng Trợt cũng đã cấm đạo và tôi phải đi ẩn trốn.”

LM. VŨ THÀNH

- “Hoàng Trọt là ai?”

- “Ông Hoàng Trọt là một người thuộc dòng họ Tây Sơn đã nổi lên dấy nghịch cùng vua Lê. Khi vua Gia Long, phụ vương của đương kim hoàng đế, ra ngoài kinh đô Thăng Long. Sau khi chiến thắng, chúng tôi đã đến bái lạy người thì người đã cho phép chúng tôi tự do giảng đạo Kitô. Vua Gia Long đã nói với chúng tôi như thế này: ‘Các người hãy dậy dỗ thân dân của ta cho cẩn thận. Hãy khuyên bảo họ sống hòa thuận mà cấy cấy làm ăn, đừng có theo tên nghịch tặc Hoàng Trọt quấy rối đất nước’. Kể từ đó chúng tôi hết lòng vâng mệnh vua mà khuyên bảo dân chúng bỏ đảng tà, xa tránh các thói hư và luyện tập nhân đức, không ham chơi cờ bạc hay rượu chè say sưa, không hà hiếp ại. Chúng tôi cũng khuyên họ thờ kính một Đấng tối cao làm chủ trời và đất, cầu nguyện cho hoàng đế và các quan để các vị điều khiển quốc gia được an bình và thịnh vượng. Vậy, nếu tôi từ bỏ Phúc Âm tôi sẽ tránh được cái chết, nhưng khi trở về nhà tôi lại giữ đạo như trước, cả vua lẫn các quan sẽ không hay biết gì. Nhưng làm như vậy không phải là ngay thẳng, vừa không trung thành với Chúa Trời đất mà tôi đã thờ kính cho đến ngày nay, vừa không vâng lời vua Gia Long đã truyền cho chúng tôi giảng đạo Kitô, mà còn lừa dối đương kim hoàng đế nữa và chính quan cũng như tất cả những người đã nghe tôi giảng cũng mắc lừa nữa. Các giáo dân coi tôi như người cha mà nếu họ thấy tôi không kiên tâm và trung thành thì bao nhiêu người trong họ sẽ phải vấp phạm?”

Tới đây quan quay sang nói với các viên nha lại: “Các ông thấy chưa, người can đảm lý sự như thế thì làm sao mà ép buộc được!”

Rồi quay qua nói với Cha Khoan: “Tôi biết rõ ông sẽ không thay đổi quyết định, nhưng tôi nghĩ tôi có thể dễ dàng khuyên dụ được hai người học trò của ông. Tôi đã cho gọi họ đến trước vì sợ rằng họ thấy gương của ông mà bất chước vưng lòng. Nhưng tôi không thành công, họ cũng tỏ ra một mực cương quyết như ông. Nhưng hãy nói cho tôi, ông có muốn sống không?”

- “Thưa quan, nếu quan thương tôi và để tôi sống thêm thì tôi đội ơn quan, vì có ai mà không thích sống? Các loài vật không có trí cũng còn sợ chết phương chi con người biết rõ giá trị sự sống lại càng sợ hơn. Nhưng chết vì đấng đã tạo dựng nên mình thì người Công Giáo tin

DÒNG MÁU ANH HÙNG

rằng sẽ được thưởng bội hậu ở trên trời, hơn mọi sự ở dưới thế gian này”.

- “Biết vậy, nhưng làm sao biết có thiên đường?”

- “Thưa quan, hoàng đế cai trị đất nước này không có những tước vị, chức quyền để thưởng cho các người tôi trung sao? Cũng vậy Chủ Tế vạn vật lại không có phần thưởng nào dành cho những người trung thành đến chết sao? Vậy những phần thưởng và nơi được thưởng ấy chúng tôi gọi là thiên đường”.

- “Nhưng làm sao ông biết được có một Chúa chủ tể trời đất?”

- “Thưa quan lớn, không cần phải đi đâu xa để biết điều đó. Vũ trụ như một cuốn sách mở dày cho con người nếu biết nhìn ngắm những kỳ công tuyệt vời của thiên nhiên thì cũng dễ dàng nhận ra có người đã tác tạo nên, có một Chúa Tể cai quản. Chính vị đó chúng tôi gọi là Chúa trời đất và chúng tôi thờ kính Người”.

Quan tán thưởng và đồng ý với những lời lẽ Cha Khoan vừa nói. Ông quay qua các nha lại và bảo họ: “Ông này nói nhỏ nhẹ nhưng những điều ông nói thật là cao đẹp. Ông ta không phải là một người thường đâu, ông xác tín có thiên đường”.

Với Cha Khoan, quan nói: “Tôi thú thật khi nghe ông nói thì trong lòng cảm xúc muốn cứu ông. Nhưng luật nước rất nghiêm ngặt. Nếu ông không bước qua ảnh thì chắc chắn ông phải chết. Ông có giận ghét Cha Duyệt là người đã vâng lệnh vua mà quá khóa không?”

- “Không, đạo chúng tôi cấm sự giận dữ và ghen ghét”.

Quan lại nói với nha lại: “Thật là một điều lạ, trong đạo này người ta không giận dữ không ghét bỏ ai. Thật lạ”.

Quan lại hỏi Cha Khoan: “Cha Duyệt còn có thể lên thiên đường được không?”

- “Người còn có thể miễn là người thông hối và làm việc đền tội”.

- “Phần tôi, tôi nghĩ là cha đó không thể vào thiên đường được bởi vì khi ông thấy cha đó tới cửa thì ông sẽ lấy hết sức mà xô xuống”.

LM. VŨ THÀNH

- “Không, chúng tôi không bao giờ xua đuổi cha đó như thế và dù chúng tôi có muốn làm như vậy thì cũng không được”.

- “Tại sao?”

- “Thí dụ, có một quan lớn vẫn ngồi chung một chiếu với quan, nhưng thỉnh linh làm mất lòng vua vì bị tố cáo là phản nghịch. Tức thì vua cất chức tước và giáng xuống làm lính quèn. Nhưng ngay khi ông quan ấy hối lỗi và cố gắng lập công để được tha thứ. Sau nhiều việc tốt lành của ông, vua gia ân và phục chức cũ cho ông ta, ông trở lại ngồi cùng một chỗ với quan. Vậy trong trường hợp đó quan có còn giận ghét ông ta nữa không? Quan có dám xua đuổi ông ta trong khi hoàng đế đã tha thứ vì những việc lành ông ta đã làm? Cũng vậy chúng tôi không có thể xua đuổi Cha Duyệt khỏi thiên đường nếu cha đó đã thống hối và được Chúa Trời đất tha thứ”.

- “Đủ rồi! Ông đã thắng tôi, ông không phải là một người tâm thường”.

Các quan thấy không còn cách nào chinh phục được nữa thì làm án cho người phải xử tử. Lần này vua Minh Mệnh châu phê ngay. Nhưng đầu năm 1840 quan tuần vũ bị gọi về kinh đô nên việc thi hành án lại phải trì hoãn đợi quan mới về nhậm chức. Khi quan mới về cũng cho đòi Cha Khoan và hai thầy ra công đường, dụ dỗ ép buộc bỏ đạo. Ông nói với các đấng: “Nếu các ông theo lời khuyên của tôi, các ông được sống, nếu không chẳng còn hy vọng cứu chữa, chắc chắn phải chết. Hãy nghĩ lại đi”.

Cha Khoan đáp: “Chúng tôi đã suy nghĩ nhiều rồi, quyết tâm của người Kitô không có thay đổi, và lại bản án của chúng tôi đã có sẵn, chúng tôi được thỏa nguyện khi vua châu phê. Còn đạp ảnh thì không bao giờ, bởi vì đó là Chúa chúng tôi thờ. Nếu chỉ vì muốn sống mà phạm một tội ác khác, chúng tôi đã không chờ lâu tới lúc này”.

Nghe vậy quan tuần vũ mới ấn định ngày 28-4- 1840 sẽ đem ra hành quyết.

Các anh hùng xứng đạo chuẩn bị cuộc chiến cuối cùng bằng lời cầu nguyện và bác ái. Cha Khoan còn năm lạng bạc đem phân phát cho các người tù và binh lính canh, chào từ giã họ. Tới ngày xử, khi sĩ quan đến ngục để điệu đi thì mọi người trong tù khóc lóc. Cha Khoan ban phép lành cho mọi người rồi cất lên bài ca chúc tụng Chúa. Ra

DÒNG MÁU ANH HÙNG

tới thành phố gặp đám đông, Cha Khoan dừng lại nói với đám đông: *“Anh chị em đừng thương tiếc cho số phận của chúng tôi, chúng tôi vô tội, chúng tôi không làm gì chống lại vua hay luật lệ quốc gia. Lỗi duy nhất mà họ trách là chúng tôi là người Kitô. Chúng tôi chết vì không chịu từ bỏ đạo Chúa Giêsu là đạo chân thật. Với quý ông quý bà theo chúng tôi và nhìn máu chúng tôi tuôn đổ hãy suy nghĩ đến sự cứu rỗi, hãy trở về nhà bằng an”*.

Hai quan lớn cỡi hai con voi, hai quan nhỏ cỡi ngựa và đông binh sĩ làm thành vòng tròn để ba vị tử đạo ở giữa rồi tiến về nơi xử là Lò Gạch tại Ninh Bình. Tới nơi, Cha Khoan lại lên tiếng nói: *“Chúng ta hãy thờ lạy tôn kính yêu mến Thiên Chúa, Chủ Tể trời đất, vì yêu Người mà chúng tôi phải chết. Chúng tôi cầu chúc đức vua được giàu sang phú quý cai trị muôn năm và chớ gì người ngưng cuộc bách hại đạo trời là đạo duy nhất mang lại hạnh phúc”*.

Sau đó các lý hình sửa soạn, Cha Khoan bắt hát lên ca khúc vui mừng *“Alleluia! Alleluia!”*. Phần quan giám sát, ông nói với ba vị tử đạo: *“Máu các ông xin đừng đổ trên đầu chúng tôi, chúng tôi không phải là người giết các ông”*.

Giáo dân trải chiếu cho ba vị ngồi lên trên. Lính đến tháo gông xiềng, trói hai tay đằng sau nhưng không buộc vào cọc. Cai đội hình, theo đạo Phật, lấy nước đổ xuống đất và niệm: *“Nam mô a di đà Phật”*. Rồi nghiêng về phía các đấng nói: *“Tội phạm đến các đấng không phải là tại tôi, xin đừng thù oán”*.

Tiếng trống thứ ba vừa dứt, các lý hình vung đao chém. Họ chém Cha Khoan ba phát mới dứt đầu. Người lý hình cầm lấy đầu dưới đất giơ cao lên rồi lại bỏ xuống. Thầy Huân nhắc lên đặt vào trong vạt áo và lấy xác đem về an táng tại Phúc Nhạ.

Lòng tôn kính vị anh hùng tử đạo đã thúc đẩy giáo dân cầu xin nhờ các đấng bầu cử. Nhà Dòng Mến Thánh Giá và y sĩ tại đây đã quả quyết rằng chị Mến được khỏi mụn độc cách lạ.

LM. VŨ THÀNH

**Cuộc Xung Đao & Tử Đao của
THẦY GIOAN BAOTIXITA ĐÌNH VĂN THÀNH**

(bị bắt 24-8-1837, xử tử 28-4-1840)

Jhánh Gioan Baotixita Đình Văn Thành trẻ hơn Thánh Hiếu 10 tuổi nhưng lại được nhiều người tại Phúc Nhạc biết đến và được Cha Khoan tin tưởng giao cho làm thầy coi nhà Đức Chúa Trời ở Đông Biên, nơi cả ba vị bị bắt ngày 24-8-1837.

Thánh Thành sinh năm 1796 tại Nộn Khê thuộc làng An No huyện Kim Sơn, Ninh Bình. Cha mẹ không có đạo và thuộc giới bình dân. Năm 18 tuổi cậu Thành mới xin vào nhà Đức Chúa Trời học đạo và được rửa tội ở Phúc Nhạc. Ban đầu cậu giúp Cha Jean Bellamy, sau mới giúp Cha Khoan. Người cũng có người anh tên là Thiện giúp việc nhà xứ tại Phúc Nhạc cho Cha Khoan. Thấy Thành có tài quản lý nên chỉ một năm sau Cha Khoan chỉ Thấy Thành làm thầy cai coi nhà Đức Chúa Trời ở Đông Biên. Thấy Thành rất siêng năng giữ luật nhà, khuyên bảo và dạy dỗ người khác. Tính thầy hiền lành, không có ai kêu trách người điều gì. Thấy hay làm việc, trong vụ mùa dù sức khoẻ yếu thầy cũng ra sân làm việc với người làm, ca hát và đọc kinh to tiếng cho họ theo. Mỗi khi nghe xảy ra có cuộc bắt đạo ở xứ nào thì người lại tỏ ra tiếc không được dịp xưng đạo Chúa.

Sau khi bị bắt và giải về Ninh Bình, Thấy Thành luôn tỏ ra khiêm nhường, quan có hỏi điều gì thì người mạnh bạo thưa lại: *“Tôi là người giúp việc cho đạo trưởng đây, người định làm sao tôi cũng theo như vậy. Bầm quan lớn, quan lớn thương thì tôi được sống, còn nếu quan lớn bắt tôi bỏ đạo thì tôi xin chịu chết, chứ không bỏ đạo”*.

Người bị đánh đòn và đeo gông tù sau buổi tra vấn thứ nhất. Quan tuần vũ muốn lung lạc tinh thần hai thầy giảng nên giam riêng Cha Khoan ra để dễ dàng dụ dỗ họ. Quan đòi riêng Thấy Thành lên ép chối đạo, dọa rằng sẽ mổ bụng, sẽ đánh đập. Có lần quan bảo tên nọ tên kia cũng đã bỏ đạo, vậy hãy theo gương mà bỏ. Dầu vậy Thấy Thành vẫn một mực cương quyết không bỏ đạo. Lính đánh đập rồi lòi qua thánh giá nhưng người vùng vẫy co chân lên cho khỏi chạm đến. Quan lại cho Cự Duyệt, đã chối đạo, đến thúc giục Thấy Thành chối đạo. Cự đạo bắt trung này dụ dỗ: *“Hãy bắt chước Thánh Phêrô đi, chối đại rồi ăn năn trở lại”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Nghe lời góm ghiếc ấy, Thầy Thành ôm mặt không nói gì. Quan lại cho đánh. Cứ mỗi lần như vậy 20 roi hay 30 roi. Thầy im lặng chịu đau đớn không la hét khiến các lý hình nói với nhau: “*Tên Thành này xác nó như hòn đá, đánh nó thì cũng như đánh gỗ, nó chẳng coi ra gì*”.

Sau 11 ngày tra khảo dụ dỗ riêng không được, quan chịu thua, đem thầy về giam chung với Cha Khoan như trước. Các đảng gặp lại nhau vui vẻ, cùng đọc kinh chung và thỉnh thoảng được rước lễ. Bản án đầu tiên quan xử tử Cha Khoan, nhưng hai thầy giảng thì phải giam hậu. Thầy Thành phàn nàn không được chết tử đạo. Phải giam trong tù hơn một năm mới có chiếu chỉ của vua để ngày 22-11-1838 truyền lệnh cho quan tuần vũ Ninh Bình phải tra xét dụ dỗ lại ba tù nhân Công Giáo trước khi làm bản án mới. Cả ba vị vẫn một lòng trước sau như một nên quan khếp cho cả ba phải xử trảm. Án được vua Minh Mệnh châu phê ngay nhưng gặp dịp đầu năm phải hoãn lại, rồi quan tuần vũ phải đổi nên bản án mãi đến khi quan tuần vũ mới đến xem xét lại rồi ấn định ngày 28-4-1840 hành quyết các đảng.

Suốt đêm trước ngày bị đem đi chém Thầy Thành cầu nguyện và đọc kinh, tỏ ra rất hân hoan. Khi lý hình chém, chỉ một nhát là đầu thầy đã rơi xuống đất. Đầu và thân thể được đặt lại với nhau và an táng ở Yên Mối, sau lại rước về Phúc Nhạc.

Cả ba vị đã được Đức Thánh Cha Gregorio tôn dương lên bậc Đáng Kính năm 1843 và Chân Phúc năm 1900.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của THẦY PHÊRÔ NGUYỄN VĂN HIẾU

(bị bắt 24-8-1837, xử trảm 28-4-1840)

Thầy giảng Phêrô Nguyễn Văn Hiếu, 50 tuổi, bị bắt đang khi giúp Cha Khoan ở Phúc Nhạc được khoảng ba bốn năm.

Chúng ta không biết gì nhiều về tuổi thiếu thời của người, chỉ được biết là người sinh tại Đồng Chuối huyện Bình Lục năm 1784 và vào nhà Đức Chúa Trời từ nhỏ. Người hay vâng lời và hằng vui lòng làm việc thờ phượng Đức Chúa Trời. Khi làm kẻ giảng thầy đã giúp nhiều cố thừa sai và sau cùng đến giúp Cha Khoan ở

LM. VŨ THÀNH

Phúc Nhạc. Giáo dân thường gọi là thầy già, vì thầy có học sơ qua về lý đoán. Thầy rất nghiêm nhặt nhưng cũng rất hiền lành dễ mến, không phí phạm thời giờ truyện trò vô ích. Thầy rất siêng năng theo Cha Khoan đi làm việc tông đồ không sợ bị bắt. Những lúc ở trong nhà thầy cũng giữ luật rất cẩn thận, sốt sắng đọc kinh lần hạt.

Trong thời gian bị giam tù thầy bị tra tấn nhiều lần nhưng vẫn một mực không chịu quá khóa, bằng lòng chịu mọi khổ cực trong nhà tù một cách vui tươi. Để lung lạc người, quan cho giam riêng hai thầy và đánh đòn ép buộc hai thầy chối đạo. Hai thầy không còn được sự giúp đỡ thiêng liêng của Cha Khoan nhưng được gần nhau để khuyến khích nâng đỡ nhau chịu đòn cho đến chết. Một lần lính lôi người qua ảnh, người co chân lên và phân phò to tiếng là lính lôi tôi đi chứ tôi không chịu. Trong thời gian này người ăn chay các ngày thứ Sáu. Ban đầu quan xử cho người bị giáo giam hậu. Người vừa buồn vừa vui, buồn vì không được đổ máu mình ra, còn vui vì được chịu khổ thêm vì Chúa Giêsu.

Đến mùa thu năm 1939 quan lại cho đòi thầy ra thúc ép quá khóa lần nữa, thầy mạnh mẽ thưa: *“Nếu chúng tôi muốn phạm tội này để được sống thì chúng tôi chẳng phải chờ đợi đến ngày hôm nay”*.

Các quan đành phải khép án trầm quyết cho người. Án được vua châu phê và ngày xử được ấn định vào 28-4-1840 cùng với Cha Khoan và Thầy Thành.

Khi lính canh đến ngục dẫn đi, Thầy Hiếu lộ vẻ hơi buồn. Thấy vậy Cha Khoan phải khích lệ thầy. Nhưng khi đến gần pháp trường thầy lại vui tươi hẳn lên. Trên đường đi thầy cùng hát kinh với Cha Khoan. Tới nơi, lính tháo gông xiềng và trói hai tay lại đằng sau. Khi quan giám sát ra hiệu lệnh, lý hình chém hai nhát vụng về chỉ vào vai người, khiến người đau đớn hét lên: *“Tôi đau quá xin chém ngay đầu tôi”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cuộc Xung Đao & Tử Đạo của LINH MỤC GIUSE ĐỖ QUANG HIỂN, O.P.

(bị bắt 20-12-1839, xử tử 9-5-1840)

Jhánh Hiến sinh vào khoảng năm 1775 tại làng Quần Anh, tỉnh Nam Định. Ngay từ hồi còn bé người đã dâng mình cho Chúa, sau theo giúp Đức Giám Mục Y. Sau khi chịu chức linh mục, người được khấn Dòng Đa Minh ngày 13-10-1812. Người đã coi giúp rất nhiều xứ đạo, về sau người về coi giúp xứ Cao Mộc. Ở đâu người cũng làm hài lòng các Bề Trên và làm gương sáng cho giáo dân. Giáo dân ai cũng làm chứng là cha rất trung thành với kinh nguyện, dâng lễ sốt sắng, và hằng say rao giảng Lời Chúa cho giáo hữu cũng như cho những người ngoại đạo.

Khi vua Minh Mệnh bắt đầu cấm đạo, người đã phải ẩn trốn nhiều nơi để có thể tiếp tục coi sóc bốn đạo. Người bị lùng bắt như một tên trộm cướp hay như một thú dữ. Người ẩn trốn không phải vì hèn nhát không dám chết cho Chúa Kitô, nhưng vì phần rỗi các bốn đạo nên người không xuất đầu lộ diện khi không cần thiết. Người còn coi đó như một nhiệm vụ. Có lần cha nói: *“Tôi phải chạy và ẩn trốn, nhưng nếu Thiên Chúa lại định cho tôi bị bắt và chết vì đạo thì lại càng hay hơn”*.

Đến khi cấm đạo gắt gao quá người về giúp Đức Cha Minh (Đức Cha Henares) cho tới lúc đức cha rời ra Xương Điền thì người về họ Đất Vượt, làng Quần Anh, ẩn trốn tại nhà bà Thìn, em ruột người, khoảng một tháng. Sau đó người sang họ Hưng Nghĩa ẩn trốn tại nhà ông Trùm Hào một tháng nữa. Và sau cùng, người về làm hang kín đáo ở bếp nhà ông Mai Văn Mới tại làng Trung Thành, xã Kiên Trung, để ẩn trốn một thời gian lâu dài.

Người ở đó được khoảng chín tháng thì một hôm có một người ở kẻ cận làng Trung Thành tên là ông Đội Nhật bị bệnh nặng gần chết. Ông ta bỏ xưng tội đã lâu nên ước ao được gặp linh mục để xưng tội và chịu các phép bí tích. Đêm ngày mùng 7-11-1839, người sang giải tội và xúc dầu cho ông. Không ngờ có một tên ăn trộm ngó thấy người đi kẻ liệt thì theo dõi xem người ẩn chỗ nào rồi tức tốc đi báo cho quan Trịnh Quang Khanh, tổng đốc tỉnh Nam Định lúc bấy giờ. Trịnh Quang Khanh liền sai quân đi vây làng Trung Thành.

LM. VŨ THÀNH

Có người báo cho cha biết nhưng cha cứ sửa soạn dâng Thánh Lễ và chịu Minh Máu Thánh Chúa rồi cất Minh Thánh và đi nghỉ như thường lệ. Nhưng chỉ một lát sau, tiếng chân chạy, tiếng loa kêu gọi vang lên giữa đêm tối: *“Quan ra lệnh tất cả các đàn ông mười tám tuổi trở lên phải đến tụ họp tại đình làng, nếu không tuân lệnh thì phải chết”*.

Tầng sáng chúng bắt đầu lục soát tất cả mọi nhà và như mọi lần chúng còn cướp bóc của cải của dân chúng nữa. Chỗ người trú ẩn rất kín đáo và khéo léo khó có ai biết được nên người và chủ nhà tin chắc rằng chúng sẽ không khám phá ra được. Nhưng quân lính tìm ra chỗ trú ẩn của người thật dễ dàng, vì tên trộm đã theo dõi và biết chỗ người trú ẩn. Quân lính liền bắt người, tịch thu đồ lễ, và bắt luôn cả chủ nhà ngày 20-12-1839.

Giữa tiếng reo hò vui mừng của quân lính, người bị điệu đến trước mặt quan Trịnh Quang Khanh. Quan hỏi người chỗ ở của Trùm Vọng, tức là Đức Cha Liêm và cũng là Đức Cha Hermosilla, nhưng người thưa không biết. Quan liền bắt người bước qua cây Thánh Giá, nhưng người chỉ trả lời: *“Thưa quan lớn, tôi chỉ thờ lạy một Đấng Thiên Chúa, chẳng lẽ nào tôi lại dám bước qua Người!”*

Quan giận dữ thể nguyên, quyết làm cho người phải đổi ý cho bằng được mới thôi, nên ra lệnh nọc người xuống sân, trói người vào ba cây cọc sắt rồi đánh người 40 roi dữ tợn đến nổi da thịt cùng máu me bắn ra tung tóe. Nhưng người chịu đựng không kêu la một tiếng nào mà chỉ thầm thì kêu tên cực trọng Chúa Giêsu. Càng giận dữ hơn, quan ra lệnh đóng gông nặng vào cổ người rồi giam trong đình, hai ngày sau điệu về tỉnh Nam Định giam chung với những tội nhân.

Dù ở nhà giam phải đeo gông cùm nặng nề và phải khổ cực thể nào nữa người cũng vẫn luôn luôn lo lắng giúp đỡ những người tù với người. Cha giúp những người đã chối Chúa ăn năn hối lỗi, dạy dỗ những người ngoại giáo trở lại và rửa tội cho họ. Cha còn vẽ các ảnh Thánh Giá để phân phát cho các bốn đạo đến thăm người, và khuyên nhủ họ luôn luôn tôn kính hình ảnh Đấng Cứu Chuộc nhân loại. Nhờ ảnh Thánh Giá của cha mà có nhiều người đã được ơn ăn năn trở lại, và cũng có nhiều người sinh thì được chịu các phép bí tích. Các bốn đạo lại càng đến đông hơn để xin cha ảnh Thánh Giá. Cũng may có người bốn đạo bị tù với người có khiếm tật gỗ đã tạc

DÒNG MÁU ANH HÙNG

ảnh Thánh Giá vào khuôn gỗ như người đã vẽ để in ra nhiều ảnh vào giấy, vải, khăn tay hoặc bất cứ cái gì có thể in được do các bốn đạo mang tới. Theo lời Cha Recoder thì mấy ảnh này hiện nay vẫn còn được lưu giữ tại nhà dòng ở Manila. Đức Giám Mục Marti cũng nói rằng: *“Giáo dân dùng ảnh của người để khuyên nhủ bệnh nhân biết trông cậy vững vàng vào ơn Chúa thì sẽ được gặp linh mục để xưng tội và chịu các phép bí tích. Có hai trường hợp đã được ghi lại là nhờ ảnh Thánh Giá của người mà hai người bệnh nặng đã được ơn gặp linh mục và chịu các phép bí tích”*.

Sau nhiều ngày bị giam, người bị điệu ra trước mặt quan tổng đốc. Ông tìm đủ mọi cách bắt người khai chỗ ở của Đức Cha Hermosilla và dẫm bước lên cây Thánh Giá. Nhưng vị anh hùng tử đạo đã thẳng thắn trả lời: *“Tôi không biết Đức Thầy ở đâu, còn việc quá khóá thì tôi là một vị linh mục, luôn luôn khuyên bảo giáo dân đừng bao giờ quá khóá vì tội này rất nặng phạm đến Thiên Chúa, lẽ nào tôi lại làm chuyện đó được. Tôi sẵn sàng chịu chết để đền đáp ơn Chúa đã chịu chết vì tôi”*.

Những ngọn roi dữ tợn lại quất như mưa bão trên mình người không chừa một chỗ nào cho tới lúc toàn thân người bị thương, quan mới cho ngừng lại và hỏi người một lần nữa xem người có chịu bỏ đạo không. Nhưng người vẫn tắt trả lời: *“Tôi thà chết chứ chẳng thà làm chuyện ấy”*.

Thế rồi quan lại bắt giam người như trước. Hai ba lần khác người cũng bị điệu ra trước mặt quan tổng đốc. Quan vừa lấy lời ngon ngọt, hứa hẹn, vừa lấy lời đe dọa, lừa lọc, cùng đánh đòn tra tấn những cực hình hung ác nhất để bắt người bỏ đạo, nhưng đều vô ích, vị anh hùng tử đạo chiến thắng oai hùng. Quan lại càng giận dữ truyền lệnh đánh đập người hung dữ hơn, nhưng người trả lời: *“Tôi đã già rồi nên chẳng sợ chết. Tôi còn ước ao được chết vì Thiên Chúa đã chịu chết cho tôi. Tôi nhất định không bỏ đạo”*.

Quan liền thử cách tra tấn khác. Lúc bấy giờ đang mùa Đông lạnh lẽo nhất trong năm. Ở Nam Định nhiệt độ có lúc xuống tới gần 0 độ. Quan truyền lấy nước lạnh đổ từ từ vào mình trần đầy máu của người, người vui lòng chịu đựng một thời gian khá lâu cho tới lúc người biết mình sắp sửa chết thì mong muốn được chết vì đạo nơi công chúng để tăng thêm đức tin cho giáo dân nên người nói với

LM. VŨ THÀNH

quân lính: “*Đây là dịp cho các anh lãnh thưởng. Các anh hãy mau đem tôi về nhà giam, nếu không tôi sẽ chết*”.

Người lại bị giam vào tù bốn tháng nữa. Lúc đó, các quan biết là không thể nào lay chuyển đức tin mãnh liệt của người được nên bắt đầu viết tờ án tâu trình lên vua xét xử: “*Dù biết rằng vua đã cấm đạo Gia Tô, tên Hiến không những đã theo đạo mà còn khuyến dụ người khác theo đạo nữa. Vì vậy tên này là một tội nhân đã phạm trọng tội nhất định không chịu quá khóa, và tên này phải chết*”.

Vua đã phê chuẩn án tử ngày 29-4-1840. Chiếu chỉ của vua truyền xử tử người tới Nam Định ngày 9-5.

Đức Cha Hermosilla Liêm có kể lại là ba ngày trước khi chết vì đạo, vị anh hùng của chúng ta đã bị điệu ra trước quan tòa và chúng cho người chọn lựa quá khóa hay là bị chém đầu, người đã anh dũng trả lời: “*Tôi nhất quyết không quá khóa. Tôi vui lòng chịu chết, và tôi muốn giữ đạo Gia-Tô cho đến chết*”.

Các quan truyền nọc người vào hai cái cọc và truyền đánh người cho đến khi người phải bỏ đạo. Quân lính tuân lệnh đánh người thật dữ tợn đến nỗi da thịt người bắn ra tung toé và máu người chảy ra ròng ròng. Lính thì hăng máu đánh đập người đến 26 roi, còn các quan thì tranh nhau dụ dỗ người bỏ đạo. Nhưng ý định của người không hề lay chuyển. Sau khi chửi rửa và xỉ vả người, chúng lại giam người vào tù. Dù chiếu chỉ của vua đã tới, chúng vẫn cố thuyết phục hòng lay chuyển ý định sắt đá của người. Lần này chúng dùng mưu khác là đem người và cả Thầy già Toán ra trước mặt một lần nữa hứa sẽ tha chết cho cả hai nếu chịu quá khóa. Cả hai đều phẫn nộ từ chối. Chúng liền đặt trước mặt mỗi người một cây Thánh Giá và dẫn hai con voi ra đứng sau lưng mỗi người một con để dọa hai người phải sợ voi dẫm sau lưng mà chạy qua cây Thánh Giá để trốn thoát. Nhưng kế này cũng chẳng ăn thua gì vì cả hai vị anh hùng chẳng hề nhúc nhích một bước dù biết rằng hai con voi khổng lồ đang từ từ tiến tới phía sau. Các quan truyền cản voi lại, người liền quay về phía các quan và nói: “*Thưa các quan, tôi đã từng nói nhiều lần là tôi sẵn lòng chịu chết chứ chẳng bỏ đạo. Đã đến giờ tôi được chết. Thật là đúng với lòng ước của tôi từ lâu. Tôi chỉ muốn chết vì Chúa tôi để tỏ ra lòng kính mến Chúa tội Xin các quan cứ thi hành chiếu chỉ của Vua mà đừng phí thì giờ thuyết phục chúng tôi nữa làm chi thật vô ích*”.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Nghe thấy thế các quan giận điên lên truyền đem người đi xử tử ngay tức khắc, còn Thầy già Toán thì bị đem về ngục và cấm không cho thầy già ăn uống để thầy chết đói.

Dù phần xác của người đã yếu đuối và đau đớn lắm, vị anh hùng vẫn vui tươi bước đến đoạn đầu đài để hoàn tất của lễ hiến dâng của người. Giáo dân chứng kiến thấy người vừa đi vừa chăm chú đọc kinh tạ ơn Thiên Chúa đã ban ơn được chết vì đạo, và cầu xin Thiên Chúa thêm sức mạnh cho được chịu đựng tới giờ phút cuối cùng đã gần kề hầu được lãnh cảnh vạn tuế và triều thiên chiến thắng.

Khi đến chỗ xử tử, người liền quỳ gối xuống cầu nguyện tha thiết hơn. Mặt người tỏa sáng với một nét tươi vui thật siêu thoát. Đám đông ngấm nhìn người đầy cảm phục. Đám cận vệ ngồi cao vót trên lưng voi giữa đám quân lính đã phải thốt lên: *“Thật lạ lùng, với tất cả quyền lực dũng mãnh của chúng ta, cộng thêm kho tàng học thức của Khổng Tử, chúng ta cũng vẫn bị chinh phục bởi vị linh mục của Đức Kitô này. Một tôn giáo có thể tạo nên những vị anh hùng như thế tất sẽ khai hoàn”*.

Cuộc tử đạo vinh hiển của Linh Mục Hiến đã diễn ra ngày mùng 9-5-1840. Lúc đó người khoảng 65 tuổi. Giáo dân lấy khăn thấm máu người, lượm còng và tất cả những đồ vật dụng của người, còn xác người được chôn ngay gần chỗ đó. Tám tháng sau, Phêrô Dãn, một người giáo dân còn trẻ, mang xác người về táng ở trong đất nhà tràng Lục Thủy. Sau này Đức Giáo Hoàng Leo XIII đã phong Á Thánh cho người.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC LUCA VŨ BÁ LOAN

(bị bắt 10-1-1840, xử tử 5-6-1840 tại Hà Nội)

Dức Cha Jeantet (Khiêm) nói về linh mục Loan: *“Sau khi xem xét những việc Cha Loan đã làm từ khi chịu chức linh mục cho đến khi tử đạo, tôi tin chắc rằng không có linh mục Việt Nam nào có thể sánh được với người. Thật vậy, suốt đời tận tụy lo việc thiêng liêng cho giáo dân, lúc 84 tuổi cha còn dâng mạng sống mình làm chứng đạo thánh Chúa”*.

LM. VŨ THÀNH

Cha sinh năm 1756 tại làng Bút Quai (Bút Thượng) thuộc xứ Bái Vàng. Không ai còn nhớ được cha mẹ và tuổi thiếu thời của cha, chỉ biết rằng người học thần học ở Sở Yên Duyên gần Thăng Long. Người được thụ phong linh mục dưới thời Tây Sơn, sau đó làm phó xứ Nam Xang sáu tháng, xứ Song Nương mười năm, và xứ Kẻ Vôi giúp Cha Liêm đến năm Đức Cha Longer chia xứ đặt Cha Loan làm chính xứ Kẻ Sở, cho đến khi bị bắt. Lúc 84 tuổi theo lời khai của Cha Loan thì người học với Đức Cha Longer (Gia) ở Phú Đa và Đông Bao (Kẻ Bèo).

Theo chứng từ của Cha Luca Triệu, ở với Cha Loan từ bé, thì Cha Loan luôn ngược mắt lên trời khi đọc kinh cầu nguyện, không để ý gì đến người hay sự việc chung quanh. Sau thánh lễ người thường cảm ơn lâu giờ, có chú nào đến quạt hay không, người không bao giờ để ý chú đến và đi lúc nào. Áo quần của cha rất đơn sơ, dù cũ kỹ rách nát người cũng không muốn thay cái mới. Người thường nói: *“Bao lâu còn mặc được thì còn dùng được không cần gì mà phải bỏ đi”*.

Người dâng lễ rất khoan thai chậm rãi, các thầy có kêu ca thì người đáp: *“Chúng ta là những tôi tớ của Chúa dưới thế trần này. Có việc nào cấp bách mà các con phải hối thúc cha làm lễ nhanh? Thánh lễ Misa là của lễ cao quý và lớn lao nhất vì thế chúng ta phải dâng với tất cả sự xứng đáng”*.

Mỗi ngày cha có một thứ công việc tay chân để làm. Tính cha rất dụi dàng, không bao giờ la mắng người giúp việc dù bé nhỏ. Cha ăn chay và bắt mọi người trong nhà cũng ăn chay mỗi thứ Sáu quanh năm, sau lễ cha hỏi han các người trong nhà cách thức nguyện ngắm và khuyên nhủ về cách sống, đặc biệt là nhân đức trong sạch.

Vẫn theo chứng từ của Cha Triệu, Cha Loan rất khiêm nhường. Khi được chỉ định làm cha sở người đã lên xin đức cha ba lần để chỉ định cha khác thay, người nói: *“Con chưa biết coi sóc chính con, làm sao con dẫn dắt người khác”*.

Vì thế người giao mọi việc cho thầy cai và chỉ lo lắng đến việc thiêng liêng cho người nhà và giáo dân. Người không biết đồ dùng có những gì, nhưng mỗi ngày thứ Bảy người bắt cả nhà phải lau chùi xếp đặt cho có thứ tự. Khi có cha phó thì người nói với cha: *“Tôi đã già lão, tôi xin nhường lại mọi sự cho cụ coi sóc như cụ chính vậy, mọi người nhà và cả tôi nữa thì cũng thuộc về cụ”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cha Triệu còn làm chứng rằng người dậy dỗ người nhà rất cẩn thận, cấm đàn bà vào trong nhà xứ cũng như cấm người nhà Đức Chúa Trời ăn trầu do các cô mời. Mỗi tháng đọc luật nhà một lần, mỗi năm cấm phòng một lần. Con cái cha có tới mười người làm cụ. Với giáo dân người nhiệt thành lo phần rỗi cho họ, quanh năm đi làm tuần đại phúc, chăm chỉ giảng dậy trong các thánh lễ, hỏi han từng nhà xem họ có đọc các kinh và lần hạt không. Thấy già Micae Lê Văn Toàn, ở với cha mười sáu năm, kể lại là người thường ví mình như con chó của Chúa, phải la lên phải sửa không ngừng hay ví mình như con gà của Chúa cúc rúc gọi đàn con. Người thường nói: *“Các tín hữu là con cái tôi, lại không biết nghe lời tôi bảo ban họ sao?”*

Người đặc biệt chú trọng việc dậy giáo lý cho trẻ em, khuyên bảo người khô khan tội lỗi trở lại.

Về lòng nhiệt thành giúp linh hồn người ta, Cha Gauthier còn kể lại một tích này: *“Một lần người mắc bệnh phải nằm liệt trong giường nhưng khi nghe có một người trong xứ bị bệnh thổ tả, người chỗi dậy đi giúp họ ngay tức thì. Người nhà ngăn cản: - ‘Nhưng mà cha đừng không nổi làm sao đi được?’ - ‘Vậy các con hãy khiêng cha đi.’*

Tới nhà bệnh nhân thì người bất tỉnh khoảng một tiếng. Khi tỉnh lại người hỏi ngay xem người bệnh còn sống không. Biết là còn sống người liền bảo họ đem bệnh nhân đến gần để người ban phép sau cùng cho người sắp chết”.

Ngày 10-1-1840 đang khi Cha Loan ngồi tại nhà ở Kê Chuông để chờ Cha Phái đến giải tội vì người vừa mới cấm phòng năm xong, bá hộ Khang và ký lục Cường vào nhà xứ lấy lý do đến thăm người bạn học cũ. Cha Loan pha trà mời họ uống. Sau đó họ mời cha xuống thuyền để về Kê Bún là làng của Bá Khang. Giáo dân biết là cha bị bắt nhưng không có cách nào đánh tháo được. Giáo dân xin chuộc nhưng Bá Khang đòi hai nghìn quan trong khi đó Ký Cường không muốn tha, vì có ý bắt nộp người để chuộc tội với quan. Cha Loan thấy tốn nhiều tiền mà dân chúng lại nghèo nên nói với họ là không có tiền. Họ bắt Thầy Hạnh đi theo và giữ ở nhà Bá Khang ba ngày, tiếp đãi rất tử tế. Một việc lạ xảy ra là khi Bá Khang thấy có khăn thánh trắng sạch lại có hồ cứng mới bảo đầy tớ đem ra bể giặt để ông dùng làm khăn tay. Khi đầy tớ vừa nhúng xuống nước thì bể xây bằng gạch tự nhiên vỡ ra gây một tiếng nổ lớn.

LM. VŨ THÀNH

Bá Khang giải Cha Loan lên huyện Phú Xuyên nhưng quan huyện không muốn nhận việc, Bá Khang và Ký Cường lại dẫn giải Cha Loan lên phủ ở tỉnh Hà Nội. Sau khi hành quyết Cha Loan, Micae Lê Văn Toàn, là người theo giúp cha, đã bỏ tiền mua nơi Ký Cường bán sao tờ án. Nội dung bản tường trình của quan Phủ và quan án Quang như sau: “*Ký Cường là quan bát phẩm có tội đã xin được tha tạm đi dọa thám và bắt những kẻ bắt lương để chuộc tội. Bá Khang, chủ tiệm Quang Kí ở đường Velieri, đã giết vợ và bị kết án giam hậu cũng đã xin được tự do để đi bắt những người có tội lập công. Ngày mùng 5, Minh Mệnh nguyên niên thứ 20, hai người này đến tổng Thịnh Đức, huyện Phú Xuyên tình cờ bắt gặp một ông lão già ở ngoài đường có mang một gói đồ. Khi hỏi tên tuổi ông lại bỏ chạy nên đã bị bắt giữ. Ông không chịu khai gói đồ bên trong có những gì nên hai người nói trên đã mở gói đồ ra và thấy có nhiều đồ đạo: năm cuốn sách chữ Âu, một lá thơ, một bộ áo và một thánh giá. Lúc đó ông lão già mới khai gói đồ thuộc về mình: ‘Tôi người làng Trại Bụt theo học đạo tại Phú Đa với đạo trưởng Gia, sau đó lại học ở Đông Bao và được đạo trưởng Gia cho làm đạo trưởng. Trước khi bắt đạo, tôi đi đây đó dạy đạo, bây giờ không còn nhớ tên những nơi nào nữa. Từ khi vua cấm ngặt không còn ai tiếp chứa tôi nữa, tôi phải đi trốn ở các chùa, quán. Lân này tôi không may bị các ông bắt, tôi xin nộp mình’.*”

Ngày 11-12, Minh Mệnh nguyên niên thứ 20, ký lục Cường, chủ tiệm Quang Kí và cai tổng Thịnh Đức tên là Phạm Bá Chấn đã giao nộp đạo trưởng Vũ Bá Loan ra công đường nhưng tên này vẫn một mực không chịu đạp ảnh, lại còn xin được chém đầu ngay. Chúng tôi xét là luật quốc gia nghiêm ngặt và người này không hề muốn đạp ảnh thì phải khép án chém đầu tức khắc. Mặc dù tên này đã ngoài 70 nhưng chính hắn đã xin như vậy, nên chúng tôi thuận theo. Chúng tôi xin thỉnh ý đại quan Bộ Hình cho ý kiến để chúng tôi thi hành”.

Bản tường trình của quan dĩ nhiên có nhiều chi tiết không hoàn toàn đúng với sự thật. Cha Loan bị tra vấn cả thầy hai lần: Lần đầu vào ngày 11-12 âm lịch, và lần thứ hai một tuần lễ sau. Theo chính lời Cha Loan kể lại với Thầy Toán khi họ hỏi về quê quán của cha thì cha đã trả lời giống như bản tường trình. Trong cả hai lần quan tuần và quan án đều ép buộc cha đạp ảnh. Quan nói: “Ông đã già lão, nếu muốn sống thì hãy mau đạp ảnh, bằng không thì sẽ phải giam tù và chịu hành quyết nữa”.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cha Loan đáp: “Vâng tôi đã già, nhưng đó không phải là lý do để muốn sống thêm, tôi cũng không muốn đạp ảnh Chúa tôi dưới chân. Nếu các quan thương, tôi rất biết ơn, trái lại nếu các quan muốn lên án tử, tôi sẵn sàng và còn vui lòng nữa”.

Trong lần thứ hai, quan còn hỏi đến các lễ đạo. Cha Loan đã cắt nghĩa cho quan là con người phải thờ lạy và yêu mến Thiên Chúa, trọng kính vua, quan, và thảo kính cha mẹ. Có lần quan hỏi: “Ông là người sinh ra ở nước này và có lệnh vua cấm đạo Kitô, sao ông lại không vâng lời còn đi truyền đạo ngoại lai để rồi vua sẽ trừng phạt với án xử tử?”

Cha Loan đáp: “Tôi là một người Kitô. Trong bất cứ thời buổi nào tôi cũng thờ kính Chúa tôi mà cả trời và đất này phải tùng phục. Đó là đức tin ghi sâu trong tâm khảm. Nếu vua quan truyền lệnh gì hợp với lẽ phải, tôi sẽ vâng lời ngay, còn những điều gì nghịch lại với Chúa tôi, tôi thà chịu chém đầu còn hơn là nói một lời chống lại Người”.

Trước khi mang ra pháp trường hành quyết, quan còn dụ dỗ cha bước qua ảnh thánh giá nhưng người đáp: “Tôi vui mừng vì tôi mong mỗi ngày giờ này đã từ lâu. Không những tôi vui mừng giờ đã đến mà suốt đêm vừa qua tôi đã cảm thấy sự sung sướng và tràn đầy nghị lực”.

Đời sống trong tù ở Hà Nội tương đối dễ thở hơn những nhà tù ở Ninh Bình và Nam Định. Hơn nữa Cha Loan được mọi người thương nên không hề bị đánh đập lần nào. Ban đầu cha phải đeo gông bằng gỗ xoan hơi nặng, nhưng nhờ các thầy đút tiền, về sau cha không phải đeo gông nữa, chỉ có ba đêm cha bị cùm chân. Chính quan án xuống nhà giam gặp cha và khi thấy người đứng lên lạy chào, quan án phải vội xin người đứng có lạy chào ông, và truyền cho quân lính phải lễ độ với người. Cha cũng xin quan án trả lại cuốn sách lễ để đọc các bài đọc hàng ngày.

Ở trong tù người rất siêng năng đọc kinh. Ai đến thăm lúc người đang đọc kinh cũng phải chờ, có khi nửa giờ. Sau khi hỏi han những việc ở ngoài, Cha Loan thường khuyên họ chịu khó đọc kinh sáng tối. Người nói với Thầy giảng Toán: “Thiên Chúa nhân lành đã ban cho cha niềm vui vô cùng lớn lao, đã cho cha được ơn chết lành. Phần con, hãy ráng sức mà trung thành với đạo thánh, để cũng được chết tốt lành”.

LM. VŨ THÀNH

Giáo dân có mang cơm nước hay bánh trái cho người, người đều chia cho các bạn tù và lính canh. Giáo dân mướn người, muốn có kỉ vật của người để lưu giữ sau này, đã may quần áo cho người mặc, rồi khi người tử đạo họ giữ lại làm của gia bảo trong nhà. Có nhiều họ đạo cử người đến xin cha cho phép họ đạo của mình được lĩnh xác về chôn cất trong họ đạo nếu sau này cha chết, nhưng người thường bảo họ: *“Xác cụ là đất, là vật hèn, lúc chết rồi thì tanh hôi chỉ làm môi cho ruồi bọ còn xin làm gì?”*

Dân làng Chuông Trung cũng đến xin cha: *“Các bậc huynh thử trong làng cây con xin với cụ: Dù hôi hám mặc lòng làng cũng xin rước về”*.

Họ may mắn được Cha Loan đồng ý và ký vào giấy khiến các họ khác phải ghen tuông. Hối cuối tháng Hai, Cha Loan bị ốm và chân xưng lên, quan coi ngục đã trình với quan án cho phép một người thuộc họ Chuông Trung được thường xuyên ở trong tù săn sóc cho cha.

Cha Loan ở trong tù được 5 tháng thì án của người được bộ và vua châu phê. Đêm thứ Năm rạng ngày thứ Sáu, Cha Loan không ngủ, mắt ngược lên trời cầu nguyện. Lúc gà gáy, một tên lính đến báo cho người biết án tử của người đã về tới tỉnh. Cha nói với người săn sóc: *“Hôm nay cha sẽ không ăn gì hết, thức ăn không còn giúp gì cho thân xác sắp sửa làm môi cho sâu bọ nữa. Cha ăn chay để lấy sức thiêng liêng chuẩn bị đón nhận niềm hạnh phúc cha mong chờ đã từ lâu”*.

Thầy Huệ kể lại chiều hôm sau Cha Loan bảo làm một hộp trầu mời các lính canh để cảm ơn họ. Tối lúc ra pháp trường ông cai đội xin cặp kính cha đang đeo, người lấy ra trao cho ông ngay. Để tỏ lòng kính trọng Cha Loan, quan có nhiệm vụ giám sát không dám cỡi ngựa mà chỉ bắt lính dắt theo sau. Ông còn truyền quân lính khiêng cha trên võng, hai bên có lính cầm quạt che. Tối nơi xử là Ô Cầu Giấy, quan bảo lựa một chỗ sạch sẽ rồi cho giáo dân trải chiếu mới trên một mô đất. Có rất đông giáo dân và lương dân đến chứng kiến. Quan giám sát để cha tự do chuẩn bị. Cha quì gối cầu nguyện nửa giờ. Lý hình trói tay cha và buộc vào cọc đằng sau. Mười tên lý hình được lệnh thi hành đã trốn đi mất, quan phải bắt một người miền Nam tên là Minh làm nhiệm vụ. Tên này cúi đầu thưa Cha Loan: *“Thưa cha, con bị cưỡng ép làm theo lệnh vua, con sẽ ráng hết sức chém cho ngon ngọt, và khi cha về trời xin cha cầu nguyện cho con”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Sau một lát gương, đầu cha rơi xuống, giáo dân chạy vội vào lấy khăn vải hứng máu để máu khỏi rơi xuống đất. Họ còn lấy mọi sợi cỏ đem về. Hôm ấy là ngày 5-6-1840.

Giáo dân Chuông Trung đã chuẩn bị sẵn sàng đưa xác cha về an táng. Trước hết giáo dân ở tỉnh đem về Kê Sét để khâu đầu người lại và tắm liệm, rồi có phường nhạc bát âm đưa xác người đến đầu làng Chuông Trung. Họ Chuông Thượng định cướp xác nhưng không được. Xác của cha được chôn trong nhà thờ Chuông Trung, gian thứ nhất.

Sau này có một người mù tên là Tôma Nguyễn Văn Hà đã quả quyết là mình được khỏi mù do sự bầu cử của Cha Loan. Khi Đức Cha Retord đi kinh lý đến làng Kê Lương, bạn bè đến khuyên bảo người mù: *“Từ lâu ông không có giữ đạo, nhưng nhân dịp có đức cha về Kê Lương ông đi với chúng tôi đến gặp người để xin phép lành và may ra trừ khỏi được bệnh này”*.

Khi gặp đức cha, người cũng nói với ông là chỉ có thuốc thiêng liêng mới chữa lành được. Ông nghe lời xin xưng tội rồi dụi mắt và rước lễ. Sau đó đức cha còn dặn ông về nhà làm việc lành kính Cha Loan, đọc kinh Lạy Nữ Vương, kinh Thiên Thần Bản Mệnh, kinh Lạy Cha và 5 kinh Kính Mừng. Về nhà ông đọc kinh như đức cha đã chỉ, lúc thì tại mộ của Cha Loan, lúc thì ở trong nhà. Năm ngày sau đức cha khởi công xây nhà thờ, người ta bảo ông ra trông coi việc xây cất. Ông nói các chỉ thị. Ngày hôm sau khi thợ vừa lấy mực xong đưa cho ông coi, tức thì ông thấy rõ tất cả, không còn bị mù lòa như trước.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của THẦY TÔMA TOÁN, DÒNG BA ĐA MINH

(bị bắt 16-12-1839, chết đói khát 27-6-1840)

Thầy Toán quê quán làng Cần Phán, tỉnh Thái Bình, sinh năm 1767. Người đã dâng mình cho Chúa ngay từ hồi còn bé. Vì người rất hăng say nhiệt thành làm việc tông đồ nên người được bề trên tin tưởng cho khẩn Dòng Ba Đa Minh, và chọn người về coi sóc việc dòng tại nhà chung Trung Linh. Người đã làm việc ở đây rất lâu năm, cho đến khi cấm đạo gắt gao quá người đã ẩn trong

LM. VŨ THÀNH

làng với Cha Cố Tuyên. Lúc bấy giờ có một người trong làng tên là Lang Tú đi tố cáo với quan phủ Xuân Tràng là có hai cụ ẩn trong làng. Ngày 16-12-1839, quan phủ dẫn lính đến vây làng Trung Linh. Quan bắt tất cả các thanh niên cho đến ông lão đến điểm mặt tại đình làng rồi đi lục soát tất cả mọi nhà. Cha Cố Tuyên rủ thầy già Toán đi ẩn trốn với người. Nhưng thầy già thưa với người: *“Cha là linh mục nên cần phải đi ẩn trốn để giữ sinh mạng mà ban các bí tích cho giáo dân, những việc này con đâu có làm được”*.

Thầy già nghĩ chắc chẳng có ai tố cáo mình nên nhập bọn với những người trong làng và lấy tên là Thi để ra đình điểm mục. Nhưng ác thay, tên chỉ điểm đã tả rõ hình dáng người với quan là có một cụ sói đầu nên thoát thấy người, quan bắt tháo chiếc khăn quấn đầu ra để kiểm chứng. Người thưa với quan rằng người không phải là đạo trưởng, nhưng quan không nghe, truyền đóng gông và giải người về phủ với hai vị quan viên của làng Trung Linh.

Về đến phủ, quan liền dụ dỗ hứa tha người về nếu người chịu quá khóa, nhưng người thưa: *“Bẩm quan lớn, dù quan lớn có đánh đòn và giết tôi, tôi cũng chẳng dám làm chuyện đòu”*.

Quan lớn hết dùng những lời ngon ngọt dụ dỗ đến những lời đe dọa, xỉ vả và đánh đập, người cũng nhất quyết không bỏ đạo. Quan giận dữ bắt người giam vào nhà tù. Ngày hôm sau quan phủ điệu người về tỉnh Nam Định giao cho quan tổng đốc Trịnh Quang Khanh. Ở đây người cũng bị quan tổng đốc hành hạ đánh đập đủ mọi cách nhưng người vẫn không chịu bỏ đạo. Quan liền bắt người hết ngày này sang ngày khác, lúc thì phải đứng chết lạnh ngoài trời, lúc thì đứng trần truồng giữa sân để người ta qua lại chê cười và xỉ vả người. Dù hành hạ cách nào đi nữa người cũng cứ cương quyết không chịu bỏ đạo.

Nhưng hỡi ôi! Chẳng được bao lâu, người đã phải ngã gục hai lần trước sức mạnh tàn ác của kẻ thù, và cũng hai lần người đã trỗi dậy, ăn năn và than khóc cho sự yếu đuối của mình.

Lần thứ nhất, chúng dùng một vị quan viên làng Trung Linh, cũng bị bắt với Thầy Toán nhưng đã bỏ đạo, để dụ dỗ người. Quan truyền cho ông phải dụ dỗ thầy bỏ đạo cho bằng được, nếu không ông cũng sẽ bị chung số phận với người. Vị quan viên này cùng với ba người khác thuê thêm lính đến than khóc, năn nỉ, van nài người bỏ đạo để họ khỏi bị chết. Những tiếng khóc kêu van thảm thiết của họ đã dần

DÒNG MÁU ANH HÙNG

vật tâm trí người quá đến nỗi người chịu đựng không nổi, thêm chút nữa thì người đã đầu hàng chịu thua rồi. Cách mấy ngày sau, 19-01-1840, quan lại truyền cho họ đến tiếp tục dỗ dành và kêu trách người thảm thiết hơn. Người động lòng thương hại muốn cứu mạng sống của những người này nên cuối cùng người đã đau xót đầu hàng chịu bỏ đạo. Ai có thể tả nổi quang cảnh lúc bấy giờ? Các quan toà, đám cận vệ, quân lính và tất cả những người chung quanh, ai ai cũng reo hò chiến thắng trên sự đau khổ của người. Chỉ có một người gượng ép bỏ đạo mà họ dậm chân múa tay reo hò vui mừng bất tận cứ như là cả một tôn giáo đã bị tiêu diệt rồi vậy. Quan chúc mừng thầy già đau khổ và khuyến khích người giữ mãi quyết định này, nhưng truyền đem người về giam lại trong ngục mấy ngày nữa xem người có thực lòng hay không rồi mới tha về. Nhưng về đến ngục, ơn Chúa đánh động tâm hồn thầy, người đã ăn năn khóc lóc cho tội lỗi của mình: *“Lạy Chúa tôi, tôi thật đã quá điên rồ nên mới nghe người ta mà phạm tội chối bỏ chính Thiên Chúa tôi. Tôi quyết ăn năn dốc lòng chừa không bao giờ phạm tội như vậy nữa”*.

Những tên phản nghịch cố gắng an ủi người và dụ người giữ quyết định bỏ đạo nhưng đều vô ích. Ôn Chúa đã khiến người ăn năn thật tình tận đáy lòng. Khi Cha Cố Tuyên nghe tin người đã quá khóa, liền viết thư khuyên bảo người ăn năn trở lại. Cách mấy ngày sau, Cha Hiên cũng bị giam cùng chỗ với người, nhờ đó người được giải tội. Ôn thánh của bí tích giải tội đã mang lại sự bình an và yên tĩnh cho tâm hồn người. Ngày ngày ở trong ngục người ăn năn khóc lóc, hăm mình đền tội, cầu xin Chúa thêm sức mạnh để xưng đạo trước mặt các quan.

Sau biến cố trên, người bị giam cho tới ngày 18-4-1840, mới lại bị điệu ra trước mặt quan tổng đốc Trịnh Quang Khanh. ĐỨC Cha Hermosilla thuật lại cuộc tra khảo này như sau: *“Giữa tháng Tư, Thầy Toán lại bị điệu ra trước tòa án với hai người giáo dân đã bỏ đạo. Quan lớn nói với thầy: ‘Bất cứ người nào trước đã không tuân lệnh vua, nhưng nếu sau ăn năn mà chịu bỏ đạo thì vua cũng sẽ tha, mà ta thì càng thương và tha ngay.’*

Thầy già liền trả lời: - ‘Thưa quan lớn, tôi không có ý bỏ đạo bao giờ nữa.’

LM. VŨ THÀNH

Quan lớn giận dữ truyền đánh đập thầy, xỉ vả và dọa nạt thầy đủ thứ. Chúng còn tìm đủ mọi cách ác ôn hành hạ tra tấn thầy cho đến khi chịu bỏ đạo mới thôi. Nhưng thầy già đáng kính của chúng ta đã anh dũng chịu đựng tất cả mọi cực hình đó”.

Khoảng hai ngày sau, quan lớn lại truyền mang người ra hành hạ người cách khác, nhưng tất cả đều vô ích, người vẫn nhất quyết không chịu quá khóa nữa. Thấy mọi cực hình và đánh đập chẳng ăn thua gì, viên quan độc ác lại giao người cho hai tên phản nghịch đã bỏ đạo và truyền cho chúng phải làm sao cho người bỏ đạo lại mới được, nếu không chúng cũng sẽ phải chết. Hai người giáo dân này lại hợp sức với quân lính và các quan cố làm cho người phải ngã lòng. Khó mà có thể diễn tả cho đầy đủ các cực hình khổ nhục mà thầy già đã phải chịu đựng trong bốn ngày liền. Kê thì xỉ vả chửi rủa người, kê thì nhỏ nước miếng vào mặt người, kê thì đánh đập hành hạ người đủ mọi cách, có kê còn dám thốt ra những lời hèn hạ tục tĩu phạm thượng đến Chúa và Đức Mẹ. Theo lời Đức Giám Mục Hermosilla thì *“chính những lời nói phạm thượng đáng sợ này đã làm cho thầy già đáng kính phải phải đau đớn khổ sở nhất. Cũng chỉ vì quá động lòng vừa thương hại người ta, vừa nghe những lời xấu xa khả ố xúc phạm đến Thiên Chúa, thầy đau đớn quá chịu không nổi đã đành lòng đầu hàng tuân theo lệnh của vị quan vô thần này”.*

Quan lớn thấy người đã bỏ đạo nên rất mừng rỡ truyền tháo gông và thay quần áo sạch sẽ cho người rồi đem người đến một nơi rộng rãi cho người nghỉ ngơi. Thiên Chúa, đầy quyền năng và nhân từ đã không cho phép người ở lâu trong tình trạng đáng thương này. Với lòng nhân từ, Thiên Chúa đã dẫn lối cho người biết nhìn nhận tội lỗi gớm ghiếc của mình, đồng thời đổ tràn ơn thiêng xuống trên tâm trí người làm cho người khóc lóc ăn năn tội hết lòng hết sức. Dù cho những kẻ phản nghịch có cố gắng an ủi cách nào đi nữa, người cũng chỉ khóc lóc dầm ngực ăn năn dốc lòng chữa tội gớm ghê của mình, và hằng hái tuyên xưng đức tin hơn bao giờ hết. Thiên Chúa đầy lòng nhân hậu đã xếp đặt cho người đầy tớ ăn năn được dịp thống hối ăn năn qua bí tích Giải Tội mà người hằng mong ước, vì đúng 15 ngày sau, Thiên Chúa gửi đến người Cha Đôminicô Trạch, bị bắt và bị giam cùng chỗ với thầy để người được xưng tội cùng cha thánh tử đạo tương lai.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Sau vài ngày được rửa sạch linh hồn trong máu Con Chiên Thiên Chúa, người phải chiến đấu ác liệt hơn những lần trước. Vị quan độc ác với niềm vui giả dối, nói diều với quân lính: *“Mang cụ già Toán ra đây cho hắn tập quá khóa kéo hắn quên mất”*.

Quân lính liền điệu người ra lần nữa, quan lớn truyền cho người quá khóa, nhưng người thưa lại: *“Thưa quan lớn, tôi chẳng dám bỏ đạo bao giờ nữa. Tôi sẵn lòng thà chết chứ chẳng thà tuân lệnh quan lớn”*.

Trịnh Quang Khanh cứ nghĩ là thấy già sẽ tuân lệnh một cách mau mắn chứ đâu có ngờ người lại anh dũng trả lời như vậy. Ông giận dữ ra lệnh cho quân lính đánh đập người và kéo người qua cây Thánh Giá, nhưng chẳng làm sao được vì người đâu có lẽ nào chịu bỏ đạo nữa. Quan lớn vừa xấu hổ vừa bối rối giận dữ sai quân lính bắt người nằm giữa xuống đất đập nát chân tay người. Chúng tuân lệnh đánh đập dữ tợn khắp thân thể người không chừa một chỗ nào. Rồi quan truyền lệnh lôi người qua cây Thánh Giá trong tình trạng đáng thương như vậy. Phẫn nộ vì hành động ép bức này, thấy già chỉ biết ăn năn tội và la lớn lên: *“Thật tôi không muốn bỏ Chúa tôi đâu”*.

Quan giận tím cả mặt mày chửi rửa người bằng những lời xỉ nhục độc ác nhất và truyền lính đóng gông rất lớn và nặng, đồng thời bắt chúng phải tìm đủ cách làm cho người quá khóa. Quân lính quyết phá tan thành trì đức tin được xây bằng đá rắn chắc này, nhưng tất cả những mũi tên của chúng dù có được bắn đi mạnh mẽ thế nào cũng không hề lay chuyển tâm hồn người được nữa, vì người đã được bảo vệ với sức mạnh trên trời. Quan lại truyền cấm không cho người ăn uống một chút nào, bắt trói người hầu như trần truồng nơi công cộng để người ta nhạo cười, xỉ vả và làm khốn nhục người. Suốt ba ngày liền, không ngày nào chúng để cho người yên thân. Kẻ thì nhổ nước miếng vào mặt, kẻ thì nhổ râu nhổ tóc người, có kẻ còn đá vào mặt người và nhiều sự vô phép với người. Đã thế người còn phải chịu đựng mưa gió nắng rét ngoài trời cùng với biết bao nhiêu sự khốn khó khác, nhưng người bằng lòng chịu đựng những sự khổ nhục này, không kêu la một tiếng nào.

Sau đó quan truyền ngưng hành hạ người và bắt quân lính dọn một mâm cơm có nhiều đồ ăn ngon rồi bảo người: *“Ăn đi còn lấy sức mà bước qua cây Thánh Giá”*.

Nhưng người trả lời: *“Ăn để mà bỏ đạo thì tôi không thèm”*.

LM. VŨ THÀNH

Quan nghe thấy vậy giận điên lên bắt giam người như trước và truyền lệnh cấm không cho ai được mang đồ ăn đến cho người. Như vậy quan đã có ý định muốn người phải chết đói mà không cho vua biết. Quan sợ vua không truyền giết người cho sớm nên ra lệnh: *“Cấm không ai được đem thức ăn cho hắn, kéo sống hắn lại tiếp tục giữ đạo Gia Tô”*.

Đức Giám Mục Marti cũng kể lại y hệt những lời nói của quan và nói rằng chuyện này xảy ra ngày 28-4-1840.

Một lần nữa, thầy lại bị đem ra đứng nơi công cộng chịu đói thêm 5 ngày nữa rồi chúng lại mang người về tra khảo, người vẫn một mực từ chối không chịu quá khóa. Quân lính lấy một cái dùi nung đỏ và dùi vào gót chân thâu suốt hai bên, rồi giam người trong nhà cầu tiêu hôi hám dơ dáy để hành hạ người. Nhưng người cứ chịu đựng chẳng nói một điều gì, như đá rất vững, sóng gió chẳng làm chi được người, và lũ quỷ dữ cũng chẳng làm cho người sờn lòng chút nào. Vì trước đã chối bỏ đức tin nên bây giờ thầy muốn tuyên xưng Đức Kitô trước mặt mọi người. Dù có bị tan xương nát thịt thầy cũng vững vàng chịu đựng để đến tội mình. Lũ quỷ dữ chỉ có thể hành hạ đánh đập thân xác người chứ không thể thắng được linh hồn của vị anh hùng này.

Đến ngày 9-5, như chúng ta đã thấy trong chuyện Cha Hiễn, thầy già đáng kính đã bị điệu ra chung với Cha Hiễn, rồi chúng đặt trước mặt mỗi người một cây Thánh Giá và sau lưng mỗi người một con voi, để mong hai đấng thánh này sợ voi đạp chết mà chạy qua cây Thánh Giá chẳng. Nhưng cũng chẳng ăn thua gì, vì cả hai đấng đều không sợ chết. Cũng ngày hôm đó, quan đã giận dữ đe dọa cấm không cho bất cứ ai đem đồ ăn cho người. Nhưng dù thế, nhiều giáo dân xưa nay đã giúp người vẫn tìm ra cách đút lót tiền cho lính canh để mang đồ ăn vào cho người. Nhất là một người ngoại đạo, tên là Tham, đang làm cai đội cũng thương giúp thầy cơm nước và những thứ cần thiết. Hai chục ngày sau người cũng vẫn chưa chết, quan ngạc nhiên nên bắt người ra tra cứu: *“Một là Đức Kitô của người có phép gì giúp người, hai là người có thuốc <kỳ nam> đeo trong mình nên không chết chẳng?”*

Thầy nhận là có một ít người tốt lành đã thương hại mang đến cho thầy ít cơm. Quan tức khắc ra lệnh đánh đòn cả thầy lẫn lính canh, và để phạt thầy ông cấm chỉ từ này về sau không được cho thầy ăn

DÒNG MÁU ANH HÙNG

uống gì nữa. Trên thực tế, lệnh này không khác gì một án tử. Vị quan giận dữ như một con thú điên đã truyền giam người ngoài trời và bắt rào chung quanh để không một ai có thể đến gần đem thức ăn cho người. Người bị giam ở đó đêm ngày chẳng có gì che thân, chẳng có gì ăn uống, thật khổ sở. May nhờ có sự giúp đỡ của cai đội Tham mà hai người đàn bà đem cho người được một cái chõng, một cái chiếu và một chút cơm. Sự giúp đỡ quá khó khăn nên cũng chẳng được bao nhiêu so với sự yếu đuối hao mòn của thân xác thầy. Nhưng bấy giờ người chẳng mong ước gì hơn là được chết, và nhất là được chết dưới tay đao phủ để cắt gương mù đã chối đạo hai lần. Với lòng mong ước đó người đã chịu đựng những sự khốn khó để làm việc đến tội, như lời thầy hằng than thở mỗi khi có người đến gần: “*Khốn nạn cho tôi vì tôi đã cả lòng nghe người ta mà phạm tội chối Chúa tôi, tôi phụ ơn quá, tôi ăn năn chưa thật, và chịu mọi sự khó này để được đến vì tội tôi đã phạm*”.

Cuối cùng, ngày 27-6-1840, khoảng giữa trưa thầy đã trút hơi thở tại chỗ giam, thọ 73 tuổi. Khi người gần qua đời, chính cai đội Tham đã đến bên chăm sóc người, thay quần áo sạch sẽ cho người và thu góp quần áo cũ để giữ làm dấu tích thánh, rồi thưa với thầy, theo lời Giám Mục Marti kể lại: “*Lạy ông, khi ông lên trời nhớ đến tôi cùng*”.

Một tài liệu khác viết rằng: “*Ngày 2-7, biết giờ chết sắp đến, thầy đã xin lính canh ngục: ‘Thưa ông, chúng ta ở đây chỗ vắng vẻ quá, xin ông ban cho tôi một đặc ân mà không ai biết được, là khiêng tôi ra giữa sân rộng rãi để tôi chết ở đó. Người lính đã mang thầy ra giữa sân và độ hai tiếng sau thầy trút hơi thở, ngón tay còn đang để trong miệng vì khát nước*”.

Khi các quan biết tin người đã chết liền truyền chôn xác thầy cùng một chỗ hay chôn các tù nhân. Phêrô Dẫn và hai người giáo dân khác đã đút lót quân lính để lấy xác người cho vào quan tài và chôn cất tử tế. Sắp sửa chôn thì có hai người đàn bà từng chăm giúp người trong tù ước ao được xem mặt người lần cuối cùng. Nắp quan tài được mở ra, mọi người đều kinh ngạc khi thấy mặt người chiếu sáng một vẻ đẹp siêu thoát. Họ liền cắt lấy một ít tóc của người và chia cho nhau giữ làm kỉ niệm. Người được chôn cất ngay chỗ cũ, mãi đến tháng Giêng, năm 1841, tức 7 tháng sau, xác người mới được đem về táng ở nhà trường Lục Thủy Hạ. Sau này Đức Giáo Hoàng Leo XIII đã phong Á Thánh cho thầy.

**Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của
ÔNG TRÙM ANTÔN NGUYỄN HỮU QUỲNH (NĂM)**

(bị bắt tháng 7-1838, xử giáo 10-7-1840)

Ông Anton Quỳnh Năm sinh năm 1768 tại Quảng Bình, Trung Việt. Khi còn nhỏ đã cùng với hai anh đi tu, ở với Đức Cha Labartette, đại diện Tòa Thánh coi địa phận Đàng Trong. Nhưng vì nhà đã có hai anh đi tu rồi nên bố người là ông Nguyễn Hữu Hiệp gọi người về nhà, và bắt người lập gia đình với một cô thiếu nữ Công Giáo.

Anton Quỳnh Năm là một người lính can đảm nên khi vua Gia Long đánh Phú Xuân đã cho người làm cai đội. Khi thời bình, thấy đời sống quân ngũ khó lòng giữ đạo, người mua đất làm nhà và xin xuất ngũ để học nghề làm thuốc và buôn bán. Tài khéo léo đã giúp người chữa được nhiều bệnh nhân đồng thời cũng thôi thúc người làm việc bác ái không tiếc tiền. Gia đình có ngăn cản thì người dọa sẽ vay tiền để tiếp tục làm việc bác ái. Sau người sinh sống ở làng Mỹ Hương được chọn làm trùm trưởng, và Đức Cha Labartette phong cho người làm thầy giảng.

Khoảng đầu tháng 6-1838, Vua Minh Mệnh bắt đạo rất gắt và đang truy lùng Thừa Sai Candahl (Cổ Kim) lúc đó đang ẩn trốn ở Quảng Bình. Theo lời khai của hai người con của Thánh Quỳnh Năm, vì người thường giúp các thừa sai ẩn trốn trong nhà đã có tiếng với các quan nên quan huyện Lệ Thủy đã sai lính đến làng của người dò xét tung tích Cổ Kim. Lúc ấy người đã đem các đồ đạo và Cổ Kim trốn ở Kim Sen. Hôm ấy người sai ông Du, gia nhân của người, về làng cũ lấy thêm đồ dùng, nhưng ông bị quân lính chặn lại tra hỏi chỗ ông trùm Quỳnh Năm giấu Cổ Kim. Ông Du chối không biết nhưng lại thú nhận là chủ mình có cất giấu đồ đạo ở Kim Sen. Quan quân vội vã đến Kim Sen bắt được các người có mặt và các đồ đạo. Người con cả hay tin đem tiền đến chuộc. Quan tha cho mọi người trừ ông trùm Năm. Sau đó ông bị dẫn giải về Đồng Hới giam giữ tại đồn vệ 7 ngày rồi chuyển về khám đường. Tại đây Thừa Sai Borie (Cổ Cao), Cha Khoa, Cha Điểm và Thầy Tự cũng bị dẫn vào. Ông trùm Năm và Thầy Tự bị giam giữ tại khám đường trong vòng hai năm.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Sau khi bắt được người, quan huyện Lê Thủy tra hỏi xem người còn giấu sách các linh mục ở đâu không, nhưng người chỉ khai tên các cha và các thầy đã bị bắt rồi để không làm hại ai. Theo lời tường thuật của y sĩ Nguyễn Hữu Trí, ông bị tra khảo và ép buộc đập ảnh thêm ba lần nữa. Lần thứ nhất vào ngày 2-8 tại nhà quan bộ Uân ở Bộ Chính. Vị quan này lôi người qua thánh giá nhưng người đã phản đối la lên: “*Đó là việc quan làm chứ tôi không chịu*”.

Quan bộ tức giận đánh người 10 cái tát và nói: “*Ta là tổng đốc dẫn người đi, nếu lên thiên đường thì người cũng lên, nếu phải xuống hỏa ngục thì cùng xuống*”.

Bấy giờ quan án Trư muốn làm vui lòng quan tổng đốc nên cũng lấy roi đánh người.

Lần thứ hai tại phòng quan án, cũng có mặt quan tổng đốc. Quan truyền lính khiêng người qua ảnh và tuyên bố: “*Tên Năm đã chối đạo*”.

Người phản đối liên: “*Đó là việc quan làm, không khi nào tôi dám làm*”.

Lần thứ ba bị ép buộc bỏ đạo, người xin với các quan cho người một bản án được chết như Cố Cao. Người ta còn thuật lại rằng sau lần tra khảo đó, quan tổng đốc đã hỏi Cố Cao tại sao các giáo dân khác đã chối đạo mà trùm Năm thì nhất định không chịu. Cố Cao đáp: “*Những người khác vì ít hiểu biết đạo lý nên*



T. ANTON NGUYỄN HỮU QUỲNH
Tranh Phi Hùng

LM. VŨ THÀNH

mới chối đạo, còn những người thông hiểu giáo lý và có đức tin mạnh thì không bao giờ. Tôi xin quan lớn đừng có cưỡng bách niềm tin của ông ta nữa vì hình khổ nào có ích chi”.

Trong thời gian giam tù có ai đến thăm mà khóc lóc thì người khuyên: “*Xin đừng khóc nhưng hãy tạ ơn Chúa và cầu nguyện cho tôi để tôi có sức chịu khổ hình vì Thiên Chúa*”. Có lần ông nói với con cái: “*Khi bị bắt, bố đã muốn khai tất cả mọi người trong gia đình để cùng được chết với nhau vì đạo thánh*”. Sau khi Cố Cao, Cha Khoa và Cha Diễm bị hành quyết ngày 21-11-1838, ông và Thầy Tự còn được Cha Ngôn đến thăm và cho chịu lễ hai lần. Hằng ngày ông sốt sáng đọc kinh Truyền Tin.

Ông trùm Năm và Thầy Tự bị bắt từ tháng 6 năm 1838 cho tới ngày 10-7-1840 mới bị hành quyết. Sau đây là bản tường trình cuối cùng của vị quan có nhiệm vụ xét xử các đảng: “*Hạ thần Nguyễn Xuân Quang, quan án tỉnh Quảng Bình, thừa hành theo lệnh của Hoàng Thượng xin tấu trình rằng: Vào tháng 9 năm Minh Mệnh thứ 19, quan tổng đốc có giao nộp một bản án nói rằng đã bắt được tên Nguyễn Khắc Tự, đồ đệ của Thừa Sai Cao (Cha Borie), và một người nữa tên là Nguyễn Hữu Năm đã thú nhận tội cất giấu sách đạo. Quan án Phan Trú đã báo cáo như sau: Nguyễn Hữu Năm có tội vì cất giấu sách đạo, không chịu đập ảnh và cũng không chịu bỏ đạo. Không phải là đạo trưởng nhưng hẳn cũng cứng đầu và có tội như đạo trưởng Khoa và Diễm. Vì thế hẳn phải xử án chém đầu. Nhưng án này đã được đổi lại ngày 28-11-1838. Còn về tên Nguyễn Khắc Tự giúp việc cho Thừa Sai Cao, đã không chịu đập ảnh và thuộc hạng cố chấp và bất trị. Vì vậy thần kết án phải đòn 100 roi và lưu đầy xa ba ngàn dặm, tức là đi Phú Yên, khắc vào má bên trái hai chữ <Tả Đạo> và má bên phải hai chữ <Phú Yên>. Tờ trình của quan án Phan Trú đã được châu phê như sau: Tên Nguyễn Hữu Năm đã cất giấu sách đạo, còn tên Nguyễn Khắc Tự đã không biết hổ thẹn khi giúp việc cho tên mọi rợ (ám chỉ Cố Cao) và cố chấp không đập ảnh. Hiển nhiên cả hai tên phải xếp vào hạng cố chấp và bất trị. Mặc dù chúng không phải là đạo trưởng, nhưng chúng cũng không kém mù quáng và cố chấp, và vì vậy phải liệt chúng vào số những người đáng ghét. Vậy cả hai phải bị xử giáo giam hậu. Cứ thế mà thi hành.*

Năm sau tức là Minh Mệnh nguyên niên thứ 20, theo lệnh Hoàng Thượng hạ thần lại đòi hai tên Nguyễn Hữu Năm và Nguyễn Khắc Tự

DÒNG MÁU ANH HÙNG

ra trước sảnh đường hai ba lần, khuyên nhủ họ thức tỉnh trở về đường ngay. Nhưng chúng vẫn cố chấp như trước, không chịu đập ảnh. Thân xin lập tờ bá cáo tâu trình Hoàng Thượng: Quả thật hai tên Kitô này không phải là linh mục nhưng mù quáng và cố chấp thật đáng ghét. Thần nghĩ không còn lý gì mà phải giam giữ họ trong tù nữa. Đó là tờ trình của thần, nhưng các thượng quan trong tòa Tam Pháp lại xét rằng hai tên này phải xử giáo ngay. Đến tháng 10 thân lại nhận được thư của tòa Tam Pháp truyền rằng theo lệnh của Hoàng Thượng phải hoãn lại việc hành quyết và triệu tập hội đồng hàng tỉnh, thúc ép họ trong tòa xem có hối cải không, rồi trình lại tất cả sự việc và chờ lệnh. Theo lệnh vừa nói, thân lại gọi hai tên tín đồ Kitô ra trước tòa, khuyên bảo và ra lệnh đập ảnh, từ bỏ cố chấp. Chúng vẫn cương quyết không tuân lệnh. Chúng tỏ chúng vẫn chìm đắm trong u mê mù quáng. Vì vậy thân lập tờ trình này để trông thánh chỉ của Hoàng Thượng”.

Sau đây là lệnh cuối cùng của Vua Minh Mệnh: “Chúng tôi, Võ Xuân Cẩn, Bùi Ngọc Quý và Đinh Văn Huy, vâng theo lệnh Hoàng Thượng, đã xét tờ trình của quan vào ngày 21-5. Chúng tôi truyền lệnh như sau: Tên Nguyễn Hữu Năm và Nguyễn Khắc Tự theo tà đạo, tội đáng chết. Nhưng vì chúng thuộc hạng lê dân ngu dốt và vì lòng nhân từ của Hoàng Thượng không muốn đối xử cay nghiệt nên đã không ngừng ra lệnh cho các quan phải khuyên nhủ chúng sửa đổi để được ơn khoan hồng. Thế nhưng hai tên tội phạm vẫn ngụp lặn trong u mê mù quáng và cố chấp không chịu đập ảnh. Vì vậy chúng đã tự chuốc lấy án chết. Vậy hai tội phạm phải bị xử giáo không trì hoãn nữa để cái chết của chúng răn bảo những kẻ còn cố chấp không biết tự cải hóa. Cứ thế mà thi hành”.

Thái độ của hai vị quan thật cương quyết. Theo lời thuật của nhân chứng trong lần tra hỏi cuối cùng, ông trùm Năm đã mạnh mẽ thưa: “Không bao giờ tôi ưng việc đập ảnh”.

Quan tức giận quát lên: “Tại sao chúng bay mù quáng như vậy?” - “Đồng ý là có mù quáng, nhưng chính các quan mới là những người mù, còn chúng tôi thì không. Xin hãy ghép cho chúng tôi bản án ngay đi vì chúng tôi sẵn sàng chịu chết, còn đập ảnh thì không bao giờ”.

Khi bản án được vua phê chuẩn gửi về tới tỉnh ngày 12-6-1840 âm lịch, người con cả là ông Ngôn vội vào trong tù báo tin lúc người

LM. VŨ THÀNH

đang ăn sáng. Người liền nói với con: “*Bố mong đợi giờ này đã lâu, bây giờ được như ý thì còn dùng của ăn dưới thể gian làm gì nữa*”.

Thứ Bảy ngày 10-7-1840 ông trùm Năm và Thầy Tụ được dẫn đến pháp trường gần sân đường, cũng là nơi đã hành quyết các Cha Cao, Khoa và Điểm. Sau khi từ giã những người thân yêu, cả hai người liền quì gối xuống ngay tại chỗ các cha đã bị xử tử khi trước. Quân lính trói hai tay vào hai cọc và chân vào một cọc như hình thánh giá rồi vòng giây qua cổ, mỗi đầu giây có ba tên lính cầm để khi nghe lệnh thì xiết giây xử tử các đấng. Lúc đó ông trùm Năm thắm thĩ cầu nguyện: “*Chúa tôi xưa cũng đã phải giang tay ra như tôi bây giờ mà chịu đóng đinh...*” Ngay lúc đó có hiệu lệnh, quân lính liền kéo giây xiết cổ và linh hồn các đấng bay về với Chúa.

Ngày 19-1 năm Minh Mệnh thứ 22, chánh án tỉnh Quảng Bình đã làm tờ phúc trình hắng năm về các vụ hành quyết, trong đó có ghi lại vụ hai Thánh Năm và Tụ như sau: “*Án xử giáo túc khắc có hai tội nhân là Nguyễn Hữu Năm, sinh năm Mậu Tý, 73 tuổi thuộc làng Mi Hương, tổng Thạch Xá, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, người kia là Nguyễn Khắc Tụ, sinh năm Kỷ Tí, 32 tuổi, không rõ quê quán, được biết cư ngụ tại ngoại thôn làng Bình Hải, huyện An Mô, tỉnh Ninh Bình...*” Lý do và bản án giống như tờ trình trên.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cuộc Xung Đao & Tử Đạo của THẦY PHÊRÔ NGUYỄN KHẮC TỰ

(bị bắt tháng 7-1838, xử giáo 10-7-1840 tại Quảng Bình)

Trong các thầy giảng, Thầy Phêrô Tự là người đã nêu một tấm gương hào hùng và trung thành với truyền thống thảo hiếu của người Á Đông nhất. Khi hay tin Cố Cao (Cha Borie) bị bắt, thầy không sợ hãi quan quân, dám đến bên thầy mình và ôm gông khóc lóc. Chính vì thế thầy cũng bị bắt. Cha Cao phần nào sợ thầy yếu lòng chối đạo nên tìm cách chuộc cho thầy được tự do, nhưng thầy khảng khái thưa: “*Lạy cha, con trông ơn Chúa giúp con chịu khó cho nên*”.

Thấy vậy Cha Cao liền xé khăn đóng đang đội trên đầu làm hai, giao cho thầy một nửa và nói: “*Con hãy giữ miếng khăn này làm chứng lời con nói*”.

Từ đó hai cha con phải giam chung với nhau. Thực ra tuổi tác của hai người suýt soát nhau. Cha Cao ngoài 30, thầy Tự khoảng 28 hoặc 29 tuổi. Có thể nói đây là một cuộc kết nghĩa đồng sanh đồng tử. Nếu Cha Cao được vinh dự đức cha tín nhiệm chỉ định làm giám mục thì thầy Tự cũng được quan kính phục coi thầy như đạo trưởng. Vì có lần sau khi đã tra khảo và đánh thầy 110 roi quan đã phải thốt lên: “*Cậu thiếu niên này quyết tâm trở thành đạo trưởng và quả thực cậu xứng đáng như vậy. Hẳn phải được ơn Chúa phù trợ ban sức mạnh và mẫu gương của thầy mình khích lệ*”.

Theo lời khai của y sĩ Gioan Baotixita Nguyễn Hữu Trí, Thầy Tự sinh quán tại tỉnh Ninh Bình, Bắc Việt, theo giúp Cha Borie ở Bình Chính. Thầy rất nghiêm trang khắc khổ, đạo đức và chuyên cần, can đảm và bền tâm. Nhưng theo tờ trình các vụ hành quyết của chánh án tỉnh Quảng Bình thì thầy sinh năm Kỷ Tý, 32 tuổi, cư ngụ làng Bình Hải, huyện An Mô, tỉnh Ninh Bình.

Thầy Tự bị bắt tại Mĩ Hòa rồi cùng bị giải về Đồng Thới với Cha Cao. Tại phủ đường, quan đánh đập Cha Cao để điều tra các cha khác và những giáo dân chứa chấp các đảng. Nhưng cha nhất định không chịu khai báo gì, nên quan càng tức giận đánh đập Thầy Tự thật dữ, với hy vọng thầy sẽ sợ mà khai ra. Thầy bị tra tấn 4 lần. Lần thứ nhất 30 roi, cách ba hôm sau thêm 30 roi nữa nên thân thể của thầy bị nát

LM. VŨ THÀNH

như tương, 11 ngày sau mới tạm lành thì thấy lại bị 30 roi khác làm tan nát thịt ra lần nữa. Ít ngày sau thấy bị đánh lần cuối cùng, nhưng thấy vẫn một mực trung thành không tiết lộ tên một ai. Trong những ngày bị giam tù riêng tại khám đường, thấy luôn luôn dành thời giờ cầu nguyện. Ngày cũng như đêm thấy phải đeo gông cổ và xiềng xích chân, thỉnh thoảng quan và lính vào mắng nhiếc thầy. Sau đó thầy bị kết án cùng một lúc với Cha Cao, Cha Khoa, Cha Điểm và ông Năm, nhưng vua Minh Mệnh truyền giam lại hai người giáo dân để dụ dỗ thêm cho đến khi bỏ đạo.

Ngày Cha Cao bị dẫn đi trảm quyết, cha đã không quên người bạn kết nghĩa, trao phó cho ông Năm với những lời âu yếm này: *“Cha tưởng là chúng ta cùng được chịu chết với nhau nhưng sự việc lại xảy ra thế khác. Cha công khai nhìn nhận Thấy TỰ là con, vậy tất cả lòng ưu ái của ông dành cho tôi thì tôi xin ông chuyển sang cho người con yêu quý của tôi”*.

Sau khi ba cha bị xử trảm rồi, ông trùm Năm được phép lên ở cùng một chỗ với Thấy TỰ để sáng tối đọc kinh chung với nhau và an ủi nhau. Cai đội Đoàn cũng để cho con cái ông trùm Năm tự do vào tù sẵn sóc hai người. Trong thời gian gần hai năm bị giam giữ, Thấy TỰ được Cha Ngôn giải tội và cho rước lễ 4 lần. Trong bản án của Thấy TỰ có một điểm đặc biệt các quan đã ghi: *“Tên TỰ, học trò ông Cao, đã không chịu đập ảnh vì người ta đã cho nó ăn thuốc làm tăng sức mạnh và kiên trì trong lâm lạc. Vì lý do này mà nó không có hy vọng sửa sai”*. Thuốc làm tăng sinh lực ở đây các quan có ý nói đến Minh Thánh Chúa Kitô mà các tù nhân Công Giáo được linh mục ban cho.

Diễn tiến bản án của Thấy TỰ được trình bày trong truyện tử đạo của Thánh Năm Quỳnh ở trên.

Trước hết bản án xử giáo của thầy được vua Minh Mệnh đổi thành giáo giam hậu. Sau quan lại xử lại như sau: *“Tên Nguyễn Khắc TỰ, học trò Cố Cao, không chịu đập ảnh, thuộc vào hạng cố chấp và bất trị, vậy tôi kết án đánh 100 roi và lưu đày 3.000 dặm tức là đày đi Phú Yên, và phải ghi vào má trái hai chữ ‘Tả Đạo’ và má bên phải hai chữ ‘Phú Yên’”*.

Vua Minh Mệnh còn truyền lệnh cho các quan thúc ép chối đạo hai ba lần nữa, nhưng cả hai vị anh hùng, một già một trẻ đã được công

DÒNG MÁU ANH HÙNG

nhận là thầy giảng mặc dù ông Năm có gia đình, trung thành xưng đạo thánh cho đến cùng.

Năm Minh Mệnh thứ 21 các quan ra bản án cuối cùng như sau: *“Nguyễn Hữu Năm và Nguyễn Khắc Tự theo tà đạo, tội đáng chết. Nhưng vì chúng thuộc hạng người thứ dân ngu dốt nên Hoàng Thượng lấy lòng nhân từ không muốn khắc nghiệt đã không ngừng ra lệnh cho các quan khuyên nhủ chúng sửa đổi để được ơn khoan hồng. Thế nhưng hai tên tội phạm vẫn ngụp lặn trong u mê mù quáng và cố chấp không chịu đọat ảnh. Vì vậy chúng tự chuốc lấy án chết. Vậy hai tên Nguyễn Hữu Năm và Nguyễn Khắc Tự phải xử giảo tốc hành để cái chết của chúng răn bảo những kẻ còn cố chấp không biết cải quá”*.

Ngày 20 tháng 6 năm Minh Mệnh thứ 21, bản án của hai vị được vua châu phê và gửi về tới tỉnh. Người con trai của ông trùm Năm liền vào trong tù báo tin cho hai vị tử đạo. Hôm ấy là ngày thứ Sáu, ông và Thầy Tự đang dùng sáng. Sau khi trở trần, hai vị đóng cửa nhà tù không tiếp ai để dọn mình. Khoảng trưa hôm thứ Bảy, quan giám sát việc hành quyết đến nhà giam đưa hai vị anh hùng đức tin ra pháp trường. Ông Năm đi trước, Thầy Tự đi sau, nét mặt vui mừng hơn hờ vì giờ hạnh phúc đã tới. Thầy Tự nói: *“Hồng ơn tôi được như thế này là do bởi một mình Thiên Chúa”*.

Ông Năm nói tiếp: *“Vậy chúng ta phải cảm ơn Chúa cho đúng, thừa các anh chị em”*.

Pháp trường cũng là nơi đã xử Cha Borie và hai Cha Khoa và Điềm. Thầy Tự liền hỏi cho biết đúng chỗ Cố Cao chịu xử để cũng được theo chân thầy mình. Sau khi lý hình chỉ chỗ đó, Thầy Tự quỳ gối cầu nguyện, còn ông Năm quỳ vào chỗ hai cha Việt đã chịu xử. Quan ra lệnh tháo gông cho các đấng. Con cái ông Năm được quan cho vào tù già cha già. Khoảng ba giờ chiều, hai vị anh hùng đức tin thở hơi cuối cùng về với Chúa. Sau đó quan cho phép giáo dân táng xác các đấng tùy ý. Giáo dân đưa xác của cả hai đấng táng ở Nghệ An.

LM. VŨ THÀNH

**Cuộc Xung Đao & Tử Đao của
LINH MỤC ĐOMICÔ TRẠCH, O.P.**

(bị bắt 11-4-1840, xử tử 18-9-1840)

Jhánh Đomicô Trạch, vị thánh tử đạo thứ 26 trong thời bắt đạo của Vua Minh Mệnh, được phong Á Thánh do Đức Giáo Hoàng Leo XIII.

Người sinh năm 1772 tại họ Ngoại Vối, tỉnh Nam Định. Người vào chủng viện tu hồi còn bé và được tiếng là hiền lành nhân đức. Người chịu chức linh mục năm 31 tuổi nhưng người lại ước ao sống theo lối sống của nhà dòng nên sau đó người xin vào tu Dòng Đa Minh và được khấn dòng ngày 18-6-1825.

Tất cả những người làm chứng trong án phong Á Thánh cho người đều khen người rất siêng năng giữ các lễ luật nhà dòng kỹ càng. Bề trên sai người về coi xứ Quần Cống, rồi sau đó coi xứ Lục Thủy Thượng. Người đúng là một chủ chiên thật, luôn luôn cẩn mật chăm sóc đoàn chiên mình. Dù rất bận rộn trong công việc chăm sóc giáo dân và giảng dạy cho những người tân tòng, người cũng vẫn cố gắng coi sóc chủng sinh của người cẩn thận. Người yên ủi, khuyên bảo và giục giã họ năng chịu các phép bí tích và giữ các lễ luật xứng với bậc tu trì của mình. Chính người sống một đời sống gương mẫu, siêng năng, đạo đức và hãm mình. Người ta nói người không bao giờ uống rượu.

Dù bị bệnh lao đã lâu năm, người vẫn làm việc không ngừng cho đến khi bị những kẻ ngoại giáo ở làng Ngọc Cục bắt năm 1839. Giáo dân của người đóng góp được 200 quan tiền để đút lót quan quyền nên người được thả về. Nhưng từ đó người phải bỏ xứ Lục Thủy Thượng để đi ẩn ở nhà ông lang Thiện tại Thôn Bắc, làng Trà Lũ, và sau đó ở nhà ông trùm Bảo cùng làng. Vì người phải ẩn ở những nơi ẩm thấp thiếu dinh dưỡng cộng thêm những công việc mục vụ thất thường trong thời cấm đạo, sức khỏe của người càng ngày càng yếu hơn. Mùa Xuân năm 1840 người đành phải về dưỡng bệnh tại làng Ngưỡng Nhân với hy vọng sức khỏe được bình phục.

Không phải người không muốn chết vì đạo, nhưng trái lại người còn nhiệt thành ước ao được chết vì đạo. Trong một cuộc đàm thoại quanh quẩn về việc bách hại Kitô hữu, có lần người đã nói: “*Tôi lấy*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

làm buồn và xấu hổ cho vùng mình đã không cung cấp được vị tử đạo nào cả”.

Các thầy già cũng nói thêm vào: *“Nếu ai trong chúng ta mà bị bắt bây giờ thì chắc chắn sẽ bị hành hạ dã man hơn bao giờ hết”.*

Người trả lời: *“Nếu tôi bị bắt, họ muốn làm gì tôi thì làm”.*

Làng Ngưỡng Nhân từ trước vẫn được bình yên vô sự, nhưng đột nhiên chỉ vài ngày sau khi người đến, cai tổng Nhật đã đem dân phu đến vây chung quanh làng lục soát tất cả mọi nhà để bắt các vị linh mục. Lúc bấy giờ có tất cả 4 vị linh mục đang ẩn trốn trong làng. Ba vị may mắn thoát được, còn Cha Trạch vì sức khỏe đang yếu phải có người khiêng người trên võng mà chạy nên bị chậm trễ. Khi thoát ra khỏi làng, người tính về làng Tứ Liêu để ẩn, nhưng vừa mới đến cánh đồng làng Hoàn Tam thì bị bắt ngày 11-4-1840. Chúng bắt người đeo gông trên cổ và giải người về làng, rồi sau đó đưa người về phủ Xuân Tràng. Quan phủ chẳng nói chẳng rằng đóng nọc chân tay người giữa sân hơn một tiếng đồng hồ rồi mới giam người trong tù.

Lúc bấy giờ trong nhà tù cũng có rất nhiều Kitô hữu bị bắt giam ở đó. Họ thấy người thì mừng rỡ khôn xiết, đón nhận người như một vị thiên thần trên trời Chúa gửi đến. Tất cả liền xin người giải tội cho họ. Dù người đang bị bệnh, sức khỏe yếu đuối, người cũng cố ngồi giải tội cho họ và khuyên bảo họ giữ vững đức tin, chịu những sự khốn khó cho nên, chớ đừng ngã lòng mà bỏ đạo. Người đọc kinh nguyện ngắm hằng ngày, nét mặt luôn luôn vui tươi và người thường nói với họ rằng: *“Tôi đau yếu phần xác thật, song tôi đã bị bắt vì đạo thì tôi chẳng sợ, cũng chẳng dám phàn nàn than trách điều gì”.*

Các quan lại giải người về tỉnh Nam Định và giam ngay vào ngục thất bất kể bệnh tật của người. Vị thánh đáng kính không những phải chịu đau khổ về phần xác do bệnh tật, tù đầy, mà còn phải chịu những đau đớn trong lòng khi thấy những Kitô hữu đã cả lòng bỏ đạo. Người âm thầm chịu đựng, đọc kinh lần hạt, nguyện ngắm, an ủi các bạn đạo, giải tội cho Thầy Toán và các bạn đạo ở ngoài lên vào tù xưng tội với người. Người xin họ cầu nguyện để người được diễm phúc tử vì đạo.

Tất cả các quan, đứng đầu là quan tổng đốc Trịnh Quang Khanh, dùng bạo lực bắt ép người dẫm lên cây thánh giá, nhưng lần nào

LM. VŨ THÀNH

cũng bị thất bại. Vị anh hùng tử đạo dù yếu phần xác nhưng linh hồn lại được Thiên Chúa toàn năng tăng sức mạnh. Người đã bị điệu ra trước quan án biết bao nhiêu lần với những lời dụ dỗ tha người về nếu chịu bỏ đạo, hoặc những lời đe dọa tra tấn hành hạ dã tợn, và mỗi lần mang người về nhà giam, chúng lại thêm một miếng sắt nặng vào gông cổ người để cho nó nặng thêm và làm cho người không đi đứng nổi.

Trong những lần bị điệu ra quan án, lần thứ ba là đáng kể nhất vì lần đó người đối đáp với các quan rất mạnh bạo và chịu đau đớn hơn hết. Trịnh Quang Khanh ra mặt rất uy nghiêm và rất hung dữ nói với người: *“Người xem cây thánh giá đó, quá khóa đi, không thì người chết”*.

Vị linh mục khả kính chậm chậm và nghiêm trang tiến tới, các quan hồi hộp vui mừng chờ đợi tưởng người sẽ quá khóa, ai dè đến gần cây thánh giá người liền quì gối xuống thờ lạy và hôn kính cây thánh giá, đoạn quay về phía các quan và thưa: *“Thưa các quan, cây thánh giá này là hình ảnh cây thánh giá Chúa tôi chịu chết xưa, là biểu hiệu đức tin và đạo Giatô, nếu các quan muốn sống đời đời, các quan cũng phải thờ lạy cây thánh giá này. Còn về phần tôi, tôi chỉ thờ lạy cây thánh giá này thôi, tôi thà chết chứ chẳng thà dẫm dưới chân tôi”*.

Các quan nghe nói thế thì giận dữ phát điên lên quên cả chức phận của mình mà nhào tới đấm đá người túi bụi cho hả cơn giận. Sau đó các quan mới ra lệnh cho quân lính cầm hai đầu gông nâng người lên và khiêng người qua cây thánh giá để làm sao cho chân người đụng vào cây thánh giá, nhưng người co rút chân lên. Dù quân lính dùng roi đánh vào hai chân người dã tợn thế nào đi nữa cũng không làm sao bắt người thò chân xuống được. Các quan thất vọng vô cùng vì không làm sao bắt người bỏ đạo được liền bắt giam người trong ngục như trước. Nhưng lúc đó thì người cũng đã mệt đờ cả người, đỡ sống dở chết vì những cực hình.

Một lần khác các quan thấy dùng những cực hình cũng vô ích nên dụ dỗ người bằng những lời ngon ngọt hứa hẹn: *“Người bỏ đạo đi thì sẽ được về nhà bằng an”*.

Vị linh mục đáng kính trả lời: *“Lạy quan lớn, tôi chỉ muốn chết mà thôi”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Bấy giờ các quan thấy không còn cách nào làm cho vị linh mục bệnh tật yếu đuối này phải sồn lòng bỏ đạo được, mới quyết định viết án đệ trình lên vua xét xử.

Về nhà giam, người viết thư cho Cha Tuyên và Cha Năng, trong lá thư người gọi hai cha là bác xung cháu để tránh phiền phức cho họ:

“Kính gửi tới hai bác Tuyên và Năng trăm lời chào. Cháu vẫn thường nghĩ tới hai bác luôn, nên cháu viết lá thư này để xin hai bác thương cầu nguyện cho đứa cháu của hai bác được nhận cái diễm phúc Chúa đã dành cho cháu. Cháu van nài hai bác hãy nhớ đến cháu và giúp cháu mỗi lần hai bác dâng Thánh Lễ. Cảm tạ hồng ơn Thiên Chúa đã gìn giữ cháu nên cháu mới có thể đi được 7 chặng, tức là bảy nơi cháu làm tù nhân, và đây chắc là chặng cuối cùng của cháu đó. Cháu chỉ ước ao sao ngày cuối cùng trước ngày trăm quyết đến thật mau. Cháu bị đau ốm từ ngày mới tới đây cho đến bây giờ. Cháu thường bị hành hạ luôn luôn, và chúng còn dùng bạo lực cố bắt ép cháu phải quá khóa. Cháu bị xử tàn ác hơn các bốn đạo khác rất nhiều. Quan lớn đã thử đủ hết mọi cách có thể tưởng tượng để hành hạ cháu và bắt cháu quá khóa và khai chỗ ẩn của Cha Hermosilla, nhưng tất cả đều vô ích. Quan lớn còn bắt cả những cai tù phải thuyết phục được cháu và thăm dò cháu tin tức này. Chúng cũng phải thất bại. Thấy vậy quan lớn cũng đành chịu phải viết án xử trăm cháu...”

Rồi người kể rằng trong 7 nơi bị tù người đã tiêu hết 400 quan tiền cho người và cho 4 giáo dân khác trong tù do người ta bố thí. Đoạn người viết tiếp:

“Ở đây có một anh đội trưởng, ngoại giáo nhưng cưới vợ có đạo, muốn học theo đạo. Cháu van nài hai bác thương chú ý đến chúng, vì cả vợ lẫn chồng đều có công giúp đỡ các bốn đạo đang bị tù. Sau khi việc của cháu được sắp xếp, ông đội trưởng này tính bỏ nghề lính để về nhà giữ đạo. Cháu xin các bác đừng bỏ bè ông ta. Hai bác làm ơn viết thư cho Cha Hermosilla, kể cho người nghe tất cả những gì cháu đã nói. Xin người tha cho cháu tất cả những lỗi luật nhà dòng cháu đã phạm. Cháu chấp nhận bất cứ việc đền tội nào người ban ra. Cháu xin lỗi về những khoản chi phí do việc tù đầy của cháu gây ra. Cháu không biết làm cách nào để có thể trả được món nợ đó. Xin hai bác cũng làm ơn viết cho Cha Jimeno và Cha Marti xin các đấng cầu nguyện cho cháu để cháu không bị xét xử là không xứng đáng đủ để tham phần vào ơn

LM. VŨ THÀNH

thánh cao cả dành cho các Giám Mục (những vị tử vì đạo) của chúng ta. Cuối cùng cháu cũng xin sự tha thứ của hai bác và của bất cứ những ai cháu đã làm mất lòng mà không biết”.

Ngày 18-9-1840, các quan nhận được chiếu chỉ của vua truyền trăm quyết người. Ngay ngày hôm đó quan lớn truyền đem người đến và dụ dỗ người quá khóa lần cuối cùng: *“Dù đã có chiếu chỉ của vua truyền trăm quyết người, nhưng nếu người chịu quá khóa thì ta sẽ tâu vua tha cho”.*

Nhưng người vẫn cứ một mực thưa: *“Vua đã truyền cho tôi phải chém thì tôi xin vui lòng chịu chết vì đạo Thiên Chúa, chứ quá khóa thì tôi nhất định không chịu”.*

Khi thấy quân lính vào bắt đem đi trăm quyết, người mừng rỡ đi từ già Cha Ngân và Cha Nghi, thuộc về địa phận Tây Kỳ cũng bị giam chung với người và sau này cả hai cha cũng đều tử vì đạo. Người nói với hai cha: *“Hai cha nghỉ lại bằng an, tôi xin đi trước”.*

Nói đoạn người điếm tỉnh đi theo quân lính đến pháp trường, và có nhiều người theo xem rất đông. Pháp trường rộng khoảng 7 mẫu là nơi mà máu của biết bao nhiêu vị anh hùng tử đạo đã từng đổ ra. Tới pháp trường, quân lính, gươm trong tay, dàn thành từng hàng vây chung quanh nạn nhân đã yếu ớt nhưng sắp sửa anh dũng đóng dấu đức tin bằng máu đào của mình. Quân lính bắt đầu tháo gông cho người. Người liền quì xuống phó linh hồn trong tay Chúa, và tạ ơn Chúa đã ban cho người điếm phúc được dâng lên cho Chúa một minh chứng tình yêu tuyệt vời của người bằng máu đào. Khi được lệnh của quan lớn tử trên lưng voi, một lưỡi gươm vụt xuống đưa linh hồn vị thánh tử đạo về hưởng hạnh phúc vĩnh cửu trên nước trời. Các bốn đạo tranh nhau lấy khăn thấm máu đào của người và thu góp những gì thuộc về người. Họ đặt đầu và xác người vào quan tài đã sửa soạn trước rồi an táng người gần đó. Vài tháng sau, Vua Minh Mệnh băng hà, họ liền đưa xác người về táng tại nhà tràng Lục Thủy Hạ. Người thọ 68 tuổi.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cuộc Xung Đao & Tử Đao của LINH MỤC GIUSE NGUYỄN ĐÌNH NGHI (KIM)

(bị bắt 30-5-1840, xử tử 8-11-1840 tại Nam Định)

Cha Nghi không những được mọi người khen là duyên dáng thông minh mà còn được khen là có tài thuyết phục người khác và thông thạo việc đời.

Vì không biết rõ năm sinh của cha, nên trong các người làm chứng, có kẻ nói cha không ngoài 36 tuổi, người khác nói cha 42 tuổi, người nữa nói cha 50 tuổi. Một điều biết chắc là người chịu chức linh mục lúc 30 tuổi, làm cha phó tại Sơn Miêng một năm, tại Kẻ Bạc 4 năm, tại xứ Phúc Nhạc một thời gian ngắn, làm cha sở tại Đá Phạn 10 năm và tại Kẻ Báng độ hơn hai năm thì bị bắt. Như vậy có thể nói lời chứng người bị bắt khoảng gần 50 tuổi và sinh khoảng năm 1790 là đúng nhất.

Tên thật của người là Giuse Nguyễn Đình Kim, sinh tại Kẻ Vôi (Hà Hồi) thuộc huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Nội, sau khi làm linh mục người mới đổi tên là Nghi. Cha mẹ làm nghề buôn bán khá phát đạt. Từ bé cậu Nghi đã được học và vào nhà Đức Chúa Trời, ở với Cố Liêm là cha xứ Hà Hồi. Khi vào nhà trường học, chú Nghi rất sáng dạ, tính tình vui vẻ hiếu hòa. Khi làm thầy giảng, Thầy Nghi được chỉ định giúp Cố Liêm. Thầy khéo ăn khéo nói nên làm cho nhiều người trở lại đạo, ai cũng nói với nhau thế nào rồi Thầy Nghi cũng làm cụ. Thật vậy thầy được bề trên gọi về học lý đoán rất sớm và đã được chịu chức linh mục lúc thầy mới có 30 tuổi.

Thầy già Phêrô Hạo theo giúp Cha Nghi trong thời gian ở Kẻ Bạc đã làm chứng về Cha Nghi như sau: *“Thoạt mới trông thì Cha Nghi rất nghiêm nghị và khắc khổ. Gặp lần đầu phải hoảng sợ, nhưng sau vài lần thì mến người ngay. Những người làm việc trong tổng, nhất là ông tổng Chu, rất phục sự hiểu biết luật lệ và khôn ngoan của cha như chưa từng có cha nào lịch duyệt như vậy. Mọi người mến người, các cha chính cũng thích người, ai cũng muốn giữ người lại. Khi đang làm cha phó ở Kẻ Bạc giúp Cha Hanh thì được lệnh đổi về giúp xứ Phúc Nhạc. Cha Hanh xin người khoan giãn đừng đi vội để cha có thể kêu xin bề trên cho ở lại, nhưng Cha Nghi đã mau mắn đi đến xứ mới. Chỉ*

LM. VŨ THÀNH

ít tháng sau Cha Nghi được bề trên sai đi làm chính xứ Đá Phạn, lúc ấy mới chừng 36 tuổi.”

Về tài khuyên bảo người khác, sách có kể lại là khi thầy còn đang học tại Kẻ Vĩnh trong mùa Chay đi giúp tuần đại phúc, Thầy Nghi đã khuyên được ông Đoan, 95 tuổi, khô khan và cứng lòng mà nhiều thầy già phải bỏ cuộc. Tại làng Kẻ Bạc có một người Công Giáo chỉ có danh mà không giữ đạo, chuyên cho vay nặng lãi, gả con gái cho người bên lương. Nhân dịp mẹ ông này ốm nặng, Cha Nghi khuyên ông ăn năn trở lại. Ông đã trở về với Chúa, trả lại tiền cho vay bất công và gả con gái cho người có đạo. Tại làng Trinh Hà thuộc xứ Đá Phạn có một người Công Giáo đã được rửa tội nhưng chẳng bao giờ giữ đạo, trong nhà bày bàn thờ cúng tổ tiên và làm việc dị đoan, Cha Nghi nhất định chinh phục ông cho bằng được. Cha nhờ ông tổng Chu đến đề nghị với người này làm ông từ quét dọn nhà thờ, mua dầu đèn v.v... với điều kiện ông lãnh lương thì phải đến nhà thờ dọn dẹp. Ông này nhận lời. Làm ông từ của nhà thờ ông phải có mặt trong các Thánh Lễ, nghe giảng giải nhiều, dần dà ông thay đổi tâm tình và biết sợ sa hỏa ngục. Ông xin với cha giúp làm hòa với Chúa và giữ đạo sốt sắng.

Đối với người nhà, Cha Nghi rất hiền lành, nhỏ nhẹ bảo ban chứ không bao giờ quát mắng hay đánh đập. Khi đi làm phúc tại các họ đạo, người rất siêng năng giải tội. Nhiều người nói một khi nghe Cha Nghi giảng khuyên thì lời của cha có hấp lực không biết chán và không thể cưỡng lại được.

Trong thời kỳ cấm đạo gắt gao, mỗi khi nghe tin quan bắt cha nào người đều tỏ ra ước ao mình cũng được chết vì đạo, người còn xin với Chúa: *“Chớ gì nếu con bị bắt thì bị bắt ở ngoài đồng ruộng để khỏi liên lụy cho người khác”*. Vì thế người mang luôn trong mình một lạng bạc để nếu có bị bắt thì rút lót cho lính khai là bắt được ở ngoài đường. Người có thói quen ăn chay các ngày thứ Tư, thứ Sáu và thứ Bảy quanh năm. Nếu các thầy có can cha ăn chút ít để nếu có bị vây bắt mấy ngày còn đủ sức mà trốn, cha chỉ nói để mặc khi đến việc sẽ hay, không cần quan tâm đến nhiều làm gì. Lần khác Cha Nghi nói rõ hơn ý định ăn chay của người như sau: *“Cha ăn chay là cốt ý xin Chúa cho được ơn chết vì đạo, bị bắt tại cánh đồng để không ai phải khổ vì cha”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Thầy già Phêrô Hạo kể lại là lúc quan quân bao vây làng Kẻ Báng thì thầy đang đi thu gạo ở Kẻ Mơ. Khi nghe tin làng bị vây thầy vội trở về, gần tới làng đã thấy lính bao vây kín làng. Vì một lý trưởng ngoại đạo tổ giác làng này có đạo trưởng nên quan tổng đốc Trịnh Quang Khanh và quan phủ Thiên Bản đã kéo dân đình hàng tổng đến vây làng từ lúc ba giờ đêm. Khi trời sáng quan liền cho lính truyền loa gọi các người đàn ông, đàn bà và trẻ em ra đình điểm danh. Quan cũng bắt lính chặt tre làm lạt trói hết những người đàn ông lại và bỏ ra giữa trời nắng, chung quanh có lính canh. Sau đó lính chia thành từng đội 10 người đi lục soát các nhà. Ngày thứ nhất họ không bắt được gì khả nghi nên Trịnh Quang Khanh tưởng mình bị đánh lừa định rút lui. Lúc đó người tổ giác, có tội với triều đình, liền thưa: *“Xin quan lớn đóng quân đủ ba ngày, nếu không bắt được tây nam đạo trưởng thì xin nộp đầu”*.

Quan lớn liền truyền đóng quân ở lại. Thế là các bà phải xin phép nấu cơm cho các người đàn ông bị giam giữ giữa trời nắng từ sáng. Họ tiếp tục bị giam ngoài trời như thế ba ngày và hai đêm.

Khoảng trưa ngày hôm sau, một toán lính bắt được đồ đạo tại nhà bà Anna Thuận và bắt bà trói lại. Lúc ấy một toán khác khám xét nhà bà Duyên bắt được Cha Nghi. Quân lính reo hò mừng rỡ. Chính Cha Nghi tường thuật lại việc bị bắt như sau: *“Thấy toán lính đâm chọc các tường vách và nền nhà nên tôi bước ra nói với cai đội: ‘Tôi là linh mục sẵn sàng chịu mọi hình phạt vua quan sẽ định cho tôi. Tôi chỉ xin các ông một điều là tôn trọng đừng phá phách nhà này’”*

Sau khi cho lính một nén bạc, họ cho bà Duyên đến tụ họp với dân làng ở đình. Thế rồi bọn lính tranh dành nhau cái công đầu trong việc bắt này. Kẻ thì giạt tóc cha, đứa thì lấy gậy đánh. Cha Nghi phải lên tiếng: *“Tôi tự ý nộp mình thì đừng đánh nữa”*.

Sau đó chúng điệu người đến trước mặt quan Trịnh Quang Khanh. Ông ra lệnh chặt tre làm gông đeo vào cổ Cha Nghi. Đó là một cái gông rất dài làm bằng tre tươi nên rất nặng.

Đến chiều họ bắt thêm được Cha Ngân tại hầm nhà ông Thọ. Còn Cha già Thịnh ốm suốt trong hai ngày nằm liệt tại nhà ông Chiền, cháu ông Cỏn. Mỗi lần lính đi qua hỏi, di phước Thanh, đang săn sóc cha lúc bấy giờ, trả lời cha tôi ốm nặng không biết gì. Thấy vậy lính bỏ qua. Sang đến ngày thứ ba lính đến hỏi nữa, lúc bấy giờ Cha

LM. VŨ THÀNH

Thịnh mới tự nhận là linh mục nên người cũng bị bắt luôn. Tối ngày thứ ba thấy bắt được cả ba cha nên Trịnh Quang Khanh lấy làm hài lòng cho lệnh rút quân, mang theo ba cha và 20 giáo dân trong làng.

Đời sống trong những ngày đầu bị giam tại nhà lá của các đấng được bà Anna Thuận, bị bắt vì chứa đồ đạo của Cố Đoan (Cha Charrier), tường thuật lại như sau: *“Mỗi ngày, sáng cũng như chiều, chúng tôi lớn tiếng đọc kinh chung. Suốt ngày chúng tôi phải nghe những người tù khác lái nhai chửi rửa. Nhà tù ồn ào như một cái chợ. Sau khi cho họ ít tiền họ mới im đi. Tôi thấy ba cha, ông Thọ và ông Cồn luôn luôn thăm thi cầu nguyện và ngắm Đàng Thánh Giá. Cha Nghi và Cha Ngân thay nhau khuyên nhủ các bạn tù, đại ý nói: ‘Đây là thời giờ Chúa tuyển chọn để thử thách. Chúng ta hãy vững lòng chịu đựng’. Sau này khi chúng tôi đã trót chối đạo, Cha Nghi và Cha Ngân còn khuyên chúng tôi: ‘Hãy kêu xin Chúa nhân lành vô cùng và Đức Bà Maria đoái thương ghé mắt nhìn xem chúng con thật lòng thống hối tội lỗi và giúp chúng con được giữ đạo cho đến cùng.’”*

Trong số 20 người giáo dân chỉ có ông Thọ và ông Cồn là bền gan giữ đạo, còn các người khác sau hai lần tra khảo đã yếu lòng chối đạo. Trong các lần tra hỏi, quan không có lời nào xúc phạm mà chỉ nói: *“Các đạo trưởng đã cho các người ăn bánh gì mà các người mất cả trí khôn như vậy?”*

Lúc ấy Cha Nghi thưa lại: *“Thưa quan lớn, các đấng trách chúng tôi theo đạo vô lý, thờ một người đóng đinh và ăn bánh thánh. Các đấng sau khi đã nhắm mắt sẽ biết rõ thế nào là đạo của chúng tôi”.*

Các đấng bị tra khảo liên tiếp từ ngày mùng 1, mùng 3, mùng 6, 7, và 8 tháng 7. Cha Nghi luôn luôn thưa thay cho các cha khác và các giáo dân. Cha bị đánh đập nhiều nhất. Trong lần tra hỏi hôm mùng 3-7, Trịnh Quang Khanh bắt ép ba cha quá khóa, Cha Nghi thưa lại: *“Bẩm quan lớn, trong đạo chúng tôi quá khóa là một trọng tội, chúng tôi không bao giờ dám phạm”.*

Quan lại hỏi: *“Trong miền này có bao nhiêu đạo trưởng Âu Châu?”*

- *“Thưa trong những năm vừa rồi có trưởng đạo Cao (Đức Cha Borie) nhưng mà chúng tôi nghe rằng đã bị bắt và xử tử rồi”.*

- *“Các ông có biết đạo trưởng Vọng (Đức Cha Hermosilla) không?”*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

- *“Thưa quan, chúng tôi không biết và cũng không gặp bao giờ vì người giảng đạo ở địa phận Đông”.*

- *“Nếu không khai các đạo trường ở đâu ta sẽ cho tìm kẹp”.*

Quan vừa nói vừa chỉ anh thợ rèn đang thổi lò lửa.

Cha Nghi đáp lại: *“Thưa quan, chúng tôi biết điều nào thì đã thưa điều ấy rồi, quan lớn không thương mà tìm kẹp thì chúng tôi chịu, nhưng không thể nói ra được điều quan hỏi vì không biết”.*

Không được như ý, quan liền gia tăng hình phạt bắt giam ba cha ngoài trời nắng không cho ăn uống.

Ngày mùng 6-7 Trịnh Quang Khanh cho gọi ba cha ra ép buộc quá khóa lẫn nữa dọa nếu không sẽ phải chết. Cha Nghi đáp lời: *“Quan lớn thương mà tha chúng tôi thì chúng tôi đội ơn quan lớn, còn nếu quan lớn muốn giết thì chúng tôi làm cho đất xanh thêm mẫu cỏ”.*

Quan lớn còn thúc giục nhiều lần nhưng Cha Nghi một mực thưa lại: *“Ánh chúng tôi thờ, chúng tôi chẳng dám đáp”.*

Lần này quan truyền lệnh đánh mỗi cha 50 roi, Cha già Thịnh bị tới 60 roi. Quan cố ý làm vậy để cha già sồn lòng mà quá khóa. Các cha lại bị giam nắng cho khát. Cha Nghi xin lính nước uống không được liền nói với chúng: *“Các anh cho thì hay mà không cho cũng chẳng sao. Chịu khổ như thế này chưa bằng Chúa chúng tôi phải khổ trên thánh giá”.*

Ngày hôm sau, 7-7, quan lại bắt các đảng chối đạo và hỏi về những nơi đã ẩn trốn. Cha Nghi thưa: *“Thưa quan lớn, chúng tôi đã đi nhiều nơi, nếu nói ra quan lớn làm tội người ta, chúng tôi không nói”.*

Quan giận dữ truyền lính đánh thật đau cả hai Cha Nghi và Cha Ngân. Cha Nghi kể lại là lần ấy người cảm thấy đau nhất vì lính đánh vào những dấu đòn cũ, đau quá không còn đếm được là họ đã đánh bao nhiêu.

Ngày 8-7, quan lại cho đòi các cha ra hỏi lại như các lần trước. Lần này Cha Nghi thưa: *“Xin ông lớn cho chúng tôi một lát gương”.*

LM. VŨ THÀNH

Quan cho đánh đòn thêm 50 roi nữa. Từ đó các quan biết là không thể nào ép buộc các cha bỏ đạo được nên thôi không tra khảo nữa, làm án và giam các đấng vào ngục thất chờ ngày đem ra xử. Từ đó ban ngày các cha mang gông xiềng, ban đêm phải cùm chân. Các đấng bị giam tù 5 tháng rưỡi.

Ngày 6-11, án của ba cha và hai giáo dân từ kinh đô được gửi tới Nam Định. Hay tin đó, các cha không cho ai vào thăm nữa để có thời giờ dọn mình. Ngày 8-11, quan cho gọi các đấng đến báo tin và truyền lệnh quá khóa lần nữa nhưng các vị đồng thanh nói: “*Chúng tôi quyết tâm không thay đổi gì nữa*”.

Quan thượng truyền đem các đấng đi xử tại pháp trường quen gọi là Bấy Mầu. Quan giám sát cỡi voi có 500 lính hộ tống và đông đảo dân chúng đi xem. Mỗi vị có một tên lính cầm thẻ viết án tử. Thẻ án của Cha Nghi viết: “*Đạo trưởng Nguyễn Đình Nghi, sinh tại nước này thuộc tỉnh Hà Nội, phủ Thường Tín, huyện Thượng Phúc, làng Hà Hồi. Có sắc lệnh vua cấm truyền đạo Giatô nhưng đạo trưởng Nguyễn Đình Nghi đã coi thường lệnh cấm, không biết sợ cũng không hối cải. Hờn nữa còn cả gan mang theo sách vở hành đạo lén lút. Hắn đã bị bắt và tra khảo cũng chẳng chịu đập ảnh, chứng tỏ hắn cứng lòng cổ chấp đáng tội chết. Lệnh phải chém đầu. Cứ thế mà thi hành*”.

Tới nơi xử, các cha ban phép giải tội cho nhau xong thì lý hình vung đao chém một nhát, đầu Cha Nghi rơi xuống đất. Thấy Sự đem xác Cha Nghi và Cha Ngân về an táng trong nhà thờ họ Kê Báng. Mộ Cha Nghi ở phía Thánh Thư, mộ Cha Ngân ở phía Phúc Âm.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC PHAOLÔ NGUYỄN NGÂN

(bị bắt 30-5-1840, xử tử 8-11-1840 tại Nam Định)

Binh thường Cha Ngân là người nhát sợ nhưng khi bị bắt người lại trở nên can đảm khác thường. Đức Cha Havard nói về người: “*Đó là một linh mục rất tốt*”.

Theo lời khai của thầy già Phêrô Hạo thì Cha Ngân sinh tại họ Cự Khanh, xứ Kê Bến trong tỉnh Thanh Hóa. Người cùng một lớp với

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cha Nghi. Chính Cha Ngân kể lại có lần thấy Cha Nghi giữ luật cẩn thận nên muốn thử lấy thước đánh người 6 cái khi người đang cặm cùi viết nhưng Cha Nghi không nói một lời, chỉ lấy tay xoa chỗ bị đánh rồi tiếp tục làm việc. Một thời gian Cha Ngân làm phó xứ giúp Cha Huyền coi họ Duyên Mậu và các họ lệ thuộc xứ Phúc Nhạc, nhưng người bị bệnh phải về điều trị tại nhà chung Kẻ Vĩnh. Khi khỏi bệnh, người đi giúp xứ Trình Xuyên ba năm và sau đó giúp xứ Cha Nghi tại Kẻ Báng. Trong thời gian bắt đạo Cha Ngân thường trú ẩn ở họ Kẻ Thù.

Cha Ngân rất vui vẻ hoạt bát nhưng lại có tính nóng nên bảo người nhà: *“Khi nào thấy cha nổi nóng thì chúng con hãy chạy trốn đi nơi khác cho đến khi nào cha nguôi thì trở về”*. Ngoài ra cha còn có tính nhát nữa. Khi nghe tin các cha bị bắt và phải tra tấn thì sợ hãi rùng mình. Lúc quan quân vây bắt, người nóng lòng giục bốn đạo đem người đi trốn.

Hôm quan vây làng Kẻ Báng, Cha Ngân mới tới thăm Cha Nghi và để xưng tội. Cha Ngân mới đầu trú tại nhà ông Chuông nhưng khi quan vây làng cha được đem đến nhà ông Thọ vì ở đây đã có sẵn hầm trú. Đến ngày thứ hai, toán lính bắt đầu dùng gậy sắt đâm chọc các bức vách cũng như nền nhà. Cha Ngân thấy chúng đâm xọc nên như vậy sợ chúng đâm phải người nên tự ý bước ra khỏi hầm. Tên cai đội hỏi người có phải là đạo trưởng Tây không, người đáp: *“Hãy xem cho kỹ có phải là đạo trưởng Tây không, việc gì mà phải hỏi? Khi quan lớn hỏi thì tao sẽ nói chứ không nói với chúng mày”*.

Cha Ngân về sau kể lại: *“Lúc đó chúng nó lột áo tôi như là bắt được một tên giặc cướp, dẫu vậy tôi vẫn vui tươi bình an lạ lùng. Chính quân lính phải nói: ‘Xem kia, ông này chẳng sợ ai, ông ta còn cười nữa’. Khi tới chỗ công đường Trịnh Quang Khanh, tôi thấy đầu tiên là Cha Nghi đang đeo gông. Người ta tức thì đặt vào cổ tôi một cái gông tương tự. Khi họ vừa đặt vào cổ tôi, tự nhiên miệng tôi thốt ra lời ‘Tạ Ông Chúa, (Deo Gratias), lòng tôi tràn ngập niềm vui, còn trí tôi nghĩ đến con đường lên trời qua những khổ cực sắp tới’”*.

Trong các lần tra hỏi trước mặt quan, người để mặc Cha Nghi thốt. Cha Nghi phải đòn thế nào thì người cũng chịu như vậy. Người cũng lên tiếng khuyên bảo các bạn tù trung thành trong cơn thử thách Chúa gửi đến. Sau khi một số giáo dân chối đạo rồi, người

LM. VŨ THÀNH

khuyên họ tin tưởng vào Chúa nhân lành và Mẹ Maria giúp đỡ để thống hối cho trọn đời và bền lòng giữ đạo. Với những người đến thăm, người biểu lộ niềm vui, nói đùa với họ: “*Bây giờ thì anh chị em không còn phải vất vả khổ nhọc săn sóc cha nữa*”.

Trong thẻ án tử của người có ghi: “*Đạo trưởng Nguyễn Ngân, sinh quán tại tỉnh Thanh Hóa, huyện Đoan Nguyên, làng Nam Đàng*”. Về tội phạm và hình phạt cũng viết y hệt như bản án của Cha Nghi.

Ngày 8-11-1840, trên đường đi đày, với nét mặt hân hoan cha vừa bước đi vừa ngắm Đàng Thánh Giá. Tới nơi người quì gối cầu nguyện và nghiêng đầu sẵn sàng đợi lát gươm đưa người về trời. Đầu và xác người được Thầy Sự ráp lại và an táng phía Phúc Âm trong nhà thờ Kẻ Báng.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC MARTINO TẠ ĐỨC THỊNH

(*bị bắt 31-5-1840, xử tử 8-11-1840 tại Nam Định*)

Ông *Cụ Thối*” là biệt hiệu quan Trịnh Quang Khanh đặt cho cha mỗi khi gọi đến người, vì cha vừa già vừa bị bệnh lở loét ở má xông mùi hôi thối không làm lễ được nữa. Quan phải giam riêng cha ra để tránh cho người khác khỏi phải khó chịu.

Cha Martino Thịnh sinh tại làng Kẻ Sét, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội. Cha mẹ là bốn đạo mới, có 9 người con, Cha Thịnh là con thứ 8. Năm 18 tuổi, cha mẹ xằng xả hỏi vợ cho người và dân làng cũng đã bắt người đi lính, nhưng Chúa đã chọn người làm tông đồ của Chúa.

Khi chịu chức linh mục, Cha Thịnh được chọn làm thư ký cho Đức Cha Longer (Gia). Có lần người được theo đức cha ra mắt vua Gia Long ở Hà Nội. Đến khi Minh Mệnh ra Hà Nội tấn phong, đức cha cũng cử Cha Thịnh đến chào vua nhưng không được vào. Trước hết Cha Thịnh giúp xứ Cửa Bạng, sau đến xứ Đồng Chuối. Tại Nam Xang, người coi xứ 20 năm rồi đổi đi coi xứ Trình Xuyên. Ban đầu cha còn làm lễ được nhưng về sau vết lở ở má lan rộng xuống môi dưới và chảy nhiều mủ người chỉ làm lễ riêng, không còn giúp giáo dân nữa. Tính Cha Thịnh rất mực thước và nghiêm ngặt. Khi khảo

DÒNG MÁU ANH HÙNG

kinh bốn các trẻ em Rước Lễ Lần Đầu mà không thuộc thì người giam không cho, đồng thời gọi cha mẹ đến quở trách. Người ăn chay các thứ Sáu quanh năm và cũng khuyến bốn đạo giữ chay như vậy. Khi làm phúc được mời đến nhà giáo dân ăn cơm thấy dọn cỗ long trọng, người thường trách họ: “*Cha đi làm phúc chú không phải đi làm tốn của tốn tiền của giáo dân*”.

Năm 1840 người đã 80 tuổi, người bỏ Kê Trình xuống nhà ông Chiền là cháu ông Thọ để chữa bệnh. Có dì phước Thanh đi theo để săn sóc. Cuối tháng 5 quan quân vây làng Kê Báng lúc đó người vẫn nằm trên giường vì đã yếu. Cha dặn dì Thanh: “*Nếu lính có đến hỏi thì con lựa lời mà nói, cha làm tỉnh vì nếu nói ra là linh mục chúng nó làm hại đến làng và gia đình cho cha trôi*”.

Trong hai ngày đầu, lính đi qua đi lại thấy ông già nằm trên giường liền hạch hỏi, dì Thanh thưa lại: “*Đó là cha tôi đã già ốm lại bệnh tật nữa*”.

Lính nghĩ thấy mùi hôi thối nên sợ bỏ đi. Đến ngày thứ ba, Cha Thịnh nghe tin Cha Nghi và Cha Ngân đã bị bắt, người không e dè nữa, định tâm nộp mình nên khi lính vừa hỏi có phải là đạo trưởng không, Cha Thịnh đã thưa lại ngay: “*Phải tôi là linh mục*”.

Lính vẫn bán tín bán nghi, trình lại quan trước khi bắt. Quan đến nhà ra lệnh cho Cha Thịnh đập ảnh.

Cha trả lời: - “*Tôi không dám đâu*”.

- “*Có phải ông là linh mục không?*”

- “*Vâng, tôi là linh mục*”.

- “*Đập ảnh chối đạo đi ta tha cho*”.

- “*Tối tuổi già này mà còn tham sống chối đạo sao? Tôi không bao giờ làm thế đâu. Tôi không dại gì mà sống thêm*”.

Cha Thịnh liền bị dẫn giải về Nam Định cùng với Cha Nghi, Cha Ngân và giáo dân. Người bị giam riêng trong nhà tù ở Trại Lá. Một tháng sau quan mới cho đòi các tù nhân ra tra hỏi. Lần thứ ba, quan muốn bắt ép Cha Thịnh bỏ đạo, nghĩ rằng ông cụ già dễ sợ chết, đánh người một trận 60 roi thật đau, nhiều hơn cả hai cha trẻ. Nhưng Cha

LM. VŨ THÀNH

Thịnh một lòng cương quyết xưng đạo. Từ đó quan thôi không bao giờ đánh đập cha nữa mà chỉ gọi người là ông cụ thôi. Cha cũng bị phơi nắng hai lần ngoài sân với các cha khác.

Trong bản án có kê khai lý lịch của người như sau: *Đạo trưởng Tạ Đức Thịnh sinh quán tỉnh Hà Nội, phủ Thường Tín, huyện Thanh Trì, làng Thịnh Liệt. Về tội phạm và hình phạt cũng giống như bản án của Cha Nghi và Cha Ngân.*

Ngày hành quyết cha được hai người khiêng trên vông ra nơi xử. Vì già cả cha không quì đúng thể được nên lý hình phải chém tới ba nhát mới đứt đầu. Xác cha được giáo dân đem về an táng tại Nam Xang là nơi cha đã coi lâu nhất.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của ÔNG MARTINO THỌ (NHO)

(bị bắt 30-5-1840, xử trảm 8-11-1840)

Ông Thọ và ông Cỏn là anh em họ đôi con dì trong xứ Kẻ Báng. Tên thực của ông Thọ là Nho, rồi sau người ta lấy tên con trai cả là Huy để gọi ông, và sau nữa lấy tên Thọ là con trai thứ 9 của ông. Ông Thọ bị bắt về tội chứa chấp Cha Ngân.

Khi bị bắt, ông Thọ được 53 tuổi, sinh khoảng năm 1787 tại làng Kẻ Báng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Từ nhỏ ông Thọ đã có tính hiền lành ngoan đạo. Khi lập gia đình rồi ông sốt sắng đọc kinh chung với vợ con trong nhà, khi không thể đọc chung, ông ra đọc kinh riêng ngoài vườn. Vì được tín nhiệm, ông làm việc thu thuế trong làng một thời gian rồi ông xin nghỉ vì thấy có nhiều cheo leo, khó công minh luôn mãi được. Ông khuyên con cái cứ đúng phép tắc mà làm chứ đừng phạm tội chỉ vì muốn làm đẹp lòng người khác. Dù làm việc công, ông vẫn hằng hái làm việc đồng ruộng của mình, tới về chần tằm dệt vải. Nhờ làm việc siêng năng ông có thể rộng rãi với người nghèo, không bao giờ ông để họ ra về mà không cho của gì ăn. Nếu con cái đi vắng, ông mời người ăn xin cùng ngồi ăn cơm chung, nếu con cái ở nhà, ông bắt chúng xẻ cơm cho người nghèo.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Lòng nhiệt thành đã thúc đẩy ông nhận mọi việc cha xứ cậy nhờ. Trong buổi cấm đạo ông thường giữ các đồ đạo bị cấm. Tại nhà, ông đã làm sẵn bức vách dây có chỗ trú ở giữa và hầm sâu hai thước dưới bếp. Quan vây làng Kê Báng cả thấy 4 lần, lần nào nhà ông cũng có linh mục, hay người nhà Đức Chúa Trời trốn tránh. Khi có lệnh phá nhà chung, ông đem vợ con đến nhận làm nhà của mình và ở để khỏi bị tịch thu. Trước những hiểm nghèo có thể xảy ra, ông khuyên nhủ con cái tin tưởng vào Chúa Quan Phòng, nếu có bị bắt phải chịu khó bền lòng xưng đạo, vì được chết vì đạo sẽ được lên thiên đường ngay.

Khi nghe tin ông Lý Mỹ, ông binh Đạt và Huy được chịu chết vì đạo, ông cũng ước ao được chịu chết vì đạo như vậy. Ông đến Kê Vinh viếng xác ông Lý Mỹ và ông trùm Đích. Về nhà ông bảo vợ con: *“Nếu Đức Chúa Trời có định cho tôi bị bắt và chịu khó vì đạo như hai ông ấy thì mọi người hãy bằng lòng, dù có mất của cũng đừng phàn nàn. Nếu chúng con bị bắt thì cũng phải xưng đạo cho mạnh mẽ”*.

Theo lời tường thuật của người con gái, làng Kê Báng bị bao vây đến ba bốn lần trong tháng 6 và tháng 10. Ngày 29-4 Âm Lịch, Trịnh Quang Khanh đem 1.000 quân lính và hai thớt voi đến bao vây làng lúc ba giờ rưỡi sáng, có cả ba quan lớn tham dự cuộc bao vây này, đóng quân tại Ba Tòa. Sau ngày thứ nhất lùng bắt mà không bắt được ai, quan đã định rút quân về, nhưng người trần tở, một lý trưởng ngoại đạo bị giam tù muốn lập công chuộc tội đã dẫn Trịnh Quang Khanh đến vây sau ba tháng rình mò Kê Báng, đập đầu nói: *“Xin quan lớn đóng quân lại đủ ba ngày, nếu không bắt được đạo trưởng thì tôi xin nộp đầu”*.

Quan đồng ý ở lại. Ngày hôm sau lính lục soát kỹ lưỡng hơn nên khám phá được một nơi bí mật cất giấu đồ đạo dưới hầm cách nhà bếp 10 thước. Lính mừng rỡ báo tin và quan ra lệnh chọc phá các bức tường và nền nhà để phát giác hầm kín tại các nhà khác. Thấy vậy Cha Nghi tự ý ra khỏi hầm nộp mình. Cha Ngân đang ẩn tại hầm nhà ông Thọ cũng ra nộp mình, thế là cha và ông Thọ đều bị bắt.

Ban đầu các cha và giáo dân bị giam tạm tại Trại Lá, sau khi bị tra hỏi các đấng được chuyển sang trại tù. Mấy người con của ông Thọ được phép đến thăm mấy lần. Ông cho các con xem vết thương do những roi đòn đánh đập trên thân xác, có một tảng thịt lở loét rộng bằng

LM. VŨ THÀNH

bàn tay, giơ cả xương, nước vàng lẫn với máu rỉ ra. Ông Thọ nói với các con là ông bị đánh đòn nhiều hơn hết. Ông còn nói có một lần ông bị đánh cả thầy 150 roi, 50 roi đầu ông cảm thấy khó chịu đau đớn, nhưng 100 roi sau nhờ ơn Chúa ông thấy nhẹ nhàng như gió lướt qua. Sau cùng ông khuyên các con của ông: “*Thiên Chúa nhân lành định rằng cha không còn về với các con nữa, nhưng các con còn có mẹ, hãy vâng lời mẹ. Các anh chị lớn hãy lo đùm bọc các em nhỏ, các con nhỏ chịu khó vâng lời. Hãy can đảm làm việc chăm chỉ để phụng dưỡng mẹ, hãy trung thành đọc các kinh sáng kinh chiều và lần hạt. Thiên Chúa ban cho mỗi người một thánh giá, các con hãy vui lòng vác lấy và can đảm chịu khổ để giữ đạo. Cha không còn làm gì để giúp các con dưới trần này được nữa, cha chỉ còn lo sửa soạn ra đi, vậy sau khi cha chết rồi, chú Chấn và mẹ các con chết rồi, thì hãy chia nhau tài sản. Nếu sau này được phép, các con mang xác cha về chôn nơi cha bị bắt. Những gì cha đã làm cho các anh chị lớn khi còn ở nhà thì các anh chị lớn cũng phải làm như thế cho các em nhỏ*”.

Sau một tháng bị giam tại Trại Lá, các tù nhân bị tra khảo 5 lần. Lần nào quan cũng tra hỏi có chịu đập ảnh không, có biết chỗ các cha trốn ở đâu không và đồ đạo bắt được ở Kẻ Báng thuộc về ai... Lần tra khảo thứ nhất mỗi người bị đánh 50 roi, tất cả vẫn không chịu bỏ đạo, nhưng đến lần thứ hai chỉ còn ông Thọ và ông Cỏn. Trong lần tra khảo thứ hai ngày 3-7, chính quan Trịnh Quang Khanh tra vấn, ra lệnh lôi hai ông Thọ và Cỏn qua ảnh. Các ông đã co chân lên và phân phó: “*Đạo của chúng tôi ở tại trong lòng, nếu quan cưỡng bách như thế này chúng tôi chẳng có tội gì*”.

Nói rồi hai ông liên li kê tên cực trọng Chúa Giêsu. Thất bại trước lòng dũng cảm của hai ông, Trịnh Quang Khanh để lộ con người tàn ác ghê rợn của mình, ông bắt ông Thọ và ông Cỏn liếm máu những vết thương của ba cha. Thấy ông Cỏn khen là máu các cụ ngọt, Trịnh Quang Khanh quay qua nói với quan án: “*Ông hãy xem, nó kính các cụ như vậy thì nhất định là đã bị bỏ bùa mê. Các cụ đã cho nó ăn bánh thánh hóa ra chúng nó mê làm vậy*”.

Sau đó quan ra lệnh hành hạ hai ông thêm cho đến buổi chiều, cấm ngặt không cho ăn uống.

Lần thứ ba quan lại tra hỏi họ về các thừa sai trốn ở những đâu. Ông Thọ và ông Cỏn thưa rằng chỉ biết có Đức Cha Giacôbê Longer

DÒNG MÁU ANH HÙNG

đã chết lâu rồi, các cố Tây khác thì vua quan đã xử tử hết, còn đạo trưởng Vọng (Đức Cha Hermosilla) thì không biết. Các đạo trưởng người Nam cũng bị vua bắt xử nhiều rồi, còn lại số ít thì lưu lạc đây đó, bị giam ở đây thì làm sao biết được. Quan nổi nóng ra lệnh đánh ông Thọ 150 roi. Quan còn hành hạ nhiều lần bắt hai ông chối đạo. Có một lần quan truyền lệnh treo gông các ông trên xà nhà để các ông lơ lửng rồi cho lính đánh túi bụi vào cẳng chân, chân các ông bị nát hết, sau bị thối tha. Trong khi lính đánh các ông thì Trịnh Quang Khanh bảo ông Thọ hãy chối đạo đi để được tha, ông thưa lại: “*Quan hành hạ thế nào thì tôi xin chịu vậy, nhưng quá khóa thì không bao giờ*”.

Bấy giờ Trịnh Quang Khanh nghĩ ra một mưu, buộc ảnh thánh giá vào chân các ông để khi các ông đứng dậy bắt buộc phải đạp vào. Các ông mạnh bạo phản đối, nhất quyết giữ đạo trong lòng.

Thua keo này quan bẫy keo khác. Lần này Trịnh Quang Khanh định bắt vợ con đến cám dỗ và hành hạ họ may ra các ông mũi lòng thương vợ thương con mà bỏ đạo. Biết được mưu chước thâm độc, các ông nhẩn về nhà bảo vợ con trốn đi. Không bắt được vợ con, Trịnh Quang Khanh lại dụ dỗ đạp ảnh để được về nhà lo lắng cho vợ con, ông Thọ thưa: “*Cửa nhà và vợ con tôi là của Đức Chúa Trời, tôi chẳng có gì, chẳng tiếc gì. Tôi xin quan lớn cho tôi một lát gươm mà thôi*”.

- “*Nếu tao bắt được vợ con mày và làm khổ trước mặt, mày có bỏ đạo không?*”

- “*Dù quan có giết vợ con tôi, tôi cũng chẳng quá khóa bỏ mất phúc thiên đường*”.

- “*Vậy mày ước ao thiên đường lắm hả?*”

- “*Bẩm ông lớn, vì tôi mong ước phúc thiên đường cho nên tôi mới vui lòng chịu khổ như thế này. Khi nào quan lớn thương cho tôi một lát gươm, bấy giờ linh hồn tôi sẽ bay thẳng lên Trời*”.

Quan cười nói: “*Mày có cánh đâu mà bay?*”

- “*Những gông xiềng quan lớn bắt tôi mang, những roi đòn quan đánh tôi là những cánh đem tôi lên thiên đường vậy*”.

LM. VŨ THÀNH

Bị thua đầu, Trịnh Quang Khanh hèn hạ bắt ông Thọ xuống lò nước tiểu của quân tù từ trưa cho đến chiều. Ngoài ra ông còn bị giam cùm 6 ngày liền. Đến ngày thứ 6 thì ông kiệt sức. Thấy vậy con gái của ông là cô Thuyên xin lính canh cho cô vào săn sóc bố. Thấy cha mình bất tỉnh miên man, môi lưỡi cứng đơ, mắt nhắm lại, cô liền lấy nước xoa trên môi trên mặt dần dần cho mềm lại rồi cô cho ông uống nước. Ngày hôm sau ông mới tỉnh lại một chút.

Sự khổ cực của ông Thọ và ông Cồn phải chịu còn nhiều hơn nữa. Mỗi đêm khi lính thay phiên thì được lệnh phải đánh thức các ông, không cho ngủ. Khổ cực như vậy mà các ông vẫn tươi tỉnh vui vẻ không ca thán. Hai ông còn thường an ủi khích lệ nhau can đảm. Ngoài giờ đọc kinh các ông còn được rước lễ mấy lần. Trong tù các cha bị giam ở trên còn các ông phải giam ở lầu dưới. Ngày 9-8, các quan khép án xử tử các ông tội chứa chấp và giấu đạo trưởng. Ngày 6-11, án phê chuẩn của Minh Mệnh ra tới tỉnh. Tới ngày mùng 8 khi các ông ăn sáng xong, quan còn hỏi lại xem các ông có quá khóa không, các ông thưa lại rằng đó là ngày các ông được về quê thật.

Hai ông và ba cha bị dẫn ra pháp trường Bấy Mẩu. Ông Thọ bước đi nghiêm trang không quay ngang quay ngửa. Mặt ông sáng rạng vui tươi. Tới nơi, các ông quì xuống cầu nguyện và được các cha ban phép giải tội lần cuối cùng. Lý hình được lệnh chém một nhát, đầu ông Thọ rơi xuống đất. Các con của ông liền đem xác về nhà tại làng Kẻ Báng và táng tại nơi bị bắt đúng như di chúc của ông.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của ÔNG GIOAN BAOTIXITA CỒN (BỐN)

(bị bắt 30-5-1840, xử tử 8-11-1840)

Dưới thời Minh Mệnh, người chứa chấp đạo trưởng cũng bị xử tội như đạo trưởng. Ông Cồn biết rõ điều này nhưng lòng đạo đức đã thúc đẩy ông sẵn sàng chứa chấp những người ở trong nhà Chúa. Chính ông đã rước các chị Dòng Mến Thánh Giá ở Kẻ Trình về nhà bốn đạo trong làng Kẻ Báng, và Cha Thịnh về nhà cháu ông là ông Chiển. Ông nói với họ, nếu có chuyện gì xảy ra thì ông đứng ra chịu tội.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Tên thực của ông là Bón, về sau mới đổi thành Cồn. Ông chỉ có hai người con gái duy nhất. Dù đã làm lý trưởng ít năm song nhà ông vẫn nghèo. Ông làm việc rất công minh và rất lý sự, cũng vì vậy mà ông bị cất chức. Ông tự nhận là mình không siêng năng đọc kinh bằng người khác, nhưng nếu cha cậy nhờ đưa đi kẻ liệt thì dù có bệnh ông cũng đi.

Khi nghe biết ông Lý Mỹ và ông Trùm Đích vì chứa chấp các cha và đồ đạo mà phải chết, ông Cồn thấy hoàn cảnh cũng giống mình, ông đi đón hai xác của hai đấng tử đạo đưa về cho tới Kẻ Vĩnh. Trở về nhà ông nói với vợ con: *“Xác các đấng ấy tốt lành, linh hồn các ông ấy đã lên thiên đường rồi. Ta chịu khó đưa chân các đấng đi ẩn nấu thì sau này ta cũng nên thánh. Ta chịu khó giúp việc hội thánh dù có tội lỗi nhiều mà được một lát gươm thì cũng khỏi hết”*.

Khi Cha già Thịnh bị bắt ở nhà ông Chiến là cháu của ông, ông Cồn đã giữ đúng lời hứa, đứng ra nhận mình là người chứa chấp đạo trưởng. Suốt trong thời gian ở tù và bị tra tấn, ông Cồn và ông Thọ vẫn luôn bên nhau để nâng đỡ, dù hết mọi người giáo dân khác đã chối đạo hai ông vẫn một lòng trung thành với Chúa. Các ông bị quan hành hình với ý định sẽ làm cho các ông chối đạo như những người khác. Vừa bị đánh đau các ông còn được lệnh phải liếm máu từ vết thương của các cha nữa. Với lòng khiêm nhường, ông Cồn cúi xuống thân thể Cha Ngân và liếm máu. Trong lần tra tấn thứ ba, ông Cồn mới chịu được 60 roi thì đã thổ ra máu, lính phải kiêng về. Vì yếu đuối nên ông bị đánh đập ít hơn ông Thọ, nhưng vẫn phải giam nắng, bỏ khát và đánh thúc mỗi khi giao canh để không ngủ được. Trong một lần quan hỏi ai mang các đạo trưởng về, ông Cồn mạnh bạo thưa: *“Các đồ đạo và các đạo trưởng đến Kẻ Báng cũng là tại tôi cả”*.

- *“Các người có sẵn lòng quá khóa và từ nay về sau chùa không dám rước đạo trưởng nữa chăng?”*

- *“Bẩm quan lớn, chúng tôi không quá khóa. Còn việc chứa đạo trưởng khi quan lớn tha về nếu chúng tôi gặp trưởng đạo Tây hay Nam thì chúng tôi cũng đón về ngay”*.

- *“Hãy chối đạo đi rồi sau này đi xưng tội với các cụ đạo các người sẽ được tha”*.

LM. VŨ THÀNH

Hai ông Cồn và Thọ không thèm để ý đến lời dụ dỗ, một mực nói: “*Chúa chúng tôi thờ chúng tôi chẳng dám đạp*”.

Những ngày phải giam tù, hai ông bị làm khổ hơn các cha, đồng thời có lệnh canh các ông nghiêm ngặt. Thấy Sự đã dứt tiền cho lính để các cha được dễ dãi một chút nhưng lính canh ông Thọ và ông Cồn không dám nhận tiền, trái lại còn thi hành những lệnh cấm tỉ mỉ của quan. Con cái ông Thọ lên thăm cha vài lần, cũng thăm ông Cồn luôn. Ông Cồn buồn hỏi các cô tại sao không dẫn con ông lên thăm. Ông nhờ nhắn với vợ dẩy dỗ con cái cẩn thận và xin mọi người cầu nguyện cho mình và cho các bạn tù được sức mạnh chịu mọi sự khó cho đến phút cuối cùng.

Khi được tin án tử hình đã được vua Minh Mệnh phê và đã về tới tỉnh, ông Cồn sốt sắng đọc kinh, không cho ai vào nói chuyện nữa. Sang ngày 8-11 quan cho gọi hai ông ra để ép buộc quá khóa một lần nữa, ông Cồn thưa lại: “*Bẩm lạy quan lớn, chúng tôi không quá khóa, chúng tôi thà chết hơn là phạm tội ấy*”.

Ông Cồn thấy người ta điệu mình đi xử thì mừng rỡ nói: “*Hôm nay chúng tôi được về quê*”.

Nhìn thấy một người anh em khóc thì bảo: “*Chúng tôi vui mừng thì anh cũng phải mừng với chúng tôi, lẽ nào anh lại khóc?*”

Ông Cồn tươi tỉnh ra pháp trường chào hỏi mọi người. Tại pháp trường ông quì gối cầu nguyện, gơ cổ ra cho lý hình chém một nhát. Xác ông được đưa về an táng tại làng Kê Báng.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Y SĨ SIMON PHAN ĐẮC HÒA (THU)

(bị bắt 13-4-1839, xử trảm 21-12-1840 tại Huế)

Cuộc đời của Thánh Simon Hòa nêu cao đức tin có sức làm cho con người trở thành một công dân lương thiện, một người cha đức độ, một tông đồ nhiệt thành và một lính chiến anh dũng bảo vệ đạo thánh. Theo chứng từ của người con gái cả, đã theo lời cha trốn đi vào tu viện, thì ông tên là Phan Đắc Thu, con vị công thần Lại Bộ Thượng Thư Phan Đắc Thục. Mẹ ông tên là Đóa, vợ lẽ

DÒNG MÁU ANH HÙNG

của quan thượng thư. Sau khi cha chết, bà ngoại người tên là Can dẫn hai chị em người bỏ làng Mai Vinh, tỉnh Thừa Thiên, để về ở làng Lượng Kim, tỉnh Quảng Trị. Tại đây hai chị em được ông Tảo, một người Công Giáo đạo hạnh tại làng Nhu Lý, nuôi dưỡng. Năm người 12 tuổi, hai chị em được rửa tội gia nhập đạo Công Giáo và người lấy tên là Simon. Về sau bà ngoại người cũng trở lại đạo Công Giáo.

Thấy cậu Hòa học chữ nho giỏi và có tư cách thông minh, ông Tảo cho cậu vào nhà Đức Chúa Trời ở với Cha Nhân và sau đó vào chủng viện An Ninh. Sau này bề trên biết được Thầy Hòa là con vợ thứ thì cho thầy về. Trở về thế gian, Thầy Hòa đã 30 tuổi, đến ở nhà y sĩ Phương để học nghề thuốc và sau lấy con gái ông tên là Yêm, 18 tuổi. Hai ông bà có cả thầy 12 người con, trong đó có ba cô con gái đi tu. Thầy thường dẫn con cái đi dự lễ và xưng tội. Buổi chiều thầy đọc sách đạo cho cả nhà nghe. Ngoài ra thầy còn có lòng bác ái hay giúp đỡ người nghèo, đặc biệt thầy hay nhường thức ăn của mình cho họ để chứng tỏ lòng quý trọng yêu thương họ nữa. Thầy làm thủ chỉ làng Nhu Lý, kiêm trùm họ về đạo và chánh trương hàng xứ.

Khi Vua Minh Mệnh bắt đạo, thầy làm nhà riêng, tường có hai lớp để các cha dễ trốn ẩn. Thừa Sai De La Motte từ khi về Nhu Lý thường ở với ông. Ngoài ra thầy còn cho người thăm nuôi Cố Jaccard ở Ai Lao và cả khi người về Cam Lộ, và sau khi Cố Jaccard bị xử tử thầy đem xác người về chôn tại Nhu Lý.

Lúc đó trong làng có sự bất thuận và dân làng không muốn chứa chấp đạo trưởng nữa vì dân ngoại đã phong phanh biết có đạo trưởng ẩn trốn tại làng. Một mặt thầy viết thư cho Đức Cha Cuenot cam kết trung thành với đạo, và liệu cách cho Cố Y (De La Motte) trốn thoát. Thầy chỉ xin đức cha cầu nguyện cho thầy và xin đức cha mấy lời an ủi để mạnh sức xưng đạo nếu thầy bị bắt. Mặt khác thầy thu xếp với làng An Ninh để đưa Cố De La Motte sang bên đó. Đêm ngày 12, rạng ngày 13-4-1839, thuyền của giáo dân làng An Ninh đến, thầy đem Cố Y xuống và mang theo Thầy Phê, bà Cửa, và chị Hậu để bề bề thưa nói, làm như đồ đi chữa bệnh. Dầu kín đáo việc ẩn lậu đã bị người ngoại biết được, nên khi đồ vừa tới Hòa Ninh thì có lệnh hỏi đồ ai, Thầy Hòa trả lời: - “Đồ tôi”. - “Đồ tôi là đồ nào?” - “Đồ thầy thuốc Hòa”. - “Đồ nào thì đồ cũng phải ghé lại”.

Biết là nguy hiểm, thầy ghé bờ để cho Cố Y chạy trốn trước. Cố Y chạy đến làng Lệ Mông thì vấp chân té, những người đuổi theo đánh gậy vào đầu người làm máu chảy ra. Dân hai làng Lệ Mông và Lương Kim hiệp nhau bắt những người còn lại. Đến sáng ông Hòa thu xếp chuộc tiền với hai làng, song họ sợ quan trên nên không dám nhận, họ đóng gông và giải tất cả về huyện Đăng Xương. Quan huyện cũng cho lệnh bắt thêm ông xã Phêrô Duyên và sau này Thầy Gioan Trang cũng bị tố cáo nữa. Tất cả là 8 người bị giam tại huyện, rồi quan huyện giải lên tỉnh Quảng Trị.



T. SIMON PHAN ĐẮC HÒA
Tranh Phi Hùng

Tin một đạo trưởng Âu Châu bị bắt ngay sát nách đế đô làm Vua Minh Mệnh tức giận, nghi hoặc không biết còn bao nhiêu thừa sai lên lút nữa. Cố Y bị giải về kinh đô ngay, Thầy Hòa và các người khác thì hai tháng sau mới bị giải về kinh đô.

Từ khi bị bắt, Thầy Hòa bày cách cho mọi người phải khai thế nào cho hợp. Người con gái cả, sau làm bà dòng, đã đến thăm, Thầy Hòa nói: *“Hãy về nhà với mẹ, chị em giúp đỡ lẫn nhau, còn số phận của cha không thể tránh khỏi cái chết”*.

Trong hai tháng bị giam ở Quảng Trị các con cái khác đều đến thăm, Thầy Hòa khuyên: *“Cha rất vui mừng tuân theo thánh ý Chúa, các*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

con đừng buồn. Mọi đứa phải vâng lời mẹ con, săn sóc cửa nhà tử tế vì cha không thể lo lắng gì hơn được nữa”.

Trong thời gian ở nhà tù Quảng Trị, Thầy Hòa chỉ phải đeo gông tre nhẹ và được mọi người kính trọng, được tự do đi lại.

Về nhà tù ở trấn phủ tại Huế, Thầy Hòa vẫn vui vẻ dọn mình lãnh triều thiên tử đạo. Có người học trò đến thăm, thầy khuyên: *“Con đến thăm lần này đủ rồi, đừng đến nữa kẻo lính bắt, các con không chịu được các hình khổ. Sáng chiều con hãy đọc kinh và xin Chúa cho thầy được chịu chém vì đạo thánh Chúa. Khi đâu thấy rơi xuống rồi thì trò hãy năng đến thăm viếng an ủi bà và các con cái thầy. Các trò, thầy cũng coi như con và sẽ theo để phù giúp trên đường đời gian nan”.*

Thầy luôn luôn khuyên bảo các người cùng bị giam mạnh sức xung đạo và vui lòng chịu khổ vì Chúa. Các quan cũng đến dụ dỗ thầy chối đạo để được về với vợ con, thầy nói: *“Dẫu tôi phải mất vợ mất con mất hết của cải và cả sự sống nữa, tôi cũng không bao giờ bỏ Chúa tôi thờ”.*

Lần khác quan đến cột thánh giá vào chân rồi hô lên là Thầy Hòa chối đạo, Thầy Hòa la to hơn rằng đó là việc quan làm chứ người không ứng chịu. Tại nhà tù trấn phủ, Thầy Hòa phải đeo gông nặng hơn, tuy vẫn được các quan kính nể. Thầy cũng xếp đặt mọi cách để giúp Cố De La Motte nhưng quan giam biệt và cấm mọi liên lạc, phải ăn uống cơm của lính dọn cho tù. Cha De La Motte không chịu đựng nổi các khổ cực tra tấn và của nhà tù nên người đã chết trong tù ngày 3-10-1839 sau 6 tháng bị giam tù.

Chúng ta không được biết Thầy Hòa bị tra tấn bao nhiêu lần, riêng tại trấn phủ, người con trai tên Hưng nói là thầy bị tra tấn ba lần, mỗi lần 40 roi và bị kim kẹp nữa. Có sách viết người bị tra hỏi hơn 20 lần. Có lần bị kẹp đau quá người xin quan cho phép nói vài lời. Được phép, người trình bày các lý lẽ làm chứng đạo Chúa là đạo tốt lành chân thật. Người lương cũng đến dụ người bỏ đạo, nhưng người khuyên lại họ: *“Đạo tôi dạy chẳng những là phải giữ trong lòng, mà còn phải giữ bề ngoài và xưng ra trước mặt vua quan. Đạo cũng cấm lừa dối cho nên tôi có chết cũng không bao giờ nói dối hay bỏ đạo theo lệnh vua được”.*

LM. VŨ THÀNH

Khi thầy Hòa bị giam ở trần phủ, có lần vợ bỗng đưa con nhỏ đến thăm, thầy ôm hôn nó vào lòng nói: “*Khi cha bị bắt con mới có một tháng mà bây giờ đã tập tễnh biết đi*”.

Với vợ hiền, thầy trời trần: “*Hãy can đảm đừng buồn sầu vì số phận tôi phải chịu. Cái chết của tôi làm vinh danh Chúa. Hãy xem việc gì đã xảy ra cho ông ký Đạo bị giam tù chết vì bệnh thổ tả chẳng được lợi ích gì. Hãy khuyên bảo con chúng ta biết tuân theo thánh ý Chúa. Việc tương lai của chúng, tôi đã ghi trong tờ di chúc. Còn về phần các học trò của tôi hãy coi chúng như con vậy. Tôi đã chỉ dạy cho y sĩ Khiêm nhưng chưa giúp gì cho trò Thiện, vậy hãy tỏ tình thân ái và sau khi tôi chết đưa áo tang, giấy và khăn tang nếu bố của nó đồng ý, nếu bố nó không chịu thì thôi*”.

Sau lần gặp gỡ vợ con này, Thầy Hòa nghe biết Minh Mệnh muốn bắt vợ con mình, Thầy Hòa không còn được gặp lần nào nữa.

Sau cùng các quan Bùi Ngọc Quý và Võ Xuân Cẩn đã làm án cho Thầy Hòa. Nội dung bản án như sau: “*Có lệnh cấm tà đạo nghiêm ngặt thể mà đạo trưởng Âu De La Motte vẫn mang theo các sách và đồ đạo lén lút ở trong nước để gieo rắc những sai lầm. Tên Phan Đắc Hòa người bản xứ theo đạo Giatô đã chứa chấp đạo trưởng De La Motte trong nhà, cả gan làm tường hai lớp và có hầm để ẩn giấu. Hơn nữa khi bị lộ còn đem thừa sai đi trốn ở nhà mục Khiêm, nhiều lần đến thăm và sai cháu là Thị Hậu cùng với người nhà tên Diên đến thăm nuôi. Ngoài ra còn sai tên Truật theo hầu, dẫn đường cho đạo trưởng... Sau nhiều lần tra hỏi không những nó đã thú nhận sự thật mà còn sẵn lòng chịu chết. Thật không thể thoát khỏi hình phạt. Sau đó theo những lệnh của đồ sát viện cấm người Âu Châu ban hành năm Minh Mệnh thứ 16... người chứa chấp cũng chịu một hình phạt như đạo trưởng Âu. Một lệnh khác truyền rằng những người rao giảng tà đạo phải xử giảo chờ lệnh. Theo vụ án xử hai đạo trưởng Âu Trùm Cả và Trùm Hai ở Nam Định bị xử trảm quyết và bêu đầu. Các vụ án xử Đỗ Văn Chiểu và những người khác phải tốc hành trảm quyết. Vậy chúng tôi phải áp dụng hình phạt như cho Trùm Cả và Trùm Hai cũng phải áp dụng cho đạo trưởng Âu De La Motte. Người chứa chấp là Phan Đắc Hòa cũng phải chịu chém đầu và bêu đầu để làm gương cho người khác khiếp sợ*”.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Ngày 13-11, chúng tôi các thượng quan bộ hình Lâm Duy Ngãi, Lí Bá Tú và Nguyễn Duy Chánh vâng lệnh Hoàng Thượng phê án: Tên Phan Đắc Hòa, người bản xứ đã chứa chấp đạo trưởng Âu De La Motte, đào hầm và xây tường hai lớp để dễ trốn tránh. Thường xuyên trợ cấp và thăm viếng. Với tội phạm táo bạo như thế còn tìm hình phạt nào khác? Vậy chúng tôi truyền phải đem tên Phan Đắc Hòa chịu gươm đâm và cắt đầu bêu cho dân chúng khiếp sợ”

Ngày 21-12-1840, quan lãnh binh và quan bộ dẫn 30 lính đến đem Thấy Hòa đi xử. Quan bộ cỡi ngựa đi đầu rồi đến quan giám sát, Thấy Hòa đeo gông vẫn đi giữa 4 tên lính cầm gươm sẵn sàng và ở giữa hai hàng lính, trước mặt thấy một tên lính cầm bản ghi án. Một tên khác đi sau cầm gươm dùng để chém. Khi Thấy Hòa ra khỏi cửa thành có ba tiếng trống và quan tuyên đọc bản án. Khi đoàn người đến chợ An Hòa thuộc họ Đốc Sơ, quan giám sát truyền lệnh dừng lại Ông Quán trải hai tấm chiếu xuống đất và một tấm vải trắng để Thấy Hòa quì lên trên. Từ khi bước ra khỏi tù, khuôn mặt Thấy Hòa vẫn điềm nhiên và chiếu rạng vui tươi. Theo qui định trước, Cha Ngôn sẽ đứng đằng sau ông quan để ban phép giải tội cho Thấy Hòa. Lúc ấy Thấy Hòa biết chắc có Cha Ngôn liền quì xuống thong hởi để đón nhận phép giải tội trong khi quan ra lệnh cởi gông và trói tay sau lưng. Bỗng nhiên quan giám sát ra lệnh ngưng lại và truyền một tên lính chạy về nhà tù trấn phủ lấy thánh giá ra để ép Thấy Hòa đập lên. Đặt thánh giá dưới đất trước mặt Thấy Hòa, quan khuyên: “Đất người ở, cơm người ăn, nước người uống thuộc về ai? Người là tôi tớ của ai? Vậy mà Hoàng Đế truyền lệnh người dám từ chối không vâng lệnh. Vậy nếu người không vâng lệnh, không đập ảnh dưới chân chắc chắn người phải chết, người không thể mạnh hơn vua. Tốt hơn người đập ảnh đi và được trở về nhà với vợ con rồi ta sẽ cho người tự do giữ đạo mà không sợ roi vọt bắt bớ về sau nữa. Nào đập ảnh đi”.

Thấy Hòa thưa: “Tôi thờ kính một Thiên Chúa và tôi cầu xin được trung thành phục vụ Người đến cùng. Tôi không đập ảnh”.

- “Người không muốn đập ảnh thì hãy cầm lên đi và ném xuống đất ta cũng sẽ tha cho”.

- “Việc này không gọi là trung thành với Chúa được. Tôi xin cảm ơn vua và quan lớn, xin hãy áp dụng hình phạt vua đã truyền xử tôi và đừng nài ép tôi nữa, không ích gì đâu”.

- “Tất cả mọi sự đã sẵn sàng xử người”.

- “Vây đủ rồi, hãy kết thúc đi”.

Các lý hình lại trói tay thầy Hòa và quan giám sát đọc lại bản án viết trên thẻ gỗ và ra lệnh sau tiếng trống thứ ba thì chém đầu. Thế nhưng mới tiếng trống thứ nhất, lý hình đã chém đầu thầy gần rơi khỏi cổ. Chúng lấy gươm cắt đứt đầu khỏi cổ và tung lên trời cho mọi người xem thấy. Đầu rơi xuống đất ngay chỗ xác người. Sau đó các quan và lính rút lui còn lại một mình quan đội canh cái đầu. Sau quan đội giao cho làng Đức Sơ ngoại đạo để bêu đầu đủ ba ngày. Mọi việc hoàn tất vào lúc quá nửa trưa. Các người lo việc an táng lấy vải cuốn xác giữ lấy chờ khi lấy được đầu sẽ mang về chôn ở Nhu Lý.

Nhận Xét Tổng Quát Về Cuộc Bách Hại Đạo Công Giáo Trong 21 Năm Dưới Thời Vua Minh Mệnh

J trong lịch sử bắt đạo ở Việt Nam, cuộc bắt đạo dưới thời Minh Mệnh là nổi bật về thái độ thù ghét đạo Công Giáo hơn cả và là cuộc bắt đạo tàn bạo, khoa học và rất luật pháp. Các vị anh hùng tử đạo đã hoàn toàn tự do đón nhận vinh dự được đổ máu vì đức tin Kitô chứ không chịu để chuộc tự do bằng tiền bạc hay bằng lời khai gian dối. Các đáng đều lãnh nhận một bản án tử đạo rõ ràng.

Lý do của cuộc bách hại chính là thái độ thù ghét đạo Công Giáo của Minh Mệnh. Trong khi ít giao tiếp với các thừa sai, Minh Mệnh đi tìm một lập trường của mình trong các sách cổ Trung Hoa và đưa lý thuyết Nho Học lên địa vị độc tôn, vì Nho Học củng cố chế độ quân chủ chuyên chế. Chính vì mộng ước muốn biến mình thành chúa tể mà Minh Mệnh đã nổi giận trước thái độ suy tôn một Thiên Chúa của người Công Giáo và coi Hoàng Đế chỉ ở bậc thứ nhì. Minh Mệnh coi đạo Công Giáo do ngoại nhân đem vào là một xỉ nhục cho quốc gia, một tai họa cho dân chúng. Với Minh Mệnh, trong nước không thể có hai vua cũng như không thể có hai tôn giáo, đã có đạo tự nhiên thờ kính ông bà rồi thì không thể có đạo thờ Thiên Chúa trời đất. Minh Mệnh mô phỏng đạo Công Giáo để lập ra các lễ lạy và 10 điều răn cho dân chúng để thẩm nhập.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Nhịp độ bắt bớ người Công Giáo tùy thuộc vào hoàn cảnh chính trị trong nước. Ta có thể chia cuộc bách hại đạo Công Giáo của Minh Mệnh thành hai giai đoạn:

- Giai đoạn thứ nhất khi chưa nắm vững ngai vàng vì còn nhiều cựu thần và giặc già (1820-1833), Minh Mệnh còn dè dặt trong cuộc bách hại đạo Công Giáo;
- Giai đoạn thứ hai sau khi đã dẹp xong giặc già và củng cố được lớp quan lại trung thành và mù quáng với chế độ quân chủ, điển hình là những người như Nguyễn Công Trứ, Minh Mệnh thẳng tay thi hành chương trình tiêu diệt đạo Công Giáo (1833-1841).

Kế hoạch bắt đạo trong giai đoạn thứ nhất của Minh Mệnh rất khôn khéo. Để tránh tiếng là một hôn quân bạo chúa, Minh Mệnh xúi các quan làm tờ kiến nghị lên án đạo Công Giáo là tà đạo, mê hoặc dân chúng, làm hủy hoại thói lành trong nước. Các quan liên tiếp viết các kiến nghị như kiến nghị ngày 12-2-1825, kiến nghị tháng 8-1826, lệnh ngày 1-1-1827, lệnh tháng 9-1830. Chương trình tinh vi của Minh Mệnh là khủng bố tinh thần giáo dân với những sắc lệnh cấm đạo và lên án đạo Công Giáo là tà đạo, ngăn chặn số thừa sai vào nước, tập trung các thừa sai để vô hiệu hóa các hoạt động truyền giáo, cấm chứa chấp đạo trưởng.

Bắt đầu từ giai đoạn hai Minh Mệnh hạ lệnh xử tử đạo trưởng cũng như những người chứa chấp đạo trưởng và những người cố chấp, đồng thời phủ dụ dân chúng bằng 10 điều huấn dụ ngày 15-7-1834. Nhưng trước các kế hoạch nói trên số tín hữu vẫn gia tăng đến nỗi Minh Mệnh sợ có thể trở thành mối nguy lớn nếu họ nổi loạn. Từ năm 1838 Minh Mệnh ra lệnh đánh đập tra khảo tàn ác không chút thương xót.

Chính Minh Mệnh đưa ra những lời vu cáo chế diễu đạo, như móc mắt người sắp chết làm bùa mê, trai gái chung chạ nhau để lấy chất làm thuốc mê quyến rũ. Trong các hình khổ tra tấn, Minh Mệnh đã sáng chế ra một thứ cổ quái là lấy răn độc đút vào áo của các nữ tín hữu trong khi cột chặt các ống chân ống tay áo để răn không chui ra được.

Lệnh của Minh Mệnh không hẳn là được mọi quan thi hành, tuy nhiên các quan trông thấy Minh Mệnh là run sợ nên cũng phải thi

LM. VŨ THÀNH

hành cho có lệ. Người bị Minh Mệnh khiển trách không thi hành lệnh vua là Trịnh Quang Khanh, quan tổng đốc tỉnh Nam Định, một nơi có đông đảo giáo dân Công Giáo. Minh Mệnh đã biến Trịnh Quang Khanh thành tên đồ tể sát hại không biết bao nhiêu người Công Giáo để giữ vững địa vị. Thâm độc không kém gì Minh Mệnh, Trịnh Quang Khanh dùng tù nhân làm mật thám để lùng các nơi trú ẩn của linh mục, và hành hạ thân nhân để tra khảo. Kết quả riêng tại Nam Định số các anh hùng tử đạo được tôn phong thật là cao, gần một nửa số nạn nhân của Minh Mệnh. Trong số 58 thánh tử đạo dưới thời Minh Mệnh thì Nam Định đã đóng góp 24 vị. Số còn lại thuộc các tỉnh khác nhau: Quảng Bình 5, Sơn Tây 4, Nghệ An 1, Hà Nội 4, Ninh Bình 3, Bắc Ninh 7, và Hải Dương 2.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

LM. VŨ THÀNH

PHẦN V
NHỮNG CUỘC BÁCH ĐẠO
THẾ KỶ 19

CHƯƠNG 1

Đức Giáo Hoàng Grêgoriô XVI & Tử Đạo Việt Nam

Trong việc tôn phong các anh hùng tử đạo Việt Nam và đưa các đấng lên đài vinh quang trước mặt toàn thể thế giới phải kể công đầu là Đức Thánh Cha Grêgoriô XVI. Trước hết chúng tôi xin giới thiệu con người của Đức Thánh Cha Grêgoriô XVI và sau đó việc người làm cho giáo hội Việt Nam đang lúc bị bách hại gắt gao nhất.

I. Vài nét nổi bật về Đức Thánh Cha Grêgoriô XVI

Các sử gia giáo hội như Goyau hay Schmidlin đã tặng cho người tước hiệu “*Vị Đại Giáo Hoàng Truyền Giáo của thế kỷ 19*” hoặc “*Giáo Hoàng Truyền Giáo*”. Quả thực biệt hiệu các sử gia tặng cho người rất đúng với hoạt động của người.

Tên người là Bartolomeo Alberto Cappellari, tu sĩ dòng Biển Đức với thánh hiệu Fra Mauro, người Ý, sinh năm 1765 tại Bắc Venetia. Người có tài lãnh đạo và hết mực trung thành với Tòa Thánh. Nhờ đó người bước lên những chức vị then chốt trong giáo hội. Người làm bề trên cả của dòng Biển Đức, là cố vấn của nhiều bộ trong giáo triều Rôma và năm 1826 người được chỉ định làm tổng trưởng Bộ Truyền Giáo.

Trong giáo hội cũng như ngoài các chính phủ, người nào có tầm hiểu biết rộng và nắm vững tin tức là nắm vững quyền lực. Các vị giáo hoàng thường xuất thân trong ngành ngoại giao vì các đấng biết nhiều và từng trải nhiều. Bộ Truyền Giáo cũng là một trung tâm tin tức của giáo hội trên thế giới nhờ các phúc trình của các vị thừa sai.

Đức Thánh Cha Grêgoriô hơn ai hết hiểu biết rõ tình hình các giáo hội địa phương, các khó khăn và thiếu sót. Khi làm tổng trưởng Bộ Truyền Giáo, người đã tích cực hỗ trợ cho Hội Truyền Giáo Phúc Âm và Hội Hải Đông, là những tổ chức quyền góp giúp các thừa sai và các địa điểm truyền giáo. Cũng chính người đã đẩy mạnh việc huấn luyện các linh mục bản xứ, thành lập hàng giáo sĩ và giáo phẩm địa phương.

Người được các Hồng Y bầu làm Giáo Hoàng ngày 2-2-1831. Giáo hội lúc này đang trải qua một khúc quanh lịch sử để thoát khỏi những chi phối của các đế quốc Âu Châu, các trào lưu tư tưởng cách mạng, tự do..

II. Đức Thánh Cha Grêgoriô XVI và cuộc bách hại đạo Công Giáo tại Việt Nam

Khi người làm tổng trưởng Bộ Truyền Giáo năm 1826 thì Minh Mệnh đang cai trị Việt Nam, và vừa ra lệnh cấm thừa sai mới đến và tập trung các thừa sai có mặt trong nước về Huế, với danh nghĩa làm quan thông dịch cho triều đình, nhưng thực ra là để giam lỏng các thừa sai. Các thừa sai ở xa như ngoài Bắc hay trong Nam không ra mặt, chỉ hai hay ba cha ở kinh đô bị bắt.

Đến năm 1831, người lên làm Giáo Hoàng thì Minh Mệnh cũng bắt đầu giai đoạn bách hại đạo trưởng và những người chứa chấp. Có những cuộc ép buộc chối đạo nhất là trong đám quân ngũ. Đầu năm 1833 Minh Mệnh ra sắc lệnh thực sự bắt đạo toàn diện: *“Phải bắt cho bằng hết các đạo trưởng, giáo dân phải hành hạ thế nào để họ chối đạo”*. Suốt trong triều đại giáo hoàng của người, người chỉ nghe toàn tin bắt đạo tại Việt Nam và Trung Hoa. Khi Minh Mệnh đã đến lúc say máu người Công Giáo, đến nỗi các sử gia phải gọi ông là Néron Việt Nam, ông chỉ muốn đắc thắng thấy người Công Giáo phải đập ảnh, nhưng Minh Mệnh đã tức tối vì không được hả dạ nên ba năm cuối đời của ông, ông đã lên án tử hình trên 50 vị anh hùng Kitô. Với cái nhìn và quan tâm về công cuộc truyền giáo, khi thấy 29 linh mục, 9 thừa sai, 4 giám mục bị giết, Đức Thánh Cha Grêgoriô đã làm mọi cách để trợ giúp giáo hội anh hùng Việt Nam.

a. Kêu gọi toàn thế giới cầu nguyện cho giáo hội Việt Nam

Hội Truyền Bá Phúc Âm đã tung chiến dịch thế giới cầu nguyện cho giáo hội đang bị bách hại. Tuy có nhiều anh hùng tử đạo nhưng cũng có đến bốn trăm ngàn (400.000) giáo hữu bị đặt trước chọn lựa chối đạo hay chết vinh quang. Đức Thánh Cha Grêgoriô đã tán thưởng chiến dịch này và ngày 7-4-1839 đã ban cho các tín hữu ba loại ân xá:

1. Ân xá 300 ngày cho những ai đọc kinh cầu xin Chúa chấm dứt tình trạng đổ máu người Kitô tại Viễn Đông.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

2. Ân xá 100 ngày cho những người đọc lời kêu xin: “*Lạy Trái Tim Đức Chúa Giêsu xin thương xót chúng con. Lạy Trái Tim cực sạch Đức Bà Maria, cầu cho chúng con. Lạy ông Thánh Giuse là bạn thanh sạch Đức Mẹ Đồng Trinh Maria, cầu cho chúng con*”, với ý chỉ như trên.

3. Ân đại xá (thường chỉ ban bốn lần trong một năm vào các tháng 3, 5, 9, 12) đặc biệt cho những người đọc các câu than trên hay làm việc lành để cầu nguyện cho giáo hội lúc bị bách hại.

Các ân xá trên phải đi kèm với việc lành bí tích và cầu theo ý chỉ Đức Thánh Cha. Thường các ân xá được chỉ cho các linh hồn nơi luyện tội, cũng được áp dụng cho giáo hội tại Việt Nam và Trung Hoa đang trong cơn bất bở.

b. Thư an ủi giáo dân Việt Nam ngày 4-8-1839

Thư này tới Việt Nam và công bố năm 1840. Trong bức thư, trước hết Đức Thánh Cha nói lên niềm đau đớn cũng như an ủi khi nghe tin tức của các vị chủ chăn chịu chết vì đạo tại Trung Nam Bắc: “*Một phần cha vui mừng vì những chiến thắng vinh quang mới đây của Giáo Hội Chúa Kitô và làm bẽ bàng dân vô đạo. Thật đáng ca ngợi sự thánh thiện và lòng dũng cảm của biết bao nhiêu người đã chiến đấu bảo vệ đạo Chúa Kitô. Đàng khác cha cũng buồn vô cùng khi thấy chúng con phải mất chủ chăn, phải gặp bao nhiêu nguy hiểm. Cùng với lòng ưu ái lo lắng đặc biệt của toàn giáo hội, cha sẽ sai đến các vị chủ chăn khác để hướng dẫn và dẫn dắt chúng con theo con đường của Chúa. Cha e sợ rằng chủ chăn bị đánh đập đoàn chiên sẽ phải tan tác vì sợ hãi cực hình, nên cha hằng dâng lời khẩn nguyện lên Thiên Chúa nhân lành ban ơn hỗ trợ từ trời cao, để củng cố chúng con hầu có thể chống lại được mọi khủng bố của người vô đạo. Chính vì thế mà cha gửi thư này để thúc dục chúng con hãy giữ đức tin Công Giáo cho toàn vẹn. Đừng sợ những người chỉ giết được xác mà không làm hại được hồn, nhưng hãy sợ Đấng có thể để chúng con cả xác cả hồn vào hỏa ngục. Đừng hoảng sợ trước cuộc thử thách vẫn vôi, nhưng hãy tin rằng chúng sửa soạn cho chúng con được vinh quang vô vàn. Chúng con hãy hướng mắt nhìn lên Chúa Giêsu đang kêu gọi chúng con, hãy nhìn xem gương can đảm của các vị chủ chăn đã liều mạng vì chúng con. Cha cũng vô cùng đau đớn nghe tin rằng một số đồng vì sợ tra tấn nhục hình đã hổ thẹn không dám tuyên xưng Chúa Kitô trước mặt*”

LM. VŨ THÀNH

người khác. Cha khuyên họ hãy lấy nước mắt thống hối mà rửa sạch tội ác ghê gớm ấy cùng tha thiết xin ơn tha thứ.

Các con thân yêu, những người đã can đảm không chối đạo, đừng bao giờ nản lòng vì những khổ khổ, hãy ngược trông lên trời nơi dành cho những người chiến thắng triều thiên bất tử. Ngày gian khổ thì vẫn vơi, nhưng theo sau có ơn an ủi dồi dào, và hạnh phúc trường sinh đang đợi chúng con. Chúng con sẽ không phải chịu bất bỏ tàn nhẫn mãi như vậy. Sẽ có một ngày chúng con được lau sạch nước mắt, được thoát khỏi cơn bão táp khủng khiếp và được ơn an bình phụng sự Thiên Chúa hằng sống chân thật”.

c. Mật nghị tuyên dương các anh hùng tử đạo là bậc Đáng Kính ngày 27-4-1840

Trong bài huấn dụ, Đức Thánh Cha nhắc đến tình trạng bi thảm của giáo dân Bắc Việt và những nước lân cận, đồng thời không quên nói lên lòng ưu ái của giáo hội đã kêu gọi thế giới dâng lên lời cầu nguyện hy sinh liên đới với các anh em giáo dân bị bách hại. Đức Thánh Cha nói: “*Lúc này Tòa Thánh đã thấu đạt được nhiều tin tức khá đầy đủ về những biến cố chính trong mấy năm vừa qua của các đấng đã dâng thân xác mình làm chứng đức tin nơi Chúa Kitô và làm cho Chúa được vinh danh qua các lính chiến của Người*”.

Sau đó Đức Thánh Cha lược qua các biến cố từng tháng từng năm của các anh hùng tử đạo, đặc biệt là gương của các vị giám mục, thừa sai, linh mục và ba binh sĩ dũng cảm. Đức Thánh Cha nói tiếp: “*Chư huynh đáng kính, chư huynh vừa nghe bản ca ngợi vẫn tất đoàn người thuộc nhiều dòng và cấp bậc khác nhau tại Viễn Đông đã tôn vinh và làm rạng rỡ đức tin nơi Chúa Kitô, không những bằng nhiều hình khổ và tra tấn mà còn đổ chính máu mình ra. Ước gì Thiên Chúa ban cho chúng ta đủ phương thế thiết lập hồ sơ tin tức để Tòa Thánh có thể chính thức long trọng tuyên dương sự chiến thắng khai hoàn của những anh hùng tử đạo mới để cho giáo dân tôn kính. Trong khi chờ đợi, chúng ta tin chắc rằng Chúa chúng ta sẽ ban ơn trợ giúp, tăng cường họ chiến thắng, đồng thời cũng trông đến giáo hội hiền thê của Chúa được trang điểm bằng máu con cái Người và sớm cứu giáo hội khỏi những vu khống thù nghịch, đặc biệt là tại những nước đang thấm máu đào. Và như thế giáo hội sẽ được Chúa Cứu Thế làm tăng thêm hoa trái công chính và thêm số các tín hữu...*”

DÒNG MÁU ANH HÙNG

d. Những sắc lệnh khởi đầu hồ sơ điều tra án phong thánh

- Bộ Truyền Giáo đứng đơn xin mở hồ sơ phong thánh cho cha Gagelin (1833) và các bạn tử đạo. Đức Thánh Cha Grêgoriô chấp thuận ngày 24-5-1840.
- Đức Thánh Cha ký sắc chỉ thành lập ủy ban điều tra ngày 14-6-1840.
- Sắc lệnh ngày 19-6-1840 sáp nhập hồ sơ Giám Mục Delgado (1838) và các bạn tử đạo vào hồ sơ trước.
- Sắc lệnh thêm vài tên của các vị tử đạo dưới thời Tây Sơn ngày 9-7-1843 (Hồ sơ của Trung Hoa bắt đầu từ năm 1842, năm 1843 sát nhập chung vào hồ sơ Việt Nam).
- Những tông thư liên quan đến giáo hội Việt Nam trong kỳ bắt đạo.
- Tông thư của Đức Thánh Cha Grêgoriô XVI ban quyền cho các giám mục tại Việt Nam được chọn người kế vị và phụ tá: Địa phận dòng (O.P.) 2-8-1839, địa phận thuộc hội thừa sai 10-12-1839.
- Tông thư Ex Debito Pastoralis 17-3-1846 chia địa phận Vinh từ Hà Nội.
- Tông thư ngày 11-3-1844 chia địa phận Đông Đàng Trong (Qui Nhơn) và địa phận Tây Đàng Trong (Sài Gòn).

Tình Hình Giáo Hội Việt Nam Giữa Thời Minh Mệnh & Tự Đức

Những sắc lệnh và các cuộc lùng bắt tận diệt đạo Công Giáo trong những năm cuối cùng của Minh Mệnh 1838-1840 tưởng chừng như giáo hội Việt Nam không còn cơ đứng vững. Tuy nhiên lời nói của Tertulian ngày xưa hoàn toàn đúng với hoàn cảnh giáo hội đẫm máu và trở sinh của Việt Nam: “*Máu của các anh hùng tử đạo là hạt giống phát sinh các tín hữu*”. Quả thực người tín hữu cũng như lương dân thi nhau thắm máu các đảng và tự nhiên đức tin càng được nuôi dưỡng mạnh như dầu đổ vào lửa đến nỗi giáo hội hoàn cầu phải thán phục và Đức Thánh Cha, vị chủ chăn giáo hội, phải tức tốc thành lập thêm nhiều giáo phận mới.

1. Thành lập các giáo phận Qui Nhơn và Sài Gòn (1844), Huế và Nam Vang (1850)

Từ năm 1659 địa phận Đàng Trong chạy dài từ sông Gianh đến Mũi Cà Mau, bao gồm cả Cao Mên và phần đất Ai Lao, nhưng thực tế đạo Kitô chỉ được nẩy nở trong tâm hồn dân Việt vốn có lòng thành khẩn với Trời và yêu thương đồng loại. Năm 1833 Minh Mệnh bắt đầu chương trình tiêu diệt đạo bằng việc lùng bắt các thừa sai và linh mục. Đức Cha Taberd đã phải lẩn trốn sang Cao Mên cùng với một số thừa sai. Những thừa sai còn lại đã trở thành rường cột và đuốc sáng làm rạng danh đạo Kitô bằng cái chết tử đạo như của Cha Gagelin năm 1833, Cha Marchand năm 1835, Cha Jaccard năm 1838 và một vài thừa sai khác chết trên rừng núi khi ẩn trốn để hướng dẫn giáo hội trong âm thầm.

Trong hoàn cảnh khó khăn, Đức Cha Taberd đã truyền chức Giám Mục cho Cha Cuénot Thê ngày 3-5-1835 để lên về Qui Nhơn tổ chức giáo hội. Ngày 21-6-1835 đức cha thành công lên về được tới Phú Yên. Tình hình giáo hội lúc này gồm có 80.000 giáo dân, 6 thừa sai, 26 linh mục. Đức Cha Cuénot Thê tức tốc xin phép Tòa Thánh phong chức linh mục cho những thầy giảng đã lão luyện trong cơn thử thách mặc dù không biết tiếng Latinh, cùng với phép làm lễ lúc ba giờ sáng, được đọc thắm và chuẩn ăn chay kiêng thịt. Đức Cha lập ngay hai chủng viện ở An Ninh (gần Huế) và ở Lái Thiêu. Các

DÒNG MÁU ANH HÙNG

nhà dòng nữ cũng được củng cố lại trong 18 nhà gồm có 250 nữ tu. Ngoài ra Đức Cha cũng xin Tòa Thánh cho phép chọn giám mục phó khi hay tin đức cha chính là Taberd qua đời (17-7-1840), và người chính thức lên kế vị. Năm 1841 đức cha tổ chức hội nghị toàn thể địa phận để phát động chiến dịch truyền giáo mới, phong Cha Lefebvre làm đức cha phó và khởi sự hồ sơ điều tra phong thánh cho những anh hùng tử đạo.

Việc hệ trọng đến tương lai là chia địa phận, như là một điều kiện để bành trướng đức tin và giảng đạo hữu hiệu, cũng như an toàn trong thời kỳ cấm cách. Ngày 11-3-1844 Tòa Thánh ký sắc lệnh thành lập hai địa phận Conchinchine Oriental (Qui Nhơn) và Occidental (Sài Gòn). Khi sắc lệnh tới Việt Nam thì Đức Cha phó Lefebvre bị bắt và giam tù ở Huế.

Việc phân chia các địa phận được ấn định như sau: Qui Nhơn do Đức Cha Thể phụ trách và Sài Gòn do Đức Cha Lefebvre. Tại Qui Nhơn Đức Cha Thể chọn Thừa Sai Pellerin làm đức cha phó và phụ trách vùng bắc ở Huế. Tại Sài Gòn, Đức Cha Lefebvre chỉ định Thừa Sai Miche. Địa phận Sài Gòn lúc ấy gồm 6 tỉnh: Đồng Nai (Biên Hoà), Gia Định (Sài Gòn), Định Tường (Mỹ Tho), Long Hồ (Vĩnh Long), An Giang (Châu Đốc), và Hà Tiên, cộng với toàn nước Cao Mên và phần đất Ai Lao giáp tiếp. Dân số Sài Gòn là 3.600.000 người, trong đó có 23.000 người là Công Giáo. Về nhân sự gồm có Đức Cha Lefebvre, Đức Cha Miche, Thừa Sai Duclos, Fontaine, 16 linh mục Việt và 10 chủng sinh ở Penang, 20 chủng sinh tại học viện.

Không bao lâu Đức Cha Thể lại đề nghị Tòa Thánh chia địa phận nhỏ hơn nữa. Ngày 27-8-1850, Tòa Thánh ký sắc lệnh Postulat Apostolici thành lập địa phận Huế và sắc lệnh Quoties Benedicente ngày 30-8-1850 thành lập địa phận Nam Vang. Đức Cha Pellerin coi địa phận Huế và Đức Cha Miche coi địa phận Nam Vang (Cao Mên). Tại địa phận Huế Đức Cha Sohier làm phụ tá Đức Cha Pellerin năm 1852. Ngoài ra địa phận gồm có Thừa Sai Galy và 10 linh mục coi các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên.

Phương pháp truyền giáo của Đức Cha Cuénot Thể là tụ tập từ 10 đến 15 hay 30 tân tòng trong một nhà để dạy giáo lý. Đàn bà dạy cho đàn bà và đàn ông cho đàn ông. Mỗi tuần thầy giảng đến hai ba lần cắt nghĩa giáo lý và biện bác những sai lầm dị đoan. Các tân tòng ăn

LM. VŨ THÀNH

chung và nghe sách trong các lần họp. Ngày rửa tội địa phận tặng cho một bộ áo trắng kỉ niệm. Đức cha chia các thầy giảng thành ba bậc. Bậc nhất có khoảng 21 thầy là những người có khả năng và kinh nghiệm dạy giáo lý. Bậc nhì gồm 35 thầy, thường theo các cha đi các họ đạo làm phúc và giúp giáo dân lãnh nhận các bí tích, mỗi cha có khoảng 4 thầy. Bậc thứ ba gồm một số trưởng gia đình, lo trật tự, sửa soạn việc rửa tội và cưới xin, săn sóc người ốm.

2. Thành lập hai địa phận Vinh và Hà Nội năm 1846

Cuộc lũng bắt các thừa sai năm 1833 bắt buộc Đức Cha Havard phải trốn tránh lên miền rừng núi Bạch Bát ở Ninh Bình. Khi biết sức mình đã kiệt, đức cha để lại di chúc ngày 02-7-1836 chọn Cha Borie làm phụ tá với quyền kế vị, nếu không được thì đến lượt Cha Retord. Nhưng Cha Borie bị bắt và tử đạo ngày 24-11-1838 nên Cha Retord đã phải gánh trách nhiệm điều khiển địa phận. Vì hoàn cảnh khó khăn di chuyển, mãi đến năm 1840 Cha Retord mới có thể sang Macao để chịu chức giám mục, nhưng tại đây không có giám mục, cha lại phải đi Manila, Phi Luật Tân, để thụ phong giám mục ngày 31-5-1840. Tình trạng truyền giáo lúc này như sau: Có 170.000 giáo dân trong 1.300 họ đạo (47 xứ), 8 thừa sai trong đó hai cha bị bắt, 80 linh mục Việt, 40 thầy lý đoán, 137 thầy giảng, 28 tu viện gồm 648 nữ tu. Đức Cha Retord chọn Cha Gauthier làm giám mục phó ở vùng Nghệ An.

Nhờ thời kỳ nhân nhượng dưới triều vua Thiệu Trị, đức cha đã họp các cha quyết định dẫn thân mở các chuyển kinh lý các họ đạo, lập hội trí thức Công Giáo, một thứ hàn lâm viện có đủ sách, và khuyến khích giới trí thức nghiên cứu viết luận đề. Một hội đạo đức khác cũng được thành lập là hội Trái Tim. Phương pháp truyền giáo của Đức Cha Retord là mở chiến dịch thi đua khuyên nhủ người lương trở lại. Các linh mục mỗi năm phải rửa tội được ít nhất 10 người lớn trở lại, giáo dân có công dẫn dụ được người nào theo đạo thì được thưởng các ảnh đeo và bằng khen. Các họ đạo mỗi khi họp nhau cầu nguyện đều đọc kinh cầu nguyện cho lương dân được ơn trở lại đạo Công Giáo. Đức cha cũng nghiên cứu những làng nào có hy vọng khuyên bảo được thì sai các thầy giảng đến thăm viếng và khuyên nhủ.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Từ năm 1678 Bắc Việt có hai địa phận là địa phận Tây, do các cha thừa sai Pháp coi, và địa phận Đông, do các cha Dòng Đa Minh Tây Ban Nha. Ngày 17-3-1846, Đức Thánh Cha Gregorio XVI ký sắc lệnh “Ex Debito Pastoralis” thành lập hai địa phận mới, chia từ địa phận Tây thành địa phận Vinh (Tonkin Meriodinale) và địa phận Hà Nội (Tonkin Occidentale). Số giáo dân lúc này đã lên tới 184.200, tức là tăng được 14.000 giáo dân trong 6 năm. Số linh mục cũng gia tăng lên đến 93, số chủng sinh được 323, các thầy 282, các chú 972, nữ tu 673. Sắc lệnh Tòa Thánh tới Việt Nam đầu năm 1847. Việc phân chia được ấn định như sau:

Địa phận Vinh gồm các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và phần Bố Chính. Nhân sự gồm: Đức Cha chính Gauthier, Đức Cha phó Masson, ba thừa sai, 35 linh mục Việt, 69 chủng sinh, 75 thầy, 290 chú nhỏ, 270 nữ tu, làm việc trong 345 họ (19 xứ), gồm 66.350 giáo dân.

Địa phận Hà Nội gồm các tỉnh Thanh Hóa, một phần Nam Định, Ninh Bình, Hà Nội, Sơn Tây, Hưng Hóa và Tuyên Quang. Nhân sự gồm: Đức Cha chính Retord, Đức Cha phó Jeantet, hai thừa sai, 58 linh mục Việt, 207 thầy, 254 chủng sinh, 682 chú nhỏ, 453 nữ tu, coi sóc 831 họ đạo (29 xứ) gồm 117.870 giáo dân.

3. Thành lập hai địa phận Hải Phòng và Bùi Chu năm 1848

Trong ba năm cuối triều Minh Mệnh 1838-1840, địa phận Đông, Bắc Việt, chịu rất nhiều thiệt hại: Cả hai Đức Cha Delgado và Henares bị bắt và tử đạo cùng với Cha chính Fernandez và 25 người bản xứ gồm các linh mục, thầy giảng và giáo dân. Trong những năm bắt đạo, số thừa sai Tây Ban Nha ít ỏi nên Cha Hermosilla đến Việt Nam năm 1829, được đặt tên là Vọng, và năm 1838 Cha Marti đến Việt Nam, được đặt tên là Gia.

Khi Minh Mệnh chết, địa phận Đông chỉ còn lại hai thừa sai trên. Năm 1840 Cha Retord đi Manila chịu chức Giám Mục đưa theo về được một thừa sai cho địa phận Đông, đồng thời sắc phong Cha Hermosilla làm giám mục coi sóc địa phận Đông. Ngày 2-5-1841 người được thụ phong giám mục do Đức Cha Retord tại chủng viện Vĩnh Trị bên địa phận Tây. Sau đó Đức Cha Hermosilla xin Cha Jimeno làm giám mục phụ tá, tấn phong ngày 29-6-1841. Nhân dịp này các thừa sai hoạch định chiến lược truyền giáo trong giai đoạn

LM. VŨ THÀNH

mới: củng cố nhà Đức Chúa Trời hay cũng là một thứ chủng viện tại các giáo xứ và nhà dòng.

Về nhân sự, địa phận Đông có hai giám mục, hai thừa sai Marti và Rivas, 39 linh mục Việt. Ngày 23-11 địa phận như được mùa lại có thêm ba thừa sai mới là Barcelo, Alcanzar và Achurra để làm việc cho cánh đồng truyền giáo đến thời kỳ gặt hái. Các thừa sai bắt tay vào việc huấn luyện linh mục và thầy giảng trong ba chủng viện: tại Nam Am do Cha Marti, tại Liêm Hạ do Cha Rivas và tại Cao Xá do Đức Cha Jimeno. Số thừa sai tăng thêm trong các năm kế tiếp.

Từ khi Minh Mệnh ra lệnh lùng bắt danh Trùm Vọng (Đức Cha Hermosilla), người phải đổi tên là Liêm để tiếp tục đi kinh lý các họ đạo, củng cố tinh thần của giáo dân vì họ vừa trải qua cơn thử thách mà phần đông vì yếu lòng đã làm tờ xuất giáo. Năm 1845 Đức Cha phó Jimeno được gọi về Manila, Đức Cha Hermosilla liền chọn Cha Marti làm Giám Mục phụ tá, tấn phong ngày 29-6-1847, trong dịp có 6 thừa sai và 53 linh mục hiện diện.

Trước sức bành trướng của giáo dân Công Giáo, Tòa Thánh đã ký sắc lệnh Apostolatio Officium ngày 05-9-1848 thành lập thêm địa phận Tonkin Orientale (Hải Phòng) và Tonkin Centrale (Bùi Chu). Sắc lệnh tới Việt Nam ngày 28-02-1849, Đức Cha Hermosilla liền ấn định ngày 23-3 họp công hội toàn địa phận để chia địa phận mới. Buổi họp diễn ra tại Đông Xuyên, nơi Đức Cha Hermosilla trú ẩn thường xuyên.

Địa phận Hải Phòng gồm các tỉnh Hải Dương, Quảng Yên, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng và Lạng Sơn. Về nhân sự địa phận có Đức Cha Hermosilla, Đức Cha phó Alcanza, Cha chính Masso và Munoz, 45.000 giáo dân trong 327 họ đạo.

Địa phận Bùi Chu gồm Hưng Yên và hai phần ba tỉnh Nam Định.

Về nhân sự, địa phận mới có Đức Cha Marti, Đức Cha phó Sanjurjo, Cha chính Checa, Achurra, Sampedro, 139.000 giáo dân trong 624 họ đạo. Hai Đức Cha mới là Alcanzar và Sanjurjo được tấn phong ngày lễ Chúa Nhật Phục Sinh, 05-4-1849.

Nhìn lại tình hình đạo Công Giáo trong mấy năm sau cuộc tiêu diệt đạo của Minh Mệnh, ta có thể nói người thất bại chính là vua Minh

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Mệnh, chết trong tức giận năm 1841, trong khi giáo hội Công Giáo Việt Nam hiên ngang bành trướng một cách lạ lùng, vừa tăng số giáo dân, vừa tăng số thừa sai và vừa tăng số địa phận. Thật máu tử đạo đã tưới gội cánh đồng đức tin làm cho sinh sôi thêm đông số giáo dân (450.000 giáo dân kể cả hai miền Bắc Nam). Nhưng lịch sử oai hùng của người Công Giáo Việt Nam mới chỉ là mở đầu và được củng cố để chờ một cơn cuồng phong dữ tợn và khốc liệt hơn dưới thời Tự Đức và đồng thời một mùa gặt hái mới.

CHƯƠNG 3

Những Cuộc Bắt Đạo Công Giáo Dưới Thời Vua Thiệu Trị 1841-1847

Ngày 12-2-1841 Thái Tử Miên Tôn (sinh năm 1807), 34 tuổi, lên ngôi lấy vương hiệu là Thiệu Trị. Năm sau tổng đốc Lương Quảng đại diện vua nhà Thanh sang phong vương cho Thiệu Trị tại Hà Nội. Các quan đại thần và tướng giỏi gồm có Trương Đăng Quế, Doãn Uẩn, Võ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương, Lê Văn Đức, Lâm Duy Tiếp, Tạ Quang Cự, và Nguyễn Công Trứ. Những người này đã cùng với Minh Mệnh ra sức tiêu diệt đạo Công Giáo cũng như dẹp các vụ nổi loạn.

Hồi cuối đời Minh Mệnh, triều đình có sai hai quan sang Tây Phương dò xét. Khi họ trở về thì vua Minh Mệnh đã băng hà, nhưng những nhận xét của họ đã ảnh hưởng một phần nào đến thái độ của tân vương đối với đạo Công Giáo và dè dặt với người Pháp. Ảnh hưởng của lệnh cấm đạo ác nghiệt dưới thời Minh Mệnh vẫn còn và các quan vẫn có cơ hội để làm tiến. Tại nhà tù ở Huế, ít ra vẫn còn hai mươi bảy người bị kết án tù chung thân.

Tại Ninh Bình ngày 11-4-1841, quan quân bắt hai vị thừa sai Berneux và Galy cùng với một số người, trong đó có vị anh hùng tử đạo là bà Anê Đê.

Tại Bàu Nọ, Thừa Sai Charrier bị bắt ngày 20-10-1841. Cả ba vị thừa sai bị giải về Kinh Đô trong khi các vị anh hùng xưng đạo Việt Nam bị xử tử tại địa phương. Năm sau, ngày 16-2-1842, Thừa Sai Miche và Duclos bị bắt trên đường sang Lào truyền giáo. Triều đình lúc này không dám giết các thừa sai mà chỉ giam ở trấn phủ tại Kinh Đô Huế. Lúc này Hải Quân Pháp rất hùng hậu, tuần tiễu tại biển Nam Hải. Khi được tin năm vị thừa sai bị giam giữ, họ liền phái hạm trưởng Levêque đem chiếc Heroine đến Đà Nẵng ngày 25-2-1843 yêu cầu trả tự do cho các thừa sai Pháp.

Ngày 17-3-1843, triều đình đưa năm vị thừa sai tới Đà Nẵng trao trả cho Pháp với lệnh cấm trở lại Việt Nam, đồng thời gửi thông cáo đi các nơi bố cáo: *“Pháp Hoàng biết tội trọng của các Tây Dương đạo trưởng nên đã phái một ông quan mọi đến van nài Hoàng Đế Việt*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Nam tha chúng. Hoàng Thượng khoan hồng tha cho chúng với điều kiện là chúng không được tái phạm...”

Bắt mạch được thái độ của triều đình, các vị thừa sai đã hăng hái mở lại các hoạt động truyền giáo, khôi phục lại đức tin và các cơ sở bị phá bỏ trong những năm cấm đạo dưới thời Minh Mệnh. Nhờ những năm tương đối tự do này, các thừa sai có thể củng cố lại giáo hội để đương đầu với những cơn phong ba khác. Các quan địa phương thấy thái độ của triều đình trả tự do cho các thừa sai thì cũng dễ yên cho giáo dân tự do hội họp mặc dầu vẫn lén lút. Tuy nhiên ba vị anh hùng là bà Anê Đê, Cha Phêrô Khanh và ông Matthêô Lái Gắm cũng đã bị xử tử vì nhất mực trung thành với đạo.

Một điều đáng tiếc cho công cuộc truyền giáo ở Việt Nam là những cuộc nổi loạn địa phương vì chế độ hà khắc của triều đình và mưu đồ xâm lăng của Tây Phương hùng mạnh. Chiến tranh nha phiến tại Trung Hoa đã tỏ rõ sức lực hèn yếu của Trung Hoa và Nhật Bản nên các cường quốc Anh, Pháp và Hoa Kỳ thay phiên nhau đến Đà Nẵng xin chính quyền Việt Nam cho phép mở thương điểm buôn bán, đồng thời dò la tình hình quân sự nước Việt.

Năm 1844, thuyền trưởng Cecile đến yêu cầu trả tự do cho Đức Cha Lefebvre bị bắt ở Đồng Nai trước kia. Năm 1846, Lái Gắm được lệnh sang đón Đức Cha Lefebvre từ Singapore trở về địa phận, Đức Cha Lefebvre bị bắt lần thứ hai ngày 21-6-1846. Đức cha được chính phủ giao cho tàu buôn người Anh đưa ra khỏi nước. Tháng 3-1847, tàu của Lapierre lại tới Đà Nẵng trong khi Hải Quân Việt Nam tăng cường phòng thủ và âm mưu mời quân Pháp đến nói chuyện rồi giết hết, nhưng âm mưu bị lộ khiến tàu Pháp tức giận bắn phá đánh chìm năm tàu chiến bọc đồng của Việt Nam rồi bỏ đi.

Trước thất bại này, triều đình đổ tội cho vị quan coi cửa biển là người Công Giáo đã tiết lộ âm mưu, nhưng thực sự vị quan này không phải là người Công Giáo. Triều đình chỉ ghép tội như thế để có cơ bào chữa và ra lệnh tàn sát người Công Giáo.

Ngày 3-5-1847, Thiệu Trị ra lệnh cấm đạo, nhắc lại các lệnh cũ của Minh Mệnh. Đức Cha Retord cho biết mặc dù lệnh cấm đạo này không nghiêm ngặt như người ta đã đe dọa nhưng nó đã gây xáo động trong các cộng đồng tín hữu và khơi dậy lòng tham lam của các quan và sự giận dữ của dân ngoại. Một tháng sau vua lại ra lệnh khác

LM. VŨ THÀNH

chống lại người Pháp, cấm họ đặt chân lên đất Việt, nếu vi phạm sẽ bị giết như thú dữ. Vua còn treo giải thưởng ba chục lạng bạc cho những ai tố cáo họ.

Về biển cố Cửa Hàn, Đà Nẵng, Đức Cha Cuénot thuật lại như sau: *“Nhà vua đã lập kế để bắt những người Pháp. Đó chỉ là một ý định làm cho người Âu Châu hoảng sợ và kính phục người Việt. Nhưng âm mưu bị thất bại và trút sự thảm bại của hạm đội trên đầu người Công Giáo. Vua đã cho người Công Giáo là lý do khiến người Pháp đến nước Nam. Vua cũng nghi ngờ người Công Giáo đã tiết lộ kế hoạch. Vì thế vua đã ra lệnh mới, truyền lùng bắt các linh mục và nhất là các thừa sai Âu Châu, nếu bắt được đạo trưởng Âu Châu phải chém đầu ngay lập tức không cần xét xử gì cả. Lệnh thứ nhất này dành riêng cho các quan đầu tỉnh và bí mật. Một lệnh thứ hai gửi cho các quan huyện và xã, đã trở thành căn cứ của bao nhiêu cuộc xách nhiễu. Nhưng cơn tức giận của vua chưa được hả giận, ngày 3-5 lại ra một lệnh triệt để áp dụng tất cả sự nghiêm khắc của các lệnh Minh Mệnh. Lệnh được công bố khắp nơi và đặt người Công Giáo vào đường cùng. Thường khi tiền bạc có thể xếp yên mọi chuyện. Các quan muốn làm đầy túi bằng tiền của giáo dân hơn là đức tin của họ. Một quan đội Công Giáo đã thà chịu tước đoạt mọi chức tước hơn là chối bỏ đức tin. Hai người lính sau khi bị hành hạ ghê gớm bị lôi qua thánh giá nhưng đã cực lực phản đối trước mặt quan. Nhưng cơn khùng hoảng không kéo dài vì nhà vua đã chết sớm”.*

Ngoài ra Đức Cha Cuénot còn cho biết thêm là một trong các lệnh của vua có lệnh kết tội quan Diêm là người Công Giáo đã tiết lộ kế hoạch cho người Pháp và vì đó mà thất bại. Nhưng đây là một điều bịa đặt. Quan cai đội đó là người ngoại đạo, chính ông được lệnh bỏ thuốc nổ vào thuyền Pháp để đốt, nhưng giấy tờ âm mưu này bị đánh cắp. Triều đình lợi dụng cơ hội này đổ tội cho ông là người Công Giáo đã tiết lộ bí mật để lấy cớ chống người Công Giáo và khích động dân chúng. Thiệu Trị băng hà ngày 4-11-1847, mới có 40 tuổi.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của BÀ ANÊ LÊ THỊ THÀNH

(bị bắt 11-4-1841, chết rũ tù 12-7-1841 tại Nam Định)

Trong muôn vàn người nữ anh hùng xưng đạo, giáo hội đặc biệt ghi công bà Agnes Lê Thị Thành, quen gọi là bà Đề, theo tên người con trai đầu lòng. Chính Đức Cha Retord, coi sóc địa phận Tây Bắc Việt đã viết về bà trong thư ngày 10-2-1843 như sau: “Bà Agnes Đề sinh ra do cha mẹ Công Giáo thuộc làng Gia Miếu (Bái Điền) thuộc tỉnh Thanh Hóa. Từ nhỏ bà đã tỏ ra là một gương mẫu đạo đức: giúp mẹ tìm trâu bán kiếm cơm ăn, sốt sắng đọc kinh sáng tối, thường hay đi dự lễ, năng xưng tội và rước lễ. Năm 19 tuổi bà lập gia đình với một thanh niên tên Văn Nhân (Nguyễn Văn Nhật) mà sau này người ta gọi là ông Đề. Hai vợ chồng sống chung hòa thuận, chu toàn các bổn phận. Gia đình sinh sống bằng nghề cấy ruộng và nuôi tằm. Hai ông bà có sáu người con, và lúc bà Đề chết, bà có tất cả mười bảy cháu trai và gái”.

Khi làm hồ sơ phong thánh, hai người con gái của bà đã cho biết thêm về đời sống trong gia đình. Cha của bà là người khô khan, nhưng chú ruột của bà tên là Công Trường lại rất đạo hạnh. Bà Luxia Nụ, con út, 55 tuổi, nói rằng mẹ bà khi còn nhỏ đã cùng với em gái là bà Thuộc theo chú Công Trường đến ở làng Phúc Nhạc, họ Thôn Đồng. Các anh trai là Đề, Trán, và các chị là Thu, Nam và Nhiên. Bà Nam, 67 tuổi, cho biết gia đình không giàu không nghèo, nhưng không bao giờ từ chối một ai đến xin ăn mà không cho.

Bà Đề dạy dỗ con cái rất chu đáo. Khi con cái khôn lớn lập gia đình rồi mà bà vẫn còn xem xét và thúc dục đi nhà thờ dự lễ và lãnh nhận các bí tích, giúp việc nhà thờ. Mọi người trong làng đều mến hai ông bà vì chẳng bao giờ thấy hai ông bà cãi nhau hay sinh sự với người khác, chỉ biết nhịn nhục và yêu người. Trong thời kỳ cấm đạo, hai ông bà đã mở rộng nhà đón tiếp các cha. Cha Thánh Khoan đã có một thời trú ẩn trong nhà bà và mới nhất là các cụ Kim, Ngân và Thành. Nhà bà đã trở thành nơi các cha dâng thánh lễ.

Đầu năm 1841 có hai vị thừa sai mới sang là cố Nhân (Berneux, Giám Mục và tử đạo ở Đại Hàn), và cố Lý (Galy). Đức cha đưa hai cha về nhà Dòng Mến Thánh Giá ở Yên Mới để học tiếng Việt. Nhà

LM. VŨ THÀNH

dòng rất chật chội nên cố Nhân viết thư xin Cha Thành ở Phúc Nhạc liệu nơi khác cho cả hai cụ. Cha Thành liền rước cố Lý về nhà ông trùm Cơ, còn cố Nhân về nhà ông tổng Thúc. Cha Thành lúc bấy giờ đang ở nhà ông tổng Thúc liền chuyển sang nhà ông bà Đê.

Một chú học trò của Cha Thành tên là Đê không biết vì có điều gì uất ức hay vì ham tiền đã đi tố cáo với quan tổng đốc Trịnh Quang Khanh. Vị quan này, lúc đó đang có lệnh vua phải lùng bắt cho bằng được Danh Trùm Vọng (tức là Đức Cha Hermosilla, địa phận Đông Bắc Việt), liền mang quân lính đến vây làng Phúc Nhạc. Sáng hôm Chúa Nhật Lễ Phục Sinh ngày 11-4-1841, 500 quân lính vây Thôn Đồng. Cha Thành và Cha Ngân hôm đó đi làm lễ ở nơi khác nên ở ngoài vòng vây. Hai cố Nhân và Lý làm lễ tại nhà ông tổng Thúc nên ở trong vòng vây. Sau khi vây kín, quan tổng đốc truyền lệnh tất cả đàn ông trong vòng vây phải ra ngoài chợ Phúc Nhạc điểm danh, còn lính vào trong các nhà lục soát. Ông tổng Thúc sợ các cố bị bắt trong nhà mình nên đưa cố Nhân trốn ở gác bếp nhà dòng. Quân lính tới khám nhà dòng thấy một vạt áo thò ra ngoài liền bắt người. Hai chị nhà dòng là Thanh và Khiêm ẩn ở bụi tre thấy lính bắt được cố Nhân vội chạy ra khóc lóc cũng bị bắt theo. Trong khi đó ông trùm Cơ đưa cố Lý trốn sang các nhà khác nhưng không ai chịu chứa chấp cả nên ông phải đưa cố vào vườn nhà bà Đê. Bà Đê chỉ cho cố cái rãnh khuất sau bụi tre giữa nhà dòng và nhà bà và nói: *“Xin cố ẩn chỗ này. Đức Chúa Trời có gìn giữ cố thì cố mới khỏi bị bắt, bằng không nó bắt được cố thì nó cũng bắt con nữa, hai cha con sẽ bị bắt với nhau”*.

Nói xong bà và cô con gái út tên là Nụ lấy rơm phủ lên chỗ cố Lý trốn. Nhưng ngay lúc ấy quân lính trông thấy đã ập tới bắt cố Lý và bà Đê, tịch thu các đồ đạc trong nhà, nhất là một trăm tấm vải Cha Thành mua cho người nhà và hòm bạc. Thế là quân lính giải hai thừa sai, bà Đê, hai chị dòng, ông Đê, trương Cai, trùm Cơ, khán Hiếu và xã Tuệ, cùng với bốn người không có đạo là tư Phác, cai tổng Cơ, phó tổng Dư và khán Lễ về chợ. Hai thừa sai phải ở trong cũi còn các người khác phải mang gông. Tất cả được giải về tỉnh Nam Định trong cùng một ngày.

Sau nhiều trận đòn tra tấn, tám người đã bước qua ảnh, còn lại bà Đê, hai chị nhà dòng và hai cha thừa sai. Hai vị thừa sai được lệnh đưa về kinh đô Huế ngày 9-5 và được trao trả cho tàu Pháp ngày 17-

DÒNG MÁU ANH HÙNG

3-1844. Bà Đê và hai chị nhà dòng bị tra tấn ba kỳ liên tiếp hết sức man rợ. Sau khi giải về tỉnh, bà bị giam ở dinh quan án sáu ngày mới được mang ra tra khảo. Các quan dụ dỗ bà quá khóa nhưng bà và hai chị dòng đã anh dũng xưng đạo, thà chịu chết chứ không bước qua ảnh. Bà Đê nói: *“Thưa quan lớn, tôi tin theo Đức Chúa Trời, không bao giờ tôi dám bỏ”*.

Quan hỏi đến hai vị thừa sai từ đâu mà tới Phúc Nhạc, bà thưa: *“Tôi không biết các đảng từ đâu tới nhưng chỉ biết quân lính đã bắt được các đảng trong vườn nhà tôi và bắt tôi chịu tội chứa chấp”*.

Quan dọa nạt bà cũng không nói gì thêm hay xưng tên một ai. Thấy bà và hai chị dòng gan góc như vậy, quan ra lệnh cho lính đánh đập họ, lúc đầu bằng roi ngắn rồi sau bằng gậy tre và thanh củi. Họ đánh tàn nhẫn, máu me chảy ra đầm đìa. Khi về trại giam, người ta hỏi bà Đê bị đánh đòn đau như thế nào, bà nói: *“Người thế gian không có sức nào mà chịu được, song khi tôi phải đòn thì Đức Mẹ thêm sức mạnh cho tôi nên tôi không biết đau”*.

Lần thứ hai quan lại bắt các bà quá khóa nếu không sẽ bị đánh đập cho đến chết. Bà Đê và hai chị dòng vẫn một mực cương quyết. Vết thương ba bốn bữa trước vẫn còn, nay lại bị đánh thêm nên cả ba đều ngã quỵ xuống. Thấy quân lính đánh đã mỏi tay, Trịnh Quang Khanh bộc lộ thú tính của mình, cho lính lột trần hai chị nhà dòng trước mặt mọi người, còn bà Đê vì đã già nên quan không bắt lột trần. Sau đó quan cho mang lò lửa ra trước bụng các chị dòng và hỏi hai chị có xấu hổ vì phải lột trần không. Hai chị đáp lại: *“Chúng tôi đi nhiên e thẹn, song bà lớn cũng hổ thẹn nữa”*.

Lúc ấy bà vợ của Trịnh Quang Khanh yêu cầu ông chấm dứt cảnh chướng mắt ấy.

Vài ngày sau, Trịnh Quang Khanh lại cho đưa bà Đê và hai chị dòng ra ép quá khóa. Cả ba người nữ một mực anh hùng xưng đạo. Quan cho lính đánh đòn mỗi người 60 roi. Sau đó ông lại ra lệnh cho bắt rần bỏ vào trong người các bà và túm các ống quần và ống tay áo để rần không ra được. Các bà không động đậy nên rần lại chui ra. Không làm sao lung lay được ba người đàn bà, quan lớn vừa tức giận vừa hổ thẹn nói: *“Chẳng có lẽ nào tao lại chịu thua. Bớ lính đâu! Hãy lôi chúng nó qua thánh giá”*.

LM. VŨ THÀNH

Thế là một đám lính ủa vào cầm chân cầm gông lôi họ qua và dí chân xuống cho đụng vào ảnh. Bà Đê nằm bò ra để cứng lại, miệng phân phó: *“Lạy Chúa tôi, xin giúp sức cho tôi. Tôi không bao giờ muốn bỏ đạo thánh Chúa, song vì đàn bà yếu sức bị chúng ăn hiếp lôi qua”*.

Hai chị dòng thì nói lại: *“Tội này ông lớn phải chịu, chúng tôi không quá khúa”*.

Tuy nhiên để vượt ve tự ái, quan cứ cho làm giấy là ba người đã quá khúa. Về tới nhà giam, bà Đê lo buồn áy náy sợ mang tội nhưng sau được một vị lão thành là cụ Đào cũng trong tù giảng giải cho biết không có tội gì cả bà mới yên lòng. Đúc Cha Retord cho biết sau này hai chị dòng Thanh và Khiêm bị mắc mưu của quan đã ký vào tờ giấy bỏ đạo như sau: Quan đưa tờ giấy và nói đó là bản án để tâu vua các tù nhân phải ký vào. Ban đầu các bà chối nhưng quan lại nói: *“Vi các bà không chịu đập ảnh nên chắc chắn các bà phải án tử, đây là bản án các quan lớn sắp viết vào, các bà phải ký vào trước khi gửi vua”*.

Các chị nói: *“Nếu là bản án tử thì chúng tôi ký cả hai tay”*.

Các chị có ngờ đâu đó chính là tờ mang những lời lẽ chối đạo. Khi biết ra thì đã trễ, các quan nhất mực không cho lấy lại, cứ tâu về kinh là hai chị đã bỏ đạo. Vua ra lệnh đánh đòn hai chị một trăm roi và nộp mười quan tiền rồi đuổi về.

Suốt trong thời gian ba tháng bị giam tù, bà Đê vẫn tỏ ra vui vẻ không phàn nàn. Người con gái út làm chứng như sau: *“Lính không cho tôi vào thăm nhưng họ đem mẹ tôi ra ngoài sân nói chuyện với tôi. Thấy mẹ tôi mang gông bọc sắt khổ sở tôi òa lên khóc, mẹ tôi an ủi: - ‘Con chớ khóc làm chi, mẹ đeo hoa trên người mà. Con cứ về nhà xem sóc cửa nhà, còn việc mẹ thì để mặc mẹ’*.

Tôi thấy áo quần mẹ tôi vẫn còn dính đầy máu, chân tay sưng lên và xông mùi thối tha, nhưng nét mặt mẹ tôi vẫn vui vẻ hơn hở”.

Bà An, dì phước được địa phận sai ra Nam Định săn sóc các tù nhân Công Giáo, cũng làm chứng: *“Bà Đê rất sốt sắng, không những bà đọc kinh sáng tối ở trong tù, mà ban ngày bà cũng hay lăn hạt và ngắm tràng thánh giá. Sau khi bà vào tù mấy ngày tôi đã tìm cách đưa cha vào giải tội và cho bà rước lễ”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Nửa tháng trước khi bà Đê trút linh hồn về với Chúa, bà bị cơn sốt mê man, bao nhiêu thuốc thang cũng không chữa được. Bà An thấy vậy lại cho mời cha lên vào giải tội cho bà. Linh xin với quan tháo gông cho bà nhưng quan không cho. Bà Đê luôn miệng kêu: “Lạy Chúa tôi, Chúa đã chịu đóng đanh vì tôi, Chúa định cho tôi thế nào tôi xin chịu làm vậy. Tôi phó dâng linh hồn và xác trong tay Chúa tôi, xin Chúa tha tội cho tôi”.

Trong những ngày bà ốm liệt, hai chị nhà dòng và ông Đê thay phiên nhau an ủi và khuyến bảo bà. Khi bà kiệt sức, hai chị dòng giúp bà phó linh hồn, bà đắp máy môi đọc theo. Sau cùng bà kêu tên cực trọng Chúa Giêsu, Mẹ Maria và Thánh Cả Giuse rồi trút hơi thở cuối cùng, cổ vẫn mang gông. Hôm ấy là ngày 12-7-1841, bà thọ khoảng 60 tuổi.

Sau khi lính đến báo cho quan lớn biết bà Đê đã qua đời, quan cho lệnh đốt chân bà để chắc chắn bà đã chết rồi mới cho phép giáo dân Nam Định đem xác bà đi chôn ở Năm Mẩu. Những người tầm liệm nói rằng thân xác bà Đê vẫn mềm mại tươi tốt, đẹp hơn khi còn sống. Sáu tháng sau, các con của bà ra Nam Định bốc xác về. Khi mở nắp quan tài, mọi người đều nhìn thấy xác bà còn nguyên vẹn, mặt mũi như khi còn sống, áo quần không bị hư hại. Nhưng thật đáng tiếc họ đã phải bỏ vôi vào cho rữa thịt ra để lấy xương bỏ vào hộp gỗ sơn son do địa phận sắm và đem về chôn tại vườn nhà ông Đê. Năm 1881, cha xứ đem bà về an táng chung với bảy đồng tử đạo Phúc Nhạc trong mộ riêng.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC PHÊRÔ KHANH

(bị bắt 29-1-1842, xử trảm 12-7-1842 tại Hà Tĩnh)

Trong Hà Tĩnh, người Công Giáo cũng như lương dân chỉ nói tới Cố Thánh là phải hiểu về đời sống đức hạnh và can trường xưng đạo của linh mục Phêrô Khanh, một chủ chiên tận tụy với giáo dân và một nghĩa phụ của đồng đảo linh mục và thầy giảng. Trong số tám linh mục nghĩa tử, có bốn cha cũng được phúc tử vì đạo.

LM. VŨ THÀNH

Cha Khanh sinh khoảng năm Canh Tý 1780 tại họ Lương Khế, tổng Cát Ngàn, huyện Thanh Chương, phủ Anh Sơn, tỉnh Nghệ An. Các nhân chứng không biết gì nhiều về thời thơ ấu của vị linh mục già khả kính này, chỉ biết người vào nhà Đức Chúa Trời từ năm 22 tuổi, ở với Cha Đạc. Cha chính Masson (Nghiêm) viết về người như sau: *“Cụ Khanh lên bậc kẻ giảng thì chăm chỉ làm các việc bốn phận đáng khen. Hơn nữa người giữ phép tắc nết na chu đáo không ai dám nói điều gì xấu về người. Mấy năm làm kẻ giảng cụ đã giúp ích cho linh hồn nhiều người và rất vừa ý bề trên. Cụ Khanh được thụ phong linh mục năm 1819 tại Thọ Kỳ, lúc đã 40 tuổi”*.

Làm linh mục, Cha Khanh lần lượt coi sóc các xứ: Trại Lê hơn sáu năm, Thuận Ngãi, Quỳnh Lưu 14 năm, Thọ Kỳ một năm, Làng Trông họ Ngàn Sâu một năm rồi bị bắt. Thường các cha sở siêng năng làm phúc tại các họ mỗi năm hai lần để khuyến bảo, giảng dạy và ban các bí tích. Đặc biệt Cha Khanh sốt sắng đi kẻ liệt dù đang ăn dở bữa cũng bỏ đi ngay, không kể trời mưa gió, lụt lội, đêm hay ngày. Cha Khanh hết lòng khuyến bảo giáo dân làm hòa, tránh kiện cáo trước tòa quan, đừng hòa theo những người nổi loạn. Cha chính Nghiêm viết về đời sống và hoạt động tông đồ của Cha Khanh như sau: *“Cụ Khanh được làm linh mục thì chẳng khác nào như đèn treo cao soi sáng cho mọi người trong nhà và càng làm gương sáng hơn nữa về các nhân đức. Cha hết sức lo lắng phần rỗi cho con chiên, sốt sắng làm sáng danh Chúa. Đặc biệt những người ở nhà Đức Chúa Trời được người dạy dỗ cho có nhân đức hơn người ngoài... Chính vì người nhân đức như vậy mà người được Chúa chọn để đổ máu mình ra làm chứng về Chúa Giêsu”*.

Trong thời kỳ Vua Minh Mệnh cấm đạo ngặt, Cha Khanh trốn ở nhà giáo dân tại Thọ Kỳ và Ngàn Sâu. Khi đưa xác Thầy Phêrô Tự tử trong Quảng Bình ra làng Đoài, Cha Khanh cố gắng về dự và khi thấy xác thánh của vị anh hùng vẫn tươi tốt thơm tho, cha nói: *“Ước gì tôi cũng được như vậy”*.

Chúa đã nhậm lời gửi dịp đến cho người bị bắt. Nguyên Cha chính Nghiêm viết thư nhắn Cha Khanh lên nhà chung, cha liền lấy thuyền đi từ Ngàn Sâu và trên đường đi người ghé thăm họ Thọ Ninh. Ở đây cha bị chó cắn phải ở lại chữa trị một tuần. Trên đường trở về người ghé qua Tam Sa bị tuần canh khám xét bắt được đồ lễ của người. Chúng liền báo cáo với quan là trong thuyền còn một cụ già đẹp lão.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Quan đoán ngay cụ già này là đạo trưởng liền tra hỏi: “Ông làm gì mà có sách, bình dẫu và dây này? Ông là thầy thuốc hay là gì?”

Cha Khanh không giấu diếm khai ngay: “Tôi là đạo trưởng”.

Tức thì cha bị đóng gông và giam cùng với Thầy Tuyển và một người giáo dân. Hôm ấy là ngày 29-1-1842.

Giáo dân Thọ Ninh nghe tin cha bị bắt thì hứa với tuần canh sẽ cho tiền để họ trả tự do cho người, nhưng chẳng may có một tên tuần canh ở trên tỉnh đi qua biết được đã về tỉnh trình với quan trước. Quan tỉnh sai ba chục lính đến điệu cha và các người liên hệ về tỉnh, kể cả hai người lính canh. Trong khi đó thuyền giáo dân Thọ Ninh mang bạc đến chuộc hay tin phải bỏ về, lính áp giải mất cơ hội lấy tiền nên tức giận tra tấn mấy người giáo dân. Giáo dân thưa với cha định đánh bọn lính nhưng cha khuyên họ: “Chúng con hãy bằng lòng chịu khó vì Chúa, đừng than trách”.

Tối ngày 3-2, mấy cha con bị đưa lên tỉnh, Cha Khanh bị giam trong ngục Tây còn các người khác phải giam ở trại lính.

Quan đầu tỉnh tra hỏi Cha Khanh ba lần và ép người chối đạo. Cha Nghiêm thuật lại như sau: “Trước mặt các quan, Cha Khanh rất run sợ, có khi gần như bị mất trí. Nhưng mỗi khi quan đề nghị bước qua ảnh thì lạ lùng thay Cha Khanh lại cương quyết chối từ. Tôi viết thư an ủi và khích lệ, đồng thời sai nhiều linh mục đến nâng đỡ và ban các bí tích. Cha Khanh viết lại cho tôi rằng những sợ hãi đã qua rồi. Những người săn sóc cha cũng làm chứng là cha đã nói và hành động như một viên dũng tướng, hiên ngang được đổ máu đào vì Chúa Kitô. Các quan không tra tấn người nhưng người đã can đảm chịu khổ nhục vì gông cùm và tù đầy...”

Một lần quan án Nguyễn Khắc Trạch có ý mở đường để ăn tiền đút lót nên mắng những người thuộc viên: “Sao chúng bay bắt ông lão này? Lão là thầy thuốc, nào có phải đạo trưởng gì đâu?”

Cha Khanh nghe thấy vậy thưa lại: “Bẩm quan lớn, quan lớn nói không đúng. Tôi là đạo trưởng chứ không phải là thầy thuốc không”.

LM. VŨ THÀNH

Các quan có ý nói để cha khai là thầy thuốc mới có thể làm án nhẹ đi được. Một lần khác quan lại bảo: “*Cụ cứ khai là thầy thuốc thì sẽ được tha*”.

Cha Khanh đồng dạc thưa lại: “*Nếu tôi khai là thầy thuốc, đến sau có ai lên làm đạo trưởng giúp dân thì còn ai tin lời nữa?*”

Lần thứ ba trước khi làm bản tâu trình về kinh đô, các quan dặn Cha Khanh đừng khai là đạo trưởng mà nhận mình có làm thuốc. Cha Khanh can đảm trả lời: “*Tôi đã làm đạo trưởng, giảng giải khuyên răn giáo dân thì tôi phải cứ sự thật mà khai, chẳng nên nói dối. Vì vậy tôi đã là đạo trưởng mà khai là thầy thuốc thì là nói dối tỏ tường. Quan có lòng thương mà tha thì tôi đội ơn, nhưng bằng quan không thương mà khép tội, hay là chém tôi ra làm mấy phần, tôi vẫn vui lòng*”.

Trong thời kỳ chờ đợi án trong tù, có một lần quan lớn đi Hà Nội, mấy quan nhỏ đem Cha Khanh và mấy người cùng bị bắt ra hành hạ, bắt nọc rồi bắt quì trên gạch vụn. Cha Khanh vừa đau đớn vừa kiệt sức chống gông xuống đất chịu đựng và than thở xin Chúa giúp sức. Trong tù cha sốt sắng đọc kinh hoặc đan giỏ cho qua ngày và khuyên bảo những người đến thăm. Khi quan lớn ra Hà Nội đang lúc vợ thứ bị bệnh, cậu cả nhân nói truyện với cai tù có hỏi xem ông có biết ai làm thuốc giỏi để chữa cho bà. Cai tù nói trong ngục có ông cụ đạo chữa được. Cậu cả nhờ cai đội vào trong tù xin Cha Khanh bốc thuốc, cha trả lời: “*Tôi chỉ có gông và xiềng mà thôi, chẳng có thuốc gì*”.

Ông cai đội nói: “*Trong nhà quan đã có sẵn các thứ*”.

Cha lại đáp: “*Tôi bị coi là người phạm trọng tội mà ra khỏi ngục nếu quan bắt nét thì làm sao?*”

Cai đội năn nỉ: “*Đây cũng là việc lành phúc đức, xin cha đi cho, mọi trách nhiệm khác chúng tôi xin chịu*”.

Cha Khanh ưng thuận đến nhà quan và lấy trong hòm thuốc của nhà quan năm vị thuốc rồi dặn xắt ra, và bảo đi hỏi các thầy thuốc khác xem có uống được chăng. Cậu cả chẳng hỏi ai khác, một tin tưởng vào lời Cha Khanh, sắc thuốc lên cho bà uống thì thấy bớt ngay. Cậu cả tạ tiền và chè, cha chỉ lấy hai bình chè cho vừa lòng mà thôi.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Ngoài ra, trong tù Cha Khanh còn khuyên bảo và rửa tội được hai vợ chồng cậu Xứng, con một quan án bị giam trong tù. Để giúp đỡ họ có đường sinh sống, cha chỉ vẽ cho họ một bài thuốc gia truyền chữa bệnh tả và căn dặn không được lấy nhiều tiền của người ta. Từ đó có ai đến xin thuốc, cha nói họ đến cậu Xứng mà xin vì người không làm thuốc. Sau này người ta cứ gọi thuốc ấy là thuốc cố thánh.

Khi vua Thiệu Trị mới lên ngôi, các tù nhân được tha song Cha Khanh vì xưng mình là đạo trưởng và các quan đã tâu về bộ án xử giáo nên bị các quan trong triều đổi làm án tử hình. Lời lẽ trong sắc khiếm nhã hơn là lời phê án của Minh Mệnh. Bản án ghi: *“Danh Phạm Khanh là người bản quốc, cả lòng theo đạo Gia Tô đã lâu, lại còn làm đạo trưởng và bầy lâu chưa trị tội được. Sau hết khi bị bắt có lệnh truyền quá khóa nhiều lần mà vẫn không chịu làm theo. Bởi đó đúng là người u mê tối tăm mọi đàng, nên phải xử danh Khanh trăm quyết tức thì”*.

Bản án của triều đình về tới tỉnh, quan còn nài ép cha quá khóa nhưng cha đã khẳng khái chối từ nói rằng nếu muốn thì đã quá khóa từ đầu, nhất quyết một lòng và sẵn sàng chịu chết. Sáng hôm 12-7-1842, quan giám sát và 30 người lính dẫn Cha Khanh ra khỏi nhà giam và đi đến nơi xử gọi là Cồn Cỏ. Có hai người lính nâng hai đầu gông, còn Cha Khanh khoanh tay nghiêm trang vừa đi vừa đọc kinh, nét mặt vui mừng hơn hở. Ông Lương chứng kiến lúc xử Cha Khanh thuật lại rằng khi ông tới nơi thì lính đang cưa gông và xích, Cha Khanh quì trên chiếu, hai tay trói vào cọc đằng sau. Có bốn năm người tù chạy đến thưa với cha: *“Con khó nuôi con, xin cha giúp đỡ”*.

Cha thánh đáp: *“Tôi không có gì để cho, có miếng vải này may lại mà lót giường, nếu khó nuôi con thì đưa về cho con trẻ mặc”*.

Cha xin quan cho phép cầu nguyện một lúc, khi xong việc quan ra lệnh cho các lý hình nghe ba hồi chiêng thì chém. Người lính xử tên là Bếp Xuân thưa với Cha Khanh trước xin tha lỗi vì chỉ làm theo lệnh quan. Vừa nghe tiếng chiêng nó đã chém một nhát đứt cổ liền. Quan cho phép dân chúng đến lấy xác, còn quan và lính rút về thành. Lúc ấy vào khoảng giờ thứ chín ngày 6-6 âm lịch. Những người có mặt làm chứng rằng trời hôm đó nắng ráo nhưng khi Cha Khanh quì gối xuống thì khoảng hai mẫu đất tại pháp trường trở nên tối tăm, và sau khi đầu lia cổ thì trời đổ mưa giống như mưa

LM. VŨ THÀNH

đá chừng ba phút. Những người lương đi coi rất đông, thăm thì với nhau: “Sao mà trời thì nắng mọi chỗ, chỉ có nơi xử là mưa?” Hoặc: “Xử cụ đạo có mưa làm vậy là sự lạ”.

Muôn người như một ủa vào thăm máu Cha Khanh, tính ra có đến hơn 500 tờ giấy không kể những tấm vải. Người ta tin rằng máu cố đạo chữa được bệnh não như máu của Đức Cha Borie Cao hồi trước. Thấy Tuyên, ông Thuận lĩnh xác, may đầu lại vào thân và đưa về nhà chung ở Kê Gốm. Cha Nghĩa ở xóm Nha cũng sai người đi lo việc an táng và gặp đoàn người này. Ngày 13-7 họ cùng nhau đi về tới Kê Gốm nơi cố Nghiêm đang trốn. Dù là mùa hè, thân xác Cha Khanh vẫn thơm tho không có mùi hôi thối, nét mặt vẫn tươi tốt, máu chảy ra vẫn đỏ đến nỗi một cha cứ tưởng cụ Khanh chưa chết. Cha Nghiêm hỏi làm sao xác vẫn mềm, một người giáo dân thưa: “*Bẩm vì xác thánh thì mềm*”.

Cha chính Nghiêm vỗ tay xuống bàn nói: “*Đúng, con nói phải, xác tử vì đạo là xác thánh thật*”.

Xác Cha Khanh được an táng tạm tại nền nhà thờ cũ. Một số ơn lạ đã được ban cho những người kêu xin, nhất là việc sinh con dễ dàng, nhờ lời bầu cử của Cha thánh Khanh.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của ÔNG MATTHÊÔ LÊ VĂN GẪM

(bị bắt 8-6-1846, xử tử 11-5-1847)

Người tử tội mặc áo gấm thắt khăn xanh hiên ngang bước đi, miệng nói với người lính cầm thẻ rao rằng phải rao cho to và rõ ràng đúng như đã viết trong thẻ. Người lính cầm thẻ, viết bằng chữ Nho tội trạng của tù nhân, vội cất tiếng rao to: “*Lê Bối theo đạo Giatô, đi Hạ Châu (Singapore, Mã Lai) chở tây dương đạo trưởng bị nhà nước bắt vẫn không chịu quá khóa. Lệnh truyền phải chém*”.

Lê Bối là tên quan án ghép cho vị anh hùng tử đạo Matthêô Lê Văn Gấm. Khi bị bắt người xưng tên là Bửu nhưng quan đã sửa lại thành Bối. Cả hai tên Bửu và Bối đều nói lên nguyện ước của vị anh hùng muốn trời lại một dòng máu hiên ngang chịu chết vì đạo cho con

DÒNG MÁU ANH HÙNG

cháu. Chính vì thế mà người bắt tên lính cầm thẻ phải rao cho tỏ tường.

Đức Cha Lefebvre là người được ông Gắm sang đón về đã viết tường thuật về cuộc xưng đạo của người như sau: *“Matthêô Gắm, 34 tuổi, cha mẹ theo đạo Công Giáo, ở tỉnh Biên Hòa. Ông có đời sống gương mẫu và trong hai năm dẫn thân làm việc cho giáo hội, lòng nhiệt thành của ông tăng gấp bội”*.

Thực ra ông đã có lần lỗi nghĩa vợ chồng, và để ăn năn đến tội, ông sống đạo đức và quyết tâm giúp việc Chúa. Matthêô Gắm là con đầu lòng của hai ông bà Phaolô Lê Văn Lại và Maria Nguyễn Thị Nhiệm ở họ Tắt, làng Long Đại, xứ Gò Công, Biên Hòa, sinh khoảng năm 1813. Khi còn nhỏ người siêng năng đi học kinh với chúng bạn và được bầu làm trưởng đoàn, ở nhà thì giúp cha mẹ, bốn em trai và em gái.

Năm được 15 tuổi, cậu Gắm vào trường Lái Thiêu học làm linh mục. Nhưng vì người cha đã lảng tính không kham nổi việc gia đình một mình nên đã bắt cậu Gắm trở về gia đình. Tới tuổi lập gia đình, ông cưới một cô thiếu nữ Công Giáo đạo hạnh ở họ Thành, Long Điền, cũng trong tỉnh Biên Hòa nhưng thuộc phủ Phước Tuy, Bà Rịa. Sau khi cưới vợ, ông Gắm về ở quê của vợ và sinh được bốn người con, trong đó có hai người cũng chết vì đạo. Cha Lợi coi xứ Bà Rịa thấy ông Gắm khỏe mạnh, thông thạo buôn bán và việc đi biển, liền cậy nhờ ông lo việc cho cả địa phận nữa.

Theo lệnh bề trên, Cha Lợi xuất tiền đóng tầu nhờ ông Gắm chỉ huy sang Singapore để đón các thừa sai và các chú học ở trường Penang. Chuyến đầu ông đi trót lọt, nhưng sau đó tiếng đồn ông sang Singapore lan rộng. Năm 1846, Thừa Sai Miche được lệnh Đức Cha Lefebvre, lúc bấy giờ đang cai quản địa phận Sài Gòn mới được tách khỏi địa phận Đàng Trong, thu xếp tầu sang đón người cùng Cha Duclos và các chú về địa phận. Lần này ông Gắm đã ngần ngại vừa phần công việc hết sức quan trọng sợ lo không nổi vừa phần đã có tiếng đồn sợ quan quân để ý. Nhưng vì Cha Lợi ép nhiều lần nên ông đành liều nhận lời. Ông liền về nhà chào từ giã cha mẹ như là lần cuối, riêng với mẹ già ông Gắm đã nói rõ những khó khăn và ý chí sắt son phục vụ giáo hội Chúa: *“Cha Lợi cứ trách con làm sao không đi cho nhanh chóng. Đã trễ hai tháng, nên con phải đi hôm nay. Con*

LM. VŨ THÀNH

ngữ chuyển này không tránh khỏi nạn vì thiên hạ đồn Lái Gắm đi Hạ Châu. Có lẽ con phải chết song không hề chi, con sẵn lòng chịu chết vì Chúa”.

Ông Gắm cùng với sáu tay chèo người Công Giáo, Thầy Sư, Thầy Bồn và mấy chú học trò, căng buồm đi về hướng Phú Quốc. Ra khơi rồi ông mới nói rõ cho mọi người biết thuyền đi sang Singapore đón đức cha.

Dừng tại Singapore độ hai tháng để sửa soạn các việc, ngày 23-5-1846, Đức Cha Lefbvre, Cha Duclos (Lộ) và ba chủng sinh xuống tàu cùng với các đồ đạc và đồ tiếp tế cho địa phận để về nước. Trên biển cả tàu chở nặng không đi nhanh được, lại gặp gió bão và tàu cướp rượt theo nữa, nhưng mọi hiểm nghèo đều qua đi.

Ngày 6-6, tàu về đến cửa Cần Giờ, ông Gắm làm hiệu để ghe ở trong ra đón đức cha và Cha Duclos xuống trước. Theo như đã định thì ông Trùm Huy, họ Chợ Quán, phải có mặt, nhưng ông đã có mặt trước cả một tuần để chực chờ mà không thấy gì nên ông kiếm củi rồi đi về. Tàu của ông Gắm về tới cửa Cần Giờ, chờ một ngày mà không có ghe ra đón, ông liễu mình cho tàu vào trong bến ban đêm. Đêm hôm ấy có trăng sáng nên tàu đã bị toán lính tuần tiễu nhận diện, chèo thuyền đến bắt. Họ lên tàu lục soát bắt được đức cha và Cha Duclos. Ông Lái Gắm phải bỏ ra mười nén bạc cho năm tên lính họ mới cho đi. Tàu lớn chở nặng nên chỉ có thể chèo đi chậm chậm. Khỏi một hồi lâu, lính trở lại trả tiền và nhất định bắt tàu trở lại đồn Thủ Ngữ. Thấy truyện đổ bể, Lái Gắm định cho người bắt lính trốn lại và đi tiếp vào bờ để đức cha xuống rồi sẽ hay, nhưng đức cha không bằng lòng xâm phạm đến người khác như vậy. Lần này ông Gắm phải hối lộ cả một rổ bạc. Đến gần sáng thì đoàn lính đông hơn trở lại. Vì mấy tên lính chia tiền không đều nên có kẻ tức giận đi báo cho quan xin mang thêm nhiều lính đến bắt. Thấy Niền đã đứng ra xin chịu tội nhưng ông Gắm một mực nhận mọi trách nhiệm. Tất cả bảy người Việt bị bắt nhưng có mình Lái Gắm bị trốn lại và đeo gông. Tất cả các đồ đạc, hòm tiền bị tịch thu hết, còn các tù nhân bị giải về Sài Gòn. Đức cha và Cha Duclos được ở nhà khách của quan, còn ông Gắm và các người Việt bị giam trong tù. Trong khi chờ lệnh của triều đình Huế, Cha Duclos kiệt sức chết ngày 26-7. Cha được quan khám sai cho phép an táng bên cạnh mộ Đức Cha Bá Đa Lộc. Còn Đức Cha Lefebvre được lệnh giải về Huế.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Mấy ngày sau khi bị bắt, các quan đem ông Gấm ra tòa để lấy lời khai. Vừa bị đánh đòn vừa bị ép chối đạo nhưng ông Gấm vẫn một lòng can đảm không chối đạo. Trước hết ông Gấm khai tên là Bửu, 34 tuổi, quê quán Bà Rịa, đưa ghe đi Phú Quốc rồi ghé Hạ Châu. Tờ đây quan tra tấn để bắt ông khai cho đúng: “*Ghe đi Hạ Châu thì phải khai cho thật*”.

Ông Gấm bị đòn đau nói: “*Thì tôi đã khai đi qua Hạ Châu nữa, sao còn tra tấn?*”

- “*Ai sai ông đi Hạ Châu? Có phải đi chở đạo trưởng Tây về không?*”

- “*Tôi gặp các ông ấy ở Hạ Châu và các ông ấy muốn tôi chở về Nam Việt. Vì muốn lợi nên tôi nhận chở. Lại nữa tôi cũng có lòng mộ đạo nên càng muốn chở về nước để các đảng dấy dỗ thiên hạ bỏ đường lầm lạc mà theo đạo ngay*”.

- “*Ông chở đạo trưởng Tây đi đâu?*”

- “*Các ông ấy muốn tôi chở về Gò Sỏi*”.

Quan giận dữ bẻ lại: “*Gò Sỏi chỉ có người lương, không có người Công Giáo, sao lại về đó? Người phải nói cho thật về đâu và về nhà ai?*”

- “*Tôi nói chở về Gò Sỏi, quan lớn không tin, tôi biết chở tới đâu nữa mà nói? Xin quan lớn làm ơn chỉ cho tôi biết phải chở hai đạo trưởng ấy đi đâu để tôi khai cho vừa ý quan lớn*”.

Ông Gấm khôn khéo khai như vậy vì không muốn làm hại bất cứ một họ đạo nào hay nhà nào, chỉ muốn một mình chịu mà thôi, nhưng lại làm cho quan tức giận tra tấn thêm:

- “*Vậy thì mi bỏ đạo đi*”.

- “*Đạo tôi là đạo ông cha truyền lại tôi không thể bỏ được, tôi sợ phạm tội bất hiếu*”.

Đến đó thì hết buổi tra vấn, quan truyền dẫn tù nhân về trại giam. Ra khỏi công đường, ông Gấm vui vẻ vì được chịu đòn và nói với các bạn cùng bị bắt: “*Chúng ta hãy cầu nguyện xin Chúa ban thêm sức để được vững lòng chịu mọi sự khó. Dầu cho quan có hạch hỏi thế nào, đừng có ai nói lời gì mà làm khốn khổ đến kẻ khác. Hễ mũi dại thì lái chịu đòn, bất cứ điều gì anh em cứ đổ tội cho tôi là xong*”.

LM. VŨ THÀNH

Đến ngày hôm sau quan án xin tổng đốc Trần Văn Trung tra hỏi. Quan tổng đốc này không ghét đạo cho lắm nhưng lại có tính sợ sệt, nên cũng bắt đem ông Gắm ra công đường tra hỏi. Nói mấy câu xỉ nhục đạo rồi bắt ông Gắm khai chỗ thừa sai về giao cho ai. Mục đích các quan muốn biết các người Việt đồng lõa để làm tiền làm tội mà thôi. Vì thế ông Gắm không khai gì thêm, thà chịu đòn một mình thay cho mọi người khác. Ông bị đòn đau quá thì nói với quan: *“Quan lớn cho đánh tôi đau như thế này sợ rằng đau quá tôi phải khai là tôi chở mấy thừa sai về đây cho các quan đó”*.

Nghe vậy quan càng giận hơn nữa nên ra lệnh đánh đập ông cho hả cơn tức. Sau đó quan lại dụ dỗ ông bước qua thập giá lính vừa vẽ xuống đất: *- “Ông quá khóa đi rồi tôi làm án nhẹ cho”*.

- “Tôi không bao giờ chịu bỏ đạo”.

Quan cho tra tấn mạnh hơn nữa. Trong số các ký lục, có ông Tư Ngạn thấy ông Gắm bị đánh dữ tợn quá mới bầy mưu nói với quan rằng: *“Nếu nó có quá khóa chẳng nữa, thì nó vẫn có tội gian thương, chở cố Tây về nước, tra khảo thêm làm gì. Xin quan án làm án chung cho tiện”*.

Quan tổng đốc nghe thấy hợp lý nên cho lệnh cởi trói và đưa về nhà giam. Bằng ấy chưa đủ, ông Gắm còn phải đến cho quan Bố Chánh hạch hỏi và cứ đi qua đi lại các dinh của ba quan lớn bốn năm lần nữa. Sau hai mươi ngày dụ dỗ không được, các quan làm án kết tội ông Gắm ba điều: tiền ký gian thương, đạo tải dương nhân dương thi, bất kháng quá khóa thập tự, tấu thỉnh trăm phiêu buồn lậu. Nghĩa là có tội chở cố Tây và sách Tây, không chịu bước qua ảnh thập tự, xin chém bêu đầu. Sau đó các quan tâu án về triều đình.

Bị tra tấn dữ dần, lại phải khổ sở mang gông cùm, ông Gắm không ca thán mà vẫn vui lòng luôn. Ông thường nói: *“Chúa định như vậy, xin vâng theo ý Chúa”*.

Với các bạn cùng bị bắt ông khuyên họ: *“Anh em đừng có nản nỉ điều gì. Dầu sống dầu chết thì cũng là vì Chúa, nếu chết vì đạo là phần tốt nhất”*.

Địa phận cắt cử người săn sóc cơm nước cho ông vì gia đình của ông bị quan quân lùng bắt đã phải trốn chạy. Có một người em bị

DÒNG MÁU ANH HÙNG

bất nhưng yếu lòng đã bước qua chữ thập. Một lần Cha Minh đi qua Sài Gòn ghé vào nhà tù thăm ông, và khuyên ông đừng lo chi đến vợ con, đã có địa phận lo. Ông Gẫm cười nói: *“Thưa cha, con sẵn lòng chịu mọi sự khó theo ý Chúa. Con không lo lắng về vợ con hay cửa nhà gì cả...”*

Mọi người thấy đức tin mạnh mẽ của ông thì đều nói là chính Chúa xuống sức mạnh cho ông. Ít lâu sau bà mẹ cũng lên trốn xuống thăm con vừa khuyên vừa khóc lóc. Ông Gẫm nói với mẹ: *“Mẹ đừng có khóc làm gì, được chịu chết vì đạo con lấy làm vui sướng lắm. Con không dám bỏ đạo đâu. Mẹ cũng đừng lo điều gì cho con, chỉ xin mẹ cầu nguyện. Còn con thơ, con sẽ xin giáo hội giúp đỡ. Trước sau cũng chết, chẳng lẽ con cứ lột xác sống mãi ở đời này ru? Con chịu chết vì đạo là ơn phúc trọng vô cùng”*.

Sau này chính bà mẹ đã trả lời cho linh mục điều tra án phong thánh như sau: *“Hai vợ chồng chúng con nghe con chịu chết thì không có phân nan, trái lại vui mừng nữa vì con chết như vậy được làm thánh”*.

Có lần ông ký lục Ngạn cũng vào tù thăm ông Gẫm, thấy ông vui vẻ thì nói: *“Ông Gẫm này, ông bị kết án mà sao vẫn vui vẻ làm vậy, không sợ gì sao?”*

Ông Gẫm cười nói: *“Cám ơn quan, tôi có phải là trộm cướp gì mà sợ mà buồn. Tôi được chết vì đạo là một phúc lớn”*.

Bảy tháng chờ đợi, ông Gẫm nhiều lần nói với người khác sao không đem đi xử cho chóng. Trong tù ông Gẫm được Cha Thán trá hình đến giải tội và cho rước Mình Thánh Chúa ba lần. Cha Thán còn hứa sẽ liệu cách cho ông được lãnh bí tích tha tội lần cuối trước khi ra pháp trường.

Đến tháng 2-1847 thì bản phê án mới tới Sài Gòn. Lời phê của bộ hình và được vua Thiệu Trị y án như sau: *“Bộ hình thừa thiên chuẩn theo bản án của tỉnh Gia Định: Lê Bối có tội theo tà đạo từ lâu, tội lên đi nước ngoài và đem đạo trưởng Tây về nước, lại không chịu quá khóa. Hẳn cố chấp vi phạm luật lệ. Vì vậy năm tới theo hạn định phải chém đầu như bản án. Còn bầy tên đồng phạm thì đổi thành tù chung thân”*. Các quan tỉnh Gia Định lại muốn xin đổi án dung mạng cho ông Gẫm nên làm sớ về triều đình, nhưng gặp lúc quân Pháp đến

LM. VŨ THÀNH

Cửa Hàn bị quân triều đình tấn công đã bắn trả lại làm chìm năm chiếc tàu chiến và 100 ghe khác, triều đình ra lệnh xử trảm ngay.

Các quan tỉnh Gia Định được lệnh, liền ấn định ngày đem xử. Ông ký lục Ngạn nhân người đưa tin cho ông Gẫm biết để chuẩn bị. Mấy ngày trước khi chịu xử, ông Gẫm lo buồn vì tội xưa của ông, than thở với Chúa: *“Lạy Chúa, hình phạt con phải chịu đây vẫn chưa đủ để đền tội lỗi của con”*. Ông cũng viết thư cho Thừa Sai Miche, sau làm giám mục, như sau: *“Từ ngày bị bắt con chẳng trông mong gì hơn vì đời này chóng qua mà ở trên trời mới được sung sướng đời đời, nên con chỉ ước ao một sự mà thôi là làm cho sáng danh Chúa. Những ngày còn ở trong tù thật là những ngày vui mừng. Con không buồn rầu lo lắng gì về vợ con, cha mẹ hay anh em. Ý Chúa đã định làm vậy thì con vui lòng cúi đầu tuân phục, ngõ hầu được xứng đáng vào hàng con cái thảo hiền của Chúa. Phải chiến thắng trận dưới đất này đã mới được phần thưởng vô cùng trên thiên đường”*.

Ngày 11-5-1847 quan truyền lệnh đem ông Gẫm đi chém. Mấy ngày trước đó địa phận gửi cho ông hai bộ áo mới để ông mặc đi xử. Quan còn khuyên nhủ ông một lần cuối bỏ đao để khỏi chết và biết thương vợ thương con, nhưng ông một mực bỏ ngoài tai và sẵn lòng chết vì đạo. Ông nói với các ký lục: *“Tôi vui lòng chịu chết lắm, chưa bao giờ tôi được vui mừng như hôm nay. Nếu tôi nói một tiếng thì khỏi chết nhưng tôi thà mang tội trước mặt vua chẳng thà mất lòng Chúa. Chỉ một chút nữa tôi sẽ được hạnh phúc thật”*.

Dân chúng theo thật đông, trong đó có Cha Thán đến như lời đã hứa. Tới nơi pháp trường quan định, lính đóng lại sửa soạn thì dân làng ra lạy quan xin đem đi xa hơn để xử. Quan cho lệnh đến nơi khác gọi là Bánh Tráng và lý hình trái đệm, chặt xích xiềng, mở trói. Trong khi đó mấy ông trùm len lỏi đưa Cha Thán đến gần hơn để ông Gẫm biết có cha ở đằng sau. Thấy cha rồi ông xin lý hình cho một ít phút sửa soạn. Khi thấy ông đấm ngực, Cha Thán cũng giơ tay ban phép giải tội. Thế rồi ông qui nghiêm trang bảo lý hình thi hành nhiệm vụ. Chúng trói tay ông vào cọc, buộc tóc lên trên đỉnh đầu và chờ lệnh. Hôï chiêng vừa dứt, tên lính cầm đao chém một lát gần đứt đầu, phải cứa thêm lát thứ hai cho đầu rơi xuống đất. Lý hình giơ đầu lên cho quan xem thấy rồi bỏ xuống, và chạy đi xa. Giáo dân ùa vào thăm máu và ba người em cùng với các ông trùm lo việc tống táng.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Xác vị anh hùng tử đạo được đưa về họ Chợ Quán có Cha Thán đọi để làm lễ an táng rồi chôn ở đất thánh cũ bên cạnh tảng đá lớn để làm dấu. Ông trùm Phước mua được các xích xiềng và tấm thẻ trao cho Cha Miche.

Năm 1864, hết thời kỳ cấm đạo, Đức Cha địa phận cho đem xác người lên, có hai bác sĩ người Pháp chứng nhận đúng là hài cốt của người, rồi bỏ vào trong một bình gỗ tốt đem vào nhà thờ Chợ Quán. Đến năm 1870, Cha Colombert người Mỹ, có trách nhiệm làm án phong thánh lại mở ra đếm các xương và lấy vải lụa bọc lại bỏ vào hòm và niêm phong mang về nhà trường Thánh Giuse. Và lần sau cùng năm 1900 Đức Cha địa phận lại xem lại xương thánh lần cuối cùng trước khi Đức Thánh Cha Leo XIII phong người lên bậc Chân Phước.

CHƯƠNG 4

1. Vài nét về vua Tự Đức và triều đình

Thái tử Hồng Nhậm là con thứ do bà Phạm Thị Hàng, con gái vị công thần Phạm Đăng Hưng, được chọn làm vua kế vị Thiệu Trị tháng 10 năm Đinh Vị (1847), lúc ấy mới 19 tuổi, và lấy năm 1848 làm Tự Đức nguyên niên, ban ân xá cho các tù nhân, trong đó có cả các người Công Giáo, miễn thuế cho dân chúng, thăng thưởng các quan và phong sắc cho các công thần.

Ngày 10-9-1849, sứ giả Trung Hoa đến Huế phong vương cho Hồng Nhậm. Tuy nhiên hoàng tử cả là Hoàng Bảo (An Phong) không chịu, cho là bị cướp ngôi nên lập vây cánh. Các quan đại thần như Trương Đăng Quế, Vũ Trọng Bình, Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Đăng Giai ra giúp sức vua. Phong cách của Tự Đức rất hòa nhã, thông minh nhất trong các vua triều Nguyễn, và thờ mẹ là Đức Từ Dụ rất có hiếu. Vua Tự Đức là một nho sĩ nhưng không biết quyết định, việc gì cũng do các quan đại thần xét, trong khi các quan này chủ trương bảo thủ để giữ vững địa vị.

Nhận xét chung về triều đình thời Tự Đức, sử gia Trần Trọng Kim viết: *“Sức đã không đủ giữ nước mà lại cứ làm điều tàn ác. Đã không cho người ngoại quốc vào buôn bán lại đem làm tội những người đi giảng đạo, bởi thế cho nên nước Pháp và I Pha Nho mới nhân cơ ấy mà đánh nước ta vậy”*.

Khi viết về những nguyên nhân suy bại của triều Nguyễn, Phạm Văn Sơn đã kết luận: *“Thậm chí chính quyền đời Nguyễn đã cấm dân đọc binh thư và cho cấm cả cuốn Chinh Phụ Ngâm, Sấm Trạng Trình. Vua Tự Đức toan sửa cả một ít câu văn trong Kim Vân Kiều đã ca ngợi những kẻ có chí quấy nước chọc trời. Thì ra người ta sợ kẻ quân nhân chán nghề chinh chiến và làm công cho bộ máy đàn áp của phong kiến, người ta sợ đám bần dân nảy ra những ý tưởng khuynh đảo triều đình hòng tìm lối thoát”*.

Khi kể về binh lực của Việt Nam, Phạm Văn Sơn còn viết lên nỗi đau đớn: *“Nhưng súng có bắn ra mà chẳng viên đạn nào trúng tầu của giặc”*. Tác giả trích dẫn một đoạn trong bài “Cửa Bể Thuận An” của ông Bửu Kế trong đó có đoạn: *“Tự Đức chỉ là một ông vua thi sĩ, việc*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

nước thì rắc rối khó khăn như ngôi nhà đã bệ rạc chỉ chờ ngày sụp đổ, các quan thì nệ cổ không đủ tài để làm cho Việt Nam trở thành một cường quốc được. Đó là những lý do khiến chúng ta mất nước”.

2. Sắc lệnh cấm đạo tháng 8-1848

Khi Tự Đức mới lên ngôi, các thừa sai có nhiều hy vọng vào một ông vua trẻ trung và sáng suốt sẽ cho tự do hành đạo. Một tin đồn lan rộng trong khắp giới Công Giáo Bắc Nam là vua cha di chúc hãy tha đạo. Sau đó lại có lệnh ân xá cho các tù nhân Công Giáo được trở về ngoại trừ hai vị linh mục là Cha Cẩm bị bắt năm 1846 và Cha Tuyên bị bắt năm 1847, cả hai bị kết án tử nên không được hưởng ân xá. Tại Huế bốn người bị bắt với Đức Cha Lefebvre lần thứ nhất là Thầy Tam và Thầy Phước, bị kết án tử giam hậu cũng được trả tự do.

Thế nhưng sang đến tháng thứ hai năm 1848 vẫn không có lệnh gì, quan ở Xứ Bắc vẫn theo lệnh cấm đạo cũ kết án hai mươi ba người lính Công Giáo không chịu đạp ảnh thánh giá. Trong khi đó Đức Cha Pellerin đã có thể đến Huế thăm dò và tổ chức công khai Tuần Thánh tại một họ đạo ngoại ô. Dù sao các quan vẫn không dám làm gì khi chưa chôn cất vua Thiệu Trị, dự định vào tháng 6. Đức Cha Pellerin còn viết rằng sau đám tang vua cha, Tự Đức đọc lại niên sử từ đời vua Gia Long và những việc Đức Cha Bá Đa Lộc đã giúp. Nhưng từ tháng 6 một số do thám gửi đi Singapore và một số học sinh thông ngôn trở về đưa tin tức về cuộc cách mạng ở Pháp. Các quan thù nghịch với đạo, nhân cơ hội này thúc đẩy vua tận diệt Công Giáo, vì lúc này ở Âu Châu đang lộn xộn không ai đến gây chiến với nước nhà. Thế là vua phải chiều theo các quan và cuối tháng 7, một linh mục Việt cho biết sắc lệnh cấm đạo đã được đệ lên Nội Các.

Tháng 8, lệnh được công bố gồm ba phần:

- Phần thứ nhất nói về những sai lầm của đạo Công Giáo và đã từng bị các vua tiền nhiệm cấm đoán.
- Phần thứ hai ra lệnh đối phó với các đạo trưởng Âu Châu, với tín hữu, với các linh mục, và với các nhà thờ.
- Phần thứ ba là thi hành lệnh cũng như các sắc lệnh cấm đạo có từ trước.

Sắc lệnh 1848 tố cáo đạo Gia Tô là tả đạo vì đạo cấm đoán việc tôn kính tổ tiên và các thần, dạy những điều hão huyền về thiên đường

LM. VŨ THÀNH

để lừa dối dân chúng, bắt dân chúng thờ lạy một hình khổ của Giê-su thật ghê gớm, đó là một thứ đạo ngăn cản mọi thứ thói tục tốt, những người truyền đạo thật cứng cổ, dụ dỗ đàn bà, móc mắt bệnh nhân và thu góp tiền của dân chúng.

Đối với các đạo trưởng Âu Châu còn lén lút đến truyền đạo nếu bắt được thì phải nộp cho quan để lãnh thưởng ba trăm lạng bạc trích từ công khố. Các quan phải ra án và chờ lệnh triều đình, nếu quả có tội thì sẽ phải chém đầu và xác buông sông để tiêu diệt tận gốc rễ sự dữ.

Đối với người Công Giáo bản xứ nếu bị bắt thì trước hết dụ dỗ họ đập ảnh rồi thả tự do, người nào từ chối bỏ đạo nếu là linh mục sẽ phải thích chữ vào mặt và đi đẩy ra cửa bể, còn thường dân phải phạt trượng rồi cho về.

Đối với những người đã bị kết án, linh mục hay giáo dân cũng phải áp dụng như điều khoản trên. Đối với các nhà thờ hay nhà xứ hay nơi hội họp thì phải theo như sắc lệnh của Minh Mệnh và cấm hẳn.

Các quan cấp trên phải giảng dạy đạo lý lành mạnh vì trời đã ghi sâu vào lòng con người đạo tự nhiên. Các quan cấp dưới phải công bố và phổ biến rộng rãi các thói tục tốt lành. Những thói tục do triều đình đặt ra được dân chúng thi hành là thời đại công bằng, văn minh và phong hóa đạt đạo. Đối với những người còn cứng lòng, hoàng đế lấy lòng nhân từ không muốn tiêu diệt dân chúng. Sắc lệnh khuyên các quan theo gương vua và thi hành lệnh giảng dạy cho dân chúng đường ngay. Phải phân biệt điều xấu với điều tốt. Nếu các quan tham lam, dong dưng người có tội sẽ bị trừng phạt nặng nề.

3. Hậu quả của lệnh cấm đạo trên

Tại Huế, Đức Cha Pellerin phải trốn lên rừng. Trong khi các quan không đồng ý với nhau, phe trẻ muốn cho tự do đạo, phe quan già đã thể hứa với Minh Mệnh thì quyết tâm diệt đạo. Tuy nhiên giáo dân tại Kinh Đô vẫn được bình yên, đọc kinh to tiếng như thường và làm nhà thờ mà không gặp phản đối gì. Một y sĩ Công Giáo nổi tiếng chết được an táng trọng thể khiến dân ngoại nói người Công Giáo chôn cất người chết trang trọng và tôn kính hơn cả chúng ta. Đức Cha Pellerin vẫn tiếp tục họp các học sinh để dạy dỗ chuẩn bị

DÒNG MÁU ANH HÙNG

làm thầy giảng hay linh mục. Đức Cha cho biết trong ba tỉnh chỉ có sáu linh mục làm việc cho hai mươi bốn ngàn giáo dân.

Đức Cha Cuénot Thế ở Qui Nhơn cho biết: *“Hậu quả không đáng sợ hãi như đã tưởng, chỉ có hai điều là sắc lệnh mở dịp cho các quan moi móc tiền của người Công Giáo và ngăn cấm việc làm các nhà hội họp đọc kinh. Chính sách của vua không có gì là chắc chắn, tránh mọi cơ hội tạo nên rắc rối. Phần chúng tôi thì chúng tôi mất hết hy vọng tự do tôn giáo. Hoàng đế rất thương dân và sắc lệnh cấm đạo được công bố vì bị ép buộc ngược với lòng muốn”.*

Trong Nam và ngoài Bắc, Nguyễn Tri Phương và Nguyễn Đăng Giai đã không công bố lệnh. Ngoài Bắc, Đức Cha Retord vẫn tổ chức các cuộc kinh lý linh đình, cũng có khi bị tố giác nhưng đã chạy tiền thăng với quan tỉnh. Năm sau 1849 nạn dịch hoành hành và chỉ có bóng dáng người Công Giáo xuất hiện nơi công chúng để làm việc bác ái, chôn cất người chết và mở cửa thiên đường cho kẻ ngoại vào (ám chỉ việc rửa tội cho người chết). Cũng trong dịp này thừa sai Néron và Shcoeffler đến năm 1849 và Bonnard năm 1850.

Địa phận của các cha Dòng Đa Minh gặp nhiều khó khăn hơn, Cha Tước 70 tuổi bị bắt giam tù và chết ngày 13-5-1849. Đức Cha Sanjurjo bị bắt nhưng đã chuộc tiền được ngay. Năm 1849, nhờ dịch tể hai thừa sai mới đến được nhiệm sở dễ dàng. Đó là các Cha Francisco, Rivas, Sampedro. Ngoài ra còn có cuộc họp lớn chia địa phận ngày 23-3-1849 tại Đông Xuyên.

4. Lệnh cấm đạo ngày 13-2 ở Phú Xuân, và mật lệnh cấm đạo toàn diện ngày 30-3

Đức Cha Retord, coi sóc địa phận Hà Nội, cho biết nguyên nhân theo như thư nhận được của Đức Cha Pellerin ở Huế để ngày 23-2, thì từ tháng Giêng và tháng Hai các quan đã công bố lệnh cấm đạo. Hoàng Tử cả là Hoàng Bảo tước An Phong Công vẫn cho là mình bị cướp ngôi, lần thứ nhất đã thất bại trong việc trốn ra nước ngoài tìm cầu viện, nhưng lần thứ hai đã thành công trong việc nối kết một lực lượng. Vì thế chính vua và các quan nghị cho người Công Giáo đã thông đồng. Nhất là những vị lão quan vẫn ghét đạo.

LM. VŨ THÀNH

Trước đây ngay khi Tự Đức mới lên ngôi, Hoàng Bảo đã khuyến dụ người Công Giáo theo và hứa sẽ cho tự do giữ đạo. Các viên chức Công Giáo đã nhiều lần đến hỏi ý kiến Đức Cha Pellerin. Đức Cha Pellerin đã cấm người Công Giáo không được dính líu vào vấn đề chính trị mà chỉ tin tưởng vào Chúa và Mẹ Maria gìn giữ mà thôi. Ngoài ra vẫn theo thư của Đức Cha Pellerin, Hoàng Bảo còn tìm cách liên lạc với Đức Cha Lefebvre trong Nam, nhưng người Công Giáo đã trả lời rõ ràng rằng không biết đức cha đã trở lại địa phận chưa và tất cả các giáo sĩ đến nước này chỉ để rao truyền đạo thật và cứu rỗi các linh hồn, không hề muốn liên lụy đến việc triều đình. Đức Cha Pellerin cũng cho biết thêm rằng rất có thể sẽ có nội chiến vì các quan không đồng ý với nhau, với lại Tự Đức không được khỏe mạnh nên không có hy vọng có con và thầy bói nói là chỉ cai trị được khoảng 3 năm thôi.

Theo Phạm Văn Sơn, thuật lời Đức Cha Pellerin như sau: *An Phong Công Hồng Bảo, con trưởng vua Thiệu Trị, không được làm vua theo như tục lệ cổ truyền ở Á Đông, đã họp một số đảng viên, hầu hết là những kẻ bất đắc chí, những kẻ có nhiều tham vọng, âm mưu gây cuộc đảo chính ở Kinh thành Huế... Họ đã uống máu ăn thề với nhau và chia tay nhau, một nhóm đi ra ngoại quốc để mở cuộc vận động tại Xiêm và Cao Mên. Họ đã thuyết phục được một nhà sư đứng đầu nhưng khi về tới Việt Nam nhà sư không được đối đãi tử tế nên đã tố giác tất cả âm mưu. Việc âm mưu đảo chính này xảy ra vào cuối tháng Giêng. Hồng Bảo bị bắt và kết án. Ông này đã có lần thổ lộ rằng ông bị cướp ngôi ông chẳng buồn vì ngôi vua về tay em ông còn hơn sang tay kẻ khác. Nhưng ông muốn có dịp moi gan móc mắt ông Quế (công thần Trương Đăng Quế rất có nhiều quyền hành và dường như là bố vợ của vua nữa).*

Trước hết các quan ở Phú Xuân (Huế) ra một sắc lệnh rất nghiêm ngặt ngày 13-2-1851 cấm đạo Gia Tô và tố cáo nhiều quan huyện và tổng dung dưỡng các tín đồ đạo này ngay tại kinh đô (cả gan dụ dỗ cả một vị hoàng tử). Lệnh bắt mọi quan phải ra sức truy lùng, bắt và trừng phạt nặng nề. Người nào có công tố giác hoặc bắt được đạo trưởng sẽ được thưởng và nếu các quan có tội biếng trễ việc này sẽ bị trừng phạt. Tự Đức năm thứ tư, 13-1 âm lịch.

Đến ngày 30-3-1851 một mật lệnh của vua gửi cho các quan nói về nguy hại và ảo tưởng của đạo Gia Tô và các vua đời trước đã nghiêm

DÒNG MÁU ANH HÙNG

cấm. Để tận diệt tà đạo ngay từ căn rễ thì cần phải giảng dạy lễ nhạc và lễ phải ăn sâu vào lòng người: *“Ta, Tự Đức, trung thành với lễ lối từ đầu đã xem xét và nghe ngóng trong mọi hành động, xét đoán và mệnh lệnh. Ta đã giao cho một quan đại thần để lập kiến nghị mà ta gửi cho hội đồng nội các xét về việc cần phải cấm đoán tà đạo Gia Tô. Theo ý kiến của quan đại thần này thì phải buông sông các đạo trưởng Tây Phương để đạo thật được sáng tỏ. Các giáo sĩ Việt dù có đập ảnh hay không cũng phải chém ngang lưng để mọi người biết sự nghiêm khắc của luật pháp. Sau khi xem xét ta thấy rất hợp lẽ”*. Sau đó lệnh của Tự Đức bắt các quan phải thi hành, thưởng cho người tố giác đạo trưởng Tây Phương 8 lạng bạc và phân nửa tài sản của kẻ bị bắt. Còn người có tội chúa chấp dù lớn hay nhỏ thì phải chém ngang lưng vứt xuống sông, trẻ con chưa tới tuổi suy xét thì phải lưu đầy đi xa.

5. Cuộc tham khảo ý kiến các quan

Cuối năm 1851 vua Tự Đức gửi thư đến các quan tổng đốc để tham khảo về đường lối hữu hiệu tiêu diệt đạo Gia Tô. Trong chỉ dụ này vua đã gọi đạo Gia Tô là một thứ đạo lừa dối và nguy hiểm cho dân chúng hơn gấp ngàn lần các đạo Phật, Lão... Hơn nữa vua cũng biết rằng tín đồ Thiên Chúa Giáo tinh thông các sách thánh hiền, có bằng cấp nữa. Làm sao để giáo hóa những người ở trong đất của vua lại có tấm lòng theo đạo ngoại lai? Tự Đức tỏ ra nhân đạo cho rằng nghiêm khắc quá thì tổn thương đến lòng nhân mà nếu hiền từ thì không nhổ hết được gốc rễ sự xấu. Vì thế cần phải suy nghĩ chín chắn. Theo giáo huấn của tiền nhân và ngày nay thì có nhiều điều trái ngược nhau. Quân Tử nói rằng: Sự tha thứ có ích lợi bây giờ nhưng lại là nguồn gốc di hại về sau. Trái lại Mạnh Tử cho rằng người đức hạnh không được ghét một ai, không được có kẻ thù. Tự Đức hỏi các quan phải làm sao để có một chính sách tuyệt hảo, chấm dứt được các vụ kiện, làm phong phú việc canh nông và tiêu diệt tà đạo Gia Tô.

Trong các bản tấu trình có hai khuynh hướng. Một số quan đề nghị bắt đạo trong vòng ba bốn năm mà thôi, bắt mọi người Công Giáo đập ảnh và thưởng cho những người tuân lệnh, phạt những người bất tuân. Tự Đức phê bình đường lối này: *“Đã hai chục năm chúng ta nỗ lực làm cho người Công Giáo bỏ đạo mà chẳng được thành công gì, vậy các Khanh nghĩ là ba bốn năm bắt bỏ chúng ta sẽ làm cho họ*

LM. VŨ THÀNH

hối cải chẳng? Chúng không sợ chết, cũng chẳng nuôi tiếc sự sống, thì việc thường phạt có hữu hiệu chẳng? Các người chỉ biết nói mà chẳng biết hành động, các người giống như người nhìn con hổ trong hang và tin rằng nó nhỏ bé vì chỉ nhìn thấy phần nhỏ bé”.

Phe thứ hai gồm những quan lớn ở kinh thành Huế đề nghị biện pháp nghiêm khắc. Các hình phạt đề nghị: chém đầu đạo trưởng tây, đánh đòn giáo sĩ Việt, các đồ đệ phải xử giáo, các chủ nhà chứa chấp cũng phải phạt như vậy, kể cả các lý trưởng, các quan để cho giáo sĩ hoạt động trong địa phương mình thì phải giáng chức. Còn người tổ giác sẽ được thưởng 100 lạng bạc.

Nhưng đặc biệt hơn hết là bản tấu của quan thượng Nguyễn Đăng Giai, có nhiều nhận xét xuất sắc về đạo Gia Tô. Nguyễn Đăng Giai là một phật tử sùng đạo, một vị quan được dân chúng yêu mến, được triều đình tín nhiệm. Ông đã là Kinh Lược Đại Sứ Hà Tĩnh, Nghệ An và Thanh Hóa Năm 1851 ông có công dẹp được giặc Tam Đường. Sau khi ông chết năm 1854 thì bắc Kỳ lại có loạn. Đối với Công Giáo ông được Đức Cha Retord ca ngợi và tin tưởng vào sự thanh liêm đức độ của ông và dám viết thư cho ông biện bạch về trường hợp của Cha Cẩm đang bị tù. Ông Giai có sáng kiến khoan hồng cho các tù nhân và đem họ đi đánh dẹp loạn. Nhân cơ hội này Đức Cha Retord viết thư cho ông và đã thành công xin được miễn cho Cha Cẩm. Trong bản tấu trình vua, quan thượng Giai nói rằng đạo Công Giáo đã có tù nhiều đời, số đông lên hơn cả 100 ngàn. “*Cách thức đạo này chinh phục lòng người như sau: trước hết họ chinh phục một người, đàn ông cũng như đàn bà, rồi trở thành một gia đình, một xóm đạo. Họ nuôi không những người đói kém, cho quần áo những người bị lạnh lẽo, giúp đỡ những người bất hạnh, an ủi những người sầu khổ, họ tụ họp đông để tiễn đưa những người quá cố. Họ không phân biệt quốc gia mà coi mọi người như một, như thân thuộc vậy. Ban đầu người mới nghe thấy thích, sau thấy thoả mãn và trở thành cuồng tín không hồ nghi gì nữa. Họ coi những người khác là tội nghiệp phải sống lầm than, không thương nhau. Như thế thì làm sao khuyến bảo họ theo lẽ lối của chúng ta? Các sách vở của họ tuy viết bằng chữ không đẹp như của chúng ta nhưng không chứa đựng điều gì sai trái nguy hại cho loài người. Các lời giảng dạy của họ chỉ có một mục đích là làm cho con người trở nên đức hạnh và làm ích cho người khác. Họ sống bằng lòng với tình trạng, đóng thuế rất sòng phẳng, không có trộm cướp hay làm loạn. Sáng chiếu họ đọc kinh, cố gắng trở nên tốt hơn hầu được hạnh*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

phúc trên trời”. Ông đề nghị một giải pháp trung dung, cho tự do thực hành đạo những người Công Giáo kỳ cựu nhưng bắt họ kê khai chính xác số người tin theo, quan cũng như dân thường, trong mỗi làng hay huyện. “Những làng Công Giáo sẽ để cho họ được yên, những làng pha trộn thì gom họ lại một nơi riêng không cho ở lẫn lộn nữa... Những người nào lén lút không khai tên nếu bắt được sẽ phải đi đày. Cấm hẳn việc gia nhập đạo Công Giáo, nếu các quan bắt gặp người nào mới gia nhập đạo sau này phải kể họ như người làm loạn. Còn đối với linh mục ngoại quốc thì theo các luật lệ đã có. Như thế người Công Giáo sẽ sống an bình và nguồn gốc sự dữ sẽ dần dần bị hủy diệt. Dân chúng thường hay bắt chước vì thế để sửa sai cần phải có gương tốt. Sự thật khó hủy diệt còn cái đối trá tự nó sẽ tiêu tan. Chúng ta hãy thực hành đạo của chúng ta một cách râm rộ để người ta sẽ thấy đạo lý giá trị xấu xa tan biến đi như tuyết tan dưới ánh nắng mặt trời”.

Những nhận xét và kế sách của ông Thượng Giai rất sâu sắc nếu nó được áp dụng triệt để thì cũng làm chậm bước đường bành trướng của đạo Công Giáo. Tương tự như các luật của các xứ Hồi Giáo ngày nay cấm không được theo đạo mới. Các thừa sai vẫn triệt để bị cấm và người chúa chấp vẫn có tội như thường. Rất tiếc các tài liệu không cho biết phản ứng của triều đình. Triều đình gồm một số quan thủ cựu có định kiến sẵn chống Công Giáo nên ý kiến của ông không có kết quả gì và sau khi ông chết năm 1854 thì triều đình công bố lệnh bắt đạo toàn diện, tỏ rõ lập trường bài ngoại và bài đạo.

6. Hậu quả của các sắc lệnh trên

Việc bắt đạo tùy theo thái độ của các quan địa phương. Các thừa sai rất dè dặt và kín đáo. Thừa Sai Augustinô Schoeffler bị bắt và xử tử do tổng đốc Ngụy Khắc Tuấn tại Sơn Tây ngày 1-5-1851. Thừa Sai Bonnard bị bắt và xử tử ngày 1-5-1852 ở Nam Định. Cha Minh bị bắt và xử tử ngày 3-7-1853 tại Vĩnh Long và ông Trùm Lựu chết rũ tù ngày 2-5-1854 trong khi bị lưu đày. Tại miền Trung, Thừa Sai Galy ở He-ray bị quân do thám đến bao vây nhưng người đã trốn thoát và các đồ đạo được cất giấu kịp thời nên không việc gì. Đầu tháng 5-1851 Cha Galy đến He-sin tổ chức thánh Đức Mẹ, nhà thờ bị đốt cháy. Đức Cha Pellerin vẫn ở Di Loan và dạy một nhóm thầy giảng.

LM. VŨ THÀNH

**Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của
THỪA SAI AUGUSTINÔ SCHOEFFLER (ĐÔNG)**

(bị bắt 1-3-1851, xử tử 15-1851 tại Sơn Tây)

Những bài tường thuật tử đạo của các thừa sai tại Việt Nam đã gây được một trào lưu truyền giáo tại Pháp. Có rất nhiều người trẻ xin đi truyền giáo tại Việt Nam, trong số đó có Thừa Sai Augustinô Schoeffler với tên Việt là Đông.

Đức Cha Retord (Liêu) viết về cha như sau: “Tôi không được biết trước thiếu thời của Cha Schoeffler, nhưng tôi xét cách người sống các nhân đức thì quyết đoán rằng ở Pháp, cậu đã có đời sống gương mẫu cũng như bây giờ là một tông đồ nhiệt thành ở Bắc Việt. Người đến Bắc Việt năm 1848. Từ khi đó cho đến khi bị bắt, có ba việc người chuyên cần thi hành là: học tiếng Việt, làm việc mục vụ và chịu các bệnh tật. Người học tiếng Việt siêng năng đến nỗi sau năm sáu tháng đã có thể giải tội và khuyên bảo giáo dân.... Về việc tông đồ, tôi đã mang cha đi theo trong suốt một năm kinh lý và ban bí tích cho các họ đạo. Một linh mục thừa sai mới sang chưa có kinh nghiệm thì việc quan trọng nhất là phải làm quen với lối giao dịch với các linh mục bản xứ và giáo dân, đồng thời thích ứng với phương pháp truyền giáo và hòa hợp với các vị đàn anh đi trước. Sau một năm theo tôi làm phúc tại Kẻ Bàng 1849, khoảng tháng 10 tôi chỉ cho Cha Schoeffler coi xứ Đoài. Xứ này gồm khoảng mười sáu ngàn giáo dân rải rác trong bốn xứ đạo trên miền núi rừng.”

Vấn theo lời tường thuật của Đức Cha Retord, Cha Schoeffler rất nhiệt thành trong việc rửa tội, trong một năm người đã rửa tội được 200 trẻ ngoại đạo, 41 trẻ con nhà có đạo và 23 người lớn, không kể đến giải tội, xúc dầu...

Trong năm 1850 Cha Schoeffler bị sốt rét rừng. Năm ấy cha đến mở tuần đại phúc cho xứ Bầu Nọ nơi ghi dấu cuộc xung đạo của Thừa Sai Cần và ba thầy giảng năm 1837. Năm 1851 Đức Cha Retord công bố năm thánh, Cha Schoeffler muốn sang xứ Yên Tập để mở năm thánh cho giáo dân tại đây. Trong dịp này có một người ngoại đạo tên là Khanh đi tố cáo với quan tổng là có cố đạo ở làng Bầu Nọ. Quan cho quân mai phục các nẻo đường. Hôm ấy ngày 1-3-1851, thay vì đi ban đêm, người nói Cha Phụng và hai chú học trò đi

DÒNG MÁU ANH HÙNG

trước nếu có chuyện gì thì báo động. Cha Phụng và hai chú đi vào buổi chiều đến giữa rừng thì bị bắt. Cha Schoeffler và một thầy giáo đi sau không thấy tin báo gì thì cứ vui vẻ đi về hướng Yên Tập. Khi được tin có người rình để bắt thì cha và thầy giáo lên vào bụi rậm nhưng ngay lúc ấy quan quân đến vây bắt cha và thầy giáo. Quan bảo lính đánh cha song cha thưa lại: *“Việc gì mà phải đánh, đừng có lo, tôi không có trốn đâu”*.

Quan tổng không muốn giải nộp các đảng viên vì có ý đòi tiền giáo dân, nếu có 100 nén bạc sẽ tha. Mặc dù người thưa rằng không thể liệu được bằng ấy tiền nhưng vì quan thúc ép nên người nghĩ ra được một mưu nói với quan: *“Nếu ông nhất định muốn lấy tiền thì hãy tha bấy nhiêu người giúp tôi đây đi vì chỉ có họ biết chỗ để tiền bạc”*.

Thế là quan tha cho Cha Phụng, thầy giáo và hai chú học trò. Sau đó người rất mừng rỡ vì không còn ai phải khổ vì người nữa, bèn giục quan tổng hãy giải về tỉnh Sơn Tây cho mau. Cha Phụng thành thật đi về làng kêu gọi giáo dân đóng góp, nhưng lúc ấy có tin nhắn quan tổng muốn bắt cha lại nên cha lại phải trốn đi. Như thế không có ai hay làng nào bị liên lụy.

Ngày hôm sau quan huyện Nho Lâm giải người về tỉnh, giam tạm tại nhà cách dinh quan án. Ngày hôm sau ba quan lớn cho đem thừa sai ra trước công đường để tra hỏi về quê quán và những việc đã làm, về các đồ đạo đã bắt được, và có biết luật nước cấm đạo không. Cha Schoeffler lần lượt trả lời các câu hỏi của quan như sau: *“Tôi tên là Augutinh, người Pháp, sinh tại tỉnh Nancy, là đạo trưởng Công Giáo, 29 tuổi. Tôi đã đến đây để giảng đạo cứu rỗi và từ khi đến nước này cho đến nay tôi chỉ chuyên tâm có một việc là rao giảng đạo thật mà thôi. Trước kia ở Pháp, tôi đã biết rõ đạo bị cấm tại nước này và các đạo trưởng phải xử tử. Nhưng chính vì vậy mà tôi càng muốn đến nước này hơn là các nước khác. Từ khi tôi tới đây tôi đã rao đi nhiều tỉnh, đã ở trong nhiều nhà mà bây giờ tôi không còn nhớ tên nữa, và nếu có nhớ tôi cũng không khai ra với các quan”*.

Ngày hôm sau các quan lại cho điệu người ra hỏi han như hôm trước, và cha trả lời cũng y hệt hôm trước. Hôm ấy là ngày 5-3, quan tổng đốc Ngụy Khắc Trần viết bản án trình về triều đình, bản án có phần chi tiết hoang đường.

LM. VŨ THÀNH

Nội dung tờ trình như sau: “Sau khi tham khảo ý với hai quan bộ và quan án sát, sau đây là lời xét đoán của chúng tôi: ‘Tên Aodutinh là một người Tây đã cả gan đến trong nước mặc dù đã có lệnh cấm, hấn rào qua và dừng lại ở nhiều nơi trong nước để rao giảng đạo, dụ dỗ và lừa dối dân chúng. Hấn đã công khai thú nhận các việc làm. Cần phải áp dụng cho hấn các luật trong sắc lệnh của hoàng thượng. Vậy tên Aodutinh phải xử chém và đầu ném xuống biển hay sông để răn dạy dân chúng. Còn về những người đã theo hấn và cho hấn trú ngụ, hấn thương họ đến nỗi nhất định không bao giờ cung khai ra mặc dù chúng tôi đã tìm mọi cách hỏi han nó. Người có công bắt được hấn cũng không cho biết thêm gì được về vấn đề này. Nếu cứ thúc ép để điều tra cho biết thì có vô số người phải khổ khổ. Vì thế chúng tôi xét theo lời chỉ dạy mật không điều tra thêm nữa. Về phần lý trưởng và những người có công bắt đạo trưởng, chúng tôi đã trọng thưởng để khuyến khích là ba trăm lạng bạc theo như sắc lệnh của vua. Quan lãnh binh đã đem quân đi bắt cũng đáng khen thưởng. Chúng tôi chờ mong lệnh của hoàng thượng và hứa sẽ làm theo. Còn về các đồ đạo tịch thu được chúng tôi xin được lệnh đốt đi. Trên đây là cuộc điều tra chúng tôi đã làm về vụ này và bản án chúng tôi xét xử. Với lòng khiêm phục chúng tôi xin tường trình lên hoàng thượng và cúi đầu chờ thánh chỉ. Tự Đức năm thứ tư, ngày 5 tháng Hai âm lịch”.

Sau khi các quan làm bản án rồi, Cha Schoeffler được giam vào ngục thất với các tù nhân tội phạm khác và không còn bị tra tấn nào khác, chỉ phải mang gông và cùm thô. Tuy nhiên những lời bần thỉu của những tên trộm cướp làm đau lòng vị thừa sai cùng với trăm ngàn cái khổ hành hạ của lính canh. Đức Cha Retord sai một thầy mang tiền đút lót để lính không làm khổ người và kèm một lá thư an ủi. Vì lính canh chừng nghiêm ngặt nên người chỉ đọc thư mà không thể trả lời. Vì có lệnh quan lớn cấm không để một thường dân nào được đến gần, nên có một người tân tòng lên nấu cơm cho cha, và một thầy giảng trá hình làm lính đến thăm người được hai ba lần, nhưng cũng chỉ có thể nhìn nhau mà thôi. Một linh mục may mắn được đến gần giải tội cho người.

Trong tù Cha Schoeffler vẫn tìm cách giảng đạo cho các bạn tù. Cha đã chinh phục được một người lính tên Chi. Cha nói: “Khi nào tôi bị xử rồi, tôi sẽ nhớ đến anh, và nếu anh muốn hạnh phúc thật thì tìm nơi có đạo mà tin theo đạo”.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Người lính này còn thuật lại rằng cha có mấy bức ảnh và sách nguyện trong tù và luôn tỏ ra vui vẻ. Người lính này cũng hứa theo người dù người phải giải về Huế. Sau khi vị thừa sai bị xử người lính lập gia đình và theo đạo Công Giáo.

Ngày 11-4 lời phê án của triều đình về tới tỉnh. Lời phê án viết như sau: *“Chúng tôi đọc tờ trình báo về việc bắt được đạo trưởng Tây tại tỉnh Sơn Tây. Chúng tôi, các quan có nhiệm vụ xét lại, gửi bản ý kiến của chúng tôi đến bản quan trên để cùng với sự đồng ý của quan bộ và quan án sát thi hành lệnh của chúng tôi. Luật của nhà nước được công bố để dạy dỗ dân chúng cho biết úy sợ, đã nghiêm cấm đạo Gia Tô rất ngặt, dẫu vậy tên Aodutinh, đạo trưởng đạo này đã dám xâm nhập lén lút trong nước của chúng ta để rao giảng đạo và dụ dỗ lường gạt dân chúng. Bị bắt rồi hắn đã thú nhận tất cả. Vậy tên Aodutinh phải chém đầu ngoài bãi và ném đầu xuống dòng sông để tận diệt những kẻ xấu. Những điều khác hãy theo những điều chúng tôi đã định trước”*.

Lẽ ra khi nhận được lệnh trung ương quan phải thi hành ngay, nhưng quan lớn cho lệnh tháo gông và lấy xích cột vào chân và cho đem ra ở nhà bên phủ đường. Trước đây quan có lấy một lạng bạc của cha bây giờ được dùng để dọn một bữa cỗ cho cha. Quan đội thường nói truyện hồi han và rất kính trọng vị thừa sai.

Theo chứng từ của người có mặt và phúc trình của Cha Phụng, hôm 1-5, vào khoảng trưa, quan lớn Ngụy Khắc Tuân cho gọi hai đội quân sửa soạn voi, ngựa và súng, các khí giới đủ loại để làm một cuộc tảo thanh. Mọi người nghĩ là quan quân đi tấn công một nơi nào, nhưng sau mới biết là để áp giải vị anh hùng tử đạo đến pháp trường. Quan lớn làm vậy vì sợ giáo dân đông số có thể đánh tháo cho vị linh mục. Khi đem Cha Đông ra khỏi tù, nhiều người hối tiếc một vị nhân đức dễ thương như vậy phải chết. Đám lính gồm 100 người chia thành hai hàng, Cha Schoeffler đi ở giữa có 8 tên lính cầm giáo hộ tống, đằng trước có một tên lính cầm thẻ ghi bản án, đi sau là hai quan lớn cỡi voi. Vị anh hùng tử đạo khi biết đã đến giờ ra pháp trường liền vất bỏ đôi dép để đi chân không cho dễ dàng và mau chóng, biểu lộ nét mặt vui mừng hơn hờ. Cha ngẩng cao đầu, giơ cao xích và miệng đọc những lời kinh thật sốt sắng. Một đám đông vô số theo sau đi ra pháp trường ngoài thành quen gọi là Năm Mấu, họ như bị thôi miên trước sự anh hùng của đạo trưởng. Họ nói: *“Thật là anh hùng, người đi chịu chết dường như đi dự đại lễ. Can đảm chừng*

LM. VŨ THÀNH

nào, không có dấu sợ hãi. Ô đẹp làm sao, hiền hậu làm sao! Tại sao hoàng đế lại chém đầu những người như thế?” Trong đám đông cũng có kẻ xấu miệng nói lời xúc phạm đến đạo.

Tới nơi xử, vị anh hùng xin mấy phút cầu nguyện, quỳ gối trên bờ ruộng, tay cầm thánh giá nhỏ, hôn kính ba lần. Sau đó theo lời lý hình, người cởi áo ra, để trần cổ sẵn sàng đón nhát gươm vinh dự. Lý hình trong khi đó trói hai tay người ra sau lưng và buộc vào cọc. Vị anh hùng giục lý hình làm phận sự trong khi mắt ngược trông lên trời. Quan ra lệnh sau ba tiếng chiêng mới được chém. Giây phút trở nên trịnh trọng, ba hàng lính đứng chung quanh như triều thiên, hàng thứ nhất tay cầm gươm sáng, hàng hai tay cầm súng trường và hàng thứ ba tay cầm giáo giơ lên cao. Tiếng chiêng thứ ba vừa dứt, tay run rẩy người lý hình chém không dứt được cổ, phải cửa thêm cho dứt hẳn. Những người chứng kiến vụ hành quyết chỉ là những người không Công Giáo ở Sơn Tây, còn giáo dân thì không được tin kịp.

Đầu vừa rơi đám người lương ủa vào thắm máu, khác với thói quen là chạy trốn khi một tử tù bị chém. Dân chúng tin rằng đây không phải là một tên tội phạm nhưng là một vị anh hùng xuất chúng, một thánh nhân đáng tôn kính, mang lại hạnh phúc cho người khác. Họ chia nhau các di tích, giày xiêng và xích. Một viên sĩ quan mang theo một tấm áo lụa mới để thắm máu vị anh hùng. Viên sĩ quan này bị đánh mấy roi vì làm như thế. Các lý hình cầm đầu người mang đi vất xuống sông nơi vừa rộng vừa sâu nhất. Giáo dân nhiều đêm lặn tìm mà không thấy vì lương dân đã lấy trước để chờ món tiền chuộc khổng lồ. Còn thân thể vị anh hùng tử đạo được giáo dân bỏ vào trong quan tài chôn ngay tại chỗ theo như luật đã định dưới sự canh gác của lính. Đến đêm thứ hai rạng ngày thứ ba, giáo dân đã lấy trộm xác về chôn trong nhà một lý trưởng Công Giáo, tên là Lý Ngọc, tại Bạch Lộc.

Lý Ngọc thường ốm yếu và buồn nhiều vì không có con nhưng từ khi chôn xác Cha Schoeffler trong nhà thì được chữa lành và sau lại sinh con trai. Những người can dự vào việc bắt người đều bị Chúa phạt: con ông tổng Sĩ bị chết trong vòng một tháng và chính ông phải chịu nhiều điều khốn khổ. Tên tố cáo sau khi linh tiền thưởng vào rừng bị chết ngay trong rừng. Người khác còn làm chứng rằng lúc

DÒNG MÁU ANH HÙNG

chém đầu Cha Schoeffler, mặt trời sáng chói lợi bóng tối sẫm lại và sau khi chém xong thì sáng trở lại.

Cuộc Xung Đao & Tử Đao của THỪA SAI LOUIS BONNARD (HƯƠNG)

(bị bắt 21-3-1852, xử tử 1-5-1852)

Mở đầu bài tường thuật hết sức đặc biệt về cuộc tử đạo của Thừa Sai Bonnard, Đức Cha Retord đã viết: “*Từ khi tôi tới Bắc Việt đã viết bao nhiêu bài tường thuật các biến cố oai hùng của những người kiên trung xung đạo. Nhưng hôm nay tôi sắp sửa tường trình một việc không những liên hệ tới xứ truyền giáo của chúng tôi mà còn liên hệ đến toàn thể giáo hội nữa, đó là cuộc tử đạo của Jean Louis Bonnard*”.

Trong lá thư viết cho vị anh hùng tử đạo trước ngày bị hành quyết, Đức Cha Retord đã mượn ý tứ của tên Hương để nói với vị anh hùng: “*Cha xin tôi chúc lành, tôi đã chúc lành cha ngay từ khi cha đặt chân tới xứ truyền giáo này, nó sẽ theo cha về nơi vĩnh cửu. Thật vậy tôi đã chúc lành cho cha khi đặt tên cho cha là cha Hương, một tên thật đẹp bao gồm ý nghĩa cha của quê hương, cha của hương dâng, cha của hương thơm. Lúc này quê hương yêu dấu hiển hiện ra sáng chói trước mặt và cha sắp sửa trở thành một người công dân hạnh phúc. Chính lúc này hương trầm quý giá sắp được đốt trên bàn thờ tử đạo và khói hương của nó bay bổng lên tòa cao của đấng vĩnh cửu. Chính lúc này hương thơm ngậy ngất làm say mê Chúa Giêsu như xưa Maria Madalena đã làm và hương thơm còn làm vui sướng các thiên thần và loài người, trên trời cũng như dưới đất. Như thế tôi đã chúc lành cho cha đã từ lâu rồi vậy. Tuy vậy tôi còn chúc lành cho cha nữa, xin Thiên Chúa là sức mạnh nâng đỡ cha ngoài pháp trường của các đấng sĩ, xin công nghiệp của Chúa Con an ủi cha trên đồi Calvariô cha sắp bước lên, xin tình yêu sốt mến của Chúa Thánh Thần chiếu sáng từ ngục cha sắp bước ra khỏi để lãnh triều thiên tử đạo. Bạn yêu dấu, hãy được chúc phúc và khi bạn lên trời, đến lượt bạn chúc phúc cho chúng tôi, cho xứ truyền giáo và cho các giáo dân mà cha hằng quý mến. Xin hãy là trạng sư, là người bầu cử cho chúng tôi còn đang bước đi trong vùng bùn dương thế. Xin bầu cử cho chúng tôi sớm được hợp hoan với cha*”.

LM. VŨ THÀNH

Vị anh hùng đặc biệt mà Đức Cha Retord nói tới chính là Cha Bonnard Hương, sinh tại Christoten Jarret ngày 1-3-1824 trong một gia đình đạo hạnh từ nhiều đời. Từ khi được 10 tuổi cậu Bonnard đã đi tu nhưng mãi đến năm 20 tuổi cậu mới tốt nghiệp chủng viện Lyon và vào chủng viện truyền giáo Paris.

Sau khi chịu chức linh mục hai tháng, cha đã xuống tàu Nantes để sang Á Đông. Cha đến địa phận vào mùa Phục Sinh năm 1850 giữa cơn dịch tả đang hoành hành. Cha bắt tay ngay vào việc học tiếng Việt Nam và cuối năm 1850 cha đã bắt đầu giải tội và giảng dạy tại nhà thờ. Đức Cha Retord dẫn Cha Bonnard đi theo làm việc mục vụ tại các họ cho quen biết và thành thạo các phương pháp làm việc truyền giáo. Cha đã tỏ ra là một linh mục hiền hòa, sốt sắng vâng lời và nhiệt thành việc tông đồ, cha vừa hiền lành khiêm nhường vừa đơn sơ thành thật. Trước những đức tính cao quý ấy, Đức Cha Retord biết chắc vị thừa sai trẻ tuổi này sẽ có sức đương đầu với các sóng gió. Cuối tháng 4-1852, Đức Cha chỉ định Cha Bonnard coi hai xứ Kẻ Báng và Kẻ Trình trong khi vua Tự Đức mới ra lệnh cấm đạo năm 1851.

Mùa Chay năm 1852 Cha Bonnard cùng với năm cha Việt tổ chức tuần đại phúc và giảng cấm phòng cho giáo dân Kẻ Báng. Sau đó họ Bối Xuyên mời Cha Bonnard sang làm phúc cho họ. Cha Thảo khuyến khích người cứ yên tâm sang họ Bối Xuyên, một họ chỉ có khoảng mười gia đình, một phần tư dân số của làng. Đến Bối Xuyên giúp giáo dân ba ngày, Cha Bonnard đang muốn đi thì giáo dân năn nỉ xin cha ở lại mà không ngờ có một người đã đi báo quan. Thế là ngày 21-3 quan huyện Nghĩa Hưng mang quân đến bắt cha.

Chính Cha Bonnard trong thư đề ngày 2-4 đã thuật lại cuộc vây bắt như sau: *“Vào lúc 9 giờ sáng tôi đang làm phép rửa tội cho khoảng hai mươi lăm trẻ em nhưng chửa xong thì quan ập đến đầu làng mà tôi không hay gì. Tức thì người giúp việc giật áo các phép rồi đẩy tôi đi trốn, tôi lội xuống ao nước ngang lưng để sang cánh đồng lúa cùng với Thầy Kim. Trong khi phân vân không biết chọn hướng nào đi trốn thì lính ập đến trói tay tôi lại thật chặt đến nỗi sưng lên khiến tôi phải kêu xin nói rộng nhưng họ không cho nên tôi đành chịu vậy. Thế là họ bắt tôi, thầy Kim và chú Ba, người đi theo mang mấy đồ cần cho tôi. May mà tôi đã ra khỏi làng nên các đồ đạo và dân chúng không bị bắt. Bọn lính lôi tôi đi trên bùn rất nhanh được một lúc thì tôi kiệt sức, máu*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

chạy dưới chân. Tôi cười nói với lính áp giải: ‘Việc gì mà vội thế, các ông muốn vội thì đi trước đi, tôi từ từ đến sau’. Trên đường dân chúng đổ xô ra xem. Tối tối thì về đến huyện, người của Cha Thảo mang 10 nén bạc để thưởng thuyết hay ít nhất xin họ tha thầy Kim và chú học trò. Nhưng mọi cửa đóng kín, quan đang say sưa uống rượu với kẻ tổ giác. Sáng hôm sau họ giải ba chúng tôi về tỉnh Nam Định”.

Sau đó người bị tra hỏi tại huyện về tên tuổi và thời gian đến đây. Về câu hỏi tại sao đến ở Bối Xuyên, Cha Bonnard nhất mực không trả lời, Thầy Kim cũng vậy, giữ im lặng để tránh phiền lụy cho dân làng. Sau đó quan bắt người đeo gông. Tối hôm ấy cha được ngủ dưới ổ rơm trống trải tứ phía. Cha lần mò hỏi han xem có cách nào chuộc cho hai người bạn tù không nhưng họ trả lời không có cách nào cả. Quan huyện có họ với vua đã làm một tờ trình đầy phô trương như mang chín đội quân trên năm trăm người đi bắt... Cha Bonnard phó mặc trong tay Chúa.

Khi bị giải lên tỉnh, cha được ngồi võng cho họ khiêng đi, cổ vẫn mang gông. Tối sảng đường họ trói cả ba tù nhân đúc tin vào một cây cột lớn, trước đám đông dân chúng hiếu kỳ đến xem. Sau nửa giờ quan tổng đốc ra nhận tù mà không nói lời nào, sau đó lính dẫn các đấng vào nhà tù. Cha Bonnard tự nhủ: “*Tôi mang theo áo Đức Bà, tràng hạt và thánh giá cùng với gông xiềng là kho tàng tôi sẽ không đánh đổi kể cả gai vua”.*

Đức Cha Retord hay tin đã sai người tới săn sóc và kèm thư an ủi. Vài ngày sau, Cha Tịnh (tử đạo sau này) đến giải tội và trao Minh Thánh Chúa cho người. Nhân dịp này Cha Bonnard viết thư nói lên tâm tình ở trong tù: “*Thật vậy, phải ở trong tù đeo gông mang xích mới có thể diễn tả sự ngọt ngào được chịu khổ đôi chút vì Đấng đã yêu mến chúng ta quá bội. Xích gông có nặng nhưng không làm khổ chúng tôi, trái lại tôi biết rằng thánh giá của Chúa còn nặng hơn gông chúng tôi mang, xích xiềng của Người còn khó mang hơn xích của chúng tôi. Tôi vui mừng mà nói được rằng tôi bị xích cùng với Chúa Kitô”.* Đời sống ban đầu trong nhà tù còn dễ chịu, có người đến thăm hỏi, nhưng về sau quan cấm không cho ai lui tới, vị anh hùng cảm thấy cô đơn và cuộc chiến trở nên gay go.

Cha Bonnard bị điệu ra trước mặt quan lớn tra hỏi bốn lần. Lần thứ nhất quan hỏi: “*Tên ông là gì?*”

LM. VŨ THÀNH

- “Tên Việt Nam của tôi là Hương, tên gia đình là Bonnard”.

Các quan lúng túng mãi vì không biết đọc và viết tên của người như thế nào, sau cùng ghi là Bona, và hỏi tiếp:

- “Ông bao nhiêu tuổi?”

- “29 tuổi”.

- “Ông người nước nào và đến đây từ bao lâu?”

- “Tôi người Pháp, đến đây từ hai năm, trước hết bằng tàu Pháp đến Macao rồi bằng tàu nhỏ của người Trung Hoa”.

- “Ông xuống từ hải cảng nào?”

- “Tôi không còn nhớ rõ”.

- “Các nơi ông đã đi?”

- “Tôi đi rất nhiều nơi không còn nhớ tên, nếu tôi nhớ tôi cũng không bao giờ nói cho các quan biết”.

- “Ông làm gì ở Bối Xuyên?”

- “Tôi qua đó có vài công chuyện chứ không định ở lại đó”.

- “Ông ở nhà ai tại đó?”

- “Tôi không muốn nói”.

Cứ thế các quan vặn hỏi để tìm cách bắt tội người giáo dân Việt Nam và kiếm thêm tiền đút lót. Biết vậy nên Cha Bonnard vừa cười vừa nói:

- “Các quan cứ việc đánh đòn tôi đi theo như ý thích các quan, đừng trông tôi khai một lời nào có hại cho giáo dân. Tôi đến đây để phục vụ cho đến chết”.

- “Chúng tôi không muốn làm hại dân”.

- “Vậy tại sao các quan cứ ép buộc tôi khai ra người đã cho tôi trú?”

Mọi người chỉ biết cười. Quan hỏi tiếp:

- “Ông có muốn đạp ảnh dưới chân không? Nếu ông ưng chịu chúng tôi sẽ gửi trả ông về Tây Phương. Ngược lại, ông sẽ bị đánh đòn và kết án phải xử tử”.

- “Tôi đã thưa với các quan lớn là tôi không sợ roi đánh cũng chẳng sợ chết, tôi sẵn sàng chịu mọi hình khổ, còn bắt tôi làm một tội ghê tởm thì không bao giờ tôi chịu theo. Tôi đến xứ này không phải để chối bỏ đạo của tôi hay làm gương xấu cho các tín hữu”.

Nghe những lời khôn ngoan vững mạnh như thế, các quan im lặng và sai mang người trở về nhà tù.

Ngày hôm sau các quan lại cho điệu ra tra hỏi những câu hỏi như hôm trước và cũng không biết được thêm gì. Các quan nói với nhau

DÒNG MÁU ANH HÙNG

chúng ta không có cách nào biết ngoài việc tra hỏi hẳn. Cha Bonnard lại được cho về nhà tù.

Lần thứ ba quan cho điệu Cha Bonnard và Thầy Kim ra công đường để thúc ép tiết lộ tên người cho trọ và những nơi đã đi qua. Cha Bonnard trả lời: *“Chính vì để làm ích cho người đồng hương của quý quan chứ không phải để làm hại họ mà tôi bỏ Âu Châu đến đây. Nếu tôi, một người ngoại quốc, còn yêu mến nhân dân xứ này và không muốn nói điều gì có hại cho họ thì các quan càng có lý mạnh hơn là cha mẹ của dân phải tránh những câu hỏi có hại cho họ chứ?”*

Cha Bonnard học lời khai của Cha Charrier nói thêm rằng: *“Nếu tôi bị bắt ở tỉnh khác, các quan có muốn tôi khai ra rằng tôi ở trong tỉnh này của quý quan không? Và nếu tôi khai như thế các quan có bị khiển trách không?”*

Không lung lay được vị thừa sai, các quan nạt nộ Thầy Kim. Cứ mỗi lời của Thầy Kim họ kèm theo lời dọa nạt và roi đánh. Thầy bị đánh hai chục roi, miệng ú ớ. Cha Bonnard lại lên tiếng với giọng mỉa mai: *“Tôi biết rõ việc của các ông và tôi cũng biết các câu hỏi đều dư thừa. Nếu các quan muốn tránh khỏi bẽ bàng và bớt khổ cho người này, các quan hãy làm tờ trình một cách khôn ngoan. Các ngài không thấy rằng đánh đập người trẻ này chỉ có được những lời khai dối trá làm liên lụy đến những người vô tội sao?”*

Trước những lời nói khí phách và sâu sắc của người, các quan bảo Thầy Kim đến hỏi cha để trả lời các câu hỏi cho hợp và các quan có thể kết thúc nội vụ. Cha Bonnard đọc cho thầy viết lời khai rất chính xác và an toàn.

Lần sau cùng các quan yêu cầu Cha Bonnard viết một ít lời khai bằng tiếng Pháp về tên tuổi việc làm như đã hỏi trong các lần trước để trình vua. Riêng các thầy mỗi lần bị tra hỏi đều bị đánh đòn hai chục roi. Trong khi bị đánh, Thầy Kim vạch một dấu thánh giá để nhìn vào đó suy gẫm các khổ hình của Chúa Giêsu. Trong lần thứ ba quan đem ra một bức tượng thật to bằng đá trẻ 12 tuổi tịch thu được trong nhà các cha Đaminh, chỉ còn nửa đầu, tay chân bị gãy, và bắt các thầy hôn. Các thầy từ chối vì không biết là tượng Chúa hay tượng Phật. Nhiều người cười. Các quan thượng muốn làm tờ trình rằng hai thầy đã đập ảnh nhưng các thầy đã chính thức viết giấy phản đối và xin được chịu chết.

LM. VŨ THÀNH

Tờ trình của các quan viết như sau: “Sau khi tra xét ba tên tù phạm ở công đường, chúng tôi biết rằng một trong ba người là đạo trưởng Gia Tô người Âu Châu. Nó có mũi dài, râu rậm, tóc ngắn và mắt vàng, da trắng bạch. Nó tự xưng tên là Bona, người Pháp, 29 tuổi... Từ Macao nó đến bờ biển Việt Nam thấy có thuyền đánh cá hai người chèo làm dấu thánh giá và đã lên thuyền. Dấu thánh giá là dấu người theo đạo Gia Tô. Nhờ đêm tối họ vào được trong đất liền. Hắn đã ở nhiều nơi khác nhau, không biết tiếng Trung Hoa, khi nói có pha nhiều tiếng Âu Châu mà hắn không biết giải thích. Đó là một giống người hoàn toàn khác với chúng ta. Nó từ chối trả lời các câu hỏi. Đúng là tên mọi rợ Âu Châu, một tên đại nghịch, không cần chứng cứ nào khác để kết án xử tử...”

Sau đó quan tường trình về hai người Việt: “... Còn về nơi và làng tên Bona đã đi qua chúng không chịu khai. Chúng có mồm sắt không muốn mở miệng. Chúng cũng không chịu đập ảnh và xin được chịu chết. Tuy nhiên chúng tôi sẽ xét lại trường hợp của chúng và tâu trình hoàng thượng sau”.

Bản án được gửi về triều đình ngày 5-4 và cuối tháng bản phê án về tới tỉnh. Đang đêm, một giáo dân biết được tin đích xác đã thông báo cho các giáo dân khác. Mọi người nghĩ buổi hành quyết sẽ xảy ra vào buổi chiều nên các giáo dân khắp nơi đổ tống về thành. Từ trưa, các đường phố và cửa dẫn ra pháp trường đã đông nghẹt người. Thấy vậy các quan muốn tránh né đám đông nên hoãn lại ngày hành quyết vào hôm sau, 1-5, ngày đầu tháng kính Đức Mẹ. Nhưng ngày hôm đó giáo dân từ xa cũng đến kịp. Sáng sớm họ đã kéo ra cánh đồng quen xử các tội nhân. Nhưng họ ngạc nhiên khi thấy năm trăm lính với gươm giáo sẵn sàng đi theo hướng ngược lại. Lính phải vất vả lắm mới có thể duy trì trật tự để đến nơi gọi là Đan Thủy cạnh sông, cách thành một dặm rưỡi. Cha Bonnard vẫn giữ vẻ mặt tươi vui hiên ngang tiến đến nơi hành hình. Tới nơi, lý hình trói tay đằng sau và buộc vào một cọc thật chặt đến rướm máu. Lúc ấy các quan không mang đủ dụng cụ để tháo gông và chặt xích nên phải chờ đợi hơn một giờ để đi lấy. Trong khi ấy vị anh hùng tử đạo vẫn quì gối đọc kinh sốt sắng như một cột đứng vững. Sau cùng khi đã tháo gông và chặt xích, vị quan giám sát đến tận nơi túm tóc và cột lên để giơ cổ ra cho lý hình chém. Quan giám sát trở lại chỗ cũ trên mình voi ra lệnh đánh chiêng. Tiếng chiêng mới ngân đến tiếng thứ ba thì đầu vị anh hùng đã rơi xuống đất, máu phun ứot đầm áo. Lính cầm roi

DÒNG MÁU ANH HÙNG

đánh túi bụi vào đám đông đang ùa vào thắm máu. Chính các người lính đã độc quyền lấy áo quần của vị tử đạo, gông và ba móc sắt để chia phần ra bán cho dân chúng.

Thông thường phải chôn xác tử tội ngay tại chỗ hành hình và giáo dân đã sẵn sàng quan tài và đồ liệm, nhưng vị quan không muốn cho giáo dân có di tích gì của tử tù nên truyền cho một đội quân đem xác và đất thắm máu xuống một chiếc thuyền lớn, và một chiếc thuyền khác chờ quan đi xuôi theo dòng sông để tìm chỗ vớt xác. Họ mang theo lương thực đủ ăn ba ngày. Giáo dân cũng được lệnh chèo thuyền theo sát. Đến buổi chiều một số thuyền đánh cá khác chèo thuyền ra phía bể. Vào khoảng 8 giờ trời tối, thuyền của quan và lính đến địa phận Tam Tòa đã bỏ xác xuống và kéo buồm trở về. Ngay lúc đó giáo dân nhận diện vị trí và một lát sau các thuyền đánh cá tụ họp thay phiên nhau lặn xuống để tìm xác. Chỉ trong chốc lát một người thanh niên đã giơ tay lên reo mừng: “*Tôi đã tìm thấy*”.

Nhiều người túm lại lặn xuống để tháo túi đá quan buộc vào xác và đưa xác lên. Vào khoảng một giờ đêm các giáo dân mang xác Cha Bonnard về tới Vĩnh Trị. Sau khi mặc áo chức và tẩm liệm đủ lễ bộ xác được đặt trong quan tài bằng gỗ quý để giữa rừng đuốc sáng trong nhà thờ cho dân chúng bái kính cho đến chiều hôm sau. Chính Đức Cha Retord và ba linh mục khác cùng với chủng sinh làm lễ an táng. Xác thánh nhân ở mãi trong lòng học viện Kẻ Vĩnh.

Cuộc Xung Đao & Tử Đạo của LINH MỤC PHILIPPHE PHAN VĂN MINH

(bị bắt 26-2-1853, xử tử 3-7-1853)

Cho tới ngày nay, tất cả các linh mục xuất thân từ chủng viện Penang, Mã Lai, đều biết đến người anh hùng tử đạo tiên khởi của trường, đó là linh mục Philipphe Minh. Tại sân trường vẫn còn tượng bán thân và trong nhà nguyện vẫn còn tượng của người. Những người Việt trí thức thời bấy giờ không thể quên tên Minh vì tên của người đi kèm với cuốn tự điển Annam-Latinh vĩ đại của Đức Cha Taberd.

LM. VŨ THÀNH

Đức Cha Lefebvre, giám mục tiên khởi của địa phận Sài Gòn đã viết cuộc xung đạo của Cha Minh bằng những dòng này: “*Philipphé Minh sinh tại miền tây Nam Việt do cha mẹ Công Giáo nổi tiếng đạo hạnh và trung thành trong cơn bắt đạo. Khi còn nhỏ, cậu bé đã theo Đức Cha Taberd, giám mục coi sóc toàn cõi Nam Việt, và vì tư cách thông minh xuất chúng, cậu đã được đức cha nhận vào chủng viện. Năm 1833 Minh Mệnh bắt đạo dữ tợn, nhà trường phải giải tán, đức cha đã dẫn cậu trốn sang Siam và sau đó gửi cậu vào chủng viện của vùng Đông Nam Á ở Penang. Tại đây, Thầy Minh sau khi học xong thần học, người được Đức Cha Taberd, lúc bấy giờ đang điều trị bệnh ở Calcutta, Ấn Độ, và đang soạn tự điển, gọi sang giúp. Đến năm 1840*



Đức Cha Taberd qua đời, Thầy Minh trở lại chủng viện Penang để tiếp tục học... Thầy về nước và được chịu chức linh mục năm 1846...”

Ba má Cha Minh, ông Dominicô Phan Văn Đức và bà Anna Tiểu, người làng Cái Mơn, quận Mộ Cầy, tỉnh Vĩnh Long ngày nay. Ông bà là trùm họ và có mười bốn người con, Cha Minh là người con thứ mười hai. Hai ông bà chết sớm nên chị cả phải lo lắng cho các em. Cậu

Minh được Đức Cha Taberd nuôi từ năm 13 tuổi. Khi học ở Penang Thầy Minh đã từng làm trưởng tràng trong nhiều năm và được các thầy bạn cảm phục. Trở về Việt Nam sau khi chịu chức Sáu, Thầy Minh làm việc tông đồ ở Bốn Quán được một thời gian thì Đức Thánh Cha chia địa phận mới tại Nam Việt, và Đức Cha Lefebvre, lúc bấy giờ đang bị giam tại Huế, được chọn làm giám mục địa phận Sài Gòn. Cha chính Miche sai Thầy Sáu Minh ra Huế thăm đức cha và lĩnh ý đức cha về việc chịu chức. Đức cha đã nhờ Đức Cha Cuénot Thể truyền chức linh mục cho thầy tại Gia Hựu năm 1846, lúc ấy thầy được 31 tuổi.

Trong thời kỳ bắt đạo, các thừa sai và Đức Cha phải trốn ẩn, và vì đức tính trời trang, đức cha đã ủy thác cho Cha Minh được quyền ban phép thêm sức. Cha Minh phải vất vả đi nhiều họ đạo giúp giáo dân thêm mạnh mẽ trong đức tin. Cha lần lượt đi làm phúc các họ Đầu Nước, Xoài Mút, Chợ Bưng, Ba Giồng, Cái Mơn, Bãi Xan, Chà Và, và Mặc Bắc.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Năm 1848 Tự Đức ra lệnh cấm đạo đầu tiên và buông lỏng các thừa sai nếu bắt được. Và năm 1851 ra lệnh nghiêm ngặt hơn cho các tổng đốc phải tận diệt đạo Kitô. Trong những năm khổ khó này, Cha Minh nhiệt thành can đảm, không chút sợ hãi thi hành bốn phận. Mọi người đều cảm phục cha đến nỗi quá lời khen cha như sau: “*Cha hiền từ đức hạnh, cha thay mặt Đức Chúa Trời, mà thật cha hiền lành giống Chúa Giêsu nữa*”. Đặc biệt cha lo lắng tìm kiếm ơn gọi để có thêm linh mục làm vườn nho của Chúa. Cha Giacôbê Bình, người đồ đệ yêu quý của Cha Minh, đã thuật lại lời khuyên nhủ của người: “*Cha có nuôi nhiều học trò song không chắc có ai nối gót cha được. Vậy con hãy siêng năng cầu nguyện cùng Đức Mẹ và ra sức luyện tập các nhân đức hầu Chúa gọi con nối tiếp công việc cha... Con hãy theo ơn Chúa mà học cho bền, đừng sau làm linh mục...*”

Năm 1852 Cha Borelle cai quản vùng Cái Nhum nghe tin có người tố giác Cha Minh thì sai người đến Mặc Bắc để thay thế Cha Lựu cũng đang bị tố giác ở vùng ấy. Cuối tháng 12, Cha Minh đến họ Mặc Bắc và ở trọ trong nhà ông trùm Lựu (tử đạo sau này). Tại họ Mặc Bắc có một người Công Giáo nhưng cờ bạc, làm bếp cho quan nên được gọi là Bếp Nhẫn. Vì túng tiền hắn đến hỏi vay tiền Cha Lựu nhưng cha không tiếp tay cho tính xấu của hắn vì thế hắn thù tố cáo Cha Lựu với quan. Cha Lựu phải trốn đi Ba Giồng và Cha Minh về thay thế. Bếp Nhẫn bàn với Xã Hiệp và Lý Vấp dẫn quân tỉnh Vĩnh Long về vây họ Mặc Bắc để bắt Cha Lựu.

Hôm ấy là thứ Bảy ngày 26-2, buổi kinh chiều vừa tan thì lính ập đến nhà ông trùm Lựu. Chúng hò hét bắn súng và đốt lửa. Ông Trùm thưa Cha Minh, quan tỉnh đến bắt cha vì quan có ống nói. Cha đáp lại: “*Quan bắt thì chịu vậy, thánh ý Chúa đã định*”.

Cha sai người đến báo tin cho nhà dòng để họ trốn và cất các đồ đạo. Ông trùm Lựu ra mở cửa thưa quan: “*Đêm hôm quan lớn đến nhà có việc gì ạ?*”

Quan lãnh binh nói: “*Ta có lệnh của quan tỉnh tróc nã đạo trưởng Lựu*”.

Ông trùm thưa lại: “*Không có đạo trưởng Lựu ở đây, Lựu là tên tôi*”.

LM. VŨ THÀNH

Lính xúm lại bắt trói cả nhà. Thấy vậy Cha Minh ra nộp mình, nói với họ: “*Nếu các ông tìm đạo trưởng thì tôi là đạo trưởng, xin tha cho các người này*”.

Cha bị trói buộc vào cột nhà vì quan nói bên đạo có phép linh. Quan nhất mực tra hỏi đạo trưởng Lựu. Cha Minh thưa: “*Tôi là đạo trưởng, còn Lựu là tên ông chủ nhà này*”.

Quan lãnh binh được lệnh bắt đạo trưởng Lựu trong khi đạo trưởng bị bắt lại là Minh và Lựu là tên chủ nhà vì thế ông hồ nghi hỏi vặn kỹ lưỡng hơn: “*Đạo trưởng tên là Lựu, còn thấy không phải tên Lựu thì đạo trưởng Lựu ở đâu?*”

Quân lính còn lục lọi các đồ đạo và lấy được một cái đàn, bắm với quan: “*Thấy đạo có nhiều đồ lạ*”.

Chỉ vào cây đàn quan hỏi: “*Thấy làm sao cho nó kêu?*”

Cha Minh thấy vẻ ngỗ nghệ của họ thì cười nói rằng: “*Vặn máy thì nó kêu*”.

Quan ra lệnh cởi trói cho cha và bảo cha làm cho đàn nó kêu. Trong khi đó quân lính tiếp tục lục soát nhà dòng và nhà các chức việc bắt được bốn ông là Xã Kim, Hương Sĩ, Phó Tổng Trị và Lý Cai. Quan trách móc các chức việc không chịu tố giác đạo trưởng và đánh đòn các ông. Giáo dân phải mang tiền đến dứt lốt xin quan tha cho một số người, chỉ còn lại Cha Minh và sáu người khác bị quan bắt giải đi.

Tới ngày thứ ba thì quan lãnh mới đem các tù nhân Công Giáo về tới Long Vĩnh giao cho quan tỉnh. Trong dinh tổng đốc có Đốc Lý, quan án Doãn và quan bộ Hoài tra hỏi Cha Minh:

- “*Thấy tên gì và quê ở đâu?*”

- “*Tên tôi là Philipphê Minh, người làng Cái Mơn, cha mẹ đều chết sớm*”.

- “*Thấy có đi học bên Tây không?*”

- “*Tôi có đi học 7 năm theo Đức Cha Taberd nhưng nay ông ấy đã chết rồi*”.

- “*Làm sao thấy về được đây?*”

- “*Học xong tôi quá giang ghe bầu mà về, ghe này không phải ở đây mà ở Huế*”.

- “*Thấy còn anh chị em gì không?*”

DÒNG MÁU ANH HÙNG

- “Tôi có người chị đã già nhưng nghe tin tôi bị bắt thì không biết trốn đi đâu”.

- “Ai rước thầy về Mặc Bắc?”

- “Tôi đi 3 thầy trò, không có ai rước cả. Tôi đi viếng các họ đạo, chỗ này năm bữa, chỗ kia bảy bữa rồi lại đi nơi khác”.

Cứ thế các quan vặn hỏi để tìm cách bắt thêm nhiều người, vì càng nhiều người càng kiếm được nhiều tiền đút lót như ngày xưa có tục gọi là tiêu xung, và dân gian cũng thường nói vô phúc phải đến tòa quan. Hiểu như thế mới thấy lời khai của Cha Minh muốn tránh liên lụy cho người khác. Không khai thác gì được nơi ở của các đạo trưởng khác, quan hỏi đến các đồ đạo từ đâu mà có, Cha Minh trả lời:

- “Các đồ đạo là của tôi, có thứ người ta cho, có thứ tôi sắm”.

- “Các đồ đó để làm gì?”

- “Đó là đồ dùng vào việc tế lễ”.

Quan bắt cha mặc áo lễ cho ông xem nhưng cha thưa lại: “Không có lễ gì tôi mặc các đồ ấy cho các quan coi chơi”.

Lúc ấy Bếp Nhẫn thưa với quan là hắn cũng biết làm lễ như các cha. Hắn liền mặc áo lễ xoay ra xoay vô cho các quan coi và cùng cười lên. Sau cùng quan nói:

- “Thầy làm đạo trưởng làm gì, bỏ đạo đi để làm quan”.

- “Tha hay bắt là việc của quan, tôi không bao giờ bỏ đạo”.

- “Thầy quá khóa đi thì sẽ được tự do về nhà làm thuốc”.

- “Không có lẽ nào tôi quá khóa. Tôi đây đồ bốn đạo mà người ta còn chẳng dám làm điều quái gỡ ấy phương chi là tôi. Quan bắt giết thế nào thì tôi xin chịu”.

Sau đó quan tra hỏi đến các chức việc và sai làm công nặng có bọc sắt và giam ở trại Vinh Tiến gần dinh để dễ dàng tra hỏi.

Mỗi ngày các quan đều kêu tất cả các tù nhân hay một hai người lên để tra hỏi và dụ dỗ chối đạo. Quan còn nhờ các nha lại khuyên dụ Cha Minh nhận chối đạo để được tha về. Chính Cha Minh viết thư cho đức cha nói về các cuộc ta tấn và tù đầy như sau: “Quan tổng đốc tra xét mấy ngày thì bảo đem ảnh chuộc tội để dưới đất trước mặt con và bảo con bước qua. Khi nghe lời đó con hết sức lo buồn kêu xin cùng Chúa: Lạy Chúa, Chúa đã định cho con phải chịu cơn thử thách này thì cũng xin ban ơn cho con được sức mạnh lướt thắng chước cám dỗ và đừng để con thất trung bất hiếu cùng Chúa. Xin Chúa hãy thương

LM. VŨ THÀNH

xót con'. Con biết thật Đức Chúa Trời đã giúp sức cho con, ban ơn can đảm để con không sợ hãi. Con thưa với quan: 'Bẩm quan lớn tôi chẳng dám, xin quan lớn đừng bắt ép tôi làm việc ghê gớm ấy vì phép đạo chúng tôi dậy phải thờ kính dấu thánh giá này. Tôi đã giữ đạo này từ bé, có lẽ nào dám dấy đạp dưới chân'. Quan tổng đốc hô lính lôi con qua tượng ảnh. Chúng cầm hai đầu gông mà khiêng con qua, nhưng con cố co chân lên".

Quan còn nói với Cha Minh không cần phải đạp ảnh, chỉ cần nói là xuất giáo thì cũng tha. Cha Minh đáp lại: *"Tôi làm như thế cũng không được vì phạm tội phản bội cùng Chúa, cùng các thầy dậy và là người láo xược. Là giáo trưởng mà nói rằng mình không phải là giáo trưởng là lừa dối mọi người".*

Quan còn tìm cách khác dụ cha khai rằng các đồ đạo là của đạo trưởng Tây giao cho giữ và như thế các quan có thể tha mà không sợ lỗi lệnh vua. Cha Minh một mực thưa: *"Xin các quan xét cho tôi, tôi không thể khai dối trá được. Các quan có làm án chém tôi thì tôi sẵn lòng, còn khai theo lời quan dậy thì không dám".*

Thấy không lung lay được người lính anh dũng của Chúa Kitô, các quan truyền giam vào nhà tù Tuyên Phong để chờ án.

Cha bị giam tù như thế lúc đầu có khổ sở song về sau lính để cha được dễ dãi. Cha thường an ủi các chức việc cùng bị bắt. Cha còn nói với bốn đạo liệu tiền để các chức việc được tha, nhưng quan ra điều kiện là họ phải bỏ đạo thì mới được tha. Cha bảo họ thôi đừng mất tiền vô ích, Chúa cho sao chịu vậy. Cha Minh còn khuyên họ tha thứ cho kẻ làm khốn khổ mình. Tên Bếp Nhẫn, Xã Hiệp hối hận đến xin lỗi cha. Cha tha hết và còn cho tiền Bếp Nhẫn nữa. Trong tù, cha nhắc cho giáo dân đến để xưng tội và lãnh phép Thêm Sức cũng như lính ơn toàn xá. Cha Lựu cũng trá hình vào nhà tù để thăm Cha Minh và ban phép giải tội cho người.

Các quan họp nhau làm bản án cho Cha Minh như sau: *"Phan Văn Minh, 38 tuổi, là giáo trưởng. Vì đã cả lòng đi học bên Tây, là môn đệ ông Phú Hoài Từ (Đức Cha Taberd), sau lại làm môn đệ ông Phú Hoài Ngãi (Đức Cha Lefebvre). Hơn nữa khi ông Phú Hoài Ngãi bị giam cầm trong khám đường (Huế) đã cả lòng đến thăm và còn lãnh chức giáo trưởng, rồi đi lại nhiều nơi mà giảng đạo dụ dỗ dân chúng tin theo tà đạo. Sau cùng tới làng Long Định, xứ Mặc Bắc, lập đạo quán ở đấy.*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Nay chúng tôi đã dậy nó phải bỏ sự dị đoan xấu xa gồm ghê tởm ấy mà quá khóa, song nó chẳng nghe. Vì vậy chúng tôi xét nó là đứa phạm luật phép nước nhà, phạm tội rất nặng và ra án phải lưu đày Sơn Tây như lệnh của đức hoàng đế đã dậy trước. Còn sáu tên tòng phạm thì chúng tôi ra án phải xử trượng rồi cho về quê quán”

Cha Minh biết mình phải đi đày chứ không được phúc tử đạo thì an ủi các chức việc: *“Xin anh em hãy chịu mọi sự khó vì danh đạo thánh Đức Chúa Trời. Anh em sẽ phải chịu đánh một trăm trượng rồi về quê. Còn như tôi thì phải đày ra nơi xa lạ, tôi cũng vui lòng cho danh Chúa được rạng rỡ. Tôi có buồn một điều này mà thôi là làm chủ chân mà con chiên không được nhờ sự săn sóc giúp đỡ dậy bảo nữa”*. Ngoài ra Cha Minh còn viết thư cho Cha Borelle: *“Thưa cha, con còn xin cha cầu nguyện cho con được vui lòng chịu mọi sự khó do Chúa gửi đến. Dù con phải lưu đày thì con cũng vui lòng miễn là cha cầu nguyện cho con, xin Đức Chúa Trời giúp con thì mọi sự khó cũng trở nên sự tốt lành”*.

Nhưng thánh ý Chúa lại định thể khác. Nội các xem án của các quan tỉnh Vĩnh Long thì không ưng, biện luận rằng: *“Đạo trưởng ấy đã đi Tây từ thuở bé và lâu năm ăn học bên ấy nên đã thấm nhập với Tây, lại là đạo trưởng nên phải kể là Tây dương đạo trưởng. Vậy phải sửa án là trăm quyết quăng đầu xuống sông. Các quan đổi danh tính thành Phi Nhật”*.

Bản án của triều đình về tới tỉnh Vĩnh Long tối thứ Bảy 2-7 và sáng hôm sau, Chúa Nhật lễ kính Máu Thánh Chúa Giêsu, quan tổng đốc cho lệnh xử người. Quan giám sát thấy một người giáo dân thì bảo họ nếu muốn giữ máu thấy đạo thì phải lo liệu vải, bông cho gấp. Cha Minh có nhắc Cha chính Borelle lo liệu linh mục để giải tội cho cha và đồng thời trốn tránh những lời sau cùng với ông trùm Lựu. Trước khi bị dẫn ra pháp trường, cha an ủi các quý chức còn bị giam: *“Anh em yêu dấu, Thiên Chúa muốn tôi dâng sự sống cho Người để đạo thánh được rạng rỡ, tôi vui mừng vâng theo ý Chúa. Trước khi lìa xa anh em, tôi xin anh em dù phải khổ nhọc thế nào mặc lòng hãy trung thành bền đỗ trong đức tin, trông cậy vào Chúa giúp sức thì Người chẳng bỏ anh em”*. Cả nhà tù trở thành nhà đám, mọi người khóc lóc buồn phiền. Cha Minh lấy áo dài mặc vào và tay cầm tràng hạt đi theo quan lãnh binh Mô, nói lời cuối cùng với các chức việc

LM. VŨ THÀNH

đang khóc lóc: “*Bấy lâu cha con ở chung với nhau, nay cha đi trước, anh em hãy ở hòa thuận và thương mến nhau*”.

Ban đầu lý hình trối cha lại gĩa cả ngực ra rất đau đớn khiến mọi người buồn tủi xin với quan cho nói giây vì thầy đạo vui lòng chịu chết đầu có trốn mà sợ. Trước hết họ dẫn Cha Minh ra trước mặt quan tổng đốc. Ông này truyền mang thẻ án ra cho Cha Minh coi, nhưng cha nói lại không cần phải coi vì mình sẵn lòng chịu chết đã lâu. Thẻ án viết như sau: “*Vĩnh Thành thôn. Tả đạo giáo trưởng Phi Nhật bất kháng quá khóa, luật hành trăm quyết, đầu trí vu hải, dĩ thị chúng. Tự Đức lục niên, ngũ ngoạt, nhị thập thất nhật*”. Tức là cha bị xử chém, đầu ném xuống sông cho dân chúng phải sợ.

Cha đi chậm rãi giữa hai hàng lính mặc áo đỏ cầm gươm giáo khoảng sáu chục người. Đi trên cùng là người cầm thẻ án, ngay trước mặt cha là lý hình cầm gươm, và sau lưng cha một tên khác cũng cầm gươm và giây trối, sau cùng là quan giám sát Mô, ông hạp Diêu, ông hạp Chất, cả ba cỡi ngựa. Giáo dân và người ngoại đi theo sau rất đông, vì chưa có vụ xử đạo trưởng nào ở đây. Đoàn người đi từ cửa sau rồi đi vòng thành qua mặt tiền về phía sông Long Hồ. Qua khỏi sông quan thấy Cha Minh đã nhọc, mồ hôi ra nhiều vì lúc đó trời cũng đã gần trưa, liền cho lệnh nghỉ và dọn bữa sau cùng cho người tử tù. Cha Minh nói với quan giờ này là giờ cha phải lo việc riêng không còn cần ăn uống thức gì nữa. Quan giám sát bắt đi thật xa cho tới rạch Cái Sơn Bé, chỗ gọi là đình Khao mới cho lệnh dừng lại, trải chiếu ra cho vị anh hùng đức tin quì xuống để xử chém. Người lính trải hai tấm chiếu, ông xã Phương trải thêm một tấm chiếu bông và một tấm mền. Cha Minh bước vào quì ngay chính giữa. Cha xin nửa giờ cầu nguyện, trong khi đó xã Phương rắc bông do bà trùm Lựu mang theo chung quanh chỗ cha quì. Quan giám sát kêu mọi người ra xa rồi hỏi xã Phương: “*Phép nhà nước đây quăng đầu xuống sông, các ông muốn chuộc bao nhiêu?*”

Xã Phương thưa xin chuộc 3 quan tiền. Cả hai vị quan kia cũng ứng cho như vậy nên nói: “*Chỉ vua đây đầu phải buông sông, song để cho người ta chuộc làm phước*”.

Cha Minh trối lại cổ tràng hạt cho ông Phương, ông đến lấy và lạy cha, các bà đạo đức cũng đến lạy cha khóc lóc làm cho kẻ ngoại cũng

DÒNG MÁU ANH HÙNG

như quan giám sát phải ứa lệ. Cha Minh cầu nguyện to tiếng: “*Lạy Mẹ, xin cầu cho con trong giờ lâm chung nguy hiểm này. Lạy Chúa, xin thương đến con cùng. Xin Chúa ban cho con mạnh sức chịu cho sáng danh Chúa*”.

Tên lý hình kê ván ngang vai để chặt xiềng, tên khác vắn tóc người lên đầu, một tên khác trói gô người lên. Trời đang nắng bỗng tối lại. Quan lấy làm lạ nhưng vẫn hô: “*Tả đạo, hã chém!*” Chỉ một lát gươm, máu vị linh mục thánh thiện anh dũng được đổ ra hoà lẫn với máu Chúa Giêsu làm của lễ đẹp lòng Thiên Chúa Cha. Hôm ấy là ngày 3-7-1853.

Lương cũng như giáo thi nhau thắm máu, bà trùm Lựu không cho khiến họ phải đành giật, mạnh ai người ấy lấy. Khi chuộc được đầu Cha Minh, các chức việc khâu lại mang xuống thuyền bỏ vào quan tài cùng với bông đã thắm máu và phủ chiếu lên đưa về Cái Nhum. Trong khi đó tại Cái Nhum có người thấy đám mây trắng ở trên trời thì hô to lên là trên tinh họ đã xử Cha Minh. Một lúc sau ghe chở xác Cha Minh cũng về tới. Ba cha: Gioan Thiêng, Phaolô Lương, và Laurensô Lân, có mặt làm lễ an táng. Sau lễ họ lại âm thầm đem xác người về Cái Mơn. Nhưng đêm ấy dân ngoại đạo khác nhau ra sông xem có đám tang lớn, đèn thấp sáng từ đầu ghe tới cuối ghe. Xác Cha Minh được chôn trong nền nhà thờ cũ của họ Cái Mơn. Chúa đã cho vị tử đạo tiên khởi làm nhiều dấu lạ và các dấu lạ thường là những đồ vật liên quan đến người bỗng dựng tỏa sáng lạ lùng.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của ÔNG TRÙM GIUSE NGUYỄN VĂN LỰU

(bị bắt 26-2-1853, chết rũ tù 2-5-1854)

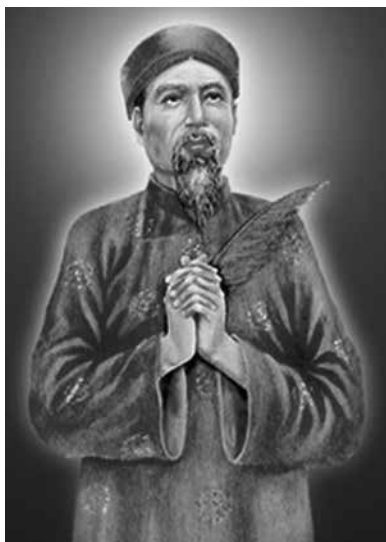
Chúa Giêsu có lần đã nói: “*Người nào tiếp đón tiên tri sẽ được phần thưởng của tiên tri*”. Lời đó đã ứng nghiệm trong trường hợp ông trùm Giuse Lựu, thầy giảng họ Mặc Bắc. Ông đã tiếp đón các linh mục và sau đó đã được phúc tử đạo cùng lúc với cha Thánh Minh. Đức tin anh dũng cũng như các nhân đức khác đều được thấy nơi nhiều lớp người khác nhau, những người đã không sợ hãi trước hiểm nghèo hay cái chết.

LM. VŨ THÀNH

Ông trùm Lựu sinh năm 1790 tại Cái Nhum, trong một gia đình Công Giáo đạo hạnh. Năm lên 10 tuổi, gia đình người dọn về họ đạo Bò Ôt và cha của người làm trùm trưởng, tức là ông trùm Sách. Năm 15 tuổi, người lập gia đình với cô Marta Thế và ở họ đạo Mặc Bắc cho tới khi bị bắt. Mặc Bắc là một họ đạo lớn ở gần sông Mê Kông với những đồng ruộng phì nhiêu. Nhờ chăm chỉ làm ăn, gia đình người trở nên khá giả, nhưng người vẫn siêng năng giữ đạo và làm việc bác ái. Người thường cho Cha Lựu trú ẩn tại nhà trong thời gian cấm đạo. Ông Lê Đạo Quyên, kế cận nhà và cùng bị bắt với người, làm chứng rằng ông trùm Lựu là một tín hữu thánh thiện, không bao giờ nói xấu hay làm thiệt hại ai cái gì. Ông không hề uống rượu, tính tình hiền lành. Thịnh thoàng ngày Chủ Nhật ông hòa mình với dân làng tham dự cuộc đá gà.

Chiều hôm thứ Bảy ngày 26-2-1853, Bếp Nhẫn và Xã Hiệp, người Công Giáo, vì tức giận Cha Lựu không cho chúng vay tiền đã gọi lính trên tỉnh về bắt Cha Lựu. Trước hết chúng cho vợ đến giả đồ xin ông trùm mời cha đi kẻ liệt để dò xem có chắc là Cha Lựu ở nhà ông trùm không. Sau khi biết chắc chắn, chúng liền dẫn quan lãnh binh đến bao vây nhà ông trùm. Lúc đó Cha Lựu lại đi vắng nên chúng bắt trời và hành hạ ông trùm. Cha Minh mới tới thay thế Cha Lựu cũng đang trốn ở đó không muốn họ hành hạ ông nên tự nộp mình. Nhưng chúng bắt cả Cha Minh lẫn ông trùm và 6 người khác và giải về Vĩnh Long. Sau ba ngày đường, tất cả bị đưa ra tòa các quan lớn. Trước mặt ba quan tòa, ông trùm Lựu hiên ngang nhận ông là người đã từng tiếp đón các đạo trưởng trong nhà. Quan hạch hỏi lý do, ông trùm mạnh dạn thưa lại: *“Thầy tôi đến thì tôi nuôi”*.

Các quan bắt ép Cha Minh, ông trùm và các viên chức việc khác đập ảnh chối đạo nhưng ông trùm Lựu theo gương Cha Minh can đảm thưa lại: *“Cụ tôi chết thì tôi cũng chết theo. Tôi không bao giờ đập ảnh”*.



DÒNG MÁU ANH HÙNG

Ông trùm Lựu không bị tra tấn nhưng phải đeo gông và chịu khổ cực của cảnh tù đầy. Ông được Cha Minh an ủi luôn. Các quan làm án tâu về triều đình chỉ xin xử ông 100 trượng đánh đòn, nhưng triều đình đã đổi án như sau: *“Còn về đồ đệ đạo Gia Tô tên Nguyễn Văn Lựu và các người khác thì phải khắc chữ tả đạo, mang xích và lưu đầy đi Tuyên Quang. Khi chúng đã đến nơi mà có người nào hối cải chịu đập ảnh thì quan sở tại sẽ xét xem có thực lòng không rồi tâu về triều đình để ân xá cho người đó. Nếu chúng cứng cổ cố chấp thì sẽ phải lưu đầy suốt đời và không bao giờ được ân xá nữa”*. Bản án trên đã làm cho bốn người hoảng sợ chối đạo ngay. Ông trùm khuyên họ ăn năn làm việc lành để chuộc lỗi lầm.

Tuy nhiên các quan tỉnh Vĩnh Long nghĩ rằng bản án của triều đình quá nghiêm khắc nếu bắt phải lưu đầy như thế suốt đời nên kéo dài thời gian bằng cách đưa ông trùm xuống cho quan ở Châu Đốc xét lại. Quan tỉnh Châu Đốc lại gửi ông trùm trở lại Vĩnh Long. Vào lúc gió mùa ngược chiều không thể đi về Huế nên ông trùm Lựu tiếp tục bị giam ở Vĩnh Long một năm. Ông vẫn một lòng cương quyết và cam chịu cảnh tù đầy đến kiệt sức.

Sau khi Cha Minh bị hành quyết rồi, các cha Đoan, Phiền và Lựu đến nhà tù thăm ông và ban các bí tích cho ông. Ông nói với Cha Đoan: *“Thưa cha, xin cha cầu nguyện cùng Chúa Trời cho con sức mạnh và bền gan mà con đang cần. Con sắp sửa phải lên đường đi lưu đầy. Con phó dâng tất cả trong tay Chúa nhân lành. Con sẵn sàng dâng hy sinh lớn lao nhất là gia đình, vợ con. Chính Chúa sẽ lo liệu”*.

Lần xưng tội cuối cùng của ông trùm Lựu là ngày thứ Tư Lễ Tro năm 1854. Ông làm việc đền tội bằng cách đọc kinh Tám Mối Phúc Thật, kinh Lạy Cha và kinh Kính Mừng suốt mười lăm ngày. Ngày 1-5-1854 ông ngã bệnh đau đớn ở ngực và nói với những người chung quanh: *“Vô ích, tôi không thể ăn uống gì được nữa”*.

Ông trầm ngâm cầu nguyện. Bà Marta, vợ ông, và hai người cùng bị giam thỉnh thoảng đánh thức ông dậy vì sợ ông lịm chết lúc nào không biết, nhưng ông nói: *“Hãy để cho tôi được yên để tôi lo lắng việc sau cùng. Tôi vẫn tỉnh mà”*.

Đêm hôm sau lúc 3 giờ sáng ông trút linh hồn sau khi đưa mắt lên trời kêu cầu ba lần: *“Giêsu, Maria, Giuse. Lạy Mẹ Maria xin đến giúp con”*.

LM. VŨ THÀNH

Tối trưa, các quan đến nhà tù để khám xét, cho đốt chân ông và thấy ấm áp thì nói là ông đang ngủ, kẻ khác nói ông đang mỉm cười. Vị quan khác cũng nói: *“Chưa bao giờ chúng ta nhìn thấy một vẻ đẹp như thế nơi một xác chết”*. Sau đó các quan cho phép bẻ xích và giao xác cho gia đình đem về Mặc Bắc lo việc chôn cất.

Đám táng ông thật linh đình dù đang buổi cấm đạo. Có bốn linh mục Việt tham dự, năm chức việc khiêng quan tài ông, theo sau là thánh giá và xích, gông. Có tới hai ngàn người đi đưa đám. Xác ông được chôn trong nền nhà thờ họ Mặc Bắc, vì nhà thờ đã bị phá khi ông bị bắt. Đám tang của ông thực là một chiến thắng của người anh hùng xứng đức tin. Quan tài của ông được mở ra sau bảy ngày vẫn không có mùi hôi, thân xác vẫn toàn vẹn. Dân chúng còn quả quyết rằng họ đã nhìn thấy những luồng sáng từ mộ ông phát ra.

Cha chính Borelle (Hòa) trong thư ngày 27-8-1855 đã đặc biệt ca ngợi nhân đức của ông trùm Giuse Lựu: *“Ông Giuse là một bức gương tuyệt hảo về lòng yêu Chúa và thương người đến nỗi tôi chỉ có thể tóm tắt cuộc đời của ông bằng những lời diễn tả của Thánh Tông Đồ Phaolô. Lòng mến của ông là sự nhẫn nại. Có lẽ không có ai trên thế gian này, dù công chính và đáng trọng đến đâu, đã chịu những bất công và thù nghịch như ông đã phải chịu. Thiên Chúa cho phép xảy đến để làm rạng rỡ sự thánh thiện của người đầy tớ Chúa chọn, như thử vàng trong lò lửa. Ông Giuse Lựu khi chịu những thử thách như thế mà trong lòng không hề hận thù tức giận. Có một lần một người xi và ông, ông đã tha thứ và ngăn cản các con cái không được báo thù. Chịu cảnh tù đầy hai năm, ông vẫn vui vẻ. Giữa những người bị bắt cũng đã có người kêu trách vì ông mà họ phải mang họa. Ông chỉ biết an ủi vỗ về họ hãy tỏ lòng quảng đại đối với Chúa...”*

Một khía cạnh khác của lòng bác ái của ông trùm là lòng nhân từ. Khi người ta nghe tin ông chết, mọi người đều nói: Ông hiền hòa, dễ thương với mọi người. Người Việt cũng như người Cam Bốt ở làng của ông đều nói như vậy với hai hàng nước mắt. Lòng bác ái không biết đến ích kỷ. Người ta vẫn thường thấy ông ra đồng ruộng săn sóc cho cả ruộng hàng xóm.... Lòng quảng đại của ông được sáng tỏ khi ông dâng cúng vườn nhà ông và bỏ tiền để xây một tu viện cho các chị em Dòng Mến Thánh Giá. Không một người nào đến cậy nhờ ông giúp mà bị từ chối. Trước khi ông chết ông còn trời cho các con tha hết nợ cho những người đã vay mượn. Ông còn giấu lòng thương

DÒNG MÁU ANH HÙNG

đến phần thiêng liêng, sự cứu rỗi của người khác. Người dân Mặc Bắc không thể quên được lòng nhiệt thành của ông khi khuyên bảo những người trẻ nãi. Lòng yêu mến của ông còn chịu đựng mọi khổ đau xứng đáng tước hiệu huy hoàng của người xứng đức tin. Lòng yêu mến không bao giờ thối lui. Khi bạn đồng hành chối đạo, ông đã tìm mọi cách cho họ được trở lại. Dâng tất cả gia đình, cuộc sống tù đầy cho Thiên Chúa Cuộc ra đi của ông không phải là đi lưu đày nhưng là về trời, nơi quê thật của chúng ta. Công nghiệp đã đầy tràn và Chúa đem ông vào Giêrusalem muôn thuở.

CHƯƠNG 5

I. Nội dung Kiến Nghị Của Hội Đồng Nội Các & Sắc Lệnh của Vua Tự Đức 3-9-1854

Từ năm 1851 Vua Tự Đức đã ra lệnh cho các quan tự do trình bày một giải pháp để đối phó với đạo Công Giáo. Ngày 26 tháng 7 năm Tự Đức thứ bảy (3-9-1854), hội đồng nội các gồm Vũ Duy Ninh, Trần Tiến Thành và Nguyễn Tư Giản đã đệ trình lên vua Tự Đức bản kiến nghị đúc kết, và đề nghị bốn điểm chính để tiêu diệt đạo, và xin chấm dứt mọi cuộc bàn cãi. Kiến nghị đã được vua Tự Đức phê chuẩn. Sau đó Bộ Hình sao lại gửi cho các tỉnh. Sắc lệnh tới tỉnh Nam Định ngày 26-12 âm lịch và được sao lại do ký lục Lê Hiến rồi gửi sang cho quan án sát và một lệnh khác cho quan lãnh binh do ký lục Nguyễn Chính Nghi sao lại. Toàn bộ kiến nghị đã được Đức Cha José Diaz in lại trong các bản tường trình ở Manila năm 1858.

Bản kiến nghị gồm các phần:

1. Lập lại khẩu lệnh của vua Tự Đức tháng 10, năm thứ bốn Tự Đức (1851) về đạo Gia Tô. Và đặc biệt hai bản tâu trình của quan Nguyễn Đăng Giai và Ngụy Khắc Tuấn.
2. Các đề nghị của các quan Phạm Quĩ, tổng đốc Quảng Trị và Quảng Bình, đề nghị của Tòa Tam Pháp, đề nghị của Nội Các Thừa (Cơ Mật Viện), đề nghị của quan án Can.
3. Duyệt lại các sắc dụ cấm đạo đã ra từ đời Gia Long cho đến Tự Đức năm 1848.
4. Kiến nghị của các quan hội đồng nội các gồm bốn điểm chính:
 - Đối với các quan có đạo, cho hạn một tháng ở kinh đô và ba tháng tại các tỉnh, phải bỏ đạo để giữ nguyên chức, nếu không sẽ bị truất và phải làm mọi phu dịch. Đối với lính và dân, cho hạn 6 tháng để đập ảnh trước mặt quan sở tại. Hết thời hạn, những ai không đập ảnh hoặc còn giữ đạo lén lút, phải bắt để tra xét. Như thế vừa áp dụng sự nhân từ vừa chứng tỏ sự nghiêm khắc của luật lệ.
 - Lệnh bắt các đạo trưởng và xử chém đạo trưởng Tây, bêu đầu ba ngày, linh mục Việt cũng bị xử chém, còn các thầy giảng bị

DÒNG MÁU ANH HÙNG

khắc chữ và bị lưu đày. Cho phép lính canh đánh chết tại chỗ nếu có sự kháng cự hoặc tổ chức đánh tháo, đặc biệt là tại các làng đánh cá thường lén lút chở các đạo trưởng. Nếu tầu ngoại quốc đến, các quan phải canh chừng kỹ lưỡng như các lệnh của vua Minh Mệnh đã rạ Những người có công tố giác hoặc bắt được đạo trưởng sẽ được thưởng 300 lạng bạc.

- Bốn phạm của các quan tại tỉnh, huyện, và xã là tai mắt của dân, các quan lý trưởng là đầu của dân, tất cả biết rõ các người theo tà đạo nhưng thường làm ngơ để cho người lành phải sống giữa người lắm lạc. Vậy các quan phải năng tuần tiểu để tìm các người Kitô và dạy dỗ họ về đàng lành. Đối với các nhà thờ, nhà xứ và kho lúa, phải tịch thu hoặc đốt, phải phá các hầm trú ẩn và trừng phạt những tín đồ còn tụ họp nghe giảng. Nếu các làng xã chống lại lệnh trên, các quan tỉnh phải đem quân về mà bình định.
- Sau cùng, nếu các linh mục Âu còn lén lút mà bị bắt được thì quan cai tổng và lý trưởng sẽ bị trừng phạt vào tội loạn nghịch, các quan cấp huyện và phủ sẽ bị khép tội biếng nhác, phạt hạ ba cấp và phạt 80 trượng. Quan đầu tỉnh phải giáng một cấp và phạt bảy chục trượng. Nếu một linh mục Việt bị bắt thì lý trưởng và cai tổng sẽ bị phạt một trăm trượng và mất chức, quan huyện và phủ bị phạt 80 trượng nhưng không bị giáng cấp, các quan lớn khác thì phải giáng xuống một cấp.

5. Sau đó lại có đề nghị của quan tổng đốc Bình Định Vương Hữu Quang, gồm sáu điểm: hạn chế đất của người Công Giáo, cấm người ngoại cho người Công Giáo vay tiền, cấm người Công Giáo đi lại buôn bán, phải đóng các cửa tiệm đã có, phải sai một thầy giáo về mỗi làng để dạy việc cúng tế và cấm giao ước.

Vua Tự Đức bắt các quan bàn cãi từng điều một. Sau đó các quan đề nghị theo kiến nghị đã ra và không bàn gì thêm.

II. Hậu quả của sắc lệnh 1854

Trước hết, ngay tại các tỉnh kề cận kinh đô Huế, Đức Cha Pellerin trong thư viết cuối năm 1855 cho biết diễn tiến đưa đến sắc lệnh 1854 là do vụ Hoàng Bảo đã chấm dứt, quan thượng Giai thuộc phe nhân từ đã chết và các tầu Pháp không còn lảng vảng ở bờ biển Việt Nam nữa. Khi sắc lệnh được tiết lộ, chủng viện ở Tho Sen (Kẻ Sen)

LM. VŨ THÀNH

phải giải tán, Đức Cha phó Sohier phải trốn ẩn trong một nhà Dòng Mến Thánh Giá, Đức Cha Pellerin và Thừa Sai Choulex trốn ở Di Loan. Tuy nhiên Đức Cha Pellerin nói thêm rằng cho đến ngày 16-12-1855, các quan tại tỉnh, huyện, tổng và xã vẫn chưa hay biết gì. Có tin đồn rằng sắc lệnh được ngưng lại vì lời yêu cầu của quan là Bắc Kỳ đang có cuộc nổi loạn. Người khác cho rằng vì vua Tự Đức nằm mộng thấy lưới gươm từ trời rơi xuống đầu, dân chúng thì coi việc bắt đạo là một tội ác khiến trời phạt dân chúng phải chịu thiên tai, dịch tễ và đói kém.

Đức Cha Cuénot ở Bình Định, là nơi quan tổng đốc Vương Hữu Quang đề nghị rất nghiêm ngặt với người Công Giáo, viết trong thư ngày 24-2-1855 như sau: *“Những cuộc khám xét tại nhà rất thường xuyên nay lại càng gắt gao hơn đến nỗi không ai còn dám chứa đồ đạo. Tôi đã phải trốn dưới hầm trong khi dân chúng các tổng bị bao vây không đi được đến đâu. Tôi có thể nói rằng trong hai mươi hai năm bắt đạo, thì năm 1854 là năm tôi gặp nguy hiểm và khổ cực nhiều nhất. Có chín giáo dân bị bắt và xúng đạo, trong đó có năm người bị kết án phải lưu đày Nam Kỳ (Mỹ Tho). Ông trùm Anrê Năm Thương, thầy giảng 70 tuổi, đã chết khi vừa tới nơi lưu đày ngày 15-7-1855. Ông quan này bị tố cáo là buôn bán với tâu nên bị giáng chức vào cuối năm 1855”*. Thừa Sai Harengt cùng trốn với Đức Cha Cuénot ở Gia Hựu cũng nói rằng giáo dân sợ hãi và các linh mục Việt cũng phải để phòng kỹ lưỡng.

Ngoài Bắc Kỳ, Thừa Sai Galy cho biết có nội loạn ở Kẻ Non nơi Đức Cha phó Jeantet ở, khiến đức cha phải trốn vào hang. Một linh mục Việt, một thầy Sáu và nhiều chức việc bị bắt, cả thầy mười chín người. Sau này nhờ chuộc tiền nên họ được tự do. Chúng viện hoàn toàn bị phá. Trong khi đó quan tổng đốc Nam Định đã công khai tuyên bố rằng trong tỉnh được bình yên không có loạn là vì có đông người Công Giáo. Chính quan đã xin vua trợ cấp cho nhà tế bản nuôi người cùi của Đức Cha Retord tại Kẻ Vĩnh. Tuy nhiên, cái tai hại của sắc lệnh là phải đút tiền cho các quan. Các quan ở huyện với xã ít thay đổi thì đỡ, chứ còn các quan lớn hay phải đổi thì tiền đút lót tốn gấp nhiều lần mà còn khó khăn nữa. Người ta gọi đó là mùa gặt của các quan.

Đầu năm 1856, Cha Laurent Hưởng bị bắt và mặc dù quan đã tìm mọi cách cho nhẹ tội nhưng lệnh triều đình bắt phải chém đầu ngày

DÒNG MÁU ANH HÙNG

13-2-1856 tại Ninh Bình. Tại Bầu Nọ thuộc tỉnh Ninh Sơn, các nhà trường, nhà xứ và nhà dòng phải giải tán. Chỉ có Kẻ Vĩnh được quan thượng bảo trợ mới yên và các thừa sai tụ tập về làm việc cấm phòng.

Trong địa phận Bùi Chu, Đức Cha Diaz cho biết rằng lợi dụng dịp lễ Thánh Đaminh, địa phận đã họp công đồng để bàn về đường lối chung trong địa phận. Tham dự công nghị gồm có năm thừa sai Tây Ban Nha và hai mươi lăm linh mục Việt. Dân chúng các nơi nghe biết cũng kéo đến tấp nập như ngày lễ dưới thời Gia Long. Đức cha còn tổ chức được một cuộc thi giữa các người trí thức, một nửa là người lương, về các vấn đề tôn giáo. Nhưng khoảng tháng 10, 1854, có loạn ở các tỉnh giáp Trung Hoa và Hưng Yên, trong đó có hai quan rất ủng hộ đạo phải thiệt mạng, và một linh mục Việt phải chết vì công việc bác ái. Nhưng từ tháng 3-1855 sắc lệnh được công bố nên bị thiệt hại lớn lao. Trong vòng sáu tháng từ khi có lệnh của vua, lệnh nghiêm ngặt nhất từ xưa đến nay, khiến giáo dân hoảng sợ tự động tháo gở các nhà thờ và nhà dòng. Có tám nhà đã phải tháo gở như thế. Riêng Đức Cha Diaz đã gửi một lá thư luân lưu khuyến khích giáo dân can trường, tin tưởng vào Thiên Chúa là Cha không hề bỏ rơi những người cậy trông và sốt sắng cầu nguyện để cơn bão tấp chóng qua. Trong một lá thư khác, đức cha cho biết là ngày 21-7-1855 Cha Tôma Khuông bị bắt với bốn thầy và chú. Vị linh mục 74 tuổi được quan kính trọng nên quan khiển trách cấp dưới và truyền lệnh trả tự do cho các người bị bắt.

CHƯƠNG 6

Cuộc Bách Hại Đạo Công Giáo Từ Khi Người Pháp Gây Hấn 1856-1857

I. Nguyên nhân nước Pháp can thiệp vào Việt Nam (1856-1862)

Từ khi người Pháp giúp Nguyễn Ánh khôi phục và thống nhất giang sơn qua trung gian của Đức Cha Bá Đa Lộc, người Pháp vẫn muốn bành trướng công việc buôn bán, nhưng bị chính quyền Việt Nam ngăn cản. Hiệp ước 1787 cả hai bên thi hành không đúng mức. Tuy nhiên việc làm chần động dư luận nước Pháp là việc bắt bớ người Công Giáo, xử tử các thừa sai người Pháp khiến mọi tầng lớp phần nộ. Trong vòng hai mươi bốn năm từ 1833 đến 1857 đã có chín mươi lăm người Công Giáo bị xử tử, trong đó có mười bốn thừa sai Pháp và Tây Ban Nha. Việc bắt đạo là nguyên nhân chính của việc người Pháp can thiệp vào Việt Nam.

Người Pháp có ý định chiếm Việt Nam ngay từ đầu không? Theo các tài liệu lịch sử thì người Pháp chỉ muốn sự tự do buôn bán và tự do tôn giáo. Điều này tùy thuộc thái độ của triều đình Việt Nam. Chính sách bế quan tỏa cảng và bắt đạo quyết liệt đã đưa đến việc người Pháp thiết lập căn cứ, và sự dễ dàng chiến thắng đã đưa đến việc chiếm trọn miền Nam và đặt quyền đô hộ ở Trung và Bắc. Sau đây là diễn tiến trung thực của thảm kịch Việt Nam mất chủ quyền và cơn hấp hối của Giáo Hội Việt Nam.

1. Sứ mệnh ôn hòa của toàn quyền Montigny

Tự Đức lên ngôi năm 1847 mới có 18 tuổi và tính tình ôn hòa khiến các thừa sai tin rằng sẽ có sự tự do hành đạo. Thế nhưng các quan đại thần, nhất là Trương Đăng Quế có rất nhiều quyền hành, theo như tài liệu thì ông quan này là bố vợ của Tự Đức, là người quyết tâm tiêu diệt đạo Công Giáo và bài xích người Pháp.

Sau lệnh cấm đạo tháng 8-1848, Đức Cha Retord và Jeantet đã viết thư về Pháp xin Hoàng Đế Louis Philip can thiệp nhưng thư đến nơi thì Pháp Hoàng không còn. Napoleon đã thay thế. Mong của Napoleon là bành trướng thế lực. Napoleon phải chờ cuộc chiến với Ý chấm dứt và cuộc liên kết với Anh Quốc vững chắc hơn ông mới

DÒNG MÁU ANH HÙNG

nghĩ đến việc thương mại và giúp các tín hữu ở Viễn Đông được tự do. Đề nghị của các thừa sai là Hoàng Đế Pháp cử một đại sứ toàn quyền đến thương thuyết và ký hiệp ước, và các đấng lên án mọi việc can thiệp quân sự nữa vời chỉ đem lại nhiều tổn hại và gia tăng cuộc bắt đạo.

Ngày 30-12-1855 Montigny, đại sứ toàn quyền Pháp, rời Paris sang Viễn đông với sứ mệnh thương thuyết tại Thái Lan, Cao Mên và Việt Nam. Ông tới Bangkok ngày 9-7-1856 và hoàn toàn thành công, vì Thái Lan cử đại sứ sang Pháp để nói chuyện. Riêng tại Cao Mên vì ông cho rằng Cao Mên chịu ảnh hưởng Thái Lan nên chỉ cử một người đem thư đến xin giao dịch, nên thất bại. Cũng thế, sứ mệnh của Montigny thất bại ở Việt Nam, phần vì vụng về của Montigny, phần khác vì thái độ trịch thượng của triều đình Huế. Các quan cho rằng muốn giao dịch với vua Việt Nam thì phải có quốc thư của vua Pháp chứ không phải chỉ có thư của đại sứ toàn quyền.

Trước hết ông Montigny sai Le Lieur đem chiếc Catinat đến Tourane (tức Cửa Hàn). Le Lieur tới trình thư nhưng không được quan địa phương tiếp nhận. Người Pháp cho bỏ thư trên bãi biển cửa Thuận An ngày 19-9, rồi ngày 26-9-1856 bắn phá vào pháo đài của Việt Nam. Ngày 24-10, một tàu chiến khác là Capricieuse do Collier chỉ huy đến Tourane. Tổng đốc Quảng Nam đã trả lời thư của Collier. Sau cùng ngày 23-1-1857 Montigny mới tới Tourane, lúc này tàu chiến Catinat đã đi Hồng Kông. Triều đình Việt Nam nghĩ rằng người Pháp ở xa không dám chiếm đất đai, có đến chỉ bắn phá rồi bỏ đi như hồi tháng 4-1847 và tháng 9-1856 nên có thái độ cứng rắn với Montigny. Sau mười lăm ngày thương thuyết, Montigny đưa ra 28 điều khoản cho hiệp ước và trao cho chính phủ Việt Nam rồi bỏ đi ngày 7-2. Sự thất bại của Montigny khiến Đức Cha Pellerin mạo hiểm trốn lên tàu Capricieuse về Pháp với ý định vận động ở Paris.

2. Ủy ban Cochinchine

Các lãnh sự của Pháp ở Trung Hoa đã gửi nhiều tin tức về tình hình Việt Nam. Những người chủ trương can thiệp vào Việt Nam có Cécile, Courcy và các thừa sai. Sau khi thu thập tin tức, bộ trưởng ngoại giao Waleski gửi một tập hồ sơ cho Napoleon. Ngày 7-4-1857 Napoleon thiết lập ủy ban nghiên cứu các khía cạnh pháp lý chính trị và thương mại của việc can thiệp dựa trên căn bản hòa ước Ver-

LM. VŨ THÀNH

sailles 1787. Ủy ban đã nghe ông Goreaux, tháp tùng Montigny, cha Huc và Đức Cha Pellerin, Giám Mục Huế, thuyết trình về tình hình Việt Nam.

Đức Cha Pellerin rời Hồng Kông ngày 10-3-1857 với bốn hải cốt tử đạo, và tới Paris tháng 5-1857 khi ủy ban Cochinchine đang họp. Đức Cha Pellerin và Thừa Sai Chamaison đã hoạt động ở Việt Nam tham dự phiên họp thứ sáu của ủy ban và đã cung cấp những tin tức xác thực. Đức Cha Pellerin đã lên án việc can thiệp nửa vời của người Pháp làm cho chính phủ Việt Nam không sợ hãi, trái lại càng gia tăng việc bắt người Công Giáo. Đức cha cho rằng chỉ cần một đại sứ mang thư của hoàng đế Pháp đến triều đình Huế là có thể ký kết hiệp ước. Đó chỉ là ý kiến riêng của mình người. Các cuộc nổi loạn không có hy vọng thành công, vì nguyên gia đình của vua có tới ba ngàn người nắm vững guồng máy cai trị.

Ngoài ra Đức Cha Pellerin còn vận động với bộ trưởng ngoại giao và viết thư riêng cho Hoàng Đế Napoleon, kể các cuộc bắt đạo ở Việt Nam và dân chúng chán ghét chế độ hiện tại. Đức cha gửi hai thỉnh nguyện ngày 1-7-1857 và ngày 30-8-1857. Đức cha cũng đã được Hoàng Đế tiếp kiến riêng.

Số phận Việt Nam được quyết định ngày 15-7-1857, Hoàng Đế cử Rigault de Genouilly với toàn quyền quyết định vấn đề Cochinchine. Tuy nhiên ý của Hoàng Đế là chỉ mở tự do buôn bán và tự do đạo cho người Công Giáo. Bộ trưởng ngoại giao và hải quân đã chỉ thị ngày 25-11-1857 cho Rigault phải mềm dẻo.

3. Diễn tiến việc tấn công Tourane và chiếm Sài Gòn

Trước cuộc bắt bớ các thừa sai người Tây Ban Nha và người Pháp, hoàng đế hai nước đã cử quân đội từ Trung Hoa và Philippines đến Việt Nam để can thiệp, yêu cầu chấm dứt các cuộc bắt đạo. Tuy nhiên, đối với người Pháp cuộc can thiệp này nằm trong kế hoạch chung với sự can thiệp tại Trung Hoa, và có mộng ước muốn đặt căn cứ quân sự tại Tourane vì vị trí của hải cảng này được so sánh với Gibraltar ở Châu Âu, rất quan trọng cho chiến lược kiểm soát tàu bè ở biển Nam Hải.

Liên quân Pháp-Tây tấn công Đà Nẵng ngày 1-9-1858 bắt được hơn một trăm tù binh. Chiếm được căn cứ quân sự này là người Pháp

DÒNG MÁU ANH HÙNG

không có cách nào liên lạc được với Việt Nam. Theo Đức Cha Pellerin thì phải tấn công thành Huế và ép buộc vua phải ký hòa ước. Tuy nhiên không ai có thể hướng dẫn tàu chiến tiến vào cửa Thuận An để đến thành Huế, một pháo đài được xây cất phòng thủ theo kiểu Châu Âu rất khó thành công. Hơn nữa sông nhỏ, tàu chiến không thể vào được. Tư lệnh Rigault sau hai lần thất bại ngày 6-10 và 21-12 đã quyết định đem quân vào lấy Sài Gòn, vì sông vào Sài Gòn lớn nên tàu chiến có thể vô được. Hơn nữa Sài Gòn là vùng lúa nuôi quân của Việt Nam, lại gần Cao Mên nên có nhiều thuận lợi. Trong khi đó Tây Ban Nha muốn đánh Bắc Việt vì các thừa sai của họ ở đây. Việc đánh Bắc Việt có nhiều khó khăn vì trái mùa gió và không đủ quân để phân tán. Việc chiếm Sài Gòn sẽ là một cảnh tỉnh cho triều đình Việt Nam.

Ngày 2-2-1859 Rigault để lại một ít quân giữ đồn Tourane, đem đại binh vào Sài Gòn. Việt Nam thấy vậy mở cuộc tấn công ngày 6-2 nhưng không đánh bại được quân Pháp. Trong khi đó quân Pháp dễ dàng lấy Sài Gòn và tại đây Đức Cha Pellerin đã trốn được đến với trại quân của Pháp.

Ngày 31-3-1859 Rigault lại đem một số quân trở lại Tourane, và Sài Gòn bị bao vây do quân triều đình Việt Nam từ ngày 21-4. Rigault tới Tourane ngày 15-4 và ngày 8-5 cho đánh chiếm mấy đồn bên cạnh. Một số lính chết vì bệnh thổ tả. Ngày 20-6, Rigault thương thuyết với đại diện Việt Nam nhưng hai bên không nhượng bộ nhau, nên ngày 7-9 Rigault bỏ thương thuyết, và ngày 21-9 tấn công một số căn cứ quân sự của Việt Nam ở duyên hải.

Vì một mối Rigault xin từ chức và đô đốc Page được đề cử thay thế ngày 12-8. Đô đốc Page đến Cửa Hàn ngày 19-10 và nhận quyền ngày 1-11. Ông được lệnh của chính phủ Pháp bỏ Tourane và củng cố cơ sở đã chiếm ở Sài Gòn. Tuy nhiên ngày 18-11 đô đốc Page vẫn cho lệnh tấn công hai chiến lũy. Ngày 21-11 đô đốc Page đem quân xuống Sài Gòn giải vây. Ngày 2-12 đô đốc Page tới Sài Gòn cho chiếm hai chùa, sau đó, ngày 15-12, bắt đầu thương thuyết với phái đoàn Việt Nam. Về phía Pháp chỉ đòi tự do buôn bán và tự do giảng đạo. Trái lại Việt Nam yêu cầu Pháp rút các tàu chiến khỏi Sài Gòn cũng như đã rút khỏi Tourane. Ngày 29-1-1860, cuộc thương thuyết bị hủy bỏ và đô đốc Page bị thay thế ngày 27-2, vì tính cứng cỏi của ông. Trong thời kỳ đô đốc Page ở Sài Gòn ông đã ra lệnh mở cửa sông

LM. VŨ THÀNH

Sài Gòn tự do cho mọi tàu buôn. Trong thời kỳ này chiến cuộc tại Trung Quốc đến hồi gay gắt, Pháp phải đem lực lượng sang Trung Hoa, chỉ để lại đại úy Aries chỉ huy. Ông này cho mở rộng các vùng lân cận Sài Gòn.

Tháng 2-1861, đại quân của Pháp gồm 68 tàu chiến với 474 đại bác tiến xuống Sài Gòn. Đô đốc Charner cũng được lệnh phải củng cố Sài Gòn. Ngày 24-2-1861 cuộc đại chiến bùng nổ. Phía Việt Nam có hai chục ngàn lính chính quy và mười ngàn lính trừ bị do Nguyễn Tri Phương chỉ huy. Nguyễn Tri Phương bị thương, và Pháp chiếm được đồn Chí Hòa ngày 25-2. Tháng 3, đô đốc Charner cho quân thám hiểm Mỹ Tho và chiếm ngày 12-3.

Sau các thất bại liên tiếp, triều đình Việt Nam áp dụng chính sách vừa cầu hòa vừa chuẩn bị phản công. Cuối tháng 3-1861 cuộc thương thuyết bắt đầu. Lần này chính phủ Pháp yêu cầu tự do tôn giáo và nhượng Sài Gòn, Mỹ Tho, Thủ Dầu Một và bồi thường chiến phí bốn triệu đồng. Cuộc thương thuyết với Pháp và Tây Ban Nha kéo dài cho đến tháng 8. Trong khi đó quân Việt Nam củng cố pháo đài Biên Hòa. Quân Pháp bắt được mật thư của triều đình và thấy rõ Việt Nam hai lòng, nên ngày 4-8 đô đốc Charner hủy bỏ thương thuyết. Theo lời xin của Charner, triều đình Pháp chỉ định đô đốc Bonard thay thế ngày 8-8 và chính thức nhậm quyền ngày 29-11-1861.

Bonard là người quyết liệt không chờ đợi, đã đem quân đánh Biên Hòa. Việt Nam bỏ đồn sau khi tàn sát người Công Giáo, thiêu sống 300 người. Ngày 22-3-1862 đến lượt Vĩnh Long. Tháng 4-1862 quân Pháp bắt được các tàu vận tải lúa của Việt Nam chở về Huế, và ra tối hậu thư cho triều đình Việt Nam. Triều đình Việt Nam tức tốc nộp 100.000 quan tiền chiến phí và cử hai đại sứ toàn quyền là Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp thương thuyết trong các ngày 28-5 đến 3-6, và ngày 5-6-1862 ký hiệp ước Nhâm Tuất. Hòa ước gồm mười hai khoản cam kết tình hữu nghị và Việt Nam nhượng ba tỉnh phía đông cho Pháp. Ngoài các điều khoản về thương mại, quyền tự do đến các cửa biển, khoản số hai qui định quyền tự do giảng đạo và tự do tôn giáo, không phân biệt và cũng không được ép buộc theo đạo.

II. Cuộc bách đạo từ khi người Pháp gây hấn

Thái độ của triều đình Tự Đức dứt khoát tiêu diệt đạo Công Giáo bắt đầu từ năm 1854, nhưng khi người Pháp khởi sự gây hấn năm 1856 thì cuộc bách đạo trở thành toàn diện, các quan cũng như lương dân lùng bắt người Công Giáo vì họ có liên hệ với người Pháp. Bấy giờ theo đạo Kitô tức là theo người Pháp, chống lại quốc gia.

1. Những kiến nghị và sắc lệnh

Khi tầu Pháp đến Cửa Hàn thì triều đình phát giác được quan thái bộc Hồ Đình Hy là người Công Giáo. Một bầu khí nặng nề bao trùm kinh đô Huế. Sau khi tầu Pháp rút lui, và triều đình đã xử tử quan thái bộc Hồ Đình Hy. Quan đại thần Nguyễn Đức Trụ dâng một kiến nghị lên vua ngày 25-5-1857. Trong bản kiến nghị ông hết sức đề cao đức độ của vua Tự Đức và nêu ra mối nguy hiểm cùng với kế sách chế ngự ba mối nguy: là người Công Giáo, người Cam Bốt và người Tây Phương.

Riêng về người Công Giáo, bản kiến nghị xin gia tăng các biện pháp nặng nề và theo sát sắc lệnh năm 1854: Phải tìm bắt các linh mục đang lén lút trong các làng, cũng phải xử tử các thầy giảng vì nếu chỉ lưu đầy không thôi, họ lại phổ biến những nơi khác. Còn giáo dân rất đông số không thể xử tử hết nên cần phải giáo hóa. Những điều giáo hóa của Vua Minh Mệnh cần phải dịch ra tiếng bình dân và làm thành văn thơ cho dễ học. Về việc tưởng thưởng cần phải lưu ý đến hai yếu tố là tiền và tước vị tùy theo người có công tổ giác chọn.

Bản kiến nghị đưa ra một lập trường cứng rắn, không nhân từ với người Công Giáo cố chấp và cũng không sợ hãi người mọi rợ Tây Phương. Để phòng ngừa người Tây Phương, cần phải gia tăng các hiểm nghèo để họ không dám bén mảng tới gần. Họ đến với tầu chiến ở ngoài Cửa Hàn lấy chiêu bài xin tự do buôn bán, nhưng thực sự bên trong là để quảng bá những lầm lạc, lung lạc luật pháp quốc gia. Vì vậy không thể để họ đến gần các cửa bể. Một khi họ đã vào được thì khó lòng trục xuất họ ra khỏi nước. Bản kiến nghị xin lập các đồn ở duyên hải như Hải Đại và ở các đảo Duyên Tuy, Đảo Ma...

Vua Tự Đức đã chỉ định ba quan điều nghiên kiến nghị trên. Ngoài ra còn hai bản kiến nghị khác, trong đó có bản của người cháu Trịnh Quang Khanh là chủ tịch Hàn Lâm Viện, Sohier. Ngày 7-6-1857 vua

Tự Đức công bố sắc lệnh bách hại Công Giáo. Sắc lệnh viết: “Tà đạo Gia Tô trước kia được truyền bá tại Trung Hoa dưới thời nhà Minh do Lợi Mã Đậu (Cha Mateo Ricci) rồi lan sang nước ta dưới triều Lê. Trước hết tà đạo truyền bá giữa những người dốt nát ở vùng duyên hải. Những người này bị các nhà truyền đạo lừa dối và mua chuộc bằng tiền bạc. Họ bỏ tiền mua những đất tốt, xây những kho lúa và lập nhà thờ giảng dạy nguy thuyết. Dân chúng say mê và từng phục dễ dàng. Từ đó nguy thuyết bành trướng trong toàn quốc và hiện nay đã có hơn bốn phần mười dân chúng. Đã có nhiều người trong giới quan lại và binh sĩ lên lút tin theo và nếu chúng ta không canh chừng thì dịch tễ này sẽ lan rộng khắp nước”. Sau đó Tự Đức khiển trách các quan đã chệnh mảng hoặc bị mua chuộc coi thường các mệnh lệnh, khiến cho tà đạo Gia Tô đã tổ chức được một hệ thống trên toàn cõi đất nước. Các đạo trưởng lẩn trốn khắp nơi, trong hầm dưới đất hoặc trong kẽ vách. Khi quan quân đến bắt thì chúng có người thông báo để chạy trốn. Vậy đối với dân thường, lệnh cho các xã trưởng phải ra sức thuyết phục họ về đảng chính tuân giữ các lễ nghi trong việc cưới xin hoặc tang chế, tôn kính các thần làng và tổ tiên. Cho hạn trong một năm, để các người Công Giáo được bình yên sửa đổi lầm lạc. Sau đó những ai còn cố chấp thì phải khắc chữ vào má. Cho thêm một năm nữa nếu vẫn còn cố chấp thì đàn ông phải tòng ngũ, đàn bà phải làm tôi tớ trong nhà các quan. Trong năm này các xã trưởng có công sẽ được thưởng, nếu biếng trễ sẽ bị phạt và truất chức.

2. Tình hình chung của các giáo đoàn trong kỳ này

Từ khi người Pháp đến gây hấn, Giáo Hội Việt Nam bước vào con đường khổ nạn mà sử gia Louvet viết rằng, phải có tài than khóc của tiên tri Giêrêmia mới diễn tả nổi những khổ cực trong thời kỳ này. Sử gia Gispert, thuộc Dòng Đa Minh, gọi năm năm bắt đạo này (1857-1862) là tàn khốc chưa từng có trong lịch sử, riêng tại địa phận trung Bùi Chu đã có ít nhất ba chục ngàn tín hữu bị giết.

Tại Huế quan Micae Hồ Đình Hy bị xử tử và rất nhiều chức việc binh sĩ phải lưu đầy.

Tại địa phận Tây có Cha Phaolô Tịnh, Thầy già Văn phải xử tử, nhiều thầy và các chú bị bắt, chủng viện Vĩnh Trị nhiều lần bị vây. Đặc biệt là thái độ của quan tổng đốc Nguyễn Đình Tân (Hùng) ở Nam Định, chuyển từ thiện cảm sang thù nghịch lòng bắt thừa sai dữ tợn nhất.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Riêng trong địa phận Bùi Chu, Đức Cha Sanjurjo bị xử tử và bao nhiêu cuộc lùng bắt tại các họ đạo. Đức Cha Sampedro trong thư đề ngày 22-2-1858 viết rằng, hai má tôi không lúc nào khô nước mắt vì cảnh tan hoang của các giáo xứ. Hận thù chồng chất, chính linh mục lại là thủ lĩnh phản loạn.

Cuộc Xung Đao & Tử Đạo của LINH MỤC PHAOLÔ LÊ BẢO TỊNH

(bị bắt hai lần, xử tử 6-4-1857 tại Nam Định)

Thời trước nói về sự vui vẻ sầm uất người ta có câu: “*Thứ nhất thiên đường, thứ nhì Tràng Vĩnh* (ở cuối tỉnh Nam Định, giáp ranh Ninh Bình)”. Nơi đây đã hun đúc Cha Phaolô Lê Bảo Tịnh thành con người thánh thiện, cũng chính nơi đây cha được vinh dự làm bề trên và cũng chính tại Vĩnh Trị, xác cha thánh được chôn cất trong nhà thờ Thánh Phêrô.

Cha Tịnh sinh năm 1793 tại xã Trinh Hà, huyện Hoàng Hóa, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, trong một gia đình Công Giáo và có 6 anh em, Cha Tịnh là thứ ba. Năm 12 tuổi, cậu Tịnh đến ở với Cha Ruệ tại xứ Bạch Bát học chữ Nho ba bốn năm rồi vào trường Kẻ Vĩnh học Latinh. Người không thông minh nhưng chăm học và xem sách nhiều nên về sau trở thành người thông thái biết nhiều. Dưới thời cha bề trên Havard, sau làm đức cha, các chú thi nhau hăm mình tập nhân đức. Điểm đặc biệt trong đời sống của chú Tịnh là muốn bắt chước các thánh nên đã vào tu trong rừng, nhưng một năm sau đức cha bắt về dạy học trong chủng viện, đồng thời học lý đoán sửa soạn chịu chức.

Đức Cha Havard (1831-1838) đã cậy nhờ Thầy Tịnh hai lần sang Macao để đưa các thừa sai về Việt Nam và lãnh đồ tiếp tế cho địa phận. Lần thứ nhất người đưa ba thừa sai là Cha Rouge, Cha Retord và Cha Cornay. Lần thứ hai khi người mang đồ về tới La Phù thì bị tụi tâu ô cướp hết, may nhờ mặc áo tâu, gióc tóc đuôi xam, nói tiếng An Nam lớ ngớ như khách nên mới được khỏi chết. Về tới cửa biển, Thầy Tịnh làm đơn kiện lấy lại được các đồ bị cướp. Lần này thầy ở Macao một năm và có dịp xem nhiều sách. Đặc biệt có một đêm Đức Mẹ hiện ra nói với thầy: “*Phaolô, Phaolô, khi về Việt Nam con sẽ phải*

LM. VŨ THÀNH

chịu khổ vì đạo”. Thấy không tin, tưởng là mỹ nhân nào đến cám dỗ nên thầy hỏi lại bằng tiếng Latinh, tiếng Việt, tiếng Trung Hoa, hỏi tiếng nào Đức Mẹ trả lời bằng tiếng ấy: “*Ta là Đức Bà Maria*”. Dù vậy Thầy Tịnh vẫn không tin cho đến khi bị bắt ở Thạch Tổ năm 1841.

Sau khi ở Macao về lần thứ hai, đức cha sai Thầy Tịnh đi truyền giáo ở Lào. Thấy khuyên được một nhà sư và nhiều người khác trở lại đạo. Sau đó thầy về xin đức cha sai thêm người. Trên đường về, thầy ghé lại nhà cha mẹ nhưng trá hình không ai hay. Lúc này vào năm 1838, Trịnh Quang Khanh đang truy lùng các thừa sai rất gắt gao, Đức Cha Havard trốn ở rừng Bạch Bát và chết tại đó, Cha Retord được chỉ định lên thay. Năm 1840 Đức Cha Retord sai Thầy Tịnh sang Macao lần thứ ba để chở đồ và đưa Thừa Sai Taillandier về Kẻ Vĩnh.

Sau khi về nước năm 1841 được vài tháng, có một lần Thầy Tịnh đi dạy bốn đạo ở Thạch Tổ, xứ Kẻ Đầm, bị lý trưởng bắt tại nhà ông Nhiêu Ba. Thấy bị đưa lên giam ở Hà Nội. Trong khi chờ đợi các quan lớn tại công đường, các viên thơ lại ngồi chửi rủa mắng nhiếc thầy vì trông thấy thầy ăn mặc sơ sài, cổ lại đeo gông. Thầy Tịnh im lặng hồi lâu rồi mới quay lại hỏi: “*Các ông chửi ai?*”

Một viên thơ lại trả lời: “*Chúng tao chửi mày chứ còn ai vào đây nữa*”.

- “*Tôi có tội thì tội với vua quan, chỉ có vua quan mới làm án cho tôi được, nào tôi có tội gì với các ông mà các ông chửi tôi?*”

Mấy viên thơ lại nghe thầy nói vậy giận dữ xông đến định đánh thầy một trận, nhưng Thầy Tịnh gọi to mời quan án ra. Ông thông phán phải đến xin, Thầy Tịnh liền tha cho họ ngay. Các quan lớn vào công đường bắt đầu cuộc tra tấn, bắt thầy quá khóa bỏ đạo. Thấy nhất định không chịu nên bị nọc ra đánh thẳng tay. Thầy không sợ bị đòn, chỉ sợ bị đánh đòn nhiều quá chết mà không được chịu án tử nên thầy nghĩ ra một kế, ngoái cổ lại nói nhỏ với bọn lính: “*Các anh ăn cơm nhà vua mà ba quan lớn dạy đánh đòn tôi, các anh lại đánh như gãi ngứa vậy*”.

Ba quan lớn thấy thầy ngoảnh cổ nói cái gì với bọn lý hình liền hỏi bọn chúng. Các lý hình giơ roi đã đẫm máu lên và phân phó: “*Các quan xem chúng tôi đánh thẳng tay như vậy mà tên tù này còn kêu là đánh không đau, như gãi ngứa vậy*”.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Quan thượng thấy vậy thì biết người này gan lì lắm nên không tra tấn nữa. Thấy bị các quan gọi ra công đường nhiều lần để tra hỏi về các việc đạo. Có lần quan lớn hỏi thấy tại sao người ta lấy hai ba vợ mà chưa cho là đủ trong khi các cụ đạo không lấy vợ mà nhịn được.

Thầy Tịnh trả lời: *“Bẩm quan lớn tha phép, tôi xin cắt nghĩa thế này: Những kẻ lấy vợ chẳng khác gì người hút nha phiến. Họ lấy thuốc ấy làm ngon rồi không bao lâu thành nghiện muốn hút thêm mãi. Còn những người không hút bao giờ, không những là không thèm mà hễ người thấy hơi thuốc còn lấy làm khó chịu nữa. Cũng vậy, các đạo trưởng, đạo đồ không lấy vợ, không chơi bởi về đàng ấy bao giờ cho nên không say mê sắc dục, trái lại còn chê ghét và xa tránh. Hơn nữa trong sách viết chữ nhân, tức là người, có hai nét, thêm một nét ngang là chữ đại, nếu thêm một chấm vai là bốn nét thành ra chữ khuyển tức là chó...”*

Các quan vừa nghe đến đây giận tím mặt lấy thước tay đập ngay vào mặt Thầy Tịnh, trúng vào miệng thầy làm gãy một cái răng. Thầy Tịnh ngã xuống đất, máu me chảy ra, quan gọi không thưa, không dậy, cố ý xem các quan bàn tán gì. Một lúc sau Thầy Tịnh mới đứng dậy nói với quan: *“May phúc cho quan lớn, vì tôi có đạo, hiền lành lương thiện, nếu như tôi là thằng tướng giặc, lấy gông húc vào thì quan lớn đã vỡ đầu ra rồi. Tôi có nói điều gì vô phép hay không phải thì quan lớn quả trách và đánh đòn chứ sao nổi nóng đánh tôi bằng thước?”*

Trong suốt bảy năm trời dưới thời Thiệu Trị, các quan làm án xử tử Thầy Tịnh và đệ vào kinh nhưng triều đình không xử người có đạo. Thầy Tịnh phải giam tù khổ sở, vừa đeo gông xiềng vừa nghe những lời tục tằn của các tù nhân, nổi khổ vừa thể xác vừa tinh thần. Trong thư ngày 20-4-1843 gửi cho các chú nhà trường, Thầy Tịnh viết: *“Nhà tù này thật đúng là một hình ảnh sống động về hỏa ngục. Ban ngày vai mang gông, cổ đeo xiềng, đêm phải xỏ cùm, tai hằng nghe những lời chửi rủa tục tằn, mắt hằng xem những sự dữ độc ác gớm ghiếc nói ra chẳng đáng. Hơn nữa phải giam cầm trong tối tăm chẳng thấy mặt trời mặt trăng bao giờ. Mùa đông chịu giá rét, mùa hè chịu nóng bức, muỗi rệp, bọ mạt cắn đốt chẳng để yên chút nào. Cả đêm chỉ thức không ngủ được, phần vì cùm chặt, phần thì mỗi lần giao canh lính đánh mõ inh ỏi...”*

LM. VŨ THÀNH

Ngoài ra Thầy Tịnh còn phải chịu đựng những nỗi cô đơn không người trò chuyện, không được dự lễ, xưng tội và rước lễ như ở trong nhà trường, nhưng thầy vẫn quyết tâm *“chịu mọi sự khổ cực thiếu thốn vì Chúa Giêsu và cùng với Chúa Giêsu là Cha rất nhân lành, là Đấng tôi quyết tâm kính mến hết lòng hết sức cho đến hết hơi...”*

Năm 1848 vua đổi án thành lưu đầy chung thân ở Phú Yên. Thầy lên đường cùng với Cha Khanh cũng bị án phát lưu. Tới Huế, hai tù nhân phải chờ gần hai tháng để nhập bọn với các tù nhân khác cũng phải đi đầy ở Phú Yên. Trong thời gian ở Huế có một vị lão quan hồi hưu bị đau mắt gần hư, nghe biết có cụ đạo và thầy giảng thì đến xin thuốc, vì họ tin các cha có thuốc thần hiệu. Cha Khanh và Thầy Tịnh chối dài nói rằng mình không làm thuốc mà chỉ lo giảng đạo Chúa thôi. Ông quan không nghe cứ năn nỉ buộc lòng Thầy Tịnh biết được bài thuốc nào thì mách cho ông. Thầy Tịnh ghi ra cho ông, rồi liền li đọc kinh cầu nguyện để Chúa cứu chữa. Ông này được khỏi đau mắt khiến tiếng đồn lan rộng giữa các quan. Trong bộ có một quan trẻ tuổi làm ngự sử cũng bị đau mắt kinh niên tên là Nguyễn Đình Tân (Hưng) cũng đến xin thuốc. Thầy Tịnh ghi cho ông một bài thuốc và ông uống vào cũng được khỏi bệnh. Ông Tân mang đến mười lạng bạc, hai vòng tay bạc và một cân chè để tạ ơn. Thầy Tịnh không nhận nói rằng: *“Bẩm quan lớn, chúng tôi thấy quan lớn thoát nạn thì mừng, song chúng tôi làm thuốc không có lấy tiền, chỉ có ý làm phúc thương người nghèo khổ, vậy không dám lấy tiền bạc của quan còn cân chè quan lớn ban thì xin lĩnh cho vừa lòng quan. Quan lớn đã biết chúng tôi không có tội gì, không có ăn cướp, thiêu gia sát nhân, không làm giặc nguy, nhưng phép vua và triều đình bắt tội chúng tôi vì theo đạo Thiên Chúa. Quan lớn còn thanh niên giới giảng sau sẽ làm lớn. Khi quan lớn đi trọng nhậm nơi nào thì xin thương kẻ có đạo với”*. Ông Tân đã chỉ trời mà thế sẽ giữ điều này.

Hôm xuống tàu ở cửa Thuận An để đi Phú Yên, có một thơ lại cầm giấy điểm tù đến tên Thầy Tịnh thì thêm câu *“tòng Gia Tô tả đạo”*, Thầy Tịnh cứ ngồi yên dù quan gọi ba bốn lần. Quan nóng giận quát lên: *“Thằng nào láo gọi mà không thưa”*.

Bấy giờ Thầy Tịnh mới thưa: *“Tôi đây, tôi không thưa vì ông gọi tôi là người theo tả đạo. Đạo tôi là chính đạo, có tam cương ngũ thường rõ ràng, bao giờ ông gọi là theo đạo Gia Tô, bỏ chữ tả đạo đi thì tôi mới thưa”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Quan phải chịu làm theo. Cuối năm 1848, Vua Tự Đức mới lên ngôi liền ban ân xá cho các tù lưu đầy được về quê quán. Thầy Tịnh được về lại chủng viện và đức cha giết lợn ăn mừng. Đức cha gọi Thầy Tịnh lên ở Hoàng Nguyên học tập làm lễ và trong vòng một tuần thì phong chức linh mục cho Thầy Tịnh. Lúc ấy thầy đã 56 tuổi.

Ngay sau khi thụ phong, Cha Tịnh được đức cha đặt làm bề trên trường Kê Vĩnh và dạy học lớp nhất từ năm 1849 đến 1852. Sau đó đức cha đặt cố Néron Bắc làm bề trên, Cha Tịnh xuống dạy tràng hai. Đến năm 1855 đức cha sai cố Néron đi coi xứ Đoài và đặt Cha Tịnh làm bề trên Kê Vĩnh thì quan Nguyễn Đình Tân cũng được bổ nhiệm làm tổng đốc Nam Định. Cha Tịnh đến thăm và đi lại nhiều lần. Để trả ơn, quan cho Cha Tịnh một giấy phép riêng mà không báo cho các quan khác để mở nhà trường dạy học và làm thuốc để sinh sống. Quan thượng cũng xin Cha Tịnh cho biết các nơi có đạo để bao che khi các quan khác muốn bắt bớ.

Cha Tịnh có lòng thương học trò và học trò cũng quý mến năng xứng tội với người. Cha Tịnh cũng tổ chức nhiều cuộc thi cho các chú chăm chỉ học và thi đua nhau nên thánh. Nhà tràng Vĩnh Trị thật là sống động. Ngoài ra Cha Tịnh còn được chỉ định đi giảng các ngày lễ trọng ngoài nhà xứ. Tài giảng dạy và nhân đức thánh thiện đã lôi kéo nhiều người đến nghe và vào trong nhà trường xứng tội. Cha Tịnh hay giảng về bốn sự sau (tứ chung) và trong tuần đại phúc buổi chiều người giúp ăn năn tội rất khéo đến nỗi ai cũng chảy nước mắt và muốn tham dự.

Không may ngày 2-2-1857 hai cha Kỳ và Hảo về Phát Diệm mở lễ lớn khiến bên lương đồn lên rằng nhà đạo mở cờ khao quân. Các quan tỉnh Ninh Bình đem quân vây nã nhưng hai cha đã đi khỏi, chỉ bắt được mấy người đầu mục. Mấy người này lại khai rằng hai cha có về nhưng đã trở lại Kê Vĩnh rồi. Quan đầu tỉnh Ninh Bình viết giấy sang xin quan tổng đốc và các quan Nam Định bắt đạo trưởng. Các quan định ngày 27-2 sẽ đến vây Vĩnh Trị. Quan tổng đốc Tân giữ lời hứa, cho gọi một người Công Giáo tên là Trinh đến để báo cho Cha Tịnh kịp thời cất giấu các đồ quốc cấm. Ông Trinh gặp Thầy Tự ở Kê Vĩnh lên liền báo ngay. Thầy Tự trở về đến cầu Chanh bị đau bụng không thể đi được phải nằm ngay ở đường. Vì thế trong Vĩnh Trị không ai hay biết gì cả. Lúc tám giờ sáng thứ Sáu, Đức Cha Liêu, cố Đoài, cố Ven (Charbonnier) và các học trò vừa ăn cơm xong thì

LM. VŨ THÀNH

được tin báo có quân lính trên tỉnh về vây. Cha Tịnh lĩnh ý đức cha một mình đứng ra gánh chịu, còn các cha đi trốn xuống các hầm trú bí mật. Phán Trứ và quan phủ Nghĩa Hưng đem 130 quân lính đến làng, đóng quân ngay nhà thờ Đức Bà ở đầu làng. Cha Tịnh cho người ra mời các quan vào nhà và xin ra lệnh cho các lính đóng yên một chỗ. Các quan đến bắt ứng bắt được nhiều đồ lễ, đồ Tây. Cha Tịnh mời uống trà rồi trình giấy phép mở trường cho các quan xem. Các quan nắm lấy giấy rồi nói: *“Quan lớn cho phép mở trường dạy học chứ có cho dạy đạo đâu, xin cụ ra ngoài tỉnh với chúng tôi”*.

Cha Tịnh nói họ đem người đi với một vài tang vật là đủ rồi. Họ liền lấy một áo lễ, mấy quyển sách La Tinh và bắt Cha Tịnh làm giấy ký nhận các nhà và học trò. Cha Tịnh xin phép đi đọc kinh trước khi lên đường. Đọc kinh xong Cha Tịnh theo các quan đi, cha còn nói to cho các chú nghe: *“Chúng con nghỉ lại bằng yên, lần này cha đi có khi không về nữa, ai muốn phúc tử vì đạo thì đi với cha”*.

Quan cũng bắt chánh phó lý Huy và Chân với Thầy Lương đi theo. Khi quân lính rút lui rồi, Đức Cha Liêu cho người đi chuộc ở phủ Nghĩa Hưng ngay, và dặn nếu không xong thì lên tỉnh báo trước cho quan thượng. Quan thượng đâu có ngờ là Cha Tịnh bị bắt có tang vật, nên khi Cha Thu đến đưa tin ông liền nói trấn an người: *“Cha yên trí, ta sẽ lo liệu. Cha Tịnh lên tỉnh thì sẽ ăn mừng lễ lục tuần của ta nhân thể cũng hay, mà Cha Tịnh đừng về Vĩnh Trị nữa”*.

Phán Trứ giữ Cha Tịnh ở phủ Nghĩa Hưng một đêm rồi hôm sau mang về tỉnh cùng với giấy tờ của quan thượng. Quan thượng Tân trông thấy giấy thì biết mình bị mắc kẹt nên nói rằng đau không thể gặp được xin mang sang quan án. Cha Tịnh bị giam ở trại lá, cạnh dinh quan án. Đến chiều cả ba quan họp lại và đưa Cha Tịnh ra công đường. Quan án và quan bố coi giấy tờ rồi nhắc lên nhắc xuống làm ra như giấy đó phải mất nhiều tiền. Các quan chỉ hỏi một điều Cha Tịnh có bằng lòng quá khóa không. Cha Tịnh ngược nhìn các quan khẳng khái thưa: *“Thưa ba quan lớn, tôi là đạo trưởng mà quá khóa thì còn kể là đạo trưởng làm sao được, xin quan lớn chiếu theo luật mà xếp án cho vì tôi thà chết chẳng thà chối đạo”*.

Quan bố lên tiếng: *“Cờ bí thí xe, cha có xuất giáo thì mới cứu được thân”*. Cha Tịnh cương quyết nói: *“Bẩm quan lớn, trưởng đạo không*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

bao giờ xuất giáo, vì nếu làm đạo trưởng mà chối đạo thì còn ai theo, ai giữ đạo nữa”.

Quan thượng Tần biết không làm gì hơn được thì ra lệnh giam Cha Tịnh ở trại Võ Lâm chứ không giam ở trong ngục thất. Bốn năm ngày sau các quan hiệp nghị lần nữa và hỏi cho có lệ xem cha có bước qua ảnh không. Quan lại truyền cho cha kê khai lý lịch. Người cứ sự thật khai hết là đã đi học, đi tù và được tha, làm đạo trưởng. Quan thượng Tần khuyên người đừng khai làm đạo trưởng vì nói câu ấy ra thì không thể gỡ được nữa. Cha Tịnh một mực xin các quan chiếu luật làm án còn việc chữa lại theo ý quan thì không được. Chính quan thượng tự tay viết bản án như lời cha khai và thêm: “*Cụ đã ngoài 80 tuổi nên theo phép nước không nên gia hình, xin lưu giam ở Nam Định*”. Bản án của quan thượng bị triều đình bác bỏ và vua Tự Đức phê: “*Lê Bảo Tịnh khi trước đã có tội, đã được ân xá về mà còn cả gan làm đạo trưởng cho nên là đứa tái phạm thì phải tốc hành trảm quyết*”.

Trong tù, cha không bị tra tấn đánh đập mà chỉ phải mang gông và xích. Sau khi bị khép án, cha bị giam ở trại Vệ không khổ như ở trong ngục thất. Chánh phó lý và Thầy Lương đều một mực xưng đạo nên cũng bị giam nhưng ở chỗ khác. Trong tù có một số Công Giáo bị bắt vì đánh tháo Cha Trạc, năm sáu người đã chối đạo được Cha Tịnh khuyên bảo trở lại. Cha Tịnh còn cho tiền giúp các người Công Giáo bị giam đã hơn bảy tháng. Mười hai ngày trước khi bị đem đi xử, Cha Tịnh viết một lá thư thăm hỏi và khuyên bảo các thầy giáo và học trò. Cha lấy lời Đức Mẹ trong kinh Ngợi Khen mà ca tụng Chúa rồi xin mọi người cầu nguyện. Cha viết: “*Rầy cha đã vào chốn chiến trường thì phải nhờ đến chúng con hỗ trợ, cha xin chúng con lấy lòng sốt sắng cầu xin Chúa làm cho trọn việc Người đã cho phép xảy ra, là dùng cha mà xưng đạo thánh trước mặt thiên hạ và đổ máu ra vì Người...*” Tiếp theo cha lấy sự tích các tông đồ đi thuyền qua hồ với Chúa nhưng Chúa ngủ khi hồ nổi sóng, và khi Chúa giơ tay thì sóng gió im ngay: “*Cũng vậy bây giờ những người có đạo phải bắt bỏ chịu nhiều sự khốn khó đường như Chúa Giêsu đang ngủ vậy. Chẳng bao lâu Người sẽ chối dạy cứu chúng ta và làm cho những sự khốn khó trở nên sự tốt lành, sự lo buồn thành niềm vui sướng. Đức Chúa Trời khôn ngoan vô cùng, từ bi nhân lành có ý để cho ta chịu sự khó để thử xem ta có thật lòng kính mến Người không... Người là cha sửa dạy con cái cho con cái được ích chứ không để con cái phải thiệt.*”

LM. VŨ THÀNH

Vì phúc tử đạo là ơn Chúa ban cho những ai có lòng mong ước, có lòng khiêm nhường thanh sạch, ai có lòng ao ước thì cũng đẹp lòng Chúa.”

Cha Tịnh còn dùng hình ảnh thành Giêrusalem có mười hai cửa để khuyên bảo họ dù không vào được cửa đô là tử đạo thì cũng phải gia công gắng sức vào cho được qua mười một cửa khác, vì vào cửa nào cũng được xem thấy mặt Đức Chúa Trời. Cha Tịnh viết tiếp: *“Về việc cha rơi vào tay kẻ dữ không phải là tình cờ, nhưng là do thánh ý Chúa đã định nên cha hằng tạ ơn Chúa và xin Người che chở các giám mục, linh mục, các người nhà Chúa và chúng con được bằng yên, được tập tành nhân đức, được nên lành nên thánh mỗi ngày một hơn, cho đạo thánh Chúa được thịnh đạt trong địa phận, được sáng ra và được thêm đông số càng ngày càng nhiều...”*

Sau 38 ngày ở trong tù, án của bộ ra tới tỉnh lúc sáng sớm. Quan thượng mở xem thấy vua không y án mà bắt phải xử tử ngay lập tức, quan liền mời Cha Tịnh đến để báo cho người biết và hỏi lần sau cùng xem cha có quá khóa không. Cha hiên ngang thưa: *“Đội ơn quan lớn vốn có lòng thương, nhưng xác tôi hèn xin quan lớn làm tội mặc sức, tôi bằng lòng, còn linh hồn trọng lắm, tôi không thể liều mất linh hồn cho vừa lòng đức hoàng đế được. Đạo Thiên Chúa là đạo thật, tôi mến, tôi giữ từ nhỏ dù có chết cũng không bỏ được”*.

Chín giờ sáng hôm 6-4-1857 quan đến đem người đi xử. Cha Tịnh mặc áo dài thâm như khi đi làm lễ, chân xỏ dép thản nhiên đi giữa biệt các bạn tù và lính canh. Quan quân đến đem người đi xử rất đông, có tới 200 người với hai ngựa và một thớt voi. Cha Tịnh vui vẻ tay cầm sách đi ra pháp trường Bấy Mầu. Có đông người đến xem, cha khuyên họ ở lại bằng yên và chịu khó giữ đạo đừng sợ chết. Tới pháp trường cha còn lớn tiếng nói cho mọi người nghe: *“Đạo Thiên Chúa là đạo thật, dù mà vua quan bắt bỏ và cố tình phá hủy thì cũng chẳng phá được, đạo vốn còn mà về sau sẽ thấy người ta càng đi đạo nhiều hơn khi trước. Nay tôi phải xử vì tôi giữ đạo chứ chẳng phải vì trộm cướp hay có tội gì khác”*.

Lời của người thông thái can trường hiểu biết về đạo như một lời tiên tri còn vang vọng cho tới muôn thế hệ con dân Việt Nam.

Xác Cha Tịnh sau khi bị chém rồi được đem về an táng tại nhà thờ làng Vĩnh Trị. Đoàn người tới Vĩnh Trị vào buổi tối, có Cha Kỳ và hơn 40 người rước vào nền nhà thờ Thánh Phêrô, vì các quan đã ra

DÒNG MÁU ANH HÙNG

lệnh rõ nhà thờ hơn một tháng rồi. Cha Kỳ mở quan tài cho mọi người xem mặt lần cuối cùng. Vết chém lên rất cao, vạc cả vào hàm răng của người. Xác cha thánh được chôn ở gian thứ tư, vì các gian trước đã chôn cố Hương (Bonnard) và Cha Hường. Năm ấy Cha Tịnh được 67 tuổi.

ĐƯỜNG NÊN THÁNH CỦA THÁNH LÊ BẢO TỊNH

Nếu cứ theo câu nói trông mặt mà bắt hình dong thì Cha Tịnh chẳng có vẻ gì là thánh thiện. Khi còn nhỏ học trong trường Latinh người rất nghịch. Người thông chữ Nho và lý sự nhưng chữ viết thật xấu. Hình dáng cao rong rỏng và gầy guộc khô khảnh, lại ăn vận đơn sơ áo vải nâu sòng nên trông không hấp dẫn được ai. Thế nhưng nhờ việc say mê đọc sách mà người được Chúa soi sáng hướng dẫn đến đỉnh cao trọn lành. Đường nên thánh của người có thể tóm tắt trong những điểm sau:

1. Ao ước nên thánh

Lúc Thấy Tịnh đang học làm kẻ giảng thầy thích xem truyện các thánh tu rừng, và vì muốn bắt chước các thánh tu rừng, nên thầy đã lôi kéo được một thầy bạn cùng nhau bỏ mọi sự thế gian vào rừng tu hành cho được dễ dàng cầu nguyện, và rồi linh hồn. Để chuẩn bị mỗi bữa ăn Thấy Tịnh nắm cơm đem phơi khô. Khi học xong thầy thuê người gánh đồ lên rừng Bạch Bát, còn thầy bạn thối lui bỏ cuộc. Sau một ngày đang thấy trò dừng lại nghỉ đêm giữa rừng, khi người gánh thuê ngủ thì Thấy Tịnh quì gối suy gẫm đến nỗi hùm đến bên cũng không hay. Khi tìm được hang đá ứng ý, Thấy Tịnh cho người gánh thuê đi về còn mình ở lại tu trì, hằng ngày đọc kinh cầu nguyện và cuộc đất trồng ngô. Trải qua hai mùa, gần một năm thì đến lễ Phục Sinh thầy muốn về đồng bằng để xưng tội. Lối xưng tội của thầy đã làm cha giải tội của thầy đoán ngay là Thấy Tịnh, và vì có lệnh đức cha cấm không được giải tội cho thầy, nên người bắt thầy phải về trình diện đức cha. Thế là Thấy Tịnh phải vâng lời.

Khi làm linh mục coi trường Kẻ Vĩnh, Cha Tịnh thường nói đến đời sống thánh thiện của học trò ngày trước: Đời ấy học trò sốt sắng, hay ăn chay cùng đánh tội các ngày thứ Sáu. Có kẻ ra vườn chè nguyện ngắm cả đêm, có kẻ mùa rét không nằm trên giường nhưng cời trần nằm dưới gấm. Đến mùa hè thì nằm trên giường chịu nóng bức. Khi bị bắt giam lần thứ nhất lúc còn làm thầy, Cha Tịnh viết thư về thăm

LM. VŨ THÀNH

các chú khuyen như: “*Tôi hằng cầu nguyện cho anh em được tập đi đàng nhân đức, được ở khiêm nhường, chịu khó hãm mình hãm xác thịt, được giữ lòng sạch sẽ, ở hòa thuận thương yêu nhau, mến sự học hành, nhất là kính mến Đức Chúa Giêsu trên hết mọi sự và trông cậy rất thánh Đức Bà cách riêng. Xin anh em nhớ cầu cho tôi được vững vàng theo thánh ý Chúa, được chịu khó cho đến giờ sau hết và được thắng trận toàn công*”.

2. Yêu mến và trông cậy Thánh Giá

Cha Thánh Tịnh có lòng trọng kính thánh giá ngay từ thuở nhỏ. Khi làm thầy đi giảng đạo ở Lào, trước khi tới nơi, thầy bị sốt rét giữa rừng nên phải nằm lại ngay lối hùm beo đi qua. Người bổ giúp việc sợ hãi thì Thầy Tịnh bảo ông đi chặt hai cây nữa làm bốn cây thánh giá cắm chung quanh rồi ngủ đêm. Sáng hôm sau chung quanh có vết chân hùm chằng chịt. Khi coi trường Kẻ Vĩnh, Cha Tịnh xin đức cha dựng thánh giá ở con đường đi bách bộ và gọi là đàng thánh giá. Thấy Triêm tức cụ Trần Lục phải lo tổ chức. Hôm lễ nghi dựng thánh giá, Thầy Triêm lo giữ trật tự, và xếp một quan viên vào việc vác thánh giá. Xong việc Cha Tịnh quở trách: “*Tại sao để bốn đạo vác thánh giá, lẽ ra người nhà thầy phải vác chứ, vì làm như thế người nhà thầy xem ra thẹn chẳng dám vác thánh giá Chúa Giêsu*”. Gần nhà trường có làng cùi và có nhà nguyện thánh giá. Cha Tịnh cũng đóng thánh giá và xin phép đức cha tổ chức vác thánh giá sang. Chính Cha Tịnh mặc áo dòng trắng vác thánh giá theo sau các chú hát Latinh, bốn đạo đọc kinh đi đàng thánh giá. Cha cho dựng thánh giá khắp nơi, giữa đàng, núi cảnh, nhà thờ thánh giá, bốn góc làng. Cha nói: “*Tôi dựng thánh giá này để anh em luôn sống trong sự tưởng nhớ đến Chúa Giêsu, Chúa chúng ta*.” Người viếng đàng thánh giá hàng ngày, ra viếng nhà thờ thánh giá mỗi thứ Sáu. Ngày lễ trọng người dẫn các chú đi viếng các nơi đã dựng thánh giá. Khi người giảng giải về thánh giá Chúa Giêsu dùng để cứu chuộc nhân loại và những ơn ích bởi sự suy ngắm thánh giá thì người nghe cảm động chảy nước mắt.

3. Lòng kính mến Đức Mẹ

Cha Tịnh sùng kính Đức Mẹ rất đặc biệt, mỗi ngày lần hạt và trước các ngày lễ Đức Mẹ người ăn chay. Cha thường bắt các chú hát bài Đức Mẹ là ngôi sao sáng soi lối cho kẻ vượt biển thế gian. Đến câu xin Đức Bà tỏ ra Đức Bà là Mẹ tôi thì bắt hát tới bốn lần.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Có một lần Cha Tịnh nói với thầy giảng: “Tôi có lòng kính mến Đức Mẹ hết sức, nhưng còn thiếu một điều mà Đức Mẹ bảo tôi đem vừa rồi là tôi không mang ảnh áo Đức Bà, vì thế tôi phải mang ngay.” Nói xong Cha Tịnh cắt vải nhưng một miếng nhỏ và bảo thợ may khâu lại và từ đó người mang luôn trong mình cho đến lúc chết. Khi khuyên các chú, cha nói: “Đức Bà chẳng có thể chuộc tội cho ta được, song những ơn Chúa ban cho ta thì lại qua tay Đức Mẹ. Cho nên chúng ta phải sốt sắng mà kêu xin với Đức Mẹ gìn giữ che chở cho. Có hai điều ta phải lo trước hết: một là kính mến Đức Chúa Trời, hai là kính mến Đức Bà. Nguyên sự kính mến Đức Bà thì đã đủ cho được rồi linh hồn, vì chừng ai kính mến Đức Bà thật lòng thì Đức Bà sẽ mở lòng cho người ấy kính mến Đức Chúa Trời nữa”.

4. Hãm mình phạt xác

Người nào có sự hãm mình là người có chí cao, có nhân đức phi thường, có lòng thanh sạch và là người thánh. Chẳng những Cha Tịnh hy sinh hãm mình mà còn chỉ bảo người khác cách thức hãm mình nữa. Một lần cha nói với Thầy Triêm tức cụ Sáu sau này: “Người Việt mình yếu sức không ăn chay được nhiều, vì nếu ăn chay thì không đủ sức làm việc. Khi trước tôi ăn chay nhiều nhưng bây giờ phải bớt lại.” Khi đi làm lễ cho nhà dòng ở Kẻ Ngưu cha cấm họ không được dọn cơm có thức ăn nhiều, chỉ nước mắm và sung mà thôi. Người bảo các bà: “Trong những năm tôi phải giam thì chỉ được ăn cơm với muối mà nhiều khi muối đất không có mà ăn nữa”. Cha Tịnh nhất mực chỉ uống nước bốn lần theo giờ đã định, lúc khác dù có khát cũng nhịn. Ai biếu bánh trái không bao giờ giữ ở trong phòng nhưng đem đi cho người khác, nhất là hay cho bệnh nhân. Xác thịt con người chẳng những là mê ăn uống mà lại còn mê chơi bời ngủ nghỉ nữa. Cha Tịnh quen thức khuya đọc sách, chỉ nằm giường ngủ mỗi đêm bốn năm giờ. Ban ngày không bao giờ ngủ, bắt mình phải làm việc luôn. Đi đâu cũng mang sách theo để đọc. Trí khôn không thông minh nhưng nhờ siêng năng đọc sách mà Cha Tịnh được khen là người thông thái nhất trong các cha Việt Nam từ trước cho đến bây giờ.

5. Siêng năng đọc kinh cầu nguyện cho các linh hồn và cho người ngoại trở lại

Cha Tịnh thường khuyên các chú năng đọc kinh cầu nguyện và dâng các việc lành, hy sinh để giúp các linh hồn ở dưới luyện tội. Mỗi tuần cha dâng một lễ cầu cho các linh hồn, trong thánh lễ bắt các chú hát bài *Dies Irae* tức là bài ca nói về ngày phán xét để giục lòng sốt sắng cầu cho các linh hồn còn phải giam phạt, nhất là cho ông bà cha mẹ mình.

Cha còn nói với các chú rằng: “*Người ta phần nhiều được trở lại đạo không phải do lời giảng khuyên cho bằng do lời cầu nguyện. Cho nên khi chúng con đi giảng đạo được nhiều người nghe trở lại, có thể trước mặt người đời họ là con cái chúng con, nhưng trước mặt Thiên Chúa họ là con cái của bố giữ cổng hay bà lão ăn mày, vì những kẻ ấy đọc kinh cầu nguyện cho kẻ ngoại trở lại, sốt sắng hơn chúng con. Anh em có siêng năng cầu nguyện cho kẻ ngoại trở lại thì khi họ nghe lời anh em giảng mà trở lại, đó mới đúng thực là con cái của anh em*”.

6. Nhịn nhục người khác và vui lòng chịu lụy bề trên

Cha khuyên các người ở trong nhà Chúa: “*Khi anh em xem lễ thì phải nhớ sự tế lễ, nhớ lại những sự thương khó Đức Chúa Giêsu đã chịu, nhất là trên cây thánh giá để giục lòng ăn năn tội và lòng kính mến trong giờ xem lễ. Lễ Misa là chính việc thờ phượng tạ ơn Đức Chúa Trời Ba Ngôi, nên lúc xem lễ thì phải chú tâm vào việc thờ phượng. Về sau trong chúng con có ai được làm linh mục thì phải ra sức làm lễ cho nghiêm trang sốt sắng. Muốn được như vậy phải nhịn người giúp lễ khi có điều gì quên sót... Về việc giữ luật nhà, phải giữ cả những điều nhỏ nữa vì khi trông vào một bức tranh, chúng con thấy ảnh vẽ nét càng nhỏ thì chúng con càng khen vẽ khéo vẽ đẹp. Đối xử với người khác muốn cho được mềm mại khôn ngoan thì phải nhịn và tôn trọng sự thật thà. Ban đầu thường nghe lời nói ngang tai khó nghe, nhưng có nhịn thì mới lấy lòng họ được và được lòng họ rồi thì họ mới nghe lời ta. Tỏ ra lý sự hơn người chỉ làm cho người bực tức hay chê cười mà thôi. Cũng đừng đặt tên gọi xấu cho nhau như anh khản sọ, chú tư rõ, kẻ không nhịn được mà sinh ra cãi cọ đánh nhau. Nếu muốn gọi nhau mà chơi thì tìm những danh xưng đẹp đẽ như ông cai, ông hương, ông lý... ai cũng thích*”.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cha Tịnh rất thương học trò, muốn học trò giữ luật để khỏi bị phạt nên khi phải đi khám xét thì đi giầy rất kêu để các chú nghe thấy mà thôi không lỗi luật nữa, nhưng chú nào cố chấp thì người phạt rất nặng.

Cha Tịnh làm gương trong việc phục tùng bề trên. Thấy giảng giúp việc đức cha nói: “*Tôi làm kẻ giảng giúp Đức Cha Liêu (Retord) hơn mười năm ở Kẻ Vĩnh đang khi Cha Tịnh làm bề trên trường Latinh thì thấy đức cha phạt Cha Tịnh luôn*”. Thường đức cha phạt người phải lần hạt hay cho tiền trại phong cùi, Cha Tịnh cúi đầu thi hành ngay, và tối đến người còn sang tạ ơn đức cha. Khi sửa phòng, Cha Tịnh chạm trở một chút cho đẹp liền bị đức cha quở: “*Cha xem nhà của đức cha đơn sơ mà nhà cha thì chạm trở trong thời cấm đạo ngặt nghèo được sao?*”

Lần khác Cha Tịnh dẫn học trò lên đức cha xin thưởng thêm, đức cha trách mắng: “*Cha nhẹ tính nhẹ dạ chỉ muốn lấy lòng học trò. Chớ thì chỉ có mình cha là người biết thương học trò, còn đức cha không thương các chú bằng cha sao?*”

Lần khác cha quản lý lên kêu với đức cha là cha bề trên Tịnh thương học trò mà không nghĩ đến việc chung. Đức cha gọi người lên phạt phải lần hạt. Cha Tịnh thưa lại: “*Lạy đức cha, đức cha giao cho con coi sóc học trò phần hồn phần xác, nếu không thương thì coi sóc học trò làm sao được?*”

Đức Cha dạy: “*Cha không những là mẹ mà còn phải là cha của các chú nữa*”.

Cha Tịnh cúi đầu đáp: “*Con xin hiểu, đức cha phải*.” rồi người đi lần hạt luôn.

LM. VŨ THÀNH

**Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của
QUAN MICAÊ HỒ ĐÌNH HY**

(bị bắt 8-11-1856, trảm quyết 22-5-1857 tại Huế)

Một người làm quan lớn lại có lòng thống hối như quan thái bộc Hồ Đình Hy đã để lại một tấm gương thánh thiện và hết lòng vì đạo cho đến giọt máu cuối cùng. Người thường nói với vợ: *“Tôi đây rẫy những tội lỗi, dù nước sông nước nguồn có từ khắp nơi chảy về cũng chẳng đủ rửa tội tôi cho sạch. Tôi phải đổ máu ra mà rửa tội tôi thì cũng còn sợ chẳng biết cân xứng không”*. Chúa đã dành cho người, một tội tở trung tín, gia nghiệp Nước Trời và cho người thẳng trận về vang đi vào như một viên dưng tướng.

Quan thái bộc sinh năm 1808 tại Nhu Lâm, tỉnh Thừa Thiên trong gia đình Công Giáo đạo đức và có tước vị. Người là út trong số năm anh chị còn sống. Người có trí thông minh và học tài nhưng lại không gặp vận nơi trường thi nên bị rớt. Tuy nhiên các quan mền tài, cho người làm chức thơ lại trong bộ công. Năm 20 tuổi, vị quan trẻ tuổi lập gia đình với Luxia Tần, một cô thiếu nữ Công Giáo đạo hạnh làng Sơn Công. Hai người hết lòng thờ Chúa, yêu thương nhau và dạy dỗ ba người con, trong đó có linh mục Thánh. Vì được tập rèn đức tính cao quý trong đạo, ông quan trẻ tuổi được tin tưởng và thăng chức quan dần dần. Vua đã sai ông đi lo việc ở Phú Yên và mua hàng ở Singapore. Sau cùng được cử làm quan đứng đầu trông coi việc dệt tơ lụa, trông coi các từ đường, tước vị thái bộc và làm quan đến tam phẩm.

Khi giữ chức lớn trong triều, ông không thể tránh hết những điều sai lỗi như phải tham dự các việc cúng tế, sa sẩy việc giữ đạo, vợ nọ con kia. Nhưng chỉ trong ba năm, quan Hồ Đình Hy đã thống hối, giữ các lễ luật và còn siêng năng tập luyện nhân đức qua việc đọc sách thiêng liêng và suy gẫm. Nhờ đó lòng đạo đức và lòng bác ái đã thôi thúc người làm nhiều việc giúp người khốn cùng, đặc biệt có lần người đã đem cai đội Khiêm, một người hút thuốc phiện đến độ thân thể tàn tạ xông mùi hôi hám, về nhà riêng để săn sóc. Chính người bưng cơm, dọn giường và giặt quần áo cho người lính xấu số này cho tới khi anh ta chết. Tuy làm quan, nhưng người chỉ coi đó là việc để có thể giúp đỡ giáo hội. Người không dám nhận bằng làm trùm và làm kẻ giảng phục vụ giáo hội. Trong thời cấm đạo ngặt

DÒNG MÁU ANH HÙNG

người vẫn không sợ hãi việc đón tiếp các thừa sai, dùng nhà mình làm nơi hội họp trong tuần thánh. Khi biết con mình muốn đi tu, người vui mừng dâng con cho Chúa không sợ tai tiếng với đời. Đã nhiều lần người muốn từ chức quan để dễ dàng phục vụ Chúa hơn, nhưng vua Tự Đức tin tưởng không cho người từ chức.

Thế nhưng chốn quan trường có nhiều đố kỵ ghen tuông tránh sao cho hết. Trong lúc vua và triều đình cấm đạo thì giữ đạo là một cơ cho người khác tố cáo làm hại. Có một quan tên là Phạm Y đến lãnh vải nơi quan thái bộc Hy, đòi cho được thứ vải tốt vượt mức phẩm hàm nên bị từ chối, ông để lòng hiểm thù, họp bàn với mấy quan khác để tìm cách hãm hại quan Hồ Đình Hy. Ngày 8-11-1856, các quan này dâng sớ tố cáo quan thái bộc với vua Tự Đức. Cũng là quan nên những người này tìm những lời ghép tội cho địch thủ phải chết. Họ buộc tội cho quan thái bộc là liên lạc với người Pháp đang rình rập đánh chiếm Cửa Hàn.

Lời buộc tội viết: *“Chúng tôi làm quan thanh tra nhà nước cả đám tâu vua về một người có đạo Giatô. Chúng tôi nghĩ rằng đạo ấy là đạo tà, từ xưa đến nay Đức Vua đã ban nhiều sắc chỉ cấm ngặt. Mới đây Đức Vua ra đạo dụ cho các quan và dân phải bỏ đạo tà mà về với chính đạo. Chúng tôi đã truy ra có quan Hồ Đình Hy vẫn tiếp tục giữ đạo. Bề ngoài làm quan vàng giữ luật nước, nhưng khó biết được thâm ý bên trong... Lại có chuyện khác nữa là nhiều tầu Pháp đậu ở ngoài khơi gần Cửa Hàn. Họ đã làm nhiều điều khiêu khích khiến các quan lớn nhỏ đều tức giận. Hằng ngày Đức Vua bàn bạc dậy chúng hạ thần phải phòng giữ, các quan cũng hội họp bàn cách đuổi họ đi. Rủi thay có quan Hồ Đình Hy đã rõ các điều ấy đưa tin cho quân Pháp mọi rợ. Phận việc chúng tôi phải xem xét nên chẳng dám ngồi yên thình lạng. Xin Đức Vua cất chức, giam kỹ lưỡng và đem ra tòa để xử hầu tránh hiểm họa sau này”*.

Quả thực lúc ấy các thương gia Pháp thắng thế đang đẩy mạnh công cuộc chiếm đất, đã cho tầu Catinat và Capricieuse đến Cửa Hàn (Đà Nẵng), nên Vua Tự Đức tin ngay lời buộc tội của các quan, hạ bút phê: *“Các quan thanh tra nhà nước đã làm việc bốn phận tử tế. Nay Trẫm cất mọi chức tước ông Hồ Đình Hy. Trẫm cũng truyền lệnh bắt giam vào ngục. Quan thượng bộ hình phải lo xét xử và tường trình cho Trẫm”*. Ngay hôm đó, khoảng giữa trưa quân lính đến vây nhà và bắt quan Hồ Đình Hy. Quan cai đội ngầm báo cho biết chuyện này

LM. VŨ THÀNH

đi không về nên bảo mang quần áo theo. Khi ra khỏi nhà, quan thái bộc dặn người lính hầu trở lại bảo vợ trốn đi vì biết thế nào các quan cũng cho lệnh bắt. Quan Hồ Đình Hy vào tới cửa Hiếu Nhơn liền bị bắt trói lại và dẫn đến trước mặt các quan. Các quan truyền lệnh lột chức, đóng xiềng và giam vào trong ngục Trấn Phủ.

Ngày hôm sau, 9-11, các quan chính thức tra xét và bắt người làm lời khai. Người khai như sau: *“Tôi 53 tuổi, người làng Nhu Lâm. Cha mẹ có đạo, đã cho tôi đi học chữ Nho từ thuở nhỏ. Năm Minh Mệnh thứ bảy (1826), tôi được vào làm trong Bộ Công giúp việc nhà nước ba mươi mốt năm, sau được Vua thương ban quan tước tam phẩm, tước thái bộc giúp việc nhà Vua Đạo cha ông tôi vẫn giữ trong lòng. Năm ngoài có sắc lệnh Vua cấm, tôi giả đồ bề ngoài để che giấu, nhưng thực sự không bỏ đạo và cho tới hôm nay tôi vẫn cương quyết giữ đạo”*. Người còn khai thêm tên tuổi người vợ và người con trai tên Giảng (tức cha Thính sau này) 17 tuổi, còn ngoài ra các linh mục và người có đạo thì người khai không biết gì.

Vua Tự Đức bắt các quan phải tra xét cho kỹ từng chi tiết của lời khai trên. Ngày 10-11 các quan điệu người ra đánh bầy đòn roi móc thật dữ tợn và bắt làm lại lời khai. Quan thái bộc vừa phần hoảng sợ vừa phần bầy vẽ mưu lược viết lại lời khai với một số chi tiết nửa thật nửa sai có ý làm cho vua quan sợ hãi họa người Pháp mà tha đạo: *“Tôi là người Công Giáo, chỉ biết có một linh mục Oai ở Đá Môn, Xứ Quảng, thường đến tỉnh này để dạy dỗ tân tòng. Linh mục thường ghé ở nhà bà Vệ, làng An Vân, huyện Hương Trà. Tôi đến thăm linh mục đôi ba lần mỗi năm. Năm vừa rồi tôi nghe cha nói lệnh vua cấm đạo làm cho việc cử hành các bí tích gặp khó khăn nên đã viết thư qua Âu Châu xin người Pháp giúp đỡ. Tối năm nay khoảng tháng 9 khi tôi nghe có tàu Pháp đến, tôi tìm gặp linh mục và được nghe biết thêm linh mục nhận được thư từ bên Pháp loan báo không sớm thì muộn sẽ sang cứu giúp. Những tàu này như mọi người đã biết họ đến để xin tha đạo và tự do buôn bán, nếu không được như lời xin, họ sẽ trả thù”*.

Sáng hôm sau, 11-11, người bị tra tấn và bắt khai thêm về trường hợp người con lên trốn đi ngoại quốc với thừa sai. Lần này người khai là năm Tự Đức thứ bảy (1854), con ông tên Giảng được linh mục Oai dạy dỗ và gửi đi Singapore học thêm. Tháng ba vừa rồi Cha Oai có trao một lá thư của người con cho biết đã tới bình yên. Trong thư người con cho biết đang học với Đức Cha Lefebvre và còn cho

DÒNG MÁU ANH HÙNG

biết tầu Pháp sẽ đến xin cho tự do đạo và buôn bán. Cha Oai cũng xác nhận tin tức này. Các quan còn bắt người khai tên những quan có đạo khác. Người trót lỗ khai tên năm vị quan và năm người họ hàng. Vì thế các quan bị bắt. Chỉ trừ có vợ con của người và Cha Oai trốn thoát được. Đức Cha Sohier khi viết tường thuật cuộc bắt và tử đạo của quan thái bực đã cho biết quan thái bực phải khai như thế vì sự kiện tầu Pháp đến cửa Thuận An và người con của mình đi ngoại quốc đã lộ ra nhiều ở kinh đô. Cha Thánh, con của người, cho biết thêm lý do quan thái bực kể tên mấy người có đạo vì bà Vệ đã già, viên thơ lại là người Công Giáo có thể báo cho các quan có đạo trốn đi dễ dàng. Cùng ngày hôm ấy lính bắt được một người đưa thư. Một bầu khí hoảng sợ bao trùm các họ đạo, linh mục phải trá hình trốn tránh các cuộc lùng bắt.

Ngày 15-11, lệnh của Vua kết án: *“Hố Đình Hy là người cố chấp theo tà đạo mặc dù đã được ban phẩm hàm, tội không thể tha, vậy phải canh giữ cẩn mật. Các quan khác và những người bị bắt cũng phải canh giữ cẩn thận cho đến khi xét xử xong. Về phần giáo dân, mặc dù mù quáng theo tà đạo, nhưng vẫn là con dân trong nước, đáng hưởng lòng khoan hồng. Trẫm thương cho sự mù quáng và không muốn đổi xử hà khắc. Từ nay không được bắt bớ thêm người nào nữa, hãy để cho chúng có đủ thời giờ hối cải trở về nẻo chánh”*. Sắc lệnh trên đã trấn an được dân chúng tuy nhiên đã có hai mươi bốn người bị bắt và lệnh lùng bắt Cha Oai vẫn được lập đi lập lại. Có bốn quan, tức là người cháu của quan thái bực Hy và lý trưởng An Vân, đã chịu đập ảnh và chối ngay mình không phải là Công Giáo. Quan thái bực hối hận vì lời khai bắt cần của mình, đã xin lỗi những người họ hàng và các quan bị bắt vì lời khai, nhưng mấy người này giận dữ chửi rủa quan thái bực không tiếc lời. Chính quan thái bực dù bị tra tấn vẫn không bao giờ chối đạo. Trong tù, quan đã được linh mục đến giải tội và cho rước lễ. Nhờ đó người có sức chịu mọi nỗi khổ về thể xác và nỗi dằn vặt lương tâm vì đã khai tên đồng đạo.

Tết năm 1857 thật bi thảm, vua cấm mọi thứ trò chơi đầu năm. Đến ngày 22-2 quan thượng bộ hình cho đòi các tù nhân Công Giáo ra tra hỏi lại về âm mưu của linh mục Oai. Ông Antôn Công, lý trưởng làng An Vân trước đây chối đạo được dịp chuộc lại lời khai như sau: *“Lần trước vì sợ hãi mất hồn tôi đã phạm tội bước qua thập tự, hôm nay tôi cương quyết không tái phạm”*. Thế là ông bị đánh tàn nhẫn. Các tù nhân trả lời không biết gì về những lời khai của ông Hy. Ông

LM. VŨ THÀNH

Lý Công bị đánh tám roi móc, ông đội Stêphanô Loé tám roi, ông Philip Xuân mười roi, ông Gioan Quang mười hai roi, bà Mađalêna Ho, chị linh mục Oai, hai roi. Các tù nhân Công Giáo còn bị tra khảo năm lần nữa. Riêng ông Hy ngày 5-3 bị đem ra trước tòa bắt nhận tội âm mưu với linh mục Oai và có liên lạc với người Pháp, ông bị đánh sáu roi. Bốn ngày sau ông lại bị tra khảo với mười roi và bắt tiêu xưng tên các linh mục ở những nơi khác. Ông Hy cương quyết trả lời rằng không biết ai khác.

Nghe tin các quan sẽ bắt ông Hy khai lại nữa, Đức Cha Sohier gửi thư cho ông bắt ông phải khai lại cho đúng và lựa lời mà khai không tiết lộ ai khác. Khi nhận được thư ông rùng mình sợ hãi vì những roi móc và tra tấn đang chờ đợi. Ngày 17-3, tất cả các tù nhân bị điệu ra trước tòa án để luận án và không tra khảo gì thêm. Riêng bà Mađalêna Ho bị gọi riêng ba lần khác và bị đánh mười bốn roi móc mà vẫn can đảm chịu, không nói một lời.

Ngày 30-4, các quan kết thúc với bản án sau cùng: *“Sau khi đã lấy lời khai đầy đủ chúng tôi xét như sau, dựa trên những sắc lệnh cấm đạo đã ra và chúng tôi xin hoàng đế duyệt xét. Tên Hồ Đình Hy, quan tam phẩm, cả lòng theo tà đạo, vẫn không chịu từ bỏ khi thời gian khoan hồng đã hết, hơn nữa còn đồng ý cho linh mục Oai đem con trai ra nước ngoài sang Singapore, và đến gặp linh mục này nhiều lần. Hắn đã thú nhận. Còn về việc liên lạc với người Pháp, chúng tôi đã tra khảo nhiều lần nhưng hắn vẫn một mực chối không có. Vì chưa bắt được linh mục Oai nên hắn có thể chối như vậy và đổ lỗi cho một mình linh mục. Cần phải áp dụng hình phạt tội phiến loạn...”*

Sau khi trích lại sắc lệnh về hình phạt cho tội loạn nghịch, các quan nhắc đến lệnh cấm đạo và bắt các quan, binh sĩ phải bỏ đạo trong sáu tháng, các quan đề nghị hình phạt sau đây phải áp dụng cho quan thái bộc và các tù nhân Công Giáo: *“Phải chém đầu Hồ Đình Hy ngay, còn hai mươi mốt người vừa bà con vừa quan lại, dù không có đồng lõa, nhưng có tội vì theo đạo Giatô và không chịu xuất giáo. Chúng là một đám người bất trị cần phải khắc chữ vào má và đi đây tận cùng đất nước, xa các cửa biển và trong nhiều nơi khác nhau”*.

Tiếp đến, các quan trích luật khoan hồng cho những người trên 70 tuổi như bà Lê Thị Vệ, Trần Hữu, Lê Văn Tuynh, Đặng Văn Ngôn gán đất xa trời, truyền giao cho lý trưởng canh chừng. Còn bốn quan

DÒNG MÁU ANH HÙNG

chối đạo và đã dâng hương thì truyền tước đoạt chức tước. Bốn người khác khai mình đã bỏ đạo từ lâu thì đánh 100 gậy và răn phải bỏ đạo rồi cho về nhà. Các quan cũng ra lệnh bán tài sản của quan Hồ Đình Hy. Ngoài ra các quan tỉnh Thừa Thiên ra lệnh lùng bắt vợ con của quan thái bộc, linh mục Oai và sáu người khác.

Ngày 1-5, vua Tự Đức phê chuẩn án và dạy phải thi hành như sau: *“Hồ Đình Hy trước làm thơ lại, sau lần lần lên được phẩm hàm quan lớn. Nó cả lòng khinh mạn luật nước và theo tà đạo mà chẳng cải quá tự tâm. Nó lại lén lút cho con đi học ở Singapore. Nó năng đi lại với linh mục Oai nói về tâu Tây. Thật là một tên vong ân bội nghĩa hai lòng, tội nó đáng chết ngàn lần. Vậy Trẫm truyền phải xử trảm để nêu gương cho kẻ khác thấy mà sợ. Trẫm truyền cho năm quan và mười lăm tên lính điếu nó đi qua các ngã đường, nơi đông người trong thành nội ba lần, cách khoảng nhau ba ngày. Tại mỗi nơi phải rao to tiếng rằng: Hồ Đình Hy là tội nhân theo đạo Giatô tà đạo, cả lòng làm nghịch cùng chẳng có lòng thảo kính cha mẹ lại bất tuân luật nước, Hoàng Đế xử phải trảm quyết. Những người có đạo cả quyết rằng chết như vậy sẽ được lên Thiên Đường. Chúng ta hãy xem coi có thật chăng. Điều đó không ai biết, chỉ biết rằng Hồ Đình Hy bị khốn khổ mà nào Giêsu ở đâu không đến cứu nó. Trẫm truyền rao như vậy khắp mọi nơi hầu mọi người biết theo tà đạo là điều vô ích. Tại mỗi ngã ba đường phải đánh nó 30 gậy. Sau khi đã điếu như vậy đủ ba lần thì đem chém đầu làm gương”.*

Ngày 15-5 các quan thi hành lệnh trên lần thứ nhất, người bị đánh đòn tại hai nơi cả thầy sáu chực gậy. Ngày 18 và 21 người cũng bị dẫn đi và đánh như thế. Trong thời gian này người cũng được an ủi rước lễ do Cha Thành và Cha Hành đưa đến. Tới ngày 22-5-1857 là ngày xử nhưng không quan nào nhận trách nhiệm, mãi đến trưa mới có quan chịu dẫn 100 lính đem ra chợ An Hòa xử tử người. Mới nghe tiếng chiêng trống người sợ hãi toát mồ hôi nhưng rồi trấn tĩnh lại. Theo qui ước hễ thấy người làm dấu thì linh mục ở giữa đám đông sẽ ban phép giải tội, bởi vậy cứ thỉnh thoảng người lại làm dấu để mong cha trông thấy. Dân chúng theo sau thì thảm: *“Nào người này có phạm tội gì đâu, không trộm cắp hay bớt xén công quỹ, thật chỉ vì giữ đạo Thiên Chúa mà phải khổ sở”.* Qua khỏi cầu An Hòa quan cho dọn cơm như thói quen cho các tử tù nhưng người không ăn và xin quan xử ngay tại đây chứ không cần phải đi đâu xa nữa. Người đưa mắt nhìn chung quanh thấy có Cha Hành liền làm dấu thánh giá. Người

LM. VŨ THÀNH

lượng nói với nhau rằng ông ấy đang tìm người nhà. Sau ba lần làm dấu thánh giá, ông Duyên hiểu ý, vỗ vai Cha Hành để chỉ cho thấy. Lúc này người yên trí, rút từ trong túi áo ra lời khai mới để đưa cho quan giám sát nhưng chẳng còn ai quan tâm đến nó nữa. Người hút một điếu thuốc rồi quì trên tấm chiếu trải dưới đất, tựa tay vắn tóc sửa áo còn lính thì trói tay người ra đằng sau để sửa soạn chém. Người xin một phút để cầu nguyện và làm dấu thánh giá lần sau cùng và nói việc tôi đã xong. Sau ba tiếng chiêng, đao phủ vung gươm chém, nhưng hấp tấp chém hụt lên tai và một bên hàm răng khiến máu chảy lai láng và đau đớn đến nỗi người ngã người ra, tên đao phủ chém lần thứ hai đầu người mới dứt hẳn, đưa linh hồn người chiến sĩ dũng cảm về linh triều thiên tử đạo.

Sau khi xử, mọi người rút lui chỉ còn lại mấy người giúp việc cũ và một số người thợ dệt cảm ơn nghĩa cũ đã sản sóc trong thời gian bị giam, bây giờ thu gọn thân xác vị anh hùng tử đạo đem về chôn tại họ Phủ Cam. Còn những bạn Công Giáo xung đạo, mười bảy người, bị quan gọi lên khắc hai chữ tả đạo vào má hóm 19-5, bốn người già được tha về. Đến ngày 27-7, những người bị lưu đày vì đạo xuống tàu đi đến nơi chịu án. Tàu chở họ gặp bão. Ông Anrê Liêu chết khi vừa tới Bắc Việt. Trong khi đó một quan cai đội khác đã tổ giác mười bốn lính Công Giáo, họ cũng bị khắc chữ vào má và đem đi đày. Họ đạo An Vân bị tan nát và tiếp tục bị lùng bắt...

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của THẦY PHÊRÔ ĐÀO VĂN VÂN

(bị bắt tháng 11-1856, xử trảm 25-5-1857 tại Sơn Tây)

Giao dân Bắc Việt mỗi khi muốn khen thầy giảng nào nhân đức họ thường nói: “*Ông này nhân đức như ông Cai Vân*”. Khi về già, người phải chống gậy và móm răng nên giáo dân Bầu Nọ còn gọi người là ông già móm Vân.

Thầy Đào Văn Vân sinh năm 1780 tại làng Kê Cói, xứ Kê Sông, tỉnh Hà Nam. Khi còn bé người ở với Cha Thi và học chữ Nho rồi vào trường Latinh, đến năm 25 tuổi được làm thầy giảng. Các nhân chứng không biết trong thời kỳ này người ở những đâu, chỉ biết những năm cuối cùng người giúp Cha Lý và làm thầy cai ở Bầu Nọ.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Từ khi làm thầy cai ở xứ Bầu Nọ, cha xứ thường đi vắng làm phúc, trao toàn quyền cho thầy coi sóc các thầy giáo và mười tám chú học trò. Những người cùng ở với Thầy Vân quả quyết rằng thầy rất đạo đức, hiền lành, siêng năng làm việc dù đã có tuổi. Bốn đạo khi thấy thầy già ngoài 70 tuổi còn ra ngoài đồng thì can, nhưng thầy nói: *“Bốn đạo vất vả chân lấm tay bùn, dầm sương giãi nắng, gồng gánh xa xôi, ta làm một chút gọi là đỡ cho họ”*. Vì thế mọi người còn khen lòng bác ái thương người của thầy. Thấy ai khốn khó Thầy Vân đem tiền của đến tận nhà họ để giúp. Ngoài ra Thầy Vân năng đi thăm kẻ liệt, khuyên bảo và đọc sách giúp họ. Các ngày lễ cả, thầy xuống cất nghĩa giáo lý cho các bà dòng. Trong tuần đại phúc thầy dạy dỗ các học trò nam nữ.

Thầy làm cai cho đến năm 76 tuổi vì lẫn cấn mới thôi việc và lưng đã khòm phải chống gậy. Như hoa trái chín tới, Thiên Chúa thưởng công bằng triều thiên tử đạo. Lý trưởng làng Bầu Nọ tên là Tương, ngoại đạo, hòa với một người Công Giáo tên Hường ăn gian thuế của dân rồi không có tiền trả lại. Quen thói, những người này đến nhà xứ nói khó với Thầy Vân, nhưng Thầy Vân muốn cho họ bài học để sửa trị thói xấu nên từ chối không giúp đỡ. Đến tháng 11 bọn này tính kế nộp nhà đạo để lãnh thưởng, đã lên báo cho quan phủ Lâm Thao rằng tại Bầu Nọ có đạo trưởng và đạo quán. Quan liền cho binh lính tới vây. Mới tới Vĩnh Mộ quan nghe nói có một tướng tên Hán, người Công Giáo ở Hà Nội mới về nên ngại không đi nữa, chỉ bảo hai tên Tương và Hường mang đầy tớ đi mà đánh, lấy trộm kho thóc. Tướng Hán biết được liền cho đánh trống dân làng đến nhà xứ Bầu Nọ để bảo vệ. Các thầy và các chú đã chạy trốn, nhân dân không bắt được hai tên phản nghịch nhưng lấy lại được các đồ đạc.

Thầy Vân trốn được ba ngày thì nghĩ đến trách nhiệm cha xứ giao, mới có não động đã sợ hãi bỏ chạy thì nghĩ ngợi, liền trở về xem sao. Mới về tới làng Tiên Cát Thầy Vân gặp mặt Lý Tương và tên Hường liền bị bắt trói đem nộp cho quan phủ. Được tin, dân chúng cử ba vị quý chức lên lo liệu, đồng thời ở nhà rờ nhà thờ và nhà dòng để tránh quan quân xâm phạm. Ba vị quý chức lên lo liệu ở phủ lại bị bắt giam và phải chuộc mười lạng bạc. Hai tên tố giác khai với quan rằng Thầy Vân là đạo trưởng. Phần Thầy Vân bị bắt với một chú bé mới có 12 tuổi tên Thịnh, sợ chú phải khổ nên thầy dạy chú khai rằng: *“Tôi theo thầy, thầy đi đâu tôi đi đấy không biết nơi nào mà khai”*.

LM. VŨ THÀNH

Mấy ngày sau khi bị bắt, quan cho đem Thầy Vân ra hỏi cung. Thầy Vân thưa: “*Bẩm quan lớn, tôi đã bỏ thế gian từ thuở nhỏ nên không rõ quê quán, nghe nói đâu ở gần Lý Nhân phủ, còn những nơi đã đi thì tôi nay ở chỗ này mai ở chỗ khác khắp cả tỉnh Sơn Tây. Với lại từ khi cấm đạo, ai có lòng mời thì tôi đến*”.

Quan lại hỏi đến các đạo trưởng, Thầy Vân thưa: “*Chúng tôi không được biết các đấng ở đâu, còn tôi không phải là đạo trưởng mà chỉ là người giúp việc*”.

Quan không tin, cho rằng đi tu tới 77 tuổi mà không được làm đạo trưởng, Thầy Vân cứ thành thật thưa: “*Quan lớn thương gọi tôi là đạo trưởng là do lòng tốt của quan, còn tôi không dám nhận vì không phải*”.

Quan lại khuyên người: “*Thôi ông đã già khụ khị rồi, đừng gan liều khổ, chối đạo đi tôi cho về*”.

- “*Bẩm quan, chúng tôi thờ phượng Đức Chúa Trời và thánh giá là hình tượng Người, chúng tôi không khi nào dám đập, sống chết chúng tôi cũng không bỏ đạo*”.

Các quan cứ ép Thầy Vân nhận là đạo trưởng để họ có tiếng với triều đình, nhưng thầy nói thật không dám nhận điều không có. Thầy Vân bị giam ở phủ Lâm Thao bốn tháng rồi bị các quan làm án là đạo trưởng và giải về tỉnh Sơn Tây. Trong thời gian bị giam ở đây, bốn đạo sợ không dám đến thăm, chỉ có Cha Liêm lén đến giải tội và một người giáo dân là ông Giáp mang Minh Thánh Chúa đến cho thầy.

Bản án của thầy như sau: “*Chúng tôi đã theo lễ luật mà tra hỏi tên tù này. Nó tiêu xưng rằng quê quán nó ở Do Hai, tỉnh Hà Nội, tên là Đào Văn Vân. Cha mẹ chết sớm, vợ con không có. Có đạo trưởng nhận nuôi và dạy chữ nghĩa cùng nghề làm thuốc. Nó đi khắp hang cùng ngõ hẻm, trên rừng dưới sông, để bán thuốc kiếm ăn và đồng thời truyền bá đạo Giatô. Bị bắt nó không nhận là làm đạo trưởng mà chỉ làm thầy. Nhưng nhiều lần chúng tôi bắt ép đập ảnh chối đạo nó nhất định không nghe và còn nói là muốn chết hơn là bỏ đạo tà theo lệnh Vua. Thật là cố chấp, đúng là đạo trưởng chứ không sai. Sau nó không dám chối nữa. Vậy chúng tôi xét phải theo luật pháp mà kết tội xử chém ngoài đồng*”.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Quan đầu tỉnh Sơn Tây tin theo lời quan phủ, phê vào đơn và đệ trình về triều đình. Trong hai tháng trời chờ đợi ở nhà giam Sơn Tây, Thầy Vân được Di Phước Ân và một chị trẻ tên là Hợp đi lạc quyền giúp đỡ người, vì Cha Lý không có gì để giúp. Số tiền quyền góp được giao cho ông cai Vải để lo cơm nước. Tối ngày 25-5-1857 án của triều đình về tới tỉnh với lệnh: *“Tên phạm Đào Văn Vân là đạo trưởng Giatô. Nó quyết chí thà chết hơn là chối đạo. Đúng là một tên cố chấp, án nó phải thi hành ngay không được khoan giãn. Vậy tên Đào Văn Vân phải chém ngay, không cần chờ lệnh nào khác”*. Sáng hôm đó 50 người lính mặc áo giáp cầm giáo theo lệnh quan giám sát ngồi trên voi, áp giải Thầy Vân ra pháp trường thọ hình. Họ ra khỏi thành ở cửa Tây và đi về phía chợ Nghệ. Thầy Vân hiên ngang đi với nét mặt tươi vui nhưng vì già lão không đi nhanh được nên bị hai tên lính cầm đầu gông đẩy đi, và một tên khác buộc giầy vào cổ mà lôi. Tối cánh đồng đám lính dừng lại làm thành vòng tròn vây Thầy Vân ở giữa. Giáo dân tên Thông mua một tấm chiếu trải xuống đất cho thầy quì. Lính đao phủ hồi hải tháo gông, cột tay thầy ra đằng sau vào cọc. Thầy Vân ngẩng mặt nói: *“Tôi đã ngót 80 tuổi đầu, tôi không sợ chết mà trốn đầu. Các quan chém đầu tôi xin chịu, chỉ xin các anh thư thả cho tôi một chốc để cầu nguyện”*.

Sau một lúc người chiến sĩ đức tin ra hiệu đã sẵn sàng. Lính đao phủ nhẩy múa rồi chém vào cổ, nhưng hấn vụng về phải chém tới nhát thứ ba mới dứt. Hấn tung đầu lên thật cao cho quan xem thấy rồi để mặc đầu rơi xuống đất, và nhập hàng với lính đi về tỉnh. Mấy người có đạo cùng với bà Ân lấy vải thấm máu và bó xác lại chôn ngay tại pháp trường, có chôn một tảng đá để làm dấu. Sau này hai ông Tam và Mão bốc hài cốt đem về chôn tại nhà mình cho đến khi bình yên thì chôn ở trong nhà thờ của họ.

Tên lý Tương ra tay bắt Thầy Vân sau này bị quan đầu tỉnh chém ở bờ sông vì tội theo giặc, còn chính quan phủ Lâm Thao làm án tử cho Thầy Vân thì được thăng chức tổng đốc Hưng Yên, nhưng rồi năm 1873 không giữ được thành phải bắt giam và đày ở Bạch Bát. Ông quan này thú nhận rằng vì mình làm án bắt công cho người vô tội mà phải trừng phạt như vậy.

LM. VŨ THÀNH

**Cuộc Xung Đao & Tử Đao của
ĐỨC CHA GIUSE DIAZ SANJURJO (AN)**

(bị bắt 21-5-1857, xử tử 20-7-1857)

Ngày 12-9-1845, Cha Giuse Maria Diaz Sanjurjo từ Macao đặt chân tới Yên Trì và đến địa sở của Cha Rivas rồi tới nơi trú ẩn của Đức Cha Hermosilla. Sau cùng ngày 17-12 cha đến nhiệm sở Lục Thủy là chủng viện hiện có Cha Marti và Alcazar. Tại đây cha học tiếng Việt và được đặt tên là An, vì cha đến vào lúc đạo Công Giáo không bị bắt bớ. Nhiệm vụ của cha là đào tạo các chủng sinh lên chức linh mục.

Vị thừa sai trẻ tuổi sinh năm 1818 tại Suegos, Tây Ban Nha. Năm 24 tuổi, người nhận áo dòng Đaminh ngày 23-9-1842 và lên đường đi truyền giáo ở Philippines, tới Manila 1844.

Tới Việt Nam, Cha An dồn hết nỗ lực vào việc huấn luyện chủng sinh ở Lục Thủy. Đến năm 1847 làng Lục Thủy bị lương dân bao vây để bắt đạo trưởng Âu Châu nộp cho quan lãnh thưởng, Cha An phải trốn chạy lên Cao Xá và tiếp tục dạy học.

Năm 1849 cha được chọn làm giám mục phụ tá cho Đức Cha Marti khi Tòa Thánh thành lập địa phận Bùi Chu. Ngày 5-4-1849 cha được thụ phong Giám Mục và năm sau người giao chủng viện lại cho Cha Sampedro để bắt đầu các cuộc thăm viếng mục vụ từ Hưng Yên.

Ngày 26-4-1852 người di chuyển về Bùi Chu khi được tin Đức Cha Marti qua đời tại Hồng Kông. Không bao lâu một ngọn lửa đã thiêu rụi tòa giám mục ra tro, Đức Cha An can đảm nói như ông Gióp: *“Thiên Chúa đã ban, Thiên Chúa cất đi. Ngợi khen Người”*.

Trong thời kỳ ấy ở ngoài Bắc có nhiều vụ nổi loạn, đức cha đã thẳng thắn nghiêm cấm giáo dân tham dự mặc dù những người nổi loạn thường hứa cho tự do giữ đạo. Quan tổng đốc Nam Định Nguyễn Đình Tản là người đã được Cha Tịnh chữa khỏi đau mắt nên có nhiều thiện cảm và bao che cho các làng Công Giáo, cũng vì vậy mà trong Nam Định không có loạn lạc. Tuy nhiên từ khi có tàu Pháp đến gây hấn năm 1856 thì thái độ của quan thượng đối hẳn, ông triệt để thi hành lệnh của triều đình. Tỉnh Nam Định lại là nơi có nhiều cơ sở đạo của các cha Dòng Đaminh cũng như hội thừa sai

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Paris. Quan khâm sai của triều đình đến vào lúc có cuộc tố giác các linh mục ở Kẻ Vĩnh khiến Cha Tịnh bị bắt và triều đình đã khép án tử hình.

Ngày lễ Thăng Thiên, 21-5-1857 quân lính trên tỉnh về bao vây Bùi Chu bắt được Đức Cha An và mấy vị quý chức, đóng gông giải về tỉnh. Các quan còn mở cuộc hành quân mấy lần nữa để tìm bắt bốn thừa sai ngoại quốc đã bị tố giác.

Khi quan thượng bao vây Bùi Chu, đức cha được một người báo tin trước để cất giấu các đồ đạo và đi trốn, nhưng người đưa tin đến nơi thì lính đã vây kín làng. Đức cha trốn trong một nhà người lính Công Giáo, ông này quen thân với một quan đội có mặt trong đám lính vây làng nên không ai đến lục soát chỗ đức cha trốn. Quan chỉ huy đã muốn lui binh nhưng người tố giác vì sợ bị phạt là tố cáo xằng bậy nên đã năn nỉ quan lãnh binh lục soát lần nữa vì chắc chắn có thừa sai trốn ẩn trong làng. Lần này thánh ý Chúa muốn ban triều thiên tử đạo cho đức cha nên lính đã phát giác và bắt trói đức cha ở ngoài vườn. Còn nhà đức cha bị tịch thu hết các đồ đạo.

Đức cha bị tra khảo nhưng cương quyết chỉ tuyên xưng đức tin Công Giáo nên bị các quan giam vào trong ngục không ai được đến thăm. Trong hai tháng, một linh mục đã trá hình đến ban bí tích cho đức cha ba lần. Ban ngày đức cha phải đeo gông và xích, ban đêm phải cùm chân, nhưng trong thư gửi cho các bạn, đức cha viết: *“Tâm thần tôi vui sướng và hy vọng được đổ máu mình hòa lẫn với máu châu báu của Chúa Cứu Thế đã đổ ra trên Calvario tẩy sạch các tội khiên. Tôi trông cậy vào lời cầu nguyện của anh em để được ơn can đảm và bền chí đến cùng. Tôi biết không còn sống được bao lâu, nhưng với những thương tích đầm máu tôi thấy thời gian thật lâu dài. Tôi trông mong Thiên Chúa dùng những đau đớn này để tẩy sạch mọi tội lỗi của tôi”*.

Trong khi có tin đồn đức cha sẽ phải giải về Huế và bị trục xuất về Âu Châu, người viết cho cha bề trên dòng: *“Xin Thiên Chúa thương xót đến tôi và đến địa phận mà cho tôi được đổ máu ra vì lòng yêu mến Đức Chúa Giêsu rất nhân ái mà người ngoại đạo khinh rẻ một cách mù quáng. Tôi rất vui mừng và bình an chờ đợi giây phút lưỡi gươm đưa ngang cổ tôi và linh hồn tôi sẽ thoát bỏ xích xiềng và thân xác hay hư nát mà bay thẳng vào lòng lân tuất của Đấng tạo dựng nên tôi. Thế nhưng tôi rất thất vọng và sợ hãi phải đem về Huế và bị trả về Âu*

LM. VŨ THÀNH

Châu. Tôi phó thác tuân theo ý định quan phòng của Chúa, tôi thương cho anh em còn phải gặp nhiều gian lao. Chớ gì Thiên Chúa dùng máu của tôi để làm bảo chứng hòa bình. Hãy can đảm và tin thác vì bàn tay Chúa không bị thu ngắn mãi”.

Các quan lớn tỉnh Nam Định đã hội nhau và định án như sau: “*Thần là Nguyễn Tân cùng với các quan án và quan bộ xét rằng tà đạo của người gọi là Giêsu đã bị nghiêm cấm với những hình phạt nặng nề nhất. Mặc dầu có lệnh cấm như thế, tên đạo trưởng Âu Châu này đã cả gan dám xâm nhập vào trong vương quốc hòng truyền bá điều sai lầm như là chân lý, chiêu dụ đồ đệ giữa những bề tôi khờ dại của Hoàng Thượng. Sau khi bị bắt hẳn đã thú nhận tội phạm và cố chấp trong lầm lạc, lại muốn chết hơn là chịu đạp ảnh thập tự. Dù có trăm miệng lưỡi cũng không chối khỏi tội. Sau khi đã cẩn thận xem xét chúng tôi quyết định rằng tù nhân phải chém đầu ở nơi cao để mọi người xem thấy, sau đó xác phải ném xuống sông, như thế khắp nơi biết được lệnh Vua thẳng nhật”.*

Vua Tự Đức đã phê vào bản án như sau: “*Mặc dù luật phép chúng ta đã nghiêm cấm tà đạo gọi là Giatô, người Âu Châu tên là Giuse An, đạo trưởng chính của đạo vừa nói, đã cả gan xâm nhập vào nước ta và dụ dỗ người dân tin theo việc thờ kính của hắn. Hắn đã nhận lỗi lầm vì thế ta truyền lệnh khi nhận được lệnh này phải chém đầu ngay, tung đầu lên cao cho mọi người khiếp sợ sau đó mới vớt xuống sông, như thế sẽ chặt được gốc rễ của sai lầm”.*

Đức Cha phó Sampedro đã cho điều tra kỹ lưỡng về cuộc hành quyết Đức Cha An và đã gửi về Tòa Thánh lời khai của người lính Công Giáo tên Nicola có mặt trong đám lính thi hành lệnh xử tử. Tờ khai viết: “*Tôi tên Nicola Ky, quân đội, vâng lệnh khai tất cả sự thật đã thấy khi người ta xử Đức Cha An. Vì công vụ tôi ở ngoài thành hôm 29 tháng 6, vào khoảng giữa trưa tôi nghe tin sẽ xử đức cha tôi liền đến nhà tù gặp người. Tôi thấy đám lính cầm gươm sẵn trong khi đức cha đang chăm chú cầu nguyện, mặt hướng về tường. Lính đeo gông vào cổ rồi dẫn người ra nơi xử. Quan giám sát chính là lãnh binh cỡi trên mình voi, và một quan khác cũng cỡi voi còn các người khác đi bộ ra khỏi cửa Bắc đến pháp trường Bấy Mầu. Mặc dù không ở trong số lính áp giải tôi đã có thể theo ngay bên cạnh đức cha. Đức cha giữ vẻ mặt tươi cười, một tay đỡ gông một tay nâng xích, nhưng vẫn bước đi khó lòng vừa phần vì sức nặng của chúng vừa phân xích quàng lên cổ với*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

chân lại ngắn khiến người không ngẩng mặt lên được. Trong khi đó lính hối thúc người phải bước mau. Lính bảo người để mặc gông trên cổ, hai tay cầm xích để đi cho chóng, đức cha đã làm theo. Tới pháp trường, lính đứng thành hình vuông chung quanh đức cha, quan lãnh binh đứng ở ngoài, quan phó đứng bên cạnh và tôi. Quan hỏi đức cha muốn quay mặt về hướng nào. Đức cha trả lời là mọi hướng như nhau. Người ta trải chiếu xuống đất và đặt một tấm vải to, ba bộ áo người vẫn mặc ở trong tù, một cái gối để đức cha ngồi lên trên rồi họ trói tay lại ở đằng sau lưng. Người lính đao phủ muốn cởi hết áo ra, nhưng đức cha nói rằng người giơ cổ trần ra cũng đủ rồi. Họ đồng ý như vậy và người thợ rèn lấy búa đập xích ra, tháo gông khỏi cổ. Khi tên lính cầm lấy tràng hạt nơi tay vị tử đạo thì tôi năn nỉ trả lại cho người. Đức cha chìm đắm trong cầu nguyện. Lính dựng cọc sau lưng, lấy giày thừng quàng chung quanh ngực rồi bụng và cột vào cọc. Quan chỉ huy hỏi xem mọi sự đã sẵn sàng chưa và khi biết mọi sự đã xong, quan lãnh binh cho lệnh chém sau tiếng trống. Nhưng mới sau tiếng trống thứ hai, tên lý hình đã chém một nhát đầu rơi khỏi cổ, rớt xuống tấm vải. Quan lãnh binh truyền tung đầu lên không, tức thì tên đao phủ nắm râu mà tung lên cao cho rơi xuống đất rồi lượm lên bỏ vào thúng, cắt giày thừng cho xác ngã xuống chiếu. Sau cùng lý hình lấy xác và cả đất nhuộm máu đỏ đem buông xuống sông. Không một ai giữ được di tích nào của vị tử đạo. Có hai tên lính ngoại đạo lấy vải thấm máu đã bị quan ra lệnh giam vào trong tù”.

Hai người cùng bị bắt với đức cha, mỗi người bị đánh tám chục roi rồi được trả tự do. Sau khi xử tử vị giám mục rồi, quan cho lệnh đốt các đồ đạo, còn chén lễ và áo lễ quan đem về nhà dùng. Mọi nỗ lực thâm góp các di tích của vị chủ chăn đều thất bại ngoại trừ cái gông và xích xiềng. Đức Cha Retord cho biết thêm chi tiết rằng quan lính bỏ đầu vào thúng, lấy chiếu cuộn xác cột chung với đá rồi mang xuống thuyền, mười tên lính chèo ra tới ngoài biển và buông xác người xuống. Trong nhiều ngày các ngư phủ Công Giáo cố lặn xuống tìm mà không thấy. Sau cùng tình cờ họ tìm được một bình trong đó có đầu vị thánh và thúng đá.

Theo chứng từ của giáo dân tên Micae Tinh, đức cha khi đi đến pháp trường thì tay có cầm quyển sách mạ vàng. Trên đường đi, tên lính cầm loa thỉnh thoảng hô to: “Đức vua truyền lệnh rằng phải tốc hành xử trảm tên đạo trưởng Âu Châu”. Đức cha lấy ra ba chục đồng tiền cho lý hình và xin chém ba nhát, nhát thứ nhất chịu để cảm ơn Chúa

LM. VŨ THÀNH

đã dựng nên và sai đến giảng đạo tại Bắc Việt, nhất gươm thứ hai để tạ ơn cha mẹ đã sinh ra và nhất thứ ba để lại di chúc cho đoàn chiên phải vững tâm xưng đạo, dù phải chết theo gương của vị chủ chăn và sau được hạnh phúc thiên đường với các thánh. Tại nơi xử trước mặt mọi người khóc thương, đức cha nói: “*Cha về trời, nhưng các con còn phải ở lại chịu nhiều khổ khó vì đói kém, lụt lội, dịch tễ và chiến tranh*”. Lời tiên tri của Đức Cha đã xảy ra đúng một ngày sau khi chém đầu Đức Cha, đê ở kinh đô bị vỡ và kinh thành tràn ngập nước.

CUỘC XƯNG ĐẠO VÀ TỬ ĐẠO CỦA CỤ TRÙM ANRÊ THÔNG (NĂM THUÔNG)

(bị bắt 1854, chết 15-7-1855 tại Mỹ Tho)

Theo bước chân anh dũng của các quý chức tử vì đạo như ông trùm Đích, ông Lý Mỹ, ông Thọ và ông Còn của miền Bắc, ông Quỳnh và y sĩ Simon Hòa của miền Trung, và ông trùm Giuse Lựu của miền Nam, cụ Anrê Nguyễn Kim Thông tức Năm Thuông cũng đã anh dũng tuyên xưng đức tin làm vẻ vang cho giáo dân Bình Định (Qui Nhơn được đổi thành Bình Định khi vua Gia Long chiếm từ quân Tây Sơn). Đức Cha Cuénot đã gọi người là bông hoa của toàn giáo phận Qui Nhơn.

Theo lời khai của người con trai là Tôma Ngọc và cháu gái là Luxia Thi, chúng ta có thể đoán người sinh khoảng năm 1790 tại Gò Thị, thôn Xuân Phương, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Cha mẹ người là ông bà Nguyễn Kim Chánh và Đặng Thị Mẫn. Người là con thứ tư nên được gọi là Năm theo tục lệ gọi người con cả là anh Hai. Trong số con cái của cụ Năm Thuông có linh mục Nguyễn Kim Thứ và dì phước Nguyễn Thị Nường. Vừa có học vừa đạo đức nên ông được Đức Cha Cuénot đặt làm thầy giảng và dân chúng bầu làm lý trưởng làng Gò Thị. Nhờ thế cụ Năm Thuông đã có thể che chở bao bọc đức cha và giáo dân trong thời gian bắt đạo gắt gao. Chính đức cha và nhiều linh mục đã trú ngụ trong nhà của ông nhiều lần.

Là thầy giảng giáo dân, cụ đã biểu lộ một đời sống đức tin kiên cường, một lòng bác ái độ lượng, một lòng nhiệt thành giảng dạy và giúp đỡ giáo dân lãnh nhận các bí tích. Cụ luôn luôn ăn mặc đơn sơ, không bao giờ uống rượu hay ngồi không nhàn rỗi. Cụ có lòng sùng

DÒNG MÁU ANH HÙNG

kính Đức Mẹ cách riêng và đã dựng trong vườn một đài Đức Mẹ Khiết Tâm. Chính vì trách nhiệm, cụ đã nặng lời khiển trách người cháu bê tha tên là Út, và nói với người con trai là Xã Bẩy và con rể là Sáu Kham loại trừ đứa cháu ra khỏi danh sách trong làng xã. Để trả thù ông, người cháu đã nỡ tâm viết một thơ nặc danh tố cáo ông mình là người Công Giáo với quan tỉnh Bình Định. Thế là cụ trùm Anrê Năm Thuồng bị bắt điệu lên tỉnh. Người ta không biết chắc cụ bị bắt ngày tháng nào, chỉ biết khoảng cuối năm 1854.

Vì kính trọng đức độ của người anh hùng xưng đạo, quan đầu tỉnh không đánh đập mà trái lại còn để cho cụ được khá tự do và thỉnh thoảng được về thăm gia đình. Tuy nhiên trong tù cụ vẫn phải mang xiềng xích và gông như những người khác. Gặp ai đến thăm cụ khuyên họ can đảm bền vững giữ đạo. Người nói: *“Tôi đã già yếu và vất vả đã nhiều nên không tiếc gì mạng sống. Tôi sẵn sàng chịu đi đây, tôi ước mong được chết vì Chúa và không để cho ai vận động xin tha cho tôi cả”*.

Theo sắc lệnh của triều đình, quan đầu tỉnh nhiều lần khuyên giục cụ chối đạo. Quan ngọt ngào dụ dỗ mong làm lung lạc một người có đức tin như sau: *“Thôi ông hãy chối đạo âm thầm, rồi tôi sẽ cho trở về nhà với gia đình, sau đó xưng tội như vậy có gì xấu đâu?”*

Cụ Anrê trả lời: *“Thánh giá mà tôi tôn thờ hôm qua không thể dày đập dưới chân hôm nay được”*.

Một lần khác cụ trả lời quan: *“Lưu đây hay phải chết vì Thiên Chúa là điều tôi mong ước chứ không bao giờ chịu chối đạo”*.

Sau khi bị giam tù hơn ba tháng, án của triều đình ra lệnh ông phải lưu đày tại Mỹ Tho. Các con dự tính chạy tiền để quan tỉnh tìm cách giảm án nhưng vị anh hùng đã nghiêm cấm các con mà nói rằng: *“Hãy tuân theo thánh ý Chúa cho trọn vẹn”*.

Thế là cụ Anrê với bốn người giáo hữu can trường khác, thuộc tỉnh Bình Định, đeo gông và mang xích lên đường đi đến nơi lưu đày. Cuộc hành trình thật khó nhọc và lâu dài, qua Phú Yên, Khánh Hòa rồi tới Bình Thuận. Tại Bình Thuận, cụ được diễm phúc gặp người con linh mục là Cha Thứ để xưng tội và lãnh các bí tích. Khi tới Sài Gòn, các anh hùng xưng đạo phải lưu đày được gặp Đức Cha Lefebvre, lúc đó đang trốn ở Thị Nghè. Mọi người khuyên cụ Anrê ở lại Sài

LM. VŨ THÀNH

Gòn và chính quan khâm sai cũng ưng thuận như vậy, nhưng người lính chiến của Chúa Kitô muốn theo chân Thầy mình nên đã trả lời: *“Tôi muốn chịu trọn vẹn bản án và mong cho đến nơi sớm hết sức”*.

Tại Sài Gòn, cụ Năm và các bạn tù được cha sở họ Chợ Quán ban các bí tích và xúc dầu trước khi họ tiếp tục hành trình đến nơi chỉ định. Cụ Năm phải đẩy ở Mỹ Tho và dừng lại ở đây, còn các bạn khác tiếp tục đi Vĩnh Long. Trên đường họ dừng lại ở Cái Nhum và được Cha Borelle đến thăm. Nghe biết tình trạng sức khỏe của cụ Năm bị sa sút tại nơi lưu đày, Cha Borelle cho gọi y sĩ Thiện đến chăm sóc, nhưng y sĩ Thiện chưa tới nơi thì cụ đã bị một cơn sốt nặng và qua đời ngày 15-7-1855.

Năm giáo dân hiện diện giúp cụ Năm trong giờ sau cùng đã làm chứng: *“Trong giờ hấp hối, cụ Năm được biết quan đã chỉ định cho cụ phải lưu đày ở Bắc Chiên, địa hạt cuối cùng trong tỉnh. Cụ đã xin đưa cụ đến đúng nơi đã chỉ định để của lễ hy sinh của cụ được hoàn tất. Ngay lúc đó cụ lên cơn sốt mê sảng, mỗi khi tỉnh lại cụ xin những người chung quanh cầu nguyện. Những người chứng kiến cơn hấp hối của cụ, vội vàng tháo xích ra cho cụ nhưng cụ cấm họ làm như thế và lấy tàn sức còn lại cụ bắt đầu đọc bảy bài Thánh Vịnh thống hối và những kinh kính Đức Nữ Trinh Maria. Cụ trút hơi thở cuối cùng, trên môi vẫn còn đắp máy tên người Mẹ quý yêu trong suốt đời cụ”*.

Cha Borelle kết thúc bài tường thuật về cái chết dũng cảm của cụ Anrê Năm Thuông bằng những lời của Đức Cha Lefebvre, một người rất quen biết cụ, gởi gắm cụ với người, như sau: *“Bởi vì ông rất xứng đáng được chăm sóc, ông đã yêu mến dân chúng rất nhiều. Tôi nghĩ đến lời Thánh Gregorio VII nói lúc chết: ‘Tôi yêu chuộng công chính và ghét gian tà vì thế tôi chết trong nơi lưu đày’”*. Thầy giảng do Cha Borelle sai đến đã xin với quan địa phương để mang xác cụ Năm Thuông về an táng tại Cái Nhum, đêm ngày 20 rạng 21-7. Hiện diện trong thánh lễ an táng có Cha Borelle, bốn linh mục và hàng ngàn giáo dân Vĩnh Long. Mấy năm sau các con của người là Tôma Ngọc và Xa đến Cái Nhum bốc mộ đưa về Gò Thị. Theo lệnh của đức cha, đại biểu của mười lăm họ đạo trong địa phận có mặt để nghênh đón hài cốt người trùm trường suốt đời hy sinh vì Giáo Hội. Năm 1909, hài cốt được Tòa Giám Mục Qui Nhơn gửi một phần sang Bộ Truyền Giáo, một phần gửi đến chủng viện Làng Sòng và một phần giữ lại ở Tòa Giám Mục.

CHƯƠNG 7

Giáo Hội Việt Nam Trên Đường Núi Sọ

Những biến chuyển chính trị và tôn giáo tại Việt Nam trong thời kỳ này không phải là những biến cố riêng rẽ nhưng là hậu quả của trào lưu thực dân do Tây Phương chủ trương, những cuộc nổi loạn trong nước và ảnh hưởng thái độ của các nước lân bang như Trung Hoa, Thái Lan, Tân Gia Ba (Nam Dương) trước sức bành trướng Tây Phương trong vùng Đông Nam Á.

Nhưng dù thế nào đi nữa, người Công Giáo vẫn là những nạn nhân vô tội của một chính sách sai lầm đầy nghi kỵ của nhà cầm quyền họ Nguyễn trước mưu đồ xâm lăng của Tây Phương cũng như những cuộc nổi loạn. Không có đời nào lắm giặc cho bằng đời Tự Đức làm vua (260 vụ). Sử gia Trần Trọng Kim sau khi đã đề cao đức độ của Vua Tự Đức đã phải nhận xét về thời cuộc như sau: *“Xem cái chân tướng của vua Dục Tông như thế thì người không phải là người to béo vạm vỡ, mà cũng không phải là ông vua tàn ác bạo ngược như người ta thường nói. Chỉ vì người làm vua về một thời đại khó khăn, trong nước lắm việc mà những người phò tá thì tuy có người thanh liêm như ông Trương Đăng Quế, ông Vũ Trọng Bình, trung liệt như ông Phan Thanh Giản, ông Nguyễn Tri Phương, ông Hoàng Diệu... nhưng mà các ông ấy đều là người cũ không am hiểu thời thế mới. Và lại cái thế lực lúc bấy giờ kém hèn quá, dầu có muốn cải cách duy tân cũng không kịp nữa cho nên mọi việc đều hỏng cả”*.

Cho dù Việt Nam không cấm đạo thì Tây Phương vẫn xâm lăng Việt Nam vì yêu sách họ đặt ra cho triều đình trước tiên là việc buôn bán. Người Pháp để mặc cho triều đình bắt đạo, giết chết người có đạo Kitô, thản nhiên chiếm đất đai miền Nam. Vấn đề tự do tôn giáo chỉ là phụ thuộc mà họ nêu ra với dụng ý làm cho triều đình chia rẽ và lúng túng. Nếu thực sự họ chỉ muốn bành vực người Công Giáo thì người Công Giáo đâu có phải trải qua cơn hấp hối triển miên và đâu có xảy ra cuộc chiến tranh. Trước đây tàu Pháp đã đến can thiệp để trả tự do cho các thừa sai, triều đình đã làm theo. Triều đình Việt Nam đã sai rất nhiều người đi dò thám tin tức các chiến thuyền và hành động của các nước Tây Phương như Pháp, Anh, Hoà Lan, nên mới đi đến một chính sách bế quan tỏa cảng, với ý nghĩ rằng người Tây Phương ở xa không có tiếp tế lâu ngày tức khắc phải rút, ta

LM. VŨ THÀNH

không đánh họ cũng phải thua. Vì thế triều đình cấm ngặt mọi liên lạc với người Tây Phương, và lẽ đương nhiên cấm người Công Giáo vì có liên lạc tôn giáo với Tây Phương, dần dà triều đình đi đến chỗ áp dụng chính sách tru diệt người Công Giáo và coi họ là kẻ nội thù.

Chúng tôi xin tổng hợp các bài tường thuật khác nhau và sắp xếp lại những biến cố xảy ra theo thứ tự để có thể nhìn nhận một cách đúng đắn và trung thực những động cơ của các phản ứng của triều đình Việt Nam cũng như của người Pháp. Các bản tường trình của thừa sai là cuốn sổ tử đạo ghi danh những anh hùng đức tin. Điểm vàng son của thời kỳ này là không có một linh mục nào chối đạo.

1. Năm 1858

Ngày 9-1, lực lượng của ba tỉnh vây làng Ngọc Đồng để truy kích tàn quân của cuộc khởi nghĩa Cao Bá Quát, khiến các cơ sở, học viện của các thừa sai Dòng Đa Minh bị tàn phá và một số linh mục bị bắt theo. Ngày hôm sau quan lớn đã phải ra lệnh phân biệt rõ ràng người lương thiện (Công Giáo) với những kẻ phản nghịch. Trong tất cả các cuộc khởi nghĩa, với hình phạt và tuyệt thông các giám mục hoàn toàn cấm người Công Giáo nào theo kẻ nghịch. Trước tình trạng bất ổn, Cha chính Salgot Dòng Đa Minh phải đưa các chủng sinh sang Macao để tiếp tục công cuộc huấn luyện.

Ngày 2-2 quân lính đến phá họ đạo Kim Long tại Huế và ngày 19-3 họ đạo Phú Cam bị phá hủy.

Ngày 3-3 Cha Berri-Ochoa và Riano đến Việt Nam.

Đầu tháng 5, tổng đốc Nam Định Nguyễn Đình Tấn ra lệnh cho mọi người Công Giáo phải đập ảnh, xây chùa và cúng tế. Giáo dân phải bỏ nhiều tiền cho các quan địa phương để được châm chước.

Ngày 18-5, bắt được người Công Giáo mang hai lá thư của Cha Venard và Theurel gửi sang Hồng Kông, sau đó có lệnh bao vây chủng viện Hoàng Nguyên, Kẻ Non và Kẻ Vĩnh thuộc địa phận Tây Đàng Ngoài của các cha thừa sai Pháp.

Ngày 10-6, ba linh mục bị bắt và chém đầu.

Tháng Sáu, các thương gia Trung Hoa đến Hà Nội phao tin rằng người Âu Châu đang chuẩn bị chiến thuyền mở cuộc tấn công Việt

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Nam. Với tin này, tổng đốc Nam Định gia tăng các cuộc thám sát và theo dõi người Công Giáo, nhất là các thừa sai.

Ngày 26-6, tấn phong Cha Ochoa làm giám mục phụ tá Bùi Chu dưới hầm trú ẩn.

Ngày 8-7, họ bắt được Đức Cha Sampedro ở Kiên Lao và trong vòng 20 ngày các quan tỉnh và triều đình đã xử người phải tội lăng trì như là một người phản nghịch. Sau khi bắt được Đức Cha Sampedro, quân lính còn bắt Cha Cẩn ngày 9-7, khi vây làng Ta Mổ bắt 11 người, làng Quần Cống 22 người. Ngày 16-7 bắt Cha Lương, Cha Mậu, ngày 26-7 vây làng Cát Lái bắt Cha Lim.

Ngày 13-8, vây làng Kê Heo bắt Cha Quý, ngày 14-8 vây làng Lát Sơn. Ngày 15-8, Cha Galy ở Nghệ An đã thoát được vòng vây kiểm soát của những người do thám trốn sang được Hồng Kông. Ngày 20-8 vây Phát Diệm bắt bốn chú và hai nữ tu, vây Thiên Dương đốt nhà thờ.

Ngày 1-9, liên quân Pháp và Tây Ban Nha đem 2500 lính đến tấn công Cửa Hàn ở Đà Nẵng. Hai tuần sau, 14-9, viện binh Tây Ban Nha đến thêm 600 người. Theo ý kiến của Cha Gainza, tuyên úy cho hạm đội Tây Ban Nha, sau làm giám mục ở Phi Luật Tân, thì người Tây Ban Nha tham chiến hoàn toàn vì lý do bênh vực tôn giáo, còn người Pháp coi Cửa Hàn là một vị thế chiến lược tối quan trọng, một Gibraltar ở Đông Phương. Khí giới của quân đội Việt Nam khá tinh vi và dồi dào. Chỉ huy quân đội Pháp lưỡng lự không tiến thẳng lên Huế nhưng ngày 14-9 chỉ để lại một số lính nhỏ giữ đồn cửa Hàn, còn đem đại binh tiến đánh Gia Định, kho lương thực của triều đình Huế. Trong khi đó tàu Primauguet đến Vịnh Bắc Việt để di tản các thừa sai, nhưng các thừa sai bị bao vây ngặt không thể ra khỏi hầm trú ẩn, chỉ có Thừa Sai Rivas và một số người dòng họ Lê lên tàu. Nhóm người này đã giúp nhiều tin tức cho quân viễn chinh Pháp. Cuối tháng 9, ngày 30, một tàu khác trở lại Bắc Việt để rước thừa sai.

Phản ứng của triều đình trước thái độ tấn công của người Pháp là tận diệt người Công Giáo. Trương Đăng Quế và Nguyễn Đình Tân (Hùng) đề nghị Vua Tự Đức ra mật lệnh hẹn một ngày giết tất cả người có đạo, nhưng Vua Tự Đức ngần ngại nói chờ khi người Pháp rút quân đã. Đồng thời thay thế các quan đầu tỉnh ôn hòa bằng những ông quan ác nghiệt trong hàng ngũ quan võ, ân xá cho

LM. VŨ THÀNH

tù nhân để họ gia nhập đội quân chống Pháp, nhưng tất cả phải đập ảnh. Quan đội Phanxicô Trung đang bị giam vì tội gian lận trường thi, tình nguyện đi đánh Pháp nhưng nhất định không chịu đập ảnh đã bị chém đầu ngày 6-10. Về phía các thừa sai, phản ứng chung là rất bất mãn vì thái độ của viên chỉ huy Rigault chỉ can thiệp nửa vời. Giữa tình cảnh trốn tránh trong hầm trú không thấy mặt trời, Đức Cha Retord, vị thừa sai lão thành, từ trần 22-10, thọ 56 tuổi.

Ngày 17-11 liên quân viễn chinh Pháp-Tây rút lui khỏi Cửa Hàn. Trên tàu đoàn quân viễn chinh có Đức Cha Pellerin, người làm phép nhà thương trên tàu ngày 14-11. Hai tàu đưa các thừa sai trốn ra được đi Hồng Kông, đó là Đức Cha Gauthier, giám mục coi địa phận Vinh, Cha Marc, Roberd, Rivas, Manuel Estevez và Francesco.

Ngày 12-12 hội nghị các cha Dòng Đa Minh để quyết định ai ở lại, ai đi ra khỏi địa điểm truyền giáo. Ở lại có Đức Cha Hermosilla, Berri-Ochoa, ba Thừa Sai Riano, Gaspar và Ameto (đa số tử đạo). Ra đi có Đức Cha Alcazar, Munoz, Colomer, lên tàu Pregent ngày 21-12 đi Macao.

Cha Achurara đã lên tàu ngày 13-12. Trong khi đó Cha Estevez và Masso đi thuyền đến Cửa Hàn và lên tàu Saone đi Macao. Hai tàu gặp nhau ở Cửa Hàn và chuyển các thừa sai sang chiếc Scoland.

2. Năm 1859

Ngày 7-1, bắt Cha Quí và ông trùm Phụng tại Vĩnh Long. Ngày 13-1 xử tử án Khâm, cai Tả và cai Thìn tại Nam Định. Liên quân Pháp-Tây chiếm Vũng Tàu.

Ngày 2-2 liên quân tiến đến Cần Giò, Đức Cha Lefebvre lên được tàu Pháp và Pháp chiếm Đồn Nam (Kỳ Hòa). Trong khi đó ngày 12-2 chém đầu Cha Lộc tại Mỹ Tho

Ngày 24-3 xử tử Cha Nghi, Cha Dụ, Cha Tri, thầy Vinh, chú Thu và chú Thuận, bị bắt trong tháng 3.

Ngày 20-4 liên quân Pháp-Tây trở lại Cửa Hàn.

Ngày 8-5 Việt Nam tổng phản công. Ngày 28-5 xử tử Thánh Hạnh.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Ngày 20-6 tư lệnh Rigault thương thuyết. Trong tháng này bị bắt có Cha Khanh, Cha Giuse Khang, Cha Juan Thao ở Bắc Việt. Bị chém đầu tại Bắc Việt có Cha Phêrô Mậu, Cha Cao, Cha Khanh, Cha Phêrô Cảnh.

Ngày 4-7 Cha Phaolô Quyên và Thầy Phêrô Tân bị bắt ở địa phận Đông. Ngày 22-7 Cha Giản, Cha Trang bị bắt. Ngày 31-7 Cha Quý và ông trùm Phụng bị chém đầu ở Vĩnh Long. Giữa tháng 7, viên chỉ huy Tây Ban Nha thấy bị lừa nên rút lui khỏi đoàn quân viễn chinh.

Ngày 1-8 Cha Giản và Cha Trang bị chém ở Hải Dương. Ngày 15-8 Cha Khang và Cha Thao bị chém. Ngày 30-8 Cha Gioan Tự bị chém.

Ngày 15-9 Rigault bỏ thương thuyết. Triều đình ra sắc lệnh bắt mọi người từ bỏ đạo Kitô, ai chối đạo được để yên, ai cố chấp sẽ bị trừng phạt, tịch thu tài sản chia cho người có công bắt. Ngày 28-9 Cha Quyên bị chém, Cha Dương bị bắt. Một ngàn lính vây Phú Yên bắt một linh mục và 40 giáo dân, phá ba nhà dòng, 18 làng Công Giáo.

Ngày 19-10 đô đốc Page thương thuyết và rút quân về Gia Định. Triều đình lại ra sắc lệnh bắt các đầu mục, kiểm kê Công Giáo từ 15 tuổi, bắt các thầy giảng và những người có khả năng nâng đỡ đức tin các tín hữu và giam giữ tại các tỉnh. Ngày 28-10 Cha Dương và đầu mục Huỳnh bị xử tử.

Ngày 4-11, 41 đầu mục bị bắt dẫn đến Nam Định. Ngày 19-11 Cha Gabriel Tân bị xử tử tại địa phận Đông.

Ngày 6-12 Cha An địa phận Đông bị xử. Ngày 15-12 Cha Dom Thuận Dòng Đa Minh, 72 tuổi bị xử. Ngày 16-12 lệnh bắt các quan Công Giáo. Hậu quả có 33 quan bị bắt, ba người chối đạo, một người già được về, mười người phải lưu đầy, 17 người xử tử giam hậu, tử đạo Lê Đăng Thị. Ngày 17-12 lệnh bắt các lính Công Giáo, 34 người bị bắt, một phần ba chối đạo, người trung thành phải khắc chữ và lưu đầy.

3. Năm 1860

Ngày 8-1, Cha Gioan Hương và Thầy Đam bị chém ở Nam Định. Ngày 17-1, sắc lệnh tận diệt người Công Giáo vì đã cầu cứu Pháp đến can thiệp để hủy bỏ các lệnh cấm đạo nhưng người Pháp ước.

LM. VŨ THÀNH

Vậy phải tách hẳn cỏ xấu khỏi lúa tốt, sài lang khỏi lương dân. Phải bắt các đầu mục và những người cố chấp truyền đạo, những người đàn bà mang thơ thông tin. Phải canh chừng các làng toàn tông Công Giáo, ấn định ngày kiểm danh trai tráng từ 15 tuổi để biết chắc không ai ra khỏi làng. Cha Phêrô Cần bị bắt ngày 26-1, Đội Thị bị chém đầu ngày 29-1, Cha Khương và chú Nghĩa bị chém tại Hưng Yên. Có tin là sẽ ban hành lệnh phân sáp.

Tháng 2, Hội Đồng Nội Các chấp thuận 11 khoản trong đó có tám khoản nói về người Công Giáo, đại để sẽ không hành hình mà chỉ tịch thu tài sản, phải soạn thảo sách chỉ dẫn dân chúng cách phải sống, xây nhà riêng giam linh mục để họ không thể tiếp tục giảng đạo.

Ngày 20-3 quân Pháp rút khỏi Cửa Hàn để đem quân sang trợ chiến ở Trung Hoa. Pháp đưa ra 11 khoản nghị hòa.

Tháng 4, có lệnh của quan Quảng Trị bắt giam những người không chịu bỏ đạo để giáo dục, những người kiên quyết giảng đạo phải giam riêng không cho vợ con bạn bè đến thăm. Ngày 13-4 lệnh phân sáp tại Thạch Hãn và Co Viên ở Quảng Trị. Ngày 16-4 Cha Phêrô Cần bị chém, một nữ tu bị bắt ở Kẻ Báng.

Tháng 5, mưa bão bị mất mùa và quân Pháp chiếm Sài Gòn không cho mang lương thực về Huế nên gặp tình trạng khan hiếm. Tại địa phận Vinh hai cha bị xử tử là Cha Mathia Khoa và Giacôbê Thông.

Ngày 15-6, một toán lính hai chục người đi lưu đày. Ngày 18, toán thứ hai gồm mười chín người. Ngày 22, toán thứ ba gồm hai chục người.

Tháng 7, triều đình trách các quan không thi hành lệnh nghiêm chỉnh và ra lệnh lùng bắt các nữ tu là những người lén lút thông tin và tàng trữ các đồ đạo. Tại Hà Nội và Phú Yên đã bắt được những nữ tu loại này. Các huyện và làng không được phép cho đàn ông, đàn bà và cả trẻ con Công Giáo ra khỏi làng. Ngày 4-7 Việt Nam tổng phản công. Các toán lính tiếp tục bị lưu đày, toán mười bảy người, toán mười chín người.

Ngày 2-8, một toán lính 16 người đi đày, một toán khác 13 người. Ngày 6-8, Thừa Sai Néron bị bắt ở Sơn Tây. Ngày 24-8 sắc lệnh phân

DÒNG MÁU ANH HÙNG

chia người Công Giáo thành ba hạng: chối đạo không thực lòng, không chối đạo, và người cả gan dụ dỗ, và khiển trách các quan Nam Định, Hà Nội. Theo báo cáo, tại Hà Nội có 3.500 người chối đạo, trong khi Nam Định nơi có rất đông Công Giáo lại chỉ có 300 người chối đạo. Các quan cứ hai tháng phải làm tờ trình số người chối đạo.

Ngày 6-9 lệnh phân sáp tại Thừa Thiên. Ngày 15-9 mưa lụt trong hai tháng.

Tháng 10, Pháp ký hoà ước với Trung Hoa và đem quân trở lại Việt Nam, ngày 24-10 cai đội Thị tử đạo. Ngày 31-10 kiến nghị của quan Thừa Thiên đề nghị: kiểm kê chính xác những người Công Giáo cố chấp.

Ngày 3-11 xử tử Cha Néron ở Sơn Tây Ngày 30-11 bắt Cha Vénard.

Ngày 2-12 phát giấy vụ âm mưu của phe ôn hòa trong triều và bắt Cẩm Hòa là con của Hoàng Tử Cảnh.

4. Năm 1861

Ngày 3-1 Cha Phêrô Lựu bị bắt. Ngày 6-1 Cha Gioan Hoan và Thầy Đắc bị bắt.

Ngày 7-2 Charner đến Gia Định để kiện toàn chính sách xâm lăng. Ngày 13-2 Cha Phaolô Triêm bị chém. Ngày 14-2 Pháp tấn công Chí Hòa.

Ngày 1-3 các quan Trương Đăng Quế, Lâm Duy Nghĩa và Nguyễn Luân dâng kiến nghị mộ dân quan hứa thưởng tước lộc để chống Pháp tại các tỉnh miền Nam.

Ngày 7-4 Pháp chiếm tỉnh Định Tường và đưa ra mười hai khoản nếu muốn hòa. Cha Phêrô Lựu bị xử tử. Ngày 30-4 Cha Giuse Tuân bị chém đầu.

Ngày 26-5 Cha Hoan và thầy Đắc Phượng bị hành quyết.

Ngày 12-6 hai giáo dân địa phận Vinh, lưu đây ở Hưng Yên, bị chém đầu.

Cuối tháng 7 sắc lệnh phân sáp toàn diện gồm năm khoản: Tất cả già cả lớn bé nam nữ phải chia ra phân tán vào các làng không Công

LM. VŨ THÀNH

Giáo, các làng không Công Giáo phải nhận canh chùng theo tỉ lệ năm người lương canh một người Công Giáo, các nhà Công Giáo bị phá hủy, đất đai giao cho các người lương canh tác để nộp thuế. Vợ chồng con cái phải tách biệt nhau, phải khắc chữ tả đạo ở má trái và nơi lưu đầy ở má phải.

Ngày 5-8 sắc lệnh phân sáp áp dụng tại Hải Dương. Ngày 29-8 Cha Carbonnier và Mathevon bị bắt tại Bắc. Ngày 31-8 Cha Herengt trốn khỏi Qui Nhơn vào Sài Gòn.

Ngày 21-10 Đức Cha Hermosilla và Thầy Khang bị bắt ở Hải Dương. Ngày 25-10 Đức Cha Berrie-Ochoa và Cha Almato bị bắt tại Hải Dương. Ngày 27-10 Đức Cha Cuénot bị bắt ở Qui Nhơn.

Ngày 1-11 Đức Cha Hermosilla, Berrie-Ochoa, Almato và Thầy Khang bị hành quyết mà không có lệnh của vua. Ngày 14-11 Đức Cha Cuénot chết rũ tù. Ngày 16-11 Cha Nang địa phận Vinh bị hành quyết. Ngày 29-11 Charner giao quyền lại cho Bonnard.

Tháng 12 Tạ Văn Phụng nổi loạn ở Quảng Yên và Hải Dương, Bắc Kỳ. Ngày 11-12 Cha Trạch địa phận Vinh bị bắt. Ngày 17-12 Pháp chiếm Biên Hòa. Ngày 29-12 Cha Nghi địa phận Vinh bị giết.

5. Năm 1862

Có lệnh làm nhà riêng tại Nam Định để giam người Công Giáo và bỏ đói người Công Giáo, phải trình diện mỗi tháng hai lần.

Ngày 10-2 Cha Tôma Lương, Thầy Mỹ và một số giáo dân bị bắt. Ngày 22-2 quân Pháp chiếm Vĩnh Long.

Tháng 3, cai tổng Vàng Nguyễn Văn Thịnh ở Bắc Ninh nổi loạn hợp với Tạ Văn Phụng. Triều đình hành quân tận diệt. Nguyễn Đình Tân bị bại trận tức giận giết người Công Giáo ở tỉnh Nam Định. Giết hai mươi bốn vị đầu mục Công Giáo đang bị giam trong tù.

Ngày 23-4, hai chục người bị giết ở Hải Dương.

Tháng 5 bắt 300 đầu mục ở Nam Định bỏ đói, trong đó 240 người bị chết. Ngoài ra mỗi ngày đều có các vụ chém đầu giáo dân: ngày 18 chém hai mươi một người; ngày 20 chém một thầy giảng và hai giáo dân; ngày 22 chém bốn mươi lăm người; ngày 26 chém sáu mươi bảy

DÒNG MÁU ANH HÙNG

người; ngày 27 chém bảy mươi lăm người; ngày 28 chém hai người. Ngày 30 trôi từng năm người bỏ trôi sông cho chết đuối, tất cả 112 người. Ngày 31 bỏ chết đuối thêm 112 người khác. Tại phủ Sa Ốc ngày 29 chém ba mươi sáu người; ngày 30 chém hai chục người. Tại phủ Chấn Ninh ngày 29 chém chín mươi sáu người, tại phủ Quỳnh Côi rất nhiều người bị bắt, tại Đại Yên một trăm năm chục người bị bắt, trong đó hai chục người bị chém, số còn lại bị trảm mình dưới sông cho chết.

Ngày 5-6 Việt Nam ký hòa đầu tiên với mười hai khoản năm Nhâm Tuất trên tàu Duperré ở Sài Gòn. Khoản hai công nhận quyền tự do giảng đạo.

Đầu tháng 6 tại Nam Hạ chém 53 người, ngày 1-6 chém 100 người, ngày 2-6 chém 300 người, ngày 3-6 chém 600 người, cứ thế cho tới 5.000 người bị giết. Ngày 5-6 tại Chấn Đình buông sông 200 người, trong đó 41 người lợi được vào bờ. Tại Quỳnh Côi và Phú Đức rất nhiều người bị chôn sống trừ có một người thoát chết. Ngày 15-6 sắc lệnh ân xá nhân dịp Tự Đức mừng ngày sinh nhật, cho những đàn bà, người già và trẻ con, những đầu mục chối đạo cũng sẽ được trả tự do nhưng không được trở về nguyên quán, những đầu mục cố chấp vẫn phải giam như trước. Cuối tháng 6 quan đầu tỉnh Qui Nhơn áp dụng lệnh ân xá trả tự do cho giáo dân.

Ngày 13-7 sắc lệnh ân xá được niêm yết ở Nam Định nhưng tổng đốc Nguyễn Đình Tân tuyên bố sẽ xin triều đình thu hồi lại. Ngày 23-7 một phái đoàn thừa sai từ Sài Gòn đến Huế để xin phép triều đình trở lại nhiệm sở mang thư giới thiệu của Tây Ban Nha chứ không phải của Pháp.

Ngày 5-8 phái đoàn thừa sai đến Huế bị hạch hỏi nhưng đến được nhiệm sở. Thừa Sai Croc đến Nghệ An, Desveau ở lại Huế, Roy xuống Qui Nhơn, trừ hai thừa sai bị bắt trước thì phải trục xuất.

Các sắc lệnh giới hạn tự do Công Giáo. Sắc lệnh thứ nhất, các quan phải họp người Công Giáo mỗi tháng hai lần để khuyên bảo bỏ đạo. Mặc dù cho tự do giữ đạo, nhưng triều đình không từ bỏ việc khuyên bảo bỏ đảng tà để theo phong tục tốt đẹp của quốc gia. Lệnh thứ hai cấm người không Công Giáo theo đạo, nếu không hình phạt rất nặng. Chỉ làm thỉnh cho những người đã có đạo kỳ cựu, vì thế tất cả những người đã chối đạo trước không được giữ đạo, tất cả

những người má không có khắc chữ tả đạo cũng không được thực hành đạo. Lệnh thứ ba cấm đọc kinh to tiếng và thực hành đạo công khai, cấm hội họp trên một trăm người tại nhà thờ, cấm dựng lại nhà thờ đã hủy nếu không có giấy phép của quan sở tại. Cấm người Công Giáo dự thi hay giữ các chức vụ. Người Công Giáo từ 20 tuổi phải ghi tên vào lính và làm việc tạp dịch trong quân đội. Lệnh đặc biệt đối với thừa sai: Không được có hai thừa sai trong một tỉnh, một người được phép thì phải ở chính tỉnh trong nhà do quan đầu tỉnh chỉ định và không được vắng mặt quá bốn ngày. Chỉ những người má có khắc chữ tả đạo mới được vào nhà thừa sai này.

6. Vài con số tổng kết

Thật khó mà kiểm kê chính xác nạn nhân của thời kỳ này, vừa phần thừa sai còn lại rất ít, vừa phần giáo dân tản mác không có tin tức chính xác. Theo Cha Estevez ước lượng năm 1864 thì nạn nhân của năm năm bắt đạo khủng khiếp này tại miền Bắc là 40.000, nguyên địa phận Bùi Chu là 16.000 người, ba chục linh mục. Người gọi Bắc Việt là nghĩa địa chôn các vị tử đạo. Theo thơ của Đức Cha Jeantet địa phận Hà Nội thì số tử đạo trong thời kỳ này tại giáo phận là 1.500 giáo dân và ba chục linh mục. Địa phận Vinh không được biết rõ, ít ra có mười chín linh mục và thầy giảng bị chém đầu. Sử gia Louvet tổng kết số linh mục chết tử đạo trong thời kỳ này là 115 người: Hải Phòng 9, Bùi Chu 38, Hà Nội 31, Vinh 20, Huế 3, Qui Nhơn 11, Sài Gòn 3. Về nữ tu, Cha Louvet cho biết 2.000 người trong 80 tu viện bị phân tán, trong đó khoảng hơn 100 chết vì đạo. Số các vụ cấm đạo trên toàn nước: Hơn 2.000 họ đạo bị hủy diệt và 300.000 giáo dân bị phân tán trong các làng bên lương. Theo một tài liệu khá chính xác thì 40.000 người thiệt mạng trong thời kỳ phân sáp. Không kể ruộng vườn nhà cửa và tài sản của giáo dân bị tịch thu và phá hủy. Phải diễn tả thế nào cho đúng được một hoàn cảnh hết sức bi thảm này trong lịch sử?

DÒNG MÁU ANH HÙNG

LM. VŨ THÀNH

PHẦN V
NHỮNG CUỘC BÁCH ĐẠO
THẾ KỶ 19

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cuộc Xung Đao & Tử Đao của ĐỨC CHA MELCHIOR SAMPEDRO (XUYÊN)

(bị bắt 7-7-1858, phân thân 28-7-1858 tại Nam Định)

Dức Cha Berrio-Ochoa kết thúc bài tường thuật về cuộc tử đạo hết sức anh hùng của Đức Cha Sampedro như sau: “Cuộc tử đạo và xưng đức tin của người đã làm cho nhiều người trở lại đạo hơn nhiều năm làm việc giảng đạo”. Thật vậy, đức cha chịu một hình khổ ghê gớm và lâu dài không những đã làm cho người Công Giáo thêm kiên cường xưng đạo mà còn làm cho người bên lương nhận ra đạo thật.

Sáng sớm ngày 28-7-1858, hai quan lớn cỡi voi, bốn người cỡi ngựa, bốn người khiêng chiêng trống cùng với 500 lính, 20 đao phủ áp giải Đức Cha Sampedro, 37 tuổi, sau 20 ngày tù tội, và hai chú giúp việc ra pháp trường. Đức cha mặc áo dòng, một tay cầm sách nguyện, một tay ban phép lành cho dân chúng hai bên đường, trên cổ đeo gông thật nặng và chân mang xích sắt kêu leng keng, nét mặt hân hoan như đi lãnh triều thiên chiến thắng. Đoàn người đi qua nửa thành phố đến cửa đông ra ngoài thành.

Tới pháp trường quan ra lệnh cột hai chú vào hai cọc. Đức cha khuyên bảo hai chú vững lòng chắc chắn về trời. Theo lệnh, lý hình chém đầu người thứ nhất tên Tiệp, tung đầu lên cao cho mọi người xem thấy rồi đến chú Hiên. Tới phiên hành quyết đức cha, quan ra lệnh trước hết chặt chân rồi đến tay, đầu và mổ bụng đốt ruột gan. Đức cha bị trói chân tay vào các cọc và một tấm gỗ đè trên ngực. Năm tên đao phủ cầm búa bổ xuống dưới chân 12 nhát như bổ củi, trong khi miệng đức cha vẫn kêu to Thánh Danh Giêsu, máu chảy lai láng. Sau đó lý hình bổ bảy tám nhát chặt tay. Sau khi chặt chân tay, lý hình bổ thêm 15 nhát chặt đứt đầu và lấy dao mổ bụng. Sau đó các phần thân thể được vát xuống hố, lấp đất và cho voi đạp lên. Còn đầu bêu ở trên cửa phía Nam của thành Nam Định hai ngày, rồi bị đập nát thành mảnh vụn và quẳng xuống sông ban đêm.

Vị mục tử can đảm Melchior Garcia Sampedro sinh ngày 26-4-1821 tại San Pedro de Arroyo, Tây Ban Nha. Sau khi đậu tú tài thần học, cậu xin vào tu trong Dòng Đa Minh tại Ocana năm 1845 và ngày 16-8-1846 được khấn dòng. Ngày 29-5-1847 Thầy Sampedro được thụ

LM. VŨ THÀNH

phong linh mục và tình nguyện đi truyền giáo. Sau khi tới Manila dạy học một thời gian vẫn, Cha Sampedro được như ước nguyện là đi truyền giáo ở Bắc Việt. Ngày 28-2-1849 cha tới Đông Xuyên, nơi ở thường xuyên của Đức Cha Hermosilla. Cha được Đức Cha đặt tên cho là Xuyên, tên của con sông và dân làng. Sau khi họp công hội và phân chia địa phận, Cha Xuyên theo giúp cha bề trên giám tỉnh tại Nam Am cho tới tháng 3-1850 được Đức Cha Sanjurjo, địa phận Bùi Chu, đặt làm bề trên chủng viện ở Cao xá.

Cha Sampedro hết lòng chu toàn bổn phận và đặc biệt có tinh thần khắc khổ, ham thích cầu nguyện và hãm mình ăn chay và đánh tội tùy theo mức độ cha linh hướng cho phép. Đời sống thánh thiện của cha đã khiến bề trên cất nhắc lên làm tổng đại diện năm 1852. Cha Sampedro còn dành nhiều thời giờ để dịch các sách và dạy giáo lý cho 54 gia đình gần 500 người tại một làng gần Cao Xá. Đức Cha Sanjurjo đã viết về công việc tông đồ của cha như sau: *“Họ đạo mới lập này ngoài ơn Chúa phải kể công đầu cho Cha Sampedro, cha chính địa phận và bề trên nhà dòng, đã mở đường cho cuộc trở lại tập thể. Ngoài ra cha cũng giảng dạy cho ba bốn làng kế cận. Các dân làng thích nghe người giảng và mong muốn nhận lãnh phép rửa tội”*.

Trong hoàn cảnh cấm đạo, Đức Cha Sanjurjo đã được phép Tòa Thánh chọn đức cha phụ tá và người chọn cha chính Sampedro. Lễ phong chức đã diễn ra tại Bùi Chu ngày 1-9-1855 khá long trọng. Chẳng bao lâu Đức Cha Sanjurjo bị bắt ngày 21-5-1857. Đức Cha Sampedro làm mọi cách để chuộc tự do cho đức cha kể cả việc vận động với sứ quán Tây Ban Nha và Pháp, nhưng tầu đến vịnh Bắc Việt thì Đức Cha Sanjurjo đã bị chém đầu. Tình thế mỗi ngày một thêm trầm trọng, quan tổng đốc ra thêm nhiều lệnh truy lùng đạo trưởng và bắt mọi người phải đập ảnh. Các xã trưởng phải làm tờ trình đã bỏ đạo và mỗi làng phải dựng chùa. Đức Cha Sampedro vội phong chức giám mục phó cho Cha Valentino Berrio-Ochoa mới sang Việt Nam vào đêm ngày 13-6-1858 trong một nhà giáo dân.

Dù làm đầu địa phận, Đức Cha Sampedro thường xin các cha khác chỉ vẽ các sai lỗi của mình và năng nhận mình là một tội nhân trước mặt mọi người. Ngoài việc mặc áo nhặm thường xuyên, đức cha còn có lòng kính mến Đức Mẹ, đầu các thư viết bao giờ cũng có ghi tên Maria. Đức cha thường khuyên nhủ người khác đừng bao giờ bỏ

DÒNG MÁU ANH HÙNG

lòng tôn kính Đức Mẹ là Mẹ Thiên Chúa, chính người mỗi ngày lần hạt kính những sự thương khó của Đức Mẹ.

Trước những cuộc lùng bắt thường xuyên của các quan, đức cha phải đổi chỗ trú ẩn luôn. Thế nhưng đêm ngày 7-7-1858, đức cha bị bắt với hai chú Dominicô Tiệp và Dominicô Hiền tại Kiên Lao. Khi làng Kiên Lao bị quân lính bao vây, đức cha đang trốn ở một nhà bên ngoài vòng vây. Đức cha trốn trong hầm ở ngoài đồng và ban đêm dân chúng bị các quan hành hung chạy trốn ra ruộng lúa, đức cha cũng theo họ chạy ra ruộng lúa nhưng bị rượt theo, qua khỏi ba cánh đồng thì bị bắt. Hôm sau, 8-7, người bị áp giải về Nam Định. Đức cha luôn luôn tỏ ra vui vẻ trong tù, chịu đựng mọi hành hạ.

Các quan tra hỏi nhiều điều song đức cha chỉ một mực xưng đức tin và chối mọi điều các quan buộc tội cho. Các quan buộc cho người ba thứ tội: lên lút giảng đạo đã bị cấm, bí mật kêu tàu ngoại quốc đến và là thủ lãnh của một đảng phản loạn. Đức Cha Sampedro hiền ngang nhận điều thứ nhất, còn điều thứ hai, đức cha nói rằng tàu ngoại quốc tới chỉ có mục đích duy nhất là xin tự do tôn giáo, điều buộc tội thứ ba hoàn toàn ngược lại với thư chung gửi giáo dân trong đó cấm người Công Giáo không được theo người làm loạn, nếu không tuân theo lệnh sẽ không được nhận các bí tích.

Dù biện hộ thế nào các quan cũng khép án như sau: “*Luật pháp trong nước nghiêm cấm đạo Giatô, nhưng đạo trưởng Xuyên đã cả gan xâm nhập để lừa dối dân chúng từ chín năm nay. Theo như lời khai của chính tội nhân, hắn là thủ lãnh tín đồ Giatô ở các huyện Giao Thủy, Kiên Xương và Thái Bình cũng như các tín đồ ở tỉnh Hưng Yên, Hải Dương. Vì thế đạo trưởng tên Xuyên tội đáng phải chết. Tội của hắn còn nặng thêm vì đã bí mật sai người đi đem tàu Âu Châu tới để xúi dục dân chúng làm loạn như nhiều người phản nghịch đã khai*”. Bản án của các quan tỉnh Nam Định được vua Tự Đức phê: “*Như đã bắt được đạo trưởng Âu Châu thì phải chém đầu và bêu đầu ba ngày rồi ném xuống sông. Thế nhưng vì tên nghịch này đã lập đảng và đứng đầu nên tội ra nặng thêm. Trong khi tra khảo, nó chối tội ác này nhưng những người khác đã xưng ra. Phải coi hắn là đầu đảng nghịch và chiếu theo luật pháp thì phải xử phân thân. Đầu phải bêu ba ngày rồi bỏ xuống sông để mọi người biết rõ lẽ luật*”.

LM. VŨ THÀNH

Hài cốt của vị chủ chăn anh dũng sau khi bị chôn ở hố được giáo dân đem về chôn ở Bùi Chu. Năm 1888, Đức Cha Venceslao Onhate cho phép mang di hài về quê quán ở Oviedo chỉ giữ lại cánh tay mặt ở Bùi Chu và cánh tay trái ở nhà Dòng Đa Minh tại Manila.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của CAI ĐỘI PHANXICÔ TRẦN VĂN TRUNG

(bị bắt khoảng tháng 8-1858, xử tử ngày 6-10-1858)

Dối với người Việt, tên rất quan trọng vì nó nói lên đức tính và chí hướng của người ấy, nhất là trong trường hợp của vị anh hùng đức tin Phanxicô Trần Văn Trung. Người tỏ ra trung thành với quốc gia đồng thời chọn cái chết để trung thành với đức tin.

Phanxicô Trung sinh khoảng năm 1825 tại làng Phan Xá tỉnh Quảng Trị. Cha người là cai đội Nhân, chết sớm, mẹ người là Nụ đi tái giá. Khi mới lớn, cậu Trung đã gia nhập quân đội. Theo lời khai của dì phước Catarina Thanh, là con gái đầu lòng, thì dù ở trong quân ngũ cậu Trung vẫn chăm chỉ đọc kinh và giữ đạo, không ai trách cứ được điều gì. Năm 25 tuổi ông Trung lập gia đình với cô Ca cũng ở làng Phan Xá. Hai người sinh hạ được ba người con. Ông Trung vì phải tự lập thân sớm nên rất thành thạo việc đời, hơn nữa tính ông vốn thành thật cương quyết, nói ra là giữ lời nên mọi người đều tin cẩn.

Khi có khóa thi võ ông Trung cùng với 11 người dự thi, nhưng vì có sự đút lót và các quan chia tiền không đều nên việc đến tai vua. Vua Tự Đức truyền giam tất cả trong tù. Tháng 9-1858 liên quân Pháp và Tây Ban Nha đánh cửa Hàn, Đà Nẵng, để đòi tự do tôn giáo và buôn bán, vua Tự Đức cho phép các tù nhân được tình nguyện đi đánh giặc lập công. Cả thầy 12 người lính thi võ đều ghi tên đi. Các quan muốn phòng ngừa người Công Giáo nội ứng nên bắt mọi người trước khi đi đánh ngoại xâm phải dâng hương trước bàn thờ tổ tiên và đập ảnh chuộc tội. Ông Trung vì muốn giữ đạo nên đã không làm như 11 người kia. Quan liền hạch hỏi: “Sao chú không đập qua thập giá, đúng chú là người có đạo?”

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Ông Trung can đảm thưa: “Vâng tôi là người Công Giáo. Tôi sẵn sàng đi đánh giặc, nhưng phải chối đạo thì không khi nào”.

Câu trả lời khảng khái của người lính chiến của Chúa Kitô đã khiến quan tức giận bắt người vào ngục trở lại. Ban đêm bốn quan vào tù dụ dỗ người bỏ đạo để đi đánh giặc giúp nước, song người vẫn một lòng giữ vững đức tin. Không dụ dỗ được người, các quan liền cho đánh đòn ba trận, mỗi trận 50 roi. Roi đòn cũng không lay chuyển được người lính dũng cảm, nên các quan giam người trong ngục và làm án chém đầu.

Suốt trong hai tháng bị giam trong tù, ông Trung rất sốt sắng đọc kinh cầu nguyện. Vẫn theo lời khai của người con gái lúc ấy mới 8 tuổi đã giúp cha trong một tháng tù thì người đã nói: “Điều cha mong ước hơn hết là vua kết án tử cho cha. Con không học đạo ở đây được vì hằng nghe những lời xấu xa của người ngoại, vậy con hãy về nhà với mẹ thì hơn. Song con hãy nhớ chắc điều này là dù phải túng cực thế nào thì cũng đừng ở chung với người không có đạo, nhưng hãy ở giữa những người có đạo. Hễ cha sở Quang có khuyên bảo điều gì thì con hãy hết lòng mà giữ”.

Lần khác ông Trung khuyên bảo vợ: “Nếu tôi phải chết phen này, xin mình hãy thương mấy đứa con, coi sóc chúng tận tình và đừng đi lấy chồng nữa”.

Khi nhớ ra còn mắc nợ người ta, người sợ sau này chủ nợ bên lương bắt con mình phải ở nợ thiệt hại phần linh hồn, liền bảo vợ về nhà bán các đồ đạc để trả nợ trước đi kéo sau này sinh ra nhiều điều bất lợi trong gia đình.

Bản án của các quan viết: “*Trần Văn Trung, cai đội cơ binh tuyên văn phong bị tố cáo gian lận trong trường thi và đã bị giáng chức cùng phải giam tù. Có tình nguyện đi đánh giặc nhưng không chịu quá khóa vậy phải xử trảm*”. Vua Tự Đức đã y án.

Ngày 6-10-1858, năm quan dẫn 60 người lính đem ông Trung ra chợ An Hòa để xử. Một tên lính thị vệ đi trước cầm tấm thẻ bài ghi: “Đây là người theo tà đạo, các quan theo lệnh vua đem đi chém đầu”. Cha Thoại từ Dương Sơn nghe biết tin liền trá hình đến để giải tội. Cha gặp ông Tâm là anh em với đội Trung liền hẹn dấu này là tại nơi xử cứ nhìn về phía trước, thấy ai cầm điều thuốc giơ lên ngang mắt thì

LM. VŨ THÀNH

dục lòng ăn năn tội để lĩnh phép tha tội. Tới nơi xử, vị tử đạo đã thấy như lời hẹn liền sốt sắng làm dấu đọc kinh. Tuy nhiên các quan lại bàn nhau: “Lúc này quân Pháp đang ở cửa Hàn nếu họ biết mình giết người có đạo lại tấn công, chi bằng cho người xin lĩnh ý kiến của vua”. Mọi người chờ đến tối mới có lệnh của vua truyền chém đầu tức khắc. Khoảng 8 giờ tối các quan truyền lệnh hành quyết. Vị anh hùng xung đức tin quì gối giữa pháp trường, lấy vôi ghi dấu thánh giá ở cổ rồi đưa đầu cho lý hình chém.

Lý hình tốt gươm chém đứt đầu rồi bỏ đó, các quan cấm không được ai lấy xác trong ngày. Đến ngày 8-10 các bốn đạo đem xác về chôn ở họ Dương Sơn.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC ĐA-MINH MẪU

(bị chém tại Hưng Yên ngày 5-11-1858)

Jrên đường ra pháp trường, một người cổ đeo tràng hạt ra ngoài, tay chấp lại như khi đang làm lễ, tiến bước hân hoan đầy dũng cảm, đó là Cha Đa Minh Mẫu, Dòng Đa Minh.

Cha Mẫu sinh khoảng năm 1808 tại làng Phú Nhai, phủ Xuân Tràng, tỉnh Nam Định, con ông Gioan Mĩ và bà Maria Lang. Ngay từ bé chú Mẫu đã dâng mình trong nhà Đức Chúa Trời, rồi lần lượt được gửi theo học Latinh và lý đoán và là một linh mục đạo hạnh. Lòng sốt sắng đã thúc đẩy cha gia nhập Dòng Đa Minh.

Cha Đa Minh Mẫu được sai đi làm việc mục vụ tại xứ Kẻ Diên trong khi Vua Tự Đức ra lệnh cấm đạo gắt gao. Cha bị bắt khoảng giữa năm 1858 tại Kẻ Diên, cha vừa được 50 tuổi. Cha bị giải về tỉnh Hưng Yên, địa phận Đông Bắc Việt. Ở đây cha bị giam tù hơn hai tháng tại nhà quan án và bị tra tấn nhiều lần ép buộc chối đạo.

Trong nhà giam Cha Mẫu tiếp tục giúp các giáo dân đến xưng tội và khuyến khích các bạn tù can đảm xưng đạo. Bà Anna Ngoan đã làm chứng như sau: “Tôi thường đem thức ăn cho cha trong hai tháng cha bị giam giữ tại nha quan án. Tôi vẫn thấy cha vui tươi hiền hòa đến nỗi các lính canh cũng thán phục. Người khuyên các giáo dân

DÒNG MÁU ANH HÙNG

đến thăm hãy bền vững trong cơn khốn khó hiện tại và sẵn sàng ban phép giải tội cho họ. Chính tôi đã dẫn nhiều người đến với cha. Người luôn đeo tràng hạt ra bên ngoài cổ và dành nhiều thời giờ để cầu nguyện. Trong các lần bị gọi ra trước mặt quan, người can đảm xưng đạo và sẵn sàng chịu chết vì Chúa Kitô.”

Các nhân chứng không biết rõ Cha Mầu bị kết án như thế nào, chỉ biết khoảng trưa ngày 5-11-1858 cha bị dẫn ra pháp trường tỉnh Hưng Yên và bị chém đầu. Trên đường ra pháp trường, hai tay cầm xích chụm lại, miệng đọc kinh. Có rất đông người đến xem và tỏ ra rất thán phục.

Xác Cha Mầu được giáo dân đem về chôn tại nhà thờ Mai Lĩnh, tỉnh Hưng Yên. Nhờ lời bầu cử của người, ông Đa Minh Đỗ thuộc họ Đức Bà Thượng Lạc, xứ Kẻ Diền đã được khỏi bệnh đau bụng nguy kịch cách lạ năm 1874. Ông Đỗ đã làm chứng trước tòa án điều tra ngày 16-6-1894. Cũng trong cuộc điều tra này còn một nhân chứng khác quả quyết bà Thị Chi, 50 tuổi thuộc làng Lập Bái, đã được chữa khỏi quỷ ám năm 1884. Cũng năm đó, một người lương tên là Cai Thìn cũng được chữa khỏi quỷ ám nhờ cầu khẩn tại mộ Thánh Đa Minh Mầu. Các phép lạ này đã được tám giáo dân thể và làm chứng.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của CAI TỔNG LUCA PHẠM VIẾT THÌN

(bị bắt tháng 6-1858, bị thắt cổ 13-1-1859 tại Nam Định)

Jhánh Luca Thìn, tên được viết là Phạm Viết Thìn theo bản án của triều đình, là con của cụ quan án Đa Minh Khảm và bà Agnes Phương, thuộc họ Đức Bà xứ Quần Cống, tỉnh Nam Định. Nhà giàu nên người được học hành đến nơi đến chốn, làm chánh tổng mới có 30 tuổi. Người lập gia đình với cô Maria Tâm. Nhưng chức vụ chánh tổng bắt người phải đi nhiều nơi và vì tuổi trẻ người đã có vợ lẽ. Sau ba năm bị ốm nặng người hứa với Chúa sẽ sửa đổi cuộc sống. Người từ bỏ vợ lẽ và theo lời cha giải tội người đã sống cuộc đời đạo hạnh.

Ngày 28 tháng 4 năm Tự Đức thứ mười một (6-1858), Đức Cha Sampetro nhờ Luca Thìn là người thông thạo quan trường, lên tỉnh

LM. VŨ THÀNH

Nam Định xin với quan thượng Tần nhân nhượng cho người Công Giáo, và cam đoan rằng người Công Giáo hết lòng trung thành với vua và không khởi nghịch. Nhưng rủi thay lúc ấy xảy ra vụ một người Công Giáo nổi loạn ở Cao Xá khiến quan thượng Tần giận dữ bắt giam Luca Thìn, và coi người Công Giáo là lũ phản nghịch. Lúc ấy có tin đồn là làng Quần Cống chứa chấp thừa sai nước ngoài, quan ra lệnh đi vây làng Quần Cống. Quả thực lúc ấy có Đức Cha Sampedro và Cha Estevez đang ẩn trốn ở đây.

Trong khi lính đi vây làng thì Luca Thìn đã bị quan thượng tra hỏi ba lần. Bị ép buộc đập ảnh thánh giá, Luca Thìn một mực từ chối nên bị xích lại và giam trong tù. Người thân nhiên viết tờ giấy nói rõ sự khảng khái của mình: *“Tôi sẵn sàng chịu mọi hình khổ kể cả cái chết khổ cực nhất, nhưng không bao giờ chối bỏ đạo của tôi. Chính tay tôi viết. Luca Thìn”*. Vì thế quan sai thêm lính đến bắt họ hàng của Luca Thìn. Những người ngoại đạo trong tù khuyên người chối đạo để giữ của cải và mạng sống. Người nói: *“Xin các bạn để tôi yên và đừng nói với tôi điều này nữa, tôi thà mất của cải, chịu mọi cực khổ dữ dần nhất hơn là đang tâm phạm đến ảnh thánh của Chúa tôi. Tôi tuyên xưng rằng tôi không có gì khác hơn là ước muốn được đổ máu ra vì đạo thánh của tôi”*.

Đầu tháng 7, cụ án Khảm là cha của người cũng bị bắt với một số người tín hữu làng Quần Cống và được đem đến Nam Định. Luca Thìn lại bị các quan đem ra luận xử với cha mình. Thấy cha mình cũng bị bắt vì Chúa thì người mừng rỡ chào cha và can đảm xưng đạo trước mặt ba quan lớn.

Vài ngày sau, hôm 7-7, Đức Cha Sampedro cũng bị bắt và giải về tỉnh Nam Định. Các quan đem Luca Thìn ra đối chất với đức cha. Không sợ các quan, Luca Thìn quì gối kính cẩn chào đức cha, vị chủ chăn khả kính. Quan giận dữ sai đem về ngục, bắt chịu nhiều hình phạt hơn nữa.

Suốt trong bốn tháng mười ngày, các vị anh hùng Quần Cống sống chung với nhau trong cảnh tù đầy, khích lệ nhau can trường.

Ngày 13-1-1859, quan ra lệnh đem các đấng đi hành quyết. Luca Thìn không biết các quan xử mình vì tội gì nên xin được gặp quan lớn. Người nói với quan: *“Xin quan lớn cho biết vì tội gì mà tôi bị xử tử?”*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Quan đáp lại là vì tội phản nghịch, đem thừa sai ngoại quốc vào trong nước. Người bác lại: “Chúng tôi có tiếp đón đạo trưởng Tây Phương và theo đạo Công Giáo, nhưng chúng tôi không bao giờ manh tâm chống lại vua”.

Quan lại nói: “Nguyên điều này người cũng đáng chết vì có lệnh của vua cấm theo đạo và người không chịu đập ảnh”.

Đến đây Luca Thìn nghe biết mình chịu chết vì đạo thì vui mừng khoanh tay chào các quan và xin cho mình được chết vì đạo. Sau đó người lấy ảnh thánh giá trong ngực ra cắm ở tay, hiên ngang đi ra pháp trường, như một dấu xưng đạo và thống hối công khai.

Theo thư của Thánh Giám Mục Berrio-Ochoa viết ngày 2-8-1859 thì cùng bị xử trong ngày 13-1-1859 có cha con Thánh Khảm, Thìn, hai anh em cột chèo Giuse Tả, Khoá Sơn và Lý Lê cùng bốn giáo dân khác thuộc địa phận Tây.

Có người cho rằng cụ Án Khảm và Giuse Tả có liên hệ anh em, sự thực theo các tài liệu chính thức thì không có tài liệu nào nói tới liên hệ anh em giữa cụ Án Khảm và Giuse Tả.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của QUAN ÁN ĐA-MINH PHẠM VIẾT KHẨM

(bị bắt tháng 7-1858, bị thắt cổ 13-1-1859 tại Nam Định)

Xứ Quần Cống là một họ đạo kỳ cựu và sốt sắng phần lớn nhờ lòng đạo đức của quan án Đa Minh Phạm Viết Khảm, 80 tuổi, và con người là chánh tổng Luca Thìn. Năm 1858 vua Tự Đức lòng bắt các thừa sai nên họ đạo đã đón Đức Cha Sampedro về ẩn trú. Chính vì vậy mà làng bị bao vây ngày 2-6 (7-1858) và một số huynh thứ trong làng cũng bị bắt như Giuse Cai Tả, Đa Minh Khoá Sơn, Đa Minh Lý Lê và bõ coi nhà thờ là Gioan Tăng.

Khi quân lính từ Nam Định về vây làng, quan án Khảm nói với dân chúng: “*Nếu có người nào bước qua ảnh chối đạo thì khi quan rút rồi, làng sẽ không nhận họ khi còn sống và khi chết sẽ không được chôn*”.

LM. VŨ THÀNH

Lúc quan đến triệu tập mọi người ra đình làng, quan nói với cụ án Khảm: *“Các thừa sai có người ngoại quốc mà cũng có người bản xứ và các thầy giảng. Người có chúa chấp hay không, nếu không xưng ra ta bắt được thì nhà cửa phải phá hủy, mọi tài sản bị tịch thu và bị xử tử”*.

Cụ án Khảm thưa: *“Đạo chúng tôi luôn có các linh mục, nhưng các đấng ở đâu tôi không được biết, nếu quan bắt được người nào trong làng này thì quan muốn xử tôi thế nào thì xử”*.

Quan liền ra lệnh mọi người phải đập ảnh. Thấy một người già vì sợ hãi bước ra toan đập ảnh, cụ Đa Minh Khảm liền chặn lại. Quan tỉnh tức giận nguyên rủa: *“Ta sẽ mất chức mất của nếu án Khảm không bị giết, và nhà hắn không bị hủy”*.

Nói rồi quan tỉnh đến nhà cụ án Khảm tịch thu đồ đạo và mọi của quý báu và sửa soạn vét của tại các nhà dân. Trong số tài sản có nhiều đồ của giáo hội, vì cụ Đa Minh Khảm làm trùm, nhưng người chỉ nói với các quan: *“Các quan lấy của nhà thờ và của tôi, nhưng xin đừng xâm phạm đến tài sản của nhân dân vì họ không có tội gì”*.

Bấy giờ quan cho bắt các người đàn ông trở lại giải về tỉnh.

Trên tỉnh, cụ Đa Minh Khảm gặp lại con và cùng nhau xưng đạo trước mặt các quan. Khi các quan bắt được Đức Cha Sampedro ở Kiên Lao và giải về Nam Định, cụ Đa Minh Khảm bị dẫn ra tòa đối chất với đức cha. Gặp đức cha, cụ Đa Minh Khảm và các anh hùng Quần Cống hân hoan phủ phục chào kính không e sợ gì các quan. Đức cha khuyên họ can trường đến cùng rồi bị đem đi, còn lại cụ án Khảm bị quan chất vấn: *“Các người nói là không có chúa chấp đạo trường sao khi vừa gặp đã tỏ ra hân hoan cung kính?”*

Cụ án Khảm thưa lại: *“Chúng tôi vui mừng vì được nhìn thấy vị cha chung. Thật vậy trong đạo chúng tôi, các tín hữu rất cung kính các đạo trưởng, người Âu Châu cũng như người bản xứ”*.

Vì vậy các quan truyền giam các vị vào trong ngục. Trong nhà giam, cụ án Khảm, một người dòng ba Đa Minh, đã sốt sắng khuyên bảo các bạn tù vững lòng và giúp đỡ họ các cái cần thiết. Ông từ Gioan Tăng bị tra tấn nhiều quá không chịu nổi nên đã chết trong tù. Sau bốn tháng mười ngày, 13-1-1859, quan thượng truyền lệnh đem các

DÒNG MÁU ANH HÙNG

đăng đi chém đầu. Hôm ấy các đảng cũng được Cha Lương và Cha Duyệt, cũng bị giam ở đó, giải tội.

Cụ án Khảm bị thất cổ chết ngay (tài liệu chính thức nói người bị chém nhưng theo một số lời khai khác thì nói cụ bị thất cổ). Quân lính lấy lửa đốt mặt, chân và tay người. Hai người chứng là Đa Minh Nhượng và Đa Minh Diên đã đem xác các đảng về chôn ở nhà thờ Đức Bà Mân Côi ở Quần Cống.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của CAI ĐỘI GIUSE TẢ

(bắt tháng 7-1858, bị thất cổ 13-1-1859 tại Nam Định)

Các nhân chứng không biết gì nhiều về thân thế của Thánh Giuse Tả, chỉ biết rằng người làm phó tổng làng Quần Cống. Khi quân của tỉnh Nam Định về vây làng Quần Cống vì có tin báo thừa sai đang trốn ở đây. Ông Giuse Tả cùng bị bắt một lượt với Thánh Đa Minh Khảm, Đa Minh Sơn, Gioan Tăng. Người đã có vợ nhưng vợ đã chết trước.

Khi bị bắt ra đình làng điếm danh và ép buộc đạp ảnh, ông Giuse Tả đã can đảm xung đạo, nhất mực yêu Chúa đến chết chứ không dám phạm tội như vậy. Về tỉnh Nam Định, Giuse Tả còn bị đem ra tòa ép buộc chối đạo ba lần, nhưng người vẫn một mực chống lại lời dụ dỗ, quyết một lòng chịu chết vì Chúa. Chính tay người đã viết một tờ tuyên xưng như sau: *“Tôi là Giuse Tả, không bao giờ muốn chối đạo vì đó là điều ghê sợ đối với tôi. Tôi sẵn lòng chịu mọi thứ cực hình hơn là làm việc phản bội Chúa tôi”*. Người bị giam tù bốn tháng rưỡi.

Ngày 13-1-1859, ông Giuse Tả, 60 tuổi, cùng với Án Khảm và Thìn bị đem ra pháp trường Năm Mấu ở Nam Định thất cổ, anh dũng dâng mạng sống mình cho Thiên Chúa. Trong vụ hành quyết, ông Đa Minh Nhượng là người vẫn thăm nuôi ông ở trong tù, đã làm chứng và chôn cất xác người ở Quần Cống. Ngày 3-1-1866 Cha Trường cải táng người về chôn ở nhà thờ họ Đức Bà Mân Côi.

LM. VŨ THÀNH

**Cuộc Xung Đao & Tử Đao của
LINH MỤC PHAOLÔ LÊ VĂN LỘC**

(bị bắt ngày 21-12-1858, xử trảm ngày 13-2-1859)

*M*ai tuần lễ sau ngày Cha Lộc bị chém, Đức Cha Lefebvre viết bài tường thuật về cuộc đời của cha và kết thúc bằng những dòng chữ thật cảm động: “*Bây giờ cha ở đâu, cha Phaolô thân yêu của tôi? Trong lúc này tôi đang ở trong nhà nơi chúng ta đã chung sống với nhau; mắt tôi ngó cùng khắp những chỗ cha vẫn hiện diện, tôi muốn cất tiếng gọi cha, còn đây những áo quần, giấy vở... Nhưng làm sao tôi lại khóc, lại thương tiếc cho những khốn khổ cha đã phải chịu. Giờ này đây cha được ở nơi tốt đẹp hơn bội phần, nhập đoàn với những người sung sướng nhất, với các thiên thần và các thánh. Cha hãy vui hưởng hạnh phúc với Chúa Giêsu Kitô và hãy trợ giúp chúng tôi để mai ngày chúng tôi cũng được hưởng phần hạnh phúc ấy*”.

Theo lời tường thuật của đức cha và nhiều nhân chứng, Cha Lộc sinh năm 1830 tại làng An Nhân, tỉnh Gia Định, trong gia đình Công Giáo đạo hạnh, cha của người đã làm trùm dạy đạo. Khi còn bé mọi người gọi cậu là Đông.

Cậu đã phải mồ côi cha từ năm mười tuổi nên được Cha già Lợi nhận nuôi, và hai năm sau gửi vào chủng viện học Latinh với Đức Cha Lefebvre. Năm 1843 cậu Lộc được gửi sang du học ở chủng viện Penang. Trong bảy năm học Thầy Lộc tỏ ra xuất sắc, nhất là năm cuối cùng thầy đứng thứ ba. Năm 1850, Thầy Lộc trở về nước với lời khen ngợi sẽ có nhiều hy vọng cho địa phận. Ban đầu đức cha sai thầy đi dạy giáo lý cho bốn đạo. Thầy trội vượt hơn mọi người trong các cuộc tranh luận, khiến các nhà sư phải khâm phục. Thầy được gọi chịu các chức nhỏ, và trong khi chờ đợi thầy được chỉ làm giáo sư dạy các chú. Thầy Lộc có nhân đức nhẫn nại phi thường, sẵn sàng cắt nghĩa cả trăm lần cho các chú hiểu. Đức cha nhiều lần gọi thầy đến để nói truyện vì thầy có tài nói truyện giúp đức cha giải khuây. Mỗi lần đề cập tới vấn đề tử đạo thì giọng thầy trở nên hùng hồn, khuôn mặt chiếu sáng niềm vui.

Đức cha ấn định ngày 7-2-1857 để truyền chức linh mục cho thầy, song thầy tỏ ra sợ hãi nhưng rồi cũng vâng lời đức cha, cấm phòng

DÒNG MÁU ANH HÙNG

dọn mình thật sốt sắng. Sau đó Cha Lộc được cử làm bề trên chủng viện ở Thị Nghè. Dù gặp thời buổi khó khăn, Cha Lộc đã có thể lèo lái chủng viện tồn tại trong hai năm. Nhưng vì có một thầy giảng bị bắt và vượt ngục khiến quân lính truy lùng khắp mọi nơi có người Công Giáo khiến cha phải giải tán chủng viện đi ẩn. Ngày 21-12 Cha Lộc lén trở về Thị Nghè để giúp cho Thầy Nhiên mới trốn. Mọi người can thì cha nói để một mình cha đi chịu tử đạo.

Đêm ấy Cha Lộc trọ ở nhà ông Ngôn là người đỡ đầu, có một người đàn bà bên lương hay biết mách với anh mình là cai đội đem lính đến vây bắt. Theo lời của bà Ngôn, chính Cha Lộc không chịu để cho ai nói quanh nhưng thẳng thắn nhận mình là linh mục. Cha bị đóng gông giải về nha huyện, cùng với ông Ngôn, Vọng và Thuyên.

Suốt trong hai tháng giam tù cha bị tra khảo bốn lần nhưng các quan không đánh đập tàn nhẫn. Những người có mặt sau này làm chứng rằng cha luôn luôn can đảm xưng mình là linh mục và không bao giờ chịu bỏ đạo dù quan hứa cho làm ký lục. Ngoài những giờ đọc kinh, Cha Lộc còn khuyên bảo người trong tù và đã rửa tội được một người lương trở lại. Cha Triêm đã đến giải tội và mang Minh Thánh cho cha.

Hôm Chúa Nhật ngày 13-2-1859 quan được án phê của triều đình liền đem Cha Lộc đi hành quyết. Cha Lộc điềm nhiên theo bọn lính ra trước mặt quan và thản nhiên đọc kinh. Trên đường cha trao lại cho ông Thuyên cổ tràng hạt và áo Đức Bà. Ra khỏi thành, người lính đóng cọc, dựng bản án kể bên, trong khi Cha Lộc quì gối đọc kinh. Sau hai nhát gươm, đầu vị tội tử trung kiên rơi xuống đất trong khi linh hồn bay về với Chúa, để lại cho giáo dân dòng máu hiền ngang làm gương mẫu. Tấm bia viết như sau: *“Đạo trưởng Lê Văn Lộc thuộc phủ Tân Bình, huyện Bình Dương, tổng Bình Trị, làng An Nhơn, vì không chịu bỏ đạo nên bị xử tử. Tự Đức năm thứ mười một, ngày 11 tháng Giêng”*.

Tối chiều, quan cho phép một số người đem xác cha đi chôn. Xác cha được tắm liệm cẩn thận và được chôn tại Chợ Quán. Ngày 29-4-1863 Đức Cha cho bốc mộ và đem di hài đựng vào hòm quí đặt trong nhà nguyện của các nữ tu Dòng Thánh Phaolô.

LM. VŨ THÀNH

**Cuộc Xung Đao & Tử Đao của
LINH MỤC ĐA-MINH CẨM**

(bị bắt 21-1-1859, bị chém 11-3-1859 tại Hưng Yên)

Cuộc xung đao và tử đao Của cha Đa Minh Cẩm đã được chính Thánh Giám Mục Valentino Ochoa tường thuật trong thư đề ngày 2-8-1859 như sau:

Ngày 21 tháng Giêng năm nay, có một linh mục thuộc địa phận Trung tên là Đa Minh Cẩm bị bắt dẫn về tỉnh Hưng Yên và giam tù. Theo thư người viết cho một vị thừa sai thì người bị bắt vì đã nhiệt thành đi giúp giáo dân nên bị người lương tố cáo với quan. Lính được sai đến bắt người ở làng Hà Lang nơi người đang trú ẩn. Cha Cẩm đã mạnh dạn xung đao trước mặt các quan và công khai nhận mình là linh mục Công Giáo, sẵn sàng chịu chết hơn là dẫm chân lên ảnh chuộc tội.

Trong tù, Cha Cẩm được quan cũng như lính quý mến và để cha được tự do gặp giáo dân, ban các phép cho họ... Ngày 11-3-1859 án lệnh của triều đình đến truyền phải đem đi chém đầu. Cha Cẩm vui mừng đi theo hai hàng lính đến pháp trường. Tới nơi người vui mừng đưa đầu cho lý hình. Chỉ một lát gươm, đầu người rơi xuống đất, giáo dân được tự do thắm máu và đem xác người về an táng tại sinh quán.

Theo lời khai của các nhân chứng thì Cha Cẩm rất trẻ tuổi, sinh tại làng Cẩm Chương, xứ Kẻ Rôi, tỉnh Bắc Ninh. Theo lời khai của bà Maria Huê thì Cha Cẩm đã bị giam giữ ở nhà quan án, và khi đi ra pháp trường người đã bộc lộ sự vui mừng hơn hờ. Tới nơi xử người còn nói với lính đao phủ như sau: “Hãy chém cho ngon để đầu của tôi rơi xuống đất mau lẹ”. Thế nhưng người lính đã run rẩy chém ba nhát và sau cùng phải cứa cổ cho đầu rơi xuống. Bên cạnh chỗ Cha Cẩm quì chịu xử có gấn bản án. Nơi xử là bờ sông ở tỉnh Hưng Yên. Xác người được chôn cất tại làng Cẩm Chương là quê quán của người.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cuộc Xung Đao & Tử Đạo của ÔNG PHAOLÔ HẠNH

(xử tử ngày 28-5-1859 tại Sài Gòn)

Lời của Chúa Giêsu nói với người trộm lành ngày xưa “Thật tôi hứa với anh, ngày hôm nay anh sẽ lên thiên đường với tôi”, rất thích hợp cho trường hợp của vị anh hùng tử đạo Phaolô Hạnh. Trước khi bị kết án vì xung đạo, người đã không sống lương thiện, nói đúng ra là đã lập một nhóm người chuyên nghề ăn cắp.

Phaolô Hạnh sinh tại Chợ Quán trong khoảng năm 1826-1827. Khi còn bé đã theo bọn người bắt lương, về sau theo hai người anh lớn là Thanh và Ngai chuyên nghề trộm cướp. Chính người tụ tập các trẻ lang thang để sai đi cướp giật. Theo lời bà Luxia Nguyễn Thị Vang thuật lại, thì một đêm các lâu la đến nhà bà Hồng ăn trộm, sáng hôm sau gặp Hạnh bà đã nói lại vì Hạnh thường lui tới nhà bà. Hạnh bắt các lâu la trả lại những đồ đã lấy khiến bọn chúng tức giận liền đi tố cáo với xã trưởng là Hạnh có liên lạc với người Pháp. Xã trưởng tên là Tri và Xa Đét vì sợ Hạnh không dám làm gì, lạng lẽ lên tố cáo với quan tỉnh. Thế là Hạnh bị bắt đưa tới quan án ở Bà Queo. Trước mặt quan người đã cực lực chối: *“Tôi không bao giờ giúp cho bọn người mọi rợ Âu Châu, cũng như không bao giờ liên lạc với họ”*.

Quan không bắt người khai được điều gì để bắt tội thì quay sang buộc tội theo đạo Công Giáo như sau: *“Mày và rất nhiều người Chợ Quán theo đạo Gia Tô”*.

Mặc dù không giữ đạo tử tế nhưng Hạnh đã can đảm hiên ngang xưng mình là Công Giáo. Quan liền bắt người đập ảnh chuộc tội, nhưng người cương quyết không chịu. Dù bị đánh đập dữ tợn dù phải kìm kẹp xé thịt, người vẫn không sờn lòng. Trước lòng can đảm xưng đạo, quan ra lệnh cho về nhà giam hy vọng trong ít ngày sẽ nản mà bỏ đạo. Ngày hôm sau quan cho gọi người ra tòa và hỏi như lần trước.

Những vết thương tra tấn vẫn còn rỉ máu nhưng vị anh hùng vẫn một lòng trung thành xưng đạo. Lần này quan ra lệnh tra khảo bằng kìm nung đỏ.

LM. VŨ THÀNH

Mùi khét và đau đớn không lay chuyển đức tin. Quan lớn sáng chế ra một thứ hình khổ khác, sai lý hình đem đe và búa ra để đánh đập ống chân.

Phaolô Hạnh can rằng chịu hình khổ quái ác này. Sau cùng quan chịu thua trước sức mạnh của đức tin, làm án khép tội phải chém đầu vì theo đạo Gia Tô. Án được thi hành ngày 28-5-1859.

Ông Lê Tấn Chúc là anh vợ của vị tử đạo, sau khi thuật lại việc tra tấn và xưng đạo của người, cho biết thêm rằng trên đường đi người anh hùng xưng đức tin đã tỏ ra hiên ngang và cho lý hình nằm lạng bạc. Xác người được chôn ngay tại cánh đồng và về sau người ta đào rãnh qua đó nên không thể ghi nhớ chỗ nào là mộ của người nữa.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC LAURENSÔ NGUYỄN VĂN HƯỜNG

(bị bắt năm 1855, trăm quyết 27-4-1856 tại Ninh Bình)

Là một chủ chăn tốt lành, Cha Hường quan tâm nhất việc giảng giải như lời người nói với giáo dân: *“Nếu anh chị em có nhiều việc cần phải về sớm thì ít nhất phải nghe giảng đã, vì nếu không anh chị em sẽ không biết đàng biết cách giữ đạo”*. Để dọn bài giảng, cha đọc nhiều sách, mỗi tối thức khuya để dọn, vì thế khi giảng dạy cha trình bày rất rõ ràng, sốt sắng, có thú tự mạch lạc giúp người nghe nhớ lâu. Nhiều người nghe cảm động chảy nước mắt. Lòng đạo đức nhiệt thành cứu vớt các linh hồn của cha đã đáng được Chúa chọn làm của lễ đổ máu mình vì đạo.

Theo chứng từ của đứa cháu gọi người là chú, tên Anna Xuân, thì người là con trai thứ bốn. Hồi còn nhỏ cha mẹ người gọi tên là Bơ, khi vào nhà Đức Chúa Trời thì đổi tên là Tuấn và khi học lý đoán đổi tên là Hường, sau làm linh mục có đổi tên khác nữa nhưng người ta cứ quen gọi là Hường.

Cha Hường sinh năm 1802 tại Kẻ Sỏi, xã Tụy Hiền, tổng Trinh Khiết, huyện Hoài Yên, tỉnh Hà Nội. Cha mất sớm, mẹ lại nghèo nên cậu Hường phải đi ở chăn trâu cho người chú tên Thang. Ông chú muốn nhận làm con vì nhà không con, song cậu Hường nhất mực đòi đi tu

DÒNG MÁU ANH HÙNG

nên đã bỏ chú đến ở với Cha Duyệt lúc 12 tuổi. Sau ba năm học chữ Nho cậu được gửi về nhà tràng Kẻ Vĩnh học Latinh. Năm 1834, nhà trường phải giải tán vì vua Minh Mệnh bắt đạo dữ tợn, chú Hưởng về làm thuốc bán rong và ở với ông chú. Trong thời gian ba năm ở nhà này, chú Hưởng vẫn một lòng tu trì, dù ông chú thúc ép lập gia đình và hứa cho hết cả tài sản, ông tổng Phan cũng hứa kiếm vợ cho chú và xếp việc cho làm trong xã.

Khi cơn bắt đạo tạm lắng dịu, đức cha mở chủng viện tại ba nơi là Kẻ Lường, Kẻ Doãn và Bàn Phết, chú Hưởng liền trở về trường ở Kẻ Lường học tiếp, rồi sau về Kẻ Vĩnh. Mãn tràng, chú Hưởng được linh thị làm thầy giảng lần lượt giúp Cha Tuấn ở Kim Sơn, rồi giúp Cha Duyệt tại Bạch Liên. Thầy Hưởng luôn tỏ ra nết na, chăm chỉ làm việc và đơn sơ trong cách ăn mặc. Trong tám năm làm kẻ giảng, không có tiếng xì xầm chê trách thầy mà tiếng khen phục thầy đạo đức thì nhiều. Thầy được bề trên gọi về học lý đoán, mặc dù trí khôn không thông minh nhưng lại có ý chí quyết đoán và chín chắn.

Cha Hưởng thụ phong linh mục ngày nào không có sách nào kể, chỉ biết sau khi làm linh mục, Cha Hưởng tháp tùng đức cha đi giảng ơn toàn xá năm 1851 tại Kẻ Đầm, họ Quán Khoái và mấy họ lẻ thuộc xứ Kẻ Non. Sau đó đức cha sai người về giúp Cha Tường ở xứ Giang Sơn hai năm rồi vào giảng đạo ở Lạc Thổ, một xứ người Mường, khí độc. Sau bốn tháng, cha mắc bệnh sốt rét phải về điều trị trong kinh đô ba bốn tháng cho khỏe rồi lại trở lại nhiệm sở. Trong số những người đi theo cha có một thầy giảng và một chú bị bệnh sốt rét đến thiệt mạng. Sau bốn tháng, Cha Hưởng ra thăm đức cha, đức cha đổi người đi giúp Cha Lân ở Yên Lộc hai năm, và sau đó đến giúp Cha Chắt ở Bạch Bát nơi người đã làm kẻ giảng khi trước.

Cha Phêrô Vũ Văn Ngọc, nghĩa tử của người, làm chứng rằng: “*Cha Hưởng rất mực thốt và sốt sắng làm việc bốn phận. Mỗi sáng người nguyện ngắm và dọn mình làm lễ lâu cả giờ. Khi làm lễ thì nghiêm trang sốt sắng. Sau lễ người còn quì gối cảm ơn lâu. Cha rất siêng năng giải tội, ai đến lúc nào thì giúp họ lãnh nhận bí tích lúc ấy, có khi giải tội cho đến nửa đêm cho tới khi không còn người nào nữa mới thôi. Có ai mời đi kẻ liệt là người bỏ dở việc đang làm để đi ngay không kể nắng mưa hay giữa đêm*”. Khi coi sóc các chị Dòng Mến Thánh Giá ở Bạch Bát, cha hay khuyên bảo họ: “*Chị em đã dâng mình cho Đức Chúa Trời trong nhà dòng thì đừng để lòng trí nghĩ đến những sự thế gian,*

LM. VŨ THÀNH

phải siêng năng kêu cầu với Đức Mẹ cho được lòng khiêm nhường nhện nhục, hòa thuận yêu thương nhau và được ơn trung thành ở trong nhà dòng cho đến trọn đời". Ngoài ra Cha Hưởng có lòng ước ao được chịu tử đạo, trong phòng treo hình Đức Cha Borie Cao chịu tử đạo.

Tháng 11-1855 vào mùa Vọng, Cha Chất và Cha Hưởng đi cấm phòng. Về sau này khi Cha Hưởng bị bắt, Cha Chất nói rằng: *"Khi người ở họ Đại Vương xuống rước đi kẻ liệt thì chúng tôi mới cấm phòng được năm ngày. Tôi thấy người cấm phòng và xưng tội sốt sắng lạ thường, cho nên khi được tin người bị bắt tôi nghĩ ngay rằng Đức Chúa Trời muốn cho người dọn mình chịu chết vì đạo, mới mở lòng cho người cấm phòng sốt sắng như vậy".* Cha Hưởng đang cấm phòng nhưng có người mời đi kẻ liệt, tức tốc đi ngay không có thầy hay chú nào đi theo. Cha đi bộ qua Quảng Nạp rồi tới Cầu Mễ để xuống thuyền đi Đại Vương. Cha và giáo dân chèo thuyền ngang làng Vân Ru, Trà Tu thì gặp phó tổng Thù đang đốc công xây cống. Một người nhà thấy thuyền có mui thì nói ngay là thuyền của cụ đạo. Ông phó tổng Thù liền cho lính rượt theo để bắt hầu mong kiếm tiền chuộc. Bị rượt theo gấp quá, Cha Hưởng bảo giáo dân ghé vào bờ bên kia để trốn, nhưng vì sông cạn, lính lợi xuống đuổi theo và bắt trói cha với ba giáo dân. Chính phó tổng muốn ăn tiền nên nhắn người báo tin cho giáo dân Bạch Bát biết cụ Hưởng bị bắt. Phó tổng đòi 500 quan tiền, nhưng cha già mới liệu được có 300 cho người gánh lên trước, nhưng chẳng may tiếng đồn bắt được đạo trưởng đã lên tới huyện nên phó tổng chẳng dám ăn tiền nữa. Đêm ấy Cha Hưởng phải đeo gông bằng gỗ lim rất nặng, rồi ba ngày sau bị giải lên huyện Yên Mô. Quan huyện cũng chẳng dám ăn tiền hối lộ nói rằng việc này là việc của triều đình không liên quan đến mình rồi lại giải người lên tỉnh Ninh Bình. Cha Hưởng đã nhắn tin dừng chạy tiền làm gì vì Chúa đã định rồi và người sẵn lòng chịu chết vì đạo.

Theo lời tường thuật của chính người viết cho Đức Cha Retord, thì ở trên tỉnh người bị tra khảo cả thầy ba lần. Lần thứ nhất quan án hỏi cha: *"Ông là thầy hay đạo trưởng, quê quán ở đâu?"*

- *"Tôi là đạo trưởng vào tu trong nhà Đức Chúa Trời ngay từ tấm bé, không còn nhớ tên làng sinh ra nữa, cũng chẳng biết thuộc tỉnh nào".*

- *"Người phải đập ảnh chuộc tội để hưởng án nhẹ hơn".*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

- *“Thưa quan lớn, tôi làm đạo trưởng, đi giảng đạo cho người khác, làm sao tôi quá khóa được? Có khi nào con cái dám đập lên đầu cha mẹ? Tôi thờ phượng Thiên Chúa từ lâu rồi, tôi không thể quá khóa, quan muốn chém hay làm gì thì làm”.*

Quan thấy không ép người quá khóa được thì bắt lính cầm đầu gông mà khiêng qua. Thấy cha co chân lên, quan bắt thêm lính đến kéo ghì chân xuống cho đụng vào ảnh. Cha Hường phân phó: *“Thưa quan, đạo tôi là đạo tại tâm, dù quan lớn có ép tôi đập tượng Chúa mà tôi không thuận theo thì cũng chẳng có tội gì”.*

Quan án thôi không ép nữa nhưng bắt cha khai tên các nơi đã đi và tên các cha trong tỉnh. Cha cúi đầu lặng thinh. Quan tức giận la lối mắng nhiếc thậm tệ rồi truyền giam vào tù.

Hôm sau cả ba quan lớn, quan đầu tỉnh, quan án và quan lãnh binh ngồi nghị án. Lần này quan tuần hỏi cha các hoạt động từ trước, cha lần lượt kể sơ qua khi còn nhỏ, tới lúc làm đạo trưởng thì người chỉ nói rằng có lệnh vua cấm đạo nên đi lang thang nơi này nơi nọ làm thuốc cứu người cho tới khi bị bắt ở Trà Tu. Quan truyền nọc ra đánh một trăm roi và bắt quá khóa. Thấy cha một mực xưng đạo, quan dụ dỗ: *“Ông hãy quá khóa đi, tôi cho về coi chùa Non Nước trong tỉnh”.*

- *“Bẩm quan lớn, tôi không biết Đức Phật thì coi chùa làm sao được?”*

- *“Tại sao khi người ta ốm đau, các đạo trưởng đến khoét mắt đem về làm thuốc cho người ta miễn và theo đạo?”*

- *“Bẩm quan, điều ấy không đúng, bên Phật họ ghét đạo nên bỏ bỏ cho chúng tôi như vậy. Những người kẻ liệt thì cũng một nửa còn sống, nếu khoét mắt thì họ mù làm sao còn xem được nữa. Vì khi còn khỏe người ta hay dùng ngũ quan mà phạm tội nên khi ốm đau chúng tôi đến xúc dầu thánh nơi con mắt và chân tay để trừ tội và ma quỷ chứ không làm sự gì khác”.*

Sau đó quan tuần bắt cha đọc kinh. Sau khi nghe đọc kinh mười điều răn, quan tuần khen là đạo dạy những điều thậm phải, nhưng bên đạo bất kính tổ tiên, đó là một tội rất nặng, gông đang đeo có nặng cũng chưa tương xứng với tội bất kính tổ tiên.

LM. VŨ THÀNH

- *“Thưa quan, bên đạo chúng tôi không kính cha mẹ cũng là một điều bỏ va. Người lương lấy cơm, cá thịt mà cúng ông bà cha mẹ đã qua đời, còn chúng tôi không dùng những thức ăn mà cúng vì đã biết ông bà cha mẹ chết rồi không ăn được nữa, không được hưởng nhờ gì các thức ăn đó, nhưng chúng tôi nhớ đến cha mẹ ông bà sáng tối hàng ngày cầu xin cho các đấng được hạnh phúc trên thiên đường, hơn nữa chúng tôi tuân giữ các lời cha mẹ đã răn dạy để giữ tiếng tốt cho các đấng”.*

Quan tuân nghe vậy thì im lặng không bắt bẻ được nữa, truyền mang người về trại giam.

Cha Hưởng còn bị tra khảo lần thứ ba với những câu hỏi như lần thứ nhất và bắt ép quá khóa. Cha Hưởng nhất mực không chịu làm theo và cương quyết thà chịu chết hơn chối đạo. Lần này các quan giận truyền nọc ra đánh bốn chục roi, cứ sau mười roi quan lại hỏi xem có chối đạo không. Trong khi đó thợ lại đốt lò rèn như sắp sửa tra khảo bằng kim nung đỏ. Cha Hưởng hết lòng cầu xin Chúa Giêsu và Đức Mẹ giúp sức. Nhưng khi đánh đủ 40 roi rồi, các quan truyền tháo cọc và viết án gửi về kinh. Các quan đã ăn tiền đứt để làm án nhẹ là đạo mực bất kháng quá khóa, luận phải phát lưu. Khi đưa cho Cha Hưởng ký, người đọc thấy các quan khép án là đạo mực thì không chịu: *“Tôi là đạo trưởng và có khép án đúng như vậy tôi mới ký”.*

Quan còn viết đi viết lại ba lần với án đạo mực, nhưng Cha Hưởng nói: *“Thưa quan lớn, quan thương muốn chữa cho tôi khỏi chết thì tôi đội ơn nhưng cho dù quan có cứu tôi khỏi chết thì cũng không cứu tôi khỏi đi đày, cho nên tôi thà chết còn hơn phải sống khổ nạn ở chốn lưu đày. Vậy xin quan thương mà khép án đạo trưởng bất kháng xuất giáo cho”.*

Thế là các quan buộc lòng khép tội Cha Hưởng là “đạo trưởng bất tường quán chỉ, bất kháng quá khóa, luận trầm quyết”.

Trong tù, Cha Hưởng viết thư thăm Đức Cha Retord, thuật lại các chi tiết các lần tra khảo và xin đức cha đừng chạy tiền chuộc, chỉ xin đức cha cầu nguyện cho được chịu khó đến cùng và được thẳng trận toàn công. Trên tỉnh, cha được đối gông khác nhẹ hơn và chỉ bị giam ở trại lá chứ không bị giam trong ngục với các tù nhân. Thường xuyên có Thầy Bá, Thầy Hiền thăm nuôi. Ông đội canh là người vốn hiền lành nên cũng đã nói với lính không làm khổ cha và để giáo dân ra vào dễ dàng. Thầy Thuần có hỏi xem án cha chịu như thế nào

DÒNG MÁU ANH HÙNG

mà cha vui mừng hơn hờ. Cha cho biết là sẽ phải chết nhưng không biết cách nào và khi nào, rồi khuyên các thầy chịu khó bền lòng giữ đạo và giúp đỡ người, sau khi chết được lên thiên đường người sẽ cầu nguyện với Chúa trả công cho. Dân chúng đến thăm thấy người mang gông thì khóc lóc, người khuyên họ: “*Cha mang gông và phải tù vì đạo thánh là phúc trọng phải vui mừng, chúng con ra sức giữ đạo theo chân Chúa Giêsu để về sau cha con lại được gặp nhau trên thiên đường*”. Hoặc cha nói: “*Gông cha mang đây thật là hoa thơm tho Đức Chúa Trời đã ban, các con phải cầu xin cho cha được chịu khó cho đến cùng*”.

Cha bắt các thầy và các chị dòng mỗi lần mang nhiều đồ ăn để người chia sẻ cho lính hay các bạn tù và những người nghèo đến xin ăn. Có một lần cha còn bắt may quần áo để phát cho các bạn tù, và xin tiền riêng để làm phúc cho kẻ khó. Ngoài ra cha sốt sáng đọc kinh sáng tối và mỗi khi có giờ rảnh. Cha được Cha Khoan đến giải tội và mang Minh Thánh Chúa. Vui mừng được gặp linh mục nhưng cha sợ xảy ra chuyện khó khăn nên giục Cha Khoan về ngay sau khi đã được rước Minh Thánh. Như vậy tất cả là ba lần.

Ngày 25-4, án triều đình về tới Ninh Bình. Bản án viết: “*Nguyễn Văn Hưởng, 54 tuổi, người tỉnh Hà Nội, nhưng không rõ quê quán, đã theo tà đạo Giêsu và xưng nhận là đạo trưởng. Bị tra khảo vẫn còn cố chấp không chịu bỏ đạo và đập ảnh vì thế phải trăm quyết tức khắc*”. Ông đội canh liền báo cho cha và các người thăm nuôi. Cha Hưởng ăn chay suốt ngày để chuẩn bị. Tối ngày xử, Cha Khoan còn đến đưa Minh Thánh và giải tội lần sau hết. Sáng hôm ấy ông đội canh dẫn vợ con vào tù chào Cha Hưởng và nói những lời rất cảm động: “*Mặc dù tôi không theo đạo nhưng tôi biết rõ các linh mục vô tội, ở Nghệ An tôi cũng đã phải canh một linh mục. Tôi không dám làm khổ nhưng bây giờ phép triều đình đem cụ đi xử thì xin khi về thiên đường nhớ đến chúng tôi với*”.

Cha Hưởng từ già ông cai đội như sau: “*Tôi rất biết ơn lòng tốt của ông, phần tôi, tôi đi về với Chúa, ông và gia đình ở lại bằng an*”.

Quay sang các bạn tù cha nói tiếp: “*Giã biệt các anh em, chúng ta đã có dịp chia sẻ và hàn huyên trong nhiều ngày, bây giờ theo lệnh vua, tôi đến nơi hành quyết nhưng anh em nhớ cho kỹ tôi bị chém chỉ vì tôi đã giảng đạo Chúa Giêsu mà thôi*”.

LM. VŨ THÀNH

Im lặng một lúc, người nói tiếp: “*Dù anh em phải hành hạ thế nào, anh em hãy cầu nguyện cho chính quyền và bây giờ xin anh em ở thình lặng để tôi có thể cầu nguyện dọn mình*”.

Đến trưa quan giám sát dẫn năm chục lính đến trại lá nơi giam cha để đem đi xử, quan cho phép giáo dân thuê người khiêng vồng đưa cha ra tới nơi xử ở cánh đồng gần núi Cánh Riều. Theo sau có đông người thì thảm với nhau: “*Tại sao người tốt lành, không can tội gì lại bị vua quan kết án tử hình như vậy?*”

Tới nơi cha quì trên chiếu do ông Phu, sai nhà thờ Bạch Bát, trải xuống. Khi người cầu nguyện xong, quan truyền lệnh lý hình nghe chiêng thì chém. Hôm ấy là ngày 27-4-1856. Sau khi chém rồi, dân chúng lương giáo ùa vào thối máu nhưng bị lính đánh đập rất nặng. Thấy Bá được quan cho phép nhận xác để mang về an táng tại Kê Vĩnh theo lệnh của đức cha. Tối đêm, thuyền chở xác mới dám vào Vĩnh Trị. Tại đây Cha Tịnh và các thầy nhà trường mặc áo rước xác người đưa vào nhà thờ Thánh Phêrô rồi đóng cửa không cho giáo dân vào, vì sợ gây xôn xao. Sáng hôm sau Cha Tịnh mở quan tài cho người nhà xem mặt rồi làm lễ an táng trong gian thứ ba, dưới mộ của cố Hương ở gian thứ hai.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của ÔNG TRÙM EMMANUEL LÊ VĂN PHỤNG

(bị bắt 7-1-1859, xử giáo 31-7-1859)

Cố chính Borelle rất quen biết vị anh hùng tử đạo trời trang của họ đạo Cù Lao Giêng, tức là ông trùm Emmanuel Lê Văn Phụng, đã viết bài tường thuật về cuộc đời của người rất tỉ mỉ và bài tường thuật được đăng trong tập san của Hội Truyền Bá Đức Tin số 33 năm 1860. Sau đây là bài tường thuật đó.

Emmanuel Phụng, 62 tuổi, trưởng gia đình đông con và giàu có. Không được học hành cao nhưng ông rất thông minh. Tính tình cả quyết, vóc dáng hiên ngang khoẻ mạnh. Mới trông ai cũng cho là một ông tướng chỉ huy.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Chính đức tin sâu xa làm cho đức tính của ông trở nên dịu dàng và được mọi người yêu kính, ngay cả những người bên lương.

Ông là một hiệp sĩ không biết sợ, đầy tin tưởng vào Thiên Chúa và vào khả năng của mình. Vì thế ông cho xây nhà thờ ngay trên mô đất cao nhất của mình, và bên cạnh là tu viện con cái Đức Bà Maria, nhà cha xứ và chủng viện. Không phải là ông không nhìn thấy những nguy hiểm có thể xảy ra.

Không đêm nào ông ngủ mà không canh chừng, hay đi tuần phòng để các thừa sai và nữ tu được yên giấc. Khi mọi người lo sợ lúc có báo động thì mình ông là người điềm tĩnh. Tôi đã ở với ông ba năm trời trong nhiều thời kỳ khác nhau mà chưa khi nào thấy ông hoảng hốt báo động sai lầm. Đã có năm thừa sai trú tại nhà ông, tất cả đều nhận xét như vậy, và gọi ông là bánh nuôi sống hằng ngày.

Ngoài ra ông có lòng muốn họ đạo có những lễ lạ công khai và muốn có linh mục ở trong họ đạo luôn, nếu vắng trong dịp lễ thì ông đi tìm cha ở họ đạo bên cạnh, khi không được thì ông buồn chảy nước mắt. Nhiều lần tôi đã phải cản ngăn vì lợi ích các họ đạo khác. Ông còn nhiệt thành lo tìm linh mục cho các bệnh nhân sắp chết. Một điều đặc biệt là mỗi khi ông giảng nghĩa giáo lý cho trẻ em thì mọi người im lặng lắng nghe và chính ông nhẫn nại giảng giải tỉ mỉ. Đó là công việc ông rất ưa thích.

Ngoài những đức tính trên ông còn có lòng thương người đặc biệt. Trong thời kỳ dịch tễ, ông mua chiếc ghe riêng để chở cha đi các họ đạo ban bí tích cho những người hấp hối. Một hôm ông đến họ Bò Ót có một người Công Giáo giấu có vì cho vay nặng lãi, ông Phụng đã khuyên người sắp chết: *“Nếu ông muốn hối cải thì phải xé các giấy nợ đi, rồi tôi sẽ mời cha đến ban bí tích tha tội giao hòa với Thiên Chúa”*.

Người bệnh đã nghe theo và làm như lời ông nói, sau đó chết êm ái.

Khi còn trẻ ông đã được đức cha đặt làm giảng viên giáo lý cho họ đạo, về sau thấy lòng tận tụy của ông, Đức Cha Lefebvre đã đặt ông làm giảng viên giáo lý cho cả tỉnh Châu Đốc. Những việc của ông làm quá rõ ràng khiến nhiều người tố giác với quan, nhưng ông đã khéo léo thu xếp với quan huyện để mỗi lần có cuộc lùng xét thì được báo trước để cất giấu các đồ đạo, và khi quan đến khám được

LM. VŨ THÀNH

đãi ăn và không thấy đồ đạo thì làm bá cáo dân ở Cù Lao Giêng vẫn tuân giữ luật phép nhà nước. Nhờ thế dù trong thời cấm đạo ngặt họ đạo vẫn có thể tổ chức lễ với đuốc sáng ban đêm.

Từ năm 1855 ông đã nhận Thừa Sai Pernot về nhà, sửa sang nhà thờ và học viện. Có hai anh em bên lương chuyên hút sách và bài bạc tên là Trần Văn Miêu và Trần Văn Nên muốn lợi dụng cơ hội làm tiền, đến nói với những người đang làm nhà thờ rằng họ vi phạm luật nước. Ông Phụng vì được quan huyện bao che không thêm để ý đến những lời của hai tên làm tiền này, tuy nhiên chúng nín nhịn chờ khi công việc xong sẽ tố cáo cấp trên. Quan tỉnh sai quan huyện điều tra nhưng mọi việc vẫn êm xuôi.

Hai tên bắt lương lại rình cơ hội khác. Một đêm sáng trăng Cha Pernot ra khỏi hầm trú để đi bách bộ ngoài vườn bị hai tên này trông thấy được, chúng liền đi lên tỉnh tố cáo nhà ông Phụng có chứa chấp đạo trưởng, có nhà dòng, nhà thờ và chủng viện, chúng cũng xin quan tỉnh đừng sai quan huyện đến điều tra nhưng phải đem lính tỉnh về bắt. Đêm ngày 7-1-1859, quan tỉnh sai lãnh binh mang 300 lính đi 15 chiến thuyền đến họ Đầu Nước. Được tin báo, ông Phụng không dè là lính trên tỉnh nên không kịp cất giấu các đồ. Khi lính đã tới đầu làng lúc các viên chức trong họ đang họp, ông biện Vi chỉ còn kịp đưa Cha Pernot đi trốn còn lại Cha Quý. Quan bước vào nhà ông Phụng hỏi ai là Lê văn Phụng.

Ông Phụng đứng ra nói: “*Chính tôi đây*”.

- “*Người Tây Phương, đạo trưởng Giatô đâu?*”

- “*Đạo trưởng Tây không có ở đây*”.

- “*Không hồ nghi gì, tôi biết chắc ông chứa chấp đạo trưởng*”.

- “*Thưa quan, quan có đông lính cứ việc cho họ đi lùng xét, người sẽ thấy không có đạo trưởng Tây*”.

Quan nổi nóng quát: “*Vậy đạo trưởng đâu?*”

Lúc này Cha Quý đứng ra xưng mình là đạo trưởng, còn không có đạo trưởng Tây nào cả. Quan cho lệnh bắt trói Cha Quý và ông trùm Phụng và 32 người Công Giáo trong họ.

Trên tỉnh, ông bị điệu ra trước mặt quan, bắt đầu cuộc tra vấn:

DÒNG MÁU ANH HÙNG

- “Ông có phải là Công Giáo không?”
- “Thưa phải”.
- “Ông có phải là trùm trường không?”
- “Thưa phải”.
- “Ông có muốn nghe theo lệnh vua truyền mà bỏ đạo để được trả tự do không?”
- “Bẩm quan, tôi giữ đạo Đức Chúa Trời từ nhỏ, nếu quan thương thì tôi được nhờ, nhưng tôi không bao giờ chối đạo”.

Quan không hỏi thêm, truyền lệnh đóng gông và xích đem giam ông vào tù. Tất cả những lần hỏi sau ông đều một lòng can đảm thưa lại: “Tôi nhất quyết theo gương đạo trưởng”.

Quan dụ dỗ: “Tôi trông mặt ông biết ông thuộc gia đình quyền quý và có khả năng làm lớn, vậy hãy đập ảnh đi ta sẽ phong tước cho”.

- “Thưa quan lớn, tôi đội ơn lòng tốt của quan, nhưng tôi nhất quyết giữ đạo cha ông truyền lại, tôi thà chết hơn là chối đạo”.

Biết không thể ép buộc được, quan kết án ông phải thắt cổ vì tội chứa chấp đạo trưởng.

Theo lời khai của ông Phêrô Tam là con, thì trong thời gian bị giam giữ ông rất bình thản, không cho phép vợ con bỏ tiền ra chuộc, hay trả thù. Ông nói: “Đừng trả thù những khốn khó cha phải chịu, Chúa đã muốn như vậy hãy để cha nhận nại chịu đựng”.

Ông còn bảo con cái xé hết các giấy nợ, để không ai đòi nợ các con nợ hai lần và họ thấy chúng ta đối xử như thế này sẽ sốt sắng giữ đạo. Trong tù ông trùm cũng phân phát thuốc hút cho các bạn tù. Rất nhiều cha đến thăm và giải tội cho ông. Một lần ông được phép ra khỏi tù đi tắm, ra khỏi cửa thành thấy cột to, ông nói với ông thứ cùng đi rằng: “Nếu như tôi được trở về nhà tôi sẽ xây nhà thờ cột to như thế”.

Án của triều đình về tới Châu Đốc ngày 30-7-1859 và quan định thi hành vào ngày hôm sau. Sáng sớm quan cho gọi ông Phụng ra và dụ dỗ lần sau cùng. Ông Phụng cương quyết thưa: “Tôi giữ đạo của tôi, quan cứ việc đem đi giết”.

LM. VŨ THÀNH

Quan nói: “*Vậy thì hãy đi đến pháp trường*”.

Người lính đi trước cầm tấm thẻ bài ghi như sau: “*Lê văn Phụng, trước đây làm đầu trong làng, theo đạo Giatô, ẩn lậu sách vở đồ đạo trong nhà, đã xây nhà thờ để giảng đạo và đọc kinh, đã chứa chấp các đạo trưởng và cố chấp không chịu bỏ đạo. Vì vậy lệnh truyền phải coi Lê văn Phụng như phản nghịch và phải thắt cổ cho chết*”.

Hai chiến sĩ xung đạo được đưa ra khỏi thành bằng cửa tả rồi đến Cây Me, không xa thành bao nhiêu. Trông thấy con, ông trùm bảo về báo cho mẹ hay. Với những người đứng xung quanh tiến đưa khóc lóc, ông nói: “*Tại sao anh chị em khóc, anh chị em ở lại bằng an, hãy tuân giữ các lễ luật giáo hội, hãy cầu nguyện sáng tối và hãy sống hòa thuận với nhau*”.

Trông thấy người cháu gái là Anna Nhiệm, ông trùm lấy thánh giá đang đeo, hôn kính rồi đưa cho cháu nói: “*Ông không thể cho cháu vàng bạc của cải gì quý hơn là hình ảnh Chúa Giêsu. Cháu hãy mang trên cổ và giữ luôn, khi cha con phải đi nhập ngũ thì hãy ở lại nhà bà con kéo con quên hết các kinh sớm tối*”.

Tới nơi xử, các con đến quì trước mặt ông, ông trấn trở: “*Các con phải trung thành giữ đạo, hãy noi gương cha con đây, đừng thù oán hay kiện cáo những kẻ đã tố giác cha. Hãy mang xác cha về chôn ở Đầu Nước cùng với xác Cha Quý*”.

Sau đó lý hình đóng cọc, đẽ vị anh hùng tử đạo nằm sắp xuống đất và cột tay chân vào các cọc. Tất cả sáu người tiến lại gần, hai người giữ đầu và người giữ lưng cho khỏi nhúc nhích, hai người cầm hai đầu giây chờ lệnh xiết chặt. Sau tiếng chiêng thứ ba, hai người lính xiết chặt hai đầu giây, đưa linh hồn người tội tử trung kiên về lãnh phần thưởng nơi Nước Chúa. Buổi chiều quan cho phép thân nhân đem xác về họ Đầu Nước an táng trên nền nhà thờ, nơi từng ghi dấu tích đức tin và lòng nhiệt thành của vị trùm đạo hằng lo cho Chúa được vinh danh.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC PHÊRÔ ĐOÀN CÔNG QUÍ

(bị bắt ngày 7-1-1859, xử trảm ngày 31-7-1859)

Trong thời kỳ bắt đạo, các linh mục Việt Nam đã tỏ ra rất anh dũng với sứ mệnh diu dắt con chiên, như tấm gương của Cha Phêrô Đoàn Công Quý, cha sở họ Đầu Nước, Cù Lao Giêng, thuộc tỉnh Vĩnh Long. Vì có người tố giác trong vùng có đạo trường trốn ẩn, Cha chính Borelle nhân Cha Quý tạm thời trốn đi khỏi xứ, Cha Quý đã trả lời: *“Nếu bề trên muốn tôi trốn khỏi đây thì tôi xin ngài viết cho tôi bài sai chính thức, nếu không tôi sẽ ở lại xứ dường như không có lệnh nào của bề trên vậy”*.

Cũng có lần cha bầy tỏ lòng mong ước được tử đạo: *“Chớ thì tôi không được điễm phúc chiến đấu và chết vì danh Chúa sao, ước gì xích xiềng trở thành những vòng đeo quý giá, gông cùm thành vòng đeo tay. Hãy xem bao nhiêu bạn hữu đã được ngành lá chiến thắng, còn tôi như người lính canh bị quên bỏ. Ôi! Lạy Chúa, xin ban phúc tử đạo cho con”*.

Quả thật Chúa đã nhận lời người. Cha Borelle lĩnh ý đút cha và sai đem hai chiếc thuyền đến đưa cha về nhà chung để tránh cuộc lùng bắt, nhưng có ngờ đâu hai ngày sau khi vừa tới họ đạo Đầu Nước thuộc An Giang thì Cha Quý bị bắt trong nhà ông Phụng. Cha Borelle viết lại: *“Trong khi tôi muốn đưa cha đi khỏi chỗ nguy hiểm thì lại đưa cha đến nơi tử đạo như người hằng ước mong”*.

Cha Phêrô Đoàn Công Quý sinh năm 1826 tại họ Búng, tỉnh Bình Dương. Cha là Anton Đoàn Công Miêng và mẹ là Anê Nguyễn Thị Tường. Ngay từ bé cậu Quý đã muốn dâng mình cho Chúa nhưng cha mẹ thấy cậu học hành thông minh thì cho người anh đi tu còn giữ cậu ở nhà. Nhưng ý Thiên Chúa định thể khác, người anh đi tu không được phải trở về nhà, lúc ấy cha mẹ mới ưng cho cậu Quý đi tu. Năm 1847 cậu Quý ở với Cha Tam và sau học Latinh với Thừa Sai Miche rồi vào chủng viện Thánh Giuse ở Thị Nghè do Cha Borelle làm bề trên. Năm sau cậu được gửi sang học ở chủng viện Penang.

Sau bảy năm miệt mài đèn sách, Thấy Quý về nước dạy giáo lý chờ ngày gọi làm linh mục. Thấy có tài hát xướng nhất là bài ca kính Đức Mẹ mà thấy rất ưa thích. Thấy có lòng nhiệt thành muốn cho có

LM. VŨ THÀNH

nhiều người thờ phượng kính mến Chúa đã đem được nhiều người trở về. Đức cha truyền chức linh mục cho thầy khoảng tháng 9 năm 1858 tại Thủ Dầu Một và làm cha phó họ Cái Mơn.

Ngày 10-12 nhà dòng bị bao vây và các nữ tu bị bắt giam ngục. Cha Quý viết thư cho bề trên như sau: *“Thưa cha, thật con đang ở giữa những nguy hiểm, nhưng Thiên Chúa gìn giữ chưa để con phải bắt vì tội lỗi con còn nhiều chưa được phúc chịu khổ vì Chúa. Ôi, ngày xưa Chúa Cứu Thế đã phải chết treo trên thánh giá, con thật chưa xứng đáng. Con mong ước được đến nhà tù để khuyến khích các vị xưng đức tin. Khi nào cha mới cho phép con được đi làm điều đó?”*

Khi được lệnh đổi về nhà chung, Cha Quý đã bày tỏ nguyện ước được tử đạo và viết lời cầu xin này bằng dấu nhạc: *“Lạy Chúa xin ban phúc tử đạo cho con”*. Bề trên đem thuyền đến bắt cha phải về nhà chung và khi thuyền đến họ Dầu Nước đêm ngày 7-1-1859 thì cha bị bắt trong nhà ông trùm Phụng vì có người tố giác có đạo trưởng Tây trú ẩn. Lúc ấy có Cha Pernot đang ẩn trốn trong hầm nhà ông. Quan lãnh binh mang 300 lính về vây. Cha Pernot bảo Cha Quý đi trốn, Cha Quý lại xin cố đi trốn còn mình bọn lính sẽ không nhận ra. Khi quan đến nhà ông trùm Phụng, quan bắt ông giao nộp đạo trưởng Tây. Chủ nhà thân nhiên trả lời: *“Ở đây không có ai là đạo trưởng Tây Phương cả”*.

Quan hỏi lại: *“Vậy đạo trưởng ở đâu?”*

Lúc ấy Cha Quý đứng ra xưng mình là đạo trưởng: *“Đạo trưởng chính là tôi”*.

Quan thấy khuôn mặt còn trẻ trung, không tin quát: *“Mày không phải là đạo trưởng, hãy nộp ngay đạo trưởng Tây Phương vì có kẻ đã trông thấy và tố cáo”*.

Cha Quý quả quyết không có đạo trưởng Tây, mà chỉ có mình là đạo trưởng và sẵn sàng dạy đạo cho ai muốn nghe. Quan túm cổ một đứa bé tra hỏi, nó chỉ Cha Quý và nói đạo trưởng là ông đó. Chừng đó quan mới tin và bắt Cha Quý, ông trùm Phụng và 32 người trong họ đem giải về tỉnh Châu Đốc.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Trước mặt quan đầu tỉnh Cha Quý một mực xưng mình là đạo trưởng. Quan truyền lệnh: “*Người có muốn vâng lệnh vua và từ bỏ đạo không?*”

- “*Tôi giữ đạo từ thuở nhỏ không thể chối bỏ được, quan muốn ra án thế nào mặc ý, tôi sẵn sàng chấp nhận.*”

Quan lại hỏi về cha mẹ và những việc đã làm. Cha Quý trả lời: “*Cha mẹ tôi đã chết, tôi theo đạo trưởng đi Tây rồi Cam Bốt, Oudong, và về tới nhà ông Phụng. Còn sách vở và đồ đạo thuộc Cha Thang.*”

Quan lại bắt cha chối đạo nếu không sẽ phải chết. Cha Quý cương quyết thưa: “*Làm sao tôi bỏ đạo trong khi tôi dấy bảo người khác. Nếu quan thương thì tôi được nhờ, bằng quan muốn kết án thì tôi sẵn sàng, còn chối bỏ Thiên Chúa thì không bao giờ.*”

Lần khác các quan cũng hỏi như vậy thì Cha Quý thưa: “*Thật chỉ uống phí mất giờ của quý quan để hỏi như thế, tôi không bao giờ chối đức tin của tôi đâu.*”

Trước những câu trả lời cương quyết như thế các quan kết án tử hình vì đã rao giảng tà đạo và gửi án về kinh.

Trong nhiều tháng bị giam trong tù chờ lệnh vua, Cha Quý sốt sắng cầu nguyện, ăn chay và khuyên nhủ những người đến thăm. Cha khuyên chú Tam, con ông Phụng: “*Con hãy siêng năng đến tòa giải tội, đừng quên đọc kinh, cũng đừng phạm tội để linh hồn con được mạnh mẽ.*”

Có hai tín hữu bị bắt với người vì sợ cảnh lưu đày khổ sở đã chối đạo, nhưng được Cha Quý khuyên bảo nên họ đã trở lại.

Ngày 30-7-1859 án của triều đình về tới tỉnh và quan ấn định hôm sau sẽ thi hành. Sáng sớm hôm sau, người lính cai tù đến báo tin giờ hành quyết đã tới. Cha Quý mặc áo chỉnh tề của ngày lễ, chít khăn trên đầu. Lính đến đeo vào cổ người tấm thẻ viết bản án và tên tuổi. Cha Quý nói với ông trùm Phụng cùng bị xử một ngày: “*Đây là giờ Thiên Chúa ấn định cho cuộc chiến đấu cuối cùng, chúng ta hãy can đảm chịu đựng vì Người.*”

Đoàn lính cầm gươm giáo dẫn giải hai vị anh hùng Công Giáo đến pháp trường ở Cây Mẹt. Trước khi lính thi hành phận sự, Cha Quý

LM. VŨ THÀNH

bảo ông trùm Phụng quì xuống, đọc kinh ăn năn tội để người ban phép giải tội cho. Với giáo dân Cha Quý trần trối: “*Anh em hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa trước, hãy tránh xa các tật xấu và hãy tập luyện nhân đức*”.

Sau cùng Cha Quý cầm tượng Đức Mẹ trong tay, trên ngực đeo hài cốt tử đạo, quì gối đọc kinh thống hối và đưa cổ ra chờ đợi. Sau ba tiếng chiêng, lý hình chém ba nhát gươm cổ mới lìa khỏi thân. Quan giám sát thấy Cha Quý bất động chịu chém thì nói chưa bao giờ thấy một người chịu chết can đảm như thế. Quan không cho ai đụng đến xác vị tử đạo từ 9 giờ sáng cho tới 4 giờ chiều, sau đó ông Chính mới xin phép quan để lo việc chôn cất. Xác người được bỏ vào linh cữu đưa về Năng Gù cho giáo dân kính viếng và hôm sau chôn trong nhà thờ.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC TÔMA KHUÔNG

(bị bắt 29-12-1859, bị chém 30-1-1860 tại Hưng Yên)

Chính Cha Toma Khuông đã viết lại những lời khai đầy can đảm của người trước mặt các quan như sau: “*Tôi nay đã ngoài 80 tuổi. Tôi là một linh mục Công Giáo và hằng trung thành tuân giữ các giới luật và giảng dạy cho người khác tuân giữ. Nếu bây giờ vì tham sống mà cung khai tên giáo dân và đập ảnh chối đạo thì làm sao tôi còn xứng đáng với chức vụ và còn mặt mũi nào nhìn người khác nữa. Vì thế tôi thà chịu chết ngàn lần mà không than trách ai. Tôi xin được đổ máu ra vì đạo thánh, lấy cái chết đáp lại cái chết, lấy tình yêu đáp lại tình yêu của Thiên Chúa chủ tể trời đất, đã chịu chết để cứu chuộc nhân loại. Đó là nguyện ước của chúng tôi*”. Cha Tôma Khuông đã trả lời thay cho ba người tín hữu khác cũng bị điệu ra trước tòa án.

Thư tường thuật về cuộc xung đạo của cha đã được Thánh Giám Mục Berrio Ochoa viết lại trong thư ngày 29-5-1860. Theo thư này Cha Toma Khuông bị bắt ngày 29-12-1859 tại Cao Xá. Cha Khuông rất nổi tiếng nơi các thừa sai, vì người là con của một vị quan trong tỉnh, bị bắt nhiều lần nhưng sau đó vẫn được trả tự do. Tuy nhiên vì tiếng đồn lan rộng nên cha không còn dám đi lại tự do nữa và muốn

DÒNG MÁU ANH HÙNG

trốn sang một nơi khác. Cha cùng với chú giúp việc tên Ninh đi ra khỏi thành tìm cha để xưng tội. Nhưng khi đến cầu thì trên cầu có đặt tượng thánh giá nên cha dừng lại không muốn đi nữa. Lúc ấy có người báo cho quan lãnh binh đến bắt. Cha bị đối xử tàn tệ và bị dẫn giải về cho quan tuần phủ.

Ngày 5-1-1860 Cha Khuông, Cha Hưởng và ba giáo dân bị đưa ra tòa tra hỏi và ép buộc chối đạo. Cha Khuông đã thẩm thi kêu xin Chúa Thánh Thần thanh luyện miệng lưỡi như đã thanh luyện tiên tri Isaia để có thể nói thưa đúng luật pháp mà không làm tổn thương đến đạo, hay xúc phạm đến Chúa điều gì. Quan án hỏi: *“Bây giờ người Châu Âu đang bị nghi kỵ và chán ghét, các người có cách nào làm cho họ từ bỏ ý định và rút lui về nước không thì hãy nói cho nghe?”*

Cha Khuông đã trả lời: *“Xin kính chúc đại quan sống lâu trăm tuổi, chúng tôi đã lâu ngày trốn tránh xa nhà chung, nay quan hỏi đến, chúng tôi biết gì thì thưa vậy. Chúng tôi không biết vì mục đích nào người Châu Âu đến và họ làm những gì, làm sao thuyết phục được họ?”*

Quan lại hỏi: *“Người Châu Âu đến nước này vì người công giáo đã yêu cầu, vậy họ cũng có thể xin người Âu Châu rút lui”.*

Cha Khuông đáp: *“Điều người ta đồn đại đúng hay sai không thể xét được, điều chắc chắn là trong những người công giáo không có ai đi cầu cứu người Châu Âu đến cả, vì vậy không có ai trong chúng tôi có thể thuyết phục được họ lui quân”.*

- *“Người dùng lời lẽ hàm hồ, hay nói rõ tại sao lại có chiến tranh?”*

- *“Đạo chúng tôi truyền buộc các tín hữu phải giữ trọn lễ luật trong đạo đồng thời phải trung thành với vua, hiếu thảo với cha mẹ và phải cầu nguyện luôn cùng Thiên Chúa cho quốc gia được hưng thịnh. Nếu người nào lỗi phạm thì mắc tội trọng. Chắc chắn không người tín hữu nào dám xin người Châu Âu đến gây việc chiến tranh”.*

- *“Hãy nói cho thật và rõ ràng là các tín hữu muốn sống thì đạp ảnh đi rồi được tự do về nhà”.*

Trước lời khuyến dụ này Cha Khuông đã long trọng tuyên xưng lòng trung thành với đạo cho đến cùng như đã trích ở trên. Chính những

LM. VŨ THÀNH

lời tuyên xưng đức cảm ấy đã khiến các đấng lãnh nhận bản án tử hình và giam ngục chờ ngày hành quyết lãnh triều thiên tử đạo.

Trong nhà giam, các anh hùng đức tin Công Giáo đọc kinh chung với nhau và ban bí tích giải tội. Các đấng còn khuyến khích nhau can trường giữ đức tin đến cùng. Ngày 30-1-1860 Cha Khuông được báo tin giờ hành quyết đã tới. Cha hiên ngang cầm thánh giá ở tay cùng với chú Đaminh Nghĩa ra pháp trường. Vì tuổi già và xích nặng Cha Khuông đi rất chậm nhưng nét mặt hân hoan vui mừng, miệng đọc to các kinh bằng tiếng Latinh. Tới nơi xử, trông thấy bản gỗ ghi hai chữ tà đạo, người đã yêu cầu bỏ đi. Người lính thưa: *“Chúng tôi rất muốn chiều theo ý ngài, nhưng chúng tôi phải tuân lệnh vua. Xin ngài đưa đầu ra để chúng tôi chém một lát là xong”*.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của CAI ĐỘI GIUSE LÊ ĐĂNG THỊ

(bị bắt 29-1-1860, xử tử 24-10-1860 tại Huế)

Cha Thanh giúp đỡ ông đội Thị khi ông ở trong tù và có mặt trong lúc hành quyết ông. Ngay sau khi hành quyết, cha đã viết bài tường thuật về cuộc đời can đảm và tử đạo của người. Trong phần cuối bài tường thuật, cha quả quyết rằng trong thời gian ở tù, ông đội Thị đã khuyên được một người bị kết án vì tội trộm cướp trở lại đạo, và chính người dạy dỗ và rửa tội. Người trộm này đã can đảm từ chối thức ăn của người em có chất độc làm chết êm dịu, trái lại sẵn sàng chịu hình khổ để đền tội.

Theo bài tường thuật của Cha Thanh, cùng lời khai của các linh mục và thầy giảng khác thì quan đội Giuse Lê Đăng Thị sinh khoảng năm 1825 tại làng Văn Qui tỉnh Quảng Trị, là con một của quan đội Công Giáo tên Tu, đệ nhị phẩm. Cha mẹ mất sớm người được vào trong quốc tử giám, trường dành cho các quan triều. Sau bốn năm học người được phong làm quan cai đội ở tuổi 25 và sai đi làm việc ở tỉnh Hà Tĩnh. Tại đây người lập gia đình và được hai người con. Sau đó người phải đổi đi Nghệ An. Người vợ quý yêu sớm từ trần khiến người phải tái hôn với người Công Giáo khác để trông coi việc nhà.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Tháng 8 năm 1859 quan trấn Nghệ An biết người là người Công Giáo nên khuyên người bỏ đạo, nhưng người nhất định không nghe theo. Quan trấn Huynh Thu rất quý người tìm cách cho người thoát nạn bằng cách tâu về triều đình rằng người bị bệnh và xin cho giải ngũ. Tạm thời người để vợ con ở lại Nghệ An, một mình trở về làng Văn Qui là nhà quê để trốn tránh qua thời. Người khởi sự làm nhà vừa xong và mới được bốn tháng thì thánh ý Chúa định cho người được triều thiên tử đạo, nên khi vua Tự Đức ra lệnh bắt các quan Công Giáo vào ngày 16-12-1859 thì người bị lương dân trong làng tố giác với các quan. Ông đội Thị bị gọi lên tỉnh đầu tháng Giêng 1860. Quan tra hỏi rồi cho ông về, hẹn ngày 29 trở lại Đúng ngày, quan đội Thị trở lại và bị bắt giam vào ngục ở Quảng Trị chờ các quan Công Giáo khác giải đến sẽ tra hỏi chung một lần. Cuối tháng hai quan đội Thị cùng với quan khác tên Nguyệt vừa bị đe dọa vừa bị dụ dỗ bỏ đạo. Ông đội Thị và các bạn vững lòng xưng đạo khiến quan trấn tức giận truyền đóng gông thật nặng cho các đấng, giam vào ngục tối chật hẹp và không cho ai lui tới.

Những khốn khổ trong nhà tù không lung lay đức tin gan dạ của người lính dũng cảm, ông viết thư cho vợ con với mấy lời âu yếm: *“Tôi định là sau mấy tháng làm nhà xong sẽ đem mình và các con về nhưng sự việc xảy ra khác thường, tôi bị các quan bắt, chúng ta chẳng còn trông thấy nhau dưới cơi thế này nữa, tôi gửi mình hai lượng để chúng tỏ tôi không khi nào quên gia đình và hằng thương nhớ luôn mãi”*. Thầy Sáu Biện cùng bị giam trong tù làm chứng rằng người vẫn vui vẻ luôn, không chịu để cho lính bên lương chê cười người Công Giáo. Ngoài giờ đọc kinh sáng tối và lần hạt, ông đội Thị siêng năng đan giấy rơm để tặng bạn bè. Dần dà sự canh phòng được nới rộng, quan đội có thể ra làng Cổ Vưu để xưng tội, dự lễ tại nhà thầy thuốc Thìn.

Cuối tháng 7 quan đội bị điệu ra trước tòa lần nữa nhưng ông vẫn một lòng trung kiên xưng đạo. Ông thưa với quan: *“Nếu vua và các quan có lòng thương, tôi đội ơn, nhưng không bao giờ tôi bước trên ảnh Chúa”*.

Thật vậy, ông rất ghê tởm tội chối đạo, coi đó là tội ác nặng nhất.

LM. VŨ THÀNH

Ông nói với bạn hữu: *“Thiên Chúa xóa bỏ mọi tội nhưng mặc dù Người từ bi thương xót, không biết Người có xóa bỏ tội chối đạo không. Đó không phải là tội lớn nhất sao? Thà chịu chết còn hơn chối đạo”*.

Cha Thọ hỏi ông có muốn chết vì đạo không, ông trả lời là muốn hết lòng hết sức. Ông nói: *“Con chịu mọi sự khổ vì Chúa, nếu vua tha chết thì hay nhưng nếu người kết án phải chết lại càng hay hơn nữa. Con không biết người ta để cho con sống hay phải chết, con muốn cả hai”*.

Sau cùng đến tháng 8 ông bị kết án thắt cổ giam hậu và giải về khám đường ở Huế. Tại đây ông gặp rất nhiều người Công Giáo bị giam giữ và cùng với họ sốt sáng cầu nguyện mỗi ngày. Đặc biệt ông khuyên được một người trộm trở lại đạo. Sau nhiều tháng chịu khổ cực ông bị kiệt sức và ốm. Ông lo sợ nói với bạn bè: *“Tôi không biết Chúa có thương cho tôi sống lâu để được phúc tử đạo không, hay phải chết sớm vì bệnh. Tôi chỉ ước mong có một điều là được tử đạo, nhưng có lẽ Chúa không chấp nhận vì tội lỗi của tôi”*.

Thiên Chúa đã nhận tấm lòng thành và trung kiên của ông, ngày 22-9 các quan báo tin cho ông biết sẽ đem đi hành quyết. Dù đang ốm nặng, ông chối dạy như người khoẻ, vui mừng ăn uống và đi chào thăm các bạn tù lần cuối cùng. Nhưng lệnh lại bị hoãn lại. Năm ngày sau lại có lệnh hành quyết rồi lại hoãn lại. Ba ngày sau lại có lệnh khác như kéo dài cơn hấp hối của ông. Quan đội được tăng sức mạnh nhờ Cha Lợi lên vào trong tù giải tội và trao Minh Thánh Chúa. Ngày 23-10 ông biết chắc mình sẽ phải hành quyết hôm sau, người hô lên: *“Thật vui mừng, thật là mừng”*.

Thầy Biện nói với ông: *“Ngày mai trên đường hoặc tại nơi xử nếu trông thấy tôi thì biết chắc có linh mục đi theo, hãy thống hối để lãnh bí tích giải tội”*.

Sáng 24-10, quan lính đến dẫn ông ra pháp trường, quan giám sát còn dụ ông hãy bỏ đạo, vua sẽ tha ngay, nhưng ông cương quyết trả lời: *“Không bao giờ, tôi muốn chịu chết và trung thành với Chúa đến giây phút cuối cùng”*.

Thế là mọi người bước ra pháp trường. Một tên lính mang tấm thẻ bài ghi những dòng chữ: *“Lê Đăng Thị, tước quan đội, theo tà đạo và cố chấp không chịu bỏ, tội không thể tha nên phải kết án cuối mùa”*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Thu. Lệnh phải thi hành ngay”. Trên đường quan đội Thị vui cười bước đi, chào hỏi những người đứng bên đường.

Tới chợ An Hòa, Cha Thanh làm phép giải tội lần cuối, bà Mai trải chiếu xuống đất, vị anh hùng xưng đạo quì cầu nguyện. Quan ra lệnh đề người tử tù sắp mặt xuống đất, chân tay trói vào các cọc, tháo gông và xích. Sợi giây thừng choàng vào cổ và theo lệnh, lý hình kéo thật mạnh cho tới khi linh hồn người lính trung kiên của Chúa tắt thở về linh ngành vạn tuế thẳng trạn. Lúc ấy khoảng giờ thứ mười ban sáng. Xác ông được chôn cất ở họ Phú Cam.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của THỪA SAI NÉRON (BẮC)

(bị bắt 6-8-1860, chém đầu 3-11-1860 tại Sơn Tây)

Một buổi tối mùa Đông năm 1835 tại làng Bornay, tỉnh Yura, cậu thiếu niên 17 tuổi nổi tiếng ăn chơi trong vùng ngồi đọc sách bên cạnh lò sưởi cùng với gia đình. Cậu đọc cuốn *Pensez-Y-Bien* (Nghĩ Cho Kỹ), cậu cảm thấy một sức mạnh mầu nhiệm đánh động như lời cậu thú tội với cha giải tội hôm sau. Cuộc đời thay đổi và cậu vào chủng viện học làm linh mục, một linh mục thừa sai đi giảng đạo ở một phương trời xa xăm. Thiên Chúa ban nhiều dấu lạ trong cuộc đời hoàn toàn tận hiến này, nhất là trong những ngày bị giam tù đến nỗi người ta coi cha như một vị thần, một người thành Phật.

Cha Néron sinh ngày 21-9-1818 tại Pháp. Sau khi được ơn trở lại đặc biệt, người sống với gia đình hai năm, ngày ngày lam lũ ngoài đồng, chìm đắm trong cầu nguyện và đọc sách. Những người quen biết làm chứng rằng từ ngày trở lại người có một tính khí cương quyết rắn rỏi, một gương mặt chiếu sáng hồn nhiên. Một ngày Chúa Nhật năm 1837 Phêrô Néron hỏi cha sở xem còn có thể học được nữa không. Được cha sở khuyến khích Néron từ bỏ việc đồng ruộng từ tháng 11, ngày ngày cắp sách đến nhà xứ học Latinh, và sau 15 tháng học, ngày 14-1-1839 Néron vào tiểu chủng viện. Các bạn nói về lòng đạo đức của chú chủng sinh lớn tuổi này như sau: *“Nhiều lần khi rước Mình Thánh Chúa, Néron đã trào dòng lệ như suối nước. Khi đọc kinh, người nghiêm trang sốt sắng hầu như không cử động.”* Học

LM. VŨ THÀNH

hết tiểu chủng viện lên đại chủng viện và sau cùng Néron xin nhập chủng viện truyền giáo Paris năm 1846, tới ngày 17-6-1848 thì được chịu chức linh mục. Ngày 9-8 Cha Néron xuống tàu đi truyền giáo tại Bắc Việt.”

Sau nhiều gian lao và hành trình vất vả, Cha Néron được Đức Cha Retord giao tay đón tiếp ngày 28-3-1849. Cha ở trong nhà tràng Kẻ Vĩnh để học tiếng Việt và làm quen với lối sống mới, với tên gọi mới là cố Bắc. Sau bốn tháng học tiếng Việt Cha Néron được cử đi giúp họ Hà Nội và năm sau theo đức cha đi giảng năm thánh ở Kim Sơn, và năm 1852 chính thức làm cha sở Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Trong năm này Bắc Việt có dịch tễ và đói kém nhiều người đến xin ăn với linh mục ngoại quốc và xin học đạo. Có tới 3 làng bên lương đến xin học giáo lý, và khoảng 200 người lớn xin rửa tội. Giữa năm 1854 Đức Cha gọi người về làm bề trên chủng viện Kẻ Vĩnh.

Ngoài giờ dạy học cha dịch nhiều sách giáo khoa như Đại Số, Hình Học. Những học trò được sống gần người cho biết người ăn chay các ngày thứ Sáu, trọn Mùa Chay và các ngày trước lễ Đức Mẹ. Cứ đúng giờ đã định mỗi ngày, Cha Néron đọc sách nguyện và đi dâng thánh giá, lẩn hạt.

Trước tình thế bất đạo ngặt nghèo, đức cha phải phân tán các thừa sai đi nhiều nơi khác nhau, năm 1855 Cha Néron được sai lên Sơn Tây coi sóc 16.000 giáo dân. Cha viết về cho cha mẹ ngày 21-11-1855: *“Liệu con sẽ được diễm phúc tử đạo như các vị tiền nhiệm không, con không thể nói. Nhưng một điều chắc chắn là các quan ở đây lòng xét kỹ hơn các tỉnh khác, ngay các linh mục Việt cũng không dám đi lại giúp bản đạo.*

Con trú ẩn trong một góc nhà và chỉ ra ngoài để thở không khí. Nếu các quan biết được có thừa sai ngoại quốc trú tại đây chắc chắn sẽ ra tay bắt để lãnh thưởng 30 lạng bạc và thăng quan tước. Số phận của con ở trong tay Thiên Chúa”.

Cha Néron thường luân phiên trốn tránh tại hai xứ Tạ Xá và Yên Tập. Ngày 17-3-1857 cha đến dâng lễ cho các nữ tu ở Tạ Xá thì cai tổng Mờn đem lính đến. Cha Néron nghĩ mình chưa giúp bản đạo được nhiều nên đồng ý cho giáo dân nộp 300 lạng bạc để chuộc. Cha Néron phải sang Yên Tập trốn tránh. Khi giặc Minh nổi loạn ở tỉnh Đông, cai Kiếm là người Công Giáo ở Sơn Tây, cũng hòa theo

DÒNG MÁU ANH HÙNG

nên quan quân đến vây làng Yên Tập. Xã Bê là con cai Kiếm dẫn Cha Néron đi trốn trên rừng. Sau giáo dân Tạ Xá đón người về làng. Tại đây nhờ lời cầu nguyện của vị thừa sai mà một người bị quỷ ám được chữa khỏi. Quan viên sợ phải liên lụy xin Cha Néron đi nơi khác, nhưng người trả lời: “*Cha đã chạy vào rừng gần chết đói, bây giờ thà chịu chết quan bắt thì hơn*”.

Thấy vậy quan viên đuổi thầy giảng và bắt các chị dòng bỏ nhà mà trốn để một mình Cha Néron ở lại, sau họ lại đem võng đến cẳng cha ra ngoài đồng rồi lạy xin lỗi nói rằng: “*Lạy cha chúng con làm thế này vì sợ quá, nếu có lỗi phép xin cha tha cho*”.

Cha Néron thân nhiên nói: “*Cha không hạch tội các con đâu*”.

Họ đem cha về lại Yên Tập. Giáo dân ở đây cũng chẳng can đảm hơn, nên cha buồn nhiều lúc ra như người mất trí. Sau cùng đức cha sai Thầy Nhất đem cha lên rừng, sau một tuần thì được một gia đình ngoại đạo không có con nhận cho trú để cầu phúc. Sau ba tháng Thầy Đức giúp Cha Néron đưa về họ Chiêu Ứng nơi đã có xác vị tử đạo Cornay. Tóm lại suốt năm 1859 Cha Néron phải lao đao chạy trốn. Cha viết thư trình bày cho đức cha nhưng hai người đưa thư bị bắt, kẻ thì chết trong tù người thì phải lưu đày.

Thời giờ Thiên Chúa định đã tới. Ngày 6-8-1860 Cha Néron bị nhóm người ở Tạ Xá đến Yên Tập bắt. Nguyên do chỉ vì tên Luyện ở Tạ Xá vẫn thường mang đồ ăn tiếp tế sang Yên Tập cho vị thừa sai nên biết chỗ trú, một hôm thua bạc nên đã phải khai ra chỗ ẩn của vị thừa sai. Lý Phận và cai tổng Mờn đem 12 người đến bắt Cha Néron đem về Xuân Trinh. Cha xứ Yên Tập sai người đút tiền để trả tự do cho cố, song vì tiếng đồn bắt được thừa sai đã lan rộng nên cai Mờn không dám nhận bạc, trái lại báo về tỉnh để lãnh thưởng. Quan tổng đốc cho lính xuống giải về tỉnh đêm mùng 7-8. Ngay đêm các quan họp nhau để tra hỏi tên tuổi, làm sao đến được Việt Nam, những ai chở, những ai cho trú ẩn....

Cha Néron trả lời rõ ràng những điều về mình, nhưng không nói tên một ai, ngay cả hai người giúp việc. Cha nói: “*Tôi không biết tên cha mẹ họ đặt cho, khi đến với tôi, tôi đặt tên khác cho họ*”.

LM. VŨ THÀNH

Rồi người nói tên thánh và nói thêm với các quan: “*Đừng có hỏi thêm vô ích, tôi sẽ không kể tên ai đâu vì tôi biết các ông chỉ muốn làm khổ họ*”.

Sau đó cha bị giam vào ngục.

Ngày 2-9 các quan lại họp nhau để tra hỏi về việc liên quân Pháp và Tây Ban Nha đến đánh Đà Nẵng, nhưng vị thừa sai không trả lời gì dù bị đe dọa. Cha bị đánh 40 roi. Hai ngày sau cha tuyên bố không ăn uống gì nữa. Các quan nài ép cha cũng không ăn. Mọi người nghĩ sau bảy ngày cha sẽ chết đói, nhưng sau 20 ngày cha vẫn khoẻ như thường, khiến họ nghĩ cha là một vị thần. Sang ngày thứ 22 cha bắt đầu ăn.

Đức Cha Theurel viết về sự kiện này như sau: “*Đó là một sự kiện khác thường chính tôi cũng không tin, song rất đông người quả quyết, và những người Công Giáo khác cũng bị giam giữ đều nói rằng đó là một việc hiển nhiên rõ ràng, chính quan tổng đốc cũng nói một người nhịn ăn như thế đã trở thành Phật. Hơn nữa trong bản án các quan viết hôm 6-9 chính mắt tôi đã đọc như sau: “Tên tội phạm từ khi bị tra khảo đã kiên trì không chịu ăn và không chịu nghe lời ai khuyên can vì thế chúng tôi tin là không phải tra khảo gì thêm, dám mong hoàng đế định ngày xử”*”.

Trong thời gian bị giam giữ chỉ có một vài người được vào thăm, không có cha Việt nào dám tới để ban các bí tích. Nhận được hai thư của đức cha chính và phó song người cũng không thể viết một chữ hay nhắn một lời.

Người ta chỉ nghe cha than thở: “*Tại sao các quan giam giữ lâu làm vậy trong khi tôi chỉ mong cho giờ chết chóng tới*”.

Đầu tháng 11 bản án ở kinh đô về tới tỉnh, nguyên văn như sau: “*Ngày 20-8, chúng tôi Trương Quốc Dụng, Phan Huy Vịnh và Phan Xuân gửi đến bộ hình án lệnh của vua như sau: Tội nhân cố Bắc, đúng là đạo trưởng Giatô, cả gan xâm nhập và lén lút trong đất nước để lừa dối dân chúng theo tà đạo. Bị dẫn đến tòa án đã nói dối không chịu cung khai các việc. Xét như thế tội nhân cố chấp truyền phải chém đầu ngay, đầu bêu ba ngày rồi ném xuống sông*”.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Ngày 3-11-1860 quan đem người ra ngoài nghĩa địa để xử. Trong đám đông đi theo có Cha Độ nhưng Cha Néron chăm chú đọc kinh không để ý tới ai và không nghe ai nói, nên không hay biết gì. Tới nơi xử, quan giám sát đến bên vị anh hùng tử đạo bái chào và nói: *“Lệnh vua và các quan lớn kết án ngài, nhưng xin ngài nhớ đến tôi khi ngài đi sang cõi phúc”*.

Sau ba tiếng chiêng lệnh, lý hình vung đao chém một nhát đứt ngay đầu, máu tươi vọt ra nhuộm đỏ cả chiếu. Lính cắt giày trời và cởi áo dòng, nhưng nhất định không giao cho giáo dân, dù hứa cho nhiều tiền vì họ muốn giữ kỉ vật của vị thánh ăn chay 21 ngày không chết. Ngoài ra một sự kiện đặc biệt là trong lúc hành quyết, dù trời đang đẹp bỗng mây đen kéo đến bao phủ và đổ mưa tầm tã. Người lương chứng kiến nói với nhau: *“Người Âu Châu này sống cuộc đời cô tịch, hiền hòa bị kết án cách bất công, đến trời cũng mũi lòng”*. Dân địa phương sấm quan tài và chôn người ngay tại nơi xử, không cho giáo dân mang đi để mong được hưởng phúc của thánh nhân. Tuy nhiên ba ngày sau giáo dân Bách Lộc đã lấy trộm được xác về chôn trong xứ. Riêng về đầu thì lính treo trên cây đa ba ngày, sau đó đem vứt xuống sông, nhưng tên lính đã nhận tiền, làm sẵn giày có phao, song các quan nghi ngờ nhau có người ăn tiền nên không cho cột giày khi ném xuống sông, vì thế không ai tìm được đầu của người.

Cuộc Xung Đao & Tử Đạo của THỬA SAI THÉOPHANE VÉNARD

(bị bắt ngày 30-11-1860, chém đầu ngày 2-2-1861)

J trong các vị thừa sai người Pháp đổ máu vì đức tin ở Việt Nam nổi tiếng nhất là Cha Thánh Vénard, người anh hùng tử đạo được Thánh Têrêsa Hải Đông ngưỡng mộ. Tháng 2-1854 khi Cha Vénard đang ở Hồng Kông chờ bài sai, thì đây bài sai của người và cha bạn: *“Để làm vui các bạn, bề trên đã cho Cha Vénard hạt kim cương Bắc Việt, còn Cha Furet hạt ngọc Tứ Xuyên, Trung Hoa”*. Hay tin đó, Cha Vénard đã hớn hờ báo tin cho người bạn Paziot rằng người đi Bắc Việt và bạn hãy sắm sửa hòm đựng xương thánh. Thật vậy Cha Vénard, với óc thi sĩ đã viết về Bắc Việt như sau: *“Trong nước Annam, các sắc lệnh tiếp tục ban hành, mỗi năm sản xuất bao nhiêu*

LM. VŨ THÀNH

vị tử đạo, như mùa Xuân rực rỡ những bông hoa và mùa thu trái chín vàng... Tonkin, xứ truyền giáo có con đường ngắn nhất để về trời”.

Thánh Théophane Vénard chào đời ngày 21-11-1829 tại Saint Loup Sur Thouet do ông bà Giovanni Vénard và Maria Gueret. Chính cha của người là thầy dạy đầu tiên. Từ bé người đã có chí hướng đi tu làm linh mục nên được giao cho cha sở trông coi dạy Latinh. Sau đó người vào chủng viện Doue-Fontaine. Tại đây chú Vénard được tin người mẹ qua đời năm 1843. Học xong Trung Học, chú Vénard vì thông minh nên được đưa vào Đại Chủng Viện Mortmorillon, địa phận Poitiers để học Triết. Sau khi chịu chức Năm, Thầy Vénard được ơn Chúa thúc đẩy xin phép đức cha để gia nhập Chủng Viện Truyền Giáo Paris và được chịu chức Linh Mục ngày 5-3-1851, lúc mới 22 tuổi. Người được bài sai đi truyền giáo tại Bắc Việt.

Sau nhiều hành trình gian khổ, Cha Vénard đến cửa Cấm ngày 13-7-1854 và được đưa đến chủng viện Vĩnh Trị, nơi ở của Đức Cha Retord. Vừa nhiệt thành học tiếng Việt vừa theo chân đức cha đi thăm các xứ để học kinh nghiệm, Cha Vénard được chuẩn bị để trở thành viên kim cương của Bắc Việt.

Khi từ già chị Mélanie, Cha Vénard viết: *“Hãy sống trong vui vẻ vì người làm việc cho Chúa luôn có một trái tim thoải mái”*. Thật vậy, vừa tới nơi Cha Vénard được chứng kiến buổi lễ phong chức thật huy hoàng và trang nghiêm, có lính đồng phục chào 26 vị tiến chức, trong đó 3 linh mục, 5 thầy sáu và 4 thầy năm....

Cuối tháng 8-1854, Cha Vénard được sai đến một trường kẻ giảng ở Kẻ Roãn gần phủ Lý để học tiếng Việt. Cha viết: *“Một tháng trôi qua tựa như một giờ vậy”*. Cha nói tiếng Việt thông thạo, đúng các âm và dấu. Người được gọi là cố Phan, lấy vần cuối của tên thánh của người, với ý nghĩa tiến lên, và cũng là tên dòng họ thông thường. Chúa Nhật thứ hai của tháng 10 cha đã có thể giảng bằng tiếng Việt cho giáo dân trong thánh lễ.

Từ đây cha bắt đầu sống thực sự cuộc đời truyền giáo, kiếp sống của một con chim đậu trên cành, luôn sẵn sàng ra đi... chạy trốn. Tháng 1-1855 cha bắt đầu nếm mùi bệnh tật đến nỗi phải xúc dầu. Lúc người khỏe lại cũng là thời gian bắt đạo, người được sai về Bút Đông, ẩn trốn trong nhà dòng. Một buổi đêm vọng lễ Mẹ Lên Trời, Cha Phan xuống thuyền về thăm đức cha. Gặp lại đức cha, người hỏi Cha

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Phan ngay: “*Cha đã sẵn sàng chia sẻ, lấy khổ cực làm phần gia nghiệp chưa?*” Để trả lời, Cha Vénard quyết định đổi tên là Ven, nghĩa là vẹn toàn và cũng là chữ đầu của tên người. Và cũng từ đây cha bước vào con đường núi sọ của giáo hội Việt Nam.

Tổng đốc Nguyễn Đình Tàn, còn có tên là Hưng, ngày xưa thọ ơn Cha Tịnh chữa mắt cho sáng nên ông thường bao che cho chủng viện Vĩnh Trị nơi Cha Tịnh cai quản, nhưng từ khi người Pháp đến gây hấn tại Cửa Hàn, tổng đốc Nguyễn Đình Tàn bắt đầu thay đổi thái độ, ông trở thành đồ tể giết hại các tín hữu. Sắc lệnh 18-9-1855 đã phá tan chủng viện Vĩnh Trị và đội mũ tử đạo cho Cha Tịnh. Cha Vénard được lệnh trốn và coi sóc chủng viện Hoàng Nguyên. Tháng 5-1858 thư của cha gửi đi bị bắt, vì thế Hoàng Nguyên bị vây và cha phải trốn lên Kẻ Non, rồi Bút Đông. Người lợi dụng thời gian “cắm tù” ở nhà Dòng Mến Thánh Giá để huấn luyện tinh thần cho các chị dòng và dịch sách. Từ năm 1860 cha phải thay đổi chỗ ở luôn, sống trong những căn hầm trú đào sâu dưới đất và bên cạnh một con sông hay bờ bể, có ba ống tre thông hơi.

Ông xã Ký người làng Bút Đông thuật lại việc đào hầm và ba lần quan lính đến lũng kiếm thừa sai như sau: “*Thầy Lượng và tôi đã đào một cái hang trong buồng nhà tôi, rộng non một gian nhà, cao vừa bằng một người đứng, dưới thì lát gạch, trên thì lát ván, đoạn đổ một thước đất trên ván và lấy lửa hơ cho ra đất cũ kéo quan sinh nghi... Chúng tôi cũng lập bàn thờ để các đấng làm lễ và làm tám cái hốc đặt ống tre dài thò ra ngoài bờ ao để có khí thở. Ở đầu buồng chúng tôi làm vách kép để trốn khi cần kíp*”. Tại Bút Đông các nhà ông xã Ký, nhà ông Hộ, nhà ông Điêng, nhà cụ cố Cha Tuyên, nhà bà Trách đều có hang và vách kép. Như thế một thời gian lâu dài Cha Vénard, Cha Theurel ẩn trốn ở làng này. Chắc chắn có một người Công Giáo đã đi tố giác với quan nên làng bị khám xét ba lần, nội bắt xuất ngoại bất nhập. Lính đi từng nhà cầm dùi xam đất và xam tường vách. Các thừa sai thoát nạn là một phép lạ như thư Cha Vénard viết: “*Ấu là Đức Chúa Trời không cho nó bắt thì nó không bắt được mà thôi*”.

Cố Ven (Phan) còn kể công của ông cai tổng Tấn, người Phúc Châu, không phải là người Công Giáo nhưng bênh vực các thừa sai, đã cứu chữa các đấng. Khi quan lính đi vây làng Bút Đông, ông cai Tấn tình nguyện mang lính đi lũng kiếm giúp, và khi được mật báo là tại nhà ông Hộ có các thừa sai đang ẩn, ông cai Tấn liền đem lính đến nhà

LM. VŨ THÀNH

ông Hộ ngồi canh giữ, để nếu lính nhà quan đến hỏi thì ông trả lời đã khám xét kỹ mà không có tây giảng đạo trường nào. Sau đó ông cai Tấn đem các cha về làng của mình là Phúc Châu, toàn là người ngoại đạo để các cha được yên.

Trong một lá thư khác, cố Ven ca ngợi nhân đức của các giáo dân Hà Nội vì đã giúp các cha thoát nạn, trong khi Kẻ Vĩnh ở Nam Định bị tiêu hủy hoàn toàn. Cha nói: *“Giáo dân Hà Nội chưa có mấy người tử vì đạo, điều ấy không phải vì bốn đạo, nhưng chỉ vì các quan Hà Nội có lòng thương dân, không bắt đạo ngặt quá mà thôi”*. Có lần quan huyện đến làng để bắt dân chúng bỏ đạo, các thừa sai đe rằng nếu các huynh thú trong làng quá khóa thì các cha sẽ ra nộp mình. Nhờ thế cả làng từ lớn đến bé ra đình xưng đạo trước mặt quan huyện, chịu đánh đập rồi cũng được tha. Thật là một điều đặc biệt, cả làng xưng đạo và cả làng vẫn được an toàn.

Từ khi Pháp đem quân đánh Cửa Hàn năm 1858 thì việc bắt đạo trở nên gay go, mọi người lo sợ, lương giáo không ai dám chúa chấp các thừa sai nữa. Thêm vào đó vua Tự Đức ra các chỉ dụ bắt giam tới hai ngàn đầu mục, bắt quan và lính có đạo, bắt các chị nhà dòng xưa nay hay đưa thư giao dịch.

Dù vậy các thừa sai khi có thể vẫn đi thăm các giáo dân, ban bí tích để củng cố đức tin, quen gọi là đi làm phúc. Chính vì thế mà Cha Vénard bị bắt ở làng Kẻ Bèo. Cha Ven thuật lại: *“Giáo dân vì muốn tránh khỏi bị ép buộc đập ảnh đã chạy hết ra đồng ruộng để ẩn núp, nửa người ngâm dưới nước bùn... Thật là thảm thương, chỉ có những người trái tim ra chai đá mới không xúc cảm trước những khổ sở của họ... Con thuyền giáo hội Annam hầu như chìm dần, giống như giáo hội Nhật Bản trước kia. Phải có một phép lạ mới mong phục sinh lại được. Chúng tôi đã từ biệt nhau chúc lời mạnh sức tử đạo trên đường lẩn trốn. Chúng tôi có nhiều cơ may để đổ máu ra vì danh Chúa Cứu Thế”*.

Thật vậy, ngày 30-11-1860 cai Đô đến Đông Bào thu thuế với khoảng 20 người lính đã bắt được cố Ven tại nhà bà góa Cấn. Sau khi chú giúp việc bị bắt, các bức vách bị đâm chọc, Cha Ven đã phải ra nộp mình, bên trong áo còn giấu một cuốn sách nguyện, bên cạnh là một gậy tre có nhiều sợi giây đầu buộc chì, đó là giây đánh tội của người. Cha Ven và thầy Khang bị bắt giải về phủ Lý rồi về Hà Nội.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Quan coi phủ Lý là một người hiền hậu, làm xích và gông rất nhẹ. Trong tờ khai bắt đạo trưởng, quan thường phải ghi rõ nơi bắt được nên gặng hỏi Cha Ven ở đâu, Cha Ven đáp: *“Tôi đến nước này để giảng đạo Công Giáo. Tôi đi khắp nơi, rất nhiều làng xã, nhưng không có chỗ ở nhất định. Tôi không kê khai những nơi đã đi vì quan muốn đánh đập những người đã chứa chấp tôi nên tôi sẽ không khai tên ai cả...”*

Nhiều người hiếu kỳ đến xem mặt “người quỷ trắng” xinh đẹp và đặt ra những câu hỏi tò mò. Một ông ký lục đến hỏi Cha Ven có bức bối vì dân chúng đến không, Cha Ven vừa cười vừa nói: *“Tôi không buồn gì mà trái lại vui là khác”*.

Đoạn cha cất tiếng nói to với đám người đứng xung quanh: *“Anh em Việt Nam yêu quý của tôi, anh em hãy biết rằng tôi rời bỏ quê hương đến đây để tìm gặp anh em. Chính vì thế đám đồng anh em đến đây làm tôi tràn ngập niềm vui”*.

Trong số những người đứng đó cũng có những giáo dân vì không chịu đập ảnh bị bắt đến đó làm tạp dịch, đã rón rén thưa với vị linh mục: “Thưa Cha”. Thế rồi họ sốt sắng xưng tội và vui sướng tràn ngập tâm hồn.

Tại Phủ Lý hai ngày, Cha Ven viết một lá thư về nhà để ngày 3-12, cha cho biết ngày hôm sau sẽ bị giải về Hà Nội. Thế là cha ở giữa chiến trường xung đức tin. Thiên Chúa dùng những người bé nhỏ để làm hoang mang những người vị vọng. Nhưng chính lúc này cha đẻ của người đã qua đời mà người không hay. Trên đường về Hà Nội, quan bắt dân phu các tổng trên đường cử người khiêng tù binh. Một người Công Giáo đã được chọn và mang một lá thư của Đức Cha Theurel, bạn đồng hành của Cha Ven. Sau cùng Cha Ven được dẫn giải tới Hà Nội đi vào cửa Tây. Tại đây có đặt thánh giá trên cầu vào thành, cha yêu cầu họ cất đi nhưng họ không chịu, Cha Ven phải vẫy vùng cho cũi ngã nghiêng khiến họ buộc lòng phải nhắc thánh giá lên.

Trưa hôm 5-12-1860, đoàn người vừa vào trong thành thì quan án đã thẩm vấn thừa sai Âu Châu ngay. Trong các câu hỏi quan lộn lẩn giữa việc đạo và việc chính trị để tìm sơ hở kết tội cha làm loạn, chịu trách nhiệm về việc người Pháp-Tây đến đánh Cửa Hàn. Theo thư gửi gia đình hôm 2-1-1861, cha đã thuật lại cuộc thẩm vấn và các lời khai của người. Cha không khai tên Việt là Ven mà dùng đúng tên

LM. VŨ THÀNH

Pháp. Cha nhấn mạnh rằng cha đến với mục đích duy nhất để giảng đạo thật cho những người chưa biết, và vì vậy mà bị bắt và bị nộp cho quan. Không phải quan hay vua nước Pháp sai đến, song là mệnh lệnh của Vua Trời Đất đi giảng đạo cho lương dân. Về lời tố cáo của quan tỉnh Nam Định gửi đến cho rằng Đức Cha Liêu (Retord) xúi dân làm loạn, Cha Ven cực lực bác bỏ: *“Tôi làm chứng rằng điều đó hoàn toàn là vu cáo. Đức Cha Liêu khôn ngoan đủ để không làm điều xằng bậy như vậy. Chính tôi đã đọc thư chung của Đức Cha Liêu cấm người tín hữu theo những người nổi loạn, và người sẵn sàng chết ngàn lần hơn là vấy máu vào việc nghịch”*.

Cha Ven còn cho quan biết Đức Cha Liêu đã chết ở Ninh Bình.

Cuộc thẩm vấn của quan án bỗng ngưng và mọi người đứng lên vì có lời thông báo quan tổng đốc Hoàng Văn Thu đến. Vị quan hiền hòa này nói ngay: *“Ông đây là vị lãnh đạo người Công Giáo, tướng mạo thật đặc biệt. Người biết luật lệ Annam cấm các người Âu Châu đến, sao còn dám lén vào. Chính các người đã xúi dục lính Pháp đến gây chiến. Hãy nói cho thật nếu không ta sẽ cho tra tấn”*.

- *“Thưa quan lớn, quan hỏi tôi hai điều. Điều thứ nhất tôi xin thưa: Tôi được vua Trời Đất sai đến giảng đạo cho người chưa biết ở bất cứ nơi nào hay quốc gia nào. Chúng tôi tôn trọng mọi luật pháp quốc gia đồng thời chúng tôi cũng tôn trọng luật của Vua Trời Đất. Về câu hỏi thứ hai, tôi khẳng định rằng tôi không hề xúi dục người Châu Âu đến gây chiến ở Annam”*.

Quan dụ dỗ: *“Vậy người hãy đi thuyết phục họ lui quân, ta sẽ tha cho”*.

- *“Thưa quan lớn, tôi không có tí thế giá nào để làm việc đó, nếu như hoàng đế truyền lệnh, tôi cũng đi nhưng chắc là không đạt được mục đích, tôi trở về vẫn phải chết”*.

- *“Người có sợ chết không?”*

- *“Thưa quan, tôi không bao giờ sợ chết, tôi đến đây để giảng đạo thật, tôi không làm điều gì lỗi đáng phải chết cả, nhưng nếu người Annam muốn giết tôi, tôi sẵn lòng đổ máu ra vì người Annam.”*

- *“Vậy ông có thù ghét người giết ông không?”*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

- “Chắc chắn là không, vì đạo Công Giáo dạy chúng tôi phải yêu mến cả những người ghét bỏ mình”.

Quan tiếp tục hỏi những câu thông lệ, như kê khai người chứa chấp và bắt ép đập ảnh. Cha Ven quyết liệt nói lên ý chí của mình: “*Làm sao đập ảnh được, tôi đã giảng dạy đạo thánh giá cho tới ngày hôm nay, tại sao quan lại bắt tôi chối đạo. Tôi không coi mạng sống dưới trần này trọng gì mà phải chối đạo để giữ mạng sống?*”

Quan vặn lại: “*Tại sao lại trốn tránh?*”

- “*Thưa quan, đạo cấm việc cậy sức riêng mình. Nhưng nếu Trời muốn tôi bị bắt thì tôi tin rằng Người sẽ ban sức mạnh để tôi chịu mọi cực hình và bền vững xưng đạo đến chết*”.

Ba lần ký lục bắt Cha Ven viết lời khai có chữ tà đạo, cha nhất mực bắt thay vào bằng chữ đạo Giatô, còn nếu quan muốn thì thêm vào sau. Ngay hôm đó các quan làm bản án và ngày 17-12 gửi về Huế. Bản án viết: “*Đạo trưởng Tây gọi là cố Ven, nhưng tên thực là Vena, bị kết án vì mù quáng và cố chấp đã rõ, luận phải chặt đầu và bêu đầu ba ngày rồi buông sông*”.

Trong hai tháng bị giam trong cũi cao 1m55, dài hai mét và rộng 1m20, Cha Ven đã mua vui những người lính canh bằng những bài ca Latinh, và giữa đêm Sinh Nhật đã hát những bài ca Giáng Sinh hân hoan trong bầu khí thình lạng. Về sau bà Nghiênn và bà Xin được phép nấu cơm cho Cha Ven và nhờ đó đã có thể khôn khéo đem Minh Thánh Chúa cho người, kẹp trong lá trầu tươi. Bình thường Cha Ven hướng về một nhà thờ xa xăm nào đó có đặt Minh Thánh để cầu nguyện. Với sự khôn khéo của một số giáo dân, họ đã có thể đưa Cha Thịnh đến giải tội cho Cha Ven. Giữa cảnh tù đầy, Cha Ven vẫn có một tâm hồn thanh thản như ao hồ mùa thu. Một lần bà Xin thấy bên cạnh cũi có con chuột định đánh đuổi thì Cha Ven bảo: “*Đừng làm vậy, hãy để chúng nhảy nhót, đó là điều giải trí của cha*”.

Một số quan nhỏ hay lui tới nói truyện và bàn bạc về hạnh phúc: “*Tại sao lại đến đây để chịu chết?*” Cha Ven trả lời: “*Chính vì tôi là một linh mục, tôi thương xót các linh hồn. Tôi đến chỉ để rao giảng tin mừng, một con đường hạnh phúc*”.

LM. VŨ THÀNH

Ông quan nhỏ tỏ ra thán phục lời nói cương quyết của cha nhưng lịch sự đáp lại:

“Thưa ngài, ở đây, cái chết đang chờ ngài chứ đâu có hạnh phúc?”

Mỉm cười, Cha Ven đáp: *“Tôi rất sung sướng được chết, ông thấy không?”*

Cha Ven luôn ao ước vinh dự được chết vì Chúa, theo gương Thánh Phaolô tông đồ, trong các thư gửi cho gia đình và bạn bè người luôn ký tên là người tù của Chúa Giêsu. Viết cho Đức Cha Theurel, người mượn lời Thánh Martin như sau: *“Lạy Chúa nếu con còn làm ích được cho dân Chúa con không từ chối làm việc, nhưng với lời Thánh Phaolô con thưa: Giờ ra đi của con đã gần. Đối với đức cha, Chúa Kitô là cuộc sống, phần con, con chiếm đoạt bằng cái chết”*.

Trong thư gửi cho Đức Cha chính Jeantet, người viết mấy vần thơ ca tụng Bắc Việt như sau:

*“Ôi Bắc Việt cao quý,
Đất được Chúa chúc lành.
Quê hương của bao nhiêu vị anh hùng đức tin.
Tôi đến để phục vụ người.
Hạnh phúc được sống và chết vì người”*.

Trong thư gửi cho người cha già, Thừa Sai Vénard viết: *“Tại đây, từ quan cho đến người lính gác đều lấy làm tiếc luật pháp nước này kết án con. Con không hề bị đánh đập như một số đồng bạn khác. Chỉ một lát gươm vào cổ, con sẽ như bông hoa mùa Xuân mà chủ vườn ngắt lấy vì thích thú... Tất cả chúng ta đều là những bông hoa Chúa trồng và ngắt về theo thời gian, người sớm kẻ muộn”*. Trong thư từ già chị Mélanie mà Cha Ven coi như hai tim hòa nhịp cảm thông và yêu thương từ hồi nhỏ, cha viết: *“Bây giờ gần nửa đêm. Chung quanh cũ gỗ là những rừng gươm giáo. Trong góc căn phòng một toán lính đang chơi bài, một toán khác chơi xúc sắc. Thịnh thoảng lính canh đánh trống điểm canh. Cách chỗ em hai thước, một ngọn đèn dầu leo lét trên tấm giấy tầu giúp em có thể viết cho chị những dòng chữ này. Em chờ đợi từng ngày bản án. Có lẽ ngày mai em sẽ bị điệu ra nơi pháp trường chịu chết. Ôi hạnh phúc thay cái chết, một cái chết mong ước từ lâu để đưa về cõi sống..”*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Thật vậy từng ngày Cha Ven nhìn lính phu trạm đưa thư vào dinh quan mà nôn nao dò hỏi xem có phải là bản án tử của triều đình không. Cha viết cho Đức Cha Theurel: *“Mỗi bình minh con chào mừng đường như bình minh của trường sinh bất tử nhưng vịnh cửu vẫn chưa mở cửa cho con”*. Đúng ngày lễ Đức Mẹ dâng mình, ngày mùng 2-2-1861, Cha Ven được báo tin để ra pháp trường. Cha mặc áo mới của đại lễ mà cha đã bảo bà Nghiên may sẵn, một chiếc quần dài trắng, một áo ngắn trắng và một áo dài bằng lụa màu đen, một cái khăn đồng màu đen, giày thắt lưng và dép, tất cả mới toanh. Với thái độ điềm tĩnh cha khuyên nhủ từ biệt hai thầy giảng và bạn tù: *“Chúng con hãy can đảm chịu đựng khổ cực. Trên trời cha không quên chúng con”*.

Người trao cho bà Nghiên cuốn sách nguyện, tràng hạt và cây thánh giá. Lính đem bữa ăn thịnh soạn cuối cùng cho tù nhân, Cha Ven nói: *“Này các bạn tôi không dùng đâu, hôm nay tôi sẽ được no đầy sung sướng”*.

Nhưng lính canh nào có hiểu được ý nghĩa cao sâu, nói đùa với cha: *“Xin ngài hãy can đảm lên, dùng một chút cho có sức mạnh ra ngồi một mình một chiếu”*.

Hai trăm lính hộ tống quan lớn đem Cha Ven ra khỏi thành. Cha Thịnh đã được dặn khi ra khỏi thành 200 thước Cha Ven sẽ giơ tay để lên trán thì ban phép giải tội cho người. Nhưng vì vội quá Cha Thịnh không hay biết nên Cha Ven nhón nhác tìm kiếm...

Đám đông dân chúng Hà Nội đi theo, quan án lên tiếng nói: *“Thưa thầy, thầy và đồng đạo coi cái chết như là đạt được ước nguyện, là niềm vui khôn xiết. Vậy xin ngài hãy thỏa lòng. Vua và hội đồng nội các kết án ngài, còn chúng tôi không muốn máu ngài phải đổ ra đâu”*.

Cha Ven đáp lại: *“Chắc chắn là vậy. Người Công Giáo coi cuộc sống ở đời này là cuộc lưu đày tạm gửi, còn cái chết là trở về quê thật. Nhưng nếu tôi chết trước thì các ngài quan lớn cũng đến ngày cùng, một ngày không xa, không hơn không kém gì tôi, nhưng các ngài sẽ phải ra trước mặt đấng thẩm phán chí công”*.

Với đám đông Cha Ven phân phó: *“Anh chị em biết rõ tôi hoàn toàn vô tội, dẫu vậy các quan đem tôi đi xử... Ôi tôi sung sướng thay! Tôi rời bỏ quê hương tôi, vượt qua trùng dương mệnh mỏng đầy nguy hiểm,*

LM. VŨ THÀNH

tôi đến nước này để loan báo đạo Chúa Giêsu và mở cửa trời cho đoàn lũ vô số linh hồn. Phần thưởng nào sẽ dành cho tôi, chính là cái chết, nhưng cái chết đẹp nhất trên mọi cái chết khác...”

Thế rồi người hát bài ca Ngợi Khen (Magnificat) bằng tiếng Latinh. Tới bờ sông, khi mọi sự sẵn sàng tên đao phủ mảnh khỏe nói cha phải xử bá đao nên phải cởi áo quần, với dụng ý lấy bộ quần áo mới không nhuộm máu của người. Lưỡi gươm lâu ngày cùn, tên lính đao phủ xin xỏ với cha cho tiền nếu nó chém ngon cho cha chết tốt, nhưng Cha Ven bảo tên lính chém càng nhiều nhất càng tốt. Thế là Cha Ven bị chém bốn nhát đầu mới rơi khỏi cổ. Hôm ấy cha được đúng 31 tuổi, hai tháng và 11 ngày, đã truyền giáo ở Bắc Việt 6 năm 6 tháng và 15 ngày. Chính lúc xử một đám mây bao phủ trên trời.

Xác cha được chôn tại bờ sông còn đầu bị bêu ba ngày và buông sông. Vì là sát ngày Tết Việt Nam nên mãi tới ngày 15-2 mới vớt được đầu của cha, cách Hà Nội 16 km, và ngày 24-2 được đem đến trao lại cho hai Đức Cha Jeantet và Theurel đang trốn ở Kẻ Trù. Ngày 3-7-1862 giáo dân sửa lại mộ của người đưa về Đông Trì, và khi điều tra phong thánh, chủng viện thừa sai đòi đem xác cha về Pháp năm 1865, nhưng đầu của cha vẫn được giữ lại trong địa phận Hà Nội.

Báo chí tại Pháp đăng tải những thơ hồn nhiên và cảm động của Cha Thánh Ven và bắt đầu sùng kính người, nhất là tại sinh quán của người, Saint Loup Sur Thouet, dân chúng hàng năm làm lễ kỉ niệm. Người trở thành vị thánh đặc biệt của Thánh Têrêsa Hải Đông. Bốn tháng trước khi chết, Thánh Têrêsa đã nói với mẹ bề trên Agnes: *“Năm ngoài khoảng tháng 11, lúc ấy là ngày con đáng lẽ đi Bắc Việt như chương trình, mẹ nhớ không? Để có một dấu chỉ là ý Chúa muốn con đi, con làm tuần cửu nhật kính Cha Theophane Vénard. Trong tuần này con có thể tham dự mọi việc với cộng đoàn, kể cả giờ kinh sáng. Chính trong tuần cửu nhật, con bắt đầu ho, và từ đó mỗi ngày tệ hơn. Chính người gọi con”.*

Trước khi chết, Thánh Têrêsa Hải Đông còn viết một bài dựa theo những dòng chữ của Cha Vénard khi ở trong cũi Hà Nội, phó thác và chờ đợi cái chết với lòng bình thản như hồ nước lặng yên.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC PHERÔ NGUYỄN VĂN LỰU

(bị bắt 3-1-1861, xử trảm 7-4-1861 tại Mỹ Tho)

Năm 1853 Cha Phêrô Lựu đang coi họ Mặc Bắc thì bị tố cáo với quan nên đức cha đổi đi nơi khác và sai Cha Minh về thay, khiến người mất cơ hội tử đạo. Cha Lựu khi đến nhà tù thăm Cha Minh đã nói: *“Thật cha có phúc còn tôi chẳng được may, cha đã lấy mất triều thiên tử đạo của tôi vì vừa đúng 18 ngày tôi phải rời đi thì cha bị bắt thế chỗ tôi”*. Thiên Chúa thật công minh đã nhìn thấy rõ lòng dạ kiên trung của vị linh mục nhiệt thành, ban phúc tử đạo cho cha khi thời giờ thuận tiện.

Cha Phêrô Nguyễn Văn Lựu sinh khoảng năm 1812 tại Gò Vấp gần Sài Gòn. Cha người là một thương gia quê ở Bình Định tới đây lập nghiệp. Khi được 5 tuổi gia đình lại trở về Bình Định, trong làng Xóm Quan. Tới tuổi trưởng thành, chú Lựu được gửi tới cậu là Cha Thân để học hành. Hai ba năm sau chú Lựu được nhận vào chủng viện học với Thừa Sai Lefebvre, và năm 1838 chú được gửi sang học tại Penang. Cha Thuyết cùng học với người và làm việc với nhau đã làm chứng rằng: *“Tôi thấy thầy Lựu rất chăm chỉ học hành, giữ luật phép rất cẩn thận, sốt sắng đọc kinh và siêng năng lãnh nhận các bí tích. Tính người rất nghiêm thẳng, hay giúp đỡ bạn bè và không bao giờ ca thán điều gì”*. Năm 1844, Thầy Lựu về nước ở với Đức Cha Cuénot cho tới khi Tòa Thánh phân chia địa phận Sài Gòn thì Đức Cha Lefebvre lấy lý do thầy sinh ở Sài Gòn thì thuộc về Sài Gòn.

Theo đức cha về Sài Gòn tạm trú ở Chợ Quán tại nhà Thầy Ngoi để học thần học, Thầy Lựu được chịu các chức nhỏ tại Lái Thiêu và đi dạy giáo lý cho những người tân tòng. Sau khi chịu chức phó tế, Thầy Lựu đi giúp Cha Thuyết là bạn học làm linh mục trước tại họ Đầu Nước. Trong thời gian này Cha Thuyết làm chứng rằng *“Thầy Lựu rất sốt sắng giúp bốn đạo, yêu thích dạy giáo lý cho các trẻ em và đi thăm các giáo dân ở rải rác giữa các làng ngoại đạo. Tôi không bao giờ thấy thầy khô khan hay ngại ngại làm việc”*.

Sau khi thụ phong linh mục, Cha Lựu coi sóc họ đạo Mặc Bắc, thường ở nhà ông trùm Lựu và bị mấy người Công Giáo xấu tổ giác với quan tỉnh nên đức cha đổi người về họ Sađéc để tránh bị bắt, và

LM. VŨ THÀNH

Cha Minh người thay thế đã bị bắt và tử đạo. Cha Thuyết kể lại rằng Cha Lựu thường đôi khi uống tí rượu trong bữa ăn, nhưng người quyết định bỏ hẳn vì sự kiện sau đây. Một hôm gặp nhau trên sông Mêkông, sau khi đã ăn cơm Cha Lựu mời người uống rượu nhưng người từ chối. Cha Lựu nói: *“Cha không uống rượu là phải, đúng ra rượu là thứ xa xỉ, nó làm cho buồn ngủ và hơn nữa gây gương xấu”*. Nói xong, Cha Lựu đập bể chai rượu và nói: *“Thế là xong, từ nay không uống nữa”*.

Tại Sadéc có một giảng viên giáo lý và làm trùm trong họ, nhưng có tính thù hằn và lợi dụng địa vị để làm điều bất chính. Sau nhiều lần cảnh cáo không được Cha Lựu đã nghiêm khắc công khai: *“Ông chèn ép anh em thì chính ông và con cháu sẽ bị Thiên Chúa trừng phạt”*. Một năm sau ông trùm Thi bị bắt, các con sống hoang đàng túng thiếu.

Dù ở đâu Cha Lựu cũng rất can đảm liều mình vào nhà tù viếng thăm các tín hữu xưng đạo. Nếu có ai cản ngăn, cha nói: *“Các quan không có bắt tôi”*. Cha thường khuyên nhủ: *“Bằng cách này hay cách khác, chúng ta đều phải chết vì thế tôi khuyên anh chị em hãy can đảm theo vết chân Chúa. Được chết vì đạo là điều đáng mong ước nhất”*. Chính vì lòng hăng hái thăm viếng các anh hùng xưng đạo trong nhà tù mà Chúa thường công cho người. Khi đổi về họ Xoài Mút, tỉnh Mỹ Tho, Cha Lựu bốn lần vào nhà tù đẩy các tín hữu can trường, và trong đó có Cha già Thiêng 80 tuổi cần giúp đỡ. Cha Lựu cho quan cai ngục là Huy 100 quan tiền để ông này cho phép vào nhà tù thăm, nhưng lần thứ năm một người lính tên Bảy đã chặn lại. Lần sau khi vào trong tù, người giúp việc Cha già Thiêng đưa cho Cha Lựu một lá thư, cha bỏ vào túi áo nhưng rùi bị rút xuống đất, và ông cai Cư Hội trông thấy liền xấp lại bắt. Cha Lựu xưng ngay mình là đạo trưởng.

Trước mặt ba quan bộ, án và lãnh binh, cha khôn khéo trả lời để không ai phải liên lụy vì người:

- *“Ông theo đạo Công Giáo?”*
- *“Vâng”*.
- *“Giữ chức vụ gì?”*
- *“Đạo trưởng”*.
- *“Ông đã ở những đâu và trong những làng nào?”*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

- “Tôi không có nơi ở nhất định nhưng đi đây đó những nơi có người Công Giáo”.
- “Cha mẹ ông ở đâu?”
- “Cha mẹ tôi chết cả rồi, mình tôi còn lại”.
- “Ông có sang học bên Tây Phương không?”
- “Tôi không học ở Tây Phương nhưng ở đảo Penang”.
- “Ai phong cho ông làm đạo trưởng?”
- “Đức Cha Dominic”.
- “Ông ấy đang ở đâu bây giờ?”
- “Theo lệnh vua người đã trở về Châu Âu rồi”.

Sau những câu hỏi trên quan không bắt Cha Lựu khai tên ai được để bắt thêm và làm tiền những người liên hệ, quan ra lệnh cho cha đập ảnh. Cha đồng dạc trả lời: “Đạo đã ăn sâu vào tận xương tủy tôi làm sao tôi chối bỏ được? Người giáo dân, thầy giảng còn không dám bỏ đạo, làm sao đạo trưởng, đứng đầu giáo dân lại dám làm”.

Lần khác quan bắt bẻ Cha Lựu: “Tại sao các người bất tuân lệnh vua và theo đạo ngoại lai, một thứ đạo của người mọi rợ Tây Phương? Tại sao các người ăn bánh miến mê hoặc và thống trị các người khác?”

Các quan còn hỏi về vụ liên quân Pháp và Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng, và yêu cầu Cha Lựu đến gặp họ để xin họ rút quân. Cha Lựu trả lời mình không dính líu gì tới chiến tranh và không có quyền thế gì để nói với người ngoại quốc điều ấy. Sau cùng quan dụ dỗ người bỏ đạo: “Theo luật pháp quốc gia tội ông rất nặng, hãy đập ảnh và bỏ đạo, hoàng đế sẽ gia ơn giảm án cho, vì tội ông chắc chắn phải chết”.

Cha Lựu một lần nữa khẳng khái thưa: “Tôi đã giữ đạo từ thuở bé. Đạo không dây điều gì trái ngược với quốc gia, còn điều quan ra lệnh cho tôi thì ngược lại với lẽ phải”.

Bị giam giữ trong tù, cổ đeo gông, tay chân mang xiềng xích Cha Lựu vẫn vui tươi khích lệ các tín hữu khác. Nhiều lần các tín hữu thấy người quì gối đọc kinh hoặc ngồi đan giỏ bán lấy tiền giúp các bạn tù. Đêm trước khi bị hành quyết Cha Lựu nằm mộng thấy một quả cầu lửa rơi xuống dưới chân ngay chỗ cùm chân, cha liền đánh thức thầy giảng và kể lại.

Hôm 7-4-1861, ngày hành quyết, lúc 8 giờ sáng quan sai một người lính vào trong nhà tù tuyên đọc bản án rồi tháo gỡ xích xiềng và

LM. VŨ THÀNH

dẫn Cha Lựu ra sảnh đường. Ngoài đó quan giám sát tên Thôn Phan Chan, cỡi ngựa cùng với 50 binh sĩ đứng chờ. Đoàn người bắt đầu đi ra pháp trường, đi đầu là quan giám sát, lính xếp thành hai hàng, ở giữa là ba người chính của buổi hành quyết. Đi đầu là tên lính rao cầm thẻ án ghi như sau: “*Nguyễn Văn Lựu, đạo trưởng, không chịu từ bỏ tà đạo và đập ảnh, nên bị triều đình lên án tử*”. Ngay sau người cầm thẻ án là vị anh hùng tử đạo, cổ đeo gông, tay bị trói đằng sau. Tiếp đến là tên lính đao phủ cầm gươm sáng quắc và một tay cầm giấy xích tội nhân. Pháp trường ở ngoài thành khoảng một ngàn bước, trên con lộ từ Mỹ Tho đi Sài Gòn.

Cha Lựu quì gối đọc kinh chừng 10 phút trong khi lính tháo gông, sửa soạn hình cụ. Sau ba tiếng chiêng, tên lính đao phủ lành nghề chém một nhát dứt đầu, mọi người bỏ chạy sợ hồn người chết nhập. Còn lại chỉ một tên lính gác xác. Khoảng chừng mười giáo dân theo sau ở đằng xa liền cho hấn năm quan tiền để xin phép đem xác đi an táng. Giáo dân các họ Xoài Mút, Ba Giồng và Thủ Ngũ cũng vừa tới nơi kịp để lo việc tống táng. Họ lấy bông thấm máu, may đầu lại vào cổ, cuốn chiếu thấm đầy máu lại và bỏ vào quan tài. Họ đào lỗ chôn vị chủ chăn dũng cảm ngay tại pháp trường, gông đặt dưới chân và hũ đất thấm máu trên đầu. Ngày nay giáo dân đã xây một ngôi thánh đường để ghi dấu chiến thắng và lưu giữ hài cốt của vị anh hùng tử đạo tại Vĩnh Tường, Mỹ Tho.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC GIUSE TUÂN, O.P.

(bị bắt và chém đầu tại Hưng Yên ngày 30-4-1861)

Cha Giuse Tuân, linh mục dòng Đaminh, được mọi người ca ngợi nhân đức và lòng nhiệt thành tông đồ, sinh tại làng Trần Xá thuộc tỉnh Hưng Yên. Sau thời gian sống ngoan ngoãn tại nhà xứ, người được chọn vào chủng viện học làm linh mục. Với lòng sốt sắng cha xin gia nhập dòng Đaminh.

Năm 1861 cuộc bắt đạo gắt gao cha phải trốn tránh. Tuy nhiên một giáo dân ở Ngọc Đông tham tiền đã nộp cha cho quan để lấy tiền thưởng. Ông giả vờ tìm cha đi xúc dầu cho mẹ đang ốm để khám

DÒNG MÁU ANH HÙNG

phá ra chỗ ẩn náu của cha và sau đó đem nộp cho quan huyện. Cha Giuse Tuân bị bắt dẫn giải về tỉnh Hưng Yên. Năm ấy cha đã 50 tuổi.

Theo các chứng nhân cha bị giam tù trong hai tháng, ngày mang gông xiềng và đêm bị cùm chân. Không ai biết cha có bị tra tấn hay không, nhưng mọi người nói rằng cha được binh lính kính nể. Cha sốt sáng cầu nguyện và nâng đỡ các thầy giảng cũng như giáo dân cùng bị giam tù.

Ngày 30-4-1861 Cha Giuse Tuân cùng với tám thầy giảng bị đem ra bờ sông chém đầu và buông xác xuống sông. Bà Anna Binh thuật lại rằng: Cha Giuse Tuân đã đi đến nơi hành hình với vẻ mặt cương quyết vui tươi, mặc dù bước chân chậm chạp vì sức nặng của xiềng xích. Tới nơi, cha quì gối kêu cầu thánh danh Giêsu và đưa cổ ra cho lý hình chém. Hôm ấy có rất đông người chứng kiến và sau khi đầu rơi xuống, dân chúng ào vào lấy khăn thấm máu.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC GIOAN HOAN

(bị bắt 2-1-1861, xử tử 26-5-1861)

Suốt trong 17 năm làm linh mục Cha Hoan đã xây dựng giáo hội tại địa phận Huế. Ngoài việc coi sóc họ Kẻ Sen, Bãi Trời và Thừa Thiên, cha còn gây dựng 11 linh mục nghĩa tử và bao nhiêu linh mục trẻ học tập với người. Đức Cha Cuénot Thế khi sai Cha Trương Văn Thơ mới chịu chức về giúp Cha Hoan, đức cha nói: *“Cha cứ yên tâm vì tôi biết Cha Hoan từng trải sẽ giúp cha biết cách làm việc tông đồ”*.

Trong suốt 25 năm bắt đạo cha đã lèo lái giúp đỡ giáo dân trong cơn sóng gió.

Cha Gioan Hoan sinh trưởng trong một gia đình đạo đức và được ông Bartôlômêô Sương và bà Isave Diêm giáo dục đức tin vững mạnh. Người sinh năm 1798 tại họ Kim Long, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên, là con thứ tư trong gia đình, ba trai hai gái. Hai người con gái đều đi tu trong Dòng Mến Thánh Giá. Hai ông Cung và Chiên đều bị gông cùm vì đức tin và chết rũ tù. Cha thánh Hoan

LM. VŨ THÀNH

khi còn nhỏ ở với cha cậu tên là Kiệt để học tập nhân đức và chữ nghĩa. Sau đó cậu Hoan được bề trên gửi đi học ở chủng viện Penang. Mãn trang, Thầy Hoan theo giúp Đức Cha Taberd và được Đức Cha Cuénot phong chức linh mục năm 1836 giữa cơn bắt đạo dữ tợn của Minh Mệnh.

Cha Hoan lần lượt được cử coi sóc họ Kê Sen ở Quảng Bình, rồi họ Bãi Trời tỉnh Quảng Trị, và khi tình thế khó khăn, đức cha kêu người về coi giáo dân ở Thừa Thiên. Bị tố giác với quan, cha phải ra Quảng Trị, và Mỹ Hương, tỉnh Quảng Bình, là nơi cuối cùng khi người bị bắt.

Tuy cha có tính nóng nhưng người đã hết sức kìm hãm bằng cách ăn mặc khó nghèo, của ăn thanh đạm và hay thương người. Trước hết cha lo lắng cho giáo dân được lòng đạo đức nên siêng năng giảng dạy và ban các bí tích, nhất là thăm viếng kẻ liệt và người khô khan. Có một lần họ Kê Sen bắt được một tên chuyên nghề ăn cắp, mọi người muốn xử tử nhưng họ kính nể cha bốn sở nên hỏi ý người. Sau khi nghe mọi người buộc tội tên trộm cắp, Cha Hoan lắng lắng đến bên anh ta, khuyên can và cởi trói khiến mọi người hiểu bài học cha muốn dạy mọi người phải thi hành lời Chúa dạy trong Phúc Âm tha thứ cho kẻ thù.

Đầu tháng Giêng năm 1861, Cha Hoan đến họ Sáo Bùn (Mỹ Hội) để sửa soạn giúp giáo dân dự lễ Ba Vua thì có người ngoại đạo biết được và tố giác với quan. Chính Đức Cha Sohier Bình kể lại việc người bị bắt như sau:

Ngày 2-1-1861, một số người lương tố cáo với quan án tại Đồng Hới là có đạo trưởng trong vùng. Lập tức quan cho lệnh lính ngăn chặn các ngã đường, và chiều xế chính quan án mang một đạo quân đến bao vây cả làng. Giáo dân hay tin trước kịp đưa Cha Hoan lên thuyền chèo đi trốn. Trên sông thuyền Cha Hoan gặp thuyền lính rượt theo. Giáo dân đưa cha lên bờ trốn vào đồng rạ, rồi thuyền chèo tiếp đánh lừa bọn lính. Đêm hôm ấy tình cờ hay là thánh ý Chúa định, cũng có một tên lính đứng canh ở đồng rạ nơi Cha Hoan núp. Nghe động tĩnh, tên lính hô: *“Ai đó, xuống ngay nếu không tôi đâm giáo chết”*.

Cha Hoan biết không còn cách nào nên tự xưng mình là linh mục và thông thả bước ra chịu bắt.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Vẫn theo bài tường thuật của Đức Cha Sohier, quan hỏi: “Ông có phải là linh mục không?”

- “Vâng tôi là linh mục”.

- “Tên tuổi của ông là gì, và gia đình ông ở đâu, đã đến đây từ bao lâu?”

- “Tôi tên là Hoan, cha mẹ chết sớm. Tôi mới tới đây được hai ngày”.

Quan ra lệnh đóng gông thật nặng và canh giữ nghiêm ngặt. Sáng sớm hôm sau các bà lớn đến xem mặt vị cố đạo và dụ dỗ: “Này ông hãy đạp thánh giá đi rồi các quan sẽ trả tự do cho”.

Cha Hoan đồng dạc nói: “Tôi không ngừng khuyên nhủ tín hữu Kitô phải ghê sợ tội phạm này, lẽ nào bây giờ chính tôi lại dám phạm”.

Đến lượt quan lớn ra lệnh mang cha tới vừa đe dọa vừa nguyền rủa và sai giam vào ngục. Đêm hôm sau cha bị đeo gông và cùm chân nhưng một ít lâu người lính tháo gông cho cha.

Phiên xử cha xảy ra hôm 4-1 có mặt ba quan lớn. Cùng bị xử với cha có chín giáo dân. Sau khi quan luôn hỏi hỏi các câu hỏi, cha lần lượt đáp: “Tôi tên là Hoan, 64 tuổi, sinh tại Thừa Thiên. Trong thuở thiếu thời tôi theo Đức Cha Taberd và giúp người dịch các sách ở kinh đô. Sau đó tôi theo người xuống miền Nam nhiều năm và được chịu chức linh mục. Tôi đến địa phương này mới có hai ngày ở trong một nhà bỏ hoang. Tôi bữa ăn có mấy em bé mang thức ăn tới tôi cũng không hỏi ai ra lệnh cho chúng mang tới cũng như tên của chúng, vì tôi không có thói quen hỏi tên người cho tôi ăn uống”.

Các quan biết là cha muốn che giấu không khai tên các giáo dân, nên ra lệnh trói chân tay vào cọc nằm sắp xuống chịu đòn. Nhưng Cha Hoan vẫn không nói một lời nào thêm. Sau đó các quan hỏi đến Mateo Phương là người đã tiếp đón Cha Hoan theo lời tố giác của người lương, và bị bắt ngày 2-1.

Mấy ngày sau các quan lại họp để tra hỏi thêm. Cha Hoan bị bắt nằm xuống đất, chân tay trói vào cọc để chịu kim kẹp, nhưng quan tuần trông thấy động lòng không ra lệnh cho lý hình. Dù vậy nằm căng như thế người cũng đau đớn dữ dần, và sau năm tiếng đồng hồ dưới ánh nắng mặt trời chói chang, cha khô cổ không còn nói được nữa.

LM. VŨ THÀNH

Cuối tháng ba các quan muốn viết bản án nên đem các tù nhân ra tra hỏi lần cuối. Quan nói với ông Phụng: *“Nếu người không nhận là đã nuôi nấng Cha Hoan, chúng ta sẽ tra tấn con cái của người”*.

Cha Hoan nói với ông Phụng nhận là đã nuôi Cha Hoan. Thế là Cha Hoan và ông Phụng bị kết án tử hình, tịch thu tài sản, còn những người khác phải lưu đầy là ông Biện, Thầy Huệ, ông Quế và bà Ban. Bốn người khác can vào vụ này còn trốn thoát sẽ bị kết án khi bắt được.

Trong nhà tù Đồng Hới, Cha Hoan gặp lại nhiều giáo dân bị bắt, người an ủi và giúp họ can đảm. Người cũng được lòng lính canh cảm phục để cho giáo dân đến thăm viếng. Đức Cha Sohier viết rằng người nhiều lần sai linh mục đến để giải tội và mang Minh Thánh Chúa cho Cha Hoan và các bạn tù. Trên hết Cha Hoan vui mừng vì được chịu khổ vì đạo và ước ao chóng đến ngày được đổ máu ra làm chứng cho đức tin.

Ngày 25-5, khi hay tin vua đã phê án, Cha Hoan đi từ già các tù nhân và khuyên nhủ họ: *“Giờ cuối cùng của cha không còn xa, nhưng phần các con, còn phải ở lại thế trần này, các con hãy cầu nguyện cho cha để cha được làm trọn thánh ý Chúa”*.

Khi người ta đưa tin loan báo án của cha đã về tới, cha kêu lên: *“Con xin tạ ơn Chúa vì đã cho con biết giờ được đổ máu ra làm vinh danh Chúa”*.

Thoạt đầu mới nghe tin hành quyết, cha tự nhiên cảm thấy run sợ, nhưng ngay sau đó, cha thấy niềm vui tràn ngập. Người trời trần: *“Anh em chôn xác cha đâu tùy ý, đừng làm đám ma to lớn. Cha cảm ơn Chúa vì mọi việc đã hoàn tất”*.

Chiều hôm ấy cha vẫn còn giải tội và khuyên bảo nhiều người, tới hai giờ đêm mới đi nghỉ. Mới 4 giờ sáng cha đã thức dậy để cầu nguyện và giải tội cho một số người khác. Tất cả tù nhân đến trước mặt tù biệt. Cha nói: *“Anh em yêu quý, hãy tỉnh thức và cầu nguyện để tôi có thể tiến bước theo chân Chúa cho đến cùng. Tôi xin mượn lời Thánh Phaolô để nói với anh em: Các anh em hãy bắt chước tôi như tôi đã bắt chước Chúa Kitô. Đến lượt anh em cũng hãy theo gương Chúa Kitô”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Sáng 26-5, vẫn theo bài tường thuật của Đức Cha Sohier năm 1862 và lời khai của Cha Trương Văn Quang, lúc ấy là chú theo giúp Cha Hoan, thì cai đội Máy đến nhà tù đem Cha Hoan ra, đồng thời cũng kêu ông Phụng bị giam ở phòng khác và không hay biết gì về việc mình phải xử.

Ông cai đội cầm bản án viết trên gỗ như sau: “*Tự Đức năm thứ 14, ngày 17-4, tên Hoan là linh mục, dạy đạo và lừa dối nhiều người, luận phải xử chém lập tức*”. Ông cai đặt gông lên cổ Cha Hoan và bốn tên lính cầm giáo áp tải và 40 tên lính hộ tống đi ra cửa thành. Cha Hoan mặt rạn rỡ vui tươi.

Đến cửa thành quan cho dừng lại và theo thói quen sai lính mang thức ăn cho người tử tù. Cha Hoan không dùng gì và đoàn quân lại tiếp tục đi đến pháp trường, là cánh đồng trống ở ngoài thành gần làng Phú Ninh. Tới nơi, giáo dân trải chiếu để cha quì lên trên. Cha Hoan làm dấu thánh giá và quì gối xuống để cho lý hình tháo gông, nhưng thay vì chờ thợ rèn, lính lấy tay bẻ gông làm sây sứt cổ và đau đớn cho cha khiến cha té nhào. Sau đó lính cởi áo tù nhân và lột bỏ áo Đức Bà Camêlô, nhưng người xin họ để nguyên. Quan giám sát hỏi cha muốn quì chịu xử hay cột vào cọc, người xin quì. Sau hồi lâu cầu nguyện mắt hướng về trời, cha nói với lý hình, tôi đã sẵn sàng. Lý hình nhảy múa chờ trống lệnh để chém xuống. Nhất đao thứ nhất chém trúng vai khiến Cha Hoan té ngửa, tên lính túm tóc cha ngồi lên và chém nhất thứ hai vào má, tiếp theo hai nhất nữa, sau cùng chém trúng cổ cho đứt, đầu văng ra xa khoảng năm bước.

Giáo dân được phép vào thăm máu và tấm liệm đem xác cha an táng trọng thể tại nghĩa địa của các nữ tu ở Mỹ Hương. Đức Cha Sohier kết thúc bài tường thuật cho biết rằng quan án Nguyễn Văn Tùng sau đó bị bắt và bị kết án, quan tuần Ung và quan bộ Ta cũng bị giáng chức và giam tù. Tính cho tới ngày 22-8-1861 trước khi có lệnh phân sáp tại nhà tù ở Huế có 98 anh hùng xưng đạo, tại Quảng Trị 24, và Quảng Bình 41 người.

LM. VŨ THÀNH

**Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của
ÔNG MATTHÊÔ NGUYỄN VĂN ĐẮC (PHƯỢNG)**

(bị bắt 3-1-1861, xử trảm 26-5-1861 tại Phú Ninh)

Năm 1862 Đức Cha Sohier coi sóc địa phận Huế đã thuật lại lời cuối cùng của ông Phượng nói với hai người con trai và người con gái đi tu như sau: “*Chúng con hãy vui lòng, số phận của cha như vậy là phúc lắm. Các con đừng khóc, đừng buồn phiền. Hãy yêu thương giúp đỡ lẫn nhau*”. Khi không thấy người con trai út là Thắng, ông lo âu hỏi thăm thì được biết con đã trốn ra Bắc Việt.

Phúc tử đạo là một phần thưởng cho những hoạt động tông đồ của người như là một thầy giảng trong họ đạo Sáo Bùn với trọng trách rửa tội cho các trẻ sơ sinh, dạy giáo lý cho các trẻ em, thăm viếng bệnh nhân và nhất là tiếp rước các cha các thầy về làm phúc, điều này là một nguy hiểm liều mạng trong thời cấm đạo. Ngoài ra ông Phượng còn là người có chí lập thân khi cha mẹ chết lúc mới 12 tuổi, và là người cha gương mẫu, không tái giá khi vợ chết lúc 50 tuổi, và không gả con cho những người ngoại giáo.

Ông có ba tên, tên Kế là tên chính thức, tên Đắc là tên cha mẹ đặt cho và tên Phượng là tên người con gái đầu lòng. Ông sinh năm 1801 tại Kê Lây, cũng gọi là Lý Nhơn thuộc tỉnh Quảng Bình. Cha là cai đội Nguyễn Văn Bường. Gia đình có năm người, ba trai và hai gái. Mồ côi cha mẹ lúc 12 tuổi, cậu Đắc đi học thuốc với một người ngoại tên là Nhu nhưng ba năm sau gặp Cha Điểm được người nhận nuôi bảy năm, và giúp ông lập gia đình với bà Agnes, con ông đội Khiêm ở Sáo Bùn. Lập gia đình rồi ông về ở đó luôn. Hai ông bà sinh được tám người con. Ban đầu làm nghề thuốc nhưng không được khá giả nên đổi sang nghề buôn bán và được dư giả.

Đầu năm 1861 Cha Hoan về làm phúc cho họ Sáo Bùn, ông Phượng lo chỗ ăn ở cho người. Ngày 2-1 Cha Hoan bị bắt, và vì có người tố cáo nên ông cũng bị bắt, năm ấy ông được 60 tuổi.

Sáng 3-1, quan tới nhà ông Phượng hỏi: “*Cha Hoan ở đâu?*”

- “*Cha không có ở đây*”.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

- *“Ông nói rất khôn ngoan. Ông cha không có ở đây vì ông cha đã bị bắt đưa về tỉnh, nhưng ông có tội tiếp rước ông”.*

Ông Phượng chối nhưng quan tiếp tục tra hỏi nên ông đành trả lời: *“Cha ở trong một nhà cuối làng”.*

Thế là quan bắt và đánh ông 40 roi. Quan hỏi thêm: *“Ông cha đến đây để làm gì?”*

Ông Phượng giữ im lặng. Trong lúc này quân lính lục lọi nhà cửa lấy đồ đạc và tìm nơi chôn giấu vàng bạc. Họ bắt được nhiều đồ đạc và bắt đứa nhỏ nhất là Thắng để hỏi nơi giấu bạc, nhưng chú bé can trường không nói một câu. Lĩnh lại đánh ông Phượng 80 roi nữa và đào bới những nơi hồ nghi và tìm được 20 nén bạc. Sau khi lấy của, quan giải ông về Đồng Hới. Ông bị các quan tra hỏi và ép chối đạo bốn lần. Lần thứ nhất ông bị đánh 30 roi. Lần sau quan bắt ông nhận là đã chứa chấp Cha Hoan, ông cũng không nhận vì không biết Cha Hoan đã khai như thế nào. Ông bị giam riêng biệt không có dịp gặp Cha Hoan. Các quan chưa đủ lời khai để làm án nên tra hỏi thêm thì ông Phượng trả lời: *“Các ông cứ hỏi Cha Hoan”.*

Quan dọa nạt sẽ bắt các con của ông để đánh đập. Vì thế trước mặt quan cùng với Cha Hoan và các giáo dân khác, ông Phượng được sự đồng ý của Cha Hoan nên đã khai là khi Cha Hoan đến ông đã nuôi nấng người. Vì thế hai cha con được phúc tử đạo với nhau.

Trong thời gian giam tù có một tên thơ ký là Hằng đã năn nỉ ông Phượng gả cô Thu, con gái của ông đang tu tại Dòng Mến Thánh Giá, cho hẳn thì sẽ thoát chết. Ông Phượng đã trả lời: *“Chết thì chết, tôi không bao giờ gả con cho người ngoại giáo”.*

Trong tù ông thường ăn chay, chia bữa ăn thành ba bữa, ông chỉ ăn một còn hai bữa đem cho người khác. Sau này chính ông nấu cơm và tìm các thứ lá cây gần nhà tù để ăn. Ông nói với các con thức ăn chỉ cần sống qua ngày chờ ngày chết, nào có quan trọng gì. Ông mặc quần áo rách rưới và có ai tò mò hỏi lý do thì ông nói mặc như thế để đền tội của ông.

Một lần ông được lên về thăm nhà ban đêm, ông khuyên nhủ các con: *“Dù sự gì xảy đến hay cha phải tử hình, đó là điều cha hằng mong ước, được tử đạo đổ máu ra vì Chúa Giêsu Kitô. Chúng con hãy cầu*

LM. VŨ THÀNH

nguyện cho cha. Hãy yêu mến nhau. Dù gặp sự dữ thế nào chúng con đừng yếu lòng chối Chúa”.

Ngày 26-5 là ngày các quan định xử tử người nhưng người vẫn không hay biết, sáng sớm còn dậy nấu cơm. Đức Cha Sohier thuật lại: “*Ban sáng một đội lính đến nhà giam gọi Cha Hoan và ông Phụng. Chính ông Phụng không biết gì vì bị giam riêng và không có ai báo trước. Thực ra chiều hôm trước, một thầy Bôn, có trách nhiệm lo lắng cho các người anh hùng đức tin bị giam giữ, đã sai một người báo cho ông Phụng nhưng người này không có cách nào đến gần. Ông Phụng rất lấy làm vui mừng vì được gọi đi chịu chết vì ông đã chuẩn bị từ lâu. Trong tù ông không bao giờ than phiền. Ông thường biểu lộ ước ao được đổ máu ra vì đức tin. Khi người ta báo ông bị đi đầy thì ông buồn vì không được cùng xưng đạo với Cha Hoan. Vì thế sáng hôm đó khi ông Phụng được kêu đi xử với Cha Hoan ông mừng rỡ hân hoan. Các đảng bước đi vui vẻ. Ông Phụng bước đi nghiêm trang, cúi mặt không nhìn ai để cầm trí cầu nguyện. Những người đứng chung quanh thì thầm: ‘Ông này muốn chết lắm nên khi đi xử sốt sắng không chịu nhìn mặt ai’”.*

Tới nơi xử, ông xin chịu xử qui như Cha Hoan và từ già con cái trước khi cầu nguyện và đưa cổ ra cho lý hình chém. Lý hình chém một phát thì đầu rơi xuống ngay. Xác người được bọc lại chôn ở Mỹ Hương và khi làm hồ sơ phong Á Thánh, xác người được đưa về nhà trường Phú Xuân.

Bản án viết trên gỗ ghi như sau: “*Năm Tự Đức thứ 14, ngày 17-4. Tên Nguyễn Văn Đắc, tự Phụng, là người theo đạo Kitô và chứa chấp đạo trường Hoan, tội đáng chém”.*

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của LINH MỤC ALMATO BÌNH, O.P.

(bị bắt 25-10-1861, xử trảm 1-11-1861 tại Hải Dương)

Dức Cha Alcazar tóm tắt cuộc sống thánh thiện và anh hùng của Cha Phêrô Almato như sau: “*Tôi theo dõi suốt cuộc đời của người và có thể làm chứng rằng người không bao giờ phạm một tội trọng nào, lại hết lòng gìn giữ đức trong sạch trinh khiết.*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Mặc dù sức khỏe yếu kém, người ta chỉ có thể nói rằng Thiên Chúa định cho người sang truyền giáo ở Việt Nam là để thưởng công triều thiên tử đạo cho người. Quả thật Đức Cha Hermosilla đã ra lệnh cho Cha Almato và Cha Munoz di tản sang Trung Hoa để tránh cơn lũng bắt dữ tợn, nhưng Chúa để cho Cha Almato nhờ tâu, còn Cha Munoz đi được. Cha Munoz viết thư cho người: ‘Này anh Almato, lẽ ra anh phải sang Macao chứ không phải là tôi. Như đức cha già khả kính Hermosilla đã định, nhưng tôi không được phúc tử đạo, còn Thiên Chúa thưởng nhân đức anh bằng phúc tử đạo’.

Cha Almato sinh ngày 1-11-1830 tại Catalogna, Tây Ban Nha, được cha mẹ đạo đức đem đi rửa tội ngay và đặt tên thánh là Phêrô Giuse. Ngay từ bé cậu Almato đã tỏ ra lòng đạo đức, thích đồ chơi bằng nhà thờ hay đóng kịch làm cha đứng giữa các bạn giảng đạo. Khi lên 11 tuổi đã đi học Latinh và tháng 8-1847 vào Dòng Đaminh ở Ocanha để sửa soạn đi giảng đạo ở phương Đông. Cha mẹ không muốn cho con đi xa, nhưng người đã can đảm viết thư cho cha mẹ như sau: “Cha mẹ đừng than khóc vì đứa con phải đi xa, nhưng hãy vui mừng vì ở trên trời cha mẹ sẽ được phần thưởng vì những hy sinh. Hạnh phúc cho chúng ta dường nào được gặp nhau ở trên đó, luôn luôn được hiệp nhất với nhau trong vinh quang và không còn phải xa cách nhau nữa. Cha mẹ hãy nghĩ rằng Chúa đã xếp đặt như thế không phải để chúng ta khổ nhưng là để chúng ta được sự tốt lành, được thanh tẩy và thánh hóa trong cuộc sống đời này và được phần thưởng trong cuộc sống mai sau”.

Quả thật là những lời lẽ cao siêu của một tâm hồn đã xác tín muốn yêu Chúa đến mức độ tuyệt hảo. Sau nhiều thử thách và gắng sức tu luyện, Thầy Almato được khẩn trọng thể ngày 26-9-1848. Trong dịp này thầy có viết thư cho cha mẹ: “Cha mẹ quý mến, những việc lo dưới thế là mong làm cho con đường thu ngắn lại và chắc chắn hơn, con cũng vậy, con phải làm cho việc cứu rỗi linh hồn con chắc chắn. Con không những chắc chắn về cuộc sống hiện tại mà con mong cho các anh em con sớm bỏ biển khổ đầy lo lắng quen gọi là thế gian”. Về đời sống trong viện tu, Thầy Almato viết: “Ở đây con được bề trên lo lắng săn sóc mọi sự cần, mặc dù chúng con đông nhưng tình thương bao bọc đồng đều mọi người dường như là một vậy. Con chẳng phải nghĩ gì khác”. Viết cho người em gái đi tu, thầy khuyên: “Không có gì xảy ra tình cờ, không có biến cố nào mà không có báo trước. Những điều bất hạnh xem ra là sự dữ nhưng nếu chúng ta biết suy nghĩ cho

LM. VŨ THÀNH

kỹ, chúng ta sẽ thấy sự dữ là một điều lành, trong cái rủi ro là một may lành. Nếu anh cứ tiếp tục than trách, anh sẽ chẳng bao giờ hết vì trong lòng chúa đầy sự cay đắng?

Tháng 9-1852, Thầy Almato được chỉ định sang Manila và chịu chức bên đó trước khi được lệnh sang Bắc Việt. Cha viết về mong ước sang Bắc Việt với người bạn: “*Đã từ lâu tôi ước ao được sang truyền giáo ở Bắc Việt. Tôi đã nhiều lần kêu xin với Chúa và Đức Mẹ và đã thưa với các bề trên. Chúa đã nghe lời tôi. Tôi cảm tạ Chúa đã thương chọn tôi cùng với ba cha khác đi truyền bá Phúc Âm cho dân ngoại.*”

Ngày 11-1-1855 cha, lúc ấy mới 24 tuổi, lên đường đi Hồng Kông. Bao nhiêu khổ cực, bao nhiêu hy vọng trên chuyến hành trình, cha ngước mắt lên trời cao như muốn cho hy vọng thêm bao la. Bấy tháng sau, ngày 3-7-1855, cha rời Macao để đến Bắc Việt và tới nơi ngày 11-7 tại Nam Chân. Cha được đưa đến trình diện cha đại diện tỉnh dòng Salvatore Masso và sau đó được tới Bùi Chu vào dịp lễ phong chức giám mục cho Cha Sampedro ngày 1-9. Cha Almato được đặt tên Việt là Bình, diễn tả tâm hồn bình an của cha. Cha học tiếng Việt tại Kẻ Mốt một năm và sau đó được sai giúp Cha Fernandez trước khi được chỉ định coi xứ Thiết Nham.

Giáo dân xứ Thiết Nham nói về vị chủ chăn của mình như sau: “*Cha Bình (Almato) thường xin chúng tôi cầu nguyện cho người. Như thế tâm hồn sốt sắng của người thúc đẩy con khiến chúng tôi chạy đến với người.*” Năm 1858 lệnh vua Tự Đức bắt đạo ngặt nghèo nên Đức Cha Hermosilla truyền lệnh cho Cha Almato tạm thời sang Trung Hoa vì người kém sức khỏe, sợ không chọi nổi cảnh trốn chạy mà chết uống đi. Nhưng ý Chúa để cha bị nhỡ cơ hội, cha đi về Kẻ Mốt thăm đức cha rồi trốn tránh ở Kẻ Nè, ở Thọ Ninh.

Năm 1861 với lệnh phân sáp và không còn trốn tránh được nữa, Cha Bình xuống thuyền ở với Đức Cha Ochoa Vinh hẹn đến với Đức Cha Hermosilla. Thế nhưng thuyền của Đức Cha Hermosilla và Thầy Khang đã bị bắt ngày 20-10-1861. Đức Cha Ochoa và Cha Almato được ông trùm Trọng chèo thuyền về Kim Phô nhờ một quan ở huyện là Hán Cáp giúp đỡ. Ông quan này nhận lời giúp đỡ nhưng chính ông lại đi báo quan tỉnh Hải Dương về bắt. Ngày 25-10-1861 quan huyện Thanh Hà đến bắt Đức Cha Ochoa và Cha Almato giải về Hải Dương.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Quan tổng đốc Hải Dương là Nguyễn Quốc Cẩm đặt thánh giá ở cửa thành, nhưng đức cha yêu cầu có cất đi thì mới vào trong thành. Quan hỏi Cha Almato về quê quán và thời gian ở Việt Nam bao lâu, Cha Almato đáp: “*Tôi là người Tây Ban Nha, sang Việt Nam được bảy năm, tôi rao giảng đạo tại nhiều nơi*”.

Quan lại hỏi có biết Cha Tuấn (tên thứ ba của Đức Cha Hermosilla). Sau đó Đức Cha Ochoa, Đức Cha Hermosilla và Cha Almato, mỗi người một cũi được giam chung với nhau ở Trang Thu. Quan tổng đốc là người hiền lành muốn thông thả làm án tâu về kinh, nhưng tổng đốc Nam Định là Nguyễn Đình Hưng (Tân) sợ triều đình khiển trách nên ra lệnh làm án trảm quyết ngày 1-11-1861.

Vào ngày lễ Các Thánh, Đức Cha Hermosilla, Đức Cha Ochoa và Cha Almato được 300 người lính dẫn ra pháp trường Năm Mẩu ở ngoài thành Hải Dương để chém đầu. Cha Almato vừa đúng 31 tuổi.

Khi xử ba đấng đã có nhiều dấu lạ như được kể trong chuyện Đức Cha Hermosilla. Xác các đấng được chôn tại chỗ ba tháng rồi mới được giáo dân lén lút đem về chôn ở ba nhà khác nhau tại Thọ Ninh ngày 2-2-1862. Sau này khi bốc mộ, xác Cha Almato Bình được đưa về chôn ở nhà thờ Truyền Tin thuộc địa phận Vich là quê quán của người ở Tây Ban Nha.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của THẦY GIUSE NGUYỄN DUY KHANG

(bị bắt 20-10-1861, xử trảm 6-12-1861)

J trong truyện các thầy giảng giúp các đức cha, Thầy Giuse Khang đặc biệt tỏ ra lòng trung thành không bao giờ lìa bỏ, nhất là lúc bị lùng bắt dữ nhất năm 1861. Khi thấy lính đến bắt, thầy đã ra tay đánh lại chúng để đức cha trốn đi, giống như Phêrô khi lính đến bắt Chúa Giêsu. Nhưng ý Chúa muốn cho thầy cùng bị bắt với Đức Cha Hermosilla và cùng được phúc tử đạo.

Thầy Giuse Nguyễn Duy Khang sinh năm 1832 tại làng Trà Vi thuộc xứ Cao Mại, huyện Vũ Tiên, phủ Kiến Xương, tỉnh Nam Định. Thầy bị mồ côi cha từ nhỏ nhưng được mẹ đạo hạnh lo cho con đi ở với

LM. VŨ THÀNH

Cha Năng để giúp việc nhà thờ. Tại nhà xứ, chú Khang được học chữ Nho và chữ Latinh. Vì tính nết ngoan hiền, Cha Năng gửi chú Khang vào trường Latinh ở Kê Mốt năm chú được 23 tuổi, sau 10 năm theo giúp nhà xứ. Năm sau Thầy Khang được ở thường xuyên với Đức Cha Hermosilla tại Đông Xuyên.

Khi mới có lệnh vua Tự Đức cấm đạo, Thầy Khang được cho về nhà. Ở đời với nhiều cám dỗ và sống trốn tránh khiến thầy chán nản uống rượu và chơi cờ bạc. Tuy vậy thầy vẫn trung thành giữ giờ đọc kinh và làm các việc kính Đức Mẹ. Nhờ vậy thầy nhận ra con đường xuống dốc và quyết tâm trở lại, xin gia nhập Dòng Ba Đaminh. Thầy xin ở với các cha và được chỉ định làm bổ cai với tước hiệu thầy giảng bậc ba. Thầy nhiệt thành công việc nên mọi người gọi thầy là chân tay của đức cha. Đức cha giao cho thầy những việc khó khăn nhất trong thời kỳ lùng bắt đạo. Có thể nói thầy và đức cha chỉ là một linh hồn trong hai thân xác. Vì thế mà năm 1861, khi chia tay với các thầy khác, thầy đã nói lên quyết tâm một sống một chết với đức cha: *“Anh em ở lại, còn tôi cương quyết theo giúp đức cha. Nếu các quan bắt người cũng sẽ bắt tôi. Nếu đức cha phải chết vì đức tin tôi cũng chết với người. Họ chặt đầu thì chân còn lại, họ chém đầu đức cha họ cũng chém đầu tôi”*.

Vì sắc lệnh phân sáp quái ác nên đức cha quyết định xuống thuyền để tránh mọi khốn khó cho giáo dân. Ngày 18-9 đức cha và Thầy Khang xuống thuyền, mặc áo quần như người đánh cá tại Hải Dương. Ngày 21-10 thuyền của đức cha bị phát giác, Thầy Khang và vài giáo dân cố chèo thật nhanh để trốn tới làng Gộc gần đó. Nhưng lương dân đã ập đến. Thầy Khang nhảy ra đánh võ với những người vây bắt, nhưng vì họ đông nên đã đánh thầy bị thương ba vết và ngã gục. Đức Cha Hermosilla nói với quan và đưa tay ra chịu trói: *“Tôi ở trong tay quan, nhưng xin đừng làm hại những người chèo thuyền vô tội, xin làm phúc tha họ đi về”*.

Quan bằng lòng tha cho mọi người đi, nhưng Thầy Khang phân phó: *“Không, tôi không muốn tự do, các quan đã bắt đức cha của tôi, xin bắt tôi đi theo. Nếu người phải chết tôi cũng xin được chết. Xin để tôi được theo”*.

Nói rồi thầy đưa tay ra chịu trói. Khi hai thầy trò vào tới Hải Dương, trước cổng thành có đặt thánh giá, đức cha đã nhất định không

DÒNG MÁU ANH HÙNG

bước đi nữa nếu không cất ảnh Chúa đi. Quan phải nhượng bộ. Vào thành, thấy trò bị tách biệt nhau. Đức cha bị giam ở pháo đài Trang Thu, trong khi Thầy Khang bị nhốt vào cũi ở nhà tù Trương Khám.

Thầy Khang bị tra tấn ba lần để khai những nơi đức cha đã trốn. Thầy Khang nhất mực cắn răng không nói một lời. Thầy bị đánh nát thịt hai bên hông và được khiêng về ngục. Trong ngục cũng có các vị trùm đạo bị bắt, họ nấu nước sắn sọc thầy. Khi gượng ngồi được, thầy viết thư thăm các thầy ở làng Hào Hội như sau: *“Các quan đã tra tấn tôi và hỏi về những chỗ ở của đức cha nhưng tôi không thừa đành chịu đòn. Xin các thầy cầu nguyện cho tôi”*.

Lần thứ hai các quan tra tấn hỏi về quê quán và nơi ẩn trốn của các cha và bắt thầy bước qua ảnh. Thầy Khang nín thinh nên bị đánh 180 roi. Sau cùng thầy nói rằng: *“Tôi mới có 29 tuổi, cha mẹ anh em tôi chẳng biết ở đâu, tôi chỉ biết theo các cha người Tây từ bé mà tôi mới bị bắt với Đức Cha Tuấn (Hermosilla). Còn các cha khác ở đâu tôi làm sao biết được. Việc chối đạo quá khóá thì tôi nhất định không chịu”*.

Ba ngày sau, Thầy Khang lại bị đem ra trước mặt quan. Thầy vẫn không nói gì. Một quan lớn dụ dỗ: *“Nếu mày chịu quá khóá tao còn thương mày mà cho về nhà”*.

Thầy Khang thưa lại: *“Bẩm quan lớn, quan thương tôi được nhờ, quan chẳng tha thì tôi xin quan đừng nói đến việc quá khóá nữa”*.

Quan lớn tức giận ra lệnh đánh 120 roi.

Sau mấy lần tra tấn, Thầy Khang viết thư trao tận tay cho Thầy Lang, là người bạn được một bà đạo đức dẫn vào tù gặp. Trong thư thầy viết: *“Các quan đã đánh tôi tui bụi không chút thương xót nhưng tôi không nói điều gì cả. Thầy gửi cho tôi chiếc quần vì cái tôi mặc đã bị đánh rách nát. Cũng gửi cho tôi tấm vải để liệm tôi sau khi chết. Tôi xin thầy thanh toán các tiền tôi còn thiếu, có thể tôi mới được thanh thân trước mặt Chúa”*.

Sau cùng thầy lại bị đem ra tra hỏi về quê quán và cha mẹ, thầy thưa: *“Tôi sinh ra ở Macao, 29 tuổi, còn cha mẹ ở đâu tôi không biết”*.

Quan lại hỏi: *“Thế nhưng người phải biết các đạo trường ở đâu chứ?”*

LM. VŨ THÀNH

- “Tôi có biết các đạo trường nhưng không biết ở đâu. Tôi ở với Đức Cha Tuấn và cùng bị bắt với người”.
- “Vậy người là tên có đạo, đã từ bao lâu?”
- “Vâng tôi là người Kitô đã theo đạo từ thuở bé”.
- “Ai đã dụ dỗ mày theo đạo lầm lạc này?”
- “Đạo của tôi không phải là tà đạo, nhưng là đạo chân thật”.
- “Nhưng luật lệ của quốc gia đã cấm đạo này”.
- “Luật của người ta không thể ngược lại luật của Thiên Chúa, luật nước như vậy không tốt”.
- “Như vậy người coi thường quốc gia và coi khinh đức vua?”
- “Tôi kính vua và rất mực yêu tổ quốc, nhưng trên hết tôi yêu Đức Chúa Trời và lẽ luật của người”.
- “Mấy là tên khốn nạn, hãy đập thánh giá đi”.
- “Thưa quan, xin đừng bắt ép tôi đập ảnh, quan chỉ uống mất thời giờ. Quan đã biết rõ ý định của tôi xin đừng hỏi han vô ích nữa”.

Lần này quan không hỏi thêm nữa nhưng ra lệnh trói tay chân người vào cột và đánh đòn. Máu chảy lênh láng. Thấy bị đeo gông và cùm chân chờ án của triều đình, trong khi Đức Cha Hermosilla, Đức Cha Ochoa và Cha Almato được phúc tử đạo ngày 1-11.

Ngày mùng 5 tháng 11 năm Tân Dậu tức là 6-12-1861, quan đem người ra chém ở pháp trường Năm Mấu ở ngoài tỉnh Hải Dương và ra lệnh cho người dân ở đây chôn xác tại chỗ chém. Sau này giáo dân ở Thọ Ninh và Lai Tê ban đêm đến lấy xác Đức Cha Hermosilla, nhưng lâu quá sợ bị lộ nên để nguyên xác Thầy Khang như cũ.

Năm 1867 Thầy Hinh là anh ruột Thầy Khang đến lấy xác về chôn ở Kẻ Mốt. Khi Tòa Thánh ra lệnh điều tra để làm hồ sơ phong Chân Phước, hai linh mục đến làng Kẻ Mốt tìm xác nhưng không ai biết rõ xác thầy được chôn ở chỗ nào. Hai cha làm lễ cầu cho thầy và sau lễ sai người đào ở nhà bếp tức là lòng nhà nguyện cũ thì tìm ra hài cốt của Thầy Khang có hòn gạch ghi chữ: Xác Thầy Khang tử vì đạo. Bên trong bình hài cốt có tấm giấy viết: Xác Thầy Khang tử vì đạo ở tỉnh Hải Dương năm Tân Dậu, Tụ Đức thập tứ niên cũng là năm 1861. Hài cốt Thầy Khang được đưa vào chôn lại trong nhà thờ Kẻ Mốt.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của ĐỨC CHA GIRÔLAMÔ HERMOSILLA

(bị bắt 20-10-1861, chém đầu 1-11-1861 tại Hải Dương)

Các vị thừa sai đặt cho Giám Mục Hermosilla biệt danh là Đức Cha Già, rường cột giáo hội tại Bắc Kỳ. Thật vậy trong ba mươi hai năm truyền giáo, Đức Cha Hermosilla đã chứng kiến những cơn bách hại giáo hội thời Minh Mệnh, Thiệu Trị và Tự Đức. Người đến Việt Nam như một vị tiên tri: khi vừa trông thấy người lần đầu tiên, Đức Cha Inhaxiô Delgado đã gọi ngay: “Ông Vọng, ông Vọng”. Bởi vì giữa lúc bắt đạo mọi người mong có thừa sai đến tiếp nối. Thế nhưng vua quan ra bao nhiêu lệnh lùng bắt “Danh Trùm Vọng” với giá thưởng 10.000 quan tiền, và quan nào bắt được người thì sẽ được thăng cấp. Đức Cha Vọng đã trốn thoát nhiều cuộc vây bắt lạ lùng cho đến thời giờ Chúa định vào kỳ phân sáp 1861 là kỳ bắt đạo chót người mới bị bắt.

Đức Cha Hermosilla sinh ngày 30-9-1800 tại Domingo de Calzada bên Tây Ban Nha. Ngay từ nhỏ người đã được ở trong Tòa Giám Mục. Năm 15 tuổi, người đến học trong tu viện Dòng Đa Minh. Khi có cuộc nội chiến, Thầy Hermosilla phải gia nhập lính. Sau đó thầy trở lại nhà dòng và được khấn dòng ngày 29-10-1823. Vị tu sĩ trẻ đầy hăng hái xin đi truyền giáo nhưng phải chờ mãi đến tháng 10-1828 mới được lệnh sang Viễn Đông.

Sau nhiều nguy hiểm trên biển, lội bộ trong rừng hay đi cáng suốt đêm, ngày 15-5-1829, Cha Hermosilla đến được nơi trú ẩn của Cha Amandi tại Trung Linh. Đã nhiều năm các cha Đa Minh ngóng chờ vị thừa sai mới, vì thế khi Cha Hermosilla đến, họ liền đặt tên cho người là Vọng, theo nghĩa *Đại hạn vọng vân nghê*. Cha học tiếng Việt, tập lối sống khắc khổ và tìm hiểu mảnh khoe của các quan. Sau khi Cha Amandi kiệt sức chết, Cha Hermosilla được chỉ định làm bề trên và cố chính của địa phận.

Vì bị triều đình biết tên và quan quân lùng bắt, Cha Vọng phải đổi tên là Liêm, lén lút chỗ này chỗ kia. Rất nhiều lần thoát tay kẻ dữ cách lạ. Một hôm quan lính vây nhà người trú ẩn ở Xuân Sơn, lính xục sạo vào cả trong hầm người trú, thấy người rồi nhưng bỏ ra hỏi các lính khác đến bắt. Cha Hermosilla vẫn ngồi im như thắm: “Xin

LM. VŨ THÀNH

vâng theo thánh ý Chúa”. Linh vào trong hầm mà như mù không thấy gì cả, ra ngoài bắt được một người già rậm râu thoi.

Một lần khác, Trịnh Quang Khanh sai 800 lính và dân làng đem thuyền đuổi theo thuyền của Cha Hermosilla đang chạy trốn, lạ thay gió thổi ngược trở lại làm cho hai thuyền lớn đắm, 12 thuyền nhỏ trôi ngược trở lại. Sấm sét tiếp tục khiến chết ba ngàn người.

Ngày 18-1-1839, Vua Minh Mệnh còn ra chỉ dụ lùng bắt Cha Hermosilla như sau: *“Còn một Danh Trùm Vọng đạo trưởng chưa bắt được và hãy còn ẩn náu ở Bắc Kỳ. Vậy ai bắt được, nếu là quan hay dân đều được thưởng 10.000 quan tiền. Đây là hình dong để nhận diện: người thì cao lớn vừa phải, mũi dài, râu rậm, con mắt tinh hơi xam xám, sắc trắng trẻo mặt mũi béo tốt. Đó là Danh Trùm Vọng, tiếng Tây gọi là Hieronimo. Nếu quan bắt được thì sẽ thăng cấp, người chúa chấp phải chịu tội, quan bản hạt cũng phải liên lụy”*.

Ngày 25-4-1839 người viết một lá thư rất dài để tường trình về cuộc tử đạo của 16 vị tử đạo của địa phận Đông và kể tình cảnh giáo hội An Nam hầu như tan nát. Riêng tại địa phận Đông Bắc Việt gần 1.000 nhà nguyện lớn nhỏ phải tháo dỡ, sách vở chôn sâu lâu ngày bị mục, hai chủng viện chứa 70 học sinh cũng phải phá đi, 23 nhà dòng nữ cũng vậy. Trong thời kỳ bắt đạo năm 1838 chỉ còn hai thừa sai khác các quan không biết là Cha Jimeno Lâm tới năm 1836 và Cha Marti Gia đến tháng 6-1838.

Trước hoàn cảnh đáng thương của giáo hội Việt Nam, Đức Thánh Cha Grêgôriô XVI đã gửi thư an ủi và họp mật nghị Hồng Y để tuyên dương các vị tử đạo, xin thế giới cầu nguyện cho tín hữu Việt Nam. Đức Thánh Cha cũng đặt Cha Hermosilla làm Giám Mục coi sóc địa phận Đông. Lúc bấy giờ hai Đức Cha Delgado và Henares đã bị xử tử, Đức Cha Havard đã chết trong rừng Bạch Bát, vì thế toàn Bắc Việt không còn đức cha nào cả. Cha Retord phải đi đường bộ sang Macao rồi sang Phi Luật Tân thụ phong. Khi trở về vừa đúng lúc Minh Mệnh chết năm 1841, tuy nhiên Trịnh Quang Khanh vẫn còn lùng bắt thừa sai dữ tợn. Cha Hermosilla phải hóa trang làm một người dốt ngựa, chân bôi đen và đội nón che mặt, đi theo ông chánh tổng sang Ninh Bình nơi Đức Cha Retord đang trốn tránh để thụ phong. Người được phong chức ngày 2-5-1841. Trở về địa phận, Đức

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cha Hermosilla liền truyền chức cho Cha Jimeno làm giám mục phụ tá ngày 29-6-1841 tại Cao Xá, và bầy linh mục mới.

Dưới thời Thiệu Trị, công việc bắt đạo giảm đi, Trịnh Quang Khanh bị triệu về kinh, nhờ thế Đức Cha đã có thể đi thăm các giáo đoàn, xây dựng lại giáo hội. Khi Thiệu Trị chết năm 1847, Đức Cha phó Jimeno được chỉ định về làm giám mục coi sóc ở Manila nên Đức Cha Hermosilla Liêm họp các cha và chọn Cha Marti làm giám mục, tấn phong ngày 29-6-1847 tại Nam Am. Cũng trong thời kỳ này Đức Giáo Hoàng Pio IX chia địa phận mới gọi là Trung gồm tỉnh Nam Định và Hưng Yên. Ngày 23-3-1849 Đức Cha Hermosilla Liêm họp các cha ở Đông Xuyên để phân chia địa phận, chọn các đức cha phụ tá, và cha chính mới. Kết quả Đức Cha Marti Gia làm giám mục chính địa phận Trung (Bùi Chu), Đức Cha Sanjurjo An làm phó, Cha Checa làm cha chính. Còn địa phận Đông (sau gọi là Hải Phòng) Đức Cha Alcazar làm phó, Cha Masso làm cha chính. Hai đức cha mới được tấn phong ngày 5-4-1849, Chúa Nhật Phục Sinh.

Bắt đầu từ năm 1854, Tự Đức cấm đạo ngặt hơn, cuộc sống của các thừa sai thu hẹp lại trong các hầm trú ẩn hay lênh đênh nay đây mai đó trên các dòng sông. Đến năm 1858 quân đội Pháp-Tây Ban Nha đến đánh Đà Nẵng, tình thế trở nên gay go.

Đức Cha Hermosilla đã viết: *“Thật là khủng khiếp, vua và các quan tìm mọi cách để tận diệt đạo Chúa. Mỗi tháng hai ba lần các quan sai lính đến các làng đánh đập tín hữu, ép buộc bỏ đạo. Theo luật chỉ có các linh mục, thầy giảng và người chứa chấp phải tử hình, nên trong nhà tù đầy rẫy những người tín hữu bị giam để họ không thể liên lạc và giúp nhau được nữa...”* Đức Cha Hermosilla triệu tập các thừa sai ở Kẻ Mót để tìm cách cứu vãn giáo hội. Một số thừa sai phải tạm thời ra khỏi nước để khi có cơ hội trở lại, một số khác ở lại cùng cố đàn chiên. Theo quyết định, Đức Cha Hermosilla, Đức Cha Berri-Ochoa, Cha Rianho, Cha Almato và Cha Fernandez ở lại, còn hai thừa sai khác kiếm cách lên tàu Pháp để về Macao.

Từ khi áp dụng lệnh phân sáp tháng 9-1861, Đức Cha Hermosilla không còn nơi nào trú ẩn cùng với thầy giảng Khang đi ẩn trong hang ở Thọ Đức. Trước khi đi, đức cha đổi tên là Tuấn và viết thư chung cho giáo dân khuyên bảo họ vui lòng theo ý Chúa định cho các vua quan cấm đạo để kẻ lành thêm sốt sắng hơn, kẻ trể nãi biết

LM. VŨ THÀNH

đường ăn năn. Vua quan có cấm đạo cũng sẽ không cấm đạo mãi vì việc cấm đạo đã xảy ra nhiều trong giáo hội. Đức cha xin mọi người nhớ Lời Chúa là *“Ai xưng Danh Chúa trước mặt người ta, thì sẽ được nhận mặt Chúa Cha. Nhiều người xưng đạo mà vẫn không phải khốn khó, còn nếu sợ khốn khó mà chối đạo, lúc ấy mà chết thì không tránh được sự phán xét công thẳng của Chúa. Hãy trông cậy Chúa giúp sức và xem gương Chúa đã chịu chết vì chúng ta”...*

Vì ở trong hang tức hơi không chịu được, Đức Cha Hermosilla Tuấn nhờ người đánh cá chèo thuyền qua cửa tỉnh Hải Dương đến ở thuyền ông Trường Bính. Sau Đức Cha Berri-Ochoa, Cha Almato từ Kẻ Nê và Kẻ Na cũng tới. Ba thuyền hợp lại với nhau. Chẳng may người thuyền chài tức mình với cha mẹ liền đi tố cáo có ba đạo trưởng Âu Châu. Ngày 21-10-1861 đội Bạng đem lính đến vây bắt. Thấy Khang định lấy sào thuyền để đánh, song đức cha can. Nhờ sự can đảm của Thầy Khang, Đức Cha Berrio-Ochoa và Cha Almato kịp trốn đi, còn Đức Cha Hermosilla và Thầy Khang để mặc cho lính trói lại. Khi bị giải về Hải Dương Đức Cha bị giam vào cũi để ở trong dinh tổng đốc.

Ra trước mặt các quan để chịu hỏi về lý lịch, đức cha đã khai: *“Tôi tên là Tuấn, 61 tuổi, sang An Nam đã 33 năm”*. Về câu hỏi đã đi giảng đạo và trốn tránh ở những đâu, đức cha chỉ trả lời trống là nay đây mai đó và đi rất nhiều nơi giảng đạo Thiên Chúa. Có một lần dù cũi bị khóa và lính canh rất ngặt, thế mà người ra khỏi được và đi bách bộ đến tù khuyên bảo bốn đạo, rửa tội cho con ông đội Bái chịu xử vì đạo ngày hôm ấy. Khi thấy đức cha trở lại vào cũi thì quan hỏi đi đâu, đức cha trả lời: *“Tôi đi giải trí một chút”*.

Ngày 1-11-1861, tâng sảng quân lính đem hai đức cha và Cha Almato ra pháp trường Năm Mẩu xử tử. Đoàn người gồm có 500 lính và ba thớt voi. Các tù nhân bị hành quyết còn thêm con ông đội Bái đã được Đức Cha Hermosilla rửa tội. Cũi thứ nhất là Cha Almato tay cầm tràng hạt, cũi thứ hai là Đức Cha Berrio-Ochoa Vinh, chấp tay nguyện ngậm, cũi thứ ba là Đức Cha Hermosilla ngồi như trên ngai giờ tay ban phép lành. Tất cả ba đấng nét mặt vui tươi mừng rỡ. Đi sau cùng là các quan đi ngựa hay được võng kiệu, tất cả đều có lọng tán che. Đức Cha Hermosilla xin xử tên tù trước để có thể giúp nó chết lành. Quan cho lệnh sao bản án xử và cấm không ai được vào thăm máu. Nhưng khi sau ba tiếng chiêng, đầu các đấng rơi xuống,

DÒNG MÁU ANH HÙNG

các quan đi về thì dân chúng đến thăm máu và đem xác các đấng đi chôn. Trong lúc hành quyết có nhiều dấu lạ như trời tối, hương thơm tỏa ra và đàn bướm trắng đến đậu trên xác ba đấng. Riêng đầu ba đấng, ông để lao bêu ở bến đò Hàn chỉ lính canh giữ trong ba ngày.

Chánh tổng Oánh coi làng Yên Việt vốn có cảm tình với người Công Giáo nên ông báo cho trùm Can biết có muốn chuộc ba đầu thì ông lo liệu cho. Ông trùm Can cùng với chánh tổng xuống tỉnh lo liệu. Đến nơi, các vị đã thấy có thầy già Thần cùng với chánh tổng sở tại thì mời tất cả vào nhà chánh tổng làm cơm rượu thiết đãi. Lúc ấy lính cũng mang ba đầu vào nhà vì sợ để ở ngoài người ta lấy mất. Trong khi lính ăn uống thì có người đã lấy ba đầu các đấng và thay vào ba củ chuối. Khi trời tối, lính mang sọt đựng ba củ chuối mà vẫn cứ tưởng ba đầu tù nhân đem xuống sông mà vất như lệnh truyền. Chính ông tổng Oánh cởi áo mình bọc ba đầu của các đấng xuống thuyền mà về. Trời tối mà bỗng dung ánh sáng tỏa ra từ ba đầu của các đấng soi đường cho thuyền đi. Nếu khi có thuyền khác tới thì ánh sáng lại tắt đi. Cứ thế cho tới khi về đến Yên Dật. Đầu của các đấng được bỏ vào ba nôi đất mới mà chôn trong nhà thờ thánh Gio-an ở Yên Dật. Các bà dòng xin cái áo mà ông chánh tổng bọc đầu ba đấng để giữ làm kỷ niệm, nhưng ông chánh không chịu. Khi về nhà, ba đứa con ông lên đậu mùa, ông cho mặc áo của ông đã bọc đầu ba đấng tử vì đạo, tức thì đậu mùa biến đi. Ông đã dùng áo này để chữa lành nhiều bệnh. Những vãi thăm máu Đức Cha Hermosilla, hễ soi ra ánh sáng thì nhìn thấy hình thánh giá.

Nơi xử là Năm Mẩu thì về sau không ai dám chôn nơi các đấng đã xử. Lương dân nói rằng mỗi khi con cái mắc bệnh họ thường ra đó nhỏ cỏ sắc nước cho con uống.

Xác các đấng ban đầu phải chôn ngay ở chỗ xử. Khi chôn, người Công Giáo rắc than để làm dấu sau này nhận biết. Dân Công Giáo làng Thọ Ninh và Lai Tê đang bị lệnh phân sáp nên bàn với người không có đạo biết chỗ chôn để đánh dấu. Tối 30 Tết Tân Dậu, không có ai lai vãng, các giáo dân đem thuyền vãi vóc đến để đem xác về, nhưng vừa tới cửa Hàn thì gặp thuyền chánh tổng Triệt. Dân cứ thật thua là giáo dân huyện Lang Tài nghe có ba đấng bị xử là cha mẹ, phải chôn trần thì không an lòng nên đem quan tài lên chôn. Quan chánh tổng đòi 300 quan tiền nhưng dân chỉ có 100 nên ông cũng

LM. VŨ THÀNH

nhận 100 quan, giữ thuyền và hai người, bắt họ trở về kiểm tiền cho đủ. Đến mừng ba Tết, đêm ấy chánh tổng Triệt dẫn các ông Lý Đạt, Cả Nhân, Xã Thụ là người Công Giáo đi lấy xác. Họ đem từng xác xuống, mỗi vị ở một thuyền. Sau đó đem về Thọ Ninh, thời giờ di chuyển chỉ lâu chừng 9 giờ, đó là một chuyện lạ, đáng lẽ phải mất 21 giờ. Những người này còn làm chứng rằng, đêm ấy trời tối đen ở chung quanh nhưng chính tại chỗ thì có ánh sáng từ xác chiếu ra để họ làm việc nhanh chóng. Xác dù đã chôn ba tháng rưỡi vẫn còn nguyên da thịt, không thối tha.

Khi được bình yên, Đức Cha Alcazar đem đầu của các đảng tử Yên Dật về đặt vào với xác ở Thọ Ninh, còn nổi dựng đầu của các đảng thì trao cho các chị nhà dòng ở Kẻ Mốt. Năm 1881 Đức Cha Colomer trao xác Đức Cha Hermosilla cho Đức Cha Terres, coi địa phận Đông, và xác của người được an táng ở nhà thờ Hải Dương, còn đầu được đem về quê quán của người.

Năm 1906, Đức Thánh Cha Pio X phong Chân Phước cho bốn vị, các bề trên địa phận đã lấy đất chính nơi các đảng chịu xử và xây đền kính các thánh tử đạo Hải Dương. Năm 1911 thì xây xong đền và rước xác các đảng vào đền, kỉ niệm đúng 50 năm các đảng tử đạo.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của ĐỨC CHA BERRIO-OCHOA VINH

(bị bắt 25-10-1861, chém đầu 1-11-1861 tại Hải Dương)

Cuộc đời của vị giám mục trẻ tuổi thời danh đã ghi dấu vết đạo đạo đức ngay từ thuở nhỏ, nên khi vừa sang tới Việt Nam hai tháng và mới 31 tuổi đã được chỉ định làm giám mục địa phận Trung, tức Bùi Chu sau này. Vì đức vâng lời và vì Chúa Thánh Linh thúc đẩy, Cha Valentinô Berri-Ochoa đã thụ phong giám mục ngày 13-6-1858 trong một hầm trú ẩn vì thế người ta gọi người là Giám Mục Hầm Trú.

Đức Cha Ochoa sinh ngày 12-2-1827 tại làng Elorio, tỉnh Biscaglia. Cha người là thợ mộc đóng ghế cho nhà dòng các bà Đa Minh trong làng. Thế nhưng Chúa lại muốn cho người học Latinh và vào chủng viện của địa phận. Khi học, cậu Valentinô hay ở bên cạnh thầy để

DÒNG MÁU ANH HÙNG

nghe chuyện các vị truyền giáo ở xa xôi, và bắt chước tập nhiều nhân đức hãm mình. Cậu Valentinô vào chủng viện địa phận Logronhó tháng 10-1845 lúc 24 tuổi. Đức cha coi địa phận đã phải khen các đức tính của Valentinô với cha mẹ người như sau: *“Này bà Monica, con bà sau này có lẽ sẽ làm giám mục”*.

Một người bạn diễn tả nhân đức của Thầy Valentinô như sau: *“Tôi không sao biết được con mắt của người mẫu gì vì người thường cúi mặt xuống đất”*.

Một lần tôi trêu người: *“Anh Valentinô làm cái gì xấu mà cúi mặt xuống vậy?”*

Thầy Valentinô trả lời: *“Có nhiều lý do để tôi bắt chước người thu thuế trong Phúc Âm vào nhà thờ không dám trông lên”*.

Thầy Valentinô được chỉ định dạy học trò, một lần bị bệnh ốm nhưng sau khi khỏi bệnh học sinh đến chúc mừng nói đùa: *“Nếu mà thầy chết thì chúng con khóc hết nước mắt”*.

Thầy Valentinô cười đáp: *“Thầy còn khốn nạn chưa đáng được hưởng mặt Đức Chúa Trời nên chưa chết đấy thôi”*.

Ngày lễ Chúa Ba Ngôi năm 1851 Thầy Valentinô được chịu chức linh mục. Người hết lòng lo lắng việc săn sóc linh hồn người khác đến nỗi đức cha địa phận phải khen rằng trong địa phận có Cha Valentinô là xứng đáng hơn cả và làm gương đủ mọi nhân đức. Thế nhưng lòng Cha Valentinô chỉ muốn làm linh mục Dòng Đa Minh và đi truyền giáo phương Đông. Ngày 26-10-1853, cha vào tu viện Ocanha chuyên gửi người đi giảng đạo. Cha được mặc áo dòng ngay. Cha viết thư cho cha mẹ, khuyên các đấng đừng buồn phiền nhưng hãy bắt chước Abraham dâng con mình vậy, cha viết: *“Nếu Chúa muốn con đến đây, tại sao cha mẹ lại muốn con ở thế gian giữa những nguy hiểm. Cha mẹ không muốn con lên thiên đường sao? Không phải là đời sống tu dòng là con đường chắc chắn lên thiên đường sao? Vì thế cha mẹ hãy cảm ơn Chúa thì tốt hơn... Chỉ có một điều quan trọng duy nhất dưới thế gian này là sống đời thánh thiện để chắc chắn chiếm một chỗ trên trời. Cha mẹ không thấy nhiều người vất vả đổ mồ hôi máu trên trán chỉ để kiếm tiền sao?”*

LM. VŨ THÀNH

Ngày 12-11-1854 Cha Valentinô được khấn trọng thể trong Dòng Đa Minh và năm sau, ngày 17-12-1856 cha cùng với bảy người nữa đi Manila để giảng đạo. Trước khi đi cha viết thư cho cha mẹ nói lên lòng nhiệt thành cứu rỗi lương dân: *“Chúa đã quá tốt lành cho con được biết đạo. Người còn thương chọn con làm tông đồ để cứu rỗi các linh hồn mà chính Chúa cũng đã đổ mồ hôi và máu cực trọng để cứu chuộc họ. Người sẽ làm cho con trở thành ngôi sao chiếu sáng nếu con biết đáp lại tiếng gọi cao cả này. Con làm gì để đáp lại những ơn Chúa đã ban, tất cả sự sống con thuộc về Người”*.

Cha đến Manila vào ngày vọng lễ hai Thánh Tông Đồ Phêrô và Phaolô. Đến tháng 12-1857 cha cùng với Cha Rianho và Carrere rời Manila đi Bắc Việt và tới nơi ngày 30-3-1858. Bắc Việt lúc này đang trải qua cơn cấm đạo dữ tợn. Cha Valentinô phải lén lút đến gặp cha bề trên Masso rồi tới Đông Xuyên gặp Đức Cha Hermosilla. Tiếp tục hành trình đến nơi trú ẩn của Cha Estevez ở Quần Cống và sau cùng được đưa trình diện Đức Cha Sampedro, giám mục địa phận Trung, ngày 15-4-1858. Lúc này làng Ninh Cường với mười ngàn người đa số là Công Giáo bị vây bọc. Đức Cha Sampedro đặt tên cho Cha Valentino là Vinh. Trước tình thế nguy ngập, Đức Cha chọn Cha Vinh làm giám mục phụ tá và ấn định lễ các Thánh Tông Đồ Phêrô và Phaolô sẽ phong chức cho người, nhưng vì gấp rút, suốt đêm mấy cha con vội vã lấy giấy và tre làm mũ gậy phong chức giám mục ngay đêm 13-6-1858 tại Ninh Cường. Ít ngày sau Đức Cha Sampedro bị bắt và xử lăng trì ngày 28-7-1858. Đức Cha Valentino Vinh viết về trách nhiệm mới của mình như sau: *“Một biến cố chắc chắn làm bề trên lo lắng vì danh dự và lòng nhiệt thành nổi tiếng của Dòng Đa Minh và vì công cuộc cứu rỗi xây dựng thân thể Chúa Kitô. Đó là đạo rất thánh, mẹ giáo hội với những vị giám mục thánh thiện đã khai sinh một đứa con thiếu tháng, đó là chính con mọn đây”*.

Tại địa phận Trung, quan quân lùng bắt khủng khiếp, nên mặc dù muốn chết giữa đàn chiên, Đức Cha Valentino Vinh phải lẩn trốn sang địa phận Đông để có thể tiếp tục hướng dẫn địa phận. Ngày 1-7-1858 người ở trọ làng Cao Xá, rồi về Kê Mốt tại Hương La với bốn thầy lý đoán và ông lang Thư.

Trong vòng một năm đức cha vừa trốn vừa dạy các thầy lý đoán chuẩn bị lên chức linh mục và viết thư liên lạc với các cha trong địa phận. Lúc này liên quân Pháp-Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng khiến

DÒNG MÁU ANH HÙNG

vua quan cấm giáo dân di chuyển và lòng bất thù sai. Đức Cha Hermosilla họp các thừa sai và quyết định phong Cha Alcazar làm giám mục phụ tá địa phận Đông, cùng với bảy thừa sai khác lên tàu tạm trốn để hồng cứu giáo hội sau này, còn hai Đức Cha Hermosilla và Valentino Vinh với hai Cha Fernandez và Rianho ở lại giúp giáo dân.

Đầu tháng 9-1861, quan áp dụng lệnh phân sáp và huyện Lương Tài bị tố giác có đạo trưởng ẩn trốn nên Đức Cha Valentino, Cha Fernandez và Almato đi đến Hải Dương hẹn với Đức Cha Hermosilla để trốn đi cực bắc tại Vạn Ninh. Lệnh dênh trên con thuyền trốn chạy, Đức Cha Berrio-Ochoa Vinh nói với người chèo thuyền đưa về địa phận để thăm con chiên bốn đạo dù có phải tay quân lính bắt cũng xin theo thánh ý Chúa chết trong địa phận. Người chèo thuyền thưa lại với đức cha là mọi ngã đường đều có lính tuần canh nghiêm ngặt, không có cách nào thoát được. Đức cha viết thư thăm giáo dân và nghe lời ở lại trên Hải Dương. Người lái thuyền tên Cự Trọng đưa đức cha và mấy thầy vào một làng gọi là làng Gọp để trú ẩn và nghỉ ngơi.

Sau ba ngày, chủ nhà tên Khang Cấp giả vờ nói đi lên huyện để dò la tình hình nhưng thực sự là để báo quan huyện. Chủ nhà trở về nói: *“Các ông không thể ở nhà tôi được nữa, phải đi đi”*.

Đức Cha Berrio-Ochoa Vinh được dẫn ra ngoài ruộng lúa ẩn mình. Chỉ lát sau quan Huyện Thanh Hà đã đem 300 lính đến bắt. Đức cha thương tình chú giúp lễ nên xin quan tha cho chú về. Sau này chú giúp lễ làm linh mục tên là Nghiêm. Đức cha bị bắt đúng ngày 25-10-1861.

Từ huyện rồi lên tỉnh, tới cửa thành có nhiều thánh giá đặt dưới đất, Đức cha yêu cầu họ cất đi mới chịu đi vào. Quan thượng Hải Dương Nguyễn Quốc Cẩm hỏi đức cha về tên tuổi, quê quán và sang từ bao lâu, đức cha thưa: *“Tên tôi là Vinh, sang Việt Nam mới được bốn năm, địa phận của tôi ở trong tỉnh Nam Định, Nam Thượng và Nam Hạ. Bởi vì trong đó bắt đạo ngặt quá không thể ẩn tránh mãi, tôi bất đắc dĩ phải trốn tới đây”*.

Quan hỏi năm 1858 có liên lạc gì với người Pháp-Tây gây chiến không? Đức cha thưa: *“Tôi không làm cái gì hại nhà nước bao giờ, tôi chỉ có một ý duy nhất là sang đây giảng đạo thánh Chúa Trời và*

LM. VŨ THÀNH

khuyến bảo cho mọi người biết ăn ngay ở lành, giữ đàng lành và tránh đàng tội mà thôi”.

Quan hỏi thêm có biết Đức Cha Tuấn (Đức Cha Hermosilla). Đức cha thưa lại là có quen biết và gặp nhau mấy lần. Sau đó quan thượng Hải Dương ra lệnh giam người trong tù cùng với Đức Cha Hermosilla và Cha Almato, mỗi người một cũi. Các đấng được dịp an ủi khích lệ nhau.

Tuy quan tổng đốc Hải Dương tử tế với các đấng nhưng sợ oai quyền Nguyễn Đình Tân (Hưng), tổng đốc Nam Định và là bố vợ vua Tự Đức, nên ra án tử hình cho cả ba đấng. Mặc dầu lính canh cấm mọi người lui tới nhưng có một y sĩ đã tìm cách đưa một vị linh mục giả làm thầy thuốc đến ban bí tích cho các đấng. Quan còn thử một lần nữa khuyến dụ các đấng bỏ đạo, nhưng càng làm cho các đấng cương quyết xưng đạo hơn.

Ngày 1-11-1861, tảng sáng ba vị anh hùng, đứng đầu giáo hội địa phận Trung và Đông, hướng nhìn ánh mặt trời theo tiếng trống của lính đi ra pháp trường Năm Mẩu ở ngoài thành. Cả ba vị quì gối cầu nguyện chung với nhau rồi bị trói mỗi người vào cọc giờ đầu ra cho lý hình chém. Máu tuôn trào dưới ánh mặt trời bỗng loé sáng những hình thánh giá. Trời đang sáng bỗng tối lại trong vòng năm phút và một đàn bướm trắng đến đổ trên xác các đấng trong khi mùi thơm phảng phất trên không. Người bên lương cũng như người Công Giáo nói rằng chính các thiên thần của Chúa đến đón các đấng về trời. Khi bình yên, xác Đức Cha Berrio-Ochoa Vinh được mang về giữ tại nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm ở Elorrio quê hương của người.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của ĐỨC CHA STÉPHAN THÉODORE CUÉNOT THỂ

(bị bắt 29-10-1861, chết rũ tù 14-11-1861 tại Bình Định)

Cũng như Đức Giám Mục Hermosilla Liêm, Đức Cha Cuénot Thể đã là cột trụ nâng đỡ hội thánh Việt Nam trải qua cuộc bắt đạo tàn khốc của Minh Mệnh, Thiệu Trị và Tự Đức. Người bỏ quê hương và truyền giáo ở Việt Nam 36 năm, 27 năm làm giám mục, phong chức linh mục cho hai giám mục và 56 linh mục. Dưới

DÒNG MÁU ANH HÙNG

đời của người toàn địa phận Đàng Trong được lần lượt phân chia thành địa phận Sài Gòn năm 1844 và Huế năm 1850. Địa phận mẹ Đàng Trong trở thành địa phận Qui Nhơn.

Vị thánh giám mục của toàn cõi Trung và Nam Việt sinh trong mùa đông ngày 8-2 năm 1802 tại Béliou với tên gọi là Stéphane Théodore, trong một gia đình khá giả. Thế nhưng chiến tranh đã tiêu hủy hết gia tài đến nỗi cậu Stêphan không có tiền đi học phải cậy nhờ bà con đóng góp. Cậu là cả của gia đình 11 người con. Lòng đạo đức của cha mẹ đã chấp nhận mọi hy sinh khổ cực để cho cậu Stêphan được vào chủng viện học làm linh mục. Ngày cậu đi chủng viện, không có áo quần tử tế khiến bà mẹ phải mang chiếc áo cưới của mình ra để sửa lại thành áo cho cậu. Stêphan nói với mẹ: Khi nào con trở thành linh mục con sẽ sắm cho mẹ một cái áo đẹp như vậy.

Các bạn học chỉ biết nói về Thầy Stêphan như là một người trầm tư, chín chắn, giữ luật rất tỉ mỉ, nhẫn nại và can đảm trong những lúc khó khăn, tuy nhiên thỉnh thoảng bệnh tật làm cho thầy thua kém các bạn đồng liêu. Thầy thông minh, cởi mở, nhiều sáng tạo và cương quyết, có lúc người ta cho rằng thầy cứng đầu. Đặc biệt hơn hết là lòng nhiệt thành truyền giáo của thầy như thầy thường nói: *“Đức tin của tôi gắn chặt vào Thiên Chúa, tôi đã làm lời hứa khi còn học ở chủng viện Besancon”*.

Tuy nhiên Thầy Stêphan gặp nhiều khó khăn trước khi chịu các chức thánh. Trong thời buổi chiến tranh, các chủng sinh được gửi trong các gia đình đạo đức. Mùa hè Thầy Stêphan Cuénot nghe lời một người bạn sáng chế đồng hồ mà thầy nghĩ là có thể được các nhà kỹ nghệ mua sáng kiến, nên thầy mạo hiểm đi sang Thụy sĩ để quảng cáo. Câu chuyện bị lộ tẩy khiến bề trên nghi ngờ ý chí làm linh mục của thầy nên không cho thầy chịu chức năm. Các bề trên nói: *“Tính kiêu ngạo và ma quỷ là những cái lôi kéo thầy hơn cả Thiên Chúa, tóm lại Thiên Chúa cũng chỉ là một cái gì đó thôi”*.

Thầy tìm đến chủng viện truyền giáo Paris, nhưng cha bề trên khuyên thầy nhẫn nại và chủng viện chỉ nhận những người đã có chức thánh. Thầy tìm sang nhà tĩnh tâm ở Aix-en-Provence năm 1823. Sau 14 tháng thử luyện, bề trên thấy thầy xứng đáng và cho chịu chức Phụ Phó Tế ngày 26-2-1825. Từ đây con đường tông đồ

LM. VŨ THÀNH

của thầy được sáng tỏ, ngày lễ Thánh Giuse 19-3 thầy được phong chức Phó Tế và ngày 24-9 chịu chức Linh Mục.

Với chức vụ mới, mỗi ngày Cha Stêphan Cuénot dạy học bốn giờ và dạy giáo lý, giải tội. Nhưng nguyện ước của cha là: được chết vì đạo thánh Chúa tại viễn đông. Sau nhiều thư từ, chú của người cũng là linh mục nhận rõ tiếng gọi thần linh nên giới thiệu Cha Stêphan vào chủng viện truyền giáo Paris ngày 23-6-1827 và tháng Giêng năm sau rời Paris đi Viễn đông.

Tới Macao năm 1829, bề trên ở đây may cho cha bộ áo Việt Nam và khăn đóng để lên đường băng rừng qua Bắc Việt rồi xuống nhiệm sở ở Đàng Trong. Vì Vua Minh Mệnh bề môn tảo cảng nên Cha Cuénot phải mất 83 ngày đường mới tới được nhiệm sở ngày 24-7-1829. Trước hết cha được chỉ định ở chủng viện Lái Thiêu để vừa học tiếng Việt vừa dạy các chú. Cha được gọi tên là Tri. Đức Cha Taberd trong thư ngày 23-7-1830 đã viết về vị thừa sai mới như sau: “*Cha Cuénot sẽ được chỉ định giúp các họ đạo gần chủng viện, tôi tin rằng cha sẽ làm thỏa mãn những tín hữu...*” Trong một thư khác năm 1831 Đức Cha viết: “*Cha Cuénot rất nhiệt thành trong việc giảng đạo và đưa người lương trở lại đạo. Người rất thành công*”. Có lẽ vì nhiệt thành quá và đời sống khắc khổ đã làm cha sinh bệnh đến độ phải xúc dầu.

Năm 1833 lệnh bắt đạo toàn diện đặt địa phận trong tình trạng nguy ngập. Bấy giờ địa phận có khoảng 80.000 giáo dân, một giám mục, 8 thừa sai và 17 linh mục Việt. Giáo dân thấy khó lòng cho các thừa sai ẩn trốn nên khuyên các đảng tạt rút lui chờ cơn bắt đạo nguôi sẽ trở lại. Trong khi ấy Thừa Sai Jaccard, Odorico đã bị bắt ở Huế, Thừa Sai Gagelin đang trốn ở Bình Định. Đức Cha Taberd quyết định đem Cha Cuénot, Vialle và Regereau tạm trốn sang Thái Lan. Sau đó vì chiến tranh Thái-Việt và cuộc nổi loạn của Lê văn Khôi gây nghi ngờ cho các thừa sai, các đảng xuống thuyền sang Singapore. Tại đây Đức Cha Taberd đặt Cha Cuénot, mới 33 tuổi, làm giám mục phó và truyền chức ngày 3-5-1835.

Ngay sau đó Đức Cha Cuénot cùng với hai cha Việt Nam học ở Penang thuê thuyền trở lại Việt Nam và thành công vào được Gò Thị thuộc tỉnh Bình Định (Qui Nhơn). Từ đây đức cha đổi tên là Thế và thường xuyên ở họ đạo Gia Hựu, trong nhà Dòng Mến Thánh Giá, mọi sự do ông Năm Thuông sắp xếp. Khi tình thế cho phép, người đi

DÒNG MÁU ANH HÙNG

thăm giáo dân ở Quảng Ngãi. Công việc người quan tâm đầu tiên là lập hai chủng viện và tăng số linh mục bản xứ, vì trong lúc bắt đạo chỉ có các linh mục Việt đi lại và trốn tránh dễ dàng. Trong thư gửi về bộ truyền giáo năm 1836, người tường trình về cuộc tử đạo của các Thừa Sai Gagelin, Marchand, các linh mục Việt và thầy giảng, đồng thời xin phép phong chức linh mục cho các thầy giảng chỉ biết đọc Latinh, được làm phép bàn thờ không cần đá thánh, được làm lễ từ ba giờ sáng và tùy hoàn cảnh được làm lễ đọc thẩm và sau cùng xin chuẩn cho giáo dân khỏi ăn chay vì đang phải trốn tránh và ngày đầu năm, trùng vào thứ Tư Lễ Tro không giữ được.

Sau khi Minh Mệnh chết ngày 20-1-1841, Đức Cha Thê lợi dụng thời kỳ tạm yên để họp công đồng tại Gò Thị vào tháng 5, để ấn định các qui luật truyền giáo và chấn chỉnh một số công việc trong địa phận. Cuối kỳ họp, Đức Cha Thê phong chức giám mục cho Đức Cha phó Lefebvre. Để củng cố các linh mục, đức cha đặt ra một số câu hỏi về thần học và mục vụ và các cha phải trả bài vào dịp cấm phòng hằng năm. Đối với giáo dân, đức cha chú tâm nâng cao lòng đạo đức, nhất là số những người yếu đuối đã xuất giáo và lâu ngày không được gặp giám mục. Với người xuất giáo, đức cha ra hạn cho họ đền bù bằng việc đưa một số người bên lương trở lại đạo hoặc rửa tội cho những trẻ em hấp hối. Đức cha công bố kết quả của các xứ để thúc đẩy những nơi chưa nhiệt thành trong việc đem người lương vào đạo. Phương pháp truyền đạo của đức cha là chia những người học đạo thành nhóm mười, mười lăm hoặc ba chục người trong một nhà để dạy giáo lý. Đàn bà dạy cho đàn bà, đàn ông cho đàn ông. Mỗi tuần thầy giảng đến hai ba lần để cắt nghĩa giáo lý và cách thức biện bác những sai lầm dị đoan. Các người học đạo ăn chung với nhau và khi ăn nghe đọc sách. Trong ngày rửa tội, địa phận tặng cho một bộ áo trắng làm kỷ niệm. Về các thầy giảng, đức cha chia thành ba hạng: hạng thứ nhất có khoảng hai mươi một thầy là những thầy có khả năng và có kinh nghiệm dạy giáo lý. Hạng thứ hai khoảng ba mươi lăm thầy theo các cha đi làm phúc, giúp giáo dân lãnh nhận các bí tích, mỗi cha có bốn thầy. Hạng thứ ba là các ông trùm trưởng gia đình lo trật tự và sửa soạn các việc cần cho lễ rửa tội, hôn phối và săn sóc người ốm.

Nhưng ước vọng trên hết của vị chủ chăn can đảm và tận tụy là phúc tử đạo, chết vì đạo thánh Chúa. Trong một bức thư gửi về châu Âu, đức cha đã bày tỏ ước nguyện được chết vì lưỡi gươm của đao phủ

LM. VŨ THÀNH

hơn là chết vì bệnh. Người viết: “*Lũ đi gươm của Minh Mệnh đã làm cho bao nhiêu anh hùng được phúc tử đạo... nơi tôi ở có lẽ là chỗ dễ bị bại lộ nhất. Tôi chưa được vinh dự đó thôi. Nếu ngày nào quan quân điệu tôi đến cửa nhà, trái tim tôi sẽ đập rất mạnh, nhưng không phải vì sợ hãi, mà là vì vui mừng. Khi nhìn những người bạn lần lượt ngã xuống, còn lại một mình sẽ buồn nghĩ rằng mình là người bất xứng. Không phải là đáng buồn lắm sao cho một vị thừa sai, hơn nữa cho một giám mục khi các giáo dân can đảm chịu gông cùm của cơn bắt đạo trong khi mình cứ phải trốn tránh”.*

Từ năm 1833 cuộc bắt đạo trở nên gay gắt vì tổng đốc Bình Định là một ông quan ghét đạo, đã đề nghị triều đình phân sáp giáo dân và tịch thu ruộng đất. Các cuộc lùng soát giáo dân đã gây ra rất nhiều khổ khổ cho họ. Năm 1861, giáo hội Việt Nam trên đường tử nạn, đức cha không muốn giáo hội bị tận diệt nên đã ra lệnh cho Cha chính Herrengt và một số thừa sai tạm vào trong Sài Gòn, tương đối đỡ bắt bớ để có người trở lại xây dựng địa phận sau này. Riêng mình đức cha lại nghĩ rằng chủ chăn phải ở gần con chiên trong lúc khổ khó và hy sinh mạng sống vì con chiên.

Trong số các nhân chứng về cuộc xung đạo và tử đạo của đức cha, có thầy sáu Francis Khoa và cai ngục Phương, người ngoại đạo. Họ đúc kết đầy đủ các lời khai của người khác làm thành bài tường thuật khá đầy đủ rõ ràng.

Theo Thầy Khoa, ngày 21-10-1861 Đức Cha Cuénot rời Gò Thị để xuống Gò Bồi trốn ở nhà bà Lưu cùng với thầy bốn Tuyên và chú Nghiên. Tại đây có Cha Tho và Thầy sáu Khoa đang trốn. Sáng Chúa Nhật 28-10 vừa tảng sáng Thầy Khoa đến báo tin có hai chú bị bắt và mang áo lễ đen để đức cha làm lễ cầu cho các tín hữu qua đời. Không may vì có người đã đi tố cáo trong làng có đạo trưởng trốn tránh nên quan sai cai đội Nam mang 50 lính đến vây làng. Thoáng trông thấy lính, cũng là lúc đức cha vừa làm lễ xong, bà Lưu báo tin để đức cha và Thầy Tuyên trốn vào vách kếp, còn bà ra chặn lính lại để hỏi xem họ muốn gì. Lính lục soát bắt được đồ lễ và ông trùm Qua trốn trên mái nhà. Lính tưởng là đạo trưởng, nhưng bà Lưu đã cải chính ngay không phải là đạo trưởng vì ông có vợ con. Lính bắt hai người đi, trong lúc đó lính cũng lục soát các nhà bên cạnh có Thầy Khoa và Cha Tho trốn, nhưng các đấng đã kịp trốn thoát. Tối chiều thứ Hai, đức cha, Thầy Tuyên và chú Nghiên vẫn còn ở trong vách, vừa đói

DÒNG MÁU ANH HÙNG

bụng vừa khát nước và nghẹt thở. Khoảng 9 giờ tối lính mang ba cái gông đến khiến những người đang trốn tưởng là họ đã biết nên tự ra nộp mình. Thấy Tuyên vừa bước ra khỏi thì đã ngã vào người lính và bị trói lại. Chú Nghiên cũng vậy. Đến lượt đức cha vừa bước ra đỡ thì bị lính túm lấy tóc và đè xuống lấy giày thừng trói chân tay lại. Vì yếu, đức cha không nói lên lời, mãi sau mới thều thào: *“Tôi có chạy trốn đâu mà các ông trói chặt quá vậy?”* Sau đó quan cho cởi giày trói tay để đức cha có thể nguyện được. Đức cha xin họ trao lại cuốn sách nguyện và người bắt đầu đọc kinh.

Từ nơi bị bắt về đến tỉnh thành phải qua nhiều làng, các quan muốn cho nhiều người biết để mà sợ nên đóng gông và trói các tù nhân lại với nhau, riêng đức cha thì họ nhốt vào trong cũi mà khiêng đi. Vì trời mới mưa lụt nên cũi của đức cha ngập nước. Tối tỉnh, sáu người bị giam vào ngục khác nhau. Ông cai ngục Phương lo liệu thức ăn cho đức cha.

Theo lời khai của ông này, Đức Cha Cuénot Thế bị thẩm vấn hai lần. Quan tuần phủ hỏi: *“Tại sao có lệnh cấm mà ông còn đến xứ này và đã bao lâu?”*

Đức Cha đáp: *“Tôi đến để giảng đạo thật và đã được 36 năm. Tôi đã đi chung quanh tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà và Bình Thuận”.*

Quan lại hỏi: *“Chỗ ở nhất định ở đâu và tới nhà bà Lưu từ bao lâu?”*

Đức Cha đáp: *“Tôi ở Xuân Hương và mới tới nhà bà Lưu được mười hôm”.* Sau đó quan hỏi tiền để mua thức ăn. Đức cha lấy từ trong túi ở thắt lưng hai quan tiền đưa cho quan, và sau đó bị đem về nhà giam.

Hôm sau quan lại hỏi tiếp: *“Ông có biết tại sao người ta đến gây chiến ở Việt Nam?”*

Đức cha thưa: *“Tôi không biết gì về việc chiến tranh, tôi chỉ đến đây với mục đích duy nhất là giảng đạo. Đã 36 năm tôi đi giảng chỗ này chỗ khác. Chỉ có thế. Quan muốn đánh đập tôi tùy ý, nhưng không ích gì hỏi thêm nữa, quan chỉ muốn hỏi để ghép tôi vào việc chiến tranh mà tôi không hề hay biết gì”.*

LM. VŨ THÀNH

Từ đó đức cha không bị tra hỏi lần nào nữa, nhưng phải giam rất ngặt không ai được đến gần trừ người đem cơm. Trong tù cũng có một cha Việt Nam đang bị giam mà không thể đến gần để ban bí tích cho đức cha.

Sau bốn ngày, đức cha lên cơn sốt vì nước độc và bị ướt quần áo trên đường về tỉnh. Quan cho y sĩ đem thuốc đến, nhưng đức cha nhất định không uống. Theo dư luận thì quan đã ngầm ra lệnh bỏ thuốc độc vào để đức cha chết sớm, vì quan sợ nếu đức cha sống lâu sẽ bị giải về kinh, và vì đức cha ở trong xứ 36 năm quan sẽ phải tội với triều đình. Quan đánh đập Thầy Tuyên và chú Nghiên để ép Đức Cha uống thuốc. Vì thương họ nên đức cha đã uống thuốc, nhưng thay vì khá hơn thì bệnh tình trở nên nguy kịch. Đức cha trút hơi thở cuối cùng lúc 7 giờ chiều ngày 14-11-1861, hưởng thọ 59 tuổi.

Trong khi điều tra làm án, Đức Cha Charbonnier, kế vị Đức Cha Thế cho rằng người không bị bỏ thuốc độc. Nhưng theo lời khai của ông cai ngục Phương thì chiều hôm ấy ông còn điu đức cha đi bách bộ một lúc. Hầu hết các nhân chứng đều nói rằng dân chúng tin là quan đã bỏ thuốc độc.

Sáng ngày hôm sau bản án của triều đình về tới tỉnh truyền phải xử bá đao. Quan tuần phủ ra lệnh chặt đầu rồi bêu đầu như án đã ra, nhưng quan tổng đốc nói là người đã chết rồi thì không cần chặt đầu làm gì. Chính quan tuần phủ cũng nói rằng thật trời thương tù nhân này mà gọi về thế giới bên kia trước khi phải chịu cực hình. Quan làm tờ trình báo lại triều đình là tù nhân đã chết trước khi bản án đến. Trong khi đó ông cai đội tháo lấy chiếc nhẫn ở tay đức cha và sau đó đưa cho Thầy Tuyên mấy quan tiền. Thầy Tuyên xin quan lớn cho phép mua quan tài để chôn cất, nhưng quan ra lệnh lấy bốn cây tre bó xác mà chôn.

Đến tháng 2-1862 án của triều đình gọi về tuyên án xử tử những người cùng bị bắt, còn xác đức cha thì phải vớt xuống sông. Bản án của vua như sau: “Đạo trưởng Châu Âu tên gọi là Thế đã ẩn náu trong nước từ 40 năm, đã giảng dạy đạo sai lầm lừa dối dân chúng. Bị bắt và tra hỏi đã thú nhận tội vì vậy phải chặt đầu bêu ở chợ. Nhưng vì đã chết trong tù thì xác phải vớt xuống sông”. Những người lính đào mộ lên làm chứng rằng: “Chúng tôi không hiểu tại sao người Âu Châu này quá lạ lùng. Khi đào lên chúng tôi thấy tóc và râu còn nguyên, áo

DÒNG MÁU ANH HÙNG

quần nguyên vẹn tựa như người nằm ngủ. Chúng tôi khiêng bỏ vào thùng để đem buông sông thì chân tay và thân người mềm mại như một người ngối vậy". Ông cai Phụng còn cho biết rằng xác không có mùi thối mà còn tỏa hương thơm. Có một chút mùi thối là do cây tre đã mục bốc ra mà thôi.

Sau bảy tám ngày xác nổi trên sông, mặt mũi của người vẫn đầy đặn, được những người đánh cá bên lương vớt lên và chôn ở cửa bể vì họ tin rằng người sẽ đem lại cho họ nhiều may mắn. Lúc ấy vì giữa thời kỳ phân sáp nên giáo dân không hay biết gì.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của ÔNG GIUSE TUÂN

(bị bắt 3-18-61, xử tử 7-1-1862 tại Thụy Anh)

Jhánh Giuse Tuân sinh năm 1826 tại Nam Điền, tỉnh Nam Định, con của ông Emmanuel Trung và bà Rôsa Lâm. Người lập gia đình với cô Maria Trần và có nhiều con cái. Sau 16 năm lam lũ cấy cày nuôi gia đình, người bị bắt tháng 3-1861 và điệu về phủ Xuân Tràng. Vì nhất mực tuyên xưng đạo Chúa nên người bị đánh đòn, mang gông và khắc chữ "Tả Đạo", đi lưu đày ở làng An Xá (An Bài?) huyện Thụy Anh.

Sau mười tháng tù đầy khổ cực, quan huyện cho đòi người đến ép buộc đạp ảnh chối đạo. Thánh nhân đã quì xuống nâng thánh giá lên hôn kính và cầu nguyện lớn tiếng: "*Lạy Chúa, con cảm tạ Chúa vì chính Chúa là sức mạnh can đảm của con*".

Quan huyện tức giận truyền đem người đi chém đầu. Trên đường ra pháp trường, người vui mừng đọc to tiếng kinh Cầu Các Thánh xin ơn trợ giúp và đồng thời tuyên xưng lòng tin dũng cảm. Đầu của người bị lưỡi gươm của lý hình chém rơi xuống mà miệng vẫn còn phát ra tên cực trọng Chúa Giêsu. Hôm ấy là ngày 7-1-1862, người được 36 tuổi.

Phêrô Kiên và Maria Huyền đã chứng kiến cuộc hành quyết và đã chôn cất xác người. Đến năm 1864 xác người được cải táng đem về chôn ở nhà thờ Thánh Giuse thuộc xứ Nam Điền.

LM. VŨ THÀNH

**Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của
ÔNG LAURENSÔ NGÔN**

(xử tử ngày 22-5-1862 tại An Xá)

Thánh Laurensô Ngôn không những sốt sắng giữ đạo mà còn lo lắng cho cha mẹ, vợ con cũng được trung thành giữ đạo Chúa, nên người đã anh hùng xưng đạo để làm gương cho mọi người. Người là một nông dân sống tại làng Lục Thủy Thượng, con của ông bà Đaminh và Rôsa Thao thuộc họ Đức Bà Rất Thánh Mân Côi.

Người đã bị bắt một lần nhưng bấy giờ quan cho chuộc tiền để không phải đập ảnh thánh giá. Nhưng đến thời kỳ vua Tự Đức ra lệnh phân sáp bắt mọi người đập ảnh thì người cương quyết không chịu nên bị bắt giải về phủ Xuân Tràng, tỉnh Nam Định. Khi bị bắt người nói với cha mẹ: *“Con đã bị bắt vì Chúa và từ rầy về sau sẽ được mọi người kính phục vì con sẽ bền đỗ đến cùng. Xin cha mẹ săn sóc cho vợ và các con của con”*.

Trong những ngày bị giam ở phủ Xuân Tràng, người xin lính canh cho về nhà từ giã vợ con và khuyên bảo họ giữ đạo cho trọn. Ngày 8-9-1861 người bị đưa đi giam ở làng An Xá, phủ Đông Quan.

Trong những ngày bị giam tù ông Ngôn hằng tỏ ra nhẫn nhục vui tươi chịu đựng mọi hình khổ và còn ăn chay mỗi tuần ba lần. Mỗi khi nhớ lại các tội cũ ông đều ăn năn khóc lóc chảy nước mắt. Người khuyên nhủ các bạn tù: *“Anh em, thà chúng ta chịu chết khốn cực vì Chúa hơn là xúc phạm đến Người. Chúng ta hãy can trường bền bỉ mặc dù có bị đánh đòn hay tra tấn cách nào đi nữa, chúng ta hãy gồm ghét việc đập lên ảnh Chúa”*.

Chính người hai lần bị quan đòi ra bắt ép đập ảnh. Quan nói: *“Người còn trẻ, nếu cứ ương ngạnh ta sẽ phải xử tử người, trái lại ta sẽ tha cho về nhà nếu người bỏ đạo”*.

- *“Tôi tuân giữ đạo Đức Chúa Trời chân thật vì thế tôi sẽ không bao giờ đập ảnh chối đạo. Nếu quan muốn giết, tôi sẵn sàng, nếu quan muốn tha tôi được sống”*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Quan ra lệnh cho lính đem người về nhà giam. Ít lâu sau quan lại cho lính mang người ra bắt đập ảnh. Thánh Laurensô Ngôn đã quỳ xuống hôn kính thánh giá Chúa và nói to tiếng: *“Con tôn thờ một Chúa, lạy Chúa trời đất, xin giúp con đừng bao giờ đập lên ảnh Chúa”*.

Bấy giờ quan nói: *“Vì người không muốn vâng lệnh nên phải chết”*.

Quan giao cho lính đem người đi chém đầu bên ngoài làng An Xá ngày 22-5-1862. Khi người bị chém có bà Rôsa Thao, mẹ người, và bà Mađalêna Ngôn, vợ của người, chứng kiến. Sau khi hành quyết, quan cho phép mẹ và vợ người chôn xác tại chỗ. Khi được tự do đạo, xác người được cải táng về Lục Thủy Thượng.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của ANH GIUSE TÚC

(bị bắt tháng 2-1862, xử trảm 1-6-1862 tại Hưng Yên)

Jhánh Giuse Túc sinh tại Hoàng Xá, tỉnh Hưng Yên, khoảng năm 1843. Theo lời khai của Đaminh Hùng thì người bị bắt tháng Chạp, tức là khoảng tháng 2-1862 đang khi làm ruộng. Sau khi bị giải về Hưng Yên, người phải lưu đày đi Đông Kết thuộc huyện Khoái. Suốt trong bốn tháng lưu đày, ban ngày người phải mang gông, ban đêm thì bị cùm chân.

Trong thời gian bị lưu đày người bị dụ dỗ đập ảnh nhưng không bao giờ người làm theo. Một lần Đaminh Hùng đến thăm và dụ người trốn đi vì có cơ hội, nhưng người đã trả lời: *“Tôi không muốn trốn đi bởi vì một mình tôi trốn thoát, người khác phải khổ cực thêm vì tôi. Tôi sẵn sàng chịu mọi cái Chúa gửi đến cho tôi”*.

Ngày 1-6-1862, quan ra lệnh cho anh đập ảnh, nhưng người đã cương quyết xung đạo, không chịu đập ảnh như quan bắt ép. Thế là quan giao cho lính đem đi chém đầu. Miệng anh không ngớt kêu thánh danh Chúa Giêsu. Khi tới nơi, anh nói với bạn Đaminh Hùng rằng: *“Anh đừng có lo lắng, nhưng hãy vui lòng chịu khổ bởi vì Chúa đã muốn cho tôi đổ máu ra vì đạo. Tôi tin thật rằng tôi sẽ được lên trời, còn thân xác tôi anh lo liệu được thế nào thì tùy tiện mà chôn cất, nếu không chôn được thì cũng không sao”*.

LM. VŨ THÀNH

Sau khi người bị lý hình chém, Đaminh Hùng đã chôn táng người cẩn thận ở tỉnh Hưng Yên. Sau này xác của người được cải táng về nhà thờ Đức Nữ Trinh ở Ngọc Đường.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của ĐAMINH NINH

(bị bắt 16-9-1861, xử trảm 2-6-1862)

J trong thời kỳ bắt đạo khủng khiếp vì sắc lệnh phân sáp của vua Tự Đức, làng Trung Linh có 18 anh hùng tử đạo. Trong số này có Thánh Đaminh Ninh, được phong Á Thánh ngày 29-4-1951. Người có cuộc sống rất khác thường và gặp khó khăn về đời sống gia đình.

Thánh Đaminh Ninh làm nghề cấy cấy và bị cha mẹ ép buộc lập gia đình với một thiếu nữ mà người không ưng thuận, nên đã không chung sống với nhau. Người sống lương thiện và trong sạch, được nhiều người coi là một tín hữu gương mẫu và anh hùng chịu đựng thử thách.

Ngày 16-9-1861 người bị bắt cùng với Phêrô Đa, 38 tuổi, Phêrô Hùng 26 tuổi. Sau bị giải về phủ Xuân Trường, các đảng vẫn một mực tuyên xưng đức tin chứ không chịu đạp ảnh, quan phủ cho khắc chữ tả đạo vào má và bắt đi đày. Thánh Đaminh Ninh bị đày ở làng Đông Trị, huyện Đông Quan, với Phêrô Hùng. Các đảng còn phải thay đổi nơi lưu đày nhiều lần.

Sau cùng ngày 2-6-1862 các đảng bị giải về An Triêm nơi quan án đang xét xử. Một lần nữa Thánh Đaminh Ninh bị ép phải chối đạo nhưng người đã can đảm thưa lại: *“Nếu con cái không được phép khinh để cha mẹ mình thì làm sao người tín hữu dám dấy đạp hình ảnh Chúa tạo dựng trời đất. Quan hãy làm gì quan muốn, nhưng đừng bắt tôi phạm tội đạp thánh giá Chúa”*.

Nghe vậy quan tức giận truyền cho lính đem đi chém đầu.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cuộc Xung Đao & Tử Đao của ÔNG TRÙM PHAOLÔ ĐỒNG

(bị bắt 25-11-1860, xử tử 3-6-1862 tại Hưng Yên)

Cuộc xung đao của Thánh Phaolô Đồng và hai người bạn ở tỉnh Hưng Yên thật là hi hữu. Cũng như các vị anh hùng đức tin phải giam tù và khắc chữ, Thánh Phaolô Đồng đã ba lần cạo chữ tả đao và lần sau cùng đã xin với quan cho một tín hữu ghi chữ trên má. Không ai ngờ Thánh Phaolô Đồng yêu cầu tín hữu này ghi hai chữ “Hữu Đao”. Với hành động dũng cảm này, Thánh Phaolô Đồng đã được quan lớn truyền lệnh đem đi chém đầu ngay.

Thánh Phaolô Đồng sinh khoảng năm 1802 tại Vực Dương, họ thánh Tôma Tông Đồ thuộc xứ Cao Xá, tỉnh Hưng Yên. Với lòng đạo đức nhiệt thành người được các cha giao cho nhiệm vụ làm trùm họ đao và coi sóc nhà thờ. Sau sáu năm có lệnh Vua Tự Đức bắt các vị đầu mục trong làng, ngày 25-11-1860 người bị bắt cùng với ông Phêrô Nha và ông Đaminh Cảnh. Quan ra lệnh tập họp dân chúng tại đình làng để kiểm danh nhưng thực ra là để bắt mọi người phải đập ảnh thánh giá. Một số đồng bị bắt đem về tỉnh. Tại đây có nhiều người bỏ tiền ra mua chuộc tự do, nhưng ba vị anh hùng quyết một lòng xung đức tin.

Theo lời khai của người con gái Thánh Phaolô Đồng (Agnes Ngọt) và người con trai của Đaminh Cảnh thì các đấng bị tra tấn ba lần, nhưng vì không chịu chối đạo nên đã bị đánh đập tàn nhẫn, nát cả thịt ra và cần phải điều trị. Ban đầu các đấng bị giam ở trại lá, nhưng sau khi tra tấn bị chuyển về giam ở trong một chuồng voi. Suốt một năm rưỡi trong tù các đấng đã sốt sắng đọc kinh chung với nhau, khích lệ nhau vui vẻ chịu khổ vì đạo Chúa. Một lần bà Agnes Ngọt đến thăm đã hỏi Thánh Phaolô Đồng đã xưng tội chưa, người quả quyết đã gặp linh mục và xưng tội rồi.

Cảnh tù đầy gông cùm không làm cho Thánh Phaolô Đồng sờn lòng, trái lại, thấy có nhiều tín hữu khác bị bắt và cùng giam trong tù, thánh nhân đã cạo chữ tả đao đi vì chữ đó là một sỉ nhục cho đạo. Người bị quan giam đói tám ngày. Một người lính trông thấy ông đói liền lén đem cho người chút cơm, nhưng ông đã cho người cùng tù ăn. Sau nhiều lần bôi xóa chữ tả đao, ông xin với một người tín hữu

LM. VŨ THÀNH

khắc chữ “hữu đạo” ở gò má. Quan lớn trông thấy đã nổi giận giam đói ông ít ngày và truyền lệnh đem đi chém đầu.

Ngày 3-6-1862, ngày vui mừng của nhiều anh hùng tử đạo Hưng Yên, quan lãn lượt truyền đem các tù nhân đi chém. Người con gái Thánh Phaolô Đổng đã theo cha mình ra tới nơi hành quyết. Thấy cha đi chịu chém một mình, cô hỏi hai người kia đầu, thánh nhân trả lời: “Hai vị đã bị dẫn đi một hồi trước cha”.

Một người cháu quả quyết rằng khi Thánh Phaolô Đổng nghe tin đem đi hành quyết, người quì xuống đất tạ ơn Thiên Chúa và đọc kinh thống hối. Trên đường người không ngớt đọc các kinh phó linh hồn. Tới nơi, Thánh Phaolô Đổng đã tỏ lòng kính mến thánh danh Chúa Giêsu, xin lý hình chờ người đọc to ba lần tên Chúa Giêsu rồi hãy chém đầu. Linh hồn người bay về với Chúa sau 60 năm trung thành với đức tin và sáu năm làm trùm họ, một năm rưỡi chịu lao tù cực khổ vì đức tin.

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của ÔNG ĐAMINH HUYỆN VÀ ĐAMINH TOÁI

(bị bắt khoảng tháng 9-1861, bị thiêu 5-6-1862)

Cũng như nhiều giáo dân khác, các Thánh Đaminh Huyện và Đaminh Toái bị bắt trong thời kỳ phân sáp, khoảng tháng 9-1861. Thánh Đaminh Huyện, 45 tuổi, con ông Phêrô Thiên và bà Maria Duyệt. Thánh Đaminh Toái, 51 tuổi, con ông Đaminh Phiệt và bà Maria Mạch. Cả hai thánh làm nghề đánh cá và ở tại họ Thánh Danh Chúa Giêsu, họ Đông Thành, thuộc xứ Kẻ Mèn, tỉnh Nam Định (ngày nay là tỉnh Thái Bình).

Các đấng bị bắt giải lên phủ và bị lưu đày tại làng Tăng Giá huyện Quỳnh Côi cùng với Maria Tự và Dân. Thánh Đaminh Toái đã khuyên các bạn: “*Anh em, chúng ta hãy can đảm chịu khổ vì Chúa Kitô. Vì thế chúng ta hãy chịu khổ với lòng cương quyết cho tới chết thì thôi*”.

Theo lời khai của Anna Nho và Maria Dân là vợ của Đaminh Dân cùng bị giam ở Tăng Giá, hai Thánh Huyện và Toái đã tỏ ra can đảm và vui tươi trong suốt chín tháng giam tù. Dù bị ép buộc đập ảnh,

DÒNG MÁU ANH HÙNG

các đấng nhất định từ chối. Quan ra lệnh thiêu sống các đấng và báo trước cho biết ba ngày. Các đấng mừng rỡ và sốt sắng dọn mình làm của lễ hỏa thiêu cho Thiên Chúa. Rạng ngày 5-6-1862, chính vợ của Thánh Toái và một người đàn bà khác tên là Anna Ngu đã chứng kiến các đấng bị thiêu đốt, miệng vẫn kêu to thánh danh Chúa Giêsu. Sau khi xác các đấng ngã gục xuống đất, quan cho phép đem đi chôn. Khi đạo được tự do, xác các đấng được đưa về chôn tại nhà thờ Thánh Danh Chúa Giêsu họ Đông Thành.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của VINHSƠN DƯƠNG VÀ CÁC BẠN TỬ ĐẠO

(bị bắt khoảng tháng 9-1861, thiêu sống 6-6-1862)

Jhánh Vinh Sơn Dương cùng bị bắt với Vinh Sơn Tuyên, Giuse Thoan và Gioan Cung tại họ Doãn Trung, xứ Kẻ Mèn, tỉnh Nam Định khoảng tháng 9-1861 khi có lệnh phân sáp. Các đấng bị đưa về phủ Xuân Tràng và phải lưu đày tại làng Mĩ Nhuệ, huyện Quỳnh Côi.

Thánh Vinh Sơn Dương, 41 tuổi, con ông Gioan Thăng và bà Maria Thao, có vợ là bà Agnes Tịnh và ba người con. Ông Giuse Thoan 39 tuổi, con ông Đaminh Cần và bà Maria Duệ.

Ông Vinh Sơn Tuyên 38 tuổi, con ông Gioan Cung và bà Maria Nhường, có vợ là Maria Nguyên. Cả ba thuộc họ thánh Vinh Sơn, còn ông Gioan Cung thuộc họ Đức Bà.

Khi bị bắt các đấng nhất mực không chịu đạp ảnh nên bị trói lại và giải về phủ Xuân Trường và lưu đày chín tháng tại Mĩ Nhuệ. Trong thời gian bị giam ở làng Mĩ Nhuệ, các đấng còn bị ép buộc nhiều lần nhưng các đấng không bao giờ tỏ ra khiếp sợ mà chối đạo. Theo lời khai của bà Maria Nhan, thường đi thăm nuôi các đấng, các đấng đọc kinh sáng chiều rất sốt sắng và đều hòa, vui tươi và không bao giờ tỏ ra sồn lòng sợ hãi. Gioan Cung đã chết rũ tù.

Theo lời khai của Vinh Sơn Riên, cháu của ông Giuse Thoan, cũng thường đến thăm các đấng, các đấng bị đeo gông và hành hạ khổ cực. Ngày 2-6-1862, các đấng bị ép buộc đạp ảnh nhưng các đấng

LM. VŨ THÀNH

nhất định từ chối không bao giờ dám xúc phạm đến ảnh Chúa. Các đấng bị kết án phải thiêu sống.

Hôm trước ngày hành quyết, các đấng được báo cho biết và đã dọn mình chịu chết sốt sắng, đọc kinh ăn năn tội và lần hạt suốt đêm. Gần sáng 6-6-1862, lính đốt chòi giam các đấng. Thánh Vinh Sơn Dương đã chết cháy, còn Giuse Thoan và Vinh Sơn Tuyên áo quần đã cháy hết, đang hấp hối thì hai người lính đến lấy gươm chém đầu. Các đấng đã chết trước sự chứng kiến của vợ và con cháu. Xác các đấng được chôn ở nơi xử và sau này được cải táng về nhà thờ họ Thánh Vinh Sơn của mình.

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của HAI CHA CON PHÊRÔ DŨNG VÀ PHÊRÔ THUẦN

(bị bắt khoảng tháng 9-1861, thiêu sống 6-6-1862)

Jhánh Phêrô Dũng, 62 tuổi, sinh quán tại họ Thánh Phanxicô Xaviê Đông Hào (Đông Phú) thuộc xứ Kẻ Mèn, tỉnh Nam Định. Cha là Phêrô Mân và mẹ là Maria An. Người cùng bị bắt với con là Phêrô Thuần, Cả hai đều làm nghề đánh cá ngoài khơi.

Khoảng tháng 9-1861 khi có lệnh phân sáp, quan đến tập hợp mọi người trong làng và ghi tên những người nào theo đạo Công Giáo. Thánh Dũng và Thuần bị bắt giữ lại còn các người khác được cho về nhà. Thánh Thuần là trùm trưởng một khu và đã có lần yếu đuối chối đạo.

Theo lời khai của Phêrô Thi, con của Phêrô Thuần và cháu của Phêrô Dũng, các đấng bị trói đưa lên phủ và bị đi đây trước ở làng Ngọc Chi rồi sang làng Lương Mỹ thuộc huyện Quỳnh Côi. Trên đường đi lưu đày, Thánh Dũng được ghé qua nhà để từ biệt. Người nói với người trong gia đình: *“Mọi người hãy vui lòng vì ta được chết vì Chúa Kitô”*.

Trong chín tháng bị giam tù các đấng vẫn vui lòng và sốt sắng đọc kinh. Hai lần bị ép buộc đập ảnh các đấng đều cương quyết từ chối. Theo lời thuật lại của một người đàn bà tên là Gát, có mặt khi các đấng bị lính đốt chòi theo lệnh của quan, các đấng vui vẻ đọc kinh

DÒNG MÁU ANH HÙNG

phó dâng linh hồn và không ngớt kêu tên Chúa Giêsu, và bị thiêu sống. Hôm ấy là ngày 6-6-1862. Khi các đấng bị thiêu có Maria Ngân và Đaminh Tuyên trông thấy. Xác các đấng được chôn tại chỗ và sau này được đưa về nhà thờ Thánh Phanxicô ở Đông Hào.

Cuộc Xung Đao & Tử Đạo của NHỮNG ANH HÙNG TỬ ĐẠO HỌ NGỌC CỤC XỨ LỤC THỦY, NAM ĐỊNH THEO LỆNH PHÂN SÁP 1861

Ngọc Cục là họ lẻ của xứ Lục Thủy có khoảng 1.000 người Công Giáo. Khi có lệnh phân sáp, cha sở là Cha Quyền bị bắt và giáo dân bị phân tán đi các làng bên lương. Có 37 người anh hùng xung đạo. Các đấng bị giam tù ở các làng bên lương thuộc hai huyện Vụ Bản và Quỳnh Côi, được kể vào sổ các đấng xin phong Á Thánh. Tuy nhiên vì hồ sơ gồm 1743 đấng nên bộ phong thánh yêu cầu chọn lấy 25 vị nổi bật, trong số này sáu vị thuộc làng Ngọc Cục. Năm vị bị lưu đày ở làng Bạch Cốc và một vị ở làng Quả Linh, huyện Vụ Bản.

1. Năm thánh chịu chém ở Vụ Bản 16-6-1862

Cao niên nhất là thầy thuốc Đaminh Nguyễn, 60 tuổi, cùng với người em là ông ký lục Vinh Sơn Tường, 48 tuổi. Cả hai là con của ông bà Đaminh và Maria Duệ. Nổi tiếng can đảm là ông Đaminh Mạo, 44 tuổi, con ông bà Nicola Giỏi và Maria Nhiên. Người thông gia là Thánh Anrê Tường, 50 tuổi, con ông Đaminh Tiên và bà Maria Gương. Sau cùng trẻ nhất là Thánh Đaminh Nhi, 40 tuổi, con ông Đaminh Vương và bà Catarina Vân. Các đấng đều đã lập gia đình và có nhiều con cái, đồng thời nổi tiếng là những người đạo đức trong làng Ngọc Cục.

Theo lời khai của nhân chứng Vinh Sơn Khoa, các đấng bị bắt và lưu đày vào tháng 8 năm Dậu (14-9-1861). Trước hết các đấng bị tra tấn và giam giữ ở phủ Xuân Tràng bốn ngày rồi bị lưu đày và giam tù ở làng Bạch Cốc bên lương thuộc huyện Vụ Bản.

Theo lời khai của Đaminh Mậu, con của Thánh Mạo và con rể của Thánh Anrê Tường, trong ba bốn lần đến thăm thì thấy các đấng

LM. VŨ THÀNH

siêng năng đọc kinh sáng tối, nhất là Kinh Mân Côi, Kinh Các Thiên Thần, ăn chay ba lần một tuần. Suốt trong chín tháng bị giam tù, các đấng bị hành hạ rất nhiều, cổ mang gông nặng và đêm phải cùm chân. Các đấng cũng phải khắc chữ tả đạo ở má.

Ngày 15-6-1862, quan án tỉnh Nam Định về huyện Vụ Bản thanh tra và đòi các anh hùng xưng đạo ra để ép buộc đập ảnh. Quan cho đặt ảnh thánh giá ở giữa sân và gọi tên từng người phải đập lên. Tất cả đều kiên quyết trả lời không đập ảnh vì như thế là xúc phạm đến Chúa và chối đạo. Quan nổi giận truyền xích chân tay và đem phơi nắng mùa hè cho tới chiều rồi giam vào ngục. Sáng hôm sau, các đấng lại bị điệu ra trước mặt quan lớn và bị đem phơi nắng cho đến trưa. Quan lại hỏi xem có muốn đập ảnh không để được tha. Thánh Đaminh Mạo mạnh mẽ thưa thay anh em: *“Tại sao các quan còn thử thách chúng tôi như thế này? Các ngài coi chúng tôi như trẻ con sợ hãi hình khổ hơn là sợ xúc phạm đến Thiên Chúa. Nếu muốn đập ảnh thì chúng tôi đã làm ngay khi còn ở làng hay khi bị đưa ra phủ để khỏi bị tra tấn hành hạ chứ đâu có đợi đến bây giờ. Các ngài cứ làm như ý muốn, phần chúng tôi, không bao giờ đập lên thánh giá của Đấng Cứu Thế và chối đạo”*.

Nghe vậy quan án nổi giận truyền lính đem ra pháp trường chém đầu luôn.

Theo lời khai của Vinh Sơn Khoa, có mặt trong lúc hành hình, các đấng đọc Kinh Ăn Năn Tội, Kinh Phó Dâng và xin với lý hình chém ba nhát để kính Chúa Ba Ngôi. Hôm ấy là ngày 24-5, năm Tuất (16-6-1862). Có mặt trong lúc hành hình còn có các nhân chứng khác là Đaminh Mạo, Maria Tường, Đaminh Thế, Eloisa Mạo, Rôsa Tri và Maria Chúc. Xác các đấng được chôn ngay tại nơi chém và sau này khi tha đạo mới cải táng về Ngọc Cục.

2. Thánh Phêrô Đa bị thiêu sống ngày 17-6-1862

Cùng bị bắt và lưu đày đi Quá Linh, huyện Vụ Bản, gồm có Phêrô Đa, Đaminh Trinh và Phêrô Hoi. Riêng Thánh Phêrô Đa, 60 tuổi, là con nhà nghèo, cha là ông Đaminh Trương, mẹ còn bên lương.

Các đấng bị bắt và đeo gông từ ngày 27-6-1861. Sau khi bị giam giữ sáu ngày ở phủ Xuân Tràng, các đấng bị đem đến giam ở làng Quá Linh. Suốt trong 10 tháng 16 ngày giam tù, các đấng luôn phải đeo

DÒNG MÁU ANH HÙNG

gông và hành hạ khốn khổ. Dù vậy các đấng rất sốt sắng đọc kinh và ăn chay ba ngày mỗi tuần. Nhiều lần các đấng bị ép buộc chối đạo nhưng các đấng một mực tuyên xưng lòng trung thành nơi Chúa. Ngày 13-6-1862 cai đội làng Quá Linh mang thánh giá vào nhà tù theo lệnh của quan lớn, ép buộc các đấng đạp lên. Một số tù nhân đạp lên, nhưng ba vị anh hùng đức tin tỏ ra ghê sợ nên cương quyết không làm như thế. Các đấng bị gia hình phạt nặng hơn và sau mười ngày các đấng được đem đến quan án tỉnh Nam Định. Quan ra lệnh cho các đấng đạp ảnh, nhưng các đấng vẫn không nao núng khiến quan lớn thất vọng, bắt xích tay chân các đấng lại và phơi nắng mấy ngày liền và thử nhiều cách để lung lạc đức tin các đấng. Sau cùng vào nửa đêm 17-6-1862 các đấng bị điệu ra khỏi nhà giam và ném vào đồng củi đang bốc cháy. Theo lời nhân chứng của Vinh Sơn Khoa có mặt tại chỗ, khi các đấng bị lửa thiêu đốt, miệng các đấng vẫn đọc Kinh Phó Linh Hồn. Một nhân chứng khác là Đaminh Hàm cũng bị bắt giam với người cũng khai như trên. Bà Agnes, vợ Thánh Đa, đã chôn cất các đấng tại chỗ và khi được tự do giữ đạo đã cải táng về chôn tại vườn của nhà mình.

Những giáo dân khác cũng chết vì đạo là Đaminh Ninh, Đaminh Bình, Giuse To, Đaminh Qui, Phêrô Tang bị bắt ngày 13-8-1861, lưu đầy tại làng Côi Sơn, huyện Vụ Bản, bị chém đầu ngày 19-6-1862.

Nhóm khác gồm hai vị là Đaminh Te và Vinh Sơn Viên bị bắt 23-8-1861, lưu đầy ở làng Mí Côi, huyện Vụ Bản, bị chém 19-6-1862.

Nhóm khác gồm sáu vị là Vinh Sơn Chuyên, Đaminh Trương, Vinh Sơn Uy, Phaolô Vu, Phêrô Phụng và Giuse Chiên, bị bắt 17-9-1861, lưu đầy tại làng Đồng Xá, huyện Quỳnh Côi, bị chôn sống và thiêu ngày 9-6-1862.

Nhóm khác 11 người bị lưu đầy tại làng Hương Là, huyện Quỳnh Côi.

CHƯƠNG 8

Những Vụ Thảm Sát Người Công Giáo Do Phong Trào Văn Thân Khởi Xướng

Jrước cảnh nước nhà bị ngoại xâm, một số người trí thức có lòng ái quốc quá khích, không hiểu thời thế đã tự động khởi xướng một phong trào chống ngoại và chống người Công Giáo, trước khi nghĩ đến cuộc phục hưng quốc gia. Đó là Phong Trào Văn Thân.

Về cuộc nổi loạn của Phong Trào Văn Thân năm 1874 ở Nghệ An, sử gia Trần Trọng Kim đã hạ bút phê bình: *“Nước ta mà không chịu khai hóa ra như các nước khác là cũng bởi bọn sĩ phu cứ giữ thói cũ, không chịu theo thời thế mà thay đổi. Nay sự suy nhược của mình sờ sờ ra đây, thế mà vẫn cứ không chịu mở mắt ra mà nhìn, lại vì sự tức giận một lúc mà việc nông nổi can dỡ, để cho thiệt hại thêm, như thế thì cái tội trạng của bọn sĩ phu đối với nước nhà chẳng to lắm ru?”*

1. Cuộc nổi loạn của Hồng Tập và 4.000 nho sĩ năm 1864

Sau khi triều đình phải ký hòa ước năm 1862 nhường ba tỉnh cho Pháp và chấp nhận điều kiện tự do thương mại và buôn bán, một số người bảo thủ không bằng lòng, coi hòa ước là một việc bán đứng quốc gia và không còn tin phục vua Tự Đức nữa. Người khởi xướng âm mưu nổi loạn là Hồng Tập, hẹn ngày 3-8-1864 sẽ đồng loạt khởi nghĩa giết Phan Thanh Giản và các người theo đạo Thiên Chúa. Họ chiêu dụ những người trộm cắp và các thí sinh dự khóa thi để làm lực lượng. Trước hết họ đưa kiến nghị qui trách nhiệm việc mất nước vào các người theo đạo Giatô và ba sứ giả đi Pháp thương thuyết là những người bán nước. Họ yêu cầu triều đình thay đổi chính sách, nếu không, họ không thi vì có nhiều việc đáng làm hơn.

Mặt khác để xách động dân chúng, họ vu cáo các họ đạo có võ trang súng đạn, nhà đức cha có nhiều vàng bạc, và những người Công Giáo đã làm sẵn gông để bắt những người lương không chịu theo đạo phải đeo vào v.v.

Trước tình thế này vua Tự Đức ra lệnh khám xét các nhà Công Giáo, các tỉnh phải động viên báo động. Các cuộc khám xét không bắt

DÒNG MÁU ANH HÙNG

được bằng chứng nào người Công Giáo có súng đạn. Một bầu khí sợ hãi bao trùm các họ đạo. Sau cùng triều đình bắt được bảy người thuộc phe Hồng Tập và mọi âm mưu được cung khai. Có bảy người trong hoàng tộc chủ trương, một số khác bị án lăng trì. Liên đới trong vụ này có hai người con của tổng đốc Nam Định Nguyễn Đình Tồn, ông ra tay sát hại không biết bao nhiêu là người Công Giáo, nên ông bị truất chức.

Trong cuộc nổi loạn này, người Công Giáo ở Huế đã chịu nhiều thiệt hại. Sau đó, vào tháng 7-1864, vua Tự Đức ra sắc lệnh phủ dụ dân chúng và ca ngợi lòng trung thành của người Công Giáo.

2. Cuộc thảm sát ở Nam Định, Nghệ An và Quảng Nam năm 1868

Trong khi triều đình Việt Nam mưu chuộc lại ba tỉnh đã mất vì đó là mồ mã của dòng họ Nguyễn và là vựa thóc nuôi quân, thì Pháp lại có dã tâm chiếm ba tỉnh phía Tây năm 1867 khiến phong trào sĩ phu Việt Nam phần uất gia tăng lên ngùn ngụt. Với khẩu hiệu “*Bình Tây, Sát Tà*”, họ sách động nhân dân và vu cáo cho người Công Giáo nhiều chuyện động trời.

Tại Quảng Nam, quan đã bắt Đức Cha Charbonnier, Thừa Sai Van-camelbeke, ba linh mục Việt và nhiều thầy giảng. Họ đánh đập và giam giữ nhiều ngày. Tại Nghệ An, Vũ Trọng Bình, Nguyễn Tri Phương và Phan Huy Vịnh tỏ ra thù nghịch với Công Giáo để cho nhóm Văn Thân đốt phá bốn chục họ đạo. Tại Nam Định nhóm Văn Thân đã tấn công làng Công Giáo thuộc địa phận Tây từ ngày 14-1-1868. Sau đó lần lượt mười hai họ đạo bị đốt phá khiến 4.000 người Công Giáo phải chạy về nhà chung tị nạn.

Chiến dịch tuyên truyền chống thừa sai Pháp và Công Giáo được tung ra bằng những lời vu cáo như sau: “*Đức Cha Sohier đã mang về 400 cân thuốc độc để hủy diệt vua và các quan, sau đó sẽ đem người Công Giáo lên làm vua, những người không Công Giáo nếu không trở lại sẽ bị giết chết*”. Ngoài ra Đức Cha Theurel ở địa phận Tây Bắc Việt cũng cho biết nhóm Văn Thân vu cáo người Công Giáo bỏ thuốc độc vào các giếng nước. Họ bắt một thầy thuốc Công Giáo phải uống tất cả mọi thứ thuốc ông bán, khiến ông phải chết oan. Đức Cha Cezon ở địa phận Trung cũng cho biết nhiều người lương được thuê đi bỏ thuốc độc vào các ao và nếu bị bắt thì khai là các thừa sai thuê. Có

LM. VŨ THÀNH

100 người bị bắt đang khi làm việc tàn ác này và họ đã thú nhận âm mưu của nhóm Văn Thân. Đức Cha Gauthier thuộc địa phận Vinh cũng cho biết họ giả mạo một lá thư mang tên người, ra lệnh cho hai làng Hội Yên và Phủ Lý phải cử năm người đi đốt và bỏ thuốc độc các làng bên cạnh vì Văn Thân đã đốt làng Công Giáo. Rồi cử năm người khác đến làng Thuận Ngãi lấy súng đem về Thọ Kỳ để phòng vệ.

Trước vụ mất ba tỉnh miền Tây và rối loạn của Văn Thân, Tụ Đức làm bản cáo tội với trời đất ngày 9-10-1867, kể nỗi buồn phiền và kêu gọi dân chúng hiệp nhất góp tài góp sức bảo vệ quốc gia. Triều đình cũng đề cử quan xét xử các vụ lộn xộn ở Quảng Nam, Nghệ An và Nam Định do nhóm Văn Thân gây ra. Thượng thư bộ lễ gửi thư cho đức cha thông báo triều đình đã ra lệnh cho các quan tỉnh phải xét xử nghiêm minh những ai gây rắc rối cho người Công Giáo. Đồng thời cũng xin các giám mục và linh mục đi tới đâu thì báo cho quan sở tại biết.

Đến năm 1869 vua Tự Đức ra sắc lệnh cho phép người Công Giáo được trở về làng cũ và lập những làng riêng biệt để tự lo các việc riêng đồng thời cấm lương dân không được sách nhiễu người Công Giáo về các việc cúng tế dị đoan.

3. Cuộc thám sát người Công Giáo năm 1873-1874

Người Pháp đến Viễn đông là vì quyền lợi thương mại của họ, nhất là việc buôn bán với Trung Hoa. Sau khi chiếm miền Nam, họ tưởng có thể ngược dòng sông Mêkông lên Vân Nam nhưng họ đã thất bại và nghĩ đến việc dùng sông Hồng Hà ở Bắc Việt.

Năm 1872 Jean Dupuis mang súng đạn vượt sông lên Vân Nam và lại mang muối là thứ luật nước Nam cấm đưa lên Vân Nam. Năm 1873, thống đốc Dupré nhân cơ hội này sai Francis Garnier ra Hà Nội với mật lệnh khai thông sông Hồng. Cả Dupré và Garnier đã hành động ngang nhiên không theo lệnh của ai khiến chiến sự bùng lên ở Bắc Việt. Với 120 lính, Garner tới Hà Nội ngày 11-11-1873 rồi tuyên bố khai thông sông Hồng và ngày 20-11 chiếm thành Hà Nội, tướng Nguyễn Tri Phương bị thương, sau đó ông nhậm đối tỵ vẫn. Thừa thắng đoàn quân viễn chinh Pháp chiếm Hưng Yên ngày 23-11, Phủ Lý ngày 26-11, Hải Dương ngày 4-12, Ninh Bình ngày 5-12 và Nam Định ngày 10-12.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Trước thái độ ngang ngược của lính Pháp, Đức Cha Puginier, Giám Mục Hà Nội, Đức Cha Colomber và Đức Cha Riano đều phản đối và đứng về phía các quan Việt Nam, ra lệnh người Công Giáo trung thành với triều đình hợp pháp. Trước tình thế bị ép, triều đình Huế nhờ Đức Cha Sohier, Giám Mục Huế, ra Hà Nội giúp thương thuyết với toàn quyền Philastre. Quân triều đình và cờ đen phục kích bắn chết Garnier hôm 21-12 và đồng thời đốt cháy hai họ đạo Kẻ Hối và Phùng Khoang. Thư của tổng đốc Nam Định viết về triều đình xin giết hết người Công Giáo trong tỉnh bị bắt được khiến Đức Cha Puginier phải xin với lực lượng Pháp ở lại duy trì an ninh tạm thời. Tuy nhiên Philastre đã thỏa thuận với phái đoàn triều đình trao trả các thành lại, và sẽ ký hiệp ước sau. Thế là quân Pháp rút khỏi Hải Dương ngày 1-1-1874, khỏi Ninh Bình ngày 8-1, và khỏi Nam Định ngày 11-1.

Ngay khi người Pháp rút khỏi Nam Định thì mười bốn làng Công Giáo bị đốt phá, một linh mục và các thầy giảng bị giết. Suốt trong mười ngày ngọn lửa tiếp tục thiêu rụi các làng Công Giáo, gieo chết chóc và làm tán loạn dân chúng. Tại Kẻ Sở ở Hà Nội có giám mục, tám thừa sai, bốn mươi ba linh mục, đông đảo học sinh và giáo dân về trú tạm. Nhưng rồi ngày 31-1, lính Pháp cũng rút lui để mặc người Công Giáo hứng chịu sự trả thù. Nhờ thái độ ngay thẳng của đức cha và sự khẩn dâng địa phận cho Thánh Tâm Chúa, nên đa số đã được an toàn. Tuy nhiên tổng kết thiệt hại của địa phận Tây Bắc Việt rất lớn: 3 linh mục, 25 thầy giảng và mấy trăm giáo dân, 107 họ đạo bị tàn phá.

Sau vụ Hà Nội đến lượt Nghệ An. Để cứu vãn tình trạng hỗn loạn, triều đình đã ký hòa ước mới năm 1874 nhận cho Pháp quyền bảo hộ. Chính hiệp ước mới này thúc đẩy ông tú Trần Tấn và Đặng Như Mai huy động 3.000 Văn Thân nổi loạn ở Nghệ An và Hà Tĩnh. Một số làng Công Giáo đông đủ sức tự vệ, số khác đã bị đốt phá, thân chết ngọn ngang. Tổng kết địa phận Vinh, theo lời Đức Cha Gauthier, có 4.500 giáo dân bị giết chết và 300 họ đạo bị phá hủy, trong đó có tám làng giáo dân hoàn toàn bị giết chết hoặc bị chết đói vì giao tranh tự vệ. Số người không nhà cửa mà địa phận Vinh và Hà Nội phải cấp dưỡng là 30.000 giáo dân. Cuộc nổi loạn của Văn Thân đến tháng 5-1874 mới chấm dứt khi triều đình được Pháp viện trợ năm tầu chiến và khí giới đã dẹp yên được. Hai địa phận Đồng Đa Minh ít bị thiệt hại.

4. Cuộc tàn sát do phong trào Văn Thân và Cần Vương 1883-1886

Sau một thời gian được yên ổn nhờ các khoản tự do tôn giáo trong các hiệp ước, người Công Giáo đã hồi sinh nhờ số nhân sự thừa sai đông đảo, nhiều cơ sở như nhà thờ, nhà trường và nhà dòng được xây cất. Đặc biệt trong khoảng năm 1878, phong trào trở lại đạo rất rầm rộ, có cả từng làng theo đạo. Tuy nhiên cơn thử thách nặng nề khác đang âm ỉ. Lý do là vì người Pháp có dã tâm đặt quyền bảo hộ và chiếm đất nên họ đã tìm cách gây hấn với triều đình Việt Nam.

Ngày 26-3-1882 Riviere ra Hà Nội nói là để giải quyết vụ quân cờ đen cản trở thương gia Pháp nhưng sự thực ông ra mặt lệnh đánh chiếm một số cơ sở thương mại. Ngày 25-4 ông chiếm thành Hà Nội khiến Hoàng Diệu tử tiết. Năm sau, tháng 3-1883, chiếm Hòn Gai và 27-3 chiếm Nam Định. Trong thời gian này Courbet mang quân lính tăng cường Bắc Việt, đi qua Thuận An tháng 8-1883, bắn phá các làng và ép buộc triều đình chấp nhận thỏa ước Harmand. Đồng thời chiến sự vẫn lan rộng vì triều đình hiệp với quân cờ đen. Riviere bị bắn chết 19-5-1883. Pháp chiếm Sơn Tây 16-12-1883, chiếm Bắc Ninh 12-3-1884, chiếm Hưng Hóa 13-3, và chiếm Thái Nguyên 19-3. Sau cùng triều đình phải ký hòa ước ngày 6-6-1884 công nhận quyền bảo hộ của Pháp và đồng thời nhường Hà Nội và Hải Phòng cho Pháp. Thế vẫn chưa xong, triều đình vẫn còn âm thầm xin quân Trung Hoa qua tiếp viện mong lấy lại. Sau cùng hòa ước Thiên Tân ngày 9-6-1885, Trung Hoa công nhận quyền bảo hộ của Pháp ở Việt Nam. Triều đình còn lúng túng vì vua Tự Đức chết ngày 17-7-1883, hai quan phụ chính là Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường chuyên quyền phế vua Dục Đức, lập Hiệp Hòa lên rồi ép Hiệp Hòa uống thuốc độc để lập Kiến Phúc (vua Hàm Nghi) lên ngôi, và ngày 2-8-1884 âm mưu đánh giết quân Pháp tại Huế nhưng bị thất bại, Tôn Thất Thuyết đem vua Hàm Nghi đi trốn và ra lịch Cần Vương.

Trần Trọng Kim đã viết về hai nhân vật gây sóng gió trong thời kỳ này như sau: *“Tôn Thất Thuyết là người tính nóng nảy, dữ dội, ai cũng khiếp sợ. Nhưng tài năng thì kém, mà lại nhát gan, cho nên đa nghi và hay chém giết. Nguyễn Văn Tường là người ở Quảng Trị, thi đỗ cử nhân năm Tự Đức thứ năm, thật là một người có tài trí, giỏi nghề giao thiệp, nhưng chỉ có tính tham lam và lại tàn nhẫn. Hai ông ấy chuyên giữ việc triều chính. Quan lại thì ở trong tay ông Tường, binh quyền thì*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

ở trong tay ông Thuyết. Nhưng mà thường việc gì cũng do ở ông Thuyết xui khiến cả. Trong triều từ hoàng thân quốc thích cho đến các quan, ai có điều gì trái ý hai ông ấy là bị giam chết hay chém giết cả”.

Bắt đầu chiến cuộc ở Bắc Việt bùng nổ, người Công Giáo bị đe dọa. Tại các địa phận thuộc các cha Dòng Đa Minh coi sóc, các giám mục và linh mục đã công khai tuyên bố người Công Giáo hiếu hòa không can dự vào các vụ bạo động nên được quân cờ đen tôn trọng không sát hại. Trái lại trong những vùng khác, các thừa sai Pháp là đối thủ duy nhất nên các làng Công Giáo là mục tiêu đốt phá đầu tiên.

Theo tường trình của Đức Cha Puginier, Giám Mục Hà Nội, thì từ tháng 3-1883, Hà Nội, Nam Định và Hải Dương bị cướp phá. Nguyên tháng 12 ở Hà Nội có 300 làng, tức là 1/3 bị phá. Trong các làng toàn tông Công Giáo thì có 4 làng bị hủy diệt, 15 làng khác bị cướp. Tại Thanh Hóa, hai trong sáu xứ bị hủy diệt, 242 nhà thờ và nhà nguyện bị đốt cháy, 6 thừa sai, 11 linh mục và 63 thầy giảng cùng với 288 giáo dân bị thảm sát.

Từ khi có hịch Cần Vương, tháng 7-1885, tại Thanh Hóa 40 họ đạo trong 2 xứ có tới 1.000 người bị thảm sát, 40.000 giáo dân chạy tán loạn. Tới tháng 9 thì đã có 4 xứ ở Thanh Hóa bị hoàn toàn phá hủy, 1.800 giáo dân bị giết. Tại Quảng Trị tháng 9-1885 một nửa số Công Giáo bị giết, 10 linh mục và 8.585 giáo dân bị giết trong các xứ Dinh Cát, Bãi Trôi, Đất Đỏ và Thanh Hương. Thiệt hại nhất là tại Bình Định có 8 thừa sai, 7 linh mục, 270 nữ tu, 24.000 giáo dân trên tổng số 42.000 người bị giết. Tất cả các cơ sở nhà giám mục, 2 chủng viện, 10 tu viện, 17 nhà mồ côi đều bị đốt cháy, chỉ trừ có 2 họ đạo là thoát nạn. Chính trong cuộc tàn sát này mà Đức Mẹ đã hiện ra cứu chữa dân làng Trà Kiệu.

Tổng cộng số giáo dân bị giết có tới 40.000 người, 20 thừa sai, 30 linh mục Việt, hàng ngàn họ đạo bị thiêu hủy.

5. Nhận định về cuộc xung đột lương giáo

Phong Trào Văn Thân đưa ra khẩu hiệu “*Bình Tây, Sát Tả*” nhưng họ chỉ chém giết người Công Giáo, đẩy người Công Giáo vào chỗ phải tự vệ. Rút cục Văn Thân không làm gì được người Pháp, trái lại người Pháp đã ngồi nhìn để xem người Việt xâu xé người Việt, như ngư ông thủ lợi bắt cả cò lẫn trai, dễ dàng đặt ách thống trị.

LM. VŨ THÀNH

Tuy nhiên chí sĩ Phan Đình Phùng sáng suốt đưa ra khẩu hiệu “*Lương Giáo Thông Hành*”, nhưng lời của ông bị chìm sâu trong lửa hận thù của đám Văn Thân cuồng dại.

Vi sự im lặng đồng lõa của quan quyền, giáo dân đã phải tự võ trang phòng vệ khiến những họ đạo lẻ loi bị tàn phá. Cuộc hỗn chiến gây tử vong cho cả lương lẫn giáo rất cao. Tuy nhiên hòa bình trở lại người Công Giáo không hề có thái độ trả thù. Trái lại còn có sự hàn gắn. Và số đông lương dân đã được thông dong tự nguyện theo đạo mà họ cảm phục. Phong trào trở lại đạo Công Giáo rất mạnh.

CHƯƠNG 9

Máu Tử Đạo Minh Chứng Đạo Thật

I. Tự do giảng đạo

Trong lịch sử truyền đạo Kitô ở Việt Nam không phải chỉ có những sắc lệnh bắt đạo, nhưng cũng có những sắc lệnh cho phép tự do giảng đạo nữa.

Thật vậy trong Nam, dưới thời Chúa Sãi năm 1619, các cha dòng Tên đã được giấy phép tự do đi lại truyền giáo trong khắp xứ Nam do chính nhà chúa phê với con dấu bằng son đỏ. Các cha còn được phép làm hai nhà thờ tại Hội An và Quảng Nam. Quan trấn thủ Bình Định cũng mời Cha Buzomi xuống truyền đạo và chính ông làm cho các cha một nhà thờ trong vòng một ngày khiến các cha ngạc nhiên. Chính việc trọng đãi các cha của triều đình đã tạo ra từ ghen tương đến hận thù vu cáo cho các cha những chuyện động trời khiến triều đình phải cấm đạo. Sau này Minh Vương đã nhận Cha Antoine de Arnedo làm nhà toán học của triều đình, và Cha Langlois được tự do làm thuốc miễn phí giúp các người nghèo. Dưới thời Ninh Vương một số các cha dòng Tên vẫn được trọng dụng. Chúa Võ Vương còn dùng Cha Jean Siebert làm y sĩ lo cho triều đình. Khi anh em Tây Sơn khởi nghĩa cũng đã dùng một cha Dòng Phanxicô làm y sĩ của triều đình.

Tại Bắc Hà, nhà Mạc cũng như công chúa người Chàm đã viết thư sang Macao để xin các thừa sai ngoại quốc đến truyền đạo. Chúa Trịnh Tráng năm 1626 đã gửi thư sang Đức Thánh Cha Urbano VIII và gửi lễ vật cũng như hứa xếp chỗ cho hai thừa sai. Trịnh Tráng đã ân cần tiếp đón Cha Đắc Lộ nhưng vì những lời vu cáo độc hại, coi các thành công của Cha Đắc Lộ là do phép phù thủy khiến nhà chúa e sợ trục xuất. Năm 1647 vua Lê Chân Tông đã ban sắc phong cha bề trên dòng Tên là Cha Felix Morelli làm dưỡng tử. Tuy nhiên khi hai thừa sai Pháp đến, Trịnh Tạc ban đầu đã cho đất để các cha làm nhà thờ. Năm 1748 Trịnh Doanh đã mời sáu cha dòng Tên đến làm nhà toán học, nhưng ông đổi ý khi các đấng tới nơi.

Khi vua Gia Long thống nhất giang sơn, mặc dù biết ơn Đức Cha Bá Đa Lộc giúp đỡ, vua vẫn không ra sắc lệnh tha đạo như các thừa sai

LM. VŨ THÀNH

hy vọng, trái lại còn để quan khâm sai Bắc Kỳ ra lệnh hạn chế tôn giáo nói chung và chế diễu đạo Công Giáo là tà đạo, cũng như cấm làm thêm nhà thờ mới. Tuy nhiên khi có những vụ lương dân hà hiếp người Công Giáo thì vua đã bênh vực. Ngoài ra vua còn ký giấy cho các giám mục được phép tự do đi lại và mang theo 50 người giúp việc. Các linh mục cũng được giấy phép tương tự.

Những thái độ của vua quan trọng kính các cha đã làm cho nhiều người tin vào lời các cha giảng. Cũng chính vì những thành công vượt bậc của các cha đã gây nên những ghen tương và nghi kỵ đưa đến những cuộc bắt đạo triển miên và cản trở lương dân không dám theo đạo nữa. Thế nhưng đạo Công Giáo bành trướng và tồn tại trong suốt 261 năm bắt bớ (1625-1886) là do chính sức mạnh siêu nhiên và chứng tá can đảm của trăm ngàn tín hữu can đảm xưng đức tin, và vui sướng được chịu khổ vì Chúa Kitô. Đức tin kiên cường của tín hữu đã làm cho lương dân và chính những người bắt bớ cảm phục. Nhiều người xin tòng giáo giữa lúc đạo bị cấm đoán và các thừa sai bị lùng bắt.

Cuộc bắt đạo khủng khiếp và toàn diện của triều đình Tự Đức đã đưa đến việc can thiệp của Pháp và Tây Ban Nha năm 1858. Sự can thiệp này đã đưa giáo hội Việt Nam lên Núi Sọ và sống lại với quyền tự do tôn giáo và phong trào trở lại đạo ồ ạt như mùa gặt phong phú của cánh đồng được tưới gội bằng máu tử đạo. Việc người Pháp xâm lăng và bảo hộ Việt Nam là do dã tâm của họ chứ không phải người Công Giáo đưa đường đón họ vào. Người Công Giáo sẵn sàng và sung sướng được chết vì đạo, và đạo Công Giáo tồn tại không phải vì sự ủng hộ của một quyền lực chính trị.

Dù sao người Pháp đã lợi dụng việc cấm đạo để can thiệp vào Việt Nam và che đậy tham vọng làm giàu. Hiệp ước Nhâm Tuất năm 1862 có 12 khoản, chỉ có khoản hai nói vấn đề tự do giảng đạo Thiên Chúa như sau: *“Người Pháp và Tây Ban Nha được tự do đến giảng đạo Thiên Chúa tại Đại Nam. Dân muốn theo đạo nào tùy ý, không có sự cấm đoán và cũng không có sự gì ép buộc”*. Tuy nhiên việc áp dụng điều khoản này gặp nhiều khó khăn và hạn chế về phía vua cũng như lương dân.

Sau khi ký hoà ước Nhâm Tuất 1862 trong đó có khoản hai nhìn nhận tự do tôn giáo, Vua Tự Đức nhân cơ hội mừng ngày sinh nhật

DÒNG MÁU ANH HÙNG

của mình để ra sắc lệnh ân xá cho một số người Công Giáo. Sắc lệnh ân xá ký ngày 13-7-1862 có đoạn viết: “*Trước đây trẫm ra lệnh cho các quan tỉnh trưởng phải giam tù những người cứng đầu của giáo phái này. Trẫm cũng đã ra lệnh phân tán các tín đồ trong các làng bên lương để cải hóa họ khỏi đường lầm lạc. Giờ đây họ đã sửa đổi phần nào và xứng đáng được ơn khoan hồng. Vì thế nhân dịp sinh nhật của trẫm, và do lòng nhân từ của trẫm, trẫm muốn rằng tại kinh đô cũng như tại các tỉnh, những người già, đàn bà và trẻ em dù không đạp ảnh cũng được trả tự do. Những trùm trưởng đã chối đạo cũng được tự do. Họ được phép trở về nguyên quán nếu là làng ngoại đạo, nhưng nếu là làng Công Giáo hoàn toàn thì họ phải ở lại nơi bị lưu đày. Nhà cửa và ruộng vườn cũng được trả lại cho họ và cho tới khi có lệnh mới. Họ cũng được miễn thuế thân. Còn những trùm trưởng và những đàn ông không chịu chối đạo vẫn bị giam tù cho tới khi họ chối đạo*”.

Cũng trong năm 1862 Tự Đức ra nhiều sắc lệnh hạn chế đạo Thiên Chúa. Lệnh thứ nhất bắt các quan phải triệu tập người Công Giáo mỗi năm hai lần để khuyên họ bỏ đạo. Lệnh thứ hai cấm tất cả các người ngoại giáo không được theo đạo Thiên Chúa, những người không có khắc chữ “Tả Đạo” ở má cũng không được giữ đạo. Lệnh thứ ba cấm đọc kinh to tiếng trong nhà thờ, cấm cử hành lễ nghi thờ phượng công khai, cấm tụ họp quá 100 người trong nhà thờ, cấm dựng thêm nhà thờ nếu không có phép, cấm người Công Giáo dự các cuộc thi và không được giữ các chức vụ công. Lệnh thứ bốn cấm hai thừa sai Châu Âu ở trong cùng một tỉnh. Chỉ một thừa sai được phép ở tại nhà do quan đầu tỉnh chỉ và không được tự ý vắng mặt từ bốn đến năm ngày nếu không có phép của quan tỉnh.

Phản ứng của người lương trước lệnh tự do giảng đạo Thiên Chúa có thể chia làm hai khuynh hướng: khuynh hướng ôn hòa như vua Tự Đức và khuynh hướng bạo động như nhóm người tự nhận là có học gọi là Văn Thân. Nhóm này quyết tâm tiêu diệt đạo Công Giáo như là việc đầu tiên trong công cuộc chống lại ngoại xâm. Họ âm mưu nổi loạn và đưa Hồng Tập lên thay Vua Tự Đức. Người Công Giáo đã giúp vua lật tẩy âm mưu phẫn nghịch này. Nhân vụ này Vua Tự Đức ra một sắc lệnh rất dài công bố vào tháng 7-1864, nói lại lịch cuộc cấm đạo và biện pháp phân sáp người Công Giáo vào các làng bên lương. Vua kể ra các lời vu cáo và lý do đưa đến sự nghi ngờ người Công Giáo đem Pháp đến gây chiến tranh. Vua ca ngợi người Công Giáo: “*Các người Công Giáo đã trải qua tình thế khốn khổ nhất*

LM. VŨ THÀNH

tuy nhiên vẫn trung thành với đạo và cũng trung thành với triều đình. Triều đình không thể không khen ngợi và ghi nhận điều đó. Vì thế sau khi được tự do, triều đình coi người Công Giáo cũng như lương dân và các người phải biết rõ điều đó. Các người không được để trong lòng những oán thù, vì như thế là không vâng mệnh vua, không vâng mệnh vua tức là phản nghịch, và nếu là kẻ phản nghịch thì làm sao nói được là người Công Giáo nữa. Hãy làm việc để đạt tới mức hoàn thiện và lời cầu nguyện của các người được dễ chấp nhận...” Sau khi bênh vực người Công Giáo, Tự Đức cũng khuyên nhủ các quan và giới trí thức cởi bỏ những nghi oan không bằng cứ và những hận thù đối với người Công Giáo...

Trước những khó dễ do vua quan Việt Nam áp đặt trên việc tự do giảng đạo, sau khi đã chiếm sáu tỉnh miền Nam và gây rối tại Bắc, Pháp ép buộc triều đình Việt Nam ký hòa ước Giáp Tuất 1874 gồm 22 khoản, trong đó chỉ có khoản chín qui định chi tiết hơn về quyền tự do tôn giáo.

Khoản 9: Hoàng đế Đại Nam phải để các giáo sĩ tự do giảng đạo Giatô và cho các thần dân theo đạo cũng được như vậy. Giáo dân nước Nam được tự hạp trong các giáo đường để hành lễ không bị hạn chế về nhân số. Nay bãi bỏ mọi việc kiểm soát các giáo dân và bắt buộc họ làm những việc phi báng tôn giáo. Giáo dân được dự các kỳ thi và bổ nhiệm vào các cơ quan chánh quyền trong nước như các tín đồ của mọi tôn giáo khác. Hoàng đế Đại Nam chịu hủy bỏ mọi luật về phân sáp giáo dân đã ra từ 15 năm nay, về duyệt tuyển và thuế má cũng phải đối xử giáo dân như mọi người khác. Các giám mục, linh mục được đi lại tự do trong nước miễn là họ có giấy thông hành do sứ phủ Nam Kỳ cấp và quan thượng thư bộ lễ hay quan tỉnh trưởng chiếu khán là đủ. Khi ở và khi đi họ không phải khai báo gì với quan Đại Nam. Linh mục Đại Nam cũng có quyền giảng đạo như các linh mục Châu Âu. Nếu họ vi phạm luật pháp, tội phạt trọng hay phạt xuy được đổi sang một hình phạt tương đương. Các giám mục, linh mục người Nam, được quyền mua bán, thuê mượn nhà cửa ruộng đất để dựng giáo đường, bệnh viện, trường học, cô nhi v.v.... Của cải giáo dân đã bị tịch thu trước đây sẽ được trả lại. Giáo sĩ Tây Ban Nha cũng được hưởng các điều trên đây như các giáo sĩ Pháp.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Dù có các hiệp ước và sắc lệnh nhìn nhận tự do tôn giáo, người Công Giáo vẫn còn phải chịu nhiều cuộc tàn sát ghê sợ hơn trong thời kỳ cấm đạo như trong bài đã viết về phong trào Văn Thân. Thực sự tại miền Trung và Bắc mãi tới năm 1887 mới được tự do hoàn toàn.

II. Đạo Công Giáo phát triển không ngừng

Giáo đoàn Việt Nam đã nổi tiếng là một giáo đoàn phát triển nhanh so với các giáo đoàn khác ở Viễn đông. Ngày 2-8-1650, Cha Đắc Lộ đã tường trình về Tòa Thánh sự thành công rực rỡ của ngót 50 năm truyền đạo các cha dòng Tên, đã rửa tội được 300.000 người và hằng năm con số tăng thêm 15.000 người nữa. Giáo đoàn này đang bị bách hại và cần 300 linh mục. Tòa thánh cần phải gửi giám mục đến để truyền chức linh mục cho một số thầy giảng đã được huấn luyện kỹ lưỡng và có đủ tư cách.

Ngày 9-9-1659 Tòa Thánh chỉ hai Đức Cha Lambert de Lamotte và Francois Pallu làm đại diện tông tòa coi sóc hai địa phận đầu tiên là Đàng Trong và Đàng Ngoài. Từ đây giáo hội Việt Nam có những giáo sĩ bản quốc dần dần mở mang nước Chúa. Đức Cha De Lamotte còn thành lập Dòng Mến Thánh Giá năm 1670 và kiện toàn tổ chức Nhà Đức Chúa Trời. Chính nhờ các linh mục, các thầy giảng và các nữ tu bản quốc mà số giáo dân cứ mỗi ngày tăng thêm và kiên cường giữ đức tin trong cơn bách hại đạo.

Năm 1840 tức là sau cuộc bắt đạo của Minh Mệnh và Đức Cha Retord Liêu bắt đầu coi sóc địa phận Tây, số giáo dân là 170.000 người ở trong 1.300 họ đạo và 47 xứ do 80 linh mục Việt và tám thừa sai. Sáu năm sau, khi chia địa phận Vinh số giáo dân tăng lên 184.000 và linh mục 93 vị. Địa phận Hà Nội có 831 họ 117.870 giáo dân và 58 linh mục Việt. Địa phận Vinh có 345 họ 66.350 giáo dân và 35 linh mục Việt.

Cũng trong khoảng thời gian này địa phận Đông có 39 linh mục Việt và năm thừa sai người Âu Châu. Sau bảy năm, 1848, khi chia địa phận Trung tức là Bùi Chu, số giáo dân tăng lên 183.000 người. Địa phận Hải Phòng có 327 họ 45.000 giáo dân. Địa phận Bùi Chu có 624 họ 139.000 giáo dân.

Địa phận Đàng Trong trước khi chia năm 1835 có 80.000 giáo dân, 26 linh mục Việt trên dân số trong vùng là tám triệu người. Từ năm

LM. VŨ THÀNH

1844 sau khi chia địa phận, số giáo dân không tăng mấy: Sài Gòn có 23.000 tín hữu và 16 linh mục Việt trên tổng số ba triệu dân, Qui Nhơn có 55.000 tín hữu trên tổng số năm triệu.

Như vậy mặc dù bắt đạo khủng khiếp dưới thời Minh Mệnh, dân số Công Giáo toàn cõi Việt Nam là 530.000, người Bắc 450.000 và Nam 80.000.

Sau cuộc tàn sát do sắc lệnh phân sáp số giáo dân bị giảm sút ít nhất 40.000 người. Tuy nhiên với sắc lệnh tự do tôn giáo phong trào học đạo rất rầm rộ. Năm 1877, tại Qui Nhơn, Thừa Sai Geoffrey đã rửa tội 300 người. Tại Huế năm 1878 phong trào trở lại đạo đáng kể nhất là tại làng Phú Tài, Cơ Hiêm, Tri Lệ. Tại địa phận Tây nhiều làng học đạo như ở Kim Sơn có 367 người, Nam Định có tám làng, trong đó có một làng đông 4.000 người, năm sau đã có tới 30 làng Công Giáo mới, thật là một bằng chứng hùng hồn về đạo thật. Tại địa phận Vinh có rất nhiều người ở Xã Đoài xin trở lại và tại La Nham quan huyện đã cùng với gia đình 15 người xin tòng giáo, tại Phương Lê cả làng đã tự động phá chùa để theo đạo. Lý do là vì họ cảm phục sự tận tụy hy sinh của các thừa sai trong việc lo lắng cho những giáo dân bị bắt bớ. Trong vòng năm tháng đã có bốn ngàn người xin học đạo và 3.000 người được rửa tội. Phong trào tòng giáo cũng rất mạnh trong các địa phận do các cha dòng Đaminh coi sóc. Đức Cha Onhate cho biết trong vòng 12 năm người đã chinh phục được 83 làng tòng giáo.

Vào năm 1888, tức là sau các cuộc thăm sát của nhóm Văn Thân, sáu địa phận của các cha thừa sai Pháp có số giáo dân là 388.982: Hà Nội 200.000, Vinh 71.846, Huế 19.932, Qui Nhơn 17.773 (nhóm Văn Thân tàn sát 24.000 người), Sài Gòn 56.000 và Nam Vang 17.000 (giáo dân Việt ở Vĩnh Long, Cần Thơ, Hà Tiên). Tại ba địa phận của các cha dòng Đaminh số giáo dân là 215.597 trên tổng số chín triệu rưỡi người lương: Bùi Chu 158.958 trên bốn triệu, Hải Phòng 37.682 trên ba triệu, Bắc Ninh 18.957 trên hai triệu rưỡi. Tổng số linh mục Việt dòng và triều là 98 vị.

Như thế vào năm 1888 dân số Công Giáo trên toàn lãnh thổ Việt Nam là 604.579 người. Sau cuộc bách hại của Minh Mệnh, số giáo dân đã tăng 70.000 người. Con số này không kể 40.000 người chết vì lệnh phân sáp và 60.000 người chết vì nhóm Văn Thân. Với những dữ kiện trên đây chúng ta có thể kết luận rằng dù trong thời kỳ bách

DÒNG MÁU ANH HÙNG

hại đạo, số người Công Giáo vẫn gia tăng. Máu các vị tử đạo đã là hạt giống nảy sinh các tín hữu. Mùa gặt còn phong phú hơn khi đạo Công Giáo hoàn toàn được tự do rao giảng trong những năm kế tiếp.

PHỤ LỤC: CÁC HỒ SƠ ÁN PHONG THÁNH

Ngày 19-6-1988 Đức Thánh Cha Gioan Phaolo II tôn phong Hiển Thánh cho 117 vị Chân Phúc Tử Đạo tại Việt Nam, tức là đúng 126 năm sau ngày tử đạo của vị chết cuối cùng vào tháng 6-1862, và 243 năm tính từ ngày tử đạo của vị Chân Phúc đầu tiên. Ngoài số 117 vị Chân Phúc còn rất nhiều vị tử đạo khác đã được nhận vào sổ đáng kính hay tội tở Chúa. Trong khoảng thời gian dài ấy các hồ sơ điều tra đã được tiến hành rất kỹ lưỡng trong nhiều đợt khác nhau mà chúng tôi xin vẫn tắt trình bày các diễn tiến.

1. Hồ sơ tử đạo dưới thời các cha dòng Tên

Hồ sơ đầu tiên xin phong thánh cho các anh hùng tử đạo tại Việt Nam là hồ sơ thầy giảng Anrê Phú Yên, được mệnh danh là người chứng thứ nhất. Hồ sơ này được địa phận Goa, Ấn Độ, đứng tên, vì bấy giờ Việt Nam còn thuộc địa phận Goa. Hồ sơ đệ trình ngày 21-8-1649, được địa phận Đà Nẵng xin mở lại ngày 11-11-1963, và do cha Paulus Molinari dòng Tên làm cáo thỉnh viên. Năm 1886 đã nộp bản tường thuật mới. Ngoài ra trong văn khố dòng Tên ở Roma còn có danh sách và tường thuật cuộc xưng đạo và tử đạo của các giáo dân ở miền Trung, được lưu trữ trong các tập Japsin 68, 70. Tại Bắc Việt có hồ sơ của Cha Bucharelli, bị bắt và tử đạo cùng với 9 giáo dân Việt Nam năm 1723. Một hồ sơ khác về cuộc tử đạo của 4 cha dòng Tên và hai thầy giảng Việt Nam, đứng đầu là Cha Barthôlômô Alvarez, tử đạo năm 1737.

2. Hồ sơ tử đạo do các cha thừa sai Pháp

Theo lệnh của Đức Cha Lambert De La Motte, hai Thừa Sai Chevreuil và Hainques đã hoàn tất hồ sơ của 38 vị có tên, và 32 vị vô danh tử đạo trong khoảng 1664-1668. Bộ Truyền Giáo đã ký sắc lệnh ngày 21-3-1678 để tiến hành theo đúng thủ tục tòa thánh. Tập hồ sơ bị thất lạc nhiều, nay chỉ còn một phần in trong *Histoire de la Mission de Cochinchine*, tập I, trang 28-42.

Với cuộc bắt đạo khủng khiếp của Minh Mệnh, hai Đức Cha Retord và Cuénot đã làm bản tường trình rất dài và tâu về tòa thánh. Năm 1840 Đức Giáo Hoàng Grêgôriô XVI đã triệu tập cơ mật viện Hồng Y và tuyên dương một số vị tử đạo thuộc các giáo đoàn của Pháp và Dòng Đa Minh, Tây Ban Nha. Hồ sơ của Pháp mang tên Gagelin và

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Các Bạn Tử Đạo, đệ nạp ngày 25-4-1840, năm 1843 thêm hai linh mục chết dưới thời Tây Sơn. Trong hồ sơ này còn được sát nhập 4 vị chết dưới thời Thiệu Trị và Tự Đức. Khi phong Chân Phúc ngày 27-5-1900, 38 vị trong hồ sơ này được nhập chung với hồ sơ của Dòng Đa Minh và các vị tử đạo ở Trung Hoa.

Sau cuộc bắt đạo của Tự Đức, các giám mục bắt đầu thu thập các tài liệu và chính thức đệ trình hồ sơ năm 1867 do Cha Pallard làm cáo thỉnh viên. Toà Thánh chấp nhận và ra lệnh điều tra theo đúng thủ tục. Năm 1878 toàn bộ tài liệu được in và sắc lệnh 13-2-1879 ghi nhận 21 vị tử đạo Việt nam cùng với 13 vị tử đạo Trung Hoa lên bậc Đáng Kính. Năm 1889 thêm hồ sơ của Cha Phêrô Lựu. Sau cùng chủng sinh Phêrô Diệu bị gạt ra khỏi sổ các vị được phong Chân Phúc ngày 2-5-1909.

Hồ sơ Phêrô Khang và 44 bạn tử đạo tại địa phận Tây Bắc Việt (trong khoảng 1858-1861). Hồ sơ này đệ nạp năm 1913.

Năm 1875 Cha Cussac xin mở lại hồ sơ Phaolô và Gioan Châu, Giacôbê Thông và 40 bạn tử đạo, trong khoảng 1858-1861 thuộc hai địa phận Vinh và Qui Nhơn. Hồ sơ này đệ nạp năm 1918, 1921. Hồ sơ Phaolô Châu trước đây được làm chung trong hồ sơ của Đại Hàn do Đức Cha Berneux đứng đầu.

3. Hồ sơ do các cha dòng Đaminh thiết lập

Ngay khi Minh Mệnh bắt đạo dữ tợn trong các năm 1838, 1839, Thừa Sai Hermosilla đã gửi bản tường trình về Toà Thánh và Đức Giáo Hoàng Grêgôriô XVI đã tuyên dương trong cơ mật viện Hồng Y ngày 29-4-1840. Hồ sơ đứng tên Đức Cha Delgado đã được người chấp thuận ngày 19-6-1840. Ngày 19-11-1897 Đức Giáo Hoàng Lêô XIII cho thảo luận và 25-3-1900 ra sắc lệnh tuyên nhận các đấng là những vị tử đạo. Ngày 27-5-1900, 26 vị tử đạo thuộc giáo đoàn Đa Minh được tôn phong Chân Phúc cùng với 38 vị trong các giáo đoàn thuộc Hội Thừa Sai Paris.

Hồ sơ của hai vị tử đạo đứng đầu sổ các thánh tử đạo tại Việt Nam là Gil Federich Tể và Liziano Đậu bắt đầu từ năm 1769 do Đức Cha Hernandez Tuấn đệ nạp, sau này thêm hồ sơ của Cha Vinhson Liêm và Castanheda Gia. Đến năm 1891 hồ sơ được thêm bốn đấng tử đạo

LM. VŨ THÀNH

tại Hải Dương là Đức Cha Hermosilla, Berio Ochoa, Cha Almato và Thầy Khang. Tám vị được phong Chân Phúc ngày 20-5-1906.

Hồ sơ vĩ đại nhất trong lịch sử với 1315 vị tử đạo (trong khoảng 1857-1862) do Đức Cha Diaz Sanjurjo An đứng đầu. Công cuộc điều tra bắt đầu từ năm 1883 do Cha Fernandez theo lệnh Đức Cha Onhate Thuận. Hồ sơ được chấp thuận ngày 14-11-1917. Sau này 27 trường hợp vô danh được loại ra còn lại 1288 vị. Tuy nhiên Bộ Phong Thánh không thể nghiên cứu hồ sơ dày cộm, gồm mười pho sách in lớn, nên đã yêu cầu chọn một số vị đặc sắc. Ngày 3-5-1949 Dòng Đa Minh quyết định làm hồ sơ mới, đứng đầu là hai vị giám mục Sanjurjo An, Sampedro Xuyên và 23 bạn tử đạo Việt Nam. Đức Giáo Hoàng Piô XII đã tôn phong 25 vị lên hàng Chân Phúc ngày 29-4-1951.

4. Hồ sơ phong Hiển Thánh cho 117 Chân Phúc tử đạo tại Việt Nam

Tất cả mọi thành phần Dân Chúa tại Việt Nam từ trước đã mong ước các Chân Phúc tử đạo tiền nhân được tôn phong Hiển Thánh và được toàn thể giáo hội tôn kính cùng với các vị thánh tử đạo Rôma, Pháp, Uganda, Nhật Bản, Đại Hàn. Nhưng chưa có ai làm gì chính thức theo thủ tục của giáo hội. Mãi đến ngày 16-11-1985 Đức Hồng Y Giuse Trịnh Văn Căn, chủ tịch Hội Đồng Giám Mục (HDGM) Việt Nam, mới chính thức gửi thỉnh nguyện thư lên Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II và chỉ định Linh Mục Vinhson Trần ngọc Thụ làm cáo thỉnh viên. Trong thư gửi Đức Thánh Cha, Đức Hồng Y Căn đã viết: *“Năm 1985 này, kỉ niệm 25 năm thành lập hàng giáo phẩm và thiết lập các giáo phận, theo đúng thể thức giáo luật, con trân trọng xin Đức Thánh Cha cho lệnh mở lại hồ sơ các Chân Phúc tử đạo tại Việt Nam và cứu xét việc tôn phong các đấng lên bậc Hiển Thánh. Cả dân tộc Việt Nam, trong nước cũng như ngoài nước, nhất trí với con để dâng lời thỉnh nguyện này. Hội Đồng Giám Mục Việt Nam đồng thanh quyết nghị đệ lên Đức Thánh Cha bức thư thành khẩn hôm nay, mục đích là để làm vinh danh Thiên Chúa, củng cố niềm Tin Cây Mến của cộng đoàn tín hữu chúng con...”*

Hưởng ứng với HDGM Việt Nam, các thư thỉnh nguyện tới tấp đệ lên Đức Thánh Cha: ngày 28-12-1985 do Cha Damian Byrne, bề trên tổng quyền dòng Đaminh, ngày 2-2-1986 do Cha Jean Paul Bayzelon,

DÒNG MÁU ANH HÙNG

bê trên tổng quyền Hội Thừa Sai Paris, ngày 15-4-1986 do Đức Hồng Y Vilnet, chủ tịch HĐGM Pháp, ngày 13-5-1986 do Đức Hồng Y Vidal, chủ tịch HĐGM Phi Luật Tân, ngày 19-6-1986 do Đức Tổng Giám Mục Gabino chủ tịch HĐGM Tây Ban Nha.

Theo ý Đức Hồng Y Căn, danh xưng của hồ sơ này là: *Linh Mục Anrê Dũng Lạc và Các Bạn Tử Đạo tại Việt Nam*. Tuy nhiên Bộ Phong Thánh góp ý nên lấy thêm một số vị nữa. Do đó với 96 vị tử đạo Việt Nam thêm vào, gồm: Toma Thiện đại diện cho miền Trung và giới trẻ, Emmanuele Phụng, đại diện cho miền Nam và trưởng gia đình cũng như quý chức. Về phía 11 thừa sai Đaminh có Đức Cha Hermosilla và Berrio Ochoa đại diện cho 8 giám mục, về phía 10 thừa sai thuộc Hội Truyền Giáo Paris có Cha Vénard đại diện cho các linh mục thừa sai. Ngày 18-4-1986 Bộ Phong Thánh công bố nghị định về danh xưng như sau: *Martyres Vietnamiae: Andreas Dung Lac, sac.; Thomas Thien et Emmanuel Phung, laici; Hieronymus Hermosilla, Valentinus Berrio Ochoa, episc., O.P. et alii 6 Episcopi; Theophanus Venard, sac. M.E.P et alii 105 Socii (occ. saecc. XVIII-XIX)*.

Ngày 18-4-1986 Bộ Phong Thánh còn nhân danh HĐGM Việt Nam để xin Đức Thánh Cha tha điều kiện một phép lạ theo giáo luật. Ngày 5-6-1986, Bộ Phong Thánh công bố quyết định của Đức Thánh Cha tha điều kiện phép lạ, trong đó nêu rõ lý do là trong giáo đoàn Việt Nam vẫn còn trung thành giữ vững đức tin một cách phi thường nhờ gương sáng và lời cầu khẩn của các Chân Phúc tử đạo, ngoài ra đã có những dấu chỉ và một số phép lạ rõ rệt do các vị tử đạo nói trên.

Ngày 22-6-1987 Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II triệu tập cơ mật viện với sự có mặt của 28 hồng y và 70 giám mục để, ngoài các việc trọng đại trong giáo hội hoàn vũ, quyết định chấp thuận 4 hồ sơ phong thánh, trong đó có hồ sơ 117 Chân Phước Tử Đạo tại Việt Nam.

Về ấn định ngày làm lễ tôn phong, các cáo thỉnh viên đã đề nghị vào Chúa Nhật truyền giáo 18-10-1987 trùng với Thượng Hội Đồng Giám Mục Thế Giới, vì giáo dân sẽ có đông đảo thành phần tham dự và mang nhiều ý nghĩa giáo dân vì trong số 117 vị có 59 vị là giáo dân. Tuy nhiên vì chương trình chung của giáo hội, lễ phong thánh cho 117 vị tử đạo tại Việt Nam chỉ có thể thực hiện trong năm 1988.

LM. VŨ THÀNH

Vì thế các cáo thỉnh viên lại thỉnh cầu chọn ngày 29-6-1988 là lễ hai Thánh Phêrô và Phaolô Tông Đồ hoặc các Chủ Nhật 26-6, 19-6. Sau Cơ Mật Viện, Đức Thánh Cha đã nhận lời viếng thăm mục vụ nước Áo vào Chúa Nhật 26-6 nên lễ tôn phong Hiển Thánh cho 117 Chân Phúc Tử Đạo tại Việt Nam được ấn định ngày 19-6-1988.

Ngay sau Cơ Mật Viện, Đức Hồng Y Casaroli, Quốc Vụ Khanh toà thánh, đã đánh điện báo tin cho Đức Hồng Y Căn về quyết định của Đức Thánh Cha sẽ làm lễ tôn phong cho các Chân Phúc Tử Đạo tại Việt Nam trong vòng tháng 6. Lúc 18g20 ngày 26-6-1987 Đức Hồng Y Căn đã đánh điện cảm ơn Tòa Thánh và quả quyết rằng toàn thể giáo hội Việt Nam ăn mừng khi nghe tin Đức Thánh Cha nghị quyết phong Hiển Thánh cho các Chân Phúc Tử Đạo tại Việt Nam.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

LỜI CHÚ GIẢI

CHƯƠNG I

1. Jedin, H., *History of the Church*, quyển (qu.) 7, London 1981, tt. 261-169.
- *Annales de la Propagation de la Foi (Annales PF)*, số 13, tr. 566, s612 t. 297.
- Louvet, L., *La Cochinchine Religieuse*, qu. 2, Paris, 1885, tt. 517-519.

CHƯƠNG II

1. Chevroton, *Vie de Mgr. Cuénot*, Paris 1870, tt. 116-137.
2. Như trên, tt. 192-216.
- Louvet, L., *Tác phẩm đã trích*, tt. 154-156.
3. Chevroton, *Tác phẩm đã trích*, t t. 266-268.
- Louvet, *Tác phẩm đã trích*, tt.174-180.
4. Launay, A., *Mgr. Retord et le Tonkin Catholiques*, Paris, tt. 237-277.
5. Gispert, *Historia de Les Misiones Dominicanas en el Tonquin*, Avila 1928, t. 530.

CHƯƠNG III

1. Thư Thừa Sai Retord ngày 10-2-1843, *Annales PF*, số 16, t. 501.
2. Phạm Văn Sơn, *Việt Sử Tân Biên*, qu. 4, Sai Gòn 1958-1960, t. 404.
3. Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, Paris 1907, tt. 459-450.
- Thư Thừa Sai Retord ngày 28-3-1848, *Annales PF*, số 21, t. 177.
4. Chevroton, *Tác phẩm đã trích*, tt. 234-235.
5. Văn Khố Bộ Phong Thánh, *Summarium Cuénot*, Roma 1908, tt. 541-563.
- *Truyện Cổ Thánh Ven, Cổ Thánh Bắc, Cụ Thánh Hưởng, Cụ Thánh Tịnh, Ông Thánh Văn, Bà Thánh Đê* (viết tắt: *Truyện Cổ Thánh Ven... Bà Thánh Đê*), Kể Sờ 1909, tt. 317-332.
- *Annales PF*, số 15, t. 131; Thư Thừa Sai Retord ngày 10-2-1843, *Annales PF*, số 16, t. 504vv.
- Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 273-279.
6. *Summarium Cuénot*, tt. 573-591.
- *Annales PF*, số 15, t. 352.
- *Truyện Sáu Ông Phúc Lộc, Đức Cha Cao, Cụ Tuyền, Cụ Khoa, Cụ Điểm, Văn Tự, Cụ Khanh Tử Vi Đạo* (viết tắt: *Truyện 6 Ông Phúc Lộc... Tử Vi Đạo*), Hongkong 1910, tt. 229-279.
- Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 287-294.
- *Missions Étrangères de Paris (M.E.P.), Le Clergé Tonkinois et ses Prêtres Martyrs*, Paris 1925, tt. 110-117.

LM. VŨ THÀNH

7. Văn Phổ Bộ Phong Thánh, *Summarium Gagelin*, Roma 1899, tt. 537-554.
 - *Lm. Mattheu Đức, Hạnh Á Thánh Philipphê Minh và Mátthêu Gãm Từ Đạo*, tt. 77-112.
 - *Tường thuật của Đức Cha Lefebvre (Ngãi), Annales PF, số 21, t. 356vv.*

CHƯƠNG IV

1. Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, qu. 2, Sài Gòn 1971, t. 242.
2. Phạm Văn Sơn, *Việt Sử Tân Biên*, qu. 5, t. 34, 54, 57.
3. Thư Thừa Sai Pellerin ngày 26-11-1848, *Annales PF, số 22*, tt. 367-385.
 - *Thư Thừa Sai Retord ngày 28-3-1848, Annales PF, số 21, tt. 175-182.*
4. Võ Đức Hạnh, *La Place du Catholicisme dans Les Relations entre la France et le VietNam de 1851-1870*, qu. 1, Leiden 1969, tt. 283-284.
 - *Launay, A., Mgr. Retord et le Tonkin Catholiques*, tt. 288-289.
5. Chevrotton, *Tác phẩm đã trích*, t. 241.
6. Gispert, *Tác phẩm đã trích*, t. 502.
7. *Annales PF, số 24*, tt. 8-9.
8. *Annales PF, số 22*, tt. 369-370.
9. *Việt Sử Tân Biên*, qu. 5, tt.14-15.
10. Thư Thừa Sai Galy ngày 15-1-1852, *Annales PF, số 25*, tt. 35-38.
11. Thư Thừa Sai Retord ngày 25-5-1851, *Annales PF, số 24*, tt. 9-13.
 - *Võ Đức Hạnh, La Place du Catholicisme dans Les Relations entre la France et le Viet Nam de 1851-1870, qu. 2, tt. 287-288.*
12. Như trên, tt. 289-293.
 - *Thư Thừa Sai Retord tháng 4-1852, Annales PF, số 25, tt. 81-99.*
13. *Việt Nam Sử Lược*, qu. 2, tt. 267-268.
 - *Quyển của quan thượng Giai bao trùm cả năm tỉnh và đóng dinh ở Kẻ Chợ (Thăng Long)*
14. *Summarium Gagelin*, tt. 578-601.
 - *Sách Kể Truyện 22 Đấng Tử Vì Đạo Địa Phận Tây Đàng Ngoài Trong Nước Annam (viết tắt: Truyện 22 Đấng Tử Vì Đạo), Kể Sở 1906, t.214.*
 - *Thư Thừa Sai Retord ngày 25-5-1851, Annales PF, số 24, tt. 17-32.*
15. *Summarium Gagelin*, t. 601 vv.
 - *Truyện 22 Đấng Tử Vì Đạo, t. 146-156.*
 - *Thư Thừa Sai Retord ngày 5-5-1852, Annales PF, số 25, tt. 51-81.*
16. *Summarium Gagelin*, tt. 555-577.
 - *Lm. Mattheu Otic, Tác phẩm đã trích, tt. 3-76.*
 - *Tường thuật của Đức Cha Lefebvre ngày 9-7-1853, Annales PF, tt. 138-143.*
17. *Summarium Cuénot*, tt. 90-113.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

- Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 69-75.
- Lm. Matthêu Đức, *Tác phẩm đã trích*, tt. 3-76.
- Thư Thừa Sai Borelle (Hòa) ngày 27-8-1855, *Annales PF*, tt. 213-226.

CHƯƠNG V

1. Theo ý tôi, bản “*Esposicion del Consejo de Ministras de Cochinchina el Rey Tu Due contra la Religion Cathlica Sancionado por S.M.*”, tt. 25-48, in tại Manila 1858 trong tập “*Resumen Historico de Los Principales Sucesos Ocuridos en las Misiones del. Tunquin (1852-1858)*” do Cha Julian Velinchon, bề trên tỉnh dòng Mân Côi Đa Minh ở Philippines, là rõ ràng và chính xác hơn cả.
2. Tôi đồng ý với tác giả Võ Đức Hạnh về sự lầm lẫn của một số tác giả đã tách riêng phần kiến nghị và gọi đó là sắc lệnh 18-9-1855, vì dựa vào phần trích dẫn của Đức Cha Pellerin trong *Annales PF*, số 28, tt. 113-124, thư của Đức Cha để Cochinchine 1855 có tóm tắt phần đầu và trích phần kiến nghị mà thôi.
3. Võ Đức Hạnh, *La Place du Catholicisme dans Les Relations entre la France et le VietNam de 1851-1870*, qu. 2, tt. 289-305.
 - Phần tài liệu in các bản nghị riêng rẽ theo bản dịch của Cha Retord trong các số 126-130.
4. *Annales PF*, số 28, tt. 113-124.
5. Chevroton, *Tác phẩm đã trích*, tt. 279-284.
 - *Annales PF*, số 28, tt. 126-128.
6. Thư ngày 1-5-1856, *Annales PF*, số 30, tt. 75-92.
7. Thư ngày 2-5-1855 và thu ngày 29-4-1856, *Annales PF*, số 29, tt. 63-75.
8. *Summarium Cuénot*, tt. 51-64.
 - Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 53-59.
 - Thư thila sai Miehe ngày 27-8-1855, *Annales PF*, số 29, t. 223.
9. *Summarium Cuénot*, tt. 476-512.
 - Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 251-263.
 - *Annales PF*, số 29, t. 223; số 31, t. 21.
 - M.E.P., *Le Clergé Tonkinois et ses Prêtres Martyrs*, tt. 97-109.
 - *Truyện Cổ Thánh Ven... Bà Thánh Đê*, tt. 205-237.

CHƯƠNG VI

1. Taboulet, G., *La Geste Française en Indochine*, I-II, Paris 1955, qu. 1: tt. 387-417; qu. 2: tt. 432-477.
 - Phạm Văn Sơn, *Việt Sử Tồn Biên*, qu. 5, tt. 65-92, 125-144.
 - Võ Đức Hạnh, *La Place du Catholicisme dans Les Relations entre la France et le VietNam de 1851-1870*, I-III.

LM. VŨ THÀNH

- Nicole Dominique Le, *Les Missions -Étrangères et la Penetration Française au Viet Nam*, Paris 1975.
- *Annales PF*, các số 30-35.
- Gispert, M., *Tác phẩm đã trích*, tt. 513-608.
- 2. *Summarium Cuénot*, tt. 427-476.
 - Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 229-250.
 - *Annales PF*, số 30, t. 223, 238.
 - M.E.P., *Le Clergé Tonkinois et ses Prêtres Martyrs*, tt. 73-%.
 - *Truyện Cổ Thánh Ven... Bà Thánh Đê*, tt. 237-307.
- 3. *Summarium Cuénot*, tt. 206-246.
 - Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 119-138.
 - *Thú Đức Cha Sohier*, *Annales PF*, số 30, t. 369.
 - Lm. Trang, *Việt Nam Công Thần Hiển Thánh Tử Đạo*, Hongkong 1919, tt. 131-170.
- 4. *Summarium Cuénot*, tt. 512-541.
 - Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 265-271.
 - *Annales PF*, số 30, t. 269.
 - *Truyện Cổ Thánh Ven... Bà Thánh Đê*, tt. 308-316.
- 5. Văn Khố Bộ Phong Thánh, *Summarium SanJurjo*, Roma 1909, Roma 1917 (Relatore Card. Ionne Cagliero), tt. 1-6.
 - O.P., *I beati Giuseppe Diaz SanJurjo, O.P., Melchiorre Garcia Sampedro, O.P. e 23 Compagni Martiri nelle Missioni Domenicane del Tonchino, dall'anno 1857 al 1862*, Roma 1951, tt. 11-82

CHƯƠNG VII

1. *Principales Sucesos Ocurridos en las Missones del Tunquin (1861-1862)*, Manila 1863, 80 t.
 - Louvet, L., *La Cochinchine Religieuse, qu. 2, Pans 1885*, tt. 213-297.
 - *Annales PF*, các số 30-35.
 - Gispert, M., *Tác phẩm đã trích*, tt. 513-608.
 - Chevroton, *Tác phẩm đã trích*, tt. 275-310.
 - Morey, J., *Mgr. Theurel Eveque d'acanthé, V.A. du Tongking Occidental*, Paris 1876, tt.101-162.
2. *Summarium SanJurjo*, tt. 7-18.
 - O.P., *I beati Giuseppe Diaz SanJurjo, Tác phẩm đã trích*, tt. 83-127.
3. *Summarium Cuénot*, tt. 247-257.
 - Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 139-143.
 - *Annales PF*, số 32, t. 345.
 - *Việt Nam Công Thần Hiển Thánh Tử Đạo*, tt. 215-225.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

4. *Summarium SanJurjo*, tt. 566, 1174-1189.
 - O.P., *I beati Giuseppe Diaz SanJurjo, Tác phẩm đã trích*, tt. 149-150.
 - Gispert, M., *Tác phẩm đã trích*, t. 570.
5. *Summarium SanJurjo*, tt. 21, 1123.
 - O.P., *I beati Giuseppe Diaz SanJurjo, Tác phẩm đã trích*, tt. 135-139.
 - Gispert, M., *Tác phẩm đã trích*, tt. 577-578.
6. *Summarium SanJurjo*, tt. 21, 1125, 1553
 - O.P., *I beati Giuseppe Diaz SanJurjo, Tác phẩm đã trích* tt. 135-139.
 - Gispert, M., *Tác phẩm đã trích*, t. 577-578.
7. *Summarium SanJurjo*, t. 1115.
 - O.P., *I beati Giuseppe Diaz Tác phẩm đã trích*, tt.135-139.
8. *Summarium Cuénot*, tt. 64-90.
 - Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 61-68.
 - *Annales PF*, s6 31, t. 328.
 - M.E.P., *Le Clergé Tonkinois et ses Prêtres Martyrs*. tt.19-22.
9. *Summarium SanJurjo*, tt. 22, 575, 1168, 1174.
 - O.P., *I beati Giuseppe Diaz SanJurjo, Tác phẩm đã trích*, tt. 154-155.
 - Gispert, M., *Tác phẩm đã trích*, t. 579-580.
10. *Summarium Cuénot*, tt. 117-120.
 - Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 81-83.
11. *Summarium Cuénot*, tt. 267-288.
 - Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu* tt. 159-288.
 - *Annales PF*, s6 33, t. 440.
12. *Summarium Cuénot*, tt. 267-290.
 - Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 151-157.
 - *Annales PF*, s6 33, t. 433.
 - M.E.P., *Le Clergé Annamite et ses Prêtres Martyrs*, Paris 1925, tt. 26-32.
13. *Summarium Sanjurjo*, tt. 44, 575, 1175, 1275
 - O.P., *I beati Giuseppe Diaz SanJurjo, Tác phẩm đã trích*, tt.156-157.
14. *Summarium Cuénot*, tt. 255-267.
- f4 *Tác phẩm đã trích*
 - Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 145-149.
 - *Việt Nam Công Thần Hiển Thánh Tử Đạo*, tt. 208-215.
15. *Summarium Cuénot*, tt. 293-350.
 - Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 167-190.
16. *Summarium Cuénot*, tt. 350-427.
 - Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 191-227.
 - *Annales PF*, các số 33, 34.
 - *Truyện Cổ Thánh Ven... Bà Thánh Đê*, tt. 1-203.

LM. VŨ THÀNH

- Trochu, F, *Le Bienheureux Théophane Vénard*, Paris 1929
17. *Summarium Cuénot*, tt. 121-149.
- Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 85-94.
- M.E.P., *Le Clergé Annamite et ses Prêtres Martyrs*, tt. 33-42.
18. *Summarium SanJurjo*, tt. 484, 562, 1173.
- O.P., *I beati Giuseppe Diaz SanJurjo*, Tác phẩm đã trích, tt. 151-152.
19. *Summarium Cuénot*, tt. 149-181
- Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 95-109.
- M.E.P., *Le Clergé Annamite et ses Prêtres Martyrs*, tt. 43-57.
- Việt Nam Công Thần Hiển Thánh Tử Đạo, tt. 171-199.
- *Annales PF*, các số 36, tt. 20-30.
20. *Summarium Cuénot*, tt. 182-205.
- Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 111-117.
- Việt Nam Công Thần Hiển Thánh Tử Đạo, tt. 200-207.
- *Annales PF*, các số 36, tt. 20-30.
21. *Bốn Đấng Thánh Tử Vì Đạo ở Hải Dương*, Hải Phòng 1911, tt. 99-116.
- Bianconi, A., *Vitae Martirio Dei Beati Domenicani*, Firenze 1906, tt. 164-175.
- *Gli Otto Martiri Tonchinesi*, tt. 355-367.
22. *Bốn Đấng Thánh Tử Vì Đạo ở Hải Dương*, tt.133-143.
- Bianconi, A., Tác phẩm đã trích, tt. 176-187.
- *Gli Otto Martiri Tonchinesi*, tt. 401-406.
23. *Bốn Đấng Thánh Tử Vì Đạo ở Hải Dương*, tt. 5-64.
- Bianconi, A., Tác phẩm đã trích, tt.112-128.
24. *Bốn Đấng Thánh Tử Vì Đạo ở Hải Dương*, tt. 67-95.
- Bianconi, A., Tác phẩm đã trích, tt. 129-161.
25. *Summarium Cuénot*, tt. 4-50.
- Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*, tt. 23-52.
- Chevrotton, *Vie de Mgr. Cuénot*, Paris 1870
26. *Summarium SanJurjo*, tt. 1123-1124.
- O.P., *I beati Giuseppe Diaz SanJurjo*, Tác phẩm đã trích, tt. 144-145.
27. *Summarium SanJurjo*, tt. 861-862.
- O.P., *I beati Giuseppe Diaz SanJurjo*, Tác phẩm đã trích, tt. 133-134.
28. *Summarium SanJurjo*, t. 1269.
- O.P., *I beati Giuseppe Diaz SanJurjo*, Tác phẩm đã trích, t. 153.
29. *Summarium Sanjurjo*, t. 903.
- O.P., *I beati Giuseppe Diaz SanJurjo*, Tác phẩm đã trích, tt. 131-132.
30. *Summarium Sanjurjo*, tt. 611, 1305-1307.
- O.P., *I beati Giuseppe Diaz SanJurjo*, Tác phẩm đã trích, tt. 158-160.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

31. *Summariwn Sanjurjo*, tt. 1022, 1611-1612.
- O.P., *I beati Giuseppe Diaz SanJurjo, Tác phẩm đã trích*, t. 148.
32. *Summarium Sanjurjo*, t. 1016, 1608.
- O.P., *I beati Giuseppe Diaz SanJurjo, Tác phẩm đã trích*, t. 147.
33. *Summarium Sanjurjo*, t. 1010, 1597.
- O.P., *I beati Giuseppe Diaz SanJurjo, Tác phẩm đã trích*, t. 146.
34. *Summarium Sanjurjo*, tt. 850-857, 1549.
- O.P., *I beati Giuseppe Diaz SanJurjo, Tác phẩm đã trích*, t. 140, 143.

CHƯƠNG VIII

1. Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, qu. 2, t. 289.
2. *Annales PF*, số 37, t. 318.
3. Phạm Văn Sơn, *Việt Sử Tân Biên*, qu. 5, t.150.
4. *Annales PF*, số 37, tt. 325-334.
5. *Les Missions Catholiques*, Lyon, I, t. 68; II, t. 105.
6. *Như trên*, I, t. 172; II, t. 106.
- Morey, J., *Tác phẩm đã trích*, t. 213.
7. Louvet, *La Cochinchine Religieuse*, qu. 2, tt. 421-429.
8. Võ Đức Hạnh, *La Place du Catholicisme dans Les Relations entre la France et le VietNam de 1851-1870*, qu. 2, tt. 337-338.
9. *Như trên*, tt. 338-339.
10. Taboulet, *Tác phẩm đã trích*, tt. 676-748.
11. Louvet, *Vie de Mgr. Puginier*, tt. 218-220.
12. *Như trên*, tt. 245-248.
13. *Les Missions Catholiques*, VI, t. 68; qu. 7, tt.136-137, 286; qu. 8, t. 318.
14. Taboulet, *Tác phẩm đã trích*, qu. 2, tt. 755-873.
15. Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, qu. 2, tt. 312-313.
16. *Compte Rendu*, Paris, 16 (1884), t. 9.
- Louvet, *Vie Mgr. Puginier*, t. 446.
17. *Compte Rendu*, 17 (1885); 18 (1886).

CHƯƠNG IX

1. Vũ Thành, *Dòng Máu Anh Hùng*, quyển 1, 2, Hoa Kỳ 1987.
- Võ Đức Hạnh, *La Place du Catholicisme dans Les Relations entre la France et le VietNam de 1851-1870*, I-III.
- Taboulet, G., *La Geste Française en Indochine*, 1-11.
- *Compte Rendu*, 1874-1888.
- *El Correo Sino-Annamite*, Manila 1864-1888.
- Gispert, *Historia de Les Misiones Dominicanas en el Tonquin*.

PHỤ LỤC

1. Launay, A., M.E.P. (Documents Historique), “*Histoire de la Mission de Cochinchine 1658-1823*, 3 quyển, Paris 1923-1927, qu. 2.
 - Văn Khố Dòng Tên, *Jaspin*, số 68, 70.
 - Launay, A., *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu*.
 - S.C. *pro Causis Sanctorum. Index 1975, 1985, 1988*.
 - Đức Ông Trần Ngọc Thụ, *Giáo Hội Việt Nam, Vụ Ân Phong Thánh, Hoa Kỳ 1987*.

SÁCH THAM KHẢO

I. CHÍNH NGUỒN

1. Văn khố Bộ Truyền Giáo

a) 1622-1892

- *Acta Sacrae Congregationis*
- *Acta Congregationis Particularis super rebus Sinarum et Indiarum Orientalium (Acta C.P.)*.
- *Scritture Originali riferite nelle Congregazioni Generali (SOCG)*.
- *Scritture Origianli della Congregazione Particolare dell' Indie e Cina (SOCP)*.
- *Scritture referite nei Congressi (SC)*.
- * *Indie Orientali e Cina (1623-1799)*.
- * *Cina e regni adiacenti (1798-1892)*.
- *Lettere della Sacra Congregazione e Biglietti di Mons. Segretario*.
- *Udienze di nostro Signore*.
- *Sinodi Diocesani*.
- *Collezione d'Istruzioni, Circolari e Decreti a stampa*.
- *Istruzioni diverse*.
- *Decreti*.
- *Fonda di Vienna*.

b) 1893-1922

- *Nuova Serie, Rubrica 20: Sinodi diocesani, provinciali, Concili Plenari*.
- *Nuova Serie, Rubrica 129: Indocina*.
- *Nuova Serie, Rubrica 131: Cina e regni adiacenti*.

c) từ năm 1923.

- *Rubrica 17/1: Indocina, Delegazione Apostolica*.
- *Rubrica 17/2: Indocina, Affari Comuni*.
- *Rubrica 19: Tonkino, Laos*.
- *Rubrica 20: Annam, Cocincina, Cambodgia*.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

2. Văn khố Bộ Phong Thanh

- S.R.C., Emo ac Rmo Dno Cardinali Caietano Aloisi
- Masella, Relatore, Cochinchinen. Tunquinen. Et Sinarum. Beatificationis Seu Decla rationis Martyrii. Venerabilium Servorum Dei *Joannis I sidori Gagelin*, Missionarii Apostolici et . Pro-Vicarii Generalis, Cochinchinae et Sociorum in odium fidei ab idolatris interfectorum. *Positio (1) Informatio (2) Summarium (3)* super Martyrio, Causa Martyrii, Signis Seu Miraculis. Romae typis S.C. De Propaganda Fide, MDCCCXCIX. (viết tắt *Summarium Gagelin*).
- S.R.C., Emo ac Rmo Dno Ferrata Relatore. Cochinquinen. Tunquinen. Et Sinarum. Beatificationis seu Declarationis Martyrii Venerabilium Dei *Stephani Theodori Cuénot*, Episcopi Mete llopolitani, *Joannis Petri Neel*, *Petri Francisci Neron*, *Theophanis Venard*, Missionariorum Apostolicorum et Sociorum in odium fidei ab idololatris interfectorum. *Positio (1) Informatio (2) Summarium (3)* super martyrio, causa martyrii signis seu miraculis. Romae ex typographia Polyglotta S.C. De Propaganda Fide 1908. (viết tắt *Summarium Cuénot*).
- S.R.C., Tunquinen. Beatificationis seu Declarationis Martyrii Venerabilium Dei Servorum *Ignatii Delgado*, Episcopi Melelliopotamensis, Ordinis Praedicatorum Vicarii Apostolici Tunquini Orientalis. *Dominici Henares*, Episcopi Fesseitensis, praefati Vicarii Apostolici Coadiutoris, et Sociorum ab idololatris in odium fidei interfectorum. *Positio (1) Informatio (2) Summarium (3)*. Romae 1899. Arch.: F34, C45 et H2. (viết tắt *Summarium Delgado*).
- S.R.C., Emo et Rmo Domino Card. Dominico Ferrata Relatore. Tunquinen. Beatificationis seu Declarationis Martyrii. Servorum Dei Ordinis Praedicatorum *Joseph Mariae Diaz SanJurjo*, Episcopi Platearum et Vicarii Apostolici Tunquini
- Centralis. *Melchior Garcia Sampedro*, Episcopi Tricomiensis Ejusdem in Vicariatu Successoris, et Aliorum Plurimorum, tum ex eodem Praedicatorum Ordine tum Saecularium ab anno 1856 ad annum 1862, in odium fidei, uti fertur, in Tunquino interemptorum. *Summarium Vol 1-3*. Romae 1909. Romae 1917 (Relatore Card. Ionne Cagliero). Arch; A42 (viết tắt *Summarium SanJurjo*).
- S.R.C., Tunquinen. Beatificationis *Gil de Federich*, *Matthaei Alonso Leciniano*, *Hyacinthi Castanenda et Vincentii Liêm a Pace*. *Positio, Summarium* super Martyrio, Causa Martyrii et signis seu miraculis, Romae 1904. Arch.: E39.
- S.R.C., Tunquinen. Beatificationis seu Declarationis Martyrii Venerabilium Servorum Dei, Ordinis Praedicatorum. *Hieronimi Hermosilla*, *Valentino Berio Ochoa*, *Petri Amato et Josephi Khang*. *Positio* super Martyrio et Causa Martyrii,

Romae 1905.

3. Văn khố dòng Tên, Roma

- *Japsin 68: Cocincina Relationes 1622-1727, Controversiae 1667-1722.*
- *Japsin 69: Rhodes Hist. Miss. Tunk. 1615-1644, Itinera 1645-1649.*
- *Japsin 70: Cocincina. Persecutiones 1641-1700.*
- *Japsin 71: Cocincina. Annuae 1620-1636.*
- *Japsin 72: Cocincina. Annuae 1620-1636.*
- *Japsin 73: Cocincina. Annuae 1626-1666.*
- *Japsin 80: Tonchino. Epistolae, Documenta 1626-1664.*
- *Japsin 81: Tonchino. Controversia 1665-1700.*
- *Japsin 82: Tonchino. Controversia Lucci 1694-1727.*
- *Japsin 83: Tonchino. Rhodes.*
- *Japsin 84: Tonchino. Persecutiones 1721-1723.*
- *Japsin 85: Tonchino. Annuae 1627ss.*
- *Japsin 86: Tonchino. Visitatore 1684-1692.*
- *Japsin 87: Tonchino. Libello di Villiani, Situazione 1740-1748.*
- *Japsin 88: Tonchino. Annuae 1626-1644.*
- *Japsin 89: Tonchino. Annuae 1644-1718.*

4. Văn khố quốc gia, Italia Roma

- *Agostiniani Scalzi B 138, B 140, B 152, B 156, B 167, B 234.*

5. Văn khố Dòng Đaminh Sabina, Roma

- *XIII-27. 532 Miss. Pro. Tonkin-Vietnam (1800-1849).*
- *XIII-27. 533-0 Miss. Pro. Tonkin-Vietnam (1850-1899).*
- *XIII-27. 533-1 Miss. Pro. Tonkin-Vietnam. Vicariatus Apostolicus Orientalis.*
- *XIII-27. 533-2 Miss. Pro. Tonkin-Vietnam. Vicariatus Apostolicus Centralis.*

6. Văn khố Hội Thừa Sai Paris, Paris

a. Tonkin

- *Các tập đã in trong Documents Historiques.*
- *Vol 685 (1712-1723).*
- *Vol 686 (1725-1738).*
- *Vol 687 (1739-1750).*
- *Vol 688 (1750-1756).*
- *Vol 689 (1757-1761).*
- *Vol 690 (1762-1780).*
- *Vol 691 (1781-1787).*
- *Vol 692 (1788-1797).*
- *Vol 693 (1798-1807).*

DÒNG MÁU ANH HÙNG

- Vol 694 (1808-1831).
- Vol 695 (1832-1837).
- Vol 696 - 703 *Persecution*.
- Vol 704 *Tonkin Occidentale* 1799-1887.
- Vol 705 *Tonkin Occidentale* 1888-1905.
- Vol 706 *Tonkin Occidentale* 1846-1869.
- Vol 709 *Tonkin Meridionale* 1846-1879.
- Vol 710 *Tonkin Meridionale* 1881-1920.
- Vol 711 *Haut Tonkin* 1895-1919.
- Vol 712 *Tonkin Maritime* 1902-1919.
- Vol 816 *Mgr. Puginier*.

b. Cochinchine

- Các tập đã in trong *Documents Historiques*.
- Vol 8001704-1784.
- Vol 750 *Cochinchine orientate* 1845-1888.
- Vol 751 *Cochinchine orientate* 1881-1900.
- Vol 752 *Cochinchine orientate* 1901-1919.
- Vol 756 *Cochinchine Occidentale* 1845-1866.
- Vol 757 *Cochinchine Occidentale* 1867-1889.
- Vol 758 *Cochinchine Occidentale* 1890-1919.
- Vol 759 *Cochinchine Occidentale* 1843-1880.
- Vol 760 *Cochinchine septentrionale* 1850-1885.
- Vol 761 *Cochinchine septentrionale* 1886-1919.
- Vol 765 *Cambodge* 1853-1885.
- Vol 766 *Cambodge* 1886-1919.

7. Các sách in văn kiện

- *Acta Apostolicae Sedis (AAS 1-32) Romae* 1909-1987.
- *Acta Sanctae Sedis (ASS 1-41) Romae* 1872-1908.
- *Acta et Decreta Primae Regionalis Synodi Tunquinensis habitae A. D. 1900. Kê Sở 1905. Công Đồng Hội Lần Thứ Nhất Miền Bắc Kỳ. Kê Sở 1915.*
- *Acta et Decreta Secundae Regionalis Synodi Tunquinensis habitae in pago Kê Sở A.D.1912. Kê Sở 1914. Công Đồng Hội Lần Thứ Nhất Miền Bắc Kỳ. Kê Sở 1912. Kê Sở 1916.*
- *Bullarium Patronatus Portugalliae Regum in Ecclesiis Africae, Asiae atque Oceaniae Bullas. Brevia, Epistolas, Decreta, Actaque Sancta Sedis ab Alexandro III ad hoc usque tempus amplectens curante levy Maria Jordao. 1-3, Olisipone* 1868-1873.
- *Appendix, Olisipone* 1876.

LM. VŨ THÀNH

- *Bullarium Pontificium Sacrae Congregationis de Propaganda Fide 1-5, Romae 1839- 1841; Appendic 1-2, Romae (s. a.).*
- *Collectanea Constitutionum, Decretorum, Indultorum ac Instructionum Sanctae Sedis ad usum Operariorum Apostolicorum Societas Missionum ad Exteros. Selecta et ordine digesta cura Moderatorum Seminarii Parisiensis ejusdem Societas. Editio altera documenta competens ad annum usque 1905. Hongkong 1905.*
- *Compte Rendu de la Reunion des Eveques du groupe du Tonkin. Tenue au Tam Dao le 8-16 Septembre 1926. Sous la Presidence de S.E. Monseigneur Aiuti, Deleegue Apostoliques en Indochine. Hanoi Imp. Trung Hoa Thien Ban 1926.*
- *Công Luận Gò Thị, Tân Định 1890.*
- *Iuris Pontificii de Propaganda Fide Pars Prima complectens Bullas Brevia Acta S.S. a Congregationis institutione ad pracsens iuxta temporis serriem, auspice Emo ac Rmo Dno S.R.E; Cardinali lonne Simeoni S.C. de Propaganda Fide Praefecto, cura ac studio Ra phaelis De Martinis, eiusdem Cong. Consult. et Missionis Sacerdotis et. 1-4, Romae 1888-1907. Pars Secunda compectens Decreta Instructiones Encyclicas Literas etc. ab eadem Congregatione lata, auspice Miecislao Ledochowski S.C. de Propaganda Fide Praefecto. Romae 1909.*
- *Launay, A. MEP, Documents Historiques relatifs a la Societe des Missions Étrangères annotes par Andrien Launay de la meme Societe, I, Paris 1904.*
- *Histoire de la Mission du Tonkin. Documents Historiques, I 1658-1717, Paris 1927.*
- *Histoire de la Mission de Cochinchine 1658-1823, I-III, Paris 1923-1925.*
- *Documents sur le Clergé Tonkinois au XVII et XVIII siecles, Paris 1925.*
- *Primum Concilium Indosinense Anno 1934 a die 18 novembris ad diem 6 dicembris in Ecclesia Pro-cathedrali de Hanoi celebratum. Trung Hoa Hanoi 1938. Ragioni d'PP. Domenicani... Roma 1757.*
- *Reunion des Eveques du groupe du Tonkin à Phat Diem sous la presidence de Monseigneur Lecroart Visiteur Apostolique des Missions d'Indochine. 4 Fevrier 1923.*
- *Reunion Plénière de NN.SS. Les Vicaires Apostoliques de l'Indochine francaise et du Siam sous la presidence de Monseigneur Henri Lecroart, Visiteur Apostolique de l'Indochine a Saigon, le 20 Juin 1923.*
- *Synode de Cochinchine tenu a Saigon du 7 au 14 Aout 1880.*
- *Taboulet, G.: La geste francaise en Indochine. Histoire par les textes de France en Indochine des origines a 1914. Paris 1955.*

II. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sách thư mục

Brebion A., *Dictionnaire de Bio-Bibliographie Generate, Ancinne et Moderne de l'Indochine Française*. Paris 1935.

Boudet, P. & Bourgeois R., *Bibliographie de l'Indochine*, 1-4. Hanoi 1929-1935.

Cordier H., *Bibliotheca Indosinica. Dictionnaire Bibliographie des Ouvrages Relatifs à la Peninsule indochinoise*, 1-4. Paris 1912-1915.

Gaspardone, E., *Bibliographie Annamite*.

Launay A., *Memorial de la Société des Missions Étrangères Paris*, 1-2. Paris 1912-1916.

Nguyen the Anh, *Bibliographie Critiques sur les Relations entre le Vietnam et l'Occident. Des Origines à 1954*. Paris 1967.

Rommerskirchen - Kowalsky - Metzler, *Bibliografia Missionaria*, XXV. Roma 1961

Streit R. & Dindinger J., *Bibliotheca Missionum*, IV, V, VI, XI, XXIX. Munster 1916-1929.

2. Tạp chí

Annales de la Propagation de la Foi (APF). Lyon 1 (1825).

Bulletin de la Societe des Amis du Vieux Huế (B.A.V.H.). Hue.

Bulletin de la Societe des Etudes l'Indochinoises (B.S.E.I.). Sai Gòn

Bulletin de la Societe des Missions Étrangères de Paris (B.M.E.P.). Hongkong.

Bulletin de l'École Française d'Extreme Orient (B.E.F.E.O.). Hanoi.

Compte Rendu (CR). Paris.

El Correo Sino-Annamite. Manila 1(1864).

Les Missions Catholiques. Lyon 1(1868).

Missions Bulletin. Hongkong.

Nam Kỳ Địa Phận

Nouvelles Lettres Édifiantes, 6-8. Paris 1823.

Nouvelles des Missions Orientales Recue à Rome 1794-1807. Lyon 1808.

Scelta di Lettere Ediaicante, I-II. Milano 1827.

Estratto delle Lettere di V.A., I-II. Roma 1806.

3. Các tác phẩm tiếng Việt

ẢN DANH

- *Bốn Đấng Thánh Tử Vì Đạo ở tỉnh Hải Dương, Hải Phòng* 1911.

- *Hạnh 10 Đấng Tử Đạo tại Địa Phận Đàng Trong bên Bắc. Tân Định* 1900.

LM. VŨ THÀNH

- Sách kể tắt *Truyện 22 Đấng Tử Vi Đạo Địa Phận Tây Đàng Ngoài trong nước Annam*. Kể Sở 1906.
- Sách *Truyện 26 Đấng Tử Vi Đạo về 3 Địa Phận Dòng Ông Thánh Dumingo trong nước Annam*. Phú Nhuận 1923.
- *Truyện 6 Ông Phúc Lộc, Đức Cha Cao, Cụ Tuyền, Cụ Khoa, Cụ Điểm, Văn Tự, Cụ Khanh Tử Vi Đạo*. Hồng Kông 1910.
- *Truyện Cổ thánh Ven, cổ thánh Bắc, cổ thánh Huồng, cổ thánh Tịnh, ông thánh Văn, bà thánh Đề*. Kể Sở 1909.
- *Búi Đức Sinh, Lịch Sử Giáo Hội Công Giáo*. Chân Lý. Sài Gòn 1972.
- *Châu Kiên Long, Phụng Vụ Chư Thánh*. Đà Lạt 1975.
- *Đại Việt, Lịch Sử Đạo Thiên Chúa ở Việt Nam*. Huế 1944.
- *Đào Duy Anh, Đất Nước Việt Nam qua các đời. Nghiên cứu địa lý học lịch sử Việt Nam*. Đông Nam. Paris 1984.
- *Đào Văn Hội, Danh Nhân Nước Nhà*. Sài Gòn 1951.
- *Đỗ Quang Chính, Lịch Sử Chữ Quốc Ngữ*. Sài Gòn 1971.
- *Đức, Lm. Hạnh cha Minh và Lái Gãm là hai vị Á Thánh thứ nhất địa phận Nam Kỳ*. In lần thứ hai có thêm Á Thánh Marchand Du, linh mục dòng thừa sai, tử đạo. Tân Định. Sài Gòn 1902.
- *Moreno, cha chính Trung, Sử Ký địa phận Trung*. Phú Nhuận 1916.
- *Ngô Cao Lãng, Lịch Triều Tạp Ký*. Hà Nội 1975.
- *Nguyễn Duy Vi, Việt Nam Công Giáo Niên Giám*. Sài Gòn 1964.
- *Nguyễn Hồng, Lịch Sử Truyền Giáo ở Việt Nam. Tập 1. Hiện Tại*. Sài Gòn 1959.
- *Nguyễn Khắc Xuyên, Giáo Sĩ Đặc Lộ và Tác Phẩm Quốc Ngữ đầu tiên*. Sài Gòn 1961.
- *Phạm Đình Khiêm, Người Chứng thứ nhất. Tinh Việt*. Sài Gòn 1959.
- *Phạm Văn Sơn, Việt Sử Toàn Biên, I-IV*. Sài Gòn 1958-1960
- *Việt Sử Toàn Thư*. Sài Gòn 1960.
- *Quân Dân Việt Nam Chống Tây Xâm*. Taiwan 1971.
- *Phan Khoang, Việt Sử Xứ Đàng Trong, I-II, Xuân Thu*. Hoa Kỳ.
- *Việt Nam Pháp Thuộc Sử*. Sài Gòn 1961.
- *Phan Phát Huôn, Việt Nam Giáo Sử, I-II, Cứu Thế Tùng Thư*. Sài Gòn 1962-1965.
- *Ravier, cổ tràng Khánh, Sử Ký Thánh Ygheregia, I-III, Ninh Phú Đường* 1985.
- *Toan Ánh, Tín Ngưỡng Việt Nam, I-II, Xuân Thu*. Hoa Kỳ.
- *Con Người Việt Nam, Xuân Thu*, Hoa Kỳ.
- *Người Việt Đất Việt, Nam Chi Tùng Thư*. Sài Gòn 1967.
- *Miền Bắc Khai Nguyên, Đại Nam*. Sài Gòn 1969.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

- *Hội Hè Đình Đám, Nam Chi Tùng Thư. Sài Gòn 1969-1974.*
- *Trần Ngọc Thu, Đức Ông, Giáo Hội Việt Nam, I. Vụ Ân Phong Thánh. Hoa Kỳ 1987.*
- *Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, I-II. Sài Gòn 1971.*
- *Nho Giáo, Trung Tâm Học Liệu. Sài Gòn 1971.*
- *Trang, Lm. Việt Nam Công Thần Hiến Thánh Tử Đạo. Hongkong 1919.*
- *Trịnh Việt Yên, Máu Tử Đạo Trên Đất Việt Nam. Hoa Kỳ 1987.*
- *Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, Lịch Sử Việt Nam, I-II. Hà Nội 1976-1985.*
- *Vũ Ngọc Nhã, Đấng Đức Tuấn, Tinh Hoa Ái Quốc, Sài Gòn 1970.*

4. Sách ngoại ngữ

- Barbagallo, I., OAD., Sono venuto a portare il fuoco sulla terra. Lineamenti di spiritualita missionaria degli Agostiniani Scalzi. Roma 1979.*
- Barbier, C., Le bienheureux Francois Isidore Gagelin (1799-1833). Paris 1977.*
- Bartoli, D., S.J., Dell' Historia de/la Compagnia di Giesu. La Cina. Terza Parte dell' Asia. Roma 1663.*
- Bianconi, A., Vita e Martirio dei Beati Domenicani. Firenze 1906.*
- Biermann, B. OP., Im Feuerofen. Die Martyrer von Tonking seliggesprochen am 29. April 1951. Koln 1951.*
- Borri, Chr., S.J., Relazione della nuova Missione delli PP. della Compagnia di Giesu, al Regno della Cocincina, scritta dal Padre Christoforo Borri Milanese de/la medesima Compagnia, che fu uno de primi ch'entraro in detto Regno. Alla Santita di N. Sig. Urbano PP. Ottavo. Roma 1631.*
- Cadiere, L., MEP, Un Deleque Apostolique en Cochinchine au XVIII siecle: Mgr. Des Achards de la Baume, Eveque d'Halicarnasse, in: Bulletin MEP 2. Hongkong 1923. - Le Clergé indigene de l'Indochine francaise, in: Les Missions Catholiques, NS 5. Paris-Lyon 1955.*
- Chastelli, S., OFM., Mons. Giovanni Antonio Buocher (1701-1765), vesco titolare di Rosalia, Vicario Apostolico di Shensi e Shansi. Roma 1959. (Kinh lược tông tòa Bắc Kỳ).*
- Chappoulie, H., Aux origines d'une Eglise. Rome et les Missions d'Indochine au XVIII siecle. Paris 1943.*
- Chapuis, Mgr. Sohier. Lyon 1926.*
- Chere, Vie de Neron. Tonkin 1860.*
- Chevrotton, Abbe, Vie de Mgr. Cuénot, Evêque de Metellopolis, Vicaire Apostolique de la Cochinchine Oriemale, etc. Paris 1870.*
- Cothonay, B., Four Martyrs of Tonkin. New York 1908.*
- *Twelty Six Martyrs of Tonkin. Dublin 1913.*

LM. VŨ THÀNH

Cultru, P., *Histoire de la Cochinchine française, des origines à 1883*. Paris 1910.

Cussac, G., MEP, *Mgr. Pierre Retord, 1803-1858*. Paris 1958.

Delacroix, S., *Histoire Universelle des Mission Catholiques*, 4 vol. Paris 1956-1959.

Destombes, P., MEP, *Le Collège générale de la Société des Missions Étrangères*. Hongkong 1934.

Durand, E., MEP, *Les Amantes de la Croix*, in: *Revue d'Histoire des Missions* 7. Paris 1930.

- *Les Amantes de la Croix en Indochine*, in: *Les Missions Catholiques* 63. Lyon 1931.

Galarrete, *Vida y Martirio de Hermosilla*. Barcelona 1906.

Gaultier, Minh Mang. Gispert, M., OP, *Historia de las Misiones Dominicanas en el Tonkin*. Avila 1928.

Guennou, J., MEP, *Les Missions Étrangères*. Paris 1963.

Jacquenet, J., *Vie de Marchand, Missionnaire Apostolique*. Paris 1851.

Launay, A., MEP, *Histoire ancienne et moderne de l'Annam: Tonking et Cochinchine*. Paris 1884.

- *Histoire Générale de la Société des Missions Étrangères*, 3 vol.. Paris 1894.

- *Les Missionnaires Française au Tonkin*. Paris 1900.

- *Les cinquante-deux Vénérables Serviteurs de Dieu: Français, Annamites, Chinois, mis à mort pour la Foi en Extrême-Orient, de 1815 à 1856*. Paris 1893.

- *Les trente-cinq Vénérables Serviteurs de Dieu, mis à mort dans Les missions de Chine, du Tonkin et de la Cochinchine, de 1815 à 1862, d'après Les procès apostoliques*. Paris 1907.

- *Mgr. Retord et le Tonkin Catholiques*. Paris.

- *Atlas de la Société des Missions; Étrangères*.

Le Thanh Khoi, Storia del Viet Nam. Dalle originali all'occupazione francese. Torino 1979.

Louvet, L.E., *La Cochinchine religieuse, I-II* Paris 1885.

- *La Vie de Mgr. Puginier*. Hanoi 1894.

Marini, G.F., SJ., *Delle Missioni de' Padri della Compagnia di Gesu nella provincia del Giappone e particolarmente di quella di Tonkin*. Roma 1663.

M.E.P., *Le Clergé Tonkinois et ses Prêtres Martyrs*. Paris 1925.

- *Le Clergé Annamite et ses Prêtres Martyrs*. Paris 1925.

Metzler, J., OMI, *Sacrae Congregationis de Propaganda Fide Memoria Rerum 1622-1972 I-III*. Roma 1971-1976.

- *Die Synoden in Indochina 1625-1934*. Paderborn 1984.

DÒNG MÁU ANH HÙNG

- Monteuuis, G., *Les Jeunes Martyrs de l'Annam et du Tonkin*. Lille 1913.
- Montezon-Esteve, SJ., *Mission de la Cochinchine et du Tonkin*. Paris 1858.
- Morey, J., Mgr: Theuret, Évêque d'Acanthé, V.A du Tongking Occidental. Paris 1876.
- Nguyen Huu Trong, *Le Clergé National dans la fondation de l'Eglise au VietNam. Les origines du Clergé Vietnamien*. Saigon 1959.
- Nguyen Huy Lai, J., *La tradition religieuse, spirituelle et sociale au Viet Nam. Sa confrontation avec le christianisme*. Paris 1981.
- Nguyen Van Lang, D., *La formation de Clergé indigene au Viet Nam au debut jusqu'à la fin des grandes persecutions (1666-1885)*. Roma 1958 (luận án).
- Nicole Dominique Le, *Les Missions Étrangères et La penetration Française au Viet Nam*. Paris 1975.
- O.P., I Beati Giuseppe Diaz Sanjur Jo OP, Melchiorre Garcia Sampedro OP e 23 Compagni Martiri nelle Missioni Domenicane de/ Tonchino, dall'anno 1857 al 1862. Roma 1951.
- Rhodes, A., SJ., *Relazione de'felici successi della Santa Fede predicata da'padri della Comp. di Gesu nel Regno di Tunchino, alla Santità di NS. PP. Innocenzio Decimo*. Roma 1650.
- *Relation della morte di Andrea Cathechista che primo de Christiani nel Regno di Cocincina é stato ucciso daag l'infedeli in odio delta fede, alli 26 di Luglio 1644*. Roma 1652.
- Rhodes of Viet Nam.
- S.C.P.F., *I Martiri Annamiti e Cinesi 1798-1856*. Vatican 1900.
- Salotti, Msgr., *I nuovi Martiri Annamiti e Cinesi 1815-1862*. Roma 1909.
- Trochu, F., *Le Bienhereux Theophane Venard*. Paris 1929.
- Vermail, *Vie du Vénéral Martyr Dumolin-Borie*. Brive 1897.
- Vindry, E., *Vie de Vénéral J. L. Bonnard*. Paris 1891.
- Vo Duc Hanh, *La Place du Catholicisme dans Les Realltions entre la France et le VietNam de 1851-1870, I-III*. Leiden 1969.

MỤC LỤC

Lời Mở Đầu 3
Danh Sách 117 Thánh Tử Đạo tại Việt Nam 5

Phần I: Những Cuộc Bách Hại Đạo Thời Chúa Nguyễn

CHƯƠNG 1: Lệnh Trục Xuất Thừa Sai
của Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1615 - 1635) 22

1. Lệnh Trục Xuất Năm 1617 23
2. Lệnh Trục Xuất Năm 1625 24
3. Lệnh Trục Xuất Năm 1629
và 5 Năm Các Vị Thừa Sai Hoạt Động Lén Lút 25

CHƯƠNG 2: Dấu Tích Trưởng Thành Của Giáo Hội
Thời Thượng Vương Nguyễn Phúc Lan (1635-1648) 30

1. Lệnh trục xuất các cha năm 1635 và năm 1639 30
2. Cha Đắc Lộ trở lại miền Nam và bốn lần bị trục xuất (1640-1645) 31
3. Cuộc xung đạo và tử đạo của Thầy Anrê Phú Yên 32
4. Ba mươi lăm người xưng đạo tại Qui Nhơn 37
5. Cuộc xung đạo và tử đạo của hai Thầy giảng Inhaxiô và Vinxensô 39
6. Cuộc xung đạo của 6 giáo dân Quảng Bình
và cuộc tử đạo của ông Trùm Augustinô và ông Alexi 41

CHƯƠNG 3: Máu Hồng Lênh Láng
Dưới Thời Hiến Vương Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) 44

1. Hoạt động của các cha thừa sai (1648-1659),
cuộc xung đạo và tử đạo của Phêrô Nết năm 1657 44
2. Những cuộc bách hại dữ dội từ năm 1661-1665
và cuộc xung đạo của bốn anh hùng xứ Quảng Nam 11-5-1663 46
3. Cuộc bách đạo tháng 12-1664
và lệnh trục xuất tất cả các vị thừa sai 51
4. Cuộc xung đạo và tử đạo của 12 vị anh hùng giáo dân
tại Quảng Nam 53
5. Cuộc xung đạo và tử đạo của các anh hùng giáo dân
tại Quảng Nghĩa 55
6. Hiến Vương cưới mở với các vị thừa sai Pháp, con bắt đạo lẳng dụ 57

CHƯƠNG 4: Sắc Lệnh Bách Hại Đạo
Dưới Thời Ngãi Vương Nguyễn Phúc Trấn (1687-1691) 59

CHƯƠNG 5: Những Anh Hùng Chết Đói Vì Đạo
Thời Minh Vương Nguyễn Phúc Chú (1691-1725)

1. Lệnh triệt hạ nhà thờ năm 1698 62
2. Cuộc bách hại đạo toàn diện năm 1700, các thừa sai bị giam tù,
bốn giáo dân bị bỏ đói tại Kinh Đô 64
3. Cuộc xung đạo của các cha và giáo dân tại Nha Trang và Nha Ru,

DÒNG MÁU ANH HÙNG

ba vị anh hùng giáo dân tử đạo	66
4. Cuộc xung đạo của giáo dân tại Quảng Nam.....	68
5. Cuộc xung đạo của các giáo hữu tại Quảng Bình và Dinh Cát	72
6. Cuộc xung đạo của các binh sĩ tại làng Văn Cui năm 1714.....	74
7. Lệnh cấm đạo năm 1723 và lệnh trục xuất các cha năm 1725.....	75

CHƯƠNG 6: Lệnh Trục Xuất 27 Thừa Sai

Thời Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765).....	77
1. Lệnh cấm đạo và trục xuất các linh mục tại Kinh Đô năm 1750	77
2. Diễn tiến việc bắt các thừa sai tại các tỉnh.....	80
3. Các thừa sai trở lại và lệnh trục xuất ngày 20-11-1753.....	81

CHƯƠNG 7: Lệnh Cấm Đạo Năm 1767

Thời Đinh Vương Nguyễn Phúc Thuần (1765-1776).....	82
--	----

Phần II: Những Cuộc Bách Đạo Thời Các Chúa Trịnh

CHƯƠNG 1

Sắc Lệnh Cấm Đạo Đầu Tiên của Trịnh Tráng (1627-1658).....	86
1. Cha Đắc Lộ và lệnh cấm đạo đầu tiên năm 1629.....	86
2. Đức tin sắt đá của các tân tòng: Ông Phanxicô, Cô Daria, Cậu Phan-xicô.....	87
3. Bức thư đầu tiên của giáo đoàn xứ Bắc gửi Đức Thánh Cha Urbano VIII.....	89
4. Những cuộc bách đạo tiếp theo và hoạt động của các cha sau Cha Đắc Lộ.....	90

CHƯƠNG 2: Những Lệnh Trục Xuất Các Thừa Sai

Dưới Thời Trịnh Tạc (1658-1682).....	92
1. Lệnh trục xuất 6 cha Dòng Tên, giam lỏng 2 cha mới tới (1658)	92
2. Gương nhiệt thành của ông Bénéoit tại làng Kiên Lao.....	93
3. Lệnh trục xuất hai cha năm 1663, lệnh cấm đạo Công Giáo và các đạo khác.....	95
4. Ba sắc lệnh năm 1669	95
5. Hậu quả các sắc lệnh trên: Cha Deydier và 3 thầy bị bắt.....	97

CHƯƠNG 3: Sắc Lệnh Cấm Đạo Năm 1696

Thời Trịnh Căn (1682-1709).....	100
1. Những cuộc bách hại lẻ tẻ tại các địa phương.....	100
2. Sắc lệnh cấm đạo năm 1696.....	103
3. Cuộc xung đạo anh dũng của trinh nữ Luxia, 14 tuổi	106

CHƯƠNG 4: Sắc Lệnh Đắm Máu 1721

Dưới Thời Trịnh Cương (1709-1729).....	107
1. Sắc lệnh cấm đạo 1712 trục xuất 3 vị thừa sai Pháp.....	107
2. Nghĩa cử dũng cảm của giáo dân trong thời gian bách đạo.....	109
3. Cha Giuse Phước, một Linh Mục thời danh Bắc Kỳ, bị kết án tử chung thân năm 1717	111

LM. VŨ THÀNH

4. Sắc lệnh đẫm máu năm 1721 và 1722.....	115
5. Cuộc tử đạo của 2 cha Dòng Tên và 9 giáo dân tại Bắc Kỳ năm 1723.....	116

Phần III: Những Cuộc Bách Đạo Thời Tây Sơn

CHƯƠNG 1: Sắc Lệnh Cấm Đạo của Vua Thái Đức (1773-1793).....	122
1. Thái độ của Tây Sơn đối với đạo Công Giáo.....	122
2. Sắc lệnh cấm đạo của Nguyễn Nhạc năm 1785.....	123
3. Lệnh bắt các thừa sai của vua Quang Trung năm 1790.....	126
CHƯƠNG 2: Máu Tử Đạo của Lm Triệu và Lm Đạt Dưới Thời Vua Cảnh Thịnh.....	127
1. Sắc lệnh cấm đạo năm 1795.....	127
2. Cuộc xung đạo và tử đạo của Cha Emmanuel Triệu.....	132
3. Cuộc bắt đạo tại ba tỉnh Bắc Chính, Nghệ An và Thanh Hóa Nội.....	135
4. Cuộc xung đạo và tử đạo của Cha Gioan Đạt tại Chợ Rạ.....	137
5. Cuộc bắt đạo tại các trấn dưới quyền Khâm Sai Bắc Việt.....	145
CHƯƠNG 3: Máu Tử Đạo Dưới Thời Trịnh Sâm (1767-1782).....	148
1. Cuộc xung đạo và tử đạo của Lm. Giaxinhô Castanhêda.....	148
2. Cuộc xung đạo và tử đạo của Lm. Vinh Sơn Lê Quang Liêm, O.P.....	152
3. Sắc lệnh cấm đạo ngày 14-11-1773.....	155
CHƯƠNG 4: Các Vị Tử Đạo Thời Trịnh Giang và Trịnh Doanh.....	157
1. Cuộc xung đạo của 4 cha Dòng Tên người Bồ Đào Nha và hai thầy giảng dưới thời Trịnh Giang năm 1736.....	157
2. Cuộc tử đạo của Lm. Francis Gil de Federich Tế.....	160
4. Cuộc tử đạo của Lm. Mateo Alonso Liciana Đạt, O.P.....	169
5. Các lệnh cấm đạo năm 1750, 1754, và 1765.....	175

Phần IV: Những Cuộc Bách Đạo 1833 - 1840

CHƯƠNG 1: Đạo Công Giáo Phát Triển Dưới Thời Vua Gia Long	
I. Thái độ vua Gia Long đối với đạo Công Giáo.....	180
II. Tình hình truyền giáo tại các địa phận.....	182
1. Địa phận Tây Bắc Việt:.....	183
2. Địa phận Đông Bắc Việt:.....	183
3. Địa phận Nam Việt:.....	183
CHƯƠNG 2: Minh Mệnh, Một Néron Việt Nam	
1. Vài sự kiện về tính nham hiểm và tàn ác của Minh Mệnh.....	185
2. Thái độ Minh Mệnh đối với người Công Giáo.....	186
CHƯƠNG 3: Lệnh Tập Trung Thừa Sai	
1. Lệnh riêng cho quan trấn Quảng Nam 12-2-1825.....	189
2. Một vài sự kiện bất lợi cho các thừa sai đã có mặt ở Huế.....	190
3. Kiến nghị của thượng quan Lễ Bộ tháng 8-1826.....	191
4. Lệnh tập trung các thừa sai và sự can thiệp của Lê Văn Duyệt.....	193

DÒNG MÁU ANH HÙNG

CHƯƠNG 4: Sắc Lệnh Cấm Đạo Toàn Diện Ngày 6-1-1833

1. Vụ kết án giáo dân tại Mông Phụ năm 1830.....	196
2. Vụ kết án giáo dân tại Dương Sơn, Huế.....	197
3. Kiến nghị của các quan Bộ Hình năm 1830.....	199
4. Chỉ dụ cấm đạo 6-1-1833.....	200
5. Hậu quả của lệnh cấm đạo trên.....	202
6. Những cuộc dấy loạn và bản tự thú của Minh Mệnh cuối năm 1833.....	206

CHƯƠNG 5

Cuộc Xung Đạo và Tử Đạo Của Lm. Phêrô Lê Tuy.....	208
Cuộc Xung Đạo và Tử Đạo Của Quan Đội Tổng Viết Bường.....	211

CHƯƠNG 6: Mười Điều Huấn Dụ của Vua Minh Mệnh.....215

1. Nội dung 10 điều huấn dụ.....	215
2. Hậu quả của 10 điều huấn dụ.....	216
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Binh Sĩ Anrê Trần Văn Trông.....	217
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm Giuse Marchand (Du).....	220

CHƯƠNG 7

1. Nội dung sắc lệnh cấm đạo 25-1-1836.....	228
2. Hậu quả của lệnh cấm đạo trên.....	229
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm J. B. Cornay (Tân).....	230
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Thầy Phanxicô Xaviê Cẩn.....	236

CHƯƠNG 8: Lệnh Tàn Sát Người Công Giáo.....246

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Thầy Giảng Phanxicô Chiểu.....	249
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Gm. Phó Dominic Henares (Minh).....	253
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm. Vincentê Đỗ Yên, O.P.....	256
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Thầy Giảng Giuse Nguyễn Đình Uyển.....	259
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm. Phêrô Nguyễn Bá Tuấn.....	263
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của GmInhaxiô Delgado (Y), O.P.....	265
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm Giuse Fernandez (Hiển), O.P.....	270
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm Bênadô Vũ Văn Duệ.....	275
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm Đôminicô Nguyễn Văn Hạnh, O.P.....	278
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm Giacôbê Năm (Mai Ngũ).....	281
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Ông Micae Lý Mỹ (Nguyễn Huy Diệu).....	287
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Ông Trùm Antôn Đích.....	297
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm Giuse Đặng Đình Viên.....	302
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm Phêrô Nguyễn Văn Tự, O.P.....	306
Cuộc Xung Đạo Và Tử Đạo Của Lm Phanxicô Gabelin (Cố Kính).....	319
Cuộc Xung Đạo Và Tử Đạo Của Y sĩ Giuse Hoàng Lương Cảnh.....	323
Cuộc Xung Đạo Và Tử Đạo của Lm Francis Jaccard (PHAN).....	325
Cuộc Xung Đạo Và Tử Đạo của Tôma Trần Văn Thiện.....	331
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo Của Gm Pierre Borie (Cao).....	336
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo Của Lm Phêrô Võ Đăng Khoa.....	341

LM. VŨ THÀNH

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo Của Lm Vinh Sơn Nguyễn Thế Điểm.....	345
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo Của Thầy Giảng Phaolô Mĩ	347
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo Của Thầy Giảng Phêrô Nguyễn Văn Đường	351
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo Của Thầy Giảng Phêrô Vũ Văn Truật	354
1. Diển tiến năm 1839.....	357
2. Sắc lệnh ngày 29-7-1839.....	357
3. Sắc dụ dựng miếu tại mỗi làng và giảng dạy mười điều huấn dụ, các lễ nghi cúng tế 3-10-1839	358
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm. Đôminicô Tước, O.P.	359
Cuộc Xung Đạo và Tử Đạo của Binh Sĩ Augustinô Phạm Viết Huy, Binh Sĩ Nicholoas Bùi Đức Thế, Binh Sĩ Đôminicô Đinh Đạt	361
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm. Tôma Đinh Viết Dụ, O.P.....	376
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm. Đôminicô Nguyễn V. Xuyên, O.P.	380
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Thầy Phanxicô Xaviê Hà Trọng Mậu...	386
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Ô. Stêphanô Nguyễn Văn Vinh	390
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Thầy Đôminicô Bùi Văn Ủy.....	393
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Ô. Augustinô Nguyễn Mới.....	396
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Ô. Tôma Nguyễn Văn Đệ	401
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm. Anrê Trần An Dũng (Lạc).....	404
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm. Phêrô Phạm Văn Thi	409
Cuộc Bách Hại Đạo Công Giáo Trong Năm Cuối Cùng Của Vua Minh Mệnh 1840.....	413
1. Diển tiến bắt đạo năm 1840.....	413
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm. Phaolô Phạm Khắc Khoan.....	414
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Thầy Gioan Baotixita Đinh Văn Thành.....	423
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Thầy Phêrô Nguyễn Văn Hiếu	424
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm. Giuse Đỗ Quang Hiến, O.P.	426
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm. Luca Vũ Bá Loan.....	430
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Thầy Tôma Toán, Dòng Ba Đaminh....	436
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Ô. Trùm Antôn Nguyễn Hữu Quỳnh (Năm)	443
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Thầy Phêrô Nguyễn Khắc Tự	448
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm. Đôminicô Trạch, O.P.	451
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm. Giuse Nguyễn Đình Nghi (Kim) ..	456
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm. Phaolô Nguyễn Ngân	461
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm. Martinô Tạ Đức Thịnh.....	463
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Ô. Martino Thọ (Nho).....	465
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Ô. Gioan Baotixita Côn (Bốn).....	469
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Y Sĩ Phan Đắc Hòa (Thu).....	471
Nhận Xét Tổng Quát Về Cuộc Bách Hại Đạo Công Giáo Trong 21 Năm Dưới Thời Vua Minh Mệnh.....	477

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Phần V: Những Cuộc Bách Đạo Thế Kỷ 19

CHƯƠNG 1: Đức Giáo Hoàng Grêgoriô XVI & Tử Đạo Việt Nam		
I. Vài nét nổi bật về Đức Thánh Cha Grêgoriô XVI	482	
II. Đức Thánh Cha Grêgoriô XVI		
và cuộc bách hại đạo Công Giáo tại Việt Nam.....	483	
CHƯƠNG 2: Tình Hình Giáo Hội Việt Nam		
Giữa Thời Minh Mệnh & Tự Đức		
1. Thành lập các giáo phận Qui Nhơn và Sài Gòn (1844), Huế và Nam Vang (1850)	487	
2. Thành lập hai địa phận Vinh và Hà Nội năm 1846	489	
3. Thành lập hai địa phận Hải Phòng và Bùi Chu năm 1848.....	490	
CHƯƠNG 3: Những Cuộc Bắt Đạo Công Giáo		
Dưới Thời Vua Thiệu Trị 1841-1847.....		493
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Bà Anê Lê Thị Thành	496	
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm. Phêrô Khanh.....	500	
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Ô. Matthêô Lê Văn Gắm.....	505	
CHƯƠNG 4: Vài nét về vua Tự Đức và triều đình.....		513
2. Sắc lệnh cấm đạo tháng 8-1848.....	514	
3. Hậu quả của lệnh cấm đạo trên.....	515	
4. Lệnh cấm đạo ngày 13-2 ở Phú Xuân, và mật lệnh cấm đạo toàn diện ngày 30-3.....	516	
5. Cuộc tham khảo ý kiến các quan	518	
6. Hậu quả của các sắc lệnh trên	520	
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Thừa Sai Augustinô Schoeffler (Đông).....	521	
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Thừa Sai Louis Bonnard (Hương).....	526	
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm. Philippê Phan Văn Minh.....	532	
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Ô. Trùm Giuse Nguyễn Văn Lựu	540	
CHƯƠNG 5: Nội dung Kiến Nghị Của Hội Đồng Nội Các		
& Sắc Lệnh của Vua Tự Đức 3-9-1854	545	
II. Hậu quả của sắc lệnh 1854	546	
CHƯƠNG 6		
I. Nguyên nhân nước Pháp can thiệp vào Việt Nam (1856-1862).....		549
1. Sứ mệnh ôn hòa của toàn quyền Montigny.....	549	
2. Ủy ban Cochinchine	550	
3. Diễn tiến việc tấn công Tourane và chiếm Sài Gòn.....	551	
II. Cuộc bách đạo từ khi người Pháp gây hấn		554
1. Những kiến nghị và sắc lệnh	554	
2. Tình hình chung của các giáo đoàn trong kỳ này.....	555	
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Lm. Phaolô Lê Bảo Tịnh.....	556	
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Quan Micae Hồ Đình Hy.....	569	
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Thầy Phêrô Đào Văn Văn.....	575	

LM. VŨ THÀNH

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Đc Giuse Diaz Sanjurjo (An).....	579
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Cụ Trùm Anrê Thông (Năm Thuông).....	583
CHƯƠNG 7: Giáo Hội Việt Nam Trên Đường Núi Sọ.....	586
1. Năm 1858.....	587
2. Năm 1859.....	589
3. Năm 1860.....	590
4. Năm 1861.....	592
5. Năm 1862.....	593
6. Vài con số tổng kết.....	595

Phần V: Những Cuộc Bách Đạo Thế Kỷ 19

Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Đc. Melchior Sampedro (Xuyên).....	598
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Cai Đội Phanxicô Trần Văn Trung.....	601
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Lm. Đaminh Mầu.....	603
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Cai Tổng Luca Phạm Viết Thìn.....	604
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Quan Án Đaminh Phạm Viết Khảm.....	606
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Cai Đội Giuse Tả.....	608
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Lm. Phaolô Lê Văn Lộc.....	609
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Lm. Đaminh Cẩm.....	611
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Ô. Phaolô Hạnh.....	612
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Lm. Laurensô Nguyễn Văn Hưởng.....	613
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Ô. Trùm Emmanuel Lê Văn Phụng.....	619
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Lm. Phêrô Đoàn Công Quý.....	624
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Lm. Tôma Khuông.....	627
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Cai Đội Giuse Lê Đăng Thị.....	629
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Thừa Sai Néron (Bắc).....	632
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Thừa Sai Théophane Vénard.....	636
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Lm. Phêrô Nguyễn Văn Lựu.....	646
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Lm. Giuse Tuấn, O.P.....	649
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Lm. Gioan Hoan.....	650
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Ô. Matthêô Nguyễn Văn Đắc (Phượng).....	655
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Lm. Almato Bình, O.P.....	657
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Thầy Giuse Nguyễn Duy Khang.....	660
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Đc. Girôlamô Hermosilla.....	664
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Đc Berrio-Ochoa Vinh.....	669
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Đc Stephan Théodore Cuénot Thê.....	673
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Ô. Giuse Tuấn.....	680
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Ô. Laurensô Ngón.....	681
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của A. Giuse Túc.....	682
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Đaminh Ninh.....	683
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Ô. Trùm Phaolô Đồng.....	684
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Ô. Đaminh Huyện và Đaminh Toái.....	685
Cuộc Xưng Đạo & Tử Đạo của Vinh Sơn Dương & các bạn tử đạo.....	686

DÒNG MÁU ANH HÙNG

Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo	
của hai cha con Phêrô Dũng và Phêrô Thuần	687
Cuộc Xung Đạo & Tử Đạo của Những Anh Hùng Tử Đạo Họ Ngọc Cục, Xứ Lục Thủy, Nam Định Theo Lệnh Phân Sáp 1861	688
1. Năm thánh chịu chém ở Vụ Bản 16-6-1862	688
2. Thánh Phêrô Đa bị thiêu sống ngày 17-6-1862.....	689
CHƯƠNG 8: Những Vụ Thảm Sát Người Công Giáo	
Do Phong Trào Văn Thân Khởi Xướng	
1. Cuộc nổi loạn của Hồng Tập và 4.000 nho sĩ năm 1864.....	691
2. Cuộc thảm sát ở Nam Định, Nghệ An và Quảng Nam năm 1868	692
3. Cuộc thảm sát người Công Giáo năm 1873-1874.....	693
4. Cuộc tàn sát do phong trào Văn Thân và Cần Vương 1883-1886.....	695
5. Nhận định về cuộc xung đột lương giáo.....	696
CHƯƠNG 9: Máu Tử Đạo Minh Chứng Đạo Thật	
I. Tự do giảng đạo	698
II. Đạo Công Giáo phát triển không ngừng.....	702
PHỤ LỤC: CÁC HỒ SƠ ÁN PHONG THÁNH	705
1. Hồ sơ tử đạo dưới thời các cha dòng Tên	705
2. Hồ sơ tử đạo do các cha thừa sai Pháp.....	705
3. Hồ sơ do các cha dòng Đaminh thiết lập.....	706
4. Hồ sơ phong Hiển Thánh cho 117 Chân Phúc tử đạo Việt Nam.....	707
LỜI CHÚ GIẢI.....	710
PHỤ LỤC.....	717
SÁCH THAM KHẢO	717